

DANH SÁCH MÃ SỐ MAY MẮN CTKM “BÊN GIA ĐÌNH GẮN KẾT YÊU THƯƠNG”
THỜI GIAN: 01/10-31/10/2019

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BA TRIEU	.NGUYEN VU	*****645	29	CT10159561-CT10159589
PGD NGUYEN HUU HUAN	ADDITYA GOEL	*****962	1	EB10002058-EB10002058
PGD Krong Nang	ADRONG H BIU	*****108	3	DN10026720-DN10026722
PGD Krong Nang	ADRONG H BLOAI	*****527	3	DN10029441-DN10029443
CN NHA TRANG	AI NGO KIEU NHI	*****990	4	CT10141413-CT10141416
CN HA DONG	AN ANH DUC	*****178	25	CT10123707-CT10123731
TT KHCC MIEN BAC 1	AN DINH DOANH	*****226	1	CT10079081-CT10079081
CN HAI PHONG	AN HIEN QUAN	*****861	35	CT10124748-CT10124782
PGD BA TRIEU	AN MANH CUONG	*****169	2	CT10075007-CT10075008
CN CAU GIAY	AN NGOC ANH	*****809	28	CT10043482-CT10043509
PGD QUAN THANH	AN QUANG LINH	*****936	45	CT10063505-CT10063549
CN DAI AN	AN TAE HYUN	*****216	12	CT10102667-CT10102678
CN HA NOI	AN THI NGOC LAN	*****049	3	CT10043517-CT10043519
CN SAI GON	AU NGOC YEN NHI	*****106	1	EB10002559-EB10002559
PGD VINH HAI	AU THI KIM KHANH	*****322	1	CT10112329-CT10112329
PGD SOC SON	AU THI THANH	*****343	1	CT10005062-CT10005062
PGD DI AN	AU THOI CHI VANG	*****471	3	CT10110027-CT10110029
PGD THANH CONG	AU TRUONG GIANG	*****185	20	CT10011739-CT10011758
CN LANG HA	AU VAN SON	*****363	8	CT10098247-CT10098254
CN DAI AN	BA THI LOAN	*****450	15	CT10114844-CT10114858
CN TP. HO CHI MINH	BACH DUC LONG	*****066	8	CT10066660-CT10066667
PGD DOI CAN	BACH LIEN HUONG	*****786	1	CT10080934-CT10080934
HUB THE VA TIN CHAP MN	BACH THANH PHONG	*****291	11	CT10141964-CT10141974
PGD LE HONG PHONG	BACH THI KIM NGAN	*****585	24	CT10153338-CT10153361
CN BAC NINH	BACH THI NGOC THU	*****808	90	DN10107728-DN10107817
PGD MY DINH	BACH THI PHUONG LIEN	*****669	5	TD10006961-TD10006965
HUB PAYROLL MB	BACH THI QUYNH DUNG	*****203	2	CT10102471-CT10102472
CN BAC NINH	BACH THI THU HUE	*****023	75	CT10161857-CT10161931
PGD DAO TAN	BACH THI YEN ANH	*****561	3	CT10147613-CT10147615
CN SO GIAO DICH	BACH THU HA	*****773	12	CT10156810-CT10156821

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	BACH THU TRANG	*****981	20	CT10154415-CT10154434
PGD TRAN PHU	BACH TRUNG KIEN	*****183	1	CT10124428-CT10124428
HUB THE VA TIN CHAP MB	BACH TUAN ANH	*****937	7	CT10053139-CT10053145
CN CAU GIAY	BACH TUAN THANH	*****924	24	CT10046871-CT10046894
CN SAI GON	BAN AI KIM	*****236	5	CT10051341-CT10051345
PGD BOTANIC	BAN MAI	*****058	1	EB10000534-EB10000534
CN QUANG NINH	BAN TAI BAO	*****886	10	CT10048733-CT10048742
CN BAC NINH	BAN VAN DOAN	*****306	1	EB10003155-EB10003155
CN QUANG NINH	BAN VAN NHAT	*****240	5	CT10088594-CT10088598
CN BINH DINH	BANG A LOI	*****608	40	DN10108225-DN10108254; TD10007971-TD10007980
PGD LE THANH TONG	BANG TAC CHAN	*****768	28	CT10135233-CT10135260
CN DONG DA	BANG THUY ANH	*****621	20	CT10039974-CT10039993
HUB THE VA TIN CHAP MB	BANH DUC TUAN	*****969	24	CT10052818-CT10052841
PGD THAI THINH	BANH DUC VINH	*****563	38	DN10040479-DN10040515; EB10003222-EB10003222
HUB THE VA TIN CHAP MN	BANH PHUOC HUNG	*****685	3	CT10051831-CT10051833
CN CAN THO	BANH QUANG VINH	*****155	7	CT10057752-CT10057758
PGD NGUYEN SY SACH	BANH THI HOANG ANH	*****508	2	CT10069563-CT10069564
PGD THANH CONG	BAO BO	*****031	1	EB10002819-EB10002819
CN TP. HO CHI MINH	BAO HUY	*****391	5	CT10150863-CT10150867
CN LONG BIEN	BE PHUONG NGA	*****068	3	CT10000917-CT10000919
PGD Krong Nang	BE THI HONG VAN	*****510	5	DN10092839-DN10092843
CN LONG BIEN	BE THI XUAN HUONG	*****366	5	CT10000809-CT10000813
CN DA NANG	BE XAY COP	*****717	8	CT10124959-CT10124966
PGD NGUYEN AN NINH	BI VAN DUONG	*****095	13	CT10011482-CT10011494
PGD HOA BINH	BIEN QUAN KHA	*****162	9	CT10087022-CT10087030
HUB THE CHAP MB 1	BO XUAN TUAN	*****953	1	CT10026339-CT10026339
CN DA NANG	BOINIER LUDWIG PIERRE ROBERT	*****353	1	EB10003322-EB10003322
CN TIEN GIANG	BUI AN KHUONG	*****879	2	CT10139209-CT10139210
CN TAN PHU	BUI ANH BAO	*****812	80	DN10047765-DN10047844

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	BUI ANH DUNG	*****949	7	CT10135330-CT10135336
PGD HA LONG	BUI ANH NGUYEN	*****646	16	CT10146460-CT10146460; TD10000856-TD10000870
CN HAI AN	BUI ANH NGUYEN	*****138	6	CT10068108-CT10068113
PGD KIM VAN	BUI ANH NHAT	*****054	107	CT10060757-CT10060863
CN HAI PHONG	BUI ANH THU	*****914	7	CT10165048-CT10165054
PGD QUAN 1	BUI ANH TU	*****867	6	CT10002580-CT10002585
PGD HA LONG	BUI ANH TUAN	*****024	1	EB10000901-EB10000901
PGD BACH MAI	BUI ANH TUAN	*****058	10	CT10074673-CT10074682
HUB PAYROLL MB	BUI ANH TUAN	*****373	17	CT10068115-CT10068131
PGD DAI KIM	BUI ANH TUAN	*****629	5	CT10065785-CT10065789
CN THANH XUAN	BUI ANH TUAN	*****747	2	CT10066906-CT10066907
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI ANH TUAN	*****827	20	CT10128809-CT10128828
PGD PHU LAM	BUI ANH TUAN	*****587	1	CT10156777-CT10156777
CN LANG HA	BUI ANH VIET	*****289	4	CT10107925-CT10107928
CN TAN PHU	BUI BA TUNG	*****639	1	CT10043367-CT10043367
CN TAN PHU	BUI BICH PHUONG	*****434	19	CT10032892-CT10032910
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI BICH THUY	*****866	3	CT10083526-CT10083528
PGD XUAN LA	BUI BINH DUONG	*****843	6	CT10057077-CT10057082
CN LONG BIEN	BUI CAO SON	*****982	5	CT10064693-CT10064697
CN DA NANG	BUI CHAU	*****851	4	CT10129072-CT10129075
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI CHAU THUY LINH	*****567	6	CT10018885-CT10018890
PGD HAO NAM	BUI CHI HIEU	*****629	1	CT10092598-CT10092598
CN SO GIAO DICH	BUI CHI HUNG	*****074	2	CT10098688-CT10098689
PGD NGUYEN NGOC NAI	BUI CHIEN THANG	*****773	1	CT10007435-CT10007435
CN DA NANG	BUI CONG ANH	*****416	2	CT10138373-CT10138374
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI CONG TAM	*****077	1	CT10034052-CT10034052
PGD MY DINH	BUI CONG THAM	*****312	3	CT10108313-CT10108315
PGD BA RIA	BUI CONG THANH	*****185	3	CT10092656-CT10092658
CN THAI NGUYEN	BUI CONG THU	*****377	51	CT10011794-CT10011797; DN10105710-DN10105746; TD10007636-TD10007645
PGD CAM RANH	BUI CONG TRIEU	*****709	1	EB10000414-EB10000414
PGD NGOC LAM	BUI CONG TRUNG	*****705	1	CT10029601-CT10029601
CN NHA TRANG	BUI DAC HUU	*****032	3	CT10077053-CT10077055

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE QUANG DINH	BUI DAI NAM	*****068	1	EB10000416-EB10000416
CN BINH DINH	BUI DANG KHOA	*****369	1	CT10134603-CT10134603
CN TIEN GIANG	BUI DANG MY DUYEN	*****092	21	CT10113762-CT10113782
HUB PAYROLL MB	BUI DANG PHU	*****727	25	CT10029949-CT10029973
CN QUANG NGAI	BUI DANH	*****665	10	CT10142671-CT10142680
PGD PHU LAM	BUI DANH QUANG	*****612	2	CT10037612-CT10037613
PGD TON DAN	BUI DANH QUYEN	*****304	1	CT10165586-CT10165586
PGD HOANG DIEU	BUI DANH THANG	*****045	1	EB10001827-EB10001827
CN SO GIAO DICH	BUI DANH THIET	*****333	1	EB10000254-EB10000254
PGD NGOC HOI	BUI DANH TIN	*****572	17	CT10064963-CT10064979
CN HA TINH	BUI DINH HAI	*****411	50	DN10079098-DN10079147
CN LONG BIEN	BUI DINH HUNG	*****096	1	CT10104499-CT10104499
CN HAI PHONG	BUI DINH HUU	*****150	14	CT10038668-CT10038681
CN DONG NAI	BUI DINH KHUE	*****562	69	CT10034684-CT10034690; DN10059620-DN10059670; EB10001244-EB10001244; TD10000161-TD10000170
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI DINH LUAN	*****965	1	CT10120603-CT10120603
PGD NGUYEN SY SACH	BUI DINH QUYET	*****247	20	DN10000430-DN10000449
CN DONG NAI	BUI DINH THI	*****132	9	CT10022090-CT10022098
CN CAU GIAY	BUI DINH THINH	*****010	10	TD10000776-TD10000785
PGD TUYEN SON	BUI DINH VU	*****946	4	CT10013788-CT10013791
PGD LACH TRAY 2	BUI DOAN KHAI	*****778	1	EB10002769-EB10002769
CN HAI PHONG	BUI DOAN SON	*****818	3	CT10001338-CT10001340
CN BINH DUONG	BUI DUC ANH	*****094	1	CT10099364-CT10099364
PGD XUAN LA	BUI DUC ANH	*****703	1	EB10001964-EB10001964
CN DAI AN	BUI DUC BONG	*****196	2	CT10062128-CT10062129
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI DUC CUONG	*****078	3	CT10033092-CT10033094
PGD LANG THUONG	BUI DUC CUONG	*****476	2	CT10000981-CT10000982
CN HA DONG	BUI DUC DUNG	*****505	8	CT10047293-CT10047300
CN NHA TRANG	BUI DUC DUNG	*****501	1	EB10001049-EB10001049
PGD TO HIEU	BUI DUC DUONG	*****650	14	CT10091597-CT10091610
PGD DAO TAN	BUI DUC HAI	*****847	1	CT10139833-CT10139833
CN HAI AN	BUI DUC HAU	*****231	1	CT10159874-CT10159874
CN HAI PHONG	BUI DUC HIEP	*****718	3	CT10027495-CT10027497

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRUNG HOA	BUI DUC HUNG	*****531	4	CT10093253-CT10093256
CN DONG DA	BUI DUC HUY	*****226	14	CT10078428-CT10078441
CN HAI DUONG	BUI DUC HUY	*****794	49	CT10090443-CT10090491
PGD GIA LAM	BUI DUC KHANH	*****225	5	TD10008246-TD10008250
PGD HO TUNG MAU	BUI DUC KIEN	*****081	79	CT10010812-CT10010890
PGD TU SON	BUI DUC LONG	*****640	1	EB10002309-EB10002309
PGD THANH DONG	BUI DUC LUYEN	*****941	1	EB10001241-EB10001241
CN HAI DUONG	BUI DUC MANH	*****821	1	EB10002674-EB10002674
CN HAI AN	BUI DUC MANH	*****265	30	CT10092195-CT10092224
CN LANG HA	BUI DUC NHO	*****180	1	CT10125902-CT10125902
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI DUC NINH	*****124	3	CT10162406-CT10162408
PGD HONG BANG	BUI DUC TAI	*****668	90	DN10049767-DN10049846; TD10010681-TD10010690
CN DONG NAI	BUI DUC THANH	*****878	66	CT10158620-CT10158626; DN10085185-DN10085237; EB10002074-EB10002074; TD10004071-TD10004075
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI DUC TRI	*****172	1	CT10080439-CT10080439
PGD DAO TAN	BUI DUC TRUNG	*****439	1	CT10024714-CT10024714
CN HAI AN	BUI DUC TUAN	*****043	2	CT10132109-CT10132110
CN HAI AN	BUI DUC TUYEN	*****787	8	DN10027208-DN10027215
PGD LACH TRAY 1	BUI DUC VINH	*****161	2	CT10122816-CT10122817
CN THANH XUAN	BUI DUY HIEP	*****649	3	CT10165582-CT10165584
PGD HO TUNG MAU	BUI DUY PHUC	*****740	11	CT10066466-CT10066476
HUB THE CHAP MN	BUI DUY TAM	*****552	56	DN10008148-DN10008192; EB10000356-EB10000356; TD10006411-TD10006420
PGD TO HIEU	BUI GIA LONG	*****326	19	CT10152421-CT10152439
CN LANG HA	BUI HA GIANG	*****744	7	CT10156333-CT10156339
PGD BACH MAI	BUI HAI DANG	*****223	37	CT10160013-CT10160049
PGD XUAN LA	BUI HAI NHAN	*****221	57	CT10121203-CT10121259
CN BAC NINH	BUI HAI NHUNG	*****177	7	CT10131039-CT10131045
PGD SOC SON	BUI HAI PHUONG	*****172	4	CT10008595-CT10008598
PGD HOANG DIEU	BUI HE THONG	*****136	3	CT10139504-CT10139506
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI HOA HONG	*****073	7	CT10090742-CT10090748

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 8	BUI HOANG HA	*****001	20	CT10092146-CT10092165
PGD HOA BINH	BUI HOANG NAM	*****081	1	CT10012697-CT10012697
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI HOANG NAM SON	*****083	9	CT10074997-CT10075005
PGD Krong Nang	BUI HOANG NHO	*****053	3	DN10092524-DN10092526
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI HOANG SON	*****008	2	CT10068592-CT10068593
CN THANH XUAN	BUI HONG PHONG	*****312	3	CT10088740-CT10088742
PGD XUAN LA	BUI HONG QUAN	*****114	12	CT10084697-CT10084708
PGD BA TRIEU	BUI HONG TRANG	*****188	10	TD10004306-TD10004315
PGD NGUYEN AN NINH	BUI HUNG CUONG	*****611	9	CT10050337-CT10050345
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI HUNG THINH	*****967	12	CT10110350-CT10110361
PGD KIM VAN	BUI HUONG LIEU	*****010	1	EB10002548-EB10002548
PGD NGUYEN LUONG BANG	BUI HUU AN	*****803	10	CT10164894-CT10164898; TD10008121-TD10008125
PGD MY DINH	BUI HUU ANH TUAN	*****408	1	CT10100493-CT10100493
CN HAI AN	BUI HUU DUC	*****335	1	CT10024557-CT10024557
CN TAN THANH	BUI HUU LOI	*****274	6	CT10016948-CT10016953
PGD BA TRIEU	BUI HUU NHON	*****228	3	CT10086715-CT10086717
CN HAI PHONG	BUI HUU PHUOC	*****766	5	TD10001576-TD10001580
PGD QUAN 10	BUI HUU THO	*****832	1	CT10119675-CT10119675
CN HAI DUONG	BUI HUU TUAN	*****181	2	CT10096731-CT10096732
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI HUY HUNG	*****966	4	CT10143883-CT10143886
CN DAI AN	BUI HUY KIEM	*****248	5	CT10033438-CT10033442
CN HAI PHONG	BUI HUY THANG	*****178	5	TD10010836-TD10010840
PGD VINH YEN	BUI HUY TUNG	*****103	49	DN10018687-DN10018735
CN SO GIAO DICH	BUI HUYEN LUONG	*****868	3	CT10033260-CT10033262
CN HA DONG	BUI HUYEN TRANG	*****804	1	CT10033835-CT10033835
CN SO GIAO DICH	BUI KHAC BINH	*****104	1	EB10003041-EB10003041
HUB THE CHAP MB 1	BUI KHAC BINH	*****104	67	CT10082015-CT10082021; DN10031354-DN10031408; TD10008731-TD10008735
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI KHAC SON	*****268	6	CT10019850-CT10019855
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI KHANH LOC	*****861	24	CT10095208-CT10095231

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI KHANH VAN	*****463	50	CT10115299-CT10115348
PGD BA TRIEU	BUI KIM ANH	*****097	1	CT10135773-CT10135773
CN QUANG NGAI	BUI KIM HOANG	*****622	2	CT10104500-CT10104501
CN THANH XUAN	BUI KIM THOA	*****162	1	CT10127384-CT10127384
PGD LANG THUONG	BUI KIM THUY	*****230	16	CT10029880-CT10029880; TD10010316-TD10010330
CN TAN BINH	BUI LAM DU	*****581	145	CT10074743-CT10074762; DN10106743-DN10106862; TD10007706-TD10007710
CN THAI NGUYEN	BUI LAN PHUONG	*****971	7	CT10069188-CT10069194
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI LE HUY	*****119	28	CT10059881-CT10059908
CN DA NANG	BUI LE NHAT TRINH	*****157	1	CT10087249-CT10087249
CN CAU GIAY	BUI LE SANG	*****220	20	DN10071850-DN10071863; EB10001715-EB10001715; TD10002016-TD10002020
CN DAI AN	BUI LE THI DIEU MAI	*****769	2	CT10155938-CT10155939
CN CAN THO	BUI LUONG THIEN NHI	*****638	3	CT10162232-CT10162234
PGD XUAN LA	BUI MAI QUYNH	*****211	14	CT10046970-CT10046978; TD10002296-TD10002300
CN BAC NINH	BUI MANH CHIEN	*****949	5	TD10006706-TD10006710
PGD TAY HO	BUI MANH CUONG	*****160	19	CT10041335-CT10041353
PGD HO DAC DI	BUI MANH HOA	*****792	88	CT10049039-CT10049126
CN VUNG TAU	BUI MANH HUNG	*****406	7	CT10083075-CT10083081
CN NHA TRANG	BUI MANH THUONG	*****522	1	EB10002163-EB10002163
PGD HO TUNG MAU	BUI MANH TIEN	*****926	59	CT10089092-CT10089140; TD10009671-TD10009680
CN HA DONG	BUI MANH TRUONG	*****380	25	CT10130054-CT10130078
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI MANH TUAN	*****672	1	EB10000851-EB10000851
CN THAI NGUYEN	BUI MINH BAY	*****449	86	CT10091778-CT10091863
CN CAU GIAY	BUI MINH CHUYEN	*****464	49	CT10000174-CT10000222
PGD BOTANIC	BUI MINH DUNG	*****941	3	CT10022926-CT10022928
CN TP. HO CHI MINH	BUI MINH GIAP	*****723	157	DN10006617-DN10006773
CN CAU GIAY	BUI MINH HAI	*****389	11	DN10060133-DN10060142; EB10001272-EB10001272
CN BAC NINH	BUI MINH HAI	*****466	1	EB10001393-EB10001393

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI MINH HUE	*****698	6	CT10048151-CT10048156
PGD TAY HO	BUI MINH MANH	*****097	2	CT10133388-CT10133389
CN CAU GIAY	BUI MINH PHUONG	*****678	1	CT10160434-CT10160434
CN DAI AN	BUI MINH THAO	*****112	4	CT10021591-CT10021594
CN TAN THANH	BUI MINH TRUNG	*****169	20	CT10148104-CT10148123
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI MINH TUAN	*****769	18	CT10113864-CT10113881
CN TP. HO CHI MINH	BUI NAM CUONG	*****314	1	CT10017696-CT10017696
PGD HAM NGHI	BUI NANG SON	*****042	1	EB10003267-EB10003267
CN BINH DINH	BUI NGO HOANG OANH	*****919	1	EB10000521-EB10000521
PGD NGUYEN NGOC NAI	BUI NGO PHUC	*****167	4	CT10167139-CT10167142
CN TAN BINH	BUI NGOC GIAU	*****458	84	DN10046410-DN10046493
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI NGOC HA	*****500	11	CT10003726-CT10003736
CN DONG DA	BUI NGOC HA	*****601	2	CT10064117-CT10064118
PGD LACH TRAY 2	BUI NGOC HAI	*****514	1	EB10000599-EB10000599
CN TP. HO CHI MINH	BUI NGOC LE	*****831	1	EB10000329-EB10000329
PGD XUAN LA	BUI NGOC LIEM	*****254	1	EB10002214-EB10002214
PGD HO TUNG MAU	BUI NGOC MAI	*****154	49	CT10019994-CT10020042
CN DONG DA	BUI NGOC MINH	*****248	1	CT10137822-CT10137822
PGD NGUYEN NGOC NAI	BUI NGOC MINH TUAN	*****766	15	CT10029626-CT10029640
CN CAN THO	BUI NGOC PHUOC	*****330	2	CT10086915-CT10086916
CN VINH PHUC	BUI NGOC PHUONG THANH	*****862	1	CT10164082-CT10164082
CN VUNG TAU	BUI NGOC QUE	*****597	7	CT10044349-CT10044355
SEABANK LE DUAN	BUI NGOC SUM	*****312	5	CT10163743-CT10163747
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI NGOC THANG	*****263	5	CT10041625-CT10041629
CN DAI AN	BUI NGOC TU	*****758	13	CT10061189-CT10061201
PGD THU DUC	BUI NGUYEN PHUOC TRI	*****055	1	EB10001851-EB10001851

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VINH HAI	BUI NGUYEN TRANG THAO	*****065	1	CT10033217-CT10033217
CN LANG HA	BUI NGUYEN TUNG	*****119	2	CT10120533-CT10120534
CN SO GIAO DICH	BUI NGUYET THU	*****634	12	CT10116662-CT10116668; TD10003411-TD10003415
PGD NGUYEN AN NINH	BUI NGUYET THU	*****169	19	CT10095626-CT10095644
CN THAI NGUYEN	BUI NHAT HOA	*****523	3	CT10033900-CT10033902
CN HAI DUONG	BUI NHU THONG	*****329	1	EB10001655-EB10001655
CN HAI DUONG	BUI NHU VU	*****359	12	CT10061333-CT10061344
CN CAN THO	BUI NHUT MINH	*****153	9	DN10006356-DN10006364
CN TAN BINH	BUI PHAM HOANG VU	*****067	25	CT10104150-CT10104174
PGD TRUNG NHI	BUI PHI HUNG	*****425	17	DN10092372-DN10092382; EB10002361-EB10002361; TD10004921-TD10004925
PGD DIEN KHANH	BUI PHUC NGUYEN	*****697	1	EB10002747-EB10002747
CN TP. HO CHI MINH	BUI PHUC VINH	*****799	1	EB10001566-EB10001566
CN DA NANG	BUI PHUOC MY	*****623	5	CT10053795-CT10053799
PGD XUAN LA	BUI PHUONG ANH	*****608	25	CT10165993-CT10166017
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI PHUONG DUNG	*****858	12	CT10157434-CT10157445
PGD HAM NGHI	BUI PHUONG HANH	*****711	7	CT10037749-CT10037755
CN PHU MY HUNG	BUI PHUONG LINH	*****442	4	CT10007339-CT10007342
PGD LE LOI	BUI PHUONG LINH	*****821	1	CT10051319-CT10051319
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI PHUONG THAO	*****471	12	CT10059754-CT10059765
CN TAN BINH	BUI QUANG BINH	*****143	5	CT10123524-CT10123528
CN TP. HO CHI MINH	BUI QUANG DANG	*****244	1	EB10000761-EB10000761
CN CAU GIAY	BUI QUANG DANG	*****282	50	CT10041192-CT10041241
CN HA DONG	BUI QUANG DUY	*****117	1	CT10014421-CT10014421
CN HAI AN	BUI QUANG HA	*****456	4	CT10007544-CT10007547
PGD TRAN KHAT CHAN	BUI QUANG HANH	*****315	3	CT10096099-CT10096101
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI QUANG HOA	*****328	15	CT10048639-CT10048653
CN DONG DA	BUI QUANG HUNG	*****980	10	TD10006781-TD10006790
PGD HOA BINH	BUI QUANG HUNG	*****175	2	CT10021700-CT10021701
PGD HAI DANG	BUI QUANG HUNG	*****397	39	CT10010316-CT10010354

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TU SON	BUI QUANG NAM	*****383	2	CT10014778-CT10014779
PGD LENIN	BUI QUANG QUY	*****807	13	DN10092826-DN10092838
CN HUE	BUI QUANG RIN	*****006	1	CT10156679-CT10156679
CN HAI PHONG	BUI QUANG SAN	*****052	3	CT10084316-CT10084318
PGD TRAN DUY HUNG	BUI QUANG THIEP	*****968	50	CT10067067-CT10067116
CN HAI PHONG	BUI QUANG THUYET	*****455	3	DN10023550-DN10023552
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI QUANG TRUNG	*****788	44	CT10074095-CT10074138
CN TAN BINH	BUI QUANG TUAN	*****814	1	CT10037698-CT10037698
CN HA NOI	BUI QUANG TUNG	*****586	75	DN10001457-DN10001526; TD10005551-TD10005555
CN HA DONG	BUI QUANG TUYEN	*****239	9	CT10009036-CT10009044
CN KIEN GIANG	BUI QUOC ANH	*****747	1	CT10116895-CT10116895
CN DAI AN	BUI QUOC GIANG	*****833	5	CT10105898-CT10105902
CN SO GIAO DICH	BUI QUOC TU	*****049	3	CT10142719-CT10142721
CN DAK LAK	BUI QUOC TUAN	*****127	4	CT10036697-CT10036700
PGD HAI TAN	BUI QUY DAT	*****753	63	DN10090425-DN10090482; TD10004771-TD10004775
PGD LE CHAN	BUI QUY HOI	*****057	6	CT10084103-CT10084108
PGD HA LONG	BUI SI GIAP	*****261	5	TD10007946-TD10007950
CN LANG HA	BUI SY CHUNG	*****827	3	CT10072253-CT10072255
CN TAN BINH	BUI TAN HUNG	*****825	19	CT10125149-CT10125162; TD10004696-TD10004700
PGD Krong Nang	BUI TAN TOAN	*****990	1	EB10003314-EB10003314
PGD HO TUNG MAU	BUI THAI HA	*****259	2	CT10085531-CT10085532
CN HAI DUONG	BUI THANH AN	*****119	3	CT10115702-CT10115704
CN THANH XUAN	BUI THANH BINH	*****214	1	CT10020754-CT10020754
PGD HOANG DIEU	BUI THANH CAO	*****598	9	CT10042674-CT10042682
CN SO GIAO DICH	BUI THANH DAT	*****068	18	CT10157079-CT10157096
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI THANH HAI	*****943	5	CT10079025-CT10079029
CN KIEN GIANG	BUI THANH HOANG	*****932	7	CT10110276-CT10110282
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THANH HUYEN	*****840	23	CT10098963-CT10098985
CN QUANG NGAI	BUI THANH LAM	*****009	1	EB10001498-EB10001498
CN HAI AN	BUI THANH LUAT	*****338	12	DN10002579-DN10002590
CN TAN BINH	BUI THANH MINH	*****751	5	TD10008611-TD10008615
PGD TRAN PHU	BUI THANH NAM	*****956	1	EB10001222-EB10001222

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	BUI THANH QUANG	*****838	6	CT10030167-CT10030172
PGD LE VAN SY	BUI THANH SANG	*****741	67	DN10034507-DN10034573
CN TP. HO CHI MINH	BUI THANH SON	*****039	6	CT10138086-CT10138091
PGD XUAN LA	BUI THANH SON	*****338	110	DN10055116-DN10055225
HUB THE CHAP MN	BUI THANH SON	*****960	10	CT10098953-CT10098962
CN HA NOI	BUI THANH TU	*****193	5	TD10005621-TD10005625
PGD DAO TAN	BUI THANH TU	*****193	1	CT10092529-CT10092529
PGD TAY HO	BUI THANH TUAN	*****122	5	TD10002871-TD10002875
PGD BINH TAN	BUI THANH TUAN	*****887	32	CT10116592-CT10116623
PGD MY DINH	BUI THANH TUNG	*****092	10	CT10150531-CT10150540
PGD LAN ONG	BUI THANH TUNG	*****982	57	CT10116407-CT10116463
PGD NGUYEN LUONG BANG	BUI THAO NGUYEN	*****960	1	EB10000573-EB10000573
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI THE HUNG	*****471	69	CT10036545-CT10036613
CN HAI PHONG	BUI THE HUNG	*****441	3	CT10048585-CT10048587
CN HA NOI	BUI THE HUNG	*****836	6	CT10140357-CT10140362
HUB PAYROLL MN	BUI THE KIEN	*****756	1	EB10000756-EB10000756
CN THAI NGUYEN	BUI THE NAM	*****282	8	CT10120807-CT10120814
CN HAI DUONG	BUI THE VAN	*****117	9	CT10156322-CT10156330
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THI ANH DAO	*****584	1	CT10016925-CT10016925
PGD THU DAU 1	BUI THI BAO THUONG	*****085	18	CT10150541-CT10150558
PGD NGUYEN LUONG BANG	BUI THI BAU	*****206	103	CT10109431-CT10109437; DN10071900-DN10071989; EB10001725-EB10001725; TD10001941-TD10001945
HUB PAYROLL MB	BUI THI BICH LIEN	*****754	24	CT10075110-CT10075133
PGD QUAN 1	BUI THI BICH NGOC	*****689	2	CT10007472-CT10007473
CN HAI AN	BUI THI BICH NGOC	*****271	1	EB10002542-EB10002542
CN HAI AN	BUI THI BICH NGOC	*****607	6	CT10153497-CT10153502
PGD DAO TAN	BUI THI BICH PHUONG	*****280	5	TD10009591-TD10009595
CN SO GIAO DICH	BUI THI BICH THUAN	*****125	2	CT10111551-CT10111552
PGD NGUYEN VAN CU	BUI THI BICH THUY	*****597	1	EB10002820-EB10002820
CN NGHE AN	BUI THI BICH THUY	*****613	5	CT10049604-CT10049608
CN CAU GIAY	BUI THI BICH THUY	*****863	16	CT10165498-CT10165513
CN BINH DINH	BUI THI BICH THUY	*****911	2	CT10088042-CT10088043

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	BUI THI BIEN THUY	*****823	57	CT10020295-CT10020351
CN TP. HO CHI MINH	BUI THI BINH	*****818	1	CT10037748-CT10037748
PGD LE LOI	BUI THI CA	*****135	1	EB10001980-EB10001980
CN NGHE AN	BUI THI CAM HA	*****152	18	CT10050058-CT10050070; TD10002456-TD10002460
PGD HO TUNG MAU	BUI THI CHAM	*****729	44	CT10088131-CT10088174
PGD LE VAN SY	BUI THI CHANG	*****029	35	CT10093599-CT10093633
PGD HA LONG	BUI THI CHINH	*****978	5	DN10024732-DN10024736
PGD TU SON	BUI THI CHOA	*****771	1	EB10001628-EB10001628
PGD THAI THINH	BUI THI CHUNG	*****698	8	CT10029602-CT10029604; TD10010286-TD10010290
CN DAI AN	BUI THI CHUYEN	*****949	1	EB10003038-EB10003038
PGD DAI KIM	BUI THI DIEM	*****887	1	EB10002037-EB10002037
CN DA NANG	BUI THI DIEU HIEN	*****925	4	CT10056451-CT10056454
PGD LACH TRAY 2	BUI THI DUNG	*****472	7	CT10054695-CT10054701
CN SAI GON	BUI THI DUYEN	*****121	1	CT10007913-CT10007913
PGD LE LOI	BUI THI HA	*****107	4	CT10142560-CT10142563
CN HAI AN	BUI THI HA	*****583	5	TD10000131-TD10000135
PGD KIM THANH	BUI THI HA	*****587	1	CT10007963-CT10007963
CN HA NOI	BUI THI HA	*****634	30	DN10111925-DN10111954
PGD QUAN THANH	BUI THI HA	*****634	8	CT10021494-CT10021501
CN SO GIAO DICH	BUI THI HAI YEN	*****263	22	CT10149483-CT10149504
PGD DOI CAN	BUI THI HAI YEN	*****853	1	EB10003073-EB10003073
CN THANH HOA	BUI THI HANG	*****105	7	CT10092170-CT10092176
PGD TRUNG NHI	BUI THI HANG	*****515	1	CT10117791-CT10117791
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THI HANH	*****170	10	DN10105559-DN10105568
PGD NGOC HOI	BUI THI HANH	*****170	1	EB10001385-EB10001385
CN DAK LAK	BUI THI HANH	*****717	19	DN10094529-DN10094547
PGD MY DINH	BUI THI HANH	*****834	10	CT10095582-CT10095591
PGD LANG THUONG	BUI THI HAO	*****007	1	EB10000139-EB10000139
CN HAI PHONG	BUI THI HAO	*****623	3	CT10057164-CT10057166
CN QUANG NINH	BUI THI HAO	*****903	4	CT10008591-CT10008594
CN HAI PHONG	BUI THI HIEN	*****193	1	EB10002566-EB10002566
CN HA DONG	BUI THI HIEN	*****188	1	EB10002784-EB10002784
CN HA NOI	BUI THI HIEN	*****307	3	CT10132295-CT10132297
CN THANH XUAN	BUI THI HOA	*****035	12	CT10064414-CT10064425

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	BUI THI HOA	*****546	7	CT10072667-CT10072673
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI THI HOAI THU	*****306	1	CT10104175-CT10104175
CN VINH PHUC	BUI THI HOAN	*****758	5	DN10079873-DN10079877
CN TAN BINH	BUI THI HOANG YEN	*****333	4	CT10013150-CT10013153
CN BINH DINH	BUI THI HONG	*****684	3	DN10070268-DN10070270
PGD TU SON	BUI THI HONG DUC	*****521	1	CT10090649-CT10090649
CN THAI NGUYEN	BUI THI HONG PHUONG	*****396	4	CT10044516-CT10044519
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THI HUE	*****210	1	CT10056396-CT10056396
PGD SAO DO	BUI THI HUE	*****259	25	DN10059848-DN10059867; TD10000216-TD10000220
PGD TO HIEU	BUI THI HUE	*****905	2	CT10129998-CT10129999
CN QUANG NGAI	BUI THI HUE	*****132	1	EB10003351-EB10003351
PGD LANG THUONG	BUI THI HUE	*****315	9	CT10034032-CT10034040
PGD NGOC HOI	BUI THI HUONG	*****285	1	EB10002839-EB10002839
CN HAI PHONG	BUI THI HUONG	*****557	25	CT10002757-CT10002781
CN BINH DINH	BUI THI HUONG	*****594	2	DN10064674-DN10064675
CN NGHE AN	BUI THI HUONG	*****598	1	EB10002108-EB10002108
CN HA NOI	BUI THI HUONG	*****914	10	CT10056200-CT10056209
CN HAI PHONG	BUI THI HUONG	*****928	11	CT10003521-CT10003531
CN HAI PHONG	BUI THI HUONG LAN	*****064	26	CT10054364-CT10054389
CN DAI AN	BUI THI HUYEN	*****136	10	TD10001046-TD10001055
PGD VAN XUAN	BUI THI HUYEN	*****694	10	CT10142260-CT10142269
CN CAU GIAY	BUI THI HUYEN THU	*****616	2	CT10101785-CT10101786
CN LANG HA	BUI THI KHANH VAN	*****773	5	CT10105914-CT10105918
CN VUNG TAU	BUI THI KHANH VAN	*****424	1	EB10002195-EB10002195
PGD LE LOI	BUI THI KHANH VAN	*****696	2	CT10104564-CT10104565
CN DONG NAI	BUI THI KIM ANH	*****187	6	CT10041059-CT10041064
PGD QUAN 8	BUI THI KIM ANH	*****524	23	CT10161204-CT10161226
CN HAI PHONG	BUI THI KIM DUNG	*****061	18	CT10003496-CT10003513
CN BINH DINH	BUI THI KIM HUE	*****505	36	DN10034955-DN10034984; EB10003015-EB10003015; TD10009096-TD10009100
CN TAN BINH	BUI THI KIM LAN	*****068	15	CT10050690-CT10050704
CN TIEN GIANG	BUI THI KIM NGAN	*****926	65	DN10095416-DN10095474; EB10000990-EB10000990; TD10002401-TD10002405

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	BUI THI KIM YEN	*****129	5	CT10021313-CT10021317
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THI LAN	*****748	1	CT10001501-CT10001501
CN HAI AN	BUI THI LE HONG	*****042	24	DN10061724-DN10061741; EB10001368-EB10001368; TD10000616-TD10000620
CN HAI AN	BUI THI LIEN	*****576	15	CT10155403-CT10155407; TD10003826-TD10003835
PGD KIM VAN	BUI THI LOAN	*****030	40	DN10093737-DN10093771; TD10002196-TD10002200
PGD DONG SON	BUI THI LOAN	*****410	7	CT10012557-CT10012563
CN HAI AN	BUI THI LOI	*****894	7	CT10117757-CT10117763
PGD QUANG PHU	BUI THI LUA	*****555	3	DN10027148-DN10027150
PGD XUAN LA	BUI THI MAI ANH	*****856	1	CT10000306-CT10000306
PGD KIM VAN	BUI THI MAI LAN	*****834	100	CT10067544-CT10067643
PGD MY DINH	BUI THI MAI PHUONG	*****213	1	CT10021366-CT10021366
CN DAK LAK	BUI THI MIEN	*****245	3	DN10101351-DN10101353
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI THI MINH HUYEN	*****620	23	CT10010355-CT10010377
PGD TAY HO	BUI THI MINH HUYEN	*****620	1	EB10000463-EB10000463
CN BINH DINH	BUI THI MINH NGOC	*****119	1	CT10086731-CT10086731
PGD TAY HO	BUI THI MINH THUY	*****780	1	EB10000472-EB10000472
PGD LE LOI	BUI THI MO	*****527	71	CT10040336-CT10040340; DN10066716-DN10066775; EB10001567-EB10001567; TD10001361-TD10001365
CN HAI AN	BUI THI MO	*****491	1	EB10001877-EB10001877
CN DONG DA	BUI THI MONG QUYEN	*****255	12	CT10032008-CT10032019
CN THAI NGUYEN	BUI THI MUI	*****157	6	CT10137048-CT10137048; TD10007306-TD10007310
HUB PAYROLL MN	BUI THI MY CHI	*****556	2	CT10064363-CT10064364
PGD PHU MY - BINH DINH	BUI THI MY DUNG	*****910	5	DN10109473-DN10109477
CN BINH DINH	BUI THI MY LE	*****151	3	DN10046140-DN10046142
CN DAK LAK	BUI THI MY LINH	*****034	3	DN10105506-DN10105508
PGD PHU LAM	BUI THI MY VIEN	*****749	3	CT10142491-CT10142493
PGD LE VAN SY	BUI THI NGA	*****431	1	CT10046637-CT10046637
CN THANH XUAN	BUI THI NGA	*****415	1	CT10054561-CT10054561
PGD LACH TRAY 2	BUI THI NGOC ANH	*****315	4	CT10042150-CT10042153

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	BUI THI NGOC HA	*****416	4	CT10065985-CT10065988
PGD SAO DO	BUI THI NGOC HA	*****709	4	CT10094886-CT10094889
CN QUANG NGAI	BUI THI NGOC HIEN	*****846	1	EB10001166-EB10001166
CN TAN BINH	BUI THI NGOC HUONG	*****793	1	CT10075258-CT10075258
CN DAK LAK	BUI THI NGOC KIM	*****176	3	DN10054072-DN10054074
CN VUNG TAU	BUI THI NGOC MAI	*****813	4	CT10068390-CT10068393
CN TAN PHU	BUI THI NGOC QUYEN	*****429	5	CT10100562-CT10100566
CN HA NOI	BUI THI NGOC THAO	*****931	1	EB10002498-EB10002498
SEABANK LE DUAN	BUI THI NGU	*****909	3	CT10143226-CT10143228
PGD HAN THUYEN	BUI THI NGUYET	*****310	2	CT10143647-CT10143648
PGD THANH CONG	BUI THI NGUYET HA	*****199	49	CT10065656-CT10065704
PGD NGUYEN HUU HUAN	BUI THI NHAT	*****342	5	TD10004931-TD10004935
PGD THANG LONG	BUI THI NHU THUY	*****441	1	EB10002845-EB10002845
CN NHA TRANG	BUI THI NI	*****130	5	DN10077780-DN10077784
PGD DONG CAT	BUI THI NI NA	*****148	1	CT10106871-CT10106871
PGD GIA LOC	BUI THI NU	*****545	1	EB10000051-EB10000051
PGD MY DINH	BUI THI OANH	*****402	1	EB10000517-EB10000517
PGD LACH TRAY 2	BUI THI OANH	*****878	1	CT10061356-CT10061356
PGD LE LOI	BUI THI PHUONG	*****777	82	CT10086454-CT10086460; DN10032694-DN10032763; TD10009051-TD10009055
CN HAI AN	BUI THI PHUONG	*****658	5	CT10027274-CT10027278
PGD DAO TAN	BUI THI PHUONG HOA	*****302	1	CT10150443-CT10150443
CN DONG DA	BUI THI PHUONG MY	*****525	14	CT10000081-CT10000094
CN THAI NGUYEN	BUI THI PHUONG THAO	*****947	3	CT10086727-CT10086729
CN QUANG NGAI	BUI THI PHUONG VAN	*****747	1	EB10003183-EB10003183
PGD MY DINH	BUI THI QUYNH TAM	*****583	1	CT10009123-CT10009123
PGD LE THANH TONG	BUI THI SAM	*****744	3	CT10097750-CT10097752
PGD NGOC LAM	BUI THI SANG	*****103	4	CT10061548-CT10061551
CN DONG DA	BUI THI SEN	*****432	1	CT10136693-CT10136693
PGD NGUYEN SY SACH	BUI THI SEN	*****331	2	CT10147469-CT10147469; EB10001481-EB10001481
CN DAI AN	BUI THI SU	*****771	3	CT10161618-CT10161620
HUB THE CHAP MB 2	BUI THI TAM	*****504	4	CT10164575-CT10164578

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN SY SACH	BUI THI TAM	*****198	1	EB10002781-EB10002781
CN DAK LAK	BUI THI TAM	*****330	3	DN10075521-DN10075523
CN QUANG NGAI	BUI THI THANH	*****561	1	EB10003042-EB10003042
CN NHA TRANG	BUI THI THANH HUONG	*****301	1	EB10000932-EB10000932
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI THI THANH HUONG	*****421	2	CT10079168-CT10079169
PGD LACH TRAY 1	BUI THI THANH HUYEN	*****275	2	CT10003514-CT10003515
CN HAI PHONG	BUI THI THANH NGA	*****728	15	CT10152640-CT10152654
PGD DI AN	BUI THI THANH NGAN	*****916	24	CT10104431-CT10104454
HUB PAYROLL MB	BUI THI THANH NGOC	*****866	1	CT10029785-CT10029785
PGD LE CHAN	BUI THI THANH NHAN	*****789	1	EB10000798-EB10000798
CN CAU GIAY	BUI THI THANH THUY	*****773	23	CT10126201-CT10126223
CN DA NANG	BUI THI THANH TUNG	*****034	1	CT10002792-CT10002792
CN DAK LAK	BUI THI THANH TUYEN	*****325	16	CT10102791-CT10102806
PGD HANG KENH	BUI THI THANH VAN	*****070	7	CT10114723-CT10114729
PGD QUAN 10	BUI THI THANH YEN	*****209	319	CT10158594-CT10158616; DN10084486-DN10084775; EB10002081-EB10002081; TD10004031-TD10004035
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI THI THAO	*****534	9	DN10068776-DN10068784
CN HAI PHONG	BUI THI THAO	*****823	5	DN10096859-DN10096863
PGD KIM THANH	BUI THI THAO	*****748	4	DN10080255-DN10080258
PGD QUANG PHU	BUI THI THEU	*****483	3	DN10002026-DN10002028
CN DONG DA	BUI THI THI	*****898	32	CT10080532-CT10080563
CN HA NOI	BUI THI THI	*****193	4	CT10098800-CT10098803
CN HA DONG	BUI THI THU	*****453	1	EB10001508-EB10001508
PGD TIEN AN	BUI THI THU	*****727	1	EB10002737-EB10002737
CN HAI DUONG	BUI THI THU CHANG	*****856	1	EB10002042-EB10002042
PGD HO GUOM	BUI THI THU HA	*****994	4	CT10013837-CT10013840
PGD HOA BINH	BUI THI THU HA	*****141	40	DN10000375-DN10000414
PGD HAI TAN	BUI THI THU HA	*****324	9	CT10124969-CT10124977
PGD HO DAC DI	BUI THI THU HA	*****620	2	CT10000159-CT10000160
PGD THANH DONG	BUI THI THU HANG	*****121	20	DN10111985-DN10112004
PGD HANG KENH	BUI THI THU HIEN	*****021	21	CT10050718-CT10050738
CN HA NOI	BUI THI THU HIEN	*****122	6	CT10008661-CT10008666

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN KHANH TOAN	BUI THI THU HUONG	*****906	34	CT10026101-CT10026134
CN SO GIAO DICH	BUI THI THU HUONG	*****023	5	TD10005426-TD10005430
CN QUANG NINH	BUI THI THU HUONG	*****112	16	CT10047035-CT10047050
CN HAI PHONG	BUI THI THU HUYEN	*****225	5	CT10074368-CT10074372
CN DAI AN	BUI THI THU HUYEN	*****013	5	TD10011056-TD10011060
PGD LAC LONG QUAN	BUI THI THU HUYEN	*****013	5	TD10007876-TD10007880
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI THI THU LE	*****038	4	CT10033402-CT10033405
PGD BINH TAN	BUI THI THU NGAN	*****758	1	CT10055523-CT10055523
CN DAK LAK	BUI THI THU PHUONG	*****183	24	CT10016739-CT10016762
CN NHA TRANG	BUI THI THU THAO	*****821	1	EB10002932-EB10002932
CN THAI NGUYEN	BUI THI THU TRANG	*****968	1	EB10003048-EB10003048
PGD DUC PHO	BUI THI THUAN	*****144	1	EB10000703-EB10000703
CN HAI AN	BUI THI THUY	*****859	11	CT10085563-CT10085573
PGD LACH TRAY 2	BUI THI THUY	*****439	16	CT10139428-CT10139443
CN HAI AN	BUI THI THUY	*****472	5	CT10012366-CT10012370
PGD NGUYEN VAN CU	BUI THI THUY	*****810	1	EB10003328-EB10003328
CN HA NOI	BUI THI THUY CHINH	*****691	9	CT10042396-CT10042404
CN HAI AN	BUI THI THUY HANG	*****517	1	CT10053205-CT10053205
PGD SOC SON	BUI THI THUY HONG	*****759	20	CT10084287-CT10084306
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI THI THUY LINH	*****483	1	CT10123519-CT10123519
CN HA DONG	BUI THI THUY LINH	*****664	1	EB10003275-EB10003275
PGD LAC LONG QUAN	BUI THI THUY LINH	*****766	131	CT10032327-CT10032335; DN10049514-DN10049630; TD10010496-TD10010500
PGD TRAN HUNG DAO	BUI THI THUY LINH	*****130	4	CT10028491-CT10028494
CN HAI DUONG	BUI THI THUY LINH	*****625	14	CT10143707-CT10143720
PGD TON DAN	BUI THI THUY NGOC	*****164	4	CT10002036-CT10002039
CN QUANG NGAI	BUI THI THUY TRANG	*****676	2	CT10141639-CT10141640
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI THI THUY VAN	*****433	5	CT10097451-CT10097455
PGD TRAN NGUYEN HAN	BUI THI TOAN	*****316	56	DN10089055-DN10089099; EB10002236-EB10002236; TD10004491-TD10004500
PGD DOI CAN	BUI THI TRA LIEN	*****411	1	EB10001832-EB10001832

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HUE	BUI THI TRA MY	*****931	1	CT10128300-CT10128300
PGD TON DAN	BUI THI TRANG	*****561	5	CT10103144-CT10103148
CN SO GIAO DICH	BUI THI TRANG	*****904	9	CT10060160-CT10060168
PGD DAO TAN	BUI THI TRANG	*****350	5	TD10006671-TD10006675
CN CAN THO	BUI THI TRUC MAI	*****445	5	CT10021874-CT10021878
CN SAI GON	BUI THI TRUNG ANH	*****330	3	CT10080564-CT10080566
CN CAU GIAY	BUI THI TUOI	*****716	48	CT10002530-CT10002577
CN NGHE AN	BUI THI TUY	*****470	1	EB10003276-EB10003276
CN PHU MY HUNG	BUI THI TUYET DAO	*****799	10	CT10166152-CT10166161
PGD BA RIA	BUI THI TUYET NGAN	*****315	5	TD10000211-TD10000215
CN DAI AN	BUI THI TUYET NHUNG	*****138	30	CT10118251-CT10118280
CN SO GIAO DICH	BUI THI VAN	*****557	6	CT10062630-CT10062635
PGD PHU MY - BINH DINH	BUI THI XO	*****649	5	DN10089762-DN10089766
CN SO GIAO DICH	BUI THI XUAN	*****302	1	CT10024065-CT10024065
PGD SAO MAI	BUI THI YEN	*****923	3	CT10120420-CT10120422
PGD GIA LOC	BUI THIEN KHOE	*****306	1	CT10074659-CT10074659
CN TP. HO CHI MINH	BUI THIEN THUAN	*****176	1	EB10001590-EB10001590
PGD BACH MAI	BUI THO VAN	*****045	107	CT10039403-CT10039509
PGD HAN THUYEN	BUI THU ANH	*****465	12	CT10161388-CT10161399
CN THANH XUAN	BUI THU HUYEN	*****770	2	CT10058607-CT10058608
CN SO GIAO DICH	BUI THU PHUONG	*****405	5	CT10163899-CT10163903
PGD DAI KIM	BUI THU THUY	*****032	19	CT10089295-CT10089313
PGD TRAN PHU	BUI THU TRANG	*****478	8	CT10086176-CT10086183
CN DAI AN	BUI THU TRANG	*****498	1	CT10144169-CT10144169
CN LANG HA	BUI THU TRANG	*****716	6	CT10072625-CT10072630
CN BINH DUONG	BUI THUY ANH TRUC	*****694	3	CT10107626-CT10107628
CN CAU GIAY	BUI THUY CHI	*****287	2	CT10011540-CT10011541
CN HAI PHONG	BUI THUY DUONG	*****631	2	CT10011713-CT10011714
CN VUNG TAU	BUI THUY LIEN	*****775	3	CT10129289-CT10129291
PGD HA LONG	BUI THUY LINH	*****555	3	CT10059932-CT10059934
CN HAI AN	BUI THUY QUYNH	*****127	20	DN10058660-DN10058679
PGD KIM VAN	BUI TIEN DAN	*****246	1	EB10003242-EB10003242
CN QUANG NGAI	BUI TIEN DAT	*****427	13	CT10144972-CT10144979; TD10011306-TD10011310
PGD TRAN PHU	BUI TIEN HUNG	*****666	80	DN10084922-DN10085001

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE LOI	BUI TIEN MANH	*****201	37	CT10160230-CT10160236; DN10093631-DN10093650; TD10005211-TD10005220
PGD SOC SON	BUI TIEN NAM	*****652	8	CT10007533-CT10007540
CN HAI AN	BUI TIEN TRUONG	*****756	2	CT10114212-CT10114213
CN HA DONG	BUI TIEN VINH	*****657	16	CT10096403-CT10096418
CN DAI AN	BUI TO HIU	*****281	5	TD10010271-TD10010275
CN KIEN GIANG	BUI TRAN DUY PHUONG	*****410	15	CT10058154-CT10058168
PGD TAN PHAT	BUI TRI DAT	*****317	4	CT10035638-CT10035641
PGD VAN XUAN	BUI TRIEU PHONG	*****052	9	CT10078736-CT10078744
PGD DUC PHO	BUI TRONG TAI	*****927	1	EB10001749-EB10001749
CN HA NOI	BUI TRONG TAN	*****897	1	CT10000848-CT10000848
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI TRUNG KIEN	*****355	24	CT10136470-CT10136493
CN HA DONG	BUI TRUNG KIEN	*****768	10	CT10059325-CT10059334
CN CAU GIAY	BUI TRUNG KIEN	*****489	31	CT10019109-CT10019139
PGD LAC LONG QUAN	BUI TRUNG KIEN	*****489	140	DN10049223-DN10049362
PGD HO DAC DI	BUI TRUNG NGUYEN	*****673	4	CT10113157-CT10113160
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI TRUNG THANH	*****600	27	CT10134100-CT10134126
CN LANG HA	BUI TRUONG QUYNH CHAU	*****150	30	CT10124136-CT10124165
PGD HA LONG	BUI TRUONG XUAN	*****659	15	CT10045979-CT10045988; TD10002176-TD10002180
CN QUANG NGAI	BUI TRUONG Y DINH	*****263	1	EB10002840-EB10002840
CN SO GIAO DICH	BUI TU MAI	*****977	1	CT10054704-CT10054704
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI TUAN ANH	*****032	25	CT10124854-CT10124878
HUB PAYROLL MB	BUI TUAN ANH	*****680	20	CT10045319-CT10045338
CN DONG DA	BUI TUAN ANH	*****964	38	CT10060472-CT10060509
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI TUAN ANH	*****315	25	CT10164550-CT10164574
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI TUAN ANH	*****640	13	CT10091939-CT10091951
PGD XUAN LA	BUI TUAN ANH	*****796	1	EB10002499-EB10002499
PGD XUAN LA	BUI TUAN ANH	*****859	25	CT10102310-CT10102334
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI TUAN ANH	*****968	49	CT10052912-CT10052960

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	BUI TUAN KHANH	*****621	3	CT10108278-CT10108280
CN CAN THO	BUI TUAN KIET	*****147	2	CT10150652-CT10150653
CN AN GIANG	BUI TUAN LINH	*****918	1	CT10068530-CT10068530
PGD HAI TAN	BUI TUAN THANH	*****603	1	EB10001283-EB10001283
PGD THAI THINH	BUI TUNG LAM	*****385	30	CT10025651-CT10025680
CN HAI PHONG	BUI VAN AN	*****515	11	CT10048107-CT10048117
CN CAU GIAY	BUI VAN ANH	*****288	24	CT10011349-CT10011372
SEABANK LE DUAN	BUI VAN ANH	*****875	1	EB10001924-EB10001924
PGD TU SON	BUI VAN BAU	*****516	1	EB10000506-EB10000506
PGD KIM THANH	BUI VAN CHAU	*****500	5	DN10070928-DN10070932
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI VAN CUONG	*****279	4	CT10161614-CT10161617
PGD TU SON	BUI VAN DAN	*****956	1	EB10001820-EB10001820
PGD SAO DO	BUI VAN DAT	*****097	47	CT10131062-CT10131067; DN10004185-DN10004214; EB10000177-EB10000177; TD10005791-TD10005800
CN HA DONG	BUI VAN DIEN	*****735	1	EB10000430-EB10000430
CN HAI AN	BUI VAN DIEU	*****854	5	CT10096688-CT10096692
PGD THAI THINH	BUI VAN DIU	*****487	9	CT10082747-CT10082755
PGD TAY HO	BUI VAN DO	*****658	23	CT10040145-CT10040167
PGD LE LOI	BUI VAN DOANH	*****918	37	CT10132111-CT10132116; DN10003496-DN10003515; EB10000163-EB10000163; TD10005801-TD10005810
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI VAN DUC	*****051	5	CT10126453-CT10126457
CN THANH XUAN	BUI VAN DUC	*****277	1	EB10003010-EB10003010
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI VAN DUC	*****277	1	CT10064919-CT10064919
PGD CAM PHA	BUI VAN DUC	*****836	3	DN10104921-DN10104923
PGD QUAN THANH	BUI VAN DUNG	*****622	4	CT10093535-CT10093538
PGD LE QUANG DINH	BUI VAN DUNG	*****702	1	EB10003064-EB10003064
CN HAI AN	BUI VAN DUONG	*****458	1	CT10164081-CT10164081
PGD TRAN NGUYEN HAN	BUI VAN GHI	*****069	1	EB10001376-EB10001376

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HANG KENH	BUI VAN GIANG	*****786	164	CT10138625-CT10138653; DN10033371-DN10033495; TD10009011-TD10009020
CN HAI AN	BUI VAN HAO	*****658	1	EB10001593-EB10001593
PGD THANH DONG	BUI VAN HIEN	*****971	39	DN10093296-DN10093319; TD10005021-TD10005035
CN HAI DUONG	BUI VAN HOANG	*****088	10	CT10070633-CT10070642
PGD GIA LOC	BUI VAN HONG	*****608	10	CT10030434-CT10030443
PGD HO TUNG MAU	BUI VAN HUONG	*****920	1	EB10002424-EB10002424
PGD LE LOI	BUI VAN HUY	*****290	14	CT10014836-CT10014839; TD10008371-TD10008380
CN HAI AN	BUI VAN HUY	*****806	2	CT10128102-CT10128103
CN VUNG TAU	BUI VAN KHUE	*****074	1	CT10059396-CT10059396
PGD TU SON	BUI VAN LE	*****903	1	EB10003029-EB10003029
CN KIEN GIANG	BUI VAN LONG	*****181	4	CT10105104-CT10105107
PGD TRUNG HOA	BUI VAN LUONG	*****103	20	CT10079321-CT10079340
PGD TU SON	BUI VAN LY	*****730	1	EB10000939-EB10000939
PGD HAO NAM	BUI VAN MAI	*****517	1	EB10000891-EB10000891
CN LANG HA	BUI VAN MANH	*****875	1	CT10084442-CT10084442
PGD LANG THUONG	BUI VAN MANH	*****645	63	DN10049024-DN10049086
CN THAI NGUYEN	BUI VAN MINH	*****233	1	CT10126153-CT10126153
CN DAK LAK	BUI VAN NAM	*****683	26	DN10099695-DN10099720
CN AN GIANG	BUI VAN NGHE	*****791	7	CT10149706-CT10149712
CN HAI AN	BUI VAN NGUYEN	*****422	5	TD10010186-TD10010190
PGD TU SON	BUI VAN NGUYEN	*****522	1	EB10001859-EB10001859
CN BINH DUONG	BUI VAN PHI	*****962	100	DN10027338-DN10027437
CN HAI PHONG	BUI VAN PHUONG	*****382	3	CT10033755-CT10033757
PGD HOANG DIEU	BUI VAN PHUONG	*****858	1	EB10002979-EB10002979
PGD TRAN NGUYEN HAN	BUI VAN QUY	*****958	1	EB10000541-EB10000541
CN LANG HA	BUI VAN SANG	*****937	100	DN10032594-DN10032693
PGD KIM THANH	BUI VAN SANG	*****947	1	CT10163991-CT10163991
CN VINH PHUC	BUI VAN SON	*****296	6	EB10002295-EB10002295; TD10004841-TD10004845
PGD DAI KIM	BUI VAN SON	*****660	31	CT10005031-CT10005061
PGD HAI DANG	BUI VAN TAI	*****098	2	CT10093272-CT10093273
PGD YEN PHU	BUI VAN TAN	*****527	37	CT10059288-CT10059324
HUB PAYROLL MB	BUI VAN THANH	*****703	25	CT10163131-CT10163155

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	BUI VAN THIEU	*****607	3	CT10045134-CT10045136
CN VINH PHUC	BUI VAN THU	*****939	4	CT10130105-CT10130108
PGD TRAN DUY HUNG	BUI VAN THUY	*****123	13	CT10011278-CT10011290
PGD TRUNG HOA	BUI VAN TOAN	*****399	47	CT10083088-CT10083134
CN HA DONG	BUI VAN TRINH	*****554	11	CT10099544-CT10099554
CN TAN THANH	BUI VAN TRONG	*****210	4	CT10078232-CT10078235
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI VAN TRUNG	*****560	25	CT10137770-CT10137794
PGD BACH MAI	BUI VAN TRUONG	*****716	5	CT10144686-CT10144690
CN HAI AN	BUI VAN TRUONG	*****599	20	DN10099972-DN10099991
PGD LE CHAN	BUI VAN TUAN	*****339	11	DN10024396-DN10024405; EB10000543-EB10000543
PGD HANG KENH	BUI VAN TUAN	*****560	8	CT10023892-CT10023899
CN CAU GIAY	BUI VAN TUAN	*****644	11	CT10151105-CT10151115
CN HAI AN	BUI VAN VY	*****999	1	EB10000944-EB10000944
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI VIET CUONG	*****946	9	CT10074861-CT10074869
CN LANG HA	BUI VIET HOA	*****020	2	CT10003568-CT10003569
TT KH CC MIEN BAC 2	BUI VIET HUNG	*****083	3	CT10144824-CT10144826
HUB PAYROLL MB	BUI VIET HUNG	*****362	2	CT10014927-CT10014928
PGD TUYEN SON	BUI VIET TAN	*****629	1	CT10154525-CT10154525
HUB THE VA TIN CHAP MN	BUI VIET THUAN	*****477	3	CT10044894-CT10044896
CN SAI GON	BUI VU QUYNH NHU	*****187	1	CT10050353-CT10050353
CN LANG HA	BUI XUAN AN	*****033	2	CT10137432-CT10137433
CN SAI GON	BUI XUAN AN	*****570	25	CT10144521-CT10144545
TT KHCC MIEN BAC 1	BUI XUAN DU	*****029	2	CT10069140-CT10069141
HUB THE VA TIN CHAP MB	BUI XUAN HAI	*****039	17	CT10143649-CT10143665
PGD VAN XUAN	BUI XUAN HUONG	*****061	15	CT10064426-CT10064440
CN PHU MY HUNG	BUI XUAN LONG	*****152	1	CT10040342-CT10040342
CN HA DONG	BUI XUAN PHONG	*****884	12	CT10019157-CT10019168
CN TAN BINH	BUI XUAN TINH	*****067	2	CT10080702-CT10080703
PGD TO HIEU	BUI XUAN TUE	*****041	127	CT10048992-CT10049003; DN10095306-DN10095410; TD10002376-TD10002385
CN HAI AN	BUI XUAN VINH	*****052	60	DN10002378-DN10002437

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD PHU MY - BINH DINH	CAI THI CHUT	*****974	5	DN10083518-DN10083522
PGD BINH TAN	CAI THI NGOC ANH	*****028	12	CT10055385-CT10055391; TD10003331-TD10003335
TT KHCC MIEN BAC 1	CAM ANH TUAN	*****017	15	CT10165587-CT10165601
PGD PHU HUNG	CAM DUY NGHIA	*****140	1	CT10089472-CT10089472
TT KH CC MIEN BAC 2	CAM MY LINH	*****887	1	CT10140904-CT10140904
CN THAI NGUYEN	CAM NHU QUYET	*****240	1	EB10000117-EB10000117
CN LANG HA	CAM XUAN DUNG	*****030	1	CT10019140-CT10019140
CN HA DONG	CAN DINH TOAN	*****888	6	CT10106505-CT10106510
PGD NGUYEN AN NINH	CAN MANH CUONG	*****023	30	CT10138772-CT10138801
CN QUANG NINH	CAN NGOC DUY	*****678	1	CT10074884-CT10074884
CN DONG DA	CAN NGUYEN THU	*****241	1	CT10125271-CT10125271
TT KHCC MIEN BAC 1	CAN THANH DUONG	*****189	48	CT10076459-CT10076506
CN HA DONG	CAN THI NGOC LAN	*****399	1	EB10003009-EB10003009
CN LANG HA	CAN VAN TUYEN	*****266	3	CT10117366-CT10117366; DN10080048-DN10080049
PGD MY DINH	CANH THI NHUNG	*****864	6	CT10013782-CT10013787
CN SAI GON	CANH THI THANH	*****454	1	CT10106918-CT10106918
CN DONG DA	CAO ANH DO	*****549	1	CT10032093-CT10032093
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO ANH DUC	*****084	2	CT10092189-CT10092190
PGD LAN ONG	CAO CU TUYEN	*****209	21	CT10080182-CT10080202
CN BAC NINH	CAO DANG DAT	*****445	11	CT10136970-CT10136980
PGD NGUYEN HUU HUAN	CAO DANG SINH	*****939	2	CT10055521-CT10055522
PGD TIEN AN	CAO DANG TRUONG	*****663	40	DN10021880-DN10021919
CN HA DONG	CAO DINH HIEP	*****655	28	CT10156651-CT10156678
PGD SO SAO	CAO DUC CHANH	*****798	80	DN10102904-DN10102983
CN NHA TRANG	CAO DUC TINH	*****124	1	EB10002024-EB10002024
CN NHA TRANG	CAO DUY BAO	*****603	1	EB10002949-EB10002949
CN SO GIAO DICH	CAO HAI LINH	*****241	1	CT10149601-CT10149601
CN TAN PHU	CAO HAI NGHIEM TRI	*****677	6	CT10108968-CT10108973
PGD HA LONG	CAO HAI NINH	*****867	6	DN10086777-DN10086782
PGD TRUNG HOA	CAO HOAI THANH	*****057	96	CT10155040-CT10155135
CN BAC NINH	CAO HOANG BANG	*****636	35	DN10089170-DN10089204

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	CAO HOANG HUNG	*****461	3	CT10159857-CT10159859
TT KH CC MIEN BAC 2	CAO HOANG SON	*****824	12	CT10128584-CT10128595
CN DONG NAI	CAO HUU NGHIA	*****705	2	CT10104502-CT10104503
CN TAN THANH	CAO HUU THIEN	*****196	5	CT10069565-CT10069569
CN THANH XUAN	CAO HUY HOANG	*****163	10	CT10068749-CT10068758
CN KIEN GIANG	CAO HUYNH TRINH	*****249	1	CT10009775-CT10009775
CN LONG BIEN	CAO KHAC TRUONG	*****625	14	CT10100706-CT10100719
PGD CAM PHA	CAO KHANH LONG	*****860	5	TD10006341-TD10006345
PGD BACH DANG	CAO LAI GIANG	*****878	1	EB10002642-EB10002642
SEABANK LE DUAN	CAO LAI GIANG	*****878	4	CT10084572-CT10084575
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO LE DUNG	*****204	12	CT10026568-CT10026579
CN DA NANG	CAO LE QUANG PHUONG	*****206	101	CT10156148-CT10156248
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	CAO LE TRANG	*****187	5	TD10006026-TD10006030
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO MANH TUAN	*****447	13	CT10005453-CT10005465
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO MINH DUC	*****056	1	CT10014776-CT10014776
CN BINH DUONG	CAO MINH HIEU	*****909	3	CT10012436-CT10012438
CN DA NANG	CAO MINH LOC	*****450	5	CT10016056-CT10016060
PGD AU CO	CAO MINH LUAN	*****172	10	CT10161159-CT10161168
CN DONG DA	CAO MINH PHONG	*****487	25	CT10030261-CT10030285
PGD TRAN DUY HUNG	CAO MINH THANG	*****386	2	CT10166591-CT10166592
PGD NGUYEN VAN CU	CAO MINH THANG	*****698	9	CT10054241-CT10054249
CN TAN BINH	CAO MINH TRI	*****665	5	TD10003511-TD10003515
CN HAI AN	CAO MINH TRONG	*****649	1	EB10000657-EB10000657
PGD TRUONG QUANG TRONG	CAO MINH UT	*****511	5	CT10055303-CT10055307
SEABANK LE DUAN	CAO MY VINH	*****672	13	CT10152269-CT10152281
CN CAU GIAY	CAO NAM KHANH	*****019	32	CT10025477-CT10025508
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO NAM VIET	*****116	24	CT10111164-CT10111187
CN LANG HA	CAO NGOC HIEN	*****096	5	CT10101695-CT10101699

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	CAO NGOC LOAN	*****374	3	CT10153362-CT10153364
CN AN GIANG	CAO NGOC MAN	*****857	1	EB10001554-EB10001554
PGD Krong Nang	CAO NGOC TRUNG	*****639	15	DN10066776-DN10066790
CN DONG NAI	CAO NGUYEN AN BACH NHAT	*****076	1	CT10155668-CT10155668
PGD PHU LAM	CAO NGUYEN HOANG NGAN	*****598	3	CT10035519-CT10035521
CN CAN THO	CAO NGUYEN KHANG	*****939	7	CT10080900-CT10080906
CN TAN PHU	CAO NGUYEN MINH TRANG	*****304	49	CT10033819-CT10033826; DN10056521-DN10056555; EB10001205-EB10001205; TD10000026-TD10000030
PGD DAO TAN	CAO NGUYEN TAN DUNG	*****889	5	TD10009911-TD10009915
CN AN GIANG	CAO PHAM SANG	*****147	1	CT10166236-CT10166236
CN VINH PHUC	CAO PHUONG LAN	*****989	15	CT10122759-CT10122763; TD10004556-TD10004565
CN THANH XUAN	CAO QUANG MINH	*****922	22	CT10157730-CT10157751
CN CA MAU	CAO QUOC KHANH	*****016	50	DN10003371-DN10003414; EB10000155-EB10000155; TD10005886-TD10005890
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO SON HAI	*****696	25	CT10024735-CT10024759
CN SAI GON	CAO SONG KIEU NGA	*****682	4	CT10136300-CT10136303
PGD XUAN LA	CAO SY CUONG	*****210	64	CT10127599-CT10127662
CN HA DONG	CAO SY KHUONG	*****270	1	EB10001580-EB10001580
PGD THU DAU 1	CAO TAN HUU	*****443	1	CT10005752-CT10005752
PGD LAN ONG	CAO TAN THANH	*****012	1	EB10003342-EB10003342
CN NHA TRANG	CAO THAI HOA	*****569	37	DN10074157-DN10074187; EB10001760-EB10001760; TD10002046-TD10002050
CN TAN BINH	CAO THANH DOAN	*****143	12	CT10108052-CT10108063
TT KHCC MIEN BAC 1	CAO THANH HAI	*****093	11	CT10137504-CT10137514
PGD SO SAO	CAO THANH HAI	*****349	76	DN10079980-DN10080044; EB10001941-EB10001941; TD10003386-TD10003395
CN DONG DA	CAO THANH HANG	*****518	1	CT10165389-CT10165389
CN QUANG NGAI	CAO THANH HANH	*****659	5	DN10065190-DN10065194

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	CAO THANH HIEN	*****013	7	CT10156715-CT10156721
CN HAI AN	CAO THANH HUNG	*****283	10	CT10023492-CT10023501
PGD DI AN	CAO THANH HUNG	*****380	35	CT10151609-CT10151611; DN10074639-DN10074670
PGD LE THAI TO	CAO THANH MINH	*****672	1	CT10143255-CT10143255
PGD LE HONG PHONG	CAO THANH PHUOC	*****026	3	CT10100445-CT10100447
CN THANH XUAN	CAO THANH TUAN	*****597	42	CT10054973-CT10055014
PGD QUAN 1	CAO THI BACH LE	*****037	10	CT10165622-CT10165631
PGD HA LONG	CAO THI BI	*****087	5	DN10055244-DN10055248
CN BINH DINH	CAO THI BICH HA	*****061	1	EB10000714-EB10000714
PGD HOANG DIEU	CAO THI BICH TRAM	*****134	1	CT10146352-CT10146352
CN TAN THANH	CAO THI BUP	*****311	6	CT10037697-CT10037697; TD10000356-TD10000360
CN DA NANG	CAO THI CHIN	*****646	1	CT10006764-CT10006764
CN DONG NAI	CAO THI DUONG	*****959	1	EB10000055-EB10000055
CN PHU MY HUNG	CAO THI GAI	*****745	19	CT10048664-CT10048682
CN CAU GIAY	CAO THI HAI YEN	*****005	70	CT10027629-CT10027698
PGD KIM VAN	CAO THI HAI YEN	*****820	1	CT10029106-CT10029106
PGD NGUYEN SY SACH	CAO THI HIEN	*****753	1	EB10000286-EB10000286
PGD SAI DONG	CAO THI HOAI	*****659	13	CT10063432-CT10063444
PGD BINH TAN	CAO THI HOANG MAI	*****717	50	CT10164595-CT10164644
PGD SAO DO	CAO THI HOE	*****373	1	CT10000847-CT10000847
PGD VAN XUAN	CAO THI HONG	*****966	11	CT10157111-CT10157121
HUB THE VA TIN CHAP MN	CAO THI HONG DIEM	*****767	1	CT10074766-CT10074766
CN DAI AN	CAO THI HUE	*****165	6	CT10126154-CT10126154; TD10004751-TD10004755
CN DAK LAK	CAO THI HUONG	*****686	3	DN10025122-DN10025124
CN CAN THO	CAO THI HUYEN TRAN	*****234	7	CT10119533-CT10119539
CN HAI AN	CAO THI KIM NGAN	*****042	5	CT10129430-CT10129434
CN AN GIANG	CAO THI KIM NGOC	*****502	3	DN10031409-DN10031411
CN SO GIAO DICH	CAO THI KIM OANH	*****678	1	CT10067953-CT10067953
CN LONG BIEN	CAO THI LAN	*****703	17	CT10118153-CT10118169
CN BINH DINH	CAO THI LANG	*****046	3	DN10047299-DN10047301
CN DA NANG	CAO THI MAI NGOC	*****199	4	CT10146632-CT10146635
CN AN GIANG	CAO THI MANH	*****712	2	DN10001776-DN10001777
PGD NGUYEN NGOC NAI	CAO THI MINH HAI	*****266	1	EB10001658-EB10001658

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	CAO THI MINH THU	*****247	3	CT10058716-CT10058718
CN CAN THO	CAO THI MY LIEN	*****023	2	CT10001552-CT10001553
CN AN GIANG	CAO THI MY THOA	*****099	1	CT10113927-CT10113927
CN AN GIANG	CAO THI NGA	*****477	3	DN10060932-DN10060934
CN SO GIAO DICH	CAO THI NGAN	*****219	1	EB10002249-EB10002249
CN AN GIANG	CAO THI NGOC SANG	*****524	3	DN10107608-DN10107610
PGD LY THUONG KIET-DN	CAO THI NHU THAO	*****894	2	CT10156088-CT10156089
TT KH CC MIEN BAC 2	CAO THI NHUNG	*****205	10	CT10052048-CT10052057
CN HA DONG	CAO THI PHUONG ANH	*****737	1	CT10049421-CT10049421
PGD DAO TAN	CAO THI PHUONG THUY	*****599	5	TD10009841-TD10009845
PGD THANG LONG	CAO THI THANH HOAI	*****478	1	CT10059579-CT10059579
CN NGHE AN	CAO THI THANH HUYEN	*****963	1	EB10000950-EB10000950
CN VINH PHUC	CAO THI THANH NGA	*****378	11	CT10029585-CT10029590; TD10010381-TD10010385
CN TAN THANH	CAO THI THANH THUY	*****877	84	CT10074198-CT10074210; DN10024261-DN10024325; EB10000570-EB10000570; TD10007161-TD10007165
CN VINH PHUC	CAO THI THAO	*****419	1	EB10000820-EB10000820
CN HAI PHONG	CAO THI THU HUONG	*****173	1	CT10163377-CT10163377
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO THI THU HUYEN	*****170	1	CT10137272-CT10137272
CN HAI AN	CAO THI THU THAO	*****699	8	CT10159226-CT10159233
CN DA NANG	CAO THI THU THUONG	*****840	5	TD10000086-TD10000090
PGD SAO DO	CAO THI THUY	*****618	4	CT10093319-CT10093322
PGD MY CA	CAO THI THUY	*****854	40	DN10034912-DN10034951
CN THANH HOA	CAO THI XINH	*****473	50	DN10090290-DN10090339
CN NGHE AN	CAO THI XUAN	*****116	1	CT10060896-CT10060896
PGD THANH CONG	CAO THINH DUAN	*****344	45	CT10093405-CT10093449
CN SAI GON	CAO THO BA	*****071	25	CT10114883-CT10114907
CN DAI AN	CAO THU HANG	*****419	1	CT10044709-CT10044709
CN DONG DA	CAO THUY LINH	*****463	59	CT10005240-CT10005298
CN BINH DUONG	CAO THUY THANH TRUC	*****594	1	CT10082402-CT10082402
PGD NGUYEN SY SACH	CAO TIEN THAN	*****836	8	CT10164207-CT10164214

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	CAO TRAN THANH HUY	*****623	14	CT10071127-CT10071140
CN QUANG NGAI	CAO TUAN ANH	*****444	2	CT10044014-CT10044015
CN DAI AN	CAO TUONG VI	*****057	1	EB10002095-EB10002095
TT KHCC MIEN BAC 1	CAO VAN BINH	*****632	1	CT10108686-CT10108686
CN HAI DUONG	CAO VAN CHINH	*****910	86	CT10140916-CT10140921; DN10044348-DN10044417; TD10009976-TD10009985
CN TAN PHU	CAO VAN CHUNG	*****176	2	CT10056319-CT10056320
CN CAU GIAY	CAO VAN DUNG	*****559	10	TD10010841-TD10010850
TT KH CC MIEN BAC 2	CAO VAN HAN	*****937	1	CT10146994-CT10146994
HUB THE VA TIN CHAP MB	CAO VAN HUNG	*****264	21	CT10019930-CT10019950
CN THANH HOA	CAO VAN HUY	*****490	10	CT10024725-CT10024734
PGD HOA BINH	CAO VAN LAI	*****139	160	CT10018511-CT10018520; DN10029444-DN10029593
PGD SOC SON	CAO VAN LOAN	*****248	2	CT10126335-CT10126336
PGD DONG SON	CAO VAN MANG	*****997	10	CT10025065-CT10025074
PGD TRUNG HOA	CAO VAN SON	*****932	10	CT10023109-CT10023118
CN HA DONG	CAO VAN TAN	*****428	5	TD10001636-TD10001640
PGD THAI THINH	CAO VAN THIET	*****203	48	CT10013697-CT10013744
HUB THE VA TIN CHAP MN	CAO VAN THUA	*****596	3	CT10089608-CT10089610
PGD TRUNG NHI	CAO VAN TRINH	*****450	57	CT10109438-CT10109441; DN10071361-DN10071407; EB10001733-EB10001733; TD10001991-TD10001995
PGD LE VAN SY	CAO VAN TRONG	*****464	4	CT10095905-CT10095908
CN NHA TRANG	CAO VIET BACH	*****082	1	EB10001714-EB10001714
PGD DAO TAN	CAO VIET HUNG	*****459	7	CT10138021-CT10138027
CN CAU GIAY	CAO VIET SON	*****491	30	DN10036395-DN10036419; TD10009176-TD10009180
PGD QUAN 1	CAO VINH PHUC	*****764	1	CT10152036-CT10152036
HUB PAYROLL MB	CAO VINH SON	*****597	24	CT10091293-CT10091316
PGD CONG HOA	CAO VO DUC	*****318	1	EB10002879-EB10002879
PGD NGUYEN KHANH TOAN	CAO VU TUNG LAM	*****525	11	CT10059035-CT10059045
PGD HAI DANG	CAO XUAN CUONG	*****545	2	CT10071609-CT10071610

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN THANH	CAO XUAN HOAN	*****208	9	CT10017889-CT10017897
PGD KIM VAN	CAO XUAN HONG	*****535	16	DN10067366-DN10067381
PGD DONG CAT	CAO XUAN NHAN	*****713	1	CT10066845-CT10066845
HUB PAYROLL MB	CAO XUAN THANG	*****484	24	CT10022104-CT10022127
CN HAI PHONG	CAO XUAN TRUONG	*****686	2	CT10033353-CT10033354
HUB PAYROLL MB	CAO XUAN VINH	*****645	8	CT10026772-CT10026779
CN TAN PHU	CAP DOANH KHOA	*****943	1	EB10002888-EB10002888
PGD NGO GIA TU	CAP MINH KHANG	*****694	12	CT10034087-CT10034098
CN DA NANG	CHAU BAO NGOC	*****725	3	CT10080256-CT10080258
CN CAN THO	CHAU DUC TOAN	*****041	1	CT10149305-CT10149305
CN CAN THO	CHAU HAI LOI	*****768	1	CT10098717-CT10098717
CN NGHE AN	CHAU HOAI THUONG	*****999	12	DN10063039-DN10063050
CN CAN THO	CHAU HUU LOC	*****170	5	CT10132279-CT10132283
PGD CONG HOA	CHAU KHAI MINH	*****581	1	EB10002783-EB10002783
CN AN GIANG	CHAU MINH SANG	*****265	1	CT10003001-CT10003001
CN TP. HO CHI MINH	CHAU NGOC HAU	*****609	1	EB10001322-EB10001322
PGD DI AN	CHAU NGOC LIEN	*****135	2	CT10141417-CT10141418
CN TAN PHU	CHAU QUANG HIEN	*****227	2	CT10162404-CT10162405
HUB PAYROLL MN	CHAU THI BICH PHUONG	*****373	1	EB10003165-EB10003165
PGD CAM RANH	CHAU THI BICH THAO	*****531	50	DN10030765-DN10030814
CN HUE	CHAU THI DIEM THI	*****606	4	DN10067675-DN10067678
CN SAI GON	CHAU THI KIM HOA	*****110	5	CT10108067-CT10108071
CN BINH DUONG	CHAU THI PHUONG LOAN	*****217	4	DN10102990-DN10102993
CN NHA TRANG	CHAU THI THANH HUONG	*****979	5	CT10017599-CT10017603
PGD VINH HAI	CHAU THI Y CHI	*****129	3	CT10001626-CT10001628
PGD QUAN 1	CHAU THI YEN	*****820	1	EB10002887-EB10002887
CN SAI GON	CHAU VAN CAN	*****272	11	DN10052112-DN10052122
PGD Krong Nang	CHAU VAN THO	*****786	70	DN10063524-DN10063593
CN SAI GON	CHAU VAN TUAN ANH	*****932	25	CT10048511-CT10048535
PGD CONG HOA	CHAU VO BAO HUY	*****632	1	CT10125310-CT10125310
CN TAN THANH	CHE QUANG HOANG	*****052	1	CT10070349-CT10070349
CN TP. HO CHI MINH	CHE QUANG QUOC	*****081	1	CT10095683-CT10095683
CN TAN PHU	CHE THI KIM PHUONG	*****927	1	EB10000406-EB10000406
CN DA NANG	CHE THI TU LINH	*****369	1	CT10074094-CT10074094
PGD THANH CONG	CHEN KAI	*****369	1	EB10002851-EB10002851

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	CHENG MAN KAN PATRICK	*****550	1	EB10002889-EB10002889
CN TAN THANH	CHIEM HOANG DUONG	*****941	1	CT10134498-CT10134498
CN DA NANG	CHIU CHENG TSAI	*****311	35	CT10040060-CT10040094
PGD Krong Nang	CHIU KIM LIEN	*****500	3	DN10036209-DN10036211
TT KHCC MIEN BAC 1	CHO SUNG HO	*****423	14	CT10039311-CT10039314; TD10001171-TD10001180
PGD VAN XUAN	CHU ANH DUONG	*****414	1	CT10025054-CT10025054
CN TAN PHU	CHU ANH HOANG	*****179	1	CT10086808-CT10086808
TT KHCC MIEN BAC 1	CHU ANH TUAN	*****816	5	CT10048822-CT10048826
PGD LIM	CHU BA TUAN	*****055	87	CT10120363-CT10120368; DN10082793-DN10082862; EB10002016-EB10002016; TD10003786-TD10003795
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU BAO NGUYEN	*****983	3	CT10014773-CT10014775
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU CAO KHANH	*****105	4	CT10065902-CT10065905
CN DAI AN	CHU CONG KHOA	*****427	14	CT10158404-CT10158417
CN HAI AN	CHU DIEU THUY	*****643	6	CT10018942-CT10018947
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU DINH CHIEN	*****927	25	CT10142960-CT10142984
CN TAN THANH	CHU DOAN MINH THI	*****140	1	CT10135147-CT10135147
PGD THANH CONG	CHU DUC ANH	*****360	48	DN10082895-DN10082942
TT KHCC MIEN BAC 1	CHU DUC NHUAN	*****043	4	CT10166685-CT10166688
CN SO GIAO DICH	CHU HOANG ANH	*****039	2	CT10132632-CT10132633
HUB PAYROLL MB	CHU HOANG ANH	*****661	5	CT10067750-CT10067754
PGD DONG SON	CHU HOANG ANH	*****752	1	EB10000775-EB10000775
CN CAU GIAY	CHU HOANG ANH	*****550	250	DN10055829-DN10056078
CN LANG HA	CHU HOANG MY HANH	*****900	6	CT10162210-CT10162215
PGD TRUNG HOA	CHU HONG HOA	*****037	2	CT10129428-CT10129429
CN HA NOI	CHU HUE MINH	*****548	2	CT10114067-CT10114068
CN DONG DA	CHU HUNG CUONG	*****481	40	DN10030018-DN10030052; TD10008741-TD10008745
CN HA NOI	CHU HUONG GIANG	*****578	1	CT10036615-CT10036615
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU HUY HAI	*****040	25	CT10125704-CT10125728

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN NGOC NAI	CHU HUY HIEN	*****025	2	CT10126654-CT10126655
PGD AU CO	CHU HUYEN TRANG	*****280	1	CT10156425-CT10156425
CN DAI AN	CHU KHANH LINH	*****892	1	CT10108530-CT10108530
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU LAN NGOC	*****140	4	CT10128546-CT10128549
PGD NGUYEN TRAI	CHU LE HUONG GIANG	*****795	1	CT10139447-CT10139447
HUB THE CHAP MB 1	CHU LY LICH	*****396	1	CT10037774-CT10037774
PGD NGUYEN AN NINH	CHU MANH LUONG	*****176	10	DN10075166-DN10075175
CN PHU MY HUNG	CHU MINH DUONG	*****206	27	CT10004721-CT10004747
PGD LE CHAN	CHU MINH HA	*****872	1	CT10065262-CT10065262
CN THANH XUAN	CHU MINH TIEN	*****749	1	CT10068860-CT10068860
CN DONG DA	CHU NGOC OAI	*****649	9	CT10058904-CT10058906; EB10002166-EB10002166; TD10004231-TD10004235
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU NGOC QUANG	*****501	8	CT10067699-CT10067706
PGD TAY HO	CHU NGOC THANH	*****903	6	DN10030656-DN10030661
CN HA NOI	CHU PHUONG HOA	*****207	2	CT10019141-CT10019142
PGD LANG THUONG	CHU PHUONG NGAN	*****057	5	TD10000441-TD10000445
CN HAI DUONG	CHU QUANG DIEM	*****792	9	CT10120466-CT10120474
PGD KIM VAN	CHU QUANG HUY	*****227	75	CT10077307-CT10077381
CN TP. HO CHI MINH	CHU QUANG HUY	*****560	33	CT10056756-CT10056788
PGD TIEN AN	CHU QUY DONG	*****574	5	CT10129462-CT10129466
PGD NGUYEN SY SACH	CHU QUYNH HOAN	*****482	5	TD10005016-TD10005020
PGD KIM VAN	CHU TAN DUC	*****851	2	CT10098712-CT10098713
PGD DAO TAN	CHU TAT KHANG	*****127	1	CT10006232-CT10006232
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU THANH HUONG	*****564	1	CT10078474-CT10078474
CN DONG DA	CHU THANH HUYEN	*****440	15	CT10055243-CT10055257
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU THANH TA	*****374	20	CT10151223-CT10151237; TD10002031-TD10002035
PGD CAM PHA	CHU THANH TAM	*****565	1	EB10002936-EB10002936
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU THANH VAN	*****393	16	CT10052555-CT10052570

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU THE ANH	*****980	24	CT10020239-CT10020262
CN THANH HOA	CHU THE KHOA	*****264	20	CT10160322-CT10160341
CN DAK LAK	CHU THI BICH PHUONG	*****442	1	EB10001174-EB10001174
CN CAN THO	CHU THI BICH THAO	*****839	1	CT10001395-CT10001395
PGD HAM NGHI	CHU THI HOA	*****530	1	EB10002619-EB10002619
PGD BACH MAI	CHU THI HONG	*****514	9	CT10116629-CT10116637
PGD HAO NAM	CHU THI HONG HANH	*****776	5	CT10057473-CT10057477
CN DONG DA	CHU THI HONG NHUNG	*****603	1	CT10051124-CT10051124
CN DAI AN	CHU THI HONG TAM	*****883	1	CT10143806-CT10143806
CN HAI PHONG	CHU THI HOP	*****194	5	DN10002148-DN10002152
CN DONG DA	CHU THI KIM LIEN	*****233	42	CT10033858-CT10033899
CN LONG BIEN	CHU THI KIM LY	*****026	65	CT10083896-CT10083960
PGD THANH CONG	CHU THI LAN HUONG	*****344	8	CT10008878-CT10008885
CN DAI AN	CHU THI LONG NU	*****324	12	CT10152595-CT10152606
CN QUANG NINH	CHU THI MAI THU	*****639	12	CT10140382-CT10140393
CN THANH HOA	CHU THI NGA	*****970	5	CT10114163-CT10114167
PGD NGO GIA TU	CHU THI NGOAN	*****231	31	CT10108003-CT10108033
PGD BACH MAI	CHU THI NGOC	*****038	45	CT10038765-CT10038809
CN THAI NGUYEN	CHU THI NGOC	*****713	1	EB10000636-EB10000636
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU THI NGOC ANH	*****522	20	CT10125465-CT10125484
PGD Krong Nang	CHU THI NIEM	*****384	3	DN10108313-DN10108315
PGD SAO DO	CHU THI PHUC	*****696	1	EB10001127-EB10001127
PGD LAN ONG	CHU THI QUANG	*****050	50	CT10160848-CT10160897
CN QUANG NINH	CHU THI THANH TAM	*****650	7	CT10075621-CT10075627
PGD VAN QUAN	CHU THI THEM	*****321	26	CT10125123-CT10125148
CN DAI AN	CHU THI THOA	*****369	25	CT10032100-CT10032124
CN HAI DUONG	CHU THI THU HUYEN	*****026	15	TD10002541-TD10002555
PGD LE THAI TO	CHU THI THUY	*****780	1	EB10002707-EB10002707
CN CAU GIAY	CHU THI TO UYEN	*****100	10	CT10018352-CT10018361
CN HA NOI	CHU THI TUYEN	*****275	10	TD10002796-TD10002805
CN HA DONG	CHU THI VAN	*****559	6	CT10095600-CT10095605
CN SAI GON	CHU THUY KIM VY	*****003	17	CT10152850-CT10152866
CN CAU GIAY	CHU TIEN DUNG	*****624	44	CT10121076-CT10121119
PGD XUAN LA	CHU TRUNG KIEN	*****997	25	CT10059251-CT10059275
CN CAU GIAY	CHU TUAN ANH	*****596	14	CT10011503-CT10011516
CN LONG BIEN	CHU VAN BAI	*****231	6	CT10139571-CT10139576

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	CHU VAN CONG	*****227	77	DN10061797-DN10061873
TT KHCC MIEN BAC 1	CHU VAN DUYET	*****857	2	CT10022342-CT10022343
TT KHCC MIEN BAC 1	CHU VAN HA	*****045	17	CT10092838-CT10092854
CN DAI AN	CHU VAN HUNG	*****845	14	CT10162195-CT10162208
HUB THE VA TIN CHAP MB	CHU VAN HUNG	*****792	3	CT10100703-CT10100705
PGD TO HIEU	CHU VAN KHANG	*****608	1	CT10084766-CT10084766
TT KHCC MIEN BAC 1	CHU VAN NHAM	*****010	36	CT10101513-CT10101548
CN SO GIAO DICH	CHU VAN SAN	*****924	3	CT10130297-CT10130299
PGD QUAN 10	CHU VAN TAN	*****386	5	CT10073880-CT10073884
CN BAC NINH	CHU VAN TOAN	*****690	1	EB10001509-EB10001509
CN HAI PHONG	CHU VAN TU	*****576	17	CT10110121-CT10110124; DN10096852-DN10096858; EB10001037-EB10001037; TD10002521-TD10002525
CN DONG DA	CHU VAN TUAN	*****020	1	EB10001603-EB10001603
PGD TRAN DUY HUNG	CHU VAN TUNG	*****054	25	CT10012634-CT10012658
CN THANH XUAN	CHU VU ANH	*****204	57	CT10009889-CT10009945
HUB PAYROLL MB	CHU VU HUNG	*****322	24	CT10123732-CT10123755
CN THANH XUAN	CHU XUAN LAI	*****899	1	CT10003034-CT10003034
PGD LAC LONG QUAN	CHU XUAN TRUONG	*****030	1	EB10000866-EB10000866
CN TAN BINH	CHUNG NGOC DIEP	*****717	66	DN10006957-DN10007017; TD10006256-TD10006260
PGD KIM LIEN	CHUNG NGOC HUYEN	*****753	3	CT10092878-CT10092880
CN KIEN GIANG	CHUONG HOA LOI	*****105	5	CT10135325-CT10135329
PGD HANG KENH	CNTD DUONG THIEN VAN	*****683	19	CT10139483-CT10139501
PGD SAI DONG	CO THI THU	*****741	3	CT10122072-CT10122074
TT KH CC MIEN BAC 2	CONG HUYEN TRANG	*****087	10	CT10022872-CT10022881
CN DAI AN	CONG MANH CUONG	*****337	6	CT10041569-CT10041569; TD10001386-TD10001390
CN CAU GIAY	CONG NGOC HUNG	*****942	6	CT10104180-CT10104185
CN SO GIAO DICH	CONG THI TUYET	*****145	1	CT10009681-CT10009681
CN LANG HA	CONG THUY DUONG	*****721	5	TD10007276-TD10007280

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN THANH	CU DANG THO	*****254	5	CT10082971-CT10082975
CN TIEN GIANG	CU LAM	*****149	4	CT10135474-CT10135477
PGD BOTANIC	CU MINH THOI	*****843	1	CT10081654-CT10081654
CN THAI NGUYEN	CU THI MAI CHI	*****590	1	CT10132035-CT10132035
CN DAK LAK	CU THI THAO LY	*****719	3	DN10105277-DN10105279
SEABANK LE DUAN	CU THI THUY TRAM	*****285	40	DN10024932-DN10024971
PGD HO TUNG MAU	CU TRONG TAI	*****717	37	CT10090978-CT10091014
HUB THE VA TIN CHAP MB	CU TRUNG KIEN	*****616	24	CT10097017-CT10097040
CN CAU GIAY	CU VAN BAC	*****949	25	CT10132978-CT10133002
CN TP. HO CHI MINH	CUNG HA THUY ANH	*****321	34	CT10105383-CT10105416
PGD THANH CONG	CUNG LINH CHI	*****971	7	CT10018815-CT10018821
PGD TRAN PHU	CUNG MINH HAI	*****921	22	CT10058771-CT10058792
PGD VAN XUAN	CUNG THI MAI ANH	*****465	1	EB10003163-EB10003163
PGD TAY HO	CUNG THI MINH DUC	*****026	5	CT10116815-CT10116819
PGD XUAN LA	CUNG THI THANH LOAN	*****236	15	CT10107742-CT10107756
PGD VAN XUAN	CUNG TIEN MANH	*****923	9	CT10052777-CT10052785
PGD XUAN LA	CUNG VAN TIEN	*****111	50	CT10003752-CT10003801
CN BAC NINH	DAM ANH DUNG	*****853	29	CT10076527-CT10076540; TD10007791-TD10007805
PGD KIM VAN	DAM BICH THUY	*****082	6	CT10142423-CT10142428
CN HAI AN	DAM DINH BINH	*****881	1	CT10142420-CT10142420
PGD TU SON	DAM HOANG ANH	*****123	112	CT10028736-CT10028737; DN10046948-DN10047047; TD10010301-TD10010310
PGD XUAN LA	DAM HOANG HAI	*****880	12	CT10124367-CT10124378
CN LONG BIEN	DAM HUU TRUONG	*****307	4	CT10113351-CT10113354
CN SO GIAO DICH	DAM MANH CUONG	*****851	3	CT10075134-CT10075136
CN THAI NGUYEN	DAM MANH HUNG	*****796	5	CT10072217-CT10072221
PGD TUYEN SON	DAM MINH ANH	*****371	1	CT10152150-CT10152150
CN DONG DA	DAM MINH DUNG	*****129	24	CT10128887-CT10128910
CN SO GIAO DICH	DAM MINH HIEN	*****696	3	CT10131817-CT10131819
CN SO GIAO DICH	DAM PHUONG MAI	*****923	1	CT10008576-CT10008576
CN VINH PHUC	DAM QUANG LUU	*****841	5	CT10055275-CT10055279
PGD TON THAT TUNG	DAM QUANG MINH	*****506	14	CT10053943-CT10053956

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BACH MAI	DAM QUANG THAI	*****442	2	CT10067513-CT10067514
CN DAI AN	DAM QUANG THANG	*****010	3	CT10158857-CT10158859
TT KHCC MIEN BAC 1	DAM QUANG TUNG	*****247	2	CT10047972-CT10047973
CN THAI NGUYEN	DAM QUOC DAT	*****728	26	DN10106867-DN10106892
PGD HO NAI	DAM TAM THIEN	*****267	1	EB10002269-EB10002269
CN SO GIAO DICH	DAM THANH TUNG	*****689	1	CT10057197-CT10057197
CN HAI AN	DAM THI ANH	*****144	1	EB10000811-EB10000811
PGD BA TRIEU	DAM THI ANH NGOC	*****380	1	CT10034054-CT10034054
CN DONG DA	DAM THI HA	*****099	5	CT10135759-CT10135763
PGD TRAN NGUYEN HAN	DAM THI HOA	*****897	1	EB10003175-EB10003175
CN NHA TRANG	DAM THI KIEU	*****532	1	EB10002326-EB10002326
CN HAI AN	DAM THI KIM ANH	*****356	12	CT10056147-CT10056158
PGD LANG THUONG	DAM THI KIM LOAN	*****612	1	CT10152696-CT10152696
PGD DOI CAN	DAM THI LAN HUONG	*****773	5	TD10008321-TD10008325
HUB PAYROLL MB	DAM THI MAI PHUONG	*****143	5	TD10011211-TD10011215
PGD BA TRIEU	DAM THI NGOC ANH	*****488	1	EB10001956-EB10001956
CN BAC NINH	DAM THI NGOC ANH	*****859	1	EB10002281-EB10002281
HUB PAYROLL MB	DAM THI THANH MAI	*****116	25	CT10140292-CT10140316
PGD HAI DANG	DAM THI THU NGA	*****696	50	CT10076402-CT10076407; DN10107870-DN10107907; EB10002600-EB10002600; TD10007811-TD10007815
CN HAI AN	DAM THI TRUNG ANH	*****150	1	EB10000134-EB10000134
CN HAI PHONG	DAM THI TU OANH	*****463	3	CT10138294-CT10138296
PGD QUANG PHU	DAM THI TUE	*****249	4	DN10004332-DN10004335
CN HA TINH	DAM THO	*****168	60	DN10083058-DN10083112; TD10003731-TD10003735
CN HAI AN	DAM THU THUY	*****281	1	EB10001111-EB10001111
TT KHCC MIEN BAC 1	DAM TIEN THANG	*****312	1	CT10101812-CT10101812
CN LANG HA	DAM TO MAI	*****157	10	CT10022165-CT10022174
CN HAI AN	DAM TRANG ANH	*****729	2	CT10050481-CT10050482
CN HAI AN	DAM TRI THANH	*****736	1	CT10018328-CT10018328
CN HAI AN	DAM VAN DONG	*****130	1	EB10002452-EB10002452
PGD TU SON	DAM VAN DONG	*****008	2	CT10028388-CT10028389
CN VINH PHUC	DAM VAN MON	*****437	19	CT10070139-CT10070157
CN HAI AN	DAM VAN SANG	*****462	8	CT10015488-CT10015495

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	DAM VIET HAI	*****184	1	CT10117528-CT10117528
CN BAC NINH	DAM XUAN HOA	*****793	14	CT10088391-CT10088399; TD10009721-TD10009725
PGD LE VAN SY	DAN DUC TOAN	*****418	17	CT10049404-CT10049420
SEABANK LE DUAN	DAN DUY NAM	*****279	25	CT10074630-CT10074654
CN HAI PHONG	DANG ANH DUNG	*****209	15	CT10069199-CT10069213
PGD QUAN 7	DANG ANH KHOA	*****810	1	CT10152843-CT10152843
CN DAI AN	DANG ANH MINH	*****440	2	CT10067225-CT10067226
CN HA NOI	DANG ANH PHUONG	*****115	12	CT10011155-CT10011166
CN LANG HA	DANG ANH TUAN	*****087	39	CT10153534-CT10153572
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG BACH HUE	*****033	25	CT10027834-CT10027858
CN THANH XUAN	DANG BICH NGOC	*****615	1	CT10117602-CT10117602
CN LONG BIEN	DANG BIEN CUONG	*****769	23	CT10125848-CT10125870
CN LANG HA	DANG CAO CUONG	*****216	15	CT10098044-CT10098058
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG CAO DANG	*****518	1	CT10139869-CT10139869
CN TP. HO CHI MINH	DANG CONG TRUONG	*****827	10	CT10044460-CT10044464; TD10001531-TD10001535
CN SO GIAO DICH	DANG DANG LINH	*****781	8	CT10155778-CT10155785
CN HA DONG	DANG DANG QUANG	*****131	1	EB10000970-EB10000970
CN CAU GIAY	DANG DINH CHINH	*****853	8	CT10064544-CT10064551
CN HA DONG	DANG DINH CUONG	*****030	28	CT10108633-CT10108660
PGD NGUYEN NGOC NAI	DANG DINH HAI	*****630	6	CT10125115-CT10125120
CN VINH PHUC	DANG DINH MANH	*****787	15	CT10046710-CT10046724
CN THANH XUAN	DANG DINH PHUONG	*****682	1	CT10165154-CT10165154
PGD VAN XUAN	DANG DINH SOAI	*****694	9	CT10057900-CT10057908
CN HA DONG	DANG DINH SUNG	*****826	1	CT10111881-CT10111881
CN HA DONG	DANG DINH THINH	*****113	1	EB10000221-EB10000221
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG DINH TUAN	*****639	1	CT10103687-CT10103687
CN QUANG NGAI	DANG DUC DAT	*****187	5	CT10147705-CT10147709
PGD THANH CONG	DANG DUC DOANH	*****298	24	CT10134978-CT10135001
PGD TRUNG NHI	DANG DUC HAU	*****943	8	CT10023072-CT10023079
CN DONG DA	DANG DUC KHOI	*****803	2	CT10047837-CT10047838
PGD NUI THANH	DANG DUC NAM	*****724	1	CT10083473-CT10083473
CN KIEN GIANG	DANG DUC SINH	*****120	3	CT10105017-CT10105019
CN HAI PHONG	DANG DUC TRUNG	*****340	1	EB10000796-EB10000796

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG DUY MANH	*****793	29	CT10151413-CT10151441
CN SO GIAO DICH	DANG HA KHANH	*****870	6	CT10051464-CT10051469
PGD HAM NGHI	DANG HA MY	*****921	2	CT10164220-CT10164221
CN SO GIAO DICH	DANG HAI ANH	*****332	2	CT10138819-CT10138820
CN DAI AN	DANG HAI ANH	*****442	5	TD10007481-TD10007485
PGD NGOC HOI	DANG HAI THANH	*****072	17	CT10088518-CT10088534
PGD DOI CAN	DANG HANG HA	*****162	70	CT10001656-CT10001725
PGD NGOC HOI	DANG HOAI ANH	*****713	3	CT10084636-CT10084638
PGD TRAN PHU	DANG HOANG ANH	*****524	25	CT10048404-CT10048428
PGD HONG BANG	DANG HOANG CUONG	*****193	3	CT10153928-CT10153930
CN DA NANG	DANG HOANG DUY	*****698	1	CT10149347-CT10149347
CN CA MAU	DANG HOANG KHIEM	*****380	5	CT10010392-CT10010396
PGD BACH DANG	DANG HOANG NAM	*****245	1	CT10106872-CT10106872
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG HOANG PHUONG LINH	*****034	1	EB10000787-EB10000787
CN THANH XUAN	DANG HOANG SON	*****738	9	CT10106242-CT10106250
CN HA NOI	DANG HOANG YEN	*****335	19	CT10036980-CT10036998
CN LANG HA	DANG HONG CUONG	*****111	1	EB10001795-EB10001795
PGD BACH MAI	DANG HONG DANG	*****900	57	CT10166237-CT10166293
CN DONG DA	DANG HONG GIANG	*****207	5	TD10002556-TD10002560
CN DONG DA	DANG HONG THAI	*****099	13	CT10165085-CT10165097
PGD NGUYEN VAN CU	DANG HUONG LY	*****294	12	CT10146235-CT10146241; TD10001001-TD10001005
CN TAN THANH	DANG HUU CHIEN	*****068	1	EB10002186-EB10002186
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG HUU HUNG	*****003	24	CT10020775-CT10020798
CN TP. HO CHI MINH	DANG HUU SANG	*****750	1	CT10064099-CT10064099
CN HUE	DANG HUU TIN	*****261	5	CT10053910-CT10053914
CN HAI PHONG	DANG HUU VY	*****104	5	DN10078928-DN10078932
CN SO GIAO DICH	DANG HUY HOANG	*****732	6	CT10095614-CT10095619
PGD BA TRIEU	DANG HUYEN THANH	*****098	6	CT10157700-CT10157705
CN BAC NINH	DANG HUYEN TRANG	*****256	5	TD10000601-TD10000605
CN DONG DA	DANG HUYNH ANH DUONG	*****625	12	CT10056119-CT10056130
CN TIEN GIANG	DANG HUYNH CHI VY	*****449	1	EB10001020-EB10001020
SEABANK LE DUAN	DANG HUYNH CONG KHANH	*****352	1	CT10124366-CT10124366
CN HAI PHONG	DANG HUYNH SON	*****750	12	CT10102021-CT10102032

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	DANG KHANH NGUYEN	*****645	2	CT10010258-CT10010259
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG KIEN GIANG	*****878	1	CT10141191-CT10141191
CN DONG DA	DANG KIM ANH	*****164	10	CT10163207-CT10163216
CN TP. HO CHI MINH	DANG KIM CHI	*****149	1	CT10098638-CT10098638
CN TAN BINH	DANG KIM DUNG	*****118	149	DN10025125-DN10025273
PGD CONG HOA	DANG KIM DUNG	*****118	2	CT10011855-CT10011855; EB10002521-EB10002521
CN HAI AN	DANG KIM HOANG	*****080	4	CT10085139-CT10085142
PGD LAC LONG QUAN	DANG KIM HUONG	*****121	25	CT10144799-CT10144823
CN HAI PHONG	DANG KIM KHANH	*****097	14	CT10107165-CT10107178
CN KIEN GIANG	DANG KIM LOAN	*****406	24	CT10141777-CT10141800
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG KIM LONG	*****613	5	CT10012056-CT10012060
CN HAI AN	DANG LAM GIANG	*****856	8	CT10018178-CT10018185
PGD NGOC HOI	DANG LAN ANH	*****323	16	CT10097541-CT10097556
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG LAN ANH	*****470	4	CT10018010-CT10018013
CN DONG NAI	DANG LE DANG	*****232	8	CT10025041-CT10025048
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG LE DUY	*****003	4	CT10122097-CT10122100
CN TP. HO CHI MINH	DANG LE HAN	*****303	1	CT10043780-CT10043780
CN DAK LAK	DANG LOC	*****322	7	CT10135951-CT10135957
CN HA NOI	DANG MAI LINH	*****227	1	EB10000032-EB10000032
CN HA NOI	DANG MANH CUONG	*****001	10	CT10116896-CT10116905
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG MANH CUONG	*****001	50	DN10089337-DN10089386
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG MANH CUONG	*****080	1	EB10003063-EB10003063
PGD DIEN BIEN PHU	DANG MAU ANH	*****035	5	CT10011884-CT10011888
CN HA NOI	DANG MINH DUNG	*****966	55	CT10043069-CT10043123
PGD HO DAC DI	DANG MINH DUONG	*****932	1	CT10081182-CT10081182
CN NHA TRANG	DANG MINH HAI	*****339	1	EB10002623-EB10002623
CN CAU GIAY	DANG MINH HAI	*****646	1	CT10012774-CT10012774
CN VINH PHUC	DANG MINH HAI	*****971	1	EB10002547-EB10002547

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LAN ONG	DANG MINH HIEN	*****189	17	CT10144170-CT10144186
CN DA NANG	DANG MINH HOANG	*****626	5	CT10155350-CT10155354
CN KIEN GIANG	DANG MINH KY	*****412	2	CT10027084-CT10027085
PGD LE LOI	DANG MINH PHUONG	*****529	7	CT10069523-CT10069529
CN THANH XUAN	DANG MINH QUANG	*****246	25	CT10164719-CT10164743
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG MINH THANG	*****398	8	DN10046243-DN10046250
PGD LE THANH TONG	DANG MINH TU	*****829	1	CT10039926-CT10039926
PGD MY CA	DANG MINH TUAN	*****088	1	EB10002057-EB10002057
HUB THE CHAP MN	DANG MINH UYEN	*****504	10	CT10045499-CT10045508
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG MINH VI	*****407	7	CT10118302-CT10118308
CN DAI AN	DANG MINH XUAN	*****938	44	CT10135038-CT10135081
CN DONG DA	DANG MY LINH	*****347	2	CT10110820-CT10110821
PGD THANH CONG	DANG NGOC ANH	*****157	15	CT10051023-CT10051037
CN NHA TRANG	DANG NGOC ANH	*****483	10	CT10027913-CT10027922
CN LANG HA	DANG NGOC ANH	*****707	9	CT10054615-CT10054623
PGD THAI THINH	DANG NGOC ANH	*****040	6	CT10126829-CT10126834
PGD THANH CONG	DANG NGOC ANH	*****156	56	CT10124795-CT10124850
CN BAC NINH	DANG NGOC ANH	*****345	10	CT10024407-CT10024416
PGD LE THANH TONG	DANG NGOC DONG	*****962	31	CT10139394-CT10139398; DN10034827-DN10034841; EB10003043-EB10003043; TD10009101-TD10009110
CN DA NANG	DANG NGOC DUNG	*****629	2	CT10071289-CT10071290
CN SO GIAO DICH	DANG NGOC HUNG	*****484	1	CT10155811-CT10155811
CN DAI AN	DANG NGOC KHANH	*****496	12	CT10078242-CT10078253
CN DAI AN	DANG NGOC LAM	*****744	5	CT10054682-CT10054686
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG NGOC LOC	*****935	3	CT10070159-CT10070161
PGD VAN XUAN	DANG NGOC MINH DIEP	*****159	15	CT10033233-CT10033247
CN DAK LAK	DANG NGOC PHUC	*****403	3	CT10084309-CT10084311
PGD NGOC LAM	DANG NGOC QUAN	*****218	16	CT10023005-CT10023020
TT KH CC MIEN BAC 2	DANG NGOC QUANG	*****729	5	CT10133383-CT10133387
PGD DONG SON	DANG NGOC SON	*****365	1	CT10113583-CT10113583
PGD LAN ONG	DANG NGOC SON	*****541	12	CT10119911-CT10119922

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	DANG NGOC TIEN	*****130	3	CT10149159-CT10149161
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG NGOC VAN	*****880	24	CT10119564-CT10119587
CN DONG DA	DANG NGOC VU	*****318	7	CT10143862-CT10143868
CN DAI AN	DANG NGOC YEN	*****909	5	CT10149307-CT10149311
CN DONG NAI	DANG NGUYEN ANH TUAN	*****523	1	CT10003884-CT10003884
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG NGUYEN BICH PHUNG	*****229	6	DN10021165-DN10021170
CN THANH XUAN	DANG NHU QUYNH	*****999	50	CT10060969-CT10061018
CN DA NANG	DANG NHU THINH	*****355	1	CT10152682-CT10152682
TT KH CC MIEN BAC 2	DANG NHU TUNG	*****314	7	CT10034151-CT10034157
CN DA NANG	DANG PHAN HUY	*****313	1	CT10153769-CT10153769
CN DA NANG	DANG PHAP	*****241	4	CT10115055-CT10115058
CN QUANG NGAI	DANG PHUC DAT	*****387	1	EB10000777-EB10000777
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG PHUONG CHI	*****004	5	CT10082909-CT10082913
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG PHUONG HOA	*****570	4	CT10002000-CT10002003
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG PHUONG MINH	*****401	1	CT10096065-CT10096065
CN SO GIAO DICH	DANG PHUONG TAM	*****748	1	EB10000942-EB10000942
CN HA DONG	DANG PHUONG THAO	*****747	6	CT10147844-CT10147849
CN BINH DUONG	DANG PHUONG THU	*****076	4	DN10020019-DN10020022
CN TP. HO CHI MINH	DANG QUAN MINH THIEN	*****169	4	CT10097365-CT10097368
PGD LANG THUONG	DANG QUANG DUY	*****632	14	CT10026347-CT10026360
PGD HO GUOM	DANG QUANG HAU	*****476	22	CT10153648-CT10153669
CN THAI NGUYEN	DANG QUANG HIEU	*****680	1	EB10002447-EB10002447
CN HAI PHONG	DANG QUANG LAN	*****135	2	CT10118773-CT10118774
CN HA DONG	DANG QUANG MINH	*****003	57	CT10006117-CT10006173
PGD NGUYEN LUONG BANG	DANG QUANG MINH	*****275	13	DN10092512-DN10092523; EB10002342-EB10002342
PGD AU CO	DANG QUANG NHAT	*****225	7	CT10030020-CT10030026
CN SAI GON	DANG QUANG TIEN	*****044	20	CT10031369-CT10031388
CN DAI AN	DANG QUANG TU	*****784	6	CT10164467-CT10164472
PGD TIEN AN	DANG QUANG TUYEN	*****779	22	CT10018064-CT10018085

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	DANG QUOC HIEU	*****383	28	CT10054179-CT10054206
CN SO GIAO DICH	DANG QUOC HUNG	*****074	2	CT10133261-CT10133262
CN DAI AN	DANG QUOC HUONG	*****014	3	CT10072831-CT10072833
CN BAC NINH	DANG QUOC KHANH	*****828	30	CT10154040-CT10154069
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG QUOC LAM	*****180	34	CT10104464-CT10104497
CN SO GIAO DICH	DANG QUOC MINH	*****971	1	EB10003349-EB10003349
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG QUOC OAI	*****750	4	CT10115443-CT10115446
CN THANH XUAN	DANG QUOC TUAN	*****820	18	CT10122402-CT10122419
PGD DAI TU	DANG QUYNH DUNG	*****750	1	EB10000504-EB10000504
CN HAI AN	DANG QUYNH NGA	*****141	9	CT10033222-CT10033230
PGD Krong Nang	DANG SANH	*****852	1	EB10002766-EB10002766
PGD LIM	DANG SI BANG	*****488	8	CT10081224-CT10081231
CN KIEN GIANG	DANG SU TRANG	*****399	1	CT10062673-CT10062673
CN HUE	DANG SY THO	*****297	6	CT10046752-CT10046757
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG SY TUAN	*****793	8	CT10119556-CT10119563
PGD BA TRIEU	DANG TAI NGUYEN	*****013	5	CT10075790-CT10075794
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG TAN THIEU	*****268	1	CT10156090-CT10156090
CN TP. HO CHI MINH	DANG TANG LOC	*****062	1	CT10135029-CT10135029
CN TAN THANH	DANG THAI TOAN	*****201	9	CT10020395-CT10020403
PGD LAC LONG QUAN	DANG THANH BINH	*****231	2	CT10061531-CT10061532
CN DA NANG	DANG THANH BINH	*****437	1	CT10156526-CT10156526
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THANH HAI	*****013	1	CT10126379-CT10126379
CN HAI PHONG	DANG THANH HAI	*****562	10	CT10003348-CT10003357
CN HA NOI	DANG THANH HANG	*****711	4	CT10008254-CT10008257
CN LONG BIEN	DANG THANH HUNG	*****527	9	CT10011441-CT10011449
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THANH HUONG	*****902	24	CT10103368-CT10103391
CN HA DONG	DANG THANH HUYEN	*****068	5	TD10008251-TD10008255
CN HAI PHONG	DANG THANH NAM	*****167	1	CT10064012-CT10064012
PGD KIM VAN	DANG THANH NHUNG	*****862	1	EB10001058-EB10001058
PGD CONG HOA	DANG THANH PHUONG	*****305	2	CT10087696-CT10087697

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	DANG THANH PHUONG	*****818	7	CT10049683-CT10049689
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THANH PHUONG	*****911	1	CT10165025-CT10165025
CN HA NOI	DANG THANH THUY	*****767	3	CT10160300-CT10160302
PGD THAI THINH	DANG THANH THUY	*****621	1	CT10097779-CT10097779
PGD LE VAN SY	DANG THANH TUYEN	*****887	80	DN10029910-DN10029989
PGD THANG LONG	DANG THANH XUAN	*****835	1	EB10003194-EB10003194
PGD LAN ONG	DANG THE CUONG	*****899	24	CT10164488-CT10164511
PGD TUYEN SON	DANG THE LUONG	*****549	1	EB10001578-EB10001578
CN VUNG TAU	DANG THE TRUONG	*****942	3	CT10074191-CT10074193
PGD TAY HO	DANG THI ANH TUYET	*****328	1	CT10076571-CT10076571
CN TP. HO CHI MINH	DANG THI BACH TRUC	*****106	25	CT10036830-CT10036854
PGD THU DAU 1	DANG THI BAO NGOC	*****860	1	EB10002750-EB10002750
CN DAK LAK	DANG THI BICH	*****493	20	DN10060761-DN10060780
CN HAI AN	DANG THI BICH	*****704	2	CT10102698-CT10102699
PGD AU CO	DANG THI BICH CHI	*****017	24	CT10132910-CT10132933
SEABANK LE DUAN	DANG THI BICH THUY	*****746	15	CT10049422-CT10049436
HUB PAYROLL MB	DANG THI BINH	*****494	1	CT10075300-CT10075300
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG THI CAM NGA	*****299	6	CT10082543-CT10082548
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG THI DAO	*****480	1	CT10056162-CT10056162
PGD LACH TRAY 1	DANG THI DUNG	*****741	8	CT10033827-CT10033834
PGD HANG KENH	DANG THI DUYEN	*****103	3	CT10166430-CT10166431; EB10002757-EB10002757
PGD PHO YEN	DANG THI GIANG	*****066	3	CT10132486-CT10132488
PGD PHU MY - BINH DINH	DANG THI HA	*****848	5	DN10008098-DN10008102
CN BAC NINH	DANG THI HA LIEN	*****034	1	CT10032753-CT10032753
CN HAI DUONG	DANG THI HIEN	*****281	1	EB10001399-EB10001399
PGD BINH TAN	DANG THI HOAI NIEM	*****522	1	CT10094849-CT10094849
CN TP. HO CHI MINH	DANG THI HOANG UYEN	*****145	46	DN10029602-DN10029647
CN HAI PHONG	DANG THI HOI	*****932	10	DN10029859-DN10029868
CN BINH DINH	DANG THI HONG	*****104	1	CT10166725-CT10166725
CN LONG BIEN	DANG THI HONG	*****135	1	EB10000052-EB10000052

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	DANG THI HONG HANH	*****602	2	CT10150504-CT10150505
CN LANG HA	DANG THI HONG HANH	*****431	3	CT10086520-CT10086522
CN HAI AN	DANG THI HONG NGA	*****737	6	CT10103207-CT10103212
CN THANH XUAN	DANG THI HONG NGOC	*****349	2	CT10160406-CT10160407
CN NHA TRANG	DANG THI HONG TRANG	*****535	4	CT10036637-CT10036640
HUB THE CHAP MB 1	DANG THI HONG VAN	*****868	3	CT10055286-CT10055288
CN DAK LAK	DANG THI HUE	*****214	5	DN10046251-DN10046255
PGD CAM PHA	DANG THI HUONG	*****072	60	DN10085715-DN10085768; EB10002130-EB10002130; TD10004191-TD10004195
PGD VINH HOANG	DANG THI HUONG	*****070	1	EB10000822-EB10000822
CN THANH HOA	DANG THI HUONG	*****133	5	TD10001316-TD10001320
CN VUNG TAU	DANG THI HUONG	*****875	1	CT10165581-CT10165581
CN LANG HA	DANG THI HUONG MAI	*****073	28	CT10130526-CT10130553
CN LONG BIEN	DANG THI HUYEN	*****626	7	CT10108557-CT10108563
PGD TON DAN	DANG THI KHANH LINH	*****196	138	DN10026549-DN10026686
SEABANK LE DUAN	DANG THI KHUONG	*****614	5	CT10091521-CT10091525
PGD SAI DONG	DANG THI KIM	*****693	1	EB10002448-EB10002448
PGD HAI DANG	DANG THI KIM ANH	*****681	1	CT10062013-CT10062013
PGD XUAN KHANH	DANG THI KIM DAO	*****528	33	DN10077568-DN10077595; TD10003296-TD10003300
CN DA NANG	DANG THI KIM HIEN	*****330	1	EB10002344-EB10002344
PGD NGUYEN LUONG BANG	DANG THI KIM HOA	*****352	11	DN10023878-DN10023887; EB10000572-EB10000572
CN DA NANG	DANG THI KIM HONG NHO	*****778	25	CT10133652-CT10133676
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THI KIM LIEN	*****884	25	CT10143615-CT10143639
CN TIEN GIANG	DANG THI KIM SA	*****138	4	CT10000977-CT10000980
PGD DAO TAN	DANG THI KIM THANH	*****864	6	CT10109121-CT10109126
CN DAK LAK	DANG THI KIM THUY	*****194	5	TD10007666-TD10007670
CN DAK LAK	DANG THI KIM TUYEN	*****406	1	CT10069097-CT10069097
CN HA DONG	DANG THI LAM	*****829	5	TD10007066-TD10007070
CN HA TINH	DANG THI LAN	*****150	5	DN10047855-DN10047859

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA TINH	DANG THI LAN	*****950	5	DN10094955-DN10094959
HUB PAYROLL MB	DANG THI LAN ANH	*****115	25	CT10142393-CT10142417
HUB PAYROLL MN	DANG THI LAN ANH	*****012	1	EB10001280-EB10001280
CN HAI AN	DANG THI LE	*****476	1	EB10001446-EB10001446
CN TAN BINH	DANG THI LE	*****504	7	CT10118987-CT10118993
CN HAI AN	DANG THI LE TAM	*****105	5	CT10150424-CT10150428
PGD THANG LONG	DANG THI LIEN	*****728	1	EB10000116-EB10000116
CN DONG NAI	DANG THI LIEN	*****137	33	DN10076266-DN10076297; EB10001865-EB10001865
CN DONG NAI	DANG THI LIEN	*****554	6	DN10109727-DN10109732
CN HA TINH	DANG THI LUAN	*****227	2	CT10081942-CT10081943
SEABANK LE DUAN	DANG THI LUU	*****272	12	CT10067845-CT10067856
CN HAI AN	DANG THI MAI PHUONG	*****886	2	CT10091631-CT10091632
CN DA NANG	DANG THI MAI TRAM	*****568	5	CT10151345-CT10151349
CN NGHE AN	DANG THI MINH	*****933	1	CT10069902-CT10069902
CN DAI AN	DANG THI MINH HUYEN	*****273	1	EB10001951-EB10001951
PGD BACH MAI	DANG THI MINH NGUYET	*****271	15	CT10114564-CT10114578
CN DA NANG	DANG THI MINH TAM	*****126	7	CT10136494-CT10136500
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THI MINH THU	*****373	2	CT10020064-CT10020065
HUB PAYROLL MN	DANG THI MONG HANG	*****363	1	EB10002850-EB10002850
PGD XUAN KHANH	DANG THI MY DUNG	*****066	1	EB10002743-EB10002743
PGD DIEN BIEN PHU	DANG THI MY LE	*****069	4	CT10117604-CT10117607
CN SAI GON	DANG THI NGA	*****860	25	CT10093828-CT10093852
PGD THANH SEN	DANG THI NGA	*****954	1	EB10000417-EB10000417
CN DAI AN	DANG THI NGAN	*****319	5	CT10104032-CT10104036
CN HUE	DANG THI NGOC DIEP	*****077	16	CT10090398-CT10090408; TD10009851-TD10009855
PGD XUAN LA	DANG THI NGOC HONG	*****875	12	CT10049670-CT10049681
PGD BOTANIC	DANG THI NGOC SANG	*****536	1	CT10128041-CT10128041
PGD PHU MY - BINH DINH	DANG THI NHI	*****207	5	DN10021416-DN10021420
PGD Krong Nang	DANG THI NO	*****674	1	EB10000520-EB10000520
CN DA NANG	DANG THI NU	*****014	1	CT10019512-CT10019512

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	DANG THI PHUONG	*****077	1	EB10000743-EB10000743
PGD NUI THANH	DANG THI PHUONG	*****021	1	EB10002331-EB10002331
PGD HO TUNG MAU	DANG THI PHUONG	*****234	4	CT10098176-CT10098179
CN DONG DA	DANG THI PHUONG THAO	*****684	13	CT10117149-CT10117161
CN LANG HA	DANG THI PHUONG THAO	*****840	6	CT10106005-CT10106010
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG THI THAI HA	*****446	11	CT10049194-CT10049204
PGD TRAN HUNG DAO	DANG THI THANH	*****063	1	EB10002159-EB10002159
SEABANK LE DUAN	DANG THI THANH	*****241	24	CT10068455-CT10068478
CN HA TINH	DANG THI THANH	*****318	2	DN10094938-DN10094939
CN BINH DINH	DANG THI THANH	*****616	3	DN10001652-DN10001654
PGD NGOC LAM	DANG THI THANH	*****198	96	CT10055780-CT10055794; DN10078937-DN10079012; TD10003321-TD10003325
CN HAI DUONG	DANG THI THANH HUONG	*****986	6	CT10095779-CT10095784
CN TAN PHU	DANG THI THANH HUYEN	*****711	4	CT10027708-CT10027711
PGD HO DAC DI	DANG THI THANH MO	*****119	1	CT10070256-CT10070256
PGD HANG KENH	DANG THI THANH NGA	*****040	4	CT10054837-CT10054840
CN DONG DA	DANG THI THANH TOAN	*****373	5	TD10003876-TD10003880
CN HUE	DANG THI THU HA	*****606	2	CT10057026-CT10057027
CN SAI GON	DANG THI THU HANG	*****315	1	CT10055060-CT10055060
PGD BACH MAI	DANG THI THU HIEN	*****056	1	CT10031875-CT10031875
PGD SAO DO	DANG THI THU HIEN	*****882	1	EB10002290-EB10002290
PGD HOA BINH	DANG THI THU HIEN	*****116	21	CT10086433-CT10086453
CN THANH HOA	DANG THI THU HIEN	*****216	1	EB10001954-EB10001954
CN HUE	DANG THI THU HIEN	*****383	1	CT10157252-CT10157252
CN DAI AN	DANG THI THU HOA	*****727	5	CT10064667-CT10064671
CN HAI PHONG	DANG THI THU HONG	*****683	11	CT10162451-CT10162461
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG THI THU HONG	*****195	2	CT10002444-CT10002445
HUB PAYROLL MB	DANG THI THU HUONG	*****398	25	CT10152037-CT10152061

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	DANG THI THU HUYEN	*****143	1	CT10164354-CT10164354
HUB PAYROLL MB	DANG THI THU PHUONG	*****188	25	CT10052886-CT10052910
PGD MY DINH	DANG THI THU SANG	*****369	5	CT10090911-CT10090915
CN LANG HA	DANG THI THU THUY	*****315	21	CT10056816-CT10056816; TD10004121-TD10004140
PGD HO TUNG MAU	DANG THI THU TRANG	*****676	2	CT10038361-CT10038362
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG THI THU TRANG	*****677	2	CT10087548-CT10087549
PGD NGOC LAM	DANG THI THUAN	*****080	1	EB10001189-EB10001189
CN QUANG NGAI	DANG THI THUAN THAO	*****594	1	CT10164512-CT10164512
HUB THE CHAP MB 2	DANG THI THUONG	*****179	16	CT10134765-CT10134780
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG THI THUY	*****357	6	CT10130808-CT10130813
PGD TRAN DUY HUNG	DANG THI THUY HANG	*****684	24	CT10085474-CT10085497
CN DAK LAK	DANG THI THUY HUONG	*****465	4	DN10097895-DN10097898
PGD HANG KENH	DANG THI THUY LOAN	*****051	1	CT10113708-CT10113708
CN LONG BIEN	DANG THI THUY TRANG	*****259	2	CT10101773-CT10101774
PGD DIEN BIEN PHU	DANG THI THUY TRANG	*****490	1	CT10069771-CT10069771
PGD THAI THINH	DANG THI THUY VAN	*****014	5	CT10109659-CT10109663
CN BINH DINH	DANG THI TIN	*****084	5	DN10068185-DN10068189
PGD NGUYEN TRAI	DANG THI TOAN	*****142	70	DN10028590-DN10028649; TD10008446-TD10008455
CN DAK LAK	DANG THI TRUNG HIEU	*****455	1	EB10001517-EB10001517
PGD DAO TAN	DANG THI TUYEN	*****190	9	CT10057988-CT10057996
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THI TUYEN	*****926	17	CT10152282-CT10152298
PGD HO TUNG MAU	DANG THI TUYET	*****416	5	CT10147184-CT10147188
CN AN GIANG	DANG THI TUYET NHUNG	*****550	2	CT10019359-CT10019360

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	DANG THI TUYET SUONG	*****897	1	EB10001369-EB10001369
CN TP. HO CHI MINH	DANG THI TUYET TRANG	*****705	1	CT10005745-CT10005745
CN DA NANG	DANG THI UYEN THANH	*****793	3	CT10093769-CT10093771
CN BINH DINH	DANG THI UYEN VY	*****078	4	DN10091082-DN10091085
PGD VAN XUAN	DANG THI VAN	*****135	25	CT10160621-CT10160645
CN HAI PHONG	DANG THI VAN CHINH	*****515	1	EB10000291-EB10000291
CN HA TINH	DANG THI VIET	*****598	2	CT10125083-CT10125084
CN DONG DA	DANG THI VINH HOA	*****023	9	CT10160593-CT10160601
CN QUANG NGAI	DANG THI XI	*****099	2	CT10128404-CT10128405
PGD LACH TRAY 1	DANG THI XUYEN	*****505	5	TD10008226-TD10008230
PGD LAC LONG QUAN	DANG THI YEN	*****113	12	CT10006390-CT10006401
PGD THAI THINH	DANG THIN GIANG	*****622	7	CT10066645-CT10066651
CN DONG DA	DANG THU HA	*****969	46	CT10006415-CT10006460
CN HA DONG	DANG THU HIEN	*****046	50	CT10024440-CT10024489
PGD XUAN LA	DANG THU HIEN	*****730	12	CT10099556-CT10099567
PGD NGUYEN HUU HUAN	DANG THU HIEN	*****841	50	CT10039809-CT10039858
PGD BA TRIEU	DANG THU HOAI	*****528	43	CT10006692-CT10006734
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THU HUONG	*****901	25	CT10009803-CT10009827
CN CAU GIAY	DANG THU TRANG	*****239	1	EB10000604-EB10000604
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THU TRANG	*****442	1	CT10009463-CT10009463
CN TIEN GIANG	DANG THUONG HOAI	*****046	10	TD10004141-TD10004150
CN LANG HA	DANG THUONG QUAN	*****226	3	CT10002241-CT10002243
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG THUY DIEM PHUONG	*****540	13	CT10072700-CT10072712
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG THUY HA	*****519	24	CT10165773-CT10165796
CN BAC NINH	DANG THUY HA	*****420	22	CT10104930-CT10104951
PGD BACH DANG	DANG THUY HANG	*****591	1	EB10003092-EB10003092
PGD HOANG DIEU	DANG THUY HOANG UYEN	*****951	12	CT10107069-CT10107080
PGD TRAN DUY HUNG	DANG THUY LIEN	*****281	7	CT10143745-CT10143751
CN DA NANG	DANG THUY LINH	*****980	16	CT10076380-CT10076395

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	DANG THUY LOAN	*****002	8	CT10142995-CT10143002
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG TIEN HAI	*****493	24	CT10112084-CT10112107
CN THAI NGUYEN	DANG TIEN THANH	*****721	1	EB10002110-EB10002110
CN HA NOI	DANG TRA MY	*****612	14	CT10040489-CT10040497; TD10001371-TD10001375
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG TRAN AN	*****450	1	CT10082852-CT10082852
PGD HUNG VUONG	DANG TRAN MINH THUC	*****697	4	CT10096424-CT10096427
CN DONG DA	DANG TRAN QUYET	*****419	24	CT10157228-CT10157251
PGD XUAN LA	DANG TRAN THUY	*****023	8	CT10055721-CT10055728
CN LANG HA	DANG TRONG TUNG	*****755	2	CT10017840-CT10017841
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG TRUNG DUC	*****731	8	CT10165253-CT10165260
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG TRUNG DUNG	*****005	6	CT10015983-CT10015988
CN TP. HO CHI MINH	DANG TRUNG HIEU	*****938	1	EB10001036-EB10001036
CN HAI PHONG	DANG TRUNG KIEN	*****178	35	CT10088828-CT10088862
CN QUANG NINH	DANG TUAN ANH	*****606	1	CT10140341-CT10140341
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG TUAN ANH	*****090	14	CT10070336-CT10070344; TD10006841-TD10006845
PGD LAC LONG QUAN	DANG TUAN ANH	*****841	23	CT10079002-CT10079024
PGD HANG KENH	DANG TUAN CUONG	*****297	111	DN10031711-DN10031810; EB10002975-EB10002975; TD10008856-TD10008865
CN DAI AN	DANG TUAN HOANG	*****162	4	CT10117977-CT10117980
CN SO GIAO DICH	DANG TUNG SON	*****717	7	CT10097203-CT10097209
CN THANH XUAN	DANG VAN ANH	*****853	6	CT10103989-CT10103994
CN DONG NAI	DANG VAN ANH	*****894	1	CT10033218-CT10033218
PGD LE CHAN	DANG VAN BIEN	*****546	1	EB10001602-EB10001602
CN BAC NINH	DANG VAN CHIEN	*****570	1	EB10002385-EB10002385
PGD HO DAC DI	DANG VAN DUNG	*****416	14	CT10022690-CT10022703
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG VAN DUNG	*****093	7	CT10085195-CT10085201
CN LONG BIEN	DANG VAN GIAP	*****213	37	CT10037699-CT10037735
PGD VAN XUAN	DANG VAN GIAP	*****621	11	CT10046860-CT10046870
CN TAN THANH	DANG VAN HOANG	*****240	1	CT10053210-CT10053210

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	DANG VAN HUNG	*****912	1	EB10000366-EB10000366
HUB THE VA TIN CHAP MN	DANG VAN KHA	*****104	7	DN10068493-DN10068499
HUB PAYROLL MB	DANG VAN LOC	*****743	1	EB10001867-EB10001867
CN THANH XUAN	DANG VAN LONG	*****408	1	EB10002718-EB10002718
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG VAN LONG	*****408	2	CT10104097-CT10104098
CN BAC NINH	DANG VAN MUC	*****275	1	EB10001782-EB10001782
PGD SO SAO	DANG VAN NAM	*****451	1	EB10000623-EB10000623
PGD PHO YEN	DANG VAN NEN	*****949	60	DN10080602-DN10080661
CN KIEN GIANG	DANG VAN NGUYEN	*****191	1	CT10043879-CT10043879
CN NHA TRANG	DANG VAN PHUC	*****327	1	EB10003186-EB10003186
PGD HAI DANG	DANG VAN QUANG	*****821	58	CT10145256-CT10145258; DN10055486-DN10055530; TD10011286-TD10011295
CN HAI AN	DANG VAN QUAT	*****780	2	CT10091548-CT10091549
SEABANK LE DUAN	DANG VAN QUOC	*****610	25	CT10054469-CT10054493
PGD TON THAT TUNG	DANG VAN QUYNH	*****662	7	CT10114989-CT10114995
PGD TON DAN	DANG VAN THANG	*****351	10	CT10137427-CT10137430; EB10000590-EB10000590; TD10007231-TD10007235
PGD TAY HO	DANG VAN THUAN	*****740	25	CT10099320-CT10099344
CN HAI PHONG	DANG VAN TIEN	*****883	1	CT10044013-CT10044013
PGD PHO YEN	DANG VAN TINH	*****555	15	DN10004215-DN10004229
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG VAN TOAN	*****574	14	CT10064936-CT10064938; EB10000073-EB10000073; TD10005431-TD10005440
HUB THE VA TIN CHAP MB	DANG VAN TRUONG	*****581	2	CT10112470-CT10112471
CN HAI AN	DANG VAN TU	*****691	1	CT10164136-CT10164136
CN HAI DUONG	DANG VAN TUAN	*****399	20	DN10008389-DN10008398; TD10006401-TD10006410
PGD MY DINH	DANG VAN TUAN	*****534	1	EB10001353-EB10001353
HUB PAYROLL MB	DANG VAN TUYEN	*****292	10	CT10133617-CT10133626
CN HAI AN	DANG VAN VIET	*****838	10	CT10142564-CT10142573
PGD CONG HOA	DANG VI NHU	*****926	8	CT10083779-CT10083786
CN DAK LAK	DANG VIET ANH	*****490	2	CT10096796-CT10096797

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	DANG VIET BACH	*****292	6	CT10060607-CT10060612
PGD VAN QUAN	DANG VIET DUNG	*****294	10	CT10111592-CT10111601
CN CAU GIAY	DANG VIET HA	*****478	5	CT10011569-CT10011573
CN THANH XUAN	DANG VIET LE	*****461	106	CT10075910-CT10076015
PGD HAN THUYEN	DANG VIET NGA	*****600	1	CT10083817-CT10083817
CN DAI AN	DANG VIET THANH	*****217	1	CT10087266-CT10087266
PGD XUAN LA	DANG VIET TU	*****636	1	CT10050659-CT10050659
PGD BACH MAI	DANG VIET VIET	*****612	9	CT10028394-CT10028402
CN NGHE AN	DANG XUAN DUC	*****031	4	CT10067318-CT10067321
PGD TON THAT TUNG	DANG XUAN HANH	*****039	3	CT10073808-CT10073810
CN NGHE AN	DANG XUAN KIEU	*****966	53	DN10058501-DN10058553
CN DA NANG	DANG XUAN PHONG	*****514	50	CT10083828-CT10083877
PGD VAN QUAN	DANG XUAN THUY	*****073	6	CT10012439-CT10012444
CN THAI NGUYEN	DANG XUAN TRUONG	*****964	2	CT10071383-CT10071384
CN LANG HA	DANG Y KHOA	*****282	15	CT10062329-CT10062343
PGD TRAN HUNG DAO	DANH HONG THAO	*****343	90	DN10066188-DN10066277
CN TAN BINH	DANH HUU DAT	*****389	14	CT10003806-CT10003819
CN KIEN GIANG	DANH SI HOA	*****485	3	CT10139105-CT10139107
PGD HOA BINH	DANH TAN NGON	*****837	3	CT10025282-CT10025284
PGD HOA BINH	DANH THI MY DUYEN	*****043	4	CT10051045-CT10051048
CN CA MAU	DANH VAN HIEN	*****890	3	CT10022219-CT10022221
PGD LE THANH TONG	DAO ANH CUONG	*****072	16	CT10102597-CT10102599; DN10063276-DN10063282; EB10001430-EB10001430; TD10000726-TD10000730
PGD BA TRIEU	DAO ANH HUNG	*****113	33	CT10055897-CT10055929
PGD VINH YEN	DAO ANH LUONG	*****365	2	CT10128105-CT10128106
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO ANH MINH	*****174	46	CT10164899-CT10164944
PGD LE QUANG DINH	DAO ANH PHI	*****484	1	EB10001159-EB10001159
CN DAI AN	DAO ANH QUAN	*****507	1	EB10001738-EB10001738
PGD BACH MAI	DAO ANH TUAN	*****112	25	CT10082438-CT10082462
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO ANH TUAN	*****295	2	CT10055485-CT10055486
CN HAI AN	DAO ANH TUAN	*****088	13	CT10104655-CT10104667

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO ANH TUAN	*****975	12	CT10016209-CT10016220
CN SAI GON	DAO BA HOANG	*****141	9	CT10077103-CT10077111
CN SO GIAO DICH	DAO BANG TAM	*****817	8	CT10113697-CT10113704
PGD HO TUNG MAU	DAO CAM OANH	*****562	10	CT10082829-CT10082838
PGD NGUYEN SY SACH	DAO CHI TUE	*****756	1	CT10056530-CT10056530
CN LANG HA	DAO CONG HOAN	*****793	10	CT10024165-CT10024174
PGD TAY HO	DAO DANG DUY	*****265	14	CT10074292-CT10074305
PGD PHU HUNG	DAO DANG KHOA	*****734	1	EB10001406-EB10001406
CN HAI PHONG	DAO DANG KIEN	*****270	4	CT10041791-CT10041794
CN SO GIAO DICH	DAO DINH DUY	*****805	1	EB10001873-EB10001873
CN LANG HA	DAO DINH HUNG	*****879	13	CT10051250-CT10051262
CN HAI DUONG	DAO DINH THINH	*****497	54	DN10037640-DN10037688; TD10009461-TD10009465
CN LANG HA	DAO DUC ANH	*****495	4	CT10041354-CT10041357
CN DAI AN	DAO DUC HOANG	*****052	1	CT10009268-CT10009268
CN DA NANG	DAO DUC HUNG	*****688	55	DN10107995-DN10108044; TD10007931-TD10007935
CN HUE	DAO DUC NAM	*****686	1	CT10092169-CT10092169
PGD BACH MAI	DAO DUC NHAC	*****528	50	CT10089828-CT10089877
PGD TAY HO	DAO DUC TUAN	*****598	1	CT10110014-CT10110014
CN LONG BIEN	DAO DUY DUNG	*****314	59	CT10083016-CT10083074
PGD HAN THUYEN	DAO DUY HOANG	*****948	1	EB10003084-EB10003084
HUB THE VA TIN CHAP MN	DAO DUY QUANG	*****938	19	CT10060422-CT10060440
CN LANG HA	DAO DUY TU	*****355	10	CT10081857-CT10081866
PGD DOI CAN	DAO DUY TUAN	*****811	3	CT10096145-CT10096147
CN HAI DUONG	DAO GIANG NAM	*****562	4	CT10139240-CT10139243
PGD TAY HO	DAO HAI DUONG	*****202	25	CT10087632-CT10087656
CN PHU MY HUNG	DAO HAI HUYNH	*****690	15	CT10021226-CT10021240
PGD LAC LONG QUAN	DAO HAI MANH	*****654	8	CT10096031-CT10096038
PGD TO HIEU	DAO HOA NU	*****680	1	CT10035431-CT10035431
PGD TAY HO	DAO HOANG LINH	*****503	7	CT10030389-CT10030395
PGD HOANG DIEU	DAO HOANG THU	*****613	13	CT10124731-CT10124743
CN SO GIAO DICH	DAO HONG VAN	*****871	5	CT10066640-CT10066644
PGD XUAN LA	DAO HUU HUNG	*****535	57	CT10160120-CT10160176
CN CAU GIAY	DAO HUU TAM	*****304	7	CT10135658-CT10135664

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	DAO HUU TRUONG	*****083	8	DN10085600-DN10085607
HUB THE VA TIN CHAP MN	DAO HUY HOANG	*****463	2	CT10140902-CT10140903
CN LONG BIEN	DAO KHANH VAN	*****225	2	CT10128128-CT10128129
CN LONG BIEN	DAO KIM CUONG	*****256	27	CT10081185-CT10081211
HUB THE VA TIN CHAP MN	DAO KIM TU	*****659	15	DN10023553-DN10023567
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO KIM VU	*****473	6	CT10090678-CT10090683
CN DONG DA	DAO LAN PHUONG	*****738	13	CT10072276-CT10072288
CN HA NOI	DAO MAI HOA	*****979	4	CT10132783-CT10132786
CN HA NOI	DAO MAI PHUONG	*****049	11	CT10141953-CT10141963
CN LONG BIEN	DAO MANH HIEP	*****402	1	CT10013366-CT10013366
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO MANH HUNG	*****646	25	CT10038615-CT10038639
CN DAI AN	DAO MANH HUNG	*****530	10	CT10156891-CT10156900
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO MANH HUNG	*****671	1	CT10029917-CT10029917
PGD LIM	DAO MANH HUNG	*****777	1	CT10098646-CT10098646
CN DAI AN	DAO MANH LINH	*****243	1	EB10003179-EB10003179
PGD TAY HO	DAO MANH TUAN	*****370	2	CT10117364-CT10117365
CN LANG HA	DAO MINH ANH	*****092	2	CT10163779-CT10163780
CN CAU GIAY	DAO MINH DUONG	*****944	81	CT10004232-CT10004312
CN HAI PHONG	DAO MINH HUYEN	*****840	7	CT10118135-CT10118141
CN HA DONG	DAO MINH KHANH	*****229	25	CT10062165-CT10062189
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO MINH NGUYET	*****224	24	CT10045385-CT10045408
CN TP. HO CHI MINH	DAO MINH NGUYET	*****015	28	CT10110362-CT10110389
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO MINH SON	*****536	3	CT10110114-CT10110116
CN AN GIANG	DAO MINH TRI	*****787	281	CT10127882-CT10127882; DN10090567-DN10090846
CN HAI AN	DAO MINH TUAN	*****326	1	EB10001026-EB10001026
PGD YEN PHU	DAO MINH TUAN	*****328	1	CT10163763-CT10163763
CN BINH DINH	DAO MINH TUNG	*****381	1	CT10015375-CT10015375
CN CAU GIAY	DAO MY LINH	*****999	99	CT10015132-CT10015230
PGD THANH CONG	DAO NGOC ANH LY	*****906	21	CT10152380-CT10152400
TT KH CC MIEN BAC 2	DAO NGOC BICH	*****600	16	CT10005838-CT10005838; TD10006756-TD10006770

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	DAO NGOC CHUONG	*****401	13	CT10079059-CT10079071
CN DONG DA	DAO NGOC DUY	*****922	32	CT10083548-CT10083579
HUB PAYROLL MB	DAO NGOC HA	*****111	23	CT10069373-CT10069395
HUB PAYROLL MB	DAO NGOC HA	*****202	6	CT10067061-CT10067066
PGD HO DAC DI	DAO NGOC HA	*****161	24	CT10166616-CT10166639
PGD KIM LIEN	DAO NGOC LAN	*****501	2	CT10118249-CT10118250
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO NGOC THACH	*****108	9	CT10067190-CT10067197; EB10000103-EB10000103
PGD VAN XUAN	DAO NGOC THUAN	*****863	20	CT10047645-CT10047664
PGD TAY HO	DAO NGOC TIEP	*****172	10	CT10109666-CT10109675
CN DAI AN	DAO NGOC TRUNG	*****976	49	CT10034186-CT10034234
CN HAI PHONG	DAO NGOC TRUNG	*****489	5	CT10143235-CT10143239
PGD NGUYEN NGOC NAI	DAO NGOC TU	*****119	4	CT10127135-CT10127138
PGD DIEN BIEN PHU	DAO NGOC VU	*****874	5	CT10139247-CT10139251
CN PHU MY HUNG	DAO NGUYEN MINH TUNG	*****904	1	EB10002735-EB10002735
CN SAI GON	DAO NGUYEN TRUC PHUONG	*****947	11	CT10016287-CT10016297
PGD VAN XUAN	DAO NHU Y	*****186	5	CT10066709-CT10066713
CN DONG DA	DAO PHAM HOANG	*****019	24	CT10070384-CT10070407
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO PHAN ANH	*****488	3	CT10095102-CT10095104
CN CAU GIAY	DAO PHAN KHANH LY	*****538	1	EB10001350-EB10001350
PGD QUAN THANH	DAO PHU CUONG	*****149	25	CT10126839-CT10126863
CN NHA TRANG	DAO PHU HOA	*****585	4	CT10041611-CT10041614
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO PHU UY	*****398	7	CT10021123-CT10021129
CN HA NOI	DAO QUANG ANH	*****831	2	CT10080035-CT10080036
PGD HO TUNG MAU	DAO QUANG HA	*****819	9	CT10132013-CT10132021
PGD XUAN LA	DAO QUANG HOANG	*****512	15	CT10153373-CT10153387
CN THANH XUAN	DAO QUANG HUY	*****039	12	CT10038696-CT10038707
CN BINH DUONG	DAO QUANG HUYNH	*****899	1	EB10000964-EB10000964
PGD VAN QUAN	DAO QUANG THANH	*****159	1	EB10000558-EB10000558
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO QUANG THU	*****880	11	EB10002536-EB10002536; TD10007531-TD10007540
CN HAI AN	DAO QUANG TRINH	*****050	8	CT10102849-CT10102856

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGOC HOI	DAO QUANG TRONG	*****833	20	CT10087560-CT10087579
PGD TRAN KHAT CHAN	DAO QUANG TRUNG	*****259	1	EB10001803-EB10001803
PGD TO HIEU	DAO QUANG TRUNG	*****498	23	CT10127680-CT10127687; DN10091094-DN10091103; TD10004756-TD10004760
CN HAI PHONG	DAO QUANG TUNG	*****324	32	CT10107411-CT10107442
PGD TRAN DUY HUNG	DAO QUOC BAO	*****678	11	CT10105316-CT10105326
CN DA NANG	DAO QUOC HOANG	*****000	7	CT10115292-CT10115298
CN DAI AN	DAO QUOC VIET	*****189	11	CT10100930-CT10100940
CN NGHE AN	DAO QUY VUONG	*****548	2	CT10082907-CT10082908
CN HAI DUONG	DAO SI KHOA	*****450	3	DN10053297-DN10053299
CN HA DONG	DAO SON HAI	*****193	1	EB10002952-EB10002952
CN BAC NINH	DAO SY HUONG	*****974	17	CT10018036-CT10018052
PGD HO TUNG MAU	DAO THAI HA	*****726	27	CT10100462-CT10100488
CN TAN PHU	DAO THANG	*****818	3	CT10146362-CT10146364
PGD LACH TRAY 1	DAO THANH BINH	*****354	1	EB10001732-EB10001732
CN CA MAU	DAO THANH HA	*****681	1	EB10000487-EB10000487
CN TAN THANH	DAO THANH HIEP	*****083	1	EB10000615-EB10000615
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO THANH HONG	*****958	29	CT10133391-CT10133419
CN HAI AN	DAO THANH LUU	*****034	1	CT10131628-CT10131628
HUB THE VA TIN CHAP MN	DAO THANH MINH	*****856	9	CT10091552-CT10091560
CN BAC NINH	DAO THANH NAM	*****135	200	DN10100463-DN10100662
PGD KHAM THIEN	DAO THANH PHUONG	*****325	11	CT10071292-CT10071302
PGD HOA BINH	DAO THANH SANG	*****704	1	CT10057246-CT10057246
CN SAI GON	DAO THANH SU	*****464	3	CT10013335-CT10013337
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO THANH THUY	*****764	10	CT10047689-CT10047698
PGD BOTANIC	DAO THANH TRUNG	*****187	2	CT10101059-CT10101060
CN DONG DA	DAO THANH TUNG	*****008	1	CT10070348-CT10070348
PGD LE CHAN	DAO THI CHANG	*****149	14	CT10041297-CT10041310
PGD BACH MAI	DAO THI DIEN	*****060	1	CT10153333-CT10153333
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO THI DUNG	*****450	4	CT10101710-CT10101713
CN DAI AN	DAO THI DUNG	*****479	9	CT10087707-CT10087715
CN DONG NAI	DAO THI GAM	*****778	1	CT10151994-CT10151994

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	DAO THI HIEN	*****129	57	CT10119618-CT10119674
CN LONG BIEN	DAO THI HOA	*****054	20	DN10087621-DN10087640
CN NGHE AN	DAO THI HOAI THUONG	*****845	6	CT10143240-CT10143245
PGD HAI TAN	DAO THI HONG HANH	*****245	1	CT10162032-CT10162032
CN DAI AN	DAO THI HONG HANH	*****477	1	EB10000634-EB10000634
PGD NGO GIA TU	DAO THI HONG HANH	*****477	53	DN10028248-DN10028295; TD10008501-TD10008505
PGD SOC SON	DAO THI HONG HANH	*****631	2	CT10102469-CT10102470
CN QUANG NGAI	DAO THI HONG HANH	*****951	4	CT10047443-CT10047446
PGD MY DINH	DAO THI HONG NHUNG	*****882	1	CT10137831-CT10137831
TT KH CC MIEN BAC 2	DAO THI HONG THIEN	*****297	2	CT10022763-CT10022764
CN HAI AN	DAO THI HUYEN	*****105	1	EB10000557-EB10000557
CN LANG HA	DAO THI HUYEN TRANG	*****570	1	CT10167155-CT10167155
CN LANG HA	DAO THI HUYEN TRANG	*****196	19	CT10084726-CT10084744
CN PHU MY HUNG	DAO THI KIM ANH	*****340	14	CT10080484-CT10080497
CN THAI NGUYEN	DAO THI KIM NGAN	*****723	5	TD10005661-TD10005665
PGD HO TUNG MAU	DAO THI KIM OANH	*****605	20	CT10052334-CT10052353
PGD PHO YEN	DAO THI KIM TUYEN	*****310	1	EB10002940-EB10002940
CN LONG BIEN	DAO THI LAN	*****311	49	CT10035432-CT10035480
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO THI LIEN HUONG	*****072	31	CT10097304-CT10097334
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO THI LIEN PHUONG	*****336	1	CT10161567-CT10161567
PGD PHU MY - BINH DINH	DAO THI LIEU	*****273	5	DN10032157-DN10032161
PGD QUAN THANH	DAO THI LINH	*****112	11	CT10121125-CT10121135
CN NGHE AN	DAO THI LUONG	*****775	1	EB10003310-EB10003310
TT KH CC MIEN BAC 2	DAO THI MAY	*****658	5	CT10090599-CT10090603
CN SO GIAO DICH	DAO THI MINH TAM	*****134	12	CT10037252-CT10037263
CN VINH PHUC	DAO THI MINH THUY	*****679	50	DN10032915-DN10032964
PGD TON DAN	DAO THI MINH THUY	*****356	1	CT10038584-CT10038584
PGD NGUYEN NGOC NAI	DAO THI NGAN	*****830	1	EB10002073-EB10002073

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN THANH	DAO THI NGOC	*****170	10	CT10052404-CT10052413
CN SAI GON	DAO THI NGOC ANH	*****107	1	EB10002469-EB10002469
CN NHA TRANG	DAO THI NGOC TRAN	*****685	1	EB10003226-EB10003226
PGD TRUNG HOA	DAO THI NGUYET	*****882	2	CT10088898-CT10088899
CN THAI NGUYEN	DAO THI OANH	*****156	4	CT10086980-CT10086983
CN THANH XUAN	DAO THI PHUONG	*****186	1	CT10079030-CT10079030
TT KH CC MIEN BAC 2	DAO THI PHUONG	*****078	2	CT10160583-CT10160584
PGD DAI KIM	DAO THI PHUONG	*****658	2	CT10067994-CT10067995
CN SO GIAO DICH	DAO THI PHUONG	*****769	196	DN10037779-DN10037974
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO THI PHUONG NHI	*****295	15	CT10096263-CT10096272; TD10010891-TD10010895
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO THI QUYNH NGA	*****579	1	EB10000146-EB10000146
PGD BA TRIEU	DAO THI QUYNH TRAM	*****072	1	EB10000075-EB10000075
CN VINH PHUC	DAO THI SAO MAI	*****653	8	CT10134701-CT10134708
CN HAI AN	DAO THI SON LAM	*****411	19	CT10095366-CT10095384
CN SO GIAO DICH	DAO THI THAI	*****268	15	CT10114168-CT10114177; TD10002836-TD10002840
CN HA DONG	DAO THI THANH HUYEN	*****178	16	CT10159875-CT10159890
PGD BINH TAN	DAO THI THANH HUYEN	*****181	1	CT10006875-CT10006875
CN CAU GIAY	DAO THI THANH TAM	*****545	28	CT10021511-CT10021538
PGD THAI THINH	DAO THI THU	*****548	6	CT10026050-CT10026050; TD10010261-TD10010265
CN HA DONG	DAO THI THU	*****889	7	CT10110982-CT10110988
CN LONG BIEN	DAO THI THU	*****998	17	CT10027053-CT10027064; TD10010181-TD10010185
HUB PAYROLL MB	DAO THI THU AN	*****972	21	CT10047333-CT10047353
CN DAI AN	DAO THI THU HA	*****499	20	CT10043680-CT10043699
CN VINH PHUC	DAO THI THU HIEN	*****270	6	DN10048871-DN10048875; EB10000712-EB10000712
PGD CAM PHA	DAO THI THU HIEN	*****892	17	CT10013561-CT10013577
CN VINH PHUC	DAO THI THU HUONG	*****933	3	CT10057894-CT10057896
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO THI THU HUYEN	*****689	1	CT10037199-CT10037199
PGD KHAM THIEN	DAO THI THU QUE	*****414	17	CT10014009-CT10014025
PGD THANG LONG	DAO THI THUY	*****709	1	EB10001513-EB10001513

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BA TRIEU	DAO THI THUY DUONG	*****068	1	CT10081064-CT10081064
PGD NGUYEN LUONG BANG	DAO THI THUY HA	*****986	1	EB10002987-EB10002987
CN SAI GON	DAO THI THUY HIEN	*****519	1	EB10002516-EB10002516
CN CAU GIAY	DAO THI THUY NGA	*****264	14	CT10005839-CT10005852
CN QUANG NGAI	DAO THI THUY NGA	*****467	3	CT10140820-CT10140822
PGD YEN PHU	DAO THI THUY TIEN	*****126	9	CT10101615-CT10101623
CN SAI GON	DAO THI TRANG	*****210	2	CT10144736-CT10144737
PGD HOA BINH	DAO THI TRUONG	*****088	5	TD10009996-TD10010000
CN CAN THO	DAO THI TUYET TRINH	*****860	1	CT10008892-CT10008892
CN LONG BIEN	DAO THI VAN HA	*****527	8	CT10135377-CT10135384
CN DA NANG	DAO THI XUAN HOA	*****640	3	CT10072696-CT10072698
PGD HAM NGHI	DAO THIEN SON	*****131	7	CT10057227-CT10057233
PGD NGUYEN HUU HUAN	DAO THU ANH	*****861	13	CT10058863-CT10058870; TD10004331-TD10004335
CN DAI AN	DAO THU HA	*****313	11	CT10065636-CT10065646
CN HA NOI	DAO THU HA	*****315	1	CT10150480-CT10150480
CN LANG HA	DAO THU HA ANH	*****139	1	CT10087852-CT10087852
CN DONG NAI	DAO THU HAU	*****390	1	CT10040315-CT10040315
PGD TRUNG HOA	DAO THU HIEN	*****446	9	CT10074223-CT10074231
PGD DAI TU	DAO THU TRANG	*****174	1	EB10000906-EB10000906
PGD LAN ONG	DAO THUY TIEN	*****180	3	CT10023537-CT10023539
PGD LAC LONG QUAN	DAO TIEN LOI	*****819	5	CT10059602-CT10059606
CN HAI PHONG	DAO TIEN PHONG	*****079	22	CT10113422-CT10113443
CN HAI AN	DAO TIEN SI	*****108	1	CT10161457-CT10161457
CN DAI AN	DAO TRONG HIEU	*****499	14	CT10136166-CT10136179
CN DONG NAI	DAO TRONG HIEU	*****088	1	CT10000832-CT10000832
CN THANH HOA	DAO TRONG TU	*****695	1	EB10000058-EB10000058
PGD VAN XUAN	DAO TU HAI	*****987	12	CT10019066-CT10019077
CN CAU GIAY	DAO TUYET LAN	*****908	1	EB10002383-EB10002383
CN HAI AN	DAO VAN BA	*****720	1	EB10002522-EB10002522
CN LANG HA	DAO VAN BACH	*****843	45	TD10001806-TD10001850
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO VAN CHIEN	*****802	14	CT10076573-CT10076586
CN DAI AN	DAO VAN CHINH	*****402	5	TD10000346-TD10000350
PGD GIA LAM	DAO VAN DIEN	*****755	11	CT10053626-CT10053636
CN BAC NINH	DAO VAN DIEP	*****574	1	CT10044072-CT10044072

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LANG THUONG	DAO VAN DIEU	*****294	4	CT10011574-CT10011577
PGD LAN ONG	DAO VAN DINH	*****485	70	CT10116705-CT10116774
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO VAN DUONG	*****968	16	CT10050198-CT10050213
PGD AU CO	DAO VAN DZU	*****327	19	CT10103328-CT10103346
CN LANG HA	DAO VAN GIANG	*****198	10	TD10005701-TD10005710
CN HAI AN	DAO VAN GIANG	*****020	7	CT10113411-CT10113417
CN HAI DUONG	DAO VAN HAO	*****384	33	DN10039735-DN10039757; TD10009691-TD10009700
CN TAN PHU	DAO VAN HOANG	*****450	5	CT10113324-CT10113328
PGD TAY HO	DAO VAN HUNG	*****002	1	EB10001984-EB10001984
CN HAI PHONG	DAO VAN HUNG	*****668	12	CT10087748-CT10087759
CN DAI AN	DAO VAN HUNG	*****849	1	CT10011105-CT10011105
CN HAI DUONG	DAO VAN LAM	*****233	1	CT10070058-CT10070058
PGD HOA BINH	DAO VAN LANH	*****245	1	EB10000977-EB10000977
CN DAI AN	DAO VAN MANH	*****616	107	CT10136304-CT10136410
CN NGHE AN	DAO VAN MINH	*****449	2	CT10103301-CT10103302
CN NGHE AN	DAO VAN NAM	*****166	2	CT10094124-CT10094125
HUB THE VA TIN CHAP MN	DAO VAN NHIEU	*****800	12	CT10131723-CT10131734
PGD KIM LIEN	DAO VAN PHUONG	*****290	1	CT10159649-CT10159649
PGD LIM	DAO VAN QUAN	*****454	70	DN10005588-DN10005657
PGD KIM THANH	DAO VAN QUYEN	*****210	10	CT10148480-CT10148489
PGD CAM RANH	DAO VAN RIEN	*****843	126	DN10100343-DN10100462; EB10001115-EB10001115; TD10002991-TD10002995
PGD LACH TRAY 2	DAO VAN RUON	*****308	25	DN10008821-DN10008840; TD10006396-TD10006400
CN BINH DUONG	DAO VAN SANG	*****296	9	CT10119262-CT10119270
PGD VAN QUAN	DAO VAN THAI	*****281	1	EB10001054-EB10001054
PGD XUAN LA	DAO VAN THANG	*****296	1	CT10055133-CT10055133
PGD TON DAN	DAO VAN THE	*****945	1	EB10002318-EB10002318
HUB PAYROLL MB	DAO VAN TUAN	*****699	12	CT10069004-CT10069015
CN HAI DUONG	DAO VAN TUAN	*****746	50	CT10025596-CT10025645
HUB THE VA TIN CHAP MB	DAO VAN TUAN	*****203	25	CT10041679-CT10041703
PGD NGOC HOI	DAO VAN TUONG	*****787	1	EB10000175-EB10000175
CN HAI PHONG	DAO VAN TUYEN	*****567	20	CT10104385-CT10104404
CN CAU GIAY	DAO VAN XUAN	*****867	10	CT10034158-CT10034167

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	DAO VIET ANH	*****980	1	CT10097603-CT10097603
TT KHCC MIEN BAC 1	DAO VIET ANH	*****051	8	CT10069242-CT10069249
CN THAI NGUYEN	DAO VIET CHUNG	*****056	2	CT10085682-CT10085683
PGD LAC LONG QUAN	DAO VIET CUONG	*****149	50	CT10058930-CT10058979
CN DAI AN	DAO VIET PHUONG	*****381	4	CT10024558-CT10024561
CN HA NOI	DAO XUAN DUC	*****276	80	DN10097568-DN10097647
TT KH CC MIEN BAC 2	DAO XUAN HAN	*****020	5	CT10011149-CT10011153
CN THANH XUAN	DAO XUAN HIEN	*****526	14	CT10099290-CT10099303
CN DAK LAK	DAO XUAN THANG	*****930	6	CT10097000-CT10097005
CN DONG DA	DAO XUAN TOAN	*****375	19	CT10092813-CT10092831
PGD TO HIEU	DAO XUAN TRUONG	*****170	22	CT10152628-CT10152639; TD10002956-TD10002965
CN DONG DA	DAOTHI MY ANH	*****286	1	EB10000771-EB10000771
CN DAK LAK	DAU CHI THANH	*****404	1	EB10002221-EB10002221
PGD NGUYEN VAN CU	DAU DINH DUC	*****092	4	CT10082611-CT10082614
CN TP. HO CHI MINH	DAU DINH PHAT	*****275	5	TD10004991-TD10004995
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DAU DUC ANH	*****951	15	CT10153803-CT10153817
PGD QUAN THANH	DAU HONG TIEN	*****448	15	CT10083580-CT10083594
HUB PAYROLL MB	DAU HUONG TRA	*****229	39	CT10005753-CT10005791
PGD DA KAO	DAU NGOC DUONG QUANG	*****374	3	CT10033628-CT10033630
PGD HAO NAM	DAU NHU Y	*****459	1	EB10000979-EB10000979
PGD NGUYEN HUU HUAN	DAU THI CAM TU	*****035	1	EB10000025-EB10000025
CN NGHE AN	DAU THI NGOC	*****417	5	DN10071174-DN10071178
CN DAK LAK	DAU THI PHUONG THAO	*****508	3	DN10083614-DN10083616
CN DAK LAK	DAU THI SON	*****651	3	DN10096648-DN10096650
PGD VAN XUAN	DAU THI THANH NGA	*****988	1	EB10002217-EB10002217
CN DAI AN	DAU TRANG NGUYEN	*****540	9	CT10042273-CT10042281
TT KHCC MIEN BAC 1	DAU VAN DIEN	*****146	1	CT10063309-CT10063309
CN DA NANG	DAU VAN PHU	*****141	1	CT10087414-CT10087414

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DAU XUAN LONG	*****508	1	CT10139108-CT10139108
PGD NGUYEN SY SACH	DAU XUAN NHAT	*****767	115	CT10119077-CT10119086; DN10081045-DN10081144; TD10003636-TD10003640
TT KHCC MIEN BAC 1	DAU XUAN THANH	*****896	47	CT10019796-CT10019842
PGD HOANG DIEU	DENNIS DUANE ELLINGSON	*****515	7	CT10037775-CT10037781
CN SAI GON	DEO BAO LOC	*****707	4	CT10123364-CT10123367
CN BAC NINH	DIEM THI DUNG	*****174	49	CT10025892-CT10025940
CN BAC NINH	DIEM THI THAO ANH	*****387	4	CT10145866-CT10145869
CN VUNG TAU	DIEN KIM PHUONG	*****405	29	CT10145768-CT10145796
PGD TRAN DUY HUNG	DIEN NGOC DUNG	*****021	3	CT10047401-CT10047403
CN TP. HO CHI MINH	DIEN THANH HAI	*****035	1	CT10007032-CT10007032
CN VUNG TAU	DIEN THI KIM DUNG	*****404	33	CT10058305-CT10058337
CN DAI AN	DIEN THI THOM	*****612	7	CT10045509-CT10045515
CN LANG HA	DIEP HONG CUONG	*****763	50	CT10148922-CT10148971
CN NHA TRANG	DIEP NGOC AN	*****533	44	CT10109688-CT10109694; DN10071864-DN10071894; EB10001737-EB10001737; TD10001901-TD10001905
CN TP. HO CHI MINH	DIEP NGOC QUYNH	*****937	1	EB10002049-EB10002049
CN NHA TRANG	DIEP QUE PHUONG	*****263	1	EB10000747-EB10000747
CN BINH DINH	DIEP THI KIM YEN	*****131	3	DN10045359-DN10045361
CN NHA TRANG	DIEP THI PHUONG HIEU	*****894	1	EB10000338-EB10000338
PGD SOC SON	DIEP THI THIEN	*****799	1	EB10002185-EB10002185
CN DAK LAK	DIEP THI THUY TRINH	*****255	3	DN10007825-DN10007827
CN BINH DINH	DIEP THI XUAN HIEN	*****067	1	CT10115559-CT10115559
PGD CAM RANH	DIEP THOI GIAN	*****504	20	DN10038539-DN10038558
CN TP. HO CHI MINH	DIEP THUY HANG	*****643	1	EB10001148-EB10001148
CN NHA TRANG	DIEP TU TRONG	*****233	1	EB10001104-EB10001104
TT KHCC MIEN BAC 1	DIEP XUAN BACH	*****876	4	CT10026694-CT10026697
CN LONG BIEN	DINH ANH TUAN	*****103	7	CT10129803-CT10129809

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANG LONG	DINH ANH TUAN	*****508	1	EB10000677-EB10000677
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH ANH TUAN	*****171	1	CT10064098-CT10064098
TT KH CC MIEN BAC 2	DINH BA HUNG	*****506	4	CT10149327-CT10149330
CN DAI AN	DINH BAO CHAU	*****964	25	CT10034444-CT10034468
CN HAI AN	DINH CONG KHANG	*****656	9	CT10107808-CT10107816
HUB PAYROLL MB	DINH CONG KHANH	*****556	25	CT10047059-CT10047083
PGD KIM VAN	DINH CONG KHANH	*****556	1	EB10001231-EB10001231
PGD TU SON	DINH CONG LICH	*****571	1	EB10002233-EB10002233
PGD HONG BANG	DINH CONG NGUYEN	*****888	1	CT10156686-CT10156686
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH CONG QUAN	*****642	132	CT10132501-CT10132622; TD10005891-TD10005900
CN DA NANG	DINH CONG QUOC PHUONG	*****929	1	EB10001314-EB10001314
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH CONG SON	*****235	1	CT10037477-CT10037477
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DINH CONG SUC	*****371	30	CT10036659-CT10036688
PGD TRAN PHU	DINH CONG THANG	*****178	1	CT10045853-CT10045853
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH CONG THANH	*****978	22	CT10104207-CT10104228
CN LANG HA	DINH CONG TUAN	*****911	9	CT10041127-CT10041135
PGD NGOC LAM	DINH DANG THAI	*****018	48	DN10091760-DN10091802; TD10004856-TD10004860
PGD MY DINH	DINH DIEU LINH	*****690	50	DN10059798-DN10059847
PGD DAO TAN	DINH DIEU QUE	*****199	5	TD10010811-TD10010815
PGD NGUYEN LUONG BANG	DINH DUC DUY	*****255	1	CT10128002-CT10128002
PGD HAI DANG	DINH DUC DUY	*****816	1	CT10040171-CT10040171
CN DAI AN	DINH DUC LUAN	*****008	15	CT10132714-CT10132728
CN DAI AN	DINH DUC THANH	*****028	1	CT10119245-CT10119245
PGD HO TUNG MAU	DINH DUC THIEN	*****848	25	CT10160529-CT10160553
PGD VAN QUAN	DINH DUC THUAN	*****542	91	CT10091473-CT10091478; DN10041620-DN10041699; TD10009801-TD10009805
CN DAK LAK	DINH DUC TRUONG	*****599	1	EB10001232-EB10001232
CN QUANG NGAI	DINH DUY LONG	*****702	8	CT10144649-CT10144656

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH DUY TIEP	*****610	55	CT10130248-CT10130291; EB10000145-EB10000145; TD10005676-TD10005685
CN DA NANG	DINH GIA NOI	*****399	9	CT10047975-CT10047983
CN HA NOI	DINH HA THUONG	*****009	9	CT10088573-CT10088581
CN LANG HA	DINH HAI NAM	*****517	15	CT10144025-CT10144039
PGD QUAN 8	DINH HOANG LOI	*****926	5	CT10052859-CT10052863
CN TP. HO CHI MINH	DINH HOANG LUU	*****102	1	CT10164954-CT10164954
HUB THE CHAP MN	DINH HOANG MI MI	*****133	62	CT10014456-CT10014462; DN10027501-DN10027550; TD10008426-TD10008430
CN BINH DUONG	DINH HONG CONG	*****808	1	EB10000294-EB10000294
CN BAC NINH	DINH HONG HANH	*****242	5	TD10001186-TD10001190
CN DONG DA	DINH HONG MANH	*****181	57	CT10163258-CT10163314
PGD LE LOI	DINH HONG PHONG	*****669	5	TD10005821-TD10005825
CN THANH XUAN	DINH HONG VAN	*****689	9	CT10043961-CT10043969
PGD NGUYEN HUU HUAN	DINH HONG XUAN	*****263	15	CT10103689-CT10103703
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH HUNG VUONG	*****775	2	CT10106910-CT10106911
PGD DAO TAN	DINH HUONG GIANG	*****521	1	EB10002456-EB10002456
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH HUU THIEN	*****265	21	CT10068509-CT10068529
CN HAI PHONG	DINH HUY THUONG	*****995	34	CT10120206-CT10120239
CN HAI PHONG	DINH KHAC CUONG	*****962	1	CT10030401-CT10030401
CN HAI PHONG	DINH KHAC KIEN	*****407	42	CT10092267-CT10092272; DN10043943-DN10043977; EB10003298-EB10003298
CN HAI AN	DINH KHAC PHUONG	*****444	5	CT10011125-CT10011129
PGD TON DAN	DINH KHAC QUYEN	*****916	110	DN10028008-DN10028097; TD10008456-TD10008475
CN HAI PHONG	DINH KHAC TAM	*****452	67	CT10075062-CT10075067; DN10106899-DN10106948; EB10002568-EB10002568; TD10007736-TD10007745
PGD TO HIEU	DINH KHAC VAN	*****335	130	DN10047563-DN10047692
PGD LAN ONG	DINH KHANH MY	*****361	33	CT10139616-CT10139648
PGD BA TRIEU	DINH KIEU LINH	*****746	38	CT10103461-CT10103498
CN HAI AN	DINH KIM HUE	*****557	4	CT10150406-CT10150409

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH LE DAI DUONG	*****911	4	CT10074909-CT10074912
PGD LAC LONG QUAN	DINH LE HA MY	*****689	1	EB10001647-EB10001647
CN SAI GON	DINH LE THUY VY	*****086	1	EB10002778-EB10002778
PGD LENIN	DINH LONG KHANH	*****171	1	EB10000965-EB10000965
TT KH CC MIEN BAC 2	DINH MAI CHI	*****789	7	CT10115077-CT10115083
PGD LE THAI TO	DINH MAI HUONG	*****036	7	CT10043233-CT10043239
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH MAI LONG	*****012	3	CT10094232-CT10094234
PGD LE THAI TO	DINH MANH HIEU	*****923	1	CT10138213-CT10138213
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH MANH THANG	*****006	4	CT10134761-CT10134764
CN TP. HO CHI MINH	DINH MANH TUNG	*****565	1	EB10001112-EB10001112
CN KIEN GIANG	DINH MINH HUONG	*****601	1	CT10162949-CT10162949
PGD Krong Nang	DINH MINH THUONG	*****710	30	DN10094621-DN10094650
CN DAI AN	DINH NAM DUONG	*****025	1	CT10131197-CT10131197
PGD KIM VAN	DINH NGOC ANH	*****682	29	DN10094862-DN10094890
CN HA DONG	DINH NGOC DIEP	*****512	1	CT10162184-CT10162184
CN HAI PHONG	DINH NGOC GIOI	*****549	5	CT10054967-CT10054971
CN QUANG NINH	DINH NGOC HOANG	*****056	1	CT10098265-CT10098265
CN TP. HO CHI MINH	DINH NGOC HONG HANH	*****505	3	CT10087693-CT10087695
PGD LE CHAN	DINH NGOC LONG	*****502	141	CT10085377-CT10085385; DN10031845-DN10031976
PGD NGUYEN VAN CU	DINH NGOC THANG	*****823	6	CT10002472-CT10002477
PGD NGUYEN CONG TRU	DINH NGOC TUAN	*****866	5	TD10004176-TD10004180
PGD CAM PHA	DINH NGOC TUNG	*****116	1	CT10003751-CT10003751
PGD TON THAT TUNG	DINH NGOC TUONG	*****060	7	CT10022865-CT10022871
SEABANK LE DUAN	DINH NGUYEN CAM HUONG	*****331	7	CT10126163-CT10126169
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH NGUYEN NGOC ANH	*****306	22	CT10043247-CT10043268
CN TIEN GIANG	DINH NHO HUNG	*****714	1	EB10001842-EB10001842

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	DINH NHO LOC	*****198	329	CT10100307-CT10100330; DN10062364-DN10062663; TD10000551-TD10000555
CN DAI AN	DINH NHU VIET	*****440	10	CT10130733-CT10130742
CN HA NOI	DINH PHUC CHIEN	*****531	6	CT10096872-CT10096877
PGD KHAM THIEN	DINH PHUC MINH	*****948	29	CT10109870-CT10109898
CN THANH XUAN	DINH PHUONG ANH	*****776	7	CT10051334-CT10051340
PGD VAN XUAN	DINH PHUONG LINH	*****434	15	CT10149652-CT10149666
CN SO GIAO DICH	DINH PHUONG THUY	*****150	13	CT10130235-CT10130247
CN DONG DA	DINH QUANG DIEN	*****364	12	CT10102033-CT10102044
CN HA NOI	DINH QUANG DUC	*****128	3	CT10121708-CT10121710
CN CAN THO	DINH QUANG DUY	*****360	1	EB10001861-EB10001861
CN HUE	DINH QUANG HAI	*****883	25	CT10093993-CT10094007; TD10010551-TD10010560
PGD YEN PHU	DINH QUANG HAI QUAN	*****280	75	CT10149846-CT10149920
HUB PAYROLL MB	DINH QUANG HAO	*****312	15	CT10111146-CT10111160
CN BINH DUONG	DINH QUANG HUY	*****142	1	CT10074978-CT10074978
PGD LE CHAN	DINH QUANG QUAN	*****577	36	DN10058968-DN10058997; EB10001254-EB10001254; TD10000156-TD10000160
PGD HAM NGHI	DINH QUANG VINH	*****543	1	CT10126704-CT10126704
CN LANG HA	DINH QUANG VINH	*****830	1	EB10000113-EB10000113
CN SAI GON	DINH QUOC ANH	*****300	71	DN10059390-DN10059460
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH QUOC DUNG	*****485	1	CT10117868-CT10117868
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH QUOC HUNG	*****759	2	CT10039016-CT10039017
CN BINH DINH	DINH QUOC TRIEU	*****718	2	CT10051943-CT10051944
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH QUOC TRUONG DANG	*****885	10	CT10075223-CT10075232
PGD HAN THUYEN	DINH QUOC TUAN	*****192	7	CT10163558-CT10163564
CN DONG DA	DINH SON TUNG	*****698	14	CT10123141-CT10123154
CN LANG HA	DINH SONG HUONG	*****720	1	CT10100277-CT10100277
PGD HO TUNG MAU	DINH SY HAO	*****065	40	CT10078962-CT10079001
TT KH CC MIEN BAC 2	DINH SY HUNG	*****017	27	CT10097861-CT10097887
CN NHA TRANG	DINH TAN KY	*****705	4	CT10104523-CT10104526
PGD VINH HAI	DINH THAI CUONG	*****739	3	CT10081906-CT10081908

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE HONG PHONG	DINH THANH BINH	*****450	43	DN10110450-DN10110486; EB10002746-EB10002746; TD10008241-TD10008245
PGD SOC SON	DINH THANH DIEN	*****556	6	CT10096531-CT10096536
CN NHA TRANG	DINH THANH HUY	*****644	1	EB10001778-EB10001778
HUB PAYROLL MB	DINH THANH LONG	*****139	8	CT10098934-CT10098941
CN LANG HA	DINH THANH SANG	*****363	7	CT10056455-CT10056461
CN THAI NGUYEN	DINH THANH SANG	*****278	2	CT10000095-CT10000096
CN LANG HA	DINH THANH TU	*****262	34	CT10043169-CT10043202
PGD SAO DO	DINH THANH TUAN	*****103	11	CT10096548-CT10096558
PGD QUAN THANH	DINH THE HAU	*****013	5	TD10004611-TD10004615
CN LONG BIEN	DINH THE THUY	*****701	14	CT10067283-CT10067296
CN QUANG NINH	DINH THI ANH	*****475	5	CT10124171-CT10124175
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH THI ANH THU	*****469	2	CT10137999-CT10138000
CN HAI PHONG	DINH THI BAO NGOC	*****156	5	CT10104579-CT10104583
CN TP. HO CHI MINH	DINH THI BICH LOAN	*****789	1	EB10001149-EB10001149
PGD HO TUNG MAU	DINH THI BICH THUY	*****169	10	CT10042989-CT10042998
PGD DIEN BIEN PHU	DINH THI BICH TRAM	*****710	7	CT10120596-CT10120602
PGD SOC SON	DINH THI CHINH	*****272	16	CT10096649-CT10096659; TD10010946-TD10010950
CN HA DONG	DINH THI DOAN	*****661	1	EB10001752-EB10001752
PGD SOC SON	DINH THI GIANG	*****845	81	CT10084555-CT10084560; DN10031494-DN10031563; TD10008876-TD10008880
CN HAI DUONG	DINH THI HA	*****343	5	TD10005166-TD10005170
PGD SOC SON	DINH THI HA	*****634	3	CT10025646-CT10025648
PGD NGUYEN AN NINH	DINH THI HA PHUONG	*****949	4	CT10054730-CT10054733
PGD BOTANIC	DINH THI HAI YEN	*****584	3	CT10067367-CT10067369
PGD TU SON	DINH THI HANH	*****019	1	EB10003039-EB10003039
SEABANK LE DUAN	DINH THI HANH	*****064	1	CT10153313-CT10153313
CN BAC NINH	DINH THI HIEN	*****325	1	EB10002503-EB10002503
PGD VAN QUAN	DINH THI HOA	*****026	5	CT10063500-CT10063504
CN THAI NGUYEN	DINH THI HOA	*****844	2	CT10078359-CT10078360
PGD TIEN AN	DINH THI HONG	*****340	1	CT10035132-CT10035132

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	DINH THI HONG DUNG	*****393	24	CT10106440-CT10106463
PGD CONG HOA	DINH THI HONG NGA	*****243	3	CT10033433-CT10033435
CN HA NOI	DINH THI HONG NGOC	*****826	3	CT10124285-CT10124287
PGD BA TRIEU	DINH THI HONG NHUNG	*****506	11	CT10096244-CT10096254
CN SAI GON	DINH THI HONG VUONG	*****487	1	EB10000158-EB10000158
CN THANH XUAN	DINH THI HUNG	*****466	6	CT10141107-CT10141112
PGD PHO YEN	DINH THI HUONG GIANG	*****168	5	CT10142510-CT10142514
CN LONG BIEN	DINH THI HUONG GIANG	*****594	14	CT10074354-CT10074367
HUB PAYROLL MB	DINH THI HUONG HA	*****920	17	CT10141712-CT10141728
PGD DIEN KHANH	DINH THI KIEU NGA	*****215	46	CT10132043-CT10132047; DN10004033-DN10004068; TD10005811-TD10005815
CN SO GIAO DICH	DINH THI KIEU TRANG	*****026	1	CT10081154-CT10081154
PGD TRAN DUY HUNG	DINH THI KIM	*****776	5	CT10158840-CT10158844
CN CAU GIAY	DINH THI KIM ANH	*****318	8	CT10055874-CT10055881
CN TP. HO CHI MINH	DINH THI KIM CHI	*****127	1	EB10000537-EB10000537
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH THI KIM GIANG	*****576	1	CT10041383-CT10041383
PGD DIEN KHANH	DINH THI KIM LIEN	*****722	2	CT10016023-CT10016024
CN AN GIANG	DINH THI KIM THA	*****497	6	CT10149280-CT10149285
PGD SOC SON	DINH THI KIM XOAN	*****806	7	CT10002649-CT10002655
PGD HANG KENH	DINH THI LAN	*****486	14	CT10057831-CT10057844
PGD TON DAN	DINH THI LAN	*****536	8	CT10079082-CT10079089
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH THI LAN ANH	*****226	25	CT10125736-CT10125760
PGD SAI DONG	DINH THI LAN ANH	*****388	1	EB10003304-EB10003304
CN SAI GON	DINH THI LAN ANH	*****693	12	CT10057782-CT10057793
PGD QUANG PHU	DINH THI LANH	*****434	4	DN10061169-DN10061172
PGD NUI THANH	DINH THI LE SUONG	*****094	1	EB10002497-EB10002497
CN QUANG NINH	DINH THI LIEN	*****089	5	CT10051119-CT10051123
PGD TU SON	DINH THI LIEU	*****904	1	EB10001565-EB10001565
PGD TAY HO	DINH THI LINH GIANG	*****559	1	EB10002865-EB10002865

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DIEN KHANH	DINH THI LINH THAO	*****400	46	DN10107824-DN10107863; EB10002608-EB10002608; TD10007916-TD10007920
CN BINH DINH	DINH THI LOAN	*****869	2	DN10041588-DN10041589
PGD TRUNG NHI	DINH THI LOAN	*****892	3	CT10009416-CT10009418
PGD QUANG PHU	DINH THI LY	*****888	3	DN10002108-DN10002110
CN HAI DUONG	DINH THI MAI	*****366	1	EB10003246-EB10003246
CN HAI AN	DINH THI MAI ANH	*****748	2	CT10075285-CT10075286
CN DONG DA	DINH THI MAI LAN	*****028	4	CT10069947-CT10069950
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH THI MANH	*****696	1	CT10160435-CT10160435
CN LANG HA	DINH THI MO	*****329	50	DN10050718-DN10050767
PGD QUANG PHU	DINH THI MUNG	*****025	3	DN10062664-DN10062666
PGD TRAN DUY HUNG	DINH THI MY DUNG	*****821	2	CT10052301-CT10052302
PGD QUAN 7	DINH THI MY DUYEN	*****819	1	EB10002198-EB10002198
CN NHA TRANG	DINH THI NGAN	*****922	1	EB10000271-EB10000271
CN SAI GON	DINH THI NGOC QUYNH	*****518	1	CT10033444-CT10033444
PGD TAY HO	DINH THI NHAN	*****108	5	CT10094015-CT10094019
CN DA NANG	DINH THI NHAN	*****110	5	CT10132831-CT10132832; DN10004710-DN10004712
PGD TO HIEU	DINH THI OANH	*****341	9	CT10094865-CT10094868; TD10010826-TD10010830
CN QUANG NGAI	DINH THI PHE	*****551	1	EB10002803-EB10002803
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH THI PHUONG THANH	*****069	2	CT10144970-CT10144971
PGD KIM VAN	DINH THI PHUONG THAO	*****074	1	EB10003124-EB10003124
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH THI QUYNH	*****028	3	CT10065653-CT10065655
CN HUE	DINH THI QUYNH TRANG	*****236	1	CT10131046-CT10131046
CN SO GIAO DICH	DINH THI THANH HOA	*****111	12	CT10165526-CT10165537
PGD MY CA	DINH THI THANH MIEN	*****555	8	CT10092110-CT10092117
PGD TO HIEU	DINH THI THANH NHAN	*****354	18	CT10011131-CT10011135; DN10105861-DN10105867; EB10002526-EB10002526; TD10007556-TD10007560

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH THI THANH SON	*****911	10	CT10111750-CT10111759
PGD TRAN NGUYEN HAN	DINH THI THANH THUY	*****021	3	CT10117788-CT10117790
CN QUANG NGAI	DINH THI THANH THUY	*****936	5	DN10078181-DN10078185
PGD LE VAN SY	DINH THI THANH TUYEN	*****499	120	DN10085815-DN10085934
PGD QUANG PHU	DINH THI THAO	*****119	1	EB10000649-EB10000649
CN DONG DA	DINH THI THU HUONG	*****899	20	CT10021435-CT10021454
CN NGHE AN	DINH THI THU HUYEN	*****870	22	CT10096485-CT10096506
PGD LACH TRAY 1	DINH THI THU SEN	*****669	5	TD10005441-TD10005445
CN HA DONG	DINH THI THU TRANG	*****280	1	CT10143085-CT10143085
CN DA NANG	DINH THI THUONG	*****532	10	CT10101503-CT10101512
PGD KIM VAN	DINH THI THUONG	*****630	1	EB10001840-EB10001840
CN NHA TRANG	DINH THI THUY	*****839	5	DN10075849-DN10075853
CN BAC NINH	DINH THI THUY ANH	*****389	10	CT10008244-CT10008253
CN NHA TRANG	DINH THI THUY HAI	*****690	5	DN10098774-DN10098778
PGD TAY HO	DINH THI THUY HANG	*****819	6	CT10121380-CT10121385
PGD BACH MAI	DINH THI THUY HANG	*****661	2	CT10090685-CT10090686
PGD TO HIEU	DINH THI THUY NHAN	*****547	22	CT10163673-CT10163694
CN DA NANG	DINH THI THUY PHUONG	*****795	1	EB10000616-EB10000616
PGD HA LONG	DINH THI TOAN	*****819	3	CT10118805-CT10118807
CN HAI AN	DINH THI TRAM	*****385	1	EB10000836-EB10000836
CN DAI AN	DINH THI TU	*****217	6	CT10052848-CT10052853
TT KH CC MIEN BAC 2	DINH THI TUOI	*****457	5	CT10098770-CT10098774
PGD XUAN KHANH	DINH THI TUONG VAN	*****061	2	CT10118076-CT10118076; EB10001944-EB10001944
CN HA NOI	DINH THI TUYET HANH	*****004	2	CT10108504-CT10108505
CN DAK LAK	DINH THI TUYET XUONG	*****659	1	EB10002765-EB10002765
PGD Krong Nang	DINH THI VAN	*****203	25	DN10094968-DN10094992
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH THI VAN CHI	*****753	2	CT10119243-CT10119244
CN LONG BIEN	DINH THI VIET HONG	*****034	1	CT10027865-CT10027865
PGD QUANG PHU	DINH THI XUAN	*****905	3	DN10002243-DN10002245
CN QUANG NGAI	DINH THI YEN	*****764	1	EB10000861-EB10000861

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	DINH THI YEN LE	*****179	1	CT10071003-CT10071003
HUB PAYROLL MN	DINH THI YEN TUYET	*****415	1	EB10001328-EB10001328
CN DA NANG	DINH THIEN HUNG	*****292	6	CT10059440-CT10059445
PGD XUAN LA	DINH THU THUY	*****883	15	CT10161580-CT10161594
PGD DAO TAN	DINH TIEN BO	*****037	1	CT10033847-CT10033847
CN LANG HA	DINH TIEN DUNG	*****744	69	CT10061391-CT10061454; TD10004481-TD10004485
CN DONG DA	DINH TIEN HUNG	*****938	7	CT10047469-CT10047475
CN DAI AN	DINH TRAN QUAN	*****075	3	CT10096448-CT10096450
PGD LAN ONG	DINH TRI THANG	*****842	5	TD10006546-TD10006550
CN LONG BIEN	DINH TRONG HONG	*****359	7	CT10021583-CT10021589
PGD LE LOI	DINH TRONG NGHIA	*****569	8	DN10111799-DN10111805; EB10002740-EB10002740
HUB THE VA TIN CHAP MN	DINH TRONG THUONG	*****889	7	CT10105010-CT10105016
CN BINH DUONG	DINH TRONG TU	*****544	2	CT10050914-CT10050915
CN LONG BIEN	DINH TRONG TUAN	*****969	10	CT10116359-CT10116368
CN TP. HO CHI MINH	DINH TRUNG HIEU	*****647	3	CT10078467-CT10078469
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH TRUONG AN	*****400	25	CT10080507-CT10080531
CN SAI GON	DINH TRUONG GIANG	*****007	1	CT10033470-CT10033470
CN DAI AN	DINH TUAN ANH	*****124	5	CT10144748-CT10144752
PGD HA LONG	DINH TUAN ANH	*****497	9	CT10028908-CT10028916
CN HAI PHONG	DINH TUAN ANH	*****720	3	CT10042930-CT10042932
CN HA DONG	DINH TUAN DUNG	*****860	10	CT10052060-CT10052069
CN HA DONG	DINH TUAN HUNG	*****765	28	CT10166331-CT10166358
CN TP. HO CHI MINH	DINH TUAN KHANH	*****141	2	CT10065728-CT10065729
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH TUAN SON	*****065	3	CT10048452-CT10048454
CN BINH DUONG	DINH VAN AN	*****899	2	CT10060380-CT10060381
PGD VAN XUAN	DINH VAN CHINH	*****593	1	CT10005324-CT10005324
PGD LE THANH TONG	DINH VAN DE	*****218	309	DN10082462-DN10082759; EB10002028-EB10002028; TD10003661-TD10003670
CN DAK LAK	DINH VAN DUONG	*****369	10	DN10106999-DN10107008
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH VAN DUONG	*****649	10	CT10005127-CT10005136

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DINH VAN HA	*****058	3	CT10119529-CT10119531
CN HA DONG	DINH VAN HA	*****348	1	CT10086233-CT10086233
CN THANH XUAN	DINH VAN HAO	*****712	1	EB10000595-EB10000595
PGD NGUYEN SY SACH	DINH VAN HIEP	*****708	6	CT10138474-CT10138474; TD10009026-TD10009030
PGD AU CO	DINH VAN HOA	*****524	16	CT10077035-CT10077050
PGD DAO TAN	DINH VAN HOAN	*****161	12	CT10145917-CT10145928
CN HA DONG	DINH VAN HUNG	*****164	2	CT10052025-CT10052026
CN NHA TRANG	DINH VAN HUNG	*****838	1	EB10000320-EB10000320
CN SAI GON	DINH VAN HUY	*****396	4	CT10069978-CT10069981
CN HAI AN	DINH VAN KHA	*****672	1	EB10001787-EB10001787
PGD GIA LAM	DINH VAN KHANH	*****269	12	CT10109234-CT10109245
PGD NGUYEN HUU HUAN	DINH VAN LONG	*****621	4	CT10090694-CT10090697
CN VUNG TAU	DINH VAN LONG	*****849	70	CT10051049-CT10051118
CN HAI AN	DINH VAN MANH	*****524	1	EB10002343-EB10002343
CN THANH XUAN	DINH VAN MINH	*****989	1	EB10000152-EB10000152
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH VAN NAM	*****528	14	CT10124075-CT10124088
CN DAI AN	DINH VAN NGA	*****798	2	CT10074859-CT10074860
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH VAN NGHI	*****002	16	CT10024335-CT10024350
HUB PAYROLL MB	DINH VAN QUANG	*****787	25	CT10083236-CT10083260
PGD NGUYEN SY SACH	DINH VAN QUOC HUY	*****394	1	EB10000057-EB10000057
CN HAI AN	DINH VAN QUY	*****973	14	CT10127885-CT10127898
CN LANG HA	DINH VAN SIEM	*****172	15	CT10080970-CT10080984
PGD NGUYEN SY SACH	DINH VAN THAN	*****555	1	CT10058715-CT10058715
HUB PAYROLL MN	DINH VAN THANG	*****477	1	EB10001101-EB10001101
PGD TRUNG NHI	DINH VAN THANG	*****491	1	CT10048230-CT10048230
PGD CONG HOA	DINH VAN THIEP	*****185	5	CT10043970-CT10043974
CN SO GIAO DICH	DINH VAN THUAN	*****604	1	EB10001267-EB10001267
PGD DOI CAN	DINH VAN TRUONG	*****619	1	CT10137177-CT10137177
CN THAI NGUYEN	DINH VAN TRUONG	*****906	37	CT10117013-CT10117049
PGD LAN ONG	DINH VAN TUAN	*****082	19	CT10033382-CT10033400
HUB THE VA TIN CHAP MB	DINH VAN TUAN	*****380	25	CT10042161-CT10042185
CN HA NOI	DINH VAN TUAN	*****928	1	EB10003269-EB10003269

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	DINH VAN TUONG	*****124	5	TD10000516-TD10000520
CN LANG HA	DINH VAN TUONG	*****158	2	CT10149001-CT10149002
PGD HANG KENH	DINH VAN VINH	*****665	120	DN10071708-DN10071827
CN DONG DA	DINH VIET HAI	*****412	1	CT10158958-CT10158958
CN DAI AN	DINH VIET HUNG	*****641	4	CT10160585-CT10160588
CN TP. HO CHI MINH	DINH VIET HUNG	*****880	5	CT10069530-CT10069534
HUB PAYROLL MB	DINH VU DUY LONG	*****274	25	CT10028466-CT10028490
CN HAI PHONG	DINH VU HAI ANH	*****471	5	CT10160002-CT10160006
PGD TRAN PHU	DINH XUAN BACH	*****780	1	EB10002660-EB10002660
CN HA NOI	DINH XUAN BACH	*****806	11	EB10000477-EB10000477; TD10006856-TD10006865
TT KHCC MIEN BAC 1	DINH XUAN BINH	*****017	26	CT10160379-CT10160404
CN DAI AN	DINH XUAN CUONG	*****256	1	CT10074767-CT10074767
PGD NGO GIA TU	DINH XUAN HOANG	*****392	2	CT10010297-CT10010298
CN HAI PHONG	DINH XUAN HOANG	*****432	3	CT10094374-CT10094376
PGD CAM PHA	DINH XUAN MANH	*****166	1	EB10001531-EB10001531
CN LONG BIEN	DINH XUAN NINH	*****123	1	CT10140378-CT10140378
CN TAN PHU	DINH XUAN QUANG	*****871	1	EB10001251-EB10001251
CN HAI PHONG	DINH XUAN VINH	*****887	1	CT10158633-CT10158633
CN DA NANG	DINH XUAN VUONG	*****364	1	EB10000440-EB10000440
CN LONG BIEN	DO ANH DUONG	*****265	10	CT10008013-CT10008022
PGD QUAN THANH	DO ANH LINH	*****148	19	CT10146374-CT10146387; TD10000836-TD10000840
PGD HO GUOM	DO ANH NGUYET	*****191	8	CT10089141-CT10089148
PGD LANG THUONG	DO ANH PHUONG	*****131	9	CT10037098-CT10037106
PGD TU SON	DO ANH QUYET	*****232	1	EB10001185-EB10001185
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO ANH TAI	*****449	45	CT10074695-CT10074739
PGD NGUYEN HUU HUAN	DO ANH THAI	*****838	10	CT10051322-CT10051331
PGD QUAN THANH	DO ANH THUAN	*****853	12	CT10089169-CT10089180
TT KH CC MIEN BAC 2	DO ANH TUAN	*****278	2	CT10142421-CT10142422
CN HA NOI	DO ANH TUAN	*****226	15	CT10042334-CT10042348
CN QUANG NGAI	DO ANH TUAN	*****555	3	CT10152655-CT10152657
HUB PAYROLL MB	DO ANH TUAN	*****660	1	CT10014725-CT10014725
PGD THAI THINH	DO ANH TUAN	*****834	8	CT10100921-CT10100928

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAM NGHI	DO ANH VU	*****568	10	TD10007821-TD10007830
HUB PAYROLL MB	DO ANH VU	*****460	7	CT10002266-CT10002272
CN CAU GIAY	DO BA CUONG	*****091	6	EB10001881-EB10001881; TD10003371-TD10003375
PGD LAC LONG QUAN	DO BA CUONG	*****733	100	CT10150726-CT10150825
PGD TRUNG HOA	DO BA HUNG	*****831	5	CT10056063-CT10056067
CN BAC NINH	DO BA QUAN	*****809	1	EB10000309-EB10000309
PGD LE CHAN	DO BICH HUONG	*****067	1	EB10001982-EB10001982
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO BICH LOAN	*****976	3	CT10161414-CT10161416
CN CAN THO	DO BICH LY	*****237	2	CT10158100-CT10158101
CN CAU GIAY	DO BICH NGOC	*****346	67	CT10094143-CT10094209
CN LANG HA	DO BICH THUAN	*****346	1	CT10109589-CT10109589
CN TAN BINH	DO BUI DUC LOC	*****747	1	EB10003255-EB10003255
CN QUANG NGAI	DO BUI YEN LINH	*****846	1	EB10000810-EB10000810
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO CAM TU	*****509	24	CT10076830-CT10076853
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO CAO CHAM	*****191	49	CT10118857-CT10118905
PGD HO NAI	DO CAO HANH TRINH	*****948	1	CT10010776-CT10010776
CN SO GIAO DICH	DO CAO HOANG AN	*****538	4	CT10116465-CT10116468
CN CAU GIAY	DO CAO THANH	*****249	1	EB10000512-EB10000512
CN NHA TRANG	DO CHAU LONG	*****267	55	CT10133266-CT10133271; DN10004637-DN10004679; EB10000215-EB10000215; TD10005961-TD10005965
TT KHCC MIEN BAC 1	DO CHI HUNG	*****385	1	CT10024356-CT10024356
TT KHCC MIEN BAC 1	DO CHI SY	*****016	3	CT10043535-CT10043537
PGD HOA BINH	DO CONG KHANH	*****767	10	CT10120608-CT10120617
CN THANH HOA	DO CONG TUAN	*****086	4	CT10083772-CT10083775
CN THANH XUAN	DO DAC HUNG	*****484	25	CT10027362-CT10027386
CN HA NOI	DO DAI QUAT	*****935	30	TD10010506-TD10010535
CN HAI AN	DO DANG HOANG	*****475	10	CT10080042-CT10080046; TD10008096-TD10008100
CN DONG DA	DO DANG TRUNG	*****024	3	CT10112467-CT10112469
PGD VINH HOANG	DO DANG TRUNG	*****691	7	CT10164513-CT10164519
CN BAC NINH	DO DANG TUAN	*****894	1	CT10137275-CT10137275

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HANG KENH	DO DANH TUAN	*****655	15	CT10059117-CT10059131
CN DONG DA	DO DIEU HANG	*****374	3	CT10162401-CT10162403
PGD TRUNG HOA	DO DINH BINH	*****729	5	CT10105669-CT10105673
PGD HO DAC DI	DO DINH MEN	*****376	3	CT10125958-CT10125959; EB10002296-EB10002296
PGD KIM VAN	DO DINH NGOC	*****964	7	CT10042154-CT10042160
PGD HO TUNG MAU	DO DINH THUAN	*****583	24	CT10165156-CT10165179
PGD HAM NGHI	DO DUC CHIEN	*****657	76	DN10008399-DN10008473; EB10000344-EB10000344
PGD LE CHAN	DO DUC DINH	*****664	1	EB10003263-EB10003263
CN HAI AN	DO DUC HAI	*****238	1	CT10072699-CT10072699
TT KHCC MIEN BAC 1	DO DUC HAI	*****994	11	CT10045350-CT10045350; TD10002181-TD10002190
CN HAI PHONG	DO DUC HOA	*****986	22	CT10114082-CT10114103
CN DONG DA	DO DUC LOI	*****916	10	CT10018318-CT10018327
CN TP. HO CHI MINH	DO DUC LOI	*****977	5	CT10016036-CT10016040
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO DUC NAM	*****332	24	CT10018294-CT10018317
CN HA DONG	DO DUC NAM	*****790	9	CT10096849-CT10096857
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO DUC PHONG	*****074	19	CT10136898-CT10136916
CN SO GIAO DICH	DO DUC PHUONG	*****579	5	CT10054250-CT10054254
CN HAI AN	DO DUC QUYET	*****802	1	EB10000364-EB10000364
PGD XUAN LA	DO DUC TAO	*****366	16	CT10141237-CT10141252
CN SO GIAO DICH	DO DUC THANG	*****705	5	CT10094284-CT10094288
PGD TIEN AN	DO DUC THANH	*****759	3	CT10014431-CT10014433
PGD NGOC LAM	DO DUC TRUNG	*****510	24	CT10029367-CT10029390
TT KH CC MIEN BAC 2	DO DUC TRUNG	*****575	5	CT10078789-CT10078793
CN HAI PHONG	DO DUC TRUNG	*****822	7	CT10103200-CT10103206
CN DA NANG	DO DUC TRUONG	*****615	4	CT10155940-CT10155943
CN HAI AN	DO DUONG THU	*****868	4	CT10164124-CT10164127
HUB PAYROLL MN	DO DUY ANH	*****582	1	EB10001844-EB10001844
CN DONG DA	DO DUY ANH	*****650	15	TD10010406-TD10010420
PGD CONG HOA	DO DUY KHUONG	*****754	22	CT10019713-CT10019734
PGD THANH CONG	DO DUY PHUONG	*****202	61	CT10042414-CT10042421; DN10068295-DN10068342; TD10001421-TD10001425

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	DO DUY PHUONG	*****768	7	CT10083226-CT10083232
CN HAI DUONG	DO DUY THANH	*****079	6	DN10053801-DN10053806
CN LONG BIEN	DO DUY VU	*****437	1	CT10138821-CT10138821
PGD BOTANIC	DO GIANG NAM	*****179	1	EB10002404-EB10002404
PGD NGOC HOI	DO HA TRANG	*****069	1	CT10030445-CT10030445
CN SAI GON	DO HAI NAM	*****606	5	CT10074879-CT10074883
HUB PAYROLL MB	DO HAI TUNG	*****308	24	CT10137475-CT10137498
CN SO GIAO DICH	DO HIEN LUONG	*****249	2	CT10151553-CT10151554
CN HAI AN	DO HIEP SI	*****962	12	CT10076188-CT10076199
CN DAK LAK	DO HIEU	*****279	5	CT10081741-CT10081745
PGD QUAN 8	DO HIEU PHUONG	*****982	7	CT10073242-CT10073248
PGD YEN PHU	DO HOANG ANH	*****871	1	EB10002792-EB10002792
CN DONG DA	DO HOANG DAO	*****718	5	CT10139863-CT10139867
PGD HO TUNG MAU	DO HOANG DUC	*****324	25	CT10050628-CT10050652
CN BINH DINH	DO HOANG DUNG	*****970	4	CT10110978-CT10110981
PGD TAY HO	DO HOANG GIANG	*****326	14	CT10107728-CT10107741
PGD LAC LONG QUAN	DO HOANG HA	*****040	3	CT10141491-CT10141493
CN LANG HA	DO HOANG HA	*****609	46	CT10034638-CT10034683
CN DAI AN	DO HOANG HAI	*****666	9	CT10111026-CT10111034
CN KIEN GIANG	DO HOANG MINH TRI	*****549	8	CT10005853-CT10005860
CN LANG HA	DO HOANG PHUC	*****677	1	EB10001837-EB10001837
CN THANH HOA	DO HOANG THANH	*****109	25	CT10104884-CT10104908
CN DONG NAI	DO HOANG TRUC QUYEN	*****265	1	DN10056377-DN10056377
PGD VAN XUAN	DO HOANG TRUNG	*****292	9	CT10128789-CT10128797
PGD HAM NGHI	DO HONG BINH	*****855	3	CT10161495-CT10161497
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO HONG CHUONG	*****243	3	CT10096000-CT10096002
PGD DAI TU	DO HONG CUONG	*****847	1	CT10051277-CT10051277
CN BINH DUONG	DO HONG GIANG	*****969	10	DN10055825-DN10055828; EB10001201-EB10001201; TD10000126-TD10000130
TT KH CC MIEN BAC 2	DO HONG HANH	*****136	8	CT10014038-CT10014045
TT KHCC MIEN BAC 1	DO HONG NAM	*****852	10	TD10003586-TD10003595
CN CAU GIAY	DO HONG NHUNG	*****032	7	CT10066846-CT10066852
CN HA NOI	DO HONG QUAN	*****789	47	CT10100724-CT10100770

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	DO HONG QUANG	*****180	25	CT10075462-CT10075486
PGD NGO GIA TU	DO HONG QUANG	*****180	1	EB10000594-EB10000594
PGD SAO MAI	DO HONG TUOI	*****270	8	CT10084109-CT10084116
PGD SOC SON	DO HUNG HUNG	*****523	1	EB10000646-EB10000646
PGD PHO YEN	DO HUNG LONG	*****986	49	DN10069723-DN10069771
PGD XUAN LA	DO HUNG SON	*****875	2	CT10095610-CT10095611
PGD NGOC LAM	DO HUONG GIANG	*****528	4	CT10052099-CT10052102
CN HA NOI	DO HUU CHIEN	*****686	5	TD10009406-TD10009410
CN SAI GON	DO HUU HUNG	*****768	16	CT10149331-CT10149346
CN NHA TRANG	DO HUU KHANH TRAN	*****920	4	CT10160210-CT10160213
PGD TAY HO	DO HUY	*****933	13	CT10052032-CT10052044
CN CAU GIAY	DO HUY HIEN	*****368	42	CT10042534-CT10042575
HUB PAYROLL MB	DO HUY HOANG	*****688	57	CT10075723-CT10075779
CN HAI PHONG	DO HUY QUANG	*****360	2	CT10034877-CT10034878
CN LANG HA	DO HUY THANH	*****296	4	CT10019373-CT10019376
PGD KIM LIEN	DO HUY THINH	*****691	1	EB10002384-EB10002384
PGD TAY HO	DO HUYEN TRANG	*****680	9	CT10050319-CT10050327
CN TAN BINH	DO HUYNH HA	*****894	37	DN10036972-DN10037008
CN HA DONG	DO KHAC HIEU	*****370	26	CT10077871-CT10077896
PGD YEN PHU	DO KHAC THANG	*****048	5	CT10017568-CT10017572
PGD KIM VAN	DO KHAC THINH	*****376	1	CT10149000-CT10149000
CN QUANG NINH	DO KHAC TUYET MAI	*****110	2	CT10076136-CT10076137
CN HUE	DO KHANH MINH	*****544	3	CT10102570-CT10102572
CN NHA TRANG	DO KHANH VINH	*****746	1	EB10000305-EB10000305
TT KHCC MIEN BAC 1	DO KHUONG DUY	*****368	1	EB10002096-EB10002096
CN HA DONG	DO KIM CHI	*****953	2	CT10101417-CT10101418
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO KIM HOANG	*****561	3	CT10006962-CT10006964
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO KIM NGAN	*****458	54	CT10154348-CT10154401
HUB PAYROLL MB	DO KIM PHUONG	*****633	7	CT10050214-CT10050220
PGD LE QUANG DINH	DO LAM DUC	*****029	7	CT10109545-CT10109551
TT KHCC MIEN BAC 1	DO LAN PHUONG	*****346	1	CT10013103-CT10013103
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO LE MINH TRANG	*****883	16	DN10071246-DN10071260; EB10001724-EB10001724
CN HA DONG	DO LINH CHI	*****322	19	CT10105364-CT10105382
PGD TRUONG THI	DO MANH CUONG	*****787	20	DN10027156-DN10027175

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN THANH	DO MANH DONG	*****095	41	DN10027443-DN10027482; EB10002808-EB10002808
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO MANH HA	*****423	1	CT10061355-CT10061355
PGD THAI THINH	DO MANH HAI	*****968	2	CT10159726-CT10159727
CN LANG HA	DO MANH HIEU	*****194	1	CT10130109-CT10130109
HUB PAYROLL MB	DO MANH HUNG	*****419	24	CT10063169-CT10063192
CN DONG DA	DO MANH HUNG	*****267	7	CT10110250-CT10110256
CN DONG DA	DO MANH HUNG	*****448	5	CT10105903-CT10105907
HUB PAYROLL MB	DO MINH ANH	*****276	6	CT10024812-CT10024817
CN CAU GIAY	DO MINH CHAU	*****121	1	CT10085999-CT10085999
CN TP. HO CHI MINH	DO MINH CHUONG	*****654	1	EB10000017-EB10000017
PGD NGUYEN AN NINH	DO MINH HAI	*****060	8	CT10012086-CT10012093
PGD KIM THANH	DO MINH HIEU	*****337	1	CT10160378-CT10160378
PGD DIEN BIEN PHU	DO MINH HIEU	*****630	7	CT10026637-CT10026643
CN THANH XUAN	DO MINH HOANG	*****433	1	CT10020919-CT10020919
CN DAI AN	DO MINH HOANG	*****136	5	CT10098083-CT10098087
CN SO GIAO DICH	DO MINH NGOC	*****235	1	CT10010291-CT10010291
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO MINH PHONG	*****481	15	CT10091561-CT10091575
CN DONG DA	DO MINH PHUONG	*****666	3	CT10095775-CT10095777
CN BINH DUONG	DO MINH THANH	*****879	31	CT10081298-CT10081302; DN10029156-DN10029165; EB10002885-EB10002885; TD10008686-TD10008700
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO MINH TIEP	*****917	25	CT10113277-CT10113301
PGD THANH CONG	DO MINH TRUNG	*****403	1	CT10035767-CT10035767
CN DAI AN	DO MY ANH	*****523	2	CT10092464-CT10092465
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO MY HANH	*****200	65	CT10157338-CT10157402
TT KH CC MIEN BAC 2	DO NAM	*****891	7	CT10162015-CT10162021
CN DAI AN	DO NGOC ANH	*****934	2	CT10011473-CT10011474
TT KH CC MIEN BAC 2	DO NGOC ANH	*****560	9	CT10147853-CT10147861
HUB PAYROLL MB	DO NGOC CHIEN	*****163	20	CT10037141-CT10037160

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	DO NGOC CUONG	*****335	4	CT10110586-CT10110589
CN HAI AN	DO NGOC DUNG	*****957	6	CT10142900-CT10142905
TT KHCC MIEN BAC 1	DO NGOC HA	*****425	46	CT10021367-CT10021406; EB10003103-EB10003103; TD10009396-TD10009400
PGD DAI KIM	DO NGOC HIEN	*****233	10	CT10037214-CT10037223
PGD HO TUNG MAU	DO NGOC HOAI	*****344	10	CT10143096-CT10143105
CN BAC NINH	DO NGOC HUNG	*****460	1	EB10002584-EB10002584
TT KHCC MIEN BAC 1	DO NGOC HUYNH	*****734	6	CT10142020-CT10142025
CN HA NOI	DO NGOC LINH	*****811	7	CT10086937-CT10086943
PGD DOI CAN	DO NGOC LONG	*****207	5	TD10009611-TD10009615
CN THANH XUAN	DO NGOC LONG	*****912	24	CT10040757-CT10040780
PGD TRAN NGUYEN HAN	DO NGOC MANH	*****973	5	CT10163941-CT10163945
PGD TRUNG HOA	DO NGOC QUYNH ANH	*****660	3	CT10056789-CT10056791
PGD DI AN	DO NGOC TINH	*****287	100	DN10047948-DN10048047
CN SO GIAO DICH	DO NGOC TRONG	*****358	1	EB10001709-EB10001709
PGD VAN XUAN	DO NGOC TUYEN	*****959	10	CT10031067-CT10031076
PGD HO DAC DI	DO NGUYEN HA PHUONG	*****119	57	CT10141356-CT10141412
CN THAI NGUYEN	DO NGUYEN KHANH HA	*****971	8	CT10097776-CT10097778; TD10011121-TD10011125
CN HUE	DO NGUYEN LAN HA	*****800	5	CT10094508-CT10094512
CN HA DONG	DO NGUYEN THE ANH	*****793	2	CT10101401-CT10101402
CN SAI GON	DO NGUYEN VIET ANH	*****843	30	CT10151833-CT10151862
CN DA NANG	DO NHAT VIEN	*****037	1	CT10156680-CT10156680
CN HAI PHONG	DO NHU LOI	*****168	6	CT10110008-CT10110013
CN TP. HO CHI MINH	DO NHU TIEN	*****803	6	CT10158627-CT10158632
PGD NGUYEN CONG TRU	DO NHU TUNG	*****286	10	CT10036094-CT10036103
PGD BA TRIEU	DO PHAM HOAI TRANG	*****582	2	CT10080898-CT10080899
CN QUANG NGAI	DO PHAM TUAN ANH	*****141	5	CT10041948-CT10041952
PGD TUYEN SON	DO PHU DUNG	*****219	12	CT10109807-CT10109818
CN HA DONG	DO PHU HUNG	*****448	2	CT10050741-CT10050742

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN THAI SON	DO PHU QUY	*****992	311	CT10055651-CT10055660; DN10077785-DN10078079; EB10001897-EB10001897; TD10003306-TD10003310
PGD LE HONG PHONG	DO PHUC HIEN	*****445	1	EB10000999-EB10000999
PGD MY CA	DO PHUC HIEN	*****445	7	CT10138743-CT10138749
PGD BACH MAI	DO PHUONG HANH	*****648	25	CT10141669-CT10141693
CN LONG BIEN	DO PHUONG MAI	*****804	1	CT10083529-CT10083529
PGD TON THAT TUNG	DO QUANG ANH	*****330	15	CT10103422-CT10103436
PGD XUAN LA	DO QUANG ANH	*****701	25	CT10010098-CT10010122
PGD YEN PHU	DO QUANG DUC	*****901	4	CT10143358-CT10143361
CN SO GIAO DICH	DO QUANG DUY	*****547	1	CT10020621-CT10020621
PGD NGUYEN AN NINH	DO QUANG HUNG	*****765	11	CT10140195-CT10140205
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO QUANG KHANH	*****137	1	CT10135303-CT10135303
TT KH CC MIEN BAC 2	DO QUANG KHANH	*****999	2	CT10039667-CT10039668
TT KHCC MIEN BAC 1	DO QUANG KHUE	*****783	5	CT10151359-CT10151363
CN CAU GIAY	DO QUANG MINH	*****322	22	CT10166095-CT10166116
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO QUANG MINH	*****537	7	CT10057434-CT10057440
TT KH CC MIEN BAC 2	DO QUANG PHONG	*****272	8	CT10013553-CT10013560
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO QUANG TRUNG	*****047	25	CT10060395-CT10060418; EB10002187-EB10002187
CN SO GIAO DICH	DO QUANG TRUNG	*****279	1	CT10104584-CT10104584
PGD HO DAC DI	DO QUANG TRUONG	*****309	25	CT10149009-CT10149033
PGD DAO TAN	DO QUANG VINH	*****066	10	CT10087531-CT10087540
CN SAI GON	DO QUANG VINH	*****958	4	CT10153145-CT10153148
CN LANG HA	DO QUOC CHINH	*****989	19	CT10058095-CT10058113
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO QUOC HUNG	*****270	11	CT10111073-CT10111083
CN DA NANG	DO QUOC HUNG	*****526	11	CT10058169-CT10058179
CN DONG NAI	DO QUOC HUY	*****720	1	EB10000490-EB10000490
CN CAU GIAY	DO QUOC HUY	*****246	17	CT10025147-CT10025163
CN HAI AN	DO QUOC KHANH	*****421	7	CT10138564-CT10138570

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD YEN PHU	DO QUOC LAP	*****803	15	CT10135675-CT10135689
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO QUY CONG	*****387	1	CT10149943-CT10149943
CN THANH XUAN	DO QUY DUNG	*****377	1	CT10140374-CT10140374
TT KHCC MIEN BAC 1	DO QUYNH ANH	*****585	1	EB10002937-EB10002937
CN HAI PHONG	DO QUYNH CHI	*****399	12	CT10075711-CT10075722
CN PHU MY HUNG	DO QUYNH MAI	*****407	3	CT10128349-CT10128351
PGD VINH HOANG	DO QUYNH TRANG	*****107	1	EB10002462-EB10002462
CN DAI AN	DO SON LONG	*****088	1	CT10079648-CT10079648
CN TP. HO CHI MINH	DO SON THONG	*****955	4	CT10054033-CT10054036
PGD XUAN KHANH	DO TAN DAT	*****456	52	DN10061118-DN10061168; EB10001331-EB10001331
CN HAI AN	DO TAT THUY	*****056	96	CT10133176-CT10133181; DN10004376-DN10004465
CN HAI PHONG	DO TAT TUAN	*****232	15	CT10135478-CT10135492
PGD TUYEN SON	DO THAI HA TRAM	*****787	3	CT10051815-CT10051817
CN TAN BINH	DO THAI QUOC	*****048	1	CT10018468-CT10018468
PGD HA LONG	DO THANH BANG	*****769	3	DN10004486-DN10004488
PGD NGO GIA TU	DO THANH BINH	*****214	10	CT10060873-CT10060882
CN VUNG TAU	DO THANH BINH	*****487	65	CT10061637-CT10061640; DN10000016-DN10000065; EB10000020-EB10000020; TD10005271-TD10005280
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO THANH DUNG	*****282	1	CT10020501-CT10020501
HUB PAYROLL MB	DO THANH HA	*****022	1	CT10060897-CT10060897
CN HA NOI	DO THANH HOA	*****147	72	CT10021241-CT10021312
PGD VINH HAI	DO THANH LONG	*****075	1	EB10001416-EB10001416
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THANH MINH	*****803	3	CT10029605-CT10029607
CN LONG BIEN	DO THANH NGOC	*****615	1	CT10047442-CT10047442
PGD NGOC LAM	DO THANH SON	*****243	3	CT10150836-CT10150838
PGD QUANG PHU	DO THANH THAO	*****946	31	DN10000313-DN10000342; EB10000008-EB10000008
PGD DIEN KHANH	DO THANH THU TRINH	*****441	70	CT10038891-CT10038895; DN10065367-DN10065426; TD10001211-TD10001215
PGD TAY HO	DO THANH THUY	*****808	1	CT10053292-CT10053292

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	DO THANH TIEN	*****578	1	CT10159097-CT10159097
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THANH TRUNG	*****001	5	CT10110710-CT10110714
PGD VAN QUAN	DO THANH TRUNG	*****144	10	CT10143972-CT10143981
CN SO GIAO DICH	DO THANH TRUNG	*****758	20	CT10131869-CT10131888
PGD TRAN HUNG DAO	DO THANH TRUNG	*****929	1	CT10130440-CT10130440
CN QUANG NGAI	DO THANH TU	*****654	1	CT10148490-CT10148490
CN BINH DINH	DO THANH TUAN	*****742	4	CT10099401-CT10099404
PGD LAC LONG QUAN	DO THANH TUNG	*****382	49	CT10065499-CT10065547
PGD HAI TAN	DO THANH TUNG	*****759	1	EB10003019-EB10003019
PGD HONG BANG	DO THANH TUNG	*****123	16	CT10037273-CT10037277; DN10060394-DN10060398; EB10001290-EB10001290; TD10000361-TD10000365
CN QUANG NGAI	DO THANH TUNG	*****829	1	EB10000283-EB10000283
PGD LE THAI TO	DO THANH VAN	*****389	52	CT10140228-CT10140279
CN SAI GON	DO THANH VIET	*****394	7	CT10046524-CT10046530
CN SO GIAO DICH	DO THE BAO	*****281	12	CT10121673-CT10121684
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THE HOAN THIEN	*****854	4	DN10030075-DN10030077; EB10002938-EB10002938
CN HAI AN	DO THE NAM	*****089	17	CT10164955-CT10164966; TD10008091-TD10008095
CN HAI PHONG	DO THE TIEN	*****332	9	CT10150471-CT10150479
PGD HAI DANG	DO THI BAO YEN	*****219	2	CT10066567-CT10066568
HUB THE CHAP MN	DO THI BAY	*****720	61	DN10070063-DN10070118; TD10001651-TD10001655
PGD LAN ONG	DO THI BICH DIEP	*****857	5	TD10000556-TD10000560
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THI BICH LIEN	*****740	36	CT10146555-CT10146590
CN BINH DINH	DO THI BUOI	*****854	5	CT10051818-CT10051822
PGD HA LONG	DO THI CHI	*****581	5	DN10023896-DN10023900
CN HAI AN	DO THI DI	*****270	1	EB10002906-EB10002906
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THI DIEU	*****496	2	CT10165358-CT10165359
PGD LE CHAN	DO THI DUNG	*****096	15	CT10002182-CT10002196
CN VUNG TAU	DO THI DUNG	*****251	3	CT10093274-CT10093276
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI DUYEN	*****438	25	CT10093453-CT10093477

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THAI THINH	DO THI HA	*****046	52	CT10136211-CT10136262
PGD THANH CONG	DO THI HA	*****635	74	CT10118571-CT10118644
CN DAK LAK	DO THI HA	*****699	5	DN10086702-DN10086706
CN DA NANG	DO THI HA LAN	*****941	9	CT10067859-CT10067867
PGD TON THAT TUNG	DO THI HA PHUONG	*****020	1	CT10013372-CT10013372
PGD DIEN KHANH	DO THI HA VUONG	*****899	1	CT10066659-CT10066659
PGD TRAN PHU	DO THI HAI HA	*****002	2	CT10059960-CT10059960; EB10002208-EB10002208
PGD NGUYEN THAI SON	DO THI HAI YEN	*****324	2	CT10119075-CT10119076
CN THAI NGUYEN	DO THI HANG	*****007	2	CT10019901-CT10019902
CN LONG BIEN	DO THI HANH	*****120	1	EB10001728-EB10001728
CN THANH XUAN	DO THI HAO	*****208	7	CT10126371-CT10126377
PGD LANG THUONG	DO THI HIEN	*****345	1	EB10002694-EB10002694
CN HA DONG	DO THI HIEN	*****565	57	CT10120078-CT10120134
PGD VAN QUAN	DO THI HOA	*****556	1	CT10057111-CT10057111
PGD THAI THINH	DO THI HOA	*****516	11	CT10124901-CT10124906; TD10004656-TD10004660
CN PHU MY HUNG	DO THI HOA	*****547	11	CT10166869-CT10166879
CN THANH HOA	DO THI HOAI	*****282	2	CT10095408-CT10095409
CN HA DONG	DO THI HOAI THU	*****111	18	CT10125224-CT10125241
CN TAN BINH	DO THI HOANG LINH	*****395	8	CT10058138-CT10058145
PGD SOC SON	DO THI HONG	*****132	1	EB10000223-EB10000223
CN HAI AN	DO THI HONG BICH	*****882	10	TD10006441-TD10006450
PGD BA TRIEU	DO THI HONG HAI	*****605	19	CT10074335-CT10074353
PGD GIA LAM	DO THI HONG HOA	*****371	11	CT10010806-CT10010811; TD10007646-TD10007650
CN HUE	DO THI HONG NHUNG	*****254	2	CT10120950-CT10120951
CN CAU GIAY	DO THI HONG THUYEN	*****582	130	CT10022841-CT10022864; DN10038302-DN10038396; EB10003116-EB10003116; TD10009411-TD10009420
CN DAK LAK	DO THI HUE	*****477	31	DN10063751-DN10063776; TD10000986-TD10000990
CN HAI PHONG	DO THI HUONG	*****204	1	EB10000997-EB10000997
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI HUONG	*****610	15	CT10016041-CT10016055
CN LONG BIEN	DO THI HUONG	*****528	7	CT10000364-CT10000370

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	DO THI HUONG	*****596	25	CT10061366-CT10061390
CN DONG NAI	DO THI HUONG	*****765	1	EB10000268-EB10000268
CN HAI PHONG	DO THI HUONG	*****818	2	CT10140088-CT10140089
CN DONG DA	DO THI HUONG LY	*****377	1	EB10001863-EB10001863
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DO THI HUONG LY	*****483	2	CT10031873-CT10031874
PGD VAN XUAN	DO THI HUYEN	*****081	12	CT10107137-CT10107148
CN THANH XUAN	DO THI HUYEN LINH	*****519	48	CT10084929-CT10084976
CN DAI AN	DO THI HUYEN TRANG	*****132	20	CT10046784-CT10046803
CN DA NANG	DO THI HUYEN TRANG	*****769	7	CT10064305-CT10064311
CN LANG HA	DO THI KHANH	*****811	71	CT10072367-CT10072427; TD10007011-TD10007020
PGD DIEN BIEN PHU	DO THI KHANH NGAN	*****293	5	CT10078631-CT10078635
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO THI KIEU ANH	*****716	10	CT10076507-CT10076516
CN NHA TRANG	DO THI KIEU PHUONG	*****170	1	EB10001141-EB10001141
CN DA NANG	DO THI KIM ANH	*****043	3	CT10037961-CT10037963
CN LANG HA	DO THI KIM BICH	*****411	1	EB10001016-EB10001016
PGD Krong Nang	DO THI KIM HUONG	*****180	30	DN10105569-DN10105598
PGD HOA BINH	DO THI KIM NGOC	*****344	2	CT10025075-CT10025076
CN SO GIAO DICH	DO THI KIM OANH	*****102	1	CT10156687-CT10156687
PGD TRAN HUNG DAO	DO THI KIM THUY	*****770	9	CT10066716-CT10066719; TD10005556-TD10005560
PGD TAY HO	DO THI KIM TUYEN	*****965	35	CT10040250-CT10040284
PGD HAM NGHI	DO THI LAN ANH	*****166	1	EB10000380-EB10000380
CN LANG HA	DO THI LAN HUONG	*****488	10	CT10145702-CT10145711
PGD DAO TAN	DO THI LAN HUONG	*****786	31	CT10063550-CT10063575; TD10005336-TD10005340
CN PHU MY HUNG	DO THI LE	*****290	2	CT10131198-CT10131199
CN LANG HA	DO THI LOAN	*****034	5	CT10152144-CT10152148
CN TP. HO CHI MINH	DO THI LUONG	*****497	2	CT10152677-CT10152678
PGD TO HIEU	DO THI LUONG	*****959	10	TD10002421-TD10002430
CN HAI AN	DO THI MAI	*****679	1	EB10000162-EB10000162
CN LONG BIEN	DO THI MAI	*****078	4	CT10102808-CT10102811
PGD NGUYEN LUONG BANG	DO THI MAI CHI	*****402	8	CT10152688-CT10152695
PGD NGOC LAM	DO THI MAI HUONG	*****769	1	CT10085179-CT10085179
CN BINH DINH	DO THI MINH	*****653	3	DN10039523-DN10039525

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN VUNG TAU	DO THI MINH NGUYET	*****224	59	CT10007521-CT10007529; DN10102140-DN10102189
CN SAI GON	DO THI MINH PHONG	*****734	1	CT10090545-CT10090545
CN TP. HO CHI MINH	DO THI MINH PHUONG	*****452	10	CT10109704-CT10109713
PGD LE LOI	DO THI MINH THU	*****666	1	EB10003213-EB10003213
CN DAI AN	DO THI MO	*****129	1	EB10000978-EB10000978
PGD LIM	DO THI MY	*****306	8	DN10112031-DN10112033; TD10008221-TD10008225
PGD MY CA	DO THI MY LE	*****840	1	EB10000501-EB10000501
CN HAI AN	DO THI NGA	*****986	15	CT10103517-CT10103531
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI NGA	*****498	29	CT10094890-CT10094918
PGD TRAN NGUYEN HAN	DO THI NGA	*****586	1	EB10002279-EB10002279
CN HAI PHONG	DO THI NGA	*****942	15	CT10099304-CT10099318
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI NGAN	*****231	19	CT10147660-CT10147678
CN THANH HOA	DO THI NGAN	*****991	1	EB10002009-EB10002009
PGD KIM VAN	DO THI NGAT	*****303	24	CT10147589-CT10147612
CN HA NOI	DO THI NGOC	*****997	12	CT10116111-CT10116122
PGD NGUYEN AN NINH	DO THI NGOC ANH	*****029	1	EB10000099-EB10000099
PGD HAM NGHI	DO THI NGOC ANH	*****432	14	CT10118198-CT10118211
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI NGOC BICH	*****471	3	CT10132711-CT10132713
CN DONG NAI	DO THI NGOC BICH	*****918	1	CT10031939-CT10031939
PGD HAO NAM	DO THI NGOC DUNG	*****643	1	CT10016629-CT10016629
CN SO GIAO DICH	DO THI NGOC TRAI	*****666	8	CT10115069-CT10115076
PGD BA RIA	DO THI NGOC TUYET	*****211	7	CT10045343-CT10045349
CN SO GIAO DICH	DO THI NGOC VAN	*****031	1	CT10163413-CT10163413
PGD TO HIEU	DO THI NGUYEN	*****995	7	CT10014118-CT10014124
CN THAI NGUYEN	DO THI NGUYET ANH	*****248	1	CT10090068-CT10090068
CN THAI NGUYEN	DO THI NGUYET NGA	*****536	1	CT10077213-CT10077213
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI NHU QUYNH	*****240	10	CT10080597-CT10080606
PGD THU DUC	DO THI NHU QUYNH	*****218	1	EB10001621-EB10001621
CN LANG HA	DO THI NHUNG	*****297	3	CT10146670-CT10146672
CN QUANG NGAI	DO THI NHUNG	*****356	1	CT10146365-CT10146365
CN HAI PHONG	DO THI NHUNG	*****631	2	CT10085831-CT10085832

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	DO THI PHUONG	*****240	1	EB10001093-EB10001093
HUB THE CHAP MB 2	DO THI PHUONG	*****460	45	DN10088471-DN10088515
CN CAU GIAY	DO THI PHUONG THANH	*****353	15	CT10065286-CT10065300
PGD YEN PHU	DO THI PHUONG THAO	*****004	2	CT10000564-CT10000565
CN BAC NINH	DO THI PHUONG THU	*****005	12	CT10107929-CT10107940
CN DAK LAK	DO THI PHUONG TRANG	*****917	12	CT10010777-CT10010788
PGD QUANG PHU	DO THI PHUONG TRANG	*****917	5	TD10010596-TD10010600
CN THANH XUAN	DO THI QUANG	*****939	33	CT10046827-CT10046859
CN THANH XUAN	DO THI QUYNH	*****080	1	EB10003046-EB10003046
PGD TU SON	DO THI SU	*****889	1	EB10002686-EB10002686
PGD KHAM THIEN	DO THI TAM	*****089	12	CT10085227-CT10085238
CN BINH DUONG	DO THI THAM	*****847	7	CT10102241-CT10102247
PGD TON THAT TUNG	DO THI THANH	*****436	129	DN10039394-DN10039522
PGD VINH YEN	DO THI THANH	*****436	50	DN10101004-DN10101053
CN HAI PHONG	DO THI THANH	*****617	5	DN10001161-DN10001165
CN TP. HO CHI MINH	DO THI THANH AN	*****153	25	CT10000707-CT10000731
PGD THAI THINH	DO THI THANH CHUYEN	*****796	52	CT10133182-CT10133233
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI THANH HIEN	*****180	1	CT10128016-CT10128016
CN TAN THANH	DO THI THANH HONG	*****236	5	CT10044528-CT10044532
PGD TRUONG THI	DO THI THANH HUYEN	*****998	1	CT10000277-CT10000277
CN VINH PHUC	DO THI THANH MAI	*****255	1	EB10002148-EB10002148
PGD GIA LOC	DO THI THANH PHUONG	*****217	1	EB10002299-EB10002299
PGD NGOC HOI	DO THI THANH THINH	*****626	2	CT10117902-CT10117903
CN SAI GON	DO THI THANH TRA	*****737	1	EB10001199-EB10001199
PGD BA RIA	DO THI THANH XUAN	*****609	1	CT10069600-CT10069600
CN THANH HOA	DO THI THAO	*****342	21	DN10032833-DN10032852; EB10003003-EB10003003
PGD HAM NGHI	DO THI THAO	*****749	1	EB10001742-EB10001742
PGD KIM THANH	DO THI THU	*****378	187	DN10080262-DN10080438; TD10003606-TD10003615
CN KIEN GIANG	DO THI THU	*****063	4	CT10097445-CT10097448

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THI THU	*****356	2	CT10117248-CT10117249
PGD YEN PHU	DO THI THU	*****830	1	EB10000667-EB10000667
PGD HUNG VUONG	DO THI THU DONG	*****882	2	CT10037506-CT10037507
PGD NGOC HOI	DO THI THU DUNG	*****547	2	CT10033047-CT10033048
PGD HO GUOM	DO THI THU HA	*****515	3	CT10046821-CT10046823
CN NHA TRANG	DO THI THU HA	*****548	1	EB10000349-EB10000349
CN QUANG NINH	DO THI THU HA	*****806	1	EB10001005-EB10001005
CN TP. HO CHI MINH	DO THI THU HA	*****865	2	CT10018428-CT10018429
PGD XUAN LA	DO THI THU HIEN	*****630	40	DN10003516-DN10003555
PGD TRAN KHAT CHAN	DO THI THU HUONG	*****352	20	CT10045950-CT10045969
TT KH CC MIEN BAC 2	DO THI THU HUONG	*****529	4	CT10116778-CT10116781
PGD THANH CONG	DO THI THU LOAN	*****644	17	CT10042374-CT10042390
TT KHCC MIEN BAC 1	DO THI THU PHUONG	*****447	7	CT10100660-CT10100666
PGD LAN ONG	DO THI THU PHUONG	*****457	15	CT10019657-CT10019671
PGD PHU MY - BINH DINH	DO THI THU THAO	*****721	5	DN10044003-DN10044007
CN LONG BIEN	DO THI THU THUY	*****596	1	CT10000097-CT10000097
PGD TRUNG NHI	DO THI THU TRAM	*****457	5	CT10158170-CT10158174
CN HAI PHONG	DO THI THU TRANG	*****399	1	CT10150564-CT10150564
PGD LACH TRAY 2	DO THI THU TRANG	*****934	10	CT10042914-CT10042923
CN NHA TRANG	DO THI THU TRANG	*****645	4	CT10109585-CT10109588
CN LANG HA	DO THI THUONG	*****140	12	CT10070698-CT10070709
PGD LE CHAN	DO THI THUONG	*****383	1	EB10002365-EB10002365
HUB PAYROLL MB	DO THI THUONG HUYEN	*****952	24	CT10144657-CT10144680
CN VINH PHUC	DO THI THUY	*****118	1	EB10002663-EB10002663
PGD HAM NGHI	DO THI THUY	*****439	1	EB10000251-EB10000251
CN SO GIAO DICH	DO THI THUY	*****444	1	EB10002422-EB10002422
CN DA NANG	DO THI THUY AN	*****406	2	CT10149505-CT10149506
CN LANG HA	DO THI THUY CHI	*****964	2	CT10092546-CT10092547
CN HA DONG	DO THI THUY DUNG	*****492	4	CT10125783-CT10125786
CN LANG HA	DO THI THUY DUONG	*****143	1	CT10034500-CT10034500
PGD DA KAO	DO THI THUY LINH	*****603	5	CT10027505-CT10027509
CN HUE	DO THI THUY MINH	*****261	4	CT10111103-CT10111106
PGD QUAN THANH	DO THI THUY NGAN	*****603	39	CT10052468-CT10052506

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LIM	DO THI TIEN	*****430	5	DN10100999-DN10101003
CN HAI PHONG	DO THI TO QUYEN	*****245	6	CT10108281-CT10108286
CN TAN BINH	DO THI TO TRINH	*****390	8	CT10091633-CT10091640
PGD LACH TRAY 2	DO THI TOAN	*****757	1	EB10000086-EB10000086
PGD NGOC LAM	DO THI TU ANH	*****024	23	CT10065732-CT10065754
CN SO GIAO DICH	DO THI TU QUYEN	*****495	2	CT10003571-CT10003572
TT KH CC MIEN BAC 2	DO THI TUYEN	*****087	3	CT10087550-CT10087552
PGD TAY HO	DO THI TUYET ANH	*****347	74	CT10032398-CT10032471
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI TUYET MAI	*****420	15	CT10103974-CT10103988
CN DAI AN	DO THI VAN ANH	*****357	1	CT10044180-CT10044180
CN HAI PHONG	DO THI VAN ANH	*****887	10	CT10063717-CT10063726
CN HAI AN	DO THI VAN HANG	*****689	2	CT10028724-CT10028725
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THI VAN TRANG	*****707	24	CT10094825-CT10094848
TT KH CC MIEN BAC 2	DO THI VI	*****174	2	CT10012375-CT10012376
CN HAI AN	DO THI VI	*****791	9	CT10146292-CT10146295; TD10000951-TD10000955
PGD HONG BANG	DO THI VIET	*****340	3	CT10040995-CT10040997
PGD HONG BANG	DO THI VIET ANH	*****357	5	CT10071068-CT10071072
CN HAI AN	DO THI XUAN	*****471	9	CT10125761-CT10125769
PGD TIEN AN	DO THI XUAN HUONG	*****798	1	EB10002358-EB10002358
CN LANG HA	DO THI XUYEN	*****506	1	CT10018416-CT10018416
PGD HO DAC DI	DO THI YEN	*****076	7	CT10126116-CT10126122
CN LONG BIEN	DO THI YEN	*****539	10	CT10164967-CT10164976
CN HAI AN	DO THI YEN	*****712	1	CT10089986-CT10089986
CN BAC NINH	DO THIEN CHIEN	*****186	85	CT10127245-CT10127329
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THU HA	*****630	1	CT10158617-CT10158617
CN DAI AN	DO THU HANG	*****017	1	CT10100947-CT10100947
TT KH CC MIEN BAC 2	DO THU HANG	*****883	3	CT10112474-CT10112476
CN HA DONG	DO THU HUONG	*****572	8	CT10154706-CT10154713
PGD VINH YEN	DO THU HUYEN	*****289	15	DN10094940-DN10094954
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO THU NGA	*****037	25	CT10051637-CT10051661
TT KH CC MIEN BAC 2	DO THU NGA	*****856	5	CT10105932-CT10105936

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN CONG TRU	DO THU PHUONG	*****482	1	CT10039868-CT10039868
CN THAI NGUYEN	DO THUY DUONG	*****082	31	DN10094489-DN10094514; TD10002241-TD10002245
PGD TRAN PHU	DO THUY HANG	*****578	15	CT10048570-CT10048584
CN THANH XUAN	DO THUY HAO	*****203	15	CT10017268-CT10017282
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO THUY LINH	*****825	1	CT10039028-CT10039028
CN SAI GON	DO THUY LINH	*****343	23	CT10156722-CT10156744
CN TP. HO CHI MINH	DO THUY NGOC DUYEN	*****108	1	EB10002017-EB10002017
CN DAI AN	DO THUY NINH	*****567	1	EB10002834-EB10002834
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO THUY THUY DUONG	*****160	11	CT10152401-CT10152411
PGD THU DAU 1	DO THUY VAN	*****914	1	EB10000935-EB10000935
CN HA DONG	DO TIEN DUNG	*****500	35	CT10108796-CT10108830
CN QUANG NINH	DO TIEN DUNG	*****362	3	CT10077860-CT10077862
PGD CAM RANH	DO TIEN DUNG	*****548	1	CT10141496-CT10141496
CN HA DONG	DO TIEN LINH	*****881	1	EB10001507-EB10001507
CN DAK LAK	DO TIEN TANG	*****573	1	EB10002828-EB10002828
HUB PAYROLL MB	DO TO NGA	*****375	24	CT10110409-CT10110432
PGD THANH CONG	DO TRA MY	*****898	1	EB10003168-EB10003168
CN HA NOI	DO TRA MY	*****064	22	CT10000542-CT10000563
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO TRAN HAI	*****101	1	CT10054207-CT10054207
CN SAI GON	DO TRAN KHANH PHUONG	*****112	1	CT10000078-CT10000078
CN SAI GON	DO TRAN QUOC DUY	*****347	18	DN10034470-DN10034487
HUB PAYROLL MN	DO TRAN THAO LY	*****278	1	EB10001892-EB10001892
CN DONG DA	DO TRANG CONG	*****993	6	CT10104668-CT10104673
CN HA NOI	DO TRI DUNG	*****114	1	CT10135304-CT10135304
CN NHA TRANG	DO TRI GIANG	*****664	1	EB10002868-EB10002868
CN NHA TRANG	DO TRI NGUYEN	*****948	1	EB10000656-EB10000656
PGD TRAN NGUYEN HAN	DO TRONG DAT	*****580	3	CT10157614-CT10157616
CN DAI AN	DO TRONG DAT	*****411	1	EB10000375-EB10000375
TT KHCC MIEN BAC 1	DO TRONG DUNG	*****824	55	CT10107082-CT10107136
PGD NGUYEN KHANH TOAN	DO TRONG HIEU	*****600	11	CT10019495-CT10019505

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG NAI	DO TRONG TAI	*****635	1	CT10111037-CT10111037
PGD NGOC HOI	DO TRONG TU	*****353	12	CT10098356-CT10098367
PGD YEN PHU	DO TRONG TU	*****992	20	CT10150294-CT10150313
CN HA NOI	DO TRUNG HIEU	*****971	4	CT10043610-CT10043613
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO TRUNG KIEN	*****006	10	CT10159716-CT10159725
CN LONG BIEN	DO TRUONG DOAN	*****492	1	CT10049933-CT10049933
CN TIEN GIANG	DO TRUONG DUY	*****978	12	CT10065479-CT10065485; TD10005381-TD10005385
TT KHCC MIEN BAC 1	DO TRUONG DUY	*****086	23	CT10062607-CT10062629
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO TRUONG GIANG	*****997	7	CT10139404-CT10139410
CN LONG BIEN	DO TRUONG MANH	*****562	10	CT10025875-CT10025884
PGD THANH CONG	DO TRUONG SON	*****456	100	CT10023370-CT10023469
CN LONG BIEN	DO TUAN ANH	*****326	12	CT10010301-CT10010312
CN SAI GON	DO TUAN ANH	*****418	22	CT10051471-CT10051492
CN HAI PHONG	DO TUAN DUNG	*****548	4	CT10150445-CT10150448
PGD TON DAN	DO TUAN KIET	*****884	300	DN10095675-DN10095974
CN DAI AN	DO TUAN NGOC	*****320	22	CT10120558-CT10120579
PGD TRAN PHU	DO TUAN VU LINH	*****967	1	CT10098266-CT10098266
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO TUNG GIANG	*****807	13	CT10138481-CT10138493
CN HAI AN	DO VAN	*****756	3	CT10030475-CT10030477
CN HAI AN	DO VAN BACH	*****595	8	CT10045090-CT10045097
CN LANG HA	DO VAN CANH	*****103	2	CT10041582-CT10041583
CN LANG HA	DO VAN CHANH	*****758	3	CT10105793-CT10105795
PGD TIEN AN	DO VAN CHUNG	*****362	2	CT10148599-CT10148600
CN CAU GIAY	DO VAN CU	*****969	60	DN10090992-DN10091051
PGD HONG BANG	DO VAN DAC	*****566	2	CT10126337-CT10126338
CN LONG BIEN	DO VAN DANG	*****677	1	CT10053138-CT10053138
PGD DAO TAN	DO VAN DAP	*****076	10	CT10101663-CT10101672
PGD KIM VAN	DO VAN DOANH	*****255	25	CT10087038-CT10087062
PGD TU SON	DO VAN DONG	*****413	20	DN10109032-DN10109051
PGD BACH MAI	DO VAN DUNG	*****836	3	CT10035271-CT10035273
PGD HAI TAN	DO VAN DUONG	*****579	1	EB10000960-EB10000960
CN CAU GIAY	DO VAN DUY	*****671	2	CT10026367-CT10026368
PGD LAC LONG QUAN	DO VAN GIANG	*****621	10	CT10118048-CT10118057

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	DO VAN HAN	*****695	1	EB10001991-EB10001991
PGD KHAM THIEN	DO VAN HAO	*****740	14	CT10015341-CT10015349; TD10008411-TD10008415
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VAN HIEN	*****008	16	CT10093021-CT10093036
TT KHCC MIEN BAC 1	DO VAN HIEP	*****292	10	CT10121969-CT10121978
PGD LIM	DO VAN HIEP	*****527	30	DN10069270-DN10069289; TD10001546-TD10001555
CN NHA TRANG	DO VAN HOANG	*****080	6	CT10069117-CT10069122
CN HAI PHONG	DO VAN HUNG	*****154	12	CT10082508-CT10082519
CN HAI AN	DO VAN HUONG	*****339	13	CT10004142-CT10004149; TD10006541-TD10006545
CN LONG BIEN	DO VAN KHANH	*****603	2	CT10114397-CT10114398
PGD NGUYEN CONG TRU	DO VAN LAP	*****369	101	DN10095540-DN10095639; EB10000992-EB10000992
PGD THANH DONG	DO VAN LIEN	*****661	41	DN10101467-DN10101506; EB10001177-EB10001177
CN HA DONG	DO VAN LONG	*****898	1	EB10001965-EB10001965
CN KIEN GIANG	DO VAN LONG	*****555	2	CT10101835-CT10101836
PGD HAI DANG	DO VAN LUONG	*****735	34	CT10039783-CT10039785; DN10065427-DN10065447; TD10001221-TD10001230
CN DONG DA	DO VAN LUYEN	*****343	9	CT10099234-CT10099242
CN HAI AN	DO VAN MINH	*****045	5	TD10000311-TD10000315
PGD TRAN KHAT CHAN	DO VAN MINH	*****708	3	CT10095105-CT10095107
PGD KIM THANH	DO VAN NAU	*****714	98	CT10152552-CT10152564; DN10099721-DN10099805
CN HAI AN	DO VAN NGHIA	*****885	6	CT10094819-CT10094824
PGD TU SON	DO VAN NHUAN	*****677	40	DN10043408-DN10043447
PGD MY DINH	DO VAN OANH	*****250	25	CT10001130-CT10001154
PGD HOA BINH	DO VAN PHUC	*****165	1	EB10003144-EB10003144
PGD HUNG VUONG	DO VAN QUAN	*****248	6	CT10148012-CT10148017
PGD Krong Nang	DO VAN QUAN	*****541	6	DN10046710-DN10046715
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VAN QUAN	*****824	24	CT10046426-CT10046449
CN HAI AN	DO VAN QUANG	*****377	9	CT10067322-CT10067330

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VAN QUAT	*****083	51	CT10125536-CT10125586
PGD NGUYEN LUONG BANG	DO VAN QUYET	*****476	61	DN10005663-DN10005712; EB10000227-EB10000227; TD10006076-TD10006085
PGD KIM VAN	DO VAN SINH	*****498	40	CT10031323-CT10031362
CN HAI AN	DO VAN SON	*****550	5	CT10166899-CT10166903
CN HAI PHONG	DO VAN TAM	*****367	4	CT10082839-CT10082842
PGD VAN QUAN	DO VAN THANG	*****328	1	EB10001643-EB10001643
CN CAU GIAY	DO VAN THANG	*****437	2	CT10039309-CT10039310
CN HAI DUONG	DO VAN THANG	*****516	12	CT10145905-CT10145916
PGD THAI THINH	DO VAN THANG	*****702	60	CT10147332-CT10147391
CN VUNG TAU	DO VAN THANH	*****567	7	CT10091701-CT10091707
CN CAU GIAY	DO VAN THANH	*****816	1	EB10000150-EB10000150
PGD TRAN KHAT CHAN	DO VAN THE	*****168	5	CT10158852-CT10158856
CN THANH XUAN	DO VAN THO	*****536	1	CT10123179-CT10123179
CN CAU GIAY	DO VAN TIEN	*****722	5	CT10132472-CT10132476
CN DAI AN	DO VAN TIEN	*****373	1	CT10070494-CT10070494
CN HAI AN	DO VAN TIEN	*****835	12	CT10164440-CT10164451
CN HAI AN	DO VAN TRONG	*****458	1	EB10002138-EB10002138
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VAN TRONG	*****914	1	CT10094705-CT10094705
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VAN TRUNG	*****385	19	CT10103262-CT10103280
PGD HAI TAN	DO VAN TRUONG	*****899	35	DN10034587-DN10034616; TD10009171-TD10009175
CN THAI NGUYEN	DO VAN TRUYEN	*****348	181	DN10018990-DN10019159; EB10000392-EB10000392; TD10006676-TD10006685
CN HAI DUONG	DO VAN TU	*****479	44	CT10034873-CT10034876; DN10058554-DN10058588; TD10000241-TD10000245
PGD MY DINH	DO VAN TUNG	*****838	10	CT10025510-CT10025519
PGD PHU MY - BINH DINH	DO VAN TUOC	*****291	30	DN10044661-DN10044690
CN QUANG NGAI	DO VAN TUU	*****566	1	CT10135374-CT10135374
PGD TAY HO	DO VAN VIET	*****700	17	CT10163172-CT10163188
CN LANG HA	DO VAN VIET	*****769	5	CT10039244-CT10039248
PGD NGOC HOI	DO VAN VIET	*****800	1	EB10002656-EB10002656

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	DO VAN VIET	*****961	1	CT10011035-CT10011035
PGD THANG LONG	DO VAN VUI	*****993	1	CT10090083-CT10090083
HUB THE VA TIN CHAP MN	DO VAN VUONG	*****672	3	CT10165543-CT10165545
CN VINH PHUC	DO VIET BACH	*****950	16	CT10143439-CT10143444; TD10011061-TD10011070
PGD DOI CAN	DO VIET DUNG	*****724	57	CT10017759-CT10017815
PGD LE CHAN	DO VIET DUNG	*****751	10	CT10140317-CT10140326
CN SO GIAO DICH	DO VIET HA	*****128	15	CT10161703-CT10161717
PGD TRAN DUY HUNG	DO VIET HA	*****963	16	CT10113063-CT10113078
PGD DOI CAN	DO VIET HUNG	*****302	64	CT10117180-CT10117243
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VIET HUNG	*****773	30	CT10024683-CT10024707; TD10009421-TD10009425
PGD TO HIEU	DO VIET PHUONG	*****971	1	CT10056827-CT10056827
CN BAC NINH	DO VIET QUAN	*****673	5	TD10008256-TD10008260
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO VIET TIEN	*****055	24	CT10149135-CT10149158
PGD HO DAC DI	DO VIET TIEN	*****072	10	TD10008946-TD10008955
CN HAI AN	DO VIET TIEP	*****075	1	CT10098355-CT10098355
TT KH CC MIEN BAC 2	DO VIET TOAN	*****616	5	CT10039398-CT10039402
CN HA DONG	DO VIET TU	*****364	25	CT10065940-CT10065964
PGD XUAN LA	DO VIET TUNG	*****061	270	CT10157650-CT10157699; DN10084134-DN10084333; TD10003896-TD10003915
TT KH CC MIEN BAC 2	DO VU BINH	*****904	18	CT10041065-CT10041082
PGD HO DAC DI	DO VU THUY ANH	*****337	13	CT10070350-CT10070362
PGD HAM NGHI	DO XUAN CHUNG	*****532	16	CT10120479-CT10120494
CN THANH XUAN	DO XUAN DAI	*****102	40	CT10104229-CT10104268
CN HA NOI	DO XUAN HA	*****674	1	EB10001091-EB10001091
PGD NGOC HOI	DO XUAN HUNG	*****898	1	EB10002798-EB10002798
CN HA NOI	DO XUAN LOC	*****724	24	CT10121171-CT10121194
CN NHA TRANG	DO XUAN NGUYEN TRUNG	*****286	1	EB10002373-EB10002373
CN THANH XUAN	DO XUAN TAI	*****040	28	CT10068668-CT10068695
PGD NGUYEN HUU HUAN	DO XUAN THAI	*****740	150	DN10035783-DN10035927; TD10009211-TD10009215
CN BAC NINH	DO XUAN THUY	*****017	21	CT10065907-CT10065927

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	DO XUAN TRAO	*****549	1	CT10025146-CT10025146
CN HAI PHONG	DO XUAN TRINH	*****743	1	CT10076905-CT10076905
PGD XUAN LA	DO XUAN TRUONG	*****665	54	CT10044016-CT10044069
CN HAI AN	DO XUAN TRUONG	*****753	1	CT10008170-CT10008170
PGD TO HIEU	DO XUAN TUYNH	*****200	6	CT10068834-CT10068839
CN CA MAU	DOAI MINH DUONG	*****595	4	DN10027494-DN10027497
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN ANH NGUYET	*****699	2	CT10094799-CT10094800
CN HA DONG	DOAN ANH TU	*****526	17	CT10076360-CT10076376
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN ANH TUAN	*****344	5	CT10026200-CT10026204
CN SAI GON	DOAN ANH TUAN	*****769	35	CT10147013-CT10147047
CN BINH DUONG	DOAN ANH VU	*****170	2	CT10155751-CT10155752
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN BACH HUONG	*****021	7	CT10077094-CT10077100
CN DONG NAI	DOAN BAO NGUYEN	*****709	7	CT10153962-CT10153968
CN LONG BIEN	DOAN BICH NGOC	*****672	10	CT10159323-CT10159332
TT KH CC MIEN BAC 2	DOAN BINH TRONG	*****446	7	CT10137896-CT10137902
CN BINH DUONG	DOAN CHAU KY	*****709	131	DN10030081-DN10030210; EB10002933-EB10002933
CN DAI AN	DOAN DAT	*****408	4	CT10055068-CT10055071
CN AN GIANG	DOAN DINH DAI	*****704	5	CT10057028-CT10057032
PGD LE QUANG DINH	DOAN DO THI NHU Y	*****029	1	CT10011373-CT10011373
CN HA NOI	DOAN DUC DUY	*****770	11	CT10097006-CT10097016
HUB PAYROLL MB	DOAN DUC HUY	*****365	9	CT10159448-CT10159456
PGD LACH TRAY 2	DOAN DUC QUANG	*****129	15	CT10117444-CT10117458
CN HAI DUONG	DOAN DUY PHUONG	*****337	3	CT10049661-CT10049663
PGD TAN PHAT	DOAN DUY TAN	*****265	1	CT10101661-CT10101661
CN SAI GON	DOAN HAI NAM	*****641	1	EB10001480-EB10001480
PGD NGUYEN HUU HUAN	DOAN HOA MAI	*****588	24	CT10014322-CT10014345
CN HA NOI	DOAN HOANG HUY	*****595	15	CT10065456-CT10065470
CN DAK LAK	DOAN HONG SON	*****266	1	EB10000275-EB10000275
CN HAI AN	DOAN HUU QUYNH	*****228	1	CT10114661-CT10114661
PGD HAO NAM	DOAN KHAC THIEN	*****032	12	CT10094471-CT10094482
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN KHANH DUY	*****566	7	CT10135958-CT10135964
HUB PAYROLL MB	DOAN KHANH HOI	*****115	6	CT10125777-CT10125782

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	DOAN KHANH TAI	*****667	2	CT10121617-CT10121618
CN HA NOI	DOAN KIEN	*****187	3	CT10126170-CT10126172
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN KIEN CUONG	*****622	11	CT10155681-CT10155686; TD10003806-TD10003810
PGD NGUYEN AN NINH	DOAN KIEN CUONG	*****622	1	EB10001631-EB10001631
CN SAI GON	DOAN LE NGOC YEN	*****278	15	TD10007181-TD10007195
CN HA DONG	DOAN LONG LY	*****476	14	CT10047279-CT10047292
CN CAU GIAY	DOAN MANH HUNG	*****392	9	CT10006965-CT10006973
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN MANH HUNG	*****975	7	CT10036419-CT10036425
CN DONG DA	DOAN MANH HUNG	*****819	38	CT10134782-CT10134819
PGD DA KAO	DOAN MANH QUYNH	*****521	1	EB10003169-EB10003169
CN THANH XUAN	DOAN MINH DIEP	*****379	1	CT10030478-CT10030478
CN HAI AN	DOAN MINH HIEU	*****412	1	EB10000324-EB10000324
CN THANH XUAN	DOAN MINH KINH	*****256	3	CT10065725-CT10065727
CN DAI AN	DOAN MINH PHU	*****822	2	CT10066625-CT10066626
PGD HA LONG	DOAN MINH PHUC	*****441	3	DN10074233-DN10074235
CN TAN BINH	DOAN MINH TAN	*****418	7	CT10041288-CT10041294
CN BINH DUONG	DOAN MINH TRI	*****251	1	CT10091283-CT10091283
CN LONG BIEN	DOAN MINH TUAN	*****207	9	CT10163415-CT10163423
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN MINH TUAN	*****106	1	CT10151256-CT10151256
PGD TO HIEU	DOAN MINH TUYEN	*****964	6	CT10149003-CT10149008
CN NHA TRANG	DOAN MY DUNG	*****671	1	EB10001431-EB10001431
CN CAU GIAY	DOAN NAM SON	*****465	1	CT10000849-CT10000849
PGD HO GUOM	DOAN NGOC ANH	*****050	9	CT10051346-CT10051354
CN THANH XUAN	DOAN NGOC ANH	*****789	15	CT10037122-CT10037136
PGD MY DINH	DOAN NGOC HOANG	*****568	15	CT10075013-CT10075027
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN NGOC HUAN	*****521	15	CT10137634-CT10137648
PGD LY THUONG KIET-DN	DOAN NGOC TUAN	*****425	1	CT10103511-CT10103511
PGD LE QUANG DINH	DOAN NGOC TUAN	*****991	5	TD10008871-TD10008875
PGD HOANG DIEU	DOAN NGOC XUAN	*****912	11	CT10149166-CT10149176
HUB THE VA TIN CHAP MN	DOAN NGUYEN KHOI	*****224	7	CT10095273-CT10095279
CN THAI NGUYEN	DOAN NHU HAI	*****880	3	CT10083523-CT10083525

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 1	DOAN NHU NGOC	*****572	5	CT10156054-CT10156058
PGD BOTANIC	DOAN NHUT NINH	*****088	2	CT10037667-CT10037668
SEABANK LE DUAN	DOAN PHI SON	*****228	2	CT10084352-CT10084353
CN HA DONG	DOAN PHUONG LINH	*****883	1	CT10034929-CT10034929
PGD LE THANH TONG	DOAN PHUONG THAO	*****453	6	CT10050472-CT10050477
CN DAI AN	DOAN QUANG HA	*****589	5	CT10078336-CT10078340
PGD LE CHAN	DOAN QUANG HUNG	*****071	5	CT10158944-CT10158948
PGD TRAN DUY HUNG	DOAN QUANG HUY	*****242	1	CT10068132-CT10068132
CN THANH XUAN	DOAN QUANG HUY	*****682	1	EB10001228-EB10001228
CN DA NANG	DOAN QUOC ANH	*****139	5	CT10055392-CT10055396
PGD QUAN 1	DOAN QUOC GIA	*****275	10	CT10083291-CT10083300
CN TAN BINH	DOAN QUOC KHANH	*****012	1	CT10133390-CT10133390
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN QUOC TRUONG	*****284	24	CT10139918-CT10139941
CN HUE	DOAN QUY	*****149	6	CT10018934-CT10018939
CN SO GIAO DICH	DOAN QUYNH THO	*****072	1	CT10098280-CT10098280
CN BAC NINH	DOAN SY VAN	*****706	3	CT10082961-CT10082963
CN SAI GON	DOAN THAI BAO HA	*****967	1	EB10001849-EB10001849
CN SAI GON	DOAN THANH BINH	*****037	1	EB10001939-EB10001939
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN THANH HAI	*****699	2	CT10132638-CT10132639
CN NHA TRANG	DOAN THANH HOA	*****752	1	EB10002790-EB10002790
PGD TRAN NGUYEN HAN	DOAN THANH HUYEN	*****953	1	EB10003218-EB10003218
CN DA NANG	DOAN THANH PHONG	*****036	1	CT10045147-CT10045147
CN PHU MY HUNG	DOAN THANH SANG	*****392	5	TD10007806-TD10007810
PGD TRUNG HOA	DOAN THANH TU	*****237	37	CT10035546-CT10035582
PGD LE LOI	DOAN THANH TUNG	*****192	1	CT10092596-CT10092596
CN AN GIANG	DOAN THE CHUNG	*****616	1	EB10000396-EB10000396
PGD THANH CONG	DOAN THI ANH NGOC	*****238	3	CT10040424-CT10040426
PGD QUAN THANH	DOAN THI ANH NGUYET	*****902	84	DN10090483-DN10090566
PGD VAN XUAN	DOAN THI BICH NGOC	*****053	2	CT10082917-CT10082918
CN DONG DA	DOAN THI BICH NGOC	*****567	2	CT10008888-CT10008889
CN HAI AN	DOAN THI BICH NGOC	*****621	4	CT10156803-CT10156806
CN VINH PHUC	DOAN THI BICH THAO	*****588	1	CT10166192-CT10166192

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LAN ONG	DOAN THI BICH THIEN	*****862	1	EB10000937-EB10000937
PGD BA TRIEU	DOAN THI CAM NHUNG	*****806	1	CT10069800-CT10069800
PGD LACH TRAY 1	DOAN THI DUC HANH	*****819	1	EB10003056-EB10003056
PGD TIEN AN	DOAN THI HA	*****132	21	CT10005641-CT10005661
PGD YEN PHU	DOAN THI HANG	*****363	1	EB10001532-EB10001532
CN TAN THANH	DOAN THI HOAI VY	*****457	1	CT10135366-CT10135366
CN QUANG NGAI	DOAN THI HOANG HOANH	*****800	1	CT10102225-CT10102225
PGD XUAN LA	DOAN THI HONG MO	*****885	22	CT10025285-CT10025306
PGD KHAM THIEN	DOAN THI HONG THU	*****145	1	EB10000260-EB10000260
PGD THAI THINH	DOAN THI HONG VAN	*****261	1	CT10035481-CT10035481
CN DONG DA	DOAN THI HUONG	*****884	7	CT10105714-CT10105720
CN VINH PHUC	DOAN THI HUONG	*****020	20	TD10008561-TD10008580
CN HAI PHONG	DOAN THI HUONG	*****661	3	CT10047665-CT10047667
PGD TO HIEU	DOAN THI HUYEN	*****667	2	CT10161234-CT10161235
PGD TO HIEU	DOAN THI KIM OANH	*****825	6	CT10140922-CT10140927
CN NHA TRANG	DOAN THI KIM PHU	*****395	5	DN10083769-DN10083773
PGD THANG LONG	DOAN THI KIM THOA	*****203	1	CT10104833-CT10104833
CN THAI NGUYEN	DOAN THI LAN HUONG	*****212	30	CT10001299-CT10001323; TD10006361-TD10006365
PGD THU DUC	DOAN THI LE HANG	*****915	1	EB10000126-EB10000126
PGD MY CA	DOAN THI LE TRINH	*****333	5	TD10001426-TD10001430
PGD HAM NGHI	DOAN THI LOAN	*****327	1	EB10002173-EB10002173
CN DAK LAK	DOAN THI LY	*****607	5	DN10031048-DN10031052
PGD NGUYEN CONG TRU	DOAN THI MAI LOAN	*****381	12	CT10090259-CT10090270
CN HA TINH	DOAN THI MAI TRANG	*****895	11	CT10047943-CT10047943; TD10002271-TD10002280
PGD Krong Nang	DOAN THI MINH	*****365	3	DN10090948-DN10090950
CN CA MAU	DOAN THI MINH CHAU	*****115	1	EB10000684-EB10000684
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN THI MINH HA	*****880	4	CT10115978-CT10115981
PGD BINH TAN	DOAN THI MINH THEM	*****047	3	CT10054612-CT10054614
CN DA NANG	DOAN THI MINH TRAM	*****910	3	CT10056712-CT10056714
PGD NGUYEN CONG TRU	DOAN THI MONG TRINH	*****072	226	DN10100064-DN10100283; EB10001140-EB10001140; TD10003011-TD10003015
CN TP. HO CHI MINH	DOAN THI MY HA	*****055	3	CT10051503-CT10051505

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD AU CO	DOAN THI MY HANG	*****279	1	CT10117563-CT10117563
SEABANK LE DUAN	DOAN THI MY LE	*****608	6	CT10132037-CT10132037; TD10005881-TD10005885
PGD Krong Nang	DOAN THI MY LINH	*****685	1	EB10000226-EB10000226
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN THI NGA	*****049	65	CT10037829-CT10037893
HUB PAYROLL MB	DOAN THI NGOC	*****634	25	CT10147804-CT10147828
SEABANK LE DUAN	DOAN THI NGOC DUNG	*****107	9	DN10002976-DN10002979; TD10005666-TD10005670
PGD LACH TRAY 2	DOAN THI PHUONG	*****920	1	EB10003032-EB10003032
CN LONG BIEN	DOAN THI PHUONG HIEN	*****428	2	CT10104269-CT10104270
CN HAI DUONG	DOAN THI SANG	*****072	5	TD10001081-TD10001085
PGD SOC SON	DOAN THI SOI	*****016	1	EB10000262-EB10000262
PGD SAI DONG	DOAN THI THANH MAY	*****736	2	CT10016733-CT10016734
CN NHA TRANG	DOAN THI THANH NGAN	*****137	1	EB10001002-EB10001002
PGD SAI DONG	DOAN THI THANH THUY	*****006	9	CT10162235-CT10162243
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN THI THANH THUY	*****762	24	CT10026544-CT10026567
PGD BA TRIEU	DOAN THI THANH VAN	*****271	14	CT10001529-CT10001532; TD10006291-TD10006300
CN BAC NINH	DOAN THI THANH VAN	*****883	1	EB10001571-EB10001571
CN HA TINH	DOAN THI THAO	*****295	5	DN10039529-DN10039533
PGD NGUYEN SY SACH	DOAN THI THAO	*****814	1	EB10002402-EB10002402
CN THAI NGUYEN	DOAN THI THOM	*****108	20	CT10064462-CT10064481
CN THANH HOA	DOAN THI THU	*****945	5	CT10141253-CT10141257
CN HA TINH	DOAN THI THU DUNG	*****842	1	EB10000280-EB10000280
PGD QUAN THANH	DOAN THI THU HUONG	*****013	2	CT10027620-CT10027621
CN DAI AN	DOAN THI THU TRANG	*****154	6	CT10142894-CT10142899
TT KHCC MIEN BAC 1	DOAN THI THUY	*****905	1	EB10001424-EB10001424
PGD HO DAC DI	DOAN THI THUY	*****991	1	EB10001886-EB10001886
CN BAC NINH	DOAN THI THUY NGA	*****263	1	EB10002457-EB10002457

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN THI VAN	*****542	15	CT10097920-CT10097934
PGD LE LOI	DOAN THI XUAN	*****740	26	DN10078439-DN10078458; EB10001907-EB10001907; TD10003346-TD10003350
CN BINH DINH	DOAN THI XUAN PHUONG	*****377	3	DN10026101-DN10026103
CN THANH XUAN	DOAN THI XUYEN	*****078	7	CT10054430-CT10054436
HUB PAYROLL MN	DOAN THIEN TAM	*****654	5	TD10005106-TD10005110
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN THU HIEN	*****346	1	CT10073844-CT10073844
HUB PAYROLL MN	DOAN THU HUONG	*****694	1	EB10003214-EB10003214
PGD DOI CAN	DOAN THU LE	*****614	34	CT10092047-CT10092080
CN HA NOI	DOAN THU THUY	*****456	10	TD10009511-TD10009520
CN DAI AN	DOAN THU THUY	*****306	10	CT10067766-CT10067775
CN HA NOI	DOAN THUY HANG	*****249	9	CT10034469-CT10034477
PGD HO GUOM	DOAN THUY TRANG	*****002	5	TD10007711-TD10007715
CN DONG DA	DOAN TIEN HUNG	*****498	10	CT10088998-CT10089007
CN BINH DINH	DOAN TRAN CONG LUAN	*****467	9	CT10007622-CT10007630
CN HA DONG	DOAN TRAN QUANG	*****736	7	CT10004545-CT10004551
CN THANH XUAN	DOAN TRONG HAI	*****881	50	CT10042745-CT10042794
PGD LE THAI TO	DOAN TRONG NGHIA	*****872	24	CT10023955-CT10023978
CN BINH DUONG	DOAN TRUNG VAN	*****133	51	DN10059671-DN10059720; EB10001247-EB10001247
PGD YEN PHU	DOAN TUAN ANH	*****772	7	CT10022541-CT10022547
CN SO GIAO DICH	DOAN TUAN DUC	*****077	10	CT10135665-CT10135674
CN DONG DA	DOAN TUYET TRANG	*****025	1	EB10000165-EB10000165
PGD LACH TRAY 2	DOAN VAN AN	*****450	9	CT10095357-CT10095365
PGD VINH HOANG	DOAN VAN DINH	*****287	19	CT10048887-CT10048905
CN KIEN GIANG	DOAN VAN DUONG	*****263	1	EB10000681-EB10000681
CN TIEN GIANG	DOAN VAN HOAI	*****154	1	EB10000875-EB10000875
SEABANK LE DUAN	DOAN VAN HOI	*****362	1	CT10165376-CT10165376
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN VAN HUNG	*****854	5	CT10001554-CT10001558
PGD TRAN DUY HUNG	DOAN VAN HUONG	*****442	3	CT10115470-CT10115472
CN LANG HA	DOAN VAN KHIEU	*****556	5	TD10010256-TD10010260
PGD XUAN KHANH	DOAN VAN LAM	*****184	6	CT10099007-CT10099012

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG NAI	DOAN VAN MANH	*****365	1	CT10152607-CT10152607
PGD DIEN BIEN PHU	DOAN VAN NGOC THINH	*****933	1	EB10002843-EB10002843
CN HAI AN	DOAN VAN PHE	*****577	2	CT10150092-CT10150092; EB10001786-EB10001786
PGD DOI CAN	DOAN VAN SINH	*****779	57	CT10026580-CT10026636
PGD SO SAO	DOAN VAN TA	*****938	29	DN10002591-DN10002619
CN HA TINH	DOAN VAN THE	*****067	5	TD10008766-TD10008770
PGD CAM PHA	DOAN VAN THINH	*****253	1	CT10124895-CT10124895
CN DONG DA	DOAN VAN THO	*****388	5	TD10003751-TD10003755
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN VAN TOAN	*****684	24	CT10126948-CT10126971
PGD DIEN KHANH	DOAN VAN TRUNG	*****278	2	CT10127389-CT10127390
CN DAK LAK	DOAN VAN TUNG	*****589	1	EB10002665-EB10002665
PGD DI AN	DOAN VAN XOAN	*****813	1	CT10064552-CT10064552
PGD LE CHAN	DOAN VIET BACH	*****018	23	CT10012933-CT10012955
PGD TAY HO	DOAN VIET BANG	*****531	99	CT10111955-CT10112053
HUB THE VA TIN CHAP MB	DOAN VIET HA	*****412	25	CT10163638-CT10163662
CN HA DONG	DOAN VIET TUAN	*****017	53	CT10000736-CT10000741; DN10007123-DN10007159; TD10006276-TD10006285
CN SAI GON	DOAN XUAN AN	*****306	3	CT10076396-CT10076398
CN DONG DA	DOAN XUAN HIEU	*****846	12	CT10151446-CT10151457
CN CAU GIAY	DOAN XUAN PHONG	*****916	6	CT10147617-CT10147617; TD10001041-TD10001045
HUB THE VA TIN CHAP MN	DOAN XUAN PHUONG	*****874	13	DN10021939-DN10021951
TT KH CC MIEN BAC 2	DOAN XUAN THOANG	*****613	16	CT10021885-CT10021900
PGD DAO TAN	DOAN XUAN TRUNG	*****224	3	CT10110129-CT10110131
TT KHCC MIEN BAC 1	DOI SY HUNG	*****637	10	TD10000651-TD10000660
PGD KIM THANH	DONG CHI THE	*****842	1	EB10002177-EB10002177
PGD LACH TRAY 1	DONG DUC GIANG	*****387	20	CT10013986-CT10014005
CN LONG BIEN	DONG HUU THUYEN	*****891	2	CT10098659-CT10098660
CN HAI DUONG	DONG HUU TOAN	*****324	11	CT10016788-CT10016798
PGD DAI KIM	DONG KIM NGAN	*****153	8	CT10089287-CT10089294
CN LANG HA	DONG MINH HAI	*****495	1	CT10118297-CT10118297
CN HAI PHONG	DONG MINH HONG	*****782	45	CT10005996-CT10006040

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	DONG NGUYEN THANH HOA	*****346	2	CT10155917-CT10155918
HUB THE VA TIN CHAP MB	DONG PHAM TUNG	*****976	15	CT10158810-CT10158824
PGD LANG THUONG	DONG QUANG DUC	*****346	10	CT10158418-CT10158427
CN DA NANG	DONG QUOC HUY	*****969	1	CT10140740-CT10140740
CN SAI GON	DONG QUOC LONG	*****999	17	CT10034015-CT10034031
PGD TAN PHAT	DONG SY MINH DUC	*****100	11	CT10116514-CT10116524
CN CAU GIAY	DONG THI ANH	*****351	5	TD10004151-TD10004155
PGD BA RIA	DONG THI BICH NGOC	*****547	1	EB10001329-EB10001329
PGD SO SAO	DONG THI DUYEN UYEN	*****128	40	DN10003596-DN10003635
CN HAI AN	DONG THI HA	*****842	8	DN10074674-DN10074681
CN HAI DUONG	DONG THI LAN	*****810	6	DN10097533-DN10097538
CN HAI AN	DONG THI LE	*****394	5	TD10003491-TD10003495
CN SO GIAO DICH	DONG THI LE QUYNH	*****077	2	CT10151557-CT10151558
CN QUANG NINH	DONG THI MINH HAU	*****639	1	CT10162538-CT10162538
CN SAI GON	DONG THI THANH LAN	*****059	15	CT10116918-CT10116922; TD10003441-TD10003450
HUB THE VA TIN CHAP MB	DONG THI THAO	*****355	1	CT10002684-CT10002684
PGD TIEN AN	DONG THI THOM	*****283	6	DN10043908-DN10043912; EB10003293-EB10003293
TT KH CC MIEN BAC 2	DONG THI THU HUYEN	*****757	11	CT10005887-CT10005887; TD10006771-TD10006780
PGD GIA LOC	DONG THI THUY NINH	*****112	1	EB10002988-EB10002988
CN HAI PHONG	DONG TIEN DUNG	*****551	5	TD10001711-TD10001715
CN HAI PHONG	DONG TRUNG KIEN	*****954	9	CT10072784-CT10072792
CN HAI AN	DONG VAN CUONG	*****085	10	DN10008335-DN10008344
PGD LACH TRAY 1	DONG VAN CUONG	*****085	10	CT10133571-CT10133575; TD10006016-TD10006020
PGD NGUYEN LUONG BANG	DONG VAN SON	*****230	9	CT10054506-CT10054514
CN HAI AN	DONG VAN TAI	*****121	20	CT10029856-CT10029875
CN THAI NGUYEN	DONG VAN THAI	*****262	1	EB10002003-EB10002003
PGD BACH MAI	DONG XUAN BINH	*****961	25	CT10151004-CT10151028
PGD HONG BANG	DONG XUAN MINH	*****127	2	CT10155946-CT10155947
CN HAI AN	DONG XUAN TOAN	*****550	1	CT10065060-CT10065060

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THANH TONG	DONG XUAN TRUONG	*****912	2	CT10155537-CT10155538
HUB THE VA TIN CHAP MB	DU NGOC	*****919	4	CT10048609-CT10048612
CN NGHE AN	DU QUOC DUNG	*****196	1	EB10002626-EB10002626
PGD NGOC LAM	DU THI BAC	*****130	47	CT10014434-CT10014439; DN10026514-DN10026548; EB10002787-EB10002787; TD10008311-TD10008315
PGD LAN ONG	DU THI NHU NGOC	*****118	18	CT10139649-CT10139666
CN SAI GON	DU THI THU THUY	*****937	1	EB10002266-EB10002266
CN DAK LAK	DU THI VAN	*****411	4	DN10062910-DN10062913
PGD NGUYEN THAI SON	DU VAN HUNG	*****738	5	CT10065301-CT10065305
CN CAU GIAY	DUONG ANH DUC	*****539	6	CT10018462-CT10018467
CN NGHE AN	DUONG ANH KHANH	*****165	4	CT10125219-CT10125222
PGD HAI DANG	DUONG ANH SON	*****846	1	EB10000201-EB10000201
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG ANH TUAN	*****876	12	CT10073249-CT10073260
CN THANH XUAN	DUONG ANH TUAN	*****548	7	CT10008410-CT10008416
CN THANH XUAN	DUONG ANH TUAN	*****709	2	CT10164317-CT10164318
CN LANG HA	DUONG BA HIEN	*****365	26	CT10013520-CT10013545
CN TP. HO CHI MINH	DUONG BA PHU	*****166	1	CT10081114-CT10081114
CN SAI GON	DUONG BA TOAN	*****313	1	EB10000831-EB10000831
CN SO GIAO DICH	DUONG BAO HA	*****773	22	CT10142638-CT10142659
CN TAN PHU	DUONG BAO NGOC	*****144	1	CT10062451-CT10062451
CN TAN PHU	DUONG BAO QUAN	*****648	4	CT10048448-CT10048451
SEABANK LE DUAN	DUONG BICH HANG	*****809	6	CT10081048-CT10081053
TT KH CC MIEN BAC 2	DUONG CAM VAN	*****066	1	CT10137168-CT10137168
CN CAU GIAY	DUONG CAO TRI	*****334	27	CT10113237-CT10113263
PGD HO TUNG MAU	DUONG CHI KIEN	*****782	21	CT10135108-CT10135128
PGD TUYEN SON	DUONG CONG DANH	*****766	1	CT10072944-CT10072944
PGD HAI TAN	DUONG CONG DUC	*****328	2	CT10133640-CT10133641
CN HAI DUONG	DUONG CONG LAN	*****295	5	TD10006806-TD10006810
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	DUONG DAI NGHIA	*****739	1	EB10000159-EB10000159

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VAN XUAN	DUONG DANG HAI	*****967	12	CT10058824-CT10058835
CN TP. HO CHI MINH	DUONG DINH CUONG	*****322	2	CT10140738-CT10140739
CN THAI NGUYEN	DUONG DINH HIEN	*****457	2	CT10032325-CT10032326
CN THAI NGUYEN	DUONG DINH OANH	*****086	10	CT10108870-CT10108879
CN BAC NINH	DUONG DINH TON	*****115	5	TD10005581-TD10005585
CN PHU MY HUNG	DUONG DINH TUAN	*****266	4	CT10073849-CT10073852
SEABANK LE DUAN	DUONG DO TRAN HUYNH	*****178	20	CT10011715-CT10011734
CN HAI DUONG	DUONG DUC CUONG	*****247	10	TD10010771-TD10010780
PGD DIEN KHANH	DUONG DUC DUY	*****711	37	CT10019923-CT10019929; DN10035928-DN10035951; EB10003061-EB10003061; TD10009181-TD10009185
CN HAI PHONG	DUONG DUC LAM	*****153	5	CT10058735-CT10058739
CN HAI PHONG	DUONG DUC PHONG	*****349	9	CT10104952-CT10104960
CN THANH XUAN	DUONG DUC THANH	*****013	4	CT10162409-CT10162412
CN SO GIAO DICH	DUONG DUC THANH	*****807	24	CT10004457-CT10004480
PGD NGUYEN HUU HUAN	DUONG DUC THUAN	*****218	4	CT10132009-CT10132012
PGD THANH CONG	DUONG DUC TUAN	*****410	4	CT10059075-CT10059078
HUB THE CHAP MB 1	DUONG DUC VUONG	*****949	25	DN10052571-DN10052590; TD10011166-TD10011170
PGD XUAN KHANH	DUONG HA THANH	*****997	2	CT10129712-CT10129713
CN THANH XUAN	DUONG HAI SON	*****085	42	CT10124998-CT10125039
PGD DAI KIM	DUONG HAI VINH	*****760	30	CT10021651-CT10021680
CN THANH XUAN	DUONG HO MINH	*****615	5	CT10121120-CT10121124
CN TP. HO CHI MINH	DUONG HOA MI	*****568	5	CT10054425-CT10054429
HUB PAYROLL MB	DUONG HOAI DUC	*****638	24	CT10045044-CT10045067
PGD TAY HO	DUONG HOAI THANH	*****060	24	CT10144552-CT10144575
CN SO GIAO DICH	DUONG HOANG DIEP	*****223	14	CT10034368-CT10034376; TD10000101-TD10000105
PGD DAI KIM	DUONG HOANG KHOI	*****244	21	CT10129051-CT10129071
PGD TRUNG NHI	DUONG HOANG SON	*****631	24	DN10109112-DN10109135
CN THAI NGUYEN	DUONG HONG HUNG	*****023	1	EB10002902-EB10002902
CN BINH DINH	DUONG HONG SON	*****454	9	CT10154169-CT10154177
CN THANH XUAN	DUONG HONG THAI	*****488	24	CT10066515-CT10066538
PGD TAY HO	DUONG HONG VAN	*****168	1	CT10026165-CT10026165
CN DONG DA	DUONG HUU DUNG	*****060	10	TD10008956-TD10008965

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	DUONG HUY HOANG	*****349	8	CT10114875-CT10114882
CN THAI NGUYEN	DUONG HUY KHIEM	*****327	22	CT10068703-CT10068724
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG HUY TUNG	*****417	23	CT10076318-CT10076340
PGD BA TRIEU	DUONG KIM HOA	*****877	9	CT10161848-CT10161856
PGD HO TUNG MAU	DUONG KIM HUE	*****631	1	CT10028514-CT10028514
CN CAU GIAY	DUONG KIM NGAN	*****244	2	CT10032084-CT10032085
CN AN GIANG	DUONG KIM THUY	*****579	3	DN10078867-DN10078869
CN THAI NGUYEN	DUONG KONG QUAN	*****180	15	DN10105747-DN10105761
CN SAI GON	DUONG LAN VI	*****925	4	CT10059868-CT10059871
CN TAN THANH	DUONG LE HOANG	*****587	1	EB10000010-EB10000010
PGD TON THAT TUNG	DUONG LE THANH	*****297	1	EB10002812-EB10002812
SEABANK LE DUAN	DUONG MAN	*****462	7	CT10118142-CT10118148
HUB PAYROLL MB	DUONG MANH CHUNG	*****623	22	CT10022128-CT10022149
PGD NGOC LAM	DUONG MANH CUONG	*****193	5	CT10103243-CT10103247
CN CAU GIAY	DUONG MANH HUNG	*****235	71	CT10056593-CT10056598; DN10086642-DN10086701; TD10004201-TD10004205
CN SO GIAO DICH	DUONG MANH HUNG	*****137	1	CT10032496-CT10032496
CN CAU GIAY	DUONG MANH NGUYEN	*****201	32	CT10017907-CT10017938
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG MANH THANG	*****686	3	CT10021491-CT10021493
PGD KIM THANH	DUONG MANH TU	*****340	17	CT10166162-CT10166173; TD10008161-TD10008165
CN THAI NGUYEN	DUONG MINH DOAN	*****388	1	EB10002721-EB10002721
PGD THAI THINH	DUONG MINH DUNG	*****492	8	CT10055930-CT10055937
HUB PAYROLL MB	DUONG MINH HAI	*****062	49	CT10039340-CT10039388
CN DAI AN	DUONG MINH HIEP	*****209	3	CT10111617-CT10111619
CN TAN BINH	DUONG MINH HIEU	*****179	24	CT10099488-CT10099511
CN LANG HA	DUONG MINH HUONG	*****761	1	CT10032092-CT10032092
CN SO GIAO DICH	DUONG MINH NGOC	*****909	2	CT10100431-CT10100432
CN NHA TRANG	DUONG MINH NGUYEN	*****793	1	EB10001645-EB10001645
HUB PAYROLL MB	DUONG MINH QUANG	*****666	5	CT10028035-CT10028039
CN THAI NGUYEN	DUONG MINH SON	*****966	20	CT10078532-CT10078546; TD10008026-TD10008030

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	DUONG MINH THUAN	*****326	1	EB10003055-EB10003055
PGD TRUONG THI	DUONG MINH THUY	*****557	1	CT10037069-CT10037069
CN QUANG NGAI	DUONG MINH TRA	*****041	5	CT10005861-CT10005865
CN BINH DUONG	DUONG MINH TRUNG	*****388	2	CT10045471-CT10045472
CN TIEN GIANG	DUONG NGO MINH HIEU	*****667	1	CT10121283-CT10121283
CN DONG DA	DUONG NGOC ANH	*****950	12	CT10152727-CT10152738
CN TAN THANH	DUONG NGOC HUE	*****464	2	CT10097588-CT10097589
PGD DAO TAN	DUONG NGOC LONG	*****272	8	CT10157450-CT10157457
CN HA DONG	DUONG NGOC LONG	*****436	19	CT10091740-CT10091758
CN TAN BINH	DUONG NGOC TIEN	*****435	5	TD10008851-TD10008855
CN NHA TRANG	DUONG NHAT QUANG	*****444	1	EB10000429-EB10000429
CN TAN BINH	DUONG NHU TRAM	*****201	1	EB10002683-EB10002683
CN TP. HO CHI MINH	DUONG PHAM DANG KHOA	*****099	2	CT10140881-CT10140882
CN SAI GON	DUONG PHOI VAN	*****942	2	CT10151555-CT10151556
CN SO GIAO DICH	DUONG PHU HOI	*****683	9	CT10088656-CT10088664
CN TP. HO CHI MINH	DUONG PHU TIEN	*****707	1	EB10001448-EB10001448
PGD LE QUANG DINH	DUONG PHUOC LOC	*****386	30	CT10091975-CT10092004
CN HAI PHONG	DUONG QUANG CHUNG	*****270	3	CT10104753-CT10104755
CN THAI NGUYEN	DUONG QUANG DUY	*****262	5	CT10010292-CT10010296
PGD NGOC HOI	DUONG QUANG HIEU	*****034	8	CT10034557-CT10034564
CN DA NANG	DUONG QUANG HOA	*****024	1	CT10123961-CT10123961
SEABANK LE DUAN	DUONG QUANG HUNG	*****308	4	CT10093401-CT10093404
PGD TRUONG QUANG TRONG	DUONG QUANG MINH	*****395	1	EB10003150-EB10003150
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG QUANG SON	*****888	2	CT10113418-CT10113419
TT KH CC MIEN BAC 2	DUONG QUANG TRUNG	*****111	18	CT10078182-CT10078199
PGD VAN QUAN	DUONG QUANG TUAN	*****674	10	CT10125923-CT10125932
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG QUOC ANH	*****586	1	CT10065635-CT10065635
PGD LAC LONG QUAN	DUONG QUOC ANH	*****931	16	CT10133112-CT10133127

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN DUY HUNG	DUONG QUOC CHINH	*****545	19	CT10147074-CT10147092
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG QUOC CUONG	*****132	14	DN10053278-DN10053291
CN HA TINH	DUONG QUOC KHANH	*****104	4	CT10088959-CT10088962
PGD TON DAN	DUONG QUOC TUAN	*****274	3	CT10118736-CT10118738
PGD THANH SEN	DUONG QUOC VIET	*****249	132	CT10008001-CT10008012; DN10102030-DN10102139; TD10007321-TD10007330
CN DONG DA	DUONG QUY NHAN	*****318	6	CT10018170-CT10018175
CN TAN BINH	DUONG TAN HUY VU	*****986	2	CT10152151-CT10152152
HUB THE CHAP MN	DUONG TAN PHUC	*****314	220	DN10085298-DN10085517
CN DAI AN	DUONG THACH NGUYEN	*****202	17	CT10103402-CT10103418
PGD TRAN DUY HUNG	DUONG THANH CONG	*****993	1	EB10002484-EB10002484
CN LANG HA	DUONG THANH HAI	*****152	4	CT10033853-CT10033856
PGD XUAN LA	DUONG THANH HUYEN	*****115	23	CT10097753-CT10097775
HUB THE VA TIN CHAP MN	DUONG THANH PHONG	*****673	15	CT10023816-CT10023830
CN DAI AN	DUONG THANH TUNG	*****420	10	TD10009681-TD10009690
PGD HO GUOM	DUONG THAO MY	*****009	1	CT10148982-CT10148982
PGD VAN QUAN	DUONG THE CHUNG	*****863	3	CT10147181-CT10147183
PGD TAN PHAT	DUONG THE PHONG	*****090	225	CT10000769-CT10000793; DN10007903-DN10008097; TD10006366-TD10006370
PGD BUON DON	DUONG THE VINH	*****363	1	EB10002666-EB10002666
CN HAI DUONG	DUONG THI ANH	*****754	10	CT10137465-CT10137474
CN HA DONG	DUONG THI ANH NGOC	*****844	6	CT10130670-CT10130675
CN QUANG NGAI	DUONG THI ANH TIEN	*****585	1	CT10125640-CT10125640
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG THI ANH TUYET	*****158	3	CT10016302-CT10016304
CN BINH DINH	DUONG THI ANH TUYET	*****250	3	DN10043405-DN10043407
PGD HOA BINH	DUONG THI BANH	*****882	7	CT10098233-CT10098239
PGD TON THAT TUNG	DUONG THI BEN	*****190	8	CT10018974-CT10018981

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	DUONG THI BICH LIEN	*****568	1	EB10003142-EB10003142
PGD THAI THINH	DUONG THI BICH NGOC	*****566	2	CT10140214-CT10140215
CN BINH DUONG	DUONG THI BICH NGUYEN	*****086	1	CT10096924-CT10096924
PGD NUI THANH	DUONG THI BICH SON	*****984	11	CT10112578-CT10112588
PGD SAI DONG	DUONG THI BIEN	*****804	1	EB10003303-EB10003303
CN DONG NAI	DUONG THI CAM HONG	*****508	4	DN10019482-DN10019485
HUB THE CHAP MB 1	DUONG THI CHINH	*****073	30	DN10040785-DN10040814
PGD HOANG DIEU	DUONG THI DIEM CHI	*****487	1	CT10000438-CT10000438
PGD BACH DANG	DUONG THI DIEM HANG	*****472	1	EB10000015-EB10000015
CN KIEN GIANG	DUONG THI DIEM HUYEN	*****746	1	CT10137767-CT10137767
PGD NGOC LAM	DUONG THI DIU HUONG	*****321	13	CT10050045-CT10050057
CN DA NANG	DUONG THI DUNG	*****751	1	EB10002357-EB10002357
PGD VAN XUAN	DUONG THI DUYEN	*****410	5	CT10131595-CT10131599
CN THAI NGUYEN	DUONG THI HA MY	*****775	1	EB10000174-EB10000174
CN SAI GON	DUONG THI HANG NGA	*****526	2	CT10010483-CT10010484
PGD PHO YEN	DUONG THI HAO	*****148	1	EB10002705-EB10002705
PGD THANH SEN	DUONG THI HIEN	*****979	300	DN10009038-DN10009337
CN DONG NAI	DUONG THI HIEU	*****438	5	DN10021569-DN10021573
PGD DAI KIM	DUONG THI HOA	*****105	10	DN10074068-DN10074077
PGD PHO YEN	DUONG THI HOA	*****822	21	DN10045395-DN10045415
CN TP. HO CHI MINH	DUONG THI HOAI ANH	*****201	1	EB10002231-EB10002231
CN BAC NINH	DUONG THI HONG	*****753	3	DN10066024-DN10066026
PGD PHU MY - BINH DINH	DUONG THI HONG	*****862	1	EB10001860-EB10001860
CN SAI GON	DUONG THI HONG VAN	*****461	44	CT10141021-CT10141034; TD10009941-TD10009970
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG THI HUE	*****898	24	CT10116076-CT10116099
PGD LIM	DUONG THI HUONG GIANG	*****807	3	DN10067008-DN10067010

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	DUONG THI HUONG TRA	*****264	38	CT10063918-CT10063939; DN10000135-DN10000145; TD10005331-TD10005335
CN HA NOI	DUONG THI HUYEN TRAM	*****040	25	CT10077279-CT10077303
CN CA MAU	DUONG THI HUYNH YEN	*****671	1	CT10009442-CT10009442
PGD HONG BANG	DUONG THI KIM DUNG	*****029	12	CT10016417-CT10016428
PGD THAI THINH	DUONG THI KIM LOAN	*****254	66	CT10104687-CT10104752
PGD BOTANIC	DUONG THI KIM NGOC	*****715	2	CT10128582-CT10128583
CN NHA TRANG	DUONG THI KIM NHI	*****005	4	CT10128337-CT10128340
CN THAI NGUYEN	DUONG THI LAN	*****817	2	CT10049711-CT10049712
CN DA NANG	DUONG THI LE NHO	*****297	1	EB10002071-EB10002071
PGD SAI DONG	DUONG THI LIEN	*****637	10	CT10050127-CT10050136
PGD LE CHAN	DUONG THI LINH QUY	*****713	1	EB10001569-EB10001569
CN DAI AN	DUONG THI MAI PHUONG	*****035	1	CT10081987-CT10081987
CN HAI AN	DUONG THI MEN	*****207	2	CT10005232-CT10005233
PGD VAN XUAN	DUONG THI MINH	*****385	25	CT10087957-CT10087981
PGD LAN ONG	DUONG THI MINH HANG	*****148	2	CT10162933-CT10162934
HUB PAYROLL MB	DUONG THI MINH PHUONG	*****138	7	CT10131313-CT10131319
PGD YEN PHU	DUONG THI MINH THUY	*****732	1	CT10029162-CT10029162
CN TIEN GIANG	DUONG THI MY AN	*****487	2	CT10153334-CT10153335
CN DA NANG	DUONG THI NGA	*****074	2	CT10131889-CT10131890
CN CAU GIAY	DUONG THI NGOC ANH	*****084	1	CT10090082-CT10090082
CN DA NANG	DUONG THI NGOC ANH	*****433	1	CT10130018-CT10130018
CN AN GIANG	DUONG THI NGOC BICH	*****348	5	TD10000206-TD10000210
PGD PHU LAM	DUONG THI NGOC HIEN	*****183	1	EB10000231-EB10000231
PGD BOTANIC	DUONG THI NGOC HUYEN	*****840	2	CT10061053-CT10061054
CN DAK LAK	DUONG THI NGOC LAN	*****485	40	DN10060093-DN10060132
TT KH CC MIEN BAC 2	DUONG THI NGOC VAN	*****165	14	CT10093127-CT10093140

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN QUANG NINH	DUONG THI NGUYET	*****103	1	CT10137445-CT10137445
CN HAI AN	DUONG THI NGUYET	*****118	1	EB10000034-EB10000034
CN CAN THO	DUONG THI NHU Y	*****490	1	CT10063806-CT10063806
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG THI PHUONG	*****536	2	CT10092435-CT10092436
PGD LIM	DUONG THI PHUONG	*****213	5	DN10085293-DN10085297
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG THI PHUONG DUNG	*****645	6	CT10007682-CT10007687
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG THI PHUONG DUNG	*****882	1	EB10000892-EB10000892
PGD DAO TAN	DUONG THI PHUONG LOAN	*****957	3	CT10069079-CT10069081
PGD AU CO	DUONG THI PHUONG THANH	*****261	19	CT10083135-CT10083153
CN DAK LAK	DUONG THI SANG	*****514	5	DN10109717-DN10109721
CN CAN THO	DUONG THI THANH THAO	*****374	1	CT10136099-CT10136099
CN TP. HO CHI MINH	DUONG THI THAO NGUYEN	*****773	8	CT10101728-CT10101735
CN BINH DUONG	DUONG THI THINH	*****078	61	DN10061997-DN10062051; EB10001364-EB10001364; TD10000591-TD10000595
PGD Krong Nang	DUONG THI THU	*****152	3	DN10064344-DN10064346
CN HA NOI	DUONG THI THU HA	*****042	1	CT10026644-CT10026644
PGD SOC SON	DUONG THI THU HANG	*****946	1	EB10001966-EB10001966
CN DONG DA	DUONG THI THU HUONG	*****629	1	CT10072751-CT10072751
PGD TRAN DUY HUNG	DUONG THI THU PHUONG	*****389	1	CT10141940-CT10141940
PGD TIEN AN	DUONG THI THUY	*****034	5	DN10089000-DN10089004
CN BAC NINH	DUONG THI THUY	*****813	3	DN10034499-DN10034501
CN THANH XUAN	DUONG THI THUY LINH	*****893	12	CT10150189-CT10150200
CN TAN PHU	DUONG THI THUY TRANG	*****799	2	CT10162710-CT10162711
CN HUE	DUONG THI THUY VU	*****197	1	CT10092191-CT10092191
HUB THE CHAP MB 1	DUONG THI TINH	*****558	4	CT10057771-CT10057774
CN VINH PHUC	DUONG THI TRANG	*****809	1	EB10001193-EB10001193

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO DAC DI	DUONG THI TRUC QUYNH	*****021	1	CT10012698-CT10012698
HUB PAYROLL MN	DUONG THI TU	*****653	1	EB10000524-EB10000524
CN HUE	DUONG THI TUYET NHUNG	*****361	7	CT10145179-CT10145185
PGD NGUYEN THAI SON	DUONG THI UT	*****408	24	CT10140050-CT10140073
CN BINH DUONG	DUONG THI VAN	*****515	2	CT10151462-CT10151462; EB10001761-EB10001761
CN KIEN GIANG	DUONG THI VAN	*****713	20	DN10084466-DN10084485
CN DAI AN	DUONG THI VAN ANH	*****052	5	TD10006821-TD10006825
CN LONG BIEN	DUONG THI VAN ANH	*****385	7	CT10028729-CT10028735
PGD HAI DANG	DUONG THI VAN TRANG	*****475	43	CT10042287-CT10042289; DN10068500-DN10068528; EB10001597-EB10001597; TD10001476-TD10001485
PGD GIA LOC	DUONG THI XUAN	*****704	1	EB10001931-EB10001931
CN SAI GON	DUONG THI XUAN	*****295	1	CT10113449-CT10113449
HUB THE VA TIN CHAP MN	DUONG THI XUAN	*****574	6	DN10096267-DN10096272
PGD TRAN HUNG DAO	DUONG THI XUAN MAI	*****638	2	CT10095194-CT10095195
HUB THE VA TIN CHAP MN	DUONG THI XUAN THU	*****491	21	CT10007184-CT10007204
CN DAI AN	DUONG THI YEN	*****037	3	CT10100056-CT10100058
CN TAN PHU	DUONG THU HIEN	*****951	2	CT10098611-CT10098612
PGD NGUYEN HUU HUAN	DUONG THU HUONG	*****688	10	CT10111829-CT10111838
PGD YEN PHU	DUONG THU HUONG	*****765	4	CT10007716-CT10007719
CN CAU GIAY	DUONG THU THUY	*****561	50	CT10115737-CT10115786
CN DAI AN	DUONG THUY AN	*****708	3	CT10023889-CT10023891
PGD PHO YEN	DUONG THUY QUYNH	*****151	21	CT10133003-CT10133008; TD10005966-TD10005980
HUB THE CHAP MN	DUONG THUY VAN	*****349	37	DN10061206-DN10061237; TD10000526-TD10000530
CN KIEN GIANG	DUONG TIEN NGHIA	*****861	48	CT10030604-CT10030651
PGD TUYEN SON	DUONG TINH	*****238	15	CT10053221-CT10053235
PGD YEN PHU	DUONG TRAM ANH	*****459	3	CT10076410-CT10076412
CN TAN BINH	DUONG TRAN TIEN	*****128	1	CT10010909-CT10010909

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN THANH	DUONG TRAN TRIEU NAM	*****667	6	CT10040473-CT10040478
PGD VAN QUAN	DUONG TRONG KIEN	*****003	2	CT10152363-CT10152364
HUB PAYROLL MB	DUONG TRUNG KIEN	*****892	10	CT10048912-CT10048921
CN DONG DA	DUONG TRUNG THANH	*****247	61	CT10057607-CT10057667
HUB PAYROLL MN	DUONG TRUONG AN	*****093	1	EB10001237-EB10001237
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG TRUONG THUY	*****076	20	CT10018272-CT10018291
CN SO GIAO DICH	DUONG TU NAM	*****954	2	CT10047391-CT10047392
CN TAN PHU	DUONG TUAN ANH	*****465	14	CT10096083-CT10096096
CN DONG DA	DUONG TUAN MINH	*****290	48	CT10051508-CT10051555
PGD LE THAI TO	DUONG TUAN NGHIA	*****900	2	CT10134480-CT10134481
CN TP. HO CHI MINH	DUONG TUONG TRI	*****407	1	CT10072981-CT10072981
PGD MY CA	DUONG VAN BOL	*****007	1	EB10001417-EB10001417
CN THAI NGUYEN	DUONG VAN CHINH	*****207	120	DN10088229-DN10088338; TD10004356-TD10004365
PGD TUYEN SON	DUONG VAN CHUYEN	*****208	1	EB10001168-EB10001168
CN HA DONG	DUONG VAN DANG	*****161	5	CT10068103-CT10068107
CN DAK LAK	DUONG VAN DUNG	*****826	8	CT10014638-CT10014645
CN DONG DA	DUONG VAN HA	*****235	27	DN10075984-DN10076010
CN DA NANG	DUONG VAN HAI	*****668	25	CT10144871-CT10144873; DN10054163-DN10054184
HUB THE VA TIN CHAP MN	DUONG VAN HIEU	*****911	1	CT10111072-CT10111072
PGD DAI TU	DUONG VAN HUNG	*****309	5	CT10024189-CT10024193
PGD HAO NAM	DUONG VAN LICH	*****379	99	CT10054075-CT10054089; DN10076723-DN10076806
CN THANH HOA	DUONG VAN LINH	*****974	48	CT10156291-CT10156297; DN10083739-DN10083768; EB10002060-EB10002060; TD10003866-TD10003875
CN BINH DUONG	DUONG VAN LONG	*****103	700	DN10040888-DN10041587
PGD NGUYEN SY SACH	DUONG VAN MINH	*****908	2	CT10075298-CT10075299
CN HAI DUONG	DUONG VAN NGOC	*****305	20	DN10094712-DN10094731
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG VAN PHUNG	*****125	9	CT10038713-CT10038720; EB10001533-EB10001533
PGD PHO YEN	DUONG VAN QUYEN	*****137	1	EB10001163-EB10001163

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	DUONG VAN TAM	*****500	10	CT10073986-CT10073995
PGD PHO YEN	DUONG VAN TAN	*****605	20	DN10040387-DN10040406
CN LANG HA	DUONG VAN THANH	*****769	1	CT10157509-CT10157509
CN DA NANG	DUONG VAN THANH	*****345	4	CT10094225-CT10094228
CN TIEN GIANG	DUONG VAN THICH	*****396	5	TD10002106-TD10002110
PGD LAC LONG QUAN	DUONG VAN THONG	*****787	1	CT10105327-CT10105327
CN HA NOI	DUONG VAN THUONG	*****664	22	CT10072674-CT10072695
PGD KIM THANH	DUONG VAN THUY	*****974	20	DN10089916-DN10089935
CN BAC NINH	DUONG VAN TIN	*****694	100	DN10020706-DN10020795; TD10006811-TD10006820
CN CAU GIAY	DUONG VAN VUONG	*****617	2	CT10148167-CT10148168
HUB THE VA TIN CHAP MB	DUONG VAN VUONG	*****617	25	DN10079148-DN10079172
PGD MY DINH	DUONG VAN YEN	*****009	1	CT10029918-CT10029918
CN DA NANG	DUONG VIET CUONG	*****203	22	CT10027340-CT10027361
CN DA NANG	DUONG VIET HUNG	*****746	13	CT10036877-CT10036889
TT KHCC MIEN BAC 1	DUONG VIET PHUONG	*****108	23	CT10018329-CT10018351
CN QUANG NGAI	DUONG VUONG PHAP	*****344	4	CT10163775-CT10163778
CN DAI AN	DUONG XUAN BINH	*****031	18	CT10076166-CT10076183
PGD XUAN LA	DUONG XUAN BINH	*****979	5	CT10123011-CT10123015
CN HAI AN	DUONG XUAN HUNG	*****289	1	CT10021335-CT10021335
PGD XUAN LA	DUONG XUAN KIM OANH	*****561	7	CT10072796-CT10072802
HUB THE CHAP MB 1	DUONG XUAN QUANG	*****414	1	CT10033259-CT10033259
CN TAN THANH	DUONG YEN NHI	*****071	1	CT10146207-CT10146207
CN SAI GON	DUONG YEN PHUONG	*****002	6	CT10118657-CT10118662
CN LANG HA	GAVIN REID	*****952	14	CT10058124-CT10058137
CN BINH DUONG	GIANG GIA TU	*****165	1	CT10041714-CT10041714
PGD DI AN	GIANG HUE MAN	*****612	1	EB10000095-EB10000095
PGD TAN PHAT	GIANG KIM PHONG	*****372	5	CT10034628-CT10034632
PGD DAO TAN	GIANG MANH KHOI	*****344	1	CT10091708-CT10091708
CN DAI AN	GIANG MINH DUC	*****459	19	CT10111084-CT10111102
CN DA NANG	GIANG NGUYEN ANH KHOA	*****319	4	CT10034706-CT10034709
CN DA NANG	GIANG NGUYEN THU NGUYEN	*****026	3	CT10017002-CT10017004
CN DONG DA	GIANG QUOC TRUNG	*****941	4	CT10132634-CT10132637

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO DAC DI	GIANG THANH HANG	*****482	2	CT10021054-CT10021055
PGD XUAN KHANH	GIANG THI BICH TUYEN	*****049	5	CT10093166-CT10093170
CN HAI DUONG	GIANG THI DOAI	*****980	9	DN10040412-DN10040420
CN NGHE AN	GIANG THI NGOC LAN	*****801	13	CT10127518-CT10127525; TD10004851-TD10004855
PGD KHAM THIEN	GIANG THI THAO	*****531	1	EB10000865-EB10000865
PGD KIM VAN	GIANG TRAN TRUNG	*****446	1	EB10001969-EB10001969
CN BINH DUONG	GIANG TUAN ANH	*****410	1	CT10145178-CT10145178
CN HAI AN	GIANG VAN KE	*****652	36	DN10087243-DN10087272; EB10002179-EB10002179; TD10004326-TD10004330
CN CAU GIAY	GIANG VAN MINH	*****449	34	CT10026859-CT10026892
CN DA NANG	GIANG VINH TOAN	*****341	1	CT10134376-CT10134376
PGD NGUYEN THAI SON	GIANG XUAN TU	*****148	2	CT10126837-CT10126838
CN SAI GON	GIAP NGUYEN DUC TAI	*****075	2	CT10138446-CT10138447
PGD MY DINH	GIAP SON HA	*****005	80	DN10005412-DN10005491
CN TP. HO CHI MINH	GIAP THI MAI THU	*****902	1	EB10003025-EB10003025
CN CAU GIAY	GIAP VUONG TUYEN	*****259	57	CT10049347-CT10049403
PGD QUANG PHU	H A NIE	*****095	5	DN10004327-DN10004331
PGD BUON DON	H AI NIE	*****409	42	DN10036212-DN10036253
PGD QUANG PHU	H ARUN AYUN	*****936	12	DN10082946-DN10082957
PGD QUANG PHU	H BAM EBAN	*****338	3	DN10027695-DN10027697
CN DAK LAK	H BAN BKRONG	*****874	3	DN10029907-DN10029909
PGD BUON DON	H BAN NIE	*****753	22	DN10063777-DN10063798
CN DAK LAK	H BANH ALIO	*****891	16	DN10031478-DN10031493
PGD QUANG PHU	H BAP MLO	*****852	2	DN10029843-DN10029844
CN DAK LAK	H BE BYA	*****577	3	DN10005114-DN10005116
CN DAK LAK	H BE NIE	*****920	3	DN10046137-DN10046139
PGD Krong Nang	H BEAT NIE	*****914	3	DN10101343-DN10101345
PGD QUANG PHU	H BHUM EBAN	*****941	11	DN10111914-DN10111924
CN DAK LAK	H BI LI KBUOR	*****220	3	DN10034378-DN10034380
PGD QUANG PHU	H BIENG NIE	*****112	3	DN10066293-DN10066295
PGD QUANG PHU	H BIU KDOH	*****982	16	DN10108690-DN10108705
PGD QUANG PHU	H BIUN KBUOR	*****873	18	DN10003473-DN10003490
CN DAK LAK	H BLIAP BKRONG	*****404	3	DN10050575-DN10050577
CN DAK LAK	H BLIEU AYUN	*****710	3	DN10037538-DN10037540

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	H BLUIH AYUN	*****157	3	DN10078459-DN10078461
PGD QUANG PHU	H BON NIE	*****443	3	DN10030078-DN10030080
PGD QUANG PHU	H BON NIE KDAM	*****233	3	DN10001372-DN10001374
PGD QUANG PHU	H BOP AYUN	*****115	10	DN10035683-DN10035692
PGD QUANG PHU	H BOR MLO	*****995	45	DN10036254-DN10036298
PGD QUANG PHU	H BRIT EBAN	*****625	3	DN10061201-DN10061203
PGD QUANG PHU	H BRUH AYUN	*****918	14	DN10004069-DN10004082
CN DAK LAK	H BUEN BUON KRONG	*****383	3	DN10089708-DN10089710
CN DAK LAK	H BUEN EBAN	*****033	3	DN10050123-DN10050125
PGD BUON DON	H CU KNUL	*****409	18	DN10059868-DN10059885
CN DAK LAK	H DAM BYA	*****618	3	DN10028372-DN10028374
CN DAK LAK	H DAT AYUN	*****621	3	DN10051379-DN10051381
CN DAK LAK	H DI EBAN	*****982	25	DN10092715-DN10092739
CN DAK LAK	H DIEM AYUN	*****716	3	DN10002240-DN10002242
CN DAK LAK	H DIM KBUOR	*****279	3	DN10094656-DN10094658
PGD BUON DON	H DIU NIE	*****368	22	DN10073793-DN10073814
PGD Krong Nang	H DJAP MLO	*****983	37	DN10078186-DN10078222
CN DAK LAK	H DJIM YA	*****187	10	DN10043753-DN10043762
CN DAK LAK	H DJIU NIE	*****533	3	DN10029599-DN10029601
CN DAK LAK	H DJUI EBAN	*****738	30	DN10052634-DN10052663
PGD QUANG PHU	H DOAN NIE	*****744	2	DN10038035-DN10038036
CN DAK LAK	H DROH NIE	*****519	3	DN10065490-DN10065492
PGD QUANG PHU	H DUET AYUN	*****506	3	DN10029656-DN10029658
CN DAK LAK	H DUM BKRONG	*****043	3	DN10022483-DN10022485
PGD QUANG PHU	H DUNG EBAN	*****967	6	DN10045584-DN10045589
CN DAK LAK	H DUNG NIE	*****203	3	DN10049363-DN10049365
CN DAK LAK	H DUYT	*****699	33	DN10061944-DN10061976
CN DAK LAK	H ET BYA	*****960	3	DN10102987-DN10102989
PGD QUANG PHU	H GA ADRONG	*****409	3	DN10109733-DN10109735
PGD BUON DON	H GHE KBUOR	*****407	7	DN10094993-DN10094999
PGD BUON DON	H GI NIE	*****359	20	DN10085518-DN10085537
PGD Krong Nang	H HA EBAN	*****415	3	DN10004628-DN10004630
CN DAK LAK	H HLAM AYUN	*****571	3	DN10082424-DN10082426
PGD QUANG PHU	H HOAI AYUN	*****180	17	DN10040012-DN10040028
PGD Krong Nang	H HONG NIE	*****937	3	DN10092712-DN10092714
PGD Krong Nang	H HUE NIE	*****716	42	DN10106162-DN10106203
CN DAK LAK	H HUONG ADRONG	*****259	20	DN10071830-DN10071849
CN DAK LAK	H IEM KBUOR	*****985	3	DN10108062-DN10108064
PGD Krong Nang	H IM ADRONG	*****995	3	DN10089387-DN10089389
PGD QUANG PHU	H IM NIE	*****874	15	DN10004610-DN10004624

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	H INDO NIE	*****017	5	DN10021875-DN10021879
PGD Krong Nang	H JUAN NIE	*****322	3	DN10082868-DN10082870
CN DAK LAK	H JULY BUON YA	*****403	9	DN10080251-DN10080254; TD10003506-TD10003510
CN DAK LAK	H KA YIN KBUOR	*****889	3	DN10090951-DN10090953
PGD QUANG PHU	H KAP ADRONG	*****879	10	DN10078113-DN10078122
CN DAK LAK	H KHANH EBAN	*****927	3	DN10028696-DN10028698
CN DAK LAK	H KIM PHUONG EBAN	*****453	3	DN10003639-DN10003641
CN DAK LAK	H LAN MLO	*****044	10	CT10165118-CT10165127
CN DAK LAK	H LANG BYA	*****891	3	DN10031475-DN10031477
PGD QUANG PHU	H LE NA ADRONG	*****725	3	DN10059577-DN10059579
PGD QUANG PHU	H LE NIE	*****165	3	DN10054185-DN10054187
PGD QUANG PHU	H LEK KTLA	*****252	3	DN10097753-DN10097755
PGD QUANG PHU	H LEN KBUOR	*****696	3	DN10039526-DN10039528
PGD QUANG PHU	H LEN KTLA	*****805	3	DN10099692-DN10099694
PGD QUANG PHU	H LIN KBUOR	*****627	2	DN10111787-DN10111788
PGD Krong Nang	H LOC NIE	*****773	3	DN10019717-DN10019719
CN DAK LAK	H LONG KTUL	*****430	3	DN10095000-DN10095002
CN DAK LAK	H LONG KTUL	*****887	2	DN10050563-DN10050564
CN DAK LAK	H LUC NIE	*****635	20	DN10106050-DN10106069
CN DAK LAK	H LUER AYUN	*****873	3	DN10093683-DN10093685
PGD QUANG PHU	H LUYET HWING	*****488	2	DN10099299-DN10099300
CN DAK LAK	H LY DA KPOR	*****291	9	DN10047931-DN10047939
CN DAK LAK	H LYN0 NIE	*****490	3	DN10106733-DN10106735
CN DAK LAK	H MAL NIE	*****815	3	DN10048879-DN10048881
PGD QUANG PHU	H MEN NIE	*****743	3	DN10087641-DN10087643
PGD BUON DON	H MIA ADRONG	*****730	37	DN10078888-DN10078924
CN DAK LAK	H MLAI AYUN	*****738	3	DN10059889-DN10059891
PGD QUANG PHU	H MUIH NIE	*****480	33	DN10036632-DN10036664
CN DAK LAK	H MUNG NIE	*****696	3	DN10077466-DN10077468
CN DAK LAK	H MUT KBUOR	*****653	3	DN10002445-DN10002447
PGD Krong Nang	H NAI AYUN	*****116	3	DN10034985-DN10034987
CN DAK LAK	H NALI KBUOR	*****535	3	DN10094844-DN10094846
PGD QUANG PHU	H NAO MLO	*****616	7	DN10101507-DN10101513
PGD QUANG PHU	H NAT KTLA	*****452	3	DN10073891-DN10073893
PGD QUANG PHU	H NER HWING	*****413	8	DN10004748-DN10004755
PGD BUON DON	H NGAO EBAN	*****063	22	DN10030053-DN10030074
CN DAK LAK	H NGAT KBUOR	*****646	3	DN10094709-DN10094711
PGD QUANG PHU	H NGER RCAM	*****592	10	DN10065865-DN10065874
PGD QUANG PHU	H NGIAM EBAN	*****869	3	DN10074671-DN10074673

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	H NGIEP AYUN	*****749	3	DN10092848-DN10092850
PGD QUANG PHU	H NHAN NIE	*****746	3	DN10059580-DN10059582
CN DAK LAK	H NHAU KTUL	*****127	3	DN10027282-DN10027284
PGD QUANG PHU	H NHON MLO	*****733	12	DN10061189-DN10061200
CN DAK LAK	H NI BYA	*****969	3	DN10006614-DN10006616
CN DAK LAK	H NI NIE	*****905	40	DN10004859-DN10004898
PGD QUANG PHU	H NIA AYUN	*****737	3	DN10026876-DN10026878
PGD QUANG PHU	H NIAT MLO	*****119	2	DN10021030-DN10021031
PGD QUANG PHU	H NIER AYUN	*****734	3	DN10087549-DN10087551
PGD QUANG PHU	H NIT MLO	*****237	15	DN10091207-DN10091221
PGD QUANG PHU	H NO NIE	*****709	3	DN10027491-DN10027493
PGD QUANG PHU	H NOL NIE	*****437	3	DN10065240-DN10065242
PGD BUON DON	H NON KNUL	*****443	7	DN10060086-DN10060092
PGD BUON DON	H NOT ADRONG	*****533	25	DN10007828-DN10007852
PGD QUANG PHU	H NU BYA	*****751	18	DN10087288-DN10087305
PGD QUANG PHU	H NU NIE	*****700	3	DN10002178-DN10002180
PGD QUANG PHU	H NU NIE KDAM	*****226	3	DN10093716-DN10093718
CN DAK LAK	H NUAN NIE	*****420	15	DN10107322-DN10107336
CN DAK LAK	H ON KDRAI	*****819	3	DN10005362-DN10005364
CN DAK LAK	H PEK NIE	*****832	1	EB10002789-EB10002789
CN DAK LAK	H PHUONG	*****379	10	DN10087516-DN10087525
PGD QUANG PHU	H PRAK AYUN	*****156	38	DN10064306-DN10064343
PGD QUANG PHU	H PRIT BYA	*****926	22	DN10028098-DN10028119
CN DAK LAK	H RA CHEL HDOK	*****245	3	DN10110214-DN10110216
CN DAK LAK	H RACEL ADRONG	*****383	30	DN10049188-DN10049217
PGD QUANG PHU	H RAI NIE	*****151	13	DN10031462-DN10031474
PGD QUANG PHU	H RE NIE	*****646	2	DN10085643-DN10085644
PGD QUANG PHU	H REC BYA	*****470	3	DN10009342-DN10009344
CN DAK LAK	H REN KTLA	*****548	3	DN10074228-DN10074230
PGD QUANG PHU	H RI HWING	*****556	3	DN10076147-DN10076149
CN DAK LAK	H RIEM KRONG	*****984	3	DN10093102-DN10093104
PGD QUANG PHU	H RIENG NIE	*****314	2	DN10061204-DN10061205
PGD Krong Nang	H RIM MLO	*****636	18	DN10079173-DN10079190
PGD QUANG PHU	H RIT KBUOR	*****028	10	DN10107611-DN10107620
PGD Krong Nang	H RIT NIE	*****389	3	DN10064621-DN10064623
PGD QUANG PHU	H RUI NIE	*****100	3	DN10019977-DN10019979
PGD Krong Nang	H RUP NIE	*****456	3	DN10044345-DN10044347
PGD Krong Nang	H RUT AYUN	*****218	3	DN10021802-DN10021804
CN DAK LAK	H SARA NIE	*****319	3	DN10107311-DN10107313
CN DAK LAK	H SE BKRONG	*****752	3	DN10037282-DN10037284

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	H SILA ADRONG	*****077	1	EB10000006-EB10000006
PGD QUANG PHU	H SIM NIE	*****403	18	DN10047747-DN10047764
PGD Krong Nang	H SO NI NIE	*****641	3	DN10078925-DN10078927
CN DAK LAK	H SOFIA NIE	*****193	3	DN10022896-DN10022898
CN DAK LAK	H SON	*****475	15	DN10036605-DN10036619
PGD Krong Nang	H SUOT NIE	*****045	3	DN10091222-DN10091224
PGD BUON DON	H TEM BYA	*****699	30	DN10085613-DN10085642
CN DAK LAK	H TEO NIE	*****579	2	DN10086412-DN10086413
PGD QUANG PHU	H THINH NIE	*****349	2	DN10000343-DN10000344
PGD QUANG PHU	H THUN DI KBUOR	*****637	2	DN10074231-DN10074232
PGD QUANG PHU	H THUY NIE	*****112	2	DN10096846-DN10096847
CN DAK LAK	H TRANG AYUN	*****655	3	DN10040456-DN10040458
CN DAK LAK	H TRANG HDOK	*****411	3	DN10007023-DN10007025
CN DAK LAK	H TRANH AYUN	*****260	15	DN10066278-DN10066292
PGD QUANG PHU	H TREM MLO	*****240	7	DN10002153-DN10002159
CN DAK LAK	H TUYET KSOR	*****999	3	DN10088566-DN10088568
CN DAK LAK	H UIH KBUOR	*****555	3	DN10046522-DN10046524
CN DAK LAK	H UT EYA	*****317	3	DN10022037-DN10022039
PGD QUANG PHU	H WEH NIE	*****825	17	DN10025319-DN10025335
CN DAK LAK	H WER NIE	*****935	7	DN10007106-DN10007112
PGD QUANG PHU	H WING NIE	*****084	24	DN10046498-DN10046521
CN DAK LAK	H WON EBAN	*****694	3	DN10108687-DN10108689
PGD BUON DON	H YA HWING	*****686	60	DN10044008-DN10044067
PGD QUANG PHU	H YANG EBAN	*****267	2	DN10098212-DN10098213
CN DAK LAK	H YEN AYUN	*****945	3	DN10004607-DN10004609
PGD BUON DON	H YET HMOK	*****048	10	DN10064041-DN10064050
PGD QUANG PHU	H YIM ADRONG	*****553	3	DN10020990-DN10020992
PGD QUANG PHU	H YON EBAN	*****700	3	DN10046398-DN10046400
PGD QUANG PHU	H YON NIE	*****757	3	DN10085002-DN10085004
PGD QUANG PHU	H YOT EBAN	*****825	3	DN10083194-DN10083196
PGD QUANG PHU	H YUEN BYA	*****513	25	DN10005563-DN10005587
PGD QUANG PHU	H YUER KTLA	*****539	3	DN10050572-DN10050574
PGD QUANG PHU	H YUIN ADRONG	*****875	60	DN10084776-DN10084835
CN DAK LAK	H ZIN AYUN	*****836	3	DN10069929-DN10069931
HUB THE VA TIN CHAP MN	HA BAO MINH THANH	*****100	24	CT10144249-CT10144272
CN TIEN GIANG	HA CAM TU	*****314	2	CT10094869-CT10094870
CN SAI GON	HA CONG DAI	*****967	16	CT10055061-CT10055061; TD10003276-TD10003290
PGD HO GUOM	HA CONG TUAN	*****958	1	EB10002744-EB10002744

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD CAM RANH	HA DIEU HIEN	*****011	2	CT10079091-CT10079092
CN LONG BIEN	HA DINH KY	*****443	2	CT10129047-CT10129048
PGD THANH CONG	HA DINH TRUNG	*****919	17	CT10058338-CT10058354
CN HA NOI	HA DINH TUAN	*****209	7	CT10047093-CT10047099
CN LANG HA	HA DINH VAN	*****477	11	CT10048211-CT10048221
PGD HAM NGHI	HA DUC ANH	*****042	4	CT10026208-CT10026211
PGD LACH TRAY 2	HA DUC LOI	*****960	1	EB10002275-EB10002275
CN VINH PHUC	HA DUC PHU	*****184	120	DN10034617-DN10034736
CN LANG HA	HA DUC THANG	*****557	156	DN10079191-DN10079346
HUB THE VA TIN CHAP MN	HA DUC TIEN	*****026	2	CT10110708-CT10110709
PGD DAI KIM	HA DUC TIEN	*****312	13	CT10085166-CT10085178
CN THAI NGUYEN	HA DUY DAO	*****789	1	EB10002720-EB10002720
CN TAN THANH	HA DUY MINH	*****220	9	CT10067009-CT10067017
CN TP. HO CHI MINH	HA GIA BAO	*****773	1	EB10001979-EB10001979
PGD NGOC LAM	HA GIANG NAM	*****048	1	CT10021510-CT10021510
CN HAI AN	HA HAI	*****172	5	CT10092799-CT10092803
CN THANH XUAN	HA HAI HUYEN	*****345	10	CT10134593-CT10134602
CN NHA TRANG	HA HAI YEN	*****568	1	EB10000252-EB10000252
PGD XUAN LA	HA HIEU	*****502	7	CT10110237-CT10110243
PGD DOI CAN	HA HOAN NGHIA	*****058	75	CT10165644-CT10165718
CN BINH DUONG	HA HOANG ANH	*****258	1	CT10039927-CT10039927
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA HOANG HAI	*****600	12	CT10063576-CT10063587
CN QUANG NGAI	HA HOANG HONG HANH	*****418	6	CT10055731-CT10055736
PGD PHO YEN	HA HOANG LINH	*****093	1	EB10001261-EB10001261
CN LONG BIEN	HA HONG CAM	*****233	1	CT10089255-CT10089255
CN HAI DUONG	HA HONG QUAN	*****120	80	DN10048170-DN10048249
CN THANH XUAN	HA HONG THAI	*****066	8	CT10156769-CT10156776
PGD HAM NGHI	HA HUU CHINH	*****421	129	DN10031154-DN10031281; EB10002943-EB10002943
CN LANG HA	HA HUY CUONG	*****252	1	CT10011989-CT10011989
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA HUY KHOI	*****171	25	CT10158751-CT10158775
CN LANG HA	HA KHANH LY	*****862	8	CT10130201-CT10130208
PGD Krong Nang	HA KIEM	*****060	12	DN10065111-DN10065122
PGD KIM VAN	HA KY TUAN	*****002	1	EB10002846-EB10002846

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LAN ONG	HA LAM GIANG	*****625	6	EB10000773-EB10000773; TD10010816-TD10010820
HUB PAYROLL MB	HA LAN PHUONG	*****394	28	CT10139509-CT10139531; TD10009076-TD10009080
PGD TRAN PHU	HA LE ANH DUC	*****446	1	CT10051945-CT10051945
CN CAU GIAY	HA MAI TRANG	*****955	7	CT10106612-CT10106618
PGD THANH CONG	HA MANH	*****992	1	CT10025224-CT10025224
PGD KHANH HOI	HA MANH KHAM	*****429	79	DN10002029-DN10002107
PGD VAN QUAN	HA MANH LINH	*****315	10	CT10066071-CT10066080
CN THAI NGUYEN	HA MANH TAM	*****368	2	CT10145213-CT10145214
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA MANH TIEN	*****184	2	CT10139121-CT10139122
PGD BA TRIEU	HA MINH CUONG	*****199	1	EB10000894-EB10000894
CN HAI AN	HA MINH DUC	*****888	24	CT10145932-CT10145955
CN DONG DA	HA MINH GIANG	*****607	5	CT10149177-CT10149181
CN BINH DINH	HA MINH LINH	*****264	75	DN10065949-DN10066023
PGD VAN XUAN	HA MINH NGOC	*****259	8	CT10160276-CT10160283
PGD NGUYEN HUU HUAN	HA MINH NHAT	*****784	50	CT10011802-CT10011851
CN SO GIAO DICH	HA MINH PHUONG	*****230	1	CT10009791-CT10009791
CN TAN BINH	HA MINH TAN	*****657	1	CT10095333-CT10095333
CN SAI GON	HA MINH THANH	*****768	1	CT10094885-CT10094885
CN QUANG NINH	HA MINH TU	*****553	1	EB10002575-EB10002575
CN TAN PHU	HA MINH TUAN	*****004	2	CT10084639-CT10084640
CN DONG DA	HA MINH TUAN	*****516	1	EB10002652-EB10002652
SEABANK LE DUAN	HA NGOC ANH	*****248	1	EB10002494-EB10002494
PGD TRUNG NHI	HA NGOC BINH	*****736	1	EB10001942-EB10001942
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA NGOC HIEU	*****729	7	CT10059919-CT10059925
PGD SAO MAI	HA NGOC PHUOC	*****279	1	EB10001911-EB10001911
PGD HAM NGHI	HA NGOC SANG	*****615	7	CT10084024-CT10084030
CN TP. HO CHI MINH	HA NGOC THINH	*****503	1	EB10000532-EB10000532
PGD THU DUC	HA NGOC TOAN	*****522	1	CT10016633-CT10016633
PGD GIA LAM	HA NGOC TUAN	*****537	9	CT10047545-CT10047553
CN BINH DINH	HA NGUYEN TUONG VY	*****950	9	CT10137521-CT10137529
CN HA DONG	HA NHAT LINH	*****184	9	CT10005466-CT10005474
CN SO GIAO DICH	HA NHAT LINH	*****097	21	CT10118332-CT10118352

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN KHANH	HA NHAT THANH	*****258	1	CT10074878-CT10074878
CN VINH PHUC	HA PHUONG DUNG	*****243	3	CT10016409-CT10016411
PGD BA TRIEU	HA PHUONG THANH	*****646	5	CT10033248-CT10033252
CN HAI AN	HA QUANG HUNG	*****058	1	EB10002029-EB10002029
PGD TRAN DUY HUNG	HA QUANG HUY	*****168	1	CT10048872-CT10048872
PGD HOANG DIEU	HA QUANG HUY	*****993	12	CT10101002-CT10101013
CN BAC NINH	HA QUANG NINH	*****591	18	CT10065368-CT10065379; EB10000040-EB10000040; TD10005401-TD10005405
CN HA DONG	HA QUANG PHONG	*****058	2	CT10137983-CT10137984
CN HAI AN	HA QUANG TAM	*****439	1	CT10073321-CT10073321
PGD TRUNG HOA	HA QUANG VINH	*****406	9	CT10008638-CT10008646
PGD TRAN HUNG DAO	HA QUOC ANH	*****860	1	CT10076341-CT10076341
PGD PHO YEN	HA QUOC OAI	*****431	10	DN10032584-DN10032593
PGD NGUYEN NGOC NAI	HA QUOC TUAN	*****950	49	CT10020838-CT10020886
HUB PAYROLL MB	HA QUOC VIET	*****176	10	CT10095928-CT10095937
CN DA NANG	HA SON HAI	*****419	3	CT10110292-CT10110294
TT KHCC MIEN BAC 1	HA SON TRUONG	*****325	13	CT10123166-CT10123178
PGD LE VAN SY	HA SY LIEM	*****850	95	CT10082102-CT10082196
CN THANH HOA	HA SY TOAN	*****215	1	CT10125806-CT10125806
CN SO GIAO DICH	HA THAI SON	*****007	1	CT10143008-CT10143008
HUB THE CHAP MN	HA THANH BINH	*****796	301	DN10044991-DN10045290; EB10003317-EB10003317
CN NGHE AN	HA THANH DUONG	*****182	10	CT10001958-CT10001967
PGD LE THAI TO	HA THANH HAI	*****732	1	EB10002904-EB10002904
PGD QUAN 8	HA THANH HIEP	*****204	1	CT10073285-CT10073285
PGD HUNG VUONG	HA THANH HOANG	*****809	1	CT10083474-CT10083474
TT KH CC MIEN BAC 2	HA THANH LOAN	*****747	2	CT10099791-CT10099792
PGD BOTANIC	HA THANH MANH	*****075	14	CT10090157-CT10090170
PGD HA LONG	HA THANH TRUNG	*****585	43	DN10004095-DN10004136; EB10000167-EB10000167
SEABANK LE DUAN	HA THANH TUAN	*****106	1	CT10129542-CT10129542
CN THAI NGUYEN	HA THE DUNG	*****597	3	CT10082954-CT10082956
PGD KIM LIEN	HA THE MANH	*****032	1	CT10110819-CT10110819

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	HA THE QUANG	*****531	41	CT10149611-CT10149651
PGD HO GUOM	HA THI BICH	*****999	42	CT10115246-CT10115287
CN NHA TRANG	HA THI BICH NHAN	*****581	82	CT10118906-CT10118912; DN10081963-DN10082032; TD10003631-TD10003635
PGD LANG THUONG	HA THI BICH THAO	*****805	1	CT10048549-CT10048549
CN BINH DUONG	HA THI BICH TRAM	*****771	5	DN10021823-DN10021826; EB10000445-EB10000445
CN HAI PHONG	HA THI CAM SINH	*****279	1	CT10059831-CT10059831
PGD TON THAT TUNG	HA THI GIANG	*****019	1	CT10123466-CT10123466
CN LANG HA	HA THI GIANG	*****068	12	CT10064894-CT10064905
CN VUNG TAU	HA THI HANH	*****893	7	DN10112025-DN10112030; EB10002742-EB10002742
CN HUE	HA THI HOA	*****455	3	DN10082871-DN10082873
PGD XUAN LA	HA THI HOA	*****860	15	CT10066201-CT10066215
PGD HO GUOM	HA THI HONG NGAN	*****492	19	CT10098145-CT10098163
PGD LAN ONG	HA THI HONG NHUNG	*****623	59	CT10030883-CT10030941
CN LANG HA	HA THI HONG SAM	*****510	2	CT10128310-CT10128311
PGD NGUYEN HUU HUAN	HA THI HONG VAN	*****813	1	CT10120408-CT10120408
CN HA DONG	HA THI HONG VAN	*****786	4	CT10156091-CT10156094
CN DAK LAK	HA THI HUE	*****300	5	DN10046403-DN10046407
PGD KIM LIEN	HA THI HUONG	*****445	3	CT10137819-CT10137821
CN QUANG NINH	HA THI HUONG	*****169	1	EB10000732-EB10000732
CN DAI AN	HA THI HUONG	*****899	20	CT10116469-CT10116488
CN DAK LAK	HA THI HUYEN	*****661	57	CT10160436-CT10160492
PGD TU SON	HA THI HUYEN	*****705	1	EB10001009-EB10001009
CN SAI GON	HA THI KIM ANH	*****933	15	CT10126458-CT10126472
CN LANG HA	HA THI KIM CUC	*****617	8	CT10087760-CT10087767
CN BINH DINH	HA THI KIM HANH	*****642	1	EB10001553-EB10001553
PGD NGUYEN SY SACH	HA THI KIM OANH	*****897	1	EB10000531-EB10000531
PGD LACH TRAY 2	HA THI KIM SAO	*****004	1	EB10002817-EB10002817
CN NGHE AN	HA THI LAN	*****762	3	DN10006608-DN10006610
CN THAI NGUYEN	HA THI LAN	*****991	1	EB10000119-EB10000119
PGD LAN ONG	HA THI LAN HUONG	*****893	25	CT10158959-CT10158983
CN SO GIAO DICH	HA THI LE TRANG	*****900	1	EB10001266-EB10001266
PGD Krong Nang	HA THI MAI	*****045	15	DN10080986-DN10081000

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	HA THI MINH	*****883	3	DN10058256-DN10058258
CN CAU GIAY	HA THI MINH LUYEN	*****283	50	CT10115196-CT10115245
PGD TRUNG NHI	HA THI MY DUNG	*****415	16	CT10009139-CT10009154
CN LANG HA	HA THI MY LOC	*****425	9	CT10097656-CT10097664
PGD QUAN THANH	HA THI NGAN	*****136	4	CT10110715-CT10110718
HUB THE CHAP MN	HA THI NGOC THUAN	*****704	5	CT10090756-CT10090760
PGD KIM LIEN	HA THI NGUYEN	*****076	14	CT10107999-CT10108002; TD10001881-TD10001890
CN SO GIAO DICH	HA THI NHUNG	*****545	6	CT10034334-CT10034339
HUB PAYROLL MB	HA THI OANH	*****306	25	CT10159138-CT10159162
CN THANH XUAN	HA THI PHUONG	*****086	12	CT10114414-CT10114425
CN THANH XUAN	HA THI PHUONG	*****314	16	CT10070368-CT10070383
CN HA DONG	HA THI PHUONG	*****779	37	CT10053255-CT10053291
PGD VINH YEN	HA THI PHUONG LAN	*****528	1	EB10001678-EB10001678
CN HAI PHONG	HA THI PHUONG LOAN	*****715	3	CT10122333-CT10122335
PGD CAM PHA	HA THI PHUONG THAO	*****255	2	CT10001470-CT10001471
CN LONG BIEN	HA THI PHUONG THUY	*****698	1	CT10141190-CT10141190
CN DAI AN	HA THI QUY	*****898	1	CT10028311-CT10028311
TT KHCC MIEN BAC 1	HA THI QUYNH HOA	*****242	7	CT10119588-CT10119594
CN HA NOI	HA THI THANH GIANG	*****327	12	CT10078782-CT10078788; TD10007991-TD10007995
HUB THE VA TIN CHAP MN	HA THI THANH HIEN	*****221	10	CT10029886-CT10029895
HUB THE VA TIN CHAP MN	HA THI THANH THAO	*****051	7	CT10003719-CT10003725
CN DA NANG	HA THI THANH THAO	*****897	7	CT10144907-CT10144908; TD10011301-TD10011305
HUB THE VA TIN CHAP MN	HA THI THANH THUY	*****170	7	CT10000324-CT10000330
CN BAC NINH	HA THI THAO	*****799	5	CT10032095-CT10032099
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA THI THAO	*****801	25	DN10067587-DN10067611
PGD NGUYEN AN NINH	HA THI THOM	*****114	10	CT10078522-CT10078531
TT KHCC MIEN BAC 1	HA THI THOM	*****377	21	CT10047668-CT10047688
CN THANH HOA	HA THI THU	*****107	1	EB10001046-EB10001046

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	HA THI THU HA	*****482	6	CT10059875-CT10059880
PGD DOI CAN	HA THI THU HAO	*****482	97	CT10042576-CT10042672
CN HAI AN	HA THI THU HIEN	*****941	8	CT10078153-CT10078160
CN BINH DINH	HA THI THU PHUONG	*****024	4	DN10078933-DN10078936
CN HA NOI	HA THI THU SAN	*****543	5	TD10008906-TD10008910
CN LANG HA	HA THI THU THANH	*****760	12	CT10117077-CT10117088
PGD TAN PHAT	HA THI THU THAO	*****241	1	CT10150314-CT10150314
CN VINH PHUC	HA THI THUY	*****465	1	CT10159529-CT10159529
CN SO GIAO DICH	HA THI THUY	*****909	1	CT10059521-CT10059521
PGD LE QUANG DINH	HA THI THUY HANG	*****046	5	CT10153478-CT10153482
PGD NGOC HOI	HA THI THUY LIEN	*****485	44	DN10053300-DN10053338; TD10011111-TD10011115
CN THANH XUAN	HA THI TIA	*****912	13	CT10114608-CT10114620
TT KH CC MIEN BAC 2	HA THI TRANG	*****352	5	CT10110973-CT10110977
CN NHA TRANG	HA THI TRUC CHAU	*****836	3	DN10102984-DN10102986
PGD SAO DO	HA THI TU	*****124	7	DN10000423-DN10000429
PGD LE THANH TONG	HA THI TUOI	*****375	1	EB10002062-EB10002062
PGD THAI THINH	HA THI VAN KHANH	*****166	1	EB10002168-EB10002168
CN LANG HA	HA THU HUONG	*****078	13	CT10024066-CT10024078
CN HA DONG	HA THU PHUONG	*****678	22	CT10107488-CT10107509
CN DAK LAK	HA THUY BIEN	*****460	5	DN10053292-DN10053296
CN DAK LAK	HA THUY LINH	*****945	1	CT10105601-CT10105601
CN HUE	HA TIEN DUNG	*****188	1	CT10047270-CT10047270
CN DAI AN	HA TIEN DUNG	*****711	17	CT10038520-CT10038536
CN THAI NGUYEN	HA TRONG TAI	*****840	92	CT10132171-CT10132172; DN10003953-DN10004032; TD10005846-TD10005855
PGD TO HIEU	HA TRONG TUAN	*****727	1	CT10001037-CT10001037
PGD HOA BINH	HA TRUNG THAI	*****794	1	CT10086278-CT10086278
PGD THANH SEN	HA TUAN ANH	*****048	1	EB10002199-EB10002199
CN THANH XUAN	HA TUAN DUONG	*****534	28	CT10012589-CT10012616
CN HA NOI	HA TUAN THANH	*****868	15	CT10031990-CT10032004
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA VAN AN	*****127	25	CT10048967-CT10048991
HUB PAYROLL MN	HA VAN AN	*****203	1	EB10003018-EB10003018

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN BINH	HA VAN CHAY	*****960	6	EB10002307-EB10002307; TD10004876-TD10004880
CN AN GIANG	HA VAN COP	*****430	4	CT10056655-CT10056658
CN QUANG NINH	HA VAN CUONG	*****770	1	CT10001528-CT10001528
PGD HA LONG	HA VAN DAI	*****587	6	DN10093772-DN10093777
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA VAN GIAO	*****164	5	CT10001294-CT10001298
CN LANG HA	HA VAN HAU	*****384	1	EB10001017-EB10001017
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA VAN HOA	*****307	20	CT10042308-CT10042327
CN THAI NGUYEN	HA VAN HOI	*****688	51	DN10092327-DN10092366; EB10002371-EB10002371; TD10004891-TD10004900
CN TP. HO CHI MINH	HA VAN HUAN	*****570	14	CT10165602-CT10165615
CN TIEN GIANG	HA VAN HUNG	*****015	4	CT10080789-CT10080792
PGD HOA BINH	HA VAN HUU PHUC	*****957	15	CT10102485-CT10102499
PGD NGOC HOI	HA VAN KY	*****026	13	CT10054094-CT10054106
CN HA DONG	HA VAN MANH	*****200	19	CT10145998-CT10146016
PGD DAI KIM	HA VAN NGOC	*****156	9	CT10102588-CT10102596
PGD HO TUNG MAU	HA VAN QUANG	*****057	20	CT10103223-CT10103242
CN THAI NGUYEN	HA VAN SON	*****628	1	CT10037224-CT10037224
CN HAI AN	HA VAN SON	*****782	1	EB10000535-EB10000535
TT KH CC MIEN BAC 2	HA VAN THAI	*****073	48	CT10074803-CT10074850
CN LANG HA	HA VAN TIEN	*****269	9	CT10028650-CT10028658
CN HAI DUONG	HA VAN TRINH	*****654	3	CT10048304-CT10048306
CN HAI PHONG	HA VAN TRUONG	*****569	2	CT10119174-CT10119175
PGD DONG SON	HA VAN TUAN	*****145	42	CT10005746-CT10005751; DN10020796-DN10020820; EB10000421-EB10000421; TD10006796-TD10006805
PGD Krong Nang	HA VAN VAN	*****635	22	DN10065128-DN10065149
CN THAI NGUYEN	HA VIET BINH	*****548	1	EB10001355-EB10001355
HUB THE VA TIN CHAP MB	HA VIET NGOC	*****447	3	CT10044742-CT10044744
TT KHCC MIEN BAC 1	HA VIET QUAN	*****915	11	EB10003149-EB10003149; TD10009466-TD10009475
CN DONG DA	HA VU MANH	*****971	49	CT10026805-CT10026853

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	HA XUAN SANG	*****378	1	EB10001522-EB10001522
CN TAN BINH	HAM MACH	*****396	5	TD10005711-TD10005715
CN LANG HA	HAN CONG CHUONG	*****326	46	DN10049852-DN10049896; EB10000753-EB10000753
CN BINH DINH	HAN MAI HOA	*****714	2	DN10068529-DN10068530
PGD TRUONG THI	HAN THI HONG	*****280	2	CT10017283-CT10017284
CN NHA TRANG	HAN THI TU VI	*****463	6	CT10078236-CT10078241
CN BAC NINH	HAN VAN LOC	*****846	11	CT10084367-CT10084377
HUB THE VA TIN CHAP MB	HAN VU NGOC	*****179	5	CT10088419-CT10088423
PGD BINH TAN	HANG NHAT QUANG	*****207	9	CT10138432-CT10138440
PGD DIEN KHANH	HANG THI NGOC NHAN	*****924	1	CT10019236-CT10019236
CN SAI GON	HAP TIEN TIEN	*****308	42	CT10002402-CT10002443
CN SO GIAO DICH	HEATH GLASBY	*****215	51	CT10088450-CT10088500
CN KIEN GIANG	HINH ICH PHU	*****111	25	CT10163221-CT10163245
PGD DIEN KHANH	HO ANH QUAN	*****521	2	CT10051982-CT10051983
PGD TUYEN SON	HO ANH SON	*****703	1	CT10074858-CT10074858
CN NGHE AN	HO BA HONG	*****483	120	DN10081843-DN10081962
PGD LE VAN SY	HO BA THANG	*****434	25	CT10024136-CT10024160
CN QUANG NGAI	HO BA VUONG	*****576	9	CT10106256-CT10106264
SEABANK LE DUAN	HO BAO DIEU HA	*****933	20	CT10026893-CT10026912
CN DONG DA	HO BAO LONG	*****505	21	CT10137875-CT10137895
CN DAI AN	HO BAO NGOC	*****832	6	CT10018809-CT10018814
CN NHA TRANG	HO CHI DUC	*****679	37	CT10001752-CT10001757; DN10008477-DN10008501; EB10000321-EB10000321; TD10006481-TD10006485
CN TP. HO CHI MINH	HO CHINH NGHIA	*****596	1	CT10113097-CT10113097
PGD NGUYEN THAI SON	HO DAC THANH AN	*****898	144	CT10101177-CT10101208; DN10062052-DN10062152; EB10001360-EB10001360; TD10000606-TD10000615
PGD NGUYEN THAI SON	HO DANG HIEU	*****183	15	CT10109246-CT10109260
PGD THU DUC	HO DIEM MY	*****121	14	CT10121284-CT10121297
CN HAI DUONG	HO DINH BO	*****376	9	CT10151350-CT10151358
CN TAN THANH	HO DINH TUAN	*****873	7	CT10162177-CT10162183

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	HO DUC BAO	*****010	4	CT10111321-CT10111324
PGD BOTANIC	HO DUC HOANG	*****791	25	CT10115509-CT10115533
CN DA NANG	HO DUC NGHIA	*****365	4	CT10085304-CT10085307
TT KH CC MIEN BAC 2	HO DUC PHONG	*****345	1	CT10116464-CT10116464
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO DUC PHUONG	*****562	1	CT10154878-CT10154878
CN CAU GIAY	HO DUC TAI	*****075	2	CT10113185-CT10113186
CN NGHE AN	HO DUC TUAN	*****249	2	CT10149461-CT10149462
PGD HOANG DIEU	HO DUY PHI HUNG	*****694	2	CT10002382-CT10002383
CN NHA TRANG	HO HA NHI	*****065	1	EB10002302-EB10002302
CN PHU MY HUNG	HO HAI NGU	*****339	1	CT10017422-CT10017422
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO HIEU HIEN	*****925	1	CT10067364-CT10067364
CN DONG DA	HO HOANG LANH	*****641	10	CT10058021-CT10058030
PGD LE CHAN	HO HOANG NAM	*****666	6	CT10054536-CT10054541
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO HOANG THAM	*****172	25	CT10098473-CT10098497
CN TAN PHU	HO HOANG TRUNG	*****827	2	CT10041615-CT10041616
CN DA NANG	HO HUU DONG	*****497	24	CT10010617-CT10010640
PGD DONG SON	HO HUU HUNG	*****987	5	CT10114731-CT10114735
PGD PHU HUNG	HO HUU LONG	*****458	3	CT10148497-CT10148499
CN QUANG NGAI	HO HUU TIN	*****857	7	CT10050242-CT10050248
PGD Krong Nang	HO HUY CUONG	*****469	7	DN10005008-DN10005014
PGD BACH MAI	HO LE THUY	*****239	24	CT10017525-CT10017548
CN TP. HO CHI MINH	HO LE TUAN ANH	*****069	6	EB10001853-EB10001853; TD10003221-TD10003225
PGD NGUYEN HUU HUAN	HO MAI TRANG	*****553	14	CT10054667-CT10054680
CN SO GIAO DICH	HO MANH HUNG	*****295	3	CT10140354-CT10140356
CN DONG DA	HO MINH HANH	*****978	2	CT10006094-CT10006095
CN CAN THO	HO MINH NGUYEN	*****617	1	EB10003095-EB10003095
PGD NGOC LAM	HO MINH SON	*****199	6	CT10027499-CT10027504
PGD QUAN 10	HO MINH VIET	*****583	11	CT10128361-CT10128371
PGD TRUNG HOA	HO NGOC ANH	*****782	15	CT10057179-CT10057193
CN DA NANG	HO NGOC BINH	*****790	58	CT10137068-CT10137125
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO NGOC CAM	*****333	16	CT10118077-CT10118092
CN KIEN GIANG	HO NGOC DIEU	*****829	15	CT10076303-CT10076317
PGD KIM VAN	HO NGOC TIEN	*****169	1	CT10033910-CT10033910

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	HO NGOC TU	*****928	24	CT10142906-CT10142929
PGD HAN THUYEN	HO NGOC TU	*****928	1	EB10002345-EB10002345
CN DA NANG	HO NGUYEN DIEU THAO	*****538	2	CT10111188-CT10111189
CN THANH XUAN	HO NGUYEN HAI	*****104	100	CT10066745-CT10066844
PGD QUAN 11	HO NGUYEN VINH	*****266	10	CT10112486-CT10112495
CN PHU MY HUNG	HO NHAT KIEN	*****524	4	CT10006276-CT10006279
CN DA NANG	HO NHAT VINH	*****226	10	CT10043286-CT10043295
CN VUNG TAU	HO NHU CUONG	*****611	3	CT10016735-CT10016737
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO PHAM TAN VU	*****910	16	CT10110552-CT10110567
CN HUE	HO PHAN HOANG PHUONG	*****882	4	CT10125320-CT10125323
CN HUE	HO PHI HUNG	*****411	1	CT10092837-CT10092837
PGD HOANG DIEU	HO PHU NGUYEN	*****860	3	CT10000377-CT10000379
CN NHA TRANG	HO PHUC KHAI	*****618	1	EB10000023-EB10000023
PGD BACH DANG	HO PHUOC THANH	*****576	6	CT10077398-CT10077403
CN DAI AN	HO PHUONG ANH	*****777	4	CT10035618-CT10035621
HUB THE CHAP MN	HO QUANG HUY	*****379	1	CT10036927-CT10036927
CN CAN THO	HO QUANG KIEU	*****311	7	CT10074021-CT10074027
CN AN GIANG	HO QUANG PHUC	*****427	1	CT10053909-CT10053909
PGD TRUONG THI	HO QUOC BAO	*****050	1	EB10001868-EB10001868
CN BINH DUONG	HO QUOC HIEN	*****205	51	DN10020520-DN10020569; EB10000404-EB10000404
CN SAI GON	HO QUOC THANH	*****020	1	CT10033443-CT10033443
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	HO SU KY	*****581	18	CT10155385-CT10155397; TD10003056-TD10003060
CN DA NANG	HO SU THAO LINH	*****470	1	CT10066420-CT10066420
CN NGHE AN	HO SY QUAN	*****265	4	CT10046780-CT10046783
PGD LANG THUONG	HO SY VUONG	*****491	12	CT10091016-CT10091027
PGD DIEN BIEN PHU	HO TA CUONG	*****780	1	EB10001829-EB10001829
PGD CAM RANH	HO TAC VA	*****845	10	DN10076668-DN10076677
CN NHA TRANG	HO TAN DAI	*****546	1	CT10090395-CT10090395
CN DONG NAI	HO TAN TAI	*****034	52	DN10106396-DN10106446; EB10002574-EB10002574
PGD LENIN	HO TAT THANG	*****040	1	EB10001109-EB10001109
CN NGHE AN	HO THANH BINH	*****602	2	CT10104585-CT10104586

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD PHU MY - BINH DINH	HO THANH HA	*****729	1	CT10039659-CT10039659
CN CAU GIAY	HO THANH HAI	*****161	25	CT10059092-CT10059116
CN TIEN GIANG	HO THANH PHUONG	*****271	5	CT10150868-CT10150872
SEABANK LE DUAN	HO THANH SON HA	*****505	1	CT10042683-CT10042683
CN BINH DINH	HO THANH TAN	*****525	1	CT10054681-CT10054681
PGD NGUYEN THAI SON	HO THANH TRI	*****636	3	CT10049011-CT10049013
PGD AU CO	HO THE HUNG	*****614	1	EB10000546-EB10000546
CN DA NANG	HO THE VINH	*****418	3	CT10073045-CT10073047
CN DAI AN	HO THI BACH NGOC	*****572	6	CT10127077-CT10127082
CN CAU GIAY	HO THI BICH HUE	*****836	24	CT10008386-CT10008409
PGD CONG HOA	HO THI BICH NGAN	*****706	3	CT10114411-CT10114413
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO THI BICH NGUYET	*****702	1	CT10098637-CT10098637
PGD HOANG DIEU	HO THI CAM TU	*****576	5	CT10092888-CT10092892
PGD XUAN KHANH	HO THI CHUC LINH	*****929	7	CT10035056-CT10035062
CN SAI GON	HO THI CUC	*****367	1	CT10087819-CT10087819
PGD QUANG PHU	HO THI DONG	*****290	3	DN10106553-DN10106555
CN TAN PHU	HO THI DUNG	*****267	5	CT10125324-CT10125328
CN TAN BINH	HO THI GIAU	*****560	5	TD10004676-TD10004680
PGD VAN XUAN	HO THI HA	*****538	9	CT10092927-CT10092935
PGD PHU MY - BINH DINH	HO THI HAN	*****792	5	DN10051372-DN10051376
CN TP. HO CHI MINH	HO THI HIEU	*****396	6	CT10150633-CT10150633; TD10002091-TD10002095
SEABANK LE DUAN	HO THI HONG	*****096	25	CT10124398-CT10124422
CN BINH DINH	HO THI HONG	*****328	20	DN10077469-DN10077488
HUB THE CHAP MN	HO THI HONG ANH	*****089	50	DN10036159-DN10036208
PGD XUAN KHANH	HO THI HONG DUNG	*****049	2	CT10022798-CT10022799
CN HUE	HO THI HONG PHUOC	*****233	5	CT10050743-CT10050747
PGD TON THAT TUNG	HO THI HONG THAM	*****151	1	CT10080897-CT10080897
PGD PHU MY - BINH DINH	HO THI HONG THU	*****064	5	DN10094651-DN10094655
CN HUE	HO THI HONG VAN	*****094	101	CT10016738-CT10016738; DN10027821-DN10027920

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	HO THI HUONG	*****296	4	DN10071352-DN10071355
PGD SAO MAI	HO THI HUONG	*****770	1	CT10017632-CT10017632
PGD Krong Nang	HO THI KIM ANH	*****141	3	DN10089767-DN10089769
CN BINH DINH	HO THI KIM ANH	*****163	3	DN10090878-DN10090880
PGD TRAN HUNG DAO	HO THI KIM ANH	*****997	95	DN10083839-DN10083933
PGD BACH DANG	HO THI KIM CHUNG	*****036	4	CT10096537-CT10096540
PGD HOA BINH	HO THI KIM DEP	*****715	132	CT10043045-CT10043050; DN10068373-DN10068492; EB10001604-EB10001604; TD10001501-TD10001505
PGD PHU MY - BINH DINH	HO THI KIM LIEN	*****530	5	DN10087552-DN10087556
CN SAI GON	HO THI LE QUYEN	*****213	1	EB10002594-EB10002594
CN DAK LAK	HO THI MAI	*****878	4	CT10146689-CT10146692
CN TAN BINH	HO THI MAI TRINH	*****872	1	EB10001072-EB10001072
CN NGHE AN	HO THI MEN	*****426	1	EB10000912-EB10000912
PGD LE QUANG DINH	HO THI MINH HA	*****094	3	CT10124094-CT10124096
CN DA NANG	HO THI MINH NGUYET	*****157	5	TD10001056-TD10001060
PGD HO TUNG MAU	HO THI MINH NGUYET	*****157	3	CT10149312-CT10149314
PGD NGUYEN THAI SON	HO THI MINH TRANG	*****852	5	CT10117473-CT10117477
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO THI MONG LANH	*****630	5	CT10054037-CT10054041
CN DAK LAK	HO THI MY DUNG	*****276	3	DN10039373-DN10039375
PGD Krong Nang	HO THI MY LINH	*****456	3	DN10089770-DN10089772
CN PHU MY HUNG	HO THI MY VAN	*****653	1	CT10162209-CT10162209
CN HAI DUONG	HO THI NGOC	*****285	15	CT10134934-CT10134948
CN DAK LAK	HO THI NGOC ANH	*****845	3	DN10093530-DN10093532
CN CAN THO	HO THI NGOC HAN	*****044	1	CT10123938-CT10123938
PGD DIEN BIEN PHU	HO THI NGOC LINH	*****289	7	CT10109381-CT10109387
PGD TRAN HUNG DAO	HO THI NGOC NHUNG	*****933	6	CT10140861-CT10140866
CN NHA TRANG	HO THI NGOC THACH	*****808	1	EB10000940-EB10000940
PGD NGUYEN SY SACH	HO THI NHU HOA	*****090	15	DN10111855-DN10111869
CN TAN BINH	HO THI NHU MY	*****814	1	CT10057203-CT10057203

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	HO THI NHU NGÀ	*****475	2	CT10060371-CT10060372
PGD QUANG PHU	HO THI NHU TUYET	*****526	4	DN10041852-DN10041855
PGD BOTANIC	HO THI PHUONG YEN	*****433	1	CT10049227-CT10049227
PGD PHU HUNG	HO THI QUE TIEN	*****713	1	EB10002350-EB10002350
CN CAN THO	HO THI QUY AN	*****590	5	CT10099642-CT10099646
CN HUE	HO THI QUYNH NHI	*****013	3	DN10022770-DN10022772
CN DONG NAI	HO THI TAM	*****497	1	CT10092586-CT10092586
PGD BUON DON	HO THI THANH AN	*****182	20	DN10026390-DN10026409
CN DAK LAK	HO THI THANH TAM	*****152	4	DN10069781-DN10069784
CN DA NANG	HO THI THANH THANH	*****679	1	CT10083884-CT10083884
CN DONG NAI	HO THI THANH XUAN	*****600	1	CT10052595-CT10052595
CN DAK LAK	HO THI THAO	*****225	3	DN10000151-DN10000153
CN HUE	HO THI THAO LY	*****460	5	DN10049005-DN10049009
PGD TRAN HUNG DAO	HO THI THAO NGUYEN	*****155	10	CT10105568-CT10105577
PGD TUYEN SON	HO THI THOM	*****378	5	CT10141279-CT10141283
CN SO GIAO DICH	HO THI THU HA	*****772	11	CT10109228-CT10109228; TD10001981-TD10001990
CN SAI GON	HO THI THU HONG	*****474	9	CT10091676-CT10091684
CN BINH DINH	HO THI THUA	*****936	35	DN10026756-DN10026790
CN HA TINH	HO THI THUONG HOAI	*****750	6	CT10022730-CT10022735
PGD QUANG PHU	HO THI THUY	*****310	5	DN10000208-DN10000212
CN DAK LAK	HO THI THUY TIEN	*****739	35	CT10027305-CT10027339
CN BINH DINH	HO THI TOT	*****321	3	DN10052631-DN10052633
CN NGHE AN	HO THI TRANG	*****449	5	CT10109223-CT10109227
SEABANK LE DUAN	HO THI TRI NIEN	*****424	4	CT10023081-CT10023084
CN DA NANG	HO THI TUONG VAN	*****635	7	CT10000005-CT10000011
CN DAK LAK	HO THI TUYET NHUNG	*****251	3	DN10001364-DN10001366
CN AN GIANG	HO THI VEN	*****593	3	DN10048097-DN10048099
CN THANH XUAN	HO THI XUAN HUONG	*****454	3	CT10127241-CT10127243
PGD DAO TAN	HO THI XUAN HUONG	*****866	1	CT10068582-CT10068582
CN QUANG NGAI	HO THI XUAN THU	*****360	5	DN10060756-DN10060760
CN DA NANG	HO THI XUYEN	*****235	1	EB10000357-EB10000357
PGD QUAN 1	HO THIEN NHAN	*****309	2	CT10093399-CT10093400
CN HAI AN	HO THU HANG	*****230	13	CT10073286-CT10073298
CN DAI AN	HO THU HUONG	*****809	11	CT10057716-CT10057726
PGD HAM NGHI	HO THU HUYEN	*****355	1	CT10124900-CT10124900
CN PHU MY HUNG	HO THU TRANG	*****040	1	CT10105600-CT10105600

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	HO THUY CUC	*****193	10	DN10069772-DN10069780; EB10001651-EB10001651
PGD LAC LONG QUAN	HO TO PHUONG	*****733	10	CT10048599-CT10048608
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO TON LOC	*****883	14	CT10017066-CT10017079
CN NHA TRANG	HO TRAN BAO AN	*****128	1	EB10001343-EB10001343
CN DAI AN	HO TRAN TUAN	*****180	1	CT10150444-CT10150444
CN NHA TRANG	HO TRANG	*****749	1	CT10110338-CT10110338
CN DA NANG	HO TRI LUAN	*****663	2	CT10142431-CT10142432
CN NGHE AN	HO TRONG HUU	*****672	2	CT10042717-CT10042718
PGD THAI THINH	HO TRONG THUAT	*****460	58	CT10074468-CT10074525
HUB THE VA TIN CHAP MB	HO TRONG VINH	*****513	21	CT10148124-CT10148144
CN DA NANG	HO TRUNG DUONG	*****815	4	CT10051449-CT10051452
PGD TRAN KHAT CHAN	HO TRUNG THANG	*****873	3	CT10036694-CT10036696
CN DA NANG	HO TU ANH	*****029	3	CT10070333-CT10070335
PGD DI AN	HO TUAN ANH	*****968	4	CT10015115-CT10015118
CN PHU MY HUNG	HO TUAN DAT	*****228	1	CT10027831-CT10027831
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO TUYET HOANG LY LY	*****098	1	CT10159683-CT10159683
PGD PHU LAM	HO VAN DUNG EM	*****070	8	CT10046653-CT10046660
PGD LENIN	HO VAN DUONG	*****655	4	CT10015231-CT10015234
CN HA TINH	HO VAN DUONG	*****737	2	CT10100857-CT10100858
CN NGHE AN	HO VAN GIANG	*****568	35	CT10010485-CT10010519
CN BINH DINH	HO VAN HAI	*****907	15	DN10083617-DN10083631
TT KH CC MIEN BAC 2	HO VAN HUNG	*****138	2	CT10051919-CT10051920
CN NGHE AN	HO VAN LUAN	*****062	3	CT10083266-CT10083268
CN TAN THANH	HO VAN MAM	*****676	1	CT10103646-CT10103646
CN DAK LAK	HO VAN NAM	*****155	18	DN10085645-DN10085662
CN SAI GON	HO VAN QUY	*****093	3	CT10154998-CT10155000
CN KIEN GIANG	HO VAN SON	*****281	5	CT10118067-CT10118071
CN HA TINH	HO VAN SONG	*****424	1	EB10002837-EB10002837
CN TIEN GIANG	HO VAN TIEN	*****257	38	DN10050038-DN10050075
PGD LE QUANG DINH	HO VAN TIEN	*****534	10	CT10083886-CT10083895
CN NGHE AN	HO VIET HOA	*****974	1	CT10077218-CT10077218
CN NGHE AN	HO VIET HUYNH	*****432	1	CT10065455-CT10065455

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO VIET NGOC DIEP	*****053	24	CT10154273-CT10154296
CN NHA TRANG	HO VIET PHUONG GIANG	*****072	1	EB10000373-EB10000373
PGD QUANG PHU	HO VINH PHU	*****248	1	EB10001888-EB10001888
CN DA NANG	HO VU HANH NGUYEN	*****639	1	CT10022709-CT10022709
PGD DAO TAN	HO VU LONG	*****450	2	CT10054092-CT10054093
CN NGHE AN	HO VU NGOC	*****254	2	CT10100015-CT10100016
CN TP. HO CHI MINH	HO VU PHUC CUONG	*****833	5	TD10002006-TD10002010
PGD TRUONG QUANG TRONG	HO XUAN HUONG	*****730	8	CT10081915-CT10081917; TD10008756-TD10008760
CN HA DONG	HO XUAN LAM	*****745	25	CT10107572-CT10107596
PGD NGUYEN SY SACH	HO XUAN MANH	*****395	82	DN10002498-DN10002578; EB10000130-EB10000130
CN DA NANG	HO XUAN PHUONG	*****254	1	CT10134825-CT10134825
CN DA NANG	HO XUAN SON	*****900	1	CT10054972-CT10054972
PGD QUAN THANH	HO XUAN THIET	*****572	12	CT10027608-CT10027619
PGD TAY HO	HO XUAN TRUONG	*****847	50	CT10159047-CT10159096
HUB THE VA TIN CHAP MN	HO Y TRAM	*****247	7	CT10029641-CT10029647
PGD THU DUC	HOA QUANG NUI	*****314	36	DN10047901-DN10047930; EB10000689-EB10000689; TD10010431-TD10010435
PGD THANH CONG	HOA THU TRANG	*****020	2	CT10144465-CT10144466
CN HA NOI	HOA THUY DUONG	*****153	1	CT10151051-CT10151051
CN LANG HA	HOA VAN PHUONG ANH	*****016	10	CT10062372-CT10062381
PGD BACH MAI	HOA XUAN CHIEN	*****537	25	CT10020680-CT10020704
CN SO GIAO DICH	HOANG ANH DUC	*****523	3	CT10163555-CT10163557
PGD TON DAN	HOANG ANH DUNG	*****419	69	DN10007029-DN10007097
CN HAI AN	HOANG ANH DUNG	*****666	1	EB10000452-EB10000452
CN DONG DA	HOANG ANH HAI	*****841	49	CT10077163-CT10077211
CN TP. HO CHI MINH	HOANG ANH LAM	*****539	3	CT10163045-CT10163047
PGD TUYEN SON	HOANG ANH NAM	*****833	5	CT10086764-CT10086768
PGD DAO TAN	HOANG ANH NGUYET	*****423	5	CT10104910-CT10104914
CN BINH DINH	HOANG ANH QUANG	*****107	2	CT10040922-CT10040923
CN HA TINH	HOANG ANH QUOC	*****264	5	CT10139131-CT10139135
CN HA NOI	HOANG ANH TU	*****106	3	CT10014929-CT10014931

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	HOANG ANH TUAN	*****321	6	EB10000778-EB10000778; TD10010971-TD10010975
HUB THE CHAP MB 1	HOANG ANH TUAN	*****480	3	CT10112289-CT10112291
CN THANH XUAN	HOANG ANH TUAN	*****514	52	CT10122243-CT10122294
CN HAI PHONG	HOANG ANH TUAN	*****638	5	CT10073794-CT10073798
PGD NGUYEN HUU HUAN	HOANG ANH TUAN	*****812	111	CT10030032-CT10030142
CN LONG BIEN	HOANG ANH TUAN	*****280	9	CT10071753-CT10071761
PGD DAO TAN	HOANG ANH TUAN	*****733	2	CT10046581-CT10046582
CN SO GIAO DICH	HOANG ANH TUNG	*****695	10	CT10011412-CT10011421
PGD LE LOI	HOANG ANH TUNG	*****838	10	DN10004090-DN10004094; TD10005841-TD10005845
CN THANH HOA	HOANG ANH TUYET	*****365	1	EB10002732-EB10002732
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG ANH YEN	*****011	24	CT10021702-CT10021725
PGD SOC SON	HOANG BA CUU	*****628	5	CT10056038-CT10056042
CN DA NANG	HOANG BACH TUNG	*****111	5	CT10074399-CT10074403
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG BAO HUNG	*****560	43	CT10044909-CT10044951
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG BAO TRUNG	*****507	1	CT10066714-CT10066714
PGD LACH TRAY 1	HOANG BICH NHUNG	*****740	1	CT10155749-CT10155749
PGD HAN THUYEN	HOANG BINH MINH	*****153	9	CT10100771-CT10100779
PGD VAN XUAN	HOANG CAM	*****496	5	CT10040990-CT10040994
PGD LIM	HOANG CAO SON	*****305	10	CT10017635-CT10017644
PGD CONG HOA	HOANG CHAU KIM CHI	*****041	6	CT10155034-CT10155039
CN HAI PHONG	HOANG CHI CONG	*****194	1	CT10034575-CT10034575
CN HAI AN	HOANG CHI TRUNG	*****933	18	CT10026410-CT10026422; TD10010266-TD10010270
PGD MY DINH	HOANG CHI TUNG	*****231	46	CT10033578-CT10033623
PGD TRUONG THI	HOANG CONG THE	*****194	1	EB10002420-EB10002420
PGD THANG LONG	HOANG CONG THIEP	*****299	1	CT10096149-CT10096149
CN DONG DA	HOANG CONG VINH	*****288	1	CT10132284-CT10132284
CN HUE	HOANG DAI HUNG	*****639	8	CT10113976-CT10113978; TD10002886-TD10002890
HUB THE VA TIN CHAP MN	HOANG DAI KIM	*****615	20	DN10051447-DN10051466
PGD QUAN 11	HOANG DAI KIM	*****615	1	EB10000493-EB10000493
CN HAI PHONG	HOANG DAI THANG	*****155	1	CT10152362-CT10152362

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	HOANG DANG HA	*****094	31	CT10097257-CT10097287
PGD NGUYEN AN NINH	HOANG DANG KHOI	*****895	5	CT10119891-CT10119895
CN HAI AN	HOANG DANG MANH	*****857	1	EB10002298-EB10002298
PGD LAC LONG QUAN	HOANG DANG NGUYEN	*****083	1	CT10080812-CT10080812
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG DIEM HUONG	*****289	12	CT10074429-CT10074440
PGD DAI KIM	HOANG DIEU LINH	*****524	14	CT10127012-CT10127025
CN BAC NINH	HOANG DINH DAI	*****942	23	CT10113459-CT10113481
PGD LAC LONG QUAN	HOANG DINH DU	*****062	4	CT10010793-CT10010796
CN LONG BIEN	HOANG DINH HUNG	*****271	11	EB10000956-EB10000956; TD10002306-TD10002315
CN BAC NINH	HOANG DINH HUONG	*****910	1	CT10097910-CT10097910
PGD THAI THINH	HOANG DINH LUONG	*****120	29	CT10157947-CT10157970; TD10003921-TD10003925
HUB THE CHAP MN	HOANG DINH NAM	*****769	47	DN10007516-DN10007561; EB10000316-EB10000316
PGD VAN XUAN	HOANG DINH NHAN	*****158	7	CT10078200-CT10078206
PGD LE LOI	HOANG DINH PHIEN	*****577	2	CT10058462-CT10058463
CN LONG BIEN	HOANG DINH THANG	*****339	2	CT10120135-CT10120136
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG DINH TRUNG	*****739	7	CT10081322-CT10081328
CN LONG BIEN	HOANG DINH TRUNG	*****807	24	CT10026970-CT10026993
PGD QUAN 1	HOANG DINH UYEN THAO	*****191	6	CT10146988-CT10146993
CN DONG DA	HOANG DINH VUONG	*****018	11	CT10060621-CT10060631
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG DINH XUAN	*****031	24	CT10140987-CT10141010
CN THANH XUAN	HOANG DOAN ANH	*****123	1	EB10000562-EB10000562
CN DA NANG	HOANG DONG ANH	*****010	49	CT10152197-CT10152245
PGD HAI TAN	HOANG DUC HAU	*****410	1	EB10000528-EB10000528
PGD HOANG DIEU	HOANG DUC HIEU	*****005	1	CT10084417-CT10084417
CN LANG HA	HOANG DUC HUNG	*****096	4	CT10043431-CT10043434
PGD NGOC HOI	HOANG DUC HUY	*****968	11	CT10105963-CT10105973
CN THAI NGUYEN	HOANG DUC KHANH	*****212	10	TD10010631-TD10010640
PGD MY DINH	HOANG DUC LOC	*****648	14	CT10052621-CT10052634
CN HA NOI	HOANG DUC MINH	*****206	8	CT10163906-CT10163913
PGD HUNG VUONG	HOANG DUC MINH	*****930	15	CT10029352-CT10029366

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD SOC SON	HOANG DUC NHA	*****599	19	CT10110596-CT10110614
PGD HAI TAN	HOANG DUC QUANG	*****850	1	EB10000687-EB10000687
CN QUANG NINH	HOANG DUC TAM	*****389	1	CT10018940-CT10018940
CN BAC NINH	HOANG DUC THANH	*****127	31	CT10137714-CT10137744
CN HAI PHONG	HOANG DUC THAO	*****466	23	CT10156780-CT10156802
PGD BA RIA	HOANG DUC THUAN	*****909	5	TD10003916-TD10003920
PGD THAI THINH	HOANG DUC TRINH	*****746	21	DN10038163-DN10038182; EB10003143-EB10003143
CN THAI NGUYEN	HOANG DUC TRONG	*****081	5	CT10018230-CT10018234
PGD HAO NAM	HOANG DUC VAN	*****643	12	CT10068775-CT10068786
HUB PAYROLL MB	HOANG DUC VI	*****409	37	CT10098733-CT10098769
CN LANG HA	HOANG DUONG ANH	*****126	11	CT10103567-CT10103577
PGD TIEN AN	HOANG DUY KHANH	*****775	16	CT10160104-CT10160119
PGD TIEN AN	HOANG DUY KHANH	*****989	3	CT10059941-CT10059943
CN HA TINH	HOANG DUY PHUC	*****916	10	CT10120502-CT10120511
PGD THANH SEN	HOANG DUY PHUC	*****916	41	DN10020949-DN10020989
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG GIA MINH	*****539	9	CT10082022-CT10082030
CN HAI AN	HOANG GIA THUY	*****531	1	CT10099841-CT10099841
PGD LAN ONG	HOANG HA	*****080	28	CT10029919-CT10029946
PGD THAI THINH	HOANG HA	*****071	29	CT10154716-CT10154739; TD10003021-TD10003025
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG HA	*****256	16	CT10149200-CT10149215
PGD QUAN THANH	HOANG HA LINH	*****276	4	CT10160430-CT10160433
HUB PAYROLL MB	HOANG HA LY	*****493	1	EB10001298-EB10001298
PGD MY DINH	HOANG HA PHUONG	*****374	15	CT10030992-CT10031006
CN THANH HOA	HOANG HAC HAI	*****182	12	CT10104002-CT10104013
CN TAN PHU	HOANG HAC HAI	*****249	3	CT10122726-CT10122728
CN HAI PHONG	HOANG HAI	*****529	3	CT10152934-CT10152936
PGD TRAN DUY HUNG	HOANG HAI	*****912	1	CT10140351-CT10140351
PGD QUAN 8	HOANG HAI AN	*****335	4	CT10104176-CT10104179
CN PHU MY HUNG	HOANG HAI CHAU	*****734	1	CT10150450-CT10150450
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG HAI HO	*****541	1	CT10053220-CT10053220
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG HAI LINH	*****980	11	CT10019895-CT10019900; TD10009186-TD10009190
PGD TRUNG HOA	HOANG HAI SON	*****917	12	CT10013957-CT10013968
CN NHA TRANG	HOANG HAI SON	*****708	5	TD10001961-TD10001965

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	HOANG HAI YEN	*****098	12	CT10117168-CT10117179
CN CAU GIAY	HOANG HAI YEN	*****963	9	CT10047699-CT10047707
PGD LAN ONG	HOANG HAI YEN	*****557	85	CT10009579-CT10009663
CN DONG DA	HOANG HAI YEN	*****996	9	CT10132623-CT10132631
CN HA DONG	HOANG HAO QUANG	*****693	1	EB10001546-EB10001546
CN DAI AN	HOANG HIEP	*****392	1	CT10104186-CT10104186
PGD TAY HO	HOANG HIEP PHUNG	*****474	1	CT10068133-CT10068133
CN DA NANG	HOANG HIEU	*****995	2	CT10115025-CT10115026
CN DA NANG	HOANG HO NGAN TRINH	*****697	46	CT10030942-CT10030987
PGD VAN XUAN	HOANG HOAI PHUONG	*****239	15	CT10107597-CT10107611
CN DAI AN	HOANG HOAI THU	*****506	1	CT10135148-CT10135148
CN DA NANG	HOANG HONG HA	*****197	1	CT10042256-CT10042256
PGD XUAN LA	HOANG HONG HANH	*****332	22	CT10058181-CT10058202
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG HONG HANH	*****375	21	CT10103835-CT10103855
PGD NGOC HOI	HOANG HONG HANH	*****617	14	CT10015574-CT10015587
CN HA NOI	HOANG HONG NHUNG	*****388	5	TD10010491-TD10010495
CN DAI AN	HOANG HONG NHUNG	*****313	4	CT10132305-CT10132308
CN HA DONG	HOANG HONG PHUC	*****726	23	CT10032061-CT10032083
CN VUNG TAU	HOANG HONG VAN	*****288	7	CT10154867-CT10154873
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG HUNG QUANG	*****679	6	CT10154449-CT10154454
CN HAI PHONG	HOANG HUONG HA	*****828	6	CT10150400-CT10150405
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG HUU HA	*****370	1	CT10156910-CT10156910
CN DAK LAK	HOANG HUU HUY	*****712	15	DN10022150-DN10022164
PGD TON THAT TUNG	HOANG HUU SON	*****236	1	EB10003193-EB10003193
CN THAI NGUYEN	HOANG HUU SON	*****466	2	CT10025649-CT10025650
PGD VINH YEN	HOANG HUU THO	*****028	60	DN10067750-DN10067799; TD10001491-TD10001500
CN DONG DA	HOANG HUY ANH	*****603	24	CT10154497-CT10154520
CN SAI GON	HOANG HUY BINH	*****785	17	CT10037161-CT10037177
CN CAU GIAY	HOANG HUY HUNG	*****505	52	CT10055189-CT10055240
HUB THE VA TIN CHAP MN	HOANG HUY VU	*****020	16	DN10027803-DN10027817; EB10002849-EB10002849
PGD THANG LONG	HOANG HUYEN LY	*****289	1	EB10001354-EB10001354
PGD BA TRIEU	HOANG HUYEN THANH	*****283	3	CT10149197-CT10149199

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	HOANG HUYNH CAM HA	*****330	1	EB10001011-EB10001011
PGD NGOC HOI	HOANG KHAC HOANG	*****594	1	CT10088224-CT10088224
CN DA NANG	HOANG KHAC TUAN	*****156	4	CT10152032-CT10152035
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG KHANH HOA	*****191	25	CT10052429-CT10052453
CN LONG BIEN	HOANG KHUE	*****024	10	TD10010356-TD10010365
HUB PAYROLL MB	HOANG KIEN CUONG	*****084	26	CT10037895-CT10037920
PGD DIEN BIEN PHU	HOANG KIEU NGAN	*****853	1	EB10001271-EB10001271
PGD NGUYEN KHANH TOAN	HOANG KIM ANH	*****327	7	CT10116136-CT10116142
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG KIM NGAN	*****888	9	CT10082720-CT10082728
CN HAI AN	HOANG KIM NGUYEN	*****333	19	CT10023119-CT10023132; TD10009456-TD10009460
CN LANG HA	HOANG KIM PHUONG	*****150	10	TD10004206-TD10004215
PGD NGUYEN CONG TRU	HOANG KIM THOA	*****719	1	CT10095760-CT10095760
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG LE QUYEN	*****947	1	CT10071385-CT10071385
PGD BA RIA	HOANG LE THANH HA	*****710	4	CT10119087-CT10119090
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG LE VIET ANH	*****792	15	CT10118995-CT10119009
PGD LAC LONG QUAN	HOANG LINH	*****942	29	CT10000628-CT10000656
CN HAI AN	HOANG LONG	*****713	1	EB10001447-EB10001447
CN LONG BIEN	HOANG LONG	*****904	116	CT10029477-CT10029486; DN10046530-DN10046629; EB10000655-EB10000655; TD10010351-TD10010355
PGD TRUNG HOA	HOANG MAI ANH	*****650	12	CT10088928-CT10088939
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG MAI LAN	*****049	3	CT10135188-CT10135190
CN SAI GON	HOANG MAI TAI	*****088	1	CT10050923-CT10050923
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG MANH CUONG	*****177	1	CT10106011-CT10106011
PGD LAC LONG QUAN	HOANG MANH CUONG	*****690	15	CT10049768-CT10049782

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN PHU	HOANG MANH DAT	*****850	31	CT10096661-CT10096665; DN10051150-DN10051169; EB10000812-EB10000812; TD10010851-TD10010855
PGD MY DINH	HOANG MANH DUY	*****673	1	EB10000676-EB10000676
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG MANH HA	*****573	3	CT10163400-CT10163402
CN LANG HA	HOANG MANH HIEU	*****692	1	CT10077093-CT10077093
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG MANH HIEU	*****950	18	CT10138380-CT10138397
CN THANH XUAN	HOANG MANH HUNG	*****006	2	CT10137435-CT10137436
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG MANH HUNG	*****159	16	CT10098188-CT10098203
PGD DAO TAN	HOANG MANH HUNG	*****921	2	CT10080992-CT10080993
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG MANH PHU	*****543	14	CT10070658-CT10070671
PGD NGUYEN AN NINH	HOANG MANH QUAN	*****136	49	CT10131820-CT10131868
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG MANH THANG	*****944	25	CT10034055-CT10034079
PGD NGUYEN KHANH TOAN	HOANG MANH THANG	*****578	9	CT10050328-CT10050336
CN LANG HA	HOANG MANH VIET	*****318	12	CT10066051-CT10066062
HUB PAYROLL MB	HOANG MINH	*****173	15	CT10004437-CT10004451
CN TP. HO CHI MINH	HOANG MINH	*****187	1	EB10002921-EB10002921
PGD THANH CONG	HOANG MINH CHINH	*****864	50	CT10008260-CT10008309
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG MINH DUC	*****493	2	CT10044714-CT10044715
CN BAC NINH	HOANG MINH DUC	*****531	1	EB10000985-EB10000985
PGD TRAN PHU	HOANG MINH HAI	*****093	3	CT10078650-CT10078652
CN CAU GIAY	HOANG MINH HAI	*****257	15	CT10096834-CT10096848
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG MINH HIEP	*****032	25	CT10065222-CT10065246
CN DAI AN	HOANG MINH LONG	*****075	1	EB10003065-EB10003065
PGD HO DAC DI	HOANG MINH NHAT	*****972	38	CT10013652-CT10013684; TD10008261-TD10008265
SEABANK LE DUAN	HOANG MINH PHUOC	*****518	4	CT10092106-CT10092109
CN NGHE AN	HOANG MINH PHUONG	*****800	10	DN10083197-DN10083206

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	HOANG MINH SON	*****627	12	CT10145112-CT10145123
CN LONG BIEN	HOANG MINH SY	*****767	11	DN10009023-DN10009032; EB10000359-EB10000359
CN DONG NAI	HOANG MINH THANH	*****966	2	CT10112684-CT10112685
PGD HAO NAM	HOANG MINH THAO	*****826	14	CT10047708-CT10047721
HUB PAYROLL MB	HOANG MINH THIEN	*****616	5	CT10111276-CT10111280
PGD LAC LONG QUAN	HOANG MINH TIEN	*****757	17	CT10159163-CT10159179
PGD NGOC HOI	HOANG MINH TIEN	*****404	4	CT10068365-CT10068368
PGD LAN ONG	HOANG MINH TU	*****653	57	CT10099647-CT10099703
CN SO GIAO DICH	HOANG MINH TUAN	*****872	7	CT10043240-CT10043246
CN DAI AN	HOANG MINH VY	*****582	17	CT10145747-CT10145763
CN LONG BIEN	HOANG MOC CUONG	*****687	4	CT10091685-CT10091688
PGD TRAN PHU	HOANG MY THOA	*****985	1	EB10001611-EB10001611
PGD XUAN LA	HOANG NAM LINH	*****667	14	CT10133424-CT10133437
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG NAM LONG	*****463	25	CT10123650-CT10123674
CN CAU GIAY	HOANG NAM SON	*****099	1	CT10161626-CT10161626
CN LANG HA	HOANG NAM THAI	*****166	1	CT10158776-CT10158776
PGD HAM NGHI	HOANG NANG TRUONG	*****407	1	EB10001819-EB10001819
CN THANH XUAN	HOANG NGOC ANH	*****117	1	CT10002858-CT10002858
CN LONG BIEN	HOANG NGOC ANH	*****112	2	CT10002149-CT10002150
PGD TRUNG HOA	HOANG NGOC ANH	*****840	11	CT10057683-CT10057693
CN CAU GIAY	HOANG NGOC ANH	*****842	1	CT10098687-CT10098687
CN NGHE AN	HOANG NGOC ANH	*****856	13	CT10057855-CT10057867
PGD VAN QUAN	HOANG NGOC BICH	*****062	1	CT10079041-CT10079041
CN SO GIAO DICH	HOANG NGOC BINH	*****709	9	CT10029442-CT10029450
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG NGOC DINH	*****198	32	CT10000448-CT10000479
PGD LIM	HOANG NGOC DOAN	*****675	1	CT10084454-CT10084454
HUB PAYROLL MB	HOANG NGOC HAI	*****798	2	CT10136669-CT10136670
CN HA DONG	HOANG NGOC HIEP	*****347	12	CT10095539-CT10095550
CN HA NOI	HOANG NGOC HUAN	*****165	7	CT10159530-CT10159536
CN TP. HO CHI MINH	HOANG NGOC KHANG	*****906	1	CT10145931-CT10145931
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG NGOC LINH	*****993	5	CT10054687-CT10054691
PGD LAN ONG	HOANG NGOC LINH	*****152	12	CT10018948-CT10018959

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TUYEN SON	HOANG NGOC MINH HIEU	*****588	3	CT10041284-CT10041286
CN HAI PHONG	HOANG NGOC NHUY	*****315	8	CT10127446-CT10127453
PGD XUAN LA	HOANG NGOC OANH	*****399	98	CT10029487-CT10029584
CN DAI AN	HOANG NGOC PHUONG	*****787	2	CT10070346-CT10070347
PGD HO DAC DI	HOANG NGOC QUYNH	*****747	19	CT10041630-CT10041643; TD10001311-TD10001315
CN SO GIAO DICH	HOANG NGOC SON	*****384	8	CT10134604-CT10134611
CN DAI AN	HOANG NGOC SON	*****379	10	CT10079042-CT10079051
CN BINH DUONG	HOANG NGOC TAI	*****332	9	CT10051803-CT10051811
CN THAI NGUYEN	HOANG NGOC TAN	*****227	6	CT10046746-CT10046751
CN HAI PHONG	HOANG NGOC THONG	*****147	14	CT10160602-CT10160615
CN HA DONG	HOANG NGOC THUY	*****550	22	CT10065595-CT10065616
PGD HO TUNG MAU	HOANG NGOC TRAM	*****221	2	CT10128327-CT10128328
CN TP. HO CHI MINH	HOANG NGOC TRANG	*****699	1	CT10085499-CT10085499
CN CA MAU	HOANG NGOC TUNG LY	*****052	1	EB10002671-EB10002671
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG NGOC TUYEN	*****851	17	CT10105118-CT10105124; TD10001736-TD10001745
PGD DI AN	HOANG NGOC UYEN	*****221	70	DN10024111-DN10024180
CN HAI PHONG	HOANG NGOC VAN	*****859	12	CT10138857-CT10138868
CN DAI AN	HOANG NGOC YEN CHI	*****726	23	CT10069349-CT10069371
CN BINH DUONG	HOANG NGUYEN NGOC QUYNH	*****581	1	CT10163524-CT10163524
CN VINH PHUC	HOANG NGUYET ANH	*****483	2	CT10035532-CT10035533
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG NGUYET MINH	*****037	8	CT10146432-CT10146439
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG NHAT LINH	*****987	10	CT10055397-CT10055401; TD10003301-TD10003305
CN CAU GIAY	HOANG NHAT QUANG	*****792	24	CT10097557-CT10097580
CN THAI NGUYEN	HOANG NHU ANH TUAN	*****001	83	CT10158649-CT10158731
PGD QUAN 10	HOANG PHI LONG	*****013	10	CT10091611-CT10091620
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG PHI TUAN	*****187	24	CT10028116-CT10028139
CN HAI PHONG	HOANG PHU CUONG	*****024	1	CT10133265-CT10133265
CN HAI AN	HOANG PHU KY	*****994	1	EB10000945-EB10000945

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	HOANG PHU TUAN	*****676	1	CT10035179-CT10035179
CN HAI PHONG	HOANG PHU VAN	*****183	3	CT10002502-CT10002504
HUB THE CHAP MN	HOANG PHUOC HAI	*****127	1	CT10050071-CT10050071
CN THANH XUAN	HOANG PHUONG THANH	*****321	1	CT10011374-CT10011374
PGD NGOC LAM	HOANG PHUONG THUY	*****736	5	CT10086809-CT10086813
CN DAI AN	HOANG QUAN	*****630	38	CT10020928-CT10020965
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG QUANG BINH	*****796	11	CT10031523-CT10031533
HUB THE VA TIN CHAP MN	HOANG QUANG TRUNG	*****643	20	DN10047693-DN10047712
CN HAI PHONG	HOANG QUANG VINH	*****590	1	CT10149685-CT10149685
PGD TRAN DUY HUNG	HOANG QUOC ANH	*****837	1	CT10033280-CT10033280
CN DONG DA	HOANG QUOC BINH	*****907	12	CT10114996-CT10115007
PGD LACH TRAY 1	HOANG QUOC DAT	*****607	4	CT10064718-CT10064721
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG QUOC DUNG	*****001	10	CT10055371-CT10055380
CN THAI NGUYEN	HOANG QUOC HAI	*****706	6	CT10061888-CT10061893
CN VUNG TAU	HOANG QUOC HIEU	*****828	18	CT10115880-CT10115897
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG QUOC HUNG	*****096	10	CT10114000-CT10114009
PGD VAN QUAN	HOANG QUOC KY	*****595	10	CT10055033-CT10055042
CN SAI GON	HOANG QUOC TUAN	*****336	9	CT10039164-CT10039172
PGD NGUYEN SY SACH	HOANG QUOC VIET	*****503	3	CT10119413-CT10119415
PGD HO TUNG MAU	HOANG QUYNH PHONG	*****873	1	EB10000347-EB10000347
CN SO GIAO DICH	HOANG QUYNH PHUONG	*****292	16	CT10086921-CT10086936
PGD BOTANIC	HOANG SI ANH TUAN	*****366	1	CT10132036-CT10132036
CN DONG DA	HOANG SI LUC	*****643	25	CT10066720-CT10066744
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG SINH THANH	*****134	99	CT10095410-CT10095508
CN HAI AN	HOANG TAI LAM	*****059	1	CT10079074-CT10079074
CN DAI AN	HOANG TAT DAT	*****954	3	CT10048134-CT10048136
CN HAI PHONG	HOANG THAI BAO	*****280	1	CT10111896-CT10111896
PGD VAN QUAN	HOANG THAI NGOC LY	*****901	1	EB10002543-EB10002543

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	HOANG THANG LONG	*****190	1	EB10002431-EB10002431
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THANH	*****539	3	CT10046501-CT10046503
CN DA NANG	HOANG THANH BINH	*****961	1	EB10001978-EB10001978
PGD LE THAI TO	HOANG THANH BINH	*****457	3	CT10097085-CT10097087
PGD TRUNG HOA	HOANG THANH HAI	*****557	7	CT10033903-CT10033909
CN DA NANG	HOANG THANH HAI	*****877	4	CT10004821-CT10004824
CN NGHE AN	HOANG THANH HANH	*****305	36	DN10088602-DN10088631; EB10002184-EB10002184; TD10004431-TD10004435
PGD VAN QUAN	HOANG THANH HUNG	*****733	5	CT10028871-CT10028875
PGD NGO GIA TU	HOANG THANH LOAN	*****520	75	CT10094724-CT10094798
PGD NUI THANH	HOANG THANH MINH	*****797	7	CT10017573-CT10017579
PGD HA LONG	HOANG THANH SON	*****420	1	CT10104674-CT10104674
PGD HAN THUYEN	HOANG THANH THUY	*****183	1	EB10000919-EB10000919
PGD TO HIEU	HOANG THANH THUY	*****544	35	DN10045969-DN10045998; TD10010176-TD10010180
CN DAI AN	HOANG THANH TU	*****400	2	CT10003882-CT10003883
HUB PAYROLL MB	HOANG THANH TUNG	*****360	25	CT10083201-CT10083225
CN NHA TRANG	HOANG THANH TUNG	*****826	2	CT10151337-CT10151338
CN HAI DUONG	HOANG THANH TUNG	*****663	3	CT10007430-CT10007432
PGD LE LOI	HOANG THANH VU	*****264	77	CT10151981-CT10151987; DN10100863-DN10100922; TD10002936-TD10002945
CN DAI AN	HOANG THAO HUYEN	*****435	34	CT10147539-CT10147572
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THE CAN	*****017	7	CT10013685-CT10013691
CN HAI AN	HOANG THE CUONG	*****194	14	CT10033972-CT10033980; TD10000076-TD10000080
CN HA DONG	HOANG THE HOC	*****211	1	EB10001547-EB10001547
PGD THANH CONG	HOANG THE HUY	*****641	17	CT10012450-CT10012466
PGD HA LONG	HOANG THE KHAI	*****081	6	DN10004899-DN10004903; EB10000209-EB10000209
CN DAI AN	HOANG THE SON	*****656	17	CT10085544-CT10085560
CN DAI AN	HOANG THE TUNG	*****662	1	CT10027242-CT10027242
PGD HO DAC DI	HOANG THE VIET	*****375	11	CT10105557-CT10105567
CN THAI NGUYEN	HOANG THI ANH	*****796	79	DN10101664-DN10101731; EB10001172-EB10001172; TD10003031-TD10003040

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	HOANG THI ANH HONG	*****088	2	CT10088583-CT10088584
CN LANG HA	HOANG THI ANH PHUONG	*****632	7	CT10004805-CT10004811
SEABANK LE DUAN	HOANG THI ANH TRANG	*****017	9	DN10047484-DN10047487; TD10010401-TD10010405
PGD BACH MAI	HOANG THI BICH LUAN	*****132	70	CT10147215-CT10147284
PGD TRAN DUY HUNG	HOANG THI BINH	*****954	1	EB10000727-EB10000727
PGD HA LONG	HOANG THI CHI	*****721	9	DN10108050-DN10108058
CN DONG DA	HOANG THI DIEU LINH	*****952	1	EB10000206-EB10000206
CN TAN BINH	HOANG THI DIEU THUY	*****903	12	CT10076795-CT10076806
CN NGHE AN	HOANG THI DUNG	*****183	81	DN10045889-DN10045968; EB10000640-EB10000640
CN BAC NINH	HOANG THI DUNG	*****587	80	DN10046818-DN10046897
CN VUNG TAU	HOANG THI DUYEN	*****010	3	CT10105578-CT10105580
PGD XUAN LA	HOANG THI GIANG	*****836	56	CT10070408-CT10070463
CN NGHE AN	HOANG THI HA	*****870	36	CT10008342-CT10008377
PGD NGOC LAM	HOANG THI HAI YEN	*****677	2	CT10077216-CT10077217
PGD NGUYEN HUU HUAN	HOANG THI HANG	*****751	1	CT10050230-CT10050230
PGD HO TUNG MAU	HOANG THI HANG	*****653	37	CT10122678-CT10122714
CN CAU GIAY	HOANG THI HANH	*****065	50	CT10102992-CT10103041
CN DAK LAK	HOANG THI HANH	*****359	5	DN10050033-DN10050037
CN DONG NAI	HOANG THI HIEN	*****216	5	CT10018657-CT10018661
CN LANG HA	HOANG THI HIEN	*****345	24	CT10021622-CT10021645
PGD HA LONG	HOANG THI HIEN	*****358	3	DN10019664-DN10019666
PGD NGUYEN VAN CU	HOANG THI HIEN	*****422	6	DN10077721-DN10077725; EB10001902-EB10001902
PGD LAC LONG QUAN	HOANG THI HIEN	*****938	17	CT10149073-CT10149089
CN HUE	HOANG THI HIEU	*****994	5	TD10000741-TD10000745
PGD BOTANIC	HOANG THI HOA	*****058	2	CT10159728-CT10159729
CN HAI AN	HOANG THI HOA	*****177	1	CT10161315-CT10161315
CN QUANG NINH	HOANG THI HOA	*****579	1	CT10044459-CT10044459
PGD LIM	HOANG THI HOA	*****346	3	DN10099806-DN10099808
CN SAI GON	HOANG THI HOAI	*****712	5	TD10010911-TD10010915

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI HONG	*****664	25	CT10156501-CT10156525
PGD THANH CONG	HOANG THI HONG LIEN	*****937	17	CT10045473-CT10045489
PGD MY DINH	HOANG THI HONG NHUNG	*****125	1	EB10000710-EB10000710
PGD VAN QUAN	HOANG THI HONG NHUNG	*****303	1	CT10010282-CT10010282
PGD XUAN LA	HOANG THI HONG NHUNG	*****613	14	CT10019881-CT10019894
PGD KIM VAN	HOANG THI HONG NHUNG	*****902	57	CT10021056-CT10021112
CN TP. HO CHI MINH	HOANG THI HONG VAN	*****690	8	CT10064627-CT10064629; TD10005501-TD10005505
PGD BOTANIC	HOANG THI HUE	*****065	3	CT10041380-CT10041382
PGD KHAM THIEN	HOANG THI HUE	*****814	1	EB10000112-EB10000112
CN VUNG TAU	HOANG THI HUNG	*****962	1	CT10115171-CT10115171
PGD HO TUNG MAU	HOANG THI HUONG	*****162	46	DN10097756-DN10097800; EB10001053-EB10001053
PGD HONG BANG	HOANG THI HUONG	*****547	1	EB10002274-EB10002274
CN HUE	HOANG THI HUONG	*****478	3	DN10027335-DN10027337
PGD PHO YEN	HOANG THI HUONG	*****595	1	CT10009946-CT10009946
PGD HO TUNG MAU	HOANG THI HUONG	*****704	23	CT10013107-CT10013129
PGD NGUYEN SY SACH	HOANG THI HUONG	*****768	15	CT10111541-CT10111550; TD10002616-TD10002620
HUB THE CHAP MB 2	HOANG THI HUYEN	*****524	22	CT10150269-CT10150290
CN DA NANG	HOANG THI HUYEN NHI	*****689	5	TD10004871-TD10004875
PGD BA RIA	HOANG THI HUYNH LOAN	*****472	10	CT10001324-CT10001333
PGD TRUNG HOA	HOANG THI KHANH HUYEN	*****175	4	CT10083330-CT10083333
PGD TRAN PHU	HOANG THI KHANH VAN	*****164	14	CT10068250-CT10068263
CN HA NOI	HOANG THI KIM ANH	*****750	1	CT10147293-CT10147293
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI KIM HOA	*****934	24	CT10150348-CT10150371
PGD NUI THANH	HOANG THI KINH	*****683	10	CT10074084-CT10074093

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI DUONG	HOANG THI LAN	*****498	5	DN10029436-DN10029440
CN BAC NINH	HOANG THI LAN	*****254	3	CT10007104-CT10007106
CN DAK LAK	HOANG THI LAN	*****521	3	DN10009375-DN10009377
PGD LANG THUONG	HOANG THI LAN	*****939	13	CT10101788-CT10101800
CN HUE	HOANG THI LAN ANH	*****412	1	CT10041853-CT10041853
HUB PAYROLL MB	HOANG THI LAN ANH	*****980	25	CT10085265-CT10085289
PGD LACH TRAY 2	HOANG THI LAN HUONG	*****938	3	CT10076727-CT10076729
CN HUE	HOANG THI LE HIEU	*****478	1	CT10157557-CT10157557
CN BAC NINH	HOANG THI LIEN	*****400	1	EB10002369-EB10002369
CN THANH HOA	HOANG THI LINH	*****331	22	DN10070306-DN10070327
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI LINH	*****753	3	CT10158560-CT10158562
CN THANH HOA	HOANG THI LOAN	*****082	10	TD10008776-TD10008785
CN HUE	HOANG THI LOC	*****190	1	CT10011029-CT10011029
PGD XUAN LA	HOANG THI LOI	*****270	50	CT10028252-CT10028301
CN BAC NINH	HOANG THI LUU	*****903	5	DN10049847-DN10049851
CN SO GIAO DICH	HOANG THI LY	*****371	5	CT10147470-CT10147474
CN HUE	HOANG THI LY LY	*****499	8	CT10087066-CT10087073
CN HA DONG	HOANG THI MAI	*****178	10	CT10035889-CT10035898
PGD LENIN	HOANG THI MAI	*****305	2	CT10089253-CT10089254
CN TP. HO CHI MINH	HOANG THI MAI	*****983	1	EB10000238-EB10000238
CN LONG BIEN	HOANG THI MAI HOA	*****597	25	CT10095036-CT10095060
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI MAI LAN	*****436	99	CT10004313-CT10004411
CN THAI NGUYEN	HOANG THI MAI LOAN	*****258	1	CT10085543-CT10085543
CN HAI AN	HOANG THI MAN	*****306	1	CT10132875-CT10132875
PGD THAI THINH	HOANG THI MINH	*****126	71	CT10027510-CT10027580
CN HUE	HOANG THI MINH HUONG	*****919	1	CT10103512-CT10103512
PGD MY DINH	HOANG THI MINH LY	*****486	1	CT10046824-CT10046824
PGD DONG SON	HOANG THI MINH NGA	*****028	15	CT10026057-CT10026071
CN DA NANG	HOANG THI MINH PHUONG	*****555	47	CT10128839-CT10128885
CN HAI DUONG	HOANG THI MINH THANH	*****052	10	CT10079311-CT10079320
CN HUE	HOANG THI MINH THU	*****699	2	CT10051679-CT10051680

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG THI MINH THU	*****867	8	CT10001871-CT10001878
CN HAI AN	HOANG THI MINH THUY	*****898	2	CT10059930-CT10059931
CN DONG DA	HOANG THI MINH TRANG	*****793	1	EB10000205-EB10000205
CN VINH PHUC	HOANG THI MINH TUYEN	*****456	49	CT10031746-CT10031794
CN HAI DUONG	HOANG THI MOI	*****563	1	EB10002591-EB10002591
CN DA NANG	HOANG THI MONG TUYEN	*****900	1	CT10149580-CT10149580
CN SO GIAO DICH	HOANG THI MY DUNG	*****553	1	EB10001745-EB10001745
CN SO GIAO DICH	HOANG THI MY HOA	*****854	3	CT10043957-CT10043959
CN HA DONG	HOANG THI NAM	*****521	1	CT10129824-CT10129824
PGD LACH TRAY 2	HOANG THI NGA	*****687	1	CT10108532-CT10108532
CN HAI AN	HOANG THI NGA	*****793	10	TD10010671-TD10010680
CN DONG DA	HOANG THI NGA	*****967	15	CT10135191-CT10135205
PGD QUANG PHU	HOANG THI NGHIEM	*****977	1	EB10003281-EB10003281
CN THANH XUAN	HOANG THI NGHIN	*****149	25	CT10114698-CT10114722
PGD HANG KENH	HOANG THI NGOC	*****686	1	CT10080907-CT10080907
CN TAN BINH	HOANG THI NGOC CHAU	*****598	6	CT10076450-CT10076455
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THI NGOC LAN	*****566	1	CT10054505-CT10054505
CN SO GIAO DICH	HOANG THI NGOC THUONG	*****838	2	CT10013780-CT10013781
CN TP. HO CHI MINH	HOANG THI NGOC THUY	*****508	1	CT10068733-CT10068733
CN DA NANG	HOANG THI NGOC THUY	*****860	8	CT10021210-CT10021212; TD10009331-TD10009335
SEABANK LE DUAN	HOANG THI NGOC TRANG	*****803	7	CT10129435-CT10129441
CN NGHE AN	HOANG THI NHAT LINH	*****707	10	CT10059858-CT10059867
CN HAI AN	HOANG THI NHIEM	*****246	1	EB10001976-EB10001976
CN HUE	HOANG THI NHU NGOC	*****265	3	CT10129995-CT10129997
CN TP. HO CHI MINH	HOANG THI NHU NGOC	*****979	25	CT10140022-CT10140046

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 11	HOANG THI NHU THAO	*****480	2	CT10140394-CT10140395
CN SO GIAO DICH	HOANG THI OANH	*****109	1	EB10000076-EB10000076
CN HAI AN	HOANG THI OANH	*****524	2	CT10044182-CT10044183
CN HAI DUONG	HOANG THI PHI	*****060	8	CT10155355-CT10155362
CN SAI GON	HOANG THI PHUC	*****153	8	CT10117904-CT10117911
SEABANK LE DUAN	HOANG THI PHUONG	*****693	9	CT10091693-CT10091700; EB10003305-EB10003305
PGD DAO TAN	HOANG THI PHUONG CHI	*****245	1	EB10001995-EB10001995
PGD VINH HOANG	HOANG THI PHUONG DUNG	*****451	2	CT10104030-CT10104031
PGD HO GUOM	HOANG THI PHUONG LAN	*****524	17	CT10011662-CT10011673; TD10007651-TD10007655
CN CAU GIAY	HOANG THI PHUONG LOAN	*****574	5	CT10044005-CT10044009
CN SO GIAO DICH	HOANG THI PHUONG THANH	*****032	2	CT10056016-CT10056017
CN THAI NGUYEN	HOANG THI PHUONG THANH	*****847	56	DN10005935-DN10005984; EB10000250-EB10000250; TD10006136-TD10006140
PGD TAY HO	HOANG THI QUANG	*****042	9	CT10045173-CT10045181
CN HAI AN	HOANG THI QUY	*****421	5	CT10101439-CT10101443
PGD LACH TRAY 2	HOANG THI QUYEN	*****388	6	CT10043540-CT10043545
CN BAC NINH	HOANG THI QUYNH	*****418	1	EB10002716-EB10002716
PGD NGUYEN SY SACH	HOANG THI QUYNH	*****501	1	EB10001202-EB10001202
CN HA DONG	HOANG THI QUYNH HOA	*****171	12	CT10032911-CT10032917; TD10000006-TD10000010
CN DAK LAK	HOANG THI QUYNH LOAN	*****368	14	CT10154124-CT10154137
CN VUNG TAU	HOANG THI SEN	*****065	8	DN10079474-DN10079481
PGD QUANG PHU	HOANG THI SEN	*****835	5	DN10094857-DN10094861
CN DAK LAK	HOANG THI SUU	*****420	4	DN10101269-DN10101272
PGD QUANG PHU	HOANG THI TAM	*****585	3	DN10032149-DN10032151
PGD XUAN LA	HOANG THI THANH	*****654	15	CT10019270-CT10019284
CN LANG HA	HOANG THI THANH HUONG	*****841	1	CT10068279-CT10068279
PGD NGUYEN SY SACH	HOANG THI THANH HUYEN	*****108	15	CT10011779-CT10011793

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	HOANG THI THANH THAO	*****981	3	CT10019306-CT10019308
CN DA NANG	HOANG THI THANH TUYEN	*****540	4	CT10021696-CT10021699
CN DONG NAI	HOANG THI THANH XUAN	*****325	8	CT10055134-CT10055141
CN CAU GIAY	HOANG THI THAO	*****307	406	CT10086314-CT10086432; DN10032965-DN10033240; EB10002980-EB10002980; TD10009001-TD10009010
CN HAI PHONG	HOANG THI THAO	*****686	5	CT10075139-CT10075143
PGD NGO GIA TU	HOANG THI THAO	*****388	30	DN10068343-DN10068372
PGD TRAN PHU	HOANG THI THAO LINH	*****070	1	EB10002206-EB10002206
PGD KIM VAN	HOANG THI THOM	*****371	4	CT10115680-CT10115683
PGD NGUYEN KHANH TOAN	HOANG THI THOM	*****491	13	CT10064680-CT10064692
CN THANH XUAN	HOANG THI THU	*****026	17	CT10099371-CT10099387
CN THAI NGUYEN	HOANG THI THU	*****583	25	CT10164322-CT10164346
CN HAI AN	HOANG THI THU	*****934	12	CT10035310-CT10035316; TD10000146-TD10000150
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THI THU	*****995	16	CT10141621-CT10141636
CN THANH XUAN	HOANG THI THU HA	*****347	1	CT10079685-CT10079685
PGD HONG BANG	HOANG THI THU HANG	*****320	1	EB10002571-EB10002571
CN DAI AN	HOANG THI THU HANG	*****900	20	CT10035390-CT10035404; TD10000196-TD10000200
CN HA DONG	HOANG THI THU HIEN	*****075	1	CT10042743-CT10042743
CN CAU GIAY	HOANG THI THU HIEN	*****403	9248	DN10009378-DN10018625
PGD YEN PHU	HOANG THI THU HIEN	*****403	6	CT10052880-CT10052885
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THI THU HUONG	*****298	4	CT10133993-CT10133996
PGD XUAN LA	HOANG THI THU HUONG	*****059	20	CT10036074-CT10036093
CN CAU GIAY	HOANG THI THU HUONG	*****206	8	CT10137451-CT10137458
PGD DAI TU	HOANG THI THU HUONG	*****540	1	EB10000980-EB10000980
CN HUE	HOANG THI THU HUONG	*****632	2	CT10129478-CT10129479

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO GUOM	HOANG THI THU HUONG	*****423	2	CT10110071-CT10110072
PGD LAC LONG QUAN	HOANG THI THU HUYEN	*****369	15	CT10010260-CT10010274
PGD LE THANH TONG	HOANG THI THU HUYEN	*****140	4	CT10043015-CT10043018
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THI THU LAI	*****103	1	EB10000734-EB10000734
CN DAK LAK	HOANG THI THU PHUONG	*****166	2	CT10015265-CT10015266
CN HAI PHONG	HOANG THI THU THUY	*****584	8	CT10044465-CT10044472
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI THU THUY	*****315	1	CT10096693-CT10096693
CN SO GIAO DICH	HOANG THI THU TRANG	*****186	253	DN10035425-DN10035677
CN HAI AN	HOANG THI THU TRANG	*****398	30	CT10145956-CT10145960; DN10064726-DN10064740; TD10000786-TD10000795
PGD TON THAT TUNG	HOANG THI THU VAN	*****627	8	CT10051441-CT10051448
CN NGHE AN	HOANG THI THUAN	*****664	13	CT10106897-CT10106909
CN HAI AN	HOANG THI THUY	*****273	12	CT10014761-CT10014772
CN PHU MY HUNG	HOANG THI THUY	*****442	1	CT10051038-CT10051038
CN DAI AN	HOANG THI THUY	*****883	1	CT10073320-CT10073320
CN SO GIAO DICH	HOANG THI THUY DUNG	*****592	2	CT10082008-CT10082009
CN SO GIAO DICH	HOANG THI THUY HUYEN	*****115	1	CT10120138-CT10120138
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THI THUY KIEU	*****539	25	CT10126275-CT10126299
SEABANK LE DUAN	HOANG THI THUY MY	*****804	8	CT10112754-CT10112761
PGD HONG BANG	HOANG THI THUY TRANG	*****757	2	CT10116638-CT10116639
PGD NGUYEN SY SACH	HOANG THI THUY TRANG	*****337	1	CT10029253-CT10029253
CN HUE	HOANG THI TO UYEN	*****736	2	CT10007354-CT10007355
CN LANG HA	HOANG THI TRANG	*****274	1	EB10000391-EB10000391
PGD NGUYEN VAN CU	HOANG THI TRANG	*****477	11	CT10054109-CT10054119

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	HOANG THI TRINH	*****176	2	CT10118058-CT10118059
CN LONG BIEN	HOANG THI TU ANH	*****167	10	CT10079686-CT10079695
PGD QUAN 1	HOANG THI TUONG VI	*****512	1	EB10000322-EB10000322
PGD QUANG PHU	HOANG THI TUYET	*****066	3	DN10083940-DN10083942
CN LANG HA	HOANG THI UT TAM	*****433	44	CT10044710-CT10044713; DN10094190-DN10094224; TD10002251-TD10002255
CN THANH HOA	HOANG THI VAN	*****261	1	EB10002419-EB10002419
PGD NGUYEN VAN CU	HOANG THI VAN ANH	*****655	5	TD10009866-TD10009870
PGD TRUONG THI	HOANG THI VAN NGA	*****168	1	CT10152666-CT10152666
PGD TRAN NGUYEN HAN	HOANG THI VIEN	*****876	1	EB10000141-EB10000141
PGD TON DAN	HOANG THI VINH	*****769	24	CT10037643-CT10037666
PGD DONG SON	HOANG THI VUI	*****215	55	DN10062939-DN10062988; TD10000761-TD10000765
PGD NGUYEN AN NINH	HOANG THI XUAN AN	*****481	1	EB10001078-EB10001078
PGD QUANG PHU	HOANG THI YEN	*****065	4	DN10053372-DN10053375
CN HAI AN	HOANG THI YEN	*****917	1	EB10001181-EB10001181
CN VUNG TAU	HOANG THI YEN NHI	*****957	1	CT10031799-CT10031799
CN HA DONG	HOANG THO MANH	*****999	10	TD10010601-TD10010610
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THU HA	*****011	24	CT10073820-CT10073843
PGD NGUYEN HUU HUAN	HOANG THU HA	*****039	2	CT10124851-CT10124852
CN HA NOI	HOANG THU HANG	*****808	7	CT10048019-CT10048025
CN DAI AN	HOANG THU HANG	*****904	1	EB10002614-EB10002614
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG THU HIEN	*****428	14	CT10034842-CT10034855
CN THAI NGUYEN	HOANG THU HIEN	*****920	10	TD10009831-TD10009840
PGD PHO YEN	HOANG THU HIEN	*****920	10	CT10072480-CT10072489
PGD THANH CONG	HOANG THU HUONG	*****040	2	CT10076408-CT10076409
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THU HUYEN	*****859	3	CT10002720-CT10002722
CN SO GIAO DICH	HOANG THU NGOC	*****961	7	CT10013409-CT10013415
PGD BACH MAI	HOANG THU PHUONG	*****080	1	CT10034367-CT10034367
CN THANH XUAN	HOANG THU PHUONG	*****226	5	CT10040895-CT10040899
SEABANK LE DUAN	HOANG THU THAO	*****749	1	CT10133740-CT10133740

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG THU THUY	*****788	1	CT10078693-CT10078693
PGD NGUYEN HUU HUAN	HOANG THUY ANH	*****143	1	EB10000024-EB10000024
PGD SOC SON	HOANG THUY BINH	*****972	2	CT10015287-CT10015288
CN DONG DA	HOANG THUY DUNG	*****261	11	CT10104271-CT10104281
CN HA NOI	HOANG THUY DUONG	*****070	1	CT10095612-CT10095612
CN DAI AN	HOANG THUY LINH	*****964	20	CT10113980-CT10113999
CN VINH PHUC	HOANG THUY NGA	*****328	5	TD10000201-TD10000205
CN NHA TRANG	HOANG THUY NGOC TRUC	*****271	1	EB10002696-EB10002696
CN NHA TRANG	HOANG THUY PHONG	*****778	1	CT10046638-CT10046638
CN LANG HA	HOANG THUY VAN	*****946	1	CT10159321-CT10159321
PGD HO TUNG MAU	HOANG TIEN DUNG	*****172	6	CT10096861-CT10096866
PGD TRAN DUY HUNG	HOANG TIEN HUNG	*****441	10	TD10004721-TD10004730
PGD LE CHAN	HOANG TIEN KIEN	*****996	60	DN10064760-DN10064819
PGD LAC LONG QUAN	HOANG TIEN MANH	*****062	7	CT10158163-CT10158169
PGD DAI KIM	HOANG TIEN THANH	*****553	15	CT10045581-CT10045595
PGD VAN XUAN	HOANG TIEN TRUNG	*****043	9	CT10063727-CT10063735
CN TAN THANH	HOANG TO NGOC HOA	*****953	1	CT10055779-CT10055779
PGD HO GUOM	HOANG TONG KHANH LINH	*****457	4	CT10096559-CT10096562
PGD KIM VAN	HOANG TRAN NAM	*****186	1	EB10000314-EB10000314
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG TRAN THIEP	*****739	5	CT10135139-CT10135143
CN HAI PHONG	HOANG TRONG LONG	*****804	10	TD10000711-TD10000720
CN HAI PHONG	HOANG TRONG MINH	*****367	230	DN10067011-DN10067240
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG TRONG QUYET	*****002	4	CT10007654-CT10007657
CN VINH PHUC	HOANG TRONG TAN	*****988	2	CT10058651-CT10058652
CN HUE	HOANG TRONG THANH	*****340	1	CT10024562-CT10024562
CN THAI NGUYEN	HOANG TRONG VINH	*****376	84	DN10063172-DN10063255
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG TRUC QUYNH	*****044	9	CT10038452-CT10038460
PGD LY THUONG KIET-DN	HOANG TRUNG	*****561	2	CT10082405-CT10082406

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	HOANG TRUNG CHINH	*****812	41	CT10095952-CT10095992
PGD HAO NAM	HOANG TRUNG HIEU	*****731	11	CT10092917-CT10092922; TD10010616-TD10010620
PGD NGUYEN THAI SON	HOANG TRUNG HIEU	*****975	24	CT10140774-CT10140797
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG TRUNG KIEN	*****446	24	CT10106873-CT10106896
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG TRUNG KIEN	*****523	4	CT10021549-CT10021552
CN DA NANG	HOANG TRUNG TIEN	*****111	6	CT10146208-CT10146213
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG TU ANH	*****343	10	CT10013325-CT10013334
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG TU DUY	*****109	5	CT10101758-CT10101762
PGD BA TRIEU	HOANG TUAN	*****702	2	CT10029251-CT10029252
PGD TUYEN SON	HOANG TUAN ANH	*****023	1	EB10002181-EB10002181
PGD KIM VAN	HOANG TUAN ANH	*****353	1	EB10002549-EB10002549
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG TUAN ANH	*****475	24	CT10058386-CT10058409
HUB PAYROLL MB	HOANG TUAN ANH	*****706	20	CT10153592-CT10153611
CN SO GIAO DICH	HOANG TUAN ANH	*****781	3	CT10069578-CT10069580
CN TAN BINH	HOANG TUAN NGHIA	*****456	6	CT10040437-CT10040442
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG TUNG	*****301	10	TD10000701-TD10000710
PGD NGUYEN KHANH TOAN	HOANG TUNG	*****143	5	CT10045494-CT10045498
CN HAI PHONG	HOANG VAN AN	*****117	14	CT10051396-CT10051409
PGD THANH SEN	HOANG VAN BINH	*****487	55	DN10049420-DN10049474
PGD TAY HO	HOANG VAN CAU	*****905	1	CT10148496-CT10148496
CN DAI AN	HOANG VAN CHAU	*****277	5	CT10106000-CT10106004
PGD CAM PHA	HOANG VAN CHUNG	*****739	15	CT10090546-CT10090560
CN HAI PHONG	HOANG VAN CONG	*****648	2	CT10141354-CT10141355
CN HAI PHONG	HOANG VAN CONG	*****741	1	CT10091660-CT10091660
CN LANG HA	HOANG VAN CUONG	*****203	65	CT10130880-CT10130944
CN THAI NGUYEN	HOANG VAN DAI	*****822	1	CT10140908-CT10140908
CN HAI PHONG	HOANG VAN DAT	*****899	10	CT10011114-CT10011123
PGD TU SON	HOANG VAN DAT	*****652	1	EB10000345-EB10000345
CN HA DONG	HOANG VAN DONG	*****673	35	CT10097780-CT10097804; TD10011046-TD10011055

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 1	HOANG VAN DUC	*****550	85	CT10066481-CT10066490; DN10001527-DN10001596; TD10005561-TD10005565
CN HAI PHONG	HOANG VAN DUNG	*****900	37	CT10044827-CT10044853; TD10002156-TD10002165
PGD DI AN	HOANG VAN DUNG	*****022	2	CT10044074-CT10044075
CN QUANG NINH	HOANG VAN DUNG	*****959	12	CT10148639-CT10148650
CN HAI PHONG	HOANG VAN DUONG	*****501	8	CT10032955-CT10032962
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG VAN DUONG	*****273	3	CT10127706-CT10127708
CN DONG DA	HOANG VAN DUONG	*****588	1	EB10000850-EB10000850
HUB THE CHAP MB 1	HOANG VAN DUY	*****144	3	CT10163663-CT10163665
CN DAK LAK	HOANG VAN HAI	*****354	2	CT10088896-CT10088897
PGD MY DINH	HOANG VAN HAI	*****594	23	CT10166018-CT10166040
CN DAI AN	HOANG VAN HANG	*****253	20	CT10116525-CT10116539; TD10003496-TD10003500
CN LONG BIEN	HOANG VAN HANH	*****436	2	CT10032963-CT10032964
CN HA DONG	HOANG VAN HAO	*****287	54	CT10001758-CT10001764; DN10008981-DN10009022; TD10006436-TD10006440
PGD NGO GIA TU	HOANG VAN HIEP	*****563	1	EB10002489-EB10002489
PGD TRUNG HOA	HOANG VAN HOAN	*****644	14	CT10144349-CT10144362
CN HAI DUONG	HOANG VAN HOAN	*****981	11	DN10073902-DN10073912
PGD QUAN THANH	HOANG VAN HOP	*****107	5	TD10006831-TD10006835
CN DAI AN	HOANG VAN HUNG	*****366	2	CT10122212-CT10122213
CN HAI PHONG	HOANG VAN HUNG	*****408	9	CT10046957-CT10046965
CN THAI NGUYEN	HOANG VAN HUNG	*****028	1	CT10147294-CT10147294
CN DAK LAK	HOANG VAN HUNG	*****055	1	CT10007004-CT10007004
CN BAC NINH	HOANG VAN HUNG	*****066	10	CT10047958-CT10047967
CN QUANG NINH	HOANG VAN HUONG	*****432	1	CT10030700-CT10030700
CN HAI AN	HOANG VAN HUONG	*****445	5	CT10142519-CT10142523
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG VAN HUONG	*****818	24	CT10162897-CT10162920
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG VAN HUU	*****625	6	DN10039297-DN10039302
CN SAI GON	HOANG VAN KHANG	*****375	1	EB10001692-EB10001692
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG VAN KHANH	*****192	4	CT10140652-CT10140655
PGD TRUONG THI	HOANG VAN KHANH	*****958	2	CT10096584-CT10096585

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	HOANG VAN KHOA	*****875	1	CT10151277-CT10151277
CN HA DONG	HOANG VAN KHUONG	*****225	5	CT10140016-CT10140020
HUB THE CHAP MB 1	HOANG VAN LONG	*****718	2	CT10080768-CT10080769
CN DAI AN	HOANG VAN MANH	*****407	9	CT10106358-CT10106366
CN BAC NINH	HOANG VAN MANH	*****950	1	EB10003264-EB10003264
CN DAI AN	HOANG VAN MINH	*****064	3	CT10090065-CT10090067
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG VAN MINH	*****865	34	CT10111038-CT10111071
CN NGHE AN	HOANG VAN MINH	*****082	1	EB10003309-EB10003309
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	HOANG VAN MINH	*****082	51	CT10099013-CT10099018; DN10060893-DN10060927; TD10000426-TD10000435
PGD QUANG PHU	HOANG VAN NGHIEP	*****709	10	DN10024792-DN10024801
CN HAI DUONG	HOANG VAN NGOC	*****075	96	DN10063417-DN10063511; EB10001400-EB10001400
PGD NGUYEN VAN CU	HOANG VAN NGOC	*****585	1	EB10003171-EB10003171
TT KH CC MIEN BAC 2	HOANG VAN NGOC	*****631	7	CT10061699-CT10061705
CN THAI NGUYEN	HOANG VAN NGOC	*****685	8	CT10125417-CT10125424
CN NGHE AN	HOANG VAN NHA	*****158	2	CT10151531-CT10151532
CN BAC NINH	HOANG VAN OAI	*****490	1	EB10001095-EB10001095
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG VAN PHUC	*****017	8	CT10098256-CT10098263
CN HAI PHONG	HOANG VAN QUANG	*****020	1	CT10132034-CT10132034
PGD NUI THANH	HOANG VAN QUY	*****147	1	CT10084571-CT10084571
PGD LE CHAN	HOANG VAN QUY	*****454	12	CT10006174-CT10006185
PGD PHO YEN	HOANG VAN QUY	*****779	190	DN10038794-DN10038983
PGD KIM VAN	HOANG VAN SAN	*****738	1	EB10002816-EB10002816
PGD NGOC LAM	HOANG VAN SANG	*****198	4	CT10115027-CT10115030
PGD SOC SON	HOANG VAN SON	*****958	7	CT10014315-CT10014321
PGD MY DINH	HOANG VAN SY	*****599	1	EB10001581-EB10001581
CN VINH PHUC	HOANG VAN TAI	*****453	11	CT10030229-CT10030239
HUB THE VA TIN CHAP MB	HOANG VAN TAI	*****819	24	CT10107464-CT10107487
PGD TON DAN	HOANG VAN TAY	*****808	29	CT10086711-CT10086714; DN10039379-DN10039393; TD10009571-TD10009580
CN SO GIAO DICH	HOANG VAN THAN	*****509	7	CT10025034-CT10025040

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 2	HOANG VAN THANG	*****624	5	CT10017520-CT10017524
PGD XUAN LA	HOANG VAN THANH	*****826	15	CT10075674-CT10075688
PGD THANH SEN	HOANG VAN THANH	*****062	101	DN10092894-DN10092993; EB10002418-EB10002418
CN THANH XUAN	HOANG VAN THANH	*****888	57	CT10146838-CT10146894
CN TAN THANH	HOANG VAN THANH	*****941	1	CT10162522-CT10162522
PGD BUON DON	HOANG VAN THO	*****699	1	EB10000598-EB10000598
PGD LACH TRAY 2	HOANG VAN THOI	*****418	1	EB10000916-EB10000916
PGD LE CHAN	HOANG VAN THONG	*****017	3	CT10083636-CT10083638
HUB PAYROLL MB	HOANG VAN THUONG	*****181	58	CT10012699-CT10012745; EB10002794-EB10002794; TD10008331-TD10008340
CN THANH HOA	HOANG VAN THUY	*****625	21	DN10076126-DN10076146
PGD DAI TU	HOANG VAN THUY	*****289	71	DN10076011-DN10076070; EB10001815-EB10001815; TD10003101-TD10003110
CN LANG HA	HOANG VAN TIEN	*****252	21	CT10150201-CT10150221
CN BINH DUONG	HOANG VAN TIEN	*****904	251	DN10104571-DN10104820; EB10002472-EB10002472
CN HA DONG	HOANG VAN TRUONG	*****348	7	CT10063445-CT10063451
PGD LANG THUONG	HOANG VAN TRUONG	*****914	5	CT10067515-CT10067519
PGD HA LONG	HOANG VAN TU	*****925	8	DN10091086-DN10091093
CN HAI AN	HOANG VAN TUAN	*****781	4	CT10033139-CT10033142
CN SO GIAO DICH	HOANG VAN TUAN	*****163	2	CT10098903-CT10098904
CN HA TINH	HOANG VAN TUAN	*****446	70	DN10061874-DN10061943
PGD NGOC LAM	HOANG VAN TUYEN	*****032	48	DN10070376-DN10070423
PGD TU SON	HOANG VAN VIET	*****549	15	CT10124470-CT10124479; TD10004661-TD10004665
PGD LE CHAN	HOANG VAN VINH	*****477	5	CT10127675-CT10127679
PGD LACH TRAY 2	HOANG VIET ANH	*****012	10	CT10009443-CT10009452
PGD THANH CONG	HOANG VIET ANH	*****460	18	CT10157146-CT10157163
TT KHCC MIEN BAC 1	HOANG VIET ANH	*****565	10	TD10001456-TD10001465
CN SO GIAO DICH	HOANG VIET DUC	*****876	6	CT10015335-CT10015340
CN BAC NINH	HOANG VIET DUNG	*****964	1	CT10144239-CT10144239
PGD TRAN DUY HUNG	HOANG VIET PHUONG	*****979	1	EB10000292-EB10000292
PGD PHO YEN	HOANG VIET SON	*****509	2	CT10051875-CT10051876

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THAI NGUYEN	HOANG XUAN BIEN	*****874	1	EB10000871-EB10000871
PGD MY DINH	HOANG XUAN HA	*****291	1	EB10000312-EB10000312
PGD HO TUNG MAU	HOANG XUAN HOA	*****074	14	CT10010234-CT10010247
PGD XUAN LA	HOANG XUAN LICH	*****083	30	CT10165813-CT10165842
CN CAU GIAY	HOANG XUAN PHUONG ANH	*****029	31	CT10058355-CT10058385
PGD QUAN THANH	HOANG YEN	*****579	5	CT10070589-CT10070593
CN TIEN GIANG	HOC HUU DUC	*****270	4	CT10140534-CT10140537
CN NHA TRANG	HONG ANH KIET	*****596	1	EB10000554-EB10000554
PGD LE QUANG DINH	HONG THI PHUONG THAO	*****578	24	CT10111929-CT10111952
PGD DAO TAN	HONG TRUNG HIEU	*****938	1	CT10138624-CT10138624
CN SAI GON	HONG TRUONG VINH	*****860	4	CT10028461-CT10028464
CN NHA TRANG	HONG VIET THANG	*****863	1	EB10001638-EB10001638
CN TAN PHU	HUA DAC CHI	*****347	14	CT10152249-CT10152262
PGD NGUYEN THAI SON	HUA HAN CHUNG	*****492	2	CT10076828-CT10076829
CN NHA TRANG	HUA LE THI TU TRINH	*****558	14	CT10142860-CT10142873
PGD PHO YEN	HUA LY TUNG	*****959	9	CT10104639-CT10104647
PGD LENIN	HUA THI DIEP ANH	*****989	52	DN10059950-DN10059995; EB10001284-EB10001284; TD10000396-TD10000400
CN NHA TRANG	HUA THI THU HA	*****089	1	EB10002777-EB10002777
CN CAN THO	HUA TRI TAN	*****009	2	CT10068923-CT10068924
PGD KHANH HOI	HUA TRUNG GIAO	*****417	28	CT10134378-CT10134405
CN TAN BINH	HUA TUC	*****154	3	CT10120555-CT10120557
CN TIEN GIANG	HUONG DANG THONG	*****647	1	CT10023349-CT10023349
CN THANH XUAN	HUY NAM PHUONG	*****506	1	CT10144980-CT10144980
CN DAK LAK	HUYEN TON NU THI LAI	*****434	5	DN10093722-DN10093726
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH ANH KIET	*****901	1	EB10000838-EB10000838
CN DA NANG	HUYNH ANH TU	*****009	4	DN10046494-DN10046497
CN TAN THANH	HUYNH ANH TUAN	*****140	24	CT10101479-CT10101502
SEABANK LE DUAN	HUYNH ANH TUAN	*****356	15	CT10070643-CT10070657
CN NHA TRANG	HUYNH ANH TUYEN	*****274	3	CT10135294-CT10135296
PGD HOANG DIEU	HUYNH ANH VU	*****168	2	CT10118951-CT10118952
CN NHA TRANG	HUYNH BA KHANH	*****695	1	EB10002658-EB10002658

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN CONG TRU	HUYNH BANG PHI	*****324	1	EB10001103-EB10001103
CN SAI GON	HUYNH BAO GIAO	*****973	1	CT10159803-CT10159803
CN TAN THANH	HUYNH BICH QUAN	*****715	10	CT10017964-CT10017973
CN TAN PHU	HUYNH BUU THO	*****149	6	CT10102785-CT10102790
PGD TRAN HUNG DAO	HUYNH CHAU HOANG MAN	*****081	10	CT10148972-CT10148981
CN QUANG NGAI	HUYNH CHI THANH	*****079	1	CT10091257-CT10091257
PGD QUAN 1	HUYNH CHI THONG	*****553	6	CT10156595-CT10156600
HUB PAYROLL MN	HUYNH CONG KHANH	*****005	1	EB10000085-EB10000085
PGD HOA BINH	HUYNH CONG VU	*****636	140	CT10102815-CT10102848; DN10063051-DN10063151; TD10000691-TD10000695
CN TAN BINH	HUYNH DAC PHUOC	*****669	1	CT10107235-CT10107235
PGD LE VAN SY	HUYNH DAN LONG	*****301	22	CT10101306-CT10101327
PGD CONG HOA	HUYNH DANG DUNG	*****998	2	CT10164838-CT10164839
CN PHU MY HUNG	HUYNH DANG KHOI	*****653	1	CT10002178-CT10002178
CN NHA TRANG	HUYNH DANG VU NGUYEN	*****755	1	EB10000900-EB10000900
SEABANK LE DUAN	HUYNH DINH CUONG	*****356	1	EB10001824-EB10001824
CN DA NANG	HUYNH DINH HUNG	*****520	4	CT10017109-CT10017112
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH DINH LE	*****840	13	CT10052607-CT10052619
PGD THU DUC	HUYNH DINH NAM	*****527	1	EB10000442-EB10000442
CN QUANG NGAI	HUYNH DINH TUAN	*****760	1	EB10001746-EB10001746
CN DA NANG	HUYNH DINH VU	*****724	1	CT10059940-CT10059940
CN NHA TRANG	HUYNH DO HONG LOAN	*****059	1	EB10003354-EB10003354
CN TAN THANH	HUYNH DUC HIEU	*****887	2	CT10007352-CT10007353
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH DUC TAI	*****309	10	CT10001586-CT10001595
CN QUANG NGAI	HUYNH DUC THO	*****696	4	CT10125587-CT10125590
PGD KIM VAN	HUYNH DUNG	*****004	2	CT10096931-CT10096932
CN DA NANG	HUYNH DUY BAO	*****748	14	CT10151238-CT10151251
CN TAN PHU	HUYNH DUY QUANG	*****543	3	CT10036970-CT10036972
CN SAI GON	HUYNH HAI YEN	*****472	34	DN10047713-DN10047746
PGD BOTANIC	HUYNH HAN	*****540	1	EB10001288-EB10001288
CN TIEN GIANG	HUYNH HOAI PHONG	*****914	1	EB10002150-EB10002150
PGD BA RIA	HUYNH HONG QUANG	*****320	2	CT10085829-CT10085830

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	HUYNH HUU HUY	*****271	1	EB10002075-EB10002075
CN SAI GON	HUYNH HUU THO	*****209	1	CT10028043-CT10028043
PGD XUAN KHANH	HUYNH HUU VINH	*****457	2	CT10046197-CT10046198
CN VUNG TAU	HUYNH KIEU MI	*****546	5	TD10009616-TD10009620
PGD BINH TAN	HUYNH KIM ANH PHUONG	*****489	2	CT10106167-CT10106168
PGD LE VAN SY	HUYNH KIM CHI	*****924	3	CT10100303-CT10100305
PGD LY THUONG KIET-DN	HUYNH KIM HOANG	*****884	4	CT10027030-CT10027033
CN KIEN GIANG	HUYNH KIM NHAT TOAN	*****513	1	CT10107673-CT10107673
CN HUE	HUYNH KIM PHUC	*****802	8	CT10110485-CT10110492
CN DA NANG	HUYNH KIM TU	*****993	9	CT10100254-CT10100262
CN TAN PHU	HUYNH KIM YEN	*****177	11	CT10001612-CT10001622
PGD LE QUANG DINH	HUYNH LAM BAO NGHI	*****635	3	CT10162815-CT10162817
CN KIEN GIANG	HUYNH LAM THANH DUNG	*****925	1	CT10065103-CT10065103
PGD BA RIA	HUYNH LE NHU CUONG	*****081	1	CT10145212-CT10145212
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH LE PHUONG THUY	*****970	1	CT10096357-CT10096357
CN SAI GON	HUYNH LE THANH HUNG	*****558	1	CT10078661-CT10078661
PGD CONG HOA	HUYNH MAI NGAN HA	*****858	1	EB10001440-EB10001440
CN TAN PHU	HUYNH MAI TRUC	*****119	10	TD10004346-TD10004355
CN TAN BINH	HUYNH MANH THAO	*****326	16	CT10140457-CT10140472
CN CA MAU	HUYNH MINH BEN	*****715	29	DN10090854-DN10090877; TD10004821-TD10004825
PGD CAM RANH	HUYNH MINH CANH	*****945	75	DN10055041-DN10055115
CN CAN THO	HUYNH MINH DUC	*****415	39	CT10161417-CT10161455
CN DONG NAI	HUYNH MINH HOANG LONG	*****463	1	CT10106611-CT10106611
CN CAN THO	HUYNH MINH KHOA	*****763	1	CT10022882-CT10022882
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH MINH THO	*****816	22	CT10088674-CT10088695
CN CAN THO	HUYNH MINH TRI	*****150	1	CT10018176-CT10018176
CN CAN THO	HUYNH MINH TRI	*****688	1	EB10003216-EB10003216
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH MINH VU	*****760	10	DN10018736-DN10018745

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	HUYNH MINH VUNG	*****136	2	CT10028659-CT10028660
PGD QUAN 1	HUYNH MINH VUONG	*****658	50	DN10068543-DN10068592
CN TAN PHU	HUYNH MY CHAU	*****489	2	CT10148209-CT10148210
CN DAK LAK	HUYNH MY DUYEN	*****842	2	CT10032059-CT10032060
PGD LE VAN SY	HUYNH MY LOI	*****854	2	CT10165719-CT10165720
CN TAN THANH	HUYNH NGHIA TON	*****883	7	CT10083715-CT10083721
PGD QUAN 1	HUYNH NGOC ANH HANG	*****981	26	CT10047848-CT10047873
CN TIEN GIANG	HUYNH NGOC ANH THU	*****327	1	EB10002550-EB10002550
CN SAI GON	HUYNH NGOC CAM NHUNG	*****222	13	CT10050924-CT10050936
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH NGOC DUNG	*****227	11	DN10095489-DN10095499
PGD PHU MY - BINH DINH	HUYNH NGOC HAI	*****481	1	EB10002997-EB10002997
PGD THU DUC	HUYNH NGOC HAI DANG	*****041	6	CT10039010-CT10039015
SEABANK LE DUAN	HUYNH NGOC HAN	*****892	28	CT10102397-CT10102409; TD10000671-TD10000685
CN DAK LAK	HUYNH NGOC HUNG	*****960	40	DN10108342-DN10108376; TD10007961-TD10007965
PGD HOA BINH	HUYNH NGOC HUONG	*****960	25	CT10100803-CT10100827
PGD DOI CAN	HUYNH NGOC LINH	*****104	44	CT10160755-CT10160798
PGD PHU MY - BINH DINH	HUYNH NGOC MINH	*****358	20	DN10108316-DN10108335
CN SAI GON	HUYNH NGOC MINH KHA	*****775	2	CT10076399-CT10076400
PGD BA RIA	HUYNH NGOC PHUC	*****781	1	CT10070158-CT10070158
CN KIEN GIANG	HUYNH NGOC PHUONG THAO	*****117	1	CT10103142-CT10103142
SEABANK LE DUAN	HUYNH NGOC THIEN	*****336	1	EB10002493-EB10002493
CN TAN THANH	HUYNH NGOC THUAN	*****105	2	CT10098274-CT10098275
TT KH CC MIEN BAC 2	HUYNH NGOC TUAN	*****665	82	CT10166956-CT10167037
PGD MY CA	HUYNH NGOC TUOI	*****026	1	EB10001736-EB10001736
CN CAN THO	HUYNH NGOC YEN	*****500	1	CT10028728-CT10028728
CN QUANG NGAI	HUYNH NGUYEN ANH LINH	*****125	1	CT10149455-CT10149455

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DI AN	HUYNH NGUYEN DANG KHOA	*****476	150	DN10044851-DN10044990; TD10010081-TD10010090
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH NGUYEN NGOC TRAM	*****458	2	CT10039907-CT10039908
PGD QUAN 7	HUYNH NGUYEN TRUNG VY	*****301	5	CT10161461-CT10161465
CN DA NANG	HUYNH NHU TO NGA	*****188	7	CT10159314-CT10159320
CN TAN PHU	HUYNH PHI HO	*****170	4	CT10144165-CT10144168
CN AN GIANG	HUYNH PHU CUONG	*****757	1	CT10128378-CT10128378
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH PHUC TRUNG	*****150	11	CT10162950-CT10162960
CN NHA TRANG	HUYNH PHUONG TRAM	*****351	1	CT10123245-CT10123245
CN CAN THO	HUYNH QUAN TU	*****352	1	CT10119426-CT10119426
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH QUANG KHAI	*****395	7	CT10110797-CT10110803
PGD QUAN 7	HUYNH QUANG LAM	*****035	2	CT10025976-CT10025977
TT KH CC MIEN BAC 2	HUYNH QUANG SON	*****387	60	CT10138919-CT10138978
PGD LY THUONG KIET-DN	HUYNH QUANG THANH KHIET	*****595	2	CT10128550-CT10128551
CN PHU MY HUNG	HUYNH QUANG TRUONG	*****013	1	CT10093104-CT10093104
CN QUANG NGAI	HUYNH QUANG VINH	*****537	1	CT10054457-CT10054457
PGD TRAN KHAT CHAN	HUYNH QUANG VU	*****029	10	CT10019091-CT10019100
SEABANK LE DUAN	HUYNH QUOC LIEM	*****021	5	CT10140578-CT10140582
PGD XUAN KHANH	HUYNH QUOC MINH	*****336	3	CT10016730-CT10016732
CN TIEN GIANG	HUYNH QUOC TRUNG	*****675	15	CT10084225-CT10084233; EB10002956-EB10002956; TD10008926-TD10008930
CN TAN PHU	HUYNH SON	*****431	5	TD10002566-TD10002570
PGD LY THUONG KIET-DN	HUYNH SY DAO	*****242	1	CT10083476-CT10083476
CN CA MAU	HUYNH TAN DAT	*****892	3	CT10026051-CT10026053
CN DONG NAI	HUYNH TAN PHUC	*****310	2	CT10086762-CT10086763
SEABANK LE DUAN	HUYNH TAN PHUC	*****735	10	CT10049919-CT10049928

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH TAN PHUC	*****979	12	CT10165632-CT10165643
PGD NGUYEN THAI SON	HUYNH TAN TAI	*****626	5	CT10070193-CT10070197
PGD NGUYEN THAI SON	HUYNH TAN THANH	*****699	4	CT10142270-CT10142273
PGD VINH HAI	HUYNH TAN THONG	*****067	101	CT10024535-CT10024544; DN10037694-DN10037778; EB10003136-EB10003136; TD10009436-TD10009440
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH TAN VINH	*****471	6	CT10002860-CT10002865
PGD THU DAU 1	HUYNH THAI SON	*****221	3	CT10051967-CT10051969
CN NHA TRANG	HUYNH THANH DUC	*****954	2	CT10026246-CT10026247
CN SAI GON	HUYNH THANH HUNG	*****104	25	CT10111442-CT10111466
CN KIEN GIANG	HUYNH THANH HUNG	*****944	1	EB10002509-EB10002509
CN SAI GON	HUYNH THANH LOC	*****095	1	CT10152697-CT10152697
CN KIEN GIANG	HUYNH THANH LUAN	*****463	5	CT10004517-CT10004521
CN SAI GON	HUYNH THANH PHU	*****622	1	EB10002734-EB10002734
SEABANK LE DUAN	HUYNH THANH TAM	*****423	15	CT10161776-CT10161790
CN HUE	HUYNH THANH VAN	*****785	3	CT10012539-CT10012541
SEABANK LE DUAN	HUYNH THI ANH PHUONG	*****259	12	CT10111010-CT10111021
CN DA NANG	HUYNH THI BAO NGOC	*****721	7	CT10105610-CT10105616
CN TAN BINH	HUYNH THI BICH LIEN	*****064	7	DN10093244-DN10093250
PGD BA RIA	HUYNH THI BICH NGOC	*****190	10	DN10064747-DN10064756
PGD PHU MY - BINH DINH	HUYNH THI BICH NGOC	*****964	5	DN10053057-DN10053061
CN AN GIANG	HUYNH THI CHANG EM	*****227	3	CT10144904-CT10144906
CN KIEN GIANG	HUYNH THI CHUC LY	*****397	4	CT10166612-CT10166615
CN DA NANG	HUYNH THI CUC	*****255	25	DN10002995-DN10003014; TD10005831-TD10005835
CN HUE	HUYNH THI CUONG	*****197	3	DN10062185-DN10062187
PGD DUC PHO	HUYNH THI DIEM THUY	*****209	1	EB10000384-EB10000384

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	HUYNH THI DIEM THUY	*****543	6	CT10083010-CT10083015
CN TIEN GIANG	HUYNH THI EM	*****228	4	CT10080892-CT10080895
CN BINH DINH	HUYNH THI HA	*****743	3	DN10029653-DN10029655
CN QUANG NGAI	HUYNH THI HAI YEN	*****784	13	CT10062362-CT10062369; TD10005341-TD10005345
CN TAN BINH	HUYNH THI HIEN	*****097	14	CT10131200-CT10131213
HUB PAYROLL MN	HUYNH THI HOA	*****306	1	EB10002985-EB10002985
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH THI HONG	*****725	12	CT10163246-CT10163257
PGD DIEN BIEN PHU	HUYNH THI HONG AN	*****329	1	EB10002031-EB10002031
CN TAN BINH	HUYNH THI HONG CHAU	*****205	5	CT10166909-CT10166913
PGD PHU LAM	HUYNH THI HONG LOAN	*****658	2	CT10106602-CT10106603
SEABANK LE DUAN	HUYNH THI HONG SUONG	*****163	4	CT10064906-CT10064909
PGD MY CA	HUYNH THI HONG THUY	*****809	51	DN10064920-DN10064959; EB10001489-EB10001489; TD10001011-TD10001020
CN BINH DINH	HUYNH THI HOP	*****047	3	DN10070332-DN10070334
HUB PAYROLL MN	HUYNH THI HUYEN CHINH	*****898	1	EB10001022-EB10001022
PGD DI AN	HUYNH THI KIEM LOAN	*****817	6	CT10092881-CT10092886
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH THI KIM ANH	*****089	3	CT10079505-CT10079507
PGD TUYEN SON	HUYNH THI KIM ANH	*****821	1	EB10002426-EB10002426
CN TIEN GIANG	HUYNH THI KIM CUONG	*****045	2	CT10004652-CT10004653
HUB PAYROLL MN	HUYNH THI KIM NGA	*****154	1	EB10003257-EB10003257
PGD CAM RANH	HUYNH THI KIM NGOC BICH	*****581	62	CT10065995-CT10066000; DN10001726-DN10001775; EB10000100-EB10000100; TD10005586-TD10005590
PGD NGUYEN THAI SON	HUYNH THI KIM YEN	*****077	2	CT10001629-CT10001630
CN BINH DINH	HUYNH THI LAN	*****957	3	DN10071990-DN10071992
CN TAN BINH	HUYNH THI LE THU	*****335	2	CT10127900-CT10127901

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH THI LINH CHI	*****098	1	CT10022191-CT10022191
PGD NGUYEN TRAI	HUYNH THI LOAN	*****781	51	CT10137628-CT10137633; DN10024852-DN10024886; TD10007261-TD10007270
PGD HOANG DIEU	HUYNH THI MAI NHUNG	*****987	1	CT10040472-CT10040472
CN QUANG NGAI	HUYNH THI MY DIEU	*****362	3	DN10093719-DN10093721
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH THI MY DUNG	*****481	1	CT10072666-CT10072666
CN NHA TRANG	HUYNH THI MY DUYEN	*****096	1	EB10001316-EB10001316
SEABANK LE DUAN	HUYNH THI MY HANH	*****889	6	CT10056271-CT10056276
CN DONG NAI	HUYNH THI MY HUONG	*****851	1	CT10032324-CT10032324
CN SAI GON	HUYNH THI MY TRANG	*****383	1	CT10025257-CT10025257
PGD VINH HAI	HUYNH THI NAM KHANH	*****031	32	DN10078327-DN10078358
PGD NUI THANH	HUYNH THI NGOC DUNG	*****931	4	CT10166905-CT10166908
CN DAK LAK	HUYNH THI NGOC LE	*****034	5	DN10021934-DN10021938
CN DONG NAI	HUYNH THI NGOC NGAN	*****580	3	CT10141347-CT10141349
PGD SAO MAI	HUYNH THI NHU TINH	*****037	1	CT10104556-CT10104556
SEABANK LE DUAN	HUYNH THI NHUNG	*****065	1	CT10026205-CT10026205
PGD DUC PHO	HUYNH THI TAM	*****112	1	CT10155750-CT10155750
CN DONG NAI	HUYNH THI THANH HIEN	*****822	1	CT10011130-CT10011130
PGD CONG HOA	HUYNH THI THANH UT HIEN	*****892	3	CT10166149-CT10166151
CN DAK LAK	HUYNH THI THAO TRANG	*****758	3	DN10050082-DN10050084
CN CA MAU	HUYNH THI THE	*****275	1	EB10000009-EB10000009
CN BINH DINH	HUYNH THI THOM	*****945	2	CT10112472-CT10112473
PGD VINH HAI	HUYNH THI THU	*****088	45	DN10024802-DN10024846
CN SAI GON	HUYNH THI THU HIEN	*****053	2	CT10025314-CT10025315

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HUE	HUYNH THI THU HUYEN	*****123	2	DN10033784-DN10033785
CN TAN BINH	HUYNH THI THU NGAN	*****687	6	CT10105957-CT10105962
CN HUE	HUYNH THI THUONG	*****874	1	CT10109869-CT10109869
CN BINH DUONG	HUYNH THI THUY HANG	*****605	1	EB10001622-EB10001622
CN NHA TRANG	HUYNH THI THUY HONG	*****736	1	EB10001640-EB10001640
CN NHA TRANG	HUYNH THI THUY VAN	*****784	71	CT10007688-CT10007692; DN10102225-DN10102284; EB10002450-EB10002450; TD10007401-TD10007405
CN HUE	HUYNH THI TIEU QUYEN	*****905	4	CT10083155-CT10083158
CN HUE	HUYNH THI TO NGA	*****457	3	CT10112762-CT10112764
PGD QUAN 10	HUYNH THI TO QUYEN	*****446	3	CT10153959-CT10153961
PGD PHU HUNG	HUYNH THI TUYET LAN	*****154	32	CT10006670-CT10006691; TD10007341-TD10007350
PGD PHU MY - BINH DINH	HUYNH THI XUAN	*****246	1	EB10003334-EB10003334
PGD DUC PHO	HUYNH THI XUAN QUYNH	*****441	1	EB10001919-EB10001919
PGD BOTANIC	HUYNH THI XUAN THU	*****114	3	CT10080434-CT10080436
PGD TRUNG NHI	HUYNH THI XUONG	*****190	34	CT10073757-CT10073763; DN10023631-DN10023651; EB10000538-EB10000538; TD10007096-TD10007100
CN KIEN GIANG	HUYNH THI YEN ANH	*****493	1	EB10001889-EB10001889
CN TAN PHU	HUYNH THIEN VUONG	*****588	69	CT10150225-CT10150231; DN10074443-DN10074498; EB10001767-EB10001767; TD10002061-TD10002065
CN QUANG NGAI	HUYNH THO	*****880	1	EB10002137-EB10002137
CN DA NANG	HUYNH TI	*****307	10	CT10005137-CT10005146
CN DAK LAK	HUYNH TIEN SY	*****750	109	CT10008120-CT10008128; DN10105284-DN10105383
CN NHA TRANG	HUYNH TRAN BAO DUYEN	*****731	1	EB10000510-EB10000510

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN KIEN GIANG	HUYNH TRANG ANH	*****359	1	EB10001234-EB10001234
CN DONG NAI	HUYNH TRONG KIM	*****886	2	CT10051940-CT10051941
PGD PHU LAM	HUYNH TRONG NGHIA	*****398	62	DN10044696-DN10044751; EB10003326-EB10003326; TD10010126-TD10010130
PGD HUNG VUONG	HUYNH TRUNG HIEN	*****435	1	CT10011147-CT10011147
CN NHA TRANG	HUYNH TRUNG KHIEM	*****041	4	CT10016193-CT10016196
CN DAK LAK	HUYNH TRUNG TRANG	*****382	12	DN10100042-DN10100053
CN AN GIANG	HUYNH TU ANH	*****898	3	DN10047945-DN10047947
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH TUAN ANH	*****679	4	CT10021336-CT10021339
HUB THE VA TIN CHAP MN	HUYNH TUAN KIET	*****979	15	CT10153864-CT10153878
PGD BA RIA	HUYNH TUAN THANH	*****350	77	DN10021472-DN10021548
PGD TUYEN SON	HUYNH VAN ANH	*****727	81	DN10029166-DN10029245; EB10002911-EB10002911
CN DA NANG	HUYNH VAN CUONG	*****639	4	CT10079604-CT10079607
CN NHA TRANG	HUYNH VAN DUNG	*****289	2	CT10143558-CT10143559
CN AN GIANG	HUYNH VAN HAO	*****988	5	CT10075174-CT10075178
PGD HOA BINH	HUYNH VAN HOA	*****776	1	EB10000143-EB10000143
CN DA NANG	HUYNH VAN KHA	*****387	1	CT10014707-CT10014707
CN CA MAU	HUYNH VAN KHAI	*****004	1	CT10059053-CT10059053
PGD QUAN 10	HUYNH VAN KIEM	*****811	3	CT10055891-CT10055893
PGD CAM RANH	HUYNH VAN LONG	*****765	120	DN10053062-DN10053181
CN DA NANG	HUYNH VAN MINH	*****128	1	CT10087207-CT10087207
CN TP. HO CHI MINH	HUYNH VAN NGHE	*****277	1	EB10001852-EB10001852
CN HUE	HUYNH VAN TAI	*****906	2	CT10129732-CT10129733
SEABANK LE DUAN	HUYNH VAN THONG	*****801	7	CT10062191-CT10062197
CN TAN BINH	HUYNH VAN TUAN	*****135	1	CT10048906-CT10048906
CN CA MAU	HUYNH VAN VAN	*****888	30	DN10098991-DN10099020
CN TAN BINH	HUYNH VANG	*****430	4	CT10143914-CT10143917
CN HUE	HUYNH VIET THINH	*****779	4	DN10076406-DN10076409
CN AN GIANG	HUYNH VO ANH TU	*****910	3	CT10150467-CT10150469
PGD LE HONG PHONG	HUYNH VO GIA HUY	*****056	1	EB10001117-EB10001117
CN NHA TRANG	HUYNH VUONG THANG	*****282	1	EB10001503-EB10001503
CN SAI GON	HY HOOC CHAN	*****782	1	EB10000961-EB10000961

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	JAMES TO JOHNSTON	*****493	4	CT10035327-CT10035330
CN DAK LAK	JEN NI NIE	*****410	5	DN10084361-DN10084365
CN HAI AN	JIANG GUIJUN	*****265	12	CT10055695-CT10055706
CN DAI AN	JIN SEUNGWOOK	*****259	275	CT10023540-CT10023814
CN DAI AN	JIN YONG HUAN	*****186	1	EB10002244-EB10002244
CN DA NANG	JOHN JEFFERSON VELASQUEZ ALMEROL	*****97B	1	EB10001441-EB10001441
CN DA NANG	JONATHAN CAMERON WALL	*****235	12	CT10052749-CT10052760
CN TAN BINH	KA XUAN	*****385	5	TD10004271-TD10004275
CN NHA TRANG	KAPUSTIN KOSTIANTYN	*****769	1	EB10002078-EB10002078
CN HAI PHONG	KHA THI DUYEN	*****987	1	EB10003258-EB10003258
HUB THE VA TIN CHAP MB	KHIEU HUU SON	*****534	51	CT10131068-CT10131118
PGD TO HIEU	KHOA MINH HAO	*****732	2	CT10055527-CT10055528
CN HA NOI	KHONG NGOC QUAN	*****797	1	EB10001612-EB10001612
PGD VINH YEN	KHONG THI HANH	*****273	6	DN10077461-DN10077465; EB10001869-EB10001869
CN BINH DINH	KHONG THI KIEM	*****430	2	DN10071828-DN10071829
PGD THANH CONG	KHONG THI LINH	*****627	30	CT10137233-CT10137262
TT KHCC MIEN BAC 1	KHONG THI QUYNH LOAN	*****071	4	CT10000803-CT10000806
CN THANH XUAN	KHONG THI THU TRINH	*****025	30	CT10063770-CT10063799
CN TAN PHU	KHONG TRI NHAN	*****433	5	CT10128668-CT10128672
TT KH CC MIEN BAC 2	KHONG VU CUONG	*****028	2	CT10072178-CT10072179
PGD LAC LONG QUAN	KHUAT DINH LIEN	*****852	5	CT10106280-CT10106284
CN HA NOI	KHUAT DUY TUAN	*****948	1	CT10094718-CT10094718
PGD KIM LIEN	KHUAT HA LINH	*****889	6	CT10099244-CT10099244; TD10000421-TD10000425
CN DONG DA	KHUAT HANG NGA	*****726	1	CT10101267-CT10101267
CN DONG NAI	KHUAT KE BAO TUAN	*****147	2	CT10060084-CT10060085
PGD TAY HO	KHUAT NANG THUAN	*****178	29	CT10071887-CT10071915
CN BAC NINH	KHUAT QUANG KHAI	*****771	7	CT10152373-CT10152379
HUB PAYROLL MB	KHUAT THI PHUONG	*****369	19	CT10086828-CT10086846
CN LONG BIEN	KHUAT THI VIET HA	*****610	12	CT10003625-CT10003636

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	KHUAT VAN NGOC	*****817	15	CT10096003-CT10096017
HUB THE VA TIN CHAP MB	KHUAT VAN QUY	*****575	7	DN10091305-DN10091311
PGD HAI DANG	KHUC BINH MINH	*****681	32	CT10109485-CT10109516
PGD HAN THUYEN	KHUC DAI MINH	*****987	3	CT10123409-CT10123411
PGD LE CHAN	KHUC HUU CHIEN	*****367	24	CT10006233-CT10006256
CN CAU GIAY	KHUC MANH HAI	*****940	2	CT10093488-CT10093489
CN HA DONG	KHUC MINH TUAN	*****460	15	CT10073777-CT10073791
TT KH CC MIEN BAC 2	KHUC THANH CONG	*****842	15	TD10006521-TD10006535
PGD NGUYEN LUONG BANG	KHUC THI HA GIANG	*****570	2	CT10004934-CT10004935
CN DAI AN	KHUC THI HIEN	*****447	9	CT10008514-CT10008522
PGD THAI THINH	KHUC THI HUYEN TRANG	*****109	22	CT10074886-CT10074907
CN THANH XUAN	KHUC THI NHUNG	*****619	1	CT10038583-CT10038583
CN SO GIAO DICH	KHUC THI QUYNH LAM	*****363	5	CT10039301-CT10039305
CN DAI AN	KHUC THI THUY	*****526	14	CT10102776-CT10102784; TD10000756-TD10000760
CN QUANG NINH	KHUC TIEN HA	*****478	1	CT10144754-CT10144754
HUB THE VA TIN CHAP MB	KHUC TUAN VU	*****317	25	CT10136072-CT10136096
PGD VAN XUAN	KHUC VAN MANH	*****696	7	CT10083639-CT10083645
PGD TU SON	KHUC VAN VUONG	*****786	1	EB10002272-EB10002272
CN DONG DA	KHUONG THI HONG	*****234	25	CT10007040-CT10007064
PGD QUAN THANH	KHUONG THUY DUONG	*****256	14	CT10127497-CT10127510
PGD LAC LONG QUAN	KHUONG VAN HOAN	*****315	1	CT10014777-CT10014777
CN TP. HO CHI MINH	KHUU CHAU QUAN	*****772	1	EB10003297-EB10003297
CN DONG NAI	KICH THI ANH THU	*****557	5	DN10105762-DN10105766
HUB THE VA TIN CHAP MN	KIEN VAN QUOC	*****010	10	DN10082367-DN10082376
PGD YEN PHU	KIEU DUC VAN	*****626	1	CT10154694-CT10154694
TT KHCC MIEN BAC 1	KIEU KHAC NHI	*****754	11	CT10050231-CT10050241
CN AN GIANG	KIEU LE QUOC HUNG	*****192	3	CT10137849-CT10137851

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LY THUONG KIET-DN	KIEU LE VIET LUC	*****306	1	CT10017080-CT10017080
CN LANG HA	KIEU MANH HA	*****888	19	CT10054022-CT10054029; EB10001838-EB10001838; TD10003251-TD10003260
CN CAN THO	KIEU MINH THUC	*****870	1	EB10000369-EB10000369
CN SO GIAO DICH	KIEU MY LINH	*****766	21	CT10022284-CT10022289; TD10009366-TD10009380
CN LANG HA	KIEU NGOC DUY	*****875	39	CT10134003-CT10134041
TT KHCC MIEN BAC 1	KIEU NGOC THANH	*****398	42	CT10012775-CT10012816
TT KHCC MIEN BAC 1	KIEU QUANG PHUONG	*****863	21	CT10086771-CT10086791
CN DONG DA	KIEU QUANG TIEN DAT	*****012	14	CT10150175-CT10150188
CN THANH XUAN	KIEU SON TUNG	*****072	3	CT10040120-CT10040122
CN TAN BINH	KIEU THAI HUNG	*****786	1	CT10112923-CT10112923
TT KHCC MIEN BAC 1	KIEU THANH BINH	*****904	99	CT10013167-CT10013265
PGD HOANG DIEU	KIEU THI HONG KHUYEN	*****793	6	CT10047100-CT10047105
CN BINH DINH	KIEU THI LANG	*****084	3	DN10002246-DN10002248
PGD SAI DONG	KIEU THI LUU	*****723	7	CT10031535-CT10031541
HUB THE VA TIN CHAP MB	KIEU THI NGA	*****184	1	CT10150481-CT10150481
HUB THE VA TIN CHAP MB	KIEU THI NGOC HA	*****656	17	CT10007914-CT10007930
PGD HO DAC DI	KIEU THI TAM	*****585	12	CT10007474-CT10007485
SEABANK LE DUAN	KIEU THI THANH	*****957	6	CT10127469-CT10127474
CN THANH XUAN	KIEU THI THANH HUYEN	*****830	12	CT10095940-CT10095951
PGD TAY HO	KIEU THI THANH HUYEN	*****224	1	CT10076572-CT10076572
CN BAC NINH	KIEU THI THANH HUYEN	*****776	5	TD10001076-TD10001080
CN BINH DINH	KIEU THI THU THAO	*****978	2	CT10021883-CT10021884
HUB PAYROLL MB	KIEU THI THU TRANG	*****505	24	CT10008023-CT10008046
CN AN GIANG	KIEU TRUNG DUC	*****915	11	CT10012746-CT10012756
CN VUNG TAU	KIEU VAN TU	*****329	2	CT10148245-CT10148246

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THANH TONG	KIEU VIET ANH	*****868	1	CT10028316-CT10028316
CN DONG NAI	KIEU VIET LINH	*****146	12	CT10149669-CT10149680
CN BINH DINH	KIEU VU KIM NGAN	*****938	2	CT10028317-CT10028317; EB10000650-EB10000650
PGD TRAN DUY HUNG	KIEU XUAN NGHI	*****919	1	CT10062106-CT10062106
PGD SO SAO	KIM CHUNG	*****982	1	EB10000096-EB10000096
CN TP. HO CHI MINH	KIM HUYNH THI THUY TIEN	*****106	7	CT10158845-CT10158851
TT KHCC MIEN BAC 1	KIM MINH TUAN	*****863	2	CT10066364-CT10066365
PGD TAY HO	KIM NGOC HUNG	*****371	1	EB10001341-EB10001341
PGD VAN QUAN	KIM NHAT LINH	*****305	11	CT10081867-CT10081877
CN CAU GIAY	KIM THANH HA	*****184	3	CT10094229-CT10094231
CN VINH PHUC	KIM THI HONG CHIEM	*****131	1	EB10000154-EB10000154
PGD HO TUNG MAU	KIM THI HUONG	*****268	13	CT10038602-CT10038614
SEABANK LE DUAN	KIM THI MAI	*****281	2	CT10081028-CT10081029
PGD QUAN 1	KIM THI MY LINH	*****067	2	CT10113330-CT10113331
CN SAI GON	KIM THI THANH NHA	*****003	1	EB10000402-EB10000402
PGD TAY HO	KIM THI THUY	*****642	10	CT10117733-CT10117742
TT KHCC MIEN BAC 1	KIM TUAN ANH	*****592	1	CT10035405-CT10035405
CN VINH PHUC	KIM VAN GIANG	*****866	10	CT10004061-CT10004070
CN CAU GIAY	KIM VAN QUYET	*****783	1	CT10020046-CT10020046
PGD DAI KIM	KO YOONMANN	*****144	5	CT10086269-CT10086273
PGD Krong Nang	KSOR H BUI	*****620	3	DN10007103-DN10007105
CN QUANG NGAI	KY ANH DUONG	*****042	1	EB10000176-EB10000176
HUB THE VA TIN CHAP MN	LA CHI PHU	*****012	5	CT10127938-CT10127942
TT KHCC MIEN BAC 1	LA DAI PHONG	*****466	4	CT10058711-CT10058714
CN BINH DUONG	LA DUC NHU	*****840	1	EB10000760-EB10000760
PGD TRAN KHAT CHAN	LA HOANG LINH	*****620	30	CT10027950-CT10027979
CN CAN THO	LA HOANG PHUOC	*****885	6	CT10042879-CT10042884
CN KIEN GIANG	LA HUNG VY	*****711	56	DN10035028-DN10035082; EB10003052-EB10003052

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH HOA	LA KHAC SANG	*****287	1	CT10163707-CT10163707
TT KH CC MIEN BAC 2	LA NGOC HIEN	*****956	9	CT10046639-CT10046647
PGD TRAN PHU	LA NGOC HUONG	*****854	20	CT10122223-CT10122242
TT KHCC MIEN BAC 1	LA QUOC DUC	*****126	1	CT10101834-CT10101834
HUB THE VA TIN CHAP MN	LA TAN DAT	*****528	2	CT10103452-CT10103453
CN BINH DUONG	LA THANH	*****349	47	CT10069020-CT10069066
CN QUANG NINH	LA THANH DUC	*****632	3	CT10143371-CT10143373
CN TP. HO CHI MINH	LA THANH HUU	*****658	11	CT10085364-CT10085374
CN NHA TRANG	LA THE BAO	*****054	2	CT10048743-CT10048744
CN NHA TRANG	LA THI HANH	*****129	3	CT10056525-CT10056527
PGD LE THAI TO	LA THI HIEN	*****893	1	CT10126162-CT10126162
PGD LE CHAN	LA THI LAN	*****109	1	EB10001378-EB10001378
PGD LE QUANG DINH	LA THI MINH NGAN	*****182	10	CT10083804-CT10083813
PGD BACH MAI	LA THI NHUNG	*****984	53	CT10033702-CT10033754
CN HA NOI	LA THI QUE	*****167	1	CT10160007-CT10160007
CN CAU GIAY	LA THI THANH NGA	*****466	7	CT10036406-CT10036412
CN CAU GIAY	LA THI THAO	*****404	16	CT10105984-CT10105999
CN HA DONG	LA THI THU HIEN	*****496	19	CT10043026-CT10043044
HUB THE VA TIN CHAP MB	LA THI THU TRANG	*****090	24	CT10105213-CT10105236
CN DAI AN	LA THI VAN ANH	*****594	2	CT10083792-CT10083793
CN DAK LAK	LA THI VAY	*****285	5	DN10101450-DN10101454
CN THAI NGUYEN	LA TIEN DAT	*****128	1	EB10002877-EB10002877
CN DONG DA	LA TIEN DAT	*****846	7	CT10034618-CT10034624
TT KHCC MIEN BAC 1	LA TIEN DUNG	*****810	22	CT10033267-CT10033277; EB10001213-EB10001213; TD10000066-TD10000075
CN DONG DA	LA TIEN THUAN	*****925	7	CT10061218-CT10061224
PGD MY DINH	LA TIEU HUYEN	*****648	1	EB10000986-EB10000986
PGD NGOC HOI	LA TRUNG KIEN	*****585	14	CT10038043-CT10038056
HUB THE VA TIN CHAP MB	LA TRUNG TUAN	*****402	24	CT10127347-CT10127370
CN HAI PHONG	LA TUAN DUNG	*****095	5	CT10141011-CT10141015
CN HAI DUONG	LA TUONG VY	*****915	5	TD10010236-TD10010240

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN NGOC NAI	LA TUYET NGA	*****753	50	CT10109819-CT10109868
HUB THE CHAP MB 1	LA VAN HUNG	*****033	60	DN10046077-DN10046136
PGD LAN ONG	LA VAN LANG	*****580	4	CT10050123-CT10050126
CN TP. HO CHI MINH	LA VAN TAP	*****357	11	CT10084576-CT10084581; TD10008911-TD10008915
PGD HA LONG	LA VAN THANH	*****034	9	DN10000863-DN10000871
PGD LE HONG PHONG	LA VAN TIEN	*****814	60	DN10000474-DN10000533
CN TAN PHU	LA VINH NAM	*****133	5	CT10138594-CT10138598
TT KHCC MIEN BAC 1	LA XUAN DUNG	*****368	3	CT10026942-CT10026944
PGD NGUYEN HUU HUAN	LAC VAN VAN	*****924	34	CT10010053-CT10010086
HUB PAYROLL MB	LAI ANH TUAN	*****556	62	CT10098401-CT10098462
PGD DONG SON	LAI CHI HIEU	*****492	2	CT10050979-CT10050980
CN THANH XUAN	LAI DUC MINH	*****034	24	CT10142440-CT10142463
CN LANG HA	LAI DUC THUAN	*****959	11	CT10099477-CT10099487
CN DAI AN	LAI DUY VI	*****423	1	CT10003971-CT10003971
CN LONG BIEN	LAI HOANG KIEN	*****336	1	EB10003082-EB10003082
PGD QUAN 8	LAI HUU VINH	*****137	5	CT10069831-CT10069835
CN LONG BIEN	LAI KHANH HUYEN	*****737	1	EB10002554-EB10002554
CN NHA TRANG	LAI KIM THI MY LINH	*****226	1	EB10000035-EB10000035
CN AN GIANG	LAI KIM THUY	*****812	3	DN10001843-DN10001845
HUB THE VA TIN CHAP MB	LAI NGOC LAN	*****061	24	CT10103647-CT10103670
CN DA NANG	LAI NGOC QUYNH CHI	*****949	1	EB10000397-EB10000397
PGD DAI KIM	LAI NGOC THANG	*****555	1	EB10002219-EB10002219
HUB PAYROLL MB	LAI NGOC VAN	*****527	20	CT10134406-CT10134425
HUB THE VA TIN CHAP MB	LAI NGOC VAN	*****527	20	DN10040459-DN10040478
PGD TAY HO	LAI PHI HUNG	*****815	10	CT10122077-CT10122086
TT KH CC MIEN BAC 2	LAI PHU LOC	*****791	24	CT10165958-CT10165981
CN DONG DA	LAI QUOC THIEU	*****978	17	CT10122783-CT10122799
TT KHCC MIEN BAC 1	LAI QUOC TUAN	*****084	1	CT10076457-CT10076457
PGD NGOC HOI	LAI QUY THAI	*****923	1	EB10000301-EB10000301
CN HA NOI	LAI TAT HA	*****373	19	CT10081303-CT10081321

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	LAI THANH HA	*****398	25	CT10115359-CT10115383
CN DONG DA	LAI THI HANG	*****545	5	CT10103137-CT10103141
PGD THANG LONG	LAI THI HIEN	*****774	1	EB10000043-EB10000043
CN BAC NINH	LAI THI HONG NGA	*****173	1	CT10003069-CT10003069
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAI THI HONG VAN	*****447	26	CT10092118-CT10092143
PGD BACH MAI	LAI THI HUONG GIANG	*****290	13	CT10109111-CT10109118; TD10002021-TD10002025
CN DONG DA	LAI THI HUYEN	*****026	3	CT10025473-CT10025475
HUB THE VA TIN CHAP MB	LAI THI TAM	*****982	24	CT10163106-CT10163129
CN HA DONG	LAI THI THANH HUYEN	*****508	3	CT10044010-CT10044012
CN HA NOI	LAI THI THU HIEN	*****117	2	CT10042122-CT10042123
HUB THE VA TIN CHAP MB	LAI THI THU HIEN	*****117	7	DN10053626-DN10053632
PGD BA TRIEU	LAI THI TRANG MINH	*****101	8	CT10060200-CT10060207
CN HA NOI	LAI THI TUYET NHUNG	*****128	1	CT10024104-CT10024104
TT KH CC MIEN BAC 2	LAI TRUNG HIEU	*****889	18	CT10102442-CT10102459
CN DAK LAK	LAI VAN BINH	*****611	1	EB10001704-EB10001704
CN THANH XUAN	LAI VAN CUONG	*****493	44	CT10102700-CT10102743
PGD NGUYEN HUU HUAN	LAI VAN HAI	*****754	5	CT10024184-CT10024188
CN BAC NINH	LAI VAN HIEU	*****066	13	CT10104636-CT10104638; TD10001561-TD10001570
PGD PHO YEN	LAI VAN QUAN	*****240	10	CT10062014-CT10062023
CN HAI PHONG	LAI VIET TUAN	*****271	1	EB10003058-EB10003058
PGD TAN PHAT	LAI XUAN YEN	*****201	1	EB10001664-EB10001664
CN SAI GON	LAM ANH TUAN	*****567	20	CT10130569-CT10130588
CN CA MAU	LAM BA TONG	*****554	20	CT10075179-CT10075193; TD10007696-TD10007700
CN CAN THO	LAM CHI NAM	*****112	1	CT10092936-CT10092936
CN BINH DUONG	LAM CHI QUOC	*****191	2	CT10134202-CT10134203
CN HAI AN	LAM DUC NGOC	*****070	1	EB10001544-EB10001544
CN HUE	LAM HO THUY VY	*****119	1	CT10020898-CT10020898
CN BINH DUONG	LAM HOANG HIEP	*****193	111	DN10104927-DN10105026; EB10002473-EB10002473; TD10007461-TD10007470
CN SAI GON	LAM HOANG THANH	*****404	8	CT10096616-CT10096623

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN KHANH	LAM HONG DIEM NGOC	*****422	1	EB10000693-EB10000693
PGD DONG SON	LAM HONG HIEP	*****822	1	EB10000300-EB10000300
PGD PHU HUNG	LAM HUY HAI	*****703	1	CT10043142-CT10043142
PGD HOA BINH	LAM MINH HUNG	*****621	5	CT10019379-CT10019383
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAM MINH NHUT	*****754	1	CT10021149-CT10021149
HUB THE CHAP MN	LAM MY HOA	*****599	47	DN10078276-DN10078321; EB10001891-EB10001891
CN PHU MY HUNG	LAM NGOC BAO LONG	*****312	9	CT10137357-CT10137365
CN KIEN GIANG	LAM NGOC BICH	*****957	7	CT10043546-CT10043552
CN CA MAU	LAM NGOC LAN PHUONG	*****383	100	DN10097653-DN10097752
CN SO GIAO DICH	LAM NGOC QUANG	*****015	6	CT10085143-CT10085148
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAM NGOC THAO	*****970	2	CT10159973-CT10159974
TT KH CC MIEN BAC 2	LAM NGOC THUY	*****024	4	CT10110125-CT10110128
CN KIEN GIANG	LAM NGOC TRAM	*****875	10	CT10076889-CT10076898
CN TAN PHU	LAM NGOC TRAN QUANG	*****641	2	CT10007002-CT10007003
CN DAI AN	LAM NHAT SON	*****371	3	CT10115693-CT10115695
CN TAN PHU	LAM PHAT NGAN	*****417	154	CT10088437-CT10088446; DN10039847-DN10039984; EB10003205-EB10003205; TD10009741-TD10009745
CN SAI GON	LAM PHU THANH	*****867	12	CT10014026-CT10014037
PGD NGUYEN NGOC NAI	LAM PHUC QUANG	*****732	54	CT10059283-CT10059287; DN10087990-DN10088033; TD10004441-TD10004445
CN TP. HO CHI MINH	LAM PHUOC LOC	*****360	1	EB10001624-EB10001624
CN SAI GON	LAM PHUONG NGOC	*****207	1	CT10056395-CT10056395
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAM QUANG MINH	*****882	2	CT10117608-CT10117609
PGD SOC SON	LAM QUOC HA	*****736	3	CT10154468-CT10154470
CN CA MAU	LAM QUOC THANG	*****309	43	CT10051453-CT10051456; DN10075381-DN10075413; EB10001809-EB10001809; TD10003136-TD10003140

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LAM QUOC VINH	*****602	14	CT10147500-CT10147513
CN DA NANG	LAM SO DUNG	*****945	1	CT10139453-CT10139453
CN KIEN GIANG	LAM TAN CUONG	*****866	10	CT10156968-CT10156977
CN DONG NAI	LAM TAN THONG	*****172	1	CT10038683-CT10038683
CN DONG DA	LAM THANH HAI	*****465	12	CT10030463-CT10030474
CN TP. HO CHI MINH	LAM THANH NGHE	*****535	1	CT10002866-CT10002866
PGD CAM PHA	LAM THANH SON	*****592	1	EB10002322-EB10002322
CN TP. HO CHI MINH	LAM THANH THUONG	*****721	15	CT10054349-CT10054363
CN SO GIAO DICH	LAM THE CHAU	*****564	25	CT10166689-CT10166713
CN DAK LAK	LAM THI CUC	*****449	5	DN10082377-DN10082381
CN AN GIANG	LAM THI DIEM	*****606	3	DN10026098-DN10026100
CN THANH XUAN	LAM THI HAI YEN	*****581	3	CT10067840-CT10067842
HUB PAYROLL MN	LAM THI HIEN	*****024	1	EB10002315-EB10002315
CN HUE	LAM THI MINH HUE	*****681	1	CT10133867-CT10133867
PGD HA LONG	LAM THI TAM	*****870	3	DN10000066-DN10000068
CN LONG BIEN	LAM THI THU HANG	*****472	1	EB10001894-EB10001894
CN TAN BINH	LAM THI THU HUONG	*****779	1	CT10007451-CT10007451
PGD BOTANIC	LAM THI THU THUY	*****267	2	CT10000862-CT10000863
CN HUE	LAM THI THUY DUNG	*****564	3	DN10006611-DN10006613
CN BINH DUONG	LAM THI THUY LOAN	*****179	1	CT10136098-CT10136098
CN BINH DINH	LAM THUC TRINH	*****953	8	CT10159964-CT10159971
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAM THUY NGAN	*****175	4	CT10099001-CT10099004
CN SAI GON	LAM TUAN NHAN	*****224	15	CT10101062-CT10101076
PGD CAM RANH	LAM VAN DONG	*****073	1	EB10002087-EB10002087
PGD PHU LAM	LAM VAN HAI	*****320	7	CT10033836-CT10033842
PGD NGUYEN CONG TRU	LAM VINH BINH	*****703	9	CT10106265-CT10106273
CN VINH PHUC	LANG THI HAN	*****367	5	DN10088516-DN10088520
PGD LENIN	LANG VAN DUNG	*****088	9	CT10061056-CT10061064
PGD TO HIEU	LANH THI MINH	*****293	1	EB10002995-EB10002995
CN TP. HO CHI MINH	LANH THU UYEN	*****258	1	EB10002524-EB10002524
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAO CONG TAM	*****406	24	CT10058990-CT10059013
HUB THE VA TIN CHAP MN	LAY KIM LIEN	*****815	1	CT10123156-CT10123156

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BA RIA	LE AI CHAU	*****430	1	CT10102139-CT10102139
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE AN TOAN	*****889	25	CT10018858-CT10018882
CN SAI GON	LE ANH DANG LINH	*****003	1	CT10025164-CT10025164
CN LONG BIEN	LE ANH DAO	*****015	39	CT10100017-CT10100055
CN CAN THO	LE ANH DAO	*****358	2	CT10064273-CT10064274
CN DONG DA	LE ANH DUC	*****148	5	CT10064800-CT10064804
HUB PAYROLL MB	LE ANH DUNG	*****666	4	CT10139449-CT10139452
CN THAI NGUYEN	LE ANH DUNG	*****153	8	CT10123401-CT10123408
CN THANH XUAN	LE ANH DUNG	*****525	17	CT10081617-CT10081633
CN DAI AN	LE ANH DUY	*****642	21	CT10154967-CT10154987
CN TAN THANH	LE ANH DUY	*****024	1	CT10117981-CT10117981
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE ANH HAI	*****453	19	CT10045098-CT10045116
PGD HO TUNG MAU	LE ANH HUNG	*****785	50	CT10085764-CT10085813
CN DONG DA	LE ANH HUNG	*****853	25	CT10033114-CT10033138
CN DONG NAI	LE ANH KIET	*****883	1	EB10000574-EB10000574
PGD VAN XUAN	LE ANH KY	*****048	12	CT10043927-CT10043938
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE ANH LONG	*****656	5	TD10004706-TD10004710
CN THANH XUAN	LE ANH PHAN	*****264	3	CT10154252-CT10154254
PGD TRAN HUNG DAO	LE ANH PHUOC	*****665	10	CT10101042-CT10101051
PGD KHAM THIEN	LE ANH QUAN	*****057	1	CT10138166-CT10138166
CN SO GIAO DICH	LE ANH SON	*****335	1	CT10095778-CT10095778
CN DAI AN	LE ANH SON	*****239	1	EB10001989-EB10001989
PGD SO SAO	LE ANH THANG	*****530	1	EB10001443-EB10001443
CN TAN BINH	LE ANH THONG	*****875	2	CT10093539-CT10093540
PGD LAN ONG	LE ANH THU	*****694	25	CT10035817-CT10035841
CN NHA TRANG	LE ANH THU	*****711	1	EB10000233-EB10000233
PGD TRAN DUY HUNG	LE ANH TIEN	*****486	26	CT10049717-CT10049742
CN DAI AN	LE ANH TOAN	*****046	33	CT10012192-CT10012224
PGD TRAN PHU	LE ANH TRUNG	*****214	1	EB10003113-EB10003113
CN SO GIAO DICH	LE ANH TU	*****757	3	CT10057092-CT10057094
CN LONG BIEN	LE ANH TUAN	*****514	4	CT10162022-CT10162025
CN THANH XUAN	LE ANH TUAN	*****514	2	CT10137066-CT10137067
PGD TAY HO	LE ANH TUAN	*****534	16	CT10142244-CT10142259
PGD TRAN PHU	LE ANH TUAN	*****008	13	CT10081531-CT10081543

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	LE ANH TUAN	*****019	1	CT10149667-CT10149667
PGD HONG BANG	LE ANH TUAN	*****124	5	CT10117766-CT10117770
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	LE ANH TUAN	*****127	11	CT10018053-CT10018063
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE ANH TUAN	*****188	18	CT10064013-CT10064030
PGD HO DAC DI	LE ANH TUAN	*****206	12	CT10070550-CT10070561
PGD VINH HAI	LE ANH TUAN	*****309	1	CT10142681-CT10142681
CN THAI NGUYEN	LE ANH TUAN	*****362	10	CT10152489-CT10152498
CN NGHE AN	LE ANH TUAN	*****532	11	CT10145159-CT10145169
CN CAU GIAY	LE ANH TUAN	*****793	7	CT10110535-CT10110541
CN HA TINH	LE ANH TUAN	*****899	24	CT10156095-CT10156118
PGD LE THANH TONG	LE ANH TUAN	*****932	4	CT10080346-CT10080349
CN DONG DA	LE ANH TUYET	*****279	34	CT10047894-CT10047927
CN LANG HA	LE ANH TUYET	*****400	1	EB10000611-EB10000611
CN THANH XUAN	LE ANH TUYET	*****553	12	CT10105882-CT10105893
CN LANG HA	LE ANH VAN	*****645	5	CT10123509-CT10123513
SEABANK LE DUAN	LE ANH VAN	*****652	15	CT10143446-CT10143460
CN TP. HO CHI MINH	LE ANH VIET	*****330	2	CT10127536-CT10127537
PGD LACH TRAY 1	LE ANH VU	*****224	40	CT10083372-CT10083411
CN THANH XUAN	LE ANH VU	*****012	15	CT10012617-CT10012631
CN BINH DINH	LE ANH VUONG	*****045	3	CT10155596-CT10155598
TT KH CC MIEN BAC 2	LE ANH XUAN	*****648	23	CT10011450-CT10011472
CN TAN BINH	LE BA	*****081	4	CT10163895-CT10163898
PGD MY DINH	LE BA DUONG	*****199	10	CT10047435-CT10047439; TD10002321-TD10002325
PGD NGUYEN THAI SON	LE BA HIEU	*****557	2	CT10052058-CT10052059
CN NGHE AN	LE BA HUNG	*****977	2	CT10062039-CT10062040
CN HAI DUONG	LE BA PHUC	*****650	1	CT10020920-CT10020920
CN AN GIANG	LE BA PHUOC	*****473	5	CT10155546-CT10155550
PGD TRUNG NHI	LE BA TOAN	*****145	4	CT10010903-CT10010906
CN DONG NAI	LE BA VIET	*****943	1	EB10003324-EB10003324
CN DAI AN	LE BACH HOA	*****105	1	CT10118950-CT10118950
PGD XUAN LA	LE BAO CHAU	*****687	134	CT10121441-CT10121574

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	LE BAO HOA	*****958	14	CT10022318-CT10022331
CN SO GIAO DICH	LE BAO KHUE	*****758	1	EB10001784-EB10001784
CN THANH XUAN	LE BAO VIET	*****182	10	CT10165442-CT10165451
CN DA NANG	LE BAY	*****409	7	CT10110832-CT10110838
CN SO GIAO DICH	LE BICH HIEN	*****544	1	EB10002376-EB10002376
PGD NGO GIA TU	LE BICH THUY	*****338	8	CT10076440-CT10076447
CN THANH XUAN	LE BICH UYEN	*****334	10	CT10147003-CT10147012
CN TAN BINH	LE CA MY	*****756	7	CT10073231-CT10073237
CN NGHE AN	LE CAM VAN	*****008	1	EB10003271-EB10003271
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE CAN THO	*****134	13	CT10122011-CT10122023
TT KH CC MIEN BAC 2	LE CANH DUY	*****433	6	CT10038959-CT10038964
CN THAI NGUYEN	LE CAO HUY	*****950	75	DN10003018-DN10003092
TT KHCC MIEN BAC 1	LE CHI DUNG	*****321	1	CT10102569-CT10102569
CN SO GIAO DICH	LE CHI HIEU	*****527	30	CT10082275-CT10082304
CN HA NOI	LE CHI HUNG	*****529	1	CT10150449-CT10150449
PGD MY DINH	LE CHI NGHIA	*****680	9	CT10149064-CT10149072
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE CHIEN CONG	*****674	25	CT10037787-CT10037811
HUB THE CHAP MB 1	LE CHIEN THANG	*****057	3	CT10102238-CT10102240
HUB PAYROLL MB	LE CHIEN THANG	*****572	68	CT10146479-CT10146531; TD10000876-TD10000890
CN DA NANG	LE CHIEU HAI	*****095	1	EB10000827-EB10000827
CN BAC NINH	LE CHIEU TINH	*****017	50	CT10083722-CT10083771
PGD HAO NAM	LE CHINH DAI	*****391	1	CT10127408-CT10127408
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE CHUNG	*****152	16	CT10139313-CT10139328
CN LANG HA	LE CHUNG KIEN	*****732	10	CT10002586-CT10002595
CN THANH HOA	LE CHUNG THANH	*****362	15	CT10017857-CT10017871
CN THANH HOA	LE CONG ANH	*****670	1	EB10002755-EB10002755
PGD THU DUC	LE CONG DONG	*****019	1	EB10002779-EB10002779
CN DAI AN	LE CONG DUNG	*****478	2	CT10057898-CT10057899
CN DA NANG	LE CONG DUNG	*****834	7	CT10162847-CT10162853
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE CONG HA	*****773	13	CT10063323-CT10063335
CN DAK LAK	LE CONG HAI	*****065	2	CT10020077-CT10020078

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN HUNG DAO	LE CONG HANH VIEN	*****062	8	CT10068741-CT10068748
CN TIEN GIANG	LE CONG LUAN	*****404	2	CT10036890-CT10036891
PGD NUI THANH	LE CONG PHUC	*****038	3	CT10019233-CT10019235
PGD CONG HOA	LE CONG THANH	*****504	5	CT10163630-CT10163634
CN DAI AN	LE CONG TRUNG	*****697	1	CT10018188-CT10018188
CN SAI GON	LE CONG TRUNG	*****778	7	CT10022723-CT10022729
PGD TRAN HUNG DAO	LE CONG TUAN ANH	*****832	2	CT10025520-CT10025521
CN TP. HO CHI MINH	LE CONG VUONG	*****478	3	CT10156965-CT10156967
CN HUE	LE CUU DAT	*****325	5	CT10137530-CT10137534
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DAC KIEN	*****442	1	CT10085960-CT10085960
PGD TIEN AN	LE DAC NGHIA	*****374	1	EB10000929-EB10000929
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DAC SON	*****552	1	CT10110542-CT10110542
CN SO GIAO DICH	LE DAI NAM	*****299	21	CT10006806-CT10006826
PGD QUAN THANH	LE DAI THANH	*****127	10	CT10084354-CT10084363
PGD SO SAO	LE DANG ANH	*****370	1	CT10114730-CT10114730
CN HAI PHONG	LE DANG HA ANH	*****394	190	DN10077196-DN10077385
PGD LE QUANG DINH	LE DANG KHOA	*****698	2	CT10085202-CT10085203
CN SAI GON	LE DANG KHOA	*****224	2	CT10076824-CT10076825
CN HAI PHONG	LE DANG MINH	*****845	12	CT10103804-CT10103815
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE DIEN	*****719	10	CT10145406-CT10145415
CN VINH PHUC	LE DIEN CHUAN	*****788	12	CT10135145-CT10135146; DN10005988-DN10005997
PGD BACH MAI	LE DIEU HA	*****405	24	CT10008310-CT10008333
CN CAU GIAY	LE DIEU LINH	*****296	29	CT10142683-CT10142711
PGD DAO TAN	LE DINH AN	*****042	4	CT10071150-CT10071153
CN DA NANG	LE DINH ANH	*****096	15	CT10066231-CT10066245
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE DINH BAU	*****163	17	CT10030372-CT10030388
PGD NGUYEN LUONG BANG	LE DINH CHINH	*****782	10	TD10000016-TD10000025
CN BINH DUONG	LE DINH CHUNG	*****895	2	CT10042426-CT10042427
PGD HAM NGHI	LE DINH CUONG	*****188	1	EB10003107-EB10003107
CN DAI AN	LE DINH CUONG	*****390	1	CT10078747-CT10078747

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	LE DINH CUONG	*****561	64	CT10047111-CT10047174
CN CAU GIAY	LE DINH DAT	*****220	25	CT10121725-CT10121749
PGD XUAN LA	LE DINH DINH	*****110	15	CT10033631-CT10033645
PGD KHAM THIEN	LE DINH DONG	*****234	18	CT10011761-CT10011778
PGD SO SAO	LE DINH DUNG	*****354	1	CT10047368-CT10047368
PGD HOANG DIEU	LE DINH DUONG	*****829	2	CT10158909-CT10158910
CN BAC NINH	LE DINH HAI	*****330	1	EB10002094-EB10002094
PGD THANH DONG	LE DINH HIEU	*****724	9	CT10033995-CT10034003
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE DINH HUNG	*****176	24	CT10095881-CT10095904
PGD NGUYEN VAN CU	LE DINH KHAN	*****372	3	CT10056674-CT10056676
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE DINH KHANH	*****993	14	CT10055258-CT10055271
PGD DOI CAN	LE DINH LAP	*****652	25	CT10155753-CT10155777
PGD BA TRIEU	LE DINH NAM	*****334	3	CT10030369-CT10030371
CN CAN THO	LE DINH NGUYEN	*****027	2	CT10144590-CT10144591
CN HA TINH	LE DINH NHAT	*****994	10	TD10005041-TD10005050
SEABANK LE DUAN	LE DINH PHUC	*****764	49	CT10088175-CT10088223
PGD VAN XUAN	LE DINH QUANG	*****303	11	CT10165360-CT10165370
PGD HO TUNG MAU	LE DINH THAI	*****797	1	CT10100843-CT10100843
PGD LACH TRAY 1	LE DINH THANH	*****451	1	EB10000692-EB10000692
PGD HO GUOM	LE DINH TIEN	*****201	25	CT10054587-CT10054611
PGD THU DAU 1	LE DINH TINH	*****750	160	DN10093370-DN10093529
CN HA DONG	LE DINH TRI	*****701	22	CT10100637-CT10100658
CN TAN BINH	LE DINH TRONG HIEU	*****747	14	CT10043143-CT10043156
CN HA DONG	LE DINH TUYEN	*****634	36	CT10017027-CT10017062
CN CAN THO	LE DINH VAN KHANH	*****702	2	CT10070845-CT10070846
CN HAI AN	LE DO HOANG DUONG	*****880	20	CT10087832-CT10087851
CN TP. HO CHI MINH	LE DO VAN ANH	*****890	15	CT10138092-CT10138106
PGD THU DUC	LE DOAN	*****230	62	CT10030480-CT10030541
CN BAC NINH	LE DOAN DAC	*****923	1	CT10004900-CT10004900
CN NHA TRANG	LE DOAN DUY KHANG	*****371	1	EB10001713-EB10001713
CN HAI PHONG	LE DOAN QUANG	*****581	6	CT10100209-CT10100214
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DOAN THANG	*****970	16	CT10040819-CT10040824; TD10001261-TD10001270
PGD VINH HAI	LE DONG DUNG	*****537	1	CT10143491-CT10143491

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	LE DONG THANH	*****066	1	CT10048821-CT10048821
PGD HO DAC DI	LE DONG THANH	*****005	1	EB10000678-EB10000678
TT KH CC MIEN BAC 2	LE DUC ANH	*****722	20	CT10082463-CT10082482
CN DONG DA	LE DUC ANH	*****907	1	EB10001003-EB10001003
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE DUC ANH	*****907	19	CT10091234-CT10091252
PGD THANG LONG	LE DUC ANH	*****155	1	EB10001512-EB10001512
CN THAI NGUYEN	LE DUC ANH	*****236	10	CT10054648-CT10054657
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE DUC ANH	*****510	1	CT10030698-CT10030698
CN DONG DA	LE DUC ANH	*****541	1	EB10002319-EB10002319
CN NGHE AN	LE DUC ANH	*****627	1	CT10033331-CT10033331
PGD TRAN DUY HUNG	LE DUC ANH VU	*****110	26	CT10120156-CT10120181
CN HAI PHONG	LE DUC CONG	*****000	35	CT10111719-CT10111743; TD10002531-TD10002540
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DUC DAN	*****012	3	CT10037016-CT10037018
CN HAI PHONG	LE DUC DUNG	*****730	55	DN10034328-DN10034377; TD10009146-TD10009150
CN SAI GON	LE DUC DUNG	*****737	93	CT10073322-CT10073414
CN HAI PHONG	LE DUC DUNG	*****863	3	CT10118062-CT10118064
CN DAI AN	LE DUC DUONG	*****972	6	CT10099055-CT10099060
CN TAN BINH	LE DUC DUY	*****797	1	CT10068409-CT10068409
CN THANH HOA	LE DUC GIANG	*****947	5	TD10008406-TD10008410
CN HAI PHONG	LE DUC HAI	*****079	16	CT10141509-CT10141524
CN DA NANG	LE DUC HANH	*****931	20	CT10141461-CT10141480
CN SO GIAO DICH	LE DUC HANH	*****955	1	CT10111705-CT10111705
CN THANH XUAN	LE DUC HIEP	*****532	1	CT10104498-CT10104498
CN NHA TRANG	LE DUC HUY	*****692	1	CT10142494-CT10142494
PGD NGUYEN AN NINH	LE DUC HUYNH	*****573	25	CT10014089-CT10014113
CN DAI AN	LE DUC KIEN	*****101	4	CT10044705-CT10044708
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DUC LUU	*****290	2	CT10041295-CT10041296
PGD HAI TAN	LE DUC MAN	*****915	19	CT10102516-CT10102529; TD10000641-TD10000645
PGD LAN ONG	LE DUC MINH	*****712	23	CT10039542-CT10039564
PGD LAN ONG	LE DUC MINH	*****420	25	CT10021018-CT10021042

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE DUC MINH	*****472	9	DN10068534-DN10068542
CN DONG NAI	LE DUC NIEM	*****321	1	CT10057510-CT10057510
CN DAI AN	LE DUC PHU	*****022	1	EB10002324-EB10002324
PGD LAC LONG QUAN	LE DUC TAM	*****695	2	CT10160342-CT10160343
CN BINH DINH	LE DUC THANH	*****014	5	CT10032052-CT10032056
PGD LACH TRAY 2	LE DUC THE	*****332	1	EB10002224-EB10002224
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DUC THO	*****160	50	CT10119440-CT10119489
CN THANH XUAN	LE DUC THO	*****897	56	CT10155812-CT10155867
HUB PAYROLL MB	LE DUC THUAN	*****279	25	CT10004481-CT10004505
PGD HAI TAN	LE DUC THUAN	*****929	3	CT10088941-CT10088943
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE DUC THUAN	*****221	24	CT10060561-CT10060584
CN LANG HA	LE DUC THUAN	*****642	4	CT10021183-CT10021186
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DUC THUY	*****075	2	CT10096933-CT10096934
CN VINH PHUC	LE DUC TIEN	*****743	4	CT10063163-CT10063166
PGD THANH CONG	LE DUC TOAN	*****333	3	CT10150070-CT10150072
SEABANK LE DUAN	LE DUC TRONG	*****932	3	CT10128013-CT10128015
CN HAI AN	LE DUC TUNG	*****513	1	EB10002178-EB10002178
CN LANG HA	LE DUC TUNG	*****620	24	CT10128022-CT10128035; TD10004936-TD10004945
CN NHA TRANG	LE DUC TUNG	*****657	1	EB10002265-EB10002265
CN CAU GIAY	LE DUC TUNG	*****787	28	CT10058609-CT10058636
CN QUANG NINH	LE DUC VIET	*****203	13	CT10164068-CT10164080
PGD VINH HAI	LE DUC VIET	*****211	4	CT10130302-CT10130305
CN PHU MY HUNG	LE DUC VIET ANH	*****174	3	CT10111161-CT10111163
TT KHCC MIEN BAC 1	LE DUNG	*****565	1	CT10061275-CT10061275
CN LANG HA	LE DUY	*****005	20	CT10034246-CT10034265
PGD XUAN KHANH	LE DUY CUONG	*****796	8	CT10038413-CT10038420
PGD TRUNG HOA	LE DUY HAI	*****860	3	CT10099986-CT10099987; EB10001307-EB10001307
PGD DAO TAN	LE DUY HUNG	*****202	5	CT10050291-CT10050295
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE DUY KHANG	*****874	11	CT10002391-CT10002401

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE DUY LINH	*****703	1	CT10114393-CT10114393
CN TIEN GIANG	LE DUY NHAN	*****824	3	CT10084675-CT10084677
CN BINH DUONG	LE DUY PHONG	*****273	1	CT10040059-CT10040059
CN BINH DUONG	LE DUY PHUONG	*****093	1	CT10018035-CT10018035
PGD TON THAT TUNG	LE DUY PHUONG	*****674	2	CT10010952-CT10010953
CN HAI PHONG	LE DUY TAN	*****149	9	CT10049944-CT10049952
CN HAI PHONG	LE DUY THAI	*****659	8	CT10089929-CT10089936
CN NHA TRANG	LE DUY VU	*****432	3	CT10085528-CT10085530
CN HA DONG	LE GIA DAT	*****359	50	CT10119686-CT10119735
CN THANH XUAN	LE GIA LONG	*****664	11	CT10151542-CT10151552
PGD LY THUONG KIET-DN	LE GIA SONG TOAN	*****636	7	CT10057324-CT10057330
PGD THANH CONG	LE GIANG LINH	*****508	9	CT10090666-CT10090674
TT KHCC MIEN BAC 1	LE GIANG NAM	*****899	12	CT10111413-CT10111424
PGD NGOC HOI	LE GIANG SON	*****602	10	CT10114429-CT10114438
CN VUNG TAU	LE HA	*****058	1	CT10092887-CT10092887
CN NHA TRANG	LE HA CHUC	*****131	1	EB10002556-EB10002556
CN DA NANG	LE HAI	*****687	7	CT10046628-CT10046634
PGD DAI KIM	LE HAI ANH	*****911	14	CT10090761-CT10090774
CN SO GIAO DICH	LE HAI CHI	*****678	2	CT10068789-CT10068790
CN THANH XUAN	LE HAI DANG	*****578	1	EB10002293-EB10002293
PGD TRUNG NHI	LE HAI LAM	*****558	5	CT10025049-CT10025053
TT KHCC MIEN BAC 1	LE HAI LY	*****754	7	CT10048441-CT10048447
PGD BA TRIEU	LE HAI TRIEU	*****353	58	CT10123568-CT10123625
CN HAI DUONG	LE HAI YEN	*****422	5	TD10007606-TD10007610
CN KIEN GIANG	LE HANH MAI	*****566	5	CT10118727-CT10118731
CN TP. HO CHI MINH	LE HAU GIANG	*****363	1	EB10001769-EB10001769
CN TAN BINH	LE HO HIEP	*****371	1	EB10002697-EB10002697
CN DA NANG	LE HO NHU PHUOC	*****848	3	CT10136208-CT10136210
CN DA NANG	LE HOA BINH	*****399	3	CT10141204-CT10141206
CN SO GIAO DICH	LE HOA NAM	*****734	38	CT10050823-CT10050849; EB10001823-EB10001823; TD10003196-TD10003205
CN NHA TRANG	LE HOAI HA QUYEN	*****772	1	EB10000878-EB10000878

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE HOAI LINH	*****668	21	CT10032965-CT10032979; EB10001211-EB10001211; TD10000011-TD10000015
TT KHCC MIEN BAC 1	LE HOAI NAM	*****070	3	CT10114187-CT10114189
PGD MY DINH	LE HOAI NAM	*****167	1	CT10156837-CT10156837
CN THANH XUAN	LE HOAI NAM	*****217	2	CT10016706-CT10016707
PGD DAO TAN	LE HOAI NAM	*****218	27	CT10057391-CT10057417
CN THAI NGUYEN	LE HOAI NAM	*****446	2	CT10069561-CT10069562
PGD DIEN KHANH	LE HOAI NAM	*****563	5	CT10138979-CT10138983
CN HA DONG	LE HOAI THU	*****343	95	DN10095171-DN10095260; TD10002411-TD10002415
CN NHA TRANG	LE HOAI THU	*****779	1	EB10002103-EB10002103
PGD CONG HOA	LE HOAN TRAM ANH	*****490	1	EB10001525-EB10001525
PGD NGUYEN THAI SON	LE HOAN VU	*****931	1	EB10000360-EB10000360
CN BINH DUONG	LE HOANG	*****950	1	CT10119905-CT10119905
PGD PHU LAM	LE HOANG AI KHANH	*****164	1	CT10101896-CT10101896
PGD TRAN KHAT CHAN	LE HOANG ANH	*****002	9	CT10124659-CT10124667
CN CAN THO	LE HOANG ANH	*****513	1	CT10136097-CT10136097
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE HOANG ANH	*****946	24	CT10002725-CT10002748
CN DA NANG	LE HOANG ANH	*****689	2	CT10156331-CT10156332
CN SAI GON	LE HOANG ANH THU	*****759	1	EB10000092-EB10000092
CN LONG BIEN	LE HOANG CHINH	*****585	1	CT10042126-CT10042126
CN DONG DA	LE HOANG DUNG	*****304	10	TD10002096-TD10002105
CN TAN BINH	LE HOANG DUONG	*****420	1	CT10062347-CT10062347
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HOANG KHAI	*****517	24	CT10137196-CT10137219
PGD DIEN KHANH	LE HOANG KIM	*****079	5	CT10141147-CT10141151
CN TAN BINH	LE HOANG LAM	*****186	3	CT10048960-CT10048962
PGD CAM RANH	LE HOANG LAM	*****704	14	CT10150410-CT10150423
PGD HOA BINH	LE HOANG MAN	*****717	1	CT10038903-CT10038903
CN QUANG NGAI	LE HOANG MINH	*****443	1	CT10130445-CT10130445
HUB PAYROLL MB	LE HOANG NAM	*****206	26	CT10053860-CT10053885
PGD XUAN LA	LE HOANG NAM	*****474	16	CT10134244-CT10134254; TD10005926-TD10005930
PGD LE VAN SY	LE HOANG NHAN	*****242	1	EB10001707-EB10001707
PGD BA RIA	LE HOANG NHAN	*****601	1	CT10016437-CT10016437

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA TINH	LE HOANG NHON	*****832	2	CT10076886-CT10076887
CN TAN BINH	LE HOANG NI	*****614	3	CT10117973-CT10117975
PGD LACH TRAY 2	LE HOANG NINH	*****789	14	DN10078426-DN10078438; EB10001908-EB10001908
CN DAI AN	LE HOANG PHUONG	*****492	11	EB10000169-EB10000169; TD10005861-TD10005870
PGD KHANH HOI	LE HOANG PHUONG	*****361	8	CT10055882-CT10055889
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HOANG PHUONG UYEN	*****642	14	CT10105943-CT10105956
CN NGHE AN	LE HOANG QUAN	*****466	1	CT10101714-CT10101714
PGD NGOC HOI	LE HOANG SON	*****035	15	CT10098690-CT10098704
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HOANG SON	*****979	2	CT10001017-CT10001018
CN SO GIAO DICH	LE HOANG THANH	*****025	3	CT10010049-CT10010051
PGD THU DUC	LE HOANG THIEN AN	*****809	1	EB10003290-EB10003290
CN HUE	LE HOANG TINH	*****672	4	CT10115555-CT10115558
CN CA MAU	LE HOANG VINH	*****870	1	CT10046199-CT10046199
TT KH CC MIEN BAC 2	LE HOANG VU	*****189	2	CT10106278-CT10106279
CN DA NANG	LE HOANG VU	*****839	5	CT10055055-CT10055059
CN HA DONG	LE HOANG YEN	*****983	1	CT10005938-CT10005938
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE HONG ANH	*****827	39	CT10093280-CT10093318
CN HA DONG	LE HONG DIEP	*****116	48	CT10142784-CT10142831
PGD KHAM THIEN	LE HONG GIANG	*****207	24	CT10147191-CT10147214
CN BAC NINH	LE HONG HA	*****539	30	CT10016833-CT10016862
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HONG HAO	*****985	4	CT10149597-CT10149600
PGD LANG THUONG	LE HONG HIEP	*****453	10	CT10113593-CT10113602
CN HAI PHONG	LE HONG HUNG	*****051	23	CT10165055-CT10165077
CN DA NANG	LE HONG LONG	*****426	2	CT10053130-CT10053131
CN LONG BIEN	LE HONG MINH	*****081	19	CT10064767-CT10064785
CN HAI DUONG	LE HONG NGAI	*****627	7	DN10054401-DN10054407
CN LONG BIEN	LE HONG NHAT	*****465	1	EB10002772-EB10002772
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE HONG NHUNG	*****238	1	CT10139559-CT10139559
CN TP. HO CHI MINH	LE HONG NHUNG	*****422	7	CT10123157-CT10123163
PGD THU DUC	LE HONG NHUNG	*****422	1	EB10000691-EB10000691

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGOC LAM	LE HONG NHUNG	*****660	10	TD10007196-TD10007205
CN DONG DA	LE HONG PHONG	*****098	25	CT10065403-CT10065427
CN HA NOI	LE HONG PHONG	*****905	25	CT10003098-CT10003122
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HONG PHONG	*****284	22	CT10056731-CT10056752
PGD HAI DANG	LE HONG PHONG	*****756	59	CT10160837-CT10160842; DN10092851-DN10092893; TD10005156-TD10005165
PGD NGUYEN SY SACH	LE HONG PHUONG	*****365	1	CT10141186-CT10141186
CN HA TINH	LE HONG QUAN	*****914	28	CT10121037-CT10121041; DN10082760-DN10082782
PGD HONG BANG	LE HONG QUANG	*****739	1	CT10057830-CT10057830
HUB THE CHAP MN	LE HONG SON	*****371	1	CT10134950-CT10134950
CN HAI AN	LE HONG SON	*****885	1	CT10055890-CT10055890
CN DAI AN	LE HONG SON	*****093	4	CT10083172-CT10083175
PGD SAO DO	LE HONG TAI	*****168	43	DN10019491-DN10019523; TD10006511-TD10006520
CN LANG HA	LE HONG TAN	*****088	3	CT10072104-CT10072106
TT KHCC MIEN BAC 1	LE HONG THANG	*****668	4	CT10078307-CT10078310
PGD DA KAO	LE HONG THINH	*****285	4	CT10018653-CT10018656
PGD NGUYEN THAI SON	LE HONG THU	*****784	2	CT10003637-CT10003638
PGD BINH TAN	LE HONG TOT	*****093	1	EB10000269-EB10000269
PGD VAN QUAN	LE HONG TRANG	*****335	1	CT10119595-CT10119595
PGD TRUONG QUANG TRONG	LE HONG VINH	*****742	6	CT10050893-CT10050898
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HONG XUAN	*****912	1	CT10161539-CT10161539
CN DONG NAI	LE HUNG LAM	*****106	22	CT10166207-CT10166218; TD10008231-TD10008240
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HUNG MINH	*****265	24	CT10087989-CT10088012
CN HA NOI	LE HUNG NAM	*****067	33	CT10004901-CT10004933
CN TP. HO CHI MINH	LE HUNG PHONG	*****555	3	CT10056210-CT10056212
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HUNG QUYET	*****690	24	CT10167156-CT10167179

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	LE HUNG VUONG	*****788	1	CT10133741-CT10133741
CN DA NANG	LE HUONG	*****541	5	CT10014646-CT10014650
CN DAI AN	LE HUONG THUY	*****403	12	CT10116064-CT10116075
CN LONG BIEN	LE HUONG TRANG	*****509	1	CT10157212-CT10157212
CN HAI AN	LE HUU ANH	*****869	1	EB10000641-EB10000641
CN SO GIAO DICH	LE HUU BAU	*****034	5	CT10138375-CT10138379
PGD NUI THANH	LE HUU CUONG	*****577	3	CT10127214-CT10127216
CN HAI AN	LE HUU DONG	*****955	1	EB10000385-EB10000385
CN THANH HOA	LE HUU DUC	*****081	9	CT10024378-CT10024386
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HUU DUNG	*****848	8	CT10044520-CT10044527
CN HAI AN	LE HUU DUNG	*****861	17	CT10120952-CT10120963; TD10003641-TD10003645
CN TAN BINH	LE HUU HIEN	*****326	5	CT10087189-CT10087193
CN DAI AN	LE HUU HIEN	*****832	1	CT10148742-CT10148742
HUB PAYROLL MB	LE HUU HOANG	*****477	24	CT10079839-CT10079862
CN HAI AN	LE HUU KHANG	*****510	12	CT10115433-CT10115439; TD10002891-TD10002895
CN BINH DUONG	LE HUU MANH	*****373	38	CT10120240-CT10120277
PGD VINH HOANG	LE HUU NAM	*****731	1	EB10000263-EB10000263
CN DA NANG	LE HUU NAM	*****750	2	CT10043662-CT10043663
CN THANH XUAN	LE HUU NHUAN	*****625	1	CT10003037-CT10003037
CN DA NANG	LE HUU PHUOC	*****093	1	CT10150710-CT10150710
CN HUE	LE HUU PHUOC	*****081	2	CT10133314-CT10133315
CN QUANG NINH	LE HUU QUANG	*****061	3	CT10035189-CT10035191
PGD HAI TAN	LE HUU QUANG	*****135	2	CT10013841-CT10013842
PGD DAO TAN	LE HUU SON TUNG	*****993	5	CT10079680-CT10079684
CN SAI GON	LE HUU TUAN HUY	*****475	1	CT10045827-CT10045827
PGD NGUYEN SY SACH	LE HUY CUONG	*****535	5	TD10001921-TD10001925
CN DAI AN	LE HUY DOAN	*****003	3	CT10122346-CT10122348
PGD HO TUNG MAU	LE HUY DUONG	*****917	2	CT10096798-CT10096799
CN HA DONG	LE HUY HOANG	*****007	14	CT10085984-CT10085997
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HUY HOANG	*****203	1	CT10128886-CT10128886
HUB THE CHAP MB 1	LE HUY HOP	*****491	20	DN10005044-DN10005063
CN NHA TRANG	LE HUY KHOI NGUYEN	*****935	1	EB10003220-EB10003220

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	LE HUY LAM	*****899	5	CT10116030-CT10116034
CN DAI AN	LE HUY MINH	*****956	5	TD10009336-TD10009340
PGD VAN QUAN	LE HUY THANG	*****774	5	CT10041606-CT10041610
PGD THANH SEN	LE HUY TRUNG	*****702	7	CT10001463-CT10001469
CN DONG DA	LE HUYEN NGOC	*****200	14	CT10052070-CT10052083
CN TP. HO CHI MINH	LE HUYEN NHUNG	*****163	1	CT10140373-CT10140373
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE HUYEN PHUONG UYEN	*****239	6	CT10018503-CT10018503; TD10008701-TD10008705
CN BAC NINH	LE HUYEN TRANG	*****758	14	CT10139876-CT10139884; TD10009151-TD10009155
CN NHA TRANG	LE HUYNH ANH THUAN	*****937	1	EB10000381-EB10000381
CN TIEN GIANG	LE HUYNH BICH TUYEN	*****745	6	CT10085120-CT10085120; TD10008811-TD10008815
CN BINH DINH	LE HUYNH CONG TRANG	*****879	3	CT10119410-CT10119412
CN BINH DUONG	LE HUYNH PHUONG THAO	*****310	2	CT10143705-CT10143706
CN DAI AN	LE KHA HUNG	*****911	3	CT10138010-CT10138012
PGD TON DAN	LE KHAC GIANG	*****152	1	CT10096545-CT10096545
CN DA NANG	LE KHAC HONG	*****041	1	CT10014242-CT10014242
PGD TUYEN SON	LE KHAC KHUONG	*****769	2	CT10097214-CT10097215
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE KHAC TRUNG	*****797	57	CT10071303-CT10071359
PGD DI AN	LE KHAC TRUONG	*****510	1	EB10002437-EB10002437
CN CA MAU	LE KHAC VU	*****994	1	CT10149306-CT10149306
CN DONG DA	LE KHANH LINH	*****008	8	CT10164414-CT10164421
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE KHANH NAM	*****074	12	CT10087416-CT10087427
CN DA NANG	LE KHANH TOAN	*****589	4	CT10142987-CT10142990
CN NGHE AN	LE KHANH TUNG	*****358	79	DN10107621-DN10107699
PGD THAI THINH	LE KHANH VAN	*****394	1	CT10147305-CT10147305
CN DA NANG	LE KHANH YEN	*****432	24	CT10152571-CT10152594
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE KHOA	*****781	15	DN10098214-DN10098228
CN DAI AN	LE KIEU TRANG	*****624	15	CT10065061-CT10065075
CN SAI GON	LE KIEU TRINH	*****420	1	EB10000923-EB10000923
PGD HAM NGHI	LE KIM ANH	*****347	1	EB10002708-EB10002708
CN BINH DUONG	LE KIM HAU	*****148	9	CT10062119-CT10062127

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KHAM THIEN	LE KIM KHANH	*****763	5	TD10009856-TD10009860
PGD BACH DANG	LE KIM NGAN	*****243	17	CT10070902-CT10070918
CN NHA TRANG	LE KIM NGOC VU	*****109	1	EB10002806-EB10002806
HUB PAYROLL MN	LE KIM NHUNG	*****958	1	EB10001281-EB10001281
CN DAI AN	LE KIM OANH	*****585	7	CT10157525-CT10157531
PGD DAI KIM	LE KIM QUY	*****339	6	CT10083454-CT10083459
PGD NGUYEN THAI SON	LE KIM SANG	*****120	2	CT10116109-CT10116110
CN AN GIANG	LE KIM THUY	*****633	3	DN10093364-DN10093366
CN QUANG NGAI	LE LAM QUANG	*****659	2	CT10073302-CT10073303
PGD DAO TAN	LE LAN PHUONG	*****269	2	CT10004113-CT10004114
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE LIEM	*****001	2	CT10034529-CT10034530
PGD KIM VAN	LE LINH CHI	*****797	2	CT10068362-CT10068363
PGD TRAN PHU	LE LOC PHU NAM	*****502	1	EB10002251-EB10002251
CN DA NANG	LE LUONG NGOC MAI	*****599	2	CT10056139-CT10056140
CN TP. HO CHI MINH	LE LUU THI TRA MY	*****957	1	EB10001077-EB10001077
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MAI ANH	*****103	10	CT10013827-CT10013836
PGD TAY HO	LE MAI ANH	*****103	171	DN10097904-DN10098073; EB10001043-EB10001043
CN SO GIAO DICH	LE MAI ANH	*****081	1	EB10001386-EB10001386
CN DAK LAK	LE MAI NGHIA	*****947	15	CT10132857-CT10132861; TD10005996-TD10006005
PGD SAO MAI	LE MAI NGOC HUYEN	*****676	5	TD10010096-TD10010100
CN HA DONG	LE MAI TUYET	*****023	5	CT10063392-CT10063396
CN DA NANG	LE MANH CHANH	*****038	2	CT10091262-CT10091263
PGD LANG THUONG	LE MANH CUONG	*****930	7	CT10015606-CT10015612
CN THANH XUAN	LE MANH DUNG	*****057	35	CT10154089-CT10154123
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MANH HA	*****226	25	CT10162091-CT10162115
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LE MANH HA	*****226	1	EB10001435-EB10001435
PGD NGUYEN THAI SON	LE MANH HA	*****964	9	CT10139276-CT10139284
CN HAI AN	LE MANH HA	*****970	44	CT10054263-CT10054267; DN10077607-DN10077640; TD10003381-TD10003385

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KHANH HOI	LE MANH HO	*****532	1	EB10002831-EB10002831
CN HAI PHONG	LE MANH HUNG	*****275	7	CT10002851-CT10002857
CN CAU GIAY	LE MANH HUNG	*****416	22	CT10134180-CT10134201
PGD HO NAI	LE MANH HUNG	*****986	2	CT10157872-CT10157873
CN HAI AN	LE MANH NINH	*****692	7	CT10067890-CT10067896
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MANH THANG	*****540	10	CT10133360-CT10133369
CN BINH DUONG	LE MANH TIEN	*****569	3	CT10002231-CT10002233
CN HAI PHONG	LE MANH TOAN	*****868	3	CT10028584-CT10028586
TT KHCC MIEN BAC 1	LE MANH TU	*****862	2	CT10057587-CT10057588
PGD TRAN DUY HUNG	LE MANH TUNG	*****338	10	CT10094933-CT10094942
CN DONG DA	LE MANH TUNG	*****969	1	CT10102568-CT10102568
CN THANH XUAN	LE MINH	*****558	12	CT10143692-CT10143703
PGD LAC LONG QUAN	LE MINH	*****745	2	CT10072475-CT10072476
CN HAI PHONG	LE MINH	*****315	3	CT10079137-CT10079139
CN HAI PHONG	LE MINH BANG	*****001	5	CT10002664-CT10002668
PGD BOTANIC	LE MINH CHAU	*****147	4	CT10149714-CT10149717
CN HUE	LE MINH CHAU	*****718	1	CT10101061-CT10101061
PGD LY THUONG KIET-DN	LE MINH CHUNG	*****186	1	CT10165585-CT10165585
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MINH CU	*****345	6	DN10076180-DN10076185
CN DONG DA	LE MINH DAO	*****098	1	CT10072783-CT10072783
PGD DONG SON	LE MINH DAT	*****585	30	DN10066924-DN10066953
CN TP. HO CHI MINH	LE MINH DAT	*****615	11	CT10119491-CT10119501
CN DONG DA	LE MINH DUC	*****020	12	CT10094126-CT10094137
CN HA NOI	LE MINH DUC	*****964	1	CT10014053-CT10014053
CN HUE	LE MINH DUC	*****342	3	CT10163159-CT10163161
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MINH DUC	*****353	25	CT10045148-CT10045172
PGD TAY HO	LE MINH DUNG	*****246	49	CT10023023-CT10023071
SEABANK LE DUAN	LE MINH DUNG	*****756	4	CT10033034-CT10033037
PGD TRAN DUY HUNG	LE MINH DUOC	*****338	5	CT10136620-CT10136624
PGD NGO GIA TU	LE MINH HAI	*****008	15	CT10163748-CT10163762

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TON THAT TUNG	LE MINH HAI	*****008	25	CT10061308-CT10061332
CN HA DONG	LE MINH HANG	*****371	10	CT10002478-CT10002487
CN TAN BINH	LE MINH HIEN	*****900	2	CT10106623-CT10106624
CN TAN BINH	LE MINH HUNG	*****024	2	CT10078653-CT10078654
CN QUANG NGAI	LE MINH HUY	*****300	2	CT10052635-CT10052636
CN TAN PHU	LE MINH KHANH	*****071	1	CT10092595-CT10092595
PGD AU CO	LE MINH LAN	*****181	1	EB10000026-EB10000026
CN NHA TRANG	LE MINH LIEM	*****564	1	EB10000475-EB10000475
CN SO GIAO DICH	LE MINH NGOC	*****154	6	CT10100941-CT10100946
PGD THAI THINH	LE MINH NGOC	*****724	14	CT10086740-CT10086753
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE MINH PHI	*****154	25	CT10137922-CT10137946
PGD XUAN LA	LE MINH PHUC	*****675	16	DN10045593-DN10045603; TD10010076-TD10010080
PGD HOA BINH	LE MINH PHUONG	*****724	40	DN10025279-DN10025318
PGD NGUYEN VAN CU	LE MINH PHUONG	*****010	11	DN10092008-DN10092018
CN SAI GON	LE MINH QUANG	*****589	25	CT10075033-CT10075057
CN SAI GON	LE MINH TAI	*****026	1	CT10094212-CT10094212
CN TP. HO CHI MINH	LE MINH TAM	*****102	1	CT10031204-CT10031204
PGD VAN XUAN	LE MINH THANH	*****352	1	CT10134503-CT10134503
CN CAU GIAY	LE MINH THONG	*****133	1	CT10095035-CT10095035
CN PHU MY HUNG	LE MINH THONG	*****728	3	CT10088326-CT10088328
PGD LAN ONG	LE MINH THU	*****769	25	CT10156062-CT10156086
PGD BA RIA	LE MINH THUAN	*****689	2	CT10132943-CT10132944
PGD QUAN 1	LE MINH TRONG	*****857	2	CT10160589-CT10160590
PGD QUAN 10	LE MINH TRUNG	*****697	300	DN10067825-DN10068124
CN SAI GON	LE MINH TU	*****725	1	EB10002636-EB10002636
PGD TRAN DUY HUNG	LE MINH TUAN	*****092	1	CT10037894-CT10037894
PGD SAO DO	LE MINH TUAN	*****093	15	DN10064466-DN10064480
CN HAI PHONG	LE MINH TUAN	*****768	3	CT10132868-CT10132870
CN AN GIANG	LE MINH TUAN	*****387	2	CT10023021-CT10023022
CN THANH HOA	LE MINH TUAN	*****406	5	TD10006991-TD10006995
PGD TRUONG QUANG TRONG	LE MINH TUAN	*****684	2	CT10152247-CT10152248
CN TIEN GIANG	LE MINH VU	*****557	2	CT10053106-CT10053107
CN CAN THO	LE MINH VUONG	*****173	2	CT10060060-CT10060061

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VAN XUAN	LE MY DUYEN	*****686	1	EB10001515-EB10001515
CN DAI AN	LE MY HANH	*****148	10	CT10022155-CT10022164
CN HA DONG	LE MY LINH	*****477	26	CT10124340-CT10124365
CN NHA TRANG	LE MY PHUONG	*****152	3	CT10158010-CT10158012
HUB PAYROLL MB	LE NA	*****794	25	CT10028698-CT10028722
CN DA NANG	LE NAM	*****865	7	CT10098661-CT10098667
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE NANG TUNG	*****385	11	CT10063598-CT10063608
PGD CAM RANH	LE NGO DUC HOANG	*****586	1	EB10001811-EB10001811
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE NGOC	*****043	27	CT10037391-CT10037417
PGD LANG THUONG	LE NGOC ANH	*****021	10	TD10002926-TD10002935
CN DAI AN	LE NGOC ANH	*****636	17	CT10048922-CT10048938
TT KHCC MIEN BAC 1	LE NGOC ANH	*****685	9	CT10117244-CT10117246; EB10001953-EB10001953; TD10003501-TD10003505
CN TAN PHU	LE NGOC ANH	*****168	8	CT10061042-CT10061044; TD10004366-TD10004370
PGD QUAN 11	LE NGOC ANH	*****269	2	CT10027812-CT10027813
CN DONG DA	LE NGOC ANH	*****662	2	CT10075541-CT10075542
CN NHA TRANG	LE NGOC ANH	*****769	11	CT10088550-CT10088560
CN HA NOI	LE NGOC BAO	*****795	2	CT10026206-CT10026207
CN LANG HA	LE NGOC DIEM MY	*****571	17	CT10070315-CT10070331
CN THAI NGUYEN	LE NGOC DOAN	*****509	2	CT10164288-CT10164289
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE NGOC DUNG	*****309	24	CT10056478-CT10056501
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE NGOC GIAP	*****296	29	CT10143816-CT10143844
CN THANH XUAN	LE NGOC HIEN	*****730	2	CT10085958-CT10085959
CN HAI PHONG	LE NGOC HOA	*****396	2	CT10061216-CT10061217
CN HAI AN	LE NGOC HUNG	*****381	5	DN10049475-DN10049479
CN CAN THO	LE NGOC HUNG	*****642	1	CT10163671-CT10163671
CN AN GIANG	LE NGOC HUONG	*****296	3	DN10043830-DN10043832
CN SAI GON	LE NGOC HUU	*****089	2	CT10099568-CT10099569
PGD HOANG DIEU	LE NGOC HUY	*****837	1	CT10041287-CT10041287
CN TAN PHU	LE NGOC KHANH	*****248	1	CT10065705-CT10065705
PGD BINH TAN	LE NGOC LAM	*****623	2	CT10118170-CT10118171
CN THAI NGUYEN	LE NGOC MAI	*****129	1	CT10084765-CT10084765
CN TAN BINH	LE NGOC MINH CHAU	*****845	5	TD10002701-TD10002705

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD AU CO	LE NGOC MINH NGUYEN	*****953	1	CT10160493-CT10160493
CN THANH HOA	LE NGOC NHAT	*****639	5	TD10007716-TD10007720
CN TAN BINH	LE NGOC NHI	*****978	2	CT10120654-CT10120655
CN THANH XUAN	LE NGOC QUAN	*****467	7	CT10038445-CT10038451
CN TAN BINH	LE NGOC QUANG	*****387	2	CT10080781-CT10080782
PGD HO TUNG MAU	LE NGOC QUANG	*****597	12	CT10148211-CT10148222
CN DAI AN	LE NGOC QUANG	*****110	4	CT10159687-CT10159690
PGD HO TUNG MAU	LE NGOC QUANG	*****052	28	CT10079140-CT10079167
PGD HO TUNG MAU	LE NGOC QUYEN	*****450	20	CT10028775-CT10028794
CN THANH HOA	LE NGOC QUYET	*****717	20	DN10054718-DN10054737
CN HAI DUONG	LE NGOC SI	*****173	6	CT10097672-CT10097677
CN TAN BINH	LE NGOC SINH	*****820	10	CT10064441-CT10064450
PGD TON DAN	LE NGOC SON	*****229	1	CT10096766-CT10096766
CN VUNG TAU	LE NGOC SON	*****514	5	TD10003266-TD10003270
CN DAI AN	LE NGOC SUC	*****190	4	CT10068134-CT10068137
CN CAN THO	LE NGOC THI	*****638	66	DN10079507-DN10079572
CN TAN BINH	LE NGOC THUY	*****439	2	CT10044745-CT10044746
CN HA DONG	LE NGOC THUY	*****904	40	CT10022008-CT10022047
SEABANK LE DUAN	LE NGOC THUY	*****563	15	CT10155311-CT10155325
PGD TAY HO	LE NGOC THUY TIEN	*****390	1	CT10048800-CT10048800
CN DA NANG	LE NGOC TINH	*****214	1	CT10139329-CT10139329
CN QUANG NGAI	LE NGOC TO UYEN	*****011	1	EB10000109-EB10000109
CN SO GIAO DICH	LE NGOC TRAM	*****650	1	CT10139870-CT10139870
CN TIEN GIANG	LE NGOC TRUC HUYNH	*****158	3	CT10081903-CT10081905
PGD CONG HOA	LE NGOC TRUONG	*****599	4	CT10002847-CT10002850
TT KHCC MIEN BAC 1	LE NGOC TU	*****804	11	CT10126877-CT10126887
SEABANK LE DUAN	LE NGOC VU	*****098	26	CT10020091-CT10020116
PGD LE HONG PHONG	LE NGUYEN ANH VU	*****485	100	DN10101760-DN10101859
PGD NGUYEN THAI SON	LE NGUYEN BAO NGAN	*****053	1	CT10028426-CT10028426

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN THAI SON	LE NGUYEN CAO NGUYEN	*****564	1	EB10002881-EB10002881
CN NGHE AN	LE NGUYEN CHUNG	*****192	5	TD10007426-TD10007430
CN SO GIAO DICH	LE NGUYEN CHUONG	*****249	12	CT10086462-CT10086473
PGD HUNG VUONG	LE NGUYEN DIU HUYEN	*****718	2	CT10000430-CT10000430; EB10000296-EB10000296
CN TP. HO CHI MINH	LE NGUYEN HA DUY	*****174	29	CT10051278-CT10051306
CN CAN THO	LE NGUYEN HANH	*****540	19	CT10111564-CT10111577; TD10002596-TD10002600
CN NHA TRANG	LE NGUYEN HANH CHI	*****319	4	CT10164591-CT10164594
CN DA NANG	LE NGUYEN HOANG TIEN	*****569	5	TD10002316-TD10002320
CN TP. HO CHI MINH	LE NGUYEN HONG DIEP	*****325	1	CT10165538-CT10165538
CN SAI GON	LE NGUYEN HONG NGUYEN	*****597	1	EB10000132-EB10000132
SEABANK LE DUAN	LE NGUYEN KIM LOAN	*****065	5	CT10037321-CT10037325
CN NHA TRANG	LE NGUYEN MINH HAI	*****724	3	CT10072477-CT10072479
PGD PHU HUNG	LE NGUYEN NGOC KHANH	*****640	4	CT10055051-CT10055054
CN HUE	LE NGUYEN PHUONG THAO	*****673	12	CT10108993-CT10109004
CN DONG DA	LE NGUYEN SON TUNG	*****347	20	CT10015235-CT10015254
CN BINH DINH	LE NGUYEN SUY	*****386	1	CT10041903-CT10041903
CN VINH PHUC	LE NGUYEN THANH LE	*****275	12	CT10060043-CT10060049; TD10004411-TD10004415
CN AN GIANG	LE NGUYEN TIEU MY	*****424	1	CT10019317-CT10019317
HUB PAYROLL MB	LE NGUYEN TRONG	*****467	10	CT10128003-CT10128012
CN DONG DA	LE NGUYEN TUAN	*****777	9	CT10047324-CT10047332
CN HAI AN	LE NGUYEN VAN LONG	*****262	1	EB10000862-EB10000862
PGD LACH TRAY 1	LE NGUYEN VIET ANH	*****416	4	CT10138548-CT10138551
CN NHA TRANG	LE NGUYEN VU	*****550	1	EB10001065-EB10001065
PGD LAC LONG QUAN	LE NGUYET ANH	*****109	2	CT10140722-CT10140723
CN THAI NGUYEN	LE NHAT DUY	*****559	1	CT10061135-CT10061135
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE NHAT TAN	*****609	1	CT10056599-CT10056599

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	LE NHAT THANG	*****641	7	CT10052864-CT10052870
CN HA DONG	LE NHU HOANG	*****482	12	CT10141449-CT10141460
CN THANH HOA	LE NHU MANH	*****450	6	CT10110132-CT10110137
CN TP. HO CHI MINH	LE NHU NGOC	*****005	4	CT10162067-CT10162070
PGD LE HONG PHONG	LE NHU TAN	*****955	1	CT10163319-CT10163319
CN DA NANG	LE NHUT MY	*****384	1	EB10002300-EB10002300
CN HUE	LE NU HA MIEN	*****921	5	CT10051902-CT10051906
CN DA NANG	LE PHAM HONG OANH	*****045	5	CT10021610-CT10021614
PGD BOTANIC	LE PHAN HOANG PHUONG	*****294	12	CT10014651-CT10014662
CN DAI AN	LE PHAN NGUYEN	*****021	26	CT10009242-CT10009267
SEABANK LE DUAN	LE PHAN THONG	*****894	11	CT10117891-CT10117901
CN TP. HO CHI MINH	LE PHAT DAT	*****629	8	CT10032482-CT10032489
PGD DIEN KHANH	LE PHI LONG	*****036	4	CT10042896-CT10042899
CN SAI GON	LE PHO NHA DU	*****383	1	EB10001659-EB10001659
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE PHONG THANH	*****336	1	CT10060596-CT10060596
CN THANH HOA	LE PHU THU	*****718	10	TD10001326-TD10001335
HUB THE CHAP MN	LE PHUOC HUNG	*****839	4	CT10130110-CT10130113
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE PHUOC THANH QUOC	*****590	3	CT10085261-CT10085263
CN TP. HO CHI MINH	LE PHUOC THIEN AN	*****098	18	CT10079723-CT10079740
CN CA MAU	LE PHUONG ANH	*****012	7	CT10066652-CT10066658
SEABANK LE DUAN	LE PHUONG HOANG	*****056	10	CT10015255-CT10015264
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE PHUONG HUYEN	*****291	3	CT10019314-CT10019316
PGD HOANG DIEU	LE PHUONG KHANH	*****297	2	CT10142629-CT10142630
CN HA NOI	LE PHUONG THAO	*****017	2	CT10049205-CT10049206
CN CAU GIAY	LE PHUONG THAO	*****536	2	CT10058513-CT10058514
PGD LANG THUONG	LE PHUONG THAO	*****768	7	CT10095993-CT10095999
CN SO GIAO DICH	LE PHUONG THAO	*****829	1	EB10000555-EB10000555
CN BINH DINH	LE PHUONG TRINH	*****904	6	CT10003490-CT10003495

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	LE QUAN CAN	*****648	67	CT10070936-CT10071002
PGD NGUYEN AN NINH	LE QUANG BIEN	*****655	1	EB10002529-EB10002529
CN THANH XUAN	LE QUANG BIEN	*****677	1	CT10137372-CT10137372
PGD LANG THUONG	LE QUANG CANH	*****688	87	CT10126102-CT10126115; DN10091139-DN10091206; TD10004786-TD10004790
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE QUANG CUONG	*****011	1	CT10151606-CT10151606
CN PHU MY HUNG	LE QUANG DANG	*****478	3	CT10123286-CT10123288
CN SO GIAO DICH	LE QUANG DAT	*****752	4	CT10026854-CT10026857
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE QUANG DIEU	*****685	8	CT10096734-CT10096741
CN NHA TRANG	LE QUANG DINH	*****673	38	CT10066421-CT10066452; EB10000107-EB10000107; TD10005606-TD10005610
PGD NGOC HOI	LE QUANG DUY	*****455	7	CT10044312-CT10044318
CN LANG HA	LE QUANG HAI	*****040	5	CT10013062-CT10013066
CN DAI AN	LE QUANG HIEP	*****915	3	CT10106689-CT10106691
CN HAI AN	LE QUANG HIEP	*****737	18	CT10140375-CT10140377; DN10034574-DN10034583; TD10009161-TD10009165
CN HAI DUONG	LE QUANG HUNG	*****045	2	CT10060255-CT10060256
SEABANK LE DUAN	LE QUANG HUNG	*****628	1	CT10114363-CT10114363
TT KHCC MIEN BAC 1	LE QUANG HUY	*****020	10	CT10083162-CT10083171
PGD THAI THINH	LE QUANG HUY	*****515	50	CT10125485-CT10125534
PGD DA KAO	LE QUANG HUY	*****968	6	CT10097535-CT10097540
PGD HONG BANG	LE QUANG KHANH	*****294	1	CT10121818-CT10121818
CN DONG DA	LE QUANG MANH	*****222	29	CT10095831-CT10095859
PGD NGOC LAM	LE QUANG MANH	*****468	14	CT10063969-CT10063982
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE QUANG MINH	*****459	3	CT10030460-CT10030462
PGD KIM THANH	LE QUANG MINH	*****462	1	EB10000033-EB10000033
CN HUE	LE QUANG MINH	*****521	45	DN10005518-DN10005557; TD10006111-TD10006115

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	LE QUANG MINH	*****684	16	CT10120925-CT10120929; EB10002021-EB10002021; TD10003711-TD10003720
PGD NGOC LAM	LE QUANG NINH	*****231	4	CT10090698-CT10090701
PGD LANG THUONG	LE QUANG THE	*****754	12	CT10104511-CT10104522
CN HUE	LE QUANG TOAN	*****028	12	CT10056295-CT10056306
CN BAC NINH	LE QUANG TRI	*****375	12	CT10001451-CT10001462
PGD HO TUNG MAU	LE QUANG TRUONG	*****076	20	CT10090380-CT10090394; TD10009846-TD10009850
CN THANH XUAN	LE QUANG TU	*****025	25	CT10081878-CT10081902
CN TIEN GIANG	LE QUANG TU	*****028	9	CT10072205-CT10072213
CN THANH XUAN	LE QUANG TUAN	*****677	10	CT10160912-CT10160921
CN BINH DINH	LE QUANG TUAN	*****384	9	CT10036892-CT10036900
CN HUE	LE QUANG TUAN	*****988	1	CT10066386-CT10066386
CN HA NOI	LE QUANG TUNG	*****726	15	CT10078002-CT10078016
PGD LENIN	LE QUANG TUYEN	*****281	16	DN10004841-DN10004855; EB10000192-EB10000192
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE QUANG VINH	*****825	9	CT10046566-CT10046574
CN SO GIAO DICH	LE QUANG VU	*****435	1	EB10002492-EB10002492
PGD TRUNG HOA	LE QUOC ANH	*****629	57	CT10037334-CT10037390
HUB THE CHAP MN	LE QUOC CUONG	*****334	43	DN10094578-DN10094620
CN PHU MY HUNG	LE QUOC DAT	*****424	5	CT10078035-CT10078039
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE QUOC DAT	*****576	1	CT10139211-CT10139211
PGD TRAN DUY HUNG	LE QUOC GIANG	*****118	14	CT10077275-CT10077278; TD10007981-TD10007990
PGD QUAN 10	LE QUOC HUY	*****391	1	EB10002560-EB10002560
CN CAU GIAY	LE QUOC KHANH	*****197	8	CT10084037-CT10084044
PGD THU DUC	LE QUOC KHANH	*****510	1	CT10024810-CT10024810
CN LONG BIEN	LE QUOC LONG	*****324	17	CT10043886-CT10043902
CN HA NOI	LE QUOC LUONG	*****163	23	DN10007717-DN10007739
CN TIEN GIANG	LE QUOC THANG	*****626	4	CT10128258-CT10128261
CN DA NANG	LE QUOC THANG	*****825	3	CT10017565-CT10017567
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE QUOC TRUNG	*****671	20	CT10069780-CT10069799
CN AN GIANG	LE QUOC TRUNG	*****134	12	CT10166655-CT10166666
CN DA NANG	LE QUOC TUAN	*****694	16	CT10086879-CT10086894

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	LE QUOC VIET	*****244	5	CT10082739-CT10082743
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE QUOC VU	*****712	2	CT10087955-CT10087956
PGD HO GUOM	LE QUY ANH	*****658	7	CT10102074-CT10102080
CN HAI PHONG	LE QUY BA	*****863	7	CT10161836-CT10161842
CN DA NANG	LE QUY HIEN TAM	*****120	1	CT10002015-CT10002015
PGD PHO YEN	LE QUY HOI	*****939	2	CT10015119-CT10015120
CN DAI AN	LE QUY HONG BAO	*****606	2	CT10062605-CT10062606
PGD HOANG DIEU	LE QUY NHAN	*****389	5	CT10008900-CT10008904
CN HUE	LE QUY PHUC	*****879	2	CT10088514-CT10088515
CN DAI AN	LE QUYEN	*****127	7	CT10147306-CT10147312
PGD YEN PHU	LE QUYET CHIEN	*****110	16	CT10164524-CT10164539
PGD LAC LONG QUAN	LE QUYET CHIEN	*****460	67	CT10000164-CT10000173; DN10007744-DN10007794; EB10000307-EB10000307; TD10006376-TD10006380
CN NHA TRANG	LE QUYET TAM	*****404	1	EB10001010-EB10001010
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE QUYET THANG	*****632	24	CT10007080-CT10007103
PGD NGO GIA TU	LE QUYET THANG	*****927	1	CT10162709-CT10162709
TT KH CC MIEN BAC 2	LE QUYNH ANH	*****541	10	CT10017736-CT10017745
PGD TRAN KHAT CHAN	LE QUYNH ANH	*****665	1	CT10051129-CT10051129
CN SO GIAO DICH	LE QUYNH CHI	*****867	1	CT10083082-CT10083082
PGD XUAN KHANH	LE QUYNH HOA	*****704	2	CT10012956-CT10012957
TT KHCC MIEN BAC 1	LE QUYNH MAI	*****753	1	EB10000547-EB10000547
CN TAN BINH	LE QUYNH NGA	*****594	4	CT10017506-CT10017509
CN SO GIAO DICH	LE QUYNH PHUONG	*****013	51	CT10145365-CT10145405; TD10011271-TD10011280
CN DAI AN	LE QUYNH TRANG	*****939	25	CT10066569-CT10066593
PGD MY CA	LE QUYNH TRANG	*****992	1	EB10001151-EB10001151
HUB PAYROLL MB	LE QUYNH UYEN	*****958	24	CT10167072-CT10167095
PGD NGOC HOI	LE SON HAI	*****718	17	CT10126340-CT10126356
CN HA DONG	LE SON TUNG	*****173	13	CT10022677-CT10022689
CN DA NANG	LE SY DUNG	*****416	11	CT10149779-CT10149789
PGD DIEN BIEN PHU	LE SY LOC	*****093	1	CT10161791-CT10161791
CN LANG HA	LE SY TIEN	*****373	19	CT10087716-CT10087734

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH HOA	LE TAM TRUNG	*****920	1	EB10003105-EB10003105
PGD HOANG DIEU	LE TAN DAT	*****940	5	TD10009521-TD10009525
PGD TUYEN SON	LE TAN HOANG	*****104	20	CT10020992-CT10021011
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE TAN LOC	*****047	1	CT10023080-CT10023080
CN SAI GON	LE TAN PHONG	*****364	12	CT10155525-CT10155536
CN DA NANG	LE TAN PHONG	*****945	8	CT10073089-CT10073096
PGD SO SAO	LE TAN TAI	*****590	10	CT10162413-CT10162422
TT KH CC MIEN BAC 2	LE TANH	*****002	9	CT10056952-CT10056960
PGD DONG SON	LE TAT DAT	*****305	9	CT10120047-CT10120055
PGD DAO TAN	LE TAT DAT	*****713	9	CT10105155-CT10105163
CN TIEN GIANG	LE THAI AN	*****392	3	CT10156683-CT10156685
CN BINH DUONG	LE THAI BINH	*****637	15	TD10001926-TD10001940
CN QUANG NINH	LE THAI HA	*****080	5	CT10020225-CT10020229
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THAI HA	*****589	3	CT10133637-CT10133639
PGD NGUYEN THAI SON	LE THAI HOANG	*****008	14	CT10000818-CT10000831
CN AN GIANG	LE THAI MINH HOANG	*****858	1	EB10000123-EB10000123
PGD MY DINH	LE THAI SON	*****726	2	CT10070770-CT10070771
PGD HO TUNG MAU	LE THAI SON	*****015	1	EB10001464-EB10001464
HUB THE CHAP MN	LE THAI THONG	*****601	39	DN10060043-DN10060081
PGD THANH SEN	LE THANG THE	*****118	1	EB10001419-EB10001419
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THANH	*****854	24	CT10070710-CT10070733
CN NHA TRANG	LE THANH	*****981	1	EB10001921-EB10001921
PGD TUYEN SON	LE THANH AN	*****188	10	CT10058114-CT10058123
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THANH ANH	*****461	42	CT10164994-CT10165024; EB10002754-EB10002754; TD10008191-TD10008200
CN HA DONG	LE THANH BINH	*****168	5	CT10021213-CT10021217
PGD KIM VAN	LE THANH BINH	*****776	50	DN10063296-DN10063345
PGD HO DAC DI	LE THANH BINH	*****872	50	CT10111655-CT10111704
CN TAN THANH	LE THANH BINH	*****962	1	CT10161200-CT10161200
CN HA NOI	LE THANH CHUNG	*****360	1	CT10072251-CT10072251
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THANH CHUNG	*****489	18	CT10005475-CT10005492

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	LE THANH CHUNG	*****604	1	CT10078341-CT10078341
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE THANH DAI	*****080	9	CT10082820-CT10082828
CN CAN THO	LE THANH DAT	*****496	1	CT10038640-CT10038640
PGD HONG BANG	LE THANH DONG	*****249	2	CT10011522-CT10011523
CN HUE	LE THANH DUNG	*****997	12	DN10105774-DN10105780; TD10007616-TD10007620
CN CA MAU	LE THANH DUONG	*****773	9	CT10147296-CT10147304
PGD DUC PHO	LE THANH GIANG	*****486	1	EB10000077-EB10000077
PGD TRAN PHU	LE THANH HA	*****299	25	CT10110441-CT10110465
CN KIEN GIANG	LE THANH HA	*****885	29	CT10086144-CT10086172
CN SO GIAO DICH	LE THANH HAI	*****176	22	CT10137745-CT10137766
CN KIEN GIANG	LE THANH HIEN	*****726	2	CT10126381-CT10126382
CN TAN THANH	LE THANH HIEU	*****630	1	CT10132647-CT10132647
CN TIEN GIANG	LE THANH HUAN	*****603	89	CT10089611-CT10089699
PGD TAN PHAT	LE THANH HUONG	*****938	12	CT10001483-CT10001494
PGD DONG SON	LE THANH HUYEN	*****666	1	EB10002488-EB10002488
CN AN GIANG	LE THANH HUYEN	*****497	1	CT10145493-CT10145493
PGD BACH MAI	LE THANH HUYEN	*****637	1	EB10003096-EB10003096
CN CAN THO	LE THANH LAN	*****202	38	CT10016515-CT10016552
CN DONG NAI	LE THANH LIEM	*****688	1	CT10120046-CT10120046
PGD BA TRIEU	LE THANH LONG	*****000	2	CT10136181-CT10136182
PGD HO DAC DI	LE THANH LONG	*****994	24	CT10036147-CT10036170
CN SO GIAO DICH	LE THANH NGA	*****593	1	CT10158825-CT10158825
PGD LE HONG PHONG	LE THANH NGHI	*****272	1	EB10001116-EB10001116
CN BINH DINH	LE THANH NGHI	*****718	1	CT10022282-CT10022282
CN PHU MY HUNG	LE THANH NGHIA	*****923	1	EB10002119-EB10002119
CN CAN THO	LE THANH NHIEU	*****573	14	CT10130336-CT10130344; TD10005671-TD10005675
CN THANH HOA	LE THANH PHAN	*****966	50	DN10028435-DN10028484
PGD LE HONG PHONG	LE THANH PHAT	*****342	1	EB10000975-EB10000975
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THANH PHONG	*****394	1	CT10149944-CT10149944
PGD PHU HUNG	LE THANH PHUC	*****048	3	CT10084633-CT10084635
CN HAI AN	LE THANH PHUONG	*****762	50	DN10062682-DN10062731
CN SO GIAO DICH	LE THANH PHUONG	*****492	5	CT10011030-CT10011034
CN TAN BINH	LE THANH SANG	*****069	5	TD10006926-TD10006930
CN HA DONG	LE THANH SON	*****247	10	TD10002076-TD10002085

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THANH SON	*****407	12	CT10118281-CT10118292
SEABANK LE DUAN	LE THANH SON	*****612	5	CT10012868-CT10012872
PGD CONG HOA	LE THANH SON	*****792	1	EB10000881-EB10000881
CN TAN BINH	LE THANH TAI	*****238	1	CT10113329-CT10113329
PGD PHU LAM	LE THANH TAI	*****238	1	EB10001479-EB10001479
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THANH TAM	*****652	6	CT10043521-CT10043526
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LE THANH TAM	*****701	40	CT10116202-CT10116241
CN LANG HA	LE THANH TAN	*****173	6	CT10042924-CT10042929
PGD SO SAO	LE THANH THAO	*****108	2	CT10095033-CT10095034
CN TAN BINH	LE THANH THAO	*****597	50	DN10067502-DN10067551
CN AN GIANG	LE THANH THAO NGUYEN	*****150	1	EB10002918-EB10002918
CN PHU MY HUNG	LE THANH THI	*****241	3	CT10125955-CT10125957
CN TP. HO CHI MINH	LE THANH THIEN	*****466	22	CT10065432-CT10065453
PGD LE THANH TONG	LE THANH THUY	*****617	12	DN10087276-DN10087287
CN HA NOI	LE THANH THUY	*****057	1	CT10049233-CT10049233
PGD VAN XUAN	LE THANH THUY TIEN	*****221	1	CT10022225-CT10022225
CN NHA TRANG	LE THANH TIEN	*****146	2	CT10104915-CT10104916
CN TAN PHU	LE THANH TRUC	*****114	1	EB10000582-EB10000582
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THANH TRUNG	*****765	36	CT10141046-CT10141081
CN HAI PHONG	LE THANH TRUNG	*****062	5	CT10114077-CT10114081
PGD DAI TU	LE THANH TRUNG	*****594	5	CT10056707-CT10056711
PGD VINH HAI	LE THANH TUAN	*****046	2	CT10098718-CT10098719
CN DA NANG	LE THANH TUAN	*****186	1	CT10071360-CT10071360
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THANH TUAN	*****367	1	CT10160974-CT10160974
PGD TRAN DUY HUNG	LE THANH TUNG	*****061	11	CT10037478-CT10037488
CN SAI GON	LE THANH TUNG	*****580	1	CT10148921-CT10148921
CN LONG BIEN	LE THANH TUNG	*****176	16	CT10057095-CT10057110
PGD LANG THUONG	LE THANH TUNG	*****294	4	CT10049713-CT10049716
PGD NGUYEN TRAI	LE THANH TUNG	*****792	7	CT10088615-CT10088621

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	LE THANH UYEN	*****870	5	CT10158805-CT10158809
PGD THANH CONG	LE THANH VAN	*****648	25	CT10087428-CT10087452
CN LONG BIEN	LE THANH VI	*****424	6	CT10102463-CT10102468
CN SAI GON	LE THANH VUONG	*****650	42	CT10021965-CT10022006
CN DAI AN	LE THANH XUAN	*****532	1	CT10074885-CT10074885
CN LANG HA	LE THE ANH	*****158	13	CT10009683-CT10009695
PGD HAM NGHI	LE THE ANH	*****609	7	CT10044815-CT10044821
HUB PAYROLL MB	LE THE DINH	*****441	19	CT10026082-CT10026100
CN DA NANG	LE THE HUNG	*****483	5	TD10007051-TD10007055
CN THANH XUAN	LE THE HUNG	*****681	22	CT10157708-CT10157729
CN CAN THO	LE THE PHUONG	*****387	3	CT10076089-CT10076091
PGD HO DAC DI	LE THE SON	*****576	25	CT10159691-CT10159715
CN HAI AN	LE THE THINH	*****584	52	CT10118664-CT10118669; DN10082077-DN10082111; EB10001977-EB10001977; TD10003576-TD10003585
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI AN	*****817	25	CT10054216-CT10054240
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI ANH	*****827	1	CT10016372-CT10016372
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI ANH NGOC	*****389	1	CT10149460-CT10149460
CN TAN THANH	LE THI ANH QUYNH	*****402	1	EB10000315-EB10000315
CN DA NANG	LE THI ANH THUY	*****121	12	CT10144874-CT10144885
CN BAC NINH	LE THI ANH TUYET	*****523	10	TD10004471-TD10004480
PGD TIEN AN	LE THI ANH TUYET	*****523	6	CT10082843-CT10082848
PGD HO DAC DI	LE THI ANH TUYET	*****858	5	TD10000661-TD10000665
PGD BINH TAN	LE THI BACH HUE	*****490	6	EB10002043-EB10002043; TD10003861-TD10003865
CN LANG HA	LE THI BACH VAN	*****520	1	EB10000482-EB10000482
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI BANG TAM	*****227	1	CT10069115-CT10069115
CN TAN THANH	LE THI BAO TRAN	*****691	1	CT10057091-CT10057091
PGD HAM NGHI	LE THI BAO YEN	*****557	2	CT10095694-CT10095695
PGD SO SAO	LE THI BI	*****436	6	CT10017717-CT10017722
PGD DAO TAN	LE THI BICH DIEP	*****249	2	CT10162821-CT10162822
SEABANK LE DUAN	LE THI BICH LIEN	*****399	1	EB10002033-EB10002033
CN TIEN GIANG	LE THI BICH LOC	*****811	5	CT10129442-CT10129446
PGD THAI THINH	LE THI BICH LUA	*****756	4	CT10043138-CT10043141

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	LE THI BICH PHUONG	*****146	1	CT10040594-CT10040594
CN HAI PHONG	LE THI BICH THUY	*****710	13	CT10000161-CT10000163; DN10007815-DN10007824
CN AN GIANG	LE THI BICH THUY	*****488	2	CT10035177-CT10035178
PGD DAO TAN	LE THI BICH THUY	*****866	4	CT10028646-CT10028649
CN SO GIAO DICH	LE THI BICH THUY	*****957	4	CT10066477-CT10066480
CN AN GIANG	LE THI BICH TRANG	*****725	1	CT10092027-CT10092027
PGD BOTANIC	LE THI BICH VAN	*****179	9	CT10028049-CT10028057
CN QUANG NGAI	LE THI BICH VAN	*****235	1	EB10000860-EB10000860
CN TAN BINH	LE THI BICH VAN	*****303	6	CT10019513-CT10019518
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI BINH	*****481	12	CT10162079-CT10162090
CN BAC NINH	LE THI BINH	*****839	5	TD10003671-TD10003675
CN AN GIANG	LE THI BUP	*****469	3	DN10039376-DN10039378
PGD NGOC LAM	LE THI CAM GIANG	*****847	10	CT10050618-CT10050627
CN AN GIANG	LE THI CAM THUY	*****294	3	DN10038502-DN10038504
PGD BA RIA	LE THI CAM THUY	*****589	10	CT10052291-CT10052300
PGD LE CHAN	LE THI CHAU LOAN	*****711	1	EB10001207-EB10001207
CN AN GIANG	LE THI CHI	*****671	3	DN10020268-DN10020270
PGD NGUYEN VAN CU	LE THI CHIEN	*****089	6	DN10076116-DN10076120; EB10001805-EB10001805
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI CO	*****148	5	DN10021797-DN10021801
CN HAI AN	LE THI CUC	*****255	1	EB10001014-EB10001014
CN BINH DUONG	LE THI DAI	*****588	2	CT10044248-CT10044249
PGD TUYEN SON	LE THI DAU	*****189	80	DN10046630-DN10046709
CN BINH DINH	LE THI DE	*****063	3	DN10071006-DN10071008
PGD HOANG DIEU	LE THI DIEM THUY	*****404	6	CT10029242-CT10029247
CN SO GIAO DICH	LE THI DIEU HA	*****610	11	CT10133370-CT10133380
CN HUE	LE THI DIEU HUE	*****552	2	CT10047839-CT10047840
CN SO GIAO DICH	LE THI DIEU LINH	*****899	16	CT10011525-CT10011525; TD10007571-TD10007585
PGD LIM	LE THI DIEU LINH	*****215	1	EB10000135-EB10000135
CN LONG BIEN	LE THI DIEU NGOC	*****568	9	CT10166219-CT10166227
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI DIU	*****426	13	CT10059522-CT10059534
CN DA NANG	LE THI DOANH CHAU	*****083	9	CT10074028-CT10074036
PGD TIEN AN	LE THI DONG	*****426	5	DN10037009-DN10037013
PGD QUANG PHU	LE THI DUC	*****020	5	DN10000418-DN10000422
CN DONG DA	LE THI DUNG	*****277	5	TD10004716-TD10004720

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	LE THI DUNG	*****277	1	EB10000398-EB10000398
CN TIEN GIANG	LE THI DUNG	*****302	1	CT10025476-CT10025476
CN HA DONG	LE THI DUNG	*****932	10	CT10090586-CT10090595
PGD TIEN AN	LE THI DUYEN	*****086	5	DN10027788-DN10027792
CN BINH DINH	LE THI GAI	*****534	3	DN10037385-DN10037387
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI GIANG	*****135	2	CT10040221-CT10040222
CN DA NANG	LE THI GIANG	*****828	2	CT10142078-CT10142079
PGD HONG BANG	LE THI HA	*****535	1	EB10002994-EB10002994
CN BINH DINH	LE THI HA	*****357	3	DN10080045-DN10080047
CN THANH HOA	LE THI HA	*****676	1	CT10073561-CT10073561
CN NHA TRANG	LE THI HA	*****796	3	CT10086253-CT10086255
CN TAN BINH	LE THI HA	*****830	6	CT10128372-CT10128377
SEABANK LE DUAN	LE THI HA GIANG	*****048	50	DN10068628-DN10068677
CN SO GIAO DICH	LE THI HAI	*****947	1	CT10022634-CT10022634
CN NHA TRANG	LE THI HAI	*****428	1	EB10002514-EB10002514
HUB PAYROLL MB	LE THI HAI BINH	*****191	2	CT10163705-CT10163706
PGD TRUNG NHI	LE THI HAI EN	*****905	2	CT10002384-CT10002385
CN DAI AN	LE THI HAI YEN	*****270	28	CT10090883-CT10090910
PGD DAO TAN	LE THI HAI YEN	*****798	1	EB10002064-EB10002064
CN HA DONG	LE THI HAI YEN	*****882	1	CT10063968-CT10063968
PGD HAN THUYEN	LE THI HAI YEN	*****995	2	CT10059607-CT10059608
PGD NGOC HOI	LE THI HANG	*****461	2	CT10072912-CT10072913
PGD QUANG PHU	LE THI HANG	*****067	30	DN10091052-DN10091081
CN LONG BIEN	LE THI HANG	*****129	21	CT10029221-CT10029241
CN BINH DUONG	LE THI HANG	*****136	1	CT10105974-CT10105974
PGD Krong Nang	LE THI HANG	*****244	3	DN10101389-DN10101391
PGD HO DAC DI	LE THI HANG	*****450	6	CT10129448-CT10129453
PGD TRAN PHU	LE THI HANG	*****586	1	CT10049228-CT10049228
CN LONG BIEN	LE THI HANG	*****788	1	EB10000918-EB10000918
PGD THAI THINH	LE THI HANG NGA	*****976	1	EB10001381-EB10001381
PGD TRUNG HOA	LE THI HANH	*****074	14	CT10129914-CT10129927
PGD HANG KENH	LE THI HANH	*****356	1	CT10024351-CT10024351
PGD THANG LONG	LE THI HANH	*****027	1	EB10003161-EB10003161
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE THI HANH	*****255	1	CT10014842-CT10014842
CN QUANG NGAI	LE THI HANH	*****656	3	DN10054160-DN10054162
CN HA TINH	LE THI HANH	*****821	5	DN10045744-DN10045748

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	LE THI HANH NGUYEN	*****499	18	CT10113079-CT10113096
PGD TRAN KHAT CHAN	LE THI HANH TAM	*****320	4	CT10030664-CT10030667
PGD KIM THANH	LE THI HAO	*****217	3	DN10081255-DN10081257
PGD QUAN 10	LE THI HAO	*****754	25	CT10128694-CT10128718
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI HAU	*****490	3	CT10123422-CT10123424
SEABANK LE DUAN	LE THI HAU	*****531	24	CT10087225-CT10087248
PGD TON THAT TUNG	LE THI HAU	*****677	14	CT10141167-CT10141180
CN HAI AN	LE THI HIEN	*****220	1	CT10158732-CT10158732
CN KIEN GIANG	LE THI HIEN	*****251	7	CT10137972-CT10137978
CN HUE	LE THI HIEN	*****551	1	CT10000376-CT10000376
CN THANH HOA	LE THI HIEN	*****931	64	CT10003611-CT10003619; DN10019667-DN10019716; TD10006656-TD10006660
CN NGHE AN	LE THI HIEP	*****027	1	CT10022224-CT10022224
PGD NGUYEN VAN CU	LE THI HIEP	*****379	1	EB10000448-EB10000448
CN AN GIANG	LE THI HIEU	*****241	5	DN10108682-DN10108686
PGD PHU HUNG	LE THI HIEU THAO	*****601	4	CT10105721-CT10105724
CN DONG DA	LE THI HOA	*****052	1	CT10016630-CT10016630
CN VUNG TAU	LE THI HOA	*****021	8	DN10094732-DN10094739
CN HA TINH	LE THI HOA	*****250	5	DN10046940-DN10046944
CN DONG NAI	LE THI HOA	*****577	8	CT10009178-CT10009185
PGD TRAN PHU	LE THI HOA	*****672	5	CT10087323-CT10087327
CN BINH DINH	LE THI HOA	*****856	3	DN10096039-DN10096041
PGD YEN PHU	LE THI HOA HIEN	*****785	1	EB10000054-EB10000054
CN NGHE AN	LE THI HOA THOM	*****798	8	CT10098720-CT10098727
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	LE THI HOA THUONG	*****571	19	CT10102530-CT10102548
CN DAK LAK	LE THI HOAI	*****205	5	DN10051228-DN10051232
PGD NGUYEN SY SACH	LE THI HOAI	*****989	1	EB10003128-EB10003128
CN DA NANG	LE THI HOAI HUONG	*****859	8	CT10154746-CT10154753
CN NHA TRANG	LE THI HOAI THU	*****510	2	CT10040900-CT10040901
CN LANG HA	LE THI HOAI THU	*****840	2	CT10077858-CT10077859
CN THANH HOA	LE THI HOAN	*****971	15	DN10082874-DN10082888

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI HOANG	*****283	2	CT10164847-CT10164848
CN THANH XUAN	LE THI HOANG ANH	*****003	15	CT10059618-CT10059632
CN DONG NAI	LE THI HOANG ANH	*****966	2	CT10076587-CT10076588
PGD TUYEN SON	LE THI HOANG LOAN	*****432	1	EB10002496-EB10002496
CN DA NANG	LE THI HOANG OANH	*****325	3	CT10025077-CT10025079
CN HAI PHONG	LE THI HOANG YEN	*****272	5	CT10036142-CT10036146
PGD CAM PHA	LE THI HONG	*****106	1	EB10002170-EB10002170
CN HA TINH	LE THI HONG	*****100	5	DN10109736-DN10109740
CN HUE	LE THI HONG	*****233	5	DN10088466-DN10088470
CN BINH DINH	LE THI HONG	*****253	3	DN10036299-DN10036301
PGD HO TUNG MAU	LE THI HONG	*****472	17	CT10114644-CT10114660
CN HAI AN	LE THI HONG	*****501	3	CT10061305-CT10061307
CN THANH HOA	LE THI HONG	*****641	2	CT10152076-CT10152077
PGD NGUYEN TRAI	LE THI HONG	*****832	25	DN10040537-DN10040561
PGD KIM VAN	LE THI HONG CHAM	*****391	3	CT10158777-CT10158779
CN LANG HA	LE THI HONG GIANG	*****203	22	CT10030402-CT10030423
CN TP. HO CHI MINH	LE THI HONG GIANG	*****912	1	EB10001068-EB10001068
PGD LENIN	LE THI HONG HANH	*****209	7	CT10163200-CT10163206
CN NGHE AN	LE THI HONG LIEN	*****813	7	CT10019084-CT10019090
CN BINH DINH	LE THI HONG NGOC	*****179	5	DN10001367-DN10001371
CN SAI GON	LE THI HONG NGOC	*****339	4	CT10037825-CT10037828
CN CAU GIAY	LE THI HONG NGUYEN	*****933	45	CT10028142-CT10028186
PGD THAI THINH	LE THI HONG NHUNG	*****273	2	CT10088599-CT10088600
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI HONG NHUNG	*****820	3	CT10040333-CT10040335
CN HAI DUONG	LE THI HONG THAM	*****438	7	CT10161820-CT10161826
CN TP. HO CHI MINH	LE THI HONG THANH	*****001	33	CT10029032-CT10029064
CN THANH HOA	LE THI HONG THANH	*****201	30	DN10045362-DN10045391
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LE THI HUE	*****170	2	CT10077101-CT10077102
CN HA TINH	LE THI HUE	*****088	3	DN10039370-DN10039372
SEABANK LE DUAN	LE THI HUE	*****294	38	CT10118416-CT10118453
PGD THANH SEN	LE THI HUE	*****711	1	EB10002935-EB10002935
CN DA NANG	LE THI HUE	*****813	5	CT10063484-CT10063488
CN NHA TRANG	LE THI HUONG	*****026	1	EB10002579-EB10002579

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	LE THI HUONG	*****299	10	CT10086666-CT10086675
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI HUONG	*****480	3	CT10087063-CT10087065
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI HUONG	*****810	5	DN10098859-DN10098863
PGD LE QUANG DINH	LE THI HUONG	*****845	10	CT10042886-CT10042895
CN HUE	LE THI HUONG	*****968	14	CT10056578-CT10056591
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI HUONG GIANG	*****016	1	CT10012405-CT10012405
CN HA DONG	LE THI HUONG LY	*****598	9	CT10025248-CT10025256
CN LONG BIEN	LE THI HUONG TRA	*****534	8	CT10150487-CT10150494
CN HA DONG	LE THI HUYEN	*****106	1	EB10002501-EB10002501
PGD TU SON	LE THI HUYEN	*****196	1	EB10000497-EB10000497
CN HAI PHONG	LE THI HUYEN	*****300	4	DN10033786-DN10033789
CN THANH HOA	LE THI HUYEN	*****723	7	CT10011263-CT10011269
PGD DAI KIM	LE THI HUYEN	*****941	3	CT10028406-CT10028408
PGD LIM	LE THI HUYEN	*****007	5	CT10071206-CT10071210
PGD TRAN NGUYEN HAN	LE THI HUYEN	*****112	1	EB10000461-EB10000461
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI HUYEN	*****356	15	CT10009337-CT10009351
CN THANH HOA	LE THI HUYEN	*****996	1	CT10152246-CT10152246
CN CAU GIAY	LE THI HUYEN TRANG	*****422	19	CT10157823-CT10157841
CN THANH XUAN	LE THI HUYEN TRANG	*****631	25	CT10040223-CT10040247
CN TP. HO CHI MINH	LE THI HUYEN TRANG	*****886	1	EB10003089-EB10003089
PGD XUAN KHANH	LE THI HUYNH LAN	*****105	4	CT10165043-CT10165046
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI HUYNH MY	*****094	2	CT10142985-CT10142986
PGD NGUYEN VAN CU	LE THI KHANG	*****948	1	EB10000721-EB10000721
PGD THANH CONG	LE THI KHANH HA	*****216	49	CT10015522-CT10015570
CN HAI PHONG	LE THI KHANH LY	*****718	9	CT10037243-CT10037251
CN TP. HO CHI MINH	LE THI KHANH LY	*****927	7	CT10016612-CT10016618
CN TAN BINH	LE THI KHANH VAN	*****110	23	CT10152526-CT10152548
PGD LAC LONG QUAN	LE THI KHANH VAN	*****234	12	CT10151364-CT10151375
PGD DONG CAT	LE THI KIEN	*****155	1	CT10092168-CT10092168

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	LE THI KIEU NGA	*****769	16	CT10117917-CT10117932
CN AN GIANG	LE THI KIEU NUONG	*****727	3	DN10000872-DN10000874
PGD QUANG PHU	LE THI KIEU OANH	*****546	3	DN10106273-DN10106275
PGD VAN QUAN	LE THI KIM ANH	*****249	1	EB10002948-EB10002948
CN DA NANG	LE THI KIM CUC	*****920	1	EB10000489-EB10000489
PGD TUYEN SON	LE THI KIM DINH	*****310	4	CT10064080-CT10064083
PGD NGUYEN HUU HUAN	LE THI KIM DUNG	*****013	39	CT10100215-CT10100253
CN CAU GIAY	LE THI KIM DUNG	*****308	1	CT10090964-CT10090964
CN NHA TRANG	LE THI KIM HOA	*****055	5	DN10007562-DN10007566
CN BAC NINH	LE THI KIM HOA	*****112	1	CT10103688-CT10103688
CN SO GIAO DICH	LE THI KIM LIEN	*****025	5	TD10006746-TD10006750
PGD THANH CONG	LE THI KIM LIEN	*****199	1	EB10003285-EB10003285
CN DA NANG	LE THI KIM LOC	*****551	10	DN10000534-DN10000543
SEABANK LE DUAN	LE THI KIM LOC	*****551	10	CT10154988-CT10154997
CN AN GIANG	LE THI KIM MINH	*****390	1	CT10149705-CT10149705
PGD HOANG DIEU	LE THI KIM MY HANH	*****760	1	EB10002842-EB10002842
PGD BA TRIEU	LE THI KIM NGAN	*****787	1	CT10157216-CT10157216
HUB PAYROLL MN	LE THI KIM NGAN	*****349	1	EB10000991-EB10000991
CN HAI PHONG	LE THI KIM NGOC	*****662	1	CT10007631-CT10007631
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI KIM QUA	*****835	10	DN10109707-DN10109716
CN TIEN GIANG	LE THI KIM SA	*****057	4	CT10019264-CT10019267
CN THAI NGUYEN	LE THI KIM THANH	*****180	1	EB10002147-EB10002147
CN NHA TRANG	LE THI KIM THAO	*****144	1	CT10111706-CT10111706
PGD HANG KENH	LE THI KIM THOA	*****158	22	CT10083674-CT10083695
CN TAN PHU	LE THI KIM THOA	*****058	16	CT10031545-CT10031560
CN TP. HO CHI MINH	LE THI KIM THU	*****077	12	CT10096018-CT10096029
CN TP. HO CHI MINH	LE THI KIM THU	*****490	1	CT10138599-CT10138599
PGD SAI DONG	LE THI KIM THU	*****538	21	CT10001195-CT10001215
CN QUANG NGAI	LE THI KIM TRINH	*****315	5	DN10038147-DN10038151
CN DA NANG	LE THI KIM TUYET	*****041	12	CT10088309-CT10088320
PGD VINH YEN	LE THI KIM UYEN	*****578	54	DN10106447-DN10106494; EB10002578-EB10002578; TD10007656-TD10007660
CN LANG HA	LE THI LAN ANH	*****032	12	CT10080714-CT10080725
CN SO GIAO DICH	LE THI LAN HUONG	*****192	16	CT10116854-CT10116869

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	LE THI LAN HUONG	*****375	1	CT10126488-CT10126488
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI LAN HUONG	*****377	20	DN10076246-DN10076265
CN QUANG NGAI	LE THI LE	*****234	1	CT10075616-CT10075616
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI LE HOA	*****120	2	CT10093207-CT10093208
PGD KIM THANH	LE THI LE QUYEN	*****157	1	CT10106286-CT10106286
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI LIEN	*****664	90	CT10092335-CT10092424
PGD QUANG PHU	LE THI LIEN	*****330	3	DN10027498-DN10027500
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI LIEN	*****460	5	DN10109722-DN10109726
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI LINH	*****089	59	CT10134255-CT10134313
PGD Krong Nang	LE THI LINH	*****777	1	EB10002432-EB10002432
CN DAI AN	LE THI LINH CHI	*****773	2	CT10120076-CT10120077
PGD QUAN 1	LE THI LOAN	*****142	14	CT10128390-CT10128403
CN HAI PHONG	LE THI LOAN	*****629	1	EB10002567-EB10002567
CN BINH DINH	LE THI LOAN	*****314	2	DN10002990-DN10002991
PGD NGUYEN SY SACH	LE THI LOAN	*****409	7	CT10045083-CT10045089
CN BINH DINH	LE THI LONG THOA	*****939	10	TD10003211-TD10003220
CN THANH HOA	LE THI LUONG	*****378	50	DN10024742-DN10024791
PGD THAI THINH	LE THI LUU	*****748	45	CT10099245-CT10099289
CN DAI AN	LE THI LUU	*****899	2	CT10078470-CT10078471
CN AN GIANG	LE THI LUU	*****931	3	DN10070904-DN10070906
CN HAI DUONG	LE THI LUYEN	*****230	11	CT10074683-CT10074693
PGD LIM	LE THI LUYEN	*****989	1	EB10000455-EB10000455
SEABANK LE DUAN	LE THI LY	*****079	8	CT10137178-CT10137185
PGD TRUNG HOA	LE THI MAI	*****825	5	CT10096925-CT10096929
CN DAK LAK	LE THI MAI	*****214	1	EB10001617-EB10001617
PGD TIEN AN	LE THI MAI	*****574	3	DN10105696-DN10105698
PGD TRUNG HOA	LE THI MAI ANH	*****159	1	CT10163990-CT10163990
CN SO GIAO DICH	LE THI MAI ANH	*****490	1	EB10003040-EB10003040
CN THANH HOA	LE THI MAI ANH	*****970	12	CT10017552-CT10017563
CN HA TINH	LE THI MAI HIEN	*****354	1	CT10158918-CT10158918
PGD MY DINH	LE THI MAI HOA	*****824	2	CT10138471-CT10138472
PGD BACH DANG	LE THI MAI PHUONG	*****606	90	DN10086502-DN10086591

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN CONG TRU	LE THI MEN	*****883	1	CT10142072-CT10142072
CN DAK LAK	LE THI MINH	*****751	3	DN10028369-DN10028371
PGD NUI THANH	LE THI MINH ANH	*****388	5	CT10014986-CT10014990
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE THI MINH CHINH	*****014	7	CT10050991-CT10050997
PGD NUI THANH	LE THI MINH DUC	*****039	2	CT10100669-CT10100670
CN THANH XUAN	LE THI MINH HANG	*****875	8	CT10022192-CT10022199
PGD NUI THANH	LE THI MINH HIEN	*****389	2	CT10075612-CT10075613
CN PHU MY HUNG	LE THI MINH HOA	*****568	3	CT10165439-CT10165441
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI MINH LY	*****060	3	CT10161231-CT10161233
CN THANH HOA	LE THI MINH LY	*****207	51	DN10091312-DN10091361; EB10002305-EB10002305
TT KH CC MIEN BAC 2	LE THI MINH NGUYET	*****292	9	DN10080050-DN10080058
PGD DAO TAN	LE THI MINH TAM	*****286	3	CT10160303-CT10160305
CN TAN PHU	LE THI MINH THU	*****384	1	EB10000795-EB10000795
PGD BA TRIEU	LE THI MINH TIEP	*****575	1	CT10030652-CT10030652
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI MINH TRANG	*****551	7	DN10080174-DN10080180
CN DAI AN	LE THI MINH TRANG	*****930	5	CT10009967-CT10009971
PGD HO NAI	LE THI MOC HOA	*****907	1	CT10040738-CT10040738
CN TAN THANH	LE THI MONG THU	*****211	3	CT10100366-CT10100368
CN AN GIANG	LE THI MONG TUYEN	*****769	4	CT10091253-CT10091256
CN DA NANG	LE THI MONG VY	*****347	1	CT10142682-CT10142682
CN TAN BINH	LE THI MUON	*****553	3	CT10007880-CT10007882
CN BINH DINH	LE THI MY DANH	*****652	11	CT10113302-CT10113307; TD10002746-TD10002750
CN TAN PHU	LE THI MY DUNG	*****560	2	CT10070675-CT10070676
CN BINH DINH	LE THI MY DUNG	*****928	4	CT10088913-CT10088916
CN TP. HO CHI MINH	LE THI MY DUYEN	*****011	1	EB10002891-EB10002891
CN NHA TRANG	LE THI MY HA	*****256	1	EB10002905-EB10002905
PGD CONG HOA	LE THI MY HANG	*****981	6	EB10001287-EB10001287; TD10000411-TD10000415
CN HUE	LE THI MY HUYEN	*****026	3	DN10092383-DN10092385
PGD DI AN	LE THI MY TRAN	*****826	1	EB10003090-EB10003090
CN CAN THO	LE THI MY TRUC	*****890	4	CT10003822-CT10003825

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRUONG QUANG TRONG	LE THI MY VAN	*****694	1	CT10101438-CT10101438
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI NA	*****942	25	CT10087505-CT10087529
CN HAI AN	LE THI NGA	*****151	1	CT10071701-CT10071701
CN HA TINH	LE THI NGAN	*****316	3	DN10065108-DN10065110
PGD HO DAC DI	LE THI NGHIA	*****511	10	CT10070120-CT10070129
CN THANH HOA	LE THI NGOAN	*****448	1	CT10016161-CT10016161
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI NGOC	*****154	10	TD10001096-TD10001105
PGD KHANH HOI	LE THI NGOC ANH	*****387	9	CT10016766-CT10016774
PGD QUAN 11	LE THI NGOC BICH	*****086	2	CT10058524-CT10058525
PGD VAN XUAN	LE THI NGOC BICH	*****662	15	CT10134322-CT10134336
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI NGOC HAN	*****347	14	CT10072222-CT10072235
CN PHU MY HUNG	LE THI NGOC HUE	*****417	1	CT10134949-CT10134949
CN SO GIAO DICH	LE THI NGOC HUYEN	*****096	24	CT10123626-CT10123649
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI NGOC LINH	*****181	11	CT10020488-CT10020498
CN DONG NAI	LE THI NGOC MAI	*****055	1	EB10001062-EB10001062
CN TAN PHU	LE THI NGOC MINH	*****311	1	CT10039861-CT10039861
TT KH CC MIEN BAC 2	LE THI NGOC MY	*****002	10	CT10020755-CT10020764
CN CAN THO	LE THI NGOC OANH	*****623	8	CT10013883-CT10013890
CN HUE	LE THI NGOC TAM	*****672	1	CT10163071-CT10163071
CN HUE	LE THI NGOC THAO	*****515	1	CT10099555-CT10099555
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	LE THI NGOC THUY	*****837	1	CT10011154-CT10011154
CN HUE	LE THI NGOC TRAM	*****746	2	DN10093681-DN10093682
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI NGOC UYEN	*****995	24	CT10060632-CT10060655
CN HUE	LE THI NHA UYEN	*****444	3	DN10075163-DN10075165
CN PHU MY HUNG	LE THI NHAN	*****167	2	CT10110887-CT10110888
PGD YEN PHU	LE THI NHAN	*****614	1	CT10073431-CT10073431
CN SO GIAO DICH	LE THI NHAT	*****131	10	CT10066943-CT10066952
PGD VAN XUAN	LE THI NHIEU	*****408	22	CT10015353-CT10015374
CN BINH DINH	LE THI NHO	*****218	3	DN10066888-DN10066890
PGD VAN QUAN	LE THI NHU	*****333	9	CT10069938-CT10069946
CN NHA TRANG	LE THI NHU HUONG	*****494	5	CT10043010-CT10043014

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI NHU MINH	*****462	1	CT10141734-CT10141734
PGD LAN ONG	LE THI NHU NGUYET	*****131	4	CT10009567-CT10009570
PGD THANH CONG	LE THI NHU QUYNH	*****944	3	CT10141181-CT10141183
CN HUE	LE THI NHU Y	*****215	3	DN10021424-DN10021426
CN DAI AN	LE THI NHUNG	*****758	27	CT10138321-CT10138347
PGD KIM VAN	LE THI NHUNG	*****763	1	EB10002149-EB10002149
CN THANH HOA	LE THI NHUNG	*****923	1	CT10058523-CT10058523
CN CAU GIAY	LE THI NHUNG	*****660	1	CT10144966-CT10144966
CN TP. HO CHI MINH	LE THI NHUNG	*****858	8	CT10053085-CT10053092
PGD LACH TRAY 1	LE THI NHUNG	*****886	12	CT10117721-CT10117722; TD10003481-TD10003490
PGD PHU HUNG	LE THI NINH	*****007	27	CT10125168-CT10125194
CN LANG HA	LE THI OANH	*****019	1	CT10011236-CT10011236
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI OANH	*****217	25	CT10104587-CT10104611
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI PHI YEN	*****968	5	DN10003415-DN10003419
SEABANK LE DUAN	LE THI PHONG	*****955	10	CT10057845-CT10057854
CN BINH DUONG	LE THI PHUC	*****661	1	EB10003087-EB10003087
PGD QUAN THANH	LE THI PHUONG	*****210	5	TD10004811-TD10004815
PGD THANG LONG	LE THI PHUONG	*****210	2	CT10111953-CT10111954
PGD LANG THUONG	LE THI PHUONG	*****425	12	CT10038461-CT10038472
PGD VAN QUAN	LE THI PHUONG	*****126	2	CT10079508-CT10079509
PGD NGUYEN TRAI	LE THI PHUONG	*****219	20	DN10080482-DN10080501
CN TAN PHU	LE THI PHUONG	*****352	1	EB10002682-EB10002682
CN THANH HOA	LE THI PHUONG	*****444	2	CT10028969-CT10028970
CN THANH HOA	LE THI PHUONG	*****583	1	CT10137039-CT10137039
PGD HAM NGHI	LE THI PHUONG	*****914	5	TD10007561-TD10007565
PGD TO HIEU	LE THI PHUONG CHAM	*****370	4	CT10100489-CT10100492
PGD QUAN 7	LE THI PHUONG HIEU	*****998	1	EB10001636-EB10001636
CN NHA TRANG	LE THI PHUONG LY	*****963	8	CT10163403-CT10163410
CN DAI AN	LE THI PHUONG THAO	*****566	1	EB10000418-EB10000418
CN TAN THANH	LE THI PHUONG THAO	*****670	11	CT10154695-CT10154705
CN QUANG NGAI	LE THI PHUONG THAO	*****383	4	CT10119020-CT10119023
CN THANH HOA	LE THI PHUONG THUY	*****959	1	CT10135144-CT10135144
CN SO GIAO DICH	LE THI PHUONG TRA	*****845	3	CT10145962-CT10145964

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	LE THI PHUONG TRANG	*****009	9	CT10130008-CT10130016
CN SAI GON	LE THI PHUONG VI	*****726	1	EB10002155-EB10002155
CN THANH HOA	LE THI QUY	*****117	16	CT10132945-CT10132960
CN TAN THANH	LE THI QUY	*****368	2	CT10152132-CT10152133
CN DAK LAK	LE THI QUYEN	*****723	1	EB10002039-EB10002039
PGD HANG KENH	LE THI QUYET	*****641	1	CT10082718-CT10082718
CN DAI AN	LE THI QUYNH	*****796	16	CT10095648-CT10095663
PGD NGUYEN SY SACH	LE THI QUYNH GIANG	*****482	3	CT10037066-CT10037068
CN THANH HOA	LE THI QUYNH HOA	*****006	57	CT10123198-CT10123244; TD10004501-TD10004510
PGD TIEN AN	LE THI QUYNH HUONG	*****397	1	EB10001858-EB10001858
CN THANH HOA	LE THI QUYNH MAI	*****407	10	DN10024972-DN10024980; EB10000592-EB10000592
CN DONG DA	LE THI QUYNH NGA	*****021	40	CT10035677-CT10035716
PGD LE THAI TO	LE THI QUYNH TRANG	*****941	1	CT10037673-CT10037673
CN BINH DUONG	LE THI QUYNH TRANG	*****970	5	CT10116314-CT10116318
PGD HA LONG	LE THI SE	*****366	5	DN10071261-DN10071265
PGD LE CHAN	LE THI SOAN	*****930	23	CT10107388-CT10107410
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	LE THI SUONG	*****454	10	DN10008103-DN10008112
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI THAI HA	*****761	2	CT10078808-CT10078809
HUB THE CHAP MN	LE THI THAM	*****903	1	CT10112603-CT10112603
CN AN GIANG	LE THI THAM	*****941	3	DN10105693-DN10105695
CN HA TINH	LE THI THANH	*****160	3	DN10031592-DN10031594
PGD SAO MAI	LE THI THANH	*****576	3	CT10007366-CT10007368
CN BAC NINH	LE THI THANH	*****977	1	CT10123070-CT10123070
SEABANK LE DUAN	LE THI THANH BINH	*****278	14	CT10012676-CT10012689
PGD HOANG DIEU	LE THI THANH BINH	*****560	6	CT10072660-CT10072665
CN HAI AN	LE THI THANH DUNG	*****466	2	CT10148630-CT10148631
CN BINH DUONG	LE THI THANH HA	*****954	2	CT10163011-CT10163012
CN SO GIAO DICH	LE THI THANH HANG	*****163	7	CT10110989-CT10110995
CN CAU GIAY	LE THI THANH HOA	*****348	19	CT10011049-CT10011067
CN HUE	LE THI THANH HOA	*****735	13	CT10140709-CT10140721
CN NGHE AN	LE THI THANH HOAI	*****752	10	CT10137133-CT10137142
PGD DAO TAN	LE THI THANH HUONG	*****505	1	CT10016320-CT10016320

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MN	LE THI THANH HUONG	*****067	1	EB10001137-EB10001137
CN BINH DINH	LE THI THANH HUONG	*****266	1	CT10006093-CT10006093
CN SO GIAO DICH	LE THI THANH HUONG	*****609	1	CT10044184-CT10044184
CN DONG DA	LE THI THANH HUYEN	*****613	53	CT10067117-CT10067169
PGD NGUYEN VAN CU	LE THI THANH HUYEN	*****404	7	CT10128829-CT10128835
CN TAN BINH	LE THI THANH KIEU	*****391	2	CT10162527-CT10162528
CN DAK LAK	LE THI THANH LAI	*****735	1	EB10000631-EB10000631
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI THANH LAN	*****573	17	CT10126123-CT10126139
PGD HOANG DIEU	LE THI THANH LOAN	*****799	3	CT10010724-CT10010726
TT KH CC MIEN BAC 2	LE THI THANH MAI	*****024	5	CT10073147-CT10073151
CN HA TINH	LE THI THANH NGA	*****754	12	CT10162462-CT10162473
PGD PHU HUNG	LE THI THANH NGUYEN	*****719	164	CT10111341-CT10111364; DN10097314-DN10097442; EB10001029-EB10001029; TD10002496-TD10002505
CN DA NANG	LE THI THANH NHA	*****978	3	CT10020889-CT10020891
CN SAI GON	LE THI THANH NHAN	*****420	1	EB10003288-EB10003288
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THANH SUONG	*****107	2	CT10054390-CT10054391
CN BINH DINH	LE THI THANH THOAI	*****386	4	DN10060928-DN10060931
HUB THE CHAP MN	LE THI THANH THUY	*****300	50	DN10037179-DN10037228
CN BINH DINH	LE THI THANH THUY	*****145	5	DN10044140-DN10044144
PGD TRAN HUNG DAO	LE THI THANH THUY	*****329	100	DN10075417-DN10075516
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI THANH TIEN	*****223	1	EB10002396-EB10002396
CN TAN PHU	LE THI THANH TRANG	*****544	5	CT10140753-CT10140757
CN DA NANG	LE THI THANH TUYEN	*****536	1	CT10130017-CT10130017
CN DA NANG	LE THI THANH VAN	*****459	1	EB10000790-EB10000790
PGD DIEN BIEN PHU	LE THI THANH VAN	*****925	11	CT10080830-CT10080835; TD10008586-TD10008590
TT KH CC MIEN BAC 2	LE THI THAO	*****147	5	CT10164222-CT10164226
CN THANH HOA	LE THI THAO	*****796	1	EB10002132-EB10002132
CN DAK LAK	LE THI THAO	*****234	5	DN10094852-DN10094856
CN BINH DINH	LE THI THAO	*****950	5	DN10038158-DN10038162

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THAO LY	*****353	1	CT10097068-CT10097068
CN TIEN GIANG	LE THI THAO NGUYEN	*****026	1	CT10069770-CT10069770
PGD LENIN	LE THI THE	*****309	45	DN10095500-DN10095539; TD10002416-TD10002420
PGD TRUONG QUANG TRONG	LE THI THIEN	*****003	1	EB10001748-EB10001748
CN AN GIANG	LE THI THIEU	*****265	3	DN10020311-DN10020313
CN BINH DINH	LE THI THINH	*****887	5	DN10005497-DN10005501
CN THANH HOA	LE THI THO	*****917	9	CT10031018-CT10031026
CN HA TINH	LE THI THU	*****217	4	CT10142890-CT10142893
PGD PHU MY - BINH DINH	LE THI THU	*****804	5	DN10039292-DN10039296
HUB THE CHAP MB 1	LE THI THU AN	*****100	9	CT10156492-CT10156500
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THU CUC	*****608	4	CT10152881-CT10152884
PGD LANG THUONG	LE THI THU HA	*****585	15	CT10106064-CT10106073; TD10001671-TD10001675
PGD HAO NAM	LE THI THU HA	*****843	12	CT10137321-CT10137332
CN TAN PHU	LE THI THU HA	*****100	12	CT10079441-CT10079452
CN DAK LAK	LE THI THU HA	*****142	5	DN10047123-DN10047127
CN QUANG NGAI	LE THI THU HA	*****333	1	EB10000216-EB10000216
PGD HO DAC DI	LE THI THU HA	*****337	1	CT10013416-CT10013416
CN LANG HA	LE THI THU HA	*****401	3	CT10036394-CT10036396
PGD TON THAT TUNG	LE THI THU HA	*****616	12	CT10138552-CT10138563
CN AN GIANG	LE THI THU HA	*****855	3	DN10002295-DN10002297
CN CAU GIAY	LE THI THU HANG	*****441	24	CT10042822-CT10042845
PGD DONG SON	LE THI THU HIEN	*****914	1	CT10074467-CT10074467
CN DAI AN	LE THI THU HUONG	*****227	44	CT10154814-CT10154857
PGD BA TRIEU	LE THI THU HUONG	*****221	10	TD10004996-TD10005005
PGD TRAN KHAT CHAN	LE THI THU HUONG	*****305	12	CT10126817-CT10126828
PGD HO TUNG MAU	LE THI THU HUONG	*****578	57	CT10125340-CT10125396
CN THAI NGUYEN	LE THI THU HUYEN	*****479	2	CT10025312-CT10025313
CN HAI PHONG	LE THI THU HUYEN	*****886	13	CT10078769-CT10078781
CN DA NANG	LE THI THU LAN	*****939	4	CT10163525-CT10163528

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	LE THI THU NGA	*****700	19	CT10022494-CT10022512
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THI THU NGOC	*****345	3	CT10143598-CT10143600
CN THANH XUAN	LE THI THU PHUONG	*****653	1	EB10001469-EB10001469
PGD HAO NAM	LE THI THU PHUONG	*****799	3	CT10031709-CT10031711
CN TAN BINH	LE THI THU SUONG	*****311	16	CT10013796-CT10013811
CN DONG DA	LE THI THU THAO	*****518	9	CT10140104-CT10140112
CN DA NANG	LE THI THU THAO	*****583	4	CT10086247-CT10086250
CN TAN PHU	LE THI THU THUY	*****105	10	CT10156747-CT10156756
PGD Krong Nang	LE THI THU THUY	*****661	3	DN10000887-DN10000889
CN NHA TRANG	LE THI THU THUY	*****763	5	DN10074802-DN10074806
CN NGHE AN	LE THI THU THUY	*****856	1	EB10002388-EB10002388
PGD HAM NGHI	LE THI THU TRANG	*****276	2	CT10035815-CT10035815; EB10001264-EB10001264
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THU TRANG	*****505	1	CT10139912-CT10139912
PGD HO TUNG MAU	LE THI THU TRANG	*****656	35	CT10148410-CT10148444
CN CAU GIAY	LE THI THU TRANG	*****739	7	CT10141641-CT10141647
CN SAI GON	LE THI THU TRANG	*****649	1	CT10009272-CT10009272
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THU VAN	*****141	3	CT10036874-CT10036876
CN DONG DA	LE THI THUONG	*****658	9	CT10064452-CT10064460
CN NGHE AN	LE THI THUONG	*****998	1	EB10002913-EB10002913
PGD HO TUNG MAU	LE THI THUY	*****107	3	CT10146353-CT10146355
CN DONG DA	LE THI THUY	*****141	20	CT10059580-CT10059599
PGD DOI CAN	LE THI THUY	*****146	1	CT10017758-CT10017758
CN SO GIAO DICH	LE THI THUY	*****231	4	CT10006933-CT10006936
PGD HAN THUYEN	LE THI THUY	*****455	5	TD10001701-TD10001705
CN SO GIAO DICH	LE THI THUY	*****743	5	CT10049986-CT10049990
CN LONG BIEN	LE THI THUY	*****815	12	CT10150045-CT10150056
CN DAK LAK	LE THI THUY	*****045	3	DN10087546-DN10087548
CN DAI AN	LE THI THUY	*****146	1	EB10003224-EB10003224
CN NGHE AN	LE THI THUY	*****169	2	DN10051377-DN10051378
CN HAI DUONG	LE THI THUY	*****296	1	EB10001060-EB10001060
PGD HO GUOM	LE THI THUY	*****400	1	CT10043019-CT10043019
PGD QUANG PHU	LE THI THUY	*****401	5	DN10109136-DN10109140
CN NHA TRANG	LE THI THUY	*****501	1	EB10002077-EB10002077

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD CAM PHA	LE THI THUY	*****677	1	CT10109388-CT10109388
CN NGHE AN	LE THI THUY	*****744	1	EB10002459-EB10002459
PGD NGUYEN TRAI	LE THI THUY	*****758	1	EB10002796-EB10002796
PGD NGUYEN TRAI	LE THI THUY	*****848	1	EB10001338-EB10001338
PGD CAM RANH	LE THI THUY	*****994	23	CT10055960-CT10055982
CN TAN THANH	LE THI THUY DIEM	*****097	2	CT10166205-CT10166206
CN NHA TRANG	LE THI THUY DIEM	*****623	1	EB10001493-EB10001493
CN PHU MY HUNG	LE THI THUY DUONG	*****030	1	CT10003648-CT10003648
PGD VAN XUAN	LE THI THUY DUONG	*****360	10	CT10091167-CT10091176
CN DAI AN	LE THI THUY DUONG	*****375	3	CT10113584-CT10113586
PGD NGUYEN TRAI	LE THI THUY DUONG	*****375	55	DN10037014-DN10037068
CN DA NANG	LE THI THUY DUONG	*****540	3	CT10122220-CT10122222
CN BINH DINH	LE THI THUY HANG	*****449	5	CT10096160-CT10096164
CN TP. HO CHI MINH	LE THI THUY HANG	*****861	1	EB10000627-EB10000627
CN DAK LAK	LE THI THUY HOA	*****776	3	DN10060263-DN10060265
SEABANK LE DUAN	LE THI THUY HUONG	*****644	6	CT10165148-CT10165153
CN TIEN GIANG	LE THI THUY KIEU	*****110	3	CT10062010-CT10062012
PGD LACH TRAY 2	LE THI THUY LAN	*****061	1	EB10002053-EB10002053
PGD TRAN PHU	LE THI THUY LINH	*****918	25	CT10051683-CT10051707
PGD HOA BINH	LE THI THUY LINH	*****940	16	CT10003002-CT10003017
CN HAI AN	LE THI THUY LINH	*****491	5	TD10006331-TD10006335
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THI THUY LINH	*****598	1	EB10000248-EB10000248
CN THANH XUAN	LE THI THUY PHUONG	*****191	1	CT10115721-CT10115721
CN NHA TRANG	LE THI THUY TRANG	*****635	1	EB10000746-EB10000746
CN NHA TRANG	LE THI THUY TRINH	*****634	1	EB10003152-EB10003152
CN AN GIANG	LE THI THUY VI	*****601	3	DN10073899-DN10073901
CN TAN THANH	LE THI TIN	*****341	1	EB10001475-EB10001475
CN DONG DA	LE THI TINH	*****363	28	CT10141838-CT10141865
CN NGHE AN	LE THI TINH	*****055	15	DN10038397-DN10038411
PGD NGUYEN LUONG BANG	LE THI TINH	*****071	5	CT10082729-CT10082733
PGD HANG KENH	LE THI TOAN	*****765	9	CT10132237-CT10132245
PGD TRAN NGUYEN HAN	LE THI TOAN	*****907	30	DN10004685-DN10004704; TD10005951-TD10005960
CN HAI AN	LE THI TOAN	*****953	1	EB10000955-EB10000955
PGD VAN QUAN	LE THI TOAN	*****002	48	CT10122501-CT10122548
PGD KHAM THIEN	LE THI TOAN	*****153	2	CT10024358-CT10024359

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VAN QUAN	LE THI TRA VI	*****134	5	CT10109683-CT10109687
TT KH CC MIEN BAC 2	LE THI TRANG	*****044	10	TD10000896-TD10000905
CN DAK LAK	LE THI TRANG	*****299	5	DN10021862-DN10021866
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LE THI TRANG	*****431	1	CT10035317-CT10035317
CN AN GIANG	LE THI TRANG	*****580	3	DN10004904-DN10004906
PGD DIEN BIEN PHU	LE THI TRANG	*****725	5	CT10080176-CT10080180
PGD THANH CONG	LE THI TRANG	*****900	24	CT10044716-CT10044739
CN HA NOI	LE THI TRANG	*****910	24	CT10145550-CT10145573
CN AN GIANG	LE THI TRUC LINH	*****857	5	CT10036413-CT10036417
PGD TAY HO	LE THI TU ANH	*****506	4	CT10022767-CT10022770
CN DA NANG	LE THI TU UYEN	*****370	1	EB10001666-EB10001666
CN DAK LAK	LE THI TUOI	*****410	3	DN10059947-DN10059949
PGD DI AN	LE THI TUONG VAN	*****515	10	CT10062695-CT10062704
PGD NGOC HOI	LE THI TUYEN	*****278	20	CT10141648-CT10141667
CN NHA TRANG	LE THI TUYET	*****057	5	DN10102190-DN10102194
CN DA NANG	LE THI TUYET HANG	*****767	17	CT10012659-CT10012675
CN TAN PHU	LE THI TUYET HONG	*****157	1	CT10142498-CT10142498
PGD DI AN	LE THI TUYET LOAN	*****835	2	CT10010655-CT10010656
SEABANK LE DUAN	LE THI TUYET MAI	*****249	1	EB10001880-EB10001880
PGD NGUYEN THAI SON	LE THI TUYET MAI	*****771	3	CT10115440-CT10115442
CN BINH DINH	LE THI TUYET NGAN	*****368	3	CT10048375-CT10048377
CN PHU MY HUNG	LE THI TUYET NGAN	*****385	7	CT10144317-CT10144323
PGD QUAN 10	LE THI TUYET NHI	*****027	25	CT10045828-CT10045852
CN TP. HO CHI MINH	LE THI TUYET NHUNG	*****296	1	EB10002439-EB10002439
PGD MY DINH	LE THI TUYET NHUNG	*****176	1	EB10000432-EB10000432
PGD QUAN 11	LE THI TUYET SUONG	*****386	2	CT10051681-CT10051682
CN QUANG NGAI	LE THI UT	*****197	3	DN10028579-DN10028581
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI UT PHUONG	*****946	2	CT10149457-CT10149458
PGD Krong Nang	LE THI VAN	*****772	3	DN10096012-DN10096014
PGD HOANG DIEU	LE THI VAN	*****970	4	CT10052425-CT10052428
CN TAN PHU	LE THI VAN ANH	*****012	1	CT10031010-CT10031010
CN HA DONG	LE THI VAN ANH	*****053	1	EB10001392-EB10001392

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THI VAN ANH	*****061	3	CT10041466-CT10041468
CN BAC NINH	LE THI VAN ANH	*****151	5	TD10004761-TD10004765
CN DA NANG	LE THI VIET TRINH	*****772	6	CT10078442-CT10078447
PGD HA LONG	LE THI VINH	*****673	8	CT10079836-CT10079838; TD10008061-TD10008065
CN DAI AN	LE THI XUAN	*****313	1	CT10080713-CT10080713
PGD DI AN	LE THI XUAN	*****704	56	DN10036725-DN10036779; EB10003091-EB10003091
CN SAI GON	LE THI XUAN QUYNH	*****091	1	EB10001620-EB10001620
CN BAC NINH	LE THI XUYEN	*****847	1	EB10002583-EB10002583
PGD QUAN 1	LE THI YEN	*****667	6	CT10016982-CT10016987
CN CAU GIAY	LE THI YEN	*****528	21	DN10089693-DN10089707; EB10002213-EB10002213; TD10004576-TD10004580
PGD TON THAT TUNG	LE THIEM TUAN	*****235	15	CT10072929-CT10072943
PGD QUANG PHU	LE THIEN	*****584	1	EB10003076-EB10003076
CN DONG NAI	LE THIEN BAO	*****860	1	CT10166148-CT10166148
CN NHA TRANG	LE THIEN PHUC	*****238	1	EB10001120-EB10001120
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THIET THAO	*****081	2	CT10046575-CT10046575; EB10000905-EB10000905
PGD TUYEN SON	LE THO PHUOC	*****544	1	CT10052743-CT10052743
CN TP. HO CHI MINH	LE THU ANH	*****478	1	CT10051457-CT10051457
PGD HO DAC DI	LE THU DUNG	*****711	5	TD10002371-TD10002375
PGD NGOC LAM	LE THU HA	*****138	11	CT10053489-CT10053499
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE THU HA	*****433	1	CT10015936-CT10015936
CN DAI AN	LE THU HA	*****685	2	CT10074792-CT10074793
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE THU HA	*****763	24	CT10076653-CT10076676
CN DAI AN	LE THU HANG	*****537	1	CT10049038-CT10049038
CN DAI AN	LE THU HIEN	*****055	7	CT10093210-CT10093216
CN HA NOI	LE THU HIEN	*****919	15	CT10157403-CT10157417
PGD THAI THINH	LE THU HUONG	*****327	50	CT10117390-CT10117439
PGD TRAN KHAT CHAN	LE THU HUONG	*****632	5	CT10103640-CT10103644
PGD NGUYEN AN NINH	LE THU HUYEN	*****959	1	CT10000375-CT10000375

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DAO TAN	LE THU NGAN	*****662	10	CT10072971-CT10072980
CN LONG BIEN	LE THU PHUONG	*****440	7	CT10135651-CT10135657
PGD THANG LONG	LE THU PHUONG	*****599	10	CT10148620-CT10148629
CN KIEN GIANG	LE THU SUONG	*****820	1	EB10002984-EB10002984
TT KHCC MIEN BAC 1	LE THU THUY	*****150	32	CT10055428-CT10055459
PGD NGOC HOI	LE THU TRA	*****325	4	CT10122910-CT10122913
PGD TRAN KHAT CHAN	LE THU TRANG	*****535	3	CT10050851-CT10050853
CN HA NOI	LE THU TRANG	*****803	7	CT10120495-CT10120501
CN NHA TRANG	LE THUONG HOAI	*****823	5	CT10097369-CT10097373
CN DONG DA	LE THUY ANH	*****984	4	CT10137367-CT10137370
CN QUANG NGAI	LE THUY DUNG	*****045	4	CT10165539-CT10165542
PGD BINH TAN	LE THUY DUY	*****054	1	EB10002919-EB10002919
CN CAU GIAY	LE THUY HA	*****425	103	CT10161012-CT10161114
PGD BOTANIC	LE THUY HUYNH HUONG	*****997	4	CT10134211-CT10134214
CN DAI AN	LE THUY LIEN	*****964	5	TD10003206-TD10003210
PGD SOC SON	LE THUY LINH	*****056	1	CT10103856-CT10103856
CN DAI AN	LE THUY LINH	*****898	26	CT10022737-CT10022762
CN TAN THANH	LE THUY QUYEN	*****638	1	EB10002068-EB10002068
SEABANK LE DUAN	LE THUY QUYNH TRANG	*****594	10	CT10130744-CT10130753
CN DA NANG	LE THUY TIEN	*****766	5	TD10001231-TD10001235
CN DA NANG	LE TIEN BAN	*****839	15	CT10059236-CT10059250
PGD MY DINH	LE TIEN DAT	*****588	25	CT10122047-CT10122071
CN NHA TRANG	LE TIEN DAT	*****007	8	CT10135339-CT10135346
CN DONG DA	LE TIEN DAT	*****115	7	CT10121195-CT10121201
CN THANH XUAN	LE TIEN DUNG	*****068	15	CT10072236-CT10072250
PGD HO TUNG MAU	LE TIEN DUNG	*****251	15	CT10143894-CT10143908
CN BINH DINH	LE TIEN DUNG	*****304	5	CT10137264-CT10137268
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE TIEN DUNG	*****994	2	CT10017887-CT10017888
PGD THANH SEN	LE TIEN HA	*****574	34	DN10050675-DN10050708
CN DA NANG	LE TIEN LUONG	*****261	6	CT10052842-CT10052847
TT KHCC MIEN BAC 1	LE TIEN NGOC	*****675	25	CT10095139-CT10095153; TD10010696-TD10010705
CN SO GIAO DICH	LE TIEN THANH	*****477	3	CT10149733-CT10149735
CN HA TINH	LE TIEN TUAN	*****310	20	DN10105841-DN10105860

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LE TO HONG KIEN	*****573	6	CT10071373-CT10071378
CN TAN PHU	LE TRAN BA THINH	*****290	1	CT10030359-CT10030359
CN NHA TRANG	LE TRAN HOANG CHIEN	*****874	1	EB10002800-EB10002800
CN DA NANG	LE TRAN NGOC UYEN	*****774	27	CT10082638-CT10082664
CN TIEN GIANG	LE TRAN NHAT QUI	*****993	1	EB10002669-EB10002669
PGD LY THUONG KIET-DN	LE TRAN THI THUY NGA	*****032	8	CT10116887-CT10116894
CN TIEN GIANG	LE TRAN VUONG THUONG	*****808	1	CT10086280-CT10086280
PGD BOTANIC	LE TRINH THAI NGAN	*****915	1	CT10011928-CT10011928
PGD HOA BINH	LE TRONG AN	*****504	15	CT10158062-CT10158076
CN HA NOI	LE TRONG DAT	*****675	7	CT10034235-CT10034241
PGD HO TUNG MAU	LE TRONG DAT	*****954	1	EB10000744-EB10000744
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE TRONG HIEN	*****865	22	CT10050296-CT10050317
CN NHA TRANG	LE TRONG HOANG CHUONG	*****823	6	CT10026044-CT10026049
CN HAI PHONG	LE TRONG HOP	*****767	12	CT10043203-CT10043214
CN NGHE AN	LE TRONG HUNG	*****433	14	CT10084541-CT10084554
CN HAI PHONG	LE TRONG KHUONG	*****963	7	CT10034922-CT10034928
PGD THANH CONG	LE TRONG LONG	*****494	50	CT10027402-CT10027451
CN SO GIAO DICH	LE TRONG NGHIA	*****080	4	CT10143909-CT10143912
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE TRONG NGHIA	*****850	6	CT10147640-CT10147645
CN THANH HOA	LE TRONG NGOC	*****050	1	EB10002795-EB10002795
CN DA NANG	LE TRONG THANH	*****989	5	CT10101433-CT10101437
PGD NGUYEN THAI SON	LE TRUC QUYNH NHU	*****552	12	DN10036620-DN10036631
CN BAC NINH	LE TRUNG BAC	*****198	48	CT10043614-CT10043661
PGD GIA LAM	LE TRUNG DUNG	*****053	8	CT10123930-CT10123937
CN SO GIAO DICH	LE TRUNG DUNG	*****595	1	EB10001495-EB10001495
PGD HOA BINH	LE TRUNG HIEU	*****046	32	DN10101357-DN10101388
PGD LAN ONG	LE TRUNG HUNG	*****558	14	CT10000566-CT10000579
PGD DAO TAN	LE TRUNG HUNG	*****107	5	TD10005911-TD10005915
CN THANH HOA	LE TRUNG MANH	*****335	9	CT10134740-CT10134748
CN DAI AN	LE TRUNG NGHIA	*****448	40	CT10081258-CT10081297
PGD HANG KENH	LE TRUNG NGHIA	*****770	1	CT10098284-CT10098284

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	LE TRUNG NGHIA	*****862	1	EB10001943-EB10001943
PGD HO DAC DI	LE TRUNG THANH	*****059	12	CT10155466-CT10155477
PGD VINH HOANG	LE TRUNG THANH	*****232	7	CT10098705-CT10098711
PGD HO DAC DI	LE TRUNG THANH	*****427	39	CT10009296-CT10009334
CN TAN BINH	LE TRUNG TRUC	*****894	1	EB10002232-EB10002232
CN HA DONG	LE TRUNG TUAN	*****205	32	CT10029648-CT10029679
CN HA TINH	LE TRUONG CHINH	*****804	5	CT10119906-CT10119910
CN VINH PHUC	LE TRUONG GIANG	*****966	1	CT10103175-CT10103175
HUB PAYROLL MB	LE TRUONG NGOC	*****536	2	CT10035148-CT10035149
CN HA DONG	LE TRUONG SON	*****052	25	CT10092548-CT10092572
CN SO GIAO DICH	LE TRUONG SON	*****623	2	CT10062087-CT10062088
CN LANG HA	LE TRUONG THU	*****185	15	CT10106292-CT10106306
SEABANK LE DUAN	LE TU TIN	*****009	5	CT10144681-CT10144685
HUB PAYROLL MB	LE TUAN ANH	*****357	25	CT10133013-CT10133037
PGD LAC LONG QUAN	LE TUAN ANH	*****697	25	CT10076861-CT10076885
PGD THU DAU 1	LE TUAN ANH	*****920	86	DN10043261-DN10043336; TD10009806-TD10009815
CN SO GIAO DICH	LE TUAN ANH	*****174	3	CT10041123-CT10041125
CN THAI NGUYEN	LE TUAN ANH	*****184	11	EB10002982-EB10002982; TD10009061-TD10009070
PGD THAI THINH	LE TUAN ANH	*****198	12	CT10095079-CT10095090
PGD VINH HAI	LE TUAN ANH	*****221	2	CT10057589-CT10057590
PGD VINH HOANG	LE TUAN ANH	*****516	1	EB10003013-EB10003013
PGD KIM VAN	LE TUAN CUONG	*****715	1	CT10001578-CT10001578
HUB PAYROLL MB	LE TUAN DUNG	*****552	13	CT10126691-CT10126703
PGD HO DAC DI	LE TUAN DUY	*****909	37	CT10064038-CT10064074
PGD HO TUNG MAU	LE TUAN HAI	*****149	9	CT10161169-CT10161177
PGD NGOC HOI	LE TUAN HUNG	*****930	7	CT10072136-CT10072142
CN CA MAU	LE TUAN HUNG	*****475	3	CT10030396-CT10030398
PGD DAO TAN	LE TUAN LINH	*****319	5	CT10002044-CT10002048
CN BAC NINH	LE TUAN PHONG	*****660	5	CT10083274-CT10083278
PGD HOANG DIEU	LE TUAN SI	*****742	5	CT10163666-CT10163670
PGD QUAN THANH	LE TUAN SON	*****619	1	CT10009966-CT10009966
CN TP. HO CHI MINH	LE TUAN TAI	*****547	18	CT10053534-CT10053551
CN PHU MY HUNG	LE TUAN THI	*****235	12	CT10008108-CT10008119
CN DA NANG	LE TUAN THIEN	*****842	2	CT10056019-CT10056020

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	LE TUAN TRUONG	*****612	9	CT10003316-CT10003324
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE TUAN VU	*****616	1	CT10074284-CT10074284
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	LE TUAN VU	*****158	1	EB10002886-EB10002886
PGD TO HIEU	LE TUNG LAM	*****029	8	CT10030783-CT10030790
PGD LAC LONG QUAN	LE TUNG LINH	*****663	19	CT10017580-CT10017598
SEABANK LE DUAN	LE TUONG LONG	*****130	12	CT10043768-CT10043779
CN LONG BIEN	LE TUONG VI	*****513	1	EB10002771-EB10002771
PGD NGO GIA TU	LE VAN ANH	*****105	170	CT10025420-CT10025444; DN10038559-DN10038703
HUB PAYROLL MB	LE VAN ANH	*****590	7	CT10161193-CT10161199
CN DAI AN	LE VAN ANH	*****394	2	CT10155540-CT10155541
CN HAI AN	LE VAN BAC	*****686	1	CT10151607-CT10151607
CN DAI AN	LE VAN BINH	*****463	25	CT10066305-CT10066329
CN HAI AN	LE VAN BINH	*****088	13	CT10073739-CT10073746; TD10007131-TD10007135
PGD PHO YEN	LE VAN BINH	*****519	8	CT10163156-CT10163158; TD10006241-TD10006245
CN THANH HOA	LE VAN CANH	*****969	41	CT10117827-CT10117867
CN VUNG TAU	LE VAN CHIEN	*****137	6	CT10142832-CT10142837
CN CAU GIAY	LE VAN CHINH	*****823	49	CT10071013-CT10071061
CN NHA TRANG	LE VAN CHINH	*****570	1	EB10000663-EB10000663
CN SO GIAO DICH	LE VAN CHINH	*****822	1	CT10147659-CT10147659
PGD NGOC HOI	LE VAN CHU	*****334	3	CT10130711-CT10130713
CN DONG DA	LE VAN CHUAN	*****268	1	EB10002532-EB10002532
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VAN CHUNG	*****324	24	CT10094377-CT10094400
CN HA DONG	LE VAN CHUNG	*****353	1	EB10000220-EB10000220
PGD DI AN	LE VAN CHUNG	*****857	200	DN10033496-DN10033695
CN HAI DUONG	LE VAN CHUONG	*****436	15	CT10072914-CT10072928
PGD TU SON	LE VAN CHUONG	*****267	1	EB10002121-EB10002121
CN DA NANG	LE VAN CONG	*****580	5	CT10105096-CT10105100
CN HAI AN	LE VAN CONG	*****761	13	CT10080269-CT10080281
CN HA NOI	LE VAN CUONG	*****747	25	DN10075181-DN10075200; TD10003121-TD10003125
PGD NGUYEN TRAI	LE VAN CUONG	*****228	1	EB10000470-EB10000470
PGD LIM	LE VAN CUONG	*****405	1	EB10003132-EB10003132

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BUON DON	LE VAN CUONG	*****595	1	EB10001439-EB10001439
PGD THANH CONG	LE VAN CUONG	*****924	38	CT10047607-CT10047644
CN CA MAU	LE VAN DANG	*****752	1	CT10157874-CT10157874
CN TIEN GIANG	LE VAN DIP	*****270	1	CT10091451-CT10091451
CN SO GIAO DICH	LE VAN DON	*****147	49	CT10038057-CT10038105
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VAN DUAN	*****031	24	CT10155640-CT10155663
PGD TU SON	LE VAN DUC	*****239	1	EB10002926-EB10002926
CN HA NOI	LE VAN DUC	*****760	1	EB10002135-EB10002135
PGD LE LOI	LE VAN DUNG	*****121	31	DN10000345-DN10000374; EB10000018-EB10000018
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VAN DUNG	*****308	18	CT10000141-CT10000158
CN VINH PHUC	LE VAN DUONG	*****598	2	CT10070767-CT10070768
CN HAI AN	LE VAN DUONG	*****787	2	CT10001842-CT10001843
PGD SOC SON	LE VAN DUY	*****930	6	EB10002109-EB10002109; TD10004161-TD10004165
PGD XUAN KHANH	LE VAN DUY	*****881	1	EB10002196-EB10002196
CN HA NOI	LE VAN HA	*****551	9	CT10051840-CT10051848
HUB PAYROLL MB	LE VAN HAI	*****319	7	CT10065215-CT10065221
PGD TAN PHAT	LE VAN HANH	*****710	5	CT10098682-CT10098686
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VAN HAO	*****061	24	CT10025557-CT10025580
SEABANK LE DUAN	LE VAN HAO	*****069	51	CT10071702-CT10071752
CN HAI AN	LE VAN HAU	*****157	2	CT10084745-CT10084746
CN TAN PHU	LE VAN HAU	*****019	23	CT10043708-CT10043730
PGD TO HIEU	LE VAN HAU	*****214	61	CT10021862-CT10021872; DN10036556-DN10036595; TD10009296-TD10009305
PGD XUAN LA	LE VAN HAU	*****617	1	EB10000039-EB10000039
PGD LE HONG PHONG	LE VAN HIEN	*****412	1	EB10002089-EB10002089
PGD THAI THINH	LE VAN HIEN	*****457	6	DN10024981-DN10024986
PGD Krong Nang	LE VAN HIEN	*****480	29	DN10049738-DN10049766
CN HA DONG	LE VAN HIEP	*****771	47	CT10098561-CT10098607
PGD TU SON	LE VAN HIEU	*****256	1	EB10001783-EB10001783
PGD LE HONG PHONG	LE VAN HIEU	*****647	26	DN10090881-DN10090900; EB10002317-EB10002317; TD10004816-TD10004820

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TUYEN SON	LE VAN HIEU	*****823	25	CT10057524-CT10057548
PGD LY THUONG KIET-DN	LE VAN HIEU	*****987	1	EB10000306-EB10000306
TT KHCC MIEN BAC 1	LE VAN HINH	*****118	21	CT10154178-CT10154198
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VAN HOA	*****376	19	CT10125196-CT10125214
CN HA DONG	LE VAN HOAN	*****824	74	DN10032162-DN10032230; TD10008796-TD10008800
CN HA DONG	LE VAN HOAN	*****106	24	CT10043435-CT10043458
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VAN HOANG	*****806	1	CT10102049-CT10102049
CN SO GIAO DICH	LE VAN HUNG	*****733	2	CT10025974-CT10025975
CN HUE	LE VAN HUNG	*****549	2	CT10147291-CT10147292
CN DA NANG	LE VAN HUNG	*****571	20	CT10011085-CT10011104
CN THANH XUAN	LE VAN HUONG	*****009	4	CT10039998-CT10040001
PGD VINH YEN	LE VAN HUONG	*****940	100	DN10024406-DN10024505
CN HAI AN	LE VAN HUONG	*****534	5	CT10043381-CT10043384; EB10001586-EB10001586
CN LONG BIEN	LE VAN HUY	*****937	2	CT10165982-CT10165983
PGD PHO YEN	LE VAN KHANH	*****278	5	CT10033158-CT10033162
CN HAI DUONG	LE VAN KHOA	*****759	5	CT10102392-CT10102396
PGD TUYEN SON	LE VAN KHOA	*****558	4	CT10156920-CT10156923
CN VINH PHUC	LE VAN KIEN	*****923	15	CT10088027-CT10088041
CN THANH XUAN	LE VAN KIEN	*****174	1	CT10153183-CT10153183
CN THANH HOA	LE VAN LAM	*****948	70	DN10086878-DN10086947
CN NGHE AN	LE VAN LAN	*****851	56	DN10005064-DN10005113; EB10000222-EB10000222; TD10006141-TD10006145
CN VUNG TAU	LE VAN LIEM	*****601	11	CT10078311-CT10078321
CN TAN THANH	LE VAN LINH	*****274	1	CT10036647-CT10036647
PGD TRAN DUY HUNG	LE VAN LINH	*****633	1	EB10002647-EB10002647
PGD DIEN KHANH	LE VAN LINH	*****702	3	CT10046776-CT10046778
CN THANH XUAN	LE VAN LOI	*****583	10	TD10004276-TD10004285
CN LANG HA	LE VAN LONG	*****404	10	CT10001173-CT10001182
CN HAI PHONG	LE VAN MINH	*****538	23	CT10069801-CT10069823
CN DA NANG	LE VAN MINH	*****500	61	CT10159892-CT10159952
CN HA TINH	LE VAN MINH	*****729	126	DN10106608-DN10106732; EB10002577-EB10002577

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGO GIA TU	LE VAN MUOI	*****805	1	CT10056755-CT10056755
CN HA NOI	LE VAN NAM	*****326	12	CT10044633-CT10044644
PGD DAI TU	LE VAN NAM	*****692	1	EB10002481-EB10002481
CN SAI GON	LE VAN NAM	*****799	10	CT10136111-CT10136120
PGD DIEN KHANH	LE VAN NAM	*****850	56	CT10152078-CT10152087; DN10099894-DN10099933; EB10001118-EB10001118; TD10003006-TD10003010
PGD HOANG DIEU	LE VAN NEN	*****234	16	CT10035374-CT10035389
PGD TO HIEU	LE VAN NGO	*****355	5	CT10047106-CT10047110
PGD DONG SON	LE VAN NGOC	*****028	1	CT10137581-CT10137581
PGD THU DAU 1	LE VAN NGOC	*****820	16	DN10083599-DN10083613; EB10002059-EB10002059
PGD DONG SON	LE VAN NHI	*****018	2	CT10130319-CT10130320
PGD LE VAN SY	LE VAN NIEU	*****130	60	DN10046725-DN10046784
PGD YEN PHU	LE VAN NINH	*****454	1	EB10000602-EB10000602
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VAN PHONG	*****196	10	CT10141227-CT10141236
PGD NGUYEN THAI SON	LE VAN PHU	*****158	1	CT10120072-CT10120072
CN VINH PHUC	LE VAN PHU	*****601	1	EB10000755-EB10000755
CN DONG DA	LE VAN PHUC	*****051	10	CT10143667-CT10143676
CN CAN THO	LE VAN PHUC	*****162	1	EB10000021-EB10000021
PGD HO DAC DI	LE VAN PHUC	*****332	12	CT10087194-CT10087205
CN BINH DUONG	LE VAN PHUOC	*****440	1	CT10078745-CT10078745
PGD QUAN THANH	LE VAN QUAN	*****811	72	CT10072713-CT10072718; DN10022090-DN10022149; EB10000513-EB10000513; TD10007071-TD10007075
CN DONG DA	LE VAN QUAN	*****901	27	CT10050366-CT10050392
CN CAN THO	LE VAN QUAN KHAI	*****046	1	CT10095282-CT10095282
PGD LANG THUONG	LE VAN QUANG	*****420	11	CT10064939-CT10064949
CN TP. HO CHI MINH	LE VAN QUANG	*****945	2	CT10090617-CT10090618
CN DA NANG	LE VAN QUY	*****580	25	CT10068225-CT10068249
PGD LACH TRAY 2	LE VAN QUYEN	*****914	1	EB10002341-EB10002341
PGD DAI KIM	LE VAN QUYET	*****599	57	CT10069251-CT10069297; TD10006891-TD10006900
CN DONG DA	LE VAN QUYET	*****146	9	CT10010378-CT10010386

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	LE VAN SAU	*****644	12	CT10051160-CT10051161; TD10003166-TD10003175
TT KH CC MIEN BAC 2	LE VAN TAN	*****468	3	CT10097959-CT10097961
CN SO GIAO DICH	LE VAN THACH	*****497	12	CT10127332-CT10127343
PGD NGUYEN AN NINH	LE VAN THANG	*****574	6	CT10014243-CT10014248
PGD VAN XUAN	LE VAN THANG	*****748	24	CT10076270-CT10076293
PGD HAN THUYEN	LE VAN THANG	*****179	35	CT10113653-CT10113687
PGD TRAN DUY HUNG	LE VAN THANH	*****353	2	CT10092038-CT10092039
TT KHCC MIEN BAC 1	LE VAN THANH	*****894	23	CT10076913-CT10076925; TD10007936-TD10007945
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VAN THANH	*****185	1	CT10076138-CT10076138
CN DONG NAI	LE VAN THANH	*****469	34	DN10050095-DN10050122; EB10000757-EB10000757; TD10010781-TD10010785
CN DA NANG	LE VAN THANH	*****645	1	CT10121980-CT10121980
PGD LE CHAN	LE VAN THANH	*****902	19	CT10123373-CT10123391
PGD HO TUNG MAU	LE VAN THAO	*****952	1	EB10001219-EB10001219
PGD TRAN NGUYEN HAN	LE VAN THE	*****221	1	EB10003137-EB10003137
CN TIEN GIANG	LE VAN THEM	*****784	61	CT10082898-CT10082906; DN10031297-DN10031348
CN THANH HOA	LE VAN THIEN	*****536	4	CT10037669-CT10037672
PGD NGUYEN THAI SON	LE VAN THIEN	*****544	13	CT10086560-CT10086572
CN BINH DINH	LE VAN THIEN	*****854	1	CT10103833-CT10103833
PGD NGUYEN TRAI	LE VAN THIN	*****070	90	DN10096724-DN10096803; TD10002576-TD10002585
SEABANK LE DUAN	LE VAN THINH	*****899	12	CT10133164-CT10133175
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VAN THO	*****734	1	CT10069953-CT10069953
PGD VAN QUAN	LE VAN THO	*****224	1	EB10002209-EB10002209
PGD QUAN 1	LE VAN THOAN	*****607	11	CT10075547-CT10075557
PGD LACH TRAY 2	LE VAN THONG	*****186	1	CT10061055-CT10061055
CN VUNG TAU	LE VAN THONG	*****365	1	CT10110722-CT10110722

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD YEN PHU	LE VAN THONG	*****421	10	CT10159988-CT10159997
CN THAI NGUYEN	LE VAN THU	*****309	165	DN10080712-DN10080875; EB10001992-EB10001992
CN NGHE AN	LE VAN THUONG	*****684	34	CT10003858-CT10003881; TD10006551-TD10006560
PGD LE CHAN	LE VAN THUY	*****837	1	CT10138659-CT10138659
PGD DONG SON	LE VAN THUY	*****937	1	CT10108122-CT10108122
PGD VAN QUAN	LE VAN THUYET	*****622	14	CT10148392-CT10148405
CN TIEN GIANG	LE VAN TIEP	*****184	4	CT10000855-CT10000858
CN BINH DUONG	LE VAN TINH	*****361	1	EB10000833-EB10000833
PGD HANG KENH	LE VAN TOAN	*****185	20	CT10147761-CT10147780
CN DA NANG	LE VAN TOAN	*****958	1	CT10099233-CT10099233
CN NHA TRANG	LE VAN TRI	*****557	1	EB10000507-EB10000507
PGD HOANG DIEU	LE VAN TRI	*****934	2	CT10014840-CT10014841
PGD NGUYEN AN NINH	LE VAN TRUNG	*****638	3	CT10138441-CT10138443
PGD HUNG VUONG	LE VAN TRUNG	*****838	24	CT10097479-CT10097502
CN CAU GIAY	LE VAN TRUONG	*****301	4	CT10061894-CT10061897
CN HA TINH	LE VAN TU	*****730	7	CT10108287-CT10108293
PGD NGOC HOI	LE VAN TUAN	*****114	7	CT10124302-CT10124308
CN THANH XUAN	LE VAN TUAN	*****246	21	CT10014221-CT10014241
HUB PAYROLL MB	LE VAN TUAN	*****455	25	CT10099193-CT10099217
CN TAN PHU	LE VAN TUAN	*****680	2	CT10127435-CT10127436
CN HAI PHONG	LE VAN TUAN	*****047	9	CT10033208-CT10033216
PGD HO TUNG MAU	LE VAN TUAN	*****138	10	CT10047260-CT10047269
CN LANG HA	LE VAN TUAN	*****168	7	CT10001101-CT10001107
CN KIEN GIANG	LE VAN TUAN	*****445	2	CT10127538-CT10127539
CN DA NANG	LE VAN TUAN NAM	*****235	15	CT10045068-CT10045082
PGD VAN XUAN	LE VAN VINH	*****519	20	CT10068791-CT10068810
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VAN VU	*****952	13	DN10087974-DN10087986
PGD TRAN PHU	LE VAN VUNG	*****265	4	CT10002468-CT10002471
CN TP. HO CHI MINH	LE VAN VUONG	*****579	4	CT10067037-CT10067040
CN HAI PHONG	LE VAN XUAN	*****021	10	CT10129084-CT10129093
CN CAU GIAY	LE VIEN DUONG	*****290	25	CT10114475-CT10114499
PGD NGUYEN NGOC NAI	LE VIET	*****668	10	CT10022272-CT10022281
HUB PAYROLL MB	LE VIET ANH	*****108	25	CT10098775-CT10098799

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	LE VIET ANH	*****601	19	CT10134215-CT10134233
PGD HO GUOM	LE VIET CHIEN	*****639	1	CT10136100-CT10136100
TT KHCC MIEN BAC 1	LE VIET DUNG	*****770	12	CT10004071-CT10004082
CN DONG DA	LE VIET DUNG	*****903	1	EB10001334-EB10001334
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VIET DUNG	*****903	9	CT10046009-CT10046017
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE VIET DUNG	*****022	24	CT10061554-CT10061577
PGD HAM NGHI	LE VIET HOANG	*****039	7	CT10132118-CT10132124
PGD NGOC LAM	LE VIET HONG	*****090	1	CT10073774-CT10073774
PGD NGOC LAM	LE VIET HUNG	*****250	12	CT10011036-CT10011047
TT KHCC MIEN BAC 1	LE VIET HUNG	*****234	9	CT10080704-CT10080712
PGD LENIN	LE VIET HUY	*****003	1	EB10002561-EB10002561
CN THANH HOA	LE VIET KHOAT	*****738	24	CT10059173-CT10059196
PGD MY DINH	LE VIET MINH	*****485	16	CT10085387-CT10085402
CN BINH DUONG	LE VIET MINH	*****389	10	CT10139844-CT10139853
PGD THU DAU 1	LE VIET QUANG	*****222	14	CT10163567-CT10163580
CN THANH HOA	LE VIET QUE	*****235	1	CT10149196-CT10149196
CN DONG DA	LE VIET SON	*****999	28	CT10003070-CT10003097
CN SAI GON	LE VIET TAI	*****858	3	CT10108786-CT10108788
CN VUNG TAU	LE VIET THANH	*****734	3	CT10118309-CT10118311
CN DA NANG	LE VIET THUAN	*****732	20	CT10163914-CT10163933
PGD XUAN LA	LE VIET TRIEU DUONG	*****390	32	CT10090409-CT10090440
PGD LE THAI TO	LE VIET TRUNG	*****386	1	EB10001263-EB10001263
CN HAI AN	LE VIET TRUONG	*****626	1	CT10059014-CT10059014
TT KHCC MIEN BAC 1	LE VINH VUONG	*****579	6	CT10164708-CT10164713
CN BINH DINH	LE VO HOANG CHUONG	*****880	1	CT10094717-CT10094717
CN NHA TRANG	LE VU ANH TUAN	*****437	1	EB10002749-EB10002749
PGD DUC PHO	LE VU DA	*****606	1	CT10139868-CT10139868
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE VU QUYNH KHOI	*****136	18	CT10017943-CT10017960
CN SAI GON	LE VU THI QUYNH ANH	*****018	2	CT10013695-CT10013696
CN CAN THO	LE VU TRUONG	*****904	3	CT10127391-CT10127393
PGD TRAN HUNG DAO	LE VU VAN ANH	*****711	7	CT10140450-CT10140456

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	LE XIN	*****485	4	CT10048816-CT10048819
HUB PAYROLL MB	LE XUAN ANH	*****462	24	CT10142936-CT10142959
PGD QUAN THANH	LE XUAN BINH	*****203	100	CT10054737-CT10054836
CN THANH HOA	LE XUAN CHUNG	*****714	100	DN10006497-DN10006596
CN VINH PHUC	LE XUAN CONG	*****114	17	CT10039154-CT10039160; TD10001136-TD10001145
CN BAC NINH	LE XUAN CUONG	*****000	1	EB10003102-EB10003102
HUB PAYROLL MB	LE XUAN DAO	*****027	24	CT10072077-CT10072100
PGD DOI CAN	LE XUAN DINH	*****047	49	CT10163798-CT10163846
CN NGHE AN	LE XUAN DINH	*****170	6	CT10110021-CT10110026
CN HA DONG	LE XUAN DINH	*****969	100	CT10068000-CT10068099
PGD HUNG VUONG	LE XUAN HAI	*****689	1	EB10001570-EB10001570
PGD XUAN LA	LE XUAN HAI	*****807	61	DN10037975-DN10038034; EB10003119-EB10003119
CN TAN BINH	LE XUAN HUNG	*****626	10	TD10002256-TD10002265
CN THANH HOA	LE XUAN HUY	*****631	14	CT10149216-CT10149229
CN CA MAU	LE XUAN KHANH	*****440	400	DN10093778-DN10094177
PGD PHU HUNG	LE XUAN LAM	*****411	1	CT10076959-CT10076959
PGD NGUYEN VAN CU	LE XUAN LAM	*****450	1	CT10047984-CT10047984
PGD DIEN BIEN PHU	LE XUAN LUC	*****031	1	DN10060034-DN10060034
CN VINH PHUC	LE XUAN MANH	*****407	1	CT10135028-CT10135028
PGD BACH MAI	LE XUAN NGHIA	*****154	36	CT10037529-CT10037564
TT KHCC MIEN BAC 1	LE XUAN PHUONG	*****453	12	CT10107759-CT10107770
TT KHCC MIEN BAC 1	LE XUAN QUYEN	*****248	1	CT10084460-CT10084460
CN HA NOI	LE XUAN RAO	*****156	1	CT10084983-CT10084983
TT KH CC MIEN BAC 2	LE XUAN THANG	*****140	4	CT10140867-CT10140870
HUB THE VA TIN CHAP MB	LE XUAN THANG	*****623	22	CT10146790-CT10146811
CN BAC NINH	LE XUAN THANG	*****727	55	DN10109583-DN10109637
HUB PAYROLL MB	LE XUAN THANH	*****022	27	CT10149819-CT10149845
PGD THANG LONG	LE XUAN THANH	*****854	1	EB10000781-EB10000781
PGD BACH DANG	LE XUAN THAO	*****586	5	CT10153879-CT10153883
PGD VAN QUAN	LE XUAN THIEP	*****757	14	CT10085125-CT10085138
CN BAC NINH	LE XUAN TIEP	*****236	4	CT10058637-CT10058640

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	LE XUAN TRANG	*****361	8	CT10022519-CT10022526
PGD TIEN AN	LE XUAN TRUC	*****584	63	CT10148385-CT10148391; DN10065195-DN10065239; EB10001486-EB10001486; TD10001066-TD10001075
CN SO GIAO DICH	LE XUAN TRUONG	*****395	112	CT10035913-CT10036024
CN CAU GIAY	LE XUAN TRUONG	*****720	3	CT10142887-CT10142889
CN BINH DUONG	LE XUAN TU	*****701	10	CT10036132-CT10036141
CN HA DONG	LE XUAN TUAN ANH	*****764	1	EB10000388-EB10000388
CN HA NOI	LE XUAN VU	*****574	1	CT10108583-CT10108583
CN DA NANG	LE XUAN VU	*****612	35	CT10008905-CT10008939
CN TIEN GIANG	LE YEN VAN	*****306	5	CT10089981-CT10089985
PGD HOANG DIEU	LEE MYEONGJAI	*****396	7	CT10155608-CT10155614
CN SAI GON	LEE YEN SAN	*****34N	154	CT10152957-CT10153110
PGD THANH CONG	LEU HOAI ANH	*****552	27	CT10123325-CT10123351
CN HAI PHONG	LEU QUANG VINH	*****631	4	CT10049154-CT10049157
PGD KHAM THIEN	LEU THI MAI HIEN	*****677	34	CT10106367-CT10106400
TT KH CC MIEN BAC 2	LEU VU LINH	*****489	5	CT10042282-CT10042286
CN TAN PHU	LI YAN SHIAN	*****099	1	EB10002161-EB10002161
CN TAN PHU	LIANG HUNG CHI	*****794	1	EB10001250-EB10001250
CN DA NANG	LIAO YEN MING	*****608	4	CT10055171-CT10055174
PGD XUAN KHANH	LIEN THI YEN OANH	*****827	1	CT10124747-CT10124747
HUB THE VA TIN CHAP MB	LIEU DIEU LINH	*****668	25	CT10039315-CT10039339
HUB THE VA TIN CHAP MN	LIEU GIA YEN	*****942	10	CT10160408-CT10160417
CN TIEN GIANG	LIEU HUYNH DUC	*****633	8	CT10086213-CT10086220
CN AN GIANG	LIEU THANH QUAN	*****749	18	DN10050162-DN10050179
HUB THE CHAP MN	LIEU TUONG VI	*****862	10	TD10009546-TD10009555
CN DONG NAI	LIEU VAN TAI	*****741	2	CT10121619-CT10121620
CN BAC NINH	LINH ANH DUONG	*****043	25	CT10042073-CT10042091; EB10001548-EB10001548; TD10001346-TD10001350
CN HAI AN	LO THANH BIEN	*****440	10	CT10155398-CT10155402; TD10003821-TD10003825
CN DAK LAK	LO THI CUOI	*****575	5	DN10091947-DN10091951
CN DAK LAK	LO THI DAM QUYEN	*****313	3	DN10008255-DN10008257

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	LO THI HUNG	*****381	5	DN10092367-DN10092371
CN DONG NAI	LO THI QUYEN	*****511	1	CT10070255-CT10070255
CN DAK LAK	LO THI THANH NGA	*****596	5	DN10066883-DN10066887
PGD QUANG PHU	LO THI THU HUYEN	*****347	4	DN10094515-DN10094518
CN DAK LAK	LO THI THU LIEU	*****677	3	DN10098988-DN10098990
CN NGHE AN	LO THI THUY	*****003	5	DN10054075-DN10054079
CN THANH HOA	LO VAN TOAN	*****004	1	EB10002202-EB10002202
CN BINH DINH	LO VAN TUAN	*****705	122	CT10068787-CT10068788; DN10020148-DN10020267
CN DONG DA	LOC THU HIEN	*****020	45	CT10024979-CT10025023
PGD QUAN 10	LONG THE DUY	*****512	1	EB10002156-EB10002156
HUB THE VA TIN CHAP MN	LU BICH CHAU	*****498	5	CT10124297-CT10124301
CN TP. HO CHI MINH	LU DINH HONG YEN	*****111	2	CT10024563-CT10024564
HUB THE VA TIN CHAP MN	LU GIA TOAN	*****623	1	CT10043065-CT10043065
CN DAK LAK	LU HOANG BAO TRAN	*****866	1	CT10145712-CT10145712
CN BAC NINH	LU MANH HUNG	*****823	1	EB10000168-EB10000168
CN TAN PHU	LU MOC HUNG	*****039	1	CT10014708-CT10014708
CN TP. HO CHI MINH	LU NU ANH THU	*****352	1	EB10003202-EB10003202
PGD NGUYEN THAI SON	LU QUAN HOANG	*****752	20	CT10065110-CT10065129
PGD NGUYEN THAI SON	LU QUANG HANH	*****420	1	EB10001848-EB10001848
CN TAN THANH	LU QUOC MINH	*****363	19	CT10057287-CT10057305
CN CA MAU	LU THANH NAM	*****591	39	DN10106017-DN10106049; EB10002510-EB10002510; TD10007586-TD10007590
CN TP. HO CHI MINH	LU THI KIEU DUNG	*****671	1	EB10001854-EB10001854
PGD TRUONG QUANG TRONG	LU THI NHO	*****800	1	CT10107519-CT10107519
CN QUANG NGAI	LU THI NHU DIEM	*****666	1	EB10003184-EB10003184
HUB THE VA TIN CHAP MN	LU THI THUY DIEM	*****890	8	CT10094366-CT10094373
CN NHA TRANG	LU THI THUY TRANG	*****602	1	EB10003062-EB10003062
CN KIEN GIANG	LU TRUNG NHUT	*****860	4	CT10042405-CT10042408

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	LUAN TRUONG THUONG THINH	*****345	1	EB10001405-EB10001405
CN DONG NAI	LUC NHAT MINH	*****282	5	CT10018473-CT10018477
PGD QUANG PHU	LUC THI BICH LY	*****827	3	DN10050715-DN10050717
PGD QUANG PHU	LUC THI HUE	*****188	5	DN10007567-DN10007571
CN TAN PHU	LUONG ANH THE	*****660	1	CT10076401-CT10076401
PGD MY DINH	LUONG ANH TUAN	*****478	10	TD10006486-TD10006495
PGD XUAN LA	LUONG ANH TUAN	*****860	25	CT10140425-CT10140449
CN QUANG NGAI	LUONG ANH TUAN	*****934	3	CT10011106-CT10011108
PGD BA RIA	LUONG BACH TUNG	*****966	5	CT10112166-CT10112170
PGD HAN THUYEN	LUONG BICH DAO	*****133	2	CT10054407-CT10054408
PGD KIM VAN	LUONG BICH THUY	*****000	1	EB10002628-EB10002628
CN DAI AN	LUONG DUC BAO	*****981	9	CT10107664-CT10107672
PGD Krong Nang	LUONG DUC MINH	*****540	15	DN10043928-DN10043942
PGD TRUNG HOA	LUONG DUC THANG	*****231	12	CT10076626-CT10076637
PGD NGOC LAM	LUONG DUC THANH	*****302	10	CT10084687-CT10084696
CN DONG DA	LUONG DUY DONG	*****105	4	CT10133613-CT10133616
PGD QUAN THANH	LUONG DUY NAM	*****727	5	CT10073563-CT10073567
CN DONG NAI	LUONG DUY NGHIA	*****159	25	CT10160949-CT10160973
CN SAI GON	LUONG DUY QUYET	*****985	2	CT10055605-CT10055606
CN CAN THO	LUONG GIA TRUYEN	*****178	1	CT10156559-CT10156559
CN NHA TRANG	LUONG HA NGOC LE	*****716	1	EB10001821-EB10001821
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG HAI	*****236	5	CT10068493-CT10068497
CN DAI AN	LUONG HOANG LONG	*****402	1	CT10029974-CT10029974
CN DA NANG	LUONG HONG KHANH	*****702	3	CT10093396-CT10093398
PGD VAN QUAN	LUONG HONG NGUYET	*****130	1	CT10036201-CT10036201
PGD CONG HOA	LUONG HONG PHUC	*****603	24	CT10115583-CT10115606
CN PHU MY HUNG	LUONG HONG PHUOC	*****260	7	CT10022571-CT10022577
CN HAI AN	LUONG HUNG CUONG	*****670	1	EB10001303-EB10001303
PGD QUAN 1	LUONG HUU BIEU	*****643	1	EB10001110-EB10001110
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG HUU HUNG	*****625	1	CT10058650-CT10058650
CN HAI AN	LUONG HUU SANG	*****664	38	DN10046898-DN10046935
CN DONG NAI	LUONG KE SON	*****331	1	EB10002676-EB10002676
CN TP. HO CHI MINH	LUONG KHA HUY	*****482	1	CT10074428-CT10074428
PGD NGUYEN TRAI	LUONG KHAC THIEN	*****312	1	CT10069701-CT10069701
PGD VAN XUAN	LUONG MANH HUNG	*****858	17	CT10092275-CT10092291
HUB PAYROLL MB	LUONG MANH TUAN	*****768	25	CT10055568-CT10055592

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THAI NGUYEN	LUONG MANH TUAN	*****948	1	EB10001583-EB10001583
TT KH CC MIEN BAC 2	LUONG MINH CUONG	*****853	1	CT10107236-CT10107236
PGD BACH MAI	LUONG MINH DUC	*****376	28	CT10135696-CT10135723
PGD HO GUOM	LUONG MINH HAI	*****414	10	CT10010660-CT10010669
CN DA NANG	LUONG MINH SAM	*****127	9	CT10162168-CT10162176
PGD NGUYEN AN NINH	LUONG MINH THIEN	*****337	9	CT10163789-CT10163797
CN CAN THO	LUONG NGOC CAM	*****524	1	EB10000630-EB10000630
PGD HOA BINH	LUONG NGOC CU	*****345	8	CT10059823-CT10059830
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG NGOC HAI	*****153	4	CT10078503-CT10078506
PGD SOC SON	LUONG NGOC HOANG	*****758	64	CT10098804-CT10098812; DN10061008-DN10061057; TD10000511-TD10000515
HUB PAYROLL MB	LUONG NGOC KHANH	*****200	17	CT10162244-CT10162260
PGD THANH CONG	LUONG NGOC MANH	*****374	57	CT10091177-CT10091233
CN LANG HA	LUONG NGOC MINH	*****290	27	CT10105855-CT10105881
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG NGOC SON	*****480	25	CT10096624-CT10096648
CN HA DONG	LUONG NGOC SON	*****953	8	CT10138755-CT10138762
PGD NGUYEN HUU HUAN	LUONG NGOC TRUNG	*****498	2	CT10159333-CT10159334
PGD NGUYEN HUU HUAN	LUONG NGUYEN VINH BAO	*****155	1	CT10094221-CT10094221
PGD TU SON	LUONG NHAT BANG	*****994	1	EB10000106-EB10000106
PGD NGOC LAM	LUONG QUANG HUY	*****347	1	EB10001411-EB10001411
CN CAN THO	LUONG QUANG NGUYEN VU	*****395	1	CT10052030-CT10052030
PGD LE HONG PHONG	LUONG QUOC DUY	*****292	35	CT10066258-CT10066261; DN10001700-DN10001725; TD10005591-TD10005595
TT KH CC MIEN BAC 2	LUONG QUOC HIEN	***848	2	CT10091530-CT10091531
PGD HUNG VUONG	LUONG QUOC HUY	*****240	2	CT10163565-CT10163566
CN VINH PHUC	LUONG QUOC LUC	*****915	5	CT10031728-CT10031732
CN CAU GIAY	LUONG QUYNH ANH	*****510	1	CT10113357-CT10113357
PGD LACH TRAY 2	LUONG SI TUAN	*****087	9	CT10064205-CT10064213
HUB THE CHAP MN	LUONG SO HANH	*****549	14	CT10059387-CT10059395; TD10004416-TD10004420

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGOC LAM	LUONG SY PHU	*****230	7	CT10087031-CT10087037
CN NHA TRANG	LUONG SY TIEN	*****800	1	CT10116820-CT10116820
CN PHU MY HUNG	LUONG TAN NGOC	*****094	1	CT10125535-CT10125535
PGD LACH TRAY 2	LUONG THANH BINH	*****048	1	EB10002441-EB10002441
CN TP. HO CHI MINH	LUONG THANH DIEM	*****455	1	EB10002482-EB10002482
CN CAU GIAY	LUONG THANH LAN	*****930	2	CT10036524-CT10036525
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUONG THANH THANH	*****883	6	CT10055062-CT10055067
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LUONG THANH THIEM	*****069	49	CT10068151-CT10068199
HUB THE CHAP MN	LUONG THANH TUAN	*****855	11	CT10125406-CT10125416
PGD TON THAT TUNG	LUONG THANH TUNG	*****183	1	EB10000609-EB10000609
PGD LE QUANG DINH	LUONG THE ANH	*****404	2	CT10035522-CT10035523
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG THE QUANG	*****987	12	CT10003707-CT10003718
CN BINH DINH	LUONG THI ANH VAN	*****502	2	CT10065993-CT10065994
CN BINH DUONG	LUONG THI DIEM NGAN	*****496	1	CT10128719-CT10128719
CN BAC NINH	LUONG THI HA	*****337	25	CT10078207-CT10078231
PGD KHAM THIEN	LUONG THI HA	*****952	3	CT10136054-CT10136056
PGD PHU MY - BINH DINH	LUONG THI HANG	*****365	60	DN10028188-DN10028247
PGD THANH CONG	LUONG THI HANH	*****203	1	CT10124997-CT10124997
CN DA NANG	LUONG THI HIEN	*****602	2	CT10110015-CT10110016
CN LANG HA	LUONG THI HIEN	*****805	5	CT10017712-CT10017716
CN BAC NINH	LUONG THI HONG	*****344	8	CT10055289-CT10055296
PGD DAO TAN	LUONG THI HONG	*****861	9	CT10115349-CT10115357
PGD VAN QUAN	LUONG THI HONG GIANG	*****524	25	CT10014946-CT10014970
CN HAI AN	LUONG THI HONG NHUNG	*****196	1	EB10002946-EB10002946
PGD QUAN 1	LUONG THI HONG TUYET	*****597	1	EB10001204-EB10001204
PGD NGUYEN CONG TRU	LUONG THI HUE	*****975	3	CT10112593-CT10112595

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH HOA	LUONG THI HUYEN TRANG	*****087	6	CT10022487-CT10022492
PGD MY CA	LUONG THI KIEU LOAN	*****198	12	CT10051556-CT10051567
PGD HONG BANG	LUONG THI LAN	*****635	1	EB10000588-EB10000588
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG THI LE THUY	*****088	8	CT10035858-CT10035865
PGD THAI THINH	LUONG THI MIEN	*****156	50	CT10090208-CT10090257
PGD TON DAN	LUONG THI MINH HA	*****835	20	DN10070996-DN10071005; TD10001891-TD10001900
CN DAK LAK	LUONG THI MY TRINH	*****489	9	CT10055551-CT10055559
PGD DIEN BIEN PHU	LUONG THI NGOC BICH	*****844	1	CT10085336-CT10085336
PGD TRUONG THI	LUONG THI NGOC THANH	*****545	2	CT10128107-CT10128108
SEABANK LE DUAN	LUONG THI NGOC THUY	*****993	15	CT10072946-CT10072960
CN TP. HO CHI MINH	LUONG THI NHUNG	*****997	1	EB10000408-EB10000408
PGD NGUYEN THAI SON	LUONG THI NIEN	*****377	10	CT10073186-CT10073195
CN DAK LAK	LUONG THI PHUOC	*****415	5	DN10056349-DN10056353
CN BINH DINH	LUONG THI PHUOC	*****922	3	DN10048876-DN10048878
CN HAI AN	LUONG THI PHUONG	*****879	3	CT10145100-CT10145102
CN HAI DUONG	LUONG THI PHUONG CHI	*****027	10	DN10081728-DN10081737
PGD DOI CAN	LUONG THI QUY	*****078	14	CT10146675-CT10146688
CN DAI AN	LUONG THI QUYEN	*****272	9	CT10104921-CT10104929
HUB PAYROLL MB	LUONG THI THANH HAI	*****003	3	CT10147840-CT10147842
CN HA NOI	LUONG THI THANH HUYEN	*****859	41	CT10093490-CT10093530
PGD LACH TRAY 2	LUONG THI THANH PHUONG	*****751	1	CT10164128-CT10164128
CN NHA TRANG	LUONG THI THANH VAN	*****641	25	CT10018742-CT10018756; TD10008616-TD10008625
PGD TO HIEU	LUONG THI THAO	*****401	1	CT10138473-CT10138473
CN QUANG NGAI	LUONG THI THAO VY	*****128	1	EB10002289-EB10002289
CN NGHE AN	LUONG THI THUONG	*****429	14	CT10128285-CT10128298

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	LUONG THI THUY HANG	*****041	5	DN10094963-DN10094967
CN HA NOI	LUONG THI THUY HANG	*****415	2	CT10081677-CT10081678
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUONG THI TIEU LOAN	*****118	4	CT10079037-CT10079040
CN THAI NGUYEN	LUONG THI TUYET	*****033	2	CT10159294-CT10159295
CN THAI NGUYEN	LUONG THI VAN	*****531	3	DN10027818-DN10027820
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG THI VAN ANH	*****061	25	CT10151151-CT10151175
CN LANG HA	LUONG THU HANG	*****072	9	CT10067755-CT10067758; TD10005601-TD10005605
PGD HO TUNG MAU	LUONG THU HANG	*****726	1	CT10118134-CT10118134
CN NHA TRANG	LUONG THU UYEN	*****363	1	CT10091440-CT10091440
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG THUY AN LY	*****001	8	CT10154895-CT10154902
CN BAC NINH	LUONG THUY LINH	*****442	8	CT10058515-CT10058522
CN HAI PHONG	LUONG THUY NGAN	*****119	13	CT10026423-CT10026435
PGD DOI CAN	LUONG THUY QUYNH	*****550	19	CT10067170-CT10067188
PGD QUAN 1	LUONG TIEN DUC	*****132	7	CT10163782-CT10163788
CN HAI AN	LUONG TIEN LAM	*****390	5	CT10029618-CT10029622
PGD TRUNG HOA	LUONG TIEN TINH	*****566	3	CT10137174-CT10137176
CN THANH XUAN	LUONG TRUONG GIANG	*****695	13	CT10093740-CT10093752
TT KH CC MIEN BAC 2	LUONG TRUONG NAM	*****252	44	CT10143752-CT10143795
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG TUAN ANH	*****329	20	CT10159479-CT10159498
CN DAI AN	LUONG TUAN NGHIA	*****536	1	CT10137830-CT10137830
CN THANH XUAN	LUONG VAN BE	*****614	22	CT10007933-CT10007954
CN NHA TRANG	LUONG VAN CAP	*****379	1	EB10001609-EB10001609
PGD DAI TU	LUONG VAN DAI	*****627	1	EB10003343-EB10003343
CN NGHE AN	LUONG VAN DAT	*****798	5	CT10160898-CT10160902
CN THAI NGUYEN	LUONG VAN DINH	*****522	45	DN10080667-DN10080711
PGD HA LONG	LUONG VAN DUNG	*****231	10	DN10108299-DN10108308
PGD MY CA	LUONG VAN DUNG	*****875	1	EB10000140-EB10000140
CN HAI AN	LUONG VAN GIANG	*****377	11	DN10020993-DN10020997; EB10000453-EB10000453; TD10006846-TD10006850

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG VAN HA	*****966	5	CT10021646-CT10021650
TT KH CC MIEN BAC 2	LUONG VAN HAU	*****682	1	CT10103295-CT10103295
PGD TIEN AN	LUONG VAN LONG	*****051	5	DN10086015-DN10086019
PGD NGOC LAM	LUONG VAN MANH	*****959	12	CT10031810-CT10031821
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUONG VAN MINH	*****735	7	CT10005880-CT10005886
CN HA NOI	LUONG VAN NAM	*****195	1	EB10002332-EB10002332
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUONG VAN NGUYEN	*****942	6	DN10086767-DN10086772
PGD TRUNG HOA	LUONG VAN NHAM	*****591	1	EB10003279-EB10003279
PGD BA RIA	LUONG VAN QUANG	*****143	2	CT10113420-CT10113421
CN HAI AN	LUONG VAN QUYET	*****091	48	CT10074194-CT10074197; DN10023512-DN10023549; EB10000536-EB10000536; TD10007216-TD10007220
CN HAI AN	LUONG VAN SANG	*****790	3	CT10068594-CT10068596
CN TP. HO CHI MINH	LUONG VAN SAU	*****919	1	CT10158780-CT10158780
PGD LACH TRAY 2	LUONG VAN SON	*****969	5	CT10054210-CT10054214
PGD KIM THANH	LUONG VAN TAM	*****811	10	CT10144894-CT10144903
TT KHCC MIEN BAC 1	LUONG VAN THANG	*****357	2	CT10018972-CT10018973
PGD HO TUNG MAU	LUONG VAN THUONG	*****041	3	CT10129928-CT10129930
PGD YEN PHU	LUONG VAN TRA PHUONG	*****105	6	CT10122199-CT10122204
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUONG VAN TRUONG	*****433	24	CT10086286-CT10086309
PGD TAY HO	LUONG VAN TUAN	*****766	1	EB10002239-EB10002239
CN LONG BIEN	LUONG VI HOA	*****314	1	EB10002434-EB10002434
PGD TON DAN	LUONG VIET THANH	*****290	13	CT10148586-CT10148598
PGD KIM VAN	LUONG VIET TUAN	*****518	9	CT10016939-CT10016947
PGD TRAN DUY HUNG	LUONG XUAN HIEN	*****103	1	CT10163334-CT10163334
CN DA NANG	LUU ANH TU	*****299	2	CT10107237-CT10107238
CN LANG HA	LUU BA SON	*****512	57	CT10153184-CT10153240
PGD LE HONG PHONG	LUU BAO TOAN	*****520	25	CT10156988-CT10157012

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LUU CHI CONG	*****454	1	CT10165181-CT10165181
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU CHI TRUNG	*****246	11	CT10031949-CT10031959
TT KHCC MIEN BAC 1	LUU CONG AN	*****592	3	CT10081544-CT10081546
CN DONG DA	LUU CONG HOA	*****120	1	EB10000801-EB10000801
PGD HOANG DIEU	LUU DANH TUYEN	*****410	3	CT10057088-CT10057090
CN DAI AN	LUU DINH DUNG	*****013	8	CT10111467-CT10111474
CN BAC NINH	LUU DINH THANH	*****777	8	CT10154081-CT10154088
CN THANH XUAN	LUU DUC HAI	*****677	3	CT10073119-CT10073121
PGD HAN THUYEN	LUU DUC HUY	*****182	1	EB10000088-EB10000088
CN SO GIAO DICH	LUU DUC MINH	*****374	7	CT10094710-CT10094716
CN DA NANG	LUU DUC THACH	*****085	1	CT10157584-CT10157584
PGD SOC SON	LUU DUY QUYET	*****254	12	CT10127663-CT10127674
CN TIEN GIANG	LUU GIANG	*****268	12	CT10055471-CT10055482
PGD LACH TRAY 2	LUU HAI VAN	*****347	123	CT10062027-CT10062038; DN10000213-DN10000312; EB10000019-EB10000019; TD10005356-TD10005365
PGD XUAN LA	LUU HAI YEN	*****348	99	CT10112355-CT10112453
CN TAN BINH	LUU HAI YEN	*****806	15	CT10115661-CT10115675
PGD BA RIA	LUU HAU	*****168	1	CT10027782-CT10027782
PGD DI AN	LUU HOANG LINH	*****293	7	CT10108961-CT10108967
CN TAN THANH	LUU HOANG THANH HUYEN	*****965	4	CT10119170-CT10119173
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU HONG HANH	*****099	5	DN10097899-DN10097903
PGD XUAN LA	LUU HONG HUNG	*****019	120	DN10006829-DN10006928; TD10006151-TD10006170
PGD THAI THINH	LUU KHANH HONG	*****891	5	TD10000956-TD10000960
PGD XUAN LA	LUU KIM LAN	*****585	54	CT10018566-CT10018619
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU MANH HA	*****743	5	CT10100122-CT10100126
CN TAN BINH	LUU MIEU SUONG	*****679	1	CT10148208-CT10148208
TT KH CC MIEN BAC 2	LUU MY HUYEN	*****218	1	CT10144576-CT10144576
PGD NGUYEN KHANH TOAN	LUU NGOC ANH	*****307	28	CT10142601-CT10142628

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	LUU NGOC MINH HOANG	*****696	1	CT10135601-CT10135601
PGD YEN PHU	LUU NGOC TAP	*****581	71	CT10068597-CT10068667
CN TAN THANH	LUU NGOC THANG	*****675	3	CT10017755-CT10017757
PGD TRAN NGUYEN HAN	LUU NGOC THANH	*****762	4	DN10108135-DN10108137; EB10002649-EB10002649
CN AN GIANG	LUU NGOC TIN	*****698	2	CT10065106-CT10065107
CN DONG NAI	LUU NGUYEN ANH VAN	*****577	1	CT10132829-CT10132829
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUU NGUYEN QUANG KHOI	*****186	75	CT10078887-CT10078961
CN AN GIANG	LUU NHUT THANH	*****867	2	CT10054031-CT10054032
TT KH CC MIEN BAC 2	LUU QUANG DINH	*****186	2	CT10116374-CT10116375
CN THANH XUAN	LUU QUANG HIEU	*****975	52	CT10085712-CT10085763
PGD HO TUNG MAU	LUU QUANG HINH	*****206	21	CT10042684-CT10042704
PGD SAO MAI	LUU QUANG HUNG	*****777	1	CT10016438-CT10016438
PGD TIEN AN	LUU QUANG HUY	*****866	13	CT10164452-CT10164464
PGD KIM VAN	LUU QUANG VU	*****029	1	EB10003051-EB10003051
PGD VAN XUAN	LUU QUY LONG	*****146	20	CT10015267-CT10015286
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUU TAI NGHIEP	*****271	1	CT10102175-CT10102175
CN TAN THANH	LUU TAN DINH	*****761	5	CT10161609-CT10161613
PGD XUAN KHANH	LUU TAN HOA	*****471	6	CT10036126-CT10036131
CN QUANG NINH	LUU THANH BINH	*****218	1	EB10002093-EB10002093
CN AN GIANG	LUU THANH CONG TAO	*****997	5	CT10164833-CT10164837
PGD NGOC HOI	LUU THANH DIEP	*****250	14	CT10098668-CT10098681
CN DAI AN	LUU THANH HA	*****259	4	CT10096399-CT10096402
CN HA NOI	LUU THANH THUY	*****711	1	CT10114874-CT10114874
CN SAI GON	LUU THANH VU	*****392	13	CT10090604-CT10090616
PGD DONG SON	LUU THE NHIEM	*****882	5	CT10152566-CT10152570
PGD TAN PHAT	LUU THI BICH HONG	*****342	1	EB10000533-EB10000533
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU THI DUNG	*****372	24	CT10107640-CT10107663
PGD NGUYEN HUU HUAN	LUU THI DUNG	*****893	24	CT10145723-CT10145746

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	LUU THI DUYEN	*****330	10	DN10049480-DN10049483; EB10000725-EB10000725; TD10010611-TD10010615
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU THI HAI TRANG	*****800	24	CT10025258-CT10025281
PGD NGUYEN LUONG BANG	LUU THI HAI YEN	*****831	1	EB10002631-EB10002631
PGD BA TRIEU	LUU THI HAN	*****459	1	CT10149316-CT10149316
PGD THANG LONG	LUU THI HANH	*****339	1	CT10012406-CT10012406
CN DAI AN	LUU THI HAU	*****350	7	CT10136525-CT10136531
CN HAI AN	LUU THI HOAI TRAN	*****455	3	CT10013693-CT10013694; EB10002785-EB10002785
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU THI HUYEN TRANG	*****241	1	CT10128104-CT10128104
CN TAN BINH	LUU THI KIM DUNG	*****830	24	CT10132309-CT10132332
PGD HO TUNG MAU	LUU THI LAN	*****051	1	CT10065263-CT10065263
CN SO GIAO DICH	LUU THI LINH	*****698	1	EB10002802-EB10002802
HUB PAYROLL MB	LUU THI MINH PHUONG	*****886	2	CT10132489-CT10132490
CN DA NANG	LUU THI MY	*****230	1	CT10055050-CT10055050
CN HA TINH	LUU THI NGA	*****203	5	DN10093150-DN10093154
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU THI NGAN	*****429	19	CT10134340-CT10134348; TD10005936-TD10005945
CN HAI PHONG	LUU THI NGAT	*****621	9	CT10061276-CT10061284
PGD NGUYEN HUU HUAN	LUU THI NGOC ANH	*****258	26	CT10083338-CT10083363
CN BINH DUONG	LUU THI NGOC VINH	*****094	10	TD10009031-TD10009040
CN HA TINH	LUU THI PHUONG	*****298	1	EB10001608-EB10001608
CN HA TINH	LUU THI THANH UYEN	*****768	31	CT10012225-CT10012255
CN DAI AN	LUU THI THU HA	*****281	25	CT10089473-CT10089497
PGD TRAN KHAT CHAN	LUU THI THUY HA	*****998	1	EB10001315-EB10001315
CN LANG HA	LUU THI THUY TRANG	*****129	6	CT10107290-CT10107295
PGD DIEN BIEN PHU	LUU THI THUY TRANG	*****546	3	CT10016317-CT10016319
TT KH CC MIEN BAC 2	LUU THI VAN PHUNG	*****301	4	CT10046979-CT10046982
CN NHA TRANG	LUU THI VINH LOC	*****340	1	EB10002425-EB10002425
PGD TAY HO	LUU THI XUAN HUONG	*****396	3	CT10162033-CT10162035

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HUNG VUONG	LUU THI XUAN TRANG	*****969	45	DN10059907-DN10059946; TD10000416-TD10000420
TT KHCC MIEN BAC 1	LUU THI YEN DUNG	*****314	1	CT10042885-CT10042885
CN SO GIAO DICH	LUU THU HANG	*****959	1	CT10008385-CT10008385
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU THUY DUONG	*****274	4	CT10161540-CT10161543
HUB THE VA TIN CHAP MN	LUU TIEN DUNG	*****122	24	CT10079741-CT10079764
TT KH CC MIEN BAC 2	LUU TIEN SANG	*****203	3	CT10148918-CT10148920
CN HAI DUONG	LUU TOAN THANG	*****625	6	CT10056529-CT10056529; TD10004156-TD10004160
PGD BINH TAN	LUU TRIEN HOA	*****481	1	EB10002727-EB10002727
HUB PAYROLL MB	LUU TUAN ANH	*****015	25	CT10014463-CT10014487
PGD NGOC HOI	LUU TUAN ANH	*****853	3	CT10057727-CT10057729
PGD LAC LONG QUAN	LUU TUAN BINH	*****443	99	CT10129578-CT10129676
CN SAI GON	LUU TUYET LINH	*****481	3	CT10078254-CT10078256
CN DA NANG	LUU VAN BINH	*****776	1	CT10154034-CT10154034
CN CAU GIAY	LUU VAN CUONG	*****606	28	CT10074573-CT10074600
CN NGHE AN	LUU VAN HANH	*****975	15	CT10159299-CT10159313
CN DA NANG	LUU VAN HAO ANH	*****338	2	CT10157915-CT10157916
PGD LE CHAN	LUU VAN HIEU	*****496	1	EB10001776-EB10001776
CN BAC NINH	LUU VAN HIEU	*****527	2	CT10098399-CT10098400
CN LONG BIEN	LUU VAN HUAN	*****296	3	CT10060081-CT10060083
CN BAC NINH	LUU VAN KY	*****225	1	EB10002282-EB10002282
PGD SO SAO	LUU VAN LUONG	*****619	110	DN10000890-DN10000989; TD10005371-TD10005380
CN HAI PHONG	LUU VAN QUANG	*****468	9	CT10108889-CT10108897
CN HAI PHONG	LUU VAN TAN	*****151	1	CT10045824-CT10045824
CN THANH XUAN	LUU VAN THANH	*****310	5	CT10040917-CT10040921
PGD SO SAO	LUU VAN TUAN	*****694	60	DN10040828-DN10040887
HUB THE VA TIN CHAP MB	LUU VAN TUNG	*****926	48	CT10162119-CT10162166
PGD TRAN DUY HUNG	LUU VAN TUNG	*****926	1	EB10000694-EB10000694
CN HAI PHONG	LUU VAN VINH	*****195	3	CT10161201-CT10161203
PGD THAI THINH	LUU VI HANG	*****751	51	CT10016863-CT10016913

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LUU VINH PHAT	*****032	1	EB10001186-EB10001186
CN SAI GON	LUU VINH PHAT	*****688	35	CT10139744-CT10139778
CN SAI GON	LUU VO MINH THU	*****308	1	EB10000764-EB10000764
CN BINH DUONG	LUU XUAN BAC	*****097	3	CT10093954-CT10093956
CN SO GIAO DICH	LUYEN HUYEN ANH	*****890	1	CT10118133-CT10118133
CN VUNG TAU	LUYEN TIEN HUNG	*****829	2	CT10094289-CT10094290
CN NHA TRANG	LY BA MINH	*****367	1	CT10009113-CT10009113
PGD NGUYEN NGOC NAI	LY BAO NGOC	*****032	19	CT10048231-CT10048249
PGD THU DAU 1	LY BAO NGOC	*****795	6	CT10045490-CT10045490; TD10002141-TD10002145
PGD TRAN HUNG DAO	LY BOI VAN	*****457	5	CT10164765-CT10164769
PGD HAN THUYEN	LY CHAU THUY	*****224	2	CT10038662-CT10038663
HUB THE VA TIN CHAP MN	LY CHI BAO	*****003	3	CT10151284-CT10151286
SEABANK LE DUAN	LY DAC NAM	*****618	2	CT10009878-CT10009879
CN SAI GON	LY DINH TRUNG	*****792	97	CT10140216-CT10140221; DN10034237-DN10034327
CN SAI GON	LY DUC THO	*****109	1	EB10000195-EB10000195
CN TIEN GIANG	LY GIA HAN	*****834	11	CT10050856-CT10050866
CN THAI NGUYEN	LY HOAI NAM	*****882	60	DN10038237-DN10038296
HUB THE VA TIN CHAP MN	LY HOANG LINH	*****294	6	CT10037448-CT10037453
TT KHCC MIEN BAC 1	LY HOANG YEN	*****702	15	CT10000580-CT10000594
CN DONG DA	LY HONG LINH	*****768	10	CT10037467-CT10037476
CN TP. HO CHI MINH	LY HONG SON	*****854	1	EB10001591-EB10001591
PGD HO TUNG MAU	LY HONG TAM	*****353	1	CT10033026-CT10033026
PGD MY DINH	LY HONG VAN	*****685	1	CT10035147-CT10035147
CN LONG BIEN	LY HUNG DUNG	*****473	12	CT10051379-CT10051390
PGD QUAN 10	LY KIEU HAI	*****373	1	EB10002080-EB10002080
PGD BA RIA	LY KY SU	*****277	1	CT10053532-CT10053532
CN AN GIANG	LY MAI TIEN VUNG	*****983	8	CT10110804-CT10110811
CN NHA TRANG	LY MINH PHUC	*****939	7	CT10075160-CT10075166

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	LY MINH VU	*****149	1	CT10098273-CT10098273
HUB THE VA TIN CHAP MN	LY NAM	*****024	1	CT10148479-CT10148479
PGD THU DAU 1	LY NGOC ANH	*****283	2	CT10149057-CT10149058
PGD THANH CONG	LY NGOC LAN	*****796	57	CT10004748-CT10004804
PGD QUAN 1	LY NGOC LINH	*****190	1	CT10132298-CT10132298
PGD LANG THUONG	LY NGOC TRINH	*****808	1	EB10000370-EB10000370
PGD QUAN 11	LY NIEN PHAT	*****591	1	CT10018177-CT10018177
PGD SO SAO	LY PHUONG HANG	*****376	1	EB10002681-EB10002681
CN CAN THO	LY PHUONG THAO	*****448	1	CT10117571-CT10117571
HUB THE VA TIN CHAP MN	LY QUI ANH	*****126	1	CT10061599-CT10061599
PGD SO SAO	LY QUOC NGU	*****406	2	CT10096546-CT10096547
CN THAI NGUYEN	LY TAI HAI	*****338	1	EB10002002-EB10002002
CN DA NANG	LY THAI PHONG	*****056	14	CT10082085-CT10082097; EB10002923-EB10002923
PGD LE QUANG DINH	LY THANH BINH	*****512	3	CT10060892-CT10060894
TT KHCC MIEN BAC 1	LY THANH THANG	*****684	3	CT10045491-CT10045493
CN NHA TRANG	LY THI DIEP	*****645	5	DN10001266-DN10001270
CN BAC NINH	LY THI DUONG	*****031	5	DN10003273-DN10003277
CN AN GIANG	LY THI HOANG YEN	*****193	34	CT10104073-CT10104075; DN10068789-DN10068814; TD10001611-TD10001615
CN HA DONG	LY THI HUE	*****059	1	CT10152565-CT10152565
PGD TRAN DUY HUNG	LY THI KHANH HOAN	*****093	11	CT10060585-CT10060595
SEABANK LE DUAN	LY THI KIEU MY	*****521	5	TD10000341-TD10000345
CN BAC NINH	LY THI KIM DUNG	*****006	49	CT10057937-CT10057985
CN BINH DINH	LY THI KIM NGA	*****904	4	DN10031811-DN10031814
HUB THE VA TIN CHAP MN	LY THI KIM NGAN	*****015	6	DN10047895-DN10047900
CN CA MAU	LY THI LAM LINH	*****477	1	CT10127007-CT10127007
PGD BUON DON	LY THI LAN	*****170	3	DN10071243-DN10071245
TT KHCC MIEN BAC 1	LY THI THU HUYEN	*****874	1	EB10001212-EB10001212

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	LY THICH CUONG	*****155	5	CT10083269-CT10083273
HUB THE CHAP MN	LY THIEN PHUONG	*****329	70	DN10033881-DN10033944; EB10003017-EB10003017; TD10009141-TD10009145
PGD THU DAU 1	LY THIEN THANH	*****483	2	CT10130945-CT10130946
PGD TAY HO	LY TIEN SY	*****327	1	EB10001262-EB10001262
PGD TRUNG HOA	LY TRUNG DUC	*****322	10	CT10049594-CT10049603
PGD QUAN 1	LY TRUONG HA	*****996	1	CT10101577-CT10101577
PGD TRAN PHU	LY TUAN ANH	*****791	5	CT10080149-CT10080153
CN SAI GON	LY TUAN PHUONG	*****255	2	CT10088106-CT10088107
PGD QUAN 10	LY VAN HOA	*****770	5	TD10006471-TD10006475
CN DONG DA	LY VAN KIEM	*****652	15	CT10109363-CT10109377
PGD CAM RANH	LY VAN LONG	*****337	3	CT10111851-CT10111853
CN HA DONG	LY VAN MANH	*****258	10	CT10072961-CT10072970
CN SAI GON	LY VAN MUOI BA	*****062	1	CT10149165-CT10149165
CN TAN BINH	LY VIET AN	*****776	81	DN10039758-DN10039837; EB10003207-EB10003207
PGD SO SAO	LY VIET TOAN	*****432	5	CT10052871-CT10052875
PGD NUI THANH	LY VINH	*****453	41	DN10019624-DN10019663; EB10000386-EB10000386
PGD KIM LIEN	LY XUAN TRUNG	*****527	1	CT10035717-CT10035717
PGD MY CA	MA CONG KHIEM	*****815	1	CT10137464-CT10137464
PGD TU SON	MA DUC GIANG	*****954	1	EB10001164-EB10001164
HUB THE VA TIN CHAP MN	MA HAN KHIEM	*****527	10	CT10110214-CT10110223
CN CAN THO	MA KIM NGAN	*****436	5	CT10037418-CT10037422
HUB THE VA TIN CHAP MB	MA QUANG TUNG	*****419	40	CT10143045-CT10143084
CN CAN THO	MA THANH TAM	*****271	10	TD10008916-TD10008925
CN CA MAU	MA THANH TEN	*****623	4	CT10108043-CT10108046
PGD TRAN DUY HUNG	MA THI HOAI	*****696	1	EB10002162-EB10002162
PGD DAO TAN	MA THI THANH HUONG	*****891	9	CT10035262-CT10035270
CN DAK LAK	MA VAN NGHIA	*****920	7	DN10096839-DN10096845
CN THAI NGUYEN	MA VAN TUNG	*****168	3	CT10161746-CT10161748
PGD TAY HO	MAC ANH TUAN	*****584	5	CT10037315-CT10037319
CN PHU MY HUNG	MAC CAM OAI	*****991	1	CT10141351-CT10141351
PGD CAM PHA	MAC CHI TOAN	*****105	1	CT10030697-CT10030697
PGD TIEN AN	MAC CONG TRUNG	*****254	2	CT10128283-CT10128284

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAI DANG	MAC DUC DUY	*****098	8	CT10096814-CT10096821
HUB THE CHAP MB 1	MAC DUONG MINH KHUE	*****704	32	DN10030815-DN10030846
PGD GIA LOC	MAC DUY KHUONG	*****240	9	CT10140342-CT10140350
PGD NGOC LAM	MAC LE CHI	*****250	14	CT10053800-CT10053813
CN TAN PHU	MAC NHU HOANG	*****729	82	CT10104612-CT10104621; DN10069532-DN10069598; TD10001586-TD10001590
CN HAI PHONG	MAC THE LUC	*****957	10	CT10001559-CT10001568
PGD HAI DANG	MAC THI BICH HIEN	*****620	1	EB10002124-EB10002124
CN NHA TRANG	MAC THI CAM NHUNG	*****113	1	CT10039518-CT10039518
PGD CAM PHA	MAC THI LIEN	*****565	52	DN10085238-DN10085279; TD10003881-TD10003890
CN HAI AN	MAC THI LINH	*****803	1	CT10119126-CT10119126
CN HAI AN	MAC THI THANH LUYEN	*****644	2	CT10074571-CT10074572
CN HAI AN	MAC THI THIEN	*****238	1	EB10002599-EB10002599
CN HAI AN	MAC THU HUONG	*****586	1	EB10001856-EB10001856
CN HAI DUONG	MAC THU NGA	*****461	5	TD10006751-TD10006755
CN DA NANG	MAC TIEU LONG	*****705	3	CT10131610-CT10131612
CN DAI AN	MAC TRIEU NGUYEN	*****250	2	CT10059214-CT10059215
CN DAK LAK	MACH THI KIM OANH	*****779	21	DN10105602-DN10105622
CN SAI GON	MAI BAO NGA	*****819	5	CT10052989-CT10052993
PGD DIEN KHANH	MAI BAO QUYEN	*****938	1	CT10060618-CT10060618
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI CHIEU THUY	*****269	6	CT10057601-CT10057606
PGD THANH CONG	MAI CUONG LONG	*****882	50	CT10038363-CT10038412
PGD KHAM THIEN	MAI DAI DUONG	*****026	4	CT10118094-CT10118097
CN BINH DUONG	MAI DANG PHONG	*****585	33	DN10029990-DN10030017; TD10008626-TD10008630
CN CAU GIAY	MAI DIEU LINH	*****714	2	CT10132648-CT10132649
PGD LAC LONG QUAN	MAI DIEU LINH	*****868	24	CT10059962-CT10059985
PGD BA RIA	MAI DUC ANH	*****183	2	CT10060613-CT10060614
CN PHU MY HUNG	MAI DUC CHAU	*****051	2	CT10143812-CT10143813
CN THANH XUAN	MAI DUC HIEP	*****975	49	CT10152885-CT10152933
CN LANG HA	MAI DUNG HOA	*****296	3	CT10001474-CT10001476
HUB PAYROLL MN	MAI HAC LONG	*****360	1	EB10001526-EB10001526
HUB THE VA TIN CHAP MB	MAI HAI HUNG	*****622	1	CT10078466-CT10078466

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI HIEN TRANG	*****332	3	CT10064075-CT10064077
PGD XUAN LA	MAI HOA	*****560	37	CT10100600-CT10100636
PGD NGOC LAM	MAI HOAI THANH	*****868	1	CT10139561-CT10139561
HUB THE CHAP MN	MAI HONG DIEP	*****193	2	CT10038133-CT10038134
CN DONG DA	MAI HUONG LY	*****433	49	CT10009352-CT10009400
CN DONG DA	MAI HUU THO	*****340	10	TD10011131-TD10011140
CN LANG HA	MAI HUY KHUONG	*****522	10	CT10131674-CT10131683
CN HAI AN	MAI ICH NGUYEN	*****315	15	CT10089966-CT10089980
PGD TO HIEU	MAI ICH TUAN	*****126	7	CT10087541-CT10087547
CN DA NANG	MAI KHANH VY	*****347	16	CT10022579-CT10022594
CN CAN THO	MAI LE DANG NGOC DUNG	*****755	3	CT10055691-CT10055693
CN DA NANG	MAI MINH VUONG	*****012	4	CT10067005-CT10067008
CN DA NANG	MAI NAM KHANG	*****294	1	CT10002240-CT10002240
CN SO GIAO DICH	MAI NAM LONG	*****061	1	CT10057732-CT10057732
CN LANG HA	MAI NGHIEM LONG	*****401	15	CT10019104-CT10019108; TD10008671-TD10008680
PGD QUAN 1	MAI NGOC ANH	*****030	2	CT10120343-CT10120344
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI NGOC KHANH	*****036	13	CT10011526-CT10011538
PGD CONG HOA	MAI NGOC NHA TRUC	*****608	1	EB10000624-EB10000624
CN THANH XUAN	MAI NGOC SON	*****528	107	CT10020118-CT10020224
CN HAI PHONG	MAI NGOC THE	*****609	11	CT10142061-CT10142071
CN TAN BINH	MAI NGOC TUYEN	*****784	5	TD10009861-TD10009865
CN BINH DINH	MAI NGUYET NHUNG	*****148	10	CT10001913-CT10001922
CN HAI PHONG	MAI NHAT ANH	*****115	10	DN10107724-DN10107727; EB10002603-EB10002603; TD10007891-TD10007895
CN DA NANG	MAI NHU NGOC HA	*****818	3	CT10040172-CT10040174
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI PHUC TUONG	*****997	1	CT10078564-CT10078564
PGD DIEN BIEN PHU	MAI PHUOC DAI	*****927	1	EB10001828-EB10001828
CN HA NOI	MAI PHUONG LIEN	*****051	19	CT10081835-CT10081853
CN HA NOI	MAI PHUONG TRINH	*****787	53	CT10021748-CT10021789; EB10003111-EB10003111; TD10009346-TD10009355

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	MAI QUANG HUY	*****150	5	TD10001291-TD10001295
CN THANH XUAN	MAI QUANG VINH	*****332	15	CT10093257-CT10093271
CN THANH XUAN	MAI QUOC CUONG	*****030	58	CT10135493-CT10135550
PGD BOTANIC	MAI QUOC DUAN	*****072	1	CT10128221-CT10128221
CN DONG DA	MAI QUOC HIEP	*****675	5	CT10015613-CT10015617
CN DAI AN	MAI QUY KHAI	*****154	1	CT10072303-CT10072303
CN QUANG NGAI	MAI THANH CUONG	*****285	9	CT10137051-CT10137059
CN AN GIANG	MAI THANH DONG	*****058	9	DN10091938-DN10091946
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI THANH DUYEN	*****913	22	CT10018260-CT10018268; DN10028582-DN10028589; TD10008546-TD10008550
CN DONG DA	MAI THANH GIANG	*****151	5	CT10084721-CT10084725
PGD VAN XUAN	MAI THANH HIEU	*****182	50	CT10027716-CT10027765
HUB THE VA TIN CHAP MB	MAI THANH HOA	*****371	25	CT10042484-CT10042508
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI THANH HUONG	*****977	1	CT10125272-CT10125272
CN SAI GON	MAI THANH LONG	*****670	25	CT10131684-CT10131708
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI THANH NGOI	*****503	1	CT10120826-CT10120826
HUB THE VA TIN CHAP MB	MAI THANH TRUC	*****625	25	CT10156560-CT10156584
CN THANH XUAN	MAI THANH TUNG	*****082	57	CT10044964-CT10045020
CN TAN PHU	MAI THE KIET	*****598	4	CT10099020-CT10099023
CN HAI PHONG	MAI THE TRUYEN	*****040	3	CT10155347-CT10155349
PGD HAO NAM	MAI THE TUNG	*****080	21	CT10116009-CT10116029
CN VINH PHUC	MAI THE VIET	*****576	1	CT10067189-CT10067189
PGD XUAN KHANH	MAI THI	*****310	1	CT10011738-CT10011738
SEABANK LE DUAN	MAI THI AN	*****258	30	CT10015085-CT10015114
CN HA TINH	MAI THI ANH	*****193	5	DN10087511-DN10087515
PGD LE QUANG DINH	MAI THI ANH DAO	*****082	1	EB10002443-EB10002443
CN NHA TRANG	MAI THI BICH TRAM	*****981	50	DN10027924-DN10027973
PGD QUAN 7	MAI THI CAM HANG	*****476	8	CT10011222-CT10011229
PGD Krong Nang	MAI THI GAI	*****094	3	DN10004182-DN10004184
CN HAI PHONG	MAI THI GIANG	*****036	3	DN10095975-DN10095977
PGD TRUNG HOA	MAI THI HA	*****150	7	CT10012690-CT10012696
PGD DI AN	MAI THI HANG	*****738	27	CT10018782-CT10018808

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DIEN KHANH	MAI THI HANH	*****244	3	CT10061122-CT10061124
PGD LANG THUONG	MAI THI HOAN	*****110	2	CT10126141-CT10126142
CN DAK LAK	MAI THI HUE	*****206	6	CT10113691-CT10113696
PGD Krong Nang	MAI THI HUONG	*****982	7	CT10145186-CT10145192
PGD HAN THUYEN	MAI THI HUONG NHUNG	*****978	12	CT10106230-CT10106241
CN DAK LAK	MAI THI HUONG SEN	*****467	1	CT10079799-CT10079799
PGD NGUYEN HUU HUAN	MAI THI HUYEN	*****355	8	CT10035296-CT10035303
PGD THANG LONG	MAI THI KIEU TRANG	*****336	8	CT10151735-CT10151742
CN DA NANG	MAI THI KIM ANH	*****014	56	CT10015007-CT10015062
CN HAI AN	MAI THI LAN ANH	*****091	1	EB10002565-EB10002565
CN SO GIAO DICH	MAI THI LE HA	*****038	9	CT10158430-CT10158438
CN HUE	MAI THI LE THUY	*****621	3	DN10050129-DN10050131
PGD BA RIA	MAI THI LY	*****735	4	CT10097503-CT10097506
CN LONG BIEN	MAI THI MY	*****016	62	CT10135319-CT10135324; DN10005885-DN10005934; EB10000230-EB10000230; TD10006066-TD10006070
CN DA NANG	MAI THI NGOC BEN	*****093	1	CT10053552-CT10053552
CN SAI GON	MAI THI NGOC BICH	*****618	1	EB10000190-EB10000190
CN DAK LAK	MAI THI NGOC HA	*****663	4	DN10058297-DN10058300
CN DAI AN	MAI THI NGOC OANH	*****727	4	CT10081737-CT10081740
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI THI NHAM	*****029	14	CT10053893-CT10053906
CN THANH HOA	MAI THI NHUNG	*****343	1	EB10000635-EB10000635
CN HAI AN	MAI THI NINH	*****873	1	EB10001485-EB10001485
PGD HAO NAM	MAI THI PHUONG	*****781	5	TD10001091-TD10001095
CN TAN BINH	MAI THI QUYNH NGA	*****803	1	CT10043066-CT10043066
PGD SO SAO	MAI THI TAM	*****089	14	CT10111578-CT10111591
CN THANH XUAN	MAI THI THANH HUONG	*****197	7	CT10142631-CT10142637
CN HA TINH	MAI THI THANH TAM	*****128	7	CT10132640-CT10132646
CN NHA TRANG	MAI THI THANH TAM	*****562	1	EB10000879-EB10000879
CN BINH DINH	MAI THI THANH THUY	*****057	2	CT10018883-CT10018884
PGD NGUYEN CONG TRU	MAI THI THANH THUY	*****151	1	EB10002555-EB10002555
CN TAN BINH	MAI THI THANH TIEN	*****357	7	CT10083961-CT10083967

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI THI THOM	*****030	1	CT10040249-CT10040249
CN THANH XUAN	MAI THI THOM	*****282	15	CT10113222-CT10113236
CN HAI AN	MAI THI THU HA	*****242	11	CT10006220-CT10006230
PGD TUYEN SON	MAI THI THU HANG	*****200	1	CT10160345-CT10160345
SEABANK LE DUAN	MAI THI THU VAN	*****679	2	CT10081183-CT10081184
CN NHA TRANG	MAI THI THUY DUONG	*****235	4	CT10099365-CT10099368
PGD LAC LONG QUAN	MAI THI TRUNG	*****080	2	CT10105108-CT10105109
PGD THANG LONG	MAI THI TUYEN	*****316	25	CT10006937-CT10006961
CN DONG NAI	MAI THI TUYET	*****279	1	EB10000187-EB10000187
CN CAN THO	MAI THI TUYET NGAN	*****953	1	EB10001734-EB10001734
PGD DONG SON	MAI THI VAN ANH	*****764	6	CT10041186-CT10041191
CN BINH DUONG	MAI THIEN NHAN	*****736	1	CT10160214-CT10160214
CN TP. HO CHI MINH	MAI THU HUONG	*****863	7	CT10000317-CT10000323
CN THANH XUAN	MAI THU PHUONG	*****568	1	CT10038179-CT10038179
PGD DONG SON	MAI THU THAO	*****051	1	EB10003347-EB10003347
CN DA NANG	MAI THU THUY	*****013	3	DN10075414-DN10075416
CN DONG DA	MAI THUC DINH	*****068	50	CT10087582-CT10087631
TT KH CC MIEN BAC 2	MAI THUY DUNG	*****286	1	CT10029600-CT10029600
CN AN GIANG	MAI THUY GIANG	*****290	1	CT10141200-CT10141200
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI TIEN DUNG	*****871	10	TD10010961-TD10010970
CN THANH XUAN	MAI TIEN HANH	*****119	19	CT10081387-CT10081405
HUB THE VA TIN CHAP MN	MAI TRAN	*****053	12	CT10023097-CT10023108
PGD KHAM THIEN	MAI TRANG	*****202	7	CT10080985-CT10080991
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI TRUNG TUYEN	*****904	2	CT10073415-CT10073416
CN DAI AN	MAI TRUONG GIANG	*****289	1	EB10002487-EB10002487
CN KIEN GIANG	MAI TUAN ANH	*****598	1	CT10028403-CT10028403
HUB THE CHAP MB 1	MAI TUAN DUNG	*****125	1	CT10150634-CT10150634
PGD SOC SON	MAI TUAN THANH	*****043	16	CT10142844-CT10142859
CN DAI AN	MAI TUNG HIEP	*****204	3	CT10051461-CT10051463
CN HA DONG	MAI VAN BANG	*****002	3	CT10053148-CT10053150

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN PHU	MAI VAN CHIEN	*****059	45	DN10033696-DN10033730; TD10008966-TD10008975
CN HAI PHONG	MAI VAN DIEN	*****998	2	CT10027005-CT10027006
PGD DAO TAN	MAI VAN DUONG	*****170	15	CT10164473-CT10164487
PGD NGUYEN TRAI	MAI VAN HAO	*****450	5	CT10141102-CT10141106
PGD NGUYEN VAN CU	MAI VAN HIEU	*****689	58	CT10091515-CT10091520; DN10041700-DN10041745; EB10003250-EB10003250; TD10009821-TD10009825
CN LANG HA	MAI VAN HUNG	*****719	1	CT10038018-CT10038018
PGD BACH MAI	MAI VAN HUYNH	*****260	25	CT10050868-CT10050892
PGD MY CA	MAI VAN LUONG	*****257	4	CT10067678-CT10067681
CN DA NANG	MAI VAN MINH	*****547	2	CT10081212-CT10081213
PGD BA TRIEU	MAI VAN NHAN	*****790	1	EB10000701-EB10000701
CN DAI AN	MAI VAN NHIEM	*****362	14	CT10107221-CT10107234
CN LANG HA	MAI VAN THAI	*****671	17	CT10091479-CT10091495
HUB THE VA TIN CHAP MB	MAI VAN THIEN	*****082	20	CT10120634-CT10120653
PGD TRAN PHU	MAI VAN THIEN	*****773	9	CT10125933-CT10125941
HUB THE VA TIN CHAP MB	MAI VAN THUAN	*****251	17	CT10093542-CT10093558
PGD LE THANH TONG	MAI VAN TIEN	*****079	1	EB10001993-EB10001993
PGD PHU LAM	MAI VAN TRONG	*****445	1	CT10044906-CT10044906
CN PHU MY HUNG	MAI XUAN DAY	*****272	4	CT10054557-CT10054560
CN DA NANG	MAI XUAN DONG	*****688	6	CT10088108-CT10088113
CN DAI AN	MAI XUAN DUNG	*****468	1	CT10096098-CT10096098
PGD LY THUONG KIET-DN	MAI XUAN DUNG	*****773	5	CT10016404-CT10016408
CN TAN THANH	MAI XUAN HIEP	*****902	42	CT10099717-CT10099758
TT KHCC MIEN BAC 1	MAI XUAN HIEU	*****516	1	CT10021012-CT10021012
CN TAN BINH	MAI XUAN HIEU	*****591	225	DN10040565-DN10040784; TD10009796-TD10009800
CN THANH XUAN	MAI XUAN KHAI	*****413	2	CT10130114-CT10130115
CN LANG HA	MAI XUAN LAM	*****176	3	CT10081528-CT10081530
CN LONG BIEN	MAI XUAN TAM	*****443	19	CT10096710-CT10096723; TD10010916-TD10010920
PGD THANG LONG	MAI XUAN THANH	*****740	1	CT10076413-CT10076413
PGD TRUNG HOA	MAI XUAN THU	*****994	11	CT10121393-CT10121403

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HUE	MAI XUAN TUAN	*****714	2	CT10115898-CT10115899
PGD PHO YEN	MAN HOAI THANH	*****663	1	CT10142012-CT10142012
CN DAI AN	MAN THI HONG LOAN	*****197	5	TD10006301-TD10006305
PGD TU SON	MAN THI HUONG	*****543	90	DN10063661-DN10063750
CN THAI NGUYEN	MAN THI HUYEN	*****865	10	TD10009191-TD10009200
PGD SOC SON	MAN VAN LUAN	*****429	1	EB10000310-EB10000310
CN BAC NINH	MAN VAN THUONG	*****984	1	CT10071004-CT10071004
CN BAC NINH	MAN VAN TUAN	*****638	1	CT10101041-CT10101041
PGD TU SON	MAN VAN VIEN	*****762	1	CT10123155-CT10123155
CN DAK LAK	MANG THI HAI YEN	*****019	5	DN10064820-DN10064824
CN BINH DINH	MANG THI NGOC DIEU	*****729	5	CT10010387-CT10010391
CN NHA TRANG	MANG THI VAN	*****279	5	DN10020023-DN10020027
CN NHA TRANG	MAU THI KIEU ANH	*****933	1	EB10001245-EB10001245
CN LONG BIEN	MCLEAN ROBERT NEIL	*****190	10	TD10009631-TD10009640
PGD TUYEN SON	MEHTA JAI SAURABH	*****036	22	CT10084319-CT10084340
PGD LACH TRAY 2	MELICIA MONICA MATEUS CHAMBALANDA	*****763	1	EB10002151-EB10002151
CN SAI GON	MICHAEL KWEGYIR AGGREY	*****495	1	EB10001107-EB10001107
PGD DA KAO	NAOHIKO SUGITANI	*****801	1	EB10002513-EB10002513
CN DAI AN	NGAN KIM CHI	*****038	2	CT10055483-CT10055484
PGD HONG BANG	NGAN THI DAO	*****126	1	EB10001001-EB10001001
CN HAI PHONG	NGHIEM DINH PHI	*****634	2	CT10020502-CT10020503
CN THANH XUAN	NGHIEM HONG NGA	*****281	1	EB10000081-EB10000081
CN LANG HA	NGHIEM MANH THANG	*****593	2	CT10059952-CT10059953
CN DONG NAI	NGHIEM PHUNG TAM	*****734	3	CT10076297-CT10076299
CN THAI NGUYEN	NGHIEM SY DAT	*****721	5	CT10064214-CT10064218
TT KHCC MIEN BAC 1	NGHIEM SY MINH	*****422	5	CT10115684-CT10115688
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGHIEM SY TUAN	*****236	1	CT10069570-CT10069570
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGHIEM THANH BINH	*****113	17	CT10059197-CT10059213
CN DONG DA	NGHIEM THANH LY	*****470	1	EB10001705-EB10001705
HUB PAYROLL MB	NGHIEM THANH TUNG	*****685	5	CT10026039-CT10026043
CN HA DONG	NGHIEM THI HUONG	*****890	25	CT10071211-CT10071235
CN DAI AN	NGHIEM THI LOAN	*****191	19	CT10098987-CT10099000; TD10000461-TD10000465

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	NGHIEM THI NGOC ANH	*****342	3	CT10079673-CT10079675
TT KHCC MIEN BAC 1	NGHIEM THI PHUONG ANH	*****581	11	CT10042433-CT10042443
CN DAI AN	NGHIEM THI PHUONG HONG	*****402	1	CT10121685-CT10121685
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGHIEM THI THANH NGUYET	*****119	2	CT10115008-CT10115009
PGD VAN XUAN	NGHIEM THI THANH THAO	*****576	12	CT10068443-CT10068454
PGD DAI KIM	NGHIEM TRONG DAI	*****140	13	CT10085500-CT10085512
PGD TIEN AN	NGHIEM VAN DUC	*****685	4	CT10116699-CT10116702
PGD PHO YEN	NGHIEM VAN HIEN	*****973	1	EB10000807-EB10000807
PGD VINH YEN	NGHIEM VAN HOANG	*****470	1	EB10001085-EB10001085
PGD TU SON	NGHIEM VAN HOP	*****433	3	CT10149060-CT10149062
PGD TU SON	NGHIEM VAN TAM	*****568	1	EB10000724-EB10000724
CN SO GIAO DICH	NGHIEM VAN THANH	*****167	1	EB10002025-EB10002025
CN DAI AN	NGHIEM VIET AN	*****043	37	CT10055614-CT10055650
PGD THANH DONG	NGHIEM VIET HOA	*****426	1	EB10002633-EB10002633
CN HA NOI	NGHIEM XUAN CAO	*****751	9	CT10137545-CT10137553
CN TP. HO CHI MINH	NGHIEM XUAN HUY	*****869	1	EB10001764-EB10001764
CN HA NOI	NGHIEM XUAN THAI	*****560	3	CT10053957-CT10053959
CN HA DONG	NGHIEM XUAN TRUNG	*****249	1	EB10000911-EB10000911
PGD DAO TAN	NGO AN NGOC QUYNH	*****096	1	CT10164579-CT10164579
SEABANK LE DUAN	NGO ANH	*****525	5	CT10138151-CT10138155
CN SO GIAO DICH	NGO ANH PHONG	*****290	7	CT10099759-CT10099765
CN DONG DA	NGO BA CAO	*****691	15	CT10004826-CT10004840
PGD THAI THINH	NGO BA TRUONG	*****166	12	CT10075211-CT10075222
CN LANG HA	NGO BACH NHAT	*****071	5	CT10164349-CT10164353
CN HUE	NGO BAO MINH	*****941	5	TD10002111-TD10002115
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO BAO NGOC	*****477	5	CT10041617-CT10041621
PGD VINH HAI	NGO BICH LOAN	*****323	90	DN10101054-DN10101143
CN THAI NGUYEN	NGO BINH	*****983	16	CT10111425-CT10111440
CN LANG HA	NGO CAO DAI	*****363	22	CT10138889-CT10138900; TD10009131-TD10009140
PGD CONG HOA	NGO CHI CONG	*****357	52	CT10076016-CT10076067
CN LONG BIEN	NGO CHI THANH	*****478	10	CT10153149-CT10153158

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO CONG CHO	*****635	1	CT10124093-CT10124093
PGD HOA BINH	NGO CONG KHANH	*****543	10	CT10114057-CT10114066
PGD DONG SON	NGO CONG THAI	*****193	5	CT10162058-CT10162062
CN DAI AN	NGO DAI DUNG	*****349	14	CT10065020-CT10065033
CN SAI GON	NGO DAI DUONG	*****090	10	CT10025763-CT10025772
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO DAI HUNG	*****783	28	CT10145131-CT10145158
PGD SAO MAI	NGO DANG QUOC THANH	*****356	1	CT10089700-CT10089700
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO DANG TUNG SON	*****863	3	CT10153255-CT10153257
CN THANH XUAN	NGO DAO HUNG	*****940	61	CT10059455-CT10059515
CN TAN THANH	NGO DIEM DINH	*****696	4	CT10046742-CT10046745
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO DIEN HY	*****142	3	CT10029018-CT10029020
CN NHA TRANG	NGO DIEN Y NHI	*****435	1	EB10000941-EB10000941
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO DIEP LINH	*****459	25	CT10058068-CT10058092
CN LONG BIEN	NGO DIEU LINH	*****347	1	CT10143234-CT10143234
CN HA DONG	NGO DIEU LINH	*****472	12	CT10066246-CT10066257
PGD KIM LIEN	NGO DINH DIEM	*****308	9	CT10079455-CT10079463
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO DINH NGU	*****985	8	CT10040429-CT10040436
CN DA NANG	NGO DINH TAN	*****223	13	CT10069906-CT10069918
PGD TU SON	NGO DINH TAN	*****526	23	CT10090120-CT10090142
CN LONG BIEN	NGO DINH THI	*****264	15	CT10056828-CT10056832; TD10004166-TD10004175
PGD BACH MAI	NGO DINH THUC	*****239	7	CT10100828-CT10100834
PGD NGO GIA TU	NGO DINH TUAN	*****028	62	CT10130814-CT10130875
CN QUANG NINH	NGO DOAN THANH	*****428	2	CT10002843-CT10002843; EB10000340-EB10000340
CN CAU GIAY	NGO DONG HAI	*****734	2	CT10003035-CT10003036
CN NHA TRANG	NGO DUC CUONG	*****331	14	CT10120409-CT10120417; TD10003781-TD10003785
CN HUE	NGO DUC GIOI	*****382	10	CT10007590-CT10007599
CN CAU GIAY	NGO DUC HOI	*****022	48	CT10058654-CT10058701
PGD DAO TAN	NGO DUC LONG	*****230	15	CT10014971-CT10014985
CN BAC NINH	NGO DUC MINH	*****957	4	CT10124176-CT10124179
HUB PAYROLL MB	NGO DUC QUANG	*****093	24	CT10022595-CT10022618

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAM NGHI	NGO DUC SY	*****462	37	CT10010520-CT10010556
CN NHA TRANG	NGO DUC THIEN	*****309	1	EB10002882-EB10002882
CN BAC NINH	NGO DUY CHAT	*****201	31	CT10053021-CT10053051
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO DUY DOANH	*****147	18	CT10002656-CT10002663; TD10006381-TD10006390
CN HA NOI	NGO DUY DONG	*****899	50	CT10018366-CT10018415
PGD DONG SON	NGO DUY DUOC	*****307	25	DN10067800-DN10067824
PGD NGUYEN AN NINH	NGO DUY HOANG	*****800	3	CT10070763-CT10070765
PGD HOA BINH	NGO DUY LINH	*****186	3	CT10117367-CT10117369
CN HAI PHONG	NGO DUY LINH	*****342	4	CT10014832-CT10014835
HUB PAYROLL MB	NGO DUY TAN	*****377	14	CT10121711-CT10121724
CN PHU MY HUNG	NGO DUY TRONG	*****442	3	CT10067660-CT10067662
CN BINH DUONG	NGO DUY TRUONG	*****952	1	CT10094884-CT10094884
CN DA NANG	NGO DUY TUNG	*****455	9	CT10103166-CT10103174
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO DUY VAN	*****053	1	CT10036822-CT10036822
PGD HAI DANG	NGO GIA NGU	*****154	14	CT10100699-CT10100702; TD10000581-TD10000590
CN THAI NGUYEN	NGO HA NUONG	*****257	1	EB10000819-EB10000819
CN DONG DA	NGO HAI DANG	*****041	4	CT10122036-CT10122039
CN NGHE AN	NGO HAI QUAN	*****605	14	CT10088013-CT10088026
CN NHA TRANG	NGO HAI YEN	*****252	1	CT10091090-CT10091090
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO HOA THUAN	*****951	1	CT10129714-CT10129714
CN DA NANG	NGO HOAI HIEP	*****427	1	CT10025891-CT10025891
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO HOAI NAM	*****038	4	CT10005502-CT10005505
CN THAI NGUYEN	NGO HOANG ANH	*****121	18	CT10055175-CT10055186; EB10001916-EB10001916; TD10003291-TD10003295
CN TP. HO CHI MINH	NGO HOANG ANH THUY	*****575	1	EB10002123-EB10002123
CN SO GIAO DICH	NGO HOANG LAM	*****628	14	CT10012271-CT10012284
PGD TRUNG NHI	NGO HOANG NAM	*****729	10	TD10010141-TD10010150
CN HUE	NGO HOANG PHONG	*****130	4	CT10161668-CT10161671
CN LANG HA	NGO HOANG QUAN	*****326	1	CT10035545-CT10035545
SEABANK LE DUAN	NGO HOANG QUYNH	*****293	15	CT10049646-CT10049660
CN SAI GON	NGO HOANG THY	*****546	1	EB10002044-EB10002044

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TAY HO	NGO HOANG VIET	*****412	12	CT10062094-CT10062105
HUB PAYROLL MB	NGO HONG HAI	*****334	1	CT10146234-CT10146234
PGD THAI THINH	NGO HONG THAI	*****394	51	CT10075488-CT10075538
PGD LY THUONG KIET-DN	NGO HUONG GIANG	*****804	1	EB10002870-EB10002870
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO HUU DUC	*****470	1	CT10143913-CT10143913
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGO HUU HAU	*****667	4	CT10134536-CT10134539
HUB THE CHAP MB 2	NGO HUU HUNG	*****969	175	CT10123095-CT10123104; DN10088705-DN10088869
PGD TU SON	NGO HUU KIEN	*****426	5	CT10022053-CT10022057
PGD TRAN DUY HUNG	NGO HUY BINH	*****801	22	CT10137852-CT10137873
PGD YEN PHU	NGO HUY HAO	*****309	17	CT10165128-CT10165144
CN NHA TRANG	NGO HUY LE	*****369	1	EB10002557-EB10002557
SEABANK LE DUAN	NGO HUYNH DAN CA	*****841	1	EB10000111-EB10000111
CN DA NANG	NGO KHANH HUY	*****278	7	CT10034835-CT10034841
PGD QUAN 11	NGO KHIET NHAN	*****589	1	EB10000792-EB10000792
PGD TAY HO	NGO KIM DUNG	*****212	22	CT10045182-CT10045203
PGD XUAN KHANH	NGO KIM NGOC	*****574	1	EB10001913-EB10001913
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO KIM PHUNG	*****165	18	CT10109276-CT10109293
PGD MY CA	NGO LAM VUONG	*****801	1	CT10163081-CT10163081
PGD LAN ONG	NGO LE HOANG NHAT	*****000	21	CT10116376-CT10116396
CN THANH XUAN	NGO LE NA	*****386	1	CT10036418-CT10036418
PGD TRUONG THI	NGO LE QUYNH ANH	*****393	1	CT10060705-CT10060705
CN NHA TRANG	NGO LE THANH TUNG	*****671	1	EB10002863-EB10002863
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO LONG HAI	*****367	4	CT10107636-CT10107639
PGD CAM PHA	NGO MAI NHAT	*****879	13	DN10070856-DN10070868
PGD HOANG DIEU	NGO MAI PHUONG DUNG	*****015	26	CT10129686-CT10129711
CN TAN BINH	NGO MAN	*****258	1	CT10155733-CT10155733
CN LANG HA	NGO MANH HUNG	*****106	1	CT10096801-CT10096801
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO MANH HUNG	*****810	2	CT10102514-CT10102515
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO MANH HUNG	*****940	1	CT10044900-CT10044900

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI DUONG	NGO MINH DUNG	*****561	1	EB10000917-EB10000917
PGD THAI THINH	NGO MINH GIANG	*****151	18	DN10055226-DN10055243
CN AN GIANG	NGO MINH KHA	*****942	3	CT10151281-CT10151283
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO MINH KHAI	*****118	3	CT10043735-CT10043737
CN DAI AN	NGO MINH KHOI	*****147	2	CT10141494-CT10141495
CN BINH DINH	NGO MINH LONG	*****590	1	CT10140222-CT10140222
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO MINH NGOC	*****081	23	CT10012407-CT10012429
PGD TRUNG NHI	NGO MINH QUAN	*****973	1	EB10001568-EB10001568
SEABANK LE DUAN	NGO MINH QUI	*****779	2	CT10071381-CT10071382
CN BINH DUONG	NGO MINH QUYEN	*****043	3	CT10091280-CT10091282
PGD XUAN KHANH	NGO MINH THANH	*****184	1	CT10036634-CT10036634
PGD VAN XUAN	NGO MINH THANH	*****689	40	CT10135398-CT10135437
PGD MY CA	NGO MINH THANH	*****896	2	CT10134474-CT10134475
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO MINH TUAN	*****197	3	CT10140379-CT10140381
CN HAI AN	NGO MINH TUAN	*****062	34	CT10146636-CT10146669
CN DONG NAI	NGO MINH TUYEN	*****700	2	CT10102483-CT10102484
PGD THU DUC	NGO MINH VAN	*****242	1	EB10000832-EB10000832
CN TIEN GIANG	NGO MONG HOA	*****288	1	EB10000682-EB10000682
HUB THE CHAP MN	NGO MY DUNG	*****837	22	CT10020629-CT10020640; TD10009221-TD10009230
PGD THANH CONG	NGO NGOC CHAU	*****248	72	CT10075795-CT10075866
PGD LANG THUONG	NGO NGOC DUY	*****660	7	CT10150140-CT10150146
PGD LAN ONG	NGO NGOC MAI	*****011	15	CT10074052-CT10074066
PGD HO GUOM	NGO NGOC NAM	*****368	13	CT10003056-CT10003068
PGD KIM VAN	NGO NGOC PHUONG	*****038	65	CT10036751-CT10036815
PGD HO TUNG MAU	NGO NGOC QUANG	*****438	27	CT10122301-CT10122327
CN HA NOI	NGO NGOC THAO	*****399	10	TD10003796-TD10003805
CN NHA TRANG	NGO NGOC THAO PHUONG	*****848	1	EB10001028-EB10001028
CN DA NANG	NGO NGOC THIEU	*****867	1	CT10159522-CT10159522
PGD CAM RANH	NGO NGOC TIEN	*****126	30	DN10061469-DN10061498
CN TAN THANH	NGO NGOC TUNG	*****998	2	CT10116312-CT10116313
PGD THU DUC	NGO NGUYEN HUNG	*****259	1	EB10002729-EB10002729
CN CAN THO	NGO NHAT KHANH	*****828	7	CT10020921-CT10020927

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO NHU HOANG	*****004	25	CT10150506-CT10150530
PGD NGOC HOI	NGO NHU TIN	*****221	4	CT10061185-CT10061188
CN DA NANG	NGO NU NGUYET MINH	*****032	1	CT10006272-CT10006272
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO PHAN MINH HIEU	*****284	6	CT10100121-CT10100121; TD10000596-TD10000600
CN TAN BINH	NGO PHAT MINH	*****367	22	CT10027891-CT10027912
PGD TRUNG NHI	NGO PHUNG LINH	*****037	1	CT10119736-CT10119736
PGD HANG KENH	NGO PHUONG HUYEN	*****612	3	CT10118732-CT10118734
PGD NGUYEN THAI SON	NGO PHUONG MINH	*****101	2	CT10046595-CT10046596
PGD VAN XUAN	NGO PHUONG NGA	*****125	24	CT10115473-CT10115496
CN SAI GON	NGO PHUONG VY	*****632	3	CT10038905-CT10038907
CN THAI NGUYEN	NGO QUAN CONG	*****771	31	CT10109776-CT10109806
CN SO GIAO DICH	NGO QUANG HUNG	*****045	23	CT10042127-CT10042149
CN THAI NGUYEN	NGO QUANG HUNG	*****781	10	CT10044326-CT10044335
CN THANH XUAN	NGO QUANG HUNG	*****813	105	DN10061362-DN10061461; TD10000456-TD10000460
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO QUANG HUY	*****054	2	CT10086718-CT10086719
SEABANK LE DUAN	NGO QUANG KHANH	*****690	4	CT10040953-CT10040956
CN LANG HA	NGO QUANG NGOC	*****017	1	CT10140860-CT10140860
PGD CAM RANH	NGO QUANG PHU	*****385	56	DN10107417-DN10107466; EB10002606-EB10002606; TD10007816-TD10007820
CN NGHE AN	NGO QUANG THANG	*****070	10	CT10066169-CT10066178
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGO QUANG THINH	*****759	1	CT10020375-CT10020375
CN NHA TRANG	NGO QUOC HA	*****819	49	CT10002952-CT10003000
PGD TAY HO	NGO QUOC HIEP	*****588	10	CT10063760-CT10063769
CN CAN THO	NGO QUOC HOANG	*****615	1	EB10001600-EB10001600
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGO QUOC HUNG	*****283	18	CT10099405-CT10099422
CN LONG BIEN	NGO QUOC HUNG	*****574	80	DN10064131-DN10064210
PGD QUAN THANH	NGO QUOC HUNG	*****574	23	CT10156024-CT10156046
CN DA NANG	NGO QUOC KHANG	*****096	7	CT10165078-CT10165084
CN NHA TRANG	NGO QUOC KHIEM	*****661	1	EB10002931-EB10002931
PGD CAM RANH	NGO QUOC VIET	*****241	1	EB10002860-EB10002860

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO QUOC VIET	*****601	15	DN10091124-DN10091138
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO QUY HIEP	*****701	5	CT10050909-CT10050913
CN HAI PHONG	NGO QUY THACH	*****924	3	CT10037330-CT10037332
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO QUYET THANG	*****809	10	CT10087256-CT10087265
CN DAI AN	NGO SI HIEP	*****752	9	CT10031195-CT10031203
PGD TU SON	NGO SON PHU	*****198	1	EB10002311-EB10002311
HUB PAYROLL MB	NGO SY HIEP	*****314	24	CT10080460-CT10080483
CN HAI PHONG	NGO SY QUYET	*****637	10	CT10112620-CT10112629
CN TIEN GIANG	NGO SY TUAN	*****845	1	CT10038504-CT10038504
PGD THU DUC	NGO TAN PHAT	*****665	1	EB10001142-EB10001142
CN AN GIANG	NGO THANH BAO ANH	*****239	1	CT10001726-CT10001726
CN THAI NGUYEN	NGO THANH BINH	*****167	196	DN10023921-DN10024110; EB10000549-EB10000549; TD10007211-TD10007215
PGD TON THAT TUNG	NGO THANH HIEU	*****029	17	CT10050483-CT10050499
CN TP. HO CHI MINH	NGO THANH HOA	*****670	1	CT10126380-CT10126380
CN TP. HO CHI MINH	NGO THANH HUNG	*****160	6	CT10162052-CT10162057
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGO THANH HUNG	*****858	10	CT10137186-CT10137195
CN THANH XUAN	NGO THANH HUYEN	*****683	7	CT10096477-CT10096483
PGD TRAN PHU	NGO THANH HUYEN	*****989	6	CT10098728-CT10098732; EB10001348-EB10001348
CN THAI NGUYEN	NGO THANH LONG	*****076	9	CT10127904-CT10127912
PGD YEN PHU	NGO THANH MAI	*****250	4	CT10140327-CT10140330
CN CAN THO	NGO THANH PHONG	*****291	2	CT10004083-CT10004084
CN KIEN GIANG	NGO THANH PHONG	*****863	1	CT10000250-CT10000250
CN QUANG NINH	NGO THANH PHUONG	*****149	1	CT10033846-CT10033846
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO THANH PHUONG	*****916	12	CT10148169-CT10148180
PGD HUNG VUONG	NGO THANH TAM	*****578	1	EB10003341-EB10003341
CN SAI GON	NGO THANH TAM	*****738	4	CT10085290-CT10085293
CN CAN THO	NGO THANH THIEN	*****097	5	CT10092438-CT10092442
CN TAN PHU	NGO THANH TU	*****478	14	CT10122825-CT10122838
CN DAI AN	NGO THANH TUNG	*****413	17	CT10031827-CT10031843

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGO THANH TUNG	*****429	1	EB10001626-EB10001626
CN HAI PHONG	NGO THE ANH	*****070	15	CT10128312-CT10128326
CN DA NANG	NGO THE TINH	*****463	1	CT10152880-CT10152880
PGD TRAN DUY HUNG	NGO THE VINH	*****176	3	CT10051018-CT10051020
CN HAI AN	NGO THI AI	*****683	1	EB10001073-EB10001073
PGD HOANG DIEU	NGO THI ANH	*****015	5	CT10001241-CT10001245
CN VINH PHUC	NGO THI BAO NGOC	*****968	19	CT10011422-CT10011440
CN BAC NINH	NGO THI BAU	*****394	5	TD10011181-TD10011185
PGD SAO MAI	NGO THI BICH HUONG	*****982	6	CT10037053-CT10037053; TD10000371-TD10000375
CN QUANG NGAI	NGO THI BICH LIEU	*****108	60	CT10116910-CT10116914; DN10079347-DN10079401
CN SO GIAO DICH	NGO THI BICH NGOC	*****541	2	CT10025684-CT10025685
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO THI BICH NGOC	*****596	8	CT10021790-CT10021797
PGD HONG BANG	NGO THI BICH THAO	*****454	1	EB10000409-EB10000409
PGD LE THANH TONG	NGO THI BICH THAO	*****454	10	TD10007746-TD10007755
CN TAN THANH	NGO THI CHAU	*****541	5	CT10096724-CT10096728
CN BAC NINH	NGO THI DAI	*****935	41	DN10040130-DN10040164; EB10003191-EB10003191; TD10009751-TD10009755
CN DAK LAK	NGO THI DIEM THUY	*****951	5	DN10021925-DN10021929
CN HA DONG	NGO THI DIEU LINH	*****664	1	EB10002182-EB10002182
CN LANG HA	NGO THI DIEU QUYNH	*****282	1	CT10002826-CT10002826
PGD QUAN 1	NGO THI DUNG	*****570	2	CT10002578-CT10002579
CN BAC NINH	NGO THI DUONG	*****253	1	EB10002323-EB10002323
CN BINH DUONG	NGO THI FHIN	*****261	30	TD10008816-TD10008845
CN HA DONG	NGO THI GIANG	*****994	1	EB10001306-EB10001306
CN DAI AN	NGO THI HA	*****838	2	CT10048877-CT10048878
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO THI HA	*****995	5	CT10006469-CT10006473
SEABANK LE DUAN	NGO THI HA THANH	*****096	1	CT10126424-CT10126424
CN HAI DUONG	NGO THI HAI YEN	*****294	3	CT10022635-CT10022636; EB10003079-EB10003079
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO THI HANG	*****409	25	CT10134127-CT10134151
PGD BA TRIEU	NGO THI HANG	*****586	10	CT10121633-CT10121642

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO THI HANH	*****394	25	CT10145340-CT10145364
CN BAC NINH	NGO THI HEN	*****449	3	DN10008474-DN10008476
CN BAC NINH	NGO THI HOA	*****412	160	DN10047302-DN10047461
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGO THI HOA	*****422	2	CT10093952-CT10093953
HUB PAYROLL MB	NGO THI HOAI NGOC	*****017	25	CT10087268-CT10087292
PGD CONG HOA	NGO THI HOANG MY	*****902	1	EB10001367-EB10001367
CN CAN THO	NGO THI HOANG OANH	*****881	1	CT10020623-CT10020623
PGD LACH TRAY 2	NGO THI HONG CHUYEN	*****248	1	EB10000628-EB10000628
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO THI HONG HANH	*****647	5	TD10004551-TD10004555
CN BAC NINH	NGO THI HONG THINH	*****393	1	CT10048801-CT10048801
PGD Krong Nang	NGO THI HONG VAN	*****647	3	DN10070933-DN10070935
CN HA DONG	NGO THI HONG VAN	*****919	1	CT10037266-CT10037266
CN CAU GIAY	NGO THI HUE	*****160	12	CT10019294-CT10019305
CN QUANG NINH	NGO THI HUE TRUC	*****115	5	DN10063653-DN10063657
CN NHA TRANG	NGO THI HUONG	*****465	1	EB10002127-EB10002127
CN BAC NINH	NGO THI HUONG	*****765	13	CT10034693-CT10034705
CN BAC NINH	NGO THI HUONG	*****800	5	DN10029648-DN10029652
PGD QUANG PHU	NGO THI HUONG	*****643	1	EB10001551-EB10001551
CN LONG BIEN	NGO THI HUONG TRA	*****868	8	CT10124066-CT10124073
PGD TON DAN	NGO THI HUYEN TRANG	*****726	9	CT10127973-CT10127981
CN DAK LAK	NGO THI KHANH HOA	*****223	25	CT10089902-CT10089926
CN THAI NGUYEN	NGO THI KHANH LY	*****018	4	CT10140549-CT10140552
PGD PHU LAM	NGO THI KIEU OANH	*****056	3	CT10007541-CT10007543
CN SAI GON	NGO THI KIEU OANH	*****954	1	CT10079170-CT10079170
PGD HO GUOM	NGO THI KIM LOAN	*****592	1	CT10135690-CT10135690
PGD AU CO	NGO THI KIM NGAN	*****047	2	CT10010289-CT10010290
CN DONG DA	NGO THI KIM NGAN	*****132	20	CT10155687-CT10155706
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO THI KIM NGAN	*****834	1	CT10063489-CT10063489
HUB PAYROLL MB	NGO THI KIM OANH	*****130	25	CT10001927-CT10001951
CN HAI PHONG	NGO THI KIM OANH	*****182	15	CT10104764-CT10104778
CN VINH PHUC	NGO THI KIM OANH	*****069	21	CT10037997-CT10038017
CN HA NOI	NGO THI LANH	*****704	3	CT10052045-CT10052047

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD PHU MY - BINH DINH	NGO THI LANH	*****865	1	EB10002692-EB10002692
CN BAC NINH	NGO THI LINH	*****760	1	CT10071836-CT10071836
CN HA NOI	NGO THI MAI PHUONG	*****503	1	CT10154070-CT10154070
PGD NGUYEN VAN CU	NGO THI MAI THANH	*****255	24	CT10157532-CT10157555
HUB PAYROLL MN	NGO THI MINH CHAU	*****059	1	EB10000686-EB10000686
CN SAI GON	NGO THI MINH TAM	*****615	1	CT10124668-CT10124668
CN NHA TRANG	NGO THI MINH THI	*****622	1	CT10040593-CT10040593
CN DONG DA	NGO THI MY DUNG	*****861	24	CT10126177-CT10126200
CN DAK LAK	NGO THI MY NGHIA	*****431	4	DN10041754-DN10041757
CN DA NANG	NGO THI MY NHAN	*****710	1	CT10022007-CT10022007
CN TP. HO CHI MINH	NGO THI MY NU	*****833	2	CT10018932-CT10018933
PGD VINH HAI	NGO THI MY PHUONG	*****485	2	CT10003246-CT10003247
PGD NGUYEN SY SACH	NGO THI NGA	*****371	12	CT10039074-CT10039085
PGD LIM	NGO THI NGO	*****977	9	DN10046936-DN10046939; TD10010331-TD10010335
CN HUE	NGO THI NGOAN	*****518	1	CT10158593-CT10158593
CN HA NOI	NGO THI NGOC ANH	*****308	3	CT10121981-CT10121983
CN NHA TRANG	NGO THI NGOC CHAU	*****682	6	CT10067915-CT10067915; TD10005736-TD10005740
CN TP. HO CHI MINH	NGO THI NGOC DUNG	*****326	21	CT10030143-CT10030163
CN HAI PHONG	NGO THI NGOC HA	*****796	17	CT10010910-CT10010926
PGD TAY HO	NGO THI NGOC LAN	*****600	1	CT10086474-CT10086474
HUB THE CHAP MB 1	NGO THI NGOC MAI	*****723	1	CT10001366-CT10001366
CN HA NOI	NGO THI NHU QUYNH	*****436	14	CT10048802-CT10048815
PGD AU CO	NGO THI PHU	*****480	25	CT10063193-CT10063217
CN LANG HA	NGO THI PHUONG	*****216	2	CT10096355-CT10096356
CN LONG BIEN	NGO THI PHUONG	*****291	1	CT10008575-CT10008575
CN DA NANG	NGO THI PHUONG	*****399	14	CT10123392-CT10123397; DN10089481-DN10089487; EB10002227-EB10002227
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO THI PHUONG LOAN	*****188	14	CT10161595-CT10161608
CN CA MAU	NGO THI QUYEN	*****529	1	CT10014220-CT10014220
CN NGHE AN	NGO THI QUYNH	*****246	12	CT10129129-CT10129140

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGO THI SAO MAI	*****138	2	CT10111845-CT10111846
CN NHA TRANG	NGO THI THACH	*****335	2	DN10086640-DN10086641
CN DAI AN	NGO THI THANH HA	*****817	3	CT10010931-CT10010933
CN LONG BIEN	NGO THI THANH HUONG	*****986	49	CT10055082-CT10055130
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO THI THANH HUYEN	*****881	10	TD10008891-TD10008900
CN SAI GON	NGO THI THANH NGAN	*****212	1	EB10001619-EB10001619
PGD BOTANIC	NGO THI THANH SANG	*****738	15	CT10063644-CT10063658
CN HAI PHONG	NGO THI THANH TAM	*****026	3	CT10091642-CT10091644
PGD HOANG DIEU	NGO THI THANH TAM	*****782	2	CT10088129-CT10088130
PGD TRUNG NHI	NGO THI THANH XUAN	*****506	1	CT10052085-CT10052085
PGD PHU MY - BINH DINH	NGO THI THAO LANH	*****354	1	EB10000889-EB10000889
CN BAC NINH	NGO THI THIN	*****553	5	DN10109877-DN10109881
PGD QUAN 8	NGO THI THONG	*****722	1	CT10128836-CT10128836
CN THAI NGUYEN	NGO THI THU GIANG	*****062	10	CT10119416-CT10119425
CN LONG BIEN	NGO THI THU HA	*****689	1	CT10087530-CT10087530
CN DAI AN	NGO THI THU HANG	*****795	82	CT10007257-CT10007338
CN NHA TRANG	NGO THI THU HUYEN	*****296	16	CT10047992-CT10048007
CN SAI GON	NGO THI THU THAO	*****899	25	CT10039086-CT10039110
CN SAI GON	NGO THI THU THAO	*****304	1	CT10143445-CT10143445
PGD HO GUOM	NGO THI THU THUY	*****674	15	CT10152698-CT10152712
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGO THI THUONG	*****467	1	EB10001297-EB10001297
HUB PAYROLL MB	NGO THI THUY	*****416	13	CT10055529-CT10055541
PGD CONG HOA	NGO THI THUY	*****805	1	EB10000722-EB10000722
PGD LE VAN SY	NGO THI THUY DUYEN	*****032	1	CT10022548-CT10022548
CN CA MAU	NGO THI THUY HONG	*****618	51	DN10000762-DN10000807; TD10005391-TD10005395
CN CAU GIAY	NGO THI THUY LINH	*****833	6	CT10001495-CT10001500
PGD NGUYEN SY SACH	NGO THI THUY NGA	*****780	2	CT10142418-CT10142419
PGD KIM VAN	NGO THI THUY NHAN	*****079	10	TD10008361-TD10008370
CN VINH PHUC	NGO THI THUY QUYNH	*****611	15	CT10053424-CT10053438
CN SAI GON	NGO THI TO QUYEN	*****855	22	CT10151029-CT10151050
CN HAI AN	NGO THI TO TRINH	*****898	7	CT10038183-CT10038189

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LANG THUONG	NGO THI TRAM HUONG	*****496	1	EB10000661-EB10000661
CN QUANG NGAI	NGO THI TRANG	*****956	5	DN10044691-DN10044695
CN VUNG TAU	NGO THI TRONG	*****154	7	CT10154013-CT10154019
PGD NGUYEN VAN CU	NGO THI TU ANH	*****148	1	EB10001762-EB10001762
CN BINH DUONG	NGO THI TUYET HANH	*****822	3	CT10126473-CT10126475
PGD AU CO	NGO THI TUYET TRANG	*****240	1	CT10126339-CT10126339
CN HAI AN	NGO THI UYEN	*****153	16	CT10134685-CT10134700
CN HAI AN	NGO THI VAN	*****524	1	EB10003210-EB10003210
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO THI VIET ANH	*****972	2	CT10110500-CT10110501
PGD THANH CONG	NGO THI YEN	*****959	3	CT10159792-CT10159794
CN HAI AN	NGO THI YEN VAN	*****484	1	CT10088912-CT10088912
CN LONG BIEN	NGO THIEN DUC	*****396	2	CT10077305-CT10077306
CN TAN THANH	NGO THONG NHAT	*****491	1	CT10098880-CT10098880
PGD BACH MAI	NGO THU HA	*****931	19	CT10007600-CT10007613; TD10007371-TD10007375
CN HA TINH	NGO THU HANG	*****632	1	EB10000342-EB10000342
PGD HUNG VUONG	NGO THU HIEN	*****126	11	DN10089416-DN10089426
PGD MY DINH	NGO THUY DUONG	*****610	1	CT10129508-CT10129508
PGD TON DAN	NGO THUY GIANG	*****871	4	CT10028239-CT10028242
PGD HANG KENH	NGO THUY HANG	*****293	58	CT10058907-CT10058912; DN10087191-DN10087242
CN SAI GON	NGO THUY NGOC GIAO	*****719	2	CT10011480-CT10011481
PGD LAN ONG	NGO THUY QUYNH	*****169	2	CT10126160-CT10126161
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO TIEN HUNG	*****446	3	CT10165797-CT10165799
PGD QUAN THANH	NGO TRAN ANH MINH	*****236	8	CT10129454-CT10129461
PGD NGUYEN VAN CU	NGO TRI CUONG	*****260	1	EB10002855-EB10002855
SEABANK LE DUAN	NGO TRINH MINH HANG	*****159	1	CT10016981-CT10016981
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO TRONG BAC	*****291	2	CT10047990-CT10047991
CN SO GIAO DICH	NGO TRONG THUY	*****317	15	CT10138448-CT10138462
CN SAI GON	NGO TRUNG DIEN	*****992	1	EB10000441-EB10000441
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO TRUNG HAI	*****414	11	EB10002835-EB10002835; TD10008391-TD10008400

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO TRUNG HAU	*****466	5	CT10010719-CT10010723
PGD LE CHAN	NGO TRUNG NGUYEN	*****914	1	EB10000415-EB10000415
CN THAI NGUYEN	NGO TRUONG MINH	*****094	1	CT10006041-CT10006041
TT KH CC MIEN BAC 2	NGO TRUONG SON	*****003	19	CT10045747-CT10045765
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO TU NGHI	*****014	2	CT10038993-CT10038994
HUB PAYROLL MB	NGO TUAN ANH	*****792	24	CT10165932-CT10165955
HUB THE CHAP MB 1	NGO TUAN ANH	*****983	14	CT10162669-CT10162682
CN THANH XUAN	NGO TUAN ANH	*****198	1	CT10108385-CT10108385
PGD DAO TAN	NGO TUAN CHAU	*****325	1	EB10001391-EB10001391
CN DONG DA	NGO TUAN CHUC	*****041	80	DN10069118-DN10069187; TD10001536-TD10001545
CN BAC NINH	NGO TUAN HAI	*****763	1	CT10058180-CT10058180
PGD TO HIEU	NGO TUAN LONG	*****360	24	CT10142534-CT10142557
CN HAI AN	NGO TUAN NGHIA	*****152	5	TD10003061-TD10003065
PGD LE CHAN	NGO TUAN VU	*****289	4	CT10117440-CT10117443
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO TUNG GIANG	*****023	20	CT10109979-CT10109998
PGD QUAN THANH	NGO TUNG GIANG	*****023	1	EB10001681-EB10001681
CN HAI AN	NGO VAN ANH	*****590	14	CT10077077-CT10077090
CN TAN BINH	NGO VAN BINH	*****278	8	CT10061646-CT10061653
CN LONG BIEN	NGO VAN BINH	*****731	4	CT10154874-CT10154877
SEABANK LE DUAN	NGO VAN CHANH	*****456	5	CT10049743-CT10049747
PGD TUYEN SON	NGO VAN CHON	*****208	1	CT10072428-CT10072428
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO VAN CHUNG	*****902	24	CT10107045-CT10107068
CN DAK LAK	NGO VAN CUONG	*****335	9	CT10138312-CT10138320
PGD HAM NGHI	NGO VAN DINH	*****027	2	CT10160989-CT10160990
CN HAI AN	NGO VAN DOAN	*****730	12	CT10098647-CT10098658
HUB PAYROLL MB	NGO VAN DONG	*****720	25	CT10040610-CT10040634
CN KIEN GIANG	NGO VAN DU	*****911	35	DN10028544-DN10028578
CN DA NANG	NGO VAN HAI	*****874	4	CT10059926-CT10059929
PGD LACH TRAY 1	NGO VAN HIEN	*****255	10	CT10049901-CT10049910
CN DA NANG	NGO VAN HIEN	*****583	12	CT10020555-CT10020566
CN BINH DUONG	NGO VAN HIEP	*****059	24	CT10156841-CT10156864

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGO VAN HOA	*****071	1	CT10158839-CT10158839
CN DONG DA	NGO VAN HOC	*****896	1	EB10002366-EB10002366
PGD TRUNG HOA	NGO VAN HUNG	*****257	14	CT10145984-CT10145997
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO VAN KHIEM	*****888	22	CT10008811-CT10008832
PGD HAN THUYEN	NGO VAN KHUE	*****448	1	CT10038695-CT10038695
CN HAI AN	NGO VAN KHUONG	*****818	1	EB10002977-EB10002977
PGD CAM RANH	NGO VAN LINH	*****808	2	CT10036362-CT10036363
PGD SAO MAI	NGO VAN LUAT	*****766	3	CT10131121-CT10131123
HUB THE CHAP MB 2	NGO VAN MANH	*****798	80	CT10108789-CT10108795; DN10070738-DN10070805; TD10001871-TD10001875
PGD LIM	NGO VAN MANH	*****525	50	DN10106949-DN10106998
CN THANH XUAN	NGO VAN MANH	*****583	1	CT10031989-CT10031989
CN THAI NGUYEN	NGO VAN NGHI	*****399	151	DN10054188-DN10054327; EB10000869-EB10000869; TD10011256-TD10011265
CN DA NANG	NGO VAN NHAT	*****309	239	DN10086948-DN10087186
CN HAI AN	NGO VAN PHUONG	*****260	41	CT10115731-CT10115735; DN10099942-DN10099971; EB10001147-EB10001147; TD10002986-TD10002990
PGD THU DAU 1	NGO VAN PHUONG	*****677	195	DN10018746-DN10018930; TD10006646-TD10006655
PGD SOC SON	NGO VAN QUAN	*****033	1	EB10000261-EB10000261
CN TAN BINH	NGO VAN QUY	*****537	5	TD10010691-TD10010695
CN TAN PHU	NGO VAN THANG	*****536	8	CT10061590-CT10061597
CN HAI PHONG	NGO VAN THANG	*****263	1	CT10059961-CT10059961
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO VAN THANH	*****063	2	CT10164465-CT10164466
CN KIEN GIANG	NGO VAN THOI	*****629	4	CT10151442-CT10151445
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO VAN THU	*****451	6	CT10165616-CT10165621
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO VAN THUYET	*****025	9	CT10142367-CT10142375
CN BAC NINH	NGO VAN TIEN	*****943	1	CT10114939-CT10114939
PGD PHO YEN	NGO VAN TRONG	*****332	1	CT10096772-CT10096772
CN LANG HA	NGO VAN TRUONG	*****010	49	CT10047558-CT10047606
CN BAC NINH	NGO VAN TRUONG	*****323	1	EB10001225-EB10001225

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TU SON	NGO VAN TUAN	*****185	210	DN10041856-DN10042065
CN DAI AN	NGO VAN TUNG	*****813	50	CT10089703-CT10089752
PGD CAM PHA	NGO VAN TUYEN	*****156	1	CT10038132-CT10038132
CN DA NANG	NGO VAN VU	*****186	8	CT10007369-CT10007376
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO VIET HAU	*****368	8	CT10095122-CT10095129
CN DONG NAI	NGO VIET QUAN	*****257	4	CT10101603-CT10101606
CN HUE	NGO VIET TOAN	*****716	4	CT10046648-CT10046651
TT KHCC MIEN BAC 1	NGO VINH KHUONG	*****222	18	CT10157013-CT10157030
PGD DI AN	NGO VO NGOC THANH	*****517	2	CT10052003-CT10052004
PGD MY CA	NGO VU DUY	*****666	1	CT10043009-CT10043009
CN HAI PHONG	NGO XUAN DIEP	*****036	8	CT10110433-CT10110440
CN HAI AN	NGO XUAN HA	*****783	18	CT10080391-CT10080403; TD10008141-TD10008145
CN HAI PHONG	NGO XUAN HA	*****291	15	CT10105584-CT10105598
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGO XUAN HUNG	*****778	1	CT10096298-CT10096298
CN DAI AN	NGO XUAN HUNG	*****990	7	CT10120423-CT10120429
PGD KHANH HOI	NGO XUAN HUNG	*****551	1	EB10000730-EB10000730
CN DA NANG	NGO XUAN HUNG	*****662	10	CT10070897-CT10070901; TD10006986-TD10006990
CN CAU GIAY	NGO XUAN MINH	*****636	15	CT10161178-CT10161192
CN CAU GIAY	NGO XUAN QUY	*****526	131	CT10088735-CT10088739; DN10039534-DN10039653; EB10003189-EB10003189; TD10009726-TD10009730
CN CAU GIAY	NGO XUAN THOAN	*****325	49	CT10012884-CT10012932
PGD LE THANH TONG	NGO XUAN TIEN	*****395	13	CT10149324-CT10149326; TD10001971-TD10001980
CN HA DONG	NGO XUAN TOAN	*****352	42	CT10159004-CT10159045
PGD DAI KIM	NGO XUAN TUNG	*****744	16	CT10003826-CT10003841
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGO Y THIEN	*****462	12	CT10002672-CT10002683
CN HAI PHONG	NGOC THI THUY HANG	*****207	38	CT10033648-CT10033685
CN TIEN GIANG	NGUY NGOC NHAT TAN	*****685	3	CT10042796-CT10042798
PGD NGUYEN THAI SON	NGUY THI THUY TRANG	*****464	9	CT10121422-CT10121430

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEM BA MINH TRIET	*****059	20	CT10023303-CT10023322
PGD QUAN 7	NGUYEN AI QUANG HUY	*****861	9	CT10124601-CT10124609
CN HA TINH	NGUYEN AN BIEN	*****819	1	CT10072496-CT10072496
CN DONG DA	NGUYEN AN DONG	*****304	10	TD10000846-TD10000855
CN BAC NINH	NGUYEN AN UNG	*****363	34	CT10101981-CT10102003; EB10001394-EB10001394; TD10000731-TD10000740
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN ANH CUONG	*****439	1	CT10030424-CT10030424
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN ANH DUC	*****054	16	CT10105828-CT10105843
CN DONG DA	NGUYEN ANH DUC	*****076	12	CT10098498-CT10098509
PGD TRUNG HOA	NGUYEN ANH DUC	*****337	10	CT10141481-CT10141490
PGD VINH YEN	NGUYEN ANH DUC	*****604	12	CT10002814-CT10002825
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN ANH DUC	*****894	4	CT10117296-CT10117299
CN LANG HA	NGUYEN ANH DUNG	*****070	34	CT10008186-CT10008219
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH DUNG	*****193	58	CT10063659-CT10063716
CN HA DONG	NGUYEN ANH DUNG	*****403	42	CT10036823-CT10036829; DN10059996-DN10060025; TD10000401-TD10000405
PGD LANG THUONG	NGUYEN ANH DUNG	*****411	8	CT10010641-CT10010648
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH DUNG	*****455	10	CT10027020-CT10027029
PGD LE CHAN	NGUYEN ANH DUNG	*****569	15	CT10065247-CT10065261
PGD NGO GIA TU	NGUYEN ANH DUNG	*****691	25	CT10070562-CT10070586
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN ANH DUNG	*****839	23	CT10082520-CT10082542
HUB PAYROLL MB	NGUYEN ANH DUNG	*****964	24	CT10051222-CT10051245
CN BINH DINH	NGUYEN ANH DUNG	*****096	3	CT10071837-CT10071839
CN TAN THANH	NGUYEN ANH DUNG	*****111	1	EB10003197-EB10003197
CN VUNG TAU	NGUYEN ANH DUNG	*****249	1	CT10122768-CT10122768
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN ANH DUNG	*****539	64	CT10009705-CT10009768
CN NGHE AN	NGUYEN ANH DUNG	*****795	1	CT10160741-CT10160741
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH DUNG	*****988	20	CT10167096-CT10167115
HUB PAYROLL MB	NGUYEN ANH GIAP	*****177	33	CT10088863-CT10088895
CN NGHE AN	NGUYEN ANH HAI	*****755	5	TD10009261-TD10009265
CN DAI AN	NGUYEN ANH HUNG	*****789	14	CT10026150-CT10026163

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH HUY	*****127	5	CT10064887-CT10064891
CN HUE	NGUYEN ANH KHANH	*****511	5	TD10010881-TD10010885
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN ANH KHOA	*****165	1	CT10146443-CT10146443
CN NHA TRANG	NGUYEN ANH KHOA	*****103	10	CT10132462-CT10132471
CN NHA TRANG	NGUYEN ANH KHOA	*****513	1	EB10000981-EB10000981
PGD DAO TAN	NGUYEN ANH KHOA	*****714	4	CT10055542-CT10055545
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN ANH MINH	*****872	5	CT10002802-CT10002806
CN HA DONG	NGUYEN ANH MINH	*****485	20	CT10076596-CT10076615
CN CA MAU	NGUYEN ANH MINH	*****836	6	CT10016930-CT10016935
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN ANH NAM	*****372	25	CT10162426-CT10162450
PGD TRAN PHU	NGUYEN ANH NGOC	*****257	10	CT10085342-CT10085351
CN THAI NGUYEN	NGUYEN ANH NGUYET	*****406	1	EB10000377-EB10000377
CN DA NANG	NGUYEN ANH NGUYET	*****677	1	CT10047971-CT10047971
CN BINH DINH	NGUYEN ANH NGUYET	*****773	3	DN10083934-DN10083936
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN ANH NGUYET	*****845	1	CT10149959-CT10149959
CN DAI AN	NGUYEN ANH QUAN	*****204	10	CT10143796-CT10143805
PGD VINH HOANG	NGUYEN ANH QUAN	*****938	3	CT10070919-CT10070921
CN NHA TRANG	NGUYEN ANH QUOC TRI	*****060	1	EB10002264-EB10002264
CN HA TINH	NGUYEN ANH QUY	*****788	1	CT10154741-CT10154741
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN ANH QUYEN	*****104	25	CT10023134-CT10023158
PGD HUNG VUONG	NGUYEN ANH THONG	*****796	1	EB10001674-EB10001674
CN CA MAU	NGUYEN ANH THU	*****084	2	CT10128222-CT10128223
PGD BA TRIEU	NGUYEN ANH THU	*****495	1	CT10166904-CT10166904
CN CA MAU	NGUYEN ANH THU	*****733	1	EB10001059-EB10001059
CN HAI PHONG	NGUYEN ANH THUAN	*****260	2	CT10161157-CT10161158
CN DAI AN	NGUYEN ANH THUONG	*****489	20	CT10014726-CT10014745
CN VINH PHUC	NGUYEN ANH TOAN	*****039	12	CT10085352-CT10085363
CN NHA TRANG	NGUYEN ANH TRUC	*****064	1	EB10001456-EB10001456
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN ANH TRUNG	*****127	14	CT10152062-CT10152075
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN ANH TRUNG	*****790	16	CT10075144-CT10075159

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN ANH TRUONG	*****719	10	DN10002980-DN10002989
HUB PAYROLL MB	NGUYEN ANH TU	*****546	25	CT10083477-CT10083501
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN ANH TU	*****695	10	CT10092096-CT10092105
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN ANH TU	*****094	1	EB10000579-EB10000579
CN HA NOI	NGUYEN ANH TU	*****287	10	TD10000386-TD10000395
CN HUE	NGUYEN ANH TU	*****896	11	CT10076220-CT10076224; DN10107864-DN10107869
CN DAI AN	NGUYEN ANH TUAN	*****155	50	CT10028595-CT10028644
PGD TON DAN	NGUYEN ANH TUAN	*****231	10	TD10006946-TD10006955
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN ANH TUAN	*****412	35	CT10163847-CT10163881
CN CAU GIAY	NGUYEN ANH TUAN	*****535	38	CT10129862-CT10129899
PGD CAM RANH	NGUYEN ANH TUAN	*****541	1	EB10002930-EB10002930
PGD HO DAC DI	NGUYEN ANH TUAN	*****685	7	CT10133576-CT10133582
PGD TRAN PHU	NGUYEN ANH TUAN	*****718	1	EB10003229-EB10003229
PGD TRAN PHU	NGUYEN ANH TUAN	*****762	50	CT10026722-CT10026771
PGD BOTANIC	NGUYEN ANH TUAN	*****935	4	CT10117773-CT10117776
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN ANH TUAN	*****097	7	CT10045573-CT10045579
CN HA DONG	NGUYEN ANH TUAN	*****107	1	CT10055694-CT10055694
PGD BACH MAI	NGUYEN ANH TUAN	*****283	6	CT10019506-CT10019511
CN BINH DINH	NGUYEN ANH TUAN	*****334	1	CT10056146-CT10056146
CN DONG DA	NGUYEN ANH TUAN	*****452	3	CT10024526-CT10024528
CN HA TINH	NGUYEN ANH TUAN	*****472	3	CT10015350-CT10015352
CN BINH DUONG	NGUYEN ANH TUAN	*****534	7	CT10146200-CT10146206
CN NHA TRANG	NGUYEN ANH TUAN	*****549	1	EB10003219-EB10003219
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN ANH TUAN	*****564	15	DN10000001-DN10000015
PGD VINH YEN	NGUYEN ANH TUAN	*****571	1	EB10000669-EB10000669
CN TAN BINH	NGUYEN ANH TUAN	*****722	285	DN10065493-DN10065777
CN NGHE AN	NGUYEN ANH TUAN	*****758	1	CT10113032-CT10113032
PGD LIM	NGUYEN ANH TUAN	*****771	1	CT10155948-CT10155948
PGD THANH CONG	NGUYEN ANH TUAN	*****881	10	CT10101423-CT10101432
CN HA DONG	NGUYEN ANH TUAN	*****903	25	CT10041741-CT10041765
PGD TIEN AN	NGUYEN ANH TUAN	*****908	1	EB10002962-EB10002962
CN TIEN GIANG	NGUYEN ANH TUAN	*****987	65	DN10026811-DN10026875
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH TUAN	*****201	3	CT10140905-CT10140907
CN THANH XUAN	NGUYEN ANH TUAN	*****270	13	CT10150057-CT10150069

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN ANH TUAN	*****983	37	CT10151376-CT10151412
CN BINH DUONG	NGUYEN ANH TUYET	*****811	1	CT10011602-CT10011602
CN DONG DA	NGUYEN ANH VAN	*****095	3	CT10028308-CT10028310
HUB PAYROLL MB	NGUYEN ANH VIET	*****243	1	CT10036393-CT10036393
CN CAU GIAY	NGUYEN ANH VU	*****255	1	CT10007031-CT10007031
CN HAI AN	NGUYEN ANH VU	*****374	31	DN10092119-DN10092148; EB10002356-EB10002356
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN BA AN	*****030	103	CT10152740-CT10152842
PGD HO GUOM	NGUYEN BA ANH TU	*****448	24	CT10153931-CT10153954
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BA BANG	*****707	22	CT10104101-CT10104122
CN HAI AN	NGUYEN BA CA	*****195	9	CT10150495-CT10150503
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN BA CHUC	*****535	14	CT10082996-CT10083009
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BA CUONG	*****704	25	CT10126507-CT10126531
PGD DONG SON	NGUYEN BA CUONG	*****783	17	CT10127418-CT10127434
CN NHA TRANG	NGUYEN BA DAT	*****435	2	CT10138855-CT10138856
PGD HOANG DIEU	NGUYEN BA DI	*****667	8	CT10152365-CT10152372
CN DAI AN	NGUYEN BA DUNG	*****678	5	TD10005486-TD10005490
CN BAC NINH	NGUYEN BA HAI	*****478	36	DN10058589-DN10058624
CN HAI AN	NGUYEN BA HAU	*****464	1	EB10001594-EB10001594
CN HA NOI	NGUYEN BA HIEU	*****211	5	TD10007691-TD10007695
PGD THANH CONG	NGUYEN BA HOA	*****211	18	CT10048942-CT10048959
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN BA HOANG	*****057	2	CT10023347-CT10023348
CN TAN BINH	NGUYEN BA HOANG HUY	*****174	2	CT10066512-CT10066513
PGD TRAN PHU	NGUYEN BA HUNG	*****460	1	CT10074908-CT10074908
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN BA KHOI	*****189	2	CT10020887-CT10020888
CN HA NOI	NGUYEN BA KHUYEN	*****909	5	CT10107155-CT10107159
PGD TAY HO	NGUYEN BA KIEM	*****973	16	CT10064189-CT10064204
CN DAI AN	NGUYEN BA LONG	*****107	5	CT10096767-CT10096771
PGD MY DINH	NGUYEN BA LUAT	*****001	3	CT10057549-CT10057551
PGD MY DINH	NGUYEN BA LUONG	*****693	1	CT10006116-CT10006116
CN HA NOI	NGUYEN BA NAM	*****024	4	CT10103091-CT10103094
PGD YEN PHU	NGUYEN BA NGOC	*****826	1	EB10002989-EB10002989

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN BA NHAT	*****913	60	CT10048307-CT10048366
PGD GIA LAM	NGUYEN BA PHAN	*****148	5	TD10003181-TD10003185
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN BA PHUC	*****297	2	CT10131155-CT10131156
PGD LE CHAN	NGUYEN BA QUYEN	*****854	23	DN10096625-DN10096647
PGD VAN QUAN	NGUYEN BA TAI	*****996	1	CT10066168-CT10066168
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN BA THANG	*****007	9	CT10113450-CT10113458
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN BA THANG	*****756	7	CT10057070-CT10057076
PGD TRUNG HOA	NGUYEN BA THANG	*****178	35	CT10066262-CT10066296
CN HA NOI	NGUYEN BA THANG	*****332	3	CT10117003-CT10117005
CN BAC NINH	NGUYEN BA THANH	*****474	2	CT10096614-CT10096615
PGD HO GUOM	NGUYEN BA THI	*****061	9	CT10108386-CT10108394
PGD DONG SON	NGUYEN BA THONG	*****410	20	DN10026791-DN10026810
CN SAI GON	NGUYEN BA THONG	*****724	4	CT10098204-CT10098207
CN BAC NINH	NGUYEN BA THUC	*****568	4	CT10080698-CT10080701
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN BA THUOC	*****470	12	CT10117879-CT10117890
PGD HAI DANG	NGUYEN BA THUY	*****180	3	CT10046929-CT10046931
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BA TRUNG	*****022	1	CT10128265-CT10128265
CN DAI AN	NGUYEN BA TUAN	*****204	57	CT10133683-CT10133739
CN SAI GON	NGUYEN BA TUOC	*****611	4	CT10019792-CT10019795
CN THAI NGUYEN	NGUYEN BAC NINH	*****166	1	EB10000564-EB10000564
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN BAC THANG	*****385	1	EB10002286-EB10002286
CN NHA TRANG	NGUYEN BACH VU	*****430	7	CT10010275-CT10010281
CN TIEN GIANG	NGUYEN BANG TAM	*****063	3	CT10164197-CT10164199
PGD QUAN 11	NGUYEN BAO CHUNG	*****509	14	CT10156134-CT10156147
CN TAN BINH	NGUYEN BAO HANH	*****533	1	CT10032495-CT10032495
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN BAO LAM	*****407	2	CT10022765-CT10022766
CN SAI GON	NGUYEN BAO LAM	*****152	1	EB10000272-EB10000272
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BAO LINH	*****631	2	CT10077214-CT10077215
CN THANH XUAN	NGUYEN BAO NAM	*****972	4	CT10110245-CT10110248
CN HA DONG	NGUYEN BAO NGOC	*****825	10	CT10045769-CT10045778
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN BAO NHAN	*****216	3	CT10047987-CT10047989

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	NGUYEN BAO PHAP	*****166	1	CT10065709-CT10065709
CN LANG HA	NGUYEN BAO THANG	*****311	40	CT10071569-CT10071608
PGD SAI DONG	NGUYEN BAO THAP	*****870	10	CT10081214-CT10081223
CN CAU GIAY	NGUYEN BAO THU	*****589	20	CT10069540-CT10069559
PGD CONG HOA	NGUYEN BAO TRAM	*****645	1	CT10070922-CT10070922
PGD KIM LIEN	NGUYEN BAO TRANG	*****340	1	CT10053313-CT10053313
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN BAO TRUNG	*****945	10	CT10108860-CT10108869
HUB THE CHAP MN	NGUYEN BAO TRUONG LONG	*****178	1	CT10113276-CT10113276
CN NHA TRANG	NGUYEN BAO TUONG	*****939	29	CT10151253-CT10151255; DN10074137-DN10074156; EB10001780-EB10001780; TD10002116-TD10002120
PGD BOTANIC	NGUYEN BAO VAN LAM	*****802	3	CT10156838-CT10156840
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN BAO XUYEN	*****620	120	DN10089573-DN10089692
PGD LAN ONG	NGUYEN BE TA	*****582	24	CT10124012-CT10124035
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN BICH HANH	*****898	104	CT10065586-CT10065594; DN10001271-DN10001360; TD10005421-TD10005425
PGD TRUNG HOA	NGUYEN BICH HANH	*****912	13	CT10159777-CT10159789
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BICH HANH	*****850	15	CT10027767-CT10027781
HUB PAYROLL MB	NGUYEN BICH HONG	*****662	4	CT10069105-CT10069108
PGD TAY HO	NGUYEN BICH HUONG	*****167	25	CT10133236-CT10133260
CN HAI DUONG	NGUYEN BICH KHUYEN	*****352	25	DN10064111-DN10064130; TD10000911-TD10000915
CN TAN BINH	NGUYEN BICH NGOC	*****025	7	CT10001367-CT10001373
PGD TRAN PHU	NGUYEN BICH NGOC	*****823	15	CT10143583-CT10143597
HUB PAYROLL MB	NGUYEN BICH PHUONG	*****602	1	CT10162648-CT10162648
CN HAI PHONG	NGUYEN BICH THOM	*****314	212	CT10020388-CT10020393; DN10035163-DN10035362; EB10003057-EB10003057; TD10009236-TD10009240
CN SO GIAO DICH	NGUYEN BICH THUAN	*****791	1	EB10000476-EB10000476
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BICH THUY	*****541	10	CT10065755-CT10065764

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BICH THUY	*****670	10	DN10037229-DN10037238
CN CAN THO	NGUYEN BICH THUY	*****851	1	EB10000241-EB10000241
PGD MY DINH	NGUYEN BICH THUY	*****727	4	CT10162353-CT10162356
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN BICH TRAM	*****359	1	CT10154886-CT10154886
CN HAI PHONG	NGUYEN BICH TUYEN	*****900	22	CT10123546-CT10123567
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN BICH VAN	*****606	3	CT10119553-CT10119555
PGD SOC SON	NGUYEN BICH VIET	*****378	1	EB10002036-EB10002036
CN HAI AN	NGUYEN BIEN CUONG	*****692	1	EB10001641-EB10001641
CN LONG BIEN	NGUYEN BINH AN	*****315	2	CT10068990-CT10068991
CN DONG DA	NGUYEN BINH ANH	*****722	5	TD10009206-TD10009210
CN SAI GON	NGUYEN BINH BAC	*****138	8	CT10015991-CT10015998
PGD DAO TAN	NGUYEN BINH DAN	*****682	6	CT10036195-CT10036200
PGD THU DUC	NGUYEN BINH DUONG	*****605	14	CT10053830-CT10053843
PGD SO SAO	NGUYEN BINH GIANG	*****970	2	CT10093224-CT10093225
CN HAI PHONG	NGUYEN BINH KHANH	*****999	2	CT10025717-CT10025718
PGD MY DINH	NGUYEN BINH KHIEM	*****557	18	CT10078017-CT10078034
CN HAI PHONG	NGUYEN BINH KHUONG	*****985	7	CT10088991-CT10088997
PGD VAN XUAN	NGUYEN BINH MINH	*****575	25	CT10120441-CT10120465
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN BINH MINH	*****842	2	CT10042877-CT10042878
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN BINH MINH	*****842	1	EB10001220-EB10001220
CN BAC NINH	NGUYEN BINH MINH	*****659	11	CT10039526-CT10039536
PGD HO GUOM	NGUYEN BINH PHUONG THUY	*****892	24	CT10081066-CT10081089
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN BINH PHUONG TRI	*****103	4	CT10113923-CT10113926
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN BUI PHUONG BAC	*****685	1	EB10001981-EB10001981
CN NHA TRANG	NGUYEN BUI THANH NHAN	*****519	1	CT10045580-CT10045580
CN CAN THO	NGUYEN CAM HONG	*****430	10	CT10094871-CT10094880
CN NHA TRANG	NGUYEN CAM THIEN	*****687	1	EB10000846-EB10000846
HUB PAYROLL MB	NGUYEN CAM VAN	*****949	24	CT10120827-CT10120850
PGD LENIN	NGUYEN CANH DAT	*****965	1	CT10141772-CT10141772
PGD KHAM THIEN	NGUYEN CANH DUY	*****004	2	CT10017842-CT10017843

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	NGUYEN CANH DUY	*****063	1	CT10017564-CT10017564
CN LANG HA	NGUYEN CANH HONG	*****768	15	CT10073212-CT10073226
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN CANH HUNG	*****001	15	CT10111760-CT10111774
PGD DAO TAN	NGUYEN CANH LAN	*****388	9	CT10013058-CT10013061; TD10008316-TD10008320
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN CANH PHONG	*****741	1	CT10038904-CT10038904
CN CAU GIAY	NGUYEN CAO CUONG	*****102	9	CT10122802-CT10122810
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN CAO CUONG	*****214	3	CT10076300-CT10076302
PGD KIM LIEN	NGUYEN CAO CUONG	*****804	26	CT10021557-CT10021582
CN CAN THO	NGUYEN CAO MY	*****847	1	CT10127417-CT10127417
CN BINH DINH	NGUYEN CAO NGUYET QUE	*****393	7	CT10091709-CT10091715
PGD VAN QUAN	NGUYEN CAO TAM	*****235	12	CT10060898-CT10060909
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CAO TUAN	*****130	95	CT10040635-CT10040729
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN CAP THUY DUONG	*****628	11	CT10020405-CT10020415
CN HA NOI	NGUYEN CHAU CHUNG	*****880	9	CT10105975-CT10105983
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN CHE LINH	*****335	10	CT10131488-CT10131497
CN TIEN GIANG	NGUYEN CHI AN	*****828	7	CT10099048-CT10099054
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CHI CAO	*****569	4	CT10096704-CT10096707
CN SAI GON	NGUYEN CHI CONG	*****082	57	CT10116145-CT10116201
PGD HAI TAN	NGUYEN CHI CONG	*****107	1	EB10000050-EB10000050
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CHI CONG	*****640	4	CT10076926-CT10076929
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN CHI CUONG	*****014	1	EB10000367-EB10000367
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN CHI CUONG	*****552	17	CT10138802-CT10138818
CN NHA TRANG	NGUYEN CHI CUONG	*****227	1	EB10000253-EB10000253
CN THANH HOA	NGUYEN CHI HIEU	*****088	52	CT10092714-CT10092719; DN10048882-DN10048927
CN QUANG NINH	NGUYEN CHI KIEN	*****429	1	CT10091890-CT10091890
CN BAC NINH	NGUYEN CHI LINH	*****588	3	CT10074740-CT10074742
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN CHI LOI	*****420	1	CT10066463-CT10066463

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN CHI MINH DO	*****032	13	CT10154402-CT10154414
CN TIEN GIANG	NGUYEN CHI PHAY	*****255	16	CT10167143-CT10167153; TD10008171-TD10008175
PGD VAN XUAN	NGUYEN CHI PHU	*****490	22	CT10015882-CT10015903
CN DAK LAK	NGUYEN CHI SON	*****535	2	CT10025134-CT10025135
CN CA MAU	NGUYEN CHI TAM	*****366	2	CT10017424-CT10017425
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN CHI THANG	*****061	2	CT10153371-CT10153372
PGD PHO YEN	NGUYEN CHI THANH	*****025	14	CT10064786-CT10064799
CN THANH HOA	NGUYEN CHI THANH	*****307	3	CT10142495-CT10142497
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN CHI THANH	*****859	1	CT10044757-CT10044757
CN DAI AN	NGUYEN CHI THANH	*****033	3	CT10102812-CT10102814
PGD TRUNG NHI	NGUYEN CHI THANH	*****266	1	CT10100961-CT10100961
PGD BACH DANG	NGUYEN CHI THANH	*****603	27	CT10007851-CT10007877
PGD XUAN KHANH	NGUYEN CHI THOANG	*****165	11	CT10137612-CT10137622
CN HAI PHONG	NGUYEN CHI TRUNG	*****350	15	CT10022662-CT10022676
CN NHA TRANG	NGUYEN CHI TRUNG	*****674	5	CT10018620-CT10018624
CN TAN BINH	NGUYEN CHI TRUNG	*****702	3	CT10016978-CT10016980
CN DONG DA	NGUYEN CHI TUAN	*****321	3	CT10157194-CT10157196
CN CAU GIAY	NGUYEN CHIEN THANG	*****354	5	TD10002896-TD10002900
PGD BACH MAI	NGUYEN CHIEN THANG	*****959	18	CT10063371-CT10063388
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CHIEN THANG	*****988	10	CT10114382-CT10114391
CN THAI NGUYEN	NGUYEN CHIEN THANG	*****727	1	EB10003123-EB10003123
CN CAU GIAY	NGUYEN CHIEN THANG	*****787	49	CT10165390-CT10165438
CN THANH XUAN	NGUYEN CHIEN THANG	*****929	4	CT10157190-CT10157193
CN TAN BINH	NGUYEN CHIEU HIEN	*****038	25	CT10022058-CT10022077; TD10009361-TD10009365
PGD AU CO	NGUYEN CHIN	*****025	3	CT10056824-CT10056826
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CHINH	*****730	1	CT10064390-CT10064390
PGD TUYEN SON	NGUYEN CHINH	*****215	13	CT10006042-CT10006054
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN CHUNG THUC	*****895	15	CT10055156-CT10055170

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE CHAN	NGUYEN CHUNG THUY	*****970	18	CT10136777-CT10136794
PGD VAN XUAN	NGUYEN CO TRUYEN	*****501	10	CT10120816-CT10120825
CN NHA TRANG	NGUYEN CONG ANH	*****014	1	CT10139942-CT10139942
PGD THU DUC	NGUYEN CONG ANH	*****160	1	EB10000794-EB10000794
CN LONG BIEN	NGUYEN CONG BAO	*****090	1	EB10002263-EB10002263
CN HA NOI	NGUYEN CONG CHIEN	*****022	7	CT10138882-CT10138888
CN SAI GON	NGUYEN CONG CHU	*****933	14	CT10129304-CT10129317
PGD VAN XUAN	NGUYEN CONG CHUNG	*****920	42	CT10076068-CT10076072; DN10107572-DN10107603; TD10007926-TD10007930
CN CAU GIAY	NGUYEN CONG CUONG	*****417	1	CT10119019-CT10119019
CN DA NANG	NGUYEN CONG DIEM	*****902	2	CT10114642-CT10114643
CN DONG DA	NGUYEN CONG DIEP	*****887	50	CT10078051-CT10078100
CN QUANG NGAI	NGUYEN CONG DU	*****579	1	EB10002100-EB10002100
CN DONG DA	NGUYEN CONG DUC	*****848	40	CT10134640-CT10134679
PGD LENIN	NGUYEN CONG DUNG	*****159	10	CT10115059-CT10115068
CN HAI PHONG	NGUYEN CONG HANH	*****137	15	CT10063623-CT10063637
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN CONG HOAN	*****416	51	CT10058410-CT10058460
CN BAC NINH	NGUYEN CONG HOAN	*****439	4	CT10140090-CT10140093
CN HA NOI	NGUYEN CONG HOAN	*****274	4	CT10110390-CT10110393
CN HA TINH	NGUYEN CONG HOANG	*****546	25	CT10057868-CT10057891; EB10002171-EB10002171
CN HAI AN	NGUYEN CONG HUNG	*****798	50	DN10020573-DN10020622
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN CONG HUNG	*****798	5	CT10061837-CT10061841
CN NHA TRANG	NGUYEN CONG HUNG	*****176	46	DN10036862-DN10036901; EB10003109-EB10003109; TD10009341-TD10009345
CN PHU MY HUNG	NGUYEN CONG LONG	*****033	1	CT10034053-CT10034053
CN BAC NINH	NGUYEN CONG LUAN	*****335	1	EB10002715-EB10002715
CN CAU GIAY	NGUYEN CONG LUU	*****604	1	CT10010232-CT10010232
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN CONG LY	*****701	1	EB10002032-EB10002032
PGD VINH YEN	NGUYEN CONG MINH	*****668	1	EB10002617-EB10002617
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN CONG MINH	*****859	1	CT10007960-CT10007960
CN SO GIAO DICH	NGUYEN CONG MINH	*****587	5	TD10011041-TD10011045

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN CONG NGHIA	*****666	2	CT10160428-CT10160429
CN THAI NGUYEN	NGUYEN CONG NGHIEP	*****464	4	CT10044192-CT10044195
CN THANH XUAN	NGUYEN CONG NGUYEN	*****599	5	CT10128017-CT10128021
PGD NGOC HOI	NGUYEN CONG QUYNH	*****611	53	CT10139963-CT10140015
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN CONG SAN	*****131	43	CT10129752-CT10129794
PGD TRUNG NHI	NGUYEN CONG TAI	*****690	55	DN10089713-DN10089761; EB10002276-EB10002276; TD10004701-TD10004705
CN SAI GON	NGUYEN CONG TAO	*****407	19	CT10022200-CT10022218
PGD LE THAI TO	NGUYEN CONG THANH	*****654	1	CT10037456-CT10037456
CN TAN BINH	NGUYEN CONG THANH	*****699	7	CT10114867-CT10114873
PGD DI AN	NGUYEN CONG THANH	*****876	4	CT10045040-CT10045043
CN DA NANG	NGUYEN CONG THIEN	*****351	9	DN10039726-DN10039734
CN DAI AN	NGUYEN CONG THIEN	*****462	1	EB10000697-EB10000697
PGD VINH HAI	NGUYEN CONG THIEN	*****522	22	DN10041758-DN10041779
CN QUANG NGAI	NGUYEN CONG TIEN	*****219	2	CT10099707-CT10099708
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN CONG TOAN	*****440	1	CT10087559-CT10087559
CN TAN BINH	NGUYEN CONG TRANG	*****478	5	CT10157875-CT10157879
CN DA NANG	NGUYEN CONG TRUNG	*****486	2	CT10129161-CT10129162
PGD GIA LOC	NGUYEN CONG TUAN	*****274	1	EB10001558-EB10001558
CN HAI AN	NGUYEN CONG TUE	*****390	23	CT10111281-CT10111303
CN NHA TRANG	NGUYEN CONG UT HOAI	*****312	1	CT10065979-CT10065979
CN BINH DINH	NGUYEN CU	*****874	45	DN10064431-DN10064465; TD10000991-TD10001000
SEABANK LE DUAN	NGUYEN CUONG ANH	*****425	3	CT10108064-CT10108066
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN CUONG PHUC	*****755	6	DN10047128-DN10047133
CN DA NANG	NGUYEN CUU DOAN TRANG	*****736	4	CT10102564-CT10102567

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	NGUYEN CUU TUNG	*****494	10	CT10010562-CT10010571
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DA HUONG	*****937	7	CT10026237-CT10026243
PGD BA RIA	NGUYEN DAC CHIEN	*****420	6	DN10008323-DN10008327; EB10000333-EB10000333
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DAC CONG	*****348	2	CT10120371-CT10120372
CN HAI AN	NGUYEN DAC HOANG	*****758	6	EB10000837-EB10000837; TD10011146-TD10011150
CN HUE	NGUYEN DAC HUNG	*****924	1	CT10134709-CT10134709
CN BAC NINH	NGUYEN DAC HUNG	*****194	10	CT10134358-CT10134367
PGD HO DAC DI	NGUYEN DAC LUAN	*****571	25	CT10151176-CT10151200
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DAC LUAN	*****896	1	CT10047259-CT10047259
CN DA NANG	NGUYEN DAC MANH KHA	*****173	1	CT10012404-CT10012404
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN DAC QUOC VIET	*****746	7	CT10144396-CT10144402
CN BAC NINH	NGUYEN DAC SU	*****428	10	TD10000916-TD10000925
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN DAC THANG	*****034	7	CT10134484-CT10134490
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN DAC TUAN	*****490	5	CT10015439-CT10015443
PGD LAN ONG	NGUYEN DAI DUONG	*****271	11	CT10116876-CT10116886
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN DAI DUONG	*****302	1	CT10074314-CT10074314
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DAI HAI	*****335	7	CT10158351-CT10158357
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DAI HAI	*****723	25	CT10127083-CT10127107
CN HA DONG	NGUYEN DAI HUNG	*****120	5	CT10059944-CT10059948
PGD HO NAI	NGUYEN DAI KHANH	*****446	1	EB10000160-EB10000160
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN DAI PHONG	*****421	10	CT10033198-CT10033207
CN HA NOI	NGUYEN DAI QUOC	*****313	32	CT10102754-CT10102759; DN10063346-DN10063366; TD10000746-TD10000750
PGD PHO YEN	NGUYEN DAI QUY	*****862	176	DN10070573-DN10070737; EB10001708-EB10001708; TD10001756-TD10001765
PGD TAY HO	NGUYEN DAI THANG	*****056	5	CT10054843-CT10054847

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN DAM THAO VY	*****649	1	EB10000614-EB10000614
PGD HOA BINH	NGUYEN DANG ANH	*****545	1	CT10092724-CT10092724
CN DA NANG	NGUYEN DANG ANH TUAN	*****597	5	CT10098089-CT10098093
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN DANG BACH	*****113	1	CT10115358-CT10115358
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DANG BAO	*****054	25	CT10110772-CT10110796
CN THANH HOA	NGUYEN DANG DANG	*****229	4	CT10075880-CT10075883
CN BAC NINH	NGUYEN DANG DAT	*****638	161	DN10107036-DN10107185; EB10002613-EB10002613; TD10007906-TD10007915
CN NGHE AN	NGUYEN DANG DUC	*****939	7	CT10064910-CT10064916
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DANG DUONG	*****003	3	CT10102500-CT10102502
CN THANH XUAN	NGUYEN DANG GIAP	*****099	1	EB10000752-EB10000752
CN DONG DA	NGUYEN DANG HA	*****923	6	CT10061225-CT10061230
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DANG HUNG	*****034	1	CT10123418-CT10123418
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DANG KHANH VY	*****733	1	EB10001180-EB10001180
HUB THE CHAP MN	NGUYEN DANG KHOA	*****039	21	CT10048467-CT10048487
PGD QUAN 11	NGUYEN DANG KHOA	*****007	4	CT10051246-CT10051249
CN VUNG TAU	NGUYEN DANG KHOA	*****012	1	CT10017423-CT10017423
PGD QUAN 10	NGUYEN DANG KHOA	*****364	15	CT10142745-CT10142759
PGD PHO YEN	NGUYEN DANG KHOA	*****415	15	TD10001431-TD10001445
CN CA MAU	NGUYEN DANG KHOA	*****651	2	CT10014116-CT10014117
CN HAI PHONG	NGUYEN DANG KHOA	*****936	1	CT10114410-CT10114410
PGD TAN PHAT	NGUYEN DANG KHOA	*****978	1	EB10001286-EB10001286
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DANG LAM	*****481	2	CT10088424-CT10088425
PGD SOC SON	NGUYEN DANG LINH	*****094	1	CT10132756-CT10132756
PGD LANG THUONG	NGUYEN DANG LOI	*****696	12	CT10021596-CT10021607
PGD DONG SON	NGUYEN DANG NAM	*****529	1	CT10133997-CT10133997
CN DONG DA	NGUYEN DANG NGHIA	*****375	12	CT10052005-CT10052016
CN LONG BIEN	NGUYEN DANG NGOC	*****262	1	EB10000156-EB10000156

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN DANG PHUONG	*****423	50	CT10081679-CT10081728
CN CAN THO	NGUYEN DANG QUAN	*****943	57	CT10005507-CT10005515; DN10018644-DN10018686; TD10006586-TD10006590
PGD CAM RANH	NGUYEN DANG QUANG	*****243	10	DN10055266-DN10055275
CN HAI AN	NGUYEN DANG QUANG	*****296	10	CT10004137-CT10004141; TD10006611-TD10006615
PGD HOANG DIEU	NGUYEN DANG QUOC	*****310	9	CT10066989-CT10066997
CN HA DONG	NGUYEN DANG THANG	*****070	25	CT10008489-CT10008513
PGD THANG LONG	NGUYEN DANG THONG	*****849	6	CT10084272-CT10084277
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN DANG THONG	*****875	1	EB10000014-EB10000014
PGD TU SON	NGUYEN DANG TIEN	*****819	5	TD10008486-TD10008490
CN DAI AN	NGUYEN DANG TRUNG	*****028	9	CT10043369-CT10043372; TD10001466-TD10001470
CN NGHE AN	NGUYEN DANG TRUNG	*****788	35	CT10100494-CT10100528
CN HA NOI	NGUYEN DANG TRUONG	*****244	14	CT10161937-CT10161950
PGD TAY HO	NGUYEN DANG TRUONG	*****046	17	CT10087208-CT10087224
PGD TAY HO	NGUYEN DANG TUAN	*****864	43	CT10111190-CT10111227; TD10002571-TD10002575
PGD TAY HO	NGUYEN DANG TUYEN	*****899	10	CT10010596-CT10010605
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DANG VIET TRUNG	*****033	6	CT10093951-CT10093951; TD10010486-TD10010490
PGD TRUONG THI	NGUYEN DANH CUONG	*****379	31	CT10114012-CT10114012; DN10098878-DN10098907
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN DANH DONG	*****495	1	CT10137263-CT10137263
PGD TRAN PHU	NGUYEN DANH HUNG	*****444	2	CT10061635-CT10061636
CN HAI PHONG	NGUYEN DANH HUNG	*****582	31	CT10166117-CT10166147
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DANH HUNG	*****154	4	CT10091289-CT10091292
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DANH LE TRUNG	*****539	25	CT10099607-CT10099631
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DANH NAM	*****971	22	CT10053721-CT10053742

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN DANH QUANG	*****667	1	CT10028058-CT10028058
CN BAC NINH	NGUYEN DANH QUYET	*****554	8	CT10128042-CT10128043; EB10002333-EB10002333; TD10004961-TD10004965
PGD QUANG PHU	NGUYEN DANH SAM	*****343	1	EB10002222-EB10002222
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN DANH SON	*****498	1	EB10001802-EB10001802
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DANH TAM	*****278	4	CT10074993-CT10074996
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN DANH THUY	*****671	51	DN10060968-DN10061007; EB10001326-EB10001326; TD10000491-TD10000500
CN BAC NINH	NGUYEN DANH TUYEN	*****691	1	CT10130139-CT10130139
CN LANG HA	NGUYEN DICH HUNG HIEP	*****582	1	CT10030690-CT10030690
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DIEM HUONG	*****319	4	CT10151520-CT10151523
CN VINH PHUC	NGUYEN DIEM VAN ANH	*****373	1	CT10079988-CT10079988
CN SAI GON	NGUYEN DIEN TRUNG	*****039	45	CT10059564-CT10059578; TD10004376-TD10004405
PGD DAO TAN	NGUYEN DIEP ANH	*****322	2	CT10159477-CT10159478
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN DIEU HOA	*****557	6	CT10066366-CT10066371
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DIEU HUONG	*****004	14	CT10013491-CT10013504
PGD BACH MAI	NGUYEN DIEU LINH	*****001	5	CT10161843-CT10161847
CN DAI AN	NGUYEN DIEU LINH	*****002	8	CT10140538-CT10140545
PGD THAI THINH	NGUYEN DIEU LINH	*****173	30	CT10066006-CT10066035
CN HAI AN	NGUYEN DIEU LINH	*****182	4	CT10086847-CT10086850
CN THANH XUAN	NGUYEN DIEU LINH	*****230	50	CT10133750-CT10133799
CN LANG HA	NGUYEN DIEU LINH	*****811	7	CT10100438-CT10100444
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DINH AN	*****710	6	CT10151339-CT10151344
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DINH ANH PHU	*****739	19	CT10037624-CT10037642
CN DA NANG	NGUYEN DINH BAO TRUNG	*****075	4	CT10145061-CT10145064

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY DINH	NGUYEN DINH BINH	*****831	8	CT10034544-CT10034551
CN LONG BIEN	NGUYEN DINH CHIEN	*****524	1	CT10019520-CT10019520
PGD SOC SON	NGUYEN DINH CHINH	*****007	35	DN10029872-DN10029901; TD10008606-TD10008610
PGD TAY HO	NGUYEN DINH CHUNG	*****531	13	CT10057057-CT10057069
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN DINH CHUNG	*****638	1	CT10148384-CT10148384
CN BAC NINH	NGUYEN DINH CUONG	*****471	1	EB10002143-EB10002143
CN DAK LAK	NGUYEN DINH CUONG	*****940	6	CT10082853-CT10082858
CN TAN PHU	NGUYEN DINH DANG QUANG	*****924	17	CT10003299-CT10003315
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DINH DUC	*****053	2	CT10134482-CT10134483
PGD LANG THUONG	NGUYEN DINH DUNG	*****955	2	CT10157427-CT10157428
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DINH DUNG	*****342	211	DN10058301-DN10058500; EB10001230-EB10001230; TD10000176-TD10000185
CN DONG DA	NGUYEN DINH HA	*****583	2	CT10084345-CT10084346
PGD BACH MAI	NGUYEN DINH HA	*****583	1	EB10001527-EB10001527
PGD PHU LAM	NGUYEN DINH HAI	*****042	18	CT10025199-CT10025216
CN DAI AN	NGUYEN DINH HAI	*****969	65	CT10002887-CT10002951
CN DA NANG	NGUYEN DINH HAO	*****149	78	DN10004230-DN10004301; EB10000186-EB10000186; TD10005946-TD10005950
PGD CAM RANH	NGUYEN DINH HAU	*****139	71	DN10075221-DN10075290; EB10001810-EB10001810
PGD HAI TAN	NGUYEN DINH HIEP	*****359	1	CT10124899-CT10124899
CN HA NOI	NGUYEN DINH HIEP	*****489	1	EB10001428-EB10001428
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DINH HIEU	*****079	30	DN10093651-DN10093680
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN DINH HOA	*****162	4	CT10019903-CT10019906
CN CAU GIAY	NGUYEN DINH HOAN	*****573	15	CT10131613-CT10131627
CN CAU GIAY	NGUYEN DINH HOAN	*****856	9	CT10096694-CT10096702
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN DINH HOANG	*****870	18	CT10037032-CT10037049
PGD TU SON	NGUYEN DINH HOANG	*****860	1	EB10001637-EB10001637
CN HAI AN	NGUYEN DINH HUNG	*****019	4	CT10080607-CT10080610

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGOC LAM	NGUYEN DINH HUNG	*****181	43	CT10096256-CT10096261; DN10051793-DN10051824; TD10010856-TD10010860
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH HUNG	*****315	1	CT10135774-CT10135774
CN HA DONG	NGUYEN DINH HUNG	*****735	60	DN10023652-DN10023701; TD10007116-TD10007125
CN SAI GON	NGUYEN DINH KHANG	*****644	1	EB10001363-EB10001363
CN HA NOI	NGUYEN DINH KHANH	*****013	3	CT10017549-CT10017551
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DINH KHIEM	*****942	12	CT10032999-CT10033010
CN HA TINH	NGUYEN DINH KHUONG	*****657	1	EB10000279-EB10000279
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN DINH LAM	*****568	1	CT10118968-CT10118968
CN HA DONG	NGUYEN DINH LAP	*****296	20	CT10115447-CT10115466
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH MANH	*****338	10	TD10003981-TD10003990
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH MANH	*****363	63	DN10105784-DN10105840; EB10002511-EB10002511; TD10007631-TD10007635
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN DINH MIN	*****446	1	CT10022946-CT10022946
PGD THANG LONG	NGUYEN DINH MINH	*****001	30	CT10113033-CT10113062
CN DA NANG	NGUYEN DINH NGHIA	*****785	7	CT10038148-CT10038154
CN NGHE AN	NGUYEN DINH NHUNG	*****068	4	CT10004412-CT10004415
CN DAK LAK	NGUYEN DINH NINH	*****418	5	TD10009501-TD10009505
CN DONG DA	NGUYEN DINH PHAT	*****829	12	CT10095066-CT10095077
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN DINH PHU	*****785	206	DN10082162-DN10082361; EB10001971-EB10001971; TD10003571-TD10003575
CN THANH XUAN	NGUYEN DINH QUAN	*****093	7	CT10110059-CT10110065
CN BAC NINH	NGUYEN DINH QUAN	*****364	190	DN10005122-DN10005311
CN HAI AN	NGUYEN DINH QUANG	*****364	1	CT10160008-CT10160008
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH QUOC	*****510	7	CT10051824-CT10051830
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DINH QUOC HUY	*****400	10	CT10007356-CT10007365
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DINH QUY	*****562	2	CT10125734-CT10125735
CN DAI AN	NGUYEN DINH SINH	*****027	49	CT10024899-CT10024947
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DINH SON	*****219	27	CT10035768-CT10035794

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN DINH THANG	*****511	7	CT10008940-CT10008946
PGD TAY HO	NGUYEN DINH THANG	*****505	1	CT10138854-CT10138854
PGD XUAN LA	NGUYEN DINH THANG	*****776	50	DN10060213-DN10060262
PGD VINH HAI	NGUYEN DINH THAO LINH	*****063	1	CT10153448-CT10153448
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH THI	*****319	5	CT10057306-CT10057310
CN PHU MY HUNG	NGUYEN DINH THI	*****864	150	DN10035999-DN10036148
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DINH THIEN	*****056	49	CT10104961-CT10105009
PGD TUYEN SON	NGUYEN DINH THINH	*****611	5	CT10103799-CT10103803
CN HAI DUONG	NGUYEN DINH THO	*****942	11	DN10064295-DN10064305
CN HA DONG	NGUYEN DINH THONG	*****569	10	CT10097088-CT10097097
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DINH THUC	*****744	7	CT10113269-CT10113275
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DINH THUY	*****603	1	EB10000328-EB10000328
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DINH TINH	*****971	1	EB10000638-EB10000638
CN CAN THO	NGUYEN DINH TOAN	*****119	6	CT10102679-CT10102684
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DINH TOAN	*****641	9	CT10000439-CT10000447
CN NHA TRANG	NGUYEN DINH TRANG	*****017	1	EB10002530-EB10002530
CN DA NANG	NGUYEN DINH TRI	*****836	6	DN10064996-DN10065001
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DINH TRUNG	*****377	17	CT10000689-CT10000705
CN HA DONG	NGUYEN DINH TRUONG	*****369	10	CT10140871-CT10140880
PGD TIEN AN	NGUYEN DINH TRUYEN	*****696	1	EB10001183-EB10001183
PGD CAM RANH	NGUYEN DINH TU	*****971	1	CT10022297-CT10022297
CN KIEN GIANG	NGUYEN DINH TUAN	*****669	32	DN10058625-DN10058656
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DINH TUAN	*****822	61	CT10148043-CT10148103
PGD SAO DO	NGUYEN DINH TUNG	*****296	2	CT10096708-CT10096709
PGD XUAN LA	NGUYEN DINH TUYEN	*****071	50	CT10098830-CT10098879
PGD TO HIEU	NGUYEN DINH VIET	*****496	7	CT10062498-CT10062504
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN DINH VIET	*****848	95	CT10130608-CT10130617; DN10003291-DN10003370; TD10005871-TD10005875
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DINH VIET	*****091	10	TD10008881-TD10008890
PGD TUYEN SON	NGUYEN DINH VIET	*****500	1	EB10001789-EB10001789
CN NHA TRANG	NGUYEN DINH VINH	*****254	1	EB10002414-EB10002414

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN DINH VINH TRUNG	*****579	64	CT10162737-CT10162800
CN TAN BINH	NGUYEN DINH VINH TUONG	*****287	9	CT10122103-CT10122111
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN DINH VU	*****350	2	CT10143814-CT10143815
CN HAI PHONG	NGUYEN DO GIANG	*****161	8	CT10100007-CT10100014
PGD DAO TAN	NGUYEN DO HANH	*****481	1	EB10002807-EB10002807
CN BAC NINH	NGUYEN DO MUOI	*****889	4	CT10016197-CT10016200
PGD BACH MAI	NGUYEN DO QUYNH	*****020	25	CT10034897-CT10034921
CN THANH XUAN	NGUYEN DO THANG	*****030	8	CT10039510-CT10039517
CN DA NANG	NGUYEN DOAN BINH	*****677	18	CT10107239-CT10107256
CN DAI AN	NGUYEN DOAN DO	*****938	3	CT10121327-CT10121329
CN BINH DUONG	NGUYEN DOAN NGHIEP	*****341	1	EB10002731-EB10002731
CN CAN THO	NGUYEN DOAN NHAT MINH	*****190	1	CT10073106-CT10073106
PGD TU SON	NGUYEN DOAN THAO	*****034	7	CT10114324-CT10114330
PGD BACH MAI	NGUYEN DOAN THINH	*****233	20	CT10117579-CT10117598
PGD LE CHAN	NGUYEN DOAN VIET	*****850	1	EB10001152-EB10001152
CN HUE	NGUYEN DONG ANH	*****156	1	CT10035846-CT10035846
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN DONG ANH	*****740	1	CT10105674-CT10105674
PGD SO SAO	NGUYEN DONG CANH	*****069	107	CT10118740-CT10118746; DN10080502-DN10080601
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN DONG HUNG	*****131	80	DN10109478-DN10109557
PGD CAM RANH	NGUYEN DONG NGUYEN	*****455	190	DN10029246-DN10029435
CN NHA TRANG	NGUYEN DONG TRUC	*****397	1	EB10000527-EB10000527
CN DONG DA	NGUYEN DONG TUAN	*****160	32	CT10000884-CT10000915
PGD THANH CONG	NGUYEN DONG VIET	*****341	9	CT10083512-CT10083520
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DU	*****979	7	CT10163768-CT10163774
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN DUC ANH	*****055	7	CT10046089-CT10046095
PGD SAI DONG	NGUYEN DUC ANH	*****058	10	TD10004646-TD10004655
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUC ANH	*****177	2	CT10095909-CT10095910
PGD DAO TAN	NGUYEN DUC ANH	*****253	9	CT10027699-CT10027707

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	NGUYEN DUC ANH	*****438	14	CT10136057-CT10136070
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN DUC ANH	*****587	10	CT10041136-CT10041145
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DUC ANH	*****861	1	CT10039249-CT10039249
PGD VAN QUAN	NGUYEN DUC ANH	*****875	1	EB10002805-EB10002805
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUC ANH	*****899	4	CT10100433-CT10100436
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC BINH	*****028	8	CT10094801-CT10094808
CN QUANG NGAI	NGUYEN DUC BINH	*****811	2	CT10076903-CT10076904
CN HAI AN	NGUYEN DUC CANH	*****276	2	CT10078755-CT10078756
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DUC CANH	*****109	10	CT10121370-CT10121379
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUC CANH	*****148	5	CT10137446-CT10137450
CN DAI AN	NGUYEN DUC CANH	*****386	36	CT10095237-CT10095272
PGD BACH MAI	NGUYEN DUC CANH	*****407	20	CT10018626-CT10018645
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC CANH	*****438	9	CT10040463-CT10040471
CN DAK LAK	NGUYEN DUC CHIEN	*****036	10	DN10006323-DN10006332
CN HAI DUONG	NGUYEN DUC CHIEN	*****381	46	DN10109072-DN10109111; EB10002630-EB10002630; TD10007966-TD10007970
PGD THAI THINH	NGUYEN DUC CHINH	*****018	9	CT10015076-CT10015084
CN THANH XUAN	NGUYEN DUC CHINH	*****367	10	CT10088917-CT10088926
PGD NGOC HOI	NGUYEN DUC CHUNG	*****573	9	CT10031598-CT10031606
PGD TRAN PHU	NGUYEN DUC CHUONG	*****506	40	CT10117250-CT10117289
PGD THAI THINH	NGUYEN DUC CUONG	*****706	1	EB10003339-EB10003339
CN BAC NINH	NGUYEN DUC DIEU HUNG	*****566	8	CT10116979-CT10116986
PGD HAI DANG	NGUYEN DUC DONG	*****671	10	CT10002685-CT10002694
CN DAK LAK	NGUYEN DUC DU	*****815	5	CT10018891-CT10018895
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN DUC DUNG	*****059	19	CT10101584-CT10101602
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC DUNG	*****137	400	DN10030211-DN10030610
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC DUNG	*****668	42	CT10078107-CT10078148
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC DUONG	*****633	1	EB10001494-EB10001494
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN DUC DUY	*****513	2	CT10057572-CT10057573
CN DONG DA	NGUYEN DUC DUY	*****690	11	CT10164355-CT10164365
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC GIANG	*****023	50	DN10083144-DN10083193

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC GIANG	*****460	1	CT10065928-CT10065928
CN BAC NINH	NGUYEN DUC GIANG	*****697	14	CT10126357-CT10126370
PGD THANH CONG	NGUYEN DUC HAI	*****348	10	CT10055415-CT10055424
CN LANG HA	NGUYEN DUC HAI	*****717	4	CT10093753-CT10093756
CN DA NANG	NGUYEN DUC HAN	*****376	1	CT10024222-CT10024222
CN DAI AN	NGUYEN DUC HANH	*****090	43	CT10033049-CT10033091
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC HANH	*****740	2	CT10035622-CT10035623
PGD KIM THANH	NGUYEN DUC HANH	*****751	4	DN10069897-DN10069900
PGD TRUONG THI	NGUYEN DUC HAO	*****211	9	CT10135764-CT10135772
PGD THAI THINH	NGUYEN DUC HIEP	*****149	9	CT10080770-CT10080778
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUC HIEP	*****484	25	CT10035583-CT10035607
CN THANH XUAN	NGUYEN DUC HIEU	*****081	19	CT10147781-CT10147799
CN DAI AN	NGUYEN DUC HIEU	*****755	23	CT10138176-CT10138198
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUC HIEU	*****195	49	CT10047175-CT10047223
PGD HO GUOM	NGUYEN DUC HIEU	*****551	20	CT10048550-CT10048569
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC HOAN	*****596	3	CT10016988-CT10016990
CN AN GIANG	NGUYEN DUC HOAN	*****961	8	CT10104756-CT10104763
CN VINH PHUC	NGUYEN DUC HOANG	*****195	3	CT10065496-CT10065498
CN QUANG NGAI	NGUYEN DUC HOANG	*****621	1	CT10149063-CT10149063
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUC HOANG	*****812	16	CT10050086-CT10050101
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN DUC HOANG	*****948	10	CT10031363-CT10031367; TD10010421-TD10010425
CN DA NANG	NGUYEN DUC HOANG THUY	*****785	5	TD10000036-TD10000040
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC HONG QUAN	*****473	2	CT10049143-CT10049144
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC HUNG	*****241	16	CT10096586-CT10096601
CN HA DONG	NGUYEN DUC HUNG	*****597	11	CT10057733-CT10057743
PGD LE THANH TONG	NGUYEN DUC HUY	*****382	9	CT10027599-CT10027607
CN SAI GON	NGUYEN DUC HUY	*****067	15	CT10047452-CT10047466
CN HUE	NGUYEN DUC HUY	*****766	1	CT10039910-CT10039910
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DUC KHAI	*****003	1	CT10128111-CT10128111
CN DAI AN	NGUYEN DUC KHANG	*****209	1	CT10128415-CT10128415
PGD NGO GIA TU	NGUYEN DUC KHANG	*****784	1	EB10000893-EB10000893

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THANH TONG	NGUYEN DUC KHU	*****888	80	CT10143106-CT10143185
CN DAI AN	NGUYEN DUC KIEM	*****190	4	CT10013792-CT10013795
CN DAI AN	NGUYEN DUC KIEN	*****109	8	CT10154437-CT10154444
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUC KIEN	*****765	13	CT10117636-CT10117648
CN HAI AN	NGUYEN DUC LAM	*****525	8	CT10158092-CT10158099
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUC LINH	*****293	25	CT10039174-CT10039198
PGD THANH CONG	NGUYEN DUC LOI	*****580	57	CT10035193-CT10035249
PGD VAN XUAN	NGUYEN DUC LOI	*****585	15	CT10049963-CT10049972; TD10002356-TD10002360
SEABANK LE DUAN	NGUYEN DUC LONG	*****686	10	CT10088743-CT10088752
CN HAI AN	NGUYEN DUC MANH	*****119	9	CT10088120-CT10088128
PGD TU SON	NGUYEN DUC MANH	*****191	1	EB10001408-EB10001408
PGD PHO YEN	NGUYEN DUC MANH	*****551	59	DN10040306-DN10040364
CN CAU GIAY	NGUYEN DUC MANH	*****671	19	CT10110040-CT10110058
CN HA NOI	NGUYEN DUC MANH	*****690	1	CT10086279-CT10086279
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN DUC MAU	*****406	87	CT10093325-CT10093331; DN10049087-DN10049166
CN HAI AN	NGUYEN DUC MINH	*****458	2	CT10035813-CT10035814
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUC MINH	*****716	22	CT10145797-CT10145818
PGD TIEN AN	NGUYEN DUC MINH	*****436	50	CT10080154-CT10080162; DN10109423-DN10109452; EB10002685-EB10002685; TD10008146-TD10008155
CN HA DONG	NGUYEN DUC NAM	*****257	70	CT10094401-CT10094470
PGD LE THANH TONG	NGUYEN DUC NAM	*****724	1	CT10055131-CT10055131
PGD NGOC HOI	NGUYEN DUC NAM	*****241	15	CT10122336-CT10122345; TD10004486-TD10004490
PGD TIEN AN	NGUYEN DUC NAM	*****556	1	CT10000363-CT10000363
CN BAC NINH	NGUYEN DUC NAM	*****606	9	CT10039111-CT10039119
SEABANK LE DUAN	NGUYEN DUC NAM	*****670	13	CT10097335-CT10097347
CN BAC NINH	NGUYEN DUC NGHIA	*****736	7	CT10091385-CT10091391
CN DAI AN	NGUYEN DUC NGHIA	*****993	1	CT10100529-CT10100529
CN HAI AN	NGUYEN DUC NGOC	*****571	12	CT10064706-CT10064717
PGD PHO YEN	NGUYEN DUC NGOC	*****617	3	CT10048884-CT10048886

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN DUC NGU	*****887	123	CT10023323-CT10023346; DN10037541-DN10037639
PGD HA LONG	NGUYEN DUC NGUYEN	*****236	1	CT10068114-CT10068114
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC NGUYEN	*****998	7	CT10012819-CT10012825
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUC NHAT	*****699	22	CT10001429-CT10001450
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN DUC NHIEN	*****057	1	EB10001388-EB10001388
PGD NGOC LAM	NGUYEN DUC NHUAN	*****651	5	TD10010311-TD10010315
PGD LE CHAN	NGUYEN DUC NHUAN	*****862	51	CT10104849-CT10104853; DN10069213-DN10069252; EB10001632-EB10001632; TD10001596-TD10001600
CN DAI AN	NGUYEN DUC PHONG	*****966	1	EB10002969-EB10002969
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC PHU	*****213	5	CT10095728-CT10095732
PGD HANG KENH	NGUYEN DUC PHUONG	*****758	110	CT10131173-CT10131196; DN10003653-DN10003738
PGD THANH CONG	NGUYEN DUC PHUONG	*****919	40	CT10095154-CT10095193
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN DUC QUAN	*****316	3	CT10166189-CT10166191
PGD DAO TAN	NGUYEN DUC QUANG	*****613	8	CT10106705-CT10106712
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC QUANG	*****695	4	CT10035087-CT10035090
PGD GIA LAM	NGUYEN DUC QUANG	*****708	10	CT10091928-CT10091937
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC QUANG	*****745	6	CT10108151-CT10108156
CN THANH HOA	NGUYEN DUC QUY	*****524	60	DN10021977-DN10022036
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DUC QUY	*****891	1	EB10002066-EB10002066
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC QUYET	*****420	12	CT10026436-CT10026447
CN VINH PHUC	NGUYEN DUC QUYNH	*****087	1	CT10035816-CT10035816
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC SANG	*****508	19	CT10119396-CT10119409; TD10003556-TD10003560
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC SINH	*****470	11	CT10061205-CT10061215
CN THANH XUAN	NGUYEN DUC SINH	*****588	5	CT10146624-CT10146628
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN DUC SUOI	*****368	5	CT10091773-CT10091777
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC SUU	*****797	7	CT10002807-CT10002813

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN DUC TAM	*****505	1	EB10002961-EB10002961
CN DA NANG	NGUYEN DUC TAM	*****364	45	CT10096878-CT10096922
PGD XUAN LA	NGUYEN DUC THANG	*****039	8	CT10021113-CT10021120
CN HA TINH	NGUYEN DUC THANG	*****168	3	CT10066706-CT10066708
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN DUC THANG	*****227	1	EB10000070-EB10000070
CN LANG HA	NGUYEN DUC THANG	*****385	99	CT10153670-CT10153768
PGD THAI THINH	NGUYEN DUC THANG	*****428	19	CT10073568-CT10073586
CN NHA TRANG	NGUYEN DUC THANG	*****517	1	EB10002180-EB10002180
CN HA NOI	NGUYEN DUC THANG	*****761	13	CT10162649-CT10162661
CN DONG DA	NGUYEN DUC THANH	*****198	12	CT10099218-CT10099229
CN TAN PHU	NGUYEN DUC THANH	*****073	6	CT10005496-CT10005501
CN BAC NINH	NGUYEN DUC THANH	*****229	10	CT10112072-CT10112081
CN VINH PHUC	NGUYEN DUC THANH	*****687	5	TD10003761-TD10003765
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC THANH	*****695	10	CT10098893-CT10098902
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC THANH	*****857	11	CT10116123-CT10116133
CN DA NANG	NGUYEN DUC THINH	*****254	1	EB10001727-EB10001727
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN DUC THO	*****228	1	EB10002190-EB10002190
CN DAI AN	NGUYEN DUC THO	*****626	32	CT10093961-CT10093992
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC THONG	*****530	10	TD10002711-TD10002720
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DUC THU	*****777	1	CT10001334-CT10001334
CN DAI AN	NGUYEN DUC THUAN	*****139	10	CT10109213-CT10109222
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUC THUAN	*****073	1	CT10153319-CT10153319
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN DUC THUAN	*****121	1	EB10000559-EB10000559
CN HA DONG	NGUYEN DUC THUAN	*****374	25	CT10060659-CT10060683
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DUC TIEN	*****504	76	CT10105020-CT10105095
PGD HAI TAN	NGUYEN DUC TIEN	*****662	10	CT10150429-CT10150438
CN AN GIANG	NGUYEN DUC TIEN	*****976	1	CT10050867-CT10050867
PGD VAN XUAN	NGUYEN DUC TIEN	*****989	22	CT10011640-CT10011661
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN DUC TIN	*****381	4	CT10116319-CT10116322
CN TAN THANH	NGUYEN DUC TOAN	*****024	2	CT10014007-CT10014008
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC TOAN	*****485	1	EB10002205-EB10002205
CN NHA TRANG	NGUYEN DUC TOAN	*****266	1	CT10006756-CT10006756
PGD LIM	NGUYEN DUC TOAN	*****267	1	EB10002890-EB10002890

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGUYEN DUC TOAN	*****602	1	CT10042900-CT10042900
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUC TOAN	*****609	24	CT10161977-CT10162000
PGD QUANG PHU	NGUYEN DUC TOAN	*****872	1	EB10002040-EB10002040
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUC TRANG	*****418	24	CT10081090-CT10081113
PGD DIEN KHANH	NGUYEN DUC TRI	*****256	1	CT10047232-CT10047232
CN HAI AN	NGUYEN DUC TRONG	*****423	12	CT10064182-CT10064188; TD10005386-TD10005390
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC TRUNG	*****039	3	CT10139005-CT10139007
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUC TRUNG	*****055	1	CT10061159-CT10061159
CN VINH PHUC	NGUYEN DUC TRUNG	*****618	1	CT10007579-CT10007579
CN HAI DUONG	NGUYEN DUC TRUNG	*****787	56	DN10032858-DN10032907; EB10002986-EB10002986; TD10008996-TD10009000
PGD KIM VAN	NGUYEN DUC TRUNG	*****076	1	EB10002507-EB10002507
PGD Krong Nang	NGUYEN DUC TRUNG	*****679	50	DN10002448-DN10002497
CN DAI AN	NGUYEN DUC TRUNG	*****105	25	CT10119758-CT10119782
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC TRUONG	*****213	1	CT10055730-CT10055730
CN THANH XUAN	NGUYEN DUC TU	*****001	10	CT10161568-CT10161577
PGD LE LOI	NGUYEN DUC TUAN	*****230	3	CT10054542-CT10054544
CN HAI DUONG	NGUYEN DUC TUAN	*****188	35	DN10028666-DN10028695; TD10008491-TD10008495
CN CAN THO	NGUYEN DUC TUAN	*****331	1	CT10102053-CT10102053
PGD LE THANH TONG	NGUYEN DUC TUAN	*****885	8	CT10036206-CT10036213
CN HA NOI	NGUYEN DUC TUAN	*****170	13	CT10042119-CT10042121; TD10001411-TD10001420
CN LANG HA	NGUYEN DUC TUAN GIANG	*****339	1	CT10129447-CT10129447
CN DAI AN	NGUYEN DUC TUE	*****683	3	CT10134349-CT10134351
CN HAI PHONG	NGUYEN DUC TUE	*****846	1	CT10165145-CT10165145
PGD HA LONG	NGUYEN DUC TUNG	*****562	23	DN10047462-DN10047483; EB10000696-EB10000696
PGD LAN ONG	NGUYEN DUC TUNG	*****642	4	CT10042933-CT10042936
PGD SOC SON	NGUYEN DUC TUNG	*****700	1	EB10000751-EB10000751
PGD THAI THINH	NGUYEN DUC VIET	*****187	9	CT10112063-CT10112071
CN LONG BIEN	NGUYEN DUC VIET	*****392	9	CT10006062-CT10006070
PGD MY DINH	NGUYEN DUC VIET	*****637	1	CT10149184-CT10149184
PGD NGOC HOI	NGUYEN DUC VIET	*****841	1	CT10126378-CT10126378

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN DUC VIET QUANG	*****589	4	CT10080047-CT10080050
CN SO GIAO DICH	NGUYEN DUC VINH	*****526	3	CT10152683-CT10152685
CN TAN BINH	NGUYEN DUC VU	*****959	1	CT10028194-CT10028194
CN LANG HA	NGUYEN DUC VUONG	*****830	1	CT10090081-CT10090081
CN NGHE AN	NGUYEN DUNG HA	*****823	1	CT10138654-CT10138654
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN DUONG CAM ANH	*****726	1	EB10002752-EB10002752
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN DUONG DIEP	*****089	24	CT10026698-CT10026721
CN THANH XUAN	NGUYEN DUONG HA	*****573	5	CT10077972-CT10077976
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUONG HONG	*****362	14	CT10138199-CT10138212
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN DUONG TUNG	*****799	25	CT10109058-CT10109082
CN THANH XUAN	NGUYEN DUY	*****042	7	CT10110493-CT10110499
CN HA DONG	NGUYEN DUY ANH	*****113	22	CT10161749-CT10161770
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUY ANH	*****147	24	CT10116932-CT10116955
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUY ANH	*****340	9	CT10001341-CT10001349
PGD YEN PHU	NGUYEN DUY ANH	*****340	1	EB10003002-EB10003002
PGD HO DAC DI	NGUYEN DUY ANH	*****701	15	CT10136721-CT10136735
HUB PAYROLL MB	NGUYEN DUY ANH	*****908	15	CT10159732-CT10159746
PGD KIM VAN	NGUYEN DUY ANH	*****289	1	EB10002258-EB10002258
CN HAI AN	NGUYEN DUY BIEN	*****739	1	CT10078687-CT10078687
CN HAI DUONG	NGUYEN DUY BINH	*****355	2	CT10004719-CT10004720
CN THANH XUAN	NGUYEN DUY CHU	*****149	1	CT10112459-CT10112459
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN DUY CUONG	*****084	42	DN10000093-DN10000134
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUY CUONG	*****096	7	CT10026193-CT10026199
CN CAU GIAY	NGUYEN DUY CUONG	*****055	2	CT10102140-CT10102141
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUY DAT	*****766	5	CT10150319-CT10150323
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUY DAU	*****998	7	CT10128379-CT10128385
CN THAI NGUYEN	NGUYEN DUY DINH	*****996	1	EB10002430-EB10002430
PGD LANG THUONG	NGUYEN DUY DUC	*****243	19	CT10052305-CT10052323
CN BINH DUONG	NGUYEN DUY DUC	*****909	1	CT10074694-CT10074694
CN BAC NINH	NGUYEN DUY HA	*****645	3	CT10066903-CT10066905

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAM NGHI	NGUYEN DUY HAI	*****295	23	CT10122587-CT10122609
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DUY HAI	*****241	15	CT10123118-CT10123132
PGD TU SON	NGUYEN DUY HIEP	*****399	6	CT10069109-CT10069114
CN NGHE AN	NGUYEN DUY HIEU	*****879	2	CT10015444-CT10015445
PGD KIM VAN	NGUYEN DUY HOA	*****332	4	CT10125636-CT10125639
CN DAI AN	NGUYEN DUY HUNG	*****005	5	CT10072290-CT10072294
CN HA NOI	NGUYEN DUY HUNG	*****423	46	CT10039928-CT10039973
PGD HA LONG	NGUYEN DUY HUNG	*****585	1	CT10050229-CT10050229
PGD TAY HO	NGUYEN DUY HUNG	*****967	11	CT10149185-CT10149195
PGD TAY HO	NGUYEN DUY HUNG	*****436	14	CT10064828-CT10064841
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DUY HUNG	*****882	11	CT10076541-CT10076551
CN TAN PHU	NGUYEN DUY HUY	*****424	1	CT10123929-CT10123929
PGD YEN PHU	NGUYEN DUY KHANH	*****383	90	CT10081438-CT10081527
PGD TON DAN	NGUYEN DUY KHANH	*****913	7	CT10064084-CT10064090
CN DAI AN	NGUYEN DUY KHANH	*****669	77	DN10107908-DN10107984
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUY KHANH	*****843	4	CT10163217-CT10163220
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUY KHOI	*****060	25	CT10008783-CT10008807
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUY KIEN	*****886	48	CT10152440-CT10152487
PGD HAM NGHI	NGUYEN DUY LAN	*****470	5	CT10134680-CT10134684
SEABANK LE DUAN	NGUYEN DUY LINH	*****354	5	CT10021851-CT10021855
PGD MY CA	NGUYEN DUY LINH	*****831	15	CT10014663-CT10014677
PGD QUANG PHU	NGUYEN DUY LINH	*****939	1	EB10001136-EB10001136
CN DONG DA	NGUYEN DUY LONG	*****159	11	CT10021199-CT10021209
PGD LE THAI TO	NGUYEN DUY LONG	*****685	7	CT10003284-CT10003290
CN HAI PHONG	NGUYEN DUY LONG	*****139	7	CT10129796-CT10129802
CN DAI AN	NGUYEN DUY LUA	*****571	49	CT10114940-CT10114988
CN NHA TRANG	NGUYEN DUY MINH	*****904	1	EB10001197-EB10001197
PGD QUAN 10	NGUYEN DUY MINH	*****916	10	CT10100196-CT10100205
PGD VAN XUAN	NGUYEN DUY NAM	*****414	7	CT10097610-CT10097616
PGD VAN XUAN	NGUYEN DUY NGHIA	*****779	15	CT10076074-CT10076088
CN DA NANG	NGUYEN DUY NGUYEN	*****977	4	CT10143688-CT10143691
PGD AU CO	NGUYEN DUY NHAN HAU	*****419	2	CT10133743-CT10133744

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN QUANG NGAI	NGUYEN DUY NHAT	*****986	1	CT10028425-CT10028425
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUY NHAT LINH	*****958	2	CT10044897-CT10044898
CN NHA TRANG	NGUYEN DUY PHUONG	*****069	4	CT10109442-CT10109445
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN DUY PHUONG	*****249	1	EB10002864-EB10002864
CN BINH DUONG	NGUYEN DUY PHUONG	*****640	2	CT10097353-CT10097354
CN SAI GON	NGUYEN DUY PHUONG	*****935	14	CT10135305-CT10135318
CN TAN BINH	NGUYEN DUY PHUONG	*****972	1	EB10000451-EB10000451
CN QUANG NINH	NGUYEN DUY QUAN	*****207	5	CT10137440-CT10137444
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUY QUANG	*****679	1	EB10001915-EB10001915
CN HA DONG	NGUYEN DUY QUANG	*****012	24	CT10132343-CT10132366
CN HUE	NGUYEN DUY QUANG	*****030	1	CT10121058-CT10121058
CN NHA TRANG	NGUYEN DUY QUANG	*****942	1	EB10000067-EB10000067
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DUY QUYNH	*****027	4	CT10003279-CT10003282
CN HA DONG	NGUYEN DUY SON	*****351	40	CT10008047-CT10008086
PGD BA TRIEU	NGUYEN DUY SON	*****749	1	CT10127006-CT10127006
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN DUY TAN	*****098	4	CT10059436-CT10059439
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUY TAN	*****703	8	CT10152867-CT10152874
CN HA TINH	NGUYEN DUY TAN	*****308	14	CT10085312-CT10085325
PGD HO DAC DI	NGUYEN DUY THAI	*****874	5	CT10104187-CT10104191
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN DUY THANG	*****600	12	CT10103347-CT10103358
PGD AU CO	NGUYEN DUY THANG	*****656	3	CT10083607-CT10083609
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN DUY THANH	*****021	10	DN10026086-DN10026094; EB10002804-EB10002804
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN DUY THANH	*****331	23	CT10129342-CT10129364
CN HAI PHONG	NGUYEN DUY THANH	*****835	2	CT10056144-CT10056145
CN THANH XUAN	NGUYEN DUY THANH	*****600	2	CT10082914-CT10082915
PGD VAN XUAN	NGUYEN DUY THUC	*****452	19	CT10084398-CT10084416

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN DUY TIEN	*****976	232	DN10099412-DN10099637; EB10001092-EB10001092; TD10002841-TD10002845
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN DUY TOAI	*****979	4	CT10067431-CT10067434
PGD LE CHAN	NGUYEN DUY TRANG	*****040	1	CT10153336-CT10153336
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN DUY TRUNG	*****941	16	CT10058914-CT10058929
CN LANG HA	NGUYEN DUY TRUNG HIEU	*****978	1	CT10141226-CT10141226
PGD QUAN THANH	NGUYEN DUY TU	*****071	1	CT10060656-CT10060656
PGD TAY HO	NGUYEN DUY TUAN	*****210	5	CT10155669-CT10155673
PGD BA TRIEU	NGUYEN DUY TUONG	*****315	7	CT10162662-CT10162668
CN DONG NAI	NGUYEN DUY TUYEN	*****587	6	CT10100133-CT10100138
CN NHA TRANG	NGUYEN ECHAM LIBAN	*****639	1	EB10003230-EB10003230
PGD YEN PHU	NGUYEN GIA CHIEN	*****309	1	CT10011318-CT10011318
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN GIA DU	*****390	4	CT10020291-CT10020294
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN GIA HAI	*****516	5	CT10106287-CT10106291
PGD QUAN 7	NGUYEN GIA HUNG	*****030	1	EB10002832-EB10002832
CN NHA TRANG	NGUYEN GIA HUNG	*****681	1	EB10001389-EB10001389
CN PHU MY HUNG	NGUYEN GIA HUY CHUONG	*****428	2	CT10083289-CT10083290
PGD LE VAN SY	NGUYEN GIA LINH	*****122	1	EB10000071-EB10000071
CN SO GIAO DICH	NGUYEN GIA LONG	*****493	16	CT10155503-CT10155518
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN GIA THACH	*****469	2	CT10018651-CT10018652
CN CAU GIAY	NGUYEN GIA THANH	*****821	1	CT10001957-CT10001957
CN DONG DA	NGUYEN GIANG HUONG	*****945	1	CT10059064-CT10059064
CN LANG HA	NGUYEN GIANG NAM	*****766	1	CT10028465-CT10028465
CN DONG DA	NGUYEN GIANG TIEN	*****076	10	TD10008786-TD10008795
CN LONG BIEN	NGUYEN HA DUNG	*****573	50	CT10138660-CT10138709
PGD BACH MAI	NGUYEN HA DUONG	*****011	20	CT10003328-CT10003347
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HA GIANG	*****149	2	CT10124598-CT10124599
CN QUANG NINH	NGUYEN HA HAI	*****931	3	CT10068811-CT10068813
PGD HAO NAM	NGUYEN HA HANH	*****111	1	EB10000170-EB10000170

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	NGUYEN HA LIEN	*****468	8	CT10042251-CT10042253; TD10001296-TD10001300
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HA LINH	*****281	1	CT10104649-CT10104649
CN HAI AN	NGUYEN HA MY	*****761	2	CT10163946-CT10163947
CN DAI AN	NGUYEN HA NAM	*****544	3	CT10137224-CT10137226
CN HA DONG	NGUYEN HA NAM	*****604	2	CT10085337-CT10085338
CN NHA TRANG	NGUYEN HA NHU LANG	*****945	1	EB10000090-EB10000090
PGD VAN QUAN	NGUYEN HA THANG	*****410	1	CT10113796-CT10113796
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HA THANH	*****134	25	CT10106118-CT10106142
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN HA THU	*****465	9	CT10096969-CT10096977
CN DAI AN	NGUYEN HA TRANG	*****966	2	CT10059376-CT10059377
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HA TRUNG	*****796	24	CT10075886-CT10075909
CN SAI GON	NGUYEN HA VI	*****489	10	CT10007706-CT10007715
CN CAU GIAY	NGUYEN HAI	*****140	19	CT10050026-CT10050044
CN HAI AN	NGUYEN HAI ANH	*****327	2	CT10046025-CT10046026
PGD THANH CONG	NGUYEN HAI ANH	*****605	75	CT10028795-CT10028869
CN BAC NINH	NGUYEN HAI ANH	*****609	1	CT10144057-CT10144057
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HAI ANH	*****935	10	CT10150826-CT10150835
CN NHA TRANG	NGUYEN HAI BAC	*****622	1	EB10000544-EB10000544
CN BAC NINH	NGUYEN HAI BANG	*****164	2	CT10016631-CT10016632
CN HAI PHONG	NGUYEN HAI BINH	*****053	12	CT10088561-CT10088572
PGD THANH CONG	NGUYEN HAI CHI	*****993	3	CT10094119-CT10094121
PGD MY DINH	NGUYEN HAI CHUNG	*****017	2	CT10083536-CT10083537
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HAI DANG	*****011	20	CT10044098-CT10044112; TD10001526-TD10001530
CN DONG DA	NGUYEN HAI DANG	*****312	40	CT10037921-CT10037960
CN DONG DA	NGUYEN HAI DANG	*****496	10	CT10007436-CT10007445
CN CA MAU	NGUYEN HAI DANG	*****091	1	EB10003261-EB10003261
PGD QUAN 11	NGUYEN HAI DANG	*****951	1	CT10082894-CT10082894
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HAI DONG	*****529	5	CT10047832-CT10047836
PGD THANH CONG	NGUYEN HAI DUONG	*****745	54	CT10143918-CT10143971
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HAI DUONG	*****646	1	EB10000946-EB10000946
CN TAN BINH	NGUYEN HAI DUONG	*****710	2	CT10056502-CT10056503

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGUYEN HAI GIANG	*****528	2	CT10095117-CT10095118
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HAI HA	*****076	7	CT10088902-CT10088908
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HAI HA	*****815	1	CT10000765-CT10000765
PGD HAO NAM	NGUYEN HAI HA	*****055	12	CT10103283-CT10103294
CN QUANG NINH	NGUYEN HAI HA	*****773	1	CT10077134-CT10077134
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HAI LAN	*****901	6	CT10009286-CT10009291
PGD TRAN PHU	NGUYEN HAI LINH	*****986	2	CT10128560-CT10128561
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HAI LONG	*****083	41	CT10038721-CT10038761
CN HA NOI	NGUYEN HAI LONG	*****921	50	CT10029392-CT10029441
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN HAI LY	*****361	32	CT10000657-CT10000688
PGD DAI KIM	NGUYEN HAI LY	*****503	1	CT10163333-CT10163333
PGD VAN XUAN	NGUYEN HAI MINH	*****677	1	CT10099641-CT10099641
CN HA NOI	NGUYEN HAI NAM	*****354	9	CT10108113-CT10108121
PGD THANH CONG	NGUYEN HAI NAM	*****412	1	CT10144797-CT10144797
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HAI NAM	*****414	25	CT10137143-CT10137167
CN DAI AN	NGUYEN HAI NAM	*****498	14	CT10088601-CT10088614
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN HAI NAM	*****735	150	CT10142094-CT10142243
CN DAI AN	NGUYEN HAI NAM	*****252	4	CT10076854-CT10076857
PGD TO HIEU	NGUYEN HAI NAM	*****463	70	CT10001893-CT10001897; DN10008258-DN10008322
PGD SOC SON	NGUYEN HAI NAM	*****508	1	CT10035192-CT10035192
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HAI NAM	*****705	1	CT10152149-CT10152149
PGD HO DAC DI	NGUYEN HAI NINH	*****919	99	CT10131214-CT10131312
PGD HO GUOM	NGUYEN HAI PHONG	*****633	1	EB10000274-EB10000274
PGD HA LONG	NGUYEN HAI PHUONG	*****512	7	DN10032908-DN10032914
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN HAI SON	*****139	10	CT10037457-CT10037466
CN HAI PHONG	NGUYEN HAI SON	*****508	8	CT10021150-CT10021157
PGD VINH HOANG	NGUYEN HAI THANH	*****139	1	EB10000394-EB10000394
CN LANG HA	NGUYEN HAI THINH	*****617	12	CT10102980-CT10102991
CN THANH XUAN	NGUYEN HAI TIEN	*****900	50	CT10056605-CT10056654
CN DAI AN	NGUYEN HAI TRIEU	*****065	7	CT10025449-CT10025455
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN HAI TU	*****296	2	CT10050004-CT10050005

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN HAI VAN	*****575	8	CT10028587-CT10028594
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN HAI YEN	*****276	3	CT10128600-CT10128602
CN HA NOI	NGUYEN HAI YEN	*****974	20	CT10014687-CT10014706
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HAI YEN	*****099	1	CT10096744-CT10096744
PGD MY DINH	NGUYEN HAI YEN	*****191	6	CT10124284-CT10124284; TD10004666-TD10004670
CN DONG DA	NGUYEN HAI YEN	*****568	5	TD10003701-TD10003705
CN HA NOI	NGUYEN HAI YEN	*****968	9	CT10119091-CT10119099
CN HUE	NGUYEN HANG TAM NHU	*****092	1	CT10126864-CT10126864
CN QUANG NGAI	NGUYEN HANH DUYEN	*****241	2	CT10090619-CT10090620
CN VINH PHUC	NGUYEN HANH LOAN	*****402	15	CT10034601-CT10034615
SEABANK LE DUAN	NGUYEN HAO HIEP	*****458	10	CT10092606-CT10092615
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HAU GIANG	*****493	23	CT10158477-CT10158499
CN SAI GON	NGUYEN HIEN ANH THU	*****209	2	CT10123164-CT10123165
CN HA DONG	NGUYEN HIEN LUONG	*****356	8	CT10008701-CT10008708
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HIEN LUONG	*****863	7	CT10061876-CT10061882
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HIEN NGHIA	*****808	5	CT10068697-CT10068701
CN HAI AN	NGUYEN HIEN PHAP	*****164	17	CT10046759-CT10046775
PGD VAN XUAN	NGUYEN HIEN TAI	*****829	20	CT10029680-CT10029699
PGD HAO NAM	NGUYEN HIEN TRANG	*****611	2	CT10046895-CT10046896
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HIEU	*****036	14	CT10022800-CT10022813
CN DAI AN	NGUYEN HIEU MINH	*****019	1	CT10078662-CT10078662
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN HIEU TOAN	*****481	2	CT10012004-CT10012005
CN NHA TRANG	NGUYEN HO HOANG CAM	*****402	1	EB10000617-EB10000617
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HO HOANG THANH	*****557	1	EB10001906-EB10001906
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN HO NAM	*****524	28	CT10139285-CT10139312

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HOA BINH	*****907	21	CT10155326-CT10155346
CN TAN THANH	NGUYEN HOA THUAN	*****106	1	CT10068702-CT10068702
CN THANH XUAN	NGUYEN HOAI	*****854	4	CT10102976-CT10102979
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HOAI AN	*****638	2	CT10071922-CT10071923
CN BINH DINH	NGUYEN HOAI HAO	*****528	19	DN10061705-DN10061723
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HOAI LE	*****574	1	CT10037996-CT10037996
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOAI NAM	*****050	9	CT10156956-CT10156964
CN THANH XUAN	NGUYEN HOAI NAM	*****620	14	CT10116801-CT10116814
CN HAI PHONG	NGUYEN HOAI NAM	*****663	9	CT10087698-CT10087706
PGD YEN PHU	NGUYEN HOAI NAM	*****650	30	CT10006310-CT10006339
CN SAI GON	NGUYEN HOAI NAM	*****923	1	CT10129300-CT10129300
PGD XUAN KHANH	NGUYEN HOAI PHUONG	*****283	2	CT10134951-CT10134952
PGD QUAN 10	NGUYEN HOAI THU	*****724	4	CT10002040-CT10002043
PGD TRAN PHU	NGUYEN HOAI THU	*****026	1	EB10000179-EB10000179
PGD NGOC LAM	NGUYEN HOAI THU	*****121	9	CT10105164-CT10105172
PGD HUNG VUONG	NGUYEN HOAI THUONG	*****598	1	EB10002698-EB10002698
CN DA NANG	NGUYEN HOAI THUONG	*****315	1	CT10038131-CT10038131
CN SAI GON	NGUYEN HOAI THUONG	*****812	23	CT10130676-CT10130698
SEABANK LE DUAN	NGUYEN HOAI VINH	*****524	1	CT10019735-CT10019735
PGD SOC SON	NGUYEN HOAI VU	*****476	1	EB10001998-EB10001998
CN TAN BINH	NGUYEN HOAN PHUC CHAU	*****291	5	TD10003316-TD10003320
CN TIEN GIANG	NGUYEN HOANG AN	*****021	3	CT10058765-CT10058767
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG ANH	*****032	35	CT10011929-CT10011963
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN HOANG ANH	*****437	1	EB10000062-EB10000062
PGD MY DINH	NGUYEN HOANG ANH	*****806	1	CT10160215-CT10160215
CN DAI AN	NGUYEN HOANG ANH	*****292	1	CT10140280-CT10140280
CN DAI AN	NGUYEN HOANG ANH	*****312	20	CT10109721-CT10109740
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG ANH	*****402	1	CT10154302-CT10154302
PGD THANH CONG	NGUYEN HOANG ANH	*****565	1	CT10028048-CT10028048

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	NGUYEN HOANG ANH	*****968	3	CT10120073-CT10120075
PGD BOTANIC	NGUYEN HOANG ANH HAI	*****703	1	CT10095764-CT10095764
CN SAI GON	NGUYEN HOANG ANH THU	*****153	14	CT10162001-CT10162014
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG ANH THUAN	*****055	4	CT10132128-CT10132131
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HOANG ANH TUAN	*****182	11	CT10017014-CT10017024
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG ANH TUAN	*****200	6	CT10121052-CT10121057
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG BAO QUOC	*****477	1	EB10003353-EB10003353
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG BAO UYEN	*****545	1	EB10003182-EB10003182
PGD XUAN KHANH	NGUYEN HOANG BUU	*****493	1	CT10092443-CT10092443
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG CHAU	*****495	1	EB10000973-EB10000973
PGD VAN XUAN	NGUYEN HOANG DAT	*****269	10	CT10041447-CT10041456
PGD KHAM THIEN	NGUYEN HOANG DIEP	*****805	12	CT10118937-CT10118948
CN DAI AN	NGUYEN HOANG DIEU LINH	*****214	2	CT10083815-CT10083816
CN PHU MY HUNG	NGUYEN HOANG DUNG	*****011	2	CT10112082-CT10112083
PGD DI AN	NGUYEN HOANG DUNG	*****548	101	DN10090170-DN10090269; EB10002268-EB10002268
PGD DA KAO	NGUYEN HOANG DUNG	*****799	10	CT10091441-CT10091450
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOANG DUONG	*****126	17	CT10100984-CT10101000
CN DAI AN	NGUYEN HOANG DUONG	*****184	11	CT10137346-CT10137356
PGD HANG KENH	NGUYEN HOANG DUY	*****600	7	CT10049912-CT10049918
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HOANG GIANG	*****687	24	CT10060176-CT10060199
CN DAI AN	NGUYEN HOANG GIANG	*****256	15	CT10013971-CT10013985
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HOANG HA	*****065	3	CT10038956-CT10038958
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HOANG HAI	*****188	46	CT10113361-CT10113406

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	NGUYEN HOANG HAI	*****270	4	CT10055956-CT10055959
CN THANH XUAN	NGUYEN HOANG HAI	*****636	18	CT10019460-CT10019476; EB10003047-EB10003047
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN HOANG HAI	*****761	10	CT10041242-CT10041251
PGD QUAN 10	NGUYEN HOANG HAI	*****993	81	CT10122818-CT10122822; DN10089267-DN10089336; EB10002228-EB10002228; TD10004531-TD10004535
PGD THANG LONG	NGUYEN HOANG HIEU	*****936	2	CT10048272-CT10048273
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HOANG HONG HANH	*****808	1	CT10157073-CT10157073
PGD QUAN 7	NGUYEN HOANG HUAN	*****449	1	EB10002833-EB10002833
PGD THANH CONG	NGUYEN HOANG HUNG	*****008	99	CT10126554-CT10126652
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG HUU	*****241	5	TD10002981-TD10002985
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG HUY	*****161	1	EB10001069-EB10001069
PGD DAO TAN	NGUYEN HOANG HUY CONG	*****432	5	TD10006086-TD10006090
CN BINH DUONG	NGUYEN HOANG KHOA	*****504	1	EB10002230-EB10002230
CN THANH XUAN	NGUYEN HOANG LAM	*****577	2	CT10066372-CT10066373
CN DA NANG	NGUYEN HOANG LAM	*****728	4	CT10090180-CT10090183
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HOANG LINH	*****613	25	CT10119127-CT10119151
PGD SAI DONG	NGUYEN HOANG LINH	*****825	4	CT10078175-CT10078178
CN HAI PHONG	NGUYEN HOANG LINH CHI	*****398	8	CT10134314-CT10134321
CN HAI AN	NGUYEN HOANG LOC	*****618	11	CT10135261-CT10135271
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HOANG LONG	*****267	2	CT10079453-CT10079454
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HOANG LONG	*****361	3	CT10018855-CT10018857
CN CAU GIAY	NGUYEN HOANG LONG	*****398	5	CT10126270-CT10126274
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOANG LONG	*****586	9	CT10079519-CT10079527

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HOANG LONG	*****730	4	CT10138655-CT10138658
CN TAN BINH	NGUYEN HOANG LONG	*****155	8	CT10095525-CT10095532
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOANG LONG	*****179	4	CT10110592-CT10110595
CN HAI AN	NGUYEN HOANG LONG	*****221	11	CT10153241-CT10153251
CN THANH XUAN	NGUYEN HOANG LONG	*****432	9	CT10062705-CT10062713
CN TIEN GIANG	NGUYEN HOANG LONG	*****787	8	CT10004170-CT10004177
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG LONG	*****994	2	CT10039252-CT10039253
CN LANG HA	NGUYEN HOANG LONG	*****034	1	CT10141866-CT10141866
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HOANG LUAN	*****316	30	CT10090090-CT10090119
HUB PAYROLL MN	NGUYEN HOANG MAI PHUONG	*****519	5	CT10072469-CT10072473
CN CAN THO	NGUYEN HOANG MINH	*****055	5	CT10004165-CT10004169
CN PHU MY HUNG	NGUYEN HOANG MINH	*****318	3	CT10102092-CT10102094
CN TAN PHU	NGUYEN HOANG MINH	*****585	2	CT10015446-CT10015447
CN CAN THO	NGUYEN HOANG MINH	*****413	1	CT10074441-CT10074441
CN THANH HOA	NGUYEN HOANG MINH	*****943	1	CT10056602-CT10056602
PGD HAM NGHI	NGUYEN HOANG MINH	*****958	1	CT10036214-CT10036214
CN HUE	NGUYEN HOANG MY PHUONG	*****430	1	CT10055370-CT10055370
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HOANG NAM	*****125	10	DN10007113-DN10007122
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG NAM	*****038	1	CT10073417-CT10073417
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HOANG NAM	*****426	49	CT10005076-CT10005124
PGD DI AN	NGUYEN HOANG NAM	*****484	25	CT10137947-CT10137971
HUB THE CHAP MN	NGUYEN HOANG NHAN	*****450	7	CT10164143-CT10164149
PGD AU CO	NGUYEN HOANG NHU NGUYET	*****856	8	CT10013130-CT10013137

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN HOANG OANH	*****141	2	CT10076448-CT10076449
CN TAN THANH	NGUYEN HOANG PHI	*****592	1	CT10071700-CT10071700
CN TAN PHU	NGUYEN HOANG PHI	*****424	1	CT10088927-CT10088927
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN HOANG PHONG	*****231	9	CT10028086-CT10028094
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG PHUC	*****043	1	EB10000068-EB10000068
CN HA DONG	NGUYEN HOANG PHUONG	*****355	1	CT10050739-CT10050739
CN AN GIANG	NGUYEN HOANG PHUONG	*****808	11	CT10060220-CT10060225; TD10004371-TD10004375
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HOANG QUAN	*****821	3	CT10107771-CT10107773
CN TAN PHU	NGUYEN HOANG QUOC	*****002	1	CT10137463-CT10137463
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOANG QUYET	*****448	10	CT10076561-CT10076570
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HOANG SANG	*****193	1	CT10151608-CT10151608
CN HA NOI	NGUYEN HOANG SON	*****932	10	TD10002966-TD10002975
PGD THANH CONG	NGUYEN HOANG SON	*****466	24	CT10126425-CT10126448
PGD SO SAO	NGUYEN HOANG SON	*****920	41	DN10083113-DN10083143; TD10003691-TD10003700
PGD SOC SON	NGUYEN HOANG TAM	*****715	15	CT10056023-CT10056037
PGD QUAN 10	NGUYEN HOANG TAN	*****019	20	CT10136125-CT10136144
CN BINH DUONG	NGUYEN HOANG TAN	*****824	1	EB10002047-EB10002047
CN SAI GON	NGUYEN HOANG THAI PHUONG	*****894	22	CT10016001-CT10016022
PGD HAN THUYEN	NGUYEN HOANG THANG	*****254	1	EB10002512-EB10002512
CN TAN BINH	NGUYEN HOANG THANH	*****180	8	CT10159595-CT10159602
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HOANG THANH	*****564	2	CT10044856-CT10044857
CN TAN BINH	NGUYEN HOANG THANH PHONG	*****202	5	CT10051040-CT10051044
CN DA NANG	NGUYEN HOANG THANH TINH	*****182	10	CT10052415-CT10052424

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HONG BANG	NGUYEN HOANG THAO	*****729	12	CT10130225-CT10130228; DN10002292-DN10002294; TD10005691-TD10005695
CN DA NANG	NGUYEN HOANG THAO NGUYEN	*****534	5	CT10001114-CT10001118
CN TAN PHU	NGUYEN HOANG THAO TRAN	*****822	1	EB10001903-EB10001903
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG THAO UYEN	*****223	1	EB10000575-EB10000575
CN CAN THO	NGUYEN HOANG THI	*****388	10	CT10117869-CT10117878
CN NHA TRANG	NGUYEN HOANG THI	*****583	1	EB10002799-EB10002799
CN CA MAU	NGUYEN HOANG THUONG	*****254	1	CT10071372-CT10071372
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HOANG THUY	*****001	29	CT10118775-CT10118803
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HOANG THUY LIEN	*****912	18	CT10158733-CT10158750
CN TAN PHU	NGUYEN HOANG TIEN	*****033	1	CT10042483-CT10042483
PGD HAI DANG	NGUYEN HOANG TRUNG	*****294	5	CT10031291-CT10031295
PGD THANH CONG	NGUYEN HOANG TRUNG	*****470	2	CT10066670-CT10066671
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN HOANG TRUNG	*****481	25	CT10026780-CT10026804
PGD XUAN LA	NGUYEN HOANG TRUNG	*****655	20	CT10135168-CT10135187
CN LANG HA	NGUYEN HOANG TU	*****039	1	CT10134099-CT10134099
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HOANG TUAN	*****364	7	CT10055607-CT10055613
PGD TAY HO	NGUYEN HOANG TUAN	*****800	20	CT10047874-CT10047893
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HOANG TUNG	*****833	13	DN10064960-DN10064972
CN HAI AN	NGUYEN HOANG VIEN	*****454	10	CT10058980-CT10058989
CN LONG BIEN	NGUYEN HOANG VIET	*****605	23	CT10114596-CT10114607; EB10001114-EB10001114; TD10002751-TD10002760
PGD DAO TAN	NGUYEN HOANG VU	*****689	5	TD10001946-TD10001950
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN HOANG VY	*****782	1	CT10030479-CT10030479

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN HOANG VY	*****073	46	CT10022226-CT10022271
CN LANG HA	NGUYEN HOANG YEN	*****273	25	TD10007236-TD10007260
PGD XUAN KHANH	NGUYEN HOANG YEN	*****282	1	EB10002604-EB10002604
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN HOANG YEN	*****599	2	CT10047440-CT10047441
PGD THANH CONG	NGUYEN HOANG YEN	*****849	70	CT10002293-CT10002362
PGD HUNG VUONG	NGUYEN HOANG YEN	*****304	2	CT10068734-CT10068735
CN DAK LAK	NGUYEN HOANG YEN NHI	*****148	12	CT10051907-CT10051918
PGD VAN XUAN	NGUYEN HOC NGA	*****306	20	CT10002448-CT10002467
PGD KIM VAN	NGUYEN HONG ANH	*****102	1	CT10095032-CT10095032
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN HONG ANH	*****682	2	CT10041766-CT10041767
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HONG ANH	*****699	1	EB10001999-EB10001999
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG CUONG	*****653	1	CT10039745-CT10039745
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HONG DANG	*****518	1	CT10150372-CT10150372
PGD DAO TAN	NGUYEN HONG DIEU	*****693	8	CT10149585-CT10149592
PGD AU CO	NGUYEN HONG DU	*****968	1	CT10151252-CT10151252
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HONG DUNG	*****944	12	CT10059804-CT10059815
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG DUONG	*****604	24	CT10165474-CT10165497
PGD THAI THINH	NGUYEN HONG HA	*****571	13	CT10101298-CT10101305; TD10000621-TD10000625
PGD HO GUOM	NGUYEN HONG HA	*****148	5	CT10033102-CT10033106
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG HAI	*****021	3	CT10007964-CT10007966
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG HAI	*****264	10	CT10061110-CT10061119
CN DONG DA	NGUYEN HONG HAI	*****482	30	CT10133583-CT10133612
CN DA NANG	NGUYEN HONG HAI	*****658	2	CT10035530-CT10035531
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HONG HAI	*****487	1	CT10132668-CT10132668
CN DONG DA	NGUYEN HONG HANH	*****285	24	CT10063894-CT10063917
PGD BACH MAI	NGUYEN HONG HANH	*****520	1	EB10002363-EB10002363
PGD DAO TAN	NGUYEN HONG HANH	*****718	149	CT10015651-CT10015799
CN DAI AN	NGUYEN HONG HANH	*****775	18	CT10075867-CT10075879; TD10007856-TD10007860
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HONG HANH	*****840	24	CT10093332-CT10093355
CN DONG DA	NGUYEN HONG HANH	*****876	3	CT10031542-CT10031544

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN HONG HANH	*****078	1	EB10001756-EB10001756
CN BAC NINH	NGUYEN HONG HANH	*****551	5	CT10104014-CT10104018
PGD TU SON	NGUYEN HONG HANH	*****551	7	DN10019220-DN10019226
PGD BOTANIC	NGUYEN HONG HANH	*****869	10	CT10053711-CT10053720
PGD HA LONG	NGUYEN HONG HIEP	*****743	10	CT10158568-CT10158572; TD10003991-TD10003995
CN NGHE AN	NGUYEN HONG KHANH	*****874	1	CT10162358-CT10162358
PGD PHU HUNG	NGUYEN HONG KHANH LINH	*****474	1	EB10002638-EB10002638
CN VUNG TAU	NGUYEN HONG KHIEM	*****888	2	CT10091689-CT10091690
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG KY	*****405	20	CT10010688-CT10010707
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG LAM	*****337	48	CT10084491-CT10084538
CN CAN THO	NGUYEN HONG LAN TIEN	*****701	2	CT10134476-CT10134477
CN DONG DA	NGUYEN HONG LE	*****824	5	TD10005741-TD10005745
PGD TU SON	NGUYEN HONG LICH	*****586	1	EB10000326-EB10000326
PGD TRUNG NHI	NGUYEN HONG LINH	*****067	4	CT10076184-CT10076187
PGD KIM VAN	NGUYEN HONG LINH	*****544	39	CT10102095-CT10102133
PGD HO DAC DI	NGUYEN HONG LOC	*****812	28	CT10106935-CT10106962
CN DAI AN	NGUYEN HONG LONG	*****472	1	CT10112686-CT10112686
CN HA DONG	NGUYEN HONG LONG	*****928	20	CT10147620-CT10147639
CN DAK LAK	NGUYEN HONG LUONG	*****233	13	CT10031479-CT10031491
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HONG LUONG	*****981	13	CT10122574-CT10122586
CN HUE	NGUYEN HONG LY	*****045	25	CT10018189-CT10018213
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG MINH	*****054	7	CT10050346-CT10050352
CN TAN PHU	NGUYEN HONG MINH	*****645	1	CT10109057-CT10109057
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG MINH	*****783	24	CT10101369-CT10101392
PGD TAY HO	NGUYEN HONG NAM	*****082	49	CT10041010-CT10041058
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HONG NGA	*****827	4	CT10017516-CT10017519
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN HONG NGHI	*****929	4	CT10053960-CT10053963

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD YEN PHU	NGUYEN HONG NGOC	*****543	15	CT10090193-CT10090207
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN HONG NGUYEN	*****626	47	CT10060706-CT10060752
CN CAN THO	NGUYEN HONG NHAN	*****677	1	EB10001294-EB10001294
CN CA MAU	NGUYEN HONG NHIEU	*****450	3	CT10082197-CT10082199
CN DAK LAK	NGUYEN HONG NHU Y	*****134	1	EB10000243-EB10000243
CN CAU GIAY	NGUYEN HONG NHUNG	*****740	50	CT10120851-CT10120900
CN TAN BINH	NGUYEN HONG NHUNG	*****287	5	TD10009756-TD10009760
PGD KHAM THIEN	NGUYEN HONG NHUNG	*****484	5	CT10067032-CT10067036
CN TAN PHU	NGUYEN HONG NHUNG	*****488	1	CT10031844-CT10031844
PGD DAO TAN	NGUYEN HONG NHUNG	*****846	1	CT10042409-CT10042409
CN QUANG NINH	NGUYEN HONG PHONG	*****308	1	CT10052414-CT10052414
CN TAN THANH	NGUYEN HONG PHUC	*****266	3	CT10101715-CT10101717
CN HAI PHONG	NGUYEN HONG PHUC	*****355	10	DN10073881-DN10073890
CN HA NOI	NGUYEN HONG PHUC	*****111	18	CT10129143-CT10129160
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG PHUONG	*****122	2	CT10019237-CT10019238
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN HONG PHUONG	*****604	2	CT10055719-CT10055720
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG PHUONG	*****817	2	CT10146316-CT10146317
CN DAI AN	NGUYEN HONG PHUONG LAN	*****222	51	CT10125040-CT10125080; TD10004616-TD10004625
CN BINH DUONG	NGUYEN HONG QUAN	*****330	2	CT10031646-CT10031647
PGD XUAN LA	NGUYEN HONG QUAN	*****445	53	CT10065130-CT10065182
CN NGHE AN	NGUYEN HONG QUAN	*****093	15	CT10024964-CT10024978
CN VINH PHUC	NGUYEN HONG QUAN	*****599	7	CT10092599-CT10092605
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN HONG QUANG	*****037	1	CT10113587-CT10113587
CN DAI AN	NGUYEN HONG QUANG	*****112	3	CT10099704-CT10099706
CN HA DONG	NGUYEN HONG SON	*****066	3	CT10147889-CT10147891
PGD QUAN 11	NGUYEN HONG SON	*****159	1	EB10001846-EB10001846
CN SAI GON	NGUYEN HONG SON	*****426	1	EB10001404-EB10001404

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HONG SON	*****472	10	CT10051309-CT10051318
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HONG SON	*****619	1	EB10000173-EB10000173
PGD HAO NAM	NGUYEN HONG SON	*****684	5	TD10007496-TD10007500
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HONG TAM	*****830	2	CT10119260-CT10119261
PGD MY DINH	NGUYEN HONG THAI	*****535	20	CT10117370-CT10117389
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HONG THAI	*****598	2	CT10140834-CT10140835
PGD XUAN LA	NGUYEN HONG THI	*****523	38	CT10039053-CT10039069; DN10066296-DN10066311; TD10001236-TD10001240
CN BINH DUONG	NGUYEN HONG THO	*****389	1	EB10001317-EB10001317
CN HA DONG	NGUYEN HONG THU	*****760	5	TD10002126-TD10002130
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HONG THU	*****760	20	CT10073645-CT10073664
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGUYEN HONG THUONG	*****297	1	EB10002027-EB10002027
CN HA DONG	NGUYEN HONG TIEN	*****152	35	CT10020577-CT10020611
CN THAI NGUYEN	NGUYEN HONG TIEN	*****460	11	CT10094943-CT10094953
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HONG TUAN	*****556	25	CT10042849-CT10042873
CN LANG HA	NGUYEN HONG TUYET TRINH	*****772	5	CT10133745-CT10133749
CN LANG HA	NGUYEN HONG VAN	*****569	14	CT10042059-CT10042072
PGD HAO NAM	NGUYEN HONG VAN	*****671	5	CT10000798-CT10000802
CN NGHE AN	NGUYEN HONG VINH	*****470	6	CT10144470-CT10144475
CN TAN BINH	NGUYEN HUA KIEU ANH THO	*****454	7	CT10121757-CT10121758; TD10003756-TD10003760
CN BAC NINH	NGUYEN HUE ANH	*****503	1	EB10000606-EB10000606
CN DA NANG	NGUYEN HUNG	*****103	4	CT10161227-CT10161230
CN HA DONG	NGUYEN HUNG CUONG	*****065	49	CT10083968-CT10084016
PGD XUAN LA	NGUYEN HUNG CUONG	*****076	50	CT10050748-CT10050797
CN DAI AN	NGUYEN HUNG CUONG	*****550	1	CT10135367-CT10135367
PGD BACH MAI	NGUYEN HUNG CUONG	*****322	34	CT10116254-CT10116287
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN HUNG CUONG	*****610	2	CT10148165-CT10148166
PGD MY DINH	NGUYEN HUNG DUNG	*****047	80	CT10068282-CT10068361

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	NGUYEN HUNG MINH	*****597	40	CT10155209-CT10155248
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HUNG PHUC	*****262	9	CT10029608-CT10029616
CN HA NOI	NGUYEN HUNG SON	*****040	21	CT10139885-CT10139905
PGD LANG THUONG	NGUYEN HUNG TUAN	*****870	52	CT10074232-CT10074283
CN HAI PHONG	NGUYEN HUNG VIET	*****794	1	CT10151329-CT10151329
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN HUONG GIANG	*****105	7	CT10161400-CT10161406
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN HUONG LY	*****385	1	CT10115582-CT10115582
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN HUONG QUYNH	*****083	10	CT10081054-CT10081063
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUONG QUYNH	*****867	2	CT10149182-CT10149183
CN DAI AN	NGUYEN HUONG THAO	*****133	1	CT10149459-CT10149459
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN HUONG TRA	*****468	15	CT10115010-CT10115024
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HUU ANH	*****612	1	EB10001750-EB10001750
CN NHA TRANG	NGUYEN HUU ANH HUY	*****200	1	EB10002883-EB10002883
CN HAI DUONG	NGUYEN HUU BANG	*****295	30	DN10008118-DN10008142; TD10006421-TD10006425
CN HAI AN	NGUYEN HUU BIEN	*****525	4	CT10021732-CT10021735
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUU BINH	*****001	13	CT10056187-CT10056199
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUU BINH	*****745	15	CT10147573-CT10147587
CN HA DONG	NGUYEN HUU BINH	*****966	40	CT10063817-CT10063856
PGD CAM PHA	NGUYEN HUU BON	*****303	1	EB10001420-EB10001420
PGD MY DINH	NGUYEN HUU CANH	*****113	4	CT10000814-CT10000817
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HUU CHINH	*****270	2	CT10166934-CT10166935
CN HA DONG	NGUYEN HUU CHUNG	*****987	100	CT10023161-CT10023260
PGD XUAN LA	NGUYEN HUU CUONG	*****868	50	CT10071156-CT10071205
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUU DANG	*****015	12	CT10007670-CT10007681
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGUYEN HUU DANG KHOI	*****226	2	CT10083610-CT10083611
CN BAC NINH	NGUYEN HUU DAO	*****382	10	CT10004654-CT10004663

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUU DAT	*****306	24	CT10030178-CT10030201
CN THANH XUAN	NGUYEN HUU DIEU	*****612	12	CT10059791-CT10059802
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN HUU DO	*****060	4	CT10044473-CT10044476
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN HUU DOAN	*****682	1	CT10023504-CT10023504
CN DAI AN	NGUYEN HUU DONG	*****306	25	CT10110948-CT10110972
CN DA NANG	NGUYEN HUU DUC	*****051	3	CT10043230-CT10043232
CN AN GIANG	NGUYEN HUU DUC	*****632	1	CT10081576-CT10081576
PGD KHAM THIEN	NGUYEN HUU DUC	*****764	1	CT10047301-CT10047301
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUU DUNG	*****159	22	CT10089944-CT10089965
CN HAI AN	NGUYEN HUU DUNG	*****320	3	CT10059700-CT10059702
PGD MY CA	NGUYEN HUU DUNG	*****333	1	EB10002695-EB10002695
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUU DUNG	*****718	1	CT10155707-CT10155707
CN BINH DUONG	NGUYEN HUU DUYEN	*****937	30	TD10010981-TD10011010
PGD TAY HO	NGUYEN HUU HAI	*****205	12	CT10093757-CT10093768
PGD TUYEN SON	NGUYEN HUU HAU	*****639	2	CT10015130-CT10015131
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN HUU HAU	*****931	1	CT10023133-CT10023133
PGD DA KAO	NGUYEN HUU HIEN	*****735	6	CT10107776-CT10107781
CN HAI DUONG	NGUYEN HUU HIEP	*****263	16	CT10001350-CT10001365
CN LONG BIEN	NGUYEN HUU HIEP	*****869	6	CT10033096-CT10033101
CN LANG HA	NGUYEN HUU HOAN	*****713	12	CT10144720-CT10144731
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN HUU HOANG	*****039	2	CT10037812-CT10037813
CN NHA TRANG	NGUYEN HUU HOANG	*****015	1	EB10002063-EB10002063
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUU HOANG	*****926	22	CT10057123-CT10057144
CN DONG DA	NGUYEN HUU HOP	*****475	5	TD10007421-TD10007425
PGD LIM	NGUYEN HUU HOP	*****564	6	CT10050260-CT10050265
CN CAU GIAY	NGUYEN HUU HUAN	*****220	4	CT10118072-CT10118075
CN HAI PHONG	NGUYEN HUU HUNG	*****099	1	CT10146459-CT10146459
CN HAI AN	NGUYEN HUU HUNG	*****189	3	CT10152549-CT10152551
PGD KHAM THIEN	NGUYEN HUU HUNG	*****685	1	CT10113705-CT10113705
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUU HUONG	*****083	1	CT10079765-CT10079765
CN HAI PHONG	NGUYEN HUU HUONG	*****239	10	TD10010001-TD10010010
PGD TRAN PHU	NGUYEN HUU HUY	*****107	40	TD10005226-TD10005265
CN TAN PHU	NGUYEN HUU HUY NHAT	*****641	7	CT10157139-CT10157145

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DA KAO	NGUYEN HUU KHANH	*****417	1	EB10001936-EB10001936
CN NHA TRANG	NGUYEN HUU KHANH	*****711	5	TD10000751-TD10000755
PGD THAI THINH	NGUYEN HUU KHIEM	*****285	11	CT10011978-CT10011988
CN VUNG TAU	NGUYEN HUU KHOA	*****401	1	CT10144082-CT10144082
CN DA NANG	NGUYEN HUU KIM	*****034	4	CT10100306-CT10100306; DN10062153-DN10062155
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUU LAM	*****079	5	CT10151526-CT10151530
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN HUU LOC XUAN TIEN	*****600	6	CT10134352-CT10134357
CN HA DONG	NGUYEN HUU LOI	*****616	25	CT10019736-CT10019760
CN THANH HOA	NGUYEN HUU MANH	*****748	60	DN10043196-DN10043255
PGD TU SON	NGUYEN HUU MANH	*****845	1	CT10031179-CT10031179
CN DAI AN	NGUYEN HUU NAM	*****111	15	CT10015588-CT10015602
CN DAI AN	NGUYEN HUU NAM	*****944	49	CT10130618-CT10130666
CN HAI PHONG	NGUYEN HUU NAM	*****617	50	CT10124669-CT10124718
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN HUU NAM	*****722	1	EB10002055-EB10002055
CN CA MAU	NGUYEN HUU NGHIA	*****868	6	CT10087983-CT10087988
PGD SO SAO	NGUYEN HUU NGHIA	*****082	4	CT10150136-CT10150139
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HUU NGHIA	*****872	9	DN10095480-DN10095488
CN DAI AN	NGUYEN HUU NHA	*****152	1	EB10000341-EB10000341
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HUU NHIEU	*****405	4	CT10100063-CT10100066
CN HAI AN	NGUYEN HUU NHON	*****661	10	CT10002782-CT10002791
PGD HAO NAM	NGUYEN HUU PHI	*****295	5	CT10055015-CT10055019
PGD BA RIA	NGUYEN HUU PHUC	*****233	1	CT10036635-CT10036635
CN TIEN GIANG	NGUYEN HUU PHUC	*****100	1	CT10033023-CT10033023
CN HAI DUONG	NGUYEN HUU PHUC	*****677	30	CT10103747-CT10103776
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN HUU PHUC	*****968	3	CT10033699-CT10033701
CN CAU GIAY	NGUYEN HUU QUAN	*****940	1	CT10079394-CT10079394
PGD LE THANH TONG	NGUYEN HUU QUANG	*****139	2	CT10065730-CT10065731
PGD XUAN LA	NGUYEN HUU QUANG	*****240	10	CT10025024-CT10025033
CN DA NANG	NGUYEN HUU QUANG	*****696	2	CT10017645-CT10017646
CN PHU MY HUNG	NGUYEN HUU QUOC	*****117	1	CT10099243-CT10099243
PGD DAI KIM	NGUYEN HUU QUY	*****021	11	CT10106692-CT10106702

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUU SANG	*****143	1	CT10082953-CT10082953
PGD LENIN	NGUYEN HUU SAU	*****619	2	CT10096567-CT10096568
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN HUU SON	*****818	7	CT10140363-CT10140369
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN HUU SON	*****158	1	CT10060212-CT10060212
CN BAC NINH	NGUYEN HUU SON	*****825	28	CT10134612-CT10134639
CN DAI AN	NGUYEN HUU TAI	*****859	2	CT10093389-CT10093390
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUU TAI	*****658	19	CT10075090-CT10075108
CN DA NANG	NGUYEN HUU TAM	*****236	3	CT10029623-CT10029625
CN HA DONG	NGUYEN HUU THAI	*****218	8	CT10007883-CT10007890
PGD AU CO	NGUYEN HUU THANG	*****171	1	EB10001781-EB10001781
PGD VAN XUAN	NGUYEN HUU THANG	*****065	1	EB10000953-EB10000953
CN NGHE AN	NGUYEN HUU THANG	*****950	2	CT10113910-CT10113911
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HUU THANG	*****283	20	CT10062198-CT10062217
PGD THANH CONG	NGUYEN HUU THANH	*****141	42	CT10123467-CT10123508
CN NGHE AN	NGUYEN HUU THANH	*****230	1	CT10081428-CT10081428
CN QUANG NGAI	NGUYEN HUU THANH	*****453	1	CT10137462-CT10137462
CN HAI PHONG	NGUYEN HUU THANH	*****606	3	CT10109542-CT10109544
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUU THANH	*****951	25	CT10056682-CT10056706
SEABANK LE DUAN	NGUYEN HUU THANH BINH	*****249	10	CT10098463-CT10098472
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUU THANH DANH	*****929	4	CT10037693-CT10037696
CN DAI AN	NGUYEN HUU THAO	*****311	39	CT10126893-CT10126931
PGD QUANG PHU	NGUYEN HUU THE	*****341	11	DN10050578-DN10050588
CN NHA TRANG	NGUYEN HUU THO	*****098	1	EB10000958-EB10000958
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUU THUAN	*****712	5	CT10096125-CT10096129
CN DA NANG	NGUYEN HUU TICH	*****281	7	CT10110893-CT10110899
CN DAI AN	NGUYEN HUU TIEN	*****727	2	CT10044854-CT10044855
CN TIEN GIANG	NGUYEN HUU TIEN	*****425	35	DN10095272-DN10095305; EB10000989-EB10000989
CN TAN PHU	NGUYEN HUU TIN	*****769	1	CT10064960-CT10064960
CN CAN THO	NGUYEN HUU TINH	*****477	10	CT10038265-CT10038274
CN CAU GIAY	NGUYEN HUU TINH	*****710	25	CT10104854-CT10104878
CN LONG BIEN	NGUYEN HUU TINH	*****912	7	CT10102551-CT10102557
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN HUU TOAN	*****383	11	CT10006784-CT10006794

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	NGUYEN HUU TOAN	*****756	5	TD10003856-TD10003860
CN BINH DUONG	NGUYEN HUU TRAM	*****346	5	CT10095595-CT10095599
PGD DAI KIM	NGUYEN HUU TRI	*****370	2	CT10111338-CT10111339
CN HAI PHONG	NGUYEN HUU TRI	*****354	21	CT10070677-CT10070697
CN AN GIANG	NGUYEN HUU TRI	*****468	1	CT10021683-CT10021683
PGD HONG BANG	NGUYEN HUU TRONG	*****606	79	DN10045291-DN10045358; EB10003337-EB10003337; TD10010116-TD10010125
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUU TRUNG	*****167	23	CT10041768-CT10041790
CN THANH HOA	NGUYEN HUU TRUONG	*****959	10	CT10043947-CT10043956
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUU TUAN	*****192	8	CT10006402-CT10006409
PGD LE LOI	NGUYEN HUU TUAN	*****258	51	CT10004452-CT10004456; DN10018934-DN10018973; EB10000368-EB10000368; TD10006666-TD10006670
CN LANG HA	NGUYEN HUU TUAN	*****592	2	CT10101613-CT10101614
PGD AU CO	NGUYEN HUU TUAN	*****192	14	CT10114628-CT10114641
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN HUU TUAN ANH	*****646	6	CT10157817-CT10157822
PGD THANH CONG	NGUYEN HUU UOC	*****638	15	CT10006186-CT10006200
PGD TRAN PHU	NGUYEN HUU VIET	*****513	1	CT10165800-CT10165800
PGD XUAN LA	NGUYEN HUU VIET	*****048	1	CT10048911-CT10048911
PGD TAY HO	NGUYEN HUU YEN	*****703	4	CT10059816-CT10059819
CN THANH HOA	NGUYEN HUY BAT	*****679	3	CT10119389-CT10119391
CN HA TINH	NGUYEN HUY BINH	*****922	1	CT10049286-CT10049286
CN CAU GIAY	NGUYEN HUY BINH	*****091	4	CT10144691-CT10144694
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUY CAN	*****032	23	CT10076930-CT10076952
CN HA DONG	NGUYEN HUY CANH	*****690	100	CT10071468-CT10071567
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUY CHIEN	*****482	7	CT10127410-CT10127416
CN HA NOI	NGUYEN HUY DUC	*****091	16	CT10112318-CT10112327; EB10001050-EB10001050; TD10002686-TD10002690
PGD QUANG PHU	NGUYEN HUY DUNG	*****711	10	CT10090175-CT10090179; TD10009826-TD10009830
CN LONG BIEN	NGUYEN HUY HANH	*****866	11	CT10036616-CT10036626

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUY HAO	*****865	1	EB10002476-EB10002476
CN DONG DA	NGUYEN HUY HIEN	*****668	12	CT10048157-CT10048168
PGD NGOC LAM	NGUYEN HUY HIEP	*****053	114	CT10112239-CT10112267; DN10098410-DN10098489; TD10002661-TD10002665
PGD THANH DONG	NGUYEN HUY HIEU	*****549	4	CT10133131-CT10133134
HUB PAYROLL MB	NGUYEN HUY HOANG	*****003	8	CT10040811-CT10040818
CN LONG BIEN	NGUYEN HUY HOANG	*****277	56	DN10005312-DN10005361; EB10000229-EB10000229; TD10006146-TD10006150
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN HUY HOANG	*****284	25	CT10041146-CT10041170
PGD THANG LONG	NGUYEN HUY HOANG	*****507	6	CT10028755-CT10028760
PGD VAN XUAN	NGUYEN HUY HOANG	*****809	12	CT10101255-CT10101266
CN HA NOI	NGUYEN HUY HOANG	*****925	1	EB10001830-EB10001830
CN HAI AN	NGUYEN HUY HOANG	*****083	1	CT10114736-CT10114736
CN HAI PHONG	NGUYEN HUY HOANG	*****136	9	CT10074979-CT10074987
CN SAI GON	NGUYEN HUY HOANG	*****772	1	EB10000403-EB10000403
CN HA TINH	NGUYEN HUY HOANG	*****900	14	CT10120278-CT10120291
CN HUE	NGUYEN HUY HOANG	*****926	6	CT10124567-CT10124572
CN THANH HOA	NGUYEN HUY HOANG	*****942	50	DN10099088-DN10099137
PGD YEN PHU	NGUYEN HUY KHOI	*****509	6	CT10075456-CT10075461
CN SAI GON	NGUYEN HUY LINH	*****365	24	CT10097962-CT10097985
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUY LONG	*****440	3	CT10076232-CT10076234
CN DAI AN	NGUYEN HUY LUONG	*****492	47	CT10001246-CT10001292
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUY LY	*****713	5	CT10020987-CT10020991
PGD BA TRIEU	NGUYEN HUY MINH	*****228	7	CT10112282-CT10112288
CN SO GIAO DICH	NGUYEN HUY NAM	*****312	2	CT10042444-CT10042445
CN THANH HOA	NGUYEN HUY NHAN	*****175	2	CT10143845-CT10143846
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN HUY PHA	*****880	10	CT10000983-CT10000992
CN DONG NAI	NGUYEN HUY PHU	*****287	1	CT10058733-CT10058733
CN HAI PHONG	NGUYEN HUY QUANG	*****156	5	CT10152153-CT10152157
PGD XUAN LA	NGUYEN HUY THO	*****503	23	CT10065563-CT10065585
CN TAN PHU	NGUYEN HUY THU	*****732	1	CT10053907-CT10053907
PGD TU SON	NGUYEN HUY TIEN	*****574	1	EB10002993-EB10002993
CN CAU GIAY	NGUYEN HUY TIEN	*****935	50	CT10085908-CT10085957

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	NGUYEN HUY TRINH	*****992	1	EB10002533-EB10002533
CN TAN THANH	NGUYEN HUY TU THIEN	*****121	1	EB10003077-EB10003077
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN HUY TUNG	*****048	2	CT10011992-CT10011993
CN HA NOI	NGUYEN HUY TUNG	*****940	12	CT10023907-CT10023918
PGD TAY HO	NGUYEN HUY VINH	*****257	14	CT10010582-CT10010595
PGD BACH MAI	NGUYEN HUYEN ANH	*****790	12	CT10026137-CT10026148
PGD TRUNG HOA	NGUYEN HUYEN ANH	*****941	7	CT10127511-CT10127517
CN DAI AN	NGUYEN HUYEN MAI	*****167	1	EB10003265-EB10003265
PGD BA TRIEU	NGUYEN HUYEN TRANG	*****264	2	CT10014114-CT10014115
CN SAI GON	NGUYEN HUYNH CHAU MINH	*****148	1	EB10003289-EB10003289
CN TAN PHU	NGUYEN HUYNH DIEM MY	*****361	9	CT10037761-CT10037769
PGD HUNG VUONG	NGUYEN HUYNH DUONG	*****761	10	CT10084665-CT10084674
PGD BA RIA	NGUYEN HUYNH DUY PHONG	*****223	13	CT10009273-CT10009285
PGD QUAN 10	NGUYEN HUYNH GIAU	*****079	1	EB10001030-EB10001030
CN CAN THO	NGUYEN HUYNH LAM TUYEN	*****075	3	CT10137846-CT10137848
CN DAK LAK	NGUYEN HUYNH LINH UYEN	*****400	1	CT10045688-CT10045688
CN CAN THO	NGUYEN HUYNH MINH MAN	*****418	3	CT10152844-CT10152846
CN CAN THO	NGUYEN HUYNH MINH NGOC	*****516	2	CT10150291-CT10150292
PGD KHANH HOI	NGUYEN HUYNH NGUYEN	*****244	10	CT10029022-CT10029031
CN DA NANG	NGUYEN HUYNH NHAT	*****236	6	CT10067219-CT10067224
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HUYNH THANH HAI	*****688	3	CT10035842-CT10035844
CN TAN BINH	NGUYEN HUYNH THAO NHI	*****941	5	TD10007006-TD10007010
SEABANK LE DUAN	NGUYEN HUYNH THUY TRINH	*****133	1	CT10012757-CT10012757

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	NGUYEN HUYNH TRUNG HIEU	*****100	2	CT10093323-CT10093324
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN HUYNH TRUNG QUANG	*****606	27	CT10033792-CT10033818
CN TAN PHU	NGUYEN HUYNH TUAN HUY	*****152	50	CT10048488-CT10048492; DN10094899-DN10094937; EB10000968-EB10000968; TD10002326-TD10002330
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN HUYNH Y NHI	*****444	1	CT10131609-CT10131609
CN DAI AN	NGUYEN KA LONG	*****846	30	CT10141419-CT10141448
CN HA DONG	NGUYEN KHAC BINH	*****416	2	CT10031427-CT10031428
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN KHAC CHUNG	*****846	32	CT10134042-CT10134073
CN BAC NINH	NGUYEN KHAC DAN	*****610	61	DN10089005-DN10089054; EB10002243-EB10002243; TD10004516-TD10004525
CN THANH XUAN	NGUYEN KHAC DAT	*****417	23	CT10012826-CT10012848
CN HA DONG	NGUYEN KHAC DIEU	*****186	24	CT10098905-CT10098928
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN KHAC DUC	*****312	37	CT10008947-CT10008983
PGD TAY HO	NGUYEN KHAC DUNG	*****291	300	DN10006023-DN10006322
PGD HO DAC DI	NGUYEN KHAC HIEU	*****127	13	CT10013860-CT10013872
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KHAC HIEU	*****453	25	CT10132669-CT10132693
CN HAI PHONG	NGUYEN KHAC HOA	*****647	5	CT10056351-CT10056355
PGD TAY HO	NGUYEN KHAC HOANG AN	*****089	15	CT10056048-CT10056062
CN HA NOI	NGUYEN KHAC HUAN	*****900	1	EB10000639-EB10000639
CN SAI GON	NGUYEN KHAC HUY NGOC	*****105	1	CT10018625-CT10018625
CN HAI DUONG	NGUYEN KHAC LAM	*****367	9	CT10026456-CT10026464
CN LONG BIEN	NGUYEN KHAC LUONG	*****459	5	CT10051153-CT10051157
PGD VINH HOANG	NGUYEN KHAC MAN	*****625	1	CT10027065-CT10027065
SEABANK LE DUAN	NGUYEN KHAC NAM	*****833	16	CT10165455-CT10165470
PGD QUAN THANH	NGUYEN KHAC NGOC	*****450	9	CT10083696-CT10083704
CN HAI AN	NGUYEN KHAC QUANG	*****118	2	CT10034004-CT10034005

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	NGUYEN KHAC THANH	*****113	16	CT10059703-CT10059718
CN CAU GIAY	NGUYEN KHAC THANH	*****176	10	CT10153969-CT10153978
CN DAI AN	NGUYEN KHAC THIEN	*****681	10	CT10119676-CT10119685
PGD TIEN AN	NGUYEN KHAC THU	*****629	2	CT10027814-CT10027815
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KHAC TRUNG	*****524	5	CT10050281-CT10050285
CN LANG HA	NGUYEN KHAC TUAN	*****452	2	CT10010287-CT10010288
CN BAC NINH	NGUYEN KHAC TUNG	*****944	9	CT10080498-CT10080506
PGD TU SON	NGUYEN KHAC TUYNH	*****506	1	EB10002051-EB10002051
CN HAI AN	NGUYEN KHAC VIET	*****334	15	CT10132173-CT10132187
PGD PHU LAM	NGUYEN KHAC VU	*****016	3	CT10051438-CT10051440
CN THANH XUAN	NGUYEN KHANG CHIEN	*****523	3	CT10074311-CT10074313
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KHANG TRANG	*****143	14	CT10130471-CT10130484
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN KHANH BAO	*****978	1	CT10066715-CT10066715
CN TAN BINH	NGUYEN KHANH CHUONG	*****522	10	TD10000286-TD10000295
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN KHANH DUNG	*****971	90	CT10126705-CT10126794
PGD LENIN	NGUYEN KHANH DUY	*****738	15	CT10072767-CT10072781
PGD QUAN 10	NGUYEN KHANH DUY	*****760	5	TD10004906-TD10004910
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN KHANH HA	*****177	1	EB10000768-EB10000768
PGD MY DINH	NGUYEN KHANH HIEP	*****701	1	EB10002460-EB10002460
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN KHANH HOA	*****080	10	CT10114311-CT10114320
PGD KIM LIEN	NGUYEN KHANH HOA	*****992	1	EB10001719-EB10001719
HUB PAYROLL MB	NGUYEN KHANH HUNG	*****518	7	CT10153466-CT10153472
PGD TAY HO	NGUYEN KHANH HUYEN	*****010	14	CT10092760-CT10092773
CN NHA TRANG	NGUYEN KHANH LAM	*****627	1	EB10000618-EB10000618
CN DAI AN	NGUYEN KHANH LINH	*****534	2	CT10055895-CT10055896
CN THANH XUAN	NGUYEN KHANH LINH	*****023	5	TD10008476-TD10008480
CN HA DONG	NGUYEN KHANH LINH	*****141	1	CT10131124-CT10131124

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN KHANH LINH	*****407	8	CT10095334-CT10095341
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN KHANH LINH	*****734	1	CT10023888-CT10023888
HUB PAYROLL MB	NGUYEN KHANH LONG	*****866	22	CT10151201-CT10151222
PGD DOI CAN	NGUYEN KHANH LY	*****223	12	CT10091870-CT10091881
CN LANG HA	NGUYEN KHANH LY	*****566	14	CT10078322-CT10078335
CN HUE	NGUYEN KHANH MAN	*****744	3	CT10164217-CT10164219
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KHANH MY	*****869	24	CT10130953-CT10130976
PGD VAN XUAN	NGUYEN KHANH NGOC	*****779	9	CT10162340-CT10162348
CN DAI AN	NGUYEN KHANH PHUONG	*****573	19	CT10066548-CT10066566
CN DONG DA	NGUYEN KHANH PHUONG	*****704	1	EB10003141-EB10003141
CN THANH XUAN	NGUYEN KHANH SUNG	*****107	8	CT10029067-CT10029074
CN VINH PHUC	NGUYEN KHANH TOAN	*****550	71	DN10091873-DN10091937; EB10002337-EB10002337; TD10004926-TD10004930
CN SAI GON	NGUYEN KHANH TOAN	*****853	7	CT10068383-CT10068389
CN NHA TRANG	NGUYEN KHOA DIEU UYEN	*****186	1	EB10001080-EB10001080
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN KHOA HUAN	*****217	11	CT10071062-CT10071067; TD10007031-TD10007035
PGD TUYEN SON	NGUYEN KHOA LUONG VU	*****774	1	CT10028738-CT10028738
CN DA NANG	NGUYEN KHOA TRA MY	*****454	24	CT10109460-CT10109483
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN KHUONG DUY	*****760	1	EB10000762-EB10000762
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN KIEN AN	*****900	7	CT10014440-CT10014446
CN TAN THANH	NGUYEN KIEN TAO	*****309	5	TD10007501-TD10007505
CN CA MAU	NGUYEN KIEN THUC	*****367	4	CT10134176-CT10134179
CN HA DONG	NGUYEN KIEN TRUNG	*****781	12	CT10050550-CT10050561
PGD NGOC HOI	NGUYEN KIEU ANH	*****051	7	CT10014991-CT10014997
CN SAI GON	NGUYEN KIEU DIEM	*****109	11	DN10107708-DN10107718

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	NGUYEN KIEU DIEM	*****195	1	CT10152143-CT10152143
PGD XUAN KHANH	NGUYEN KIEU HANH	*****762	10	CT10112292-CT10112301
PGD TAY HO	NGUYEN KIEU HUNG	*****809	10	CT10024430-CT10024439
CN THANH XUAN	NGUYEN KIEU OANH	*****026	43	CT10137671-CT10137713
CN HA DONG	NGUYEN KIEU PHUONG	*****998	23	CT10160177-CT10160199
CN LANG HA	NGUYEN KIEU VAN	*****958	10	CT10036648-CT10036657
HUB PAYROLL MB	NGUYEN KIM ANH	*****007	24	CT10111805-CT10111828
CN LANG HA	NGUYEN KIM ANH	*****076	25	CT10082305-CT10082329
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN KIM ANH	*****115	4	CT10037525-CT10037528
PGD DAO TAN	NGUYEN KIM ANH	*****748	9	CT10125311-CT10125319
PGD THANH CONG	NGUYEN KIM BINH	*****267	100	CT10124180-CT10124279
PGD THAI THINH	NGUYEN KIM CHI	*****831	1	EB10001335-EB10001335
PGD XUAN LA	NGUYEN KIM CHI	*****909	30	CT10020808-CT10020837
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KIM CHI	*****950	1	CT10022283-CT10022283
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN KIM DINH	*****545	3	CT10030366-CT10030368
CN LANG HA	NGUYEN KIM HOAN	*****381	11	CT10145201-CT10145211
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN KIM HOAN	*****186	14	CT10056660-CT10056673
CN AN GIANG	NGUYEN KIM HOANG	*****971	3	DN10064757-DN10064759
CN HAI AN	NGUYEN KIM HUE	*****267	1	EB10002013-EB10002013
CN HAI AN	NGUYEN KIM HUONG	*****261	22	CT10028536-CT10028557
HUB PAYROLL MB	NGUYEN KIM HUYEN	*****614	1	CT10149732-CT10149732
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN KIM LAN	*****015	3	CT10100148-CT10100150
PGD QUAN THANH	NGUYEN KIM LOAN	*****291	145	DN10052162-DN10052295; EB10000815-EB10000815; TD10011016-TD10011025
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN KIM LOAN	*****614	12	CT10025719-CT10025730
PGD HO GUOM	NGUYEN KIM LUONG	*****876	10	CT10074074-CT10074083
CN VINH PHUC	NGUYEN KIM NAM	*****522	2	CT10106920-CT10106921
PGD HO GUOM	NGUYEN KIM NGAN	*****881	15	CT10016178-CT10016192
CN BINH DINH	NGUYEN KIM PHU	*****969	15	DN10109692-DN10109706
CN VINH PHUC	NGUYEN KIM PHUONG	*****665	1	EB10000711-EB10000711
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN KIM PHUONG	*****384	1	CT10031368-CT10031368

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN KIM SON	*****292	1	CT10125082-CT10125082
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN KIM THANG	*****427	5	CT10003606-CT10003610
CN SO GIAO DICH	NGUYEN KIM THANH	*****093	3	CT10075558-CT10075560
PGD DAI KIM	NGUYEN KIM THANH	*****014	15	CT10089009-CT10089023
PGD TRUNG NHI	NGUYEN KIM THANH	*****713	3	CT10006096-CT10006098
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN KIM THANH	*****873	1	CT10011411-CT10011411
CN CAN THO	NGUYEN KIM THIEN	*****081	15	CT10091763-CT10091772; TD10009936-TD10009940
PGD THANG LONG	NGUYEN KIM THOA	*****956	1	EB10001229-EB10001229
PGD TAN PHAT	NGUYEN KIM TOAN	*****590	1	CT10160405-CT10160405
PGD QUAN 1	NGUYEN KIM TRANG	*****429	7	CT10066064-CT10066070
CN LANG HA	NGUYEN KIM TUNG	*****886	10	TD10004776-TD10004785
CN AN GIANG	NGUYEN KIM TUYEN	*****683	3	DN10092324-DN10092326
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN KIM VAN	*****278	19	CT10116640-CT10116658
CN SAI GON	NGUYEN KINH DO	*****562	42	CT10050937-CT10050978
PGD Krong Nang	NGUYEN KY	*****686	28	DN10031817-DN10031844
CN LANG HA	NGUYEN LAM HOAI	*****366	3	CT10062024-CT10062026
CN TAN PHU	NGUYEN LAM PHUONG THAO	*****773	1	EB10001855-EB10001855
PGD BOTANIC	NGUYEN LAM SON	*****020	6	CT10154236-CT10154241
PGD XUAN LA	NGUYEN LAN ANH	*****595	1	EB10001351-EB10001351
CN HA NOI	NGUYEN LAN ANH	*****311	4	CT10044554-CT10044557
CN THANH XUAN	NGUYEN LAN HUONG	*****044	13	CT10145474-CT10145486
CN SO GIAO DICH	NGUYEN LAN HUONG	*****192	173	CT10131320-CT10131487; TD10005771-TD10005775
PGD HAI TAN	NGUYEN LAN PHUONG	*****198	26	DN10004307-DN10004326; EB10000189-EB10000189; TD10006021-TD10006025
CN HA NOI	NGUYEN LAN PHUONG	*****583	2	CT10075539-CT10075540
CN LONG BIEN	NGUYEN LAN PHUONG	*****165	9	CT10099061-CT10099069
PGD YEN PHU	NGUYEN LAN PHUONG	*****300	2	CT10008898-CT10008899
CN DAI AN	NGUYEN LAN PHUONG	*****312	6	CT10044680-CT10044685
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN LAN PHUONG	*****348	3	CT10088447-CT10088449
PGD QUANG PHU	NGUYEN LAN PHUONG	*****556	5	TD10003051-TD10003055
CN LANG HA	NGUYEN LAN PHUONG	*****922	1	EB10001582-EB10001582

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGUYEN LANH	*****610	30	DN10027305-DN10027334
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN LAP	*****554	2	CT10162935-CT10162936
PGD BA RIA	NGUYEN LE AI NHI	*****607	2	CT10090497-CT10090498
PGD SAI DONG	NGUYEN LE ANH NAM	*****180	1	EB10002655-EB10002655
CN TAN BINH	NGUYEN LE DIEM KIEU	*****081	1	CT10141901-CT10141901
PGD VAN QUAN	NGUYEN LE DONG	*****838	3	CT10038908-CT10038910
CN THAI NGUYEN	NGUYEN LE DUY	*****134	1	CT10070736-CT10070736
CN SAI GON	NGUYEN LE DUY THANG	*****430	2	CT10106208-CT10106209
HUB THE CHAP MN	NGUYEN LE HOA	*****232	39	DN10059348-DN10059386
CN DONG DA	NGUYEN LE HOAI PHUONG	*****754	16	CT10101404-CT10101414; TD10000541-TD10000545
PGD TO HIEU	NGUYEN LE HUYEN	*****680	8	CT10077863-CT10077870
CN LONG BIEN	NGUYEN LE HUYNH	*****466	4	CT10161771-CT10161774
CN SO GIAO DICH	NGUYEN LE KIEU AN	*****332	2	CT10123185-CT10123186
CN PHU MY HUNG	NGUYEN LE KIM NGOC	*****926	3	CT10159840-CT10159842
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN LE KY	*****547	6	CT10091864-CT10091869
CN CA MAU	NGUYEN LE LINH	*****952	1	CT10065862-CT10065862
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN LE LY THAO	*****709	1	EB10000273-EB10000273
PGD HO DAC DI	NGUYEN LE MINH	*****625	1	EB10002038-EB10002038
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN LE MINH CHAU	*****000	1	CT10111304-CT10111304
PGD YEN PHU	NGUYEN LE MINH HIEN	*****294	5	TD10003421-TD10003425
PGD THU DAU 1	NGUYEN LE NGOC	*****024	121	DN10075644-DN10075753; EB10001813-EB10001813; TD10003111-TD10003120
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN LE NGOC HUYEN	*****067	4	CT10110531-CT10110534
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN LE PHONG	*****322	18	CT10048493-CT10048510
PGD NGO GIA TU	NGUYEN LE QUAN	*****606	9	CT10073064-CT10073072

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	NGUYEN LE THANH	*****431	73	CT10124129-CT10124135; DN10089976-DN10090035; EB10002287-EB10002287; TD10004691-TD10004695
CN VUNG TAU	NGUYEN LE THANH NHAN	*****336	1	CT10086232-CT10086232
PGD CAM RANH	NGUYEN LE THANH PHUONG	*****838	2	CT10076139-CT10076140
PGD DAO TAN	NGUYEN LE THUY	*****429	7	CT10094291-CT10094292; TD10010806-TD10010810
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN LE THUY	*****336	1	CT10119532-CT10119532
PGD TRUNG HOA	NGUYEN LE TRUNG	*****553	7	CT10163049-CT10163055
CN CAU GIAY	NGUYEN LE TRUNG HIEU	*****410	9	CT10067802-CT10067810
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN LE TUONG VY	*****353	3	CT10164150-CT10164152
CN SO GIAO DICH	NGUYEN LE VIET HAI	*****839	2	CT10116035-CT10116036
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN LE VIET VU	*****462	2	CT10104462-CT10104463
CN KIEN GIANG	NGUYEN LE VINH	*****784	1	CT10073885-CT10073885
CN DA NANG	NGUYEN LE VU	*****318	6	CT10137903-CT10137908
CN DA NANG	NGUYEN LE VU DUY	*****664	2	CT10010299-CT10010300
CN THANH HOA	NGUYEN LE XUAN	*****057	9	CT10087903-CT10087911
PGD QUANG PHU	NGUYEN LINH	*****160	8	DN10047139-DN10047146
PGD XUAN LA	NGUYEN LINH HUONG	*****629	100	CT10163424-CT10163523
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN LINH TRANG	*****019	2	CT10110235-CT10110236
CN HUE	NGUYEN LOC	*****507	1	CT10041252-CT10041252
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN LONG BINH	*****988	3	CT10163374-CT10163376
PGD NGOC LAM	NGUYEN LONG KHANH	*****030	5	CT10083531-CT10083535
CN VINH PHUC	NGUYEN LONG PHI	*****484	1	CT10011148-CT10011148
HUB PAYROLL MB	NGUYEN LONG QUAN	*****463	24	CT10119188-CT10119211
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN LONG QUAN	*****066	1	CT10037760-CT10037760
CN HAI PHONG	NGUYEN LONG THANH	*****268	3	CT10029078-CT10029080
PGD LAN ONG	NGUYEN LONG THANH	*****821	10	CT10067708-CT10067717

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	NGUYEN LUONG DUNG	*****771	12	CT10104675-CT10104686
PGD DAO TAN	NGUYEN LUONG DUNG	*****525	10	TD10007036-TD10007045
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN LUONG HIEU	*****065	2	CT10141732-CT10141733
CN NHA TRANG	NGUYEN LUONG TUONG QUYEN	*****921	1	EB10001634-EB10001634
PGD VINH HAI	NGUYEN LUONG TUONG VIEN	*****924	45	CT10155551-CT10155595
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN LUU ANH SON	*****206	12	CT10154953-CT10154964
CN SAI GON	NGUYEN LUU NGOC THOA	*****257	11	CT10035534-CT10035544
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN LUU PHUONG KHANH	*****304	4	CT10050354-CT10050357
CN PHU MY HUNG	NGUYEN LUU TUONG	*****896	1	CT10006828-CT10006828
CN DA NANG	NGUYEN MAC HOAI THU	*****080	1	CT10133992-CT10133992
PGD DAO TAN	NGUYEN MAI ANH	*****038	1	CT10082031-CT10082031
CN LANG HA	NGUYEN MAI ANH	*****057	6	CT10036641-CT10036646
CN HAI PHONG	NGUYEN MAI ANH	*****801	10	CT10103456-CT10103460; TD10000831-TD10000835
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN MAI ANH	*****902	60	CT10041367-CT10041379; DN10066966-DN10067007; TD10001321-TD10001325
PGD TRUNG HOA	NGUYEN MAI ANH	*****266	75	CT10016439-CT10016513
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN MAI ANH	*****412	13	CT10026945-CT10026957
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MAI ANH	*****838	24	CT10127943-CT10127966
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MAI DO	*****129	5	CT10101054-CT10101058
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN MAI HOA	*****334	1	EB10003173-EB10003173
CN LONG BIEN	NGUYEN MAI HUONG	*****411	1	CT10147616-CT10147616
CN HA NOI	NGUYEN MAI HUONG	*****149	4	CT10160494-CT10160497
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MAI PHUONG	*****109	1	CT10091471-CT10091471
CN HA DONG	NGUYEN MAI PHUONG	*****073	1	CT10005506-CT10005506

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	NGUYEN MAI PHUONG THUY	*****366	1	CT10137795-CT10137795
CN LANG HA	NGUYEN MAI TRANG	*****918	10	CT10149473-CT10149482
CN DONG DA	NGUYEN MAI YEN BAO	*****027	6	CT10058000-CT10058005
PGD MY DINH	NGUYEN MANH ANH QUAN	*****055	1	CT10148491-CT10148491
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH BANG	*****687	8	CT10083540-CT10083547
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MANH CHI	*****139	25	CT10073122-CT10073146
CN SO GIAO DICH	NGUYEN MANH CHUNG	*****918	17	CT10095911-CT10095927
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH CHUNG	*****970	4	CT10084312-CT10084315
PGD QUAN THANH	NGUYEN MANH CUONG	*****003	5	CT10079831-CT10079835
PGD TRUNG NHI	NGUYEN MANH CUONG	*****141	1	CT10112915-CT10112915
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH CUONG	*****207	2	CT10062452-CT10062453
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH CUONG	*****402	1	CT10108395-CT10108395
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MANH CUONG	*****404	2	CT10126158-CT10126159
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MANH CUONG	*****750	14	CT10021837-CT10021850
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MANH CUONG	*****803	1	CT10137998-CT10137998
PGD TAY HO	NGUYEN MANH CUONG	*****803	1	EB10001081-EB10001081
CN VINH PHUC	NGUYEN MANH CUONG	*****026	1	CT10056262-CT10056262
CN VUNG TAU	NGUYEN MANH CUONG	*****038	2	CT10107774-CT10107775
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN MANH CUONG	*****091	1	CT10047544-CT10047544
PGD BACH DANG	NGUYEN MANH CUONG	*****186	45	DN10098279-DN10098323

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN MANH CUONG	*****200	7	CT10034567-CT10034573
CN NHA TRANG	NGUYEN MANH CUONG	*****220	5	CT10117912-CT10117916
PGD HAN THUYEN	NGUYEN MANH CUONG	*****222	15	CT10037107-CT10037121
PGD VINH HAI	NGUYEN MANH CUONG	*****271	25	CT10122349-CT10122373
PGD QUAN THANH	NGUYEN MANH CUONG	*****365	12	CT10118034-CT10118040; TD10003416-TD10003420
CN SO GIAO DICH	NGUYEN MANH CUONG	*****397	1	CT10024963-CT10024963
CN THAI NGUYEN	NGUYEN MANH CUONG	*****440	1	EB10002247-EB10002247
CN HA DONG	NGUYEN MANH CUONG	*****465	67	DN10034403-DN10034469
CN BAC NINH	NGUYEN MANH CUONG	*****561	1	CT10128299-CT10128299
CN SO GIAO DICH	NGUYEN MANH CUONG	*****573	5	CT10103816-CT10103820
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MANH CUONG	*****718	24	CT10004085-CT10004108
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH CUONG	*****767	19	CT10161498-CT10161516
PGD DAI KIM	NGUYEN MANH CUONG	*****835	11	CT10108741-CT10108751
CN NHA TRANG	NGUYEN MANH CUONG	*****862	61	CT10011109-CT10011113; DN10105922-DN10105971; EB10002531-EB10002531; TD10007551-TD10007555
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH CUONG	*****888	9	CT10030286-CT10030294
CN TAN PHU	NGUYEN MANH CUONG	*****637	3	CT10125729-CT10125731
CN SO GIAO DICH	NGUYEN MANH DAT	*****516	3	CT10011994-CT10011996
CN TAN THANH	NGUYEN MANH DAT	*****969	2	CT10127690-CT10127691
CN DAI AN	NGUYEN MANH DUNG	*****631	5	CT10015847-CT10015851
PGD QUAN 8	NGUYEN MANH DUNG	*****157	4	CT10078149-CT10078152
PGD TUYEN SON	NGUYEN MANH DUNG	*****355	3	CT10086265-CT10086267
PGD THAI THINH	NGUYEN MANH DUNG	*****600	19	CT10057007-CT10057025

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN MANH HA	*****035	4	CT10007956-CT10007959
PGD THAI THINH	NGUYEN MANH HA	*****259	14	CT10091264-CT10091277
PGD BA TRIEU	NGUYEN MANH HA	*****818	2	CT10001502-CT10001503
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN MANH HA	*****556	8	CT10088982-CT10088989
CN THAI NGUYEN	NGUYEN MANH HA	*****743	11	CT10050705-CT10050705; TD10003186-TD10003195
CN LONG BIEN	NGUYEN MANH HA	*****815	15	CT10035718-CT10035732
CN THANH XUAN	NGUYEN MANH HA	*****964	2	CT10059221-CT10059222
PGD TAY HO	NGUYEN MANH HIEN	*****315	3	CT10114394-CT10114396
PGD BACH MAI	NGUYEN MANH HIEN	*****502	15	CT10045597-CT10045611
PGD TON DAN	NGUYEN MANH HIEP	*****656	1	EB10003138-EB10003138
PGD LANG THUONG	NGUYEN MANH HIEU	*****157	30	DN10062768-DN10062797
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH HOANG	*****141	1	CT10025218-CT10025218
PGD BACH MAI	NGUYEN MANH HOANG	*****038	25	CT10136183-CT10136207
CN LONG BIEN	NGUYEN MANH HONG	*****940	7	CT10144886-CT10144892
PGD THANG LONG	NGUYEN MANH HUNG	*****021	4	CT10005449-CT10005452
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH HUNG	*****031	4	CT10130400-CT10130403
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN MANH HUNG	*****033	5	CT10079792-CT10079796
CN LANG HA	NGUYEN MANH HUNG	*****055	3	CT10044223-CT10044225
PGD BACH MAI	NGUYEN MANH HUNG	*****105	67	CT10001775-CT10001841
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MANH HUNG	*****144	15	CT10157510-CT10157524
CN THANH XUAN	NGUYEN MANH HUNG	*****489	4	CT10114050-CT10114053
PGD NGOC HOI	NGUYEN MANH HUNG	*****555	24	CT10071955-CT10071978
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH HUNG	*****574	10	CT10099951-CT10099960
PGD VAN QUAN	NGUYEN MANH HUNG	*****682	60	CT10017453-CT10017461; DN10028498-DN10028543; TD10008496-TD10008500
CN LANG HA	NGUYEN MANH HUNG	*****706	11	CT10066115-CT10066125
PGD HA LONG	NGUYEN MANH HUNG	*****780	205	CT10052761-CT10052775; DN10076418-DN10076597; TD10003231-TD10003240
CN VINH PHUC	NGUYEN MANH HUNG	*****821	39	DN10060717-DN10060755
CN HAI AN	NGUYEN MANH HUNG	*****854	9	CT10158949-CT10158957

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN MANH HUNG	*****132	1	EB10000053-EB10000053
PGD KIM VAN	NGUYEN MANH HUNG	*****143	1	CT10149059-CT10149059
PGD DAI KIM	NGUYEN MANH HUNG	*****260	9	CT10031940-CT10031948
CN HAI DUONG	NGUYEN MANH HUNG	*****301	1	EB10001476-EB10001476
CN DONG DA	NGUYEN MANH HUNG	*****424	10	TD10000501-TD10000510
CN HA NOI	NGUYEN MANH HUNG	*****549	3	CT10147286-CT10147288
CN CAU GIAY	NGUYEN MANH HUNG	*****550	2	CT10002157-CT10002158
CN HAI AN	NGUYEN MANH HUNG	*****556	1	EB10001401-EB10001401
PGD MY DINH	NGUYEN MANH HUNG	*****565	3	CT10145337-CT10145339
PGD THANH CONG	NGUYEN MANH HUNG	*****593	10	CT10121431-CT10121440
PGD XUAN LA	NGUYEN MANH HUNG	*****630	49	CT10132188-CT10132236
PGD DAI KIM	NGUYEN MANH HUNG	*****834	7	CT10108921-CT10108927
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MANH HUNG SON	*****432	3	CT10120656-CT10120658
CN LONG BIEN	NGUYEN MANH HUY	*****689	7	CT10031296-CT10031302
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH LINH	*****665	9	CT10154255-CT10154263
CN THANH XUAN	NGUYEN MANH LINH	*****121	3	CT10033219-CT10033221
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN MANH LINH	*****390	20	CT10004040-CT10004059
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MANH LINH	*****549	24	CT10059661-CT10059684
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MANH MINH	*****937	16	CT10152612-CT10152627
CN DAI AN	NGUYEN MANH PHU	*****017	15	CT10130715-CT10130729
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MANH QUAN	*****574	1	EB10002701-EB10002701
CN LANG HA	NGUYEN MANH QUAN	*****653	10	CT10108687-CT10108696
CN THANH XUAN	NGUYEN MANH QUANG	*****748	25	CT10154472-CT10154496
CN CAU GIAY	NGUYEN MANH SON	*****576	24	CT10070286-CT10070309
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN MANH THANG	*****654	13	CT10069510-CT10069522
CN DAI AN	NGUYEN MANH THANG	*****522	6	CT10049698-CT10049703
PGD NUI THANH	NGUYEN MANH THUY	*****588	1	EB10002381-EB10002381
PGD HO DAC DI	NGUYEN MANH TIEN	*****364	8	CT10132101-CT10132108
CN HAI DUONG	NGUYEN MANH TOAN	*****914	1	EB10003080-EB10003080
CN HA NOI	NGUYEN MANH TRUNG	*****330	3	CT10148736-CT10148738

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	NGUYEN MANH TRUONG	*****096	150	DN10044145-DN10044294
PGD TAY HO	NGUYEN MANH TRUONG	*****909	15	TD10007721-TD10007735
PGD LAN ONG	NGUYEN MANH TU	*****065	22	CT10106182-CT10106203
CN DAI AN	NGUYEN MANH TU	*****727	1	CT10086268-CT10086268
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH TUAN	*****302	2	CT10114321-CT10114322
CN DAI AN	NGUYEN MANH TUAN	*****329	4	CT10153955-CT10153958
CN HA DONG	NGUYEN MANH TUAN	*****657	5	CT10134820-CT10134824
CN HAI PHONG	NGUYEN MANH TUNG	*****610	19	CT10135455-CT10135473
PGD SOC SON	NGUYEN MANH TUYEN	*****015	5	TD10008991-TD10008995
CN HA NOI	NGUYEN MAU CHI	*****223	13	CT10081664-CT10081676
PGD LANG THUONG	NGUYEN MAU CUONG	*****533	7	CT10079304-CT10079310
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN MAU DOAN	*****024	47	CT10078810-CT10078856
CN DA NANG	NGUYEN MAU LAM QUY	*****297	3	CT10146629-CT10146631
CN BINH DUONG	NGUYEN MAU LINH	*****452	27	CT10074139-CT10074165
PGD THANH CONG	NGUYEN MINH ANH	*****127	74	CT10131743-CT10131816
CN HA DONG	NGUYEN MINH ANH	*****256	74	CT10160667-CT10160740
PGD HONG BANG	NGUYEN MINH ANH	*****798	1	CT10056592-CT10056592
PGD VAN XUAN	NGUYEN MINH CHAU	*****362	4	CT10150396-CT10150399
PGD HO NAI	NGUYEN MINH CHAU	*****033	1	EB10002959-EB10002959
PGD SO SAO	NGUYEN MINH CHAU	*****324	4	CT10011636-CT10011639
CN TAN PHU	NGUYEN MINH CHI	*****755	1	EB10000289-EB10000289
PGD BACH DANG	NGUYEN MINH CHI	*****763	4	CT10011691-CT10011694
CN HAI PHONG	NGUYEN MINH CHINH	*****796	7	CT10027478-CT10027484
PGD TAY HO	NGUYEN MINH CUONG	*****033	2	CT10157253-CT10157254
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH DIEP	*****212	3	CT10095606-CT10095608
PGD TRAN PHU	NGUYEN MINH DUC	*****409	15	CT10034930-CT10034944
PGD KIM LIEN	NGUYEN MINH DUC	*****494	1	CT10054324-CT10054324
CN HAI AN	NGUYEN MINH DUC	*****585	17	CT10137796-CT10137812
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH DUC	*****933	14	CT10000251-CT10000264
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MINH DUC	*****940	24	CT10059352-CT10059375
PGD HANG KENH	NGUYEN MINH DUC	*****974	5	CT10164745-CT10164749

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH DUC	*****399	2	CT10086875-CT10086876
CN LONG BIEN	NGUYEN MINH DUC	*****464	10	CT10100098-CT10100107
CN DAI AN	NGUYEN MINH DUC	*****794	8	CT10013949-CT10013956
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH DUC	*****967	6	CT10101718-CT10101723
CN VUNG TAU	NGUYEN MINH DUNG	*****098	1	EB10002693-EB10002693
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH DUOC	*****534	1	EB10001265-EB10001265
CN CAU GIAY	NGUYEN MINH DUONG	*****925	24	CT10145525-CT10145548
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH GIA HAN	*****647	1	EB10000091-EB10000091
CN LANG HA	NGUYEN MINH HA	*****559	5	TD10001111-TD10001115
CN THANH XUAN	NGUYEN MINH HAI	*****041	17	CT10153449-CT10153465
PGD HAO NAM	NGUYEN MINH HAI	*****341	2	CT10021681-CT10021682
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MINH HAI	*****742	24	CT10133278-CT10133301
CN TIEN GIANG	NGUYEN MINH HAI	*****899	27	CT10090036-CT10090062
CN CAN THO	NGUYEN MINH HAI	*****994	66	DN10069811-DN10069876
CN THANH XUAN	NGUYEN MINH HAI	*****459	9	CT10075237-CT10075245
CN LANG HA	NGUYEN MINH HIEN	*****533	7	CT10113489-CT10113490; TD10002671-TD10002675
CN TAN BINH	NGUYEN MINH HIEU	*****275	4	CT10100681-CT10100684
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN MINH HIEU	*****274	3	CT10102045-CT10102047
CN HA DONG	NGUYEN MINH HOA	*****577	4	CT10159525-CT10159528
SEABANK LE DUAN	NGUYEN MINH HOA	*****628	12	CT10073418-CT10073429
CN DA NANG	NGUYEN MINH HOA	*****864	9	CT10071141-CT10071149
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN MINH HOANG	*****408	5	CT10031561-CT10031565
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN MINH HOANG	*****361	4	CT10059169-CT10059172
CN LANG HA	NGUYEN MINH HONG	*****991	7	CT10013096-CT10013102
PGD LANG THUONG	NGUYEN MINH HUE	*****734	2	CT10024490-CT10024490; EB10003135-EB10003135
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MINH HUNG	*****212	22	CT10017462-CT10017483
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH HUNG	*****088	1	EB10000849-EB10000849
CN BAC NINH	NGUYEN MINH HUNG	*****035	3	CT10082895-CT10082897
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN MINH KHANH	*****794	2	CT10079180-CT10079181
CN DONG DA	NGUYEN MINH KHIEM	*****924	9	CT10149723-CT10149731

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN MINH KHOI	*****487	4	CT10156615-CT10156618
CN THANH XUAN	NGUYEN MINH LAM	*****792	10	CT10085326-CT10085335
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN MINH LAM	*****342	6	CT10012430-CT10012435
CN TAN PHU	NGUYEN MINH LINH	*****978	18	CT10144273-CT10144290
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN MINH LUU	*****055	3	CT10043344-CT10043346
PGD AU CO	NGUYEN MINH LY	*****403	111	DN10104821-DN10104920; EB10002485-EB10002485; TD10007471-TD10007480
PGD THANG LONG	NGUYEN MINH NGOC	*****415	10	CT10102766-CT10102775
PGD CAM RANH	NGUYEN MINH NGOC	*****477	64	DN10044076-DN10044128; EB10003299-EB10003299; TD10009871-TD10009880
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH NGUYET	*****077	13	CT10158079-CT10158091
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN MINH NGUYET	*****647	2	CT10073152-CT10073153
CN HA NOI	NGUYEN MINH NGUYET	*****461	1	CT10071568-CT10071568
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN MINH NGUYET	*****461	10	TD10008176-TD10008185
CN SAI GON	NGUYEN MINH NHAT	*****770	74	CT10112765-CT10112838
CN TAN PHU	NGUYEN MINH NHAT	*****909	2	CT10065710-CT10065711
CN AN GIANG	NGUYEN MINH NHUT	*****343	4	CT10054917-CT10054920
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH PHUC	*****605	1	EB10003232-EB10003232
CN HA DONG	NGUYEN MINH PHUNG	*****288	14	CT10013745-CT10013758
PGD THU DAU 1	NGUYEN MINH PHUNG	*****611	40	DN10035952-DN10035991
PGD HUNG VUONG	NGUYEN MINH PHUNG	*****888	1	EB10002091-EB10002091
CN LANG HA	NGUYEN MINH PHUONG	*****222	1	EB10000518-EB10000518
CN HA DONG	NGUYEN MINH PHUONG	*****917	1	EB10001094-EB10001094
PGD YEN PHU	NGUYEN MINH PHUONG	*****963	1	EB10000466-EB10000466
PGD LE THAI TO	NGUYEN MINH PHUONG	*****232	3	CT10083671-CT10083673
PGD NGOC HOI	NGUYEN MINH PHUONG	*****321	7	CT10100091-CT10100097

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN MINH PHUONG	*****332	1	CT10019519-CT10019519
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH PHUONG	*****648	1	EB10001224-EB10001224
CN SO GIAO DỊCH	NGUYEN MINH PHUONG	*****884	6	CT10101607-CT10101612
CN HAI AN	NGUYEN MINH QUAN	*****482	3	CT10051849-CT10051851
CN DONG DA	NGUYEN MINH QUAN	*****188	2	CT10130031-CT10130032
CN BAC NINH	NGUYEN MINH QUAN	*****636	12	CT10047805-CT10047816
HUB PAYROLL MN	NGUYEN MINH QUANG	*****169	22	CT10000035-CT10000056
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH QUANG	*****651	4	CT10093111-CT10093114
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN MINH QUY	*****039	24	CT10040343-CT10040365; EB10001557-EB10001557
CN THANH HOA	NGUYEN MINH QUYEN	*****328	4	CT10031795-CT10031798
CN BAC NINH	NGUYEN MINH QUYET	*****276	5	CT10162359-CT10162363
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN MINH TAM	*****512	2	CT10057177-CT10057178
PGD QUAN 1	NGUYEN MINH TAM	*****593	4	CT10068500-CT10068503
CN DA NANG	NGUYEN MINH TAM	*****659	1	CT10139502-CT10139502
PGD NGO GIA TU	NGUYEN MINH TAN	*****252	10	TD10009381-TD10009390
CN PHU MY HUNG	NGUYEN MINH TAN	*****674	5	TD10003946-TD10003950
PGD HOA BINH	NGUYEN MINH TAN	*****802	15	CT10094850-CT10094864
CN TAN THANH	NGUYEN MINH TAN	*****997	5	CT10126476-CT10126480
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH THANG	*****001	6	CT10002273-CT10002278
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN MINH THANG	*****288	1	EB10002474-EB10002474
CN TAN BINH	NGUYEN MINH THANG	*****684	1	EB10000133-EB10000133
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN MINH THANG	*****684	12	DN10060881-DN10060892
PGD TAY HO	NGUYEN MINH THANG	*****991	4	CT10043942-CT10043945
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH THANH	*****465	13	DN10019964-DN10019976
CN BINH DUONG	NGUYEN MINH THANH	*****964	1	CT10061547-CT10061547
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN MINH THANH	*****064	6	CT10057824-CT10057829
PGD HUNG VUONG	NGUYEN MINH THIEN	*****726	25	CT10115098-CT10115122
CN PHU MY HUNG	NGUYEN MINH THOI	*****153	1	CT10071278-CT10071278
CN TIEN GIANG	NGUYEN MINH THONG	*****462	5	TD10005576-TD10005580

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	NGUYEN MINH THU	*****279	5	CT10092912-CT10092916
PGD VAN XUAN	NGUYEN MINH THU	*****983	5	CT10118523-CT10118527
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN MINH THUY	*****483	14	CT10108702-CT10108715
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH THUY	*****705	20	CT10139808-CT10139827
PGD THANH CONG	NGUYEN MINH THUY	*****666	75	CT10030791-CT10030865
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN MINH TIEN	*****716	9	CT10134518-CT10134526
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH TIEN	*****011	1	CT10099319-CT10099319
CN NGHE AN	NGUYEN MINH TOAN	*****573	23	CT10163014-CT10163036
PGD KIM LIEN	NGUYEN MINH TRANG	*****008	1	CT10152134-CT10152134
PGD THANH CONG	NGUYEN MINH TRANG	*****668	35	CT10075561-CT10075595
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN MINH TRANG	*****553	10	CT10146449-CT10146458
PGD HA LONG	NGUYEN MINH TRANG	*****779	6	CT10009769-CT10009774
PGD YEN PHU	NGUYEN MINH TRANG	*****830	3	CT10107296-CT10107298
CN LANG HA	NGUYEN MINH TRI	*****308	1	CT10131722-CT10131722
PGD MY CA	NGUYEN MINH TRI	*****049	1	CT10091547-CT10091547
PGD DI AN	NGUYEN MINH TRI	*****333	1	CT10054468-CT10054468
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH TRI	*****465	21	DN10019843-DN10019857; EB10000361-EB10000361; TD10006606-TD10006610
CN BINH DUONG	NGUYEN MINH TRI	*****579	5	TD10004041-TD10004045
CN PHU MY HUNG	NGUYEN MINH TRI	*****812	1	EB10002641-EB10002641
CN HA NOI	NGUYEN MINH TRUONG	*****043	46	CT10165182-CT10165227
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MINH TU	*****093	25	CT10066594-CT10066618
CN TAN BINH	NGUYEN MINH TU	*****149	14	CT10122087-CT10122090; TD10003771-TD10003780
HUB PAYROLL MB	NGUYEN MINH TU	*****504	15	CT10068975-CT10068989
PGD AU CO	NGUYEN MINH TU	*****461	9	CT10111480-CT10111488
PGD SAO MAI	NGUYEN MINH TU	*****613	1	EB10002359-EB10002359
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH TU	*****930	2	CT10022304-CT10022305
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH TUAN	*****074	9	CT10112891-CT10112899
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH TUAN	*****201	2	CT10109127-CT10109128

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY DINH	NGUYEN MINH TUAN	*****720	110	CT10157573-CT10157582; DN10084366-DN10084465
CN TAN THANH	NGUYEN MINH TUAN	*****950	1	EB10003196-EB10003196
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN MINH TUAN	*****986	4	CT10056356-CT10056359
CN NHA TRANG	NGUYEN MINH TUAN	*****187	1	EB10001633-EB10001633
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN MINH TUAN	*****201	19	DN10096273-DN10096291
PGD TAY HO	NGUYEN MINH TUAN	*****325	11	CT10120430-CT10120440
CN DAI AN	NGUYEN MINH TUAN	*****474	30	CT10070464-CT10070493
PGD TRUNG NHI	NGUYEN MINH TUAN	*****648	9	CT10046583-CT10046591
CN CAU GIAY	NGUYEN MINH TUAN	*****662	4	CT10079171-CT10079174
CN SAI GON	NGUYEN MINH TUAN	*****902	1	EB10003024-EB10003024
CN NGHE AN	NGUYEN MINH TUAN	*****935	1	EB10000002-EB10000002
PGD QUAN 11	NGUYEN MINH TUAN	*****999	32	CT10094252-CT10094283
CN SAI GON	NGUYEN MINH TUNG	*****894	4	CT10038175-CT10038178
PGD HO GUOM	NGUYEN MINH VU	*****940	12	CT10055938-CT10055949
CN BAC NINH	NGUYEN MINH VUONG	*****667	1	EB10000853-EB10000853
PGD MY CA	NGUYEN MINH VUONG	*****062	3	CT10079464-CT10079466
CN BINH DUONG	NGUYEN MINH VUONG	*****915	1	CT10055873-CT10055873
CN HA NOI	NGUYEN MINH XANG	*****142	1	EB10003005-EB10003005
PGD CAM RANH	NGUYEN MONG BINH	*****100	1	CT10020554-CT10020554
CN CAN THO	NGUYEN MONG VAN	*****439	2	CT10075545-CT10075546
CN DA NANG	NGUYEN MUOI	*****547	2	CT10044533-CT10044534
HUB PAYROLL MN	NGUYEN MY AN	*****736	1	EB10001312-EB10001312
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN MY DONG MY	*****195	1	EB10002679-EB10002679
CN DAI AN	NGUYEN MY LINH	*****118	20	CT10143492-CT10143506; TD10011026-TD10011030
CN DONG DA	NGUYEN NAM	*****305	15	CT10072752-CT10072766
CN CAU GIAY	NGUYEN NAM ANH	*****979	3	CT10052658-CT10052660
PGD LAN ONG	NGUYEN NAM BINH	*****024	16	CT10130416-CT10130431
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN NAM DONG	*****102	1	EB10000336-EB10000336
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NAM HA	*****793	1	EB10002001-EB10002001
CN THANH XUAN	NGUYEN NAM HAI	*****545	87	CT10122112-CT10122198
CN LONG BIEN	NGUYEN NAM HAI	*****112	1	CT10012260-CT10012260
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NAM HOAN	*****053	1	CT10036614-CT10036614
CN HA NOI	NGUYEN NAM KHANH	*****341	15	CT10163056-CT10163070

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NAM THANG	*****585	17	CT10025589-CT10025595; TD10009526-TD10009535
HUB PAYROLL MB	NGUYEN NAM THANH	*****122	18	CT10067784-CT10067801
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NAM TRUNG	*****532	39	CT10106079-CT10106117
CN SAI GON	NGUYEN NAM TRUNG	*****904	24	CT10011294-CT10011317
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NANG TAN	*****309	14	CT10019951-CT10019964
PGD YEN PHU	NGUYEN NANG TUYEN	*****074	4	CT10113407-CT10113410
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NGHIA GIANG	*****107	5	CT10057033-CT10057037
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN NGHIEN	*****968	1	CT10039914-CT10039914
CN TAN PHU	NGUYEN NGO PHUONG TRAM	*****004	1	CT10023936-CT10023936
PGD MY DINH	NGUYEN NGO THI THU PHUONG	*****089	120	DN10094225-DN10094344
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC AM	*****583	250	DN10028906-DN10029155
CN SAI GON	NGUYEN NGOC ANH	*****206	1	CT10102513-CT10102513
PGD DOI CAN	NGUYEN NGOC ANH	*****223	5	TD10011311-TD10011315
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC ANH	*****261	26	CT10084152-CT10084177
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC ANH	*****657	24	CT10066908-CT10066931
CN LANG HA	NGUYEN NGOC ANH	*****693	2	DN10031282-DN10031283
CN DONG DA	NGUYEN NGOC ANH	*****742	2	CT10070310-CT10070311
HUB PAYROLL MB	NGUYEN NGOC ANH	*****818	24	CT10144325-CT10144348
PGD TRUNG HOA	NGUYEN NGOC ANH	*****428	9	CT10026465-CT10026473
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NGOC ANH	*****556	1	CT10020622-CT10020622
PGD TRUNG NHI	NGUYEN NGOC ANH	*****729	90	DN10021081-DN10021164; EB10000457-EB10000457; TD10006936-TD10006940
CN SAI GON	NGUYEN NGOC ANH	*****736	39	CT10095283-CT10095321
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC ANH	*****828	28	CT10096935-CT10096962
CN BAC NINH	NGUYEN NGOC ANH	*****871	1	EB10002714-EB10002714
CN LANG HA	NGUYEN NGOC ANH	*****944	3	CT10107817-CT10107819
PGD VINH HAI	NGUYEN NGOC ANH	*****965	13	CT10060382-CT10060394
PGD SAO DO	NGUYEN NGOC ANH	*****975	1	CT10069560-CT10069560

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	NGUYEN NGOC ANH HUY	*****634	2	CT10012876-CT10012877
PGD XUAN KHANH	NGUYEN NGOC ANH TUAN	*****996	6	CT10152415-CT10152420
CN TAN BINH	NGUYEN NGOC BA	*****328	50	DN10099357-DN10099406
CN LANG HA	NGUYEN NGOC BAO	*****736	20	CT10141804-CT10141823
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NGOC BAO	*****358	1	CT10142011-CT10142011
CN VINH PHUC	NGUYEN NGOC BICH	*****512	16	CT10162216-CT10162231
PGD BA TRIEU	NGUYEN NGOC BICH	*****746	5	TD10001661-TD10001665
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NGOC BINH	*****984	4	CT10046985-CT10046988
CN TIEN GIANG	NGUYEN NGOC CAM TU	*****657	5	TD10004711-TD10004715
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN NGOC CAT	*****145	13	CT10125942-CT10125954
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NGOC CHI	*****811	2	CT10109379-CT10109380
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC CHIEN	*****515	12	CT10043217-CT10043228
CN DA NANG	NGUYEN NGOC CHU SONG	*****455	1	CT10110070-CT10110070
PGD LIM	NGUYEN NGOC DAU	*****320	30	DN10056422-DN10056451
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NGOC DIEP	*****580	1	CT10107635-CT10107635
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC DUAN	*****567	1	EB10001879-EB10001879
CN NGHE AN	NGUYEN NGOC DUC	*****004	1	EB10003192-EB10003192
CN HAI PHONG	NGUYEN NGOC DUC	*****487	11	CT10046257-CT10046267
PGD HO DAC DI	NGUYEN NGOC DUNG	*****803	37	CT10004955-CT10004991
CN CAN THO	NGUYEN NGOC DUNG	*****442	1	CT10130079-CT10130079
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC DUY	*****232	25	CT10041716-CT10041740
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN NGOC DUY	*****393	2	CT10017604-CT10017605
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NGOC HA	*****027	7	CT10001579-CT10001585
CN HA DONG	NGUYEN NGOC HA	*****062	20	CT10013760-CT10013779
CN DONG DA	NGUYEN NGOC HA	*****451	6	CT10137515-CT10137520
PGD DAO TAN	NGUYEN NGOC HA	*****919	17	CT10010934-CT10010950
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC HA	*****618	1	CT10138284-CT10138284
CN HA NOI	NGUYEN NGOC HA	*****627	11	CT10095091-CT10095101
CN AN GIANG	NGUYEN NGOC HAC ANH	*****281	10	CT10093478-CT10093487
PGD KIM VAN	NGUYEN NGOC HAI	*****426	4	CT10115676-CT10115679

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN NGOC HAI	*****343	1	CT10048064-CT10048064
CN HA DONG	NGUYEN NGOC HAI ANH	*****767	8	CT10152135-CT10152142
PGD HO GUOM	NGUYEN NGOC HANH	*****553	10	CT10037683-CT10037692
CN HA NOI	NGUYEN NGOC HAO	*****971	8	CT10078636-CT10078643
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC HIEN	*****528	2	CT10124967-CT10124968
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NGOC HIEN	*****885	5	CT10083595-CT10083599
CN TAN PHU	NGUYEN NGOC HIEU	*****579	65	DN10076603-DN10076667
CN HAI PHONG	NGUYEN NGOC HOAN	*****938	10	CT10100671-CT10100680
PGD VAN QUAN	NGUYEN NGOC HOANG	*****154	6	EB10000673-EB10000673; TD10010291-TD10010295
CN DAI AN	NGUYEN NGOC HOANG	*****710	2	CT10034099-CT10034100
PGD LANG THUONG	NGUYEN NGOC HUNG	*****292	2	CT10095938-CT10095939
PGD HO DAC DI	NGUYEN NGOC HUNG	*****016	1	CT10119427-CT10119427
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN NGOC HUNG	*****775	25	CT10155786-CT10155810
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN NGOC HUY	*****157	1	CT10021731-CT10021731
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN NGOC HUY	*****702	2	CT10109119-CT10109120
CN DA NANG	NGUYEN NGOC HUY	*****389	12	CT10130019-CT10130030
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC HUY	*****774	1	EB10003108-EB10003108
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NGOC HUYEN	*****999	9	CT10101686-CT10101694
CN DAK LAK	NGUYEN NGOC HUYEN TRINH	*****648	1	EB10002338-EB10002338
CN HA DONG	NGUYEN NGOC KHANH	*****680	10	CT10056360-CT10056369
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NGOC KHANH	*****131	17	CT10060348-CT10060364
PGD LANG THUONG	NGUYEN NGOC KHOA	*****276	2	CT10027783-CT10027784
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NGOC KIEN	*****318	11	CT10096785-CT10096795
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC KIEN	*****093	11	CT10157100-CT10157110

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN NGOC KIEN	*****686	1	CT10004109-CT10004109
PGD TUYEN SON	NGUYEN NGOC KIEU NHI	*****071	20	CT10101907-CT10101926
CN TIEN GIANG	NGUYEN NGOC KIEU TRANG	*****424	2	CT10037674-CT10037675
PGD HOANG DIEU	NGUYEN NGOC KIEU TRINH	*****259	1	CT10131125-CT10131125
PGD BACH MAI	NGUYEN NGOC LAI	*****506	1	CT10015650-CT10015650
PGD TO HIEU	NGUYEN NGOC LAM	*****689	29	CT10159654-CT10159682
CN HUE	NGUYEN NGOC LAM	*****300	2	CT10013272-CT10013273
CN DAI AN	NGUYEN NGOC LAM	*****484	1	CT10023815-CT10023815
CN BINH DUONG	NGUYEN NGOC LAM	*****910	2	CT10007408-CT10007409
CN DAI AN	NGUYEN NGOC LAN	*****032	1	EB10000468-EB10000468
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN NGOC LAN	*****032	7	DN10085663-DN10085669
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NGOC LAN	*****486	2	CT10110138-CT10110139
PGD QUAN 1	NGUYEN NGOC LAN PHUONG	*****648	1	CT10107081-CT10107081
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NGOC LIEN	*****177	8	CT10054959-CT10054966
CN DAI AN	NGUYEN NGOC LINH	*****646	8	CT10081430-CT10081437
CN BAC NINH	NGUYEN NGOC LINH	*****177	1	EB10002954-EB10002954
PGD AU CO	NGUYEN NGOC LINH	*****464	10	CT10118322-CT10118331
CN BINH DINH	NGUYEN NGOC LINH	*****565	1	CT10108266-CT10108266
PGD DI AN	NGUYEN NGOC LOI	*****787	111	DN10061567-DN10061666; EB10001318-EB10001318; TD10000466-TD10000475
PGD TAY HO	NGUYEN NGOC LONG	*****323	25	CT10007496-CT10007520
PGD THANH CONG	NGUYEN NGOC LY	*****518	8	CT10081030-CT10081037
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NGOC MAI	*****498	1	EB10002097-EB10002097
CN TAN BINH	NGUYEN NGOC MAI TRANG	*****844	5	CT10163539-CT10163543
CN HAI PHONG	NGUYEN NGOC MANH	*****083	2	CT10101736-CT10101737
CN TAN THANH	NGUYEN NGOC MANH PHI	*****873	21	CT10020966-CT10020986
HUB PAYROLL MB	NGUYEN NGOC MINH	*****040	25	CT10099766-CT10099790
CN THANH XUAN	NGUYEN NGOC MINH	*****564	3	CT10146440-CT10146442
PGD TRUNG HOA	NGUYEN NGOC MINH	*****270	5	CT10028876-CT10028880

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE VAN SY	NGUYEN NGOC NAM	*****762	40	CT10083412-CT10083451
PGD BUON DON	NGUYEN NGOC NAM	*****602	1	EB10002508-EB10002508
CN SAI GON	NGUYEN NGOC NAM THANH	*****281	6	CT10136736-CT10136741
PGD THU DAU 1	NGUYEN NGOC NGA	*****673	105	DN10107472-DN10107571; TD10007786-TD10007790
CN DAI AN	NGUYEN NGOC NGAN	*****257	23	CT10115607-CT10115629
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN NGOC NGAN	*****640	5	CT10118768-CT10118772
CN CAN THO	NGUYEN NGOC NGOAN	*****450	10	CT10087098-CT10087102; TD10009541-TD10009545
PGD XUAN LA	NGUYEN NGOC NHA	*****026	15	CT10081334-CT10081348
CN CAN THO	NGUYEN NGOC NHU QUYNH	*****058	5	CT10093391-CT10093395
CN AN GIANG	NGUYEN NGOC NHU Y	*****005	1	EB10002259-EB10002259
CN DA NANG	NGUYEN NGOC NHUT	*****856	1	CT10058734-CT10058734
PGD LE THAI TO	NGUYEN NGOC OANH	*****546	3	CT10037226-CT10037228
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC PHI	*****055	5	CT10107160-CT10107164
PGD HONG BANG	NGUYEN NGOC PHONG	*****217	10	TD10010791-TD10010800
CN HAI PHONG	NGUYEN NGOC PHUNG	*****394	3	CT10152944-CT10152946
CN TAN BINH	NGUYEN NGOC PHUONG	*****532	30	CT10028195-CT10028224
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC PHUONG	*****443	5	CT10160205-CT10160209
CN TAN BINH	NGUYEN NGOC PHUONG	*****444	2	CT10142842-CT10142843
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC PHUONG	*****727	1	CT10000486-CT10000486
CN DAI AN	NGUYEN NGOC PHUONG	*****767	7	CT10030668-CT10030674
CN LONG BIEN	NGUYEN NGOC PHUONG ANH	*****913	4	CT10127371-CT10127374
CN AN GIANG	NGUYEN NGOC PHUONG DUYEN	*****919	3	DN10004625-DN10004627
CN HA NOI	NGUYEN NGOC PHUONG THAO	*****485	29	CT10018718-CT10018741; TD10008681-TD10008685
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC PHUONG TRINH	*****074	1	CT10147165-CT10147165
CN HAI PHONG	NGUYEN NGOC QUAN	*****015	17	CT10141902-CT10141918

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD SAI DONG	NGUYEN NGOC QUANG	*****033	1	EB10000854-EB10000854
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN NGOC QUANG	*****036	1	CT10068974-CT10068974
PGD TAY HO	NGUYEN NGOC QUANG	*****146	2	CT10082562-CT10082563
PGD BA RIA	NGUYEN NGOC QUANG	*****151	10	CT10028688-CT10028697
PGD XUAN LA	NGUYEN NGOC QUANG	*****577	20	CT10138723-CT10138742
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN NGOC QUANG	*****278	9	CT10066539-CT10066547
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC QUANG	*****686	7	CT10115797-CT10115803
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC QUY	*****078	225	CT10110723-CT10110747; DN10096042-DN10096241
CN BAC NINH	NGUYEN NGOC QUY	*****241	30	DN10099068-DN10099087; TD10002761-TD10002770
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NGOC QUY	*****730	30	DN10105509-DN10105538
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC QUY	*****913	9	CT10128406-CT10128414
CN VUNG TAU	NGUYEN NGOC QUYET	*****016	2	CT10068862-CT10068863
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC QUYNH	*****023	22	CT10121794-CT10121815
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN NGOC QUYNH	*****908	3	CT10117361-CT10117363
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC QUYNH NGA	*****902	14	CT10110996-CT10111009
PGD PHU LAM	NGUYEN NGOC SANG	*****102	1	CT10165047-CT10165047
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC SANG	*****716	1	EB10000424-EB10000424
HUB PAYROLL MB	NGUYEN NGOC SON	*****037	2	CT10157279-CT10157280
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC SON	*****317	43	CT10090499-CT10090541
CN NGHE AN	NGUYEN NGOC SON	*****135	24	DN10007693-DN10007716
CN TAN THANH	NGUYEN NGOC SON	*****156	3	CT10007215-CT10007217
CN NGHE AN	NGUYEN NGOC SON	*****275	12	CT10068482-CT10068492; EB10000431-EB10000431
PGD HAN THUYEN	NGUYEN NGOC SON	*****738	12	CT10021736-CT10021747
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN NGOC SON	*****827	6	CT10095509-CT10095514

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THAI THINH	NGUYEN NGOC SON	*****925	2	CT10114937-CT10114938
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC SUONG	*****280	23	CT10062650-CT10062672
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC TAI	*****618	1	CT10135129-CT10135129
PGD GIA LAM	NGUYEN NGOC THAI	*****215	2	CT10101929-CT10101930
PGD KHAM THIEN	NGUYEN NGOC THANG	*****433	17	CT10009664-CT10009680
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN NGOC THANG	*****521	42	CT10106274-CT10106277; DN10069691-DN10069722; EB10001672-EB10001672; TD10001751-TD10001755
PGD DAO TAN	NGUYEN NGOC THANH	*****057	5	TD10011321-TD10011325
PGD HO DAC DI	NGUYEN NGOC THANH	*****127	9	CT10128352-CT10128360
PGD QUAN 10	NGUYEN NGOC THANH	*****418	29	CT10078573-CT10078601
PGD THU DAU 1	NGUYEN NGOC THANH	*****511	100	DN10098077-DN10098176
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC THANH PHONG	*****793	38	CT10080836-CT10080873
CN BINH DUONG	NGUYEN NGOC THANH TAN	*****996	3	CT10068479-CT10068481
CN DONG NAI	NGUYEN NGOC THANH THUY	*****729	1	CT10086231-CT10086231
CN TAN THANH	NGUYEN NGOC THAO	*****780	3	CT10023937-CT10023939
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC THONG	*****699	36	CT10143246-CT10143250; DN10053252-DN10053277; TD10011086-TD10011090
CN DA NANG	NGUYEN NGOC THU HA	*****561	13	CT10097041-CT10097053
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN NGOC THUY	*****219	1	EB10002739-EB10002739
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC THUYEN	*****986	24	CT10144215-CT10144238
PGD QUAN THANH	NGUYEN NGOC TIEN	*****659	7	CT10098240-CT10098246
PGD VINH HOANG	NGUYEN NGOC TINH	*****640	29	CT10091052-CT10091080
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN NGOC TOAN	*****027	3	CT10066637-CT10066639
PGD HA LONG	NGUYEN NGOC TOAN	*****601	4	CT10083083-CT10083086

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN NGOC TOAN	*****669	20	CT10164153-CT10164172
CN CAN THO	NGUYEN NGOC TRAM	*****322	5	CT10101474-CT10101478
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC TRAM	*****869	1	CT10021158-CT10021158
CN DONG NAI	NGUYEN NGOC TRAN CHAU	*****405	1	EB10000400-EB10000400
CN HA DONG	NGUYEN NGOC TRUNG	*****599	1	CT10108277-CT10108277
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN NGOC TRUNG	*****842	24	CT10096507-CT10096530
CN THAI NGUYEN	NGUYEN NGOC TRUNG	*****516	5	CT10076954-CT10076958
PGD HAO NAM	NGUYEN NGOC TU	*****099	1	EB10001952-EB10001952
CN LANG HA	NGUYEN NGOC TU	*****256	1	EB10000563-EB10000563
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NGOC TU	*****879	10	CT10096273-CT10096282
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NGOC TU	*****982	3	CT10009269-CT10009271
PGD XUAN LA	NGUYEN NGOC TU	*****925	50	CT10156361-CT10156410
PGD DAI TU	NGUYEN NGOC TUAN	*****381	1	EB10002702-EB10002702
CN TIEN GIANG	NGUYEN NGOC TUAN	*****895	1	CT10028424-CT10028424
PGD SO SAO	NGUYEN NGOC TUAN	*****976	3	CT10145471-CT10145473
CN TAN BINH	NGUYEN NGOC TUE NGHI	*****939	2	CT10101927-CT10101928
PGD TAY HO	NGUYEN NGOC TUONG	*****909	15	CT10038995-CT10039009
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN NGOC TUY	*****558	6	CT10049609-CT10049609; TD10002436-TD10002440
CN HA DONG	NGUYEN NGOC TUYEN	*****485	1	EB10001169-EB10001169
CN DAK LAK	NGUYEN NGOC TUYEN	*****540	5	CT10113444-CT10113448
CN NHA TRANG	NGUYEN NGOC UYEN PHUONG	*****611	2	CT10110407-CT10110408
PGD SAO MAI	NGUYEN NGOC VIET SANG	*****727	1	EB10001671-EB10001671
PGD LE CHAN	NGUYEN NGOC VINH	*****751	5	CT10071650-CT10071654
PGD TAY HO	NGUYEN NGOC YEN	*****076	24	CT10110162-CT10110185
CN QUANG NINH	NGUYEN NGOC YEN	*****368	4	CT10016025-CT10016028
CN PHU MY HUNG	NGUYEN NGUYET HUYEN	*****217	9	CT10136795-CT10136803
PGD DAO TAN	NGUYEN NHAN CUONG	*****342	9	CT10057373-CT10057381

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN NHAN NGHIA	*****484	1	CT10077212-CT10077212
PGD QUANG PHU	NGUYEN NHAT CUONG	*****680	5	CT10114838-CT10114842
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NHAT CUONG	*****825	2	CT10159234-CT10159235
CN QUANG NGAI	NGUYEN NHAT DUY	*****038	1	EB10000282-EB10000282
CN HAI PHONG	NGUYEN NHAT HOANG	*****412	8	CT10073277-CT10073284
CN NHA TRANG	NGUYEN NHAT HUY	*****016	1	EB10002657-EB10002657
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NHAT LAN CHI	*****784	2	CT10057086-CT10057087
PGD KIM THANH	NGUYEN NHAT LINH	*****390	1	EB10001429-EB10001429
CN DA NANG	NGUYEN NHAT LINH	*****559	2	CT10084341-CT10084342
CN HUE	NGUYEN NHAT LINH	*****667	5	CT10104411-CT10104415
CN CAU GIAY	NGUYEN NHAT MINH	*****446	21	CT10005148-CT10005168
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NHAT NAM	*****876	2	CT10021856-CT10021857
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NHAT QUANG	*****153	7	CT10157767-CT10157773
CN HUE	NGUYEN NHAT QUANG	*****939	10	CT10143086-CT10143095
PGD TRUNG HOA	NGUYEN NHAT TAI	*****950	4	DN10083054-DN10083057
CN NGHE AN	NGUYEN NHAT THANG	*****201	6	CT10105937-CT10105942
PGD THANH SEN	NGUYEN NHAT TRUONG	*****632	1	EB10002242-EB10002242
CN VUNG TAU	NGUYEN NHAT TUYET	*****479	10	DN10088632-DN10088641
CN NHA TRANG	NGUYEN NHAT YEN THY	*****543	1	CT10089939-CT10089939
PGD HAM NGHI	NGUYEN NHU CHIEN	*****580	10	TD10005306-TD10005315
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NHU CHIEN	*****962	10	TD10003336-TD10003345
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN NHU HA	*****522	1	CT10064413-CT10064413
CN LANG HA	NGUYEN NHU HAI	*****924	5	CT10040883-CT10040887
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN NHU HOAI NAM	*****016	17	CT10158911-CT10158917; TD10004911-TD10004920
CN HAI PHONG	NGUYEN NHU HUAN	*****055	16	CT10084136-CT10084151
CN SO GIAO DICH	NGUYEN NHU PHUONG	*****682	19	CT10052202-CT10052220

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THAI TO	NGUYEN NHU QUANG	*****533	1	EB10002372-EB10002372
CN LANG HA	NGUYEN NHU QUYNH	*****014	2	CT10097350-CT10097351
CN HA DONG	NGUYEN NHU SANG	*****489	10	CT10162801-CT10162810
CN HAI DUONG	NGUYEN NHU THANG	*****484	2	CT10067365-CT10067366
CN NGHE AN	NGUYEN NHU THANG	*****947	6	CT10028302-CT10028307
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN NHU THONG	*****158	2	CT10104557-CT10104558
CN DA NANG	NGUYEN NHU TOAN	*****770	12	CT10017817-CT10017828
CN DAI AN	NGUYEN NHU TRUNG	*****286	7	CT10037059-CT10037065
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN NHU TUAN	*****875	24	CT10167044-CT10167067
PGD DOI CAN	NGUYEN NHU TUYET QUYNH	*****798	1	EB10000951-EB10000951
PGD TRUNG HOA	NGUYEN NHU VAN	*****700	7	CT10092308-CT10092314
CN BINH DINH	NGUYEN NI	*****777	35	DN10004713-DN10004747
PGD THANH SEN	NGUYEN NU LE NA	*****342	9	CT10033911-CT10033919
PGD MY CA	NGUYEN NU THU HA	*****137	1	EB10000769-EB10000769
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN NU THUC NHI	*****021	1	EB10001935-EB10001935
SEABANK LE DUAN	NGUYEN NU THUY TRINH	*****378	4	CT10047722-CT10047725
CN DA NANG	NGUYEN PHAM HOANG LY	*****362	7	CT10016375-CT10016381
CN CAN THO	NGUYEN PHAM HOANG TU	*****051	2	CT10102019-CT10102020
CN DAI AN	NGUYEN PHAM PHUONG ANH	*****988	12	CT10091915-CT10091926
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN PHAM TRA MY	*****896	1	CT10118299-CT10118299
PGD THU DAU 1	NGUYEN PHAM TUONG VI	*****572	1	EB10001914-EB10001914
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN PHAN DONG	*****670	24	CT10013422-CT10013440; TD10008276-TD10008280
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN PHAN HUNG	*****199	25	CT10081359-CT10081383
CN LANG HA	NGUYEN PHAN HUONG LY	*****987	16	CT10159278-CT10159293
PGD KIM LIEN	NGUYEN PHAN THU TRANG	*****678	1	EB10001308-EB10001308

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN PHAN THUY VAN	*****645	4	CT10079243-CT10079246
CN DA NANG	NGUYEN PHAN TRUONG LONG	*****505	1	CT10119212-CT10119212
CN DAI AN	NGUYEN PHAN TUAN	*****032	2	CT10045137-CT10045138
PGD YEN PHU	NGUYEN PHAN TUNG	*****236	57	CT10021908-CT10021964
PGD YEN PHU	NGUYEN PHAN TUNG	*****535	14	CT10052975-CT10052988
PGD SAO MAI	NGUYEN PHAN VIET AN	*****310	1	EB10003033-EB10003033
PGD QUAN 8	NGUYEN PHAT KHIEM	*****050	1	CT10040332-CT10040332
CN HAI PHONG	NGUYEN PHI DIEP	*****808	7	CT10164129-CT10164135
CN DA NANG	NGUYEN PHI DUY LINH	*****460	4	CT10131735-CT10131738
PGD CAM RANH	NGUYEN PHI HUNG	*****015	5	TD10004011-TD10004015
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN PHI HUNG	*****473	1	CT10024827-CT10024827
PGD SAO DO	NGUYEN PHI HUYEN	*****818	1	EB10002541-EB10002541
CN THAI NGUYEN	NGUYEN PHI KHOA	*****743	19	CT10136625-CT10136628; TD10007281-TD10007295
CN CAU GIAY	NGUYEN PHI LONG	*****186	17	CT10013843-CT10013859
HUB PAYROLL MB	NGUYEN PHI LONG	*****584	24	CT10110748-CT10110771
PGD BA TRIEU	NGUYEN PHI LONG	*****584	1	EB10002756-EB10002756
PGD THAI THINH	NGUYEN PHI LONG	*****000	6	CT10055950-CT10055955
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN PHI LONG	*****909	2	CT10115096-CT10115097
CN BINH DINH	NGUYEN PHI THUAN	*****641	81	DN10024181-DN10024260; EB10000568-EB10000568
CN HAI PHONG	NGUYEN PHI TOAN	*****773	1	CT10109301-CT10109301
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN PHONG	*****302	16	CT10114364-CT10114379
CN HAI PHONG	NGUYEN PHONG DOANH	*****100	2	CT10028533-CT10028534
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN PHONG NINH	*****462	10	CT10052648-CT10052657
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHU BINH	*****777	3	CT10095645-CT10095647
CN QUANG NINH	NGUYEN PHU CHIEN	*****649	5	TD10009786-TD10009790
CN SO GIAO DICH	NGUYEN PHU CUONG	*****085	1	CT10096102-CT10096102
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN PHU HA	*****042	1	EB10001039-EB10001039

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHU HUONG	*****645	10	TD10006181-TD10006190
CN HAI PHONG	NGUYEN PHU KHOA	*****533	12	CT10044952-CT10044963
CN TAN BINH	NGUYEN PHU QUOC	*****188	5	TD10008291-TD10008295
CN DA NANG	NGUYEN PHU QUY	*****512	25	CT10017332-CT10017356
CN NHA TRANG	NGUYEN PHU QUY	*****703	1	EB10000036-EB10000036
CN DA NANG	NGUYEN PHU TAN	*****364	34	CT10039120-CT10039153
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHU THANG	*****654	10	CT10055072-CT10055081
PGD LE LOI	NGUYEN PHU THAO	*****058	62	CT10047404-CT10047410; DN10094794-DN10094843; TD10002301-TD10002305
PGD TON DAN	NGUYEN PHU THUAN	*****297	4	CT10128279-CT10128282
CN HAI PHONG	NGUYEN PHU TRUONG	*****797	7	CT10043528-CT10043534
CN DA NANG	NGUYEN PHU YEN	*****023	4	CT10052509-CT10052512
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN PHUC ANH	*****028	15	CT10028740-CT10028754
CN HAI PHONG	NGUYEN PHUC CHINH	*****833	11	CT10048150-CT10048150; TD10002336-TD10002345
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN PHUC DAI	*****177	10	CT10042999-CT10043008
CN CAN THO	NGUYEN PHUC DUY KHANG	*****270	1	CT10156047-CT10156047
HUB PAYROLL MB	NGUYEN PHUC HAI	*****167	24	CT10086677-CT10086700
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN PHUC HIEN	*****952	11	CT10166714-CT10166724
PGD LE THANH TONG	NGUYEN PHUC HOAN	*****852	1	CT10035912-CT10035912
PGD QUAN THANH	NGUYEN PHUC PHONG	*****554	9	CT10071426-CT10071434
CN HA DONG	NGUYEN PHUC THINH	*****560	107	CT10049463-CT10049569
PGD THAI THINH	NGUYEN PHUC TRUONG	*****709	53	CT10136917-CT10136969
PGD BACH DANG	NGUYEN PHUNG DUC ANH	*****622	1	EB10001206-EB10001206
PGD HAO NAM	NGUYEN PHUNG NAM	*****776	9	CT10071680-CT10071688
CN NGHE AN	NGUYEN PHUNG NHAT TAN	*****576	1	CT10121979-CT10121979
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN PHUOC BAO THINH	*****610	3	CT10163987-CT10163989
PGD VINH HAI	NGUYEN PHUOC DINH	*****199	1	CT10089991-CT10089991

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	NGUYEN PHUOC GIA	*****334	10	CT10004888-CT10004897
PGD AU CO	NGUYEN PHUOC HUNG	*****152	16	CT10022175-CT10022190
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN PHUOC KIM TAI	*****920	9	CT10109695-CT10109703
CN DA NANG	NGUYEN PHUOC LE	*****577	7	CT10019444-CT10019450
CN CAN THO	NGUYEN PHUOC LOC	*****088	5	CT10144113-CT10144117
CN TAN BINH	NGUYEN PHUOC LOC	*****904	4	CT10067314-CT10067317
CN DA NANG	NGUYEN PHUOC LONG	*****894	4	CT10122906-CT10122909
PGD BACH DANG	NGUYEN PHUOC TAN	*****004	4	CT10064334-CT10064337
CN BINH DUONG	NGUYEN PHUOC THIEN	*****021	4	CT10105796-CT10105799
CN CAN THO	NGUYEN PHUOC THO	*****934	2	CT10134242-CT10134243
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN PHUOC TRUNG	*****573	1	CT10057316-CT10057316
SEABANK LE DUAN	NGUYEN PHUOC TUAN	*****495	28	CT10007218-CT10007245
CN TAN THANH	NGUYEN PHUOC VINH	*****663	14	DN10000460-DN10000473
PGD PHU HUNG	NGUYEN PHUOC XUAN HUONG	*****066	26	CT10049437-CT10049462
CN NHA TRANG	NGUYEN PHUONG	*****529	96	DN10034737-DN10034826; EB10003022-EB10003022; TD10009156-TD10009160
CN DAI AN	NGUYEN PHUONG ANH	*****064	14	CT10035067-CT10035080
CN HA DONG	NGUYEN PHUONG ANH	*****393	2	CT10051307-CT10051308
CN DAI AN	NGUYEN PHUONG ANH HUNG CUONG	*****504	7	CT10011997-CT10012003
CN VUNG TAU	NGUYEN PHUONG BINH	*****405	1	CT10145130-CT10145130
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN PHUONG CHI	*****197	5	TD10002561-TD10002565
PGD DAO TAN	NGUYEN PHUONG CHI	*****603	3	CT10036518-CT10036520
PGD BACH MAI	NGUYEN PHUONG DIEU LINH	*****719	15	CT10157917-CT10157931
PGD XUAN LA	NGUYEN PHUONG DONG	*****015	5	CT10166881-CT10166885
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHUONG DONG	*****783	3	CT10051458-CT10051460

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	NGUYEN PHUONG DUNG	*****026	50	CT10002596-CT10002645
CN BINH DINH	NGUYEN PHUONG DUNG	*****402	7	CT10086585-CT10086591
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN PHUONG HA	*****360	7	CT10041521-CT10041527
PGD KIM LIEN	NGUYEN PHUONG HOA	*****118	2	CT10050393-CT10050394
PGD LAN ONG	NGUYEN PHUONG HOA	*****160	2	CT10070775-CT10070776
PGD CAM RANH	NGUYEN PHUONG LINH	*****191	2	CT10111035-CT10111036
HUB PAYROLL MN	NGUYEN PHUONG LINH	*****195	34	CT10062571-CT10062604
PGD TO HIEU	NGUYEN PHUONG LINH	*****993	1	EB10001669-EB10001669
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHUONG LY	*****273	1	EB10001573-EB10001573
CN HA NOI	NGUYEN PHUONG MAI	*****611	8	CT10044341-CT10044348
PGD DOI CAN	NGUYEN PHUONG THANH	*****774	75	CT10148743-CT10148817
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN PHUONG THANH	*****053	19	CT10013274-CT10013292
PGD HOANG DIEU	NGUYEN PHUONG THANH	*****960	4	CT10004936-CT10004939
CN DAI AN	NGUYEN PHUONG THAO	*****344	1	CT10062092-CT10062092
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN PHUONG THAO	*****390	7	CT10053743-CT10053749
CN DA NANG	NGUYEN PHUONG THAO	*****688	1	CT10137438-CT10137438
PGD THANH CONG	NGUYEN PHUONG THAO	*****737	9	CT10042092-CT10042100
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN PHUONG THAO	*****846	1	CT10082744-CT10082744
CN DONG DA	NGUYEN PHUONG THAO	*****790	1	EB10001530-EB10001530
CN AN GIANG	NGUYEN PHUONG THAO YEN	*****881	2	CT10148983-CT10148984

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	NGUYEN PHUONG THUY	*****801	7	CT10039652-CT10039658
CN DAK LAK	NGUYEN PHUONG THUYET	*****851	4	DN10064427-DN10064430
PGD QUAN 10	NGUYEN PHUONG TRANG	*****078	3	CT10011291-CT10011293
PGD HOANG DIEU	NGUYEN PHUONG TRUNG	*****495	4	CT10065989-CT10065992
CN DONG DA	NGUYEN PHUONG TU	*****075	7	CT10088070-CT10088076
PGD QUAN 7	NGUYEN PHUONG TUYEN	*****242	2	CT10140910-CT10140911
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUAN	*****248	21	CT10051130-CT10051150
PGD XUAN LA	NGUYEN QUAN THUY	*****378	12	CT10075246-CT10075257
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUAN TUNG	*****534	9	CT10037435-CT10037443
CN HA NOI	NGUYEN QUANG ANH	*****094	11	CT10143572-CT10143582
CN CAU GIAY	NGUYEN QUANG ANH	*****494	9	CT10161827-CT10161835
CN HAI PHONG	NGUYEN QUANG ANH	*****864	2	CT10139507-CT10139508
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUANG BAO	*****293	18	CT10034316-CT10034333
CN TAN BINH	NGUYEN QUANG BAO	*****387	9	CT10014447-CT10014455
PGD LAN ONG	NGUYEN QUANG CHIEN	*****086	38	CT10071611-CT10071648
CN SO GIAO DICH	NGUYEN QUANG CONG	*****822	1	EB10000858-EB10000858
PGD YEN PHU	NGUYEN QUANG DAI	*****271	57	CT10070001-CT10070057
PGD VAN XUAN	NGUYEN QUANG DAI	*****406	1	EB10000783-EB10000783
CN LONG BIEN	NGUYEN QUANG DAO	*****700	1	CT10101352-CT10101352
PGD VAN QUAN	NGUYEN QUANG DAT	*****046	11	CT10096437-CT10096447
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN QUANG DOAN	*****659	1	EB10000258-EB10000258
CN DA NANG	NGUYEN QUANG DONG	*****133	2	CT10041469-CT10041470
CN DAI AN	NGUYEN QUANG DUC	*****763	8	CT10024819-CT10024826
CN HA NOI	NGUYEN QUANG DUC	*****074	1	EB10003112-EB10003112
CN HAI DUONG	NGUYEN QUANG DUNG	*****448	51	DN10089523-DN10089567; EB10002225-EB10002225; TD10004536-TD10004540

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	NGUYEN QUANG DUNG	*****931	5	CT10110571-CT10110575
CN TAN BINH	NGUYEN QUANG DUY THONG	*****409	1	CT10051839-CT10051839
CN HA DONG	NGUYEN QUANG HAI	*****196	50	CT10060511-CT10060560
PGD NGOC HOI	NGUYEN QUANG HAI	*****196	1	EB10001086-EB10001086
SEABANK LE DUAN	NGUYEN QUANG HANH	*****380	15	CT10057247-CT10057261
CN DAI AN	NGUYEN QUANG HIEN	*****539	7	CT10158397-CT10158403
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUANG HIEN	*****451	24	CT10019857-CT10019880
CN TAN BINH	NGUYEN QUANG HIEN DAT	*****081	25	CT10024850-CT10024874
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN QUANG HIEU	*****075	21	CT10126246-CT10126266
CN HAI DUONG	NGUYEN QUANG HOA	*****103	185	DN10003739-DN10003918; TD10005856-TD10005860
CN CAU GIAY	NGUYEN QUANG HOC	*****262	9	CT10103359-CT10103367
CN DAI AN	NGUYEN QUANG HUNG	*****606	10	CT10120146-CT10120155
PGD THANG LONG	NGUYEN QUANG HUNG	*****836	22	CT10143982-CT10144003
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN QUANG HUNG	*****806	10	CT10057591-CT10057600
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUANG HUY	*****049	24	CT10105644-CT10105667
PGD KHAM THIEN	NGUYEN QUANG HUY	*****169	9	CT10035253-CT10035261
PGD TAY HO	NGUYEN QUANG HUY	*****542	4	CT10143808-CT10143811
PGD DAO TAN	NGUYEN QUANG HUY	*****661	1	CT10091284-CT10091284
CN HAI AN	NGUYEN QUANG HUY	*****821	11	DN10021805-DN10021814; EB10000454-EB10000454
CN DAI AN	NGUYEN QUANG HUY	*****980	2	CT10154744-CT10154745
PGD TIEN AN	NGUYEN QUANG HUY	*****029	1	CT10028645-CT10028645
CN DAK LAK	NGUYEN QUANG HUY	*****094	1	EB10002878-EB10002878
CN PHU MY HUNG	NGUYEN QUANG HUY	*****477	2	CT10012632-CT10012633
CN DAI AN	NGUYEN QUANG HUY	*****648	1	CT10074992-CT10074992
PGD TIEN AN	NGUYEN QUANG HUY	*****795	1	EB10001407-EB10001407
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUANG HUY	*****854	20	DN10005798-DN10005817
PGD TIEN AN	NGUYEN QUANG HUY	*****877	12	CT10062107-CT10062118
PGD SAI DONG	NGUYEN QUANG HUY	*****917	15	CT10060226-CT10060240

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LANG THUONG	NGUYEN QUANG KHAI	*****113	2	CT10037264-CT10037265
PGD QUAN 1	NGUYEN QUANG LAM	*****207	27	CT10151877-CT10151903
CN NGHE AN	NGUYEN QUANG LONG	*****469	5	TD10003071-TD10003075
CN THANH XUAN	NGUYEN QUANG MAI	*****325	65	CT10029791-CT10029855
CN VINH PHUC	NGUYEN QUANG MANH	*****796	80	DN10077641-DN10077720
PGD XUAN LA	NGUYEN QUANG MINH	*****050	15	CT10086792-CT10086806
PGD LAN ONG	NGUYEN QUANG MINH	*****305	3	CT10011735-CT10011737
CN CAU GIAY	NGUYEN QUANG MINH	*****513	8	CT10020272-CT10020279
CN BAC NINH	NGUYEN QUANG MINH	*****745	3	CT10075662-CT10075664
CN HAI PHONG	NGUYEN QUANG MINH	*****836	1	CT10049767-CT10049767
CN HAI PHONG	NGUYEN QUANG MINH	*****909	1	CT10139560-CT10139560
CN LONG BIEN	NGUYEN QUANG NAM	*****275	306	DN10059048-DN10059347; EB10001243-EB10001243; TD10000171-TD10000175
PGD LAN ONG	NGUYEN QUANG NGUYEN	*****219	40	CT10093559-CT10093598
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUANG PHONG	*****321	7	CT10013546-CT10013552
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN QUANG PHUC	*****823	3	CT10000380-CT10000382
PGD MY CA	NGUYEN QUANG SON	*****706	2	CT10102549-CT10102550
CN DA NANG	NGUYEN QUANG SY	*****206	13	CT10044489-CT10044501
SEABANK LE DUAN	NGUYEN QUANG TANG	*****433	3	CT10015571-CT10015573
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUANG THANG	*****253	1	CT10124634-CT10124634
CN DONG DA	NGUYEN QUANG THANG	*****332	26	CT10007005-CT10007030
CN DA NANG	NGUYEN QUANG THANG	*****393	5	CT10088426-CT10088430
CN DONG DA	NGUYEN QUANG THANG	*****955	10	CT10136772-CT10136776; TD10007296-TD10007300
CN SO GIAO DICH	NGUYEN QUANG THANH	*****149	2	CT10107806-CT10107807
PGD LE CHAN	NGUYEN QUANG THANH	*****294	2	CT10040313-CT10040314

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN QUANG THANH	*****416	1	CT10061136-CT10061136
PGD TAY HO	NGUYEN QUANG THANH	*****701	99	CT10123962-CT10124010; DN10090346-DN10090395
CN LANG HA	NGUYEN QUANG THANH	*****764	5	TD10003141-TD10003145
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN QUANG THINH	*****323	2	CT10068590-CT10068591
CN DAI AN	NGUYEN QUANG THUY	*****666	43	CT10080057-CT10080099
PGD LE CHAN	NGUYEN QUANG TIEN	*****199	1	CT10053908-CT10053908
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUANG TOAN	*****101	13	CT10045805-CT10045817
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUANG TRUNG	*****480	10	CT10029983-CT10029992
CN HAI AN	NGUYEN QUANG TRUNG	*****888	4	CT10121260-CT10121263
CN THANH XUAN	NGUYEN QUANG TRUNG	*****961	10	CT10070926-CT10070935
CN NHA TRANG	NGUYEN QUANG TRUNG	*****345	1	CT10062190-CT10062190
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN QUANG TRUONG	*****936	13	CT10157125-CT10157137
PGD THANH CONG	NGUYEN QUANG TUAN	*****669	25	CT10158244-CT10158268
CN THANH XUAN	NGUYEN QUANG TUAN	*****059	3	CT10012446-CT10012448
PGD SOC SON	NGUYEN QUANG TUAN	*****824	1	EB10000354-EB10000354
PGD TIEN AN	NGUYEN QUANG TUC	*****687	15	CT10067435-CT10067449
CN SO GIAO DICH	NGUYEN QUANG TUNG	*****943	10	CT10084767-CT10084776
PGD HAI TAN	NGUYEN QUANG TUYEN	*****078	3	CT10076092-CT10076094
PGD HO GUOM	NGUYEN QUANG VIET	*****205	5	TD10003736-TD10003740
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN QUANG VINH	*****451	12	CT10063857-CT10063868
CN DA NANG	NGUYEN QUANG VINH	*****084	274	DN10091362-DN10091635
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUANG VINH	*****438	40	CT10143186-CT10143225

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN QUANG VINH	*****442	4	CT10044436-CT10044439
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN QUANG VINH	*****724	1	EB10002329-EB10002329
CN HAI PHONG	NGUYEN QUANG VINH	*****783	13	CT10037184-CT10037196
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUANG VINH	*****879	25	CT10071811-CT10071835
CN HAI AN	NGUYEN QUANG VU	*****347	1	CT10049934-CT10049934
CN NHA TRANG	NGUYEN QUAT BAO	*****356	1	EB10001529-EB10001529
CN CAN THO	NGUYEN QUE ANH	*****735	11	DN10046386-DN10046396
PGD BOTANIC	NGUYEN QUE CHI	*****135	2	CT10079797-CT10079798
CN DONG DA	NGUYEN QUI DUC	*****206	45	CT10113505-CT10113549
PGD QUAN 10	NGUYEN QUOC AN	*****557	3	CT10066126-CT10066128
CN HA TINH	NGUYEN QUOC ANH	*****029	30	DN10039044-DN10039073
PGD THANH SEN	NGUYEN QUOC ANH	*****466	20	CT10080440-CT10080459
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUOC BAO	*****817	21	CT10097938-CT10097958
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN QUOC BAO	*****483	9	CT10018908-CT10018916
CN TIEN GIANG	NGUYEN QUOC BAO	*****938	1	CT10163554-CT10163554
CN TAN BINH	NGUYEN QUOC BINH	*****847	3	CT10010313-CT10010315
CN NHA TRANG	NGUYEN QUOC CANH	*****791	1	CT10136755-CT10136755
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUOC CUONG	*****459	12	CT10096773-CT10096784
CN HAI PHONG	NGUYEN QUOC CUONG	*****277	37	CT10164083-CT10164119
CN DA NANG	NGUYEN QUOC CUONG	*****678	4	CT10012371-CT10012374
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUOC CUONG	*****470	5	CT10007377-CT10007381
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUOC DAT	*****025	8	CT10056944-CT10056951
PGD HOANG DIEU	NGUYEN QUOC DAT	*****109	8	CT10136804-CT10136811
CN CA MAU	NGUYEN QUOC DIEN	*****609	5	CT10069535-CT10069539
CN DAI AN	NGUYEN QUOC DUNG	*****200	12	CT10132022-CT10132033
CN QUANG NGAI	NGUYEN QUOC DUNG	*****079	1	CT10098264-CT10098264
CN TAN PHU	NGUYEN QUOC DUNG	*****771	4	CT10084717-CT10084720
CN SAI GON	NGUYEN QUOC GIA HUY	*****918	3	CT10154199-CT10154201
CN BAC NINH	NGUYEN QUOC GIANG	*****558	1	CT10073847-CT10073847
CN THAI NGUYEN	NGUYEN QUOC HAI	*****289	1	CT10124853-CT10124853

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	NGUYEN QUOC HAI	*****654	12	CT10139168-CT10139179
CN THANH XUAN	NGUYEN QUOC HAO	*****518	100	CT10069410-CT10069509
PGD TAY HO	NGUYEN QUOC HIEP	*****343	24	CT10071251-CT10071274
PGD NUI THANH	NGUYEN QUOC HIEU	*****310	4	CT10055737-CT10055740
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN QUOC HOAN	*****179	7	CT10123700-CT10123706
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUOC HUNG	*****001	3	CT10114046-CT10114048
PGD XUAN LA	NGUYEN QUOC HUNG	*****011	15	CT10125808-CT10125822
CN LONG BIEN	NGUYEN QUOC HUNG	*****055	24	CT10118454-CT10118477
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUOC HUNG	*****225	24	CT10092471-CT10092494
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUOC HUNG	*****468	1	EB10001595-EB10001595
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUOC HUNG	*****487	1	CT10086234-CT10086234
CN VUNG TAU	NGUYEN QUOC HUNG	*****828	7	DN10000651-DN10000657
PGD QUAN 10	NGUYEN QUOC HUNG	*****113	3	CT10054734-CT10054736
CN AN GIANG	NGUYEN QUOC HUNG	*****755	1	CT10092292-CT10092292
CN CAU GIAY	NGUYEN QUOC HUNG	*****772	1	CT10163529-CT10163529
PGD LE THANH TONG	NGUYEN QUOC HUY	*****713	1	EB10001542-EB10001542
CN VINH PHUC	NGUYEN QUOC HUY	*****974	1	CT10096730-CT10096730
CN DONG DA	NGUYEN QUOC HUY	*****511	7	CT10151330-CT10151336
PGD THAI THINH	NGUYEN QUOC HUY	*****511	66	DN10032764-DN10032829
PGD XUAN LA	NGUYEN QUOC HUY	*****570	102	DN10063884-DN10063965; TD10000801-TD10000820
PGD QUAN 1	NGUYEN QUOC HUY	*****604	3	CT10054268-CT10054270
CN CAU GIAY	NGUYEN QUOC HUY	*****892	5	CT10130033-CT10130037
PGD HAM NGHI	NGUYEN QUOC HUY	*****895	86	DN10051287-DN10051366; EB10000808-EB10000808; TD10010956-TD10010960
PGD DAO TAN	NGUYEN QUOC KHANH	*****020	22	CT10100069-CT10100090
CN HAI PHONG	NGUYEN QUOC KHANH	*****030	4	CT10069016-CT10069019
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUOC KHANH	*****331	51	CT10041384-CT10041434
CN SO GIAO DICH	NGUYEN QUOC KHANH	*****792	13	CT10100948-CT10100960
CN DA NANG	NGUYEN QUOC KHANH	*****449	16	CT10121406-CT10121421

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN QUOC KHANH	*****497	13	CT10130458-CT10130470
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN QUOC KHANH	*****839	15	CT10049610-CT10049624
PGD MY CA	NGUYEN QUOC KY	*****950	10	CT10089277-CT10089286
PGD THANH CONG	NGUYEN QUOC LONG	*****946	2	CT10045204-CT10045205
CN CA MAU	NGUYEN QUOC NGHIEM	*****203	3	CT10048458-CT10048460
CN SAI GON	NGUYEN QUOC PHONG	*****502	110	DN10038037-DN10038146
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUOC PHONG	*****887	19	CT10139464-CT10139482
CN CAU GIAY	NGUYEN QUOC SANG	*****244	5	CT10105640-CT10105643; EB10001646-EB10001646
CN THANH XUAN	NGUYEN QUOC SON	*****611	10	CT10060245-CT10060254
CN CAU GIAY	NGUYEN QUOC SY	*****513	17	CT10136603-CT10136619
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN QUOC TAN	*****114	9	CT10049642-CT10049645; TD10002406-TD10002410
CN HA DONG	NGUYEN QUOC TANG	*****943	28	CT10134712-CT10134739
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUOC THAI	*****150	1	EB10003203-EB10003203
PGD PHU LAM	NGUYEN QUOC THAI	*****508	6	CT10050653-CT10050658
CN TIEN GIANG	NGUYEN QUOC THANG	*****249	11	DN10099138-DN10099143; TD10002851-TD10002855
PGD DAO TAN	NGUYEN QUOC THANG	*****869	3	CT10047968-CT10047970
PGD NUI THANH	NGUYEN QUOC THANH	*****063	2	CT10035129-CT10035130
CN NHA TRANG	NGUYEN QUOC THIEN	*****830	1	CT10090258-CT10090258
CN DONG DA	NGUYEN QUOC THINH	*****133	17	CT10100369-CT10100385
PGD HOANG DIEU	NGUYEN QUOC THINH	*****269	2	CT10021555-CT10021556
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN QUOC THINH	*****654	7	CT10035866-CT10035872
CN THAI NGUYEN	NGUYEN QUOC TOAN	*****552	1	EB10003280-EB10003280
PGD BINH TAN	NGUYEN QUOC TRAN	*****412	10	CT10051263-CT10051272
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN QUOC TRIEU	*****761	3	CT10029107-CT10029109
PGD NUI THANH	NGUYEN QUOC TRINH	*****768	3	CT10005835-CT10005837
CN TAN BINH	NGUYEN QUOC TRUNG	*****012	1	EB10002960-EB10002960

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DAO TAN	NGUYEN QUOC TRUNG	*****382	14	CT10144597-CT10144605; TD10011246-TD10011250
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUOC TUAN	*****144	50	DN10065787-DN10065836
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUOC VIET	*****326	19	CT10109024-CT10109031; EB10001739-EB10001739; TD10001911-TD10001920
CN BINH DINH	NGUYEN QUOC VIET	*****735	3	DN10108059-DN10108061
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUOC VINH	*****102	4	CT10120964-CT10120967
CN TAN BINH	NGUYEN QUOC VU	*****829	2	CT10130308-CT10130309
PGD TRUNG NHI	NGUYEN QUOC VUONG	*****723	5	CT10096867-CT10096871
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN QUY CUONG	*****776	10	CT10022306-CT10022315
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN QUY DON	*****531	15	CT10053005-CT10053019
CN LANG HA	NGUYEN QUY DUONG	*****788	4	CT10085121-CT10085124
PGD DAI KIM	NGUYEN QUY HIEP	*****648	1	CT10042744-CT10042744
PGD KHAM THIEN	NGUYEN QUY MANH	*****154	11	CT10052661-CT10052671
CN DONG DA	NGUYEN QUY QUANG	*****086	1	CT10048137-CT10048137
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUY THANH	*****476	8	CT10129292-CT10129299
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN QUY THIEN	*****179	2	CT10086919-CT10086920
CN DONG DA	NGUYEN QUYET THANG	*****929	20	CT10092444-CT10092463
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN QUYET TIEN	*****199	15	CT10145295-CT10145309
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN QUYET TIEN	*****407	10	CT10007452-CT10007461
CN DONG DA	NGUYEN QUYNH ANH	*****106	40	CT10125445-CT10125464; TD10004626-TD10004645
CN HA DONG	NGUYEN QUYNH ANH	*****924	98	CT10119923-CT10120020
CN SO GIAO DICH	NGUYEN QUYNH ANH	*****550	1	EB10002099-EB10002099
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN QUYNH ANH	*****565	1	CT10080596-CT10080596
PGD DAO TAN	NGUYEN QUYNH CHI	*****951	2	CT10034691-CT10034692
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN QUYNH CHI	*****109	3	CT10072879-CT10072881
CN DAI AN	NGUYEN QUYNH CHI	*****209	2	CT10165956-CT10165957

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN QUYNH MAI	*****192	10	CT10075268-CT10075277
CN SAI GON	NGUYEN QUYNH NGOC TRAM	*****494	1	EB10002853-EB10002853
CN HAI DUONG	NGUYEN QUYNH TRANG	*****075	5	CT10051013-CT10051017
HUB PAYROLL MB	NGUYEN QUYNH TRANG	*****515	25	CT10029081-CT10029105
PGD TO HIEU	NGUYEN QUYNH TRANG	*****630	3	CT10065471-CT10065473
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN SANG	*****874	9	CT10118751-CT10118759
PGD TRUONG THI	NGUYEN SI DUNG	*****343	1	CT10144753-CT10144753
CN DA NANG	NGUYEN SI HOANG TU	*****685	5	CT10156340-CT10156344
CN HA DONG	NGUYEN SI HUNG	*****411	1	CT10072803-CT10072803
PGD SO SAO	NGUYEN SI THONG	*****800	24	CT10091716-CT10091739
CN THANH HOA	NGUYEN SI TU	*****487	1	CT10056659-CT10056659
CN LANG HA	NGUYEN SINH LAM	*****835	1	EB10000610-EB10000610
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN SINH TRUONG	*****470	2	CT10088299-CT10088300
CN DA NANG	NGUYEN SON	*****874	1	CT10092266-CT10092266
PGD HAM NGHI	NGUYEN SON DUNG	*****275	24	CT10052571-CT10052594
CN HAI AN	NGUYEN SON HA	*****534	5	CT10084017-CT10084021
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN SON HAI	*****169	1	EB10003059-EB10003059
CN THANH XUAN	NGUYEN SON HAI	*****256	17	CT10137654-CT10137670
SEABANK LE DUAN	NGUYEN SON HAI	*****508	4	CT10026167-CT10026170
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN SON HAI	*****593	11	CT10082756-CT10082766
CN DONG DA	NGUYEN SON NAM	*****324	2	CT10028140-CT10028141
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN SON THANH	*****304	3	CT10160284-CT10160286
PGD HOANG DIEU	NGUYEN SON THANH	*****420	18	CT10131991-CT10132008
PGD THANH CONG	NGUYEN SON TUNG	*****182	25	CT10165556-CT10165580
PGD KIM VAN	NGUYEN SONG	*****288	85	CT10039567-CT10039651
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN SONG NAM	*****089	2	CT10059832-CT10059833
PGD HO GUOM	NGUYEN SONG NGOC	*****747	61	CT10109899-CT10109954; TD10002011-TD10002015

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	NGUYEN SONG TOAN	*****296	3	CT10158826-CT10158828
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN SONG TUNG	*****250	4	CT10099187-CT10099190
PGD CAM RANH	NGUYEN SY BANG	*****484	2	CT10043051-CT10043052
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN SY HAO	*****530	10	TD10006496-TD10006505
PGD AU CO	NGUYEN SY HUY	*****205	1	CT10096030-CT10096030
PGD TRAN PHU	NGUYEN SY NGHI	*****537	7	CT10118409-CT10118415
CN BAC NINH	NGUYEN SY QUAN	*****363	1	EB10001352-EB10001352
SEABANK LE DUAN	NGUYEN SY TAI	*****550	14	CT10082032-CT10082045
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN SY THANG	*****999	25	CT10073996-CT10074020
PGD THANH CONG	NGUYEN SY THIEM	*****092	1	EB10001896-EB10001896
PGD THANH DONG	NGUYEN SY TIEN	*****128	1	EB10002226-EB10002226
CN DAI AN	NGUYEN SY TRUONG	*****213	36	CT10112855-CT10112890
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN SY TUAN ANH	*****279	20	CT10075068-CT10075087
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN TA THUAN	*****565	25	CT10155708-CT10155732
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TAI KHANH	*****233	1	CT10013692-CT10013692
CN BAC NINH	NGUYEN TAI QUANG	*****931	1	CT10075109-CT10075109
CN DAI AN	NGUYEN TAI THANH	*****342	5	TD10007701-TD10007705
CN BAC NINH	NGUYEN TAI THUONG	*****887	25	CT10095557-CT10095581
PGD BUON DON	NGUYEN TAN ANH	*****403	1	EB10002463-EB10002463
PGD QUAN THANH	NGUYEN TAN BINH	*****202	6	CT10097604-CT10097609
PGD GIA LAM	NGUYEN TAN CUONG	*****011	14	CT10013873-CT10013881; TD10008306-TD10008310
CN NHA TRANG	NGUYEN TAN CUONG	*****245	1	EB10001105-EB10001105
PGD HUNG VUONG	NGUYEN TAN CUONG	*****727	15	CT10153849-CT10153863
CN TAN PHU	NGUYEN TAN DAO	*****867	83	DN10087419-DN10087500; EB10002160-EB10002160
PGD THU DUC	NGUYEN TAN DAT	*****273	20	CT10039886-CT10039905
CN NHA TRANG	NGUYEN TAN DUY	*****550	1	EB10003153-EB10003153
CN HA DONG	NGUYEN TAN HAI	*****134	15	CT10115646-CT10115660
CN NHA TRANG	NGUYEN TAN HUY	*****752	1	EB10002910-EB10002910
PGD CONG HOA	NGUYEN TAN KIET	*****991	1	CT10026244-CT10026244
PGD HAN THUYEN	NGUYEN TAN LAM	*****757	10	CT10129467-CT10129476
CN PHU MY HUNG	NGUYEN TAN LOC	*****007	1	CT10074794-CT10074794

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	NGUYEN TAN LOI	*****157	45	DN10036456-DN10036500
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TAN LONG	*****809	24	CT10053771-CT10053794
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TAN LUC	*****650	18	DN10020623-DN10020640
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TAN MINH	*****501	3	CT10070772-CT10070774
CN AN GIANG	NGUYEN TAN PHAT	*****901	15	CT10166640-CT10166654
CN DA NANG	NGUYEN TAN PHUC	*****832	2	CT10101415-CT10101416
PGD HOA BINH	NGUYEN TAN PHUOC	*****672	50	CT10004664-CT10004713
PGD HOANG DIEU	NGUYEN TAN PHUONG UYEN	*****945	1	CT10137038-CT10137038
CN TAN BINH	NGUYEN TAN TAI	*****578	5	TD10008591-TD10008595
CN NHA TRANG	NGUYEN TAN THANH	*****310	7	CT10139387-CT10139393
CN NHA TRANG	NGUYEN TAN THI	*****531	1	EB10003231-EB10003231
PGD SO SAO	NGUYEN TAN THINH	*****392	27	DN10001375-DN10001401
SEABANK LE DUAN	NGUYEN TAN TOAN	*****388	5	CT10098181-CT10098185
CN TAN BINH	NGUYEN TAN TRUNG	*****269	41	CT10048827-CT10048867
CN BINH DUONG	NGUYEN TAN VINH	*****671	1	CT10058146-CT10058146
PGD SO SAO	NGUYEN TAN VU	*****948	1	EB10003254-EB10003254
CN HUE	NGUYEN TANG LOC	*****897	2	CT10058486-CT10058487
CN NHA TRANG	NGUYEN TANG VINH	*****177	1	EB10000758-EB10000758
PGD TAY HO	NGUYEN TAT DUNG	*****368	9	CT10132477-CT10132485
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TAT HONG DUONG	*****810	1	CT10038304-CT10038304
PGD LENIN	NGUYEN TAT LIEM	*****297	1	EB10002304-EB10002304
PGD LENIN	NGUYEN TAT MINH	*****461	4	CT10037783-CT10037786
CN HAI AN	NGUYEN TAT QUANG	*****519	27	CT10007580-CT10007586; DN10102889-DN10102903; TD10007336-TD10007340
CN NGHE AN	NGUYEN TAT THANG	*****843	22	CT10007720-CT10007741
CN HA TINH	NGUYEN TAT TINH	*****951	1	EB10001575-EB10001575
PGD THANH CONG	NGUYEN THACH CUONG	*****508	41	CT10130485-CT10130525
CN SAI GON	NGUYEN THACH THAO	*****926	1	EB10000763-EB10000763
CN NHA TRANG	NGUYEN THAI	*****130	9	CT10100109-CT10100117
CN BAC NINH	NGUYEN THAI ANH	*****011	16	EB10000515-EB10000515; TD10006966-TD10006980

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THAI BANG	*****034	1	CT10053206-CT10053206
CN TAN BINH	NGUYEN THAI BAO	*****144	1	EB10001904-EB10001904
CN DONG DA	NGUYEN THAI BINH	*****026	36	CT10046027-CT10046062
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THAI BINH	*****123	6	CT10125871-CT10125876
CN HA NOI	NGUYEN THAI BINH	*****303	11	CT10010087-CT10010097
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN THAI BINH	*****862	1	CT10114859-CT10114859
PGD THU DAU 1	NGUYEN THAI CHAU	*****562	1	CT10108697-CT10108697
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THAI DAN	*****473	1	CT10141199-CT10141199
CN HA NOI	NGUYEN THAI DUONG	*****023	6	CT10082976-CT10082981
PGD QUAN 11	NGUYEN THAI DUONG	*****789	5	CT10136630-CT10136634
PGD NGOC HOI	NGUYEN THAI HANH	*****566	13	CT10150252-CT10150264
CN SAI GON	NGUYEN THAI HOAI KHA	*****932	2	CT10127075-CT10127076
CN DAI AN	NGUYEN THAI HOANG	*****046	13	CT10159338-CT10159350
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THAI HOANG YEN	*****918	1	EB10002553-EB10002553
CN NHA TRANG	NGUYEN THAI HOC	*****369	1	EB10001644-EB10001644
CN HAI AN	NGUYEN THAI HONG MINH	*****858	1	EB10002632-EB10002632
PGD THAI THINH	NGUYEN THAI HUNG	*****690	14	CT10033981-CT10033994
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THAI KIEN	*****794	5	CT10000622-CT10000626
CN BAC NINH	NGUYEN THAI NGOC	*****103	48	CT10056833-CT10056880
CN DA NANG	NGUYEN THAI NHU QUYNH	*****009	1	CT10150293-CT10150293
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THAI PHU	*****579	24	CT10132833-CT10132856
CN TAN THANH	NGUYEN THAI PHUC KHANG	*****732	24	CT10009012-CT10009035
PGD TO HIEU	NGUYEN THAI SON	*****709	5	CT10096419-CT10096423
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THAI SON	*****119	17	CT10020047-CT10020063
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THAI THUC MY	*****703	3	CT10047234-CT10047236
CN DA NANG	NGUYEN THAI TRUNG	*****564	1	CT10163356-CT10163356
CN HA NOI	NGUYEN THAI TUNG	*****086	1	CT10068498-CT10068498
CN SAI GON	NGUYEN THANG LOI	*****225	1	EB10000966-EB10000966

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANG LONG	*****150	2	CT10016373-CT10016374
PGD YEN PHU	NGUYEN THANH AN	*****997	1	EB10001258-EB10001258
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH AN	*****014	1	EB10003044-EB10003044
PGD SOC SON	NGUYEN THANH BINH	*****313	2	CT10077132-CT10077133
CN HAI DUONG	NGUYEN THANH BINH	*****386	1	EB10000437-EB10000437
PGD TAY HO	NGUYEN THANH BINH	*****389	1	EB10002491-EB10002491
PGD CONG HOA	NGUYEN THANH BINH	*****137	1	EB10001145-EB10001145
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THANH BINH	*****301	4	CT10132433-CT10132436
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH BINH	*****363	1	CT10085249-CT10085249
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THANH BINH	*****485	7	CT10065881-CT10065887
CN HA DONG	NGUYEN THANH BINH	*****637	8	CT10145170-CT10145177
CN DAI AN	NGUYEN THANH BINH	*****796	2	CT10102137-CT10102138
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THANH BINH	*****841	1	CT10006804-CT10006804
CN DA NANG	NGUYEN THANH BINH	*****853	55	CT10097678-CT10097732
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH CHINH	*****956	2	CT10058464-CT10058465
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN THANH CHUNG	*****378	14	CT10127139-CT10127152
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH CHUNG	*****701	1	CT10028739-CT10028739
CN TAN PHU	NGUYEN THANH CHUNG	*****070	1	EB10003291-EB10003291
CN NGHE AN	NGUYEN THANH CHUNG	*****357	1	CT10020529-CT10020529
CN NGHE AN	NGUYEN THANH CHUNG	*****930	2	CT10082564-CT10082565
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH CHUONG	*****324	1	EB10002234-EB10002234
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THANH CONG	*****281	2	CT10040736-CT10040737
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH CONG	*****310	16	CT10102159-CT10102174
CN BAC NINH	NGUYEN THANH CONG	*****439	5	CT10002235-CT10002239

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	NGUYEN THANH CUONG	*****103	1	EB10000395-EB10000395
PGD SO SAO	NGUYEN THANH CUONG	*****495	4	CT10111847-CT10111850
CN CA MAU	NGUYEN THANH DANG	*****629	3	CT10091286-CT10091288
PGD QUAN 1	NGUYEN THANH DANH	*****079	2	CT10078352-CT10078353
CN SAI GON	NGUYEN THANH DANH	*****083	3	CT10099709-CT10099711
CN AN GIANG	NGUYEN THANH DANH	*****461	1	CT10163048-CT10163048
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH DANH	*****807	2	CT10119246-CT10119247
PGD LENIN	NGUYEN THANH DAO	*****287	27	CT10027785-CT10027811
PGD TAY HO	NGUYEN THANH DAT	*****009	10	CT10053992-CT10054001
PGD TAY HO	NGUYEN THANH DAT	*****019	7	CT10067227-CT10067233
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH DAT	*****055	9	CT10131600-CT10131608
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THANH DAT	*****286	1	EB10002717-EB10002717
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THANH DAT	*****621	2	CT10002446-CT10002447
PGD QUAN 10	NGUYEN THANH DAT	*****855	25	CT10138401-CT10138425
PGD LAN ONG	NGUYEN THANH DAT	*****101	39	CT10145217-CT10145255
CN SAI GON	NGUYEN THANH DAT	*****125	12	CT10026958-CT10026969
CN TAN PHU	NGUYEN THANH DAT	*****210	41	DN10068593-DN10068627; EB10001625-EB10001625; TD10001601-TD10001605
CN HA NOI	NGUYEN THANH DAT	*****334	15	CT10028370-CT10028384
CN TAN BINH	NGUYEN THANH DAT	*****736	24	CT10029702-CT10029725
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THANH DAT	*****894	1	EB10003245-EB10003245
CN DAI AN	NGUYEN THANH DO	*****518	2	CT10018460-CT10018461
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN THANH DO	*****790	1	CT10098398-CT10098398
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH DOAN	*****463	2	CT10033543-CT10033544
CN SAI GON	NGUYEN THANH DOAN	*****428	6	CT10152263-CT10152268
PGD XUAN KHANH	NGUYEN THANH DONG	*****041	1	CT10101856-CT10101856

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	NGUYEN THANH DONG	*****292	1	EB10000729-EB10000729
CN NGHE AN	NGUYEN THANH DONG	*****596	1	EB10000780-EB10000780
CN DA NANG	NGUYEN THANH DONG	*****933	2	CT10056753-CT10056754
CN NGHE AN	NGUYEN THANH DUC	*****033	1	CT10118301-CT10118301
CN SAI GON	NGUYEN THANH DUNG	*****462	9	CT10144240-CT10144248
CN DA NANG	NGUYEN THANH DUNG	*****803	2	CT10047393-CT10047394
CN HAI AN	NGUYEN THANH DUY	*****474	49	CT10166820-CT10166868
CN AN GIANG	NGUYEN THANH DUY	*****547	53	CT10064513-CT10064515; DN10000718-DN10000761; EB10000048-EB10000048; TD10005476-TD10005480
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN THANH GIANG	*****025	20	DN10009355-DN10009374
CN LANG HA	NGUYEN THANH GIANG	*****857	25	CT10050525-CT10050549
CN DAI AN	NGUYEN THANH HA	*****380	1	CT10120418-CT10120418
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH HA	*****416	1	CT10091938-CT10091938
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH HA	*****427	1	CT10048016-CT10048016
CN THANH XUAN	NGUYEN THANH HA	*****068	30	CT10111366-CT10111395
PGD LAN ONG	NGUYEN THANH HA	*****095	25	CT10005792-CT10005816
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH HA	*****178	19	CT10111239-CT10111257
PGD LAN ONG	NGUYEN THANH HA	*****285	11	CT10001019-CT10001029
CN VUNG TAU	NGUYEN THANH HA	*****464	1	CT10040248-CT10040248
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THANH HA	*****559	8	CT10162044-CT10162051
CN HA TINH	NGUYEN THANH HA	*****562	11	CT10128803-CT10128808; TD10005616-TD10005620
CN LANG HA	NGUYEN THANH HA	*****965	17	CT10065269-CT10065285
CN TAN BINH	NGUYEN THANH HA	*****671	380	DN10050183-DN10050562
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THANH HA THUY DUONG	*****885	8	CT10158269-CT10158276
PGD QUAN THANH	NGUYEN THANH HAI	*****062	3	CT10081237-CT10081239
PGD SAO MAI	NGUYEN THANH HAI	*****225	1	EB10000843-EB10000843
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH HAI	*****080	17	CT10118969-CT10118985

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH HAI	*****092	25	CT10038190-CT10038214
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH HAI	*****338	20	CT10043462-CT10043481
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH HAI	*****354	5	CT10161236-CT10161240
CN CAU GIAY	NGUYEN THANH HAI	*****553	2	CT10055142-CT10055143
CN DONG DA	NGUYEN THANH HAI	*****561	25	CT10017081-CT10017105
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH HAI	*****576	1	CT10083087-CT10083087
PGD HA LONG	NGUYEN THANH HAI	*****937	13	CT10057421-CT10057433
PGD BACH MAI	NGUYEN THANH HANG	*****687	30	CT10046064-CT10046088; TD10002191-TD10002195
CN LANG HA	NGUYEN THANH HANG	*****428	1	CT10047468-CT10047468
CN BINH DUONG	NGUYEN THANH HANG	*****485	1	CT10155631-CT10155631
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THANH HANG	*****557	2	CT10114626-CT10114627
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH HANG	*****339	15	TD10002776-TD10002790
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH HIEU	*****826	1	EB10001959-EB10001959
CN TAN THANH	NGUYEN THANH HO	*****646	8	CT10112478-CT10112485
PGD AU CO	NGUYEN THANH HOA	*****289	24	CT10013301-CT10013324
PGD VAN XUAN	NGUYEN THANH HOANG	*****141	15	CT10153979-CT10153993
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THANH HOANG	*****196	10	CT10086221-CT10086230
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH HOANG	*****567	10	CT10064950-CT10064959
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THANH HUAN	*****788	100	DN10069952-DN10070051
PGD THAI THINH	NGUYEN THANH HUNG	*****673	87	CT10003402-CT10003483; TD10006426-TD10006430
CN DAK LAK	NGUYEN THANH HUNG	*****032	2	CT10051166-CT10051167
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH HUNG	*****059	8	DN10023888-DN10023895
CN DA NANG	NGUYEN THANH HUNG	*****440	2	CT10113706-CT10113707
CN DA NANG	NGUYEN THANH HUNG	*****842	4	CT10074285-CT10074288

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 1	NGUYEN THANH HUNG	*****976	13	CT10156601-CT10156613
PGD TRAN PHU	NGUYEN THANH HUONG	*****050	17	CT10100153-CT10100169
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH HUONG	*****643	25	CT10035102-CT10035126
CN AN GIANG	NGUYEN THANH HUONG	*****067	3	DN10065243-DN10065245
CN HA DONG	NGUYEN THANH HUONG	*****201	1	CT10052741-CT10052741
PGD QUAN THANH	NGUYEN THANH HUONG	*****512	4	CT10069195-CT10069198
CN BAC NINH	NGUYEN THANH HUONG	*****967	6	CT10040909-CT10040914
PGD THAI THINH	NGUYEN THANH HUONG	*****134	5	CT10144052-CT10144056
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THANH HUY	*****710	67	CT10021615-CT10021621; DN10036501-DN10036555; TD10009316-TD10009320
PGD LIM	NGUYEN THANH HUYEN	*****051	56	DN10105216-DN10105271
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THANH HUYEN	*****605	24	CT10162261-CT10162284
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THANH HUYEN	*****611	5	TD10002831-TD10002835
CN DA NANG	NGUYEN THANH HUYEN	*****787	5	CT10073446-CT10073450
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH HUYEN	*****799	6	CT10146368-CT10146373
CN DONG DA	NGUYEN THANH HUYEN	*****923	20	CT10121831-CT10121850
CN LANG HA	NGUYEN THANH HUYEN	*****237	57	DN10023455-DN10023511
PGD BA TRIEU	NGUYEN THANH HUYEN	*****290	30	CT10070225-CT10070254
PGD XUAN LA	NGUYEN THANH HUYEN	*****366	13	CT10145689-CT10145701
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH HUYEN	*****457	20	CT10156924-CT10156943

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	NGUYEN THANH HUYEN	*****578	81	CT10150874-CT10150954
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THANH KHAI HUNG	*****366	5	CT10161932-CT10161936
CN AN GIANG	NGUYEN THANH KIET	*****507	1	CT10104648-CT10104648
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH LAI	*****658	11	CT10015972-CT10015982
CN CAN THO	NGUYEN THANH LAM	*****811	1	CT10043336-CT10043336
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH LAN	*****223	20	CT10031303-CT10031322
PGD LE THAI TO	NGUYEN THANH LAN	*****070	17	CT10011889-CT10011905
CN BINH DUONG	NGUYEN THANH LE	*****905	3	CT10152679-CT10152681
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THANH LICH	*****105	1	EB10000178-EB10000178
CN HA DONG	NGUYEN THANH LIEM	*****013	7	CT10011194-CT10011200
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THANH LONG	*****057	25	CT10024576-CT10024600
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH LONG	*****190	11	DN10050085-DN10050094; EB10000774-EB10000774
CN TAN PHU	NGUYEN THANH LONG	*****191	5	CT10068925-CT10068929
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH LONG	*****258	1	CT10113129-CT10113129
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THANH LONG	*****632	11	CT10155615-CT10155625
PGD TRUNG NHI	NGUYEN THANH LONG	*****684	2	CT10108233-CT10108234
PGD TO HIEU	NGUYEN THANH LONG	*****717	73	CT10001417-CT10001428; DN10007853-DN10007902; EB10000290-EB10000290; TD10006316-TD10006325
CN LANG HA	NGUYEN THANH LONG	*****735	2	CT10018292-CT10018293
PGD TRAN PHU	NGUYEN THANH LONG	*****771	12	CT10041435-CT10041446
CN NGHE AN	NGUYEN THANH LONG	*****015	9	CT10081634-CT10081642
CN NGHE AN	NGUYEN THANH LONG	*****037	1	EB10002144-EB10002144
PGD CONG HOA	NGUYEN THANH LONG	*****045	3	CT10148635-CT10148637
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH LONG	*****074	8	CT10066504-CT10066511
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH LONG	*****100	4	CT10041953-CT10041956
CN DA NANG	NGUYEN THANH LONG	*****179	9	CT10112454-CT10112457; TD10002696-TD10002700
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH LONG	*****413	25	CT10018435-CT10018459

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THANH LONG	*****451	6	DN10098869-DN10098874
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THANH LONG	*****881	1	EB10003225-EB10003225
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH LONG	*****928	4	CT10144732-CT10144735
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH LONG	*****973	11	CT10097899-CT10097909
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THANH LUAN	*****063	1	EB10002627-EB10002627
PGD XUAN LA	NGUYEN THANH LUAN	*****302	100	CT10002049-CT10002148
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH LUAN	*****595	4	CT10117743-CT10117746
CN TAN BINH	NGUYEN THANH LUAN	*****054	2	CT10097986-CT10097987
CN BAC NINH	NGUYEN THANH LUAN	*****104	300	DN10078567-DN10078866
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THANH LUAN	*****126	80	DN10095058-DN10095137
CN BAC NINH	NGUYEN THANH LUAN	*****047	12	CT10114463-CT10114474
CN BINH DINH	NGUYEN THANH LUC	*****077	80	DN10019720-DN10019799
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH MAI	*****618	1	CT10135020-CT10135020
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH NAM	*****141	20	CT10038642-CT10038661
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH NAM	*****410	57	DN10073913-DN10073959; TD10002051-TD10002060
PGD XUAN LA	NGUYEN THANH NAM	*****624	71	CT10136532-CT10136602
PGD TO HIEU	NGUYEN THANH NAM	*****952	4	CT10155950-CT10155953
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THANH NAM	*****141	38	CT10112714-CT10112751
CN BAC NINH	NGUYEN THANH NAM	*****434	40	CT10008129-CT10008168
PGD NGOC HOI	NGUYEN THANH NAM	*****824	1	EB10001535-EB10001535
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THANH NAM	*****912	10	CT10136683-CT10136692
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH NGA	*****220	8	CT10059056-CT10059063
PGD MY CA	NGUYEN THANH NGA	*****044	7	CT10106223-CT10106229
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH NGHI	*****073	6	CT10005234-CT10005239
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH NGUYEN	*****756	12	CT10127229-CT10127240
PGD HOA BINH	NGUYEN THANH NGUYEN	*****384	25	CT10102573-CT10102577; DN10063152-DN10063171
CN HAI AN	NGUYEN THANH NHAC	*****515	1	EB10000972-EB10000972

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	NGUYEN THANH NHAN	*****302	4	CT10111132-CT10111135
PGD PHU LAM	NGUYEN THANH NHAN	*****707	1	EB10000188-EB10000188
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THANH NHAN	*****840	1	CT10058466-CT10058466
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH NHON	*****102	1	EB10003331-EB10003331
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN THANH PHAN	*****990	50	CT10074601-CT10074610; DN10106556-DN10106595
CN TAN PHU	NGUYEN THANH PHAT	*****544	4	CT10057712-CT10057715
CN SAI GON	NGUYEN THANH PHONG	*****192	34	CT10164674-CT10164707
PGD HOA BINH	NGUYEN THANH PHONG	*****652	1	CT10021318-CT10021318
CN TAN BINH	NGUYEN THANH PHONG	*****658	1	CT10081663-CT10081663
CN TAN BINH	NGUYEN THANH PHONG	*****661	7	CT10086720-CT10086726
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THANH PHONG	*****769	1	EB10001559-EB10001559
PGD THU DUC	NGUYEN THANH PHUC	*****010	1	EB10000690-EB10000690
PGD MY DINH	NGUYEN THANH PHUONG	*****123	1	EB10001967-EB10001967
PGD HO DAC DI	NGUYEN THANH PHUONG	*****706	2	CT10000595-CT10000596
PGD DUC PHO	NGUYEN THANH PHUONG	*****156	70	DN10024326-DN10024395
PGD QUAN 11	NGUYEN THANH PHUONG	*****792	5	CT10065980-CT10065984
CN TAN THANH	NGUYEN THANH QUANG	*****389	14	CT10058719-CT10058732
PGD TAY HO	NGUYEN THANH QUANG	*****612	15	CT10085180-CT10085194
CN TAN PHU	NGUYEN THANH QUANG	*****015	2	CT10073792-CT10073793
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THANH QUANG	*****237	45	DN10063996-DN10064035; TD10000796-TD10000800
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH QUANG	*****574	10	CT10159843-CT10159852

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH QUANG	*****281	11	CT10162937-CT10162947
PGD MY CA	NGUYEN THANH SANG	*****143	3	CT10120519-CT10120521
PGD SAO MAI	NGUYEN THANH SANG	*****275	1	CT10054262-CT10054262
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH SANG	*****546	1	EB10000496-EB10000496
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THANH SANG	*****290	4	CT10098942-CT10098945
CN KIEN GIANG	NGUYEN THANH SIENG	*****618	1	CT10113358-CT10113358
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH SON	*****357	50	CT10087453-CT10087502
PGD THAI THINH	NGUYEN THANH SON	*****662	49	CT10026645-CT10026693
CN TIEN GIANG	NGUYEN THANH SON	*****287	1	CT10054841-CT10054841
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH SON	*****340	24	CT10118913-CT10118936
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THANH SON	*****430	1	CT10032343-CT10032343
CN DONG DA	NGUYEN THANH SON	*****693	37	CT10067957-CT10067993
PGD CAM RANH	NGUYEN THANH TAM	*****390	1	CT10073430-CT10073430
PGD LENIN	NGUYEN THANH TAM	*****899	15	CT10063338-CT10063352
PGD QUAN 11	NGUYEN THANH TAM	*****957	1	CT10122914-CT10122914
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH TAN	*****148	24	CT10128144-CT10128167
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH TAN	*****735	2	CT10108264-CT10108265
CN DA NANG	NGUYEN THANH THANG	*****543	7	CT10037311-CT10037312; DN10060143-DN10060147
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THANH THAO	*****800	17	CT10024361-CT10024377
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH THAO	*****845	1	EB10000982-EB10000982
CN HA NOI	NGUYEN THANH THAO	*****937	12	CT10017381-CT10017392
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH THIEN	*****717	2	CT10145193-CT10145194
CN BAC NINH	NGUYEN THANH THINH	*****890	10	CT10024420-CT10024429
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN THANH THO	*****206	9	CT10095130-CT10095138
PGD TIEN AN	NGUYEN THANH THO	*****384	4	CT10003621-CT10003624
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH THUY	*****005	44	CT10041904-CT10041947

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THANH THUY	*****183	45	CT10164227-CT10164271
CN SAI GON	NGUYEN THANH THUY	*****187	137	DN10109741-DN10109876; EB10002677-EB10002677
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH THUY	*****253	33	CT10021798-CT10021830
CN DONG NAI	NGUYEN THANH THUY	*****573	1	CT10057418-CT10057418
PGD XUAN LA	NGUYEN THANH THUY	*****584	50	CT10012316-CT10012365
CN BAC NINH	NGUYEN THANH THUY	*****642	9	CT10050509-CT10050517
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH THUY	*****897	6	CT10101642-CT10101647
CN NGHE AN	NGUYEN THANH TIEN	*****217	4	CT10035063-CT10035066
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THANH TIEN	*****905	1	EB10003333-EB10003333
PGD SAO MAI	NGUYEN THANH TINH	*****178	5	CT10015384-CT10015388
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH TOAN	*****001	42	CT10080726-CT10080767
CN QUANG NGAI	NGUYEN THANH TRA	*****041	1	CT10046063-CT10046063
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH TRI	*****751	15	CT10019536-CT10019550
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THANH TRI	*****765	3	CT10072793-CT10072795
CN DONG NAI	NGUYEN THANH TRIET	*****440	1	CT10163411-CT10163411
CN AN GIANG	NGUYEN THANH TRONG	*****849	3	CT10156911-CT10156913
CN THANH XUAN	NGUYEN THANH TRUNG	*****028	25	CT10113603-CT10113627
PGD NGOC HOI	NGUYEN THANH TRUNG	*****033	1	EB10000740-EB10000740
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH TRUNG	*****104	60	CT10113709-CT10113757; EB10001084-EB10001084; TD10002911-TD10002920
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH TRUNG	*****112	1	CT10148406-CT10148406
CN HAI AN	NGUYEN THANH TRUNG	*****130	1	EB10001089-EB10001089

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN THANH TRUNG	*****141	51	CT10139054-CT10139104
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH TRUNG	*****391	1	CT10048883-CT10048883
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH TRUNG	*****413	8	CT10094213-CT10094220
PGD KIM VAN	NGUYEN THANH TRUNG	*****042	1	EB10000785-EB10000785
CN SAI GON	NGUYEN THANH TRUNG	*****204	12	DN10104559-DN10104570
PGD HO GUOM	NGUYEN THANH TRUNG	*****353	5	TD10002201-TD10002205
PGD BACH MAI	NGUYEN THANH TRUNG	*****611	1	EB10002998-EB10002998
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH TRUNG	*****902	33	CT10109552-CT10109584
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THANH TRUNG	*****934	3	CT10086912-CT10086914
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TRUNG	*****946	10	CT10108928-CT10108937
CN DAI AN	NGUYEN THANH TRUNG	*****951	30	CT10043975-CT10044004
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TRUNG	*****990	51	CT10072985-CT10073035
PGD TAY HO	NGUYEN THANH TRUONG	*****640	7	CT10100555-CT10100561
CN DONG NAI	NGUYEN THANH TRUONG	*****793	2	CT10084031-CT10084032
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TU	*****261	13	CT10152513-CT10152525
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH TU	*****536	18	CT10138901-CT10138918
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH TU	*****584	1	CT10147843-CT10147843
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THANH TU	*****374	2	CT10069951-CT10069952
PGD DI AN	NGUYEN THANH TUAN	*****507	4	CT10061982-CT10061985
CN LANG HA	NGUYEN THANH TUAN	*****586	5	CT10123368-CT10123372
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THANH TUAN	*****042	2	CT10162077-CT10162078

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG NAI	NGUYEN THANH TUAN	*****298	1	CT10159603-CT10159603
CN DA NANG	NGUYEN THANH TUAN	*****357	4	CT10106607-CT10106610
PGD NGOC HOI	NGUYEN THANH TUAN	*****519	12	CT10101014-CT10101025
CN LONG BIEN	NGUYEN THANH TUNG	*****024	144	CT10089314-CT10089447; TD10009701-TD10009710
PGD DAO TAN	NGUYEN THANH TUNG	*****035	5	CT10088545-CT10088549
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN THANH TUNG	*****069	35	CT10104817-CT10104821; DN10069188-DN10069212; TD10001606-TD10001610
PGD HAI DANG	NGUYEN THANH TUNG	*****107	4	CT10150452-CT10150455
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THANH TUNG	*****158	1	CT10135107-CT10135107
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THANH TUNG	*****276	2	CT10069098-CT10069099
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THANH TUNG	*****278	24	CT10074166-CT10074189
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TUNG	*****386	3	CT10074047-CT10074049
PGD BA TRIEU	NGUYEN THANH TUNG	*****395	21	DN10001655-DN10001674; EB10000105-EB10000105
CN THANH XUAN	NGUYEN THANH TUNG	*****499	57	CT10102857-CT10102913
CN LONG BIEN	NGUYEN THANH TUNG	*****568	6	CT10027859-CT10027864
CN CAU GIAY	NGUYEN THANH TUNG	*****659	23	CT10159499-CT10159521
CN HAI AN	NGUYEN THANH TUNG	*****714	19	CT10016589-CT10016602; TD10008481-TD10008485
PGD LE CHAN	NGUYEN THANH TUNG	*****786	135	CT10111123-CT10111131; DN10096307-DN10096426; EB10001000-EB10001000; TD10002471-TD10002475
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THANH TUNG	*****890	2	CT10160000-CT10160001
CN NHA TRANG	NGUYEN THANH TUNG	*****139	1	CT10072199-CT10072199
CN DONG DA	NGUYEN THANH TUNG	*****332	6	CT10154163-CT10154168
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THANH TUNG	*****392	1	EB10001836-EB10001836
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH TUNG	*****540	5	TD10007156-TD10007160

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI DUONG	NGUYEN THANH TUNG	*****552	101	DN10059482-DN10059576; EB10001238-EB10001238; TD10000186-TD10000190
CN DONG DA	NGUYEN THANH TUNG	*****595	34	CT10033758-CT10033791
PGD LE VAN SY	NGUYEN THANH TUNG	*****626	1	CT10029075-CT10029075
PGD TIEN AN	NGUYEN THANH TUNG	*****639	51	CT10106333-CT10106344; DN10069901-DN10069928; EB10001667-EB10001667; TD10001726-TD10001735
PGD TIEN AN	NGUYEN THANH TUNG	*****780	7	CT10092753-CT10092759
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TUNG	*****786	8	CT10052103-CT10052110
CN BINH DUONG	NGUYEN THANH TUNG	*****836	5	CT10124332-CT10124336
CN HAI PHONG	NGUYEN THANH TUNG	*****848	19	CT10007981-CT10007999
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH TUNG	*****897	24	CT10038867-CT10038890
CN DAK LAK	NGUYEN THANH TUNG	*****997	4	CT10090171-CT10090174
PGD DAI KIM	NGUYEN THANH TUNG	*****431	1	EB10000485-EB10000485
PGD TU SON	NGUYEN THANH TUOI	*****010	1	EB10000214-EB10000214
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THANH UT	*****682	12	CT10141267-CT10141278
CN QUANG NGAI	NGUYEN THANH VAN	*****223	2	CT10054534-CT10054535
PGD DOI CAN	NGUYEN THANH VAN	*****281	5	TD10007026-TD10007030
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THANH VINH	*****854	3	CT10057818-CT10057820
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THANH VINH	*****569	4	CT10056267-CT10056270
CN BINH DINH	NGUYEN THANH VU	*****941	1	CT10121202-CT10121202
CN QUANG NGAI	NGUYEN THANH VUONG	*****498	1	EB10001539-EB10001539
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THANH XUAN	*****288	10	CT10092576-CT10092585
CN HAI PHONG	NGUYEN THAO CHI	*****394	7	CT10008172-CT10008178
CN THANH XUAN	NGUYEN THAO LY	*****773	12	CT10122475-CT10122486
CN HAI AN	NGUYEN THAO MY	*****250	9	CT10001599-CT10001607
CN BAC NINH	NGUYEN THAO MY	*****880	2	CT10154887-CT10154888
PGD LANG THUONG	NGUYEN THE ANH	*****676	1	EB10001374-EB10001374
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THE ANH	*****717	25	CT10005340-CT10005364

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THE ANH	*****800	20	CT10145441-CT10145460
CN CAU GIAY	NGUYEN THE ANH	*****327	2	CT10065624-CT10065625
CN HAI AN	NGUYEN THE ANH	*****546	3	CT10046804-CT10046806
PGD HAO NAM	NGUYEN THE BANG	*****546	30	CT10084045-CT10084074
CN BAC NINH	NGUYEN THE CHIEN	*****521	1	EB10002256-EB10002256
PGD TUYEN SON	NGUYEN THE CONG HAU	*****664	1	CT10092508-CT10092508
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THE CUONG	*****288	1	CT10163882-CT10163882
PGD VAN XUAN	NGUYEN THE CUONG	*****621	14	CT10015951-CT10015964
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THE DAI	*****281	1	CT10123398-CT10123398
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THE DAI	*****597	5	CT10064219-CT10064223
CN BAC NINH	NGUYEN THE DAO	*****146	2	CT10104301-CT10104302
PGD TAY HO	NGUYEN THE DIEP	*****746	15	CT10073074-CT10073088
PGD LAN ONG	NGUYEN THE DUC	*****669	5	CT10070115-CT10070119
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THE DUNG	*****466	5	TD10010111-TD10010115
PGD TRUONG THI	NGUYEN THE DUNG	*****767	1	CT10153252-CT10153252
CN KIEN GIANG	NGUYEN THE DUY	*****226	1	CT10121330-CT10121330
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THE HIEP	*****981	151	CT10007410-CT10007429; DN10102285-DN10102404; EB10002427-EB10002427; TD10007356-TD10007365
CN THANH XUAN	NGUYEN THE HOANG	*****495	47	CT10100859-CT10100905
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THE HOANG	*****188	16	CT10156541-CT10156556
PGD THANH CONG	NGUYEN THE HOANG	*****826	21	CT10073157-CT10073177
PGD SAO DO	NGUYEN THE HUNG	*****917	1	CT10096833-CT10096833
CN HAI AN	NGUYEN THE HUNG	*****516	14	CT10151287-CT10151300
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THE HUONG	*****921	1	EB10003127-EB10003127
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THE HUY	*****287	7	CT10066687-CT10066693
CN HAI PHONG	NGUYEN THE KHANG	*****612	5	CT10164586-CT10164590
PGD LE THAI TO	NGUYEN THE KHANH	*****892	3	CT10030880-CT10030882
CN BINH DINH	NGUYEN THE KHOA	*****498	100	DN10092019-DN10092118
PGD TIEN AN	NGUYEN THE KIEN	*****669	57	CT10061780-CT10061836
CN HAI PHONG	NGUYEN THE LINH	*****929	13	CT10068864-CT10068876
PGD DAI TU	NGUYEN THE MANH	*****197	46	DN10092389-DN10092423; EB10002370-EB10002370; TD10004981-TD10004990
PGD HONG BANG	NGUYEN THE MAO	*****815	7	CT10095745-CT10095751

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THE MINH	*****405	14	CT10047354-CT10047367
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THE NGAN	*****277	1	CT10009888-CT10009888
CN VUNG TAU	NGUYEN THE NGHIEP	*****693	5	TD10002856-TD10002860
PGD BA RIA	NGUYEN THE NGHIEP	*****693	5	TD10007761-TD10007765
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THE NHAT	*****018	7	CT10003291-CT10003297
PGD PHU HUNG	NGUYEN THE PHIET	*****592	19	CT10121264-CT10121282
CN HA NOI	NGUYEN THE PHUONG	*****400	9	CT10046661-CT10046669
CN TAN PHU	NGUYEN THE PHUONG	*****733	10	CT10109229-CT10109233; TD10001956-TD10001960
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THE QUANG	*****348	10	CT10119314-CT10119323
CN LONG BIEN	NGUYEN THE SON	*****100	5	CT10160616-CT10160620
PGD LE THAI TO	NGUYEN THE SUAT	*****203	4	CT10116923-CT10116926
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THE THANG	*****276	125	DN10091636-DN10091759; EB10002325-EB10002325
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THE THANG	*****775	4	CT10038144-CT10038147
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THE THANH	*****028	25	CT10051612-CT10051636
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THE THANH	*****141	1	CT10096484-CT10096484
CN HA DONG	NGUYEN THE THAO	*****066	34	CT10103532-CT10103565
CN THANH HOA	NGUYEN THE THUAN	*****228	4	CT10063890-CT10063893
PGD VAN QUAN	NGUYEN THE TOAN	*****017	7	CT10154807-CT10154813
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THE TRUNG	*****155	57	CT10024612-CT10024668
PGD HA LONG	NGUYEN THE TRUONG	*****501	1	EB10000666-EB10000666
PGD HAI TAN	NGUYEN THE TUAN	*****061	2	CT10103281-CT10103282
PGD BUON DON	NGUYEN THE TUYEN	*****536	15	DN10060649-DN10060663
CN HA TINH	NGUYEN THE VE	*****009	1	CT10096284-CT10096284
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THE VIET	*****488	11	CT10103566-CT10103566; TD10000821-TD10000830
CN DAI AN	NGUYEN THE VINH	*****518	49	CT10020705-CT10020753
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THE VUON	*****045	46	DN10089488-DN10089522; EB10002235-EB10002235; TD10004581-TD10004590
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THE VUONG	*****063	1	EB10000207-EB10000207
PGD SAO MAI	NGUYEN THI AI LIEU	*****953	1	CT10042118-CT10042118

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN THI AI PHUONG	*****060	5	TD10008556-TD10008560
CN DAK LAK	NGUYEN THI AI VY	*****579	10	TD10007766-TD10007775
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI ALY	*****298	1	EB10000181-EB10000181
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI AN	*****813	5	CT10148145-CT10148149
CN DONG DA	NGUYEN THI AN	*****331	1	CT10064277-CT10064277
PGD HA LONG	NGUYEN THI AN	*****601	9	DN10039283-DN10039291
CN DAI AN	NGUYEN THI ANH	*****392	11	CT10003544-CT10003554
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI ANH	*****283	46	CT10117673-CT10117718
CN HAI PHONG	NGUYEN THI ANH	*****396	37	CT10102232-CT10102237; DN10062914-DN10062938; EB10001410-EB10001410; TD10000646-TD10000650
PGD LIM	NGUYEN THI ANH	*****400	3	DN10028366-DN10028368
CN HAI AN	NGUYEN THI ANH	*****432	1	EB10002291-EB10002291
PGD KIM VAN	NGUYEN THI ANH	*****433	1	EB10002394-EB10002394
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI ANH	*****456	7	CT10007661-CT10007667
CN BAC NINH	NGUYEN THI ANH	*****543	8	CT10011495-CT10011502
CN CAN THO	NGUYEN THI ANH	*****674	7	CT10106912-CT10106914; DN10070328-DN10070331
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI ANH DAO	*****184	1	EB10000652-EB10000652
CN DA NANG	NGUYEN THI ANH DAO	*****161	1	CT10156614-CT10156614
CN HAI DUONG	NGUYEN THI ANH DAO	*****921	2	CT10142731-CT10142732
CN HA DONG	NGUYEN THI ANH HANG	*****243	8	CT10001155-CT10001162
PGD DAO TAN	NGUYEN THI ANH HONG	*****326	5	CT10106424-CT10106428
PGD BOTANIC	NGUYEN THI ANH LOC	*****064	1	CT10165180-CT10165180
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI ANH MAI	*****871	1	EB10001653-EB10001653
CN HA TINH	NGUYEN THI ANH NGA	*****746	17	CT10075438-CT10075454
CN DONG NAI	NGUYEN THI ANH NGOC	*****382	1	CT10157556-CT10157556
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI ANH NGUYET	*****106	1	EB10000829-EB10000829

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN THI ANH NGUYET	*****312	1	CT10120815-CT10120815
PGD HOA BINH	NGUYEN THI ANH PHUONG	*****008	2	CT10049930-CT10049931
PGD KHANH HOI	NGUYEN THI ANH THU	*****258	2	CT10000248-CT10000249
CN DONG DA	NGUYEN THI ANH THU	*****305	1	CT10138372-CT10138372
PGD BOTANIC	NGUYEN THI ANH THU	*****600	25	CT10159815-CT10159839
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI ANH THU	*****110	2	CT10079671-CT10079672
PGD THANH DONG	NGUYEN THI ANH THU	*****171	1	EB10003020-EB10003020
CN SAI GON	NGUYEN THI ANH TRANG	*****126	24	CT10059637-CT10059660
CN TAN BINH	NGUYEN THI ANH TRINH	*****886	1	EB10003208-EB10003208
PGD DAO TAN	NGUYEN THI ANH TRUC	*****540	2	CT10051320-CT10051321
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI ANH TUYET	*****001	5	CT10008087-CT10008091
PGD YEN PHU	NGUYEN THI ANH TUYET	*****290	3	CT10120804-CT10120806
PGD TIEN AN	NGUYEN THI ANH TUYET	*****049	1	EB10002925-EB10002925
CN HUE	NGUYEN THI ANH TUYET	*****323	5	DN10099879-DN10099883
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI ANH VAN	*****364	1	CT10162116-CT10162116
CN DAI AN	NGUYEN THI AU THO	*****560	3	CT10048874-CT10048876
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI BAC	*****541	15	CT10043738-CT10043752
PGD QUAN 8	NGUYEN THI BACH HUYEN	*****085	1	CT10102666-CT10102666
PGD LE VAN SY	NGUYEN THI BACH YEN	*****254	27	CT10012377-CT10012403
PGD THANH CONG	NGUYEN THI BAN	*****203	57	CT10090777-CT10090833
CN BAC NINH	NGUYEN THI BAN	*****694	5	DN10074236-DN10074240
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI BANG	*****452	5	DN10040165-DN10040169
PGD BINH TAN	NGUYEN THI BAO AN	*****347	3	CT10063389-CT10063391
CN DA NANG	NGUYEN THI BAO HIEN	*****106	7	CT10100844-CT10100850
CN HA TINH	NGUYEN THI BAO HOA	*****173	1	EB10000030-EB10000030

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI BAO KHUYEN	*****912	1	CT10028532-CT10028532
PGD BOTANIC	NGUYEN THI BAO NGOC	*****812	22	CT10081406-CT10081427
PGD BINH TAN	NGUYEN THI BAO PHUONG	*****453	8	CT10018827-CT10018834
CN BINH DINH	NGUYEN THI BAO TRAM	*****300	10	CT10076430-CT10076439
CN DA NANG	NGUYEN THI BAO TRANG	*****767	5	CT10125877-CT10125881
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI BAO VI	*****793	1	EB10001994-EB10001994
CN HAI PHONG	NGUYEN THI BAY	*****008	24	CT10051984-CT10052002; TD10003176-TD10003180
CN DA NANG	NGUYEN THI BAY	*****226	1	EB10001242-EB10001242
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI BE	*****078	1	EB10000147-EB10000147
PGD Krong Nang	NGUYEN THI BE	*****490	1	EB10001753-EB10001753
CN HAI AN	NGUYEN THI BICH	*****284	3	CT10032944-CT10032946
PGD HONG BANG	NGUYEN THI BICH	*****337	1	CT10147892-CT10147892
CN VINH PHUC	NGUYEN THI BICH	*****629	1	EB10000436-EB10000436
PGD LIM	NGUYEN THI BICH	*****853	10	CT10118228-CT10118237
CN BINH DINH	NGUYEN THI BICH CHI	*****609	2	CT10089470-CT10089471
CN BINH DINH	NGUYEN THI BICH DAN	*****305	3	DN10060381-DN10060383
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THI BICH DUNG	*****361	4	CT10112604-CT10112607
CN DA NANG	NGUYEN THI BICH HA	*****553	15	CT10107941-CT10107955
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI BICH HAI	*****186	57	CT10036449-CT10036505
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI BICH HANH	*****138	5	TD10006201-TD10006205
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI BICH HIEN	*****561	1	EB10000672-EB10000672
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI BICH HOA	*****457	2	CT10008571-CT10008572
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI BICH HONG	*****457	4	CT10013092-CT10013095
CN THANH XUAN	NGUYEN THI BICH HONG	*****727	1	CT10000431-CT10000431

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	NGUYEN THI BICH HONG	*****620	27	DN10027578-DN10027604
CN DAI AN	NGUYEN THI BICH HUE	*****096	10	TD10009446-TD10009455
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI BICH HUYEN	*****888	3	CT10003242-CT10003244
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI BICH LAN	*****995	2	CT10113322-CT10113323
CN NHA TRANG	NGUYEN THI BICH LAN	*****988	1	EB10000983-EB10000983
PGD BACH MAI	NGUYEN THI BICH LIEN	*****044	12	CT10035165-CT10035176
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI BICH LIEN	*****555	2	CT10033021-CT10033022
CN THANH HOA	NGUYEN THI BICH LIEN	*****432	50	DN10073831-DN10073880
CN NHA TRANG	NGUYEN THI BICH LIEN	*****590	3	DN10109882-DN10109884
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI BICH LIEN	*****595	15	CT10148985-CT10148999
CN BINH DINH	NGUYEN THI BICH LIEN	*****770	2	CT10043062-CT10043063
CN SAI GON	NGUYEN THI BICH LINH	*****115	1	EB10002728-EB10002728
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI BICH LOAN	*****014	2	CT10119438-CT10119439
CN SAI GON	NGUYEN THI BICH NGAN	*****893	1	EB10000056-EB10000056
CN DONG DA	NGUYEN THI BICH NGOC	*****152	22	CT10047302-CT10047323
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI BICH NGOC	*****229	1	EB10001807-EB10001807
CN HA NOI	NGUYEN THI BICH NGOC	*****381	7	CT10008334-CT10008340
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI BICH NGOC	*****443	1	CT10127052-CT10127052
CN CAU GIAY	NGUYEN THI BICH NGOC	*****704	5	CT10163320-CT10163324
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI BICH NGOC	*****994	24	CT10117539-CT10117562

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI BICH NGOC	*****999	4	CT10132871-CT10132874
CN BINH DUONG	NGUYEN THI BICH NHAN	*****376	10	TD10007896-TD10007905
CN BINH DINH	NGUYEN THI BICH NHI	*****323	6	CT10036105-CT10036110
CN BINH DINH	NGUYEN THI BICH NHUNG	*****278	50	DN10100923-DN10100972
PGD BINH TAN	NGUYEN THI BICH NHUNG	*****675	1	EB10000492-EB10000492
PGD QUAN 11	NGUYEN THI BICH NI	*****300	1	EB10001618-EB10001618
CN DAI AN	NGUYEN THI BICH PHUONG	*****275	13	CT10025226-CT10025238
PGD DAO TAN	NGUYEN THI BICH PHUONG	*****040	1	CT10070345-CT10070345
CN DA NANG	NGUYEN THI BICH PHUONG	*****469	3	DN10022475-DN10022477
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN THI BICH THAO	*****300	1	EB10003166-EB10003166
PGD Krong Nang	NGUYEN THI BICH THU	*****395	2	DN10064845-DN10064846
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI BICH THUAN	*****170	3	CT10105115-CT10105117
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI BICH THUY	*****261	25	CT10106994-CT10107018
PGD SOC SON	NGUYEN THI BICH THUY	*****294	1	EB10002585-EB10002585
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI BICH THUY	*****461	24	CT10043803-CT10043826
PGD TAN PHAT	NGUYEN THI BICH THUY	*****927	1	CT10051823-CT10051823
CN SAI GON	NGUYEN THI BICH THUY	*****248	25	CT10134953-CT10134977
CN DA NANG	NGUYEN THI BICH THUY	*****314	3	CT10015969-CT10015971
CN NHA TRANG	NGUYEN THI BICH THUY	*****531	2	CT10085411-CT10085412
CN SAI GON	NGUYEN THI BICH THUY	*****068	9	CT10101560-CT10101568
CN AN GIANG	NGUYEN THI BICH TRAM	*****264	4	CT10042901-CT10042904

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 1	NGUYEN THI BICH TRAM	*****323	3	CT10055425-CT10055427
PGD XUAN KHANH	NGUYEN THI BICH TRAM	*****510	2	CT10115407-CT10115408
CN DA NANG	NGUYEN THI BICH TRAM	*****818	1	CT10010744-CT10010744
CN THANH HOA	NGUYEN THI BICH UYEN	*****833	9	CT10073036-CT10073044
PGD XUAN KHANH	NGUYEN THI BICH VAN	*****098	1	CT10085239-CT10085239
PGD DI AN	NGUYEN THI BICH VAN	*****398	3	CT10106915-CT10106917
CN HA DONG	NGUYEN THI BICH VAN	*****645	25	CT10018235-CT10018259
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI BINH	*****339	49	CT10106789-CT10106837
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI BINH	*****712	8	CT10011403-CT10011410
PGD HA LONG	NGUYEN THI BINH	*****030	1	EB10000902-EB10000902
PGD HONG BANG	NGUYEN THI BINH	*****667	1	EB10003212-EB10003212
PGD LENIN	NGUYEN THI BINH	*****785	50	DN10105392-DN10105441
CN HAI AN	NGUYEN THI BINH	*****979	2	CT10101659-CT10101660
PGD LAN ONG	NGUYEN THI BINH DUONG	*****114	24	CT10151559-CT10151582
PGD SOC SON	NGUYEN THI BINH HANH	*****751	11	DN10106276-DN10106285; EB10002546-EB10002546
PGD TIEN AN	NGUYEN THI BON	*****251	5	DN10071895-DN10071899
CN HUE	NGUYEN THI CAM	*****029	4	CT10128130-CT10128133
CN BAC NINH	NGUYEN THI CAM	*****390	1	EB10001190-EB10001190
CN HA TINH	NGUYEN THI CAM ANH	*****102	1	CT10103704-CT10103704
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI CAM GIANG	*****186	1136	CT10009828-CT10009877; DN10103479-DN10104558; EB10002464-EB10002464; TD10007516-TD10007520
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI CAM HONG	*****206	1	CT10038641-CT10038641
CN NHA TRANG	NGUYEN THI CAM LY	*****411	1	EB10002197-EB10002197
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI CAM NHUNG	*****052	12	CT10025958-CT10025969

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN THANH	NGUYEN THI CAM NHUNG	*****609	1	CT10080430-CT10080430
CN BINH DINH	NGUYEN THI CAM NHUNG	*****723	5	DN10094789-DN10094793
CN BINH DINH	NGUYEN THI CAM NHUNG	*****922	2	CT10101837-CT10101838
PGD AU CO	NGUYEN THI CAM THU	*****031	1	EB10001458-EB10001458
CN AN GIANG	NGUYEN THI CAM THU	*****642	3	DN10087987-DN10087989
PGD LE CHAN	NGUYEN THI CAM TRANG	*****588	1	EB10001377-EB10001377
PGD XUAN LA	NGUYEN THI CAM TU	*****231	56	CT10093772-CT10093827
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI CAM TU	*****678	2	CT10106062-CT10106063
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI CAM TU	*****960	7	CT10139421-CT10139427
CN TAN BINH	NGUYEN THI CAM VAN	*****168	1	CT10154264-CT10154264
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI CAM VAN	*****081	25	CT10158372-CT10158396
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI CAM VAN	*****287	7	CT10081999-CT10082005
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGUYEN THI CAM VAN	*****436	1	EB10001825-EB10001825
CN NHA TRANG	NGUYEN THI CAO CHIEU	*****532	3	DN10026095-DN10026097
CN THANH HOA	NGUYEN THI CHAM	*****564	7	CT10135752-CT10135758
CN HA NOI	NGUYEN THI CHANG	*****824	1	CT10126814-CT10126814
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI CHANG	*****613	1	EB10001192-EB10001192
CN VINH PHUC	NGUYEN THI CHANH	*****050	1	EB10003241-EB10003241
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI CHANH	*****387	2	DN10109453-DN10109454
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI CHAU	*****182	17	CT10090841-CT10090857
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI CHINH	*****395	21	CT10153907-CT10153927
CN HAI AN	NGUYEN THI CHINH	*****043	1	CT10082330-CT10082330
PGD Krong Nang	NGUYEN THI CHINH	*****150	3	DN10074428-DN10074430
PGD KIM VAN	NGUYEN THI CHINH	*****480	1	EB10002664-EB10002664
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI CHUC	*****471	1	EB10002192-EB10002192
CN BAC NINH	NGUYEN THI CHUC	*****453	2	CT10084911-CT10084912
CN BINH DINH	NGUYEN THI CHUC	*****997	1	CT10031167-CT10031167
PGD DUC PHO	NGUYEN THI CHUNG	*****139	1	EB10001345-EB10001345

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI CHUNG	*****994	11	CT10120056-CT10120066
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI CHUYEN	*****775	1	EB10002601-EB10002601
CN SAI GON	NGUYEN THI CHUYEN	*****558	2	CT10064352-CT10064353
PGD TIEN AN	NGUYEN THI CO	*****738	5	DN10032152-DN10032156
CN DONG NAI	NGUYEN THI CONG	*****609	1	CT10064636-CT10064636
CN BINH DINH	NGUYEN THI CONG	*****778	3	DN10098875-DN10098877
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI CUC	*****386	3	CT10149718-CT10149720
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI CUC	*****936	5	CT10055546-CT10055550
CN BAC NINH	NGUYEN THI CUC	*****570	10	TD10010921-TD10010930
CN THANH XUAN	NGUYEN THI CUC	*****615	1	CT10150486-CT10150486
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI CUNG	*****758	5	DN10049218-DN10049222
CN BINH DINH	NGUYEN THI DA LAN	*****490	3	DN10044068-DN10044070
CN CAN THO	NGUYEN THI DAM MY	*****311	2	CT10132168-CT10132169
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI DAN	*****117	4	CT10106354-CT10106357
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI DAN	*****509	4	DN10034000-DN10034003
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN THI DAN PHUONG	*****556	3	CT10078104-CT10078106
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THI DANG THUY	*****272	11	CT10159267-CT10159277
CN DAK LAK	NGUYEN THI DAO	*****103	5	DN10055261-DN10055265
CN HUE	NGUYEN THI DAO	*****356	3	DN10110165-DN10110167
PGD BOTANIC	NGUYEN THI DEM	*****381	5	CT10069154-CT10069158
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI DIEM	*****847	4	CT10069964-CT10069967
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI DIEM	*****472	24	CT10020656-CT10020679
CN CAU GIAY	NGUYEN THI DIEM	*****848	21	CT10006981-CT10007001
CN LANG HA	NGUYEN THI DIEM HUONG	*****554	2	CT10000076-CT10000077
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI DIEM HUONG	*****443	2	CT10065108-CT10065109
CN AN GIANG	NGUYEN THI DIEM HUONG	*****449	40	DN10020271-DN10020310
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI DIEM LINH	*****976	7	CT10021901-CT10021907
CN LONG BIEN	NGUYEN THI DIEM QUYNH	*****652	10	CT10095765-CT10095774

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI DIEM THU	*****982	61	DN10028375-DN10028434; EB10002848-EB10002848
PGD LE CHAN	NGUYEN THI DIEN	*****971	11	DN10006365-DN10006374; EB10000276-EB10000276
CN HA DONG	NGUYEN THI DIEP	*****141	12	CT10165514-CT10165525
CN CAN THO	NGUYEN THI DIEU	*****334	1	CT10026149-CT10026149
PGD DAO TAN	NGUYEN THI DIEU	*****484	1	CT10146233-CT10146233
CN BINH DINH	NGUYEN THI DIEU	*****372	3	DN10027921-DN10027923
PGD LE VAN SY	NGUYEN THI DIEU ANH	*****920	80	CT10141284-CT10141313; DN10044752-DN10044801
CN HUE	NGUYEN THI DIEU HANG	*****542	11	EB10002444-EB10002444; TD10007391-TD10007400
CN DAK LAK	NGUYEN THI DIEU HIEN	*****523	1	CT10050740-CT10050740
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI DIEU HIEN	*****711	3	CT10046290-CT10046292
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN THI DIEU HOA	*****934	1	EB10000363-EB10000363
CN DONG NAI	NGUYEN THI DIEU HUONG	*****736	2	CT10082665-CT10082666
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI DIEU HUYEN	*****399	1	CT10092723-CT10092723
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI DIEU HUYEN	*****720	1	CT10035318-CT10035318
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI DIEU LINH	*****543	6	CT10138221-CT10138226
CN BAC NINH	NGUYEN THI DIEU LINH	*****622	1	CT10081766-CT10081766
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THI DIEU QUYNH	*****405	4	CT10151971-CT10151974
CN DA NANG	NGUYEN THI DIEU THU	*****344	1	EB10000653-EB10000653
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI DIEU THUY	*****166	2	CT10122915-CT10122916
CN BAC NINH	NGUYEN THI DIEU VAN	*****106	1	EB10000182-EB10000182
CN HAI AN	NGUYEN THI DINH	*****326	10	CT10157563-CT10157572
PGD DI AN	NGUYEN THI DONG	*****260	2	CT10075137-CT10075138
PGD THAI THINH	NGUYEN THI DONG	*****590	53	CT10089555-CT10089607
CN VUNG TAU	NGUYEN THI DU	*****898	3	DN10047228-DN10047230

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	NGUYEN THI DUC	*****353	10	TD10002861-TD10002870
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI DUC	*****758	5	CT10081547-CT10081551
CN NGHE AN	NGUYEN THI DUC	*****986	3	CT10136108-CT10136110
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI DUC HANH	*****001	15	CT10013812-CT10013826
PGD HO GUOM	NGUYEN THI DUC HANH	*****882	50	CT10119024-CT10119073
CN LANG HA	NGUYEN THI DUNG	*****178	2	CT10160527-CT10160528
PGD DAO TAN	NGUYEN THI DUNG	*****289	3	CT10078750-CT10078752
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI DUNG	*****883	5	TD10011326-TD10011330
PGD QUAN 1	NGUYEN THI DUNG	*****994	8	CT10100906-CT10100913
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI DUNG	*****003	4	DN10107604-DN10107607
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI DUNG	*****100	1	EB10003327-EB10003327
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI DUNG	*****110	6	DN10060208-DN10060212; EB10001285-EB10001285
CN VINH PHUC	NGUYEN THI DUNG	*****152	10	CT10059065-CT10059074
CN THANH XUAN	NGUYEN THI DUNG	*****170	10	CT10106778-CT10106787
CN NGHE AN	NGUYEN THI DUNG	*****306	3	CT10147106-CT10147108
CN HAI DUONG	NGUYEN THI DUNG	*****421	15	CT10157429-CT10157433; DN10085608-DN10085612; TD10004046-TD10004050
PGD PHO YEN	NGUYEN THI DUNG	*****441	188	CT10003532-CT10003543; DN10019320-DN10019479; EB10000379-EB10000379; TD10006561-TD10006575
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI DUNG	*****475	3	DN10023423-DN10023425
CN BAC NINH	NGUYEN THI DUNG	*****631	1	EB10001434-EB10001434
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI DUNG	*****638	1	EB10001528-EB10001528
CN HA DONG	NGUYEN THI DUNG	*****692	1	EB10000351-EB10000351
CN LONG BIEN	NGUYEN THI DUOM	*****750	20	CT10091417-CT10091436
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI DUONG	*****346	5	DN10088995-DN10088999
CN HAI AN	NGUYEN THI DUONG	*****579	1	EB10003352-EB10003352
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI DUYEN	*****176	24	CT10070168-CT10070191
CN CAU GIAY	NGUYEN THI DUYEN	*****000	14	CT10097507-CT10097520
CN AN GIANG	NGUYEN THI DUYEN	*****356	3	DN10083836-DN10083838
CN THANH XUAN	NGUYEN THI DUYEN	*****722	11	CT10042705-CT10042715
CN AN GIANG	NGUYEN THI EM	*****373	3	DN10007513-DN10007515
CN AN GIANG	NGUYEN THI EM	*****880	5	DN10071335-DN10071339

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	NGUYEN THI GAI	*****395	10	DN10085175-DN10085184
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN THI GIANG	*****041	2	CT10110066-CT10110067
CN BAC NINH	NGUYEN THI GIANG	*****386	1	CT10152665-CT10152665
PGD TU SON	NGUYEN THI GIANG HUONG	*****358	1	EB10000473-EB10000473
CN TAN PHU	NGUYEN THI GIAO	*****428	75	DN10064352-DN10064426
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI GIAO CHI	*****507	13	CT10018129-CT10018141
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI HA	*****049	20	CT10105329-CT10105348
CN HA DONG	NGUYEN THI HA	*****058	7	CT10008378-CT10008384
PGD NGOC LAM	NGUYEN THI HA	*****074	20	CT10070613-CT10070632
CN DAI AN	NGUYEN THI HA	*****202	1	CT10122729-CT10122729
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI HA	*****272	5	CT10078454-CT10078458
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HA	*****295	6	CT10137555-CT10137560
CN HAI AN	NGUYEN THI HA	*****494	15	CT10066129-CT10066143
CN HA DONG	NGUYEN THI HA	*****558	20	CT10057207-CT10057226
PGD BACH MAI	NGUYEN THI HA	*****179	24	CT10106846-CT10106869
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HA	*****282	1	CT10028727-CT10028727
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HA	*****299	1	CT10052017-CT10052017
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI HA	*****306	1	EB10001970-EB10001970
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HA	*****331	5	DN10051233-DN10051237
PGD Krong Nang	NGUYEN THI HA	*****343	3	DN10023568-DN10023570
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI HA	*****386	52	CT10062389-CT10062440
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI HA	*****389	5	DN10067361-DN10067365
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HA	*****400	5	CT10029786-CT10029790
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HA	*****473	7	CT10010670-CT10010676
CN BAC NINH	NGUYEN THI HA	*****517	4	CT10105537-CT10105540
CN BAC NINH	NGUYEN THI HA	*****561	5	DN10074423-DN10074427
CN BINH DINH	NGUYEN THI HA	*****647	3	DN10005031-DN10005033
CN DONG DA	NGUYEN THI HA	*****700	29	DN10079948-DN10079976
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HA	*****711	14	DN10070430-DN10070443
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI HA	*****712	5	DN10080246-DN10080250
CN DONG DA	NGUYEN THI HA	*****750	9	CT10101110-CT10101118
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HA	*****756	1	EB10000605-EB10000605
CN TAN BINH	NGUYEN THI HA	*****776	1	CT10144798-CT10144798
CN THANH HOA	NGUYEN THI HA	*****793	22	CT10016708-CT10016729

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HA DUONG	*****218	1	CT10070769-CT10070769
CN DONG DA	NGUYEN THI HA MY	*****155	11	CT10117300-CT10117310
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HA MY	*****762	5	CT10158900-CT10158904
CN DAK LAK	NGUYEN THI HA MY	*****354	3	DN10004935-DN10004937
CN DAK LAK	NGUYEN THI HA NHI	*****076	4	DN10061303-DN10061306
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI HA PHUONG	*****191	1	EB10001398-EB10001398
PGD HAI TAN	NGUYEN THI HA PHUONG	*****899	5	TD10001166-TD10001170
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HA TRANG	*****935	5	TD10004686-TD10004690
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI HA VINH	*****856	27	DN10101732-DN10101758
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI HA VY	*****907	1	CT10013298-CT10013298
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HAI	*****610	49	CT10125650-CT10125698
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI HAI	*****065	3	DN10041617-DN10041619
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HAI	*****147	17	CT10111258-CT10111269; TD10002631-TD10002635
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI HAI	*****418	15	CT10155734-CT10155748
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HAI	*****520	1	CT10139917-CT10139917
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI HAI	*****547	15	CT10054392-CT10054406
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THI HAI	*****780	1	CT10037623-CT10037623
CN NGHE AN	NGUYEN THI HAI	*****898	2	DN10088456-DN10088457
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HAI	*****917	15	CT10111107-CT10111121
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HAI	*****940	49	CT10003922-CT10003970
CN LANG HA	NGUYEN THI HAI ANH	*****109	21	CT10044077-CT10044097
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THI HAI ANH	*****293	6	CT10024708-CT10024713
PGD HAM NGHI	NGUYEN THI HAI EM	*****774	7	CT10066998-CT10067004
PGD BACH MAI	NGUYEN THI HAI HA	*****938	10	CT10038494-CT10038503
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI HAI HA	*****125	5	TD10006391-TD10006395
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI HAI HANG	*****007	1	EB10001949-EB10001949
CN LANG HA	NGUYEN THI HAI HOA	*****923	5	CT10102914-CT10102918
CN BINH DINH	NGUYEN THI HAI MINH	*****491	1	CT10163399-CT10163399
CN DAI AN	NGUYEN THI HAI NINH	*****631	1	CT10155949-CT10155949

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN THI HAI NINH	*****949	1	CT10026164-CT10026164
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI HAI QUYNH	*****133	13	CT10003845-CT10003857
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HAI VAN	*****706	13	CT10156476-CT10156488
PGD DAI KIM	NGUYEN THI HAI YEN	*****022	2	CT10027581-CT10027582
PGD DAI KIM	NGUYEN THI HAI YEN	*****474	11	CT10111399-CT10111399; TD10002486-TD10002495
CN HA TINH	NGUYEN THI HAI YEN	*****004	4	CT10123359-CT10123362
PGD MY DINH	NGUYEN THI HAI YEN	*****437	1	CT10055460-CT10055460
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HAI YEN	*****507	11	CT10110295-CT10110305
PGD DOI CAN	NGUYEN THI HAI YEN	*****574	1	EB10000779-EB10000779
CN DONG DA	NGUYEN THI HAI YEN	*****686	28	CT10063456-CT10063483
PGD THANG LONG	NGUYEN THI HAI YEN	*****856	1	EB10001511-EB10001511
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HAI YEN	*****969	4	CT10039770-CT10039773
PGD HANG KENH	NGUYEN THI HAN ANH	*****908	5	CT10032490-CT10032494
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI HANG	*****101	2	CT10056563-CT10056564
CN HA NOI	NGUYEN THI HANG	*****385	9	CT10096390-CT10096398
CN DAI AN	NGUYEN THI HANG	*****389	1	CT10027498-CT10027498
PGD LE LOI	NGUYEN THI HANG	*****475	1	EB10001771-EB10001771
PGD QUAN 10	NGUYEN THI HANG	*****763	2	CT10039565-CT10039566
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HANG	*****779	1	EB10003268-EB10003268
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HANG	*****785	1	CT10025716-CT10025716
PGD LE CHAN	NGUYEN THI HANG	*****897	1	EB10002748-EB10002748
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI HANG	*****080	5	DN10095267-DN10095271
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HANG	*****204	32	CT10069731-CT10069762
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HANG	*****263	5	DN10093727-DN10093731
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HANG	*****358	29	CT10040924-CT10040952
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI HANG	*****419	15	CT10078710-CT10078724
CN NGHE AN	NGUYEN THI HANG	*****465	7	CT10134467-CT10134473
CN DONG NAI	NGUYEN THI HANG	*****559	1	CT10115736-CT10115736
CN DAI AN	NGUYEN THI HANG	*****569	5	CT10137623-CT10137627
CN DAK LAK	NGUYEN THI HANG	*****662	4	DN10066537-DN10066540
CN BAC NINH	NGUYEN THI HANG	*****724	5	DN10059749-DN10059753
CN DAI AN	NGUYEN THI HANG	*****786	47	CT10115124-CT10115170
CN DONG NAI	NGUYEN THI HANG	*****789	5	DN10095411-DN10095415
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI HANG	*****808	54	CT10138494-CT10138547

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HANG	*****898	5	CT10020070-CT10020074
CN HA TINH	NGUYEN THI HANG DUNG	*****204	3	DN10104924-DN10104926
CN DAI AN	NGUYEN THI HANG NGA	*****304	23	CT10106755-CT10106777
CN LANG HA	NGUYEN THI HANG NGA	*****870	16	CT10019907-CT10019922
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI HANG NGA	*****001	9	CT10108034-CT10108042
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI HANH	*****048	120	DN10067241-DN10067360
PGD LAN ONG	NGUYEN THI HANH	*****539	33	CT10063253-CT10063285
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HANH	*****701	1	CT10156290-CT10156290
CN QUANG NINH	NGUYEN THI HANH	*****958	1	CT10128301-CT10128301
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HANH	*****031	4	CT10135131-CT10135134
PGD TRUONG THI	NGUYEN THI HANH	*****242	7	CT10115188-CT10115194
CN THANH HOA	NGUYEN THI HANH	*****279	3	CT10157777-CT10157779
CN NGHE AN	NGUYEN THI HANH	*****326	1	EB10000042-EB10000042
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HANH	*****502	1	EB10001874-EB10001874
CN TAN THANH	NGUYEN THI HANH	*****542	1	CT10043520-CT10043520
PGD SOC SON	NGUYEN THI HANH	*****623	1	EB10001884-EB10001884
CN DONG DA	NGUYEN THI HANH	*****639	17	CT10081749-CT10081765
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HANH	*****717	1	EB10002478-EB10002478
PGD LE CHAN	NGUYEN THI HANH	*****722	2	CT10081643-CT10081644
PGD LENIN	NGUYEN THI HANH	*****732	1	CT10077966-CT10077966
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HANH	*****741	1	EB10003235-EB10003235
CN HA NOI	NGUYEN THI HANH	*****823	46	CT10006829-CT10006874
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI HANH	*****870	1	EB10002971-EB10002971
CN THANH HOA	NGUYEN THI HANH	*****681	13	CT10162854-CT10162866
CN DA NANG	NGUYEN THI HANH LE	*****474	7	CT10071948-CT10071954
CN BINH DINH	NGUYEN THI HANH NHAN	*****390	3	DN10105771-DN10105773
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HANH PHUONG	*****212	25	CT10088709-CT10088733
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HANH THU	*****715	45	DN10093251-DN10093295
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI HANH TRANG	*****928	2	CT10006747-CT10006748
CN BAC NINH	NGUYEN THI HAO	*****210	1	CT10077051-CT10077051
CN LANG HA	NGUYEN THI HAO	*****352	14	CT10124881-CT10124894

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI HAO	*****375	3	DN10003278-DN10003280
CN VUNG TAU	NGUYEN THI HAO	*****414	1	CT10028423-CT10028423
PGD HA LONG	NGUYEN THI HAO	*****531	6	CT10089878-CT10089883
CN HA DONG	NGUYEN THI HAO	*****575	1	CT10117478-CT10117478
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HAO	*****691	5	DN10047231-DN10047235
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HAO	*****844	5	CT10056242-CT10056246
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI HAT	*****381	9	CT10108467-CT10108475
PGD SAI DONG	NGUYEN THI HAU	*****100	1	EB10003148-EB10003148
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HAU	*****817	1	EB10002303-EB10002303
PGD DI AN	NGUYEN THI HAU	*****817	284	CT10118652-CT10118655; DN10081365-DN10081634; TD10003616-TD10003625
PGD KIM VAN	NGUYEN THI HIEN	*****115	25	DN10049371-DN10049390; TD10010536-TD10010540
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI HIEN	*****219	57	CT10133868-CT10133924
PGD KIM VAN	NGUYEN THI HIEN	*****406	1	EB10002220-EB10002220
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HIEN	*****617	77	CT10084777-CT10084848; TD10008901-TD10008905
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HIEN	*****935	2	CT10065388-CT10065389
CN QUANG NINH	NGUYEN THI HIEN	*****960	156	DN10051467-DN10051622
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI HIEN	*****052	5	CT10107299-CT10107303
PGD Krong Nang	NGUYEN THI HIEN	*****074	3	DN10008247-DN10008249
CN BINH DINH	NGUYEN THI HIEN	*****124	1	CT10100842-CT10100842
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI HIEN	*****157	8	CT10019528-CT10019535
PGD LIM	NGUYEN THI HIEN	*****195	5	DN10086707-DN10086711
CN DAK LAK	NGUYEN THI HIEN	*****207	5	DN10047940-DN10047944
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI HIEN	*****324	34	CT10105173-CT10105206
CN LONG BIEN	NGUYEN THI HIEN	*****354	6	CT10130947-CT10130952
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HIEN	*****468	1	CT10113588-CT10113588
CN DAK LAK	NGUYEN THI HIEN	*****496	5	DN10008250-DN10008254
CN DA NANG	NGUYEN THI HIEN	*****520	5	TD10010101-TD10010105
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HIEN	*****521	8	CT10149162-CT10149164; TD10001951-TD10001955
CN VINH PHUC	NGUYEN THI HIEN	*****582	1	CT10114443-CT10114443
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HIEN	*****613	5	TD10011231-TD10011235
CN DA NANG	NGUYEN THI HIEN	*****618	1	CT10050850-CT10050850
PGD DAO TAN	NGUYEN THI HIEN	*****622	11	CT10046274-CT10046284

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	NGUYEN THI HIEN	*****626	9	CT10019343-CT10019351
CN DAK LAK	NGUYEN THI HIEN	*****785	5	DN10002877-DN10002881
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HIEN	*****793	80	DN10030968-DN10031047
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HIEN	*****815	3	CT10081329-CT10081331
CN BAC NINH	NGUYEN THI HIEN	*****822	5	DN10068768-DN10068772
CN DAK LAK	NGUYEN THI HIEN	*****873	4	DN10101392-DN10101395
CN DA NANG	NGUYEN THI HIEN	*****882	1	CT10102764-CT10102764
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HIEN	*****890	74	CT10087103-CT10087176
PGD SO SAO	NGUYEN THI HIEN	*****915	4	CT10076730-CT10076733
CN BAC NINH	NGUYEN THI HIEN	*****941	1	EB10000210-EB10000210
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI HIEN	*****294	25	CT10103949-CT10103973
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HIEN GIANG	*****513	5	TD10011191-TD10011195
PGD VINH HOANG	NGUYEN THI HIEN TRANG	*****151	14	CT10157901-CT10157914
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI HIEU	*****226	1	EB10002415-EB10002415
CN DAI AN	NGUYEN THI HIEU	*****086	4	CT10034242-CT10034245
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGUYEN THI HIEU	*****402	1	EB10002495-EB10002495
CN DA NANG	NGUYEN THI HIEU	*****467	1	EB10003081-EB10003081
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI HIEU	*****694	7	CT10072744-CT10072750
CN CAN THO	NGUYEN THI HIEU NHAN	*****366	1	CT10117568-CT10117568
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI HOA	*****000	11	CT10006523-CT10006533
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HOA	*****005	50	CT10159391-CT10159440
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI HOA	*****043	50	CT10062278-CT10062327
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HOA	*****345	6	CT10027268-CT10027273
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI HOA	*****411	10	CT10154071-CT10154080
CN HAI AN	NGUYEN THI HOA	*****422	1	EB10001347-EB10001347
PGD YEN PHU	NGUYEN THI HOA	*****494	47	CT10084178-CT10084224
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HOA	*****523	24	CT10056792-CT10056815
CN LANG HA	NGUYEN THI HOA	*****783	1	EB10000483-EB10000483
PGD VINH YEN	NGUYEN THI HOA	*****783	26	DN10040516-DN10040531; TD10009641-TD10009650
CN TAN BINH	NGUYEN THI HOA	*****005	4	CT10154624-CT10154627

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI HOA	*****007	1	EB10000720-EB10000720
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HOA	*****025	1	EB10001875-EB10001875
PGD NUI THANH	NGUYEN THI HOA	*****147	1	EB10001467-EB10001467
PGD LE CHAN	NGUYEN THI HOA	*****337	1	EB10001153-EB10001153
CN BAC NINH	NGUYEN THI HOA	*****356	1	EB10001274-EB10001274
CN NGHE AN	NGUYEN THI HOA	*****372	6	CT10091379-CT10091384
PGD KIM THANH	NGUYEN THI HOA	*****549	10	CT10116397-CT10116406
PGD MY DINH	NGUYEN THI HOA	*****563	74	CT10146694-CT10146767
CN BINH DINH	NGUYEN THI HOA	*****590	3	DN10101464-DN10101466
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HOA	*****594	1	CT10047258-CT10047258
PGD DA KAO	NGUYEN THI HOA	*****627	2	CT10120632-CT10120633
CN HA TINH	NGUYEN THI HOA	*****658	3	DN10019961-DN10019963
PGD MY DINH	NGUYEN THI HOA	*****706	1	EB10002428-EB10002428
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI HOA	*****715	1	EB10000303-EB10000303
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HOA	*****718	6	CT10049664-CT10049669
CN DONG NAI	NGUYEN THI HOA	*****744	11	DN10079464-DN10079473; EB10001933-EB10001933
CN DAI AN	NGUYEN THI HOA	*****790	6	CT10151975-CT10151980
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI HOA	*****910	3	DN10088569-DN10088571
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THI HOA	*****946	5	CT10021430-CT10021434
CN BAC NINH	NGUYEN THI HOA	*****948	1	EB10001099-EB10001099
CN BAC NINH	NGUYEN THI HOA	*****977	1	CT10147180-CT10147180
CN DAI AN	NGUYEN THI HOA	*****922	5	TD10011206-TD10011210
CN HA TINH	NGUYEN THI HOA LY	*****866	2	CT10064917-CT10064918
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HOA MAI	*****005	15	CT10146591-CT10146605
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI HOA MAI	*****567	2	CT10002841-CT10002842
CN DAI AN	NGUYEN THI HOAI	*****498	3	CT10048169-CT10048171
CN NGHE AN	NGUYEN THI HOAI	*****100	1	CT10076073-CT10076073
CN HAI AN	NGUYEN THI HOAI	*****132	5	TD10006826-TD10006830
CN LONG BIEN	NGUYEN THI HOAI	*****158	4	CT10102928-CT10102931
PGD DAO TAN	NGUYEN THI HOAI LINH	*****127	2	CT10151524-CT10151525
PGD LE LOI	NGUYEN THI HOAI LINH	*****135	2	CT10142026-CT10142027
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HOAI LINH	*****755	17	CT10060941-CT10060957
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HOAI NHI	*****380	5	DN10089568-DN10089572

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN THI HOAI PHUONG	*****120	1	EB10000654-EB10000654
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI HOAI PHUONG	*****927	12	CT10057234-CT10057245
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HOAI THANH	*****302	1	CT10154521-CT10154521
PGD DAI KIM	NGUYEN THI HOAI THU	*****607	50	CT10093901-CT10093950
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HOAI THU	*****626	24	CT10077011-CT10077034
CN LONG BIEN	NGUYEN THI HOAI THU	*****310	15	CT10088625-CT10088639
CN NGHE AN	NGUYEN THI HOAI THU	*****608	4	CT10092659-CT10092662
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN THI HOAI THU	*****608	116	DN10021171-DN10021286
CN DA NANG	NGUYEN THI HOAI THUONG	*****092	1	CT10066669-CT10066669
PGD VINH YEN	NGUYEN THI HOAN	*****257	1	EB10000938-EB10000938
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI HOAN	*****209	2	CT10125308-CT10125309
PGD CAM PHA	NGUYEN THI HOAN	*****259	1	CT10016208-CT10016208
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HOAN	*****321	12	CT10162921-CT10162932
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HOANG ANH	*****381	3	CT10124051-CT10124052; EB10002252-EB10002252
CN DAK LAK	NGUYEN THI HOANG BICH HAN	*****560	5	DN10066077-DN10066081
PGD PHU LAM	NGUYEN THI HOANG DUNG	*****979	22	CT10064645-CT10064666
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI HOANG HA	*****072	16	CT10007205-CT10007214; EB10002435-EB10002435; TD10007436-TD10007440
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI HOANG HOA	*****204	1	CT10079036-CT10079036
CN BINH DINH	NGUYEN THI HOANG OANH	*****153	1	DN10101759-DN10101759
CN BINH DINH	NGUYEN THI HOANG PHUONG	*****318	2	CT10054957-CT10054958
CN DA NANG	NGUYEN THI HOANG TAM	*****888	1	CT10009881-CT10009881

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THANH TONG YEN	NGUYEN THI HOANG YEN	*****062	1	EB10001577-EB10001577
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HOANG YEN	*****532	8	CT10119897-CT10119904
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI HOANG YEN	*****774	1	EB10000647-EB10000647
CN TAN BINH	NGUYEN THI HOANG YEN	*****778	3	CT10075208-CT10075210
CN BAC NINH	NGUYEN THI HONG	*****102	6	CT10042905-CT10042910
PGD XUAN LA	NGUYEN THI HONG	*****219	67	CT10082335-CT10082401
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HONG	*****480	10	CT10114399-CT10114408
PGD TRUONG THI	NGUYEN THI HONG	*****535	1	CT10081944-CT10081944
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI HONG	*****623	2	CT10064892-CT10064893
PGD AU CO	NGUYEN THI HONG	*****011	49	CT10025083-CT10025131
CN QUANG NINH	NGUYEN THI HONG	*****048	5	CT10092832-CT10092836
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HONG	*****146	1	CT10086701-CT10086701
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HONG	*****320	4	CT10010283-CT10010286
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI HONG	*****331	2	CT10013158-CT10013159
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI HONG	*****346	15	CT10004940-CT10004954
CN BINH DINH	NGUYEN THI HONG	*****407	3	DN10056374-DN10056376
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HONG	*****408	5	DN10007018-DN10007022
CN TAN THANH	NGUYEN THI HONG	*****424	4	CT10030355-CT10030358
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI HONG	*****608	11	CT10017606-CT10017616
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HONG	*****641	5	DN10076121-DN10076125
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN THI HONG	*****833	1	CT10144370-CT10144370
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HONG	*****887	3	DN10031708-DN10031710
CN DAK LAK	NGUYEN THI HONG	*****921	4	DN10090396-DN10090399
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HONG	*****944	8	CT10069772-CT10069779
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI HONG	*****956	25	CT10002505-CT10002529
CN HA DONG	NGUYEN THI HONG ANH	*****864	70	DN10066541-DN10066605; TD10001286-TD10001290
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI HONG ANH	*****025	25	CT10025688-CT10025712
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HONG ANH	*****135	7	CT10050115-CT10050121
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HONG ANH	*****346	2	CT10035127-CT10035128

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HONG ANH	*****641	24	CT10156266-CT10156289
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HONG CANH	*****453	1	EB10001074-EB10001074
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI HONG CHAU	*****985	3	CT10111872-CT10111874
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI HONG DAO	*****275	1	EB10001518-EB10001518
CN DONG NAI	NGUYEN THI HONG DAO	*****657	5	CT10009571-CT10009575
CN CAN THO	NGUYEN THI HONG DIEM	*****702	3	CT10082849-CT10082851
PGD LE CHAN	NGUYEN THI HONG DIEP	*****120	1	CT10134377-CT10134377
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HONG DIU	*****067	65	CT10134848-CT10134912
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HONG DUNG	*****433	1	EB10001691-EB10001691
CN HAI AN	NGUYEN THI HONG GIANG	*****059	29	CT10078857-CT10078885
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI HONG HA	*****336	7	CT10037989-CT10037995
PGD TAY HO	NGUYEN THI HONG HA	*****868	25	CT10063397-CT10063421
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HONG HA	*****185	1	CT10029217-CT10029217
CN SAI GON	NGUYEN THI HONG HA	*****892	11	CT10155295-CT10155305
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HONG HAI	*****426	3	CT10059872-CT10059874
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI HONG HAI	*****865	3	CT10156000-CT10156002
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HONG HAI	*****396	16	CT10088963-CT10088978
CN DONG DA	NGUYEN THI HONG HAI	*****855	46	CT10109590-CT10109635
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HONG HAN	*****925	1	EB10002288-EB10002288
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HONG HANH	*****178	2	CT10002844-CT10002845
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI HONG HANH	*****537	1	EB10002880-EB10002880

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HONG HANH	*****541	17	CT10091894-CT10091910
CN HA NOI	NGUYEN THI HONG HANH	*****739	1	EB10001462-EB10001462
PGD KIM VAN	NGUYEN THI HONG HANH	*****764	1	CT10161792-CT10161792
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HONG HANH	*****504	1	EB10003181-EB10003181
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI HONG HIEU	*****148	2	CT10091550-CT10091551
PGD HAI DANG	NGUYEN THI HONG HOA	*****003	58	CT10123008-CT10123010; DN10089120-DN10089164; TD10004451-TD10004460
CN DONG NAI	NGUYEN THI HONG HOA	*****450	1	CT10114186-CT10114186
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HONG HOA	*****715	5	DN10074431-DN10074435
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI HONG HOA	*****086	6	CT10162071-CT10162076
PGD HAO NAM	NGUYEN THI HONG LAN	*****889	5	CT10081571-CT10081575
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HONG LIEN	*****111	2	CT10026135-CT10026136
CN HA DONG	NGUYEN THI HONG LINH	*****030	25	CT10113131-CT10113155
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HONG LINH	*****284	5	DN10038297-DN10038301
CN DA NANG	NGUYEN THI HONG LOAN	*****226	10	CT10003044-CT10003053
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HONG LOAN	*****735	5	CT10044901-CT10044905
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI HONG LOAN	*****965	1	CT10141045-CT10141045
CN BINH DINH	NGUYEN THI HONG LONG	*****905	3	DN10079898-DN10079900
CN VINH PHUC	NGUYEN THI HONG MAI	*****926	1	EB10002111-EB10002111
CN DAI AN	NGUYEN THI HONG MEN	*****451	2	CT10155944-CT10155945

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN THI HONG MINH	*****164	15	CT10076809-CT10076823
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HONG MINH	*****076	1	CT10085998-CT10085998
PGD NGO GIA TU	NGUYEN THI HONG MINH	*****730	1	CT10066374-CT10066374
CN SAI GON	NGUYEN THI HONG NGOC	*****232	15	CT10029202-CT10029216
CN HUE	NGUYEN THI HONG NHAT	*****010	1	CT10095332-CT10095332
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI HONG NHI	*****251	5	DN10058998-DN10059002
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI HONG NHIE	*****205	13	CT10003555-CT10003567
CN HAI AN	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****342	2	CT10063167-CT10063168
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****395	3	CT10164319-CT10164321
PGD KIM VAN	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****573	5	CT10021013-CT10021017
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****794	1	EB10000841-EB10000841
CN TAN THANH	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****850	2	CT10051151-CT10051152
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****363	2	CT10025132-CT10025133
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****394	10	DN10096015-DN10096024
CN BAC NINH	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****581	1	CT10030699-CT10030699
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****658	5	TD10007351-TD10007355
CN DONG DA	NGUYEN THI HONG NHUNG	*****847	15	CT10118540-CT10118554
CN DA NANG	NGUYEN THI HONG PHUC	*****350	4	CT10075373-CT10075376
CN BINH DUONG	NGUYEN THI HONG PHUC	*****935	1	EB10002046-EB10002046
CN CAN THO	NGUYEN THI HONG PHUOC	*****005	2	CT10001472-CT10001473

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HONG PHUONG	*****309	59	CT10158013-CT10158061; TD10003951-TD10003960
PGD XUAN LA	NGUYEN THI HONG PHUONG	*****738	24	CT10123759-CT10123782
PGD HOA BINH	NGUYEN THI HONG PHUONG	*****712	10	CT10095718-CT10095727
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HONG THAM	*****887	1	CT10151515-CT10151515
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI HONG THANH	*****641	3	CT10116659-CT10116661
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI HONG THUY	*****117	1	CT10103645-CT10103645
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HONG TRANG	*****665	3	CT10104561-CT10104563
PGD CAM PHA	NGUYEN THI HONG TUYEN	*****563	1	CT10103890-CT10103890
CN LONG BIEN	NGUYEN THI HONG UYEN	*****442	1	CT10039997-CT10039997
PGD TO HIEU	NGUYEN THI HONG VAN	*****045	5	TD10010886-TD10010890
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HONG VAN	*****972	14	CT10034764-CT10034777
CN DONG DA	NGUYEN THI HONG VAN	*****244	10	CT10122668-CT10122677
CN HA NOI	NGUYEN THI HONG VAN	*****365	3	CT10085339-CT10085341
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HONG VAN	*****612	16	CT10080881-CT10080891; TD10008651-TD10008655
PGD HAI TAN	NGUYEN THI HONG VAN	*****703	9	CT10110283-CT10110291
PGD VINH HOANG	NGUYEN THI HONG VAN	*****981	20	CT10007382-CT10007401
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THI HONG YEN	*****077	5	CT10063490-CT10063494
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI HONG YEN	*****491	1	EB10001596-EB10001596
CN HA DONG	NGUYEN THI HOP	*****019	1	EB10000219-EB10000219
CN BINH DINH	NGUYEN THI HOP	*****194	3	DN10106500-DN10106502
CN HAI AN	NGUYEN THI HUE	*****342	6	CT10000924-CT10000929
CN DONG DA	NGUYEN THI HUE	*****577	60	CT10085414-CT10085473

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN THI HUE	*****757	1	EB10002823-EB10002823
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HUE	*****761	18	CT10120930-CT10120947
PGD TAN PHAT	NGUYEN THI HUE	*****885	22	CT10093082-CT10093103
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN THI HUE	*****957	1	CT10065059-CT10065059
PGD HAI TAN	NGUYEN THI HUE	*****046	98	DN10020821-DN10020918
CN BAC NINH	NGUYEN THI HUE	*****059	5	CT10018960-CT10018964
CN BINH DINH	NGUYEN THI HUE	*****373	5	DN10019486-DN10019490
PGD THANH SEN	NGUYEN THI HUE	*****460	1	EB10002417-EB10002417
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI HUE	*****472	26	CT10046475-CT10046500
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI HUE	*****536	6	CT10116915-CT10116915; TD10003406-TD10003410
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUE	*****640	6	CT10102068-CT10102073
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HUE	*****692	2	CT10034790-CT10034791
CN NGHE AN	NGUYEN THI HUE	*****821	1	EB10003159-EB10003159
CN BAC NINH	NGUYEN THI HUE	*****824	5	DN10112010-DN10112014
CN THANH HOA	NGUYEN THI HUE	*****940	1	EB10001299-EB10001299
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI HUE	*****966	1	CT10056265-CT10056265
PGD PHU HUNG	NGUYEN THI HUE ANH	*****869	28	CT10144187-CT10144214
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THI HUONG	*****007	14	CT10024105-CT10024118
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI HUONG	*****107	5	TD10007441-TD10007445
CN HA DONG	NGUYEN THI HUONG	*****163	24	CT10054325-CT10054348
CN DONG DA	NGUYEN THI HUONG	*****210	1	EB10001157-EB10001157
CN QUANG NINH	NGUYEN THI HUONG	*****225	1	CT10038682-CT10038682
PGD SOC SON	NGUYEN THI HUONG	*****530	10	CT10097069-CT10097078
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HUONG	*****557	5	TD10005566-TD10005570
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI HUONG	*****582	27	CT10157585-CT10157611
PGD DAO TAN	NGUYEN THI HUONG	*****597	1	CT10105417-CT10105417
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HUONG	*****634	10	CT10069581-CT10069590
CN DAI AN	NGUYEN THI HUONG	*****764	40	CT10040384-CT10040423
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI HUONG	*****927	9	CT10058641-CT10058649
PGD SAO DO	NGUYEN THI HUONG	*****977	16	CT10126481-CT10126486; TD10004791-TD10004800
PGD LIM	NGUYEN THI HUONG	*****003	30	DN10083781-DN10083810

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	NGUYEN THI HUONG	*****016	9	CT10047084-CT10047092
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI HUONG	*****030	4	CT10054908-CT10054911
PGD XUAN LA	NGUYEN THI HUONG	*****042	2	CT10049234-CT10049235
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUONG	*****059	3	CT10088909-CT10088911
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HUONG	*****131	1	EB10000118-EB10000118
PGD BACH DANG	NGUYEN THI HUONG	*****212	1	EB10000926-EB10000926
CN BAC NINH	NGUYEN THI HUONG	*****226	2	CT10111305-CT10111306
CN HA TINH	NGUYEN THI HUONG	*****308	5	TD10000871-TD10000875
CN HA NOI	NGUYEN THI HUONG	*****329	7	CT10122040-CT10122046
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI HUONG	*****400	3	CT10038762-CT10038764
PGD TO HIEU	NGUYEN THI HUONG	*****459	3	CT10165452-CT10165454
CN DAI AN	NGUYEN THI HUONG	*****470	10	CT10120302-CT10120311
CN HAI AN	NGUYEN THI HUONG	*****472	30	DN10088536-DN10088565
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUONG	*****500	1	CT10105328-CT10105328
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN THI HUONG	*****507	1	EB10000954-EB10000954
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HUONG	*****558	1	EB10000551-EB10000551
CN HA TINH	NGUYEN THI HUONG	*****562	5	DN10004489-DN10004493
CN DAI AN	NGUYEN THI HUONG	*****565	2	CT10051506-CT10051507
PGD LIM	NGUYEN THI HUONG	*****568	4	CT10060208-CT10060211
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI HUONG	*****657	5	DN10106012-DN10106016
CN BAC NINH	NGUYEN THI HUONG	*****746	1	CT10095733-CT10095733
PGD SOC SON	NGUYEN THI HUONG	*****746	5	TD10008531-TD10008535
CN HA DONG	NGUYEN THI HUONG	*****787	1	CT10086807-CT10086807
CN DONG NAI	NGUYEN THI HUONG	*****831	5	CT10010422-CT10010426
CN DONG DA	NGUYEN THI HUONG	*****847	1	EB10003036-EB10003036
CN HA TINH	NGUYEN THI HUONG	*****857	5	DN10039842-DN10039846
PGD BOTANIC	NGUYEN THI HUONG	*****864	11	CT10034578-CT10034588
CN NGHE AN	NGUYEN THI HUONG	*****888	7	CT10135272-CT10135278
PGD LE CHAN	NGUYEN THI HUONG	*****935	26	DN10034892-DN10034911; EB10003034-EB10003034; TD10009166-TD10009170
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HUONG	*****973	85	CT10148651-CT10148735
PGD THAI THINH	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****597	1	CT10085403-CT10085403

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****298	6	CT10150627-CT10150632
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****683	50	DN10069394-DN10069443
PGD PHU HUNG	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****703	1	CT10086676-CT10086676
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****929	6	CT10104019-CT10104024
CN HA DONG	NGUYEN THI HUONG GIANG	*****904	24	CT10008220-CT10008243
PGD TIEN AN	NGUYEN THI HUONG LAN	*****442	1	EB10003294-EB10003294
CN CAU GIAY	NGUYEN THI HUONG LIEN	*****037	2	CT10105633-CT10105634
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HUONG LIEU	*****866	4	CT10108048-CT10108051
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI HUONG LY	*****519	7	CT10037565-CT10037571
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HUONG NHAN	*****341	9	CT10039774-CT10039782
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUONG QUE	*****091	7	CT10152937-CT10152943
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HUONG QUYNH	*****741	7	CT10124379-CT10124385
PGD SAI DONG	NGUYEN THI HUONG QUYNH	*****802	3	CT10107443-CT10107445
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HUONG THAO	*****985	99	CT10131891-CT10131989
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI HUONG TRA	*****072	1	EB10001697-EB10001697
CN LONG BIEN	NGUYEN THI HUONG TRA	*****143	1	EB10002072-EB10002072
PGD XUAN LA	NGUYEN THI HUONG TRA	*****226	1	CT10015625-CT10015625
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI HUONG TUYEN	*****453	34	CT10099842-CT10099875
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI HUU	*****197	10	CT10071279-CT10071288
CN TAN BINH	NGUYEN THI HUU DUYEN	*****113	11	CT10059223-CT10059233

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI HUU NA	*****655	1	EB10003188-EB10003188
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI HUU TINH	*****406	3	DN10077565-DN10077567
CN HAI DUONG	NGUYEN THI HUYEN	*****050	2	CT10089937-CT10089938
CN HA NOI	NGUYEN THI HUYEN	*****053	2	CT10018649-CT10018650
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUYEN	*****322	27	CT10001844-CT10001870
CN HAI AN	NGUYEN THI HUYEN	*****520	1	EB10000439-EB10000439
PGD DAO TAN	NGUYEN THI HUYEN	*****000	40	CT10043296-CT10043335
CN HA TINH	NGUYEN THI HUYEN	*****051	1	EB10001383-EB10001383
PGD PHO YEN	NGUYEN THI HUYEN	*****104	1	EB10001534-EB10001534
CN HAI AN	NGUYEN THI HUYEN	*****253	2	CT10157706-CT10157707
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THI HUYEN	*****294	4	CT10149034-CT10149037
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HUYEN	*****309	34	CT10068933-CT10068966
CN HA TINH	NGUYEN THI HUYEN	*****315	1	CT10073097-CT10073097
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUYEN	*****330	6	CT10045818-CT10045823
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HUYEN	*****348	5	CT10087329-CT10087333
CN NHA TRANG	NGUYEN THI HUYEN	*****412	6	CT10127046-CT10127051
PGD THU DAU 1	NGUYEN THI HUYEN	*****543	120	CT10083818-CT10083827; DN10031595-DN10031704
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI HUYEN	*****564	1	EB10002678-EB10002678
CN HA DONG	NGUYEN THI HUYEN	*****574	1	EB10001996-EB10001996
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HUYEN	*****683	30	DN10069085-DN10069114
CN DAK LAK	NGUYEN THI HUYEN	*****745	5	DN10044653-DN10044657
CN BAC NINH	NGUYEN THI HUYEN	*****756	6	CT10055026-CT10055031
PGD KIM VAN	NGUYEN THI HUYEN	*****781	1	EB10003125-EB10003125
PGD DONG SON	NGUYEN THI HUYEN	*****939	24	CT10101872-CT10101895
CN THANH HOA	NGUYEN THI HUYEN	*****987	13	CT10021539-CT10021546; TD10009391-TD10009395
CN HA DONG	NGUYEN THI HUYEN ANH	*****094	1	EB10002874-EB10002874
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HUYEN DIEU	*****570	1	CT10137565-CT10137565
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HUYEN DUC	*****901	28	CT10013338-CT10013365
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI HUYEN MAI	*****250	1	EB10002552-EB10002552

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN BINH	NGUYEN THI HUYEN MI	*****382	8	CT10002749-CT10002756
PGD BACH MAI	NGUYEN THI HUYEN THAO	*****622	33	CT10026004-CT10026036
CN DONG DA	NGUYEN THI HUYEN THUONG	*****183	10	CT10117529-CT10117538
CN HA NOI	NGUYEN THI HUYEN THUONG	*****464	6	CT10034892-CT10034892; TD10000191-TD10000195
CN THANH XUAN	NGUYEN THI HUYEN THUONG	*****959	20	CT10125242-CT10125261
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****048	20	CT10150232-CT10150251
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****049	3	CT10097669-CT10097671
CN HAI PHONG	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****164	3	CT10038180-CT10038182
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****265	5	CT10017484-CT10017488
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****570	17	CT10013474-CT10013490
PGD YEN PHU	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****699	75	CT10005368-CT10005442
PGD THANH CONG	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****979	1	EB10002346-EB10002346
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****271	4	CT10037770-CT10037773
CN HA DONG	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****291	15	CT10028515-CT10028529
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****299	2	CT10082333-CT10082334
CN VINH PHUC	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****312	13	CT10149946-CT10149958
PGD SO SAO	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****432	1	EB10002520-EB10002520
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****436	5	TD10009761-TD10009765
CN DAI AN	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****545	9	CT10076216-CT10076219; DN10108045-DN10108049
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****712	19	CT10072180-CT10072198

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN THI HUYEN TRANG	*****948	13	CT10078342-CT10078349; TD10008031-TD10008035
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI HUYEN TRINH	*****580	1	CT10109484-CT10109484
CN CAN THO	NGUYEN THI HUYNH HOA	*****843	1	CT10069971-CT10069971
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI HUYNH NGA	*****906	24	CT10117649-CT10117672
CN CAN THO	NGUYEN THI HUYNH PHUONG	*****569	11	CT10150456-CT10150466
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI KHA	*****640	20	DN10064973-DN10064992
PGD HA LONG	NGUYEN THI KHANH	*****799	3	DN10021421-DN10021423
CN BAC NINH	NGUYEN THI KHANH	*****018	2	DN10100284-DN10100285
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI KHANH	*****039	5	DN10043978-DN10043982
CN SAI GON	NGUYEN THI KHANH	*****435	2	CT10086709-CT10086710
CN BAC NINH	NGUYEN THI KHANH	*****745	5	DN10032248-DN10032252
PGD LAN ONG	NGUYEN THI KHANH AN	*****064	15	CT10090916-CT10090930
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI KHANH HAN	*****660	2	CT10121391-CT10121392
PGD HO GUOM	NGUYEN THI KHANH LINH	*****980	1	EB10002056-EB10002056
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI KHANH LINH	*****097	2	CT10133038-CT10133039
PGD LENIN	NGUYEN THI KHANH LINH	*****739	41	DN10021827-DN10021861; EB10000446-EB10000446; TD10006931-TD10006935
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI KHANH LINH	*****888	1	CT10136742-CT10136742
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI KHANH LY	*****544	2	CT10083538-CT10083539
CN DA NANG	NGUYEN THI KHANH LY	*****215	17	CT10155363-CT10155379
CN CAU GIAY	NGUYEN THI KHANH LY	*****468	49	CT10034267-CT10034315
PGD NUI THANH	NGUYEN THI KHANH NGOC	*****513	1	CT10007402-CT10007402
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI KHANH NHI	*****757	1	EB10002689-EB10002689

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI KHANH VAN	*****151	4	CT10099712-CT10099715
CN HAI AN	NGUYEN THI KHANH VAN	*****392	7	CT10112596-CT10112602
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI KHANH VAN	*****844	8	CT10031712-CT10031719
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI KHANH VY	*****565	1	EB10002519-EB10002519
PGD LIM	NGUYEN THI KHOA	*****161	55	DN10056079-DN10056123; TD10000041-TD10000050
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI KHOA	*****980	5	DN10088870-DN10088874
CN DONG DA	NGUYEN THI KHUE	*****143	10	CT10063588-CT10063597
PGD LIM	NGUYEN THI KHUY	*****545	5	DN10002840-DN10002844
CN DAI AN	NGUYEN THI KHUYEN	*****009	1	EB10000503-EB10000503
PGD HANG KENH	NGUYEN THI KHUYEN	*****808	1	CT10145961-CT10145961
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI KHUYEN	*****441	1	EB10000874-EB10000874
CN NGHE AN	NGUYEN THI KIEU	*****280	2	CT10112152-CT10112153
CN AN GIANG	NGUYEN THI KIEU	*****464	11	DN10059466-DN10059476
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI KIEU DIEM	*****007	5	DN10087501-DN10087505
CN DAK LAK	NGUYEN THI KIEU DIEM	*****676	6	CT10133272-CT10133277
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI KIEU DUNG	*****442	63	CT10044185-CT10044188; DN10069335-DN10069393
PGD Krong Nang	NGUYEN THI KIEU DUONG	*****968	3	DN10066064-DN10066066
PGD TRUONG QUANG TRONG	NGUYEN THI KIEU HOANH	*****380	1	CT10058461-CT10058461
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI KIEU MI	*****073	10	CT10094809-CT10094818
PGD BOTANIC	NGUYEN THI KIEU NGA	*****204	5	CT10111793-CT10111797
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI KIEU NGA	*****656	1	CT10052911-CT10052911
PGD HO GUOM	NGUYEN THI KIEU OANH	*****731	12	CT10159979-CT10159980; TD10005121-TD10005130
PGD PHU LAM	NGUYEN THI KIEU TIEN	*****004	1	CT10130714-CT10130714

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIEU TRAM	*****293	1	EB10002867-EB10002867
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI KIEU TRANG	*****706	1	EB10002098-EB10002098
CN HAI AN	NGUYEN THI KIEU TRANG	*****179	1	EB10000479-EB10000479
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI KIEU TRANG	*****571	1	CT10020386-CT10020386
CN DA NANG	NGUYEN THI KIEU TRINH	*****431	8	CT10017995-CT10018002
CN HUE	NGUYEN THI KIEU VY	*****112	1	EB10002169-EB10002169
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI KIM ANH	*****055	24	CT10061654-CT10061677
CN TAN BINH	NGUYEN THI KIM ANH	*****102	1	CT10013138-CT10013138
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI KIM ANH	*****244	25	CT10025732-CT10025756
PGD HOA BINH	NGUYEN THI KIM ANH	*****604	91	CT10000480-CT10000485; DN10007582-DN10007661; TD10006326-TD10006330
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI KIM ANH	*****637	1	EB10001549-EB10001549
CN VUNG TAU	NGUYEN THI KIM ANH	*****867	53	CT10123516-CT10123518; DN10089222-DN10089266; TD10004566-TD10004570
CN CA MAU	NGUYEN THI KIM CHI	*****322	60	DN10054100-DN10054159
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI KIM CHI	*****608	6	CT10027047-CT10027052
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI KIM CUC	*****332	2	CT10007433-CT10007434
PGD DUC PHO	NGUYEN THI KIM CUC	*****403	1	EB10002379-EB10002379
CN TAN BINH	NGUYEN THI KIM CUC	*****707	2	CT10147618-CT10147619
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI KIM CUC	*****919	1	CT10007578-CT10007578
CN CAN THO	NGUYEN THI KIM CUONG	*****321	299	DN10102405-DN10102703
PGD QUAN 10	NGUYEN THI KIM DAO	*****029	10	CT10152947-CT10152956
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI KIM DUNG	*****054	11	CT10022915-CT10022925
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI KIM DUNG	*****487	1	CT10063743-CT10063743
PGD LE LOI	NGUYEN THI KIM DUNG	*****259	128	CT10072497-CT10072624
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI KIM DUNG	*****674	4	CT10151511-CT10151514

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI KIM DUNG	*****744	1	EB10000196-EB10000196
PGD THANH CONG	NGUYEN THI KIM DUNG	*****796	37	CT10146395-CT10146431
CN DONG NAI	NGUYEN THI KIM DUYEN	*****613	3	CT10064258-CT10064260
CN NGHE AN	NGUYEN THI KIM GIANG	*****313	7	CT10088400-CT10088406
CN NGHE AN	NGUYEN THI KIM HANH	*****028	12	CT10009217-CT10009228
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI KIM HANH	*****162	12	CT10081945-CT10081956
CN HA DONG	NGUYEN THI KIM HOA	*****140	1	EB10001015-EB10001015
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM HOA	*****034	5	DN10067497-DN10067501
CN THANH XUAN	NGUYEN THI KIM HOA	*****323	15	CT10007065-CT10007079
PGD PHO YEN	NGUYEN THI KIM HOA	*****861	10	TD10006901-TD10006910
PGD TAY HO	NGUYEN THI KIM HOAN	*****362	1	EB10002706-EB10002706
PGD THU DUC	NGUYEN THI KIM HOANG	*****071	1	CT10108531-CT10108531
CN LONG BIEN	NGUYEN THI KIM HONG	*****483	6	CT10095711-CT10095716
CN DAK LAK	NGUYEN THI KIM HONG	*****008	1	CT10096703-CT10096703
PGD AU CO	NGUYEN THI KIM HONG	*****723	1	EB10002830-EB10002830
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI KIM HONG	*****951	24	CT10053505-CT10053528
CN HAI AN	NGUYEN THI KIM HUE	*****609	5	CT10000492-CT10000496
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI KIM HUE	*****697	4	CT10025316-CT10025319
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI KIM HUONG	*****664	13	CT10023290-CT10023302
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI KIM HUONG	*****212	8	CT10048455-CT10048457; TD10002286-TD10002290
CN SAI GON	NGUYEN THI KIM HUONG	*****235	2	CT10057419-CT10057420
CN BAC NINH	NGUYEN THI KIM HUONG	*****335	2	CT10163893-CT10163894

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	NGUYEN THI KIM HUONG	*****930	3	DN10062179-DN10062181
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI KIM HUYEN	*****635	3	CT10062089-CT10062091
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM KHANH	*****775	1	EB10000813-EB10000813
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM KHANH	*****894	8	CT10115534-CT10115541
CN BINH DUONG	NGUYEN THI KIM LAN	*****224	4	CT10087307-CT10087310
PGD HO GUOM	NGUYEN THI KIM LIEN	*****061	15	TD10006866-TD10006880
PGD XUAN LA	NGUYEN THI KIM LIEN	*****172	99	CT10121859-CT10121957
PGD CONG HOA	NGUYEN THI KIM LOAN	*****204	1	EB10002465-EB10002465
CN SAI GON	NGUYEN THI KIM LOAN	*****575	3	CT10137459-CT10137461
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI KIM LOAN	*****676	20	CT10127982-CT10128001
CN BINH DINH	NGUYEN THI KIM LOAN	*****746	3	DN10008963-DN10008965
PGD KIM VAN	NGUYEN THI KIM NGAN	*****186	1	EB10000393-EB10000393
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI KIM NGAN	*****867	12	CT10143560-CT10143571
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM NGAN	*****373	1	EB10001958-EB10001958
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI KIM NGAN	*****509	45	DN10084089-DN10084133
CN AN GIANG	NGUYEN THI KIM NHUNG	*****109	5	CT10152875-CT10152879
CN LANG HA	NGUYEN THI KIM OANH	*****280	6	CT10034538-CT10034543
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI KIM OANH	*****842	24	CT10019318-CT10019341
CN DONG DA	NGUYEN THI KIM OANH	*****128	22	CT10044196-CT10044217
CN BAC NINH	NGUYEN THI KIM OANH	*****863	1	CT10077092-CT10077092
PGD TIEN AN	NGUYEN THI KIM OANH	*****895	1	CT10045318-CT10045318

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	NGUYEN THI KIM OANH	*****973	4	CT10049748-CT10049751
CN BINH DINH	NGUYEN THI KIM PHUONG	*****349	3	DN10027216-DN10027218
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI KIM QUY	*****903	1	EB10002517-EB10002517
CN SAI GON	NGUYEN THI KIM QUYEN	*****841	77	DN10047152-DN10047217; EB10000688-EB10000688; TD10010386-TD10010395
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI KIM SANG	*****057	5	TD10010821-TD10010825
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM THAI	*****797	1	EB10000293-EB10000293
CN BINH DINH	NGUYEN THI KIM THANH	*****599	3	CT10062563-CT10062565
PGD QUAN 10	NGUYEN THI KIM THANH	*****819	14	CT10050072-CT10050085
CN TAN BINH	NGUYEN THI KIM THOA	*****047	1	CT10084632-CT10084632
PGD TAY HO	NGUYEN THI KIM THOA	*****374	75	CT10025320-CT10025394
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI KIM THOA	*****376	43	CT10150093-CT10150135
PGD KHANH HOI	NGUYEN THI KIM THOA	*****537	10	CT10075628-CT10075637
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM THOA	*****609	1	EB10001155-EB10001155
CN CAU GIAY	NGUYEN THI KIM THU	*****912	20	CT10045909-CT10045928
CN AN GIANG	NGUYEN THI KIM THU	*****694	2	CT10131119-CT10131120
PGD QUAN 10	NGUYEN THI KIM THU	*****820	8	CT10065486-CT10065493
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI KIM THUYET	*****369	1	CT10079800-CT10079800
CN DAK LAK	NGUYEN THI KIM TI	*****374	5	DN10038520-DN10038524
CN HAI AN	NGUYEN THI KIM TRANG	*****013	97	CT10111441-CT10111441; DN10097443-DN10097532; EB10001034-EB10001034; TD10002636-TD10002640
PGD XUAN LA	NGUYEN THI KIM TRANG	*****301	1	CT10110585-CT10110585
CN HUE	NGUYEN THI KIM TRINH	*****629	10	CT10066376-CT10066385

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN BINH	NGUYEN THI KIM TUYEN	*****227	5	TD10002226-TD10002230
CN THANH XUAN	NGUYEN THI KIM TUYEN	*****576	1	EB10001057-EB10001057
CN THANH XUAN	NGUYEN THI KIM TUYEN	*****635	30	CT10144083-CT10144112
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI KIM TUYEN	*****876	10	CT10016915-CT10016924
CN BINH DUONG	NGUYEN THI KIM UYEN	*****805	2	CT10082006-CT10082007
CN NHA TRANG	NGUYEN THI KIM VUONG	*****289	1	EB10000933-EB10000933
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI KIM YEN	*****638	1	CT10072474-CT10072474
PGD Krong Nang	NGUYEN THI KIM YEN	*****873	10	DN10105912-DN10105921
PGD THAI THINH	NGUYEN THI LAM	*****132	1	CT10054175-CT10054175
CN DAI AN	NGUYEN THI LAM	*****357	12	CT10142875-CT10142886
CN BINH DUONG	NGUYEN THI LAM	*****450	151	DN10110300-DN10110449; EB10002730-EB10002730
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI LAM	*****535	8	DN10049017-DN10049023; EB10000736-EB10000736
CN DAK LAK	NGUYEN THI LAM	*****976	3	DN10094960-DN10094962
CN HA NOI	NGUYEN THI LAM OANH	*****456	2	CT10117956-CT10117957
CN VINH PHUC	NGUYEN THI LAN	*****016	1	EB10003311-EB10003311
CN DONG DA	NGUYEN THI LAN	*****125	100	CT10149348-CT10149447
CN HAI AN	NGUYEN THI LAN	*****143	21	CT10008443-CT10008463
PGD SAI DONG	NGUYEN THI LAN	*****830	1	EB10002285-EB10002285
CN HAI AN	NGUYEN THI LAN	*****902	1	EB10002355-EB10002355
PGD TAY HO	NGUYEN THI LAN	*****959	7	CT10055561-CT10055567
PGD DAI KIM	NGUYEN THI LAN	*****019	15	CT10107280-CT10107289; TD10001776-TD10001780
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI LAN	*****052	1	CT10047974-CT10047974
CN THANH XUAN	NGUYEN THI LAN	*****065	15	CT10160568-CT10160582
CN TAN PHU	NGUYEN THI LAN	*****275	4	CT10162523-CT10162526
PGD HONG BANG	NGUYEN THI LAN	*****517	10	CT10078371-CT10078380
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI LAN	*****550	3	CT10096979-CT10096981
CN BAC NINH	NGUYEN THI LAN	*****575	1	EB10003157-EB10003157
CN BAC NINH	NGUYEN THI LAN	*****718	5	DN10105688-DN10105692

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TIEN AN	NGUYEN THI LAN	*****792	5	DN10001442-DN10001445; EB10000098-EB10000098
PGD DAI TU	NGUYEN THI LAN	*****951	4	CT10143039-CT10143042
PGD DAO TAN	NGUYEN THI LAN ANH	*****063	2	CT10007652-CT10007653
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI LAN ANH	*****313	1	CT10021334-CT10021334
CN DAI AN	NGUYEN THI LAN ANH	*****724	3	CT10114159-CT10114161
PGD THAI THINH	NGUYEN THI LAN ANH	*****784	1	CT10039906-CT10039906
CN HAI AN	NGUYEN THI LAN ANH	*****216	1	EB10000365-EB10000365
PGD HONG BANG	NGUYEN THI LAN ANH	*****323	1	EB10002314-EB10002314
CN BINH DUONG	NGUYEN THI LAN ANH	*****411	3	CT10105581-CT10105583
PGD KHANH HOI	NGUYEN THI LAN ANH	*****474	4	CT10041279-CT10041282
CN HAI PHONG	NGUYEN THI LAN ANH	*****584	3	DN10090340-DN10090342
CN DAK LAK	NGUYEN THI LAN ANH	*****598	21	DN10070451-DN10070471
PGD SAO MAI	NGUYEN THI LAN ANH	*****841	3	CT10045766-CT10045768
CN HAI AN	NGUYEN THI LAN ANH	*****998	6	CT10069824-CT10069829
CN BINH DINH	NGUYEN THI LAN CHI	*****229	1	CT10156059-CT10156059
PGD HO DAC DI	NGUYEN THI LAN HUONG	*****288	1	CT10095710-CT10095710
CN BAC NINH	NGUYEN THI LAN HUONG	*****146	1	EB10001613-EB10001613
CN BAC NINH	NGUYEN THI LAN HUONG	*****173	1	EB10001866-EB10001866
CN HA TINH	NGUYEN THI LAN HUONG	*****259	30	DN10089776-DN10089805
PGD THANH CONG	NGUYEN THI LAN HUONG	*****770	79	CT10014135-CT10014213
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI LAN HUONG	*****924	4	CT10142515-CT10142518
PGD MY DINH	NGUYEN THI LAN NHI	*****916	1	EB10000434-EB10000434
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI LAN PHUONG	*****015	12	CT10101098-CT10101109
PGD THANH CONG	NGUYEN THI LAN PHUONG	*****411	12	CT10100791-CT10100802
CN DA NANG	NGUYEN THI LAN PHUONG	*****298	16	CT10100780-CT10100790; TD10000536-TD10000540
CN HAI DUONG	NGUYEN THI LAN PHUONG	*****737	10	CT10066354-CT10066363
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI LANG	*****537	7	CT10123447-CT10123453
CN DAK LAK	NGUYEN THI LANH	*****291	3	DN10081245-DN10081247

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN THI LANH	*****875	15	CT10070276-CT10070285; TD10006941-TD10006945
CN BINH DINH	NGUYEN THI LANH	*****917	5	DN10037689-DN10037693
CN VINH PHUC	NGUYEN THI LAP	*****957	6	DN10089165-DN10089169; EB10002218-EB10002218
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI LE	*****400	30	CT10114662-CT10114691
CN NGHE AN	NGUYEN THI LE	*****134	1	EB10002811-EB10002811
CN CAN THO	NGUYEN THI LE	*****350	12	DN10008236-DN10008246; EB10000334-EB10000334
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI LE	*****558	5	DN10089471-DN10089475
CN TAN THANH	NGUYEN THI LE	*****583	44	DN10063594-DN10063637
CN HAI DUONG	NGUYEN THI LE	*****592	10	TD10005776-TD10005785
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI LE ANH	*****157	1	EB10001304-EB10001304
CN DAI AN	NGUYEN THI LE HUYEN	*****377	5	TD10005826-TD10005830
PGD TON DAN	NGUYEN THI LE MAI	*****003	1	CT10131019-CT10131019
CN TAN BINH	NGUYEN THI LE PHUONG	*****244	2	CT10115953-CT10115954
PGD TU SON	NGUYEN THI LE QUYEN	*****388	5	CT10036540-CT10036544
CN HAI AN	NGUYEN THI LE YEN	*****274	1	EB10001665-EB10001665
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI LICH	*****363	1	EB10003201-EB10003201
CN HAI AN	NGUYEN THI LIEN	*****106	2	CT10003842-CT10003843
CN HAI PHONG	NGUYEN THI LIEN	*****210	5	DN10004680-DN10004684
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI LIEN	*****408	1	CT10002234-CT10002234
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI LIEN	*****434	10	CT10067354-CT10067363
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THI LIEN	*****560	15	TD10009266-TD10009280
PGD HAM NGHI	NGUYEN THI LIEN	*****852	3	CT10027037-CT10027039
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI LIEN	*****890	74	CT10013578-CT10013651
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI LIEN	*****073	15	DN10066794-DN10066808
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI LIEN	*****101	5	DN10097648-DN10097652
PGD DAI TU	NGUYEN THI LIEN	*****180	1	EB10000804-EB10000804
CN NHA TRANG	NGUYEN THI LIEN	*****518	3	DN10099319-DN10099321

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN THI LIEN	*****668	2	CT10001099-CT10001099; EB10000318-EB10000318
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI LIEN	*****793	5	TD10010366-TD10010370
CN CAU GIAY	NGUYEN THI LIEN	*****896	4	CT10160009-CT10160012
CN NHA TRANG	NGUYEN THI LIEN THANH	*****494	1	EB10001862-EB10001862
CN DONG NAI	NGUYEN THI LIEU	*****343	176	DN10092149-DN10092323; EB10002348-EB10002348
CN THANH HOA	NGUYEN THI LIEU	*****681	33	DN10046785-DN10046817
CN DAK LAK	NGUYEN THI LIEU	*****814	3	DN10056371-DN10056373
PGD YEN PHU	NGUYEN THI LINH	*****858	1	EB10000719-EB10000719
CN HAI AN	NGUYEN THI LINH	*****066	1	CT10090648-CT10090648
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI LINH	*****149	1	CT10046758-CT10046758
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI LINH	*****217	1	EB10001901-EB10001901
PGD SAO MAI	NGUYEN THI LINH	*****623	1	EB10002896-EB10002896
CN BAC NINH	NGUYEN THI LINH	*****779	1	EB10002255-EB10002255
PGD THU DUC	NGUYEN THI LINH	*****297	1	EB10000963-EB10000963
PGD GIA LOC	NGUYEN THI LOAN	*****004	15	CT10100278-CT10100287; TD10000546-TD10000550
CN BAC NINH	NGUYEN THI LOAN	*****188	1	EB10000390-EB10000390
CN BAC NINH	NGUYEN THI LOAN	*****241	27	DN10069785-DN10069810; EB10001675-EB10001675
CN HUE	NGUYEN THI LOAN	*****297	2	CT10030240-CT10030241
PGD THAI THINH	NGUYEN THI LOAN	*****378	50	CT10016222-CT10016271
PGD HAI TAN	NGUYEN THI LOAN	*****851	11	CT10030653-CT10030663
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI LOAN	*****881	3	CT10138398-CT10138400
PGD GIA LOC	NGUYEN THI LOAN	*****930	2	CT10015999-CT10016000
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI LOAN	*****939	1	CT10118804-CT10118804
CN BAC NINH	NGUYEN THI LOAN	*****950	1	EB10003158-EB10003158
CN BINH DUONG	NGUYEN THI LOAN	*****957	4	CT10131157-CT10131160
CN HAI DUONG	NGUYEN THI LOAN.	*****883	1	EB10002590-EB10002590
CN HAI AN	NGUYEN THI LOC	*****332	15	DN10000450-DN10000459; TD10005466-TD10005470
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI LOI	*****643	5	DN10102704-DN10102708
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI LOI	*****802	1	EB10000355-EB10000355
PGD SAO DO	NGUYEN THI LUA	*****582	11	DN10001446-DN10001456

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LIM	NGUYEN THI LUAN	*****056	1	EB10000585-EB10000585
CN BAC NINH	NGUYEN THI LUONG	*****146	6	CT10056896-CT10056901
PGD SOC SON	NGUYEN THI LUONG	*****395	3	CT10051210-CT10051212
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI LUONG	*****521	4	CT10030173-CT10030176
CN QUANG NINH	NGUYEN THI LUONG	*****655	105	DN10098606-DN10098700; TD10002646-TD10002655
CN DAK LAK	NGUYEN THI LUONG NHU	*****337	11	CT10035847-CT10035857
PGD BACH MAI	NGUYEN THI LUONG YEN	*****044	2	CT10058093-CT10058094
CN HA TINH	NGUYEN THI LUU	*****426	3	DN10033736-DN10033738
CN DAK LAK	NGUYEN THI LUU	*****786	8	DN10060026-DN10060033
CN DONG NAI	NGUYEN THI LUU	*****843	78	CT10053236-CT10053247; DN10076186-DN10076245; EB10001845-EB10001845; TD10003261-TD10003265
PGD TU SON	NGUYEN THI LUU	*****953	21	CT10150957-CT10150977
PGD HA LONG	NGUYEN THI LUYEN	*****100	257	CT10093853-CT10093899; DN10048471-DN10048670; TD10010581-TD10010590
PGD VINH HOANG	NGUYEN THI LUYEN	*****702	1	EB10000004-EB10000004
CN BAC NINH	NGUYEN THI LUYEN	*****864	102	CT10152317-CT10152361; DN10100286-DN10100342
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI LUYEN	*****888	20	CT10000409-CT10000428
PGD BUON DON	NGUYEN THI LY	*****211	3	DN10034584-DN10034586
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THI LY	*****330	2	CT10040427-CT10040428
CN BAC NINH	NGUYEN THI LY	*****480	2	DN10008961-DN10008962
CN BAC NINH	NGUYEN THI LY	*****893	1	EB10002035-EB10002035
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI LY LY	*****650	1	EB10000007-EB10000007
PGD HANG KENH	NGUYEN THI LY LY	*****726	17	CT10147684-CT10147700
PGD HA LONG	NGUYEN THI LY NA	*****624	1	EB10001257-EB10001257
CN SAI GON	NGUYEN THI LY THAO	*****472	4	CT10018967-CT10018970
PGD THANH CONG	NGUYEN THI MAI	*****005	7	CT10111897-CT10111903
PGD LE CHAN	NGUYEN THI MAI	*****166	1	EB10001453-EB10001453
PGD SOC SON	NGUYEN THI MAI	*****264	1	EB10000607-EB10000607
PGD SAI DONG	NGUYEN THI MAI	*****283	10	TD10001516-TD10001525
CN HA NOI	NGUYEN THI MAI	*****454	50	CT10081782-CT10081831
CN LONG BIEN	NGUYEN THI MAI	*****684	4	CT10118953-CT10118956

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KIM VAN	NGUYEN THI MAI	*****865	1	EB10001173-EB10001173
CN DAI AN	NGUYEN THI MAI	*****243	1	CT10137874-CT10137874
CN HA TINH	NGUYEN THI MAI	*****643	3	DN10000415-DN10000417
PGD THAI THINH	NGUYEN THI MAI	*****649	4	CT10159795-CT10159798
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI MAI	*****708	1	EB10002207-EB10002207
CN HAI DUONG	NGUYEN THI MAI	*****724	6	DN10070424-DN10070429
CN VINH PHUC	NGUYEN THI MAI	*****737	1	EB10002294-EB10002294
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MAI	*****839	1	EB10001455-EB10001455
PGD SO SAO	NGUYEN THI MAI	*****902	3	CT10127466-CT10127468
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI MAI ANH	*****043	1	EB10000458-EB10000458
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI MAI ANH	*****380	7	CT10032045-CT10032051
PGD TO HIEU	NGUYEN THI MAI ANH	*****503	1	EB10000330-EB10000330
CN TAN THANH	NGUYEN THI MAI ANH	*****393	15	CT10006765-CT10006779
CN BINH DUONG	NGUYEN THI MAI ANH	*****764	13	CT10137909-CT10137921
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI MAI ANH	*****967	13	CT10138710-CT10138722
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI MAI ANH	*****969	12	CT10087295-CT10087306
CN BINH DINH	NGUYEN THI MAI CHI	*****514	3	DN10022773-DN10022775
PGD HA LONG	NGUYEN THI MAI CHI	*****734	18	CT10026487-CT10026504
CN LANG HA	NGUYEN THI MAI DUNG	*****884	6	CT10081909-CT10081914
PGD THANH CONG	NGUYEN THI MAI HOA	*****701	10	CT10120192-CT10120196; TD10003646-TD10003650
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI MAI HOA	*****129	195	DN10048268-DN10048462
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI MAI HUONG	*****039	19	CT10127919-CT10127937
PGD HO DAC DI	NGUYEN THI MAI HUONG	*****635	43	CT10154764-CT10154806
CN DAI AN	NGUYEN THI MAI HUONG	*****825	2	CT10052816-CT10052817
PGD DONG SON	NGUYEN THI MAI HUONG	*****200	1	EB10001339-EB10001339
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI MAI HUONG	*****603	8	CT10129419-CT10129426
PGD LENIN	NGUYEN THI MAI HUONG	*****759	5	CT10053969-CT10053973
CN THANH XUAN	NGUYEN THI MAI LIEN	*****868	16	CT10118212-CT10118227

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	NGUYEN THI MAI LINH	*****910	1	EB10002212-EB10002212
CN HAI DUONG	NGUYEN THI MAI NHUNG	*****644	1	EB10000267-EB10000267
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THI MAI OANH	*****132	4	CT10014427-CT10014430
CN SAI GON	NGUYEN THI MAI PHUONG	*****850	1	CT10164977-CT10164977
CN SAI GON	NGUYEN THI MAI PHUONG	*****456	5	CT10144592-CT10144596
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI MAI PHUONG	*****615	25	CT10079767-CT10079791
PGD LIM	NGUYEN THI MAI PHUONG	*****780	1	EB10000325-EB10000325
CN SAI GON	NGUYEN THI MAI THU	*****596	36	CT10026369-CT10026404
PGD DOI CAN	NGUYEN THI MAI THUY	*****783	3	CT10051836-CT10051838
CN SAI GON	NGUYEN THI MAI THY	*****052	12	CT10061578-CT10061589
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI MAI TRAM	*****078	1	EB10001387-EB10001387
CN DA NANG	NGUYEN THI MAI TRAM	*****248	7	CT10151636-CT10151642
CN DAK LAK	NGUYEN THI MAI TRAM	*****824	3	DN10105599-DN10105601
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI MAI TRANG	*****432	1	CT10092006-CT10092006
PGD HAM NGHI	NGUYEN THI MAI TRANG	*****197	45	CT10082046-CT10082084; EB10002944-EB10002944; TD10008771-TD10008775
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI MAI TRUC	*****097	1	EB10002440-EB10002440
CN DAK LAK	NGUYEN THI MAI VAN	*****135	5	DN10085710-DN10085714
CN BINH DINH	NGUYEN THI MAN	*****550	3	DN10027483-DN10027485
CN BINH DINH	NGUYEN THI MANG	*****575	3	DN10064744-DN10064746
PGD SAO DO	NGUYEN THI MAO	*****298	5	DN10090270-DN10090274
PGD HA LONG	NGUYEN THI MEN	*****026	3	DN10040119-DN10040121
PGD XUAN LA	NGUYEN THI MEN	*****914	1	CT10141197-CT10141197
PGD LIM	NGUYEN THI MEN	*****196	35	DN10099322-DN10099356
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI MEN	*****527	3	DN10089773-DN10089775
PGD TIEN AN	NGUYEN THI MEN	*****629	5	DN10061499-DN10061503
PGD NGO GIA TU	NGUYEN THI MICH	*****554	5	TD10002431-TD10002435

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN THI MIEN	*****909	10	CT10007766-CT10007775
CN THANH HOA	NGUYEN THI MINH	*****877	30	DN10047865-DN10047894
CN CAU GIAY	NGUYEN THI MINH	*****034	15	CT10112900-CT10112914
CN HAI PHONG	NGUYEN THI MINH	*****039	4	DN10068785-DN10068788
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI MINH	*****395	5	DN10040532-DN10040536
CN DAK LAK	NGUYEN THI MINH	*****423	5	DN10043256-DN10043260
CN SAI GON	NGUYEN THI MINH	*****566	2	CT10059834-CT10059835
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI MINH	*****726	14	CT10064338-CT10064351
CN DAK LAK	NGUYEN THI MINH	*****832	6	CT10111238-CT10111238; TD10002641-TD10002645
CN BAC NINH	NGUYEN THI MINH	*****960	5	DN10093732-DN10093736
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI MINH ANH	*****157	12	CT10065868-CT10065879
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI MINH ANH	*****148	13	CT10080954-CT10080966
CN BINH DUONG	NGUYEN THI MINH ANH	*****749	1	EB10000127-EB10000127
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI MINH CHAU	*****450	27	CT10112687-CT10112713
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THI MINH HAI	*****457	1	EB10001922-EB10001922
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI MINH HANG	*****900	8	CT10146919-CT10146926
CN HA NOI	NGUYEN THI MINH HANG	*****983	1	CT10042795-CT10042795
PGD XUAN LA	NGUYEN THI MINH HIEN	*****149	102	CT10025773-CT10025874
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI MINH HIEN	*****157	20	CT10141975-CT10141989; TD10010011-TD10010015
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI MINH HIEN	*****447	20	CT10159457-CT10159476
CN BINH DINH	NGUYEN THI MINH HIEU	*****497	2	CT10133234-CT10133235
PGD TRUNG NHI	NGUYEN THI MINH HOA	*****023	23	CT10151995-CT10152017
CN HA TINH	NGUYEN THI MINH HOA	*****730	5	DN10059477-DN10059481
CN DAI AN	NGUYEN THI MINH HUE	*****335	1	CT10085562-CT10085562

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI MINH HUYEN	*****558	2	CT10086769-CT10086770
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MINH KHANH	*****176	1	CT10008169-CT10008169
CN BAC NINH	NGUYEN THI MINH KHUE	*****242	5	TD10010221-TD10010225
CN TAN THANH	NGUYEN THI MINH LOI	*****211	1	CT10138085-CT10138085
CN HAI AN	NGUYEN THI MINH LUONG	*****121	8	CT10084709-CT10084716
CN AN GIANG	NGUYEN THI MINH NGOC	*****712	3	DN10004634-DN10004636
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI MINH NGOC	*****979	12	CT10024669-CT10024680
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MINH NGUYET	*****659	4	CT10090077-CT10090080
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI MINH NHAT	*****944	3	DN10004856-DN10004858
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI MINH NHAT	*****944	6	CT10025757-CT10025762
CN BAC NINH	NGUYEN THI MINH PHUONG	*****897	17	CT10035900-CT10035911; TD10000151-TD10000155
CN DAK LAK	NGUYEN THI MINH PHUONG	*****937	5	CT10103296-CT10103300
PGD HA LONG	NGUYEN THI MINH QUYEN	*****511	1	CT10065648-CT10065648
PGD BOTANIC	NGUYEN THI MINH TAM	*****031	2	CT10086702-CT10086703
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN THI MINH THE	*****064	1	CT10052513-CT10052513
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI MINH THU	*****472	1	EB10000335-EB10000335
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI MINH THU	*****473	5	TD10011151-TD10011155
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI MINH THU	*****473	2	CT10019377-CT10019378
CN BAC NINH	NGUYEN THI MINH THU	*****023	22	CT10016350-CT10016371
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI MINH THU	*****048	1	EB10001698-EB10001698

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI MINH THU	*****099	3	CT10035795-CT10035797
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI MINH THU	*****646	1	CT10025225-CT10025225
PGD MY CA	NGUYEN THI MINH THU	*****877	1	CT10016914-CT10016914
CN VINH PHUC	NGUYEN THI MINH THU	*****914	1	CT10021509-CT10021509
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI MINH THU	*****919	3	CT10154522-CT10154524
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MINH THUAN	*****897	16	CT10101125-CT10101140
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI MINH THUY	*****950	7	CT10101570-CT10101576
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN THI MINH TRAM	*****094	20	DN10091104-DN10091123
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI MINH TRAN	*****099	25	CT10032020-CT10032044
CN CAN THO	NGUYEN THI MINH TRAN	*****438	3	CT10035304-CT10035306
PGD HO GUOM	NGUYEN THI MINH TRANG	*****151	1	CT10007931-CT10007931
PGD DAO TAN	NGUYEN THI MINH TRANG	*****635	2	DN10024680-DN10024681
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI MINH TRANG	*****242	3	CT10095119-CT10095121
CN BINH DUONG	NGUYEN THI MINH TRANG	*****324	101	DN10025017-DN10025116; EB10002780-EB10002780
CN TAN BINH	NGUYEN THI MINH TRANG	*****843	4	CT10113264-CT10113267
CN HAI DUONG	NGUYEN THI MO	*****510	4	CT10057748-CT10057751
CN HAI AN	NGUYEN THI MO	*****676	2	CT10015520-CT10015521
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MO	*****746	1	CT10048122-CT10048122
CN DAK LAK	NGUYEN THI MONG CHI	*****973	5	DN10081838-DN10081842
CN TAN PHU	NGUYEN THI MONG GIAO	*****589	2	CT10138444-CT10138445
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MONG LANH	*****030	16	CT10018014-CT10018029

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HUNG VUONG	NGUYEN THI MONG THUY	*****993	1	CT10085413-CT10085413
CN AN GIANG	NGUYEN THI MONG TUYEN	*****972	3	DN10105702-DN10105704
PGD HAI TAN	NGUYEN THI MUOI	*****405	1	EB10001198-EB10001198
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MY	*****836	20	CT10023350-CT10023369
CN VINH PHUC	NGUYEN THI MY	*****255	1	EB10003075-EB10003075
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MY CHAU	*****504	5	DN10027793-DN10027797
PGD THU DAU 1	NGUYEN THI MY DUNG	*****259	2	CT10000265-CT10000266
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI MY DUNG	*****846	1	EB10000064-EB10000064
CN SAI GON	NGUYEN THI MY DUYEN	*****026	5	CT10157185-CT10157189
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI MY DUYEN	*****434	5	CT10134426-CT10134430
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI MY DUYEN	*****541	10	DN10094519-DN10094528
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI MY DUYEN	*****648	2	CT10025197-CT10025198
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI MY HANH	*****522	29	CT10101445-CT10101473
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI MY HANH	*****949	1	CT10027078-CT10027078
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THI MY HANH	*****227	4	CT10140912-CT10140915
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI MY HANH	*****561	1	CT10100962-CT10100962
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI MY HAU	*****285	3	DN10087416-DN10087418
PGD CAM RANH	NGUYEN THI MY HIEP	*****553	100	DN10064521-DN10064620
CN DAI AN	NGUYEN THI MY HOA	*****688	27	CT10100404-CT10100430
PGD DUC PHO	NGUYEN THI MY HUE	*****550	3	CT10134337-CT10134339
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MY KIEU	*****881	73	CT10029976-CT10029980; DN10047236-DN10047298; TD10010476-TD10010480
CN NHA TRANG	NGUYEN THI MY LE	*****195	1	EB10001130-EB10001130
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI MY LIEN	*****168	1	EB10001323-EB10001323

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MY LINH	*****182	26	CT10132132-CT10132157
CN TAN THANH	NGUYEN THI MY LINH	*****888	7	CT10045681-CT10045687
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI MY LOI	*****587	5	CT10154297-CT10154301
PGD THU DUC	NGUYEN THI MY LUAN	*****734	1	EB10001031-EB10001031
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI MY NHUNG	*****225	10	TD10004731-TD10004740
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI MY NUONG	*****167	1	EB10003088-EB10003088
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI MY PHUC	*****528	5	TD10004026-TD10004030
PGD SAO DO	NGUYEN THI MY PHUONG	*****256	1	EB10001052-EB10001052
PGD QUAN 10	NGUYEN THI MY THO	*****950	8	CT10039801-CT10039808
CN CA MAU	NGUYEN THI MY THUAN	*****937	1	CT10055132-CT10055132
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI MY TRAN	*****595	4	CT10137561-CT10137564
PGD Krong Nang	NGUYEN THI MY TRANG	*****805	15	DN10059892-DN10059906
CN BINH DUONG	NGUYEN THI MY TUYEN	*****147	1	EB10002229-EB10002229
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI NA	*****882	3	DN10062182-DN10062184
CN AN GIANG	NGUYEN THI NAM	*****631	3	DN10031705-DN10031707
PGD TAY HO	NGUYEN THI NAM	*****236	19	CT10135981-CT10135999
CN HAI AN	NGUYEN THI NGA	*****123	1	EB10000255-EB10000255
PGD YEN PHU	NGUYEN THI NGA	*****158	5	CT10070134-CT10070138
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI NGA	*****180	31	CT10027452-CT10027477; TD10010231-TD10010235
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGA	*****283	1	EB10001663-EB10001663
CN THANH XUAN	NGUYEN THI NGA	*****382	1	CT10133068-CT10133068
PGD TON DAN	NGUYEN THI NGA	*****569	1	EB10002609-EB10002609
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI NGA	*****412	1	CT10061134-CT10061134
PGD LE CHAN	NGUYEN THI NGA	*****454	1	EB10000890-EB10000890
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI NGA	*****480	12	CT10086235-CT10086246
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI NGA	*****568	1	EB10000707-EB10000707
CN DONG NAI	NGUYEN THI NGA	*****576	16	CT10040739-CT10040754
CN VINH PHUC	NGUYEN THI NGA	*****603	6	DN10076598-DN10076602; EB10001839-EB10001839

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	NGUYEN THI NGA	*****728	10	DN10046716-DN10046724; EB10000651-EB10000651
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI NGA TRANG	*****815	11	CT10101549-CT10101559
CN HA DONG	NGUYEN THI NGAN	*****011	57	CT10079247-CT10079303
CN VINH PHUC	NGUYEN THI NGAN	*****451	1	EB10001438-EB10001438
PGD TIEN AN	NGUYEN THI NGAN	*****296	3	DN10094891-DN10094893
CN HAI AN	NGUYEN THI NGAN	*****815	59	CT10033494-CT10033542; TD10000136-TD10000145
CN CAU GIAY	NGUYEN THI NGAN TRANG	*****936	1	CT10080874-CT10080874
CN HA DONG	NGUYEN THI NGAT	*****582	1	EB10002873-EB10002873
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI NGAU	*****418	5	DN10000858-DN10000862
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI NGHI	*****162	5	DN10034494-DN10034498
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI NGHIA	*****434	5	DN10060386-DN10060390
CN BAC NINH	NGUYEN THI NGHIA	*****544	18	CT10056277-CT10056294
PGD KHANH HOI	NGUYEN THI NGOAN	*****177	3	CT10092573-CT10092575
CN HA DONG	NGUYEN THI NGOC	*****031	1	EB10003071-EB10003071
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI NGOC	*****119	200	DN10051899-DN10052098
CN LANG HA	NGUYEN THI NGOC	*****296	1	EB10001470-EB10001470
PGD THANG LONG	NGUYEN THI NGOC	*****586	1	CT10029129-CT10029129
PGD TRUONG THI	NGUYEN THI NGOC	*****792	1	EB10001740-EB10001740
CN DONG DA	NGUYEN THI NGOC	*****146	82	CT10109131-CT10109212
PGD THU DUC	NGUYEN THI NGOC	*****315	22	CT10118481-CT10118502
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI NGOC	*****484	5	TD10011226-TD10011230
CN DA NANG	NGUYEN THI NGOC	*****544	1	CT10117247-CT10117247
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI NGOC	*****693	5	DN10039179-DN10039183
PGD DAO TAN	NGUYEN THI NGOC	*****879	2	CT10141224-CT10141225
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN THI NGOC	*****943	1	CT10124036-CT10124036
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI NGOC AN	*****161	22	CT10086944-CT10086965
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI NGOC AN	*****974	1	EB10002321-EB10002321
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI NGOC ANH	*****651	1	CT10054666-CT10054666
PGD HONG BANG	NGUYEN THI NGOC ANH	*****013	1	EB10002052-EB10002052

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI NGOC ANH	*****364	11	CT10111707-CT10111717
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGOC ANH	*****520	9	DN10087187-DN10087190; TD10004236-TD10004240
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI NGOC ANH	*****546	5	TD10003131-TD10003135
PGD NGOC LAM	NGUYEN THI NGOC ANH	*****685	14	CT10043666-CT10043679
PGD BA RIA	NGUYEN THI NGOC ANH	*****697	5	CT10108351-CT10108355
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI NGOC ANH	*****995	4	CT10156130-CT10156133
PGD MY DINH	NGUYEN THI NGOC ANH	*****999	9	CT10149507-CT10149515
PGD KIM VAN	NGUYEN THI NGOC BICH	*****887	1	CT10115195-CT10115195
CN HAI AN	NGUYEN THI NGOC BICH	*****066	1	EB10002477-EB10002477
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGOC BICH	*****209	5	DN10060035-DN10060039
PGD BINH TAN	NGUYEN THI NGOC BICH	*****364	1	EB10003325-EB10003325
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI NGOC BICH	*****528	33	CT10068410-CT10068442
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI NGOC BICH	*****672	4	CT10028881-CT10028884
PGD MY DINH	NGUYEN THI NGOC BINH	*****978	1	EB10000183-EB10000183
CN BINH DUONG	NGUYEN THI NGOC CHAU	*****619	100	DN10098908-DN10098987; TD10002806-TD10002825
PGD TRUNG NHI	NGUYEN THI NGOC CHAU	*****268	1	CT10104909-CT10104909
CN BINH DINH	NGUYEN THI NGOC DIEM	*****249	3	DN10074867-DN10074869
PGD KHANH HOI	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****213	2	CT10056263-CT10056264
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****436	1	EB10002861-EB10002861
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****990	1	CT10090684-CT10090684

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY DINH	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****007	2	CT10078659-CT10078660
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****067	3	DN10066641-DN10066643
PGD HO NAI	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****261	1	CT10048256-CT10048256
CN DONG DA	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****631	20	CT10008858-CT10008877
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI NGOC DIEP	*****746	23	CT10005589-CT10005611
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI NGOC DUNG	*****082	23	CT10166797-CT10166819
CN DONG NAI	NGUYEN THI NGOC HA	*****370	3	CT10126267-CT10126269
PGD LIM	NGUYEN THI NGOC HA	*****774	1	EB10001627-EB10001627
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI NGOC HA	*****872	8	CT10060884-CT10060891
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGOC HAI HA	*****027	12	CT10021187-CT10021198
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI NGOC HAN	*****235	5	CT10090492-CT10090496
CN DAI AN	NGUYEN THI NGOC HAO	*****956	18	CT10100567-CT10100584
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THI NGOC HIEN	*****547	1	EB10002809-EB10002809
CN NHA TRANG	NGUYEN THI NGOC HIEN	*****339	1	EB10001961-EB10001961
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGOC HIEN	*****662	4	DN10105767-DN10105770
CN LANG HA	NGUYEN THI NGOC HOA	*****008	2	CT10073811-CT10073812
CN HAI AN	NGUYEN THI NGOC HOA	*****035	2	CT10006274-CT10006275
PGD BA RIA	NGUYEN THI NGOC HOA	*****370	9	CT10070257-CT10070265
CN HA DONG	NGUYEN THI NGOC HOA	*****818	1	CT10061598-CT10061598
CN SAI GON	NGUYEN THI NGOC HOAN	*****025	8	CT10095517-CT10095524
CN DONG NAI	NGUYEN THI NGOC HONG	*****481	3	DN10019800-DN10019802

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGOC HUONG	*****181	7	CT10047841-CT10047847
PGD KIM THANH	NGUYEN THI NGOC LAN	*****332	1	CT10088940-CT10088940
CN HA NOI	NGUYEN THI NGOC LAN	*****558	2	CT10117803-CT10117804
CN DAI AN	NGUYEN THI NGOC LAN	*****041	15	CT10036111-CT10036125
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI NGOC LE	*****083	22	CT10065183-CT10065204
CN SAI GON	NGUYEN THI NGOC LIENG	*****361	24	CT10108506-CT10108529
CN TAN BINH	NGUYEN THI NGOC LINH	*****672	5	CT10072200-CT10072204
CN TAN PHU	NGUYEN THI NGOC LOAN	*****250	2	CT10084022-CT10084023
CN LONG BIEN	NGUYEN THI NGOC LOAN	*****440	43	CT10108157-CT10108199
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI NGOC MAI	*****940	10	CT10019702-CT10019711
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGOC NGA	*****709	10	CT10001533-CT10001542
CN SAI GON	NGUYEN THI NGOC NGA	*****717	107	CT10064698-CT10064704; DN10001166-DN10001265
CN NHA TRANG	NGUYEN THI NGOC NGAN	*****535	1	EB10003100-EB10003100
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI NGOC NGAN	*****851	19	CT10096669-CT10096687
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGOC NGHIA	*****293	1	EB10001144-EB10001144
PGD HUNG VUONG	NGUYEN THI NGOC NU	*****020	10	TD10002166-TD10002175
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGOC NU	*****422	1	EB10002965-EB10002965
CN SAI GON	NGUYEN THI NGOC OANH	*****345	6	CT10075287-CT10075292
PGD HAI DANG	NGUYEN THI NGOC OANH	*****661	2	CT10152848-CT10152849
PGD CONG HOA	NGUYEN THI NGOC PHU	*****172	9	CT10138001-CT10138009

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THAI THINH	NGUYEN THI NGOC PHUONG	*****019	51	CT10107337-CT10107387
PGD TO HIEU	NGUYEN THI NGOC PHUONG	*****622	2	CT10057317-CT10057318
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI NGOC PHUONG	*****600	2	CT10072004-CT10072005
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI NGOC PHUONG	*****678	120	DN10020028-DN10020147
PGD THANG LONG	NGUYEN THI NGOC QUE	*****830	53	CT10019169-CT10019221
CN CAN THO	NGUYEN THI NGOC SANG	*****571	2	CT10007182-CT10007183
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI NGOC SUONG	*****383	9	CT10092178-CT10092186
CN BAC NINH	NGUYEN THI NGOC THAI	*****898	7	CT10065361-CT10065367
PGD HOA BINH	NGUYEN THI NGOC THANH	*****810	1	CT10022736-CT10022736
PGD PHU LAM	NGUYEN THI NGOC THAO	*****010	10	CT10035753-CT10035762
CN BINH DINH	NGUYEN THI NGOC THAO	*****997	15	DN10102015-DN10102029
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI NGOC THU	*****151	39	DN10106234-DN10106272
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI NGOC THUY	*****731	1	CT10162349-CT10162349
PGD BOTANIC	NGUYEN THI NGOC THUY	*****777	2	CT10159523-CT10159524
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI NGOC TRAM	*****097	1	EB10000411-EB10000411
CN SAI GON	NGUYEN THI NGOC TRAM	*****416	4	CT10144645-CT10144648
CN HUE	NGUYEN THI NGOC TRINH	*****396	1	EB10002200-EB10002200
PGD DAO TAN	NGUYEN THI NGOC TU	*****838	5	TD10011141-TD10011145
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI NGOC TUY	*****171	5	TD10001876-TD10001880
CN CAU GIAY	NGUYEN THI NGOC TUYET	*****791	1	CT10002846-CT10002846

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGOC TUYET	*****685	3	DN10004907-DN10004909
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOC TUYET	*****995	3	DN10084855-DN10084857
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NGOC UYEN	*****564	2	CT10017633-CT10017634
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOC VAN	*****890	4	DN10090847-DN10090850
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOC VE	*****868	40	DN10046341-DN10046380
CN HAI PHONG	NGUYEN THI NGOC YEN	*****557	7	CT10152670-CT10152676
CN DONG NAI	NGUYEN THI NGOC YEN	*****001	1	CT10049929-CT10049929
CN HA TINH	NGUYEN THI NGOC YEN	*****004	10	CT10066103-CT10066112
CN DA NANG	NGUYEN THI NGOC YEN	*****056	1	CT10133381-CT10133381
CN BINH DINH	NGUYEN THI NGOC YEN	*****600	2	CT10096822-CT10096823
CN DA NANG	NGUYEN THI NGOC YEN	*****866	7	CT10066160-CT10066166
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOI	*****866	3	DN10050076-DN10050078
CN AN GIANG	NGUYEN THI NGOT	*****154	3	DN10003636-DN10003638
CN BINH DINH	NGUYEN THI NGOT	*****363	2	DN10056154-DN10056155
CN BINH DINH	NGUYEN THI NGUYEN	*****255	1	EB10000987-EB10000987
CN BAC NINH	NGUYEN THI NGUYEN	*****585	6	CT10111866-CT10111871
PGD TAY HO	NGUYEN THI NGUYET	*****322	1	EB10002449-EB10002449
PGD DONG SON	NGUYEN THI NGUYET	*****439	10	CT10033011-CT10033020
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI NGUYET	*****987	2	CT10050113-CT10050114
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGUYET	*****196	3	DN10099939-DN10099941
CN DAI AN	NGUYEN THI NGUYET	*****275	9	CT10100453-CT10100461
CN BAC NINH	NGUYEN THI NGUYET	*****346	1	EB10003001-EB10003001
PGD SAO DO	NGUYEN THI NGUYET	*****517	60	DN10074807-DN10074866
PGD MY DINH	NGUYEN THI NGUYET	*****767	5	CT10088321-CT10088325
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGUYET	*****923	3	DN10044658-DN10044660
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI NGUYET	*****949	1	CT10080041-CT10080041
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI NGUYET ANH	*****513	1	EB10000151-EB10000151

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI NGUYET MAI	*****462	9	CT10151533-CT10151541
CN HAI PHONG	NGUYEN THI NGUYET MINH	*****125	14	CT10097054-CT10097067
PGD TO HIEU	NGUYEN THI NGUYET MINH	*****125	1	EB10001325-EB10001325
CN DAK LAK	NGUYEN THI NGUYET NGUU	*****575	4	DN10095978-DN10095981
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI NGUYET THU	*****290	4	CT10027712-CT10027715
CN VINH PHUC	NGUYEN THI NHA	*****994	12	CT10143640-CT10143646; TD10011171-TD10011175
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI NHA TRANG	*****001	2	CT10005230-CT10005231
CN DAK LAK	NGUYEN THI NHAM	*****369	3	DN10061564-DN10061566
CN BAC NINH	NGUYEN THI NHAN	*****194	12	CT10158428-CT10158429; TD10004061-TD10004070
PGD TU SON	NGUYEN THI NHAN	*****194	182	DN10074241-DN10074422
CN DONG DA	NGUYEN THI NHAN	*****413	5	TD10000931-TD10000935
PGD HAI TAN	NGUYEN THI NHAN	*****762	1	EB10002069-EB10002069
PGD TIEN AN	NGUYEN THI NHAN	*****090	5	DN10051367-DN10051371
CN LONG BIEN	NGUYEN THI NHAN	*****202	9	CT10158795-CT10158803
CN DONG DA	NGUYEN THI NHAN	*****445	1	CT10066218-CT10066218
PGD TAY HO	NGUYEN THI NHAT	*****256	24	CT10150324-CT10150347
CN DA NANG	NGUYEN THI NHAT ANH	*****061	7	CT10019352-CT10019358
CN SAI GON	NGUYEN THI NHAT DUYEN	*****984	1	EB10001246-EB10001246
CN DA NANG	NGUYEN THI NHAT PHUONG	*****304	4	CT10127385-CT10127388
CN DA NANG	NGUYEN THI NHAT QUYNH	*****863	46	CT10097399-CT10097444
CN AN GIANG	NGUYEN THI NHI	*****560	5	DN10099407-DN10099411
PGD LE HONG PHONG	NGUYEN THI NHU HANH	*****477	2	CT10157642-CT10157643
PGD YEN PHU	NGUYEN THI NHU HOA	*****175	4	CT10032394-CT10032397
CN NHA TRANG	NGUYEN THI NHU HUE	*****389	5	DN10069325-DN10069329
CN NHA TRANG	NGUYEN THI NHU LY	*****725	3	DN10065778-DN10065780

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	NGUYEN THI NHU NGOC	*****956	2	CT10000079-CT10000080
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI NHU NGUYET	*****590	1	EB10002764-EB10002764
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI NHU QUYNH	*****197	5	TD10002331-TD10002335
CN VINH PHUC	NGUYEN THI NHU QUYNH	*****227	12	CT10034857-CT10034868
CN HA TINH	NGUYEN THI NHU QUYNH	*****798	6	CT10123180-CT10123180; TD10004466-TD10004470
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI NHU QUYNH	*****908	3	CT10104408-CT10104410
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI NHU THUY	*****458	5	CT10059516-CT10059520
CN LANG HA	NGUYEN THI NHU Y	*****903	1	CT10119125-CT10119125
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI NHUNG	*****074	1	CT10092166-CT10092166
CN THANH XUAN	NGUYEN THI NHUNG	*****737	4	CT10073665-CT10073668
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THI NHUNG	*****016	10	TD10010756-TD10010765
CN BAC NINH	NGUYEN THI NHUNG	*****143	3	CT10053750-CT10053752
CN BINH DINH	NGUYEN THI NHUNG	*****233	7	CT10058034-CT10058040
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI NHUNG	*****236	24	CT10144441-CT10144464
CN BAC NINH	NGUYEN THI NHUNG	*****302	5	DN10039169-DN10039173
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI NHUNG	*****521	3	DN10090343-DN10090345
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI NHUNG	*****614	14	CT10038979-CT10038992
CN NGHE AN	NGUYEN THI NHUNG	*****632	5	DN10059461-DN10059465
PGD HAI TAN	NGUYEN THI NHUNG	*****688	1	EB10002297-EB10002297
CN NGHE AN	NGUYEN THI NHUNG	*****860	7	CT10127039-CT10127045
CN HA TINH	NGUYEN THI NHUONG	*****577	3	DN10001361-DN10001363
CN HA TINH	NGUYEN THI NIEM	*****056	5	DN10008143-DN10008147
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI NINH	*****745	1	EB10001962-EB10001962
PGD TU SON	NGUYEN THI NINH PHUONG	*****507	1	EB10001321-EB10001321
CN BINH DINH	NGUYEN THI NO	*****892	3	DN10080259-DN10080261
PGD SAO MAI	NGUYEN THI NOI	*****864	5	TD10003356-TD10003360
PGD LIM	NGUYEN THI NUONG	*****397	9	DN10026410-DN10026413; TD10008286-TD10008290
CN HA DONG	NGUYEN THI OANH	*****178	39	DN10079901-DN10079939

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN THI OANH	*****210	9	CT10136660-CT10136668
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI OANH	*****008	1	EB10000581-EB10000581
CN NGHE AN	NGUYEN THI OANH	*****407	22	CT10124909-CT10124925; TD10004671-TD10004675
PGD TRUONG THI	NGUYEN THI OANH	*****476	1	EB10003346-EB10003346
PGD TIEN AN	NGUYEN THI OANH	*****972	4	DN10096848-DN10096851
PGD LIM	NGUYEN THI ON	*****801	5	DN10089476-DN10089480
CN BAC NINH	NGUYEN THI PHAM	*****352	5	DN10065123-DN10065127
CN TAN PHU	NGUYEN THI PHAP	*****677	7	CT10105237-CT10105243
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI PHI DIEP	*****698	1	CT10093957-CT10093957
CN DA NANG	NGUYEN THI PHI NGU	*****164	2	CT10089259-CT10089260
PGD VINH YEN	NGUYEN THI PHU	*****575	1	EB10000378-EB10000378
CN DONG DA	NGUYEN THI PHU HOA	*****494	9	CT10043053-CT10043061
PGD Krong Nang	NGUYEN THI PHUNG	*****007	3	DN10050180-DN10050182
CN DA NANG	NGUYEN THI PHUNG	*****042	15	CT10111602-CT10111616
CN CAN THO	NGUYEN THI PHUOC HANG	*****012	1	CT10119490-CT10119490
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI PHUONG	*****008	8	CT10031566-CT10031573
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI PHUONG	*****010	25	CT10048614-CT10048638
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI PHUONG	*****076	28	DN10031564-DN10031591
PGD THANH CONG	NGUYEN THI PHUONG	*****153	23	CT10056068-CT10056090
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI PHUONG	*****190	3	CT10066001-CT10066003
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI PHUONG	*****201	1	CT10020387-CT10020387
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI PHUONG	*****578	47	CT10085064-CT10085110
CN LONG BIEN	NGUYEN THI PHUONG	*****588	6	EB10001027-EB10001027; TD10002506-TD10002510
CN TAN BINH	NGUYEN THI PHUONG	*****700	5	TD10002461-TD10002465
CN DAK LAK	NGUYEN THI PHUONG	*****009	6	CT10163957-CT10163962
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI PHUONG	*****195	67	CT10122941-CT10123007
PGD Krong Nang	NGUYEN THI PHUONG	*****281	3	DN10059746-DN10059748
CN BINH DUONG	NGUYEN THI PHUONG	*****331	13	CT10141082-CT10141094
CN HA NOI	NGUYEN THI PHUONG	*****339	14	CT10153578-CT10153591
PGD SOC SON	NGUYEN THI PHUONG	*****392	10	CT10077950-CT10077959

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI PHUONG	*****400	5	CT10026476-CT10026480
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI PHUONG	*****453	2	CT10106703-CT10106704
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI PHUONG	*****454	12	CT10080920-CT10080931
CN HA TINH	NGUYEN THI PHUONG	*****518	1	CT10065906-CT10065906
CN NHA TRANG	NGUYEN THI PHUONG	*****554	3	DN10040370-DN10040372
CN THANH HOA	NGUYEN THI PHUONG	*****600	9	CT10128386-CT10128389; TD10004976-TD10004980
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI PHUONG	*****630	5	DN10007098-DN10007102
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI PHUONG	*****635	1	CT10029077-CT10029077
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI PHUONG	*****638	5	DN10062167-DN10062171
CN DA NANG	NGUYEN THI PHUONG	*****651	9	CT10007246-CT10007254
CN AN GIANG	NGUYEN THI PHUONG	*****701	3	DN10105781-DN10105783
CN THANH HOA	NGUYEN THI PHUONG	*****703	48	CT10056131-CT10056137; DN10086382-DN10086411; EB10002133-EB10002133; TD10004111-TD10004120
CN BAC NINH	NGUYEN THI PHUONG	*****748	5	TD10007126-TD10007130
PGD TAY HO	NGUYEN THI PHUONG	*****756	10	CT10119428-CT10119437
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI PHUONG	*****763	22	CT10079649-CT10079670
PGD GIA LOC	NGUYEN THI PHUONG	*****858	4	CT10116906-CT10116909
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI PHUONG	*****898	9	CT10007745-CT10007753
CN BAC NINH	NGUYEN THI PHUONG	*****951	1	EB10002183-EB10002183
CN HAI AN	NGUYEN THI PHUONG ANH	*****774	1	EB10001239-EB10001239
PGD SAO MAI	NGUYEN THI PHUONG ANH	*****516	13	CT10127540-CT10127552
PGD DAO TAN	NGUYEN THI PHUONG ANH	*****901	5	TD10001691-TD10001695
CN HUE	NGUYEN THI PHUONG CHI	*****551	14	CT10107612-CT10107625
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****072	135	CT10166740-CT10166748; DN10110045-DN10110164; EB10002725-EB10002725; TD10008206-TD10008210
CN LANG HA	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****473	11	CT10053844-CT10053854

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****577	1	CT10091974-CT10091974
CN HAI AN	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****878	5	TD10007511-TD10007515
CN HAI AN	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****499	7	CT10086733-CT10086739
CN TAN PHU	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****571	54	CT10120139-CT10120144; DN10082382-DN10082423; EB10002012-EB10002012; TD10003741-TD10003745
CN DA NANG	NGUYEN THI PHUONG DUNG	*****710	6	CT10076685-CT10076690
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI PHUONG GIANG	*****576	1	CT10070332-CT10070332
PGD DAO TAN	NGUYEN THI PHUONG HIEN	*****979	1	CT10139570-CT10139570
PGD TO HIEU	NGUYEN THI PHUONG HOA	*****161	3	CT10076858-CT10076860
PGD LAN ONG	NGUYEN THI PHUONG HUYEN	*****215	14	CT10111307-CT10111320
PGD KIM VAN	NGUYEN THI PHUONG HUYEN	*****965	1	EB10002113-EB10002113
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI PHUONG LAN	*****116	12	CT10010891-CT10010902
CN CAU GIAY	NGUYEN THI PHUONG LAN	*****505	290	DN10074870-DN10075159
PGD DAO TAN	NGUYEN THI PHUONG LIEN	*****028	14	CT10159860-CT10159873
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI PHUONG LIEN	*****508	15	CT10040175-CT10040189
CN BAC NINH	NGUYEN THI PHUONG LIEN	*****539	15	TD10004216-TD10004230
PGD SOC SON	NGUYEN THI PHUONG LIEN	*****737	1	EB10000311-EB10000311
PGD DUC PHO	NGUYEN THI PHUONG LINH	*****972	1	EB10002841-EB10002841
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI PHUONG LOAN	*****924	10	CT10102271-CT10102280
CN DAI AN	NGUYEN THI PHUONG MAI	*****022	9	CT10088505-CT10088513

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI PHUONG MAI	*****094	2	CT10158358-CT10158359
CN HA DONG	NGUYEN THI PHUONG MAI	*****156	12	CT10080379-CT10080390
PGD LIM	NGUYEN THI PHUONG NAM	*****650	5	CT10057311-CT10057315
PGD THAI THINH	NGUYEN THI PHUONG NGUYET	*****551	6	EB10003221-EB10003221; TD10009621-TD10009625
CN SAI GON	NGUYEN THI PHUONG OANH	*****338	5	CT10142080-CT10142084
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI PHUONG PHUONG	*****198	25	CT10162285-CT10162309
CN HA TINH	NGUYEN THI PHUONG QUYNH	*****828	5	CT10042455-CT10042459
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****104	280	DN10023069-DN10023348
PGD NGOC LAM	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****223	1	EB10002277-EB10002277
CN THANH XUAN	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****415	3	CT10125330-CT10125332
PGD LENIN	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****009	1	EB10001365-EB10001365
CN BINH DINH	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****055	1	CT10041283-CT10041283
CN TAN BINH	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****173	3	CT10015603-CT10015605
PGD TAY HO	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****179	12	CT10069142-CT10069153
PGD DUC PHO	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****267	1	EB10000742-EB10000742
PGD TO HIEU	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****411	1	EB10001372-EB10001372
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****556	1	CT10088734-CT10088734
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****559	24	CT10075638-CT10075661
CN HAI AN	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****653	6	CT10107149-CT10107154
CN DONG DA	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****763	4	CT10110017-CT10110020

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DUONG	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****777	1	CT10085248-CT10085248
PGD CAM PHA	NGUYEN THI PHUONG THAO	*****975	5	CT10114860-CT10114864
CN TAN PHU	NGUYEN THI PHUONG THU	*****911	2	CT10059600-CT10059601
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI PHUONG THUY	*****789	1	EB10000895-EB10000895
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI PHUONG THUY	*****669	24	CT10029993-CT10030016
CN DAK LAK	NGUYEN THI PHUONG THUY	*****799	1	CT10137823-CT10137823
CN VINH PHUC	NGUYEN THI PHUONG THUY	*****987	1	EB10000313-EB10000313
CN NHA TRANG	NGUYEN THI PHUONG TRAM	*****331	2	CT10152511-CT10152512
PGD DOI CAN	NGUYEN THI PHUONG TU	*****484	2	CT10140224-CT10140225
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI PHUONG UYEN	*****681	16	CT10075596-CT10075611
PGD TU SON	NGUYEN THI PHUONG YEN	*****556	9	CT10100139-CT10100147
PGD THAI THINH	NGUYEN THI QUAN	*****264	29	CT10058526-CT10058554
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI QUE ANH	*****669	449	CT10062714-CT10063162
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI QUE ANH	*****410	15	CT10000098-CT10000112
PGD DONG CAT	NGUYEN THI QUI	*****774	2	CT10154742-CT10154743
CN DONG DA	NGUYEN THI QUY	*****440	47	CT10151052-CT10151098
PGD DAO TAN	NGUYEN THI QUY	*****840	1	EB10001791-EB10001791
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI QUY	*****909	12	DN10000875-DN10000886
PGD DI AN	NGUYEN THI QUY	*****948	1	CT10061137-CT10061137
PGD SAO DO	NGUYEN THI QUYEN	*****044	1	EB10001088-EB10001088
CN HAI DUONG	NGUYEN THI QUYEN	*****334	4	CT10140281-CT10140284
PGD BACH DANG	NGUYEN THI QUYEN	*****992	1	EB10000236-EB10000236
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI QUYEN	*****229	1	CT10143666-CT10143666
PGD SOC SON	NGUYEN THI QUYEN	*****848	7	CT10037576-CT10037582
CN NGHE AN	NGUYEN THI QUYEN	*****934	3	DN10030762-DN10030764
PGD THANH DONG	NGUYEN THI QUYEN	*****973	1	CT10032954-CT10032954
PGD QUAN 11	NGUYEN THI QUYEN VY	*****881	17	CT10096066-CT10096082

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	NGUYEN THI QUYNH	*****077	70	CT10141538-CT10141607
PGD LE CHAN	NGUYEN THI QUYNH	*****253	15	CT10008755-CT10008769
PGD XUAN LA	NGUYEN THI QUYNH	*****661	4	CT10163764-CT10163767
CN HAI DUONG	NGUYEN THI QUYNH	*****773	5	CT10048274-CT10048278
PGD TIEN AN	NGUYEN THI QUYNH ANH	*****966	8	CT10021218-CT10021225
CN HUE	NGUYEN THI QUYNH CHAU	*****668	1	CT10053207-CT10053207
CN BAC NINH	NGUYEN THI QUYNH GIAO	*****832	6	CT10132862-CT10132867
HUB THE CHAP MN	NGUYEN THI QUYNH HOA	*****627	1120	DN10042076-DN10043195
CN HUE	NGUYEN THI QUYNH HUONG	*****822	1	CT10101801-CT10101801
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI QUYNH LAN	*****117	2	CT10147862-CT10147863
PGD KIM VAN	NGUYEN THI QUYNH MAI	*****349	57	CT10052233-CT10052289
PGD THAI THINH	NGUYEN THI QUYNH MAI	*****600	29	CT10157976-CT10158003; EB10002090-EB10002090
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI QUYNH NGA	*****273	1	EB10001670-EB10001670
CN HAI AN	NGUYEN THI QUYNH NGA	*****576	1	EB10003028-EB10003028
CN VUNG TAU	NGUYEN THI QUYNH NHU	*****163	3	CT10093163-CT10093165
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI QUYNH THO	*****813	1	CT10146366-CT10146366
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI QUYNH TIEN	*****306	2	CT10029451-CT10029452
PGD TO HIEU	NGUYEN THI QUYNH TRAM	*****636	2	CT10134204-CT10134205
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI QUYNH TRANG	*****169	5	CT10039023-CT10039027
CN LANG HA	NGUYEN THI QUYNH TRANG	*****313	2	CT10109977-CT10109978
CN THANH HOA	NGUYEN THI QUYNH TRANG	*****394	5	CT10163708-CT10163712
PGD BOTANIC	NGUYEN THI QUYNH VY	*****648	4	CT10035763-CT10035766

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD AU CO	NGUYEN THI RUOU THU	*****815	15	CT10071236-CT10071250
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN THI SA	*****183	12	CT10144040-CT10144051
CN THANH XUAN	NGUYEN THI SANG	*****037	10	CT10037602-CT10037611
CN BINH DINH	NGUYEN THI SANG	*****196	2	DN10099934-DN10099935
CN BINH DINH	NGUYEN THI SANG	*****566	1	CT10023265-CT10023265
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN THI SAO	*****227	60	CT10020770-CT10020774; DN10035370-DN10035419; TD10009216-TD10009220
CN DONG DA	NGUYEN THI SAO MAI	*****606	12	CT10121819-CT10121830
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI SEN	*****522	1	EB10000994-EB10000994
CN HAI AN	NGUYEN THI SINH	*****106	1	EB10002857-EB10002857
PGD TAY HO	NGUYEN THI SINH	*****661	49	CT10064133-CT10064181
CN VINH PHUC	NGUYEN THI SOAN	*****196	7	CT10094245-CT10094251
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI SON	*****538	4	CT10078655-CT10078658
PGD BINH TAN	NGUYEN THI SON TUYEN	*****401	25	CT10044155-CT10044179
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI SUONG	*****810	3	CT10025713-CT10025715
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI TAI LINH	*****022	3	DN10020327-DN10020329
PGD HAI DANG	NGUYEN THI TAM	*****134	12	CT10037423-CT10037434
PGD HONG BANG	NGUYEN THI TAM	*****660	10	CT10164540-CT10164549
PGD XUAN LA	NGUYEN THI TAM	*****006	105	DN10030662-DN10030761; TD10008736-TD10008740
PGD TU SON	NGUYEN THI TAM	*****196	42	DN10050589-DN10050630
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI TAM	*****400	1	CT10054446-CT10054446
CN BINH DINH	NGUYEN THI TAM	*****409	3	DN10047120-DN10047122
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI TAM	*****593	42	CT10034793-CT10034834
PGD HO GUOM	NGUYEN THI TAM	*****705	12	CT10091503-CT10091514
CN LONG BIEN	NGUYEN THI TAM	*****786	2	CT10160307-CT10160308
CN AN GIANG	NGUYEN THI TAM	*****940	3	DN10068531-DN10068533
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI TAM GIANG	*****086	8	CT10130432-CT10130439
PGD HAM NGHI	NGUYEN THI TAO	*****487	1	CT10082332-CT10082332
CN BINH DINH	NGUYEN THI THACH THAO	*****985	6	CT10001477-CT10001482

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE CHAN	NGUYEN THI THAI	*****019	1	EB10003177-EB10003177
CN HAI DUONG	NGUYEN THI THAI	*****438	5	DN10002845-DN10002849
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI THAI	*****028	7	CT10093229-CT10093235
PGD BACH DANG	NGUYEN THI THAI	*****068	105	DN10087306-DN10087410
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THAI	*****598	3	DN10063658-DN10063660
CN HAI DUONG	NGUYEN THI THAI	*****748	3	CT10058006-CT10058008
CN NGHE AN	NGUYEN THI THAI HA	*****780	10	CT10046732-CT10046741
PGD TAY HO	NGUYEN THI THAI VAN	*****303	7	CT10144363-CT10144369
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI THAM	*****333	45	DN10091968-DN10092007; TD10005006-TD10005010
PGD SAI DONG	NGUYEN THI THAM	*****767	9	CT10085514-CT10085522
CN LANG HA	NGUYEN THI THAM	*****792	1	EB10002719-EB10002719
PGD TAN PHAT	NGUYEN THI THAM	*****044	1	EB10001524-EB10001524
PGD DI AN	NGUYEN THI THAM	*****149	64	DN10086414-DN10086471; EB10002118-EB10002118; TD10004186-TD10004190
CN BAC NINH	NGUYEN THI THAM	*****828	10	TD10010166-TD10010175
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANG	*****847	2	CT10124879-CT10124880
CN HAI DUONG	NGUYEN THI THANG	*****406	25	CT10083305-CT10083329
CN HA DONG	NGUYEN THI THANG	*****528	10	CT10112302-CT10112311
CN HAI AN	NGUYEN THI THANG	*****622	9	CT10020799-CT10020807
CN DA NANG	NGUYEN THI THANG	*****919	1	EB10002643-EB10002643
CN BINH DUONG	NGUYEN THI THANG	*****938	1	CT10087334-CT10087334
CN HAI AN	NGUYEN THI THANH	*****261	10	CT10145031-CT10145040
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI THANH	*****403	30	CT10107520-CT10107549
PGD SOC SON	NGUYEN THI THANH	*****832	2	CT10055187-CT10055188
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH	*****010	2	CT10095696-CT10095697
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI THANH	*****051	2	CT10110119-CT10110120
CN HA TINH	NGUYEN THI THANH	*****215	14	CT10137567-CT10137580
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THANH	*****218	50	CT10005169-CT10005218
CN BAC NINH	NGUYEN THI THANH	*****447	1	EB10000352-EB10000352
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH	*****484	1	CT10106204-CT10106204
CN BAC NINH	NGUYEN THI THANH	*****511	4	DN10062808-DN10062811
PGD CAM RANH	NGUYEN THI THANH	*****529	3	CT10085709-CT10085711
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI THANH	*****538	4	DN10064211-DN10064214
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THANH	*****659	1	EB10000749-EB10000749

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NGHE AN	NGUYEN THI THANH	*****681	12	CT10165801-CT10165812
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THANH AN	*****876	20	CT10145041-CT10145060
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THANH AN	*****326	24	CT10153159-CT10153182
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI THANH BINH	*****286	5	TD10009656-TD10009660
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI THANH BINH	*****884	7	CT10056817-CT10056823
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI THANH BINH	*****893	4	CT10110502-CT10110505
CN HAI AN	NGUYEN THI THANH CHUNG	*****311	4	CT10159981-CT10159984
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH DUNG	*****324	12	DN10106596-DN10106607
CN BAC NINH	NGUYEN THI THANH DUNG	*****075	1	CT10106285-CT10106285
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THANH DUNG	*****264	7	CT10064091-CT10064097
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH DUNG	*****725	5	CT10153366-CT10153370
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI THANH HA	*****252	50	CT10166041-CT10166090
PGD THU DUC	NGUYEN THI THANH HA	*****557	1	EB10001660-EB10001660
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI THANH HA	*****757	14	CT10134504-CT10134517
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH HAN	*****533	10	CT10164435-CT10164439; TD10008066-TD10008070
CN DAI AN	NGUYEN THI THANH HANG	*****957	24	CT10127111-CT10127134
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI THANH HIEN	*****062	2	CT10130878-CT10130879
CN HA DONG	NGUYEN THI THANH HIEN	*****526	1	EB10001170-EB10001170
CN CA MAU	NGUYEN THI THANH HIEN	*****030	2	CT10108833-CT10108834
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH HIEN	*****033	3	DN10059886-DN10059888

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH HIEN	*****186	5	TD10003841-TD10003845
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THANH HOA	*****130	1731	CT10032918-CT10032942; DN10056556-DN10058255; EB10001203-EB10001203; TD10000121-TD10000125
CN DONG DA	NGUYEN THI THANH HOA	*****552	181	DN10022899-DN10023068; EB10000545-EB10000545; TD10007171-TD10007180
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THI THANH HOA	*****083	16	CT10146214-CT10146223; EB10001463-EB10001463; TD10000891-TD10000895
CN HAI AN	NGUYEN THI THANH HOA	*****337	2	CT10130731-CT10130732
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH HOA	*****360	3	DN10090989-DN10090991
CN DAK LAK	NGUYEN THI THANH HOA	*****442	5	CT10116369-CT10116373
PGD DAI TU	NGUYEN THI THANH HOA	*****677	1	EB10000419-EB10000419
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH HOA	*****693	29	CT10161466-CT10161494
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH HOA	*****748	1	CT10034185-CT10034185
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH HOA	*****958	14	CT10008577-CT10008590
PGD TU SON	NGUYEN THI THANH HOAI	*****586	1	EB10001320-EB10001320
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH HUONG	*****075	24	CT10037287-CT10037310
PGD DAI KIM	NGUYEN THI THANH HUONG	*****284	7	CT10080404-CT10080410
PGD THU DAU 1	NGUYEN THI THANH HUONG	*****374	2	CT10021364-CT10021365
CN DONG DA	NGUYEN THI THANH HUONG	*****416	24	CT10105725-CT10105748
CN DONG DA	NGUYEN THI THANH HUONG	*****542	1	CT10149945-CT10149945
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH HUONG	*****301	1	CT10002372-CT10002372

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI THANH HUONG	*****434	3	CT10050988-CT10050990
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI THANH HUONG	*****445	1	CT10103042-CT10103042
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI THANH HUONG	*****601	29	CT10125086-CT10125114
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THANH HUONG	*****662	8	CT10133327-CT10133334
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****539	4	CT10085980-CT10085983
CN HAI AN	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****655	14	CT10100685-CT10100698
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****809	40	CT10041083-CT10041122
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****249	3	CT10093226-CT10093228
PGD DAI KIM	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****368	30	CT10086636-CT10086665
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****737	3	CT10069968-CT10069970
CN BAC NINH	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****762	1	EB10003156-EB10003156
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THANH HUYEN	*****929	9	CT10125397-CT10125405
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI THANH LIEN	*****614	5	CT10009114-CT10009118
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH LOAN	*****340	1	CT10011524-CT10011524
PGD KIM VAN	NGUYEN THI THANH LOAN	*****561	1	EB10001722-EB10001722
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI THANH LOAN	*****467	1	CT10010659-CT10010659
PGD LENIN	NGUYEN THI THANH LOAN	*****667	1	CT10039909-CT10039909
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH LOAN	*****747	6	CT10114206-CT10114211
CN DAI AN	NGUYEN THI THANH MAI	*****669	23	CT10042799-CT10042821
CN LANG HA	NGUYEN THI THANH NGA	*****592	1	EB10002065-EB10002065

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN THI THANH NGA	*****087	11	CT10160237-CT10160247
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH NGA	*****243	1	CT10092720-CT10092720
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH NGA	*****371	9	CT10067821-CT10067829
CN DONG DA	NGUYEN THI THANH NGA	*****465	20	CT10047238-CT10047257
CN DAI AN	NGUYEN THI THANH NGA	*****484	1	CT10155539-CT10155539
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH NGA	*****534	55	DN10071061-DN10071115
PGD DONG SON	NGUYEN THI THANH NGA	*****696	1	CT10146367-CT10146367
CN DONG NAI	NGUYEN THI THANH NGA	*****920	5	CT10118647-CT10118651
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THANH NGOC	*****051	1	EB10001751-EB10001751
CN HA DONG	NGUYEN THI THANH NHAN	*****876	30	CT10011319-CT10011348
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THI THANH NHAN	*****146	1	CT10061345-CT10061345
CN BAC NINH	NGUYEN THI THANH NHAN	*****251	1	EB10001276-EB10001276
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THANH PHUONG	*****224	1	CT10100151-CT10100151
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THANH PHUONG	*****594	1	CT10043946-CT10043946
CN HA NOI	NGUYEN THI THANH PHUONG	*****927	2	CT10010772-CT10010773
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH PHUONG	*****211	25	CT10158875-CT10158899
CN BINH DINH	NGUYEN THI THANH ROI	*****568	5	CT10068814-CT10068818
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THANH SON	*****035	13	CT10160824-CT10160836
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THANH TAM	*****015	5	CT10125699-CT10125703
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI THANH TAM	*****129	1	EB10001079-EB10001079

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH TAM	*****985	1	CT10162350-CT10162350
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THANH TAM	*****215	5	DN10049366-DN10049370
PGD VINH YEN	NGUYEN THI THANH TAM	*****517	79	CT10135002-CT10135010; DN10005818-DN10005877; TD10006101-TD10006110
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH TAM	*****696	1	EB10000718-EB10000718
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THANH TAM	*****844	1	CT10111802-CT10111802
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI THANH THANH	*****624	1	CT10137373-CT10137373
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH THANH	*****944	8	CT10128552-CT10128559
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI THANH THAO	*****215	1	EB10001004-EB10001004
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI THANH THAO	*****307	81	DN10035083-DN10035162; EB10003070-EB10003070
CN HUE	NGUYEN THI THANH THAO	*****416	1	CT10132830-CT10132830
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH THAO	*****580	5	CT10020624-CT10020628
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN THI THANH THAO	*****898	2	CT10051970-CT10051971
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH THOA	*****085	50	DN10039654-DN10039703
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI THANH THU	*****402	7	CT10050981-CT10050987
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THANH THUY	*****067	22	CT10035274-CT10035295
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THANH THUY	*****107	6	CT10164580-CT10164585
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THANH THUY	*****154	1	CT10051873-CT10051873
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI THANH THUY	*****388	9	CT10152499-CT10152507
PGD SOC SON	NGUYEN THI THANH THUY	*****407	5	TD10001366-TD10001370

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	NGUYEN THI THANH THUY	*****810	3	CT10025307-CT10025309
CN DAI AN	NGUYEN THI THANH THUY	*****018	6	CT10096963-CT10096968
CN HUE	NGUYEN THI THANH THUY	*****031	2	DN10046401-DN10046402
PGD SOC SON	NGUYEN THI THANH THUY	*****262	1	EB10000816-EB10000816
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THANH THUY	*****282	2	CT10039254-CT10039255
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH THUY	*****396	3	CT10025470-CT10025472
PGD MY CA	NGUYEN THI THANH THUY	*****396	1	EB10001946-EB10001946
CN SAI GON	NGUYEN THI THANH THUY	*****409	1	EB10002468-EB10002468
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THANH THUY	*****589	4	CT10092923-CT10092926
PGD DOI CAN	NGUYEN THI THANH THUY	*****645	56	CT10128991-CT10129046
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI THANH THUY	*****703	30	DN10048928-DN10048952; TD10010541-TD10010545
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI THANH THUY	*****753	25	CT10057262-CT10057286
CN AN GIANG	NGUYEN THI THANH THUY	*****754	34	CT10111493-CT10111497; DN10097539-DN10097562; TD10002611-TD10002615
PGD LIM	NGUYEN THI THANH THUY	*****778	5	TD10006956-TD10006960
PGD HO DAC DI	NGUYEN THI THANH THUY	*****781	5	TD10003561-TD10003565
PGD THANG LONG	NGUYEN THI THANH TRA	*****386	1	EB10000952-EB10000952
CN TAN BINH	NGUYEN THI THANH TRA	*****616	19	CT10148601-CT10148619
PGD NUI THANH	NGUYEN THI THANH TRAM	*****244	25	CT10092685-CT10092709
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI THANH TUNG	*****912	1	EB10001436-EB10001436

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THI THANH TUYEN	*****022	22	DN10034381-DN10034402
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THANH TUYEN	*****095	45	DN10095003-DN10095047
CN AN GIANG	NGUYEN THI THANH TUYEN	*****340	3	DN10092754-DN10092756
CN HUE	NGUYEN THI THANH UYEN	*****827	9	CT10138167-CT10138175
CN HAI AN	NGUYEN THI THANH VAN	*****161	15	CT10066405-CT10066419
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THANH VAN	*****426	1	EB10001730-EB10001730
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THANH VAN	*****692	24	CT10032868-CT10032891
CN DA NANG	NGUYEN THI THANH VAN	*****735	4	CT10115689-CT10115692
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THANH VAN	*****890	14	CT10082982-CT10082995
PGD BA RIA	NGUYEN THI THANH VI	*****477	2	CT10125121-CT10125122
PGD CAM PHA	NGUYEN THI THAO	*****089	1	CT10068732-CT10068732
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THI THAO	*****212	5	TD10005366-TD10005370
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI THAO	*****462	1	EB10001506-EB10001506
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THAO	*****630	8	CT10068271-CT10068278
CN HAI AN	NGUYEN THI THAO	*****701	44	CT10033110-CT10033113; DN10056124-DN10056153; TD10000111-TD10000120
PGD GIA LOC	NGUYEN THI THAO	*****061	9	CT10012047-CT10012055
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THAO	*****115	1	EB10000237-EB10000237
CN LANG HA	NGUYEN THI THAO	*****225	15	CT10019642-CT10019656
PGD DAI KIM	NGUYEN THI THAO	*****419	4	CT10136121-CT10136124
CN SAI GON	NGUYEN THI THAO	*****443	2	CT10089826-CT10089827
CN HAI DUONG	NGUYEN THI THAO	*****610	10	CT10146461-CT10146470
CN NGHE AN	NGUYEN THI THAO	*****634	1	EB10000561-EB10000561
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI THAO	*****696	1	CT10121672-CT10121672
PGD TU SON	NGUYEN THI THAO	*****696	1	EB10002688-EB10002688
PGD KIM THANH	NGUYEN THI THAO	*****713	3	CT10153618-CT10153620
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN THI THAO	*****739	1	EB10001662-EB10001662
PGD HONG BANG	NGUYEN THI THAO	*****854	1	CT10045625-CT10045625

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI THAO NGUYEN	*****282	2	CT10037313-CT10037314
CN SAI GON	NGUYEN THI THAO VY	*****345	1	EB10001562-EB10001562
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THAO VY	*****924	1	EB10000578-EB10000578
CN BAC NINH	NGUYEN THI THAP	*****278	5	CT10079175-CT10079179
CN HA TINH	NGUYEN THI THE	*****470	5	DN10003491-DN10003495
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI THE LUONG	*****082	1	EB10003066-EB10003066
CN HA DONG	NGUYEN THI THEM	*****005	75	CT10029261-CT10029335
CN DAI AN	NGUYEN THI THEM	*****053	49	CT10069841-CT10069889
CN BAC NINH	NGUYEN THI THEM	*****704	10	CT10004506-CT10004515
PGD CONG HOA	NGUYEN THI THI	*****313	1806	DN10071993-DN10073792; EB10001731-EB10001731; TD10002001-TD10002005
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THI	*****470	1	EB10000847-EB10000847
CN HA TINH	NGUYEN THI THIEN	*****144	5	DN10002160-DN10002164
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI THIEN DUYEN	*****308	2	CT10012305-CT10012306
CN BINH DINH	NGUYEN THI THIEN NGA	*****466	2	CT10098641-CT10098642
CN HA TINH	NGUYEN THI THIEN NGA	*****849	7	CT10156830-CT10156836
CN CA MAU	NGUYEN THI THIEN NHI	*****082	14	CT10042045-CT10042058
PGD GIA LOC	NGUYEN THI THIET	*****023	1	EB10001195-EB10001195
CN THANH HOA	NGUYEN THI THIET	*****667	9	CT10111798-CT10111801; TD10002606-TD10002610
PGD TU SON	NGUYEN THI THIEU ANH	*****528	4	CT10037269-CT10037272
CN HA NOI	NGUYEN THI THINH	*****119	10	CT10022332-CT10022341
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN THI THINH	*****372	1	CT10080994-CT10080994
PGD MY CA	NGUYEN THI THO	*****011	1	EB10001252-EB10001252
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THO	*****494	1	EB10001610-EB10001610
CN DAI AN	NGUYEN THI THO DUONG	*****294	1	EB10001422-EB10001422
PGD KIM VAN	NGUYEN THI THOA	*****007	7	CT10029254-CT10029260
CN BAC NINH	NGUYEN THI THOA	*****090	10	TD10006346-TD10006355

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THOA	*****150	1	EB10000888-EB10000888
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI THOA	*****210	1	EB10002528-EB10002528
CN HA DONG	NGUYEN THI THOA	*****238	45	CT10082673-CT10082717
CN HA DONG	NGUYEN THI THOA	*****279	1	EB10000387-EB10000387
PGD THANG LONG	NGUYEN THI THOA	*****802	1	EB10000818-EB10000818
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THOA	*****861	3	DN10090851-DN10090853
CN BAC NINH	NGUYEN THI THOM	*****469	1	EB10002142-EB10002142
CN HAI AN	NGUYEN THI THOM	*****513	5	CT10019363-CT10019367
PGD BUON DON	NGUYEN THI THONG	*****673	3	DN10073960-DN10073962
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THU	*****058	1	EB10002030-EB10002030
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THU	*****070	19	CT10037583-CT10037601
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU	*****075	24	CT10045689-CT10045712
PGD LANG THUONG	NGUYEN THI THU	*****095	14	CT10152018-CT10152031
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THU	*****207	3	CT10064642-CT10064644
CN HAI AN	NGUYEN THI THU	*****344	10	TD10003146-TD10003155
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU	*****384	3	CT10043939-CT10043941
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU	*****488	1	EB10003223-EB10003223
CN HA DONG	NGUYEN THI THU	*****875	1	EB10000675-EB10000675
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THU	*****130	5	CT10150391-CT10150395
CN THANH HOA	NGUYEN THI THU	*****185	15	CT10101897-CT10101906; TD10000686-TD10000690
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THU	*****196	38	DN10061667-DN10061704
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU	*****217	1	CT10060441-CT10060441
CN SAI GON	NGUYEN THI THU	*****473	3	CT10141773-CT10141775
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI THU	*****656	5	DN10070301-DN10070305
CN HA TINH	NGUYEN THI THU	*****695	1	CT10158277-CT10158277
PGD TRUONG THI	NGUYEN THI THU	*****715	15	CT10050998-CT10051012
PGD NGO GIA TU	NGUYEN THI THU	*****775	9	CT10083705-CT10083713
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI THU	*****824	1	CT10163130-CT10163130
CN THANH HOA	NGUYEN THI THU	*****878	6	CT10139553-CT10139558

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI THU	*****989	771	DN10025336-DN10026085; EB10002782-EB10002782; TD10008341-TD10008360
PGD YEN PHU	NGUYEN THI THU BAC	*****811	4	CT10162026-CT10162029
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU CHINH	*****189	24	CT10116288-CT10116311
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU CUC	*****858	68	DN10028120-DN10028187
CN DONG NAI	NGUYEN THI THU CUC	*****999	4	DN10029719-DN10029722
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU DAO	*****878	3	DN10045881-DN10045883
CN TAN BINH	NGUYEN THI THU DUNG	*****895	1	EB10002442-EB10002442
PGD HAN THUYEN	NGUYEN THI THU HA	*****041	16	CT10126932-CT10126947
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THU HA	*****259	10	CT10045614-CT10045623
PGD THANH CONG	NGUYEN THI THU HA	*****267	20	CT10000864-CT10000883
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THU HA	*****522	5	CT10135691-CT10135695
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THU HA	*****616	1	CT10024334-CT10024334
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THU HA	*****633	4	CT10105800-CT10105803
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THI THU HA	*****738	54	CT10091091-CT10091144
PGD LAN ONG	NGUYEN THI THU HA	*****874	12	CT10115570-CT10115581
CN DONG DA	NGUYEN THI THU HA	*****970	15	CT10130210-CT10130224
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU HA	*****058	1	CT10161349-CT10161349
CN HAI AN	NGUYEN THI THU HA	*****079	10	CT10019384-CT10019393
CN HA NOI	NGUYEN THI THU HA	*****199	1	CT10031495-CT10031495
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THU HA	*****227	50	CT10019394-CT10019443
CN HA DONG	NGUYEN THI THU HA	*****241	5	CT10039018-CT10039022
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU HA	*****265	5	DN10046238-DN10046242
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THU HA	*****474	1	EB10002120-EB10002120
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THU HA	*****498	5	TD10000841-TD10000845
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THU HA	*****583	5	DN10033731-DN10033735
PGD PHU HUNG	NGUYEN THI THU HA	*****651	1	CT10164298-CT10164298
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI THU HA	*****874	5	DN10066059-DN10066063
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI THU HA	*****972	42	CT10147109-CT10147150
PGD MY DINH	NGUYEN THI THU HANG	*****190	11	CT10157217-CT10157227
CN CAN THO	NGUYEN THI THU HANG	*****254	7	CT10090749-CT10090755
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI THU HANG	*****327	3	CT10055308-CT10055310

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THU HANG	*****425	10	CT10054447-CT10054456
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THU HANG	*****440	24	CT10089024-CT10089047
PGD THANH CONG	NGUYEN THI THU HANG	*****487	5	TD10003066-TD10003070
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI THU HANG	*****936	10	CT10104803-CT10104812
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THU HANG	*****965	9	CT10036247-CT10036255
PGD LENIN	NGUYEN THI THU HANG	*****043	1	EB10000193-EB10000193
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THU HANG	*****297	18	CT10064484-CT10064501
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU HANG	*****359	3	CT10070312-CT10070314
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THU HANG	*****363	11	CT10084120-CT10084130
PGD NGOC LAM	NGUYEN THI THU HANG	*****386	1	CT10147290-CT10147290
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THI THU HANG	*****402	13	CT10031520-CT10031522; TD10010451-TD10010460
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU HANG	*****525	6	CT10117290-CT10117295
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU HANG	*****683	1	CT10095232-CT10095232
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI THU HANG	*****804	9	CT10110576-CT10110584
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THU HANG	*****873	11	CT10028558-CT10028558; TD10010371-TD10010380
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HANG	*****903	21	CT10159236-CT10159256
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THU HANH	*****246	5	CT10101763-CT10101767
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THU HAO	*****128	1	CT10070114-CT10070114
PGD VINH YEN	NGUYEN THI THU HIEN	*****639	1	EB10001216-EB10001216

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	NGUYEN THI THU HIEN	*****707	186	CT10064809-CT10064827; DN10001005-DN10001160; EB10000037-EB10000037; TD10005406-TD10005415
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HIEN	*****144	6	CT10017619-CT10017624
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI THU HIEN	*****212	2	CT10128598-CT10128599
PGD THAI THINH	NGUYEN THI THU HIEN	*****428	6	CT10110156-CT10110161
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HIEN	*****567	5	TD10002706-TD10002710
CN DONG DA	NGUYEN THI THU HIEN	*****881	2	CT10127688-CT10127689
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN THI THU HIEN	*****977	1	EB10000218-EB10000218
CN HA NOI	NGUYEN THI THU HIEN	*****970	1	CT10130209-CT10130209
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THU HOA	*****176	5	CT10075293-CT10075297
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HOA	*****608	6	CT10137333-CT10137338
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI THU HOAI	*****280	50	CT10009976-CT10010025
CN QUANG NINH	NGUYEN THI THU HOAI	*****903	15	TD10005451-TD10005465
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THU HOANG	*****807	70	CT10099876-CT10099945
CN SAI GON	NGUYEN THI THU HONG	*****019	41	CT10005517-CT10005557
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THU HONG	*****523	40	CT10155411-CT10155450
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HONG	*****677	5	TD10007206-TD10007210
PGD THAI THINH	NGUYEN THI THU HONG	*****701	1	CT10043285-CT10043285
PGD HO GUOM	NGUYEN THI THU HONG	*****988	1	EB10000242-EB10000242
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THU HUE	*****052	20	CT10034738-CT10034757
PGD DUC PHO	NGUYEN THI THU HUE	*****634	1	EB10003270-EB10003270
CN HA DONG	NGUYEN THI THU HUONG	*****001	11	CT10160937-CT10160947

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THU HUONG	*****210	15	CT10107956-CT10107970
CN DAI AN	NGUYEN THI THU HUONG	*****248	2	CT10107726-CT10107727
PGD DOI CAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****589	1	EB10000674-EB10000674
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU HUONG	*****656	24	CT10074373-CT10074396
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI THU HUONG	*****656	1	EB10002411-EB10002411
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THU HUONG	*****678	1	EB10003067-EB10003067
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THI THU HUONG	*****690	24	CT10083647-CT10083670
PGD HOA BINH	NGUYEN THI THU HUONG	*****819	1	EB10002999-EB10002999
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****828	24	CT10151487-CT10151510
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THI THU HUONG	*****872	4	CT10017939-CT10017942
PGD SOC SON	NGUYEN THI THU HUONG	*****945	1	EB10002216-EB10002216
CN LANG HA	NGUYEN THI THU HUONG	*****025	10	CT10021044-CT10021053
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THU HUONG	*****045	1	EB10001437-EB10001437
CN DONG NAI	NGUYEN THI THU HUONG	*****104	5	DN10044628-DN10044632
CN HA NOI	NGUYEN THI THU HUONG	*****112	14	CT10038965-CT10038978
CN DAI AN	NGUYEN THI THU HUONG	*****160	9	CT10128655-CT10128663
PGD KIM VAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****276	1	EB10003312-EB10003312
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI THU HUONG	*****346	2	CT10117719-CT10117720
CN DA NANG	NGUYEN THI THU HUONG	*****359	4	CT10044337-CT10044340
CN LONG BIEN	NGUYEN THI THU HUONG	*****404	3	CT10133128-CT10133130

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DOI CAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****519	1	EB10002981-EB10002981
CN LANG HA	NGUYEN THI THU HUONG	*****569	5	CT10139828-CT10139832
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU HUONG	*****588	5	CT10064920-CT10064924
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI THU HUONG	*****605	18	CT10101817-CT10101833; EB10001414-EB10001414
CN LANG HA	NGUYEN THI THU HUONG	*****634	14	CT10141824-CT10141837
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****723	10	CT10090651-CT10090660
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THU HUONG	*****735	1	CT10057323-CT10057323
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THU HUONG	*****751	1	CT10029163-CT10029163
CN DAK LAK	NGUYEN THI THU HUONG	*****777	4	DN10038183-DN10038186
PGD SOC SON	NGUYEN THI THU HUONG	*****824	4	CT10015852-CT10015855
CN HA DONG	NGUYEN THI THU HUONG	*****830	20	TD10007671-TD10007690
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THU HUYEN	*****331	25	CT10050798-CT10050822
PGD HAI DANG	NGUYEN THI THU HUYEN	*****452	1	CT10067370-CT10067370
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU HUYEN	*****014	8	CT10067346-CT10067353
PGD KIM LIEN	NGUYEN THI THU HUYEN	*****014	1	EB10001833-EB10001833
CN SAI GON	NGUYEN THI THU HUYEN	*****218	17	CT10151465-CT10151481
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THU HUYEN	*****268	4	CT10150482-CT10150485
CN DAK LAK	NGUYEN THI THU HUYEN	*****278	18	CT10143721-CT10143738
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI THU HUYEN	*****557	3	CT10161458-CT10161460
CN DONG NAI	NGUYEN THI THU HUYEN	*****668	7	CT10060169-CT10060175

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THI THU HUYEN	*****680	5	CT10157971-CT10157975
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI THU HUYEN	*****813	7	CT10144909-CT10144915
CN CAN THO	NGUYEN THI THU LAN	*****903	12	CT10057986-CT10057987; TD10004296-TD10004305
CN HAI AN	NGUYEN THI THU LAN ANH	*****197	2	CT10011759-CT10011760
CN HAI AN	NGUYEN THI THU LINH	*****326	19	CT10150654-CT10150667; TD10002131-TD10002135
CN HAI AN	NGUYEN THI THU LOAN	*****166	1	EB10002822-EB10002822
CN SAI GON	NGUYEN THI THU NGA	*****440	1	CT10083530-CT10083530
PGD BA TRIEU	NGUYEN THI THU NGA	*****809	1	EB10002538-EB10002538
PGD THANH CONG	NGUYEN THI THU NGA	*****872	1	EB10001477-EB10001477
PGD TO HIEU	NGUYEN THI THU NGA	*****213	1	CT10139448-CT10139448
CN HUE	NGUYEN THI THU NGA	*****424	14	DN10071326-DN10071334; TD10001996-TD10002000
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI THU NGAN	*****310	1	CT10048133-CT10048133
PGD QUAN 11	NGUYEN THI THU NGAN	*****648	1	CT10164744-CT10164744
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI THU NGAN	*****856	15	CT10108356-CT10108370
PGD LE THAI TO	NGUYEN THI THU NGAN	*****399	1	CT10019293-CT10019293
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THU NGOC	*****878	49	CT10156427-CT10156475
CN DAK LAK	NGUYEN THI THU NGUYEN	*****217	5	DN10064036-DN10064040
CN AN GIANG	NGUYEN THI THU NHI	*****285	1	CT10084455-CT10084455
CN DONG DA	NGUYEN THI THU NHUNG	*****503	14	CT10146610-CT10146623
PGD VINH HOANG	NGUYEN THI THU PHUONG	*****160	5	CT10018030-CT10018034
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU PHUONG	*****902	6	CT10019078-CT10019083
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THU PHUONG	*****164	12	CT10086573-CT10086584

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN THI THU PHUONG	*****166	3	CT10038473-CT10038475
CN BINH DUONG	NGUYEN THI THU PHUONG	*****578	8	CT10063303-CT10063303; DN10000091-DN10000092; TD10005296-TD10005300
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU SUONG	*****984	5	DN10078322-DN10078326
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI THU SUONG	*****984	3	CT10077897-CT10077899
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU SUONG	*****685	3	DN10064741-DN10064743
PGD THU DUC	NGUYEN THI THU THANH	*****034	4	CT10131562-CT10131565
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THI THU THANH	*****733	1	EB10002570-EB10002570
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI THU THAO	*****313	1	CT10162846-CT10162846
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THI THU THAO	*****032	19	CT10128720-CT10128738
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THU THAO	*****154	4	CT10043731-CT10043734
CN BINH DUONG	NGUYEN THI THU THAO	*****187	1	EB10002471-EB10002471
PGD BOTANIC	NGUYEN THI THU THAO	*****201	4	CT10140656-CT10140659
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI THU THAO	*****255	3	CT10076095-CT10076097
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU THAO	*****476	6	CT10055020-CT10055025
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THU THAO	*****481	1	EB10002246-EB10002246
CN QUANG NINH	NGUYEN THI THU THAO	*****640	1	CT10086285-CT10086285
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THU THAO	*****849	1	EB10000059-EB10000059
PGD XUAN KHANH	NGUYEN THI THU THAO	*****918	1	CT10096660-CT10096660
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI THU THAO	*****921	10	CT10060597-CT10060606

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BINH TAN	NGUYEN THI THU THAO	*****961	1	EB10001063-EB10001063
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THU THOA	*****256	1	EB10002412-EB10002412
CN DAI AN	NGUYEN THI THU THUONG	*****559	1	EB10000144-EB10000144
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THU THUY	*****089	1	CT10006071-CT10006071
PGD DOI CAN	NGUYEN THI THU THUY	*****221	1	EB10001545-EB10001545
PGD VAN XUAN	NGUYEN THI THU THUY	*****370	13	CT10000833-CT10000845
CN BINH DUONG	NGUYEN THI THU THUY	*****080	15	TD10005061-TD10005075
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THU THUY	*****137	1	EB10000474-EB10000474
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI THU THUY	*****447	3	CT10055382-CT10055384
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THU THUY	*****500	7	CT10103159-CT10103165
CN HUE	NGUYEN THI THU THUY	*****559	1	CT10028726-CT10028726
PGD DI AN	NGUYEN THI THU THUY	*****690	1	EB10000967-EB10000967
CN SAI GON	NGUYEN THI THU THUY	*****738	3	CT10153613-CT10153615
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI THU THUY	*****758	5	TD10010481-TD10010485
CN HAI AN	NGUYEN THI THU TRANG	*****014	1	EB10000995-EB10000995
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI THU TRANG	*****217	25	CT10055666-CT10055690
CN HA NOI	NGUYEN THI THU TRANG	*****246	1	EB10001785-EB10001785
CN HA NOI	NGUYEN THI THU TRANG	*****274	26	CT10053553-CT10053578
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI THU TRANG	*****701	1	CT10047271-CT10047271
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THU TRANG	*****793	24	CT10084641-CT10084664

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN THI THU TRANG	*****826	13	CT10033686-CT10033698
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THU TRANG	*****988	5	CT10144961-CT10144965
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THI THU TRANG	*****086	5	TD10008136-TD10008140
CN DAI AN	NGUYEN THI THU TRANG	*****117	5	TD10008211-TD10008215
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THU TRANG	*****168	7	CT10019285-CT10019291
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI THU TRANG	*****195	2	CT10008599-CT10008600
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THU TRANG	*****309	5	CT10039537-CT10039541
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THI THU TRANG	*****348	8	CT10073178-CT10073185
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI THU TRANG	*****351	3	CT10109446-CT10109448
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THU TRANG	*****478	25	CT10057348-CT10057372
CN THANH HOA	NGUYEN THI THU TRANG	*****558	10	CT10166381-CT10166390
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI THU TRANG	*****666	10	CT10056338-CT10056347
CN HUE	NGUYEN THI THU TRANG	*****776	5	TD10005266-TD10005270
CN DAI AN	NGUYEN THI THU TRANG.	*****304	2	CT10153253-CT10153254
CN BINH DINH	NGUYEN THI THU TRINH	*****682	1	CT10121587-CT10121587
PGD QUANG PHU	NGUYEN THI THU VAN	*****107	3	DN10087273-DN10087275
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THU VAN	*****395	1	CT10037006-CT10037006
CN TAN THANH	NGUYEN THI THU VAN	*****590	5	CT10062645-CT10062649
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI THU VAN	*****789	9	CT10084562-CT10084570
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THU YEN	*****026	39	CT10162972-CT10163010
PGD TO HIEU	NGUYEN THI THUA	*****009	1	EB10002527-EB10002527
CN BAC NINH	NGUYEN THI THUAN	*****400	5	TD10002736-TD10002740

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI THUAN THUY	*****337	3	CT10078179-CT10078181
PGD LE CHAN	NGUYEN THI THUC	*****052	11	CT10037814-CT10037824
PGD THAI THINH	NGUYEN THI THUC TRINH	*****306	57	CT10072308-CT10072364
PGD HOANG DIEU	NGUYEN THI THUC UYEN	*****652	5	DN10044418-DN10044422
PGD TAY HO	NGUYEN THI THUONG	*****159	10	CT10102744-CT10102753
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI THUONG	*****049	5	DN10004705-DN10004709
CN HA TINH	NGUYEN THI THUONG	*****094	7	CT10086000-CT10086006
CN DONG DA	NGUYEN THI THUONG	*****145	1	CT10141189-CT10141189
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THUONG	*****282	6	DN10044340-DN10044344; EB10003295-EB10003295
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI THUONG	*****283	1	EB10002595-EB10002595
CN NGHE AN	NGUYEN THI THUONG	*****397	1	EB10003277-EB10003277
CN HAI AN	NGUYEN THI THUONG	*****411	3	CT10043700-CT10043702
PGD SO SAO	NGUYEN THI THUONG	*****530	1	EB10003253-EB10003253
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THUONG	*****640	17	CT10113098-CT10113109; TD10002741-TD10002745
CN NGHE AN	NGUYEN THI THUONG	*****695	2	DN10070289-DN10070290
CN DAK LAK	NGUYEN THI THUONG	*****904	3	DN10075160-DN10075162
CN CAU GIAY	NGUYEN THI THUONG TRANG	*****470	24	CT10083612-CT10083635
PGD VAN QUAN	NGUYEN THI THUY	*****064	1	EB10001167-EB10001167
PGD KIM VAN	NGUYEN THI THUY	*****236	1	EB10000873-EB10000873
CN THANH HOA	NGUYEN THI THUY	*****399	30	DN10001778-DN10001797; TD10005511-TD10005520
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI THUY	*****435	15	CT10122926-CT10122940
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY	*****523	95	CT10073466-CT10073560
PGD TRAN PHU	NGUYEN THI THUY	*****532	2	CT10123419-CT10123420
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY	*****847	5	TD10010866-TD10010870
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THUY	*****920	10	CT10050706-CT10050715
PGD HAM NGHI	NGUYEN THI THUY	*****022	3	CT10107315-CT10107317
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THUY	*****038	10	CT10085294-CT10085303
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THI THUY	*****044	1	EB10003345-EB10003345

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI THUY	*****050	5	TD10001161-TD10001165
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THUY	*****051	10	CT10154754-CT10154763
CN BAC NINH	NGUYEN THI THUY	*****055	15	TD10003676-TD10003690
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THUY	*****060	5	DN10033739-DN10033743
CN BAC NINH	NGUYEN THI THUY	*****100	1	EB10000389-EB10000389
CN DONG NAI	NGUYEN THI THUY	*****126	1	EB10002301-EB10002301
PGD Krong Nang	NGUYEN THI THUY	*****164	3	DN10018975-DN10018977
PGD TIEN AN	NGUYEN THI THUY	*****308	1	CT10027267-CT10027267
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN THI THUY	*****388	1	EB10001694-EB10001694
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI THUY	*****481	11	CT10064925-CT10064935
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY	*****503	1	CT10118033-CT10118033
CN HA NOI	NGUYEN THI THUY	*****507	22	CT10103578-CT10103599
CN THANH XUAN	NGUYEN THI THUY	*****642	10	CT10061070-CT10061079
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI THUY	*****656	1	EB10001333-EB10001333
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI THUY	*****697	6	CT10063638-CT10063643
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THUY	*****788	1	EB10002616-EB10002616
PGD Krong Nang	NGUYEN THI THUY	*****835	3	DN10070119-DN10070121
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI THUY	*****927	1	CT10016221-CT10016221
PGD LIM	NGUYEN THI THUY	*****948	40	CT10035873-CT10035887; DN10059721-DN10059745
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THUY	*****888	2	CT10116134-CT10116135
CN DAI AN	NGUYEN THI THUY AN	*****876	1	CT10101368-CT10101368
CN NGHE AN	NGUYEN THI THUY AN	*****351	19	CT10124940-CT10124958
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THUY AN	*****404	6	CT10019766-CT10019771
CN DAI AN	NGUYEN THI THUY AN	*****608	4	CT10098285-CT10098288
PGD LE CHAN	NGUYEN THI THUY AN	*****997	5	TD10011176-TD10011180
PGD HA LONG	NGUYEN THI THUY ANH	*****069	1	CT10158804-CT10158804
PGD HAO NAM	NGUYEN THI THUY CHIEN	*****823	2	CT10151101-CT10151102
CN HAI PHONG	NGUYEN THI THUY DUNG	*****031	10	CT10101700-CT10101709
PGD THANG LONG	NGUYEN THI THUY DUNG	*****008	1	EB10001616-EB10001616

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN THI THUY DUNG	*****034	1	CT10034893-CT10034893
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI THUY DUNG	*****408	1	EB10000063-EB10000063
CN BAC NINH	NGUYEN THI THUY DUONG	*****028	9	CT10142525-CT10142533
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY DUONG	*****188	6	CT10046420-CT10046425
CN LANG HA	NGUYEN THI THUY DUONG	*****250	2	CT10039859-CT10039860
PGD THANH CONG	NGUYEN THI THUY DUONG	*****428	49	CT10051752-CT10051800
PGD LE CHAN	NGUYEN THI THUY DUONG	*****469	12	CT10039519-CT10039525; TD10001146-TD10001150
PGD DI AN	NGUYEN THI THUY DUONG	*****926	25	CT10147864-CT10147888
CN HA TINH	NGUYEN THI THUY DUONG	*****951	128	DN10109295-DN10109422
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THUY HA	*****183	17	CT10098813-CT10098829
CN HA NOI	NGUYEN THI THUY HA	*****339	1	CT10049932-CT10049932
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI THUY HA	*****523	2	CT10101052-CT10101053
PGD TO HIEU	NGUYEN THI THUY HANG	*****001	4	CT10127375-CT10127378
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THUY HANG	*****036	1	CT10020394-CT10020394
CN HUE	NGUYEN THI THUY HANG	*****123	3	DN10054738-DN10054740
PGD THU DUC	NGUYEN THI THUY HANG	*****127	1	CT10008341-CT10008341
PGD Krong Nang	NGUYEN THI THUY HANG	*****164	3	DN10108989-DN10108991
PGD DIEN KHANH	NGUYEN THI THUY HANG	*****226	1	CT10112354-CT10112354
CN NGHE AN	NGUYEN THI THUY HANG	*****473	1	EB10001683-EB10001683
CN BINH DINH	NGUYEN THI THUY HANG	*****608	1	CT10023906-CT10023906
PGD DAI KIM	NGUYEN THI THUY HANH	*****219	14	CT10052961-CT10052974

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN THI THUY HOA	*****583	11	CT10111553-CT10111563
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THUY HONG	*****363	3	CT10081854-CT10081856
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI THUY HONG	*****693	1	EB10002008-EB10002008
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THUY HONG	*****699	5	DN10078371-DN10078375
PGD BACH DANG	NGUYEN THI THUY HONG	*****864	1	CT10111340-CT10111340
CN THANH HOA	NGUYEN THI THUY HUONG	*****951	10	CT10137535-CT10137544
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI THUY KIEU	*****783	2	CT10157789-CT10157790
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY LAN	*****540	12	CT10076342-CT10076353
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY LEN	*****014	35	CT10093171-CT10093205
PGD PHO YEN	NGUYEN THI THUY LIEN	*****822	24	CT10014347-CT10014370
CN TAN BINH	NGUYEN THI THUY LIEU	*****610	30	DN10020919-DN10020948
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY LINH	*****032	5	CT10046561-CT10046565
PGD HONG BANG	NGUYEN THI THUY LINH	*****352	43	CT10070071-CT10070113
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI THUY LINH	*****365	1	EB10000104-EB10000104
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THUY LINH	*****387	5	TD10008156-TD10008160
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THUY LINH	*****604	6	CT10082667-CT10082672
CN HA NOI	NGUYEN THI THUY LINH	*****077	5	TD10000486-TD10000490
PGD TAY HO	NGUYEN THI THUY LINH	*****164	1	EB10002490-EB10002490
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY LINH	*****262	2	CT10011990-CT10011991
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY LINH	*****324	39	CT10157458-CT10157496

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN THI THUY LINH	*****466	1	CT10137366-CT10137366
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI THUY LINH	*****468	1	EB10000471-EB10000471
PGD QUAN THANH	NGUYEN THI THUY LINH	*****471	2	CT10013891-CT10013892
CN HA NOI	NGUYEN THI THUY LINH	*****487	7	CT10141946-CT10141952
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THUY LINH	*****512	12	CT10162389-CT10162400
CN BINH DUONG	NGUYEN THI THUY LINH	*****517	75	CT10059935-CT10059939; DN10088114-DN10088178; TD10004436-TD10004440
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY LINH	*****525	8	CT10090069-CT10090076
CN HUE	NGUYEN THI THUY LINH	*****679	2	CT10034526-CT10034527
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY LINH	*****732	24	CT10113161-CT10113184
CN DONG DA	NGUYEN THI THUY LINH	*****783	61	CT10158102-CT10158162
PGD XUAN LA	NGUYEN THI THUY LINH	*****842	10	CT10139411-CT10139420
CN HA NOI	NGUYEN THI THUY LINH	*****359	2	CT10125732-CT10125733
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI THUY LOAN	*****539	2	CT10103043-CT10103044
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI THUY MY	*****121	2	CT10051021-CT10051022
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI THUY NGA	*****448	14	CT10047944-CT10047957
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI THUY NGA	*****755	6	CT10116870-CT10116875
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY NGA	*****896	5	CT10068967-CT10068971
CN NGHE AN	NGUYEN THI THUY NGAN	*****113	20	CT10000522-CT10000541
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY NGAN	*****354	1	EB10002045-EB10002045

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY NGAN	*****436	24	CT10017426-CT10017449
CN SAI GON	NGUYEN THI THUY NGHI	*****297	3	CT10092192-CT10092194
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI THUY NGOC	*****086	4	CT10154344-CT10154347
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THUY NHI	*****489	4	CT10064805-CT10064808
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI THUY NHIE	*****117	1	CT10012542-CT10012542
CN BINH DINH	NGUYEN THI THUY QUYNH	*****383	1	CT10034879-CT10034879
CN CAN THO	NGUYEN THI THUY TRANG	*****406	318	CT10002197-CT10002230; DN10008542-DN10008820; TD10006476-TD10006480
CN DAK LAK	NGUYEN THI THUY TRANG	*****143	5	CT10094719-CT10094723
PGD DAO TAN	NGUYEN THI THUY TRANG	*****198	7	CT10093217-CT10093223
CN CAN THO	NGUYEN THI THUY TRANG	*****212	7	CT10059836-CT10059842
CN HUE	NGUYEN THI THUY TRANG	*****443	1	EB10000245-EB10000245
CN NHA TRANG	NGUYEN THI THUY TRANG	*****464	5	DN10106229-DN10106233
PGD BUON DON	NGUYEN THI THUY TRANG	*****538	1	EB10003014-EB10003014
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI THUY TRANG	*****753	2	CT10007255-CT10007256
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI THUY TRANG	*****988	4	CT10099095-CT10099098
PGD NGO GIA TU	NGUYEN THI THUY VAN	*****546	2	CT10122218-CT10122219
CN QUANG NGAI	NGUYEN THI THUY VI	*****719	1	EB10003068-EB10003068
CN VINH PHUC	NGUYEN THI THUYET	*****166	5	DN10045884-DN10045888
PGD TIEN AN	NGUYEN THI TIEN	*****580	3	DN10105699-DN10105701
CN HUE	NGUYEN THI TIEN	*****912	3	DN10050126-DN10050128
PGD TIEN AN	NGUYEN THI TIEP	*****648	5	DN10040365-DN10040369
CN AN GIANG	NGUYEN THI TIM	*****683	3	DN10098761-DN10098763
CN AN GIANG	NGUYEN THI TINH	*****091	65	CT10094954-CT10095018

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN THI TINH	*****443	10	DN10112015-DN10112024
PGD THANH CONG	NGUYEN THI TINH	*****466	2	CT10082745-CT10082746
CN BAC NINH	NGUYEN THI TINH	*****849	5	DN10094894-DN10094898
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN THI TINH	*****925	7	CT10104504-CT10104510
CN LONG BIEN	NGUYEN THI TINH	*****957	3	CT10056159-CT10056161
CN HUE	NGUYEN THI TINH HAI	*****539	3	CT10159296-CT10159298
CN DA NANG	NGUYEN THI TO QUYEN	*****181	6	CT10017510-CT10017515
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI TO THANH	*****945	1	EB10002928-EB10002928
CN HAI PHONG	NGUYEN THI TOAN	*****376	10	DN10108309-DN10108312; EB10002646-EB10002646; TD10008006-TD10008010
CN THANH HOA	NGUYEN THI TRA	*****956	1	EB10000698-EB10000698
CN HA TINH	NGUYEN THI TRA ANH	*****975	9	CT10133562-CT10133570
PGD THU DUC	NGUYEN THI TRA MY	*****233	1	EB10000443-EB10000443
CN LONG BIEN	NGUYEN THI TRA MY	*****279	7	CT10066398-CT10066404
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI TRA MY	*****294	2	CT10106329-CT10106330
CN NGHE AN	NGUYEN THI TRA MY	*****366	2	CT10084539-CT10084540
CN NGHE AN	NGUYEN THI TRA MY	*****577	14	CT10135438-CT10135451
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN THI TRA MY	*****835	6	CT10138475-CT10138480
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI TRAM	*****225	3	CT10072214-CT10072216
PGD LE LOI	NGUYEN THI TRAM	*****963	9	CT10037614-CT10037622
PGD TRUNG NHI	NGUYEN THI TRAM ANH	*****535	1	CT10161775-CT10161775
CN AN GIANG	NGUYEN THI TRAM ANH	*****696	3	DN10019227-DN10019229
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI TRANG	*****150	3	CT10044218-CT10044220
CN LONG BIEN	NGUYEN THI TRANG	*****159	1	CT10000362-CT10000362
CN LANG HA	NGUYEN THI TRANG	*****250	1	EB10002814-EB10002814
CN HAI AN	NGUYEN THI TRANG	*****297	10	TD10008511-TD10008520
PGD PHO YEN	NGUYEN THI TRANG	*****357	1	EB10001217-EB10001217
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN THI TRANG	*****519	2	CT10115553-CT10115554
PGD THANH CONG	NGUYEN THI TRANG	*****539	126	CT10129163-CT10129288
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI TRANG	*****559	1	EB10001133-EB10001133

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	NGUYEN THI TRANG	*****659	1	EB10002391-EB10002391
CN BINH DUONG	NGUYEN THI TRANG	*****675	2	CT10053208-CT10053209
CN NHA TRANG	NGUYEN THI TRANG	*****720	3	DN10029869-DN10029871
CN HA DONG	NGUYEN THI TRANG	*****902	13	CT10057574-CT10057586
PGD DAO TAN	NGUYEN THI TRANG DAI	*****585	11	CT10011167-CT10011177
CN TAN THANH	NGUYEN THI TRANG THANH	*****106	4	CT10001608-CT10001611
CN AN GIANG	NGUYEN THI TRIEU	*****235	10	DN10088521-DN10088530
CN CAN THO	NGUYEN THI TRIEU THAO	*****257	1	CT10097449-CT10097449
PGD MY DINH	NGUYEN THI TRINH	*****353	2	CT10036925-CT10036926
CN BINH DINH	NGUYEN THI TRINH	*****164	3	DN10066085-DN10066087
CN BAC NINH	NGUYEN THI TRINH	*****746	1	EB10001468-EB10001468
CN AN GIANG	NGUYEN THI TRINH	*****861	43	DN10086783-DN10086825
PGD AU CO	NGUYEN THI TRINH NGUYEN	*****187	1	CT10024610-CT10024610
PGD THU DAU 1	NGUYEN THI TRONG	*****550	1	CT10092005-CT10092005
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN THI TRUC GIANG	*****418	1	EB10002751-EB10002751
CN TAN BINH	NGUYEN THI TRUC HUYEN	*****115	1	EB10002821-EB10002821
PGD BA RIA	NGUYEN THI TRUC KIEU	*****094	4	CT10070364-CT10070367
CN SAI GON	NGUYEN THI TRUC NHI	*****549	28	CT10129365-CT10129392
CN CAN THO	NGUYEN THI TRUC OANH	*****723	1	CT10059852-CT10059852
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI TU	*****194	25	CT10108661-CT10108685
PGD HA LONG	NGUYEN THI TU	*****284	5	DN10099884-DN10099888
PGD TU SON	NGUYEN THI TU	*****622	1	EB10002310-EB10002310
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI TU	*****765	35	CT10036935-CT10036969
CN DAK LAK	NGUYEN THI TU TRINH	*****751	1	CT10047493-CT10047493
CN LANG HA	NGUYEN THI TUOI	*****044	4	CT10127380-CT10127383
CN DAI AN	NGUYEN THI TUOI	*****904	2	CT10010717-CT10010718
CN NHA TRANG	NGUYEN THI TUOI	*****896	3	DN10003015-DN10003017

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DINH	NGUYEN THI TUONG VI	*****592	5	DN10047860-DN10047864
CN DONG NAI	NGUYEN THI TUY QUYEN	*****463	3	CT10006463-CT10006465
CN HAI AN	NGUYEN THI TUYEN	*****201	8	CT10146995-CT10147002
PGD HONG BANG	NGUYEN THI TUYEN	*****278	1	EB10003178-EB10003178
CN LONG BIEN	NGUYEN THI TUYEN	*****464	11	CT10118957-CT10118967
CN HA DONG	NGUYEN THI TUYEN	*****615	1	EB10001433-EB10001433
CN THANH XUAN	NGUYEN THI TUYET	*****321	30	CT10045409-CT10045438
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THI TUYET	*****756	2	CT10122075-CT10122076
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI TUYET	*****804	25	CT10057912-CT10057936
PGD NGOC HOI	NGUYEN THI TUYET	*****067	1	EB10001384-EB10001384
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI TUYET	*****081	5	DN10038505-DN10038509
CN TIEN GIANG	NGUYEN THI TUYET	*****215	9	CT10078622-CT10078630
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN THI TUYET	*****385	5	TD10002526-TD10002530
CN BAC NINH	NGUYEN THI TUYET	*****901	5	DN10005492-DN10005496
PGD SO SAO	NGUYEN THI TUYET CHINH	*****761	70	DN10099809-DN10099878
CN NHA TRANG	NGUYEN THI TUYET DUNG	*****984	3	DN10026717-DN10026719
CN SAI GON	NGUYEN THI TUYET DUYEN	*****792	1	EB10000619-EB10000619
CN BINH DINH	NGUYEN THI TUYET HA	*****391	5	DN10044623-DN10044627
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI TUYET HONG	*****149	1	EB10000265-EB10000265
CN CAN THO	NGUYEN THI TUYET HUONG	*****313	1	CT10051582-CT10051582
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI TUYET LAN	*****563	5	CT10108255-CT10108259
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THI TUYET LAN	*****710	1	CT10160287-CT10160287
CN TAN THANH	NGUYEN THI TUYET LE	*****009	22	CT10135730-CT10135751
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN THI TUYET LOC	*****298	1	CT10122401-CT10122401

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BACH DANG	NGUYEN THI TUYET MAI	*****008	2	CT10141352-CT10141353
CN HA DONG	NGUYEN THI TUYET MAI	*****443	1	CT10062328-CT10062328
CN DA NANG	NGUYEN THI TUYET MAI	*****585	8	CT10125960-CT10125967
CN THANH XUAN	NGUYEN THI TUYET MINH	*****716	20	CT10152088-CT10152107
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI TUYET NGA	*****016	25	CT10035406-CT10035430
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI TUYET NGA	*****709	24	CT10142760-CT10142783
PGD QUAN 1	NGUYEN THI TUYET NGA	*****495	2	CT10147751-CT10147752
CN BINH DINH	NGUYEN THI TUYET NGA	*****590	4	DN10009338-DN10009341
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****242	11	CT10097888-CT10097898
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****414	5	DN10081714-DN10081718
CN NHA TRANG	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****460	3	CT10032005-CT10032007
CN TAN THANH	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****502	61	CT10108835-CT10108839; DN10071116-DN10071160; EB10001689-EB10001689; TD10001766-TD10001775
CN DONG DA	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****597	7	CT10042038-CT10042044
CN KIEN GIANG	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****811	6	CT10044149-CT10044154
CN VINH PHUC	NGUYEN THI TUYET NHUNG	*****871	1	CT10003844-CT10003844
CN HUE	NGUYEN THI TUYET SA	*****205	3	CT10139444-CT10139446
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THI TUYET THANH	*****028	8	CT10030202-CT10030209
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI TUYET THU	*****355	50	CT10066853-CT10066902
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI TUYET TRINH	*****701	1	CT10007589-CT10007589

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN THI TUYET TRINH	*****987	3	DN10005985-DN10005987
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN THI TUYET XUAN	*****627	1	CT10124011-CT10124011
CN HAI AN	NGUYEN THI UT	*****056	1	EB10000658-EB10000658
PGD Krong Nang	NGUYEN THI UT	*****684	3	DN10045590-DN10045592
CN LONG BIEN	NGUYEN THI UT	*****824	1	EB10002006-EB10002006
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN THI UT	*****918	13	CT10025581-CT10025588; TD10009566-TD10009570
CN HA DONG	NGUYEN THI UT HIEN	*****345	1	EB10002254-EB10002254
PGD XUAN KHANH	NGUYEN THI UT NHO	*****862	3	CT10159985-CT10159987
CN THANH XUAN	NGUYEN THI UYEN	*****205	1	EB10000914-EB10000914
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI UYEN THU	*****338	1	CT10138107-CT10138107
PGD KIM VAN	NGUYEN THI VAN	*****263	1	EB10000680-EB10000680
CN HAI PHONG	NGUYEN THI VAN	*****892	17	CT10053604-CT10053620
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI VAN	*****897	1	EB10002991-EB10002991
CN BINH DINH	NGUYEN THI VAN	*****014	3	DN10099936-DN10099938
PGD TU SON	NGUYEN THI VAN	*****087	1	EB10000586-EB10000586
CN HAI AN	NGUYEN THI VAN	*****132	1	EB10001857-EB10001857
CN NHA TRANG	NGUYEN THI VAN	*****248	5	DN10004302-DN10004306
CN QUANG NINH	NGUYEN THI VAN	*****448	8	CT10137836-CT10137843
CN BAC NINH	NGUYEN THI VAN	*****466	1	EB10001226-EB10001226
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THI VAN	*****571	5	TD10004336-TD10004340
PGD PHU MY - BINH DINH	NGUYEN THI VAN	*****854	1	EB10002996-EB10002996
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THI VAN	*****930	1	CT10127899-CT10127899
CN BAC NINH	NGUYEN THI VAN AN	*****024	2	CT10091278-CT10091279
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN THI VAN ANH	*****111	1	EB10001520-EB10001520
CN HAI DUONG	NGUYEN THI VAN ANH	*****138	5	TD10006126-TD10006130
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN THI VAN ANH	*****178	5	CT10144546-CT10144550
PGD BACH DANG	NGUYEN THI VAN ANH	*****276	6	CT10067672-CT10067677
PGD LE CHAN	NGUYEN THI VAN ANH	*****704	7	CT10085204-CT10085210

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI VAN ANH	*****002	1	EB10002939-EB10002939
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THI VAN ANH	*****946	24	CT10103113-CT10103136
CN DONG DA	NGUYEN THI VAN ANH	*****968	5	TD10006371-TD10006375
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI VAN HA	*****101	1	EB10002907-EB10002907
CN QUANG NINH	NGUYEN THI VAN HA	*****212	1	CT10011048-CT10011048
CN DA NANG	NGUYEN THI VAN HAC	*****141	9	CT10052639-CT10052647
PGD THANG LONG	NGUYEN THI VAN HANH	*****214	1	EB10000612-EB10000612
PGD TRUNG HOA	NGUYEN THI VAN HUONG	*****691	43	CT10073886-CT10073928
CN HA NOI	NGUYEN THI VAN KHANH	*****124	2	CT10162424-CT10162425
PGD THANH CONG	NGUYEN THI VAN TRANG	*****978	7	CT10087084-CT10087090
PGD BACH DANG	NGUYEN THI VANG	*****085	55	DN10065875-DN10065929
CN HAI AN	NGUYEN THI VI	*****367	1	EB10000659-EB10000659
PGD PHU LAM	NGUYEN THI VIET AN	*****014	1	EB10003286-EB10003286
CN DAI AN	NGUYEN THI VIET ANH	*****304	1	CT10135397-CT10135397
CN VINH PHUC	NGUYEN THI VIET HA	*****471	1	CT10032943-CT10032943
CN LANG HA	NGUYEN THI VIET NGA	*****964	8	CT10007343-CT10007350
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THI VIET PHUONG	*****581	8	CT10134368-CT10134375
CN CAN THO	NGUYEN THI VIET THUY	*****167	3	CT10094303-CT10094305
PGD CAM PHA	NGUYEN THI VINH	*****713	10	DN10005034-DN10005043
CN HA DONG	NGUYEN THI VU	*****126	30	DN10111955-DN10111984
PGD VINH HAI	NGUYEN THI VU ANH	*****843	1	CT10059949-CT10059949
CN HAI AN	NGUYEN THI VUI	*****945	1	EB10000584-EB10000584
CN TAN THANH	NGUYEN THI VUI	*****504	11	DN10047845-DN10047854; EB10000685-EB10000685
CN SAI GON	NGUYEN THI VUI	*****602	1	CT10101662-CT10101662
CN NHA TRANG	NGUYEN THI VUONG NI	*****101	1	EB10002920-EB10002920
CN BINH DUONG	NGUYEN THI XA	*****241	4	DN10086773-DN10086776

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN THI XIEM	*****889	1	EB10000903-EB10000903
PGD SAO DO	NGUYEN THI XOAN	*****440	11	DN10077596-DN10077606
PGD TIEN AN	NGUYEN THI XOAN	*****967	5	DN10094398-DN10094402
CN HAI AN	NGUYEN THI XUAN	*****358	5	CT10098929-CT10098933
CN HA DONG	NGUYEN THI XUAN	*****619	9	CT10049145-CT10049153
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THI XUAN	*****843	1	EB10002453-EB10002453
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI XUAN	*****871	1	CT10011028-CT10011028
CN HA TINH	NGUYEN THI XUAN	*****065	5	DN10029902-DN10029906
PGD TUYEN SON	NGUYEN THI XUAN	*****502	2	CT10059234-CT10059235
CN BAC NINH	NGUYEN THI XUAN	*****704	5	DN10052664-DN10052668
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN THI XUAN ANH	*****229	1	CT10080788-CT10080788
CN SAI GON	NGUYEN THI XUAN HOA	*****993	20	CT10144777-CT10144796
CN NHA TRANG	NGUYEN THI XUAN HONG	*****206	5	DN10053339-DN10053343
CN CAU GIAY	NGUYEN THI XUAN HUE	*****343	15	CT10045788-CT10045802
CN DAK LAK	NGUYEN THI XUAN HUONG	*****946	3	DN10053344-DN10053346
CN DONG NAI	NGUYEN THI XUAN HUYNH	*****519	2	CT10017025-CT10017026
CN BINH DINH	NGUYEN THI XUAN LINH	*****877	1	CT10060365-CT10060365
CN BAC NINH	NGUYEN THI XUAN PHUONG	*****222	5	CT10071363-CT10071367
CN NHA TRANG	NGUYEN THI XUAN PHUONG	*****818	1	EB10001379-EB10001379
PGD CAM RANH	NGUYEN THI XUAN QUYNH	*****064	2	CT10037182-CT10037183
PGD KIM VAN	NGUYEN THI XUAN QUYNH	*****148	1	EB10000224-EB10000224
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI XUAN THU	*****124	1	CT10055520-CT10055520
CN NHA TRANG	NGUYEN THI XUAN THUY	*****693	3	DN10061757-DN10061759
CN BINH DUONG	NGUYEN THI XUAN TRANG	*****085	1	CT10003181-CT10003181

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI Y NHI	*****670	1	EB10001188-EB10001188
CN TAN BINH	NGUYEN THI YEN	*****273	1	EB10002271-EB10002271
PGD HAI TAN	NGUYEN THI YEN	*****745	1	EB10001726-EB10001726
CN HAI AN	NGUYEN THI YEN	*****763	6	CT10010649-CT10010654
CN VINH PHUC	NGUYEN THI YEN	*****003	1	EB10002004-EB10002004
PGD TIEN AN	NGUYEN THI YEN	*****224	10	CT10028427-CT10028436
PGD LIM	NGUYEN THI YEN	*****303	1	EB10002050-EB10002050
CN DAK LAK	NGUYEN THI YEN	*****362	5	DN10107719-DN10107723
PGD MY DINH	NGUYEN THI YEN	*****417	1	EB10000433-EB10000433
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN THI YEN	*****441	15	CT10056247-CT10056261
PGD TIEN AN	NGUYEN THI YEN	*****468	5	DN10087506-DN10087510
CN BAC NINH	NGUYEN THI YEN	*****557	3	CT10162038-CT10162040
CN BINH DUONG	NGUYEN THI YEN	*****685	206	DN10034004-DN10034208; EB10003037-EB10003037
CN DA NANG	NGUYEN THI YEN	*****717	1	CT10150451-CT10150451
CN HA DONG	NGUYEN THI YEN	*****818	20	CT10077112-CT10077131
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THI YEN NGOC	*****107	2	CT10073261-CT10073262
CN HAI AN	NGUYEN THI YEN NHUNG	*****990	5	DN10005658-DN10005662
HUB PAYROLL MN	NGUYEN THI YEN OANH	*****069	1	EB10001327-EB10001327
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THIEN	*****828	2	CT10091691-CT10091692
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THIEN DUC	*****443	1	CT10083334-CT10083334
CN DONG NAI	NGUYEN THIEN LONG	*****017	1	CT10149684-CT10149684
CN AN GIANG	NGUYEN THIEN PHUC	*****624	1	CT10095717-CT10095717
CN TAN BINH	NGUYEN THIEN TIN	*****200	1	CT10099793-CT10099793
CN TAN BINH	NGUYEN THIEN TU	*****558	5	CT10025415-CT10025419
PGD THANH CONG	NGUYEN THIEU	*****922	74	CT10064553-CT10064626
CN THANH HOA	NGUYEN THINH	*****455	50	DN10097264-DN10097313
CN NHA TRANG	NGUYEN THO	*****759	1	EB10001898-EB10001898
PGD LE THANH TONG	NGUYEN THO SANG	*****257	2	CT10137049-CT10137050
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THONG NHAT	*****885	1	CT10115952-CT10115952
CN DA NANG	NGUYEN THONG THAI HIEN	*****720	11	CT10086864-CT10086874

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BOTANIC	NGUYEN THU CUC	*****480	1	CT10065390-CT10065390
PGD XUAN LA	NGUYEN THU GIANG	*****035	19	CT10108200-CT10108218
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THU HA	*****337	2	CT10153616-CT10153617
CN BAC NINH	NGUYEN THU HA	*****557	1	EB10000480-EB10000480
PGD NGOC HOI	NGUYEN THU HA	*****004	12	CT10127162-CT10127173
PGD TUYEN SON	NGUYEN THU HA	*****416	8	CT10013441-CT10013448
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU HA	*****542	3	CT10051273-CT10051275
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THU HA	*****637	3	CT10074289-CT10074291
PGD KHAM THIEN	NGUYEN THU HA	*****737	1	EB10003236-EB10003236
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THU HA	*****737	2	CT10117771-CT10117772
CN VINH PHUC	NGUYEN THU HA LINH	*****537	1	EB10001310-EB10001310
PGD NGO GIA TU	NGUYEN THU HANG	*****190	2	CT10078748-CT10078749
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THU HANG	*****533	9	CT10045877-CT10045885
PGD VAN XUAN	NGUYEN THU HANG	*****869	7	CT10068583-CT10068589
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THU HANG	*****023	28	CT10031845-CT10031872
PGD TAY HO	NGUYEN THU HANG	*****109	14	CT10113308-CT10113321
PGD XUAN LA	NGUYEN THU HANG	*****398	5	CT10129509-CT10129513
CN DAI AN	NGUYEN THU HANG	*****465	21	CT10114543-CT10114563
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU HIEN	*****993	1	CT10122758-CT10122758
PGD TAY HO	NGUYEN THU HIEN	*****212	5	CT10011136-CT10011140
CN HAI AN	NGUYEN THU HIEN	*****536	5	CT10077960-CT10077964
CN DONG DA	NGUYEN THU HIEN	*****959	24	CT10113952-CT10113975
CN LONG BIEN	NGUYEN THU HIEP	*****801	1	CT10157138-CT10157138
CN QUANG NINH	NGUYEN THU HOA	*****581	4	CT10075417-CT10075420
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU HOA	*****363	1	CT10113156-CT10113156
CN HA DONG	NGUYEN THU HOAI	*****125	1	CT10090143-CT10090143
CN HA DONG	NGUYEN THU HOAI	*****727	15	CT10157884-CT10157898
CN HA DONG	NGUYEN THU HOAI	*****282	11	CT10067420-CT10067430
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THU HONG	*****238	24	CT10126300-CT10126313; TD10004741-TD10004750
CN THANH XUAN	NGUYEN THU HONG	*****897	16	CT10115705-CT10115720
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU HUONG	*****010	24	CT10041528-CT10041551
CN QUANG NINH	NGUYEN THU HUONG	*****058	5	CT10014720-CT10014724
CN LANG HA	NGUYEN THU HUONG	*****309	9	CT10103191-CT10103199

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	NGUYEN THU HUONG	*****364	6	CT10127776-CT10127781
CN BINH DUONG	NGUYEN THU HUONG	*****026	23	CT10045854-CT10045876
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU HUONG	*****098	1	CT10036821-CT10036821
CN THANH XUAN	NGUYEN THU HUONG	*****198	56	CT10125968-CT10126023
PGD DAO TAN	NGUYEN THU HUONG	*****316	1	CT10097733-CT10097733
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THU HUONG	*****812	6	CT10111744-CT10111749
CN LANG HA	NGUYEN THU HUONG	*****975	7	CT10075278-CT10075284
PGD LAN ONG	NGUYEN THU HUONG	*****996	15	CT10016272-CT10016286
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN THU HUYEN	*****000	3	CT10017106-CT10017108
SEABANK LE DUAN	NGUYEN THU HUYEN	*****119	1	CT10095078-CT10095078
CN BAC NINH	NGUYEN THU HUYEN	*****286	1	CT10120145-CT10120145
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THU NGA	*****422	19	CT10009947-CT10009965
CN HA NOI	NGUYEN THU NGOC	*****437	1	CT10059959-CT10059959
PGD SAI DONG	NGUYEN THU PHUONG	*****021	5	CT10085523-CT10085527
PGD XUAN LA	NGUYEN THU PHUONG	*****346	74	CT10010158-CT10010231
CN LANG HA	NGUYEN THU PHUONG	*****505	1	CT10003283-CT10003283
CN HA NOI	NGUYEN THU PHUONG	*****500	1	CT10137431-CT10137431
PGD DAO TAN	NGUYEN THU PHUONG	*****689	1	CT10046607-CT10046607
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN THU PHUONG	*****831	1	EB10000413-EB10000413
CN HAI DUONG	NGUYEN THU PHUONG ANH	*****162	5	CT10161697-CT10161701
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU QUYNH	*****173	25	CT10023512-CT10023536
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THU THAO	*****017	7	CT10062382-CT10062388
PGD PHU HUNG	NGUYEN THU THAO	*****865	3	CT10067669-CT10067671
PGD VINH HOANG	NGUYEN THU THUY	*****210	50	CT10128447-CT10128496
CN HA NOI	NGUYEN THU THUY	*****445	20	CT10035733-CT10035752
CN LANG HA	NGUYEN THU THUY	*****715	15	CT10103437-CT10103451
PGD THANG LONG	NGUYEN THU THUY	*****235	2	CT10149097-CT10149098
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU THUY	*****698	3	CT10073299-CT10073301
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU THUY	*****768	24	CT10158327-CT10158350
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THU TRANG	*****072	7	CT10068264-CT10068270

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN THU TRANG	*****138	9	CT10106345-CT10106353
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THU TRANG	*****233	2	CT10111775-CT10111776
PGD BINH TAN	NGUYEN THU TRANG	*****586	1	EB10000957-EB10000957
PGD THANG LONG	NGUYEN THU TRANG	*****670	1	EB10000484-EB10000484
CN HAI AN	NGUYEN THU TRANG	*****785	7	CT10102428-CT10102434
CN HA NOI	NGUYEN THU TRANG	*****507	12	CT10114333-CT10114344
PGD HO GUOM	NGUYEN THU TRANG	*****599	1	CT10149928-CT10149928
PGD THANH CONG	NGUYEN THU TRANG	*****682	55	CT10054120-CT10054174
HUB PAYROLL MB	NGUYEN THU TRANG	*****884	1	CT10001129-CT10001129
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN THU TRANG	*****906	1	CT10001194-CT10001194
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN THUAN ANH	*****082	2	CT10050716-CT10050717
PGD TRAN PHU	NGUYEN THUAN HAI	*****140	35	CT10024491-CT10024525
CN VUNG TAU	NGUYEN THUAN PHUOC	*****616	2	CT10104824-CT10104825
CN NGHE AN	NGUYEN THUC TOAN	*****249	1	CT10114049-CT10114049
CN DONG DA	NGUYEN THUONG HOANG HAI	*****609	10	TD10006616-TD10006625
CN DONG DA	NGUYEN THUONG HUYEN	*****065	2	CT10137319-CT10137320
CN DONG DA	NGUYEN THUONG HUYEN	*****901	10	CT10050266-CT10050275
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN THUONG LUU	*****830	5	TD10004826-TD10004830
CN NGHE AN	NGUYEN THUY AN	*****418	4	CT10003573-CT10003576
CN TAN BINH	NGUYEN THUY AN	*****811	20	CT10108901-CT10108920
PGD VAN XUAN	NGUYEN THUY AN	*****904	9	CT10035180-CT10035188
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THUY ANH	*****185	21	CT10034479-CT10034499
PGD HONG BANG	NGUYEN THUY ANH	*****878	1	EB10002273-EB10002273
PGD DAO TAN	NGUYEN THUY ANH	*****880	4	CT10013154-CT10013157
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN THUY CHI	*****107	1	CT10075544-CT10075544
CN SAI GON	NGUYEN THUY DIEM HANG	*****871	1	CT10069599-CT10069599
CN SAI GON	NGUYEN THUY DIEM PHUONG	*****506	19	CT10009423-CT10009441
CN CAU GIAY	NGUYEN THUY DUNG	*****036	24	CT10124573-CT10124596

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN THUY DUNG	*****048	12	CT10096986-CT10096997
PGD MY DINH	NGUYEN THUY DUNG	*****240	29	CT10049312-CT10049340
PGD VAN XUAN	NGUYEN THUY DUNG	*****924	1	EB10001550-EB10001550
PGD BA TRIEU	NGUYEN THUY DUONG	*****158	3	CT10139244-CT10139246
CN VUNG TAU	NGUYEN THUY DUONG	*****269	1	CT10049911-CT10049911
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THUY DUONG	*****560	1	EB10000840-EB10000840
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY DUONG	*****626	27	CT10046234-CT10046248; DN10094183-DN10094189; TD10002146-TD10002150
PGD VAN XUAN	NGUYEN THUY DUONG	*****626	1	EB10002813-EB10002813
CN THANH XUAN	NGUYEN THUY DUONG	*****754	4	CT10091591-CT10091594
CN HA NOI	NGUYEN THUY DUONG	*****121	2	CT10151103-CT10151104
CN HUE	NGUYEN THUY DUONG	*****851	1	CT10073073-CT10073073
CN HAI AN	NGUYEN THUY DUYEN	*****560	1	CT10074795-CT10074795
CN HAI PHONG	NGUYEN THUY GIANG	*****169	19	CT10016382-CT10016400
PGD LANG THUONG	NGUYEN THUY HA	*****165	5	TD10011281-TD10011285
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY HA	*****314	22	CT10148223-CT10148244
CN HA NOI	NGUYEN THUY HAI	*****371	1	EB10003350-EB10003350
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THUY HANG	*****153	26	CT10069985-CT10070000; TD10006881-TD10006890
CN LONG BIEN	NGUYEN THUY HANG	*****261	3	CT10119167-CT10119169
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THUY HANG	*****327	47	CT10117089-CT10117135
CN HA DONG	NGUYEN THUY HANG	*****610	3	CT10148181-CT10148183
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THUY HANG	*****576	13	CT10153884-CT10153896
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN THUY HANG	*****686	1	CT10026409-CT10026409
CN SAI GON	NGUYEN THUY HANH	*****491	1	EB10003248-EB10003248

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN THUY HAU	*****666	8	CT10076677-CT10076684
CN SO GIAO DICH	NGUYEN THUY HIEN	*****410	15	CT10028071-CT10028085
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THUY HIEN	*****963	8	CT10022790-CT10022797
CN DONG DA	NGUYEN THUY HIEN	*****010	28	CT10129480-CT10129507
PGD DOI CAN	NGUYEN THUY HOA	*****006	14	CT10100263-CT10100276
PGD HUNG VUONG	NGUYEN THUY LAM	*****745	6	CT10046725-CT10046730
CN TAN PHU	NGUYEN THUY LIEM	*****396	14	CT10135159-CT10135167; TD10006131-TD10006135
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THUY LIEN	*****021	17	DN10069253-DN10069269
PGD TRAN PHU	NGUYEN THUY LINH	*****050	41	DN10033744-DN10033783; EB10003007-EB10003007
CN DAI AN	NGUYEN THUY LINH	*****250	1	CT10048015-CT10048015
PGD LE THAI TO	NGUYEN THUY LINH	*****359	24	CT10078663-CT10078686
PGD BA TRIEU	NGUYEN THUY LINH	*****592	5	CT10031960-CT10031964
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY LINH	*****632	24	CT10156298-CT10156321
CN HA DONG	NGUYEN THUY LINH	*****722	54	CT10070496-CT10070549
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THUY LINH	*****732	1	CT10070674-CT10070674
CN HA DONG	NGUYEN THUY LINH	*****053	37	CT10106652-CT10106688
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THUY LINH	*****089	8	CT10045139-CT10045146
CN THANH XUAN	NGUYEN THUY LINH	*****138	1	CT10161156-CT10161156
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN THUY LINH	*****167	1	CT10099019-CT10099019
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY LINH	*****200	12	CT10117500-CT10117511
CN LONG BIEN	NGUYEN THUY LINH	*****317	50	CT10108396-CT10108445
CN BAC NINH	NGUYEN THUY LINH	*****651	1	CT10075006-CT10075006
CN DONG DA	NGUYEN THUY LINH	*****766	10	CT10004993-CT10005002
CN THAI NGUYEN	NGUYEN THUY LINH	*****900	5	TD10001851-TD10001855
CN DAI AN	NGUYEN THUY LINH	*****903	36	CT10016553-CT10016588
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THUY LOAN	*****490	1	CT10154343-CT10154343
CN PHU MY HUNG	NGUYEN THUY LOAN	*****555	1	EB10003026-EB10003026
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN THUY MINH Y	*****718	5	TD10007146-TD10007150

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	NGUYEN THUY MY YEN	*****750	53	CT10046200-CT10046205; DN10094352-DN10094392; EB10000915-EB10000915; TD10002151-TD10002155
PGD TON DAN	NGUYEN THUY NGA	*****307	1	EB10000898-EB10000898
PGD NUI THANH	NGUYEN THUY NGA	*****222	10	CT10118238-CT10118247
PGD THU DAU 1	NGUYEN THUY NGA	*****295	1	EB10003101-EB10003101
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY NGA	*****626	14	CT10100289-CT10100302
CN SAI GON	NGUYEN THUY NGOC ANH	*****219	20	CT10165288-CT10165307
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THUY NGUYEN	*****790	24	CT10058839-CT10058862
CN LANG HA	NGUYEN THUY PHUONG	*****882	1	CT10025890-CT10025890
CN BAC NINH	NGUYEN THUY PHUONG	*****926	16	CT10136148-CT10136163
PGD HUNG VUONG	NGUYEN THUY PHUONG THANH	*****329	6	CT10071916-CT10071921
CN DAI AN	NGUYEN THUY QUYNH	*****593	13	CT10024387-CT10024399
PGD LIM	NGUYEN THUY TINH	*****280	5	TD10001746-TD10001750
CN SAI GON	NGUYEN THUY TRAM	*****688	1	CT10102807-CT10102807
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN THUY TRANG	*****240	25	CT10086611-CT10086635
CN LANG HA	NGUYEN THUY TRANG	*****079	1	CT10079766-CT10079766
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN THUY TRANG	*****319	4	CT10159853-CT10159856
CN BINH DINH	NGUYEN THUY TRANG	*****871	21	DN10085995-DN10086014; EB10002114-EB10002114
CN HA NOI	NGUYEN THUY TRUC	*****111	17	CT10151589-CT10151605
CN THANH XUAN	NGUYEN THY XUAN	*****802	1	EB10002336-EB10002336
PGD MY DINH	NGUYEN THY XUAN	*****802	2	CT10067998-CT10067999
PGD DAI TU	NGUYEN TIEN ANH	*****194	24	CT10151772-CT10151795
PGD QUAN 1	NGUYEN TIEN BACH	*****635	2	CT10095342-CT10095343
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN BANG	*****570	24	CT10058489-CT10058512
CN HA DONG	NGUYEN TIEN CHIEN	*****983	125	CT10027086-CT10027210
CN HA DONG	NGUYEN TIEN DAT	*****645	9	CT10113110-CT10113118
CN DAI AN	NGUYEN TIEN DAT	*****887	5	TD10001556-TD10001560
CN HA DONG	NGUYEN TIEN DAT	*****972	1	EB10001273-EB10001273

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TIEN DAT	*****233	3	CT10080013-CT10080015
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TIEN DAT	*****630	1	CT10132797-CT10132797
CN BAC NINH	NGUYEN TIEN DAT	*****678	1	CT10040190-CT10040190
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN TIEN DAT	*****700	16	CT10011178-CT10011193
PGD TU SON	NGUYEN TIEN DOAN	*****563	31	DN10093224-DN10093243; EB10002421-EB10002421; TD10005051-TD10005060
CN DAI AN	NGUYEN TIEN DONG	*****813	3	CT10157774-CT10157776
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TIEN DUC	*****297	3	CT10103419-CT10103421
PGD LE THAI TO	NGUYEN TIEN DUNG	*****033	1	CT10151904-CT10151904
PGD XUAN LA	NGUYEN TIEN DUNG	*****196	15	CT10157752-CT10157766
CN HAI PHONG	NGUYEN TIEN DUNG	*****401	3	CT10148407-CT10148409
CN DONG DA	NGUYEN TIEN DUNG	*****429	50	CT10089760-CT10089809
CN DAI AN	NGUYEN TIEN DUNG	*****466	1	EB10001421-EB10001421
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN DUNG	*****466	21	CT10155979-CT10155999
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN TIEN DUNG	*****541	118	CT10005327-CT10005339; DN10019861-DN10019960; TD10006661-TD10006665
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN DUNG	*****752	17	CT10026171-CT10026187
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TIEN DUNG	*****807	1	CT10158532-CT10158532
PGD TAY HO	NGUYEN TIEN DUNG	*****898	14	CT10015937-CT10015950
CN HAI PHONG	NGUYEN TIEN DUNG	*****012	14	CT10044502-CT10044515
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN TIEN DUNG	*****085	1	CT10034014-CT10034014
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN TIEN DUNG	*****150	9	DN10021815-DN10021822; EB10000488-EB10000488
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN TIEN DUNG	*****237	35	DN10074609-DN10074638; TD10002066-TD10002070
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TIEN DUNG	*****457	12	CT10077244-CT10077255
PGD GIA LOC	NGUYEN TIEN DUNG	*****710	20	DN10052611-DN10052630
CN THANH XUAN	NGUYEN TIEN DUNG	*****502	3	CT10012849-CT10012851
PGD SOC SON	NGUYEN TIEN DUY	*****015	7	DN10077454-DN10077460
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN DUY	*****248	1	EB10001161-EB10001161
CN HA DONG	NGUYEN TIEN GIAP	*****979	1	EB10001792-EB10001792
CN DONG NAI	NGUYEN TIEN HAI	*****639	5	CT10139204-CT10139208
CN LANG HA	NGUYEN TIEN HAN	*****006	4	CT10158905-CT10158908
CN HA TINH	NGUYEN TIEN HANH	*****314	2	CT10085684-CT10085685

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY DINH	NGUYEN TIEN HAO	*****571	22	CT10127475-CT10127496
CN DAI AN	NGUYEN TIEN HAO	*****433	82	CT10124485-CT10124566
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TIEN HAU	*****585	18	CT10141694-CT10141711
PGD TAY HO	NGUYEN TIEN HIEP	*****548	1	EB10002900-EB10002900
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN TIEN HIEU	*****723	1	EB10001413-EB10001413
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN HOANG	*****086	15	CT10079490-CT10079504
CN THAI NGUYEN	NGUYEN TIEN HOANG	*****873	1	EB10000044-EB10000044
PGD KHAM THIEN	NGUYEN TIEN HONG	*****598	2	CT10044822-CT10044823
CN DONG DA	NGUYEN TIEN HONG	*****654	3	CT10008998-CT10009000
CN LONG BIEN	NGUYEN TIEN HOP	*****293	10	CT10067830-CT10067839
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN TIEN HUNG	*****085	24	CT10149996-CT10150019
PGD GIA LAM	NGUYEN TIEN HUY	*****186	1	CT10024811-CT10024811
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TIEN KHANH	*****021	6	CT10159204-CT10159209
PGD MY CA	NGUYEN TIEN KHANH	*****811	1	EB10001451-EB10001451
PGD HAI TAN	NGUYEN TIEN KIEN	*****775	11	CT10041644-CT10041654
PGD HAM NGHI	NGUYEN TIEN LAN	*****362	1	EB10001047-EB10001047
CN DA NANG	NGUYEN TIEN LANG	*****008	7	CT10159441-CT10159447
CN HAI PHONG	NGUYEN TIEN LOI	*****173	7	CT10107189-CT10107195
CN DONG DA	NGUYEN TIEN LONG	*****200	41	CT10092225-CT10092265
PGD TAY HO	NGUYEN TIEN LONG	*****725	20	CT10001978-CT10001997
CN BAC NINH	NGUYEN TIEN LUAN	*****803	1	EB10003239-EB10003239
CN NHA TRANG	NGUYEN TIEN LUU	*****276	3	CT10144467-CT10144469
CN TAN PHU	NGUYEN TIEN LUY	*****977	1	CT10018229-CT10018229
CN DAI AN	NGUYEN TIEN MANH	*****469	6	CT10144827-CT10144832
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TIEN MANH	*****859	2	CT10034616-CT10034617
CN DAI AN	NGUYEN TIEN MANH	*****859	2	CT10008886-CT10008887
CN HA DONG	NGUYEN TIEN MINH	*****391	1	CT10114011-CT10114011
PGD KIM VAN	NGUYEN TIEN NAM	*****507	19	CT10116782-CT10116800
CN THANH XUAN	NGUYEN TIEN NAM	*****461	3	CT10058555-CT10058557
CN DONG DA	NGUYEN TIEN PHU	*****073	25	CT10012061-CT10012085
CN DONG NAI	NGUYEN TIEN QUANG	*****596	18	CT10121759-CT10121776
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN TIEN QUY	*****180	15	CT10157197-CT10157211
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TIEN QUYNH	*****811	40	CT10112112-CT10112151
CN HA DONG	NGUYEN TIEN SI	*****933	12	CT10165377-CT10165388

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH SEN	NGUYEN TIEN SON	*****430	51	DN10082112-DN10082161; EB10001986-EB10001986
PGD LAN ONG	NGUYEN TIEN SY	*****406	12	CT10044477-CT10044488
PGD XUAN KHANH	NGUYEN TIEN TAI	*****164	1	EB10000022-EB10000022
CN CAU GIAY	NGUYEN TIEN THANG	*****633	99	CT10105425-CT10105523
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN TIEN THANG	*****680	8	CT10163348-CT10163355
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TIEN THANG	*****970	7	CT10120512-CT10120518
CN LONG BIEN	NGUYEN TIEN THANH	*****090	6	CT10155458-CT10155463
PGD VAN QUAN	NGUYEN TIEN THANH	*****881	1	EB10001878-EB10001878
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TIEN THANH	*****958	25	CT10097624-CT10097648
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TIEN THANH	*****856	6	CT10033253-CT10033258
PGD HA LONG	NGUYEN TIEN THO	*****195	1	CT10017711-CT10017711
CN DA NANG	NGUYEN TIEN THO	*****197	2	CT10123263-CT10123264
PGD SOC SON	NGUYEN TIEN THONG	*****561	1	CT10148494-CT10148494
CN DONG NAI	NGUYEN TIEN TOAN	*****740	1	CT10054647-CT10054647
PGD VAN QUAN	NGUYEN TIEN TUAN	*****053	8	CT10046897-CT10046904
CN HAI DUONG	NGUYEN TIEN TUNG	*****427	45	CT10155250-CT10155294
PGD YEN PHU	NGUYEN TIEN VIET	*****627	6	CT10078448-CT10078453
CN HAI AN	NGUYEN TIEN VIET	*****676	2	CT10154714-CT10154715
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN TIEN VUNG	*****676	15	CT10142378-CT10142392
CN BAC NINH	NGUYEN TIEN VUONG	*****013	1	CT10034574-CT10034574
PGD THU DUC	NGUYEN TO LAN THUONG	*****306	5	TD10005111-TD10005115
CN LANG HA	NGUYEN TO LINH	*****599	8	CT10045305-CT10045312
CN DAI AN	NGUYEN TO NINH	*****066	11	CT10102287-CT10102297
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TOAN THANG	*****153	3	CT10006466-CT10006468
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TOAN THANG	*****241	9	CT10061346-CT10061354
PGD TAY HO	NGUYEN TOAN THANG	*****370	16	DN10099021-DN10099036
CN DA NANG	NGUYEN TOAN THANG	*****562	11	CT10156865-CT10156870; TD10003846-TD10003850
CN LONG BIEN	NGUYEN TONG GIANG	*****156	8	CT10048367-CT10048374
CN DONG DA	NGUYEN TRA MY	*****130	2	CT10134759-CT10134760
PGD THAI THINH	NGUYEN TRA MY	*****505	11	CT10083714-CT10083714; TD10008801-TD10008810
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TRA MY	*****949	1	EB10001124-EB10001124

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	NGUYEN TRAC BA	*****327	41	CT10097216-CT10097256
PGD KIM VAN	NGUYEN TRAC LUC	*****785	20	CT10160922-CT10160936; TD10005206-TD10005210
CN TAN BINH	NGUYEN TRAM HAI LY	*****169	1	CT10155410-CT10155410
CN DONG NAI	NGUYEN TRAM HUONG NHU	*****636	1	CT10013969-CT10013969
CN TAN BINH	NGUYEN TRAN BICH PHUONG	*****546	4	CT10156914-CT10156917
SEABANK LE DUAN	NGUYEN TRAN DA THAO	*****681	7	CT10155674-CT10155680
CN SAI GON	NGUYEN TRAN DUC TRONG	*****039	1	EB10002558-EB10002558
CN BINH DUONG	NGUYEN TRAN HOAI NAM	*****092	2	CT10129730-CT10129731
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRAN HOANG ANH	*****005	13	CT10160309-CT10160321
PGD MY CA	NGUYEN TRAN HOANG HAO	*****206	1	CT10003489-CT10003489
CN CAN THO	NGUYEN TRAN HONG PHUONG	*****319	4	CT10101724-CT10101727
CN HA TINH	NGUYEN TRAN HONG THAM	*****267	7	CT10029776-CT10029782
CN NHA TRANG	NGUYEN TRAN HUONG LOAN	*****486	1	CT10154138-CT10154138
CN QUANG NGAI	NGUYEN TRAN KHANH LINH	*****347	4	CT10064509-CT10064512
CN THANH XUAN	NGUYEN TRAN KHOA	*****007	20	CT10091954-CT10091973
CN DAI AN	NGUYEN TRAN LE	*****965	10	CT10127526-CT10127535
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN TRAN LOC	*****029	10	CT10010572-CT10010581
CN CAN THO	NGUYEN TRAN MANH CUONG	*****138	1	CT10029076-CT10029076
PGD THANH CONG	NGUYEN TRAN MINH	*****074	93	CT10142274-CT10142366
PGD XUAN KHANH	NGUYEN TRAN NGOC PHUONG	*****315	4	CT10124481-CT10124484
CN BINH DINH	NGUYEN TRAN NGOC TRAM	*****241	3	DN10066082-DN10066084
CN DAI AN	NGUYEN TRAN PHUONG	*****243	2	CT10160591-CT10160592

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN BINH	NGUYEN TRAN PHUONG	*****455	2	CT10158781-CT10158782
CN DA NANG	NGUYEN TRAN THI TO UYEN	*****116	1	CT10150725-CT10150725
PGD HA LONG	NGUYEN TRAN THU HUE	*****700	1	EB10000166-EB10000166
CN DAI AN	NGUYEN TRAN TUAN VU	*****916	2	CT10147189-CT10147190
CN TAN BINH	NGUYEN TRANG NHUNG	*****625	10	CT10046144-CT10046148; TD10002211-TD10002215
PGD YEN PHU	NGUYEN TRANG SANH	*****812	4	CT10125336-CT10125339
CN HAI PHONG	NGUYEN TRI COONG	*****928	12	CT10074660-CT10074671
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRI DUNG	*****842	25	CT10013067-CT10013091
CN VUNG TAU	NGUYEN TRI HAI	*****469	2	CT10088900-CT10088901
CN THANH XUAN	NGUYEN TRI HIEU	*****319	17	CT10114579-CT10114595
CN HAI AN	NGUYEN TRI HIEU	*****504	9	CT10096289-CT10096297
PGD KIM VAN	NGUYEN TRI THANH	*****704	85	CT10107825-CT10107909
CN TIEN GIANG	NGUYEN TRIET LINH	*****698	27	CT10114013-CT10114039
CN DA NANG	NGUYEN TRIEU HIEU TRUNG	*****428	1	CT10118739-CT10118739
CN HAI PHONG	NGUYEN TRINH HUAN	*****926	9	CT10003226-CT10003234
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN TRINH LUONG	*****132	25	CT10002695-CT10002719
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN TRINH VIET ANH	*****438	42	CT10159606-CT10159647
CN LONG BIEN	NGUYEN TRONG ANH	*****314	2	CT10049625-CT10049626
CN HAI AN	NGUYEN TRONG BACH	*****078	9	CT10154458-CT10154466
PGD HA LONG	NGUYEN TRONG BANG	*****521	7	DN10004083-DN10004089
CN THAI NGUYEN	NGUYEN TRONG CHINH	*****701	7	CT10143887-CT10143893
CN HA TINH	NGUYEN TRONG CHUNG	*****106	4	CT10134499-CT10134502
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TRONG CUONG	*****504	6	CT10049158-CT10049163
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TRONG DAI	*****017	15	CT10069082-CT10069096
CN DONG NAI	NGUYEN TRONG DAN	*****345	1	CT10037988-CT10037988
CN TIEN GIANG	NGUYEN TRONG DANG KHOA	*****734	1	CT10151635-CT10151635
CN SAI GON	NGUYEN TRONG DANH	*****407	2	CT10104099-CT10104100

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN KIEN GIANG	NGUYEN TRONG DIEN	*****595	21	CT10039724-CT10039744
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRONG DONG	*****075	15	CT10075358-CT10075372
CN VINH PHUC	NGUYEN TRONG DUONG	*****748	1	EB10002723-EB10002723
CN CAU GIAY	NGUYEN TRONG HA	*****564	31	CT10018098-CT10018128
CN BAC NINH	NGUYEN TRONG HAI	*****051	100	DN10051050-DN10051149
CN DAI AN	NGUYEN TRONG HAI HOANG	*****162	4	CT10061954-CT10061957
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRONG HIEN	*****963	5	TD10000666-TD10000670
CN DONG DA	NGUYEN TRONG HIEP	*****669	15	CT10076201-CT10076215
PGD QUAN THANH	NGUYEN TRONG HIEU	*****446	12	CT10133302-CT10133313
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRONG HIEU	*****660	6	CT10020892-CT10020897
CN THAI NGUYEN	NGUYEN TRONG HIEU	*****064	2	CT10057892-CT10057893
CN DAI AN	NGUYEN TRONG HIEU	*****835	3	CT10146606-CT10146608
CN HAI DUONG	NGUYEN TRONG HOAI	*****214	1	CT10102149-CT10102149
PGD LENIN	NGUYEN TRONG HOANG	*****350	18	CT10053974-CT10053991
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN TRONG HOANG	*****955	44	DN10008345-DN10008388
CN NHA TRANG	NGUYEN TRONG HOI	*****360	1	EB10000909-EB10000909
PGD LE CHAN	NGUYEN TRONG HUE	*****237	1	CT10113640-CT10113640
CN DONG DA	NGUYEN TRONG HUNG	*****597	15	CT10159211-CT10159225
PGD DIEN KHANH	NGUYEN TRONG HUY	*****068	3	CT10159335-CT10159337
CN LONG BIEN	NGUYEN TRONG KHA	*****033	39	CT10079093-CT10079131
HUB THE CHAP MN	NGUYEN TRONG KHAI	*****500	60	DN10060148-DN10060207
PGD KHAM THIEN	NGUYEN TRONG KHANG	*****515	20	CT10117616-CT10117635
PGD KIM VAN	NGUYEN TRONG KHANH	*****292	1	EB10002067-EB10002067
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRONG KHOI	*****006	8	CT10015376-CT10015383
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN TRONG KIEN	*****583	5	TD10003226-TD10003230
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN TRONG LAN	*****337	20	CT10006340-CT10006359

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LIM	NGUYEN TRONG LIEU	*****341	15	DN10063799-DN10063808; TD10000926-TD10000930
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRONG LINH	*****537	8	CT10085240-CT10085247
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN TRONG LINH	*****848	1	CT10129900-CT10129900
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN TRONG LUNG	*****454	2	CT10059856-CT10059857
CN BAC NINH	NGUYEN TRONG LUYEN	*****216	2	CT10090664-CT10090665
CN CAU GIAY	NGUYEN TRONG MANH	*****433	1	CT10122101-CT10122101
CN HAI PHONG	NGUYEN TRONG NAM	*****750	10	CT10095345-CT10095354
CN CAU GIAY	NGUYEN TRONG NGHIA	*****178	1	EB10000910-EB10000910
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TRONG NGHIA	*****469	9	DN10000814-DN10000822
CN HAI AN	NGUYEN TRONG NGOC	*****374	1	CT10067996-CT10067996
CN NHA TRANG	NGUYEN TRONG NHAN	*****367	1	EB10003140-EB10003140
CN TIEN GIANG	NGUYEN TRONG NHAN	*****778	2	DN10099690-DN10099691
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRONG NHAN	*****917	5	CT10134206-CT10134210
CN BINH DUONG	NGUYEN TRONG NHON	*****968	9	CT10047484-CT10047492
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN TRONG PHONG	*****416	32	DN10020998-DN10021029
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRONG PHU	*****919	5	CT10158563-CT10158567
CN HA NOI	NGUYEN TRONG PHU	*****173	1	CT10122400-CT10122400
CN NHA TRANG	NGUYEN TRONG PHU	*****454	1	EB10001282-EB10001282
PGD PHU LAM	NGUYEN TRONG PHUC	*****483	4	CT10126449-CT10126452
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRONG PHUC	*****076	24	CT10140171-CT10140194
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TRONG SON	*****800	2	CT10022316-CT10022317
CN HA DONG	NGUYEN TRONG SON	*****419	1	CT10148500-CT10148500
PGD TAY HO	NGUYEN TRONG TAM	*****008	1	CT10061883-CT10061883
CN BAC NINH	NGUYEN TRONG TAN	*****024	120	DN10080876-DN10080985; TD10003596-TD10003605

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD GIA LOC	NGUYEN TRONG THANG	*****326	7	CT10074851-CT10074857
CN DONG DA	NGUYEN TRONG THANG	*****001	10	CT10030345-CT10030354
CN DONG DA	NGUYEN TRONG THANH	*****700	5	CT10018822-CT10018826
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRONG THIEN	*****124	24	CT10061958-CT10061981
PGD BACH DANG	NGUYEN TRONG THOAI	*****612	3	CT10149681-CT10149683
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TRONG THONG	*****066	6	CT10112054-CT10112059
CN HAI DUONG	NGUYEN TRONG THUONG	*****107	9	CT10048745-CT10048753
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TRONG THUY	*****476	50	CT10005888-CT10005937
CN DAK LAK	NGUYEN TRONG TINH	*****895	1	CT10039173-CT10039173
CN HAI DUONG	NGUYEN TRONG TOAN	*****506	2	CT10140928-CT10140929
PGD VAN QUAN	NGUYEN TRONG TRUONG	*****026	6	CT10080692-CT10080697
CN HAI AN	NGUYEN TRONG TU	*****420	1	CT10095609-CT10095609
PGD NGUYEN TRAI	NGUYEN TRONG TUAN	*****591	1	CT10051853-CT10051853
CN LONG BIEN	NGUYEN TRONG VIET	*****063	5	CT10034784-CT10034788
CN HAI PHONG	NGUYEN TRONG VINH	*****500	3	CT10106604-CT10106606
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRONG VU	*****017	41	CT10102935-CT10102975
CN THANH XUAN	NGUYEN TRONG XUYEN	*****453	2	CT10122398-CT10122399
CN CA MAU	NGUYEN TRUC LINH	*****980	1	EB10000695-EB10000695
CN NHA TRANG	NGUYEN TRUC LY	*****662	3	DN10018931-DN10018933
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TRUC MINH	*****692	68	CT10112171-CT10112238
PGD QUAN THANH	NGUYEN TRUNG ANH	*****052	2	CT10086877-CT10086878
PGD BA TRIEU	NGUYEN TRUNG BAC	*****686	2	CT10154435-CT10154436
CN NGHE AN	NGUYEN TRUNG BAC	*****692	3	CT10084364-CT10084366
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TRUNG CUONG	*****488	8	CT10120796-CT10120803
PGD KIM LIEN	NGUYEN TRUNG DINH	*****339	14	CT10035133-CT10035146
CN DAI AN	NGUYEN TRUNG DU	*****832	74	CT10088225-CT10088298
PGD TRAN PHU	NGUYEN TRUNG DUC	*****204	1	EB10003228-EB10003228

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LANG THUONG	NGUYEN TRUNG DUC	*****626	5	CT10122811-CT10122815
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TRUNG DUC	*****897	76	CT10163992-CT10164067
CN VINH PHUC	NGUYEN TRUNG DUC	*****603	1	EB10003011-EB10003011
CN HA DONG	NGUYEN TRUNG DUC	*****818	5	CT10021691-CT10021695
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TRUNG DUNG	*****035	1	EB10000556-EB10000556
PGD LAN ONG	NGUYEN TRUNG DUNG	*****176	1	CT10156948-CT10156948
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRUNG DUNG	*****360	7	CT10157800-CT10157806
PGD THANH CONG	NGUYEN TRUNG DUNG	*****441	57	CT10148327-CT10148383
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN TRUNG DUNG	*****849	1	EB10003323-EB10003323
PGD VAN XUAN	NGUYEN TRUNG HIEU	*****104	19	CT10085574-CT10085592
CN HA NOI	NGUYEN TRUNG HIEU	*****185	1	EB10002712-EB10002712
PGD VAN QUAN	NGUYEN TRUNG HIEU	*****299	11	CT10065712-CT10065722
CN DAI AN	NGUYEN TRUNG HIEU	*****756	5	TD10003961-TD10003965
CN THANH XUAN	NGUYEN TRUNG HIEU	*****765	50	CT10022413-CT10022462
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRUNG HIEU	*****780	25	CT10046209-CT10046233
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRUNG HIEU	*****136	1	CT10101400-CT10101400
PGD NGOC HOI	NGUYEN TRUNG HIEU	*****156	1	CT10065880-CT10065880
PGD LE VAN SY	NGUYEN TRUNG HIEU	*****165	64	CT10131498-CT10131561
CN DONG DA	NGUYEN TRUNG HIEU	*****357	1	CT10121817-CT10121817
PGD THANG LONG	NGUYEN TRUNG HIEU	*****737	1	EB10000435-EB10000435
CN DAI AN	NGUYEN TRUNG HOANG	*****125	11	CT10002004-CT10002014
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRUNG HOANG	*****082	24	CT10099512-CT10099535
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TRUNG HUE	*****291	20	CT10134540-CT10134559
PGD VAN XUAN	NGUYEN TRUNG HUNG	*****684	14	CT10026512-CT10026525
CN LANG HA	NGUYEN TRUNG KIEN	*****034	1	CT10013759-CT10013759
PGD VAN XUAN	NGUYEN TRUNG KIEN	*****037	14	CT10084278-CT10084286; TD10008866-TD10008870
PGD TAY HO	NGUYEN TRUNG KIEN	*****091	11	CT10078725-CT10078735
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TRUNG KIEN	*****211	3	CT10093277-CT10093279
CN HA NOI	NGUYEN TRUNG KIEN	*****398	9	CT10101673-CT10101681
CN DAI AN	NGUYEN TRUNG KIEN	*****410	15	CT10096372-CT10096386
CN HUE	NGUYEN TRUNG KIEN	*****571	2	CT10044356-CT10044357

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO DAC DI	NGUYEN TRUNG KIEN	*****729	25	CT10040095-CT10040119
PGD LAN ONG	NGUYEN TRUNG KIEN	*****982	21	CT10052534-CT10052554
CN THAI NGUYEN	NGUYEN TRUNG KIEN	*****106	50	DN10088179-DN10088228
CN DAI AN	NGUYEN TRUNG KIEN	*****661	1	CT10085386-CT10085386
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TRUNG KIEN	*****858	1	EB10002654-EB10002654
PGD DAI KIM	NGUYEN TRUNG KIEN	*****919	3	CT10054692-CT10054694
PGD MY DINH	NGUYEN TRUNG MEN	*****930	5	TD10010831-TD10010835
PGD VAN XUAN	NGUYEN TRUNG NGHIA	*****085	1	CT10004825-CT10004825
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN TRUNG PHONG	*****033	8	CT10142464-CT10142471
PGD LANG THUONG	NGUYEN TRUNG QUAN	*****124	3	CT10060615-CT10060617
PGD TIEN AN	NGUYEN TRUNG QUANG	*****113	87	CT10008602-CT10008613; DN10105442-DN10105505; EB10002479-EB10002479; TD10007521-TD10007530
CN TAN BINH	NGUYEN TRUNG SON	*****978	2	CT10066953-CT10066954
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN TRUNG THANG	*****837	1	EB10001370-EB10001370
PGD BACH MAI	NGUYEN TRUNG THANH	*****000	1	EB10001808-EB10001808
CN HUE	NGUYEN TRUNG THANH	*****107	3	CT10151988-CT10151990
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRUNG THANH	*****506	23	CT10064224-CT10064246
PGD KIM VAN	NGUYEN TRUNG THANH	*****774	1	EB10001396-EB10001396
CN TAN BINH	NGUYEN TRUNG THE LU	*****044	10	CT10147653-CT10147657; TD10001106-TD10001110
CN QUANG NINH	NGUYEN TRUNG TOAN	*****654	1	CT10106922-CT10106922
CN LANG HA	NGUYEN TRUNG TRUC	*****980	44	CT10099423-CT10099466
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN TRUNG TUYEN	*****654	93	DN10098493-DN10098585
PGD LIM	NGUYEN TRUONG ANH	*****040	1	EB10001184-EB10001184
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN TRUONG BAO THU	*****004	1	CT10118949-CT10118949

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	NGUYEN TRUONG CHINH	*****807	1	CT10112328-CT10112328
CN TAN PHU	NGUYEN TRUONG CONG THANH	*****186	1	EB10001071-EB10001071
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN TRUONG GIANG	*****102	12	CT10104566-CT10104577
CN HA NOI	NGUYEN TRUONG GIANG	*****124	7	CT10093120-CT10093126
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRUONG GIANG	*****166	25	CT10166749-CT10166773
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRUONG GIANG	*****024	2	CT10113028-CT10113029
CN AN GIANG	NGUYEN TRUONG GIANG	*****119	70	DN10070198-DN10070267
CN CA MAU	NGUYEN TRUONG GIANG	*****139	2	CT10005833-CT10005834
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN TRUONG GIANG	*****145	2	CT10066694-CT10066695
PGD HUNG VUONG	NGUYEN TRUONG GIANG	*****148	10	CT10062441-CT10062450
CN KIEN GIANG	NGUYEN TRUONG GIANG	*****469	3	CT10038106-CT10038108
CN BAC NINH	NGUYEN TRUONG GIANG	*****550	7	CT10110140-CT10110146
CN DA NANG	NGUYEN TRUONG KHA	*****297	11	CT10144510-CT10144520
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TRUONG KHANH TRAN	*****567	13	CT10117805-CT10117817
PGD VAN QUAN	NGUYEN TRUONG KIEN	*****927	9	CT10085111-CT10085119
PGD THANH CONG	NGUYEN TRUONG LONG	*****205	57	CT10115804-CT10115860
PGD NGO GIA TU	NGUYEN TRUONG MANH	*****010	10	CT10141097-CT10141101; TD10009991-TD10009995
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRUONG MINH	*****634	21	CT10138984-CT10139004
PGD QUAN 11	NGUYEN TRUONG MINH	*****747	1	EB10001934-EB10001934
PGD SAI DONG	NGUYEN TRUONG NAM	*****196	1	CT10045803-CT10045803

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	NGUYEN TRUONG NGUYET SUONG	*****630	1	CT10085513-CT10085513
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN TRUONG SINH	*****883	4	CT10056091-CT10056094
CN TAN THANH	NGUYEN TRUONG SINH	*****161	8	CT10071005-CT10071012
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRUONG SON	*****116	25	CT10157617-CT10157641
PGD QUAN THANH	NGUYEN TRUONG SON	*****705	10	TD10006711-TD10006720
PGD HANG KENH	NGUYEN TRUONG SON	*****816	1	CT10096150-CT10096150
PGD QUAN 11	NGUYEN TRUONG SON	*****249	1	EB10001196-EB10001196
CN NHA TRANG	NGUYEN TRUONG SON	*****414	1	CT10129477-CT10129477
PGD TIEN AN	NGUYEN TRUONG SON	*****942	4	CT10112933-CT10112936
CN THANH XUAN	NGUYEN TRUONG THANH	*****688	12	CT10158783-CT10158794
PGD SOC SON	NGUYEN TRUONG THI	*****065	2	CT10000922-CT10000923
CN SAI GON	NGUYEN TRUONG THO	*****837	14	CT10037229-CT10037242
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TRUONG THO	*****071	12	CT10140396-CT10140407
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TRUONG THO	*****342	24	CT10129094-CT10129117
CN QUANG NGAI	NGUYEN TRUONG THUONG	*****473	3	CT10119163-CT10119165
CN NHA TRANG	NGUYEN TRUONG VINH	*****800	1	EB10001502-EB10001502
PGD NGOC LAM	NGUYEN TU ANH	*****636	1	EB10003335-EB10003335
CN DAI AN	NGUYEN TU CHIEN	*****131	4	CT10051946-CT10051949
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN TU LUONG	*****239	1	CT10054504-CT10054504
CN HA DONG	NGUYEN TU LY	*****327	1	EB10000645-EB10000645
CN BAC NINH	NGUYEN TU OANH	*****992	1	EB10001682-EB10001682
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TUAN	*****072	4	CT10096982-CT10096985
CN CAU GIAY	NGUYEN TUAN ANH	*****065	5	CT10097988-CT10097992
CN CAU GIAY	NGUYEN TUAN ANH	*****068	4	CT10017705-CT10017708
PGD HO DAC DI	NGUYEN TUAN ANH	*****153	1	CT10027766-CT10027766
PGD DAI KIM	NGUYEN TUAN ANH	*****177	34	CT10139578-CT10139611
CN NHA TRANG	NGUYEN TUAN ANH	*****244	1	EB10003338-EB10003338
CN HAI AN	NGUYEN TUAN ANH	*****255	5	TD10005931-TD10005935
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TUAN ANH	*****379	6	CT10114040-CT10114045
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN TUAN ANH	*****384	50	CT10116540-CT10116589
PGD TO HIEU	NGUYEN TUAN ANH	*****461	5	CT10072739-CT10072743

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TON DAN	NGUYEN TUAN ANH	*****483	15	CT10101026-CT10101040
PGD XUAN LA	NGUYEN TUAN ANH	*****487	35	CT10059719-CT10059753
CN HAI PHONG	NGUYEN TUAN ANH	*****565	1	CT10165155-CT10165155
PGD SOC SON	NGUYEN TUAN ANH	*****576	1	CT10057694-CT10057694
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN TUAN ANH	*****618	6	CT10024948-CT10024953
CN LONG BIEN	NGUYEN TUAN ANH	*****638	52	CT10004846-CT10004852; DN10019803-DN10019842; TD10006686-TD10006690
CN HA DONG	NGUYEN TUAN ANH	*****731	1	EB10000079-EB10000079
PGD DAO TAN	NGUYEN TUAN ANH	*****782	7	CT10069763-CT10069769
PGD VAN QUAN	NGUYEN TUAN ANH	*****819	5	TD10009971-TD10009975
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TUAN ANH	*****856	3	CT10038925-CT10038927
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TUAN ANH	*****031	24	CT10142028-CT10142051
PGD TIEN AN	NGUYEN TUAN ANH	*****076	12	CT10069396-CT10069407
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TUAN ANH	*****096	5	CT10132038-CT10132042
CN NGHE AN	NGUYEN TUAN ANH	*****118	1	CT10051276-CT10051276
CN DA NANG	NGUYEN TUAN ANH	*****138	4	CT10041584-CT10041587
PGD NGUYEN THAI SON	NGUYEN TUAN ANH	*****237	20	CT10053637-CT10053656
CN CAN THO	NGUYEN TUAN ANH	*****533	1	CT10158241-CT10158241
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TUAN ANH	*****535	20	CT10125425-CT10125444
CN DONG DA	NGUYEN TUAN ANH	*****592	9	CT10106169-CT10106177
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	NGUYEN TUAN ANH	*****649	9	CT10083187-CT10083195
CN CAN THO	NGUYEN TUAN ANH	*****684	9	CT10094483-CT10094486; TD10010801-TD10010805
CN NHA TRANG	NGUYEN TUAN ANH	*****762	1	EB10002610-EB10002610
PGD HANG KENH	NGUYEN TUAN ANH	*****830	1	CT10108949-CT10108949
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TUAN ANH	*****841	3	CT10001335-CT10001337
CN BAC NINH	NGUYEN TUAN ANH	*****923	78	CT10098946-CT10098952; DN10061504-DN10061563; EB10001336-EB10001336; TD10000446-TD10000455
CN HUE	NGUYEN TUAN ANH	*****932	22	CT10080018-CT10080034; TD10008101-TD10008105
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN TUAN ANH	*****976	1	EB10000460-EB10000460

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TUAN ANH	*****995	7	CT10087686-CT10087692
CN DAI AN	NGUYEN TUAN ANH	*****298	2	CT10022721-CT10022722
PGD XUAN LA	NGUYEN TUAN ANH	*****461	5	CT10021464-CT10021468
CN VUNG TAU	NGUYEN TUAN BANG	*****731	3	CT10048119-CT10048121
CN BINH DUONG	NGUYEN TUAN BAO	*****196	1	CT10140741-CT10140741
PGD CONG HOA	NGUYEN TUAN CUONG	*****630	5	CT10063495-CT10063499
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TUAN CUONG	*****686	2	CT10158618-CT10158619
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN TUAN DAT	*****385	47	CT10036258-CT10036304
CN LANG HA	NGUYEN TUAN DIEP	*****116	9	CT10129677-CT10129685
CN DONG DA	NGUYEN TUAN DUNG	*****868	34	CT10082919-CT10082952
CN NHA TRANG	NGUYEN TUAN DUNG	*****933	6	CT10045929-CT10045934
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TUAN DUONG	*****097	8	CT10016780-CT10016787
CN HAI PHONG	NGUYEN TUAN GIANG	*****000	3	CT10057194-CT10057196
CN BINH DINH	NGUYEN TUAN GIANG	*****343	4	CT10071368-CT10071371
PGD TON DAN	NGUYEN TUAN HAI	*****641	1	CT10071649-CT10071649
PGD HONG BANG	NGUYEN TUAN HUNG	*****819	1	EB10000066-EB10000066
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TUAN LINH	*****285	7	CT10112924-CT10112930
CN TAN PHU	NGUYEN TUAN LINH	*****283	11	CT10050562-CT10050572
PGD HONG BANG	NGUYEN TUAN LONG	*****514	14	CT10157059-CT10157072
PGD TRUNG HOA	NGUYEN TUAN LONG	*****885	11	CT10101166-CT10101176
CN VINH PHUC	NGUYEN TUAN LONG	*****481	11	CT10144019-CT10144024; TD10011331-TD10011335
CN DONG DA	NGUYEN TUAN MINH	*****595	12	CT10122024-CT10122035
CN THANH XUAN	NGUYEN TUAN NGOC	*****949	1	EB10000153-EB10000153
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN TUAN PHONG	*****623	1	CT10149818-CT10149818
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN TUAN SON	*****117	12	CT10113641-CT10113652
CN HAI AN	NGUYEN TUAN TAI	*****168	2	CT10078753-CT10078754
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN TUAN TU	*****244	58	CT10062505-CT10062562
CN CAU GIAY	NGUYEN TUAN VIET	*****214	2	CT10160200-CT10160201
CN DONG DA	NGUYEN TUAN VIET	*****519	1	CT10055984-CT10055984
CN HAI AN	NGUYEN TUAN VINH	*****335	1	CT10116836-CT10116836

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	NGUYEN TUNG DUONG	*****931	10	CT10053915-CT10053924
PGD BACH MAI	NGUYEN TUNG KHANH	*****203	1	CT10073118-CT10073118
PGD BA TRIEU	NGUYEN TUNG LAM	*****198	1	CT10055741-CT10055741
PGD YEN PHU	NGUYEN TUNG LINH	*****339	1	CT10125195-CT10125195
CN BAC NINH	NGUYEN TUNG NGOC	*****968	19	CT10103600-CT10103613; TD10000906-TD10000910
CN DONG DA	NGUYEN TUONG MINH	*****908	1	CT10122767-CT10122767
HUB PAYROLL MB	NGUYEN TUONG NAM	*****817	24	CT10061600-CT10061623
PGD VINH HOANG	NGUYEN TUONG NHU	*****786	4	CT10115288-CT10115291
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN TUONG THANH	*****510	26	DN10079878-DN10079897; EB10001925-EB10001925; TD10003516-TD10003520
CN SAI GON	NGUYEN TUONG THAO VI	*****374	15	CT10009776-CT10009790
CN BINH DUONG	NGUYEN TUONG VI	*****717	3	CT10127108-CT10127110
CN HAI AN	NGUYEN TUONG XUAN	*****895	7	CT10156949-CT10156955
PGD CAM RANH	NGUYEN TUY VU	*****034	37	DN10088419-DN10088455
PGD CAM RANH	NGUYEN TUYEN LOC	*****888	1	CT10146609-CT10146609
CN DAI AN	NGUYEN TUYET LAN	*****924	1	CT10044181-CT10044181
CN SO GIAO DICH	NGUYEN TUYET NHUNG	*****342	1	EB10002374-EB10002374
CN CAU GIAY	NGUYEN TUYET TRINH	*****605	1	CT10142524-CT10142524
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN AN	*****251	14	CT10007967-CT10007980
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN AN	*****137	23	CT10066966-CT10066988
PGD TAY HO	NGUYEN VAN ANH	*****147	1	EB10000343-EB10000343
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN ANH	*****212	20	CT10128562-CT10128581
CN HAI AN	NGUYEN VAN ANH	*****551	10	CT10120659-CT10120663; TD10003746-TD10003750
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN ANH	*****666	54	CT10095787-CT10095830; TD10010641-TD10010650
CN TAN THANH	NGUYEN VAN ANH	*****154	37	CT10146444-CT10146448; DN10064494-DN10064520; TD10000966-TD10000970
PGD BUON DON	NGUYEN VAN ANH	*****185	15	DN10006341-DN10006355
CN DA NANG	NGUYEN VAN ANH	*****268	6	CT10158360-CT10158365

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NGHE AN	NGUYEN VAN ANH	*****558	2	CT10076807-CT10076808
PGD BA TRIEU	NGUYEN VAN ANH	*****646	36	CT10044858-CT10044893
CN HUE	NGUYEN VAN ANH THI	*****267	2	CT10141608-CT10141609
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN BA	*****154	1	CT10051470-CT10051470
PGD TUYEN SON	NGUYEN VAN BA	*****435	36	DN10102195-DN10102224; EB10002455-EB10002455; TD10007331-TD10007335
CN DAI AN	NGUYEN VAN BAC	*****054	2	CT10106438-CT10106439
CN DONG DA	NGUYEN VAN BAC	*****580	1	CT10049796-CT10049796
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN BAO	*****002	74	CT10044558-CT10044631
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN BAY	*****998	35	CT10033286-CT10033320
PGD NGO GIA TU	NGUYEN VAN BAY	*****238	30	CT10044114-CT10044143
PGD BOTANIC	NGUYEN VAN BAY	*****403	270	CT10037508-CT10037521; DN10060399-DN10060648; EB10001289-EB10001289; TD10000376-TD10000380
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN BAY	*****844	13	CT10110394-CT10110406
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN BICH	*****900	26	CT10114133-CT10114158
CN DONG DA	NGUYEN VAN BIEN	*****440	31	CT10153282-CT10153312
PGD HA LONG	NGUYEN VAN BINH	*****094	4	DN10002441-DN10002444
PGD QUAN THANH	NGUYEN VAN BINH	*****579	15	CT10135092-CT10135106
CN DAI AN	NGUYEN VAN BINH	*****605	6	CT10092041-CT10092046
PGD KIM THANH	NGUYEN VAN BINH	*****088	100	DN10026414-DN10026513
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN BINH	*****241	3	CT10140370-CT10140372
CN BAC NINH	NGUYEN VAN BON	*****000	90	DN10019230-DN10019319
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN BUONG	*****325	20	DN10044633-DN10044652
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN CA	*****714	4	CT10128124-CT10128127
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN CA	*****851	6	CT10156824-CT10156829
PGD DAO TAN	NGUYEN VAN CANH	*****480	23	CT10146532-CT10146554
CN CAN THO	NGUYEN VAN CAU	*****469	1	CT10024818-CT10024818
PGD QUANG PHU	NGUYEN VAN CHAU	*****265	1	EB10001397-EB10001397
CN NGHE AN	NGUYEN VAN CHAU	*****778	5	DN10074604-DN10074608
PGD TAY HO	NGUYEN VAN CHI	*****748	98	CT10135853-CT10135950
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN CHIEN	*****271	15	CT10157932-CT10157946
CN TAN BINH	NGUYEN VAN CHIEN	*****306	2	CT10000920-CT10000921
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN CHIEN	*****227	25	CT10026212-CT10026236

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NGHE AN	NGUYEN VAN CHIEN	*****391	15	DN10074589-DN10074603
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN CHIEN	*****440	1	EB10000083-EB10000083
PGD THU DAU 1	NGUYEN VAN CHIEN	*****508	3	CT10121966-CT10121968
CN DONG NAI	NGUYEN VAN CHIEN	*****922	1	CT10006257-CT10006257
CN DAI AN	NGUYEN VAN CHINH	*****595	6	CT10026481-CT10026486
PGD TRAN KHAT CHAN	NGUYEN VAN CHINH	*****052	2	CT10030701-CT10030702
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN CHINH	*****506	11	CT10146318-CT10146328
CN DONG NAI	NGUYEN VAN CHINH	*****639	96	DN10074499-DN10074588; EB10001757-EB10001757; TD10002071-TD10002075
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN VAN CHINH	*****473	11	CT10147829-CT10147839
CN HAI AN	NGUYEN VAN CHUNG	*****017	50	DN10108706-DN10108755
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN CHUNG	*****115	15	CT10068394-CT10068408
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN CHUNG	*****447	4	CT10053886-CT10053889
PGD KIM VAN	NGUYEN VAN CHUNG	*****848	1	EB10000184-EB10000184
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN CHUNG	*****905	31	CT10153818-CT10153848
PGD QUAN 1	NGUYEN VAN CHUNG	*****361	2	CT10116100-CT10116101
PGD LANG THUONG	NGUYEN VAN CHUONG	*****556	1	EB10000998-EB10000998
CN DA NANG	NGUYEN VAN CHUONG	*****959	4	CT10124293-CT10124296
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN CO	*****509	10	CT10073729-CT10073738
PGD NGUYEN LUONG BANG	NGUYEN VAN CONG	*****419	61	DN10055276-DN10055325; EB10000877-EB10000877; TD10011216-TD10011225
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN CONG	*****579	6	CT10098267-CT10098272
PGD LE CHAN	NGUYEN VAN CONG	*****165	15	CT10051709-CT10051723
PGD MY DINH	NGUYEN VAN CONG	*****491	1	EB10000868-EB10000868
PGD SO SAO	NGUYEN VAN CU	*****893	60	DN10032052-DN10032111
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN CUNG	*****084	2	CT10006360-CT10006361
CN DA NANG	NGUYEN VAN CUONG	*****322	1	CT10049641-CT10049641
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN CUONG	*****623	24	CT10133833-CT10133856
CN HA NOI	NGUYEN VAN CUONG	*****833	13	CT10080163-CT10080175
CN DONG NAI	NGUYEN VAN CUONG	*****086	5	CT10155626-CT10155630
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN CUONG	*****133	10	CT10080420-CT10080429
CN THANH HOA	NGUYEN VAN CUONG	*****135	1	EB10001337-EB10001337

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN CUONG	*****221	25	CT10103303-CT10103327
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN CUONG	*****544	16	CT10067899-CT10067914
PGD TU SON	NGUYEN VAN CUONG	*****694	74	DN10071179-DN10071242; TD10001861-TD10001870
CN HA TINH	NGUYEN VAN CUONG	*****779	25	CT10090561-CT10090585
PGD HAM NGHI	NGUYEN VAN CUONG	*****921	1	EB10000855-EB10000855
PGD PHO YEN	NGUYEN VAN CUONG	*****925	10	DN10095048-DN10095057
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN CUONG	*****141	3	CT10017961-CT10017963
PGD BOTANIC	NGUYEN VAN DA	*****776	2	CT10009335-CT10009336
CN HA NOI	NGUYEN VAN DAC	*****376	5	CT10139333-CT10139337
CN DONG DA	NGUYEN VAN DAI	*****682	1	EB10001256-EB10001256
CN SAI GON	NGUYEN VAN DAI	*****777	39	CT10152158-CT10152196
PGD LE THANH TONG	NGUYEN VAN DAI	*****952	7	CT10070217-CT10070223
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN DAI	*****628	5	CT10020086-CT10020090
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN DAN	*****490	22	CT10014810-CT10014831
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN VAN DAN	*****695	3	CT10031492-CT10031494
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN DAN	*****885	10	CT10022954-CT10022963
PGD BA TRIEU	NGUYEN VAN DANG	*****569	4	CT10100720-CT10100723
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN DANG	*****665	21	CT10062674-CT10062694
CN QUANG NGAI	NGUYEN VAN DAO	*****747	2	CT10047985-CT10047986
PGD QUAN 10	NGUYEN VAN DEN	*****676	1	EB10002470-EB10002470
CN HAI AN	NGUYEN VAN DIEN	*****940	2	CT10130306-CT10130307
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN DIEN	*****951	5	TD10005611-TD10005615
CN NGHE AN	NGUYEN VAN DIEN	*****490	2	CT10070734-CT10070735
CN LANG HA	NGUYEN VAN DIEP	*****126	5	CT10114104-CT10114108
PGD LANG THUONG	NGUYEN VAN DIEU	*****344	15	CT10165734-CT10165748
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN VAN DIEU	*****828	85	CT10130292-CT10130296; DN10002298-DN10002377
PGD HAI TAN	NGUYEN VAN DINH	*****148	1	EB10001561-EB10001561
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DINH	*****440	1	EB10001997-EB10001997
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN VAN DINH	*****840	15	CT10018214-CT10018228
CN QUANG NINH	NGUYEN VAN DINH	*****050	2	CT10028046-CT10028047
CN HA TINH	NGUYEN VAN DINH	*****736	15	CT10099467-CT10099476; TD10000476-TD10000480
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN DINH	*****960	12	CT10088407-CT10088418

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN VAN DOAN	*****302	1	CT10099369-CT10099369
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN DOAN	*****599	1	EB10002801-EB10002801
PGD LE CHAN	NGUYEN VAN DOAN	*****717	25	CT10044645-CT10044669
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DOANH	*****456	8	CT10113119-CT10113126
PGD DAI TU	NGUYEN VAN DOANH	*****865	1	EB10000737-EB10000737
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN VAN DONG	*****212	6	CT10048172-CT10048177
PGD SAO DO	NGUYEN VAN DONG	*****419	10	TD10009491-TD10009500
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DONG	*****869	8	CT10016604-CT10016611
CN HA TINH	NGUYEN VAN DONG	*****024	1	CT10081181-CT10081181
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DONG	*****202	70	CT10145895-CT10145904; DN10064215-DN10064269; TD10000981-TD10000985
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN DONG	*****320	3	CT10100118-CT10100120
HUB THE CHAP MB 2	NGUYEN VAN DONG	*****336	14	CT10064354-CT10064362; TD10005396-TD10005400
CN BAC NINH	NGUYEN VAN DONG	*****537	1	EB10001097-EB10001097
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN DONG	*****723	1	CT10133326-CT10133326
PGD QUAN THANH	NGUYEN VAN DU	*****760	5	CT10028509-CT10028513
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VAN DUC	*****028	1	EB10000256-EB10000256
CN HA NOI	NGUYEN VAN DUC	*****360	1	CT10112683-CT10112683
CN HA DONG	NGUYEN VAN DUC	*****682	55	DN10023740-DN10023784; TD10007221-TD10007230
PGD KIM THANH	NGUYEN VAN DUC	*****941	5	CT10161621-CT10161625
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN DUC	*****102	1	CT10081429-CT10081429
PGD LE LOI	NGUYEN VAN DUC	*****132	31	DN10069932-DN10069951; EB10001668-EB10001668; TD10001676-TD10001685
CN BAC NINH	NGUYEN VAN DUC	*****480	25	CT10150020-CT10150044
PGD TU SON	NGUYEN VAN DUC	*****480	250	DN10026894-DN10027143
CN BAC NINH	NGUYEN VAN DUC	*****540	5	TD10004861-TD10004865
PGD HA LONG	NGUYEN VAN DUC	*****961	54	CT10100835-CT10100841; DN10061760-DN10061796; TD10000571-TD10000580
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VAN DUNG	*****024	37	CT10166294-CT10166330

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN NGUYEN HAN	NGUYEN VAN DUNG	*****126	1	EB10001119-EB10001119
PGD DAI KIM	NGUYEN VAN DUNG	*****176	23	CT10036370-CT10036392
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DUNG	*****269	1	EB10001055-EB10001055
PGD CAM PHA	NGUYEN VAN DUNG	*****520	143	CT10141990-CT10142007; DN10045752-DN10045871; TD10010056-TD10010060
CN HA NOI	NGUYEN VAN DUNG	*****690	1	CT10123539-CT10123539
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN DUNG	*****728	15	CT10104834-CT10104848
PGD LIM	NGUYEN VAN DUNG	*****045	180	DN10102709-DN10102888
CN DONG DA	NGUYEN VAN DUNG	*****047	25	CT10103615-CT10103639
PGD TIEN AN	NGUYEN VAN DUNG	*****123	7	CT10162117-CT10162118; TD10006071-TD10006075
PGD VINH HAI	NGUYEN VAN DUNG	*****159	56	DN10074082-DN10074131; EB10001775-EB10001775; TD10002086-TD10002090
CN BAC NINH	NGUYEN VAN DUNG	*****195	5	DN10106204-DN10106208
PGD SOC SON	NGUYEN VAN DUNG	*****285	39	DN10003919-DN10003952; TD10005766-TD10005770
PGD TUYEN SON	NGUYEN VAN DUNG	*****301	1	EB10000180-EB10000180
PGD PHU LAM	NGUYEN VAN DUNG	*****355	1	EB10000319-EB10000319
CN DA NANG	NGUYEN VAN DUNG	*****453	1	CT10077091-CT10077091
PGD DA KAO	NGUYEN VAN DUNG	*****457	5	CT10140667-CT10140671
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN DUNG	*****486	5	CT10026188-CT10026192
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN DUNG	*****504	17	CT10041588-CT10041604
PGD THU DUC	NGUYEN VAN DUNG	*****527	1	EB10000962-EB10000962
PGD NGUYEN KHANH TOAN	NGUYEN VAN DUNG	*****740	16	CT10097288-CT10097303
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN DUNG	*****758	25	CT10090939-CT10090963
CN NHA TRANG	NGUYEN VAN DUNG	*****793	1	EB10000931-EB10000931
CN HAI AN	NGUYEN VAN DUNG	*****796	1	EB10000928-EB10000928
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN DUNG	*****595	12	CT10149317-CT10149323; TD10001966-TD10001970
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN DUNG	*****939	40	CT10132368-CT10132407
CN DAI AN	NGUYEN VAN DUOC	*****068	1	CT10129729-CT10129729
CN BINH DUONG	NGUYEN VAN DUOC	*****711	1	EB10000444-EB10000444
CN HA NOI	NGUYEN VAN DUONG	*****059	59	CT10022527-CT10022540; DN10037239-DN10037278; TD10009356-TD10009360

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	NGUYEN VAN DUONG	*****693	1	CT10080935-CT10080935
CN DAI AN	NGUYEN VAN DUONG	*****704	90	CT10145574-CT10145663
CN HAI AN	NGUYEN VAN DUONG	*****756	11	DN10003642-DN10003652
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN DUONG	*****120	1	EB10003282-EB10003282
PGD LIM	NGUYEN VAN DUONG	*****378	1	CT10108072-CT10108072
CN DA NANG	NGUYEN VAN DUY	*****437	1	CT10059079-CT10059079
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN DUY	*****552	24	CT10093365-CT10093388
PGD VINH HOANG	NGUYEN VAN DUY	*****625	23	CT10160504-CT10160526
CN BAC NINH	NGUYEN VAN GIANG	*****459	24	CT10050174-CT10050197
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN GIANG	*****635	1	CT10082331-CT10082331
CN DONG DA	NGUYEN VAN GIAP	*****022	1	EB10001210-EB10001210
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN GIAP	*****946	25	DN10058267-DN10058291
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN HA	*****353	56	CT10061455-CT10061510
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN HA	*****018	1	CT10111883-CT10111883
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN HA	*****355	1	EB10000870-EB10000870
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN VAN HA	*****369	35	DN10006774-DN10006808
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN HA	*****397	25	CT10155478-CT10155502
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN HA	*****412	10	CT10074315-CT10074324
PGD NGO GIA TU	NGUYEN VAN HA	*****602	11	CT10111839-CT10111844; TD10002621-TD10002625
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HAI	*****011	3	CT10056348-CT10056350
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HAI	*****306	18	CT10134913-CT10134930
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN HAI	*****440	28	DN10094461-DN10094488
CN HA NOI	NGUYEN VAN HAI	*****613	5	CT10145416-CT10145420
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN HAI	*****034	25	CT10132437-CT10132461
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN HAI	*****050	121	DN10006377-DN10006496; EB10000259-EB10000259
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN HAI	*****061	24	CT10015496-CT10015519
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN HAI	*****191	24	CT10033174-CT10033197
CN HA TINH	NGUYEN VAN HAI	*****343	1	EB10000739-EB10000739
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN HAI	*****423	8	CT10046187-CT10046194
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN HAI	*****607	4	CT10003639-CT10003642
CN DONG NAI	NGUYEN VAN HAI	*****893	2	CT10127883-CT10127884
PGD THU DUC	NGUYEN VAN HAI	*****952	9	CT10035482-CT10035490

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN HAI	*****993	14	CT10078794-CT10078807
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN HANH	*****220	47	CT10067507-CT10067511; DN10002111-DN10002147; TD10005596-TD10005600
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN HANH	*****606	60	DN10064051-DN10064110
PGD KIM LIEN	NGUYEN VAN HAO	*****521	1	EB10001472-EB10001472
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN VAN HAO	*****905	5	TD10009916-TD10009920
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN HAU	*****378	22	CT10015856-CT10015877
PGD KIM VAN	NGUYEN VAN HAU	*****885	30	DN10043337-DN10043366
CN HAI AN	NGUYEN VAN HIEN	*****628	1	EB10000765-EB10000765
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN HIEN	*****959	7	CT10095702-CT10095708
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN HIEN	*****462	5	CT10033281-CT10033285
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN HIEN	*****840	3	CT10068100-CT10068102
PGD TAY HO	NGUYEN VAN HIEP	*****269	15	CT10152108-CT10152122
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN VAN HIEP	*****364	1	EB10003318-EB10003318
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN HIEP	*****792	1	EB10002639-EB10002639
PGD YEN PHU	NGUYEN VAN HIEP	*****953	10	CT10141035-CT10141044
PGD PHO YEN	NGUYEN VAN HIEP	*****103	1	EB10000806-EB10000806
PGD NGUYEN CONG TRU	NGUYEN VAN HIEP	*****380	1	CT10096729-CT10096729
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN HIEU	*****402	21	CT10117479-CT10117499
PGD HAO NAM	NGUYEN VAN HIEU	*****414	18	CT10128615-CT10128632
CN HA NOI	NGUYEN VAN HIEU	*****883	33	CT10153770-CT10153802
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN HIEU	*****103	44	CT10105749-CT10105792
PGD KHAM THIEN	NGUYEN VAN HIEU	*****323	2	CT10088516-CT10088517
CN PHU MY HUNG	NGUYEN VAN HIEU	*****501	10	CT10080995-CT10081004
PGD NGUYEN AN NINH	NGUYEN VAN HIEU	*****746	1	EB10001113-EB10001113
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HIEU	*****898	70	DN10090100-DN10090169
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HIEU	*****908	1	EB10003190-EB10003190
CN HAI AN	NGUYEN VAN HOA	*****727	1	CT10009880-CT10009880
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HOA	*****690	19	CT10151905-CT10151923
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN HOAN	*****092	12	CT10125794-CT10125805
PGD QUAN THANH	NGUYEN VAN HOAN	*****118	12	CT10008647-CT10008658

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN HOAN	*****418	2	CT10030399-CT10030400
PGD HOA BINH	NGUYEN VAN HOANG	*****388	1	EB10002572-EB10002572
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN HOANG	*****444	1	EB10000422-EB10000422
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HOANG	*****450	1	CT10122102-CT10122102
PGD LE CHAN	NGUYEN VAN HOANG	*****798	1	EB10000462-EB10000462
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN HOANG	*****818	1	CT10042027-CT10042027
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN HOANG	*****845	25	CT10100530-CT10100554
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN HOANG	*****878	10	CT10091461-CT10091470
PGD TUYEN SON	NGUYEN VAN HOANG THANG	*****087	4	CT10132333-CT10132336
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN HOE	*****309	1	CT10006258-CT10006258
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HONG	*****421	2	CT10052637-CT10052638
CN DAI AN	NGUYEN VAN HOP	*****013	2	CT10057821-CT10057822
PGD TRUNG HOA	NGUYEN VAN HOP	*****230	2	CT10033278-CT10033279
PGD DAO TAN	NGUYEN VAN HOP	*****918	9	CT10122917-CT10122925
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HUAN	*****079	3	CT10115467-CT10115469
CN BINH DINH	NGUYEN VAN HUAN	*****670	4	CT10092710-CT10092713
PGD QUAN 8	NGUYEN VAN HUE	*****936	1	CT10110249-CT10110249
CN HA DONG	NGUYEN VAN HUNG	*****007	10	TD10007311-TD10007320
PGD VAN QUAN	NGUYEN VAN HUNG	*****007	9	CT10125262-CT10125270
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN HUNG	*****014	1	CT10030444-CT10030444
CN HA DONG	NGUYEN VAN HUNG	*****027	26	CT10151303-CT10151328
CN HAI AN	NGUYEN VAN HUNG	*****055	1	CT10052290-CT10052290
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN HUNG	*****074	4	CT10045339-CT10045342
CN DONG DA	NGUYEN VAN HUNG	*****083	9	CT10142052-CT10142060
PGD MY DINH	NGUYEN VAN HUNG	*****094	7	CT10039879-CT10039885
HUB THE CHAP MN	NGUYEN VAN HUNG	*****655	75	DN10063809-DN10063883
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN HUNG	*****991	2	CT10028318-CT10028319
CN HAI AN	NGUYEN VAN HUNG	*****996	20	CT10138108-CT10138122; TD10009056-TD10009060
CN NGHE AN	NGUYEN VAN HUNG	*****003	31	CT10097157-CT10097187
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN HUNG	*****062	30	CT10143461-CT10143490
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN HUNG	*****125	3	CT10134494-CT10134496
PGD QUAN 1	NGUYEN VAN HUNG	*****178	25	CT10049287-CT10049311

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	NGUYEN VAN HUNG	*****284	29	CT10055844-CT10055872
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HUNG	*****291	2	CT10001998-CT10001999
CN HA NOI	NGUYEN VAN HUNG	*****331	3	CT10013369-CT10013371
PGD DAO TAN	NGUYEN VAN HUNG	*****375	14	CT10053191-CT10053204
CN HA NOI	NGUYEN VAN HUNG	*****576	15	CT10046172-CT10046186
CN BINH DINH	NGUYEN VAN HUNG	*****860	30	DN10094548-DN10094577
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HUNG	*****874	30	DN10050132-DN10050161
PGD DAI KIM	NGUYEN VAN HUNG	*****934	16	CT10058793-CT10058808
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN HUNG	*****229	57	CT10128045-CT10128101
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN HUONG	*****395	5	CT10073863-CT10073867
PGD SAO DO	NGUYEN VAN HUONG	*****754	1	CT10160306-CT10160306
CN DA NANG	NGUYEN VAN HUONG	*****124	15	CT10019551-CT10019565
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HUU	*****451	9	CT10031274-CT10031282
CN NGHE AN	NGUYEN VAN HUU	*****993	6	CT10160498-CT10160503
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN HUY	*****085	61	CT10044358-CT10044418
PGD DAO TAN	NGUYEN VAN HUY	*****564	13	CT10097845-CT10097852; DN10053247-DN10053251
PGD BACH MAI	NGUYEN VAN HUY	*****919	7	CT10036973-CT10036979
CN BAC NINH	NGUYEN VAN HUY	*****290	10	TD10008721-TD10008730
PGD BA RIA	NGUYEN VAN HUY	*****528	2	CT10115032-CT10115033
CN HA NOI	NGUYEN VAN HUY	*****599	5	CT10021319-CT10021323
PGD LENIN	NGUYEN VAN HUY	*****631	3	CT10017709-CT10017710; EB10002854-EB10002854
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN HUY	*****808	12	CT10086816-CT10086827
CN DA NANG	NGUYEN VAN HUY	*****872	1	CT10020404-CT10020404
CN THANH HOA	NGUYEN VAN HUY	*****980	30	DN10054042-DN10054071
PGD TUYEN SON	NGUYEN VAN HUY MINH	*****614	36	DN10060935-DN10060964; EB10001349-EB10001349; TD10000481-TD10000485
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN HUYEN	*****387	1	CT10144004-CT10144004
PGD LENIN	NGUYEN VAN HUYNH	*****972	20	DN10054698-DN10054717
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN KET	*****205	24	CT10076760-CT10076783
PGD TAY HO	NGUYEN VAN KHA	*****286	23	CT10055347-CT10055369
CN NGHE AN	NGUYEN VAN KHAI	*****564	1	EB10000913-EB10000913
PGD SAO DO	NGUYEN VAN KHAI	*****999	33	DN10078080-DN10078112
CN DAI AN	NGUYEN VAN KHANG	*****108	22	CT10081595-CT10081616

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	NGUYEN VAN KHANG	*****273	14	CT10096358-CT10096371
CN HA DONG	NGUYEN VAN KHANG	*****812	3	CT10074332-CT10074334
PGD GIA LOC	NGUYEN VAN KHANH	*****263	1	EB10003321-EB10003321
PGD VAN XUAN	NGUYEN VAN KHANH	*****666	1	CT10095344-CT10095344
PGD TAY HO	NGUYEN VAN KHANH	*****931	24	CT10119540-CT10119552; DN10081719-DN10081724; TD10003521-TD10003525
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN KHANH	*****332	4	CT10006780-CT10006783
CN DA NANG	NGUYEN VAN KHANH	*****055	1	CT10075172-CT10075172
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN KHIEM	*****319	4	CT10101682-CT10101685
PGD LENIN	NGUYEN VAN KHIEM	*****608	61	DN10002181-DN10002235; EB10000129-EB10000129; TD10005686-TD10005690
PGD KIM VAN	NGUYEN VAN KHIET	*****558	1	EB10001649-EB10001649
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN KHOA	*****464	127	CT10046293-CT10046419
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN KHOA	*****140	1	CT10111882-CT10111882
PGD LIM	NGUYEN VAN KHOA	*****840	5	CT10056677-CT10056681
PGD GIA LOC	NGUYEN VAN KHOA	*****981	35	DN10095640-DN10095674
CN HAI AN	NGUYEN VAN KHOAT	*****391	2	CT10126815-CT10126816
PGD TIEN AN	NGUYEN VAN KHOI	*****787	9	CT10004812-CT10004820
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN KIEN	*****227	10	CT10108776-CT10108785
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN KIEN	*****470	25	CT10130080-CT10130104
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN KIEN	*****501	24	CT10039219-CT10039242
PGD LIM	NGUYEN VAN KIEN	*****823	23	CT10108610-CT10108632
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN KIEN	*****965	3	CT10096542-CT10096544
CN CAN THO	NGUYEN VAN KIET	*****549	3	CT10002669-CT10002671
CN TAN PHU	NGUYEN VAN KIM	*****902	9	CT10129964-CT10129972
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN KY	*****612	10	DN10071161-DN10071170
PGD BA RIA	NGUYEN VAN KY	*****743	1	EB10002316-EB10002316
PGD PHO YEN	NGUYEN VAN KY	*****811	240	DN10053807-DN10054036; TD10011091-TD10011100
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN KY LAN	*****858	1	EB10003251-EB10003251
CN DAK LAK	NGUYEN VAN LAI	*****536	15	DN10008966-DN10008980
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN LAM	*****046	3	CT10132292-CT10132294
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN LAN	*****061	10	CT10127217-CT10127226

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE VAN SY	NGUYEN VAN LANG	*****957	10	DN10048258-DN10048267
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN LANH	*****836	9	CT10053211-CT10053219
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN VAN LE	*****843	2	CT10116775-CT10116776
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN LEN	*****433	5	CT10064637-CT10064641
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN LIEU	*****736	15	CT10040595-CT10040609
PGD TU SON	NGUYEN VAN LINH	*****222	1	EB10001743-EB10001743
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN LINH	*****549	24	CT10072888-CT10072911
PGD LAN ONG	NGUYEN VAN LINH	*****905	19	CT10166593-CT10166611
CN DAI AN	NGUYEN VAN LINH	*****255	1	EB10001988-EB10001988
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN LINH	*****274	25	DN10083811-DN10083835
CN QUANG NGAI	NGUYEN VAN LINH	*****305	6	CT10151583-CT10151588
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN LINH	*****726	24	CT10150839-CT10150862
CN BAC NINH	NGUYEN VAN LINH	*****802	35	CT10018982-CT10019016
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN LOI	*****044	12	CT10112154-CT10112165
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN LOI	*****237	73	CT10084985-CT10085057
PGD QUAN 1	NGUYEN VAN LOI	*****307	2	CT10087503-CT10087504
CN DONG DA	NGUYEN VAN LONG	*****057	5	CT10101648-CT10101652
CN HAI AN	NGUYEN VAN LONG	*****266	1	CT10112675-CT10112675
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN LONG	*****923	211	DN10048671-DN10048870; EB10000717-EB10000717; TD10010561-TD10010570
CN BAC NINH	NGUYEN VAN LONG	*****263	5	TD10007021-TD10007025
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN LONG	*****453	1	CT10026038-CT10026038
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN LONG	*****484	1	CT10087581-CT10087581
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN LONG	*****541	28	CT10038928-CT10038955
PGD BA RIA	NGUYEN VAN LONG	*****881	1	EB10001910-EB10001910
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN LUAN	*****812	40	DN10108992-DN10109031
CN DAI AN	NGUYEN VAN LUC	*****321	57	CT10136981-CT10137037
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN LUONG	*****187	1	EB10002061-EB10002061
PGD VAN XUAN	NGUYEN VAN LUONG	*****534	10	CT10149518-CT10149527
PGD VAN XUAN	NGUYEN VAN LUONG	*****658	52	DN10048953-DN10049004
PGD LACH TRAY 1	NGUYEN VAN LUONG	*****984	12	CT10057759-CT10057770
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN LUONG	*****974	21	DN10036149-DN10036158; EB10003049-EB10003049; TD10009251-TD10009260

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	NGUYEN VAN LUU	*****458	1	EB10002240-EB10002240
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN LUY	*****396	10	CT10067718-CT10067727
CN DONG DA	NGUYEN VAN LUYEN	*****372	5	CT10138463-CT10138467
CN TIEN GIANG	NGUYEN VAN LY	*****133	1	CT10094704-CT10094704
CN SAI GON	NGUYEN VAN MAI	*****320	15	CT10091645-CT10091659
CN DAI AN	NGUYEN VAN MANH	*****092	17	CT10038477-CT10038493
PGD TRUNG HOA	NGUYEN VAN MANH	*****118	1	EB10001968-EB10001968
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN MANH	*****726	13	CT10057511-CT10057523
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN MANH	*****967	10	CT10007486-CT10007495
CN BAC NINH	NGUYEN VAN MANH	*****208	70	DN10073998-DN10074067
HUB PAYROLL MN	NGUYEN VAN MANH	*****483	39	CT10166391-CT10166429
CN BAC NINH	NGUYEN VAN MANH	*****556	14	CT10077056-CT10077069
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN MANH	*****970	9	CT10163948-CT10163956
CN DAK LAK	NGUYEN VAN MAU	*****769	10	DN10066067-DN10066076
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN ME	*****657	152	CT10141497-CT10141508; DN10045604-DN10045743
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN MINH	*****403	9	CT10156901-CT10156909
CN HA NOI	NGUYEN VAN MINH	*****628	58	CT10003649-CT10003706
CN DAI AN	NGUYEN VAN MINH	*****868	41	CT10012006-CT10012046
CN HA TINH	NGUYEN VAN MINH	*****066	4	CT10067940-CT10067943
PGD LIM	NGUYEN VAN MINH	*****216	20	DN10021549-DN10021568
CN TAN BINH	NGUYEN VAN MINH	*****225	1	EB10001146-EB10001146
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN MINH	*****726	10	TD10006696-TD10006705
CN HA TINH	NGUYEN VAN MINH	*****787	49	CT10080297-CT10080345
CN NGHE AN	NGUYEN VAN MINH	*****896	1	CT10083646-CT10083646
PGD KIM THANH	NGUYEN VAN MINH	*****919	70	DN10024508-DN10024577
CN CAN THO	NGUYEN VAN MINH	*****999	59	CT10116039-CT10116039; DN10078123-DN10078180
CN PHU MY HUNG	NGUYEN VAN MINH TRI	*****534	2	CT10163189-CT10163190
PGD QUAN THANH	NGUYEN VAN MUON	*****105	7	CT10086526-CT10086532
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN NAM	*****017	47	DN10028739-DN10028775; TD10008436-TD10008445
CN DONG DA	NGUYEN VAN NAM	*****267	18	CT10126489-CT10126506
PGD TAY HO	NGUYEN VAN NAM	*****758	15	CT10158860-CT10158874
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN NAM	*****771	4	CT10108235-CT10108238
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN VAN NAM	*****933	49	CT10130759-CT10130807

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TU SON	NGUYEN VAN NAM	*****115	1	EB10000016-EB10000016
CN LANG HA	NGUYEN VAN NAM	*****145	1	CT10052776-CT10052776
CN DAI AN	NGUYEN VAN NAM	*****210	57	CT10012467-CT10012523
PGD MY DINH	NGUYEN VAN NAM	*****510	24	CT10039029-CT10039052
PGD TON DAN	NGUYEN VAN NAM	*****611	1	CT10036521-CT10036521
PGD THU DAU 1	NGUYEN VAN NAM	*****790	1	CT10146693-CT10146693
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN NAM	*****865	260	DN10026140-DN10026389; TD10008296-TD10008305
PGD HAI TAN	NGUYEN VAN NAM	*****865	1	EB10003199-EB10003199
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN NAM	*****899	1	CT10055560-CT10055560
PGD QUAN 10	NGUYEN VAN NGAN	*****126	40	CT10070785-CT10070824
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN NGHI	*****993	36	DN10090400-DN10090424; EB10002284-EB10002284; TD10004601-TD10004610
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN VAN NGHIA	*****087	1	EB10001450-EB10001450
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN NGHIA	*****016	3	CT10139612-CT10139614
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN NGHIEM	*****414	3	CT10083198-CT10083200
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN NGOAN	*****413	24	CT10024875-CT10024898
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN NGOC	*****398	24	CT10104527-CT10104550
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN NGOC	*****525	10	CT10149986-CT10149995
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN NGOC	*****691	1	EB10002759-EB10002759
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN NGOC	*****691	50	CT10142930-CT10142935; DN10052123-DN10052161; TD10011186-TD10011190
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN NGOC	*****240	1	CT10082916-CT10082916
PGD CAM RANH	NGUYEN VAN NGOC	*****320	1	EB10002088-EB10002088
CN BAC NINH	NGUYEN VAN NGOC	*****380	5	DN10099144-DN10099148
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN NGOC	*****743	8	CT10043373-CT10043380
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN NGUYEN	*****313	2	CT10033024-CT10033025
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN NGUYEN	*****390	10	CT10048123-CT10048132
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN NGUYEN	*****309	6	CT10083601-CT10083606
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN NHAN	*****320	23	CT10117933-CT10117955
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VAN NHAN	*****932	1	CT10008772-CT10008772

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NGHE AN	NGUYEN VAN NHAT HOANG	*****824	1	CT10144893-CT10144893
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN NHIEM	*****067	1	EB10001313-EB10001313
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN NHU HY	*****510	5	CT10049896-CT10049900
CN NHA TRANG	NGUYEN VAN NHUAN	*****824	1	EB10001729-EB10001729
PGD GIA LOC	NGUYEN VAN NHUONG	*****300	1	EB10002397-EB10002397
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN NHUT	*****104	35	CT10055661-CT10055665; DN10077726-DN10077755
PGD TAY HO	NGUYEN VAN NINH	*****088	5	CT10098289-CT10098293
CN HA NOI	NGUYEN VAN NOI	*****721	1	EB10002327-EB10002327
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN NON	*****642	2	CT10025310-CT10025311
CN BINH DINH	NGUYEN VAN NUOI	*****018	51	DN10038412-DN10038451; EB10003126-EB10003126; TD10009476-TD10009485
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN PHONG	*****592	24	CT10143009-CT10143032
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN PHONG	*****929	11	CT10028885-CT10028895
CN DAI AN	NGUYEN VAN PHONG	*****085	23	CT10116956-CT10116978
CN HA NOI	NGUYEN VAN PHONG	*****295	7	CT10033431-CT10033432; TD10000081-TD10000085
CN DA NANG	NGUYEN VAN PHU	*****613	3	CT10086523-CT10086525
CN HAI AN	NGUYEN VAN PHUC	*****679	1	EB10001445-EB10001445
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN PHUC	*****961	3	CT10157097-CT10157099
CN DA NANG	NGUYEN VAN PHUC	*****224	1	CT10108465-CT10108465
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN PHUC	*****567	74	CT10010954-CT10011027
CN HA NOI	NGUYEN VAN PHUC	*****890	14	CT10068369-CT10068382
CN TAN BINH	NGUYEN VAN PHUC	*****922	5	TD10003026-TD10003030
CN BINH DINH	NGUYEN VAN PHUNG	*****131	5	TD10011316-TD10011320
CN TAN BINH	NGUYEN VAN PHUNG	*****832	25	CT10125823-CT10125847
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN PHUOC	*****286	9	CT10117068-CT10117076
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN PHUOC	*****647	18	CT10011906-CT10011923
PGD TU SON	NGUYEN VAN PHUONG	*****383	5	DN10054396-DN10054400
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN PHUONG	*****538	2	CT10084307-CT10084308
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN VAN PHUONG	*****590	1	EB10000934-EB10000934

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD SOC SON	NGUYEN VAN QUA	*****070	5	TD10007451-TD10007455
PGD DOI CAN	NGUYEN VAN QUAN	*****448	10	CT10053414-CT10053423
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN VAN QUAN	*****185	150	CT10017118-CT10017267
PGD HA LONG	NGUYEN VAN QUAN	*****388	1	CT10095755-CT10095755
PGD VAN XUAN	NGUYEN VAN QUAN	*****690	10	CT10022344-CT10022353
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN QUANG	*****284	60	DN10003556-DN10003595; TD10005746-TD10005765
PGD HA LONG	NGUYEN VAN QUANG	*****461	4	CT10082957-CT10082960
CN THANH HOA	NGUYEN VAN QUANG	*****068	2	CT10042987-CT10042988
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN QUANG	*****306	3	CT10081041-CT10081043
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN QUANG	*****345	2	CT10164215-CT10164216
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN QUANG	*****405	25	CT10056213-CT10056237
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN QUANG	*****676	9	CT10111400-CT10111408
CN VUNG TAU	NGUYEN VAN QUANG	*****879	1	CT10067857-CT10067857
CN CA MAU	NGUYEN VAN QUANG	*****964	2	CT10149109-CT10149110
CN TAN PHU	NGUYEN VAN QUOC DAI	*****027	1	CT10067997-CT10067997
CN PHU MY HUNG	NGUYEN VAN QUY	*****287	25	CT10153398-CT10153422
PGD NGOC LAM	NGUYEN VAN QUY	*****448	5	CT10037054-CT10037058
PGD SAI DONG	NGUYEN VAN QUYEN	*****803	1	EB10000699-EB10000699
PGD CAM RANH	NGUYEN VAN QUYEN	*****398	2	CT10008417-CT10008418
CN BAC NINH	NGUYEN VAN QUYEN	*****583	10	CT10145856-CT10145865
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VAN QUYET	*****077	20	CT10082615-CT10082634
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN QUYET	*****093	10	CT10144738-CT10144747
CN HAI AN	NGUYEN VAN QUYET	*****661	2	CT10083452-CT10083453
CN LANG HA	NGUYEN VAN QUYNH	*****290	10	TD10010746-TD10010755
PGD AU CO	NGUYEN VAN ROP	*****160	49	CT10036025-CT10036073
PGD SOC SON	NGUYEN VAN SAM	*****522	1	CT10054515-CT10054515
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN SANG	*****623	2	CT10061080-CT10061081
CN BINH DUONG	NGUYEN VAN SANG	*****760	12	CT10055707-CT10055718
CN DA NANG	NGUYEN VAN SANG	*****432	37	DN10066027-DN10066058; TD10001216-TD10001220
PGD DAI KIM	NGUYEN VAN SANG	*****572	7	CT10086592-CT10086598
CN THANH HOA	NGUYEN VAN SAU	*****116	1	EB10001817-EB10001817
CN BAC NINH	NGUYEN VAN SINH	*****118	1	CT10137566-CT10137566

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN SINH	*****600	22	CT10033447-CT10033468
PGD LY THUONG KIET-DN	NGUYEN VAN SINH	*****916	1	EB10002544-EB10002544
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN VAN SOI	*****256	49	CT10120746-CT10120794
PGD QUAN THANH	NGUYEN VAN SON	*****009	15	CT10105542-CT10105556
CN QUANG NINH	NGUYEN VAN SON	*****412	1	EB10000502-EB10000502
PGD NGOC LAM	NGUYEN VAN SON	*****750	22	CT10066179-CT10066200
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN SON	*****924	6	CT10037676-CT10037676; TD10000321-TD10000325
PGD TIEN AN	NGUYEN VAN SON	*****075	1	CT10052508-CT10052508
CN DAI AN	NGUYEN VAN SON	*****225	1	CT10060895-CT10060895
CN HAI DUONG	NGUYEN VAN SON	*****380	43	DN10000614-DN10000650; EB10000049-EB10000049; TD10005416-TD10005420
CN HUE	NGUYEN VAN SON	*****519	2	CT10004844-CT10004845
CN TAN BINH	NGUYEN VAN SON	*****710	2	CT10144967-CT10144968
CN DA NANG	NGUYEN VAN SON	*****772	2	CT10012817-CT10012818
PGD DAI KIM	NGUYEN VAN SON	*****997	10	CT10088535-CT10088544
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN SU	*****272	1	CT10084984-CT10084984
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN SU	*****377	25	CT10000116-CT10000140
CN BAC NINH	NGUYEN VAN SUC	*****589	7	CT10092501-CT10092507
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN SY	*****059	9	CT10012307-CT10012315
PGD DOI CAN	NGUYEN VAN SY	*****093	4	CT10137220-CT10137223
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN TAI	*****355	1	EB10001718-EB10001718
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN TAI	*****671	3	CT10002646-CT10002648
PGD LE CHAN	NGUYEN VAN TAI	*****756	5	TD10002771-TD10002775
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN TAM	*****743	1	EB10002983-EB10002983
PGD VINH HOANG	NGUYEN VAN TAM	*****767	7	CT10103045-CT10103051
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN TAM	*****230	70	CT10012543-CT10012556; DN10106503-DN10106552; EB10002580-EB10002580; TD10007756-TD10007760
CN HA DONG	NGUYEN VAN TAM	*****939	2	CT10075614-CT10075615
CN CAN THO	NGUYEN VAN TAN	*****003	15	CT10032497-CT10032511

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LANG THUONG	NGUYEN VAN TAN	*****130	41	CT10022704-CT10022708; DN10036831-DN10036861; TD10009401-TD10009405
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TAN	*****536	2	CT10151002-CT10151003
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN TAN	*****725	3	CT10102004-CT10102006
CN NGHE AN	NGUYEN VAN TAN	*****183	7	CT10145461-CT10145467
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN TAN	*****214	10	TD10009286-TD10009295
PGD LAN ONG	NGUYEN VAN TAN	*****365	39	CT10041854-CT10041892
CN HAI AN	NGUYEN VAN TAN	*****501	14	CT10127205-CT10127213; TD10004866-TD10004870
PGD HO GUOM	NGUYEN VAN TANG	*****134	12	CT10068763-CT10068774
PGD TU SON	NGUYEN VAN TAP	*****798	92	CT10027622-CT10027628; DN10045999-DN10046073; TD10010131-TD10010140
PGD KIM LIEN	NGUYEN VAN THA	*****083	23	CT10138348-CT10138370
CN TIEN GIANG	NGUYEN VAN THACH	*****789	5	CT10164714-CT10164718
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN THAI	*****127	25	CT10148445-CT10148469
PGD THANH SEN	NGUYEN VAN THAI	*****250	2	CT10120522-CT10120523
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN THAI	*****685	50	DN10024682-DN10024731
PGD SOC SON	NGUYEN VAN THAI	*****886	1	CT10019856-CT10019856
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN THAN	*****042	7	CT10146388-CT10146394
CN DONG DA	NGUYEN VAN THANG	*****137	1	CT10112986-CT10112986
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN THANG	*****532	1	EB10002382-EB10002382
PGD LE THANH TONG	NGUYEN VAN THANG	*****875	2	CT10089900-CT10089901
CN HA NOI	NGUYEN VAN THANG	*****031	12	CT10124386-CT10124397
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN THANG	*****438	1	EB10000498-EB10000498
CN DONG DA	NGUYEN VAN THANG	*****755	15	CT10027583-CT10027597
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN THANG	*****929	5	CT10106647-CT10106651
PGD KIM VAN	NGUYEN VAN THANH	*****059	10	TD10010621-TD10010630
CN LANG HA	NGUYEN VAN THANH	*****159	1	CT10033857-CT10033857
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN THANH	*****180	7	CT10056917-CT10056923
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN THANH	*****528	4	CT10131566-CT10131569
PGD VINH HOANG	NGUYEN VAN THANH	*****756	1	EB10002395-EB10002395
CN BAC NINH	NGUYEN VAN THANH	*****122	10	TD10006306-TD10006315
CN NGHE AN	NGUYEN VAN THANH	*****144	1	CT10096283-CT10096283
CN TIEN GIANG	NGUYEN VAN THANH	*****317	5	CT10094138-CT10094142
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN THANH	*****391	4	CT10000761-CT10000764

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TO HIEU	NGUYEN VAN THANH	*****419	30	DN10024987-DN10025016
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN THANH	*****483	3	CT10151632-CT10151634
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN THANH	*****889	30	CT10072046-CT10072075
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN THANH	*****937	16	CT10040974-CT10040989
CN BINH DUONG	NGUYEN VAN THANH	*****976	3	CT10101814-CT10101816
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN THANH	*****989	1	CT10127244-CT10127244
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN THANH TAM	*****876	1	EB10003129-EB10003129
CN DONG DA	NGUYEN VAN THAO	*****049	20	CT10046608-CT10046627
CN TAN BINH	NGUYEN VAN THAO	*****071	1	CT10003245-CT10003245
CN LANG HA	NGUYEN VAN THE	*****983	10	DN10070869-DN10070878
PGD TRAN PHU	NGUYEN VAN THEP	*****415	2	CT10098609-CT10098610
PGD DAI KIM	NGUYEN VAN THIEN	*****496	8	CT10024128-CT10024135
CN HA NOI	NGUYEN VAN THIEN	*****684	1	EB10001505-EB10001505
PGD LAN ONG	NGUYEN VAN THIEN	*****958	10	TD10000766-TD10000775
CN DA NANG	NGUYEN VAN THIEN TAM	*****748	12	CT10130699-CT10130710
PGD PHO YEN	NGUYEN VAN THIEU	*****377	2	CT10027923-CT10027924
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN THIN	*****577	1	EB10001018-EB10001018
PGD TON DAN	NGUYEN VAN THINH	*****230	1	EB10000632-EB10000632
PGD VAN QUAN	NGUYEN VAN THINH	*****774	1	EB10001269-EB10001269
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN THINH	*****051	25	CT10142574-CT10142598
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN THINH	*****151	15	CT10096569-CT10096583
PGD TRUONG THI	NGUYEN VAN THINH	*****647	9	CT10071691-CT10071699
PGD VAN QUAN	NGUYEN VAN THO	*****290	1	EB10002908-EB10002908
PGD TAY HO	NGUYEN VAN THO	*****238	10	CT10096043-CT10096052
CN DONG DA	NGUYEN VAN THO	*****660	15	CT10108123-CT10108137
CN NHA TRANG	NGUYEN VAN THO	*****968	1	EB10002592-EB10002592
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN THOAN	*****095	25	CT10144291-CT10144315
CN DAK LAK	NGUYEN VAN THOAN	*****749	2	CT10066229-CT10066230
PGD QUANG PHU	NGUYEN VAN THONG	*****219	13	DN10105999-DN10106011
CN BINH DINH	NGUYEN VAN THONG	*****299	60	DN10071266-DN10071325
CN DAI AN	NGUYEN VAN THU	*****063	14	CT10149929-CT10149942
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN THU	*****548	41	DN10070335-DN10070375
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN THU	*****366	4	CT10033624-CT10033627
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN THU	*****973	1	CT10087415-CT10087415

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TAY HO	NGUYEN VAN THUAN	*****218	49	CT10155868-CT10155916
PGD SOC SON	NGUYEN VAN THUAN	*****501	25	CT10148018-CT10148042
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN THUAN	*****819	12	DN10032236-DN10032247
CN TAN PHU	NGUYEN VAN THUAN	*****899	3	CT10087019-CT10087021
PGD XUAN LA	NGUYEN VAN THUONG	*****224	45	CT10101210-CT10101254
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN THUONG	*****440	15	CT10073197-CT10073211
PGD MY DINH	NGUYEN VAN THUONG	*****660	8	CT10126865-CT10126872
PGD SAO DO	NGUYEN VAN THUY	*****069	1	EB10000346-EB10000346
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN THUY	*****608	10	TD10002876-TD10002885
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN VAN THUYET	*****291	1	CT10081153-CT10081153
PGD SOC SON	NGUYEN VAN TICH	*****443	5	TD10008416-TD10008420
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN TIEC	*****022	12	CT10108073-CT10108084
CN DAI AN	NGUYEN VAN TIEM	*****747	12	CT10135347-CT10135358
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VAN TIEN	*****059	26	CT10076734-CT10076759
CN HAI AN	NGUYEN VAN TIEN	*****541	1	CT10147650-CT10147650
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN TIEN	*****249	15	CT10014746-CT10014760
PGD HA LONG	NGUYEN VAN TIEN	*****260	13	DN10052099-DN10052111
PGD HAM NGHI	NGUYEN VAN TIEN	*****557	1	EB10000700-EB10000700
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN VAN TIEN	*****629	1	CT10145930-CT10145930
PGD HOANG DIEU	NGUYEN VAN TIEN	*****744	8	CT10035319-CT10035326
PGD GIA LOC	NGUYEN VAN TIEN	*****748	40	DN10069290-DN10069324; TD10001581-TD10001585
CN HAI AN	NGUYEN VAN TIEN	*****793	1	CT10076517-CT10076517
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN TIEN	*****857	50	CT10149230-CT10149279
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN TIEP	*****370	74	CT10047726-CT10047799
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TIEP	*****568	4	CT10012256-CT10012259
CN TAN BINH	NGUYEN VAN TIEU	*****650	22	CT10126024-CT10126045
PGD THAI THINH	NGUYEN VAN TINH	*****009	10	CT10120182-CT10120191
PGD BACH DANG	NGUYEN VAN TINH	*****297	1	CT10058571-CT10058571
CN HA DONG	NGUYEN VAN TINH	*****451	15	CT10020641-CT10020655
CN HUE	NGUYEN VAN TINH	*****489	50	CT10028320-CT10028369

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN TOAN	*****120	18	CT10139667-CT10139684
PGD YEN PHU	NGUYEN VAN TOAN	*****221	50	CT10014371-CT10014420
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN TOAN	*****286	2	CT10126224-CT10126225
CN HAI AN	NGUYEN VAN TOAN	*****418	65	CT10134152-CT10134175; DN10004344-DN10004373; EB10000198-EB10000198; TD10005986-TD10005995
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN TOAN	*****990	3	CT10044824-CT10044826
CN BAC NINH	NGUYEN VAN TOAN	*****233	4	CT10083301-CT10083304
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN TOAN	*****518	56	CT10122612-CT10122667
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN TOAN	*****565	3	CT10134491-CT10134493
CN TIEN GIANG	NGUYEN VAN TOAN	*****841	1	CT10006980-CT10006980
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN TOAN	*****884	11	EB10001061-EB10001061; TD10002726-TD10002735
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN TONG	*****701	34	CT10061842-CT10061875
PGD TAY HO	NGUYEN VAN TRAN	*****000	16	CT10053581-CT10053596
PGD THANH DONG	NGUYEN VAN TRANG	*****095	3	CT10027034-CT10027036
CN DONG DA	NGUYEN VAN TRANH	*****789	110	DN10037285-DN10037384; TD10009306-TD10009315
PGD TRUONG THI	NGUYEN VAN TRI	*****149	2	CT10089927-CT10089928
CN DONG DA	NGUYEN VAN TRIEN	*****420	1	EB10000772-EB10000772
PGD SOC SON	NGUYEN VAN TRIEN	*****680	1	CT10066159-CT10066159
CN QUANG NGAI	NGUYEN VAN TRIET	*****652	1	CT10027598-CT10027598
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TRINH	*****247	5	TD10002136-TD10002140
CN HA NOI	NGUYEN VAN TRUNG	*****132	1	EB10001538-EB10001538
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TRUNG	*****212	13	CT10063869-CT10063881
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN TRUNG	*****363	59	CT10080100-CT10080148; TD10008046-TD10008055
CN BINH DINH	NGUYEN VAN TRUNG	*****321	5	CT10046576-CT10046580
CN HAI AN	NGUYEN VAN TRUNG	*****342	5	CT10062566-CT10062570
CN AN GIANG	NGUYEN VAN TRUNG	*****358	1	CT10078886-CT10078886
CN BINH DUONG	NGUYEN VAN TRUNG	*****380	1	EB10002829-EB10002829
CN DONG DA	NGUYEN VAN TRUNG	*****985	15	CT10039786-CT10039800
CN QUANG NGAI	NGUYEN VAN TRUNG	*****989	1	EB10001051-EB10001051
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN TRUNG	*****706	1	CT10045989-CT10045989

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN TRUONG	*****117	1	CT10063742-CT10063742
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN TRUONG	*****161	22	CT10128633-CT10128654
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TRUONG	*****660	3	CT10152508-CT10152510
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN TRUONG	*****720	15	CT10023940-CT10023954
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN TRUONG	*****753	9	CT10137306-CT10137314
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN VAN TRUONG	*****343	1	EB10003355-EB10003355
CN TAN BINH	NGUYEN VAN TRUONG	*****508	2	CT10057162-CT10057163
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN TRUONG	*****553	3	CT10104551-CT10104553
PGD TON DAN	NGUYEN VAN TRUONG	*****981	3	CT10016829-CT10016831
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VAN TU	*****027	17	CT10013392-CT10013408
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TU	*****280	7	CT10136101-CT10136107
CN LANG HA	NGUYEN VAN TU	*****936	49	CT10061706-CT10061754
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN TU	*****972	106	CT10011542-CT10011563; DN10106070-DN10106148; TD10007601-TD10007605
PGD Krong Nang	NGUYEN VAN TU	*****393	45	DN10044295-DN10044339
PGD BINH TAN	NGUYEN VAN TU	*****669	1	EB10001560-EB10001560
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN TU	*****873	24	CT10114109-CT10114132
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN TUAN	*****475	3	CT10011924-CT10011926
PGD AU CO	NGUYEN VAN TUAN	*****495	27	CT10145310-CT10145336
CN TAN BINH	NGUYEN VAN TUAN	*****625	7	CT10043510-CT10043516
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN TUAN	*****640	25	CT10084078-CT10084102
HUB THE CHAP MB 1	NGUYEN VAN TUAN	*****730	80	CT10076355-CT10076359; DN10108065-DN10108134; TD10007781-TD10007785
CN HA DONG	NGUYEN VAN TUAN	*****823	23	CT10004522-CT10004544
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VAN TUAN	*****830	1	EB10001165-EB10001165
PGD KIM LIEN	NGUYEN VAN TUAN	*****091	10	CT10081143-CT10081152

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN VAN TUAN	*****423	2	CT10095515-CT10095516
CN LANG HA	NGUYEN VAN TUAN	*****467	50	CT10123017-CT10123066
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN TUAN	*****501	33	DN10006929-DN10006956; TD10006251-TD10006255
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN TUAN	*****546	20	CT10139148-CT10139167
PGD NUI THANH	NGUYEN VAN TUAN	*****573	34	CT10154202-CT10154235
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN TUAN	*****764	4	CT10017903-CT10017906
CN HAI AN	NGUYEN VAN TUAN	*****777	14	CT10078161-CT10078174
CN LONG BIEN	NGUYEN VAN TUAN	*****789	10	TD10006576-TD10006585
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN TUAN	*****841	1	CT10033437-CT10033437
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN TUC	*****419	5	CT10067694-CT10067698
CN SAI GON	NGUYEN VAN TUNG	*****418	1	EB10001361-EB10001361
CN DONG DA	NGUYEN VAN TUNG	*****097	28	CT10150147-CT10150174
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN TUNG	*****344	1	CT10158531-CT10158531
CN DAI AN	NGUYEN VAN TUNG	*****625	12	CT10154022-CT10154033
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VAN TUNG	*****631	2	CT10096742-CT10096743
PGD HAO NAM	NGUYEN VAN TUNG	*****888	15	CT10092081-CT10092095
PGD BACH DANG	NGUYEN VAN TUY	*****760	3	CT10013143-CT10013145
PGD THU DAU 1	NGUYEN VAN TUY	*****778	12	CT10098164-CT10098175
PGD DIEN KHANH	NGUYEN VAN TUY	*****887	1	CT10148495-CT10148495
PGD QUAN 8	NGUYEN VAN TUYEN	*****008	1	EB10000401-EB10000401
PGD NGOC HOI	NGUYEN VAN TUYEN	*****107	7	CT10027040-CT10027046
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VAN TUYEN	*****762	25	CT10027925-CT10027949
CN VINH PHUC	NGUYEN VAN TUYEN	*****916	39	CT10031077-CT10031115
CN HAI AN	NGUYEN VAN TUYEN	*****973	1	EB10000885-EB10000885
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN TUYEN	*****032	1	CT10069372-CT10069372
CN LANG HA	NGUYEN VAN TUYEN	*****299	4	CT10073273-CT10073276
PGD DIEN KHANH	NGUYEN VAN TUYEN	*****345	3	CT10007658-CT10007660
CN BAC NINH	NGUYEN VAN TUYEN	*****349	26	CT10039199-CT10039218; EB10001510-EB10001510; TD10001206-TD10001210
PGD VAN QUAN	NGUYEN VAN TUYEN	*****525	1	EB10002869-EB10002869
CN BAC NINH	NGUYEN VAN TUYEN	*****670	1	EB10002625-EB10002625
CN THAI NGUYEN	NGUYEN VAN TUYEN	*****981	4	CT10033263-CT10033266
SEABANK LE DUAN	NGUYEN VAN TY	*****401	4	CT10036202-CT10036205

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD CAM RANH	NGUYEN VAN TY	*****557	4	CT10061884-CT10061887
CN CAU GIAY	NGUYEN VAN UAN	*****118	15	CT10107206-CT10107220
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN VAN UT	*****425	1	EB10000499-EB10000499
PGD CAM RANH	NGUYEN VAN UT	*****112	66	DN10036665-DN10036724; EB10003098-EB10003098; TD10009281-TD10009285
PGD BOTANIC	NGUYEN VAN VAN	*****385	1	CT10094703-CT10094703
CN THANH XUAN	NGUYEN VAN VE	*****782	3	CT10055272-CT10055274
PGD VAN XUAN	NGUYEN VAN VIEN	*****574	25	CT10062130-CT10062154
PGD CAM PHA	NGUYEN VAN VIEN	*****862	7	DN10106736-DN10106742
PGD DAO TAN	NGUYEN VAN VIEN	*****205	7	CT10113482-CT10113488
PGD TAY HO	NGUYEN VAN VIET	*****244	8	CT10072038-CT10072045
CN HAI PHONG	NGUYEN VAN VIET	*****066	19	CT10115861-CT10115879
CN DAK LAK	NGUYEN VAN VIET	*****089	20	DN10098586-DN10098605
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VAN VIET	*****463	25	CT10121592-CT10121616
CN DA NANG	NGUYEN VAN VIET	*****776	150	DN10099149-DN10099298
CN TAN BINH	NGUYEN VAN VIET	*****880	2	CT10010790-CT10010791
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN VAN VIET	*****968	1	CT10044908-CT10044908
CN HAI AN	NGUYEN VAN VINH	*****145	8	CT10050221-CT10050228
PGD VINH HAI	NGUYEN VAN VINH	*****108	25	CT10019239-CT10019263
CN BINH DUONG	NGUYEN VAN VINH	*****176	125	CT10081349-CT10081358; DN10028811-DN10028905; TD10008631-TD10008650
CN DA NANG	NGUYEN VAN VINH	*****515	3	CT10135089-CT10135091
PGD THANH CONG	NGUYEN VAN VINH	*****646	34	CT10031126-CT10031159
CN HA DONG	NGUYEN VAN VO	*****423	8	CT10006739-CT10006746
PGD DAI TU	NGUYEN VAN VONG	*****870	1	CT10064962-CT10064962
PGD HANG KENH	NGUYEN VAN VU	*****107	12	CT10034589-CT10034600
CN BAC NINH	NGUYEN VAN VU	*****622	49	CT10128497-CT10128545
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VAN VUONG	*****346	53	CT10103705-CT10103746; EB10001460-EB10001460; TD10000936-TD10000945
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN VUONG	*****245	1	EB10000199-EB10000199
CN DA NANG	NGUYEN VAN VUONG	*****855	1	EB10002634-EB10002634
CN KIEN GIANG	NGUYEN VAN XE	*****593	11	DN10005507-DN10005517
PGD DI AN	NGUYEN VAN XUAN	*****705	240	DN10043513-DN10043752

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VAN XUONG	*****073	5	TD10002281-TD10002285
CN HA NOI	NGUYEN VI HOANG	*****063	13	CT10056325-CT10056337
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VI QUANG	*****257	4	CT10112108-CT10112111
CN THANH XUAN	NGUYEN VIET ANH	*****372	15	CT10066036-CT10066050
CN HA DONG	NGUYEN VIET ANH	*****785	10	CT10051972-CT10051981
PGD BA TRIEU	NGUYEN VIET ANH	*****112	10	CT10095322-CT10095331
CN LONG BIEN	NGUYEN VIET ANH	*****167	42	CT10122864-CT10122905
CN HAI DUONG	NGUYEN VIET ANH	*****203	3	CT10078101-CT10078103
PGD HO TUNG MAU	NGUYEN VIET ANH	*****678	21	CT10126314-CT10126334
CN LONG BIEN	NGUYEN VIET BAO	*****285	12	CT10117055-CT10117066
PGD GIA LAM	NGUYEN VIET BINH	*****085	1	CT10092798-CT10092798
PGD TAY HO	NGUYEN VIET CHUNG	*****711	37	CT10055742-CT10055778
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET CUONG	*****023	3	CT10164290-CT10164292
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VIET CUONG	*****025	49	CT10158278-CT10158326
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN VIET CUONG	*****294	10	TD10005631-TD10005640
CN QUANG NINH	NGUYEN VIET CUONG	*****398	1	EB10000027-EB10000027
PGD HO DAC DI	NGUYEN VIET CUONG	*****211	9	CT10012262-CT10012270
CN THANH XUAN	NGUYEN VIET CUONG	*****373	11	CT10117792-CT10117802
PGD XUAN LA	NGUYEN VIET CUONG	*****484	25	CT10061755-CT10061779
CN VINH PHUC	NGUYEN VIET DUC	*****880	11	CT10078611-CT10078621
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN VIET DUC	*****907	17	CT10147048-CT10147064
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET DUNG	*****137	24	CT10124097-CT10124120
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET DUNG	*****447	3	CT10050478-CT10050480
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN VIET DUNG	*****671	5	CT10053500-CT10053504
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VIET DUNG	*****821	3	CT10093531-CT10093533
CN DAK LAK	NGUYEN VIET DUNG	*****184	5	DN10094740-DN10094744
PGD MY DINH	NGUYEN VIET DUNG	*****514	1	CT10061146-CT10061146
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VIET DUNG	*****444	8	CT10086754-CT10086761

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET DUONG	*****233	15	CT10040959-CT10040973
PGD QUAN THANH	NGUYEN VIET HA	*****040	22	CT10115983-CT10116004
PGD KIM VAN	NGUYEN VIET HA	*****274	30	CT10127174-CT10127203
CN PHU MY HUNG	NGUYEN VIET HA	*****511	1	CT10029164-CT10029164
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VIET HA	*****256	2	CT10066216-CT10066217
CN DA NANG	NGUYEN VIET HA	*****657	10	CT10001765-CT10001774
CN HAI AN	NGUYEN VIET HAI	*****890	1	CT10021159-CT10021159
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VIET HAI	*****219	4	CT10019762-CT10019765
CN DA NANG	NGUYEN VIET HAI HA	*****368	5	CT10133159-CT10133163
CN LONG BIEN	NGUYEN VIET HANG	*****732	4	CT10039662-CT10039665
PGD NGUYEN VAN CU	NGUYEN VIET HAO	*****407	1	CT10005717-CT10005717
PGD BA TRIEU	NGUYEN VIET HUNG	*****212	4	CT10042422-CT10042425
CN HA NOI	NGUYEN VIET HUNG	*****283	10	CT10091452-CT10091460; EB10003234-EB10003234
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VIET HUNG	*****668	5	CT10087939-CT10087943
PGD DOI CAN	NGUYEN VIET HUNG	*****681	50	CT10154903-CT10154952
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET HUNG	*****770	1	CT10057823-CT10057823
CN DONG DA	NGUYEN VIET HUNG	*****889	5	TD10005301-TD10005305
CN DAI AN	NGUYEN VIET HUNG	*****996	17	CT10118116-CT10118132
PGD HAM NGHI	NGUYEN VIET HUNG	*****181	7	CT10028681-CT10028687
CN CAN THO	NGUYEN VIET HUNG	*****502	1	CT10044113-CT10044113
CN DAI AN	NGUYEN VIET HUNG	*****641	54	CT10089500-CT10089553
PGD LAN ONG	NGUYEN VIET HUNG	*****680	21	CT10139532-CT10139552
PGD PHO YEN	NGUYEN VIET HUY	*****172	9	CT10163530-CT10163538
CN DAI AN	NGUYEN VIET HUY	*****866	5	CT10059216-CT10059220
CN NHA TRANG	NGUYEN VIET KHANH	*****726	5	CT10119374-CT10119378
PGD LANG THUONG	NGUYEN VIET KIEN	*****461	35	DN10046163-DN10046192; TD10010251-TD10010255
CN HAI AN	NGUYEN VIET LAM	*****891	2	CT10048017-CT10048018
CN SO GIAO DICH	NGUYEN VIET LINH	*****569	30	CT10079608-CT10079637
CN DONG DA	NGUYEN VIET LINH	*****321	1	EB10001706-EB10001706
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VIET LINH	*****812	4	CT10001923-CT10001926
CN CAU GIAY	NGUYEN VIET NGA	*****878	4	CT10063319-CT10063322
CN TAN BINH	NGUYEN VIET NGOC TRINH	*****355	25	CT10135208-CT10135232

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HUE	NGUYEN VIET PHI LONG	*****664	1	CT10039243-CT10039243
PGD LANG THUONG	NGUYEN VIET PHUONG	*****081	7	CT10060063-CT10060069
PGD VAN QUAN	NGUYEN VIET QUAN	*****123	22	CT10088784-CT10088805
CN HUE	NGUYEN VIET QUANG HIEN	*****778	3	CT10142008-CT10142010
CN THANH XUAN	NGUYEN VIET SON	*****108	57	CT10157281-CT10157337
CN HA NOI	NGUYEN VIET SON	*****182	12	CT10070059-CT10070070
CN DA NANG	NGUYEN VIET TAM	*****341	25	CT10097374-CT10097398
PGD PHU LAM	NGUYEN VIET TAN	*****617	27	CT10005718-CT10005744
CN DA NANG	NGUYEN VIET TAN	*****323	2	CT10097348-CT10097349
CN DONG DA	NGUYEN VIET THANG	*****034	37	CT10151796-CT10151832
CN DAI AN	NGUYEN VIET THANG	*****549	1	CT10100108-CT10100108
CN PHU MY HUNG	NGUYEN VIET THANG	*****940	2	CT10155031-CT10155032
PGD HO GUOM	NGUYEN VIET TIEN	*****453	3	CT10093450-CT10093452
CN CAU GIAY	NGUYEN VIET TIEN	*****886	2	CT10000807-CT10000808
CN THANH HOA	NGUYEN VIET TOAN	*****044	60	DN10001846-DN10001905
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN VIET TOAN	*****405	1	CT10166229-CT10166229
PGD THU DAU 1	NGUYEN VIET TRINH	*****229	301	DN10108382-DN10108681; EB10002653-EB10002653
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VIET TRUNG	*****275	2	CT10070847-CT10070848
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VIET TRUNG	*****759	1	CT10073776-CT10073776
CN CAU GIAY	NGUYEN VIET TRUONG	*****040	5	CT10040731-CT10040735
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VIET TRUONG	*****887	45	CT10096184-CT10096228
PGD XUAN LA	NGUYEN VIET TUAN	*****462	56	CT10096299-CT10096354
CN DONG DA	NGUYEN VIET TUNG	*****714	18	CT10030211-CT10030228
CN QUANG NINH	NGUYEN VIET TUNG	*****741	1	CT10157449-CT10157449
CN DONG DA	NGUYEN VIET TUNG	*****943	7	CT10049783-CT10049789
CN SAI GON	NGUYEN VIET TUONG	*****956	15	CT10077933-CT10077947
PGD TAY HO	NGUYEN VIET VIET	*****077	25	CT10005004-CT10005028
CN VINH PHUC	NGUYEN VIET VINH	*****581	1	EB10003050-EB10003050
PGD TRAN DUY HUNG	NGUYEN VIET VUONG	*****854	14	CT10007632-CT10007645
CN LANG HA	NGUYEN VIET VUONG	*****594	3	CT10151991-CT10151993

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN QUANG NGAI	NGUYEN VIET VUONG QUOC	*****647	2	CT10043215-CT10043216
PGD VAN QUAN	NGUYEN VIET XO	*****144	1	CT10155249-CT10155249
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VIET XUAN	*****050	12	CT10121313-CT10121324
PGD YEN PHU	NGUYEN VIET XUAN	*****853	1	EB10001139-EB10001139
CN DONG DA	NGUYEN VINH	*****204	7	CT10042111-CT10042117
PGD TAN PHAT	NGUYEN VINH PHONG	*****694	2	CT10117599-CT10117600
CN BINH DINH	NGUYEN VINH PHU	*****604	13	CT10088696-CT10088708
CN DAI AN	NGUYEN VINH QUANG	*****917	18	CT10068564-CT10068581
CN QUANG NGAI	NGUYEN VINH QUANG	*****520	1	CT10142670-CT10142670
CN BINH DUONG	NGUYEN VINH TRUNG	*****596	3	CT10104405-CT10104407
CN DA NANG	NGUYEN VINH TRUNG	*****793	3	CT10036446-CT10036448
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VINH TUAN	*****278	5	CT10034778-CT10034782
CN DA NANG	NGUYEN VO NHAT VU	*****720	9	CT10147065-CT10147073
CN BINH DINH	NGUYEN VO TUONG VY	*****445	2	CT10141340-CT10141341
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN VO VUONG HANH	*****683	1	EB10002710-EB10002710
CN TAN BINH	NGUYEN VU ANH	*****958	43	CT10031648-CT10031690
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN VU BANG TAM	*****250	13	CT10034725-CT10034737
PGD PHO YEN	NGUYEN VU CUONG	*****944	27	DN10002850-DN10002876
PGD LE QUANG DINH	NGUYEN VU GIAO	*****405	3	CT10034340-CT10034342
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN VU GIAP	*****712	1	EB10000136-EB10000136
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN VU HA	*****467	4	CT10101578-CT10101581
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VU HUNG	*****129	25	CT10065034-CT10065058
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VU HUNG	*****249	24	CT10028437-CT10028460
CN SAI GON	NGUYEN VU HUNG	*****571	2	CT10088044-CT10088045
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VU HUY	*****240	24	CT10008833-CT10008856
CN BAC NINH	NGUYEN VU KIEN	*****780	1	CT10062093-CT10062093
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN VU LONG	*****060	20	CT10164654-CT10164673
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VU LONG	*****479	16	CT10078694-CT10078709

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LAC LONG QUAN	NGUYEN VU MINH	*****312	17	CT10041552-CT10041568
CN LANG HA	NGUYEN VU MINH TU	*****251	125	DN10040170-DN10040289; TD10009746-TD10009750
CN DAK LAK	NGUYEN VU NGHIA	*****980	5	TD10011251-TD10011255
HUB PAYROLL MB	NGUYEN VU OANH QUYNH	*****940	25	CT10162712-CT10162736
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN VU PHONG	*****564	9	CT10138285-CT10138293
PGD HAM NGHI	NGUYEN VU PHU	*****876	11	CT10159804-CT10159814
CN THANH XUAN	NGUYEN VU QUAN	*****389	10	CT10097355-CT10097364
PGD TRUNG HOA	NGUYEN VU QUANG	*****689	12	CT10079989-CT10080000
PGD DIEN BIEN PHU	NGUYEN VU THANG	*****062	6	CT10002151-CT10002156
PGD MY CA	NGUYEN VU THANH	*****141	1	EB10003217-EB10003217
CN TIEN GIANG	NGUYEN VU THANH	*****351	24	CT10010123-CT10010146
CN HAI AN	NGUYEN VU THU	*****206	1	CT10098510-CT10098510
PGD KIM LIEN	NGUYEN VU THUY AN	*****752	4	CT10047554-CT10047557
PGD DA KAO	NGUYEN VU THUY HA	*****967	4	CT10000371-CT10000374
PGD TAN PHAT	NGUYEN VU TRUONG	*****027	4	CT10101419-CT10101422
CN DAI AN	NGUYEN VUONG ANH	*****907	3	CT10147646-CT10147648
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN XUAN BANG	*****107	8	DN10005878-DN10005884; EB10000235-EB10000235
CN NHA TRANG	NGUYEN XUAN BINH MINH	*****157	1	CT10001038-CT10001038
PGD SOC SON	NGUYEN XUAN CANH	*****608	1	EB10002504-EB10002504
PGD DUC PHO	NGUYEN XUAN CANH	*****672	1	CT10124480-CT10124480
CN CAU GIAY	NGUYEN XUAN CHAU	*****120	21	CT10100963-CT10100983
CN DAI AN	NGUYEN XUAN CHIEN	*****235	20	CT10019772-CT10019791
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN CHIEN	*****610	5	CT10164949-CT10164953
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN CHINH	*****127	25	CT10109741-CT10109765
CN VUNG TAU	NGUYEN XUAN CHINH	*****050	2	CT10152686-CT10152687
CN TP. HO CHI MINH	NGUYEN XUAN CONG	*****021	2	CT10106178-CT10106179
CN LANG HA	NGUYEN XUAN CUONG	*****869	10	TD10003926-TD10003935
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN CUONG	*****059	14	DN10105868-DN10105881

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN VINH PHUC	NGUYEN XUAN CUONG	*****074	1	EB10000821-EB10000821
PGD NGUYEN SY SACH	NGUYEN XUAN CUONG	*****179	2	CT10098881-CT10098882
CN DAI AN	NGUYEN XUAN DAI	*****710	47	CT10017285-CT10017331
CN THAI NGUYEN	NGUYEN XUAN DAI	*****031	39	DN10065837-DN10065864; EB10001514-EB10001514; TD10001116-TD10001125
CN LANG HA	NGUYEN XUAN DO	*****959	2	CT10032090-CT10032091
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN XUAN DOAN	*****242	4	CT10091759-CT10091762
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN DOANH	*****698	18	CT10086195-CT10086212
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN DOANH	*****761	5	CT10037000-CT10037004
PGD THANG LONG	NGUYEN XUAN DONG	*****306	1	EB10000115-EB10000115
PGD LACH TRAY 2	NGUYEN XUAN DUC	*****149	10	CT10002386-CT10002390; TD10006506-TD10006510
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN XUAN DUC	*****284	17	CT10139008-CT10139024
CN DAI AN	NGUYEN XUAN DUC	*****401	9	CT10127437-CT10127445
PGD DONG CAT	NGUYEN XUAN GIANG	*****578	1	CT10072076-CT10072076
TT KH CC MIEN BAC 2	NGUYEN XUAN HAI	*****270	3	CT10105418-CT10105420
PGD VINH HOANG	NGUYEN XUAN HAI	*****802	9	CT10064878-CT10064886
CN TAN PHU	NGUYEN XUAN HAM	*****625	24	CT10159747-CT10159770
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN HAU	*****372	1	CT10101444-CT10101444
PGD GIA LOC	NGUYEN XUAN HIEU	*****396	22	DN10056354-DN10056370; TD10000001-TD10000005
PGD KIM VAN	NGUYEN XUAN HOA	*****335	58	CT10031876-CT10031933
PGD VAN QUAN	NGUYEN XUAN HOANG	*****026	1	EB10000348-EB10000348
PGD QUAN 1	NGUYEN XUAN HOANG	*****297	1	CT10101813-CT10101813
PGD NGUYEN NGOC NAI	NGUYEN XUAN HOANG	*****373	1	CT10066375-CT10066375
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN HOANG	*****182	25	CT10040191-CT10040215

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN THANH	NGUYEN XUAN HOANG	*****850	47	CT10117572-CT10117576; DN10079013-DN10079049; TD10003436-TD10003440
CN DAI AN	NGUYEN XUAN HOANG	*****891	45	CT10018521-CT10018565
PGD XUAN LA	NGUYEN XUAN HOANG	*****687	44	CT10133642-CT10133646; DN10004806-DN10004834; TD10005916-TD10005925
CN HAI AN	NGUYEN XUAN HONG	*****634	1	EB10000789-EB10000789
CN SO GIAO DICH	NGUYEN XUAN HUNG	*****776	1	CT10146812-CT10146812
CN VINH PHUC	NGUYEN XUAN HUNG	*****921	80	DN10039074-DN10039153
CN NGHE AN	NGUYEN XUAN HUNG	*****051	9	CT10059609-CT10059617
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN HUNG	*****719	16	CT10079182-CT10079197
PGD THU DAU 1	NGUYEN XUAN HUNG	*****864	1	CT10033852-CT10033852
CN THANH XUAN	NGUYEN XUAN HUY	*****378	1	CT10064980-CT10064980
PGD LE THAI TO	NGUYEN XUAN HUY	*****974	10	CT10049953-CT10049962
SEABANK LE DUAN	NGUYEN XUAN KHOI	*****379	10	CT10039291-CT10039300
CN DAI AN	NGUYEN XUAN KIEN	*****585	1	CT10034478-CT10034478
CN HUE	NGUYEN XUAN KY	*****876	1	CT10137276-CT10137276
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN LAM	*****407	17	CT10062155-CT10062160; EB10000028-EB10000028; TD10005346-TD10005355
CN DONG DA	NGUYEN XUAN LAP	*****695	2	CT10090396-CT10090397
CN NHA TRANG	NGUYEN XUAN LE DUY	*****810	1	EB10001255-EB10001255
PGD TRAN HUNG DAO	NGUYEN XUAN LIEU YEN NHI	*****023	1	CT10098043-CT10098043
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN LOI	*****076	9	CT10097911-CT10097919
CN DAK LAK	NGUYEN XUAN LONG	*****005	5	TD10001201-TD10001205
CN THAI NGUYEN	NGUYEN XUAN LONG	*****516	1	EB10001162-EB10001162
PGD LE THANH TONG	NGUYEN XUAN LONG	*****772	3	CT10135013-CT10135015
PGD DONG SON	NGUYEN XUAN LUAN	*****527	14	CT10145065-CT10145078
PGD MY CA	NGUYEN XUAN MAI	*****933	1	EB10002897-EB10002897
CN HAI DUONG	NGUYEN XUAN MANH	*****417	1	EB10001359-EB10001359
CN HA NOI	NGUYEN XUAN MANH	*****585	1	EB10001497-EB10001497
CN HA NOI	NGUYEN XUAN MINH	*****027	1	CT10130730-CT10130730

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TON THAT TUNG	NGUYEN XUAN MINH	*****623	35	DN10041817-DN10041851
PGD TIEN AN	NGUYEN XUAN MINH	*****074	10	CT10001968-CT10001977
CN HAI AN	NGUYEN XUAN MINH	*****955	13	CT10065380-CT10065387; TD10005446-TD10005450
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN MO	*****297	1	CT10007932-CT10007932
CN HA DONG	NGUYEN XUAN NAM	*****130	1	EB10000883-EB10000883
CN THAI NGUYEN	NGUYEN XUAN NGHI	*****426	51	DN10023581-DN10023630; EB10000565-EB10000565
CN NHA TRANG	NGUYEN XUAN NGHIA	*****467	1	EB10002237-EB10002237
CN DONG DA	NGUYEN XUAN PHU	*****145	35	CT10063218-CT10063252
PGD LE CHAN	NGUYEN XUAN PHU	*****726	10	CT10025136-CT10025145
PGD BA TRIEU	NGUYEN XUAN PHUONG	*****272	9	CT10143430-CT10143438
HUB PAYROLL MB	NGUYEN XUAN PHUONG	*****939	12	CT10065391-CT10065402
CN HAI DUONG	NGUYEN XUAN QUAN	*****404	36	CT10043128-CT10043136; DN10067679-DN10067700; TD10001446-TD10001450
PGD TAY HO	NGUYEN XUAN QUAN	*****792	1	EB10000374-EB10000374
HUB PAYROLL MB	NGUYEN XUAN QUANG	*****442	5	CT10087184-CT10087188
CN HA DONG	NGUYEN XUAN QUANG	*****447	90	DN10038704-DN10038793
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN QUAT	*****082	6	CT10005443-CT10005448
PGD NGUYEN HUU HUAN	NGUYEN XUAN QUYET	*****818	10	CT10149099-CT10149108
PGD SO SAO	NGUYEN XUAN QUYNH	*****362	12	CT10128603-CT10128614
CN DONG NAI	NGUYEN XUAN QUYNH	*****701	1	CT10118994-CT10118994
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN SON	*****263	4	CT10037326-CT10037329
CN AN GIANG	NGUYEN XUAN SON	*****543	1	CT10095019-CT10095019
CN HA DONG	NGUYEN XUAN SON	*****947	14	CT10005866-CT10005879
CN HA TINH	NGUYEN XUAN TAM	*****985	5	CT10003039-CT10003043
CN BAC NINH	NGUYEN XUAN TAN	*****071	5	TD10011161-TD10011165
CN HAI DUONG	NGUYEN XUAN THAI	*****743	5	CT10003235-CT10003239

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGOC LAM	NGUYEN XUAN THAI	*****397	2	CT10079696-CT10079697
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN THANG	*****046	46	CT10118363-CT10118408
HUB PAYROLL MB	NGUYEN XUAN THANG	*****149	16	CT10084582-CT10084597
CN QUANG NINH	NGUYEN XUAN THANG	*****019	1	CT10093900-CT10093900
CN HA NOI	NGUYEN XUAN THANG	*****360	1	EB10002377-EB10002377
PGD YEN PHU	NGUYEN XUAN THANG	*****489	3	CT10004110-CT10004112
PGD THANH CONG	NGUYEN XUAN THANH	*****013	54	CT10056397-CT10056450
PGD HAO NAM	NGUYEN XUAN THANH	*****982	12	CT10148000-CT10148011
CN HAI PHONG	NGUYEN XUAN THIEM	*****115	10	CT10080944-CT10080953
HUB THE VA TIN CHAP MN	NGUYEN XUAN THO	*****398	2	CT10140226-CT10140227
CN TAN PHU	NGUYEN XUAN THU	*****470	7	CT10108938-CT10108944
CN HA DONG	NGUYEN XUAN THUONG	*****727	19	CT10144118-CT10144136
CN DA NANG	NGUYEN XUAN THUONG	*****586	1	CT10114837-CT10114837
CN VUNG TAU	NGUYEN XUAN THUY	*****040	4	CT10084033-CT10084036
CN DA NANG	NGUYEN XUAN THUY	*****201	1	EB10001402-EB10001402
CN THANH HOA	NGUYEN XUAN THUY	*****517	7	CT10142722-CT10142728
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN XUAN TIEN	*****010	4	CT10159650-CT10159653
PGD LE CHAN	NGUYEN XUAN TIEN	*****962	1	CT10163412-CT10163412
PGD LE CHAN	NGUYEN XUAN TINH	*****850	30	DN10066899-DN10066918; TD10001276-TD10001285
CN TAN PHU	NGUYEN XUAN TOAN	*****041	1	CT10112498-CT10112498
CN SAI GON	NGUYEN XUAN TOAN	*****680	1300	DN10110487-DN10111786
TT KHCC MIEN BAC 1	NGUYEN XUAN TRUNG	*****917	1	EB10000247-EB10000247
PGD QUAN 1	NGUYEN XUAN TRUONG	*****525	21	CT10059770-CT10059790
PGD YEN PHU	NGUYEN XUAN TRUONG	*****268	6	CT10054624-CT10054629

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	NGUYEN XUAN TRUONG	*****954	70	DN10069599-DN10069668
CN LANG HA	NGUYEN XUAN TRUONG	*****966	14	CT10025456-CT10025469
CN BAC NINH	NGUYEN XUAN TRUONG	*****997	24	CT10153624-CT10153647
CN THAI NGUYEN	NGUYEN XUAN TU	*****696	9	CT10071459-CT10071467
PGD QUAN THANH	NGUYEN XUAN TUAN	*****175	2	CT10086814-CT10086815
PGD DOI CAN	NGUYEN XUAN TUAN ANH	*****727	24	CT10012565-CT10012588
PGD HA LONG	NGUYEN XUAN TUNG	*****477	1	EB10000102-EB10000102
PGD HONG BANG	NGUYEN XUAN TUNG	*****780	10	CT10165371-CT10165375; TD10008166-TD10008170
CN THANH XUAN	NGUYEN XUAN TUYEN	*****052	2	CT10014843-CT10014844
PGD DONG SON	NGUYEN XUAN VAN	*****632	1	CT10117958-CT10117958
PGD XUAN LA	NGUYEN XUAN VINH	*****362	67	CT10113797-CT10113863
CN SAI GON	NGUYEN Y TRANG	*****706	15	CT10073451-CT10073465
CN CAN THO	NGUYEN YEN DAN THY	*****002	13	CT10056465-CT10056477
PGD THAI THINH	NGUYEN YEN NGOC	*****772	1	CT10118656-CT10118656
HUB PAYROLL MB	NGUYEN YEN NHI	*****062	10	CT10075780-CT10075789
CN CAN THO	NGUYEN YEN TIEN	*****003	10	TD10000971-TD10000980
CN SAI GON	NHAM MONG HA	*****728	14	CT10086966-CT10086979
PGD YEN PHU	NHAM PHI NGUYET CANH	*****607	1	EB10000072-EB10000072
CN SAI GON	NHAN DUC MY DUYEN	*****311	44	CT10003182-CT10003225
CN TAN BINH	NHAN KIET LE	*****308	1	CT10110244-CT10110244
PGD QUAN 7	NHAN NGOC MINH	*****016	1	EB10000731-EB10000731
CN SAI GON	NHAN NGOC MY	*****807	5	CT10029881-CT10029885
PGD HOA BINH	NHAN THI CAM MY LE	*****063	14	CT10092864-CT10092877
SEABANK LE DUAN	NHAN THI THANH PHUONG	*****664	10	CT10113018-CT10113027
HUB PAYROLL MB	NHU DINH BA	*****683	13	CT10155196-CT10155208
CN THANH XUAN	NHU QUYNH ANH	*****171	49	CT10112937-CT10112985
CN THAI NGUYEN	NHU THANH TUNG	*****190	15	CT10017723-CT10017732; TD10008536-TD10008540
HUB PAYROLL MB	NHU THI KHANH MINH	*****194	6	CT10055280-CT10055285
PGD BA TRIEU	NHU THI THU HANG	*****768	4	CT10108698-CT10108701
CN HA NOI	NHU THI THUY ANH	*****701	1	CT10065454-CT10065454

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	NHU VAN DAI	*****613	1	CT10033401-CT10033401
PGD THANH DONG	NHU VAN LOI	*****620	5	CT10069067-CT10069071
PGD LE CHAN	NHU VAN SON	*****769	1	CT10043460-CT10043460
CN HA DONG	NHU XUAN THANG	*****683	19	CT10114292-CT10114310
PGD Krong Nang	NIE H PENH	*****676	3	DN10003120-DN10003122
PGD BACH MAI	NINH CHAU TUAN	*****042	24	CT10101328-CT10101351
CN SAI GON	NINH DUC LOC	*****132	5	CT10069836-CT10069840
HUB THE VA TIN CHAP MB	NINH DUC TRANG	*****839	25	CT10099070-CT10099094
CN BINH DUONG	NINH DUC TUAN	*****363	3	CT10100206-CT10100208
PGD BACH DANG	NINH DUC YEN	*****547	1	CT10161951-CT10161951
HUB THE VA TIN CHAP MB	NINH MINH THANH	*****034	24	CT10062469-CT10062492
CN SO GIAO DICH	NINH QUYNH HOA	*****748	2	CT10095355-CT10095356
CN BAC NINH	NINH THE VUONG	*****303	3	CT10033843-CT10033845
CN CAU GIAY	NINH THI HANG	*****222	2	CT10087293-CT10087294
CN DONG DA	NINH THI LAN HUONG	*****381	2	CT10101657-CT10101658
PGD NGOC LAM	NINH THI TIEN	*****434	9	CT10157780-CT10157788
PGD NGUYEN NGOC NAI	NINH TUAN DAT	*****336	1	EB10003085-EB10003085
PGD VINH HOANG	NINH VAN KHOI	*****064	44	CT10110904-CT10110947
CN THANH HOA	NINH VAN SUC	*****489	1	CT10087657-CT10087657
CN DAI AN	NONG DUC KIEN	*****972	5	TD10002996-TD10003000
CN HA NOI	NONG HAI YEN	*****783	6	CT10047226-CT10047231
CN BINH DUONG	NONG HUU THANH	*****586	2	CT10066004-CT10066005
PGD TRAN KHAT CHAN	NONG NGOC QUANG	*****619	21	CT10047370-CT10047390
PGD TU SON	NONG QUANG THANG	*****141	1	EB10001035-EB10001035
CN THAI NGUYEN	NONG QUOC HUNG	*****449	2	CT10064275-CT10064276
CN CAU GIAY	NONG QUOC TUAN	*****011	9	CT10118107-CT10118115
PGD PHO YEN	NONG THANH THUY	*****892	110	DN10106286-DN10106395
PGD HO GUOM	NONG THANH XUYEN	*****512	5	TD10006096-TD10006100
PGD XUAN LA	NONG THI DAO	*****476	14	CT10013373-CT10013386
CN BINH DINH	NONG THI LAN	*****120	3	DN10071171-DN10071173
PGD NGOC LAM	NONG THI OANH	*****611	2	CT10043538-CT10043539
PGD Krong Nang	NONG THI THANH	*****163	7	DN10035363-DN10035369
PGD THAI THINH	NONG THI THANH MAI	*****054	1	CT10143807-CT10143807
PGD HO DAC DI	NONG THI THANH VAN	*****002	1	CT10087902-CT10087902

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BA TRIEU	NONG THI THUY OANH	*****294	7	CT10132285-CT10132291
HUB THE CHAP MN	NONG VAN DUONG	*****797	3	CT10108348-CT10108350
CN TP. HO CHI MINH	NONG Y HIEU	*****037	19	CT10150073-CT10150091
PGD TU SON	NUNG THI LAN	*****645	1	EB10000327-EB10000327
PGD DAO TAN	ON NGOC KHUE	*****448	7	CT10138214-CT10138220
CN DONG DA	ON QUANG HIEU	*****163	24	CT10161722-CT10161745
CN TAN BINH	ON TINH NGHI	*****591	2	CT10112931-CT10112932
PGD DIEN BIEN PHU	ONG ICH HIEN TRAM	*****851	3	CT10074870-CT10074872
CN TAN PHU	ONG TAN PHI	*****368	1	EB10002598-EB10002598
CN CAN THO	ONG THANH TU	*****017	25	DN10022745-DN10022769
SEABANK LE DUAN	ONG THI LE THU	*****266	4	CT10155919-CT10155922
CN NGHE AN	ONG THI QUYNH NGA	*****906	3	CT10021407-CT10021409
PGD NGUYEN SY SACH	ONG THI THU HIEN	*****132	15	CT10081920-CT10081934
PGD HOANG DIEU	ONG VINH AN	*****555	6	CT10164137-CT10164142
CN NHA TRANG	ORLOV SERGEI	*****148	1	EB10000993-EB10000993
TT KHCC MIEN BAC 1	PARK SUK GON	*****792	2	CT10084076-CT10084077
HUB THE VA TIN CHAP MB	PETER JAMES SALT	*****290	16	CT10107556-CT10107571
PGD YEN PHU	PETER PAUL RYAN	*****574	2	CT10110590-CT10110591
CN SO GIAO DICH	PETER WILLIAM ENGLISH	*****489	1	EB10000382-EB10000382
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM AI LY	*****867	1	CT10117054-CT10117054
CN DA NANG	PHAM ANH CHI	*****801	6	CT10009561-CT10009566
CN DAI AN	PHAM ANH DUC	*****999	44	CT10128168-CT10128211
PGD DA KAO	PHAM ANH DUNG	*****718	8	CT10063882-CT10063889
CN TIEN GIANG	PHAM ANH DUY	*****561	13	CT10098281-CT10098283; DN10054037-DN10054041; TD10011116-TD10011120
CN HAI PHONG	PHAM ANH HUNG	*****852	10	CT10031510-CT10031519
CN HA DONG	PHAM ANH HUYEN	*****136	49	CT10067371-CT10067419
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM ANH LAM TOAN	*****711	1	CT10008601-CT10008601

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	PHAM ANH NGOC	*****158	24	CT10090624-CT10090647
CN LANG HA	PHAM ANH NGOC	*****706	12	CT10123949-CT10123960
CN DONG DA	PHAM ANH NGOC	*****742	9	CT10117818-CT10117826
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM ANH QUAN	*****271	1	EB10000074-EB10000074
CN HAI PHONG	PHAM ANH TOAN	*****273	1	CT10067707-CT10067707
PGD TRAN HUNG DAO	PHAM ANH TRUONG	*****215	10	CT10124721-CT10124730
CN SO GIAO DICH	PHAM ANH TU	*****526	4	CT10137315-CT10137318
CN TAN BINH	PHAM ANH TUAN	*****200	20	CT10158573-CT10158592
PGD HONG BANG	PHAM ANH TUAN	*****895	3	CT10039161-CT10039163
PGD NGUYEN SY SACH	PHAM ANH TUAN	*****494	35	CT10100331-CT10100365
CN HAI PHONG	PHAM ANH TUAN	*****646	7	CT10152658-CT10152664
PGD LE VAN SY	PHAM ANH TUAN	*****688	4	CT10101141-CT10101144
PGD LANG THUONG	PHAM ANH TUYET	*****238	9	CT10080001-CT10080009
CN HAI DUONG	PHAM BA CHIEU	*****610	5	CT10123352-CT10123356
PGD LAC LONG QUAN	PHAM BA CUONG	*****490	1	EB10000948-EB10000948
PGD HAN THUYEN	PHAM BA HOANG	*****145	12	CT10069571-CT10069577; TD10006851-TD10006855
CN SO GIAO DICH	PHAM BA PHUC	*****491	1	CT10044076-CT10044076
CN HAI DUONG	PHAM BA SAU	*****692	9	DN10027224-DN10027232
PGD HAO NAM	PHAM BACH DUONG	*****856	1	EB10002245-EB10002245
PGD VAN QUAN	PHAM BAO CHAU	*****709	23	CT10162823-CT10162845
CN DA NANG	PHAM BAO HOA	*****325	57	CT10118670-CT10118726
PGD LE THAI TO	PHAM BAO KHANH	*****693	26	CT10134560-CT10134585
CN SO GIAO DICH	PHAM BICH LIEN	*****815	1	CT10072945-CT10072945
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAM BINH DUONG	*****570	1	EB10002082-EB10002082
CN HAI PHONG	PHAM CAM THU	*****724	19	CT10075617-CT10075620; DN10107985-DN10107994; TD10007871-TD10007875
CN DAI AN	PHAM CAM VAN	*****287	5	CT10008893-CT10008897
PGD DAI KIM	PHAM CANH DUONG	*****003	1	CT10114459-CT10114459
CN HAI PHONG	PHAM CAO DANG	*****299	1	CT10159999-CT10159999
CN DA NANG	PHAM CAO DUONG	*****394	2	CT10102600-CT10102601
CN HA NOI	PHAM CHI CONG	*****436	10	CT10052223-CT10052232
CN DAI AN	PHAM CHI DUNG	*****557	11	CT10048588-CT10048598

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	PHAM CHI THANG	*****486	13	CT10137985-CT10137997
PGD CONG HOA	PHAM CHI TRUNG	*****419	2	CT10142499-CT10142500
CN QUANG NINH	PHAM CHINH THANH TIEN	*****455	1	EB10000802-EB10000802
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM CONG BINH	*****743	3	CT10022150-CT10022152
PGD KIM LIEN	PHAM CONG CHINH	*****814	46	CT10062218-CT10062263
CN HAI AN	PHAM CONG DU	*****341	3	CT10029218-CT10029220
CN DONG DA	PHAM CONG HAI	*****474	2	CT10000597-CT10000598
HUB PAYROLL MB	PHAM CONG HIEU	*****886	7	CT10075704-CT10075710
PGD GIA LOC	PHAM CONG HOA	*****788	1	CT10111804-CT10111804
CN DAK LAK	PHAM CONG LINH	*****005	16	CT10159953-CT10159963; TD10005091-TD10005095
CN CAN THO	PHAM CONG MINH HUU	*****231	1	EB10001038-EB10001038
CN CA MAU	PHAM CONG PHUONG VU	*****370	1	EB10002018-EB10002018
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM CONG SON	*****509	17	CT10057145-CT10057161
CN THANH XUAN	PHAM CONG TAN	*****067	50	CT10048683-CT10048732
CN DA NANG	PHAM CONG TAU	*****261	5	CT10074306-CT10074310
PGD LACH TRAY 2	PHAM CONG THANH	*****561	1	EB10002188-EB10002188
CN SO GIAO DICH	PHAM CONG THANH	*****589	9	CT10142085-CT10142093
PGD MY DINH	PHAM CONG TRIEU	*****647	19	CT10149038-CT10149056
CN TAN BINH	PHAM CONG TUAN	*****321	5	CT10036816-CT10036820
PGD HO TUNG MAU	PHAM CONG TUAN ANH	*****997	15	CT10032836-CT10032850
HUB PAYROLL MB	PHAM DAC LONG	*****115	1	CT10005662-CT10005662
CN TP. HO CHI MINH	PHAM DANG DIEM	*****074	3	CT10004841-CT10004843
CN BAC NINH	PHAM DANG DUNG	*****829	2	CT10061120-CT10061121
CN SAI GON	PHAM DANG HOANG	*****241	33	CT10015417-CT10015438; DN10027551-DN10027561
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAM DANG KHOA	*****768	45	CT10064722-CT10064766
CN HUE	PHAM DANG QUANG	*****944	9	CT10125641-CT10125649
PGD DONG SON	PHAM DANG SON	*****946	1	CT10097450-CT10097450
CN DONG DA	PHAM DIEU TIEN	*****353	19	CT10110466-CT10110484

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	PHAM DINH CHANH	*****118	1	EB10002640-EB10002640
CN DAI AN	PHAM DINH DUNG	*****534	75	CT10127807-CT10127881
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM DINH HIEP	*****246	8	CT10047476-CT10047483
HUB PAYROLL MB	PHAM DINH HUYNH	*****908	1	CT10070363-CT10070363
CN NGHE AN	PHAM DINH LAM	*****909	1	CT10123357-CT10123357
CN SO GIAO DICH	PHAM DINH NAM	*****232	30	CT10081957-CT10081986
CN DAI AN	PHAM DINH NGUYEN	*****934	17	CT10058288-CT10058304
PGD HO GUOM	PHAM DINH NHU	*****462	1	CT10137232-CT10137232
CN HA DONG	PHAM DINH THANG	*****519	15	CT10009155-CT10009169
PGD TO HIEU	PHAM DINH THANH	*****619	1	EB10002741-EB10002741
PGD VINH HAI	PHAM DINH TIEN DAT	*****384	5	CT10026448-CT10026452
PGD XUAN LA	PHAM DINH TRUC	*****311	10	CT10074037-CT10074046
PGD THANG LONG	PHAM DINH TRUONG	*****010	1	EB10000754-EB10000754
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM DINH TRUONG	*****245	69	CT10060279-CT10060347
CN HA NOI	PHAM DINH TUAN	*****188	10	CT10120292-CT10120301
CN DAK LAK	PHAM DINH TUE	*****416	45	DN10068220-DN10068264
PGD NGUYEN LUONG BANG	PHAM DINH VINH	*****406	10	DN10096297-DN10096306
CN NHA TRANG	PHAM DO DAN PHONG	*****100	1	EB10000508-EB10000508
CN SO GIAO DICH	PHAM DOAN HUNG	*****588	1	EB10001012-EB10001012
PGD SAI DONG	PHAM DOAN QUYEN	*****165	1	EB10002618-EB10002618
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM DOAN SON	*****635	10	TD10001336-TD10001345
CN THANH XUAN	PHAM DOAN TIEN	*****933	7	CT10110627-CT10110633
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM DUC ANH	*****107	24	CT10153258-CT10153281
CN HAI AN	PHAM DUC BANG	*****503	13	CT10105911-CT10105913; DN10070444-DN10070448; TD10001656-TD10001660
CN HAI PHONG	PHAM DUC CUONG	*****108	2	CT10070825-CT10070826
PGD HAI DANG	PHAM DUC CUONG	*****678	4	CT10017692-CT10017695
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM DUC DUNG	*****999	1	CT10061898-CT10061898
PGD TO HIEU	PHAM DUC DUONG	*****105	18	CT10057478-CT10057495
CN CAU GIAY	PHAM DUC HAU	*****999	12	CT10142429-CT10142430; TD10010016-TD10010025
HUB PAYROLL MB	PHAM DUC HIEU	*****224	24	CT10039746-CT10039769

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM DUC HIEU	*****152	2	CT10045825-CT10045826
CN HUE	PHAM DUC HOAI	*****502	1	CT10035899-CT10035899
PGD VAN XUAN	PHAM DUC HUNG	*****033	29	CT10063983-CT10064011
PGD NGO GIA TU	PHAM DUC HUNG	*****498	16	CT10063744-CT10063759
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM DUC HUY	*****512	3	CT10096387-CT10096389
CN SO GIAO DICH	PHAM DUC KHANH	*****654	1	EB10002250-EB10002250
CN DAI AN	PHAM DUC LONG	*****105	13	CT10043354-CT10043366
PGD HO TUNG MAU	PHAM DUC LUYEN	*****486	35	CT10058572-CT10058606
CN DONG DA	PHAM DUC LUYEN	*****673	5	TD10010906-TD10010910
CN LONG BIEN	PHAM DUC MANH	*****142	3	CT10056462-CT10056464
CN BINH DUONG	PHAM DUC NHAT	*****659	10	CT10046597-CT10046606
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM DUC PHUONG	*****182	24	CT10041655-CT10041678
PGD PHO YEN	PHAM DUC QUY	*****615	3	CT10083335-CT10083337
CN LONG BIEN	PHAM DUC THANG	*****832	1	EB10003021-EB10003021
PGD HANG KENH	PHAM DUC THANH	*****366	1	EB10000478-EB10000478
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM DUC THAO	*****291	3	CT10058768-CT10058770
HUB PAYROLL MB	PHAM DUC THIEN	*****704	72	CT10065790-CT10065861
CN LANG HA	PHAM DUC THINH	*****005	7	CT10022947-CT10022953
CN HA NOI	PHAM DUC TIEN	*****032	3	CT10093958-CT10093960
PGD DAO TAN	PHAM DUC TOAN	*****184	1	CT10096858-CT10096858
CN HA DONG	PHAM DUC TOAN	*****246	1	CT10165473-CT10165473
CN HA NOI	PHAM DUC TRUNG	*****188	3	CT10141801-CT10141803
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAM DUC TUAN	*****463	1	EB10000621-EB10000621
CN THAI NGUYEN	PHAM DUC VIET	*****154	1	CT10160344-CT10160344
PGD DAO TAN	PHAM DUC VIET	*****563	2	CT10099794-CT10099795
CN SO GIAO DICH	PHAM DUNG	*****322	1	EB10000859-EB10000859
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM DUNG HUNG	*****506	2	CT10124337-CT10124338
CN HAI PHONG	PHAM DUY HIEN	*****230	6	CT10007693-CT10007698
PGD TAY HO	PHAM DUY HIEN	*****920	1	CT10083475-CT10083475
PGD KHANH HOI	PHAM DUY HIEN	*****268	1	CT10044907-CT10044907
CN SAI GON	PHAM DUY HIEN	*****847	1	EB10000012-EB10000012
CN DAI AN	PHAM DUY HIEU	*****437	22	CT10023470-CT10023491
PGD XUAN LA	PHAM DUY HOAN	*****183	45	CT10164369-CT10164413

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAM DUY KHA	*****697	1	EB10001680-EB10001680
CN SAI GON	PHAM DUY KHANH	*****672	136	DN10062188-DN10062323
PGD LANG THUONG	PHAM DUY KIEN	*****084	9	CT10112273-CT10112281
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM DUY LINH	*****870	4	CT10015965-CT10015968
CN NHA TRANG	PHAM DUY LUONG	*****174	1	EB10001090-EB10001090
CN CAU GIAI	PHAM DUY NGHIA	*****290	60	CT10029726-CT10029775; TD10010341-TD10010350
CN TP. HO CHI MINH	PHAM DUY NGON	*****966	1	EB10000194-EB10000194
CN DAI AN	PHAM DUY NGUYEN	*****012	20	CT10166914-CT10166933
CN LONG BIEN	PHAM DUY QUY	*****212	16	CT10092628-CT10092643
CN HAI PHONG	PHAM DUY TAN	*****520	2	CT10066619-CT10066620
PGD KIM LIEN	PHAM DUY THANH	*****840	67	CT10034377-CT10034443
PGD BACH MAI	PHAM DUY THANH	*****135	1	EB10001412-EB10001412
CN HAI DUONG	PHAM DUY VI	*****464	10	CT10057112-CT10057121
PGD NGOC HOI	PHAM GIA KHANH	*****833	10	CT10078361-CT10078370
CN DONG DA	PHAM GIA THACH	*****281	1	CT10100152-CT10100152
PGD NGOC LAM	PHAM GIANG SON	*****188	25	CT10111904-CT10111928
PGD NGOC HOI	PHAM HA AN	*****071	1	CT10078465-CT10078465
CN THANH HOA	PHAM HA GIANG	*****063	1	CT10163414-CT10163414
CN LONG BIEN	PHAM HA LAM	*****957	9	CT10006514-CT10006522
PGD VAN XUAN	PHAM HA LINH	*****805	7	CT10121958-CT10121964
PGD LAN ONG	PHAM HA LY	*****839	12	CT10115172-CT10115183
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM HA VY	*****828	1	CT10140170-CT10140170
CN CAN THO	PHAM HAI BINH	*****836	4	CT10147800-CT10147803
CN DAI AN	PHAM HAI DUC	*****981	50	CT10117982-CT10118031
PGD TO HIEU	PHAM HAI LINH	*****133	1	EB10002525-EB10002525
CN SAI GON	PHAM HAI MINH	*****648	16	CT10114502-CT10114517
CN HAI AN	PHAM HAI THANH	*****771	50	DN10094659-DN10094708
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM HANG NGUYET	*****307	24	CT10067916-CT10067939
CN SAI GON	PHAM HO SY DAT	*****712	6	CT10019566-CT10019571
CN NHA TRANG	PHAM HOA NAM	*****282	1	EB10002280-EB10002280
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM HOA TAM	*****509	3	CT10160350-CT10160352
CN THANH XUAN	PHAM HOAI ANH	*****722	28	CT10110186-CT10110213

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	PHAM HOAI LINH	*****904	10	CT10000850-CT10000854; TD10006336-TD10006340
CN HA DONG	PHAM HOAI LY	*****374	22	CT10159369-CT10159390
PGD KIM VAN	PHAM HOAI NAM	*****872	5	DN10112005-DN10112009
PGD TAN PHAT	PHAM HOAI TRONG	*****906	1	CT10052029-CT10052029
PGD BACH MAI	PHAM HOANG AN	*****498	75	CT10007776-CT10007850
CN SO GIAO DICH	PHAM HOANG ANH	*****328	54	CT10053657-CT10053710
PGD HANG KENH	PHAM HOANG ANH	*****454	5	CT10137169-CT10137173
CN TAN BINH	PHAM HOANG BAO NGOC	*****880	15	CT10098368-CT10098382
CN CAN THO	PHAM HOANG DUY	*****545	2	CT10154965-CT10154966
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM HOANG DUY	*****706	1	CT10063805-CT10063805
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAM HOANG GIA	*****446	1	EB10001623-EB10001623
CN QUANG NINH	PHAM HOANG GIANG	*****332	3	CT10076294-CT10076296
CN LONG BIEN	PHAM HOANG HAI	*****987	2	CT10002723-CT10002724
PGD HAI TAN	PHAM HOANG HIEP	*****789	12	CT10076123-CT10076134
CN TIEN GIANG	PHAM HOANG HUY	*****831	4	CT10018469-CT10018472
CN DAI AN	PHAM HOANG LONG	*****922	1	CT10119124-CT10119124
CN PHU MY HUNG	PHAM HOANG LONG	*****535	50	CT10052354-CT10052403
CN SAI GON	PHAM HOANG NGHI	*****039	2	CT10046983-CT10046984
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM HOANG PHUOC	*****187	2	CT10126835-CT10126836
HUB THE CHAP MN	PHAM HOANG SON	*****291	46	DN10080186-DN10080230; EB10001929-EB10001929
CN THAI NGUYEN	PHAM HOANG SON	*****706	1	CT10114162-CT10114162
CN SAI GON	PHAM HOANG THIEN SON	*****714	14	CT10130555-CT10130568
CN TAN PHU	PHAM HOANG THONG	*****256	51	CT10066959-CT10066965; DN10001597-DN10001635; TD10005546-TD10005550
CN SAI GON	PHAM HOANG THY VAN	*****447	2	CT10046952-CT10046953
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM HOANG TUAN	*****534	2	CT10064540-CT10064541
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM HOANG YEN	*****159	2	CT10056729-CT10056730
SEABANK LE DUAN	PHAM HONG BICH	*****997	1	CT10070224-CT10070224

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	PHAM HONG CHUONG	*****337	12	CT10020416-CT10020427
PGD CAM RANH	PHAM HONG CUC	*****848	75	DN10037069-DN10037142; EB10003099-EB10003099
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAM HONG DIEP	*****430	17	CT10033336-CT10033352
CN BAC NINH	PHAM HONG DUC	*****037	22	CT10160254-CT10160275
PGD TAY HO	PHAM HONG GIANG	*****993	25	CT10147514-CT10147538
HUB THE CHAP MN	PHAM HONG HAI	*****156	15	CT10008556-CT10008570
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM HONG HAI	*****156	1	EB10000922-EB10000922
CN HAI DUONG	PHAM HONG HAI	*****666	9	DN10019980-DN10019988
PGD XUAN LA	PHAM HONG HAI	*****714	40	CT10071386-CT10071425
PGD TRAN PHU	PHAM HONG HANH	*****141	2	CT10008258-CT10008259
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM HONG HANH	*****866	22	CT10126532-CT10126553
CN DA NANG	PHAM HONG HANH	*****908	5	CT10125163-CT10125167
CN LONG BIEN	PHAM HONG HOA	*****158	2	CT10093108-CT10093109
PGD LE CHAN	PHAM HONG MANH	*****864	1	CT10135135-CT10135135
PGD HO DAC DI	PHAM HONG MY	*****327	1	CT10161456-CT10161456
CN SO GIAO DICH	PHAM HONG NGA	*****576	1	CT10042673-CT10042673
CN HA NOI	PHAM HONG NGOC	*****168	175	DN10051623-DN10051792; TD10010941-TD10010945
PGD DAO TAN	PHAM HONG NGOC	*****301	5	CT10116927-CT10116931
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM HONG NHUNG	*****055	1	EB10001974-EB10001974
PGD KHAM THIEN	PHAM HONG PHONG	*****727	17	CT10063286-CT10063302
CN DONG DA	PHAM HONG QUAN	*****845	25	CT10035652-CT10035676
PGD GIA LAM	PHAM HONG THACH	*****900	1	EB10000709-EB10000709
CN TAN BINH	PHAM HONG THAI	*****012	1	CT10073562-CT10073562
CN SO GIAO DICH	PHAM HONG THAI	*****213	1	CT10075089-CT10075089
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM HONG THAI	*****687	5	CT10068145-CT10068149
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAM HONG THAI	*****744	1	CT10010792-CT10010792
CN SO GIAO DICH	PHAM HONG THANG	*****922	1	CT10154265-CT10154265
CN DONG DA	PHAM HONG THANG	*****552	1	CT10113268-CT10113268
PGD HO GUOM	PHAM HONG THU	*****393	1	EB10003097-EB10003097
CN DONG DA	PHAM HONG THUONG	*****052	10	CT10083279-CT10083288
CN TIEN GIANG	PHAM HONG TREN	*****437	1	CT10159368-CT10159368

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM HONG TRUNG	*****822	1	CT10161666-CT10161666
PGD DAO TAN	PHAM HONG TUAN	*****292	17	CT10000602-CT10000618
PGD MY CA	PHAM HONG VIET	*****752	3	CT10076377-CT10076379
PGD BOTANIC	PHAM HONG VINH	*****959	2	CT10029700-CT10029701
CN TP. HO CHI MINH	PHAM HONG YEN PHUONG	*****567	1	CT10097188-CT10097188
PGD DONG SON	PHAM HUNG CUONG	*****224	49	DN10067701-DN10067749
SEABANK LE DUAN	PHAM HUNG DUNG	*****515	1	CT10077382-CT10077382
CN NHA TRANG	PHAM HUNG HIEP	*****049	5	CT10074973-CT10074977
CN DONG NAI	PHAM HUNG MANH	*****091	4	CT10099100-CT10099103
CN HA NOI	PHAM HUNG SON	*****280	10	CT10088772-CT10088781
CN DAI AN	PHAM HUNG THANG	*****778	14	CT10031496-CT10031509
PGD KIM LIEN	PHAM HUNG VI	*****782	20	CT10151257-CT10151276
PGD VINH HOANG	PHAM HUNG VIET	*****843	3	CT10056716-CT10056718
PGD HO TUNG MAU	PHAM HUONG GIANG	*****439	14	CT10113491-CT10113504
CN THANH XUAN	PHAM HUONG LY	*****626	14	CT10145079-CT10145092
CN DONG DA	PHAM HUU CHUNG	*****808	10	TD10006221-TD10006230
CN THANH XUAN	PHAM HUU HIEN	*****032	15	CT10156345-CT10156359
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM HUU NAM	*****887	4	CT10094362-CT10094365
CN HAI PHONG	PHAM HUU NAM	*****167	6	CT10156048-CT10156053
CN TAN PHU	PHAM HUU PHI LONG	*****002	6	CT10022298-CT10022303
PGD DAO TAN	PHAM HUU TRI	*****525	22	CT10004115-CT10004136
PGD HOANG DIEU	PHAM HUY CHUONG	*****429	4	CT10031642-CT10031645
CN NHA TRANG	PHAM HUY CUONG	*****920	5	CT10164429-CT10164433
CN DONG NAI	PHAM HUY DUC	*****554	2	CT10017617-CT10017618
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM HUY HOANG	*****792	14	CT10034168-CT10034181
PGD TRUNG HOA	PHAM HUY KHANH	*****115	15	CT10030295-CT10030309
HUB THE CHAP MN	PHAM HUY LAM	*****563	49	DN10096681-DN10096723; EB10001021-EB10001021; TD10002476-TD10002480
CN HA NOI	PHAM HUY TUNG	*****037	1	EB10002540-EB10002540
CN SO GIAO DICH	PHAM HUYEN NHUNG	*****545	10	CT10128248-CT10128257
PGD LANG THUONG	PHAM HUYEN TRANG	*****878	1	CT10152739-CT10152739
CN SAI GON	PHAM HUYNH HANH	*****063	3	CT10073239-CT10073241

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	PHAM HUYNH HONG LOAN	*****818	90	CT10040902-CT10040908; DN10066644-DN10066715; EB10001555-EB10001555; TD10001376-TD10001385
CN SAI GON	PHAM HUYNH NHU	*****156	12	CT10003389-CT10003400
PGD BOTANIC	PHAM HUYNH NHU	*****350	8	CT10049230-CT10049232; TD10002451-TD10002455
CN KIEN GIANG	PHAM HUYNH NHU	*****398	6	CT10016172-CT10016177
PGD THANH CONG	PHAM KHAC HOAN	*****239	25	CT10042349-CT10042373
CN HAI AN	PHAM KHAC KIEN	*****418	1	CT10070192-CT10070192
SEABANK LE DUAN	PHAM KHAC NGOC	*****861	2	CT10018186-CT10018187
CN HAI PHONG	PHAM KHAC PHUC	*****206	3	CT10051812-CT10051814
PGD NGUYEN TRAI	PHAM KHAC THINH	*****257	10	CT10052455-CT10052464
CN QUANG NGAI	PHAM KHAC TIEN	*****354	3	CT10061696-CT10061698
CN HAI PHONG	PHAM KHAC TUAN	*****574	11	CT10113783-CT10113793
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM KHAI HOAN	*****555	11	CT10109096-CT10109106
CN DONG DA	PHAM KHANH HUONG	*****118	1	CT10165722-CT10165722
CN HA DONG	PHAM KHANH HUYEN	*****053	3	CT10100585-CT10100587
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM KHANH LINH	*****974	2	CT10146673-CT10146674
CN CAU GIAY	PHAM KHANH LY	*****631	1	EB10003117-EB10003117
CN HAI PHONG	PHAM KHANH LY	*****672	1	CT10076456-CT10076456
CN DONG DA	PHAM KHANH SON	*****759	3	CT10072107-CT10072109
CN HA NOI	PHAM KHANH TUNG	*****114	10	CT10044670-CT10044679
CN SO GIAO DICH	PHAM KIEU LIEN	*****635	20	CT10080259-CT10080268; TD10008071-TD10008080
PGD LAN ONG	PHAM KIEU LY	*****352	15	CT10076996-CT10077010
PGD LANG THUONG	PHAM KIEU MINH	*****783	1	EB10001773-EB10001773
CN DA NANG	PHAM KIEU MY	*****732	3	CT10046954-CT10046956
PGD DAO TAN	PHAM KIEU OANH	*****757	6	CT10119896-CT10119896; TD10003541-TD10003545
PGD KHANH HOI	PHAM KIM ANH	*****045	3	CT10034894-CT10034896
CN NGHE AN	PHAM KIM ANH	*****339	37	CT10029165-CT10029201
CN HAI AN	PHAM KIM CHI	*****840	24	CT10099024-CT10099047
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM KIM DO	*****946	24	CT10067520-CT10067543

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DUONG	PHAM KIM HOA	*****961	155	DN10003123-DN10003272; TD10005906-TD10005910
CN NGHE AN	PHAM KIM HUNG	*****342	2	CT10134478-CT10134479
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM KIM MAI	*****712	9	CT10140074-CT10140082
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM KIM NGAN	*****839	15	CT10009401-CT10009415
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM KINH KHA	*****157	2	CT10066113-CT10066114
HUB PAYROLL MB	PHAM KY NAM	*****447	2	CT10053579-CT10053580
CN DONG DA	PHAM LAN CHI	*****856	18	CT10031691-CT10031708
CN TAN PHU	PHAM LAN HUONG	*****206	1	CT10113912-CT10113912
PGD TAY HO	PHAM LAN HUONG	*****546	24	CT10071435-CT10071458
CN SO GIAO DICH	PHAM LAN PHUONG	*****173	1	EB10000857-EB10000857
PGD LE VAN SY	PHAM LE ANH	*****951	50	CT10004182-CT10004231
PGD HO TUNG MAU	PHAM LE HONG SON	*****172	1	CT10140021-CT10140021
CN NHA TRANG	PHAM LE HUU NGOAN	*****340	1	EB10001639-EB10001639
PGD AU CO	PHAM LE HUY	*****892	1	CT10105299-CT10105299
CN DONG DA	PHAM LE MINH	*****028	12	CT10000397-CT10000408
HUB PAYROLL MB	PHAM LE VAN	*****331	19	CT10040864-CT10040882
CN LANG HA	PHAM LE XUAN HUNG	*****763	124	CT10079864-CT10079987
CN LANG HA	PHAM LE XUAN THUY	*****015	46	CT10127553-CT10127598
PGD BA TRIEU	PHAM LE XUAT	*****406	55	CT10122420-CT10122474
CN DAI AN	PHAM LINH TRANG	*****030	13	CT10073098-CT10073105; TD10007166-TD10007170
PGD TUYEN SON	PHAM LONG	*****771	6	CT10081731-CT10081736
CN DA NANG	PHAM LONG TRAN	*****100	2	CT10144755-CT10144756
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM LUONG TU	*****955	24	CT10031574-CT10031597
CN HA NOI	PHAM MAI HUONG	*****924	23	CT10130116-CT10130138
PGD TU SON	PHAM MANH CUONG	*****447	1	EB10001301-EB10001301
CN SO GIAO DICH	PHAM MANH CUONG	*****604	2	CT10005493-CT10005494
CN THANH XUAN	PHAM MANH DUNG	*****381	21	CT10016659-CT10016679
CN THANH HOA	PHAM MANH HA	*****649	100	DN10066088-DN10066187
CN HAI PHONG	PHAM MANH HA	*****563	4	CT10123181-CT10123184
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM MANH HAI	*****579	3	CT10135136-CT10135138
CN DAI AN	PHAM MANH HUNG	*****042	45	CT10082566-CT10082610

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM MANH LINH	*****975	24	CT10061986-CT10062009
CN HA DONG	PHAM MANH QUAN	*****252	1	EB10002292-EB10002292
PGD VAN QUAN	PHAM MINH BAU	*****561	1	CT10074397-CT10074397
CN THANH XUAN	PHAM MINH CHINH	*****920	15	CT10145510-CT10145524
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM MINH DIEN	*****028	98	CT10154526-CT10154623
CN LANG HA	PHAM MINH DUC	*****488	5	CT10010557-CT10010561
CN DAI AN	PHAM MINH DUC	*****793	1	EB10001123-EB10001123
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM MINH DUC	*****954	34	CT10062041-CT10062074
CN THANH XUAN	PHAM MINH DUNG	*****025	29	CT10137277-CT10137305
PGD QUAN 11	PHAM MINH DUNG	*****848	19	CT10038109-CT10038127
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM MINH DUNG	*****983	24	CT10163963-CT10163986
CN HA DONG	PHAM MINH HAI	*****367	24	CT10120901-CT10120924
CN HA DONG	PHAM MINH HAI	*****335	13	CT10027007-CT10027019
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM MINH HANG	*****512	1	CT10101399-CT10101399
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM MINH HIEN	*****569	24	CT10048187-CT10048210
PGD BACH MAI	PHAM MINH HIEU	*****354	15	DN10098764-DN10098773; TD10002681-TD10002685
PGD LACH TRAY 1	PHAM MINH HIEU	*****920	21	CT10104076-CT10104096
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM MINH HOANG	*****797	3	CT10085308-CT10085310
CN HAI PHONG	PHAM MINH HOANG	*****335	15	CT10085151-CT10085165
PGD CAM RANH	PHAM MINH HOI	*****123	1	EB10002278-EB10002278
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM MINH HUE	*****006	8	CT10066297-CT10066304
CN DONG DA	PHAM MINH HUE	*****975	19	CT10058467-CT10058485
CN HA DONG	PHAM MINH HUE	*****587	30	CT10074541-CT10074570
CN DAI AN	PHAM MINH HUE	*****885	5	TD10002396-TD10002400
CN SAI GON	PHAM MINH HUONG	*****914	1	EB10003247-EB10003247
CN LONG BIEN	PHAM MINH LEN	*****269	1	CT10100929-CT10100929
CN CAU GIAY	PHAM MINH LUU	*****004	1	CT10120137-CT10120137
CN TAN PHU	PHAM MINH NGUYEN	*****636	1	CT10107634-CT10107634

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DI AN	PHAM MINH QUOC	*****479	280	CT10000794-CT10000797; DN10007160-DN10007429; EB10000287-EB10000287; TD10006286-TD10006290
PGD DI AN	PHAM MINH SON	*****832	1	CT10025731-CT10025731
CN SAI GON	PHAM MINH TAM	*****650	1	CT10123421-CT10123421
CN TP. HO CHI MINH	PHAM MINH TAM	*****680	1	EB10000456-EB10000456
PGD TRUONG THI	PHAM MINH TAN	*****844	14	CT10028761-CT10028774
CN HA NOI	PHAM MINH THANH	*****707	7	CT10087177-CT10087183
PGD BOTANIC	PHAM MINH THANH	*****862	5	CT10058702-CT10058706
CN QUANG NINH	PHAM MINH THANH	*****939	1	EB10000591-EB10000591
PGD LE THAI TO	PHAM MINH THU	*****815	1	EB10001871-EB10001871
CN HAI PHONG	PHAM MINH THUY	*****876	7	CT10046018-CT10046024
CN CAU GIAY	PHAM MINH TIEN	*****070	4	CT10021138-CT10021141
CN DA NANG	PHAM MINH TOAN	*****598	1	CT10098986-CT10098986
CN DONG DA	PHAM MINH TRANG	*****407	1	CT10056141-CT10056141
CN DAI AN	PHAM MINH TRIEU	*****707	1	EB10001572-EB10001572
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM MINH TUAN	*****185	1	CT10073063-CT10073063
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM MINH TUAN	*****487	1	CT10125223-CT10125223
PGD MY DINH	PHAM MINH VUONG	*****886	1	EB10000867-EB10000867
PGD NGUYEN SY SACH	PHAM MY LINH	*****369	8	CT10037279-CT10037286
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NAM TRUNG	*****340	10	CT10101802-CT10101811
CN BINH DINH	PHAM NGHUYEN LINH DA	*****517	3	DN10094403-DN10094405
CN TP. HO CHI MINH	PHAM NGO BAO	*****891	6	CT10038896-CT10038901
PGD MY CA	PHAM NGOC ANH	*****099	5	CT10018757-CT10018761
PGD LE THANH TONG	PHAM NGOC ANH	*****435	27	CT10068208-CT10068224; TD10006721-TD10006730
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAM NGOC ANH	*****648	50	DN10064676-DN10064725
PGD TRAN PHU	PHAM NGOC BA	*****939	83	CT10032472-CT10032479; DN10056452-DN10056520; EB10001221-EB10001221; TD10000106-TD10000110

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	PHAM NGOC BINH	*****126	8	CT10105602-CT10105609
CN NHA TRANG	PHAM NGOC CHUAN	*****279	1	EB10001500-EB10001500
CN DAK LAK	PHAM NGOC CHUONG	*****542	5	CT10095027-CT10095031
PGD TRAN PHU	PHAM NGOC CUONG	*****296	5	TD10004341-TD10004345
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC DOAN	*****338	1	CT10155523-CT10155523
CN THANH XUAN	PHAM NGOC DUNG	*****309	4	CT10160346-CT10160349
CN DAI AN	PHAM NGOC DUNG	*****583	1	CT10124121-CT10124121
CN THAI NGUYEN	PHAM NGOC DUNG	*****330	25	DN10043983-DN10044002; TD10009931-TD10009935
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM NGOC DUNG	*****743	1	CT10166228-CT10166228
HUB PAYROLL MB	PHAM NGOC DUONG	*****958	25	CT10146018-CT10146042
PGD NGUYEN LUONG BANG	PHAM NGOC DUONG	*****635	1	EB10002770-EB10002770
CN DAI AN	PHAM NGOC DUONG	*****836	24	CT10071655-CT10071678
CN DAK LAK	PHAM NGOC GIAU	*****022	4	CT10126383-CT10126386
CN DA NANG	PHAM NGOC HAI	*****433	2	CT10114380-CT10114381
CN HA DONG	PHAM NGOC HIEN	*****654	99	CT10148819-CT10148917
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM NGOC HIEU	*****805	1	CT10157583-CT10157583
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC HOA	*****197	2	CT10022411-CT10022412
PGD NGUYEN LUONG BANG	PHAM NGOC HUNG	*****182	1	CT10056021-CT10056021
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM NGOC KHUE	*****468	10	CT10143677-CT10143686
PGD DA KAO	PHAM NGOC KIEU DUNG	*****870	5	CT10102305-CT10102309
HUB PAYROLL MB	PHAM NGOC LAM	*****284	7	CT10070777-CT10070783
CN HAI AN	PHAM NGOC LAM	*****782	4	CT10084463-CT10084466
PGD BACH MAI	PHAM NGOC LAN	*****495	20	CT10056975-CT10056994
CN THAI NGUYEN	PHAM NGOC LAN	*****682	9	CT10086599-CT10086607
CN LANG HA	PHAM NGOC LAN	*****815	1	CT10092188-CT10092188
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM NGOC LONG	*****301	9	CT10070888-CT10070896
CN DAI AN	PHAM NGOC MANH	*****033	2	CT10056912-CT10056913
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM NGOC MINH	*****508	1	CT10108609-CT10108609

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC NAM	*****710	2	CT10135375-CT10135376
CN THANH XUAN	PHAM NGOC PHAN	*****331	1	CT10121858-CT10121858
PGD TRAN HUNG DAO	PHAM NGOC PHU	*****235	1	CT10158191-CT10158191
CN HAI AN	PHAM NGOC QUANG	*****394	1	EB10002992-EB10002992
PGD DAI KIM	PHAM NGOC SON	*****882	26	CT10132757-CT10132782
PGD SAO DO	PHAM NGOC SUYEN	*****127	3	CT10042911-CT10042913
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC TAM	*****142	3	CT10108898-CT10108900
CN HAI PHONG	PHAM NGOC TAN	*****846	6	CT10042290-CT10042295
PGD LAN ONG	PHAM NGOC THANG	*****818	57	CT10022354-CT10022410
CN NHA TRANG	PHAM NGOC THAO NHIE	*****317	1	EB10001972-EB10001972
CN DAK LAK	PHAM NGOC THINH	*****633	6	CT10105315-CT10105315; TD10001646-TD10001650
PGD KHANH HOI	PHAM NGOC THUAN	*****000	1	EB10001044-EB10001044
PGD NGOC LAM	PHAM NGOC TOAN	*****365	29	CT10036901-CT10036924; TD10000366-TD10000370
CN NHA TRANG	PHAM NGOC TOAN	*****118	1	EB10002210-EB10002210
CN DA NANG	PHAM NGOC TOAN	*****970	1	CT10103834-CT10103834
PGD LE QUANG DINH	PHAM NGOC TRAM ANH	*****773	1	EB10002534-EB10002534
PGD CAM RANH	PHAM NGOC TRUNG	*****154	1	EB10000662-EB10000662
HUB PAYROLL MB	PHAM NGOC TU	*****813	24	CT10027243-CT10027266
PGD NGUYEN KHANH TOAN	PHAM NGOC TUAN	*****218	7	CT10097649-CT10097655
PGD DOI CAN	PHAM NGOC TUAN	*****580	95	DN10065282-DN10065366; TD10001126-TD10001135
CN HA DONG	PHAM NGOC TUAN	*****642	8	CT10128302-CT10128309
PGD TO HIEU	PHAM NGOC TUAN DUONG	*****538	8	CT10134234-CT10134241
PGD TON DAN	PHAM NGOC TUNG	*****227	4	CT10151730-CT10151733
CN LANG HA	PHAM NGOC TUNG	*****259	10	TD10001616-TD10001625
PGD XUAN LA	PHAM NGOC TUNG	*****807	9	CT10160291-CT10160299
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC VIET DUNG	*****683	1	CT10068499-CT10068499
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM NGOC VUONG	*****168	1	EB10002312-EB10002312

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NGOC VUONG TOAN	*****599	7	DN10035992-DN10035998
CN DA NANG	PHAM NGUYEN NAM HAI	*****679	9	CT10091081-CT10091089
CN TP. HO CHI MINH	PHAM NGUYEN PHUONG THAO	*****039	1	CT10068922-CT10068922
CN VUNG TAU	PHAM NGUYEN TAM THIEN	*****827	6	CT10054526-CT10054531
PGD DI AN	PHAM NGUYEN THANH HANG	*****907	6	CT10043348-CT10043353
CN TIEN GIANG	PHAM NGUYEN TRUONG AN	*****463	5	TD10006641-TD10006645
CN LANG HA	PHAM NGUYET LINH	*****370	1	CT10002016-CT10002016
CN LONG BIEN	PHAM NGUYET MINH	*****829	19	CT10145965-CT10145983
CN DONG NAI	PHAM NHAT MINH	*****645	1	CT10145294-CT10145294
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM NHAT TUYET PHUONG	*****200	10	CT10074611-CT10074620
PGD BA TRIEU	PHAM NHU DANG	*****417	1	EB10002174-EB10002174
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM NHU QUYNH	*****161	19	CT10067297-CT10067310; TD10005531-TD10005535
CN DA NANG	PHAM NHU QUYNH	*****840	2	CT10136517-CT10136518
CN DAI AN	PHAM NHU TRANG	*****483	4	CT10085218-CT10085221
CN BINH DINH	PHAM NU BAO UYEN	*****156	13	CT10055402-CT10055414
CN QUANG NGAI	PHAM NU KIM QUYNH	*****113	7	CT10015410-CT10015416
PGD HO TUNG MAU	PHAM PHI LONG	*****561	9	CT10020280-CT10020288
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAM PHU HUNG	*****939	3	CT10041579-CT10041581
CN TP. HO CHI MINH	PHAM PHU HUY	*****353	1	CT10011927-CT10011927
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM PHU MINH	*****405	25	CT10089048-CT10089072
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM PHU NGUYEN	*****108	1	CT10104578-CT10104578
CN DA NANG	PHAM PHU TUAN	*****945	3	CT10017733-CT10017735
CN TP. HO CHI MINH	PHAM PHUC	*****199	5	DN10102010-DN10102014
PGD QUAN 1	PHAM PHUC	*****199	13	CT10049991-CT10050003
CN SAI GON	PHAM PHUC TAN	*****849	5	CT10139871-CT10139875

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN HUNG DAO	PHAM PHUOC NGUYEN	*****632	4	CT10161718-CT10161721
CN SO GIAO DICH	PHAM PHUONG ANH	*****791	4	CT10116102-CT10116105
PGD XUAN LA	PHAM PHUONG ANH	*****467	15	CT10043753-CT10043767
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM PHUONG MAI	*****644	20	CT10089149-CT10089168
HUB PAYROLL MB	PHAM PHUONG NHI	*****037	9	CT10024601-CT10024609
PGD XUAN LA	PHAM PHUONG QUYEN	*****402	4	CT10058707-CT10058710
CN BINH DINH	PHAM PHUONG THUY	*****861	4	CT10006735-CT10006738
CN THAI NGUYEN	PHAM QUANG ANH	*****520	5	CT10045313-CT10045317
CN LONG BIEN	PHAM QUANG ANH	*****706	5	CT10128036-CT10128040
CN CAU GIAY	PHAM QUANG DOANH	*****145	10	TD10008931-TD10008940
CN HA NOI	PHAM QUANG DONG	*****362	57	CT10097098-CT10097154
PGD NGUYEN KHANH TOAN	PHAM QUANG DUC	*****219	21	CT10060684-CT10060704
CN VUNG TAU	PHAM QUANG DUNG	*****488	5	CT10007403-CT10007407
CN HAI DUONG	PHAM QUANG DUNG	*****826	8	CT10041968-CT10041975
CN LANG HA	PHAM QUANG DUONG	*****087	7	CT10141152-CT10141158
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM QUANG DUY	*****579	10	CT10110030-CT10110039
HUB THE CHAP MN	PHAM QUANG DUY	*****707	12	CT10084849-CT10084860
PGD MY DINH	PHAM QUANG DUY	*****811	20	CT10125882-CT10125901
PGD LENIN	PHAM QUANG HOA	*****683	14	CT10108564-CT10108577
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM QUANG HUY	*****102	9	CT10059843-CT10059851
HUB PAYROLL MB	PHAM QUANG HUY	*****203	5	CT10101768-CT10101772
PGD HANG KENH	PHAM QUANG HUY	*****506	8	CT10006796-CT10006803
PGD DAO TAN	PHAM QUANG HUY	*****826	7	CT10003972-CT10003978
PGD DOI CAN	PHAM QUANG HUY	*****879	1	EB10002876-EB10002876
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM QUANG MINH	*****510	1	CT10141184-CT10141184
SEABANK LE DUAN	PHAM QUANG MINH	*****185	28	CT10011375-CT10011402
PGD THANH CONG	PHAM QUANG MINH	*****584	20	CT10021410-CT10021429
PGD VAN XUAN	PHAM QUANG MUON	*****391	50	CT10084861-CT10084910
PGD HO GUOM	PHAM QUANG NGOC	*****496	5	TD10008506-TD10008510
PGD TRUNG HOA	PHAM QUANG NGOC	*****918	10	CT10113913-CT10113922

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LACH TRAY 2	PHAM QUANG PHICH	*****978	60	DN10062989-DN10063038; TD10000631-TD10000640
CN CAN THO	PHAM QUANG SON	*****202	12	CT10060929-CT10060940
PGD LE THAI TO	PHAM QUANG THANG	*****704	24	CT10155143-CT10155166
CN HA NOI	PHAM QUANG THANG	*****907	1	EB10001496-EB10001496
CN DAI AN	PHAM QUANG THANH	*****037	4	CT10110900-CT10110903
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM QUANG TRINH	*****693	3	CT10039306-CT10039308
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM QUANG TRUNG	*****209	2	CT10005125-CT10005126
PGD HAN THUYEN	PHAM QUANG TRUNG	*****261	1	EB10001657-EB10001657
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM QUANG TRUNG	*****277	5	CT10155167-CT10155171
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM QUANG TRUNG	*****772	1	CT10072887-CT10072887
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM QUANG TRUNG	*****106	1	CT10111803-CT10111803
PGD KHANH HOI	PHAM QUANG TRUNG	*****106	1	EB10002367-EB10002367
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM QUANG TRUNG	*****537	49	CT10143259-CT10143307
CN SAI GON	PHAM QUANG TRUNG	*****623	3	CT10140857-CT10140859
CN HAI PHONG	PHAM QUANG TUAN	*****867	7	CT10048754-CT10048760
PGD LE CHAN	PHAM QUANG VINH	*****042	70	DN10101273-DN10101342
CN HA NOI	PHAM QUOC AN	*****446	1	CT10069123-CT10069123
CN CAN THO	PHAM QUOC BAO	*****985	3	CT10126155-CT10126157
CN DAK LAK	PHAM QUOC BAO	*****359	1	EB10002827-EB10002827
CN HA DONG	PHAM QUOC DUONG	*****393	1	EB10003237-EB10003237
PGD BA RIA	PHAM QUOC HUNG	*****350	1	CT10096923-CT10096923
CN THAI NGUYEN	PHAM QUOC LONG	*****787	5	TD10010951-TD10010955
CN HA DONG	PHAM QUOC MANH	*****783	15	CT10079341-CT10079355
CN LANG HA	PHAM QUOC MINH	*****392	1	CT10149315-CT10149315
PGD HUNG VUONG	PHAM QUOC MINH	*****897	11	DN10062156-DN10062166
CN PHU MY HUNG	PHAM QUOC QUYEN	*****648	1	CT10136071-CT10136071
CN HAI PHONG	PHAM QUOC SUY	*****299	18	CT10029110-CT10029127
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM QUOC THAI	*****657	10	CT10087351-CT10087360
CN SAI GON	PHAM QUOC THANG	*****614	9	CT10123920-CT10123928
CN KIEN GIANG	PHAM QUOC THANG	*****730	12	CT10042296-CT10042307
CN DONG NAI	PHAM QUOC THAO	*****875	3	CT10141729-CT10141731
CN HAI AN	PHAM QUOC TINH	*****344	9	CT10073264-CT10073272

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	PHAM QUOC TRIEN	*****328	5	TD10010226-TD10010230
PGD THU DAU 1	PHAM QUOC TUAN	*****930	2	CT10050854-CT10050855
CN HAI DUONG	PHAM QUOC VIET	*****527	9	CT10074621-CT10074629
PGD NGUYEN VAN CU	PHAM QUOC VIET	*****727	10	CT10160418-CT10160427
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM QUY THANH	*****300	3	CT10164121-CT10164123
CN THANH XUAN	PHAM QUYET TIEN	*****182	22	CT10043781-CT10043802
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM QUYNH ANH	*****199	24	CT10005692-CT10005715
CN TP. HO CHI MINH	PHAM QUYNH ANH	*****283	7	CT10125787-CT10125793
CN BINH DINH	PHAM QUYNH NHU	*****031	8	CT10074442-CT10074449
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM QUYNH THO	*****613	3	CT10153395-CT10153397
CN HUE	PHAM SANG	*****231	6	CT10162891-CT10162896
PGD DIEN BIEN PHU	PHAM SING	*****984	24	CT10128224-CT10128247
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAM SINH NHAT	*****329	80	DN10081268-DN10081347
PGD HO TUNG MAU	PHAM SON TUNG	*****025	25	CT10145870-CT10145894
CN HA NOI	PHAM SON TUNG	*****026	50	CT10014265-CT10014314
CN CAU GIAY	PHAM SON TUNG	*****872	16	CT10000057-CT10000072
CN HAI PHONG	PHAM SUNG DUONG	*****992	5	CT10003484-CT10003488
PGD SOC SON	PHAM SY HAU	*****527	2	CT10136515-CT10136516
PGD TON THAT TUNG	PHAM SY HUNG	*****696	35	CT10111620-CT10111654
CN THANH HOA	PHAM SY TIEN	*****131	51	DN10099992-DN10100041; EB10001125-EB10001125
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAM TAI	*****424	1	CT10164434-CT10164434
CN TP. HO CHI MINH	PHAM TAI XUAN	*****508	19	CT10103780-CT10103798
CN QUANG NGAI	PHAM TAN BAO	*****780	14	CT10108979-CT10108992
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TAN HUNG	*****947	7	CT10074067-CT10074073
CN DONG DA	PHAM TAN QUI	*****933	22	CT10080357-CT10080378
CN BINH DINH	PHAM TAN TOAN	*****231	33	CT10053052-CT10053084
PGD LAN ONG	PHAM TAT MANH	*****167	1	EB10002615-EB10002615

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	PHAM THAI BAC	*****252	10	CT10107179-CT10107188
CN PHU MY HUNG	PHAM THAI BINH	*****717	3	CT10024162-CT10024164
PGD KIM LIEN	PHAM THAI HA	*****399	10	CT10069721-CT10069730
CN THAI NGUYEN	PHAM THAI HANH	*****017	7	CT10124122-CT10124128
CN THAI NGUYEN	PHAM THAI HOA	*****537	30	DN10068190-DN10068219
PGD QUAN THANH	PHAM THAI PHONG	*****729	1	CT10113130-CT10113130
HUB PAYROLL MB	PHAM THANG LONG	*****680	2	CT10079072-CT10079073
CN DAI AN	PHAM THANH BINH	*****678	9	CT10152123-CT10152131
CN HAI DUONG	PHAM THANH BINH	*****911	1	CT10017754-CT10017754
CN LONG BIEN	PHAM THANH CAO	*****478	7	CT10076906-CT10076912
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THANH CHUNG	*****450	3	CT10105101-CT10105103
PGD LACH TRAY 1	PHAM THANH CHUONG	*****052	28	CT10063940-CT10063967
HUB PAYROLL MN	PHAM THANH CONG	*****864	1	EB10001652-EB10001652
PGD TRAN PHU	PHAM THANH DAT	*****148	15	CT10029896-CT10029910
PGD SOC SON	PHAM THANH DOANH	*****778	1	EB10001883-EB10001883
CN HAI DUONG	PHAM THANH DUC	*****896	7	CT10008179-CT10008185
HUB PAYROLL MN	PHAM THANH DUY	*****273	1	EB10001598-EB10001598
PGD LANG THUONG	PHAM THANH HA	*****033	7	CT10020232-CT10020238
CN SO GIAO DICH	PHAM THANH HAI	*****561	4	CT10013139-CT10013142
CN LANG HA	PHAM THANH HAI	*****507	15	CT10038505-CT10038519
CN HAI PHONG	PHAM THANH HAI	*****996	14	CT10067018-CT10067031
CN HAI PHONG	PHAM THANH HOAN	*****741	1	EB10001373-EB10001373
CN AN GIANG	PHAM THANH HUNG	*****074	10	CT10157807-CT10157816
CN DA NANG	PHAM THANH HUNG	*****785	5	CT10141342-CT10141346
PGD GIA LOC	PHAM THANH HUYEN	*****406	1	EB10002466-EB10002466
CN NHA TRANG	PHAM THANH LOC	*****325	10	CT10162185-CT10162194
CN DONG DA	PHAM THANH LONG	*****068	4	CT10108476-CT10108479
CN BINH DUONG	PHAM THANH LONG	*****332	39	CT10106012-CT10106050
PGD LE LOI	PHAM THANH LUAN	*****377	1	EB10002690-EB10002690
HUB PAYROLL MB	PHAM THANH LUONG	*****004	12	CT10023924-CT10023935
PGD NGUYEN KHANH TOAN	PHAM THANH NAM	*****015	16	CT10030691-CT10030696; TD10010441-TD10010450
PGD XUAN LA	PHAM THANH NGU	*****929	10	CT10001163-CT10001172
CN DA NANG	PHAM THANH NHAT MINH	*****941	5	CT10157074-CT10157078
PGD XUAN KHANH	PHAM THANH PHUNG	*****115	1	CT10120045-CT10120045
PGD DOI CAN	PHAM THANH QUANG	*****247	1	EB10002872-EB10002872

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM THANH THUONG	*****491	7	CT10026505-CT10026511
CN SO GIAO DICH	PHAM THANH THUY	*****624	17	CT10006099-CT10006115
CN CA MAU	PHAM THANH THUY	*****818	8	CT10024715-CT10024722
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAM THANH THUY	*****948	1	EB10000988-EB10000988
CN TAN BINH	PHAM THANH TIEN	*****190	1	CT10113359-CT10113359
CN HAI PHONG	PHAM THANH TRUNG	*****415	22	CT10166359-CT10166380
CN DONG DA	PHAM THANH TRUNG	*****242	15	TD10008976-TD10008990
CN TAN PHU	PHAM THANH TRUNG	*****546	1	EB10002405-EB10002405
CN AN GIANG	PHAM THANH TU	*****129	4	CT10154036-CT10154039
CN DAI AN	PHAM THANH TU	*****878	16	CT10008092-CT10008107
PGD BACH MAI	PHAM THANH TUAN	*****033	12	CT10017357-CT10017368
PGD THANH CONG	PHAM THANH TUAN	*****684	79	CT10030704-CT10030782
PGD TRUNG HOA	PHAM THANH TUNG	*****161	50	CT10032344-CT10032393
CN LANG HA	PHAM THANH TUNG	*****100	6	CT10062076-CT10062081
HUB PAYROLL MB	PHAM THANH TUNG	*****238	12	CT10003910-CT10003921
CN DAK LAK	PHAM THANH TUNG	*****359	10	TD10004086-TD10004095
PGD LE VAN SY	PHAM THANH VINH	*****662	1	CT10030703-CT10030703
CN HAI PHONG	PHAM THAO LY	*****292	1	CT10111718-CT10111718
PGD LE CHAN	PHAM THE ANH	*****207	1	CT10006827-CT10006827
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THE ANH	*****901	24	CT10116040-CT10116063
CN BINH DUONG	PHAM THE BINH	*****464	1	CT10124339-CT10124339
CN THANH XUAN	PHAM THE CUONG	*****409	7	CT10154858-CT10154864
PGD HO TUNG MAU	PHAM THE DANG	*****612	49	CT10165843-CT10165891
PGD TRAN PHU	PHAM THE DO	*****033	15	CT10132961-CT10132975
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THE DUNG	*****281	19	CT10046153-CT10046171
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THE LINH	*****532	5	CT10113346-CT10113350
CN HAI DUONG	PHAM THE LUYEN	*****193	9	CT10161115-CT10161123
PGD VAN QUAN	PHAM THE NGHIA	*****979	1	CT10055519-CT10055519
PGD TRAN KHAT CHAN	PHAM THE PHONG	*****198	12	CT10155019-CT10155030
HUB PAYROLL MB	PHAM THE SON	*****883	15	CT10053753-CT10053767
CN DAI AN	PHAM THE THANH	*****501	6	CT10123412-CT10123417
CN QUANG NGAI	PHAM THE THUONG	*****992	1	CT10067858-CT10067858
CN DAI AN	PHAM THE TUNG	*****716	4	CT10061106-CT10061109

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	PHAM THI A XINH	*****399	2	CT10077948-CT10077949
CN SO GIAO DICH	PHAM THI AI VAN	*****634	6	CT10014058-CT10014063
CN NHA TRANG	PHAM THI AN	*****149	3	DN10020570-DN10020572
CN CAU GIAY	PHAM THI ANH	*****959	10	TD10007621-TD10007630
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI ANH	*****185	24	CT10038421-CT10038444
PGD HO NAI	PHAM THI ANH	*****580	1	EB10003130-EB10003130
CN DAI AN	PHAM THI ANH	*****900	24	CT10092774-CT10092797
PGD BA RIA	PHAM THI ANH DAO	*****253	52	DN10092424-DN10092475
PGD HONG BANG	PHAM THI ANH HONG	*****773	1	EB10001187-EB10001187
CN HAI PHONG	PHAM THI ANH THU	*****106	2	CT10046195-CT10046196
CN NHA TRANG	PHAM THI BAO CHAU	*****088	10	CT10073747-CT10073756
PGD HANG KENH	PHAM THI BAO NHUNG	*****568	8	CT10123265-CT10123272
SEABANK LE DUAN	PHAM THI BAO QUYEN	*****205	15	CT10138269-CT10138283
CN NHA TRANG	PHAM THI BICH	*****990	1	EB10002635-EB10002635
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAM THI BICH HIEN	*****213	7	CT10164840-CT10164846
PGD THAI THINH	PHAM THI BICH HOA	*****542	4	CT10133009-CT10133012
PGD VINH HAI	PHAM THI BICH LIEN	*****400	75	DN10101860-DN10101934
PGD SAI DONG	PHAM THI BICH LIEN	*****772	59	CT10067234-CT10067282; TD10005521-TD10005530
PGD TRAN DUY HUNG	PHAM THI BICH NGOC	*****744	3	CT10000766-CT10000768
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI BICH PHUONG	*****877	25	CT10161952-CT10161976
PGD YEN PHU	PHAM THI BICH THAO	*****598	2	CT10164347-CT10164348
PGD QUAN 11	PHAM THI BICH TRUC	*****846	1	EB10002773-EB10002773
CN SAI GON	PHAM THI BICH TUYEN	*****509	4	CT10064126-CT10064129
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THI BICH VAN	*****094	9	CT10064247-CT10064255
PGD QUANG PHU	PHAM THI BIEN	*****082	1	EB10000648-EB10000648
CN NGHE AN	PHAM THI BINH	*****159	3	DN10032830-DN10032832
PGD HANG KENH	PHAM THI BUI	*****909	46	DN10085670-DN10085709; EB10002102-EB10002102; TD10004001-TD10004005
CN DAK LAK	PHAM THI CAM LY	*****623	60	DN10070936-DN10070995

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN BINH	PHAM THI CAM NGUYEN	*****017	7	CT10050916-CT10050922
PGD LE VAN SY	PHAM THI CAM VAN	*****267	1	CT10018941-CT10018941
CN HAI DUONG	PHAM THI CHANH	*****845	1	CT10029391-CT10029391
CN HAI DUONG	PHAM THI CU	*****701	3	DN10054658-DN10054660
CN AN GIANG	PHAM THI CUC	*****213	3	DN10093367-DN10093369
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI DIEM	*****588	1	EB10002122-EB10002122
CN QUANG NGAI	PHAM THI DIEM ANH	*****048	6	CT10069890-CT10069895
CN SAI GON	PHAM THI DIEM MY	*****320	1	CT10116144-CT10116144
PGD LE VAN SY	PHAM THI DIEM MY	*****433	1	EB10000464-EB10000464
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI DIEM TRANG	*****074	3	CT10090542-CT10090544
PGD TRAN NGUYEN HAN	PHAM THI DIEN	*****763	2	CT10042874-CT10042875
CN NHA TRANG	PHAM THI DIEN	*****459	5	DN10099889-DN10099893
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI DIEU	*****599	3	CT10058031-CT10058033
PGD NGOC HOI	PHAM THI DIEU	*****194	21	CT10005817-CT10005832; TD10006731-TD10006735
PGD CONG HOA	PHAM THI DIEU	*****969	1	EB10000625-EB10000625
CN DAI AN	PHAM THI DIEU LINH	*****051	5	CT10078688-CT10078692
PGD HA LONG	PHAM THI DINH	*****127	1	EB10001083-EB10001083
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI DONG PHUONG	*****943	1	EB10002893-EB10002893
PGD THANH CONG	PHAM THI DUNG	*****243	1	CT10096255-CT10096255
CN BAC NINH	PHAM THI DUNG	*****766	38	DN10021759-DN10021796
CN DONG NAI	PHAM THI DUOC	*****260	5	DN10080662-DN10080666
PGD TAY HO	PHAM THI DUYEN	*****972	30	CT10009475-CT10009504
PGD BA TRIEU	PHAM THI DUYEN	*****563	9	CT10041570-CT10041578
CN NGHE AN	PHAM THI GIANG	*****542	5	DN10082427-DN10082431
PGD HO GUOM	PHAM THI HA	*****173	12	CT10050013-CT10050024
PGD HO GUOM	PHAM THI HA HUE	*****527	24	CT10139779-CT10139802
PGD DAO TAN	PHAM THI HAI	*****790	3	CT10118478-CT10118480
CN NHA TRANG	PHAM THI HAI	*****076	3	DN10062732-DN10062734
CN LONG BIEN	PHAM THI HAI	*****277	1	CT10051708-CT10051708
CN HAI DUONG	PHAM THI HAI	*****429	1	CT10044222-CT10044222
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI HAI	*****921	9	CT10107510-CT10107518
PGD YEN PHU	PHAM THI HAI HA	*****235	2	CT10124719-CT10124720

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	PHAM THI HAI YEN	*****697	2	CT10010907-CT10010908
PGD NGOC HOI	PHAM THI HANG	*****213	1	EB10000553-EB10000553
PGD TRUNG NHI	PHAM THI HANG	*****474	20	CT10033362-CT10033381
PGD BACH MAI	PHAM THI HANG	*****505	25	CT10110306-CT10110330
PGD HAI DANG	PHAM THI HANH	*****140	9	DN10049391-DN10049399
PGD LE CHAN	PHAM THI HANH	*****259	1	EB10002966-EB10002966
CN HUE	PHAM THI HANH MINH	*****245	2	CT10158242-CT10158243
CN BINH DUONG	PHAM THI HAO	*****303	1	EB10000013-EB10000013
PGD QUANG PHU	PHAM THI HAO	*****382	3	DN10002438-DN10002440
PGD TO HIEU	PHAM THI HAU	*****622	15	CT10106740-CT10106754
PGD QUANG PHU	PHAM THI HAU	*****851	5	DN10035420-DN10035424
CN DA NANG	PHAM THI HAU NHAN	*****749	10	CT10078040-CT10078049
PGD HANG KENH	PHAM THI HIEN	*****032	1	CT10079198-CT10079198
CN CAU GIAY	PHAM THI HIEN	*****308	5	CT10084347-CT10084351
PGD DAO TAN	PHAM THI HIEN	*****935	1	CT10139053-CT10139053
CN BINH DINH	PHAM THI HIEN	*****078	3	DN10052954-DN10052956
PGD CAM PHA	PHAM THI HIEN	*****276	5	CT10078475-CT10078479
PGD NGUYEN LUONG BANG	PHAM THI HIEN	*****288	1	EB10003198-EB10003198
PGD TIEN AN	PHAM THI HIEN	*****409	1	EB10003131-EB10003131
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI HIEN	*****700	3	CT10020043-CT10020045
PGD DAI KIM	PHAM THI HIEU	*****600	59	CT10031215-CT10031273
PGD HO GUOM	PHAM THI HOA	*****025	11	CT10149975-CT10149985
CN HAI PHONG	PHAM THI HOA	*****126	6	CT10133805-CT10133810
CN VINH PHUC	PHAM THI HOA	*****341	18	CT10128329-CT10128336; TD10004966-TD10004975
CN BAC NINH	PHAM THI HOA	*****384	5	TD10010931-TD10010935
CN DAI AN	PHAM THI HOA	*****688	1	EB10000936-EB10000936
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI HOA MAI	*****303	40	CT10086984-CT10087018; TD10009561-TD10009565
PGD DIEN BIEN PHU	PHAM THI HOAI THU	*****050	1	EB10002140-EB10002140
PGD THANG LONG	PHAM THI HONG	*****034	32	CT10043553-CT10043584
PGD KIM THANH	PHAM THI HONG	*****108	9	CT10035047-CT10035055
PGD HONG BANG	PHAM THI HONG	*****690	55	DN10051825-DN10051878; EB10000799-EB10000799
PGD PHO YEN	PHAM THI HONG DU	*****363	3	CT10021726-CT10021728
PGD HAM NGHI	PHAM THI HONG GIANG	*****473	3	CT10030017-CT10030019

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VAN XUAN	PHAM THI HONG MINH	*****316	24	CT10048761-CT10048784
CN LANG HA	PHAM THI HONG NHAI	*****932	24	CT10123812-CT10123835
CN LANG HA	PHAM THI HONG NHUNG	*****282	3	CT10069903-CT10069905
PGD QUAN 1	PHAM THI HONG OANH	*****414	2	CT10090063-CT10090064
PGD THAI THINH	PHAM THI HONG THEU	*****662	5	TD10000946-TD10000950
PGD HO TUNG MAU	PHAM THI HONG THUY	*****308	1	CT10003180-CT10003180
CN LONG BIEN	PHAM THI HONG THUY	*****956	1	CT10132158-CT10132158
CN THANH XUAN	PHAM THI HUE	*****592	1	CT10000487-CT10000487
PGD SAO DO	PHAM THI HUE	*****901	1	EB10002945-EB10002945
PGD BA TRIEU	PHAM THI HUE	*****288	6	CT10072490-CT10072495
PGD KIM LIEN	PHAM THI HUE	*****631	1	EB10002761-EB10002761
CN THANH XUAN	PHAM THI HUE	*****988	19	CT10153994-CT10154012
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAM THI HUONG	*****195	5	DN10074438-DN10074442
CN QUANG NINH	PHAM THI HUONG	*****234	6	CT10035081-CT10035086
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THI HUONG	*****475	1	CT10049346-CT10049346
CN HA TINH	PHAM THI HUONG	*****979	25	DN10066312-DN10066331; TD10001271-TD10001275
PGD THANH CONG	PHAM THI HUONG GIANG	*****839	1	CT10127409-CT10127409
CN HA DONG	PHAM THI HUONG GIANG	*****069	7	CT10096153-CT10096159
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI HUONG GIANG	*****455	25	CT10161795-CT10161819
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI HUONG LY	*****052	25	CT10005667-CT10005691
CN HAI AN	PHAM THI HUONG THOM	*****604	15	CT10074526-CT10074540
CN DAK LAK	PHAM THI HUONG THUY	*****371	8	CT10049690-CT10049697
CN DAK LAK	PHAM THI HUONG TRANG	*****855	5	DN10029594-DN10029598
CN HAI AN	PHAM THI HUYEN	*****656	1	CT10141668-CT10141668
PGD NGUYEN SY SACH	PHAM THI HUYEN	*****233	10	CT10156881-CT10156890

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA TINH	PHAM THI HUYEN	*****452	24	CT10147475-CT10147498
CN HA DONG	PHAM THI HUYEN	*****658	52	CT10162596-CT10162647
CN THANH XUAN	PHAM THI HUYEN GIANG	*****333	3	CT10070923-CT10070925
CN DONG DA	PHAM THI HUYEN THU	*****596	1	EB10001042-EB10001042
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI HUYEN TRAN	*****307	2	CT10090441-CT10090442
CN HAI AN	PHAM THI KHANH LINH	*****195	5	TD10003656-TD10003660
CN DONG NAI	PHAM THI KIEU ANH	*****625	4	CT10074655-CT10074658
CN DAK LAK	PHAM THI KIEU KHANH	*****193	3	DN10000088-DN10000090
CN HAI PHONG	PHAM THI KIEU OANH	*****963	32	CT10016201-CT10016207; DN10027285-DN10027304; TD10008386-TD10008390
CN DAK LAK	PHAM THI KIM ANH	*****603	3	DN10048250-DN10048252
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI KIM DUNG	*****038	28	CT10115955-CT10115977; TD10003311-TD10003315
PGD LE HONG PHONG	PHAM THI KIM HA	*****736	1	EB10001735-EB10001735
CN NHA TRANG	PHAM THI KIM HOA	*****911	1	EB10001744-EB10001744
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAM THI KIM LIEN	*****590	5	DN10070907-DN10070911
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAM THI KIM LIEN	*****984	1	EB10000702-EB10000702
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI KIM LOAN	*****686	1	EB10000131-EB10000131
PGD LE QUANG DINH	PHAM THI KIM LOAN	*****686	123	CT10107257-CT10107279; DN10070473-DN10070572
PGD HOA BINH	PHAM THI KIM MOT	*****149	45	CT10112630-CT10112674
CN BINH DUONG	PHAM THI KIM NGOC	*****164	5	CT10153473-CT10153477
CN HAI PHONG	PHAM THI KIM OANH	*****637	1	CT10136629-CT10136629
CN TAN PHU	PHAM THI KIM PHUONG	*****223	1	CT10102148-CT10102148
PGD SAO MAI	PHAM THI KIM TUYEN	*****557	15	CT10101857-CT10101871
CN NHA TRANG	PHAM THI KIM YEN	*****167	1	EB10002413-EB10002413
PGD VINH HAI	PHAM THI KIM YEN	*****427	85	DN10005713-DN10005797
CN BINH DINH	PHAM THI LAI BIEN	*****109	2	DN10031815-DN10031816
CN QUANG NINH	PHAM THI LAN	*****437	3	CT10060419-CT10060421

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE THANH TONG	PHAM THI LAN	*****452	7	CT10107446-CT10107452
CN HAI DUONG	PHAM THI LAN	*****845	3	CT10098714-CT10098716
CN HAI DUONG	PHAM THI LAN	*****924	9	CT10108880-CT10108888
CN HA TINH	PHAM THI LAN	*****986	20	DN10006809-DN10006828
CN SO GIAO DICH	PHAM THI LAN ANH	*****225	3	CT10021880-CT10021882
PGD XUAN LA	PHAM THI LAN ANH	*****059	3	CT10009973-CT10009975
CN LANG HA	PHAM THI LAN ANH	*****095	1	EB10001648-EB10001648
CN LANG HA	PHAM THI LAN HUONG	*****025	1	CT10055729-CT10055729
CN HAI AN	PHAM THI LAN PHUONG	*****131	1	CT10078746-CT10078746
PGD DI AN	PHAM THI LAN VI	*****007	1	EB10001482-EB10001482
CN DAI AN	PHAM THI LE	*****531	1	CT10053968-CT10053968
PGD DIEN BIEN PHU	PHAM THI LE	*****081	1	EB10003008-EB10003008
PGD HOANG DIEU	PHAM THI LE	*****950	10	CT10083176-CT10083179; EB10002950-EB10002950; TD10008711-TD10008715
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI LE THU	*****227	24	CT10106143-CT10106166
PGD HONG BANG	PHAM THI LIEN	*****816	1	EB10000200-EB10000200
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM THI LIEN NGOC	*****024	1	EB10000791-EB10000791
CN DAK LAK	PHAM THI LIEU	*****425	5	DN10047558-DN10047562
PGD NGOC HOI	PHAM THI LINH	*****684	15	TD10000296-TD10000310
PGD NGUYEN AN NINH	PHAM THI LINH	*****696	1	EB10002086-EB10002086
CN THAI NGUYEN	PHAM THI LINH CHI	*****547	1	EB10002970-EB10002970
PGD TON DAN	PHAM THI LOAN	*****441	1	CT10069250-CT10069250
PGD LANG THUONG	PHAM THI LOAN	*****463	2	CT10015934-CT10015935
CN HAI AN	PHAM THI LOAN	*****504	1	EB10000671-EB10000671
PGD TAY HO	PHAM THI LOAN	*****991	1	EB10002797-EB10002797
PGD NGUYEN VAN CU	PHAM THI LONG	*****698	1	CT10148638-CT10148638
PGD GIA LOC	PHAM THI LUA	*****482	1	EB10001240-EB10001240
CN LONG BIEN	PHAM THI LUA	*****759	1	CT10146813-CT10146813
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THI LUA	*****894	1	EB10003287-EB10003287

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI LUYEN	*****232	1	CT10009453-CT10009453
CN HAI AN	PHAM THI LY	*****197	1	EB10001712-EB10001712
PGD TO HIEU	PHAM THI LY	*****643	24	CT10025941-CT10025949; TD10010151-TD10010165
PGD HAM NGHI	PHAM THI LY	*****633	3	CT10069601-CT10069603
CN LONG BIEN	PHAM THI MAI	*****206	1	CT10117162-CT10117162
PGD HO DAC DI	PHAM THI MAI ANH	*****449	1	EB10000597-EB10000597
CN HAI DUONG	PHAM THI MAI LIEN	*****336	1	EB10001024-EB10001024
PGD LE HONG PHONG	PHAM THI MAI PHUONG	*****701	1	CT10103821-CT10103821
CN LANG HA	PHAM THI MAI THANH	*****887	4	CT10096039-CT10096042
CN DA NANG	PHAM THI MAN	*****211	2	CT10126401-CT10126402
PGD DONG SON	PHAM THI MAT	*****297	4	CT10102932-CT10102934; EB10001427-EB10001427
PGD VAN QUAN	PHAM THI MAY	*****238	2	CT10083521-CT10083522
PGD NGUYEN VAN CU	PHAM THI MINH	*****425	5	CT10108578-CT10108582
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THI MINH HIEU	*****026	4	CT10152302-CT10152305
CN HUE	PHAM THI MINH HONG	*****963	11	CT10034758-CT10034763; TD10000281-TD10000285
CN SAI GON	PHAM THI MINH HUE	*****121	2	CT10029065-CT10029066
PGD LE HONG PHONG	PHAM THI MINH NGOC	*****121	9	CT10004853-CT10004861
PGD KHAM THIEN	PHAM THI MINH THOAN	*****441	4	CT10028235-CT10028238
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI MINH TRANG	*****555	25	CT10088366-CT10088390
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAM THI MINH TRINH	*****150	99	CT10093634-CT10093732
PGD BACH DANG	PHAM THI MINH UYEN	*****534	300	DN10079573-DN10079872
CN HAI AN	PHAM THI MO	*****551	6	DN10038152-DN10038157
CN BAC NINH	PHAM THI MO	*****912	7	CT10032336-CT10032342
CN DA NANG	PHAM THI MUOI	*****611	15	CT10148571-CT10148585
CN DONG NAI	PHAM THI MY CHAU	*****118	2	CT10026340-CT10026341
CN HA TINH	PHAM THI MY DUNG	*****987	1	EB10001215-EB10001215
CN BINH DINH	PHAM THI MY HANG	*****331	1	DN10046397-DN10046397
CN TAN PHU	PHAM THI MY LINH	*****231	1	EB10001444-EB10001444
CN TAN BINH	PHAM THI MY LINH	*****603	3	CT10062344-CT10062346

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH HOA	PHAM THI MY LUONG	*****571	1	EB10002836-EB10002836
CN DAK LAK	PHAM THI MY PHUONG	*****820	5	DN10107700-DN10107704
CN SAI GON	PHAM THI NA	*****400	1	CT10150470-CT10150470
CN SO GIAO DICH	PHAM THI NAM	*****381	3	CT10108446-CT10108448
PGD GIA LAM	PHAM THI NGA	*****989	57	CT10147406-CT10147462
CN CAN THO	PHAM THI NGAN	*****120	1	CT10159046-CT10159046
CN HA NOI	PHAM THI NGAN ANH	*****021	3	CT10032087-CT10032089
SEABANK LE DUAN	PHAM THI NGAN KHANH	*****402	15	CT10067331-CT10067345
CN AN GIANG	PHAM THI NGOC	*****143	5	TD10005496-TD10005500
CN THAI NGUYEN	PHAM THI NGOC	*****309	1	EB10001797-EB10001797
PGD BA TRIEU	PHAM THI NGOC	*****179	3	CT10137649-CT10137651
CN HUE	PHAM THI NGOC ANH	*****106	2	CT10064256-CT10064257
CN QUANG NGAI	PHAM THI NGOC ANH	*****365	1	CT10138371-CT10138371
CN NHA TRANG	PHAM THI NGOC ANH	*****547	1	CT10040730-CT10040730
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI NGOC BICH	*****459	24	CT10071924-CT10071947
PGD THANH CONG	PHAM THI NGOC DUNG	*****493	57	CT10020431-CT10020487
CN HAI DUONG	PHAM THI NGOC HA	*****039	2	CT10120594-CT10120595
CN VINH PHUC	PHAM THI NGOC HIEN	*****550	22	CT10067868-CT10067889
CN TAN BINH	PHAM THI NGOC HIEN	*****669	3	CT10035346-CT10035348
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI NGOC HIEP	*****126	1	CT10080896-CT10080896
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI NGOC HOA	*****867	1	EB10001763-EB10001763
CN THANH XUAN	PHAM THI NGOC LINH	*****661	15	CT10091532-CT10091546
PGD THANH CONG	PHAM THI NGOC LY	*****580	8	CT10157255-CT10157262
CN PHU MY HUNG	PHAM THI NGOC MAI	*****710	2	CT10107757-CT10107758
CN DA NANG	PHAM THI NGOC OANH	*****728	5	TD10005201-TD10005205
PGD BA RIA	PHAM THI NGOC OANH	*****975	5	CT10130196-CT10130200
CN TAN BINH	PHAM THI NGOC PHUONG	*****869	4	CT10121588-CT10121591
CN BINH DUONG	PHAM THI NGOC TAO	*****095	1	CT10088990-CT10088990
CN VUNG TAU	PHAM THI NGOC THUONG	*****045	11	CT10110224-CT10110234

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	PHAM THI NGOC TRAM	*****053	10	CT10057702-CT10057711
PGD GIA LOC	PHAM THI NGUYEN	*****055	11	DN10005502-DN10005506; EB10000228-EB10000228; TD10006091-TD10006095
CN AN GIANG	PHAM THI NGUYET	*****133	3	DN10100860-DN10100862
PGD CAM PHA	PHAM THI NHU	*****388	14	CT10146224-CT10146232; TD10000961-TD10000965
PGD LAC LONG QUAN	PHAM THI NHU MAI	*****161	13	CT10086851-CT10086863
CN BAC NINH	PHAM THI NHU NGOC	*****242	1	EB10000041-EB10000041
PGD BA TRIEU	PHAM THI NHUNG	*****034	4	CT10139913-CT10139916
CN HAI AN	PHAM THI NHUNG	*****109	50	CT10090834-CT10090839; DN10043367-DN10043404; EB10003256-EB10003256; TD10009781-TD10009785
PGD TRAN PHU	PHAM THI NHUNG	*****138	24	CT10155172-CT10155195
CN SAI GON	PHAM THI NHUNG	*****603	8	CT10129076-CT10129083
PGD QUANG PHU	PHAM THI NON	*****640	4	DN10060082-DN10060085
PGD PHO YEN	PHAM THI NU	*****323	1	EB10001461-EB10001461
CN LANG HA	PHAM THI OANH	*****179	1	EB10000596-EB10000596
PGD LE QUANG DINH	PHAM THI PHI YEN	*****675	1	EB10001122-EB10001122
PGD LE HONG PHONG	PHAM THI PHO	*****544	35	DN10000823-DN10000857
PGD LE LOI	PHAM THI PHUONG	*****168	3	CT10138148-CT10138150
CN HAI PHONG	PHAM THI PHUONG	*****297	20	CT10079132-CT10079136; DN10109141-DN10109149; EB10002645-EB10002645; TD10008016-TD10008020
CN DAI AN	PHAM THI PHUONG	*****357	1	CT10068364-CT10068364
SEABANK LE DUAN	PHAM THI PHUONG	*****057	10	CT10047447-CT10047451; TD10002346-TD10002350
PGD THU DUC	PHAM THI PHUONG	*****094	1	CT10080010-CT10080010
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI PHUONG	*****495	19	CT10080793-CT10080811
CN HAI AN	PHAM THI PHUONG	*****615	1	CT10022222-CT10022222
CN THANH XUAN	PHAM THI PHUONG	*****873	11	CT10103676-CT10103686
PGD DAO TAN	PHAM THI PHUONG ANH	*****527	6	CT10143739-CT10143744

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	PHAM THI PHUONG LINH	*****635	1	EB10002957-EB10002957
CN CAN THO	PHAM THI PHUONG MAI	*****783	4	CT10043124-CT10043127
PGD DI AN	PHAM THI PHUONG THANH	*****079	1	EB10000622-EB10000622
CN HAI PHONG	PHAM THI PHUONG THAO	*****465	3	CT10052096-CT10052098
CN HA DONG	PHAM THI PHUONG THAO	*****438	5	TD10011011-TD10011015
PGD CONG HOA	PHAM THI PHUONG THAO	*****504	1	EB10001483-EB10001483
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM THI PHUONG THAO	*****644	1	CT10105541-CT10105541
PGD DAO TAN	PHAM THI PHUONG THU	*****030	5	CT10133998-CT10134002
HUB PAYROLL MN	PHAM THI PHUONG TRANG	*****623	1	EB10001654-EB10001654
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI QUYEN	*****051	1	CT10012873-CT10012873
PGD TRUNG HOA	PHAM THI QUYNH ANH	*****312	15	CT10158634-CT10158648
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI QUYNH MAI	*****040	3	CT10151278-CT10151280
CN SO GIAO DICH	PHAM THI QUYNH TRANG	*****217	6	CT10034719-CT10034724
CN BAC NINH	PHAM THI SEN	*****594	1	EB10000514-EB10000514
CN AN GIANG	PHAM THI SINH TUYEN	*****739	3	DN10082892-DN10082894
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THANH	*****014	10	TD10003966-TD10003975
PGD QUANG PHU	PHAM THI THANH	*****181	5	DN10032853-DN10032857
CN HAI PHONG	PHAM THI THANH	*****325	3	DN10004835-DN10004837
CN CAU GIAY	PHAM THI THANH	*****543	14	CT10089078-CT10089091
CN HA TINH	PHAM THI THANH	*****778	3	DN10046945-DN10046947
PGD Krong Nang	PHAM THI THANH	*****885	3	DN10064847-DN10064849
CN HAI PHONG	PHAM THI THANH	*****909	10	CT10060958-CT10060967
PGD DAO TAN	PHAM THI THANH BINH	*****255	25	CT10038275-CT10038299

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THU DAU 1	PHAM THI THANH DUNG	*****212	2	CT10139238-CT10139239
CN SAI GON	PHAM THI THANH DUNG	*****494	1	EB10002467-EB10002467
CN DA NANG	PHAM THI THANH DUNG	*****609	4	CT10128664-CT10128667
CN HAI AN	PHAM THI THANH HA	*****443	1	CT10047369-CT10047369
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI THANH HANG	*****520	1	EB10003093-EB10003093
CN BINH DINH	PHAM THI THANH HIEN	*****691	2	CT10145215-CT10145216
PGD YEN PHU	PHAM THI THANH HOA	*****289	1	CT10129795-CT10129795
PGD BACH MAI	PHAM THI THANH HUONG	*****076	19	CT10092893-CT10092911
CN NHA TRANG	PHAM THI THANH HUONG	*****407	1	CT10103090-CT10103090
CN NHA TRANG	PHAM THI THANH KIEU	*****914	56	DN10022040-DN10022089; EB10000511-EB10000511; TD10006981-TD10006985
CN SO GIAO DICH	PHAM THI THANH LOAN	*****578	25	CT10001216-CT10001240
CN SAI GON	PHAM THI THANH LOAN	*****138	1	CT10116987-CT10116987
CN SO GIAO DICH	PHAM THI THANH LUYEN	*****722	50	CT10148257-CT10148306
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THANH NHA	*****189	4	CT10075058-CT10075061
CN HAI AN	PHAM THI THANH TAM	*****118	1	EB10001499-EB10001499
CN VINH PHUC	PHAM THI THANH THANH	*****822	1	CT10126140-CT10126140
CN CAN THO	PHAM THI THANH THAO	*****014	1	CT10096930-CT10096930
PGD BOTANIC	PHAM THI THANH THAO	*****774	2	CT10068972-CT10068973
CN DAI AN	PHAM THI THANH THO	*****205	12	CT10114527-CT10114538
CN DONG DA	PHAM THI THANH THUY	*****147	1	EB10002899-EB10002899

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI THANH THUY	*****305	3	CT10112060-CT10112062
PGD KHANH HOI	PHAM THI THANH THUY	*****325	2	CT10107554-CT10107555
CN DA NANG	PHAM THI THANH THUY	*****788	4	CT10000742-CT10000745
CN AN GIANG	PHAM THI THANH THUY	*****876	3	DN10092994-DN10092996
CN HA NOI	PHAM THI THANH THUY	*****922	1	CT10074222-CT10074222
PGD BACH DANG	PHAM THI THANH TRUYEN	*****152	5	CT10006410-CT10006414
PGD HAI DANG	PHAM THI THANH TUYEN	*****009	26	DN10062667-DN10062681; EB10001371-EB10001371; TD10000561-TD10000570
CN LONG BIEN	PHAM THI THANH VAN	*****620	40	CT10149739-CT10149778
PGD VAN QUAN	PHAM THI THANH VAN	*****667	4	CT10037756-CT10037759
CN DAI AN	PHAM THI THANH VAN	*****823	13	CT10066491-CT10066503
CN BINH DUONG	PHAM THI THANH XUAN	*****281	5	TD10001486-TD10001490
PGD THU DAU 1	PHAM THI THANH XUAN	*****281	4	CT10106841-CT10106844
CN DONG NAI	PHAM THI THANH XUAN	*****996	4	CT10109107-CT10109110
PGD Krong Nang	PHAM THI THAO	*****104	3	DN10087647-DN10087649
PGD SO SAO	PHAM THI THAO	*****603	5	CT10061641-CT10061645
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI THAO	*****639	2	CT10136770-CT10136771
CN CAU GIAY	PHAM THI THAO	*****831	1	CT10081115-CT10081115
PGD QUANG PHU	PHAM THI THAO	*****980	5	DN10082974-DN10082978
CN TAN BINH	PHAM THI THAO UYEN	*****934	1	EB10000197-EB10000197
CN NHA TRANG	PHAM THI THI	*****770	3	DN10031053-DN10031055
CN BINH DINH	PHAM THI THI THO	*****550	11	CT10072728-CT10072738
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAM THI THICH	*****972	5	DN10024737-DN10024741
CN BINH DUONG	PHAM THI THIET	*****085	1	CT10093110-CT10093110
CN SAI GON	PHAM THI THIET	*****934	5	CT10065863-CT10065867

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	PHAM THI THO	*****818	10	CT10046285-CT10046289; TD10002216-TD10002220
CN HAI AN	PHAM THI THOA	*****798	69	CT10132654-CT10132667; DN10004756-DN10004805; TD10006031-TD10006035
CN HAI PHONG	PHAM THI THOANG	*****620	5	CT10018671-CT10018675
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI THOM NGOC	*****096	24	CT10049570-CT10049593
PGD VAN XUAN	PHAM THI THU	*****599	11	CT10066932-CT10066942
CN HAI DUONG	PHAM THI THU	*****830	13	CT10097590-CT10097602
PGD LE QUANG DINH	PHAM THI THU	*****043	15	CT10121298-CT10121312
PGD NGUYEN SY SACH	PHAM THI THU	*****459	1	EB10002562-EB10002562
CN BINH DUONG	PHAM THI THU	*****759	5	TD10008326-TD10008330
PGD DI AN	PHAM THI THU	*****759	1	CT10158530-CT10158530
CN SO GIAO DICH	PHAM THI THU	*****792	16	DN10108336-DN10108341; TD10007951-TD10007960
PGD TRAN KHAT CHAN	PHAM THI THU	*****792	4	CT10152313-CT10152316
PGD NGUYEN AN NINH	PHAM THI THU GIANG	*****982	1	CT10101787-CT10101787
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THU HA	*****003	1	CT10064461-CT10064461
HUB PAYROLL MB	PHAM THI THU HA	*****018	25	CT10082483-CT10082507
CN HAI AN	PHAM THI THU HA	*****189	4	CT10048879-CT10048882
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI THU HA	*****226	9	CT10045990-CT10045998
PGD THAI THINH	PHAM THI THU HA	*****154	1	CT10104559-CT10104559
SEABANK LE DUAN	PHAM THI THU HA	*****189	15	CT10047817-CT10047831
CN HAI AN	PHAM THI THU HA	*****517	1	EB10001346-EB10001346
CN NHA TRANG	PHAM THI THU HA	*****869	1	EB10000157-EB10000157
CN NGHE AN	PHAM THI THU HA	*****889	10	DN10111789-DN10111798
CN HAI PHONG	PHAM THI THU HA	*****974	15	CT10119271-CT10119285
PGD SAI DONG	PHAM THI THU HANG	*****824	15	CT10107910-CT10107924
CN DAK LAK	PHAM THI THU HIEN	*****511	3	DN10004631-DN10004633
CN NGHE AN	PHAM THI THU HIEN	*****515	5	CT10014422-CT10014426
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THU HOAI	*****578	1	CT10156424-CT10156424

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI THU HOAI	*****139	3	CT10036367-CT10036369
CN DAI AN	PHAM THI THU HONG	*****397	1	CT10117976-CT10117976
PGD NGUYEN AN NINH	PHAM THI THU HUONG	*****207	4	CT10062161-CT10062164
PGD NGUYEN AN NINH	PHAM THI THU HUONG	*****857	10	CT10052086-CT10052095
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI THU HUONG	*****293	7	CT10118761-CT10118767
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THU HUONG	*****541	12	CT10147392-CT10147403
CN HAI DUONG	PHAM THI THU HUONG	*****822	15	CT10076235-CT10076249
CN DAI AN	PHAM THI THU HUYEN	*****141	5	TD10009556-TD10009560
CN HAI PHONG	PHAM THI THU HUYEN	*****247	12	CT10037736-CT10037747
CN HA NOI	PHAM THI THU HUYEN	*****328	4	CT10060241-CT10060244
CN HAI DUONG	PHAM THI THU MAI	*****694	5	CT10124053-CT10124057
CN BINH DINH	PHAM THI THU NGAN	*****376	8	CT10014630-CT10014637
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI THU NHUNG	*****470	11	DN10070052-DN10070062
CN NHA TRANG	PHAM THI THU OANH	*****621	1	EB10002330-EB10002330
CN LANG HA	PHAM THI THU PHUONG	*****082	6	CT10022513-CT10022518
CN LANG HA	PHAM THI THU QUYNH	*****589	6	CT10095533-CT10095538
CN CAU GIAY	PHAM THI THU THANH	*****650	3	CT10159684-CT10159686
PGD TAN PHAT	PHAM THI THU THUY	*****172	1	EB10002084-EB10002084
PGD LE THAI TO	PHAM THI THU THUY	*****950	2	CT10094122-CT10094123
PGD TRAN NGUYEN HAN	PHAM THI THU THUY	*****629	1	EB10002862-EB10002862
CN HAI DUONG	PHAM THI THU TRANG	*****340	30	CT10162310-CT10162339
CN HA DONG	PHAM THI THU TRANG	*****785	5	TD10006626-TD10006630
PGD VAN QUAN	PHAM THI THU TRANG	*****785	5	TD10002626-TD10002630
PGD TON DAN	PHAM THI THU TRANG	*****317	15	CT10164750-CT10164764
CN HUE	PHAM THI THU TRANG	*****517	1	CT10066514-CT10066514
PGD VAN QUAN	PHAM THI THUC OANH	*****237	3	CT10068205-CT10068207
PGD THAI THINH	PHAM THI THUONG	*****064	39	CT10040825-CT10040863
CN VUNG TAU	PHAM THI THUONG	*****113	4	CT10070130-CT10070133
CN THAI NGUYEN	PHAM THI THUONG	*****137	1	EB10001720-EB10001720

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI THUONG	*****279	8	CT10135030-CT10135037
PGD DIEN BIEN PHU	PHAM THI THUONG	*****323	1	EB10002951-EB10002951
CN HAI AN	PHAM THI THUONG	*****965	10	CT10112610-CT10112619
CN DONG DA	PHAM THI THUY	*****074	6	CT10007614-CT10007619
CN DAI AN	PHAM THI THUY	*****380	1	EB10002968-EB10002968
PGD SAI DONG	PHAM THI THUY	*****116	3	CT10016763-CT10016765
PGD TIEN AN	PHAM THI THUY	*****424	1	CT10004516-CT10004516
PGD Krong Nang	PHAM THI THUY	*****718	3	DN10110217-DN10110219
PGD TRAN NGUYEN HAN	PHAM THI THUY	*****731	80	DN10023349-DN10023422; EB10000540-EB10000540; TD10007136-TD10007140
CN LONG BIEN	PHAM THI THUY	*****888	2	CT10159730-CT10159731
PGD SAO MAI	PHAM THI THUY DUNG	*****156	12	CT10103499-CT10103510
PGD HOANG DIEU	PHAM THI THUY DUNG	*****505	3	CT10053890-CT10053892
CN HAI DUONG	PHAM THI THUY DUNG	*****564	2	CT10133263-CT10133264
PGD TRAN PHU	PHAM THI THUY DUNG	*****661	28	CT10107698-CT10107725
PGD TO HIEU	PHAM THI THUY DUONG	*****578	60	CT10159098-CT10159137; DN10092792-DN10092811
CN TIEN GIANG	PHAM THI THUY DUONG	*****121	10	CT10109766-CT10109775
CN TIEN GIANG	PHAM THI THUY DUONG	*****416	5	CT10026342-CT10026346
PGD TRAN DUY HUNG	PHAM THI THUY HA	*****248	1	CT10091927-CT10091927
PGD TRUONG THI	PHAM THI THUY HANG	*****966	1	EB10000420-EB10000420
PGD MY CA	PHAM THI THUY HANG	*****014	1	EB10000101-EB10000101
PGD PHO YEN	PHAM THI THUY HOAN	*****629	21	DN10100973-DN10100993
PGD DAI KIM	PHAM THI THUY HONG	*****429	2	CT10007961-CT10007962
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THI THUY HUONG	*****902	4	CT10097210-CT10097213

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	PHAM THI THUY LINH	*****113	7	CT10149090-CT10149096
PGD NGUYEN VAN CU	PHAM THI THUY LINH	*****147	1	EB10001696-EB10001696
CN DAK LAK	PHAM THI THUY LINH	*****686	5	DN10070899-DN10070903
CN HAI AN	PHAM THI THUY LINH	*****882	20	CT10141735-CT10141754
PGD YEN PHU	PHAM THI THUY LINH	*****946	7	CT10062638-CT10062644
CN NHA TRANG	PHAM THI THUY TRAM	*****132	1	CT10101403-CT10101403
CN SO GIAO DICH	PHAM THI THUY TRAM	*****560	5	CT10083878-CT10083882
CN BINH DUONG	PHAM THI THUY TRANG	*****748	4	CT10082098-CT10082101
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM THI TIEU MINH	*****313	8	CT10139562-CT10139569
HUB PAYROLL MB	PHAM THI TO UYEN	*****912	1	CT10034792-CT10034792
CN HAI PHONG	PHAM THI TRA	*****021	9	CT10157418-CT10157426
PGD LAC LONG QUAN	PHAM THI TRA MY	*****949	1	CT10072365-CT10072365
PGD LENIN	PHAM THI TRA MY	*****953	4	CT10011201-CT10011204
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI TRUC	*****852	25	CT10132408-CT10132432
CN CAN THO	PHAM THI TU LINH	*****975	1	CT10065626-CT10065626
CN NHA TRANG	PHAM THI TUONG VI	*****465	1	CT10030164-CT10030164
PGD LACH TRAY 1	PHAM THI TUYEN	*****611	2	CT10070587-CT10070588
CN VUNG TAU	PHAM THI TUYET	*****260	1	EB10001488-EB10001488
PGD LACH TRAY 2	PHAM THI TUYET	*****260	1	EB10000331-EB10000331
CN HA TINH	PHAM THI TUYET	*****313	5	DN10058292-DN10058296
SEABANK LE DUAN	PHAM THI TUYET	*****464	25	CT10136635-CT10136659
CN BAC NINH	PHAM THI TUYET	*****999	1	CT10125807-CT10125807
CN TIEN GIANG	PHAM THI TUYET MAI	*****991	1	CT10052031-CT10052031
PGD PHU HUNG	PHAM THI TUYET NHUNG	*****926	1	CT10038476-CT10038476
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM THI TUYET SUONG	*****865	7	CT10111228-CT10111234
PGD BINH TAN	PHAM THI TUYET TRINH	*****746	1	EB10003053-EB10003053
PGD VINH HAI	PHAM THI UT	*****400	14	CT10147151-CT10147164
CN DONG NAI	PHAM THI UT HIEN	*****360	5	DN10096292-DN10096296
CN HA DONG	PHAM THI UYEN	*****907	1	EB10000750-EB10000750

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HUE	PHAM THI UYEN	*****183	4	CT10053622-CT10053625
CN DAK LAK	PHAM THI UYEN QUYEN	*****391	5	DN10107317-DN10107321
CN LANG HA	PHAM THI VAN	*****125	84	CT10092937-CT10093020
PGD KIM THANH	PHAM THI VAN	*****571	7	CT10142013-CT10142019
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THI VAN	*****592	4	CT10000732-CT10000735
PGD NGUYEN TRAI	PHAM THI VAN	*****382	36	CT10054921-CT10054956
CN HA TINH	PHAM THI VAN	*****417	5	DN10039174-DN10039178
CN HAI AN	PHAM THI VAN	*****672	31	DN10020330-DN10020359; EB10000438-EB10000438
CN THANH XUAN	PHAM THI VAN ANH	*****611	1	CT10020117-CT10020117
CN THAI NGUYEN	PHAM THI VAN ANH	*****969	6	CT10145094-CT10145099
CN DAK LAK	PHAM THI VINH	*****014	3	DN10037279-DN10037281
PGD XUAN LA	PHAM THI VINH	*****141	25	CT10096602-CT10096613; DN10051220-DN10051227; TD10010936-TD10010940
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THI VUI	*****829	29	CT10114908-CT10114936
CN BINH DUONG	PHAM THI XINH	*****232	5	CT10016775-CT10016779
PGD TON DAN	PHAM THI XO	*****441	1	CT10091015-CT10091015
CN HAI AN	PHAM THI XUAN	*****266	1	EB10001543-EB10001543
CN DA NANG	PHAM THI XUAN DIEU	*****811	4	CT10041462-CT10041465
CN DAK LAK	PHAM THI XUAN MAI	*****871	5	DN10077416-DN10077420
CN HAI AN	PHAM THI YEN	*****582	48	DN10043453-DN10043494; EB10003284-EB10003284; TD10009896-TD10009900
CN NHA TRANG	PHAM THI YEN	*****012	5	DN10075754-DN10075758
CN NGHE AN	PHAM THI YEN	*****234	1	CT10143251-CT10143251
SEABANK LE DUAN	PHAM THI YEN	*****901	1	EB10002581-EB10002581
PGD TIEN AN	PHAM THI YEN	*****927	7	CT10044319-CT10044325
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM THIEN AN	*****682	12	CT10149806-CT10149817
CN HAI PHONG	PHAM THIEU KHANG	*****986	1	CT10119074-CT10119074
CN DONG DA	PHAM THINH	*****374	1	CT10052084-CT10052084
PGD HO TUNG MAU	PHAM THU DIEU	*****065	19	CT10031399-CT10031417
HUB PAYROLL MB	PHAM THU HA	*****821	1	CT10066219-CT10066219
PGD LACH TRAY 2	PHAM THU HA	*****878	105	DN10092997-DN10093101

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	PHAM THU HANG	*****195	67	CT10127709-CT10127775
PGD HO TUNG MAU	PHAM THU HANG	*****906	2	CT10051158-CT10051159
CN HA NOI	PHAM THU HIEN	*****568	5	CT10159590-CT10159594
CN SAI GON	PHAM THU HIEN	*****360	1	CT10065647-CT10065647
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAM THU HUONG	*****660	3	CT10067954-CT10067956
PGD LAC LONG QUAN	PHAM THU HUONG	*****223	11	CT10129118-CT10129128
PGD TIEN AN	PHAM THU HUONG	*****919	1	EB10002015-EB10002015
CN HA DONG	PHAM THU NGA	*****277	13	CT10117136-CT10117148
CN AN GIANG	PHAM THU NGUYET	*****408	5	DN10094393-DN10094397
CN DONG DA	PHAM THU PHUONG	*****385	2	CT10053925-CT10053926
CN HAI AN	PHAM THU PHUONG	*****879	5	TD10009246-TD10009250
PGD LE THAI TO	PHAM THU QUYEN	*****402	1	EB10000741-EB10000741
PGD DOI CAN	PHAM THU QUYNH	*****708	10	CT10094293-CT10094302
CN TAN PHU	PHAM THU THUY	*****200	11	CT10047800-CT10047804; EB10000969-EB10000969; TD10002266-TD10002270
CN HA NOI	PHAM THU TRANG	*****377	9	CT10059378-CT10059386
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THU TRANG	*****538	1	EB10000735-EB10000735
CN SAI GON	PHAM THU TRANG	*****580	5	CT10060366-CT10060370
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM THU VAN	*****027	25	CT10106963-CT10106987
PGD TAN PHAT	PHAM THUY DAN THANH	*****188	1	EB10003332-EB10003332
PGD THAI THINH	PHAM THUY DUNG	*****598	10	TD10000326-TD10000335
CN THANH XUAN	PHAM THUY DUONG	*****269	15	CT10085814-CT10085828
CN DAI AN	PHAM THUY HANG	*****678	1	EB10001459-EB10001459
PGD TO HIEU	PHAM THUY HANH	*****359	13	CT10003021-CT10003033
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM THUY HANH	*****669	5	CT10007446-CT10007450
CN NHA TRANG	PHAM THUY KHANH	*****131	1	CT10101569-CT10101569
PGD HAN THUYEN	PHAM THUY NGA	*****573	1	CT10076354-CT10076354
PGD BOTANIC	PHAM THUY THANH THY	*****120	1	CT10054215-CT10054215
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM THUY TIEN	*****075	2	CT10094243-CT10094244

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN QUANG NGAI	PHAM THUY TRANG NGUYEN	*****603	2	CT10108959-CT10108960
CN NHA TRANG	PHAM THUY VAN	*****268	10	CT10163883-CT10163892
CN TP. HO CHI MINH	PHAM THUY VY	*****815	1	EB10000626-EB10000626
CN HAI PHONG	PHAM THUYEN	*****590	8	CT10097853-CT10097860
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAM TIEN DAT	*****196	15	CT10066144-CT10066158
CN TP. HO CHI MINH	PHAM TIEN DUNG	*****207	5	CT10106251-CT10106255
CN DONG DA	PHAM TIEN DUNG	*****695	12	CT10048785-CT10048796
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TIEN DUNG	*****915	24	CT10098613-CT10098636
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TIEN GHI	*****467	25	CT10064365-CT10064389
CN LONG BIEN	PHAM TIEN MANH	*****016	1	CT10083600-CT10083600
CN HAI AN	PHAM TIEN QUYET	*****183	4	CT10036187-CT10036190
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM TIEN THANH	*****873	2	CT10054552-CT10054553
CN HAI PHONG	PHAM TIEN THINH	*****429	1	CT10144969-CT10144969
PGD LAN ONG	PHAM TIEN TRUNG	*****469	10	CT10017844-CT10017853
PGD KIM VAN	PHAM TO LONG	*****191	100	CT10133438-CT10133537
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAM TOAN THANG	*****519	11	CT10020364-CT10020374
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAM TOAN THANG	*****914	1	CT10014491-CT10014491
CN HUE	PHAM TRAN DIEU HUONG	*****384	5	CT10166792-CT10166796
CN THANH XUAN	PHAM TRAN DUC	*****094	6	CT10043020-CT10043025
PGD NGUYEN KHANH TOAN	PHAM TRAN HOA	*****121	2	CT10096151-CT10096152
CN HUE	PHAM TRAN HONG PHUC	*****787	1	CT10049766-CT10049766
PGD TRUNG NHI	PHAM TRAN NHU QUYNH	*****080	16	CT10129741-CT10129751; TD10005696-TD10005700
CN DONG NAI	PHAM TRAN THE HAI	*****513	1	CT10079090-CT10079090
PGD CONG HOA	PHAM TRAN THY LINH	*****771	22	CT10133811-CT10133832
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAM TRAN VY LE	*****672	1	CT10034266-CT10034266
CN CAU GIAY	PHAM TRI THINH	*****666	2	CT10019268-CT10019269

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	PHAM TRIEU NGHIA	*****739	100	CT10114737-CT10114836
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM TRONG DUONG	*****487	2	CT10044740-CT10044741
PGD THANH DONG	PHAM TRONG HAN	*****264	40	DN10008502-DN10008541
PGD THANH DONG	PHAM TRONG HUNG	*****346	15	DN10080231-DN10080245
CN DONG NAI	PHAM TRONG MINH	*****141	1	CT10083154-CT10083154
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TRONG TRUONG	*****090	12	CT10136743-CT10136754
PGD BACH MAI	PHAM TRUNG ANH	*****053	60	DN10028306-DN10028365
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM TRUNG ANH	*****053	1	CT10059055-CT10059055
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TRUNG HIEU	*****365	23	CT10139030-CT10139052
PGD SOC SON	PHAM TRUNG HIEU	*****421	15	CT10088944-CT10088958
PGD XUAN LA	PHAM TRUNG KHAI	*****512	9	CT10088585-CT10088593
CN QUANG NINH	PHAM TRUNG KHANH	*****317	1	CT10056715-CT10056715
PGD PHO YEN	PHAM TRUNG KHANH	*****006	190	DN10056156-DN10056345
PGD HO TUNG MAU	PHAM TRUNG KIEN	*****014	14	CT10051568-CT10051581
PGD TO HIEU	PHAM TRUNG KIEN	*****386	1	EB10000239-EB10000239
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TRUNG KIEN	*****114	6	CT10102281-CT10102286
PGD THANH CONG	PHAM TRUNG KIEN	*****385	57	CT10073587-CT10073643
PGD DI AN	PHAM TRUNG KIEN	*****805	9	CT10145494-CT10145502
CN NHA TRANG	PHAM TRUNG NAM	*****612	1	EB10001418-EB10001418
CN LANG HA	PHAM TRUNG THANH	*****651	5	CT10022048-CT10022052
CN HAI DUONG	PHAM TRUNG THIEP	*****189	7	CT10036532-CT10036538
CN SAI GON	PHAM TRUNG VU	*****976	20	CT10092007-CT10092026
CN DA NANG	PHAM TRUONG AN	*****220	2	CT10156681-CT10156682
PGD VAN XUAN	PHAM TRUONG NGOC	*****637	13	CT10109083-CT10109095
CN NHA TRANG	PHAM TRUONG TAY	*****665	1	EB10001759-EB10001759
CN QUANG NINH	PHAM TRUONG TRINH	*****100	1	CT10060510-CT10060510
CN TAN PHU	PHAM TRUONG VI	*****422	15	CT10135279-CT10135293
PGD KIM THANH	PHAM TRUONG YEN	*****178	1	EB10002709-EB10002709
PGD LANG THUONG	PHAM TU ANH	*****100	2	CT10141637-CT10141638
CN HA NOI	PHAM TU QUYNH	*****845	1	CT10026166-CT10026166
CN DA NANG	PHAM TUAN ANH	*****292	9	CT10102579-CT10102587
PGD HAO NAM	PHAM TUAN ANH	*****350	1	EB10002700-EB10002700
CN LANG HA	PHAM TUAN ANH	*****821	1	CT10051874-CT10051874

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH CONG	PHAM TUAN DAT	*****985	50	CT10053439-CT10053488
CN NHA TRANG	PHAM TUAN DUNG	*****115	1	EB10000281-EB10000281
PGD AU CO	PHAM TUAN DUY	*****038	1	CT10119162-CT10119162
PGD AU CO	PHAM TUAN HAI	*****691	4	CT10060753-CT10060756
CN DAI AN	PHAM TUAN KHANG	*****382	7	CT10033027-CT10033033
CN SO GIAO DICH	PHAM TUAN LINH	*****108	7	CT10017625-CT10017631
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TUAN LUONG	*****498	24	CT10146814-CT10146837
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TUAN NGOC	*****830	25	CT10108584-CT10108608
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM TUAN PHUONG	*****045	22	CT10106625-CT10106646
PGD TRAN PHU	PHAM TUAN SON	*****482	9	CT10020612-CT10020620
CN HA DONG	PHAM TUAN THANH	*****073	82	CT10032754-CT10032835
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM TUAN TIEP	*****004	9	CT10036855-CT10036863
PGD HO TUNG MAU	PHAM TUAN TOAN	*****035	81	CT10080611-CT10080691
CN NGHE AN	PHAM TUAN VU	*****555	2	CT10069972-CT10069973
CN HAI PHONG	PHAM TUNG DUONG	*****174	30	CT10006280-CT10006309
CN DA NANG	PHAM TUNG LAM	*****236	7	CT10025951-CT10025957
HUB THE CHAP MB 2	PHAM TUNG LAM	*****698	7	CT10086184-CT10086190
CN BINH DUONG	PHAM TUNG THIEN	*****513	1	CT10164287-CT10164287
PGD LE VAN SY	PHAM TUONG VY	*****009	1	CT10090379-CT10090379
PGD VAN QUAN	PHAM TUYET LAN	*****451	16	CT10089884-CT10089899
PGD BA TRIEU	PHAM TUYET NGA	*****628	1	CT10118298-CT10118298
CN CAN THO	PHAM TUYET NGOC	*****747	19	CT10161331-CT10161344; TD10005136-TD10005140
CN HA NOI	PHAM TUYET NHUNG	*****812	1	EB10001918-EB10001918
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM TUYET NHUNG	*****812	24	CT10100170-CT10100193
HUB THE CHAP MN	PHAM UYEN PHUONG THANH	*****641	1	CT10005003-CT10005003
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM VAN AN	*****620	17	CT10107982-CT10107998
PGD TAY HO	PHAM VAN ANH	*****107	5	TD10001021-TD10001025
CN HA DONG	PHAM VAN ANH	*****525	2	CT10050279-CT10050280
PGD DAO TAN	PHAM VAN ANH	*****666	5	CT10017393-CT10017397

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DONG SON	PHAM VAN BA	*****958	16	CT10035331-CT10035345; EB10001260-EB10001260
PGD KIM THANH	PHAM VAN BANG	*****460	1	EB10003306-EB10003306
CN HAI PHONG	PHAM VAN BANG	*****990	4	CT10154879-CT10154882
PGD KIM THANH	PHAM VAN BANG	*****191	3	CT10096666-CT10096668
CN LANG HA	PHAM VAN BAO QUY	*****287	6	CT10102507-CT10102512
PGD HAI TAN	PHAM VAN BIEN	*****115	1	CT10154740-CT10154740
CN HAI PHONG	PHAM VAN BINH	*****387	1	CT10037333-CT10037333
PGD XUAN LA	PHAM VAN BINH	*****548	56	CT10009505-CT10009560
PGD SOC SON	PHAM VAN CHIEM	*****819	1	EB10002257-EB10002257
CN TP. HO CHI MINH	PHAM VAN CHINH	*****240	2	CT10050470-CT10050471
CN HA NOI	PHAM VAN CHUNG	*****044	2	CT10029135-CT10029136
CN THANH XUAN	PHAM VAN CHUNG	*****023	10	TD10001506-TD10001515
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM VAN CONG	*****026	1	CT10145093-CT10145093
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAM VAN CONG	*****222	49	CT10055795-CT10055843
CN HAI AN	PHAM VAN CONG	*****164	4	CT10077967-CT10077970
CN HAI AN	PHAM VAN CUONG	*****223	1	CT10043168-CT10043168
PGD HANG KENH	PHAM VAN CUONG	*****690	7	CT10059276-CT10059282
PGD MY CA	PHAM VAN CUONG	*****821	1	EB10000728-EB10000728
PGD KIM THANH	PHAM VAN CUONG	*****100	1	CT10095026-CT10095026
CN LANG HA	PHAM VAN CUONG	*****247	3	CT10075234-CT10075236
CN QUANG NINH	PHAM VAN CUONG	*****943	2	DN10059583-DN10059584
CN HAI AN	PHAM VAN DAI	*****283	1	EB10002115-EB10002115
PGD TU SON	PHAM VAN DAO	*****645	1	EB10000766-EB10000766
CN HAI DUONG	PHAM VAN DAT	*****026	60	DN10044802-DN10044850; EB10003319-EB10003319; TD10010026-TD10010035
CN THANH HOA	PHAM VAN DAT	*****093	9	CT10018662-CT10018670
CN KIEN GIANG	PHAM VAN DEO	*****079	16	CT10108449-CT10108464
CN CA MAU	PHAM VAN DIEP	*****480	12	CT10140697-CT10140708
CN DAK LAK	PHAM VAN DINH	*****234	5	TD10008666-TD10008670
CN HA NOI	PHAM VAN DOAN	*****244	1	EB10002582-EB10002582
CN BAC NINH	PHAM VAN DOAN	*****561	24	CT10042003-CT10042026
PGD TRAN NGUYEN HAN	PHAM VAN DONG	*****587	126	DN10080059-DN10080173; EB10001947-EB10001947; TD10003396-TD10003405
CN THAI NGUYEN	PHAM VAN DU	*****135	50	DN10031412-DN10031461

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI DUONG	PHAM VAN DU	*****888	5	CT10099570-CT10099574
PGD VAN QUAN	PHAM VAN DUC	*****120	49	CT10136411-CT10136459
CN THANH HOA	PHAM VAN DUC	*****453	1	EB10000278-EB10000278
CN HAI PHONG	PHAM VAN DUNG	*****039	7	CT10001030-CT10001036
CN THANH HOA	PHAM VAN DUNG	*****681	13	DN10028485-DN10028497
CN CAU GIAY	PHAM VAN DUNG	*****918	10	CT10005579-CT10005588
PGD MY DINH	PHAM VAN DUNG	*****789	1	EB10001171-EB10001171
CN THAI NGUYEN	PHAM VAN DUONG	*****828	1	EB10001741-EB10001741
PGD TRAN NGUYEN HAN	PHAM VAN DUY	*****051	1	EB10002126-EB10002126
CN HA NOI	PHAM VAN GIANG	*****309	1	CT10109129-CT10109129
PGD SOC SON	PHAM VAN HAI	*****402	1	EB10003122-EB10003122
CN QUANG NINH	PHAM VAN HANH	*****783	5	DN10106863-DN10106866; EB10002576-EB10002576
CN HA TINH	PHAM VAN HAO	*****139	1	EB10000505-EB10000505
CN HAI AN	PHAM VAN HAU	*****010	3	CT10027980-CT10027982
CN BAC NINH	PHAM VAN HIEN	*****389	1	CT10047467-CT10047467
CN HAI DUONG	PHAM VAN HIEP	*****544	14	CT10059686-CT10059699
CN HA DONG	PHAM VAN HIEP	*****594	7	CT10069957-CT10069963
CN DAI AN	PHAM VAN HIEP	*****629	17	CT10045117-CT10045133
CN HAI AN	PHAM VAN HIEU	*****725	5	CT10063304-CT10063308
PGD KIM THANH	PHAM VAN HONG	*****811	10	DN10049167-DN10049176
CN DAI AN	PHAM VAN HUAN	*****517	4	CT10086281-CT10086284
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM VAN HUE	*****604	8	CT10149572-CT10149579
CN SO GIAO DICH	PHAM VAN HUNG	*****109	1	EB10003110-EB10003110
CN LANG HA	PHAM VAN HUNG	*****734	4	CT10123520-CT10123523
PGD XUAN LA	PHAM VAN HUNG	*****943	1	CT10053533-CT10053533
PGD TIEN AN	PHAM VAN HUNG	*****161	20	DN10064850-DN10064869
PGD HAI TAN	PHAM VAN HUNG	*****627	1	EB10000959-EB10000959
PGD TO HIEU	PHAM VAN HUY	*****906	11	CT10055487-CT10055497
CN HAI PHONG	PHAM VAN HUYEN	*****895	1	CT10060968-CT10060968
PGD TAY HO	PHAM VAN KHAI	*****464	1	EB10001342-EB10001342
CN PHU MY HUNG	PHAM VAN KHAN	*****693	1	EB10002856-EB10002856
PGD TUYEN SON	PHAM VAN KHANH	*****881	14	CT10037200-CT10037213
CN LANG HA	PHAM VAN KHOA	*****284	1	CT10085686-CT10085686
PGD AU CO	PHAM VAN KHOI	*****355	1	CT10055983-CT10055983
CN HAI PHONG	PHAM VAN KHOI	*****653	6	CT10058558-CT10058563

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOA BINH	PHAM VAN KHUONG	*****948	106	DN10052957-DN10053056; EB10000852-EB10000852; TD10011081-TD10011085
PGD THANH CONG	PHAM VAN KIEM	*****525	9	CT10063310-CT10063318
PGD HOANG DIEU	PHAM VAN KIEN	*****179	9	CT10095196-CT10095204
PGD HO TUNG MAU	PHAM VAN KIEN	*****683	54	CT10071073-CT10071126
PGD DI AN	PHAM VAN LAM	*****042	16	CT10030245-CT10030260
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM VAN LAM	*****107	10	CT10121643-CT10121652
CN CAN THO	PHAM VAN LAM	*****227	1	CT10095280-CT10095280
CN CA MAU	PHAM VAN LAM	*****713	9	DN10077421-DN10077428; EB10001843-EB10001843
CN THANH HOA	PHAM VAN LAM	*****978	61	DN10055665-DN10055724; EB10001214-EB10001214
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM VAN LOI	*****296	9	CT10102150-CT10102158
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM VAN LONG	*****109	2	CT10051834-CT10051835
PGD LE CHAN	PHAM VAN LONG	*****400	1	CT10092437-CT10092437
CN HAI PHONG	PHAM VAN LUAN	*****116	15	CT10130039-CT10130053
PGD CAM PHA	PHAM VAN LUYEN	*****873	1	CT10046206-CT10046206
PGD XUAN LA	PHAM VAN MANH	*****219	22	CT10074770-CT10074791
PGD LE LOI	PHAM VAN MANH	*****247	87	CT10130229-CT10130234; DN10002882-DN10002951; EB10000137-EB10000137; TD10005721-TD10005730
CN DAI AN	PHAM VAN MANH	*****732	8	CT10081019-CT10081026
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM VAN MANH	*****627	1	CT10005516-CT10005516
PGD HANG KENH	PHAM VAN MINH	*****289	51	DN10079433-DN10079463; TD10003451-TD10003470
CN HAI PHONG	PHAM VAN MUNG	*****568	20	CT10161547-CT10161566
PGD Krong Nang	PHAM VAN MY	*****593	20	DN10023901-DN10023920
CN SO GIAO DICH	PHAM VAN NAM	*****254	9	CT10129569-CT10129577
CN TP. HO CHI MINH	PHAM VAN NAM	*****434	1	CT10100059-CT10100059
CN TAN PHU	PHAM VAN NGAN	*****259	3	CT10084117-CT10084119
PGD LE HONG PHONG	PHAM VAN NGOC	*****118	1	CT10069335-CT10069335

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN PHU	PHAM VAN NGOC	*****143	5	CT10005636-CT10005640
PGD TRAN DUY HUNG	PHAM VAN NGUYEN	*****959	2	CT10149721-CT10149722
CN DONG NAI	PHAM VAN PHAT	*****363	1	CT10021873-CT10021873
CN DAI AN	PHAM VAN PHU	*****726	24	CT10075388-CT10075411
PGD HANG KENH	PHAM VAN PHUC	*****091	83	CT10062348-CT10062361; DN10000154-DN10000207; TD10005281-TD10005295
CN DONG DA	PHAM VAN PHUC	*****154	2	CT10141187-CT10141188
PGD LACH TRAY 2	PHAM VAN PHUNG	*****259	3	CT10095752-CT10095754
PGD LANG THUONG	PHAM VAN PHUNG	*****822	1	EB10000459-EB10000459
PGD CONG HOA	PHAM VAN PHUOC	*****079	50	CT10135775-CT10135824
PGD TRAN DUY HUNG	PHAM VAN PHUONG	*****048	17	CT10141755-CT10141771
CN QUANG NINH	PHAM VAN PHUONG	*****711	20	CT10140836-CT10140855
CN HAI PHONG	PHAM VAN QUANG	*****244	9	CT10163072-CT10163080
CN SO GIAO DICH	PHAM VAN QUANG	*****420	10	CT10102473-CT10102482
PGD LAC LONG QUAN	PHAM VAN QUYET	*****662	7	CT10025522-CT10025528
PGD PHO YEN	PHAM VAN QUYNH	*****814	1	CT10054030-CT10054030
PGD NGUYEN TRAI	PHAM VAN SON	*****104	2	CT10061678-CT10061679
CN SO GIAO DICH	PHAM VAN SON	*****448	11	CT10073107-CT10073117
CN THANH HOA	PHAM VAN SY	*****030	15	DN10043913-DN10043927
PGD LE LOI	PHAM VAN THAI	*****449	1	EB10001291-EB10001291
PGD KIM THANH	PHAM VAN THAI	*****535	5	CT10072882-CT10072886
HUB PAYROLL MB	PHAM VAN THANG	*****308	24	CT10162685-CT10162708
CN HAI PHONG	PHAM VAN THANG	*****698	2	CT10045469-CT10045470
PGD HAI DANG	PHAM VAN THANG	*****204	51	DN10065052-DN10065101; EB10001487-EB10001487
PGD THANG LONG	PHAM VAN THANG	*****587	2	CT10167042-CT10167043
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM VAN THANH	*****341	24	CT10107782-CT10107805
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM VAN THANH	*****345	14	CT10001879-CT10001892
PGD CAM PHA	PHAM VAN THANH	*****792	14	CT10057496-CT10057509
PGD PHO YEN	PHAM VAN THANH	*****002	36	DN10082432-DN10082461; EB10002023-EB10002023; TD10003726-TD10003730
PGD KIM LIEN	PHAM VAN THANH	*****127	1	EB10001471-EB10001471

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	PHAM VAN THANH	*****470	49	CT10158192-CT10158240
CN THAI NGUYEN	PHAM VAN THANH	*****557	2	CT10156822-CT10156823
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM VAN THANH	*****657	22	CT10002244-CT10002265
PGD SO SAO	PHAM VAN THANH LIEM	*****537	1	EB10002270-EB10002270
PGD TRUNG NHI	PHAM VAN THAO	*****577	10	CT10132787-CT10132796
CN HAI DUONG	PHAM VAN THEP	*****396	1	EB10001893-EB10001893
PGD LE THANH TONG	PHAM VAN THIEM	*****588	8	CT10090931-CT10090938
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM VAN THIET	*****850	1	EB10001990-EB10001990
HUB PAYROLL MB	PHAM VAN THINH	*****567	15	CT10006498-CT10006506; EB10002446-EB10002446; TD10007376-TD10007380
CN LONG BIEN	PHAM VAN THO	*****704	2	CT10003240-CT10003241
CN KIEN GIANG	PHAM VAN THOAI	*****116	1	CT10150442-CT10150442
CN HAI DUONG	PHAM VAN THUAN	*****934	1	EB10000600-EB10000600
CN SAI GON	PHAM VAN THUC	*****050	34	CT10162487-CT10162520
PGD GIA LOC	PHAM VAN THUY	*****108	1	EB10003167-EB10003167
CN BINH DUONG	PHAM VAN THUY	*****940	11	CT10087944-CT10087954
CN VUNG TAU	PHAM VAN TIEN	*****176	3	CT10046966-CT10046968
CN BAC NINH	PHAM VAN TIEP	*****577	2	CT10010774-CT10010775
CN LONG BIEN	PHAM VAN TOAN	*****342	7	CT10022783-CT10022789
PGD LACH TRAY 2	PHAM VAN TOAN	*****642	3	CT10017854-CT10017856
CN VUNG TAU	PHAM VAN TOAN	*****221	18	CT10102134-CT10102136; DN10063638-DN10063652
PGD SAO MAI	PHAM VAN TON	*****183	10	CT10132491-CT10132500
SEABANK LE DUAN	PHAM VAN TRA	*****006	46	DN10107337-DN10107376; EB10002622-EB10002622; TD10007866-TD10007870
PGD HAI DANG	PHAM VAN TRUNG	*****073	1	EB10000930-EB10000930
PGD CAM PHA	PHAM VAN TRUNG	*****487	3	CT10008808-CT10008810
CN NHA TRANG	PHAM VAN TRUNG	*****559	1	EB10001121-EB10001121
PGD DIEN BIEN PHU	PHAM VAN TRUNG	*****577	5	CT10121386-CT10121390
PGD THANH CONG	PHAM VAN TRUONG	*****240	99	CT10090271-CT10090369
CN HAI AN	PHAM VAN TRUONG	*****485	7	CT10006055-CT10006061
CN NHA TRANG	PHAM VAN TU	*****677	5	CT10084131-CT10084135
CN HAI PHONG	PHAM VAN TUAN	*****210	21	CT10108327-CT10108347

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI DUONG	PHAM VAN TUAN	*****654	1	CT10005323-CT10005323
CN HAI PHONG	PHAM VAN TUAN	*****664	16	CT10089810-CT10089825
CN HAI AN	PHAM VAN TUAN	*****058	10	CT10098883-CT10098892
CN TAN PHU	PHAM VAN TUAN	*****782	1	CT10005495-CT10005495
PGD VAN QUAN	PHAM VAN TUAN	*****890	36	CT10053151-CT10053186
PGD LACH TRAY 2	PHAM VAN TUNG	*****429	23	CT10061019-CT10061041
CN BAC NINH	PHAM VAN TUNG	*****301	1	EB10001098-EB10001098
PGD GIA LOC	PHAM VAN TY	*****264	26	DN10052591-DN10052610; EB10000826-EB10000826; TD10011156-TD10011160
PGD HO TUNG MAU	PHAM VAN UOC	*****506	14	CT10002488-CT10002501
CN HAI PHONG	PHAM VAN VUONG	*****073	1	CT10095709-CT10095709
CN VINH PHUC	PHAM VIET ANH	*****089	25	CT10014064-CT10014088
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM VIET ANH	*****151	4	CT10089987-CT10089990
CN THANH XUAN	PHAM VIET ANH	*****292	3	CT10069982-CT10069984
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAM VIET ANH	*****242	9	CT10059446-CT10059454
CN DAI AN	PHAM VIET ANH	*****278	7	CT10161407-CT10161413
PGD BACH MAI	PHAM VIET ANH	*****741	17	CT10074450-CT10074466
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM VIET CONG	*****963	3	CT10150222-CT10150224
PGD TIEN AN	PHAM VIET CUONG	*****549	5	DN10050944-DN10050948
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM VIET CUONG	*****384	4	CT10118293-CT10118296
PGD TIEN AN	PHAM VIET CUONG	*****856	1	EB10002963-EB10002963
CN SAI GON	PHAM VIET DANH	*****649	1	CT10102089-CT10102089
PGD PHU HUNG	PHAM VIET DUNG	*****044	16	CT10099348-CT10099363
CN LONG BIEN	PHAM VIET DUNG	*****063	7	CT10155451-CT10155457
PGD KIM THANH	PHAM VIET HA	*****728	14	CT10147166-CT10147179
CN NHA TRANG	PHAM VIET HA	*****830	1	EB10000947-EB10000947
HUB PAYROLL MB	PHAM VIET HA	*****973	9	CT10048178-CT10048186
PGD PHO YEN	PHAM VIET HUE	*****901	198	DN10096427-DN10096624
PGD DAO TAN	PHAM VIET HUNG	*****047	6	CT10053132-CT10053137
CN HAI PHONG	PHAM VIET HUNG	*****949	24	CT10045723-CT10045746
PGD BACH MAI	PHAM VIET HUNG	*****014	10	CT10003248-CT10003257
CN LONG BIEN	PHAM VIET LOC	*****858	1	EB10001895-EB10001895
PGD QUAN 10	PHAM VIET QUANG	*****067	19	CT10120373-CT10120391

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	PHAM VIET THANG	*****065	6	EB10001814-EB10001814; TD10003156-TD10003160
CN CAU GIAY	PHAM VIET THANH	*****584	14	CT10112987-CT10113000
PGD LAN ONG	PHAM VIET TRINH	*****142	3	CT10055524-CT10055526
PGD TO HIEU	PHAM VIET TRONG	*****411	1	EB10000202-EB10000202
CN SO GIAO DICH	PHAM VIET XUAN	*****085	5	CT10123911-CT10123915
PGD BA RIA	PHAM VINH DAT	*****351	4	CT10015878-CT10015881
CN DAI AN	PHAM VINH HIEN	*****647	1	CT10076953-CT10076953
CN DAI AN	PHAM VINH QUANG	*****319	7	CT10162474-CT10162480
PGD SAO DO	PHAM VO QUYET	*****489	1	CT10035524-CT10035524
CN NHA TRANG	PHAM VO TRUONG THO	*****739	1	EB10002909-EB10002909
CN DA NANG	PHAM VU BANG	*****755	5	CT10087346-CT10087350
CN TP. HO CHI MINH	PHAM VU LAM	*****026	1	EB10002313-EB10002313
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM VU LINH	*****850	4	CT10037137-CT10037140
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAM VU THAI	*****280	13	CT10138869-CT10138881
PGD HO TUNG MAU	PHAM VU VAN ANH	*****931	8	CT10119379-CT10119386
CN HAI AN	PHAM XUAN BACH KHA	*****112	2	CT10029249-CT10029250
CN TIEN GIANG	PHAM XUAN BAO	*****624	6	EB10002588-EB10002588; TD10007921-TD10007925
CN TP. HO CHI MINH	PHAM XUAN CHUONG	*****852	4	CT10021858-CT10021861
CN LONG BIEN	PHAM XUAN DAI	*****005	45	CT10151643-CT10151687
PGD NGUYEN THAI SON	PHAM XUAN DINH	*****189	5	DN10006333-DN10006337
PGD TRAN PHU	PHAM XUAN HIEU	*****753	10	CT10090973-CT10090977; TD10009816-TD10009820
CN CAU GIAY	PHAM XUAN HUNG	*****448	6	CT10001108-CT10001113
CN CA MAU	PHAM XUAN HUONG	*****022	25	DN10046143-DN10046162; TD10010206-TD10010210
CN SO GIAO DICH	PHAM XUAN HUY	*****458	45	CT10050573-CT10050617
CN DAI AN	PHAM XUAN KIEN	*****615	4	CT10056521-CT10056524
PGD HO DAC DI	PHAM XUAN LANG	*****457	13	CT10111325-CT10111337
CN THAI NGUYEN	PHAM XUAN MANH	*****821	10	CT10138156-CT10138165
CN HAI DUONG	PHAM XUAN NGU	*****859	7	DN10049631-DN10049637

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	PHAM XUAN NHAN	*****900	1	EB10003023-EB10003023
PGD NUI THANH	PHAM XUAN PHUC	*****914	1	CT10163315-CT10163315
HUB THE CHAP MB 2	PHAM XUAN QUY	*****546	9	CT10037007-CT10037015
SEABANK LE DUAN	PHAM XUAN QUYET	*****300	5	CT10011475-CT10011479
PGD NGUYEN CONG TRU	PHAM XUAN QUYNH	*****734	1	CT10130743-CT10130743
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAM XUAN THANH	*****436	23	CT10041471-CT10041493
PGD HA LONG	PHAM XUAN THOI	*****819	6	DN10000808-DN10000813
CN HAI AN	PHAM XUAN THU	*****555	8	CT10078565-CT10078572
PGD LE THANH TONG	PHAM XUAN TIEN	*****190	10	CT10142660-CT10142669
CN QUANG NINH	PHAM XUAN TRUONG	*****178	2	CT10023831-CT10023832
CN TP. HO CHI MINH	PHAM XUAN TRUONG	*****518	120	DN10008841-DN10008960
HUB THE CHAP MB 2	PHAM XUAN TU	*****481	20	CT10101738-CT10101757
PGD XUAN LA	PHAM XUAN TUNG	*****557	8	CT10104041-CT10104048
CN TP. HO CHI MINH	PHAM Y NHI	*****750	1	EB10002964-EB10002964
PGD DOI CAN	PHAMTHI THANH	*****606	1	CT10012445-CT10012445
CN TAN BINH	PHAN ANH HAO	*****227	2	CT10148492-CT10148493
CN LONG BIEN	PHAN ANH QUAN	*****960	2	CT10165146-CT10165147
PGD DAI KIM	PHAN ANH QUANG	*****469	40	CT10165892-CT10165931
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN ANH TAI	*****343	8	CT10017697-CT10017704
CN DA NANG	PHAN ANH TU	*****586	1	CT10057122-CT10057122
SEABANK LE DUAN	PHAN ANH TU	*****781	3	CT10065706-CT10065708
CN NGHE AN	PHAN ANH TUAN	*****762	1	CT10086313-CT10086313
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN BA NGUYEN VU	*****030	1	CT10081065-CT10081065
PGD MY DINH	PHAN BA THACH	*****007	17	CT10121059-CT10121075
PGD THAI THINH	PHAN CAM TU	*****594	2	CT10119387-CT10119388
PGD BACH DANG	PHAN CANH NAM	*****529	1	EB10003206-EB10003206
CN PHU MY HUNG	PHAN CHI HAI	*****411	17	CT10113001-CT10113017
CN TIEN GIANG	PHAN CHI PHUONG	*****976	1	EB10001175-EB10001175

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN CHI THANH	*****016	11	CT10005219-CT10005229
CN DAI AN	PHAN CONG HAI	*****941	3	CT10160202-CT10160204
PGD HA LONG	PHAN DAC HAI	*****468	8	DN10086759-DN10086766
PGD TRAN PHU	PHAN DANG DAT	*****916	6	CT10135153-CT10135158
PGD LACH TRAY 2	PHAN DANG LAM	*****353	1	EB10002927-EB10002927
CN DAI AN	PHAN DANG SON	*****710	2	CT10067897-CT10067898
PGD DIEN BIEN PHU	PHAN DAO DUC MAO	*****227	20	DN10093209-DN10093223; TD10005086-TD10005090
PGD XUAN LA	PHAN DAO VU	*****004	8	CT10128341-CT10128348
CN HUE	PHAN DIEP CHI	*****647	5	TD10004016-TD10004020
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN DINH CU	*****256	3	CT10000599-CT10000601
CN SO GIAO DICH	PHAN DINH HOA	*****125	5	CT10085059-CT10085063
SEABANK LE DUAN	PHAN DINH LUYEN	*****347	12	CT10070849-CT10070860
CN NGHE AN	PHAN DINH TUAN	*****754	17	CT10044419-CT10044435
CN TAN PHU	PHAN DOAN TUAN	*****440	70	DN10000544-DN10000613
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN DUC HANH	*****619	4	CT10033332-CT10033335
CN AN GIANG	PHAN DUC MINH	*****575	5	CT10127403-CT10127407
CN HA TINH	PHAN DUC TRUNG	*****129	1	CT10037097-CT10037097
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN DUC VINH	*****953	9	CT10162529-CT10162537
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN DUONG THONG	*****248	2	CT10096859-CT10096860
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN DUY ANH	*****949	25	CT10129825-CT10129849
CN HA TINH	PHAN DUY KHANH	*****646	24	CT10158533-CT10158556
PGD QUANG PHU	PHAN DUY THEM	*****161	13	DN10064481-DN10064493
CN SAI GON	PHAN DUY TRUONG	*****351	15	CT10031180-CT10031194
CN TAN BINH	PHAN HA DU	*****471	1	CT10045596-CT10045596
CN DAI AN	PHAN HAI NAM	*****331	9	CT10132159-CT10132167
CN THANH XUAN	PHAN HAI THANH	*****466	3	CT10091891-CT10091893
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN HANG AN	*****858	4	CT10137979-CT10137982
PGD DIEN BIEN PHU	PHAN HOAI AN	*****077	1	CT10117972-CT10117972
PGD LE VAN SY	PHAN HOAI AN	*****517	34	CT10126972-CT10127005

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN HOAI ANH	*****593	25	CT10081118-CT10081142
PGD LE HONG PHONG	PHAN HOAI DUC	*****343	46	DN10024892-DN10024931; EB10000589-EB10000589; TD10007271-TD10007275
CN HAI DUONG	PHAN HOAI GIAO	*****476	11	CT10019222-CT10019232
CN SAI GON	PHAN HOAI NAM	*****615	24	CT10056163-CT10056186
CN TAN PHU	PHAN HOANG HAI	*****988	1	EB10001484-EB10001484
CN DAI AN	PHAN HOANG VIET ANH	*****003	5	TD10010786-TD10010790
CN AN GIANG	PHAN HOANG VU	*****533	6	CT10137060-CT10137065
CN SAI GON	PHAN HOANG VU	*****644	5	CT10016412-CT10016416
CN CA MAU	PHAN HONG CAM	*****871	2	CT10098276-CT10098277
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN HUNG NAM	*****027	3	CT10122764-CT10122766
CN CA MAU	PHAN HUONG GIANG	*****501	10	DN10070291-DN10070300
PGD LANG THUONG	PHAN HUU CANH	*****061	1	EB10001415-EB10001415
CN HUE	PHAN HUU HOP	*****532	7	CT10015618-CT10015624
CN HA NOI	PHAN HUU HUAN	*****133	10	CT10159257-CT10159266
CN HA DONG	PHAN HUU KIEN	*****271	9	CT10119010-CT10119018
PGD THU DAU 1	PHAN HUU LOC	*****636	1	EB10000664-EB10000664
CN DAI AN	PHAN HUU MINH	*****160	4	CT10114439-CT10114442
PGD QUANG PHU	PHAN HUU TANG	*****438	1	EB10000225-EB10000225
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAN HUY CUONG	*****492	3	CT10127344-CT10127346
SEABANK LE DUAN	PHAN HUY HIEU	*****096	167	CT10068725-CT10068731; DN10020360-DN10020519
CN TAN PHU	PHAN HUY HOANG	*****521	4	CT10118149-CT10118152
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN HUY HOANG	*****852	6	CT10158366-CT10158371
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN HUY KIEM	*****502	26	CT10004862-CT10004887
CN HA TINH	PHAN HUY NAM	*****004	25	CT10045935-CT10045949; TD10002231-TD10002240
PGD SOC SON	PHAN HUY TOAN	*****846	2	CT10130876-CT10130877
CN AN GIANG	PHAN KIM NGAN	*****522	1	CT10086730-CT10086730
CN TAN BINH	PHAN KIM QUY	*****058	1	EB10001768-EB10001768
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAN KIM VUONG	*****188	1	EB10001630-EB10001630

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA TINH	PHAN KY ANH	*****642	1	EB10002204-EB10002204
SEABANK LE DUAN	PHAN KY NAM	*****819	8	CT10046249-CT10046256
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN LAC LAN	*****664	1	CT10130983-CT10130983
CN TP. HO CHI MINH	PHAN LE BICH NGUYEN	*****048	3	CT10051668-CT10051670
HUB THE CHAP MN	PHAN LE BICH NGUYEN	*****048	270	DN10068815-DN10069084
PGD KIM VAN	PHAN LE CAM TU	*****219	1	EB10000566-EB10000566
PGD HOA BINH	PHAN LE THUY TIEN	*****787	4	CT10142991-CT10142994
PGD TRAN PHU	PHAN LE TUAN	*****498	1	CT10056266-CT10056266
CN SAI GON	PHAN LIEN BINH KHA	*****868	1	EB10002267-EB10002267
CN HA NOI	PHAN LINH CHI	*****726	6	CT10072460-CT10072465
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAN LONG	*****576	10	TD10004951-TD10004960
CN TAN BINH	PHAN LU CHAU HOANG	*****429	1	CT10084561-CT10084561
PGD HOANG DIEU	PHAN MAI ANH KHOA	*****659	1	CT10133135-CT10133135
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN MAI HUONG	*****812	24	CT10138600-CT10138623
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAN MAI THUY DUNG	*****059	25	CT10028976-CT10029000
PGD HAI DANG	PHAN MANH TU	*****317	6	DN10065102-DN10065107
HUB PAYROLL MB	PHAN MANH TUONG	*****216	1	CT10130554-CT10130554
CN DONG NAI	PHAN MINH HIEU	*****003	1	EB10000124-EB10000124
PGD NUI THANH	PHAN MINH HIEU	*****325	39	CT10132934-CT10132942; DN10004910-DN10004934; TD10006036-TD10006040
CN DAK LAK	PHAN MINH LONG	*****011	30	DN10096651-DN10096680
HUB PAYROLL MB	PHAN MINH PHU	*****997	24	CT10043585-CT10043608
PGD THU DAU 1	PHAN MINH PHUONG	*****754	6	CT10139906-CT10139911
CN TP. HO CHI MINH	PHAN MINH TAI	*****530	10	CT10038537-CT10038546
PGD HA LONG	PHAN MINH TAN	*****940	10	CT10145713-CT10145722
PGD QUAN 8	PHAN MINH THANH	*****157	1	CT10016603-CT10016603
CN QUANG NGAI	PHAN MINH TINH	*****735	10	CT10126414-CT10126423
CN THANH XUAN	PHAN MINH TRANG	*****415	50	CT10136837-CT10136886

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAN MINH TUAN	*****535	76	DN10047488-DN10047557; EB10000705-EB10000705; TD10010471-TD10010475
SEABANK LE DUAN	PHAN MY PHUONG	*****792	1	EB10000425-EB10000425
CN NHA TRANG	PHAN NAM ANH	*****422	1	EB10002153-EB10002153
PGD TRAN DUY HUNG	PHAN NGOC ANH	*****163	12	CT10166193-CT10166204
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN NGOC ANH	*****402	11	CT10035091-CT10035101
CN SAI GON	PHAN NGOC ANH	*****833	3	CT10005365-CT10005367
PGD PHU HUNG	PHAN NGOC BAO	*****927	1	CT10150709-CT10150709
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN NGOC BIEN	*****061	9	CT10118313-CT10118321
CN HA NOI	PHAN NGOC DIEP	*****759	3	CT10002179-CT10002181
CN HUE	PHAN NGOC DUC	*****939	3	CT10094222-CT10094224
CN DAI AN	PHAN NGOC HA	*****079	25	CT10139212-CT10139236
PGD LE QUANG DINH	PHAN NGOC HAN	*****040	1	EB10002573-EB10002573
CN AN GIANG	PHAN NGOC LAM	*****836	3	CT10030989-CT10030991
PGD DONG CAT	PHAN NGOC PHUONG	*****811	20	DN10004466-DN10004485
CN BINH DINH	PHAN NGOC SOA	*****250	2	CT10116703-CT10116704
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN NGOC THUY LINH	*****546	12	CT10056995-CT10057006
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN NGOC TIEN	*****758	11	CT10010147-CT10010157
CN TAN BINH	PHAN NGOC TRIEU	*****011	12	CT10096802-CT10096813
PGD BOTANIC	PHAN NGUYEN BAO NGAN	*****423	1	EB10003027-EB10003027
CN DA NANG	PHAN NGUYEN KHOI	*****224	1	CT10133382-CT10133382
CN SAI GON	PHAN NGUYEN THI TUYET PHUONG	*****641	1	CT10129427-CT10129427
SEABANK LE DUAN	PHAN NGUYEN TUONG VI	*****618	7	CT10059986-CT10059992
PGD NGUYEN KHANH TOAN	PHAN PHAM HA	*****340	4	CT10086191-CT10086194
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN PHI LONG	*****122	7	CT10067759-CT10067765
CN THANH XUAN	PHAN PHU	*****206	11	CT10089242-CT10089252

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SAI GON	PHAN PHU LAM HOANG	*****508	1	CT10101001-CT10101001
CN DA NANG	PHAN PHU PHAT	*****501	1	EB10002408-EB10002408
CN DA NANG	PHAN PHU THINH	*****146	1	CT10069159-CT10069159
CN DA NANG	PHAN PHUOC TUY	*****821	1	CT10113360-CT10113360
PGD DIEN BIEN PHU	PHAN QUANG HUY	*****307	5	TD10006996-TD10007000
CN NHA TRANG	PHAN QUANG HUY	*****624	2	CT10054208-CT10054209
PGD THU DUC	PHAN QUANG PHONG	*****916	2	CT10094117-CT10094118
CN PHU MY HUNG	PHAN QUANG QUANG	*****915	24	CT10105690-CT10105713
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN QUANG TRUNG	*****561	23	CT10078480-CT10078502
CN TP. HO CHI MINH	PHAN QUOC CA	*****242	16	CT10089261-CT10089276
CN TAN THANH	PHAN QUOC MINH	*****847	2	CT10011083-CT10011084
CN TIEN GIANG	PHAN QUOC TRAM	*****266	5	TD10003891-TD10003895
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAN QUOC TUAN	*****429	5	CT10139803-CT10139807
PGD DOI CAN	PHAN QUOC VIET	*****384	4	CT10005575-CT10005578
CN NHA TRANG	PHAN QUOC VUONG	*****279	1	EB10000031-EB10000031
CN LONG BIEN	PHAN QUY QUYNH	*****016	24	CT10151127-CT10151150
CN SO GIAO DICH	PHAN QUYNH ANH	*****309	2	CT10156060-CT10156061
CN AN GIANG	PHAN SON HA	*****051	27	CT10017113-CT10017117; DN10028650-DN10028665; EB10002847-EB10002847; TD10008521-TD10008525
CN DA NANG	PHAN SONG THAO	*****914	35	CT10082785-CT10082819
CN HA NOI	PHAN SY KIEN	*****916	19	CT10070198-CT10070216
PGD HO DAC DI	PHAN SY LUONG	*****488	5	CT10163936-CT10163940
CN DAI AN	PHAN SY TRAN CHI	*****007	4	CT10116005-CT10116008
PGD HO DAC DI	PHAN TAM HA	*****349	28	CT10141867-CT10141894
PGD TRAN PHU	PHAN TAT THANH	*****044	1	CT10135724-CT10135724
CN TIEN GIANG	PHAN THANH BINH	*****176	33	DN10107009-DN10107035; EB10002589-EB10002589; TD10007851-TD10007855
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN THANH BINH	*****548	60	CT10164770-CT10164829
PGD NGUYEN AN NINH	PHAN THANH DAT	*****029	1	CT10035845-CT10035845
PGD NGO GIA TU	PHAN THANH DONG	*****376	20	DN10105979-DN10105998

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NGHE AN	PHAN THANH DUC	*****814	1	CT10106788-CT10106788
CN NGHE AN	PHAN THANH HIEU	*****150	12	CT10023085-CT10023096
PGD THU DUC	PHAN THANH HOANG NGUYET	*****898	1	EB10002884-EB10002884
PGD LE THAI TO	PHAN THANH HUE	*****386	10	CT10099597-CT10099606
CN TAN THANH	PHAN THANH HUNG	*****042	15	CT10058809-CT10058823
PGD QUAN THANH	PHAN THANH HUNG	*****668	10	CT10156529-CT10156538
CN NGHE AN	PHAN THANH HUNG	*****822	25	CT10003885-CT10003909
CN VINH PHUC	PHAN THANH HUY	*****885	8	CT10068531-CT10068538
PGD TAN PHAT	PHAN THANH KHOI	*****254	24	CT10156619-CT10156642
PGD DIEN BIEN PHU	PHAN THANH KIEU	*****214	1	CT10125085-CT10125085
PGD LE VAN SY	PHAN THANH LAM	*****263	1	CT10138311-CT10138311
PGD VAN XUAN	PHAN THANH LIEM	*****621	16	CT10067644-CT10067659
CN KIEN GIANG	PHAN THANH LONG	*****105	1	CT10081729-CT10081729
CN DA NANG	PHAN THANH MAI	*****781	3	CT10100851-CT10100853
CN HA DONG	PHAN THANH NHAN	*****920	1	EB10002141-EB10002141
CN SO GIAO DICH	PHAN THANH PHONG	*****358	15	CT10087074-CT10087083; TD10009596-TD10009600
CN TAN BINH	PHAN THANH QUANG	*****298	2	CT10137270-CT10137271
PGD THAI THINH	PHAN THANH SON	*****828	1	CT10096733-CT10096733
CN NGHE AN	PHAN THANH SON	*****188	1	EB10003121-EB10003121
SEABANK LE DUAN	PHAN THANH SON	*****631	76	DN10101940-DN10102009; EB10002451-EB10002451; TD10007431-TD10007435
HUB PAYROLL MN	PHAN THANH TAO	*****456	1	EB10000525-EB10000525
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN THANH TOAN	*****646	5	CT10025885-CT10025889
CN DA NANG	PHAN THANH TRUC HUYEN	*****351	17	CT10022898-CT10022914
CN TAN THANH	PHAN THANH TRUNG	*****439	3	CT10146356-CT10146358
CN SAI GON	PHAN THANH TRUNG	*****660	24	CT10016954-CT10016977
CN TIEN GIANG	PHAN THANH TRUNG	*****883	13	DN10048463-DN10048470; TD10010591-TD10010595
CN AN GIANG	PHAN THANH TU	*****659	25	CT10010397-CT10010421
PGD KHAM THIEN	PHAN THANH VINH	*****155	24	CT10043903-CT10043926
CN BINH DINH	PHAN THANH VU	*****196	1	EB10002433-EB10002433
CN TAN PHU	PHAN THANH XUAN	*****943	7	CT10149921-CT10149927
CN CAU GIAY	PHAN THE DUY	*****562	5	CT10090374-CT10090378
CN TAN PHU	PHAN THE HUNG	*****046	1	CT10139685-CT10139685

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	PHAN THE NINH	*****261	1	EB10002793-EB10002793
HUB PAYROLL MB	PHAN THE TUAN	*****059	24	CT10043407-CT10043430
CN SAI GON	PHAN THI ANH	*****128	1	EB10001362-EB10001362
CN DONG DA	PHAN THI BANG LAN	*****878	1	CT10054842-CT10054842
PGD HO DAC DI	PHAN THI BAO NA	*****603	2	CT10120948-CT10120949
CN DA NANG	PHAN THI BAY	*****361	4	CT10124089-CT10124092
CN DAK LAK	PHAN THI BICH HANG	*****591	5	DN10035678-DN10035682
PGD DAI KIM	PHAN THI BICH NGOC	*****770	17	CT10074956-CT10074972
CN NGHE AN	PHAN THI BICH THAO	*****316	35	DN10067557-DN10067586; TD10001451-TD10001455
CN TAN THANH	PHAN THI BICH THUY	*****718	4	CT10044145-CT10044148
CN NHA TRANG	PHAN THI CAM HA	*****201	1	EB10003045-EB10003045
PGD HAM NGHI	PHAN THI CAM VAN	*****118	8	CT10011603-CT10011610
CN HUE	PHAN THI CHO	*****936	2	DN10050673-DN10050674
PGD VAN QUAN	PHAN THI CHUNG	*****570	12	CT10018086-CT10018097
PGD DIEN BIEN PHU	PHAN THI DA THAO	*****982	5	CT10137499-CT10137503
PGD THU DUC	PHAN THI DIEU HUYEN	*****127	1	EB10000793-EB10000793
CN NHA TRANG	PHAN THI DIEU MY	*****940	1	EB10000108-EB10000108
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAN THI DIEU NGA	*****959	1	CT10041605-CT10041605
CN NGHE AN	PHAN THI DOAN	*****394	5	CT10083787-CT10083791
CN SAI GON	PHAN THI DONG	*****293	7	CT10154266-CT10154272
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN THI HA	*****216	1	EB10000093-EB10000093
CN DONG DA	PHAN THI HA TRANG	*****264	2	CT10162042-CT10162043
PGD LANG THUONG	PHAN THI HAI DANG	*****737	20	CT10136280-CT10136299
CN BINH DUONG	PHAN THI HAI YEN	*****303	7	CT10137339-CT10137345
CN NHA TRANG	PHAN THI HAN DUY	*****955	5	DN10027151-DN10027155
CN HA TINH	PHAN THI HANG	*****448	4	CT10104813-CT10104816
PGD Krong Nang	PHAN THI HANG	*****939	6	DN10050709-DN10050714
CN HA TINH	PHAN THI HANG NGA	*****706	15	CT10104416-CT10104430
CN BINH DUONG	PHAN THI HIEN	*****904	22	CT10022549-CT10022570
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN THI HIEN LUONG	*****881	17	CT10011674-CT10011690
CN VINH PHUC	PHAN THI HOA	*****358	1	CT10010927-CT10010927
CN HUE	PHAN THI HOA	*****427	1	CT10056138-CT10056138
CN HA TINH	PHAN THI HOA	*****975	5	DN10092821-DN10092825

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VINH HOANG	PHAN THI HOAI THUONG	*****289	1	EB10001887-EB10001887
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAN THI HOANG	*****766	5	DN10067552-DN10067556
CN BINH DUONG	PHAN THI HOANG DIEU	*****546	6	CT10080875-CT10080880
PGD LY THUONG KIET-DN	PHAN THI HONG	*****728	5	TD10009071-TD10009075
SEABANK LE DUAN	PHAN THI HONG DIEM	*****344	28	CT10135825-CT10135852
PGD TIEN AN	PHAN THI HONG DIEP	*****251	53	CT10125770-CT10125776; DN10090954-DN10090988; EB10002308-EB10002308; TD10004831-TD10004840
CN DAK LAK	PHAN THI HONG HANH	*****822	5	DN10100994-DN10100998
CN TIEN GIANG	PHAN THI HONG HANH	*****882	3	CT10147463-CT10147465
CN NHA TRANG	PHAN THI HONG MAN	*****862	5	CT10104650-CT10104654
CN DAK LAK	PHAN THI HONG SEN	*****330	5	DN10059043-DN10059047
PGD THANH CONG	PHAN THI HONG THAM	*****707	70	CT10040523-CT10040592
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHAN THI HUONG GIANG	*****299	28	CT10151743-CT10151770
PGD LENIN	PHAN THI HUYEN TRANG	*****360	18	CT10063353-CT10063370
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN THI HUYEN TRANG	*****396	1	EB10002048-EB10002048
CN HUE	PHAN THI KIEU LOAN	*****615	6	CT10030598-CT10030603
CN DA NANG	PHAN THI KIEU OANH	*****633	9	CT10106429-CT10106437
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI KIM CHI	*****565	1	CT10030988-CT10030988
PGD BINH TAN	PHAN THI KIM HOANG	*****414	5	TD10002516-TD10002520
CN NHA TRANG	PHAN THI KIM LIEN	*****035	1	EB10002238-EB10002238
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHAN THI KIM LIEN	*****282	1	CT10066167-CT10066167
CN DAI AN	PHAN THI KIM NGAN	*****724	15	CT10000746-CT10000760
CN DAI AN	PHAN THI KIM OANH	*****700	5	CT10124423-CT10124427
CN BINH DINH	PHAN THI KIM OANH	*****884	2	DN10006375-DN10006376
CN KIEN GIANG	PHAN THI KIM THOA	*****242	1	CT10111365-CT10111365

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	PHAN THI KIM UYEN	*****513	1	EB10002767-EB10002767
CN DA NANG	PHAN THI KIM VINH	*****333	2	CT10053941-CT10053942
PGD QUANG PHU	PHAN THI LAN	*****734	3	DN10082889-DN10082891
PGD KIM THANH	PHAN THI LAN ANH	*****712	1	EB10001268-EB10001268
CN BINH DINH	PHAN THI LE HANG	*****654	2	DN10070449-DN10070450
CN NHA TRANG	PHAN THI LE HONG	*****024	5	DN10066919-DN10066923
PGD BINH TAN	PHAN THI LE HUYEN	*****582	47	CT10015800-CT10015846
CN LANG HA	PHAN THI LE PHUONG	*****701	1	CT10166781-CT10166781
CN NHA TRANG	PHAN THI LE THU	*****246	4	DN10018641-DN10018643; EB10000372-EB10000372
CN LANG HA	PHAN THI LE THUY	*****674	2	CT10136164-CT10136165
CN HUE	PHAN THI LICH	*****061	5	DN10025274-DN10025278
PGD QUANG PHU	PHAN THI LOAN	*****012	5	DN10101935-DN10101939
CN VUNG TAU	PHAN THI LUC	*****459	1	CT10087553-CT10087553
PGD TUYEN SON	PHAN THI LY NA	*****658	7	CT10010041-CT10010047
PGD VINH YEN	PHAN THI MAY	*****802	16	DN10005015-DN10005030
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAN THI MINH HONG	*****355	2	CT10043067-CT10043068
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN THI MINH NGUYET	*****282	2	CT10111235-CT10111236
CN TAN THANH	PHAN THI MINH TRANG	*****224	4	CT10128798-CT10128801
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN THI MINH XUAN	*****157	12	DN10090278-DN10090289
CN DA NANG	PHAN THI MONG THIEN	*****000	3	CT10046592-CT10046594
CN HUE	PHAN THI MUNG	*****285	5	DN10031349-DN10031353
CN NHA TRANG	PHAN THI MY DUNG	*****855	2	CT10016937-CT10016938
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI MY HANH	*****050	14	CT10160653-CT10160666
CN DA NANG	PHAN THI MY THANH	*****747	7	CT10024723-CT10024724; TD10009486-TD10009490
CN CAN THO	PHAN THI MY THUY	*****050	1	CT10068150-CT10068150
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI MY YEN	*****787	27	CT10119502-CT10119528
CN HA DONG	PHAN THI NGA	*****964	150	CT10146050-CT10146199
PGD TAN PHAT	PHAN THI NGOC	*****434	15	CT10008419-CT10008433
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN THI NGOC	*****838	1	EB10002518-EB10002518
CN BINH DINH	PHAN THI NGOC HA	*****278	5	DN10041612-DN10041616

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THANH SEN	PHAN THI NGOC HAN	*****029	1	EB10001382-EB10001382
PGD Krong Nang	PHAN THI NGOC TAM	*****608	1	EB10001754-EB10001754
PGD HOANG DIEU	PHAN THI NGOC THUAN	*****235	1	CT10044454-CT10044454
PGD LE QUANG DINH	PHAN THI NGOC TRANG	*****168	7	CT10161532-CT10161538
PGD TAY HO	PHAN THI NGUYET ANH	*****298	5	CT10079801-CT10079805
PGD BACH MAI	PHAN THI NGUYET HOA	*****017	2	CT10032057-CT10032058
CN NHA TRANG	PHAN THI NHAT LY	*****542	1	EB10002593-EB10002593
CN AN GIANG	PHAN THI NHIEU	*****300	3	DN10081725-DN10081727
CN BINH DINH	PHAN THI NHU Y	*****024	2	DN10074436-DN10074437
CN HA TINH	PHAN THI PHUONG LIEN	*****458	1	EB10001607-EB10001607
CN AN GIANG	PHAN THI PHUONG THAO	*****457	1	CT10051039-CT10051039
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI PHUONG YEN	*****435	8	CT10047051-CT10047058
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAN THI QUY	*****003	5	DN10046381-DN10046385
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN THI QUYEN	*****710	1	EB10003249-EB10003249
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	PHAN THI QUYEN	*****761	1	EB10001695-EB10001695
CN HA DONG	PHAN THI QUYNH ANH	*****410	5	TD10008201-TD10008205
PGD VAN QUAN	PHAN THI QUYNH ANH	*****410	15	CT10045671-CT10045680; TD10002221-TD10002225
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN THI QUYNH ANH	*****549	8	CT10094354-CT10094361
CN DONG DA	PHAN THI QUYNH TRANG	*****547	27	CT10156688-CT10156714
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN THI SINH	*****577	1	CT10028723-CT10028723
PGD Krong Nang	PHAN THI SUONG	*****786	3	DN10076415-DN10076417
CN BINH DINH	PHAN THI TAM	*****085	51	DN10066332-DN10066371; EB10001552-EB10001552; TD10001351-TD10001360

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN LUONG BANG	PHAN THI TAM	*****758	1	EB10001930-EB10001930
PGD QUANG PHU	PHAN THI TAN	*****389	3	DN10023426-DN10023428
CN TAN THANH	PHAN THI THANH HIEN	*****644	25	CT10069160-CT10069184
CN DONG DA	PHAN THI THANH HOA	*****405	1	CT10152413-CT10152413
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI THANH TAM	*****941	3	CT10105524-CT10105526
PGD LE VAN SY	PHAN THI THANH THUY	*****018	1	CT10164120-CT10164120
SEABANK LE DUAN	PHAN THI THANH THUY	*****333	24	CT10125591-CT10125614
PGD HOANG DIEU	PHAN THI THANH THUY	*****385	3	CT10076229-CT10076231
CN DA NANG	PHAN THI THANH THUY	*****458	12	CT10096172-CT10096183
CN BINH DINH	PHAN THI THANH THUY	*****623	1	CT10082549-CT10082549
SEABANK LE DUAN	PHAN THI THANH TRA	*****637	2	CT10056600-CT10056601
PGD DIEN KHANH	PHAN THI THANH TRINH	*****846	1	CT10059803-CT10059803
CN DA NANG	PHAN THI THANH TUYEN	*****573	10	CT10045351-CT10045360
CN DONG DA	PHAN THI THAO	*****583	10	CT10118353-CT10118362
CN NHA TRANG	PHAN THI THAO NGUYEN	*****699	5	DN10040029-DN10040033
SEABANK LE DUAN	PHAN THI THIEN TRANG	*****734	9	CT10126405-CT10126413
PGD VINH YEN	PHAN THI THINH	*****008	6	DN10040823-DN10040827; EB10003266-EB10003266
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN THI THU HAU	*****427	1	CT10035888-CT10035888
PGD DAO TAN	PHAN THI THU HIEN	*****147	5	CT10106074-CT10106078
PGD HO TUNG MAU	PHAN THI THU HUONG	*****698	241	CT10032512-CT10032752
CN VINH PHUC	PHAN THI THU HUONG	*****403	16	CT10012758-CT10012773
CN VUNG TAU	PHAN THI THU HUONG	*****608	1	CT10031534-CT10031534
PGD HOANG DIEU	PHAN THI THU HUYEN	*****380	6	CT10048250-CT10048255

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TUYEN SON	PHAN THI THU NGUYEN	*****495	5	CT10025055-CT10025059
CN NHA TRANG	PHAN THI THU TRANG	*****175	1	EB10002973-EB10002973
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN THI THU TRANG	*****238	2	CT10037267-CT10037268
CN LANG HA	PHAN THI THUONG	*****409	1	CT10101980-CT10101980
CN BINH DINH	PHAN THI THUY	*****425	12	CT10011271-CT10011277; TD10007611-TD10007615
PGD PHO YEN	PHAN THI THUY	*****585	6	CT10145124-CT10145129
CN BINH DINH	PHAN THI THUY HANG	*****976	186	DN10092527-DN10092711; EB10002339-EB10002339
CN HUE	PHAN THI THUY HANH	*****880	3	CT10162818-CT10162820
CN TAN PHU	PHAN THI THUY PHUNG	*****858	6	CT10123789-CT10123794
PGD GIA LAM	PHAN THI THUY TIEN	*****824	1	EB10002914-EB10002914
CN TAN THANH	PHAN THI THUY TRANG	*****085	3	CT10154455-CT10154457
PGD BA TRIEU	PHAN THI THUY TRANG	*****804	4	CT10120475-CT10120478
CN CAN THO	PHAN THI THUY TRINH	*****566	2	CT10103454-CT10103455
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN THI TRUNG CHINH	*****322	3	CT10153316-CT10153318
PGD THANH SEN	PHAN THI TU ANH	*****349	1	EB10002368-EB10002368
CN DONG NAI	PHAN THI TU OANH	*****013	2	CT10112465-CT10112466
PGD DAI KIM	PHAN THI TUYEN	*****644	6	CT10042328-CT10042333
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI TUYET NHUNG	*****072	1	EB10000925-EB10000925
PGD CAM RANH	PHAN THI TUYET NHUNG	*****544	1	EB10002788-EB10002788
CN NHA TRANG	PHAN THI UONG	*****032	1	CT10088582-CT10088582
CN HA TINH	PHAN THI VAN ANH	*****465	1	CT10064451-CT10064451
CN LANG HA	PHAN THI VAN NGA	*****689	2	CT10061045-CT10061046
CN DONG DA	PHAN THI VIET HA	*****066	12	CT10067682-CT10067693
PGD Krong Nang	PHAN THI VUI	*****972	3	DN10098490-DN10098492
CN TAN THANH	PHAN THI XOAN	*****207	1	EB10001584-EB10001584
PGD DAI TU	PHAN THI XUAN	*****523	1	EB10003104-EB10003104
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN THI XUAN DUNG	*****138	10	CT10076616-CT10076625

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN VAN CU	PHAN THI YEN	*****399	10	DN10085283-DN10085292
CN TP. HO CHI MINH	PHAN THI YEN	*****521	5	TD10010661-TD10010665
CN CAN THO	PHAN THI YEN NHI	*****066	1	EB10001599-EB10001599
PGD LE VAN SY	PHAN THI YEN PHUONG	*****866	7	CT10123133-CT10123139
PGD NGUYEN SY SACH	PHAN THU THUY	*****293	7	CT10112676-CT10112682
CN BINH DINH	PHAN THUAN	*****866	1	EB10002667-EB10002667
CN BAC NINH	PHAN THUY DUONG	*****518	1	EB10002107-EB10002107
PGD XUAN KHANH	PHAN THUY HUONG	*****077	6	CT10132337-CT10132342
CN LANG HA	PHAN THUY LINH	*****401	1	EB10000082-EB10000082
PGD TRUNG HOA	PHAN THUY LINH	*****401	16	CT10140083-CT10140087; DN10034488-DN10034493; TD10009111-TD10009115
CN NGHE AN	PHAN TIEN DUC	*****713	49	CT10053187-CT10053190; DN10076678-DN10076722
HUB PAYROLL MB	PHAN TIEN DUNG	*****624	25	CT10003155-CT10003179
PGD DAO TAN	PHAN TIEN DUNG	*****874	1	CT10013387-CT10013387
PGD MY DINH	PHAN TIEN DUNG	*****185	1	EB10000817-EB10000817
PGD LAC LONG QUAN	PHAN TIEN DUNG	*****258	46	DN10081665-DN10081704; EB10001963-EB10001963; TD10003566-TD10003570
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN TIEN TIEN	*****801	3	CT10007910-CT10007912
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN TRAN ANH HUE	*****284	8	CT10067776-CT10067783
PGD LE VAN SY	PHAN TRAN MINH TRUNG	*****990	12	CT10103895-CT10103906
CN CAN THO	PHAN TRIEU QUI	*****635	1	EB10001912-EB10001912
CN DAI AN	PHAN TRINH QUOC KIEN	*****634	1	CT10104025-CT10104025
PGD THANH SEN	PHAN TRONG NGOC	*****346	11	DN10093320-DN10093329; EB10002416-EB10002416
CN SAI GON	PHAN TRONG TOAN	*****914	30	CT10007548-CT10007577
PGD BACH MAI	PHAN TRONG TU	*****301	15	CT10120392-CT10120406
CN HAI DUONG	PHAN TRUNG DUC	*****241	5	TD10006536-TD10006540
CN AN GIANG	PHAN TRUNG HIEU	*****522	9	CT10044250-CT10044258

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	PHAN TRUNG PHUONG	*****621	3	CT10086608-CT10086610
PGD BACH DANG	PHAN TRUONG CHINH	*****419	2	CT10088782-CT10088783
CN CA MAU	PHAN TRUONG HAN	*****381	6	CT10133069-CT10133074
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN TRUONG THO	*****307	3	CT10064130-CT10064132
CN SO GIAO DICH	PHAN TUAN VU	*****674	2	CT10004898-CT10004899
PGD DAI KIM	PHAN VAN BINH	*****177	20	CT10028661-CT10028680
SEABANK LE DUAN	PHAN VAN BINH	*****115	3	CT10059820-CT10059822
CN DA NANG	PHAN VAN CHINH	*****739	7	CT10048008-CT10048014
CN TP. HO CHI MINH	PHAN VAN CHUNG	*****229	1	EB10000587-EB10000587
PGD SAO MAI	PHAN VAN DANG	*****461	9	CT10095108-CT10095116
CN DONG DA	PHAN VAN DAO	*****906	2	CT10164830-CT10164831
PGD TRUNG HOA	PHAN VAN DAT	*****171	1	CT10025950-CT10025950
PGD NUI THANH	PHAN VAN DAY	*****277	33	CT10122730-CT10122757; TD10004511-TD10004515
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAN VAN DIEP	*****660	30	DN10095982-DN10096011
PGD XUAN LA	PHAN VAN DOAN	*****465	17	CT10123246-CT10123262
CN HUE	PHAN VAN DUC	*****358	6	CT10135368-CT10135373
PGD TAN PHAT	PHAN VAN DUNG	*****527	10	CT10163544-CT10163553
CN NGHE AN	PHAN VAN GIANG	*****382	7	CT10163367-CT10163373
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN VAN HAI	*****288	25	CT10059539-CT10059563
PGD HO NAI	PHAN VAN HIEN	*****004	12	CT10121621-CT10121632
CN THANH XUAN	PHAN VAN HIEU	*****087	9	CT10000267-CT10000275
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN VAN HINH	*****651	2	CT10064078-CT10064079
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN VAN HOA	*****921	1	CT10021590-CT10021590
CN TAN THANH	PHAN VAN HUNG	*****593	1	EB10001556-EB10001556
CN THANH XUAN	PHAN VAN HUNG	*****734	11	CT10107981-CT10107981; TD10001781-TD10001790
CN HAI PHONG	PHAN VAN KHAM	*****020	11	CT10014709-CT10014719
CN NHA TRANG	PHAN VAN KIM	*****976	1	CT10161387-CT10161387
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN VAN LOI	*****594	14	CT10050676-CT10050689

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TUYEN SON	PHAN VAN LONG	*****889	39	DN10095138-DN10095170; EB10000984-EB10000984; TD10002386-TD10002390
PGD NGUYEN THAI SON	PHAN VAN MANH	*****123	1	CT10093534-CT10093534
TT KHCC MIEN BAC 1	PHAN VAN MANH	*****893	2	CT10152667-CT10152668
PGD DAO TAN	PHAN VAN MINH	*****030	5	CT10144160-CT10144164
PGD NGUYEN HUU HUAN	PHAN VAN MINH	*****030	7	DN10055249-DN10055255
PGD PHU MY - BINH DINH	PHAN VAN PHI	*****331	70	DN10030847-DN10030916
PGD PHU HUNG	PHAN VAN PHONG	*****400	9	CT10114518-CT10114526
PGD XUAN KHANH	PHAN VAN PHU	*****421	4	CT10036191-CT10036194
PGD HO DAC DI	PHAN VAN QUY	*****082	33	CT10054042-CT10054074
CN CA MAU	PHAN VAN SOL	*****273	62	CT10031283-CT10031289; DN10048048-DN10048096; EB10000683-EB10000683; TD10010436-TD10010440
PGD TUYEN SON	PHAN VAN SON	*****662	2	CT10007587-CT10007588
HUB THE CHAP MN	PHAN VAN TAN	*****390	36	DN10026104-DN10026139
CN HAI PHONG	PHAN VAN THANG	*****229	7	CT10085404-CT10085410
CN NGHE AN	PHAN VAN THE	*****274	1	EB10001835-EB10001835
HUB THE CHAP MN	PHAN VAN THIEN	*****181	63	DN10067612-DN10067674
CN DA NANG	PHAN VAN THUC	*****183	2	CT10098186-CT10098187
CN NGHE AN	PHAN VAN TRUONG	*****855	1	EB10002334-EB10002334
CN LANG HA	PHAN VAN TUAN	*****120	5	CT10157842-CT10157846
PGD MY CA	PHAN VAN TUAN	*****421	129	DN10021287-DN10021415
CN QUANG NGAI	PHAN VIEN	*****761	1	CT10066063-CT10066063
CN HA TINH	PHAN VIET HA	*****610	58	DN10005365-DN10005411; EB10000249-EB10000249; TD10006051-TD10006060
HUB PAYROLL MB	PHAN VIET QUAN	*****292	2	CT10114500-CT10114501
CN BINH DINH	PHAN VO THUY HANG	*****343	5	DN10058259-DN10058263
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHAN VU LINH	*****670	1	CT10010789-CT10010789
CN SAI GON	PHAN VU THUY DUNG	*****138	1	EB10001938-EB10001938
PGD HOANG DIEU	PHAN VU VIET HUNG	*****086	3	CT10145109-CT10145111

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	PHAN XUAN ANH	*****249	6	CT10038355-CT10038360
HUB THE CHAP MN	PHAN XUAN DAT	*****631	19	CT10147313-CT10147331
PGD TAY HO	PHAN XUAN QUANG	*****065	1	EB10001340-EB10001340
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHAN XUAN QUY	*****329	24	CT10006474-CT10006497
CN DAI AN	PHAN XUAN THANG	*****496	6	CT10024529-CT10024534
TT KHCC MIEN BAC 1	PHI HAI YEN	*****838	1	CT10060883-CT10060883
CN HAI PHONG	PHI HONG QUAN	*****136	2	CT10055241-CT10055242
CN HAI PHONG	PHI NGOC ANH	*****665	4	CT10028390-CT10028393
CN DAI AN	PHI NGOC BINH	*****963	2	CT10126175-CT10126176
PGD HO TUNG MAU	PHI NGOC TUAN	*****781	25	CT10019965-CT10019989
CN CAU GIAY	PHI QUOC TRUNG	*****574	15	CT10116489-CT10116503
PGD HONG BANG	PHI THI THU HIEN	*****335	1	CT10142874-CT10142874
CN HAI PHONG	PHI TRONG PHUC	*****010	14	CT10056961-CT10056974
CN HAI PHONG	PHI VAN DUC	*****030	3	CT10036443-CT10036445
PGD LAN ONG	PHO CHI THANH	*****788	10	CT10049217-CT10049226
PGD NGUYEN THAI SON	PHO MINH TIEN	*****825	1	CT10151734-CT10151734
CN THAI NGUYEN	PHO THI TRANG QUYNH	*****145	3	CT10157056-CT10157058
HUB THE CHAP MN	PHO VAN VI	*****732	65	DN10102994-DN10103048; TD10007381-TD10007390
CN HA DONG	PHU HAI THANG	*****472	40	TD10010706-TD10010745
CN HUE	PHU MY NGOC ANH	*****755	8	CT10131709-CT10131716
CN LANG HA	PHU VAN VIET	*****194	19	CT10008523-CT10008541
HUB PAYROLL MB	PHUNG ANH TU	*****915	74	CT10023991-CT10024064
PGD DAO TAN	PHUNG ANH TUAN	*****179	4	CT10165723-CT10165726
PGD NGUYEN AN NINH	PHUNG ANH TUAN	*****236	14	CT10138297-CT10138310
CN TP. HO CHI MINH	PHUNG ANH TUAN	*****500	29	CT10026913-CT10026941
PGD NGUYEN THAI SON	PHUNG BAO LOC	*****152	4	CT10108945-CT10108948
CN DA NANG	PHUNG CHAU MY	*****036	1	EB10002399-EB10002399
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHUNG CHUONG CHI	*****476	16	CT10062454-CT10062468; EB10000029-EB10000029
CN HAI DUONG	PHUNG CONG TRINH	*****393	10	TD10001241-TD10001250

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAI AN	PHUNG DINH DONG	*****715	5	TD10005131-TD10005135
CN DAI AN	PHUNG DUC DOAN	*****246	2	CT10008770-CT10008771
CN HA NOI	PHUNG DUC HIEU	*****672	4	CT10086274-CT10086277
CN BAC NINH	PHUNG DUC HOANH	*****633	1	EB10000708-EB10000708
CN TP. HO CHI MINH	PHUNG DUC THANH	*****713	6	CT10051421-CT10051426
PGD THANH CONG	PHUNG DUC TRONG	*****105	25	CT10122549-CT10122573
CN BAC NINH	PHUNG DUC VU	*****385	5	TD10010571-TD10010575
CN THANH XUAN	PHUNG HAI LINH	*****779	1	CT10070766-CT10070766
CN NHA TRANG	PHUNG HOAI TRANG	*****995	1	CT10000521-CT10000521
HUB PAYROLL MB	PHUNG HOANG LAM	*****377	25	CT10079806-CT10079830
PGD QUAN 10	PHUNG HUU TOAN	*****144	35	CT10125273-CT10125307
CN QUANG NGAI	PHUNG KIM HUNG	*****184	4	CT10074988-CT10074991
PGD TON THAT TUNG	PHUNG LAN CHI	*****641	117	CT10166474-CT10166590
PGD TAY HO	PHUNG MINH GIAP	*****744	4	CT10019990-CT10019993
PGD AU CO	PHUNG MINH HIEU	*****202	18	CT10119225-CT10119242
PGD THU DAU 1	PHUNG MINH HIEU	*****404	8	CT10132902-CT10132909
CN DA NANG	PHUNG MINH TAN	*****091	1	CT10062075-CT10062075
PGD AU CO	PHUNG MINH TRUNG	*****303	29	CT10051583-CT10051611
CN DA NANG	PHUNG MINH TUAN	*****938	1	CT10137439-CT10137439
SEABANK LE DUAN	PHUNG MINH TUNG	*****827	2	CT10151126-CT10151126; EB10001790-EB10001790
CN HA DONG	PHUNG NGOC BINH	*****614	1	EB10001834-EB10001834
CN THANH XUAN	PHUNG NGOC LAM	*****459	2	CT10074796-CT10074797
CN LANG HA	PHUNG PHUONG HOA	*****550	25	CT10145664-CT10145688
PGD TRUNG HOA	PHUNG PHUONG THUY	*****835	5	CT10155306-CT10155310
PGD DI AN	PHUNG QUAN HUNG	*****059	1	EB10002922-EB10002922
CN THANH XUAN	PHUNG QUANG BINH	*****387	50	CT10098511-CT10098560
CN HAI DUONG	PHUNG QUANG DUY	*****829	1	CT10065548-CT10065548
CN SO GIAO DICH	PHUNG QUANG HAI	*****109	6	CT10080051-CT10080056
TT KHCC MIEN BAC 1	PHUNG QUANG HAI	*****192	2	CT10160289-CT10160290
HUB THE CHAP MB 1	PHUNG QUANG HAI	*****915	6	CT10051662-CT10051667
PGD DOI CAN	PHUNG QUANG MANH	*****045	9	CT10014998-CT10015006
CN BINH DINH	PHUNG QUANG THANH	*****516	40	CT10116624-CT10116628; DN10079482-DN10079506; TD10003471-TD10003480

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	PHUNG QUANG TIEN	*****243	21	CT10092732-CT10092752
CN THANH XUAN	PHUNG QUANG TUYEN	*****497	1	CT10099716-CT10099716
CN HA DONG	PHUNG QUANG VIET	*****964	1	EB10002502-EB10002502
CN DONG NAI	PHUNG QUOC THAN	*****630	1	EB10002400-EB10002400
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHUNG QUOC TUAN	*****359	1	CT10000706-CT10000706
CN TP. HO CHI MINH	PHUNG TAN HUY	*****814	9	CT10034710-CT10034718
PGD TRAN DUY HUNG	PHUNG THAI ANH	*****595	57	CT10067450-CT10067506
HUB PAYROLL MB	PHUNG THE ANH	*****577	25	CT10024760-CT10024784
CN DAI AN	PHUNG THE DONG	*****212	7	CT10057775-CT10057781
CN THANH XUAN	PHUNG THI AN HOA	*****413	13	CT10049973-CT10049985
PGD NGUYEN THAI SON	PHUNG THI BAO NGOC	*****751	1	CT10141185-CT10141185
PGD HO TUNG MAU	PHUNG THI BICH NGOC	*****579	6	CT10157644-CT10157649
CN SO GIAO DICH	PHUNG THI BINH	*****202	3	CT10003325-CT10003327
PGD TAY HO	PHUNG THI DOANH	*****471	55	CT10046531-CT10046560; DN10093691-DN10093715
PGD QUAN THANH	PHUNG THI HA	*****400	4	CT10104880-CT10104883
CN SO GIAO DICH	PHUNG THI HA VAN	*****582	1	EB10001710-EB10001710
CN HAI DUONG	PHUNG THI HANH DUYEN	*****027	1	EB10001102-EB10001102
PGD NGUYEN AN NINH	PHUNG THI HONG DUYEN	*****161	10	CT10116504-CT10116513
PGD BACH MAI	PHUNG THI HONG NGOC	*****715	11	CT10050102-CT10050112
CN DAI AN	PHUNG THI HUE	*****193	1	CT10114010-CT10114010
CN LONG BIEN	PHUNG THI HUYEN	*****087	3	CT10057204-CT10057206
CN NHA TRANG	PHUNG THI KIEU OANH	*****831	7	CT10103995-CT10104001
TT KH CC MIEN BAC 2	PHUNG THI KIM HUYEN	*****508	15	CT10116988-CT10117002
PGD NGUYEN TRAI	PHUNG THI LAI	*****414	4	CT10127008-CT10127011
PGD KHAM THIEN	PHUNG THI LIEN	*****243	1	EB10000038-EB10000038
CN THANH XUAN	PHUNG THI MAI LY	*****126	7	CT10074325-CT10074331
PGD THAI THINH	PHUNG THI MINH HUE	*****077	5	TD10001406-TD10001410

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN QUANG NINH	PHUNG THI MINH HUONG	*****922	74	CT10110634-CT10110707
CN DAI AN	PHUNG THI MY LINH	*****509	7	CT10064031-CT10064037
PGD YEN PHU	PHUNG THI NGOC MUI	*****410	50	CT10105244-CT10105293
PGD TRUONG QUANG TRONG	PHUNG THI NGOC SUONG	*****916	1	EB10003151-EB10003151
CN HAI AN	PHUNG THI NGUYET	*****096	6	CT10036526-CT10036531
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHUNG THI THAO	*****174	24	CT10048065-CT10048088
PGD HONG BANG	PHUNG THI THIEN	*****330	2	CT10065900-CT10065901
CN CAU GIAY	PHUNG THI THOA	*****047	25	CT10136812-CT10136836
CN SO GIAO DICH	PHUNG THI THU	*****042	1	CT10075233-CT10075233
CN LANG HA	PHUNG THI THU HA	*****018	1	CT10031630-CT10031630
PGD NGUYEN AN NINH	PHUNG THI THU HANG	*****920	39	CT10064981-CT10065019
CN HA DONG	PHUNG THI THU HIEN	*****932	34	CT10005299-CT10005322; TD10006631-TD10006640
PGD SAO MAI	PHUNG THI THUY	*****942	1	EB10000842-EB10000842
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHUNG THI THUY CHI	*****352	24	CT10154139-CT10154162
CN SO GIAO DICH	PHUNG THI THUY LINH	*****574	25	CT10134074-CT10134098
PGD LE LOI	PHUNG THI THUY LINH	*****707	6	CT10127806-CT10127806; TD10004766-TD10004770
CN SAI GON	PHUNG THI THUY NGA	*****891	25	CT10079698-CT10079722
PGD BA TRIEU	PHUNG THI THUYEN	*****018	4	CT10106619-CT10106622
CN SAI GON	PHUNG THI TIEN VUONG	*****059	4	CT10151516-CT10151519
PGD DOI CAN	PHUNG THI TRANG	*****271	55	CT10040002-CT10040056
TT KHCC MIEN BAC 1	PHUNG TRAN MINH	*****784	2	CT10045612-CT10045613
CN TAN THANH	PHUNG TUAN HA	*****065	22	CT10045626-CT10045647
CN DAI AN	PHUNG TUAN KIEN	*****997	15	CT10011068-CT10011082
CN HA DONG	PHUNG TUAN NGHIA	*****862	1	EB10001032-EB10001032
PGD LE CHAN	PHUNG VAN ANH	*****291	1	EB10003139-EB10003139
PGD NGUYEN NGOC NAI	PHUNG VAN CHUNG	*****364	1	EB10000089-EB10000089
HUB PAYROLL MB	PHUNG VAN CONG	*****335	9	CT10067812-CT10067820
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHUNG VAN CU	*****037	12	CT10065967-CT10065978

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	PHUNG VAN CUONG	*****390	2	CT10135965-CT10135966
PGD BUON DON	PHUNG VAN HOANG	*****999	20	DN10063256-DN10063275
CN THANH XUAN	PHUNG VAN HUONG	*****360	12	CT10056307-CT10056318
PGD BA TRIEU	PHUNG VAN NHO	*****200	6	CT10112312-CT10112317
CN HA DONG	PHUNG VAN QUAN	*****493	17	CT10010727-CT10010743
PGD HAI DANG	PHUNG VAN THANH	*****360	41	DN10074188-DN10074227; EB10001770-EB10001770
PGD LE CHAN	PHUNG VAN TO	*****083	43	CT10084681-CT10084686; DN10032112-DN10032148
PGD LE CHAN	PHUNG VAN TRUONG	*****552	2	CT10100194-CT10100195
CN HA DONG	PHUNG VAN TUAN	*****123	2	CT10121585-CT10121586
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHUNG VAN TUAN	*****551	3	CT10090661-CT10090663
TT KH CC MIEN BAC 2	PHUNG VIET DUC	*****094	1	CT10052742-CT10052742
CN DAI AN	PHUNG VU HUNG	*****097	2	CT10074768-CT10074769
CN BAC NINH	PHUNG VU THANG	*****488	1	CT10021043-CT10021043
CN CAU GIAY	PHUNG XUAN HOAN	*****229	1	EB10002713-EB10002713
HUB THE CHAP MB 1	PHUNG XUAN HOAN	*****229	65	DN10098701-DN10098760; TD10002676-TD10002680
CN HA DONG	PHUNG XUAN KHOA	*****995	10	CT10022711-CT10022720
CN HA NOI	PHUNG XUAN THANG	*****403	4	CT10124280-CT10124283
PGD TRAN DUY HUNG	PHUNG XUAN THAO	*****399	1	CT10069116-CT10069116
HUB THE VA TIN CHAP MN	PHUNG XUAN VIET	*****957	1	CT10099370-CT10099370
CN HA DONG	PHUONG CONG TUAN	*****195	9	CT10072719-CT10072727
CN SAI GON	PHUONG DINH KHOI	*****971	1	CT10040443-CT10040443
CN NHA TRANG	PHUONG LAN PHUONG	*****411	10	CT10117747-CT10117756
TT KHCC MIEN BAC 1	PHUONG MINH HOA	*****591	6	CT10118101-CT10118106
PGD KHANH HOI	PHUONG MY LE HANG	*****674	1	EB10003000-EB10003000
CN VINH PHUC	PHUONG THI VUI	*****795	1	EB10001473-EB10001473
HUB THE VA TIN CHAP MB	PHUONG THUY DUONG	*****827	24	CT10005612-CT10005635
CN THAI NGUYEN	PHUONG VAN THUY	*****758	7	CT10137126-CT10137132
PGD HO DAC DI	PHUONG XUAN HONG	*****656	6	CT10017816-CT10017816; TD10008541-TD10008545
CN NHA TRANG	QUACH ANH KIET	*****400	1	EB10002079-EB10002079
CN HAI PHONG	QUACH ANH TUAN	*****407	15	CT10091661-CT10091675

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	QUACH BAO TRAN	*****302	2	CT10007878-CT10007879
PGD TRAN HUNG DAO	QUACH CAM HUE	*****587	22	CT10144480-CT10144501
PGD TRUNG HOA	QUACH DAI NGHIA	*****254	3	CT10008682-CT10008684
PGD NGUYEN HUU HUAN	QUACH DUC CHINH	*****431	10	CT10115787-CT10115796
PGD NGOC HOI	QUACH GIA LONG	*****032	1	EB10002942-EB10002942
CN LONG BIEN	QUACH HAI VAN	*****372	2	CT10092273-CT10092274
CN THANH HOA	QUACH HOAI MINH	*****116	19	DN10043495-DN10043512; EB10003302-EB10003302
PGD THU DAU 1	QUACH HON MINH	*****134	4	CT10081044-CT10081047
PGD BACH DANG	QUACH HON MOC	*****862	50	DN10034842-DN10034891
CN TAN BINH	QUACH KIM PHUONG	*****461	5	CT10053855-CT10053859
CN TAN THANH	QUACH KIM QUYEN	*****413	4	CT10096285-CT10096288
CN CA MAU	QUACH NGO THANH THUY	*****531	1	EB10002768-EB10002768
TT KHCC MIEN BAC 1	QUACH NGOC DONG	*****032	35	CT10027280-CT10027304; TD10010241-TD10010250
PGD NGOC HOI	QUACH NHU CHIEN	*****547	10	CT10088762-CT10088771
PGD VAN QUAN	QUACH NHU HIEU	*****154	129	CT10006541-CT10006669
PGD DAO TAN	QUACH SON TUNG	*****711	15	CT10044233-CT10044247
TT KHCC MIEN BAC 1	QUACH THAI KHOI	*****803	9	CT10031418-CT10031426
CN HAI DUONG	QUACH THI CHIEN	*****354	3	DN10099301-DN10099303
CN TP. HO CHI MINH	QUACH THI KIM OANH	*****306	5	CT10068504-CT10068508
CN DONG DA	QUACH THI THANH HUYEN	*****130	19	CT10006201-CT10006219
CN LANG HA	QUACH THI THOAN	*****231	1	CT10115031-CT10115031
CN SO GIAO DICH	QUACH THI TU	*****809	2	CT10157612-CT10157613
CN DAK LAK	QUACH THI TUONG VI	*****575	3	DN10079977-DN10079979
PGD QUAN THANH	QUACH THU HUONG	*****071	2	CT10080932-CT10080933
PGD HO GUOM	QUACH THU QUYNH	*****376	9	CT10025239-CT10025247
PGD HONG BANG	QUACH TIEN HAI	*****972	1	CT10048279-CT10048279
CN SO GIAO DICH	QUACH TUAN ANH	*****078	2	CT10072036-CT10072037
CN KIEN GIANG	QUACH TUYET CHAU	*****302	1	EB10001019-EB10001019
TT KHCC MIEN BAC 1	QUACH VAN HUNG THAI	*****307	10	TD10004051-TD10004060
CN CA MAU	QUACH VAN TAM	*****294	5	CT10156119-CT10156123
PGD TU SON	QUACH VAN THANG	*****532	1	EB10001075-EB10001075

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	QUAN BICH SAN	*****739	4	CT10096563-CT10096566
PGD KIM VAN	QUAN CHI HIEU	*****100	1	EB10003164-EB10003164
CN DONG DA	QUAN DIEU LINH	*****146	4	CT10006974-CT10006977
PGD DOI CAN	QUAN DINH THANG	*****764	22	CT10109955-CT10109976
CN SAI GON	QUAN KIEN MINH	*****178	1	EB10001804-EB10001804
CN VINH PHUC	QUAN THI THUY TRANG	*****601	1	EB10000120-EB10000120
CN HA NOI	QUAN THU HANG	*****669	10	CT10037494-CT10037503
PGD LY THUONG KIET-DN	QUANG NGOC CHINH	*****044	10	CT10163357-CT10163366
CN NHA TRANG	QUANG THI THU THANH	*****742	1	EB10003187-EB10003187
CN HAI AN	QUANG VAN THUONG	*****712	1	EB10003292-EB10003292
PGD TUYEN SON	QUI DI TAM	*****755	1	CT10043960-CT10043960
CN TAN PHU	QUY TRUNG	*****507	2	CT10133422-CT10133423
HUB PAYROLL MB	QUYEN KIM CHI	*****929	11	CT10081988-CT10081998
CN DAI AN	QUYEN THU HOA	*****254	2	CT10059950-CT10059951
CN DAK LAK	RA LAN TRUONG THANH HA	*****037	1	CT10071679-CT10071679
CN LANG HA	SAGGUS BRETT DAVID	*****401	12	CT10123105-CT10123116
CN BAC NINH	SAI VAN PHUC	*****359	36	CT10119166-CT10119166; DN10082053-DN10082076; EB10001987-EB10001987; TD10003531-TD10003540
PGD TRUNG HOA	SAI VIET TRUNG	*****165	40	CT10031027-CT10031066
TT KH CC MIEN BAC 2	SAKORIKAR VAIBHAV MANOHAR	*****255	23	CT10106401-CT10106423
TT KHCC MIEN BAC 1	SAM MINH DUC	*****717	16	CT10040479-CT10040488; EB10001574-EB10001574; TD10001401-TD10001405
PGD TRAN HUNG DAO	SAM THUY LINH UYEN TRANG	*****350	2	CT10158558-CT10158559
CN DAI AN	SASAKI AKIHITO	*****309	2	CT10043664-CT10043665
CN TP. HO CHI MINH	SI CHAN PHAT	*****153	2	CT10110006-CT10110007
CN BAC NINH	SOI THI TAI	*****720	3	DN10056346-DN10056348
CN SAI GON	SON MINH THANH	*****463	1	CT10159891-CT10159891
CN SAI GON	SON NGUYEN HUY	*****863	1	CT10066668-CT10066668
HUB THE VA TIN CHAP MN	SON THI NGOC NHI	*****340	7	CT10164987-CT10164993

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	SU CHAN THUAN	*****873	1	EB10000232-EB10000232
PGD LE HONG PHONG	SU KHAC KHANH	*****618	50	DN10031977-DN10032026
CN NHA TRANG	SU KIM THAO	*****154	1	EB10002515-EB10002515
PGD NGUYEN THAI SON	SU TUNG NI	*****512	1	CT10025978-CT10025978
PGD VINH HAI	SY TUAN AN	*****284	2	CT10092862-CT10092863
CN SO GIAO DICH	TA ANH TAI	*****192	7	CT10132704-CT10132710
PGD LE HONG PHONG	TA ANH TUAN	*****197	1	CT10006362-CT10006362
PGD NGOC HOI	TA BICH CHAU	*****581	15	CT10117512-CT10117526
PGD KHAM THIEN	TA BICH LAM	*****610	1	EB10002760-EB10002760
CN VINH PHUC	TA BINH YEN	*****930	5	CT10115923-CT10115927
CN TP. HO CHI MINH	TA CONG THINH	*****906	5	CT10158984-CT10158988
HUB PAYROLL MB	TA DANG HAI	*****414	9	CT10157791-CT10157799
CN SAI GON	TA DINH KHUONG	*****010	24	CT10046451-CT10046474
CN LONG BIEN	TA DINH NGUYEN	*****413	2	CT10029947-CT10029948
PGD THAI THINH	TA DINH SU	*****386	44	CT10111022-CT10111025; DN10096804-DN10096838; TD10002601-TD10002605
PGD LAC LONG QUAN	TA DINH TRUNG	*****235	35	DN10098177-DN10098211
CN LONG BIEN	TA DUC PHAT	*****131	11	CT10066387-CT10066397
HUB PAYROLL MB	TA DUY BIEN	*****021	24	CT10087768-CT10087791
CN BINH DUONG	TA DUY DAO	*****195	1	EB10000620-EB10000620
CN SO GIAO DICH	TA HA MY	*****783	3	CT10150439-CT10150441
PGD THANH CONG	TA HAI DUONG	*****370	26	CT10016680-CT10016705
PGD TRAN PHU	TA HOANG LONG	*****269	96	DN10046256-DN10046340; EB10000643-EB10000643; TD10010211-TD10010220
CN HAI DUONG	TA HONG DIEP	*****811	5	CT10145851-CT10145855
TT KH CC MIEN BAC 2	TA HONG KHUYEN	*****901	2	CT10005325-CT10005326
CN CA MAU	TA HUU KHA	*****383	7	CT10007699-CT10007705
PGD LE CHAN	TA HUU QUANG	*****401	41	CT10027079-CT10027083; DN10046196-DN10046225; EB10000633-EB10000633; TD10010191-TD10010195
PGD THANH CONG	TA HUU VIET	*****834	3	CT10112839-CT10112841

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CA MAU	TA KHANH DUONG	*****864	25	CT10024785-CT10024809
CN CA MAU	TA KHANH NHI	*****085	9	DN10036596-DN10036604
PGD HOA BINH	TA KIM MAN	*****808	1	EB10002612-EB10002612
PGD THANH CONG	TA KIM NGAN	*****024	80	CT10128911-CT10128990
CN TAN BINH	TA KIM THAI	*****060	30	DN10049484-DN10049513
PGD VAN QUAN	TA LE DUY	*****882	17	CT10045368-CT10045384
CN HA NOI	TA MANH HUNG	*****556	16	CT10054409-CT10054424
HUB THE VA TIN CHAP MB	TA MINH DUC	*****004	7	DN10094345-DN10094351
PGD VAN XUAN	TA MINH DUC	*****004	1	EB10003195-EB10003195
PGD LANG THUONG	TA MINH THONG	*****071	50	DN10045534-DN10045583
CN DA NANG	TA NGOC ANH	*****472	2	CT10085375-CT10085376
CN DAI AN	TA NGOC DU	*****405	18	CT10114345-CT10114362
PGD TRAN DUY HUNG	TA NGOC DUONG	*****584	2	CT10163934-CT10163935
CN DA NANG	TA NGOC LAM	*****021	34	CT10089181-CT10089214
CN BINH DUONG	TA NGOC UYEN	*****884	1	EB10001108-EB10001108
HUB THE VA TIN CHAP MB	TA NHU QUYNH	*****035	24	CT10051355-CT10051378
CN LANG HA	TA PHUONG MAI	*****114	307	CT10149448-CT10149454; DN10071408-DN10071707
PGD NGUYEN SY SACH	TA QUANG AU	*****225	20	CT10100448-CT10100452; DN10061742-DN10061756
PGD LANG THUONG	TA QUANG DUNG	*****273	1	EB10002825-EB10002825
CN DAI AN	TA QUANG THO	*****822	63	CT10140589-CT10140651
CN LANG HA	TA QUANG TOAN	*****727	10	CT10057167-CT10057176
CN THANH XUAN	TA QUANG TU	*****300	50	CT10132048-CT10132097
HUB THE VA TIN CHAP MN	TA QUOC CUONG	*****849	12	CT10013505-CT10013516
PGD TRAN PHU	TA QUOC TRUONG	*****832	28	CT10024194-CT10024221
PGD NGUYEN NGOC NAI	TA THANH HAI	*****133	34	CT10061202-CT10061204; DN10089390-DN10089415; TD10004446-TD10004450
CN HAI AN	TA THANH HOANG	*****352	2	CT10041253-CT10041254
PGD NGO GIA TU	TA THANH HUYEN	*****809	2	CT10099191-CT10099192
SEABANK LE DUAN	TA THANH PHUONG	*****672	25	CT10039669-CT10039693
CN CAU GIAY	TA THI BAY	*****506	14	CT10120580-CT10120593

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN PHU MY HUNG	TA THI BICH THUY	*****347	2	CT10013299-CT10013300
CN HA NOI	TA THI CHIEU TRANG	*****256	19	CT10125615-CT10125633
PGD LAC LONG QUAN	TA THI HIEN	*****443	5	CT10022290-CT10022294
PGD YEN PHU	TA THI HONG ANH	*****755	1	EB10003145-EB10003145
CN SO GIAO DICH	TA THI HUE	*****651	1	CT10152847-CT10152847
CN LONG BIEN	TA THI IN	*****779	12	CT10107318-CT10107329
CN HAI AN	TA THI KHANH LINH	*****568	1	EB10000284-EB10000284
CN THANH HOA	TA THI KIM DUNG	*****185	22	DN10096242-DN10096263
CN DAI AN	TA THI KIM OANH	*****915	14	CT10047929-CT10047942
CN CAN THO	TA THI KIM PHUONG	*****070	1	CT10033436-CT10033436
PGD BA TRIEU	TA THI KIM QUY	*****985	8	CT10144143-CT10144150
CN HAI DUONG	TA THI LUYEN	*****568	25	CT10076141-CT10076165
CN HAI AN	TA THI MINH	*****134	1	EB10002014-EB10002014
CN THANH XUAN	TA THI MINH LOAN	*****256	17	CT10011205-CT10011221
PGD NGUYEN HUU HUAN	TA THI MY LIEN	*****533	5	TD10008036-TD10008040
CN PHU MY HUNG	TA THI NGA	*****294	88	DN10050949-DN10051036
PGD SAI DONG	TA THI NGAN	*****698	1	EB10003004-EB10003004
CN HAI DUONG	TA THI NGHIA	*****714	19	CT10007891-CT10007909
PGD LY THUONG KIET-DN	TA THI NGOC ANH	*****917	1	CT10019342-CT10019342
PGD BA RIA	TA THI NHU LINH	*****465	5	CT10069100-CT10069104
PGD DAI KIM	TA THI PHUONG LOAN	*****282	19	CT10032980-CT10032998
TT KH CC MIEN BAC 2	TA THI QUYNH LAN	*****263	4	CT10095756-CT10095759
PGD KHAM THIEN	TA THI TAN	*****770	1	CT10123358-CT10123358
CN DAI AN	TA THI THANH TAM	*****030	6	CT10014214-CT10014219
HUB THE VA TIN CHAP MB	TA THI THU HA	*****163	24	CT10000993-CT10001016
CN VINH PHUC	TA THI THU HUYEN	*****320	5	TD10007301-TD10007305
PGD MY CA	TA THI THU THUY	*****576	1	EB10001375-EB10001375
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TA THI THU TRA	*****525	2	CT10104554-CT10104555
PGD DAI KIM	TA THI THU TRANG	*****290	6	CT10162481-CT10162486
HUB THE VA TIN CHAP MB	TA THI THU TRANG	*****089	20	CT10126226-CT10126245
CN HA DONG	TA THI TRA	*****114	24	CT10086533-CT10086556
CN HA TINH	TA THI XUAN	*****632	1	EB10002203-EB10002203
PGD LE THAI TO	TA THU HA	*****831	14	CT10122769-CT10122782

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	TA THU TRANG	*****909	1	EB10000244-EB10000244
CN DONG DA	TA THUY CHINH	*****204	1	CT10035131-CT10035131
PGD THAI THINH	TA THUY VAN	*****667	5	TD10001906-TD10001910
CN HA NOI	TA TIEN NINH	*****334	1	CT10132117-CT10132117
CN KIEN GIANG	TA TRUONG AN	*****897	1	CT10149668-CT10149668
CN CA MAU	TA TRUONG DUY	*****371	108	CT10078507-CT10078521; DN10108138-DN10108224; EB10002629-EB10002629; TD10008021-TD10008025
HUB THE VA TIN CHAP MB	TA TUAN ANH	*****826	29	CT10164865-CT10164893
CN DAI AN	TA VAN BAO	*****764	8	CT10105919-CT10105926
CN DONG DA	TA VAN BO	*****347	12	CT10065888-CT10065899
PGD SOC SON	TA VAN DAO	*****385	3	CT10026054-CT10026056
CN VINH PHUC	TA VAN DUONG	*****017	1	CT10070784-CT10070784
TT KHCC MIEN BAC 1	TA VAN NHUNG	*****795	5	CT10155380-CT10155384
CN HAI AN	TA VAN QUAN	*****037	1	EB10001700-EB10001700
CN LANG HA	TA VAN SANG	*****917	18	CT10164299-CT10164316
CN VINH PHUC	TA VAN THANH	*****618	4	DN10075517-DN10075520
CN THAI NGUYEN	TA VAN THIEP	*****878	4	CT10069974-CT10069977
CN HA NOI	TA VAN TIEN	*****151	36	CT10038547-CT10038582
TT KHCC MIEN BAC 1	TA VAN TRONG	*****724	9	CT10041358-CT10041366
PGD HAM NGHI	TA VIET ANH	*****890	2	CT10056603-CT10056604
PGD TRAN HUNG DAO	TA XUAN BINH	*****307	8	CT10022929-CT10022936
PGD VAN XUAN	TA XUAN THINH	*****516	1	EB10001687-EB10001687
TT KHCC MIEN BAC 1	TAN LE TUNG	*****287	4	CT10080037-CT10080040
CN KIEN GIANG	TAN THI TU ANH	*****390	3	CT10017450-CT10017452
PGD BOTANIC	TANG ANH THUY	*****596	4	CT10003802-CT10003805
HUB THE CHAP MN	TANG CHI TRUNG	*****625	44	DN10090904-DN10090947
PGD HOANG DIEU	TANG DA	*****155	1	CT10117527-CT10117527
PGD TO HIEU	TANG DUC NHIEM	*****197	8	CT10064261-CT10064268
CN PHU MY HUNG	TANG KHANH NGUYEN	*****265	18	CT10106538-CT10106555

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	TANG KIEU MUI	*****403	199	DN10105027-DN10105215; TD10007486-TD10007495
CN THANH XUAN	TANG MINH TUAN	*****001	26	CT10106511-CT10106536
PGD LAC LONG QUAN	TANG QUOC ANH	*****430	2	CT10054090-CT10054091
PGD KHANH HOI	TANG THANH NHA	*****210	176	DN10050768-DN10050943
PGD MY DINH	TANG THI LINH	*****206	20	CT10108840-CT10108859
PGD HO TUNG MAU	TANG THI THUONG	*****059	12	CT10091028-CT10091039
PGD HAO NAM	TANG TIEN THANH	*****525	1	CT10024360-CT10024360
PGD GIA LOC	TANG VAN CHINH	*****279	1	EB10001587-EB10001587
PGD NGUYEN SY SACH	TANG VAN DAT	*****099	1	CT10140583-CT10140583
CN LONG BIEN	TANG VAN KHANH	*****595	6	CT10050168-CT10050173
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TANG VAN TU	*****489	23	CT10116323-CT10116345
PGD NGOC HOI	TANG XUAN TRUNG	*****567	14	CT10136501-CT10136514
HUB THE VA TIN CHAP MB	TAO DUC PHONG	*****170	1	CT10143704-CT10143704
CN SAI GON	TAVERNIER FRANCOIS MARIE JEAN	*****869	30	CT10113550-CT10113579
HUB THE VA TIN CHAP MN	THACH CAM THUY	*****402	4	CT10122214-CT10122217
TT KHCC MIEN BAC 1	THACH DANG HAI	*****058	6	CT10069896-CT10069901
PGD BA TRIEU	THACH QUANG HUY	*****022	13	CT10031733-CT10031745
PGD DI AN	THACH THI HAI	*****486	1	CT10037278-CT10037278
PGD QUAN THANH	THACH THI QUYNH HUONG	*****765	1	CT10072103-CT10072103
CN NHA TRANG	THACH THI TRAM	*****397	1	EB10002020-EB10002020
CN TAN BINH	THACH THI XUAN HUONG	*****609	5	TD10005816-TD10005820
CN THANH XUAN	THAI BA MANH	*****190	1	EB10001278-EB10001278
SEABANK LE DUAN	THAI BA QUOC THINH	*****121	9	CT10051213-CT10051221
CN TAN BINH	THAI BINH MINH	*****714	2	CT10110153-CT10110154
CN DA NANG	THAI BINH THU TRANG	*****368	9	CT10099632-CT10099640
HUB THE VA TIN CHAP MN	THAI CONG THANG	*****004	10	DN10028296-DN10028305

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LENIN	THAI DOAN TIEN	*****407	37	DN10027176-DN10027207; TD10008381-TD10008385
CN HA TINH	THAI HA THANH	*****855	3	CT10072804-CT10072806
PGD TRAN DUY HUNG	THAI HAI LONG	*****106	18	CT10001504-CT10001521
HUB THE CHAP MN	THAI HAN NHUT HAN	*****593	34	DN10062735-DN10062767; EB10001358-EB10001358
CN THANH XUAN	THAI HOANG	*****753	28	CT10040285-CT10040312
PGD KHANH HOI	THAI HON LUONG	*****164	10	CT10048654-CT10048663
CN VUNG TAU	THAI HONG CUONG	*****567	5	CT10037489-CT10037493
PGD CAM RANH	THAI HONG HAN	*****897	11	CT10103822-CT10103832
CN NHA TRANG	THAI HONG THIEN DINH	*****857	1	EB10000270-EB10000270
CN VUNG TAU	THAI HUNG CUONG	*****909	1	CT10026245-CT10026245
PGD DOI CAN	THAI HUONG LE	*****847	4	CT10004178-CT10004181
PGD HO GUOM	THAI HUYNH NGHIA	*****968	4	CT10038300-CT10038303
CN SO GIAO DICH	THAI MINH HIEN	*****403	7	CT10034565-CT10034566; TD10000246-TD10000250
CN BINH DUONG	THAI NGOC TRAM	*****364	7	CT10051431-CT10051437
PGD KIM VAN	THAI NGOC YEN	*****856	1	EB10002112-EB10002112
CN DA NANG	THAI NGUYEN HA VY	*****561	5	CT10052854-CT10052858
PGD HOANG DIEU	THAI NGUYEN QUOC TU	*****392	1	CT10016401-CT10016401
PGD HOA BINH	THAI NGUYEN TOAN	*****888	25	CT10082407-CT10082431
CN KIEN GIANG	THAI PHUOC MANH	*****570	30	DN10037143-DN10037172
PGD NGUYEN VAN CU	THAI QUANG VU	*****346	2	CT10126173-CT10126174
CN KIEN GIANG	THAI THANH BINH	*****476	1	CT10037005-CT10037005
PGD NGO GIA TU	THAI THANH HUONG	*****714	24	CT10008731-CT10008754
CN KIEN GIANG	THAI THANH NHA	*****065	7	CT10109714-CT10109720
CN SAI GON	THAI THANH THAO	*****201	1	CT10109300-CT10109300
CN KIEN GIANG	THAI THANH THAO	*****567	11	CT10018417-CT10018427
CN SAI GON	THAI THI CAM NHUNG	*****517	27	CT10022814-CT10022840
PGD THANG LONG	THAI THI HANG	*****029	1	CT10043459-CT10043459
CN DA NANG	THAI THI HIEN	*****567	1	CT10145468-CT10145468
PGD TUYEN SON	THAI THI HIEU	*****749	1	EB10002545-EB10002545
CN DONG NAI	THAI THI KIM THANH	*****264	10	CT10090732-CT10090741
CN HUE	THAI THI LAN ANH	*****734	46	DN10021427-DN10021471; EB10000465-EB10000465
CN SO GIAO DICH	THAI THI LAN HUONG	*****361	1	CT10124633-CT10124633

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	THAI THI THANH DUNG	*****252	71	CT10043402-CT10043406; DN10068125-DN10068184; EB10001588-EB10001588; TD10001471-TD10001475
CN DA NANG	THAI THI THANH THUY	*****444	1	CT10120795-CT10120795
PGD DAO TAN	THAI THI THAO	*****095	6	CT10137813-CT10137818
CN BINH DUONG	THAI THI THUY VAN	*****950	1	EB10002191-EB10002191
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	THAI THI THUY VINH	*****794	7	CT10102435-CT10102441
PGD NGUYEN SY SACH	THAI THI YEN	*****662	3	CT10007742-CT10007744
PGD NGUYEN HUU HUAN	THAI THU THUY	*****253	33	CT10058871-CT10058903
PGD YEN PHU	THAI THU TRA	*****944	2	CT10081332-CT10081333
PGD HUNG VUONG	THAI TIEN MINH	*****778	15	CT10046937-CT10046951
CN CA MAU	THAI TRONG NHAN	*****491	7	CT10049704-CT10049710
CN HA TINH	THAI VAN HANG	*****514	4	CT10048138-CT10048141
CN BINH DUONG	THAI VAN KHUONG	*****237	1	EB10000295-EB10000295
PGD LE VAN SY	THAI VAN TIEN	*****669	270	DN10087674-DN10087943
PGD PHU MY - BINH DINH	THAI VAN TIEU	*****649	1	EB10000332-EB10000332
PGD LY THUONG KIET-DN	THAI VAN VUONG	*****337	56	DN10038187-DN10038236; EB10003154-EB10003154; TD10009441-TD10009445
CN LANG HA	THAM QUYNH MAI	*****385	11	CT10012852-CT10012862
PGD YEN PHU	THAN ANH TUAN	*****513	2	CT10116590-CT10116591
CN NHA TRANG	THAN DUC NHAN	*****838	1	EB10002539-EB10002539
TT KHCC MIEN BAC 1	THAN DUC TRUNG	*****173	18	CT10153388-CT10153394; EB10001160-EB10001160; TD10003041-TD10003050
SEABANK LE DUAN	THAN HUYNH TUYET TRINH	*****666	9	CT10050500-CT10050508
PGD TIEN AN	THAN MANH CUONG	*****692	25	CT10046504-CT10046523; TD10002246-TD10002250
CN LONG BIEN	THAN NGOC THANG	*****635	20	CT10046670-CT10046689
CN HA DONG	THAN NGOC VU	*****781	7	CT10097581-CT10097587
CN BAC NINH	THAN QUANG DUNG	*****276	1	EB10001096-EB10001096
CN DAK LAK	THAN THI THANH NHAN	*****709	5	DN10003281-DN10003285

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY DINH	THAN THI THU	*****483	1	EB10002505-EB10002505
PGD YEN PHU	THAN THI YEN HANG NGA	*****007	50	CT10031429-CT10031478
CN DAI AN	THAN THU HOAI	*****377	54	CT10001039-CT10001087; TD10006271-TD10006275
CN VUNG TAU	THAN TRUNG HIEU	*****813	7	CT10021502-CT10021508
CN DAI AN	THAN VAN HIEU	*****463	3	CT10048797-CT10048799
CN THANH XUAN	THAN VAN MANH	*****535	53	CT10087361-CT10087413
CN HAI AN	THAN VAN NHI	*****139	49	CT10101931-CT10101979
CN LANG HA	THANH HUNG SINH	*****604	11	CT10001406-CT10001416
CN SO GIAO DICH	THANH NGOC KHOI	*****324	3	CT10025080-CT10025082
HUB THE VA TIN CHAP MB	THANH THI QUYNH CHI	*****350	22	CT10146768-CT10146789
CN TP. HO CHI MINH	THANH THI THANH GIANG	*****613	60	DN10088645-DN10088704
TT KHCC MIEN BAC 1	THANH VIET THANG	*****006	17	CT10078547-CT10078563
PGD MY DINH	THE THANH THAO	*****534	1	EB10002429-EB10002429
CN SAI GON	THI NGHI THONG	*****667	17	CT10156249-CT10156265
CN DAK LAK	THI THI CO	*****308	5	DN10027798-DN10027802
PGD BA RIA	THIEM THI ANH TUYET	*****185	1	CT10098180-CT10098180
CN CAN THO	THIEU BICH NGOC	*****525	6	CT10104560-CT10104560; TD10001571-TD10001575
SEABANK LE DUAN	THIEU DANG PHONG	*****773	10	CT10008685-CT10008694
PGD DONG SON	THIEU DINH KIEN	*****286	36	CT10072874-CT10072878; DN10022776-DN10022795; EB10000548-EB10000548; TD10007101-TD10007110
HUB THE VA TIN CHAP MB	THIEU HONG NHUNG	*****474	25	CT10133335-CT10133359
HUB THE VA TIN CHAP MB	THIEU QUANG DUNG	*****229	24	CT10041311-CT10041334
HUB THE VA TIN CHAP MB	THIEU QUANG LAP	*****609	25	CT10065076-CT10065100
PGD HAN THUYEN	THIEU THI THANH HUYEN	*****175	5	CT10138750-CT10138754
CN SAI GON	THIEU THI THUONG	*****261	1	CT10144551-CT10144551
CN DAI AN	THINH KHANH HOA	*****648	67	CT10133925-CT10133991

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN KHANH TOAN	THOI VAN TAN	*****877	87	CT10079528-CT10079603; EB10002661-EB10002661; TD10008126-TD10008135
CN TAN BINH	THUONG THI KIM CHI	*****172	5	TD10008581-TD10008585
CN TAN PHU	TIEN HUE	*****519	1	CT10154020-CT10154020
CN CAU GIAY	TIEU YEN HA	*****356	1	CT10001183-CT10001183
CN HA DONG	TO DINH HAI	*****617	4	CT10020766-CT10020769
PGD DIEN KHANH	TO DINH HUY	*****753	1	CT10016936-CT10016936
PGD DIEN KHANH	TO DINH PHAT	*****401	63	CT10014492-CT10014554
HUB PAYROLL MN	TO DINH THAO	*****279	1	EB10000887-EB10000887
CN THANH XUAN	TO DUC LY	*****433	14	CT10115631-CT10115644
CN SAI GON	TO DUY KHANH	*****799	4	CT10147701-CT10147704
PGD DAO TAN	TO HAI LONG	*****825	10	CT10027068-CT10027077
CN BAC NINH	TO HAI MINH	*****435	2	CT10081116-CT10081117
PGD HOANG DIEU	TO HOANG MINH	*****579	3	CT10090621-CT10090623
CN NHA TRANG	TO HOANG PHUONG	*****575	7	CT10024177-CT10024183
CN HAI DUONG	TO HONG KHANH	*****572	24	CT10108752-CT10108775
PGD QUAN 11	TO HONG PHUC	*****952	24	CT10064516-CT10064539
PGD DOI CAN	TO KIM CHI	*****551	1	EB10002912-EB10002912
PGD HOA BINH	TO KIM HUONG	*****652	5	CT10025060-CT10025064
PGD LE QUANG DINH	TO LAN PHUONG	*****494	3	CT10083776-CT10083778
CN HA NOI	TO MINH HONG	*****987	14	CT10122487-CT10122500
CN HAI AN	TO NGOC HAI	*****389	1	CT10052740-CT10052740
TT KHCC MIEN BAC 1	TO NGOC TUYET	*****015	19	CT10131020-CT10131038
HUB THE VA TIN CHAP MN	TO NGUYEN KHANH NGUYEN	*****875	14	CT10061533-CT10061546
HUB THE CHAP MB 1	TO NGUYEN NGOC	*****031	62	CT10161673-CT10161684; DN10093105-DN10093149; TD10005116-TD10005120
PGD VAN XUAN	TO NGUYEN NGOC	*****031	1	EB10001794-EB10001794
CN CAN THO	TO PHU DA	*****205	1	EB10002362-EB10002362
PGD BA RIA	TO SA LI	*****341	1	CT10036658-CT10036658
PGD LE THANH TONG	TO THANH NAM	*****193	8	DN10053793-DN10053800
PGD LE QUANG DINH	TO THANH NHAN	*****258	1	CT10147289-CT10147289
CN TAN BINH	TO THANH NHAN	*****425	3	CT10016162-CT10016164
PGD PHU LAM	TO THANH TRUNG	*****292	35	CT10054873-CT10054907

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	TO THANH TUNG	*****135	5	CT10029130-CT10029134
TT KHCC MIEN BAC 1	TO THI ANH	*****633	19	CT10004416-CT10004434
PGD HA LONG	TO THI HOA	*****773	8	DN10069444-DN10069451
CN SO GIAO DICH	TO THI HOAI LINH	*****908	1	EB10000943-EB10000943
CN DAK LAK	TO THI HOAI NHUNG	*****278	20	DN10007795-DN10007814
CN THAI NGUYEN	TO THI HONG NHUNG	*****181	9	CT10002363-CT10002371
SEABANK LE DUAN	TO THI HUONG	*****821	15	CT10081166-CT10081180
CN THAI NGUYEN	TO THI LOAN	*****865	50	CT10078257-CT10078306
CN CAU GIAY	TO THI MINH HUONG	*****036	1	CT10150873-CT10150873
CN BINH DINH	TO THI MY LE	*****499	35	DN10059585-DN10059619
CN BINH DINH	TO THI NGOC QUI	*****804	4	CT10090690-CT10090693
CN THANH HOA	TO THI TAM	*****015	36	CT10042428-CT10042432; DN10068265-DN10068294; EB10001605-EB10001605
HUB THE VA TIN CHAP MB	TO THI THU MAI	*****252	4	CT10117564-CT10117567
CN AN GIANG	TO THI THU THUY	*****293	5	CT10031822-CT10031826
CN HAI AN	TO THI TIEP	*****971	13	CT10160374-CT10160377; DN10092844-DN10092847; TD10005141-TD10005145
PGD NGUYEN HUU HUAN	TO THI VIET HOA	*****668	10	CT10087335-CT10087344
HUB PAYROLL MB	TO THU THAO	*****149	18	CT10112842-CT10112854; TD10002666-TD10002670
PGD HAI DANG	TO TIEN THINH	*****779	59	CT10050358-CT10050365; DN10076071-DN10076115; EB10001806-EB10001806; TD10003126-TD10003130
PGD AU CO	TO TOAN HIEP HIEU	*****387	1	CT10162167-CT10162167
CN BINH DUONG	TO TUAN KIET	*****704	1	EB10003086-EB10003086
CN THAI NGUYEN	TO VAN BACH	*****861	1	EB10002722-EB10002722
CN DAI AN	TO VAN BAU	*****010	5	CT10056907-CT10056911
CN TP. HO CHI MINH	TO VAN CUONG	*****096	4	CT10037444-CT10037447
CN VINH PHUC	TO VAN CUONG	*****554	1	EB10001279-EB10001279
PGD XUAN LA	TO VAN KHANH	*****501	15	CT10144630-CT10144644
CN HAI AN	TO VAN MANH	*****292	7	CT10166774-CT10166780
PGD TRUNG HOA	TO VAN OANH	*****031	7	CT10050518-CT10050524

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HONG BANG	TO VAN TIEN	*****810	1	EB10000410-EB10000410
PGD DAI KIM	TO VAN TINH	*****678	16	CT10076414-CT10076429
CN HAI AN	TO VAN TUNG	*****715	9	CT10038135-CT10038143
CN THANH XUAN	TO VU	*****479	107	CT10147893-CT10147999
CN TP. HO CHI MINH	TO VU HOANG ANH	*****709	6	CT10110147-CT10110152
PGD DIEN BIEN PHU	TO XUAN NAM	*****951	1	EB10000704-EB10000704
PGD BA RIA	TO YEN LI	*****442	1	CT10008890-CT10008890
PGD DAO TAN	TOAN AU LE	*****264	2	CT10000113-CT10000114
CN QUANG NGAI	TON LONG CAN	*****420	1	EB10001013-EB10001013
SEABANK LE DUAN	TON NU NAM TRAN	*****163	14	CT10033920-CT10033933
CN DONG DA	TON NU NGUYET ANH	*****713	4	CT10150265-CT10150268
PGD BOTANIC	TON NU THI NINH	*****390	2	CT10107313-CT10107314
CN DA NANG	TON NU THUY DUNG	*****211	1	CT10077965-CT10077965
PGD DIEN BIEN PHU	TON QUANG KHIET	*****994	8	CT10156587-CT10156594
CN QUANG NGAI	TON THAT HAO	*****045	1	CT10149571-CT10149571
CN TAN PHU	TON THAT NHAT HIEU	*****037	1	EB10000323-EB10000323
CN NHA TRANG	TON THAT QUE	*****686	1	CT10163781-CT10163781
CN BINH DINH	TON THI DINH	*****422	1	EB10001800-EB10001800
PGD THAI THINH	TON THI THU	*****848	51	CT10065310-CT10065360
PGD BA TRIEU	TONG BICH PHUONG	*****150	1	CT10124037-CT10124037
CN SAI GON	TONG DUC ANH	*****784	1	CT10031290-CT10031290
CN HAI DUONG	TONG DUY DIEN	*****647	5	CT10081155-CT10081159
CN HAI DUONG	TONG HOANG THANG	*****233	1	EB10002675-EB10002675
PGD HO TUNG MAU	TONG KHANH LINH	*****742	1	CT10108047-CT10108047
PGD BACH MAI	TONG MY LINH	*****231	25	CT10072110-CT10072134
CN SO GIAO DICH	TONG NGOC LONG	*****941	42	CT10051168-CT10051209
CN DONG DA	TONG NGUYEN TRUNG	*****421	10	CT10088646-CT10088655
PGD HO GUOM	TONG PHU PHUOC	*****022	1	EB10000845-EB10000845
PGD QUAN 8	TONG PHUOC HAU	*****595	5	CT10052018-CT10052022
PGD CONG HOA	TONG PHUOC NHAT	*****122	5	CT10064112-CT10064116
PGD BA TRIEU	TONG PHUONG LIEN	*****683	13	CT10069336-CT10069348
CN TP. HO CHI MINH	TONG PHUONG YEN	*****028	1	EB10000580-EB10000580
CN DAI AN	TONG QUOC DAT	*****058	2	CT10097079-CT10097080

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	TONG THANH LONG	*****794	1	EB10000924-EB10000924
PGD DIEN KHANH	TONG THI DO TUNG	*****180	1	CT10007955-CT10007955
CN THANH XUAN	TONG THI HAI BANG	*****345	28	CT10011856-CT10011883
HUB THE VA TIN CHAP MB	TONG THI HONG PHUONG	*****263	3	CT10124656-CT10124658
PGD HAO NAM	TONG THI HUYEN TRANG	*****788	1	EB10001423-EB10001423
CN LANG HA	TONG THI KIM DUNG	*****605	10	CT10001396-CT10001405
CN BAC NINH	TONG THI LAN PHUONG	*****737	1	EB10003238-EB10003238
PGD NGO GIA TU	TONG THI LUU	*****501	19	CT10045021-CT10045039
CN VINH PHUC	TONG THI THANH HUONG	*****622	4	CT10146046-CT10146049
PGD HO DAC DI	TONG THI THU TRANG	*****482	10	CT10074873-CT10074877; TD10007776-TD10007780
PGD XUAN LA	TONG TRAN BINH	*****632	27	CT10046989-CT10047015
CN TP. HO CHI MINH	TONG TRUNG DUNG	*****002	1	EB10002436-EB10002436
CN HAI AN	TONG VAN CONG	*****925	1	EB10000884-EB10000884
PGD HO TUNG MAU	TONG VAN DANG	*****901	1	EB10000908-EB10000908
CN HAI AN	TONG VAN DU	*****149	1	EB10002947-EB10002947
PGD NGOC LAM	TONG VAN DUC	*****428	1	CT10072135-CT10072135
HUB THE VA TIN CHAP MN	TONG VAN HOANG	*****597	1	CT10147098-CT10147098
CN DAI AN	TONG VAN LIEN	*****007	7	CT10021684-CT10021690
CN DONG DA	TONG VIET TRUNG	*****185	8	CT10100588-CT10100595
CN TAN PHU	TONG VINH DUC	*****664	23	CT10095385-CT10095407
CN VUNG TAU	TONG VO MINH TRAN	*****763	10	CT10034516-CT10034525
PGD HO NAI	TONG XUAN LINH	*****377	6	CT10106988-CT10106993
PGD KIM VAN	TONG XUAN VINH	*****921	1	EB10003012-EB10003012
PGD PHU MY - BINH DINH	TRA THI KHUONG	*****181	5	DN10108377-DN10108381
CN DAK LAK	TRA THI NHUNG	*****000	7	DN10062172-DN10062178
PGD PHU MY - BINH DINH	TRA THI NI	*****164	5	DN10078462-DN10078466
PGD TUYEN SON	TRA THI TUYET MAI	*****512	1	EB10001923-EB10001923
CN DA NANG	TRAC DUY PHUC	*****395	3	CT10095551-CT10095553

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	TRAC THI THUY TRANG	*****732	1	EB10002670-EB10002670
CN TP. HO CHI MINH	TRAM QUOC KHAI	*****349	1	CT10111398-CT10111398
CN DONG NAI	TRAM TRIEU QUANG	*****897	2	CT10062264-CT10062265
PGD BOTANIC	TRAM UYEN VY	*****967	1	EB10002085-EB10002085
CN TP. HO CHI MINH	TRAM VIET TRUNG	*****255	7	CT10052998-CT10053004
PGD DI AN	TRAN ANH DAI	*****480	2	CT10070672-CT10070673
CN HA NOI	TRAN ANH DUNG	*****814	1	CT10035812-CT10035812
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN ANH HAO	*****682	7	CT10033965-CT10033971
CN BINH DINH	TRAN ANH HOANG	*****086	40	DN10105623-DN10105662
CN VINH PHUC	TRAN ANH HUNG	*****017	3	CT10114054-CT10114056
CN LANG HA	TRAN ANH HUNG	*****513	2	CT10163904-CT10163905
CN DAI AN	TRAN ANH LINH	*****279	9	CT10103150-CT10103158
CN LANG HA	TRAN ANH MAI	*****480	1	CT10042028-CT10042028
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN ANH MINH	*****619	23	CT10000012-CT10000034
CN CAU GIAY	TRAN ANH NAM	*****098	1	EB10002871-EB10002871
HUB THE CHAP MB 1	TRAN ANH NAM	*****098	59	CT10166782-CT10166791; DN10111870-DN10111913; TD10008186-TD10008190
PGD VAN QUAN	TRAN ANH PHUONG	*****431	1	CT10075455-CT10075455
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN ANH PHUONG	*****713	2	CT10027387-CT10027388
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN ANH PHUONG	*****263	10	CT10028225-CT10028234
PGD DAO TAN	TRAN ANH QUAN	*****652	19	CT10081552-CT10081570
PGD NGUYEN LUONG BANG	TRAN ANH QUANG	*****336	20	CT10076250-CT10076269
CN BAC NINH	TRAN ANH SON	*****238	10	TD10008746-TD10008755
PGD MY CA	TRAN ANH SON	*****507	44	DN10094745-DN10094788
CN VUNG TAU	TRAN ANH THU	*****673	1	EB10000500-EB10000500
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN ANH THU	*****999	6	CT10061047-CT10061052
CN LONG BIEN	TRAN ANH TIEN	*****532	14	CT10160991-CT10161004
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TRAN ANH TU	*****790	9	CT10164645-CT10164653
PGD VAN XUAN	TRAN ANH TUAN	*****003	8	CT10069591-CT10069598

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	TRAN ANH TUAN	*****036	3	CT10149736-CT10149738
PGD HA LONG	TRAN ANH TUAN	*****120	141	CT10018676-CT10018685; DN10029723-DN10029842; EB10002901-EB10002901; TD10008596-TD10008605
CN HAI PHONG	TRAN ANH TUAN	*****469	1	CT10072035-CT10072035
PGD TO HIEU	TRAN ANH TUAN	*****558	14	CT10104192-CT10104205
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN ANH TUAN	*****005	24	CT10072849-CT10072872
PGD HA LONG	TRAN ANH TUAN	*****071	1	EB10001082-EB10001082
PGD THANH SEN	TRAN ANH TUAN	*****153	1	EB10001950-EB10001950
PGD PHU HUNG	TRAN ANH TUAN	*****774	1	CT10041126-CT10041126
CN SO GIAO DICH	TRAN ANH TUAN	*****814	3	CT10053529-CT10053531
CN HA DONG	TRAN ANH TUAN	*****909	20	CT10052514-CT10052533
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN ANH TUYEN	*****579	50	CT10098095-CT10098144
CN THANH XUAN	TRAN ANH VIET	*****744	2	CT10071379-CT10071380
CN HAI PHONG	TRAN ANH VINH	*****281	19	CT10003258-CT10003276
CN NHA TRANG	TRAN ANH VU	*****171	1	CT10119395-CT10119395
CN TAN BINH	TRAN ANH VU	*****349	7	CT10031392-CT10031398
CN QUANG NGAI	TRAN ANH VU	*****424	5	CT10030542-CT10030546
CN TP. HO CHI MINH	TRAN BA DUY	*****639	15	CT10109261-CT10109275
SEABANK LE DUAN	TRAN BA DUY DAT	*****205	2	CT10006461-CT10006462
PGD DAO TAN	TRAN BA HUNG	*****319	2	CT10029783-CT10029784
CN DA NANG	TRAN BA QUOC HUNG	*****981	1	CT10112460-CT10112460
CN DAK LAK	TRAN BA TAM	*****320	5	CT10129857-CT10129861
CN AN GIANG	TRAN BA THANH	*****605	5	CT10080783-CT10080787
PGD SOC SON	TRAN BA THUC	*****730	2	CT10106180-CT10106181
CN TAN BINH	TRAN BACH CHIEN	*****924	1	CT10137437-CT10137437
CN PHU MY HUNG	TRAN BACH DIEP	*****625	4	CT10103513-CT10103516
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN BAO LAN	*****923	20	DN10049400-DN10049419
HUB PAYROLL MB	TRAN BAO LINH	*****607	25	CT10122839-CT10122863
CN TIEN GIANG	TRAN BAO NGOC	*****433	2	CT10024175-CT10024176
PGD PHU HUNG	TRAN BAO PHUONG	*****691	2	CT10040957-CT10040958
PGD HO GUOM	TRAN BAO TRUNG	*****538	1	EB10000203-EB10000203
CN DAI AN	TRAN BAO TRUNG	*****980	1	EB10002535-EB10002535
CN DA NANG	TRAN BAY	*****693	21	CT10055498-CT10055518

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	TRAN BICH HUYEN	*****239	22	CT10104123-CT10104144
CN THANH XUAN	TRAN BICH NGOC	*****427	1	CT10098088-CT10098088
CN DAK LAK	TRAN BICH NGUYEN	*****698	3	DN10107314-DN10107316
CN HAI AN	TRAN BICH THUY	*****394	6	CT10048461-CT10048466
PGD HO TUNG MAU	TRAN BICH THUY	*****618	23	CT10167116-CT10167138
CN SO GIAO DICH	TRAN BICH VIET	*****069	2	CT10039660-CT10039661
CN HAI PHONG	TRAN BINH THANG	*****786	5	CT10011564-CT10011568
PGD VAN QUAN	TRAN BINH TRIEU	*****657	1	EB10003185-EB10003185
CN THANH XUAN	TRAN BINH TRONG	*****069	1	CT10095281-CT10095281
CN DAI AN	TRAN BINH TRONG	*****541	1	CT10096541-CT10096541
CN CAN THO	TRAN BUU LOC	*****338	15	CT10142073-CT10142077; TD10010061-TD10010070
CN THANH XUAN	TRAN CAO CUONG	*****912	3	CT10045648-CT10045650
CN TAN BINH	TRAN CAO MINH PHUONG	*****643	2	CT10012874-CT10012875
CN DONG NAI	TRAN CAO VU	*****408	1	CT10012449-CT10012449
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN CHI DUNG	*****416	1	CT10095698-CT10095698
CN SAI GON	TRAN CHI HIEU	*****163	7	CT10036627-CT10036633
CN DA NANG	TRAN CHINH	*****222	3	CT10140546-CT10140548
CN CA MAU	TRAN CONG BANG	*****270	1	EB10000716-EB10000716
CN DA NANG	TRAN CONG BAO THUC	*****785	10	CT10041893-CT10041902
CN LANG HA	TRAN CONG DON	*****465	4	CT10108260-CT10108263
PGD DI AN	TRAN CONG DUC	*****328	1	CT10131990-CT10131990
CN DA NANG	TRAN CONG HA LONG VU	*****658	5	CT10117163-CT10117167
CN NGHE AN	TRAN CONG HUY	*****450	35	CT10039256-CT10039290
CN SAI GON	TRAN CONG HUY	*****786	41	CT10147710-CT10147750
CN LANG HA	TRAN CONG HUY	*****919	1	EB10003074-EB10003074
PGD VAN QUAN	TRAN CONG LUAT	*****770	1	EB10003114-EB10003114
CN QUANG NGAI	TRAN CONG LY	*****962	5	TD10010426-TD10010430
CN SAI GON	TRAN CONG MINH NHAT	*****036	9	DN10081705-DN10081713
PGD KIM VAN	TRAN CONG SON	*****054	27	CT10161360-CT10161386
CN CA MAU	TRAN CONG THUC	*****417	179	CT10052674-CT10052739; DN10076298-DN10076405; TD10003271-TD10003275

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN CONG Y	*****169	1	EB10002523-EB10002523
CN CA MAU	TRAN DAC THUYET	*****596	1	CT10091641-CT10091641
PGD LE CHAN	TRAN DAI DONG	*****216	3	CT10135016-CT10135018
CN HA NOI	TRAN DAI NGHIA	*****373	4	CT10090370-CT10090373
CN HUE	TRAN DAI TIEN	*****552	8	CT10091882-CT10091889
PGD HA LONG	TRAN DANG DAN	*****195	16	DN10082958-DN10082973
CN DA NANG	TRAN DANG HAI	*****895	3	CT10026333-CT10026335
CN HAI PHONG	TRAN DANG HUNG	*****105	3	CT10020067-CT10020069
CN DONG DA	TRAN DANG KHANH	*****840	1	CT10065214-CT10065214
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN DANG KHOA	*****714	25	CT10109517-CT10109541
CN DAK LAK	TRAN DANG KHOA	*****851	4	CT10021174-CT10021177
PGD TAY HO	TRAN DANG KIEN	*****853	2	CT10047224-CT10047225
CN DAI AN	TRAN DANG QUAN	*****472	22	CT10085687-CT10085708
CN DA NANG	TRAN DANG TRINH	*****478	37	CT10059132-CT10059168
CN HAI PHONG	TRAN DANG TRUONG	*****943	57	CT10056504-CT10056512; DN10086339-DN10086381; TD10004106-TD10004110
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN DANH CHUYEN	*****666	26	DN10105539-DN10105558; EB10002475-EB10002475; TD10007506-TD10007510
CN BAC NINH	TRAN DANH TUAN	*****004	1	CT10164832-CT10164832
PGD TO HIEU	TRAN DANH TUYEN	*****892	9	CT10063807-CT10063815
PGD THANH CONG	TRAN DIEM LE	*****420	21	CT10101145-CT10101165
PGD DA KAO	TRAN DIEU HUONG	*****704	1	CT10062370-CT10062370
PGD PHO YEN	TRAN DIEU LINH	*****537	2	CT10129049-CT10129050
CN SO GIAO DICH	TRAN DIEU LY	*****065	6	CT10094009-CT10094014
CN TAN PHU	TRAN DIEU NGA	*****093	2	CT10056142-CT10056143
PGD THANH CONG	TRAN DINH BINH	*****601	50	CT10097993-CT10098042
CN HA TINH	TRAN DINH BINH	*****357	1	EB10001300-EB10001300
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN DINH CANH	*****260	2	CT10044070-CT10044071
CN HAI PHONG	TRAN DINH CAO	*****284	12	CT10087820-CT10087831
CN SO GIAO DICH	TRAN DINH CHUONG	*****825	7	CT10077070-CT10077076
PGD HO TUNG MAU	TRAN DINH CUONG	*****602	1	EB10002328-EB10002328
PGD THU DUC	TRAN DINH DIEN	*****372	2	CT10098639-CT10098640
PGD PHO YEN	TRAN DINH DUONG	*****915	1	EB10001008-EB10001008
CN BINH DUONG	TRAN DINH DUY	*****785	1	EB10001899-EB10001899

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	TRAN DINH GIANG	*****195	31	CT10113187-CT10113217
CN HAI PHONG	TRAN DINH HAI	*****186	3	CT10052465-CT10052467
PGD HO TUNG MAU	TRAN DINH HIEP	*****477	12	CT10119248-CT10119259
HUB PAYROLL MB	TRAN DINH HIEU	*****451	10	CT10085961-CT10085970
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN DINH HUY	*****725	5	CT10034552-CT10034556
PGD YEN PHU	TRAN DINH KHOA	*****935	1	EB10002699-EB10002699
PGD TRAN PHU	TRAN DINH KIEN	*****867	2	CT10124907-CT10124908
CN THANH XUAN	TRAN DINH LONG	*****746	22	CT10154628-CT10154649
PGD CAM PHA	TRAN DINH LUONG	*****409	10	DN10062798-DN10062807
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN DINH MANH	*****109	25	CT10051724-CT10051748
CN THAI NGUYEN	TRAN DINH MINH	*****848	3	CT10119883-CT10119885
CN DA NANG	TRAN DINH QUANG	*****080	1	CT10043229-CT10043229
CN DA NANG	TRAN DINH QUOC	*****587	11	CT10031168-CT10031178
CN BAC NINH	TRAN DINH THANG	*****366	3	CT10050276-CT10050278
CN SAI GON	TRAN DINH THIEN	*****336	19	CT10040444-CT10040462
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN DINH THUONG	*****165	3	CT10041622-CT10041624
PGD THANH CONG	TRAN DINH TUNG	*****887	15	CT10098383-CT10098397
CN DA NANG	TRAN DINH VIET TRUNG	*****494	2	CT10078472-CT10078473
CN QUANG NGAI	TRAN DO DONG SUONG	*****344	2	CT10155408-CT10155409
PGD BA TRIEU	TRAN DO THANH THUY	*****353	10	CT10045713-CT10045722
PGD KHAM THIEN	TRAN DOAI	*****276	6	CT10122715-CT10122720
HUB PAYROLL MB	TRAN DOAN HUNG	*****263	19	CT10077256-CT10077274
PGD YEN PHU	TRAN DOAN HUNG	*****418	7	CT10110331-CT10110337
CN TAN BINH	TRAN DOAN TAI	*****140	1	CT10155033-CT10155033
CN NHA TRANG	TRAN DONG GIANG	*****246	1	CT10014006-CT10014006
CN DAI AN	TRAN DUC	*****787	2	CT10085149-CT10085150
HUB PAYROLL MB	TRAN DUC ANH	*****559	23	CT10159537-CT10159559
CN THAI NGUYEN	TRAN DUC ANH	*****541	1	CT10166668-CT10166668
CN THAI NGUYEN	TRAN DUC ANH	*****762	1	EB10002838-EB10002838
CN TAN PHU	TRAN DUC BUU	*****760	9	CT10096824-CT10096832
PGD NGO GIA TU	TRAN DUC DANG	*****348	1	CT10118248-CT10118248
CN TP. HO CHI MINH	TRAN DUC DO	*****185	1	EB10002738-EB10002738

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN LA	TRAN DUC DUNG	*****666	17	CT10043385-CT10043401
CN VUNG TAU	TRAN DUC DUNG	*****088	1	CT10125634-CT10125634
CN BAC NINH	TRAN DUC DUNG	*****372	6	CT10137582-CT10137587
CN DAI AN	TRAN DUC HAI	*****574	6	CT10007646-CT10007651
CN HAI PHONG	TRAN DUC HANH	*****414	1	CT10073238-CT10073238
PGD MY CA	TRAN DUC HAO	*****029	1	EB10002607-EB10002607
CN DA NANG	TRAN DUC HIEN	*****468	1	CT10051942-CT10051942
CN CAU GIAY	TRAN DUC HIEP	*****742	1	EB10001432-EB10001432
CN CAU GIAY	TRAN DUC HIEU	*****614	3	CT10132650-CT10132652
CN HAI PHONG	TRAN DUC HOAN	*****139	3	CT10162812-CT10162814
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN DUC HOANG	*****518	19	CT10108294-CT10108312
CN VUNG TAU	TRAN DUC HUNG	*****303	10	CT10111136-CT10111145
CN HA NOI	TRAN DUC HUNG	*****324	3	CT10039865-CT10039867
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN DUC HUYNH	*****097	5	CT10011517-CT10011521
CN HA NOI	TRAN DUC KIEN	*****250	7	CT10097617-CT10097623
PGD QUAN THANH	TRAN DUC KIEN	*****406	71	CT10092425-CT10092434; DN10043858-DN10043907; EB10003273-EB10003273; TD10009886-TD10009895
CN TAN BINH	TRAN DUC LAM	*****967	101	DN10024578-DN10024677; EB10000583-EB10000583
CN DA NANG	TRAN DUC LAN	*****966	3	CT10125333-CT10125335
PGD VAN XUAN	TRAN DUC LAP	*****724	28	CT10113882-CT10113909
HUB PAYROLL MB	TRAN DUC LOI	*****004	20	CT10084598-CT10084617
CN DONG DA	TRAN DUC MINH	*****168	56	CT10013893-CT10013948
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN DUC NGHIA	*****874	20	CT10070737-CT10070756
CN DONG DA	TRAN DUC PHU	*****057	9	CT10165984-CT10165992
CN BAC NINH	TRAN DUC QUAN	*****170	5	CT10093115-CT10093119
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN DUC TAM	*****295	10	CT10063422-CT10063431
PGD TRAN HUNG DAO	TRAN DUC THANG	*****533	10	CT10108267-CT10108276
PGD TO HIEU	TRAN DUC THANG	*****718	10	CT10052597-CT10052606
CN TP. HO CHI MINH	TRAN DUC THANH	*****284	4	CT10163041-CT10163044
CN TAN BINH	TRAN DUC THIEN	*****391	3	CT10036426-CT10036428

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MN	TRAN DUC THO	*****918	10	CT10072143-CT10072152
CN LANG HA	TRAN DUC TIEN	*****171	9	CT10000278-CT10000286
PGD VAN QUAN	TRAN DUC TIEN	*****914	12	CT10161685-CT10161696
PGD NGOC LAM	TRAN DUC TOAN	*****625	25	CT10022637-CT10022661
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN DUC TOAN	*****641	43	DN10008193-DN10008235
CN NHA TRANG	TRAN DUC TRI	*****375	1	EB10000759-EB10000759
CN THANH XUAN	TRAN DUC TRUNG	*****366	1	EB10002461-EB10002461
CN HAI PHONG	TRAN DUC TRUNG	*****855	3	CT10018432-CT10018434
CN HA NOI	TRAN DUC VAN	*****066	11	CT10123273-CT10123283
PGD TON DAN	TRAN DUC VAN	*****547	10	CT10023981-CT10023990
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN DUC VAN	*****685	16	CT10084913-CT10084928
CN BINH DUONG	TRAN DUC VAN	*****020	5	CT10124166-CT10124170
PGD LACH TRAY 1	TRAN DUC VIET	*****764	9	CT10029876-CT10029879; TD10010296-TD10010300
PGD KHAM THIEN	TRAN DUNG	*****938	22	CT10079395-CT10079416
CN THANH XUAN	TRAN DUNG HANH	*****608	3	CT10044189-CT10044191
CN NHA TRANG	TRAN DUY ANH	*****614	1	EB10000863-EB10000863
CN DAI AN	TRAN DUY CUONG	*****580	1	CT10030030-CT10030030
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN DUY DINH	*****077	24	CT10019573-CT10019596
CN DA NANG	TRAN DUY HAI	*****593	1	CT10036636-CT10036636
CN BINH DINH	TRAN DUY HAN	*****122	2	CT10032480-CT10032481
PGD PHU LAM	TRAN DUY HUNG	*****823	44	CT10079199-CT10079242
CN HA DONG	TRAN DUY HUNG	*****904	20	CT10003979-CT10003998
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN DUY KHANG	*****165	1	CT10139237-CT10139237
CN LONG BIEN	TRAN DUY KHANH	*****805	10	CT10153897-CT10153906
CN HAI PHONG	TRAN DUY KHANH	*****264	5	TD10006451-TD10006455
PGD NGO GIA TU	TRAN DUY KHANH	*****657	1	CT10077304-CT10077304
HUB PAYROLL MB	TRAN DUY LINH	*****131	12	CT10009186-CT10009197
PGD DONG CAT	TRAN DUY LINH	*****247	5	CT10139399-CT10139403
CN DA NANG	TRAN DUY NGUYEN	*****190	1	CT10085058-CT10085058
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN DUY NINH	*****834	3	CT10128141-CT10128143
PGD QUAN THANH	TRAN DUY PHUONG	*****291	9	CT10090184-CT10090192
CN SO GIAO DICH	TRAN DUY QUANG	*****728	1	CT10091472-CT10091472
CN DA NANG	TRAN DUY THAI	*****646	57	CT10075301-CT10075357

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BAC NINH	TRAN DUY THUC	*****566	1	CT10050167-CT10050167
PGD HO DAC DI	TRAN DUY TUNG	*****246	3	CT10003018-CT10003020
CN SAI GON	TRAN GIA HUE	*****893	1	CT10013970-CT10013970
PGD CONG HOA	TRAN HA DIEM KHA	*****228	14	CT10133098-CT10133111
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN HA HAI	*****998	9	CT10143362-CT10143370
CN SAI GON	TRAN HA NGUYEN	*****663	1	EB10001066-EB10001066
CN HUE	TRAN HA PHUONG TIEN	*****333	3	CT10132098-CT10132100
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN HA QUYNH DAO	*****278	19	CT10104282-CT10104300
CN DAI AN	TRAN HAI DANG	*****216	1	EB10000211-EB10000211
PGD THANH SEN	TRAN HAI HAU	*****776	9	CT10130310-CT10130318
CN HAI PHONG	TRAN HAI TUYEN	*****055	24	CT10026361-CT10026366; DN10046226-DN10046237; EB10000629-EB10000629; TD10010201-TD10010205
CN DA NANG	TRAN HAI VAN	*****753	9	CT10045970-CT10045978
PGD LE THAI TO	TRAN HAI VIET	*****384	12	CT10015476-CT10015487
CN SO GIAO DICH	TRAN HAI YEN	*****236	1	CT10008171-CT10008171
CN HA DONG	TRAN HANH LINH	*****995	7	CT10142712-CT10142718
PGD BOTANIC	TRAN HAU DANH	*****073	1	CT10016621-CT10016621
CN LONG BIEN	TRAN HAU THANH	*****880	3	CT10028385-CT10028387
CN TAN BINH	TRAN HIEN SI	*****776	1	EB10001985-EB10001985
CN SAI GON	TRAN HIEN TIN NGHIA	*****792	4	CT10034006-CT10034009
PGD BOTANIC	TRAN HIEU HOC	*****557	1	EB10001699-EB10001699
PGD HO NAI	TRAN HIEU LAM	*****514	1	CT10123363-CT10123363
CN CA MAU	TRAN HIEU VEN	*****735	1	EB10002260-EB10002260
PGD CAM RANH	TRAN HO CHI TRUNG	*****687	24	DN10002952-DN10002975
PGD QUAN 11	TRAN HO PHUONG NAM	*****014	5	CT10119886-CT10119890
PGD LE THAI TO	TRAN HOAI DIEP	*****923	25	CT10155954-CT10155978
PGD LAC LONG QUAN	TRAN HOAI MINH	*****711	2	CT10149516-CT10149517
PGD DAO TAN	TRAN HOAI NAM	*****556	1	EB10000814-EB10000814
PGD DAO TAN	TRAN HOAI NAM	*****804	9	CT10127153-CT10127161
PGD HOANG DIEU	TRAN HOAI NAM	*****815	1	CT10031125-CT10031125
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN HOAI NAM	*****937	19	CT10093144-CT10093162
PGD HA LONG	TRAN HOAI THU	*****902	10	TD10010651-TD10010660

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	TRAN HOAI THUONG	*****075	12	CT10101077-CT10101088
PGD TAY HO	TRAN HOAN	*****288	10	CT10133316-CT10133325
CN HA NOI	TRAN HOANG	*****562	1	CT10052620-CT10052620
HUB THE CHAP MB 1	TRAN HOANG	*****992	1	CT10164366-CT10164366
PGD CAM PHA	TRAN HOANG ANH	*****750	5	CT10001952-CT10001956
CN TIEN GIANG	TRAN HOANG ANH	*****838	50	DN10059754-DN10059797; EB10001236-EB10001236; TD10000271-TD10000275
CN SO GIAO DICH	TRAN HOANG ANH	*****907	15	CT10158989-CT10159003
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN HOANG DUNG	*****581	10	CT10133857-CT10133866
CN DAK LAK	TRAN HOANG HIEP	*****857	1	CT10052596-CT10052596
CN CAN THO	TRAN HOANG NAM	*****169	1	CT10089008-CT10089008
CN DA NANG	TRAN HOANG NAM	*****998	4	CT10103104-CT10103107
CN NHA TRANG	TRAN HOANG PHUC	*****741	1	EB10003170-EB10003170
PGD BOTANIC	TRAN HOANG PHUONG THUY	*****971	2	CT10137768-CT10137769
PGD CAM PHA	TRAN HOANG THAI	*****379	31	CT10075422-CT10075437; TD10007836-TD10007850
CN HA DONG	TRAN HOANG THAI	*****397	20	CT10120535-CT10120554
HUB THE CHAP MB 2	TRAN HOANG THANH	*****097	10	CT10127029-CT10127038
CN NGHE AN	TRAN HOANG THAO	*****854	80	DN10088339-DN10088418
CN CA MAU	TRAN HOANG TRUNG	*****446	115	CT10025405-CT10025414; DN10039184-DN10039282; EB10003174-EB10003174; TD10009506-TD10009510
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN HOANG TU	*****487	5	CT10038708-CT10038712
PGD LIM	TRAN HOANG TUNG LINH	*****682	4	CT10042410-CT10042413
PGD MY CA	TRAN HOANG VIET	*****205	2	CT10157880-CT10157881
PGD TUYEN SON	TRAN HOANG VU	*****047	1	EB10001305-EB10001305
PGD SAO MAI	TRAN HOANG VU	*****306	1	CT10136897-CT10136897
CN CAU GIAY	TRAN HONG HANH	*****962	1	CT10000396-CT10000396
PGD HO DAC DI	TRAN HONG HIEU	*****361	5	TD10009536-TD10009540
PGD TRAN PHU	TRAN HONG NHUNG	*****365	10	CT10042101-CT10042110
PGD THAI THINH	TRAN HONG NHUNG	*****842	1	CT10114291-CT10114291
PGD KIM VAN	TRAN HONG PHUC	*****405	1	EB10001841-EB10001841

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DICH	TRAN HONG PHUONG	*****331	6	CT10044698-CT10044703
CN DAI AN	TRAN HONG QUAN	*****553	5	CT10141016-CT10141020
PGD LE QUANG DINH	TRAN HONG QUAN	*****687	4	CT10105894-CT10105897
CN TAN BINH	TRAN HONG QUAN	*****448	2	CT10134932-CT10134933
CN THAI NGUYEN	TRAN HONG QUAN	*****930	5	CT10001522-CT10001526
PGD DAO TAN	TRAN HONG QUAN	*****486	25	CT10020504-CT10020528
CN THANH HOA	TRAN HOP DUC	*****650	5	TD10009231-TD10009235
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN HOP DUNG	*****509	12	CT10129973-CT10129984
CN HA NOI	TRAN HUONG DUONG	*****154	3	CT10108252-CT10108254
CN DAI AN	TRAN HUONG GIANG	*****860	5	CT10028095-CT10028099
CN HA TINH	TRAN HUONG LY	*****511	5	TD10005491-TD10005495
CN SO GIAO DICH	TRAN HUU CUONG	*****223	1	EB10002659-EB10002659
PGD KIM VAN	TRAN HUU DE	*****704	1	EB10002916-EB10002916
CN HUE	TRAN HUU HA	*****464	2	CT10021553-CT10021554
CN KIEN GIANG	TRAN HUU HIEN	*****549	1	EB10000824-EB10000824
CN CAN THO	TRAN HUU HIEU	*****133	1	EB10000974-EB10000974
CN BINH DINH	TRAN HUU HOANG	*****585	1	EB10003243-EB10003243
PGD QUAN 11	TRAN HUU LOC	*****819	49	CT10023839-CT10023887
PGD TUYEN SON	TRAN HUU LOC	*****870	26	DN10064825-DN10064844; EB10001504-EB10001504; TD10001061-TD10001065
CN LONG BIEN	TRAN HUU NAM	*****518	4	CT10023261-CT10023264
CN TAN THANH	TRAN HUU NHIEM	*****481	41	DN10044423-DN10044462; EB10003283-EB10003283
PGD CONG HOA	TRAN HUU NHON	*****127	1	EB10003316-EB10003316
CN DA NANG	TRAN HUU PHU	*****684	2	CT10074050-CT10074051
CN TAN PHU	TRAN HUU PHUOC	*****363	91	DN10074682-DN10074766; EB10001766-EB10001766; TD10002121-TD10002125
CN TAN PHU	TRAN HUU PHUOC	*****403	4	CT10026405-CT10026408
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN HUU PHUOC	*****903	1	CT10093541-CT10093541
CN HAI AN	TRAN HUU QUANG	*****697	23	CT10133075-CT10133097
CN TP. HO CHI MINH	TRAN HUU QUANG	*****226	3	CT10138013-CT10138015
PGD TU SON	TRAN HUU THE	*****436	1	EB10000660-EB10000660
PGD TO HIEU	TRAN HUU THIEN	*****644	2	CT10100667-CT10100668
PGD YEN PHU	TRAN HUU TIEN	*****348	99	CT10049797-CT10049895

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 2	TRAN HUU TRUNG	*****042	70	DN10004494-DN10004563
PGD KIM VAN	TRAN HUU TUAN	*****592	75	CT10123836-CT10123910
CN HA NOI	TRAN HUU VUONG	*****285	60	DN10029659-DN10029718
PGD TO HIEU	TRAN HUY	*****985	11	CT10140758-CT10140768
PGD VAN XUAN	TRAN HUY ANH	*****312	13	CT10108239-CT10108251
PGD TRAN HUNG DAO	TRAN HUY BAO	*****174	1	CT10085498-CT10085498
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN HUY HUNG	*****212	1	CT10160103-CT10160103
CN HAI PHONG	TRAN HUY HUNG	*****409	4	CT10002159-CT10002162
CN HAI PHONG	TRAN HUY HUNG	*****708	2	CT10078350-CT10078351
CN CAU GIAY	TRAN HUY TAN	*****050	4	CT10031935-CT10031938
CN SO GIAO DICH	TRAN HUY THANG	*****713	1	EB10002621-EB10002621
CN VINH PHUC	TRAN HUYEN TRANG	*****891	4	CT10111489-CT10111492
HUB PAYROLL MB	TRAN HUYEN TRANG	*****004	3	CT10138468-CT10138470
CN HA NOI	TRAN HUYEN TRANG	*****724	10	TD10007411-TD10007420
CN SAI GON	TRAN HUYNH	*****295	9	CT10008434-CT10008442
CN TIEN GIANG	TRAN HUYNH HAI DANG	*****167	6	CT10078644-CT10078649
CN SAI GON	TRAN HUYNH MINH NGOC	*****721	6	CT10117966-CT10117971
HUB THE CHAP MN	TRAN HUYNH QUOC	*****971	80	CT10091911-CT10091913; DN10043763-DN10043829; TD10009901-TD10009910
CN DA NANG	TRAN HUYNH THY DIEM	*****340	9	CT10017005-CT10017013
CN CAN THO	TRAN KE TRI TUE	*****061	1	CT10053020-CT10053020
CN TP. HO CHI MINH	TRAN KHA KIEU KHANH	*****262	5	CT10036689-CT10036693
PGD KHANH HOI	TRAN KHA TU	*****144	1	EB10000665-EB10000665
PGD THANH SEN	TRAN KHAC THOAI	*****857	14	CT10044440-CT10044453
PGD QUAN THANH	TRAN KHANH DUNG	*****022	1	CT10036999-CT10036999
PGD TAY HO	TRAN KHANH HIEP	*****853	20	CT10139943-CT10139962
PGD NGUYEN CONG TRU	TRAN KHANH LINH	*****429	1	EB10002193-EB10002193
CN CAU GIAY	TRAN KHANH LINH	*****578	7	CT10100914-CT10100920
CN VUNG TAU	TRAN KHANH LINH	*****730	1	EB10003259-EB10003259
CN THANH XUAN	TRAN KHANH LONG	*****796	50	CT10059993-CT10060042

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	TRAN KHANH LY	*****749	18	CT10009045-CT10009062
CN TP. HO CHI MINH	TRAN KHANH TRUNG	*****097	1	EB10000061-EB10000061
CN HUE	TRAN KIEM VIET	*****893	7	CT10147099-CT10147105
CN HA DONG	TRAN KIEU CHUNG	*****951	57	CT10044758-CT10044814
CN DAI AN	TRAN KIEU VAN	*****166	6	CT10109357-CT10109362
CN SAI GON	TRAN KIM ANH	*****854	2	CT10156745-CT10156746
CN VUNG TAU	TRAN KIM CHI	*****883	2	CT10132729-CT10132730
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN KIM HAI	*****838	20	CT10092315-CT10092334
CN VUNG TAU	TRAN KIM HUONG	*****383	5	DN10092495-DN10092499
CN SAI GON	TRAN KIM KHOI	*****217	2	CT10134710-CT10134711
CN TAN THANH	TRAN KIM NHAN	*****320	12	CT10111854-CT10111865
CN KIEN GIANG	TRAN KIM NHI	*****558	5	CT10150559-CT10150563
CN HA NOI	TRAN KIM OANH	*****231	2	CT10008659-CT10008660
CN LANG HA	TRAN KIM PHUONG	*****367	4	CT10087319-CT10087322
PGD DOI CAN	TRAN KIM QUE	*****123	8	CT10077154-CT10077161
HUB THE CHAP MN	TRAN KIM THAO	*****844	6	CT10000432-CT10000437
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN KIM TUAN	*****294	3	CT10086310-CT10086312
PGD TAN PHAT	TRAN KIM TUAN	*****294	1	EB10001975-EB10001975
PGD MY DINH	TRAN LAM	*****065	1	CT10112590-CT10112590
CN THANH HOA	TRAN LAM VU	*****854	1	EB10000376-EB10000376
PGD KIM LIEN	TRAN LAN ANH	*****595	6	CT10122091-CT10122096
PGD LE VAN SY	TRAN LAN CHI	*****381	24	CT10144058-CT10144081
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN LE LAN ANH	*****446	5	CT10088077-CT10088081
PGD TUYEN SON	TRAN LE LY	*****787	2	CT10080011-CT10080012
CN DAK LAK	TRAN LE NA	*****272	1	CT10137269-CT10137269
CN TP. HO CHI MINH	TRAN LE NGOC NGAN	*****399	1	EB10001366-EB10001366
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN LE QUYEN	*****889	16	CT10059336-CT10059351
PGD VINH HOANG	TRAN LE QUYNH	*****082	10	CT10103176-CT10103185
CN SO GIAO DICH	TRAN LE QUYNH ANH	*****866	9	CT10148248-CT10148256
CN NHA TRANG	TRAN LE THANH TRUC	*****622	1	EB10002380-EB10002380
PGD BA RIA	TRAN LE THAO NGHI	*****630	1	CT10152669-CT10152669
CN SAI GON	TRAN LE TRUNG NHU	*****669	4	CT10166091-CT10166094

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG NAI	TRAN LOC	*****322	3	CT10042846-CT10042848
CN HAI DUONG	TRAN LONG HOANG	*****457	10	CT10035608-CT10035617
HUB PAYROLL MB	TRAN MAI ANH	*****427	23	CT10045886-CT10045908
CN BINH DUONG	TRAN MAI DONG	*****383	2	CT10023159-CT10023160
PGD HAN THUYEN	TRAN MAI DUNG	*****339	7	CT10082964-CT10082970
CN THANH XUAN	TRAN MAI LAN	*****119	2	CT10143043-CT10143044
CN HA TINH	TRAN MAI TRAM	*****241	4	CT10074913-CT10074916
PGD LAN ONG	TRAN MANH CUONG	*****992	21	CT10124635-CT10124655
CN DA NANG	TRAN MANH CUONG	*****390	15	CT10160359-CT10160373
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN MANH DAT	*****025	5	DN10005117-DN10005121
PGD XUAN LA	TRAN MANH DAT	*****382	10	CT10091621-CT10091630
CN BAC NINH	TRAN MANH DUC	*****112	10	CT10033321-CT10033330
CN TAN BINH	TRAN MANH DUC	*****790	199	CT10032125-CT10032323
CN THANH XUAN	TRAN MANH DUNG	*****002	9	CT10109449-CT10109457
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN MANH HA	*****665	40	CT10154303-CT10154342
PGD NGUYEN TRAI	TRAN MANH HAI	*****522	13	CT10129901-CT10129913
CN SO GIAO DICH	TRAN MANH HOP	*****365	4	CT10037178-CT10037181
CN DA NANG	TRAN MANH HUNG	*****189	80	DN10091225-DN10091304
CN BAC NINH	TRAN MANH HUNG	*****662	1	EB10001793-EB10001793
CN DONG NAI	TRAN MANH HUNG	*****836	1	CT10109130-CT10109130
CN DAI AN	TRAN MANH HUNG	*****747	5	CT10042391-CT10042395
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN MANH LINH	*****618	25	CT10165308-CT10165332
CN LANG HA	TRAN MANH THANG	*****313	7	CT10135021-CT10135027
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN MANH THANG	*****913	15	CT10062493-CT10062497; TD10005321-TD10005330
CN HAI AN	TRAN MANH THANG	*****981	1	CT10078050-CT10078050
PGD XUAN LA	TRAN MANH TIEN	*****086	55	CT10109302-CT10109356
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN MANH TIEN	*****406	41	CT10110073-CT10110113
CN DAK LAK	TRAN MANH TIEN	*****691	2	CT10037523-CT10037524
CN DAI AN	TRAN MANH TRUNG	*****329	1	CT10089992-CT10089992
HUB PAYROLL MB	TRAN MANH TUNG	*****042	25	CT10077219-CT10077243
PGD VAN QUAN	TRAN MANH TUNG	*****178	15	CT10008667-CT10008681
CN THANH XUAN	TRAN MANH TUNG	*****513	1	CT10045804-CT10045804
CN DA NANG	TRAN MINH BAO	*****273	9	CT10080411-CT10080419
CN DONG DA	TRAN MINH CHINH	*****382	1	CT10083814-CT10083814
PGD PHO YEN	TRAN MINH CONG	*****026	1	CT10046731-CT10046731

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	TRAN MINH CUONG	*****962	1	EB10000509-EB10000509
PGD MY CA	TRAN MINH CUONG	*****790	2	CT10071689-CT10071690
PGD HOANG DIEU	TRAN MINH DOANH	*****228	1	CT10152412-CT10152412
PGD VINH HAI	TRAN MINH DONG	*****407	1	CT10149713-CT10149713
CN TAN THANH	TRAN MINH DUC	*****620	12	CT10126046-CT10126057
CN CAU GIAY	TRAN MINH DUC	*****840	29	CT10072006-CT10072034
CN THANH XUAN	TRAN MINH DUC	*****926	1	EB10002390-EB10002390
CN THAI NGUYEN	TRAN MINH DUC	*****307	6	CT10100127-CT10100132
CN CAU GIAY	TRAN MINH DUC	*****626	23	CT10033471-CT10033493
HUB PAYROLL MB	TRAN MINH DUC	*****830	21	CT10118177-CT10118197
CN DA NANG	TRAN MINH DUC	*****846	30	DN10005998-DN10006022; TD10006046-TD10006050
CN SAI GON	TRAN MINH HIEU	*****794	6	CT10023833-CT10023838
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN MINH HOANG	*****562	74	CT10161241-CT10161314
CN DAK LAK	TRAN MINH HOANG	*****939	23	CT10102248-CT10102270
HUB PAYROLL MB	TRAN MINH HUE	*****397	24	CT10164173-CT10164196
CN THANH XUAN	TRAN MINH HUNG	*****742	3	CT10013104-CT10013106
HUB PAYROLL MB	TRAN MINH HUY	*****913	20	CT10020899-CT10020918
PGD THAI THINH	TRAN MINH KHUE	*****829	1	CT10115645-CT10115645
CN TIEN GIANG	TRAN MINH MAN	*****490	1	CT10000361-CT10000361
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN MINH NGOC	*****284	1	CT10024611-CT10024611
CN BINH DUONG	TRAN MINH PHONG	*****828	7	CT10079052-CT10079058
CN BINH DINH	TRAN MINH PHU	*****559	6	CT10107820-CT10107824; DN10070472-DN10070472
HUB PAYROLL MB	TRAN MINH PHUONG	*****485	1	CT10051671-CT10051671
CN SO GIAO DICH	TRAN MINH PHUONG	*****767	12	CT10102007-CT10102018
HUB PAYROLL MB	TRAN MINH QUANG	*****218	25	CT10160799-CT10160823
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN MINH QUANG	*****594	20	DN10054080-DN10054099
CN DONG DA	TRAN MINH SON	*****381	1	CT10108150-CT10108150
PGD HOA BINH	TRAN MINH THANG	*****653	1	CT10129418-CT10129418
CN DA NANG	TRAN MINH THANG	*****096	3	CT10105908-CT10105910
CN DA NANG	TRAN MINH TOAN	*****046	12	CT10055144-CT10055155
PGD CONG HOA	TRAN MINH TOAN	*****492	1	CT10044336-CT10044336
PGD LY THUONG KIET-DN	TRAN MINH TRI	*****539	6	CT10037677-CT10037682
CN DAI AN	TRAN MINH TUAN	*****265	43	CT10111498-CT10111540

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN MINH TUAN	*****423	4	CT10056238-CT10056241
HUB THE CHAP MN	TRAN MINH TUAN	*****230	5	CT10085222-CT10085226
CN DONG NAI	TRAN MINH TUAN	*****255	12	CT10007033-CT10007039; TD10007406-TD10007410
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN MINH TUAN	*****278	1	EB10002483-EB10002483
CN HUE	TRAN MINH TUAN	*****321	1	CT10094008-CT10094008
CN THANH XUAN	TRAN MINH TUAN	*****990	1	CT10137040-CT10137040
CN CAU GIAY	TRAN MINH TUNG	*****899	4	CT10101653-CT10101656
CN AN GIANG	TRAN MINH TUYEN	*****141	1	CT10030210-CT10030210
PGD HUNG VUONG	TRAN MY AN	*****147	8	CT10054658-CT10054665
CN SAI GON	TRAN MY CHAU	*****188	12	CT10055593-CT10055604
PGD DI AN	TRAN MY HA	*****152	11	CT10076784-CT10076794
CN TAN PHU	TRAN MY HOANG	*****597	81	DN10040039-DN10040118; EB10003204-EB10003204
PGD QUAN 11	TRAN MY LINH	*****198	3	CT10104779-CT10104781
PGD TRUNG HOA	TRAN MY LINH	*****575	1	CT10106919-CT10106919
CN DAI AN	TRAN MY LINH	*****927	49	DN10056378-DN10056421; TD10000031-TD10000035
CN SAI GON	TRAN MY PHUNG	*****788	14	CT10153483-CT10153496
PGD XUAN KHANH	TRAN MY THANH LAM	*****181	9	CT10134527-CT10134535
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN NAM	*****314	4	CT10088305-CT10088308
CN SO GIAO DICH	TRAN NAM ANH	*****603	3	CT10125903-CT10125905
CN BAC NINH	TRAN NAM CHUNG	*****032	5	CT10070839-CT10070843
CN DONG NAI	TRAN NAM HIEU	*****224	3	CT10048939-CT10048941
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN NAM HOAN	*****213	1	CT10119152-CT10119152
CN CAU GIAY	TRAN NAM SON	*****896	14	CT10036429-CT10036442
CN BINH DUONG	TRAN NAM TAN	*****920	1	CT10128044-CT10128044
CN TIEN GIANG	TRAN NAM TINH TIEN	*****062	10	CT10058203-CT10058212
PGD BACH DANG	TRAN NAM TRUNG	*****139	6	CT10013266-CT10013271
CN HA NOI	TRAN NGOC AN	*****296	87	CT10105207-CT10105212; DN10070122-DN10070197; TD10001641-TD10001645
CN HA NOI	TRAN NGOC ANH	*****560	16	CT10002020-CT10002035
CN QUANG NINH	TRAN NGOC ANH	*****108	1	CT10058653-CT10058653
CN DAI AN	TRAN NGOC ANH	*****510	1	CT10038902-CT10038902

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	TRAN NGOC ANH	*****762	2	CT10020499-CT10020500
PGD AU CO	TRAN NGOC BAO	*****072	1	CT10064842-CT10064842
PGD DAI KIM	TRAN NGOC BINH	*****052	25	CT10161637-CT10161661
CN VUNG TAU	TRAN NGOC BON	*****163	1	CT10020066-CT10020066
CN AN GIANG	TRAN NGOC CHAU	*****014	1	EB10002668-EB10002668
PGD QUAN 11	TRAN NGOC CHI	*****191	1	CT10076135-CT10076135
PGD LAC LONG QUAN	TRAN NGOC CHIEN	*****832	300	DN10032284-DN10032583
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN NGOC CHUC	*****362	27	CT10064278-CT10064304
CN SO GIAO DICH	TRAN NGOC CHUNG	*****649	1	CT10067811-CT10067811
PGD MY CA	TRAN NGOC CUONG	*****130	1	CT10037320-CT10037320
CN NHA TRANG	TRAN NGOC DANG KHOA	*****763	1	EB10001501-EB10001501
CN DAI AN	TRAN NGOC DIEP	*****324	26	CT10134440-CT10134465
CN DAI AN	TRAN NGOC DIEP	*****674	5	CT10053409-CT10053413
CN AN GIANG	TRAN NGOC DINH	*****998	6	CT10063609-CT10063614
SEABANK LE DUAN	TRAN NGOC DO QUYEN	*****680	15	CT10121653-CT10121667
HUB THE CHAP MB 1	TRAN NGOC DUC	*****153	1	CT10100288-CT10100288
PGD LAC LONG QUAN	TRAN NGOC DUONG	*****111	1	EB10003274-EB10003274
CN DAI AN	TRAN NGOC DUONG	*****162	6	CT10099388-CT10099393
PGD TUYEN SON	TRAN NGOC DUY	*****612	10	CT10083502-CT10083511
PGD THAI THINH	TRAN NGOC HA	*****844	54	CT10136000-CT10136053
CN TAN THANH	TRAN NGOC HA	*****143	7	CT10140895-CT10140901
CN HUE	TRAN NGOC HA	*****638	8	CT10061138-CT10061145
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN NGOC HA	*****981	1	CT10025681-CT10025681
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN NGOC HAI	*****087	25	CT10140672-CT10140696
CN DONG DA	TRAN NGOC HAI	*****338	41	CT10003999-CT10004039
PGD HOANG DIEU	TRAN NGOC HAU	*****447	26	CT10048378-CT10048403
PGD LE CHAN	TRAN NGOC HIEP	*****399	40	CT10160223-CT10160227; DN10093533-DN10093562; TD10005036-TD10005040
PGD QUAN 1	TRAN NGOC HOAN	*****220	5	TD10006006-TD10006010
PGD QUANG PHU	TRAN NGOC HOAN	*****958	1	EB10001233-EB10001233

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HO TUNG MAU	TRAN NGOC HUE	*****894	7	CT10038585-CT10038591
PGD HO TUNG MAU	TRAN NGOC HUNG	*****544	11	CT10108316-CT10108326
CN NHA TRANG	TRAN NGOC HUY	*****545	1	EB10003035-EB10003035
CN NHA TRANG	TRAN NGOC HUYEN	*****485	2	CT10052023-CT10052024
CN SO GIAO DICH	TRAN NGOC HUYEN MY	*****207	17	CT10028896-CT10028907; TD10010336-TD10010340
PGD HAN THUYEN	TRAN NGOC KHANH	*****657	1	EB10001519-EB10001519
CN VUNG TAU	TRAN NGOC LE UYEN	*****145	2	CT10028530-CT10028531
CN BINH DINH	TRAN NGOC LINH	*****591	2	CT10137652-CT10137653
CN BINH DUONG	TRAN NGOC LONG	*****733	1	CT10018971-CT10018971
PGD TON THAT TUNG	TRAN NGOC MAI	*****094	5	TD10006836-TD10006840
CN DAI AN	TRAN NGOC MANH	*****097	10	CT10107971-CT10107980
CN LANG HA	TRAN NGOC MAU	*****640	8	CT10083364-CT10083371
PGD LAC LONG QUAN	TRAN NGOC MINH	*****042	10	CT10066696-CT10066705
PGD HOANG DIEU	TRAN NGOC MINH	*****141	1	CT10072873-CT10072873
CN DAI AN	TRAN NGOC MINH	*****510	1	EB10003146-EB10003146
SEABANK LE DUAN	TRAN NGOC MINH	*****802	2	CT10033231-CT10033232
PGD QUAN 10	TRAN NGOC MY TRAM	*****299	1	CT10097081-CT10097081
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN NGOC NAM	*****889	7	CT10069072-CT10069078
PGD DA KAO	TRAN NGOC PHUNG	*****778	1	EB10002774-EB10002774
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN NGOC PHUONG	*****784	29	CT10076960-CT10076988
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN NGOC PHUONG TRINH	*****278	5	CT10103108-CT10103112
CN SAI GON	TRAN NGOC QUYEN	*****446	1	CT10124074-CT10124074
PGD HO DAC DI	TRAN NGOC QUYEN	*****866	57	CT10140930-CT10140986
PGD THU DAU 1	TRAN NGOC QUYEN QUYEN	*****335	41	CT10018003-CT10018009; DN10027974-DN10028007
PGD TRAN HUNG DAO	TRAN NGOC QUYNH	*****100	220	DN10022522-DN10022741
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN NGOC SANG	*****026	17	CT10116837-CT10116853
CN DAI AN	TRAN NGOC SON	*****343	7	CT10160216-CT10160222
CN HA NOI	TRAN NGOC SON	*****049	2	CT10070886-CT10070887

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	TRAN NGOC SON	*****191	1	CT10073848-CT10073848
PGD BUON DON	TRAN NGOC SON	*****448	1	EB10001688-EB10001688
PGD THANH CONG	TRAN NGOC SON	*****504	26	CT10076701-CT10076726
CN HAI PHONG	TRAN NGOC SON	*****711	5	CT10030429-CT10030433
PGD QUAN 10	TRAN NGOC SUU	*****100	2	CT10072101-CT10072102
CN BINH DINH	TRAN NGOC THACH	*****530	1	CT10058913-CT10058913
PGD LAN ONG	TRAN NGOC THAI	*****862	14	CT10150711-CT10150724
CN CAU GIAY	TRAN NGOC THANG	*****006	4	CT10161345-CT10161348
PGD QUAN THANH	TRAN NGOC THANG	*****093	5	CT10103671-CT10103675
PGD DIEN BIEN PHU	TRAN NGOC THANH	*****545	5	TD10002656-TD10002660
CN SAI GON	TRAN NGOC THANH	*****882	25	CT10108716-CT10108740
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NGOC THAO VY	*****095	1	EB10001449-EB10001449
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN NGOC THE	*****006	25	CT10070861-CT10070885
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN NGOC THOAI	*****157	1	CT10147760-CT10147760
PGD HA LONG	TRAN NGOC THUY	*****745	4	CT10051427-CT10051430
PGD AU CO	TRAN NGOC THUY	*****578	1	CT10029617-CT10029617
CN HAI PHONG	TRAN NGOC THUY	*****703	10	CT10149790-CT10149799
CN AN GIANG	TRAN NGOC TRUNG TIN	*****740	5	CT10164293-CT10164297
PGD LANG THUONG	TRAN NGOC TUAN	*****003	25	CT10123675-CT10123699
PGD HO TUNG MAU	TRAN NGOC TUAN	*****069	7	CT10135359-CT10135365
PGD QUAN THANH	TRAN NGOC TUAN ANH	*****093	1	CT10064705-CT10064705
PGD SO SAO	TRAN NGOC TUYEN	*****244	1	CT10087311-CT10087311
PGD LENIN	TRAN NGOC TUYEN	*****574	61	DN10078376-DN10078425; EB10001900-EB10001900; TD10003361-TD10003370
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NGOC VAN KHOA	*****022	11	CT10138826-CT10138836
PGD NGUYEN LUONG BANG	TRAN NGOC VIET	*****911	12	CT10131161-CT10131172
CN DONG DA	TRAN NGOC VINH	*****059	1	CT10111237-CT10111237
CN TAN BINH	TRAN NGOC YEN NHI	*****471	2	CT10145469-CT10145470
CN TAN BINH	TRAN NGOC YEN NHI	*****655	1	CT10103143-CT10103143

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	TRAN NGUYEN CONG KHA CUONG	*****774	1	CT10005147-CT10005147
CN DA NANG	TRAN NGUYEN DAI DUONG	*****224	1	CT10116143-CT10116143
CN THAI NGUYEN	TRAN NGUYEN GIANG	*****818	1	EB10002134-EB10002134
CN BINH DINH	TRAN NGUYEN HOANG VY	*****911	5	CT10105927-CT10105931
PGD HOANG DIEU	TRAN NGUYEN HONG PHUC	*****831	1	CT10100006-CT10100006
PGD LY THUONG KIET-DN	TRAN NGUYEN HONG THUAN	*****414	1	CT10001100-CT10001100
PGD LE HONG PHONG	TRAN NGUYEN KHANH HA	*****453	9	CT10039389-CT10039397
HUB THE CHAP MN	TRAN NGUYEN KHANH UYEN	*****537	9	CT10119153-CT10119161
CN DONG NAI	TRAN NGUYEN KIM PHUONG	*****846	1	EB10001521-EB10001521
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN NGUYEN MANH	*****028	1	CT10048873-CT10048873
PGD PHU HUNG	TRAN NGUYEN MINH NGOC	*****744	4	CT10000488-CT10000491
PGD QUAN 10	TRAN NGUYEN NHU NGAN	*****052	24	CT10058740-CT10058763
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NGUYEN NHU QUYNH	*****781	1	EB10001324-EB10001324
PGD DOI CAN	TRAN NGUYEN PHUONG LIEU	*****198	1	CT10103614-CT10103614
CN THANH XUAN	TRAN NGUYEN QUANG	*****522	1	CT10043703-CT10043703
SEABANK LE DUAN	TRAN NGUYEN QUOC VAN	*****286	1	CT10025509-CT10025509
CN DA NANG	TRAN NGUYEN THANH MINH	*****729	10	CT10161350-CT10161359
PGD TRUNG NHI	TRAN NGUYEN THAO	*****943	1	EB10001330-EB10001330
CN DA NANG	TRAN NGUYEN THY THY	*****748	8	CT10099536-CT10099543
PGD BOTANIC	TRAN NGUYEN TUYEN QUAN	*****496	6	CT10140661-CT10140666
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NGUYEN TUYET NHU	*****058	1	EB10002892-EB10002892

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN SO GIAO DỊCH	TRAN NGUYET NGA	*****198	1	CT10156360-CT10156360
PGD HO GUOM	TRAN NHAT LINH	*****317	12	CT10036506-CT10036517
CN DA NANG	TRAN NHAT LINH	*****536	4	CT10048907-CT10048910
CN CAU GIAY	TRAN NHAT LINH	*****756	15	CT10091576-CT10091590
CN AN GIANG	TRAN NHAT MINH	*****206	36	DN10110178-DN10110213
CN HA DONG	TRAN NHAT TAN	*****199	17	CT10080813-CT10080829
CN HA NOI	TRAN NHAT THANH	*****637	17	CT10123795-CT10123811
CN NHA TRANG	TRAN NHAT TIEN	*****749	35	DN10081635-DN10081664; TD10003546-TD10003550
PGD DIEN KHANH	TRAN NHAT TIEN	*****749	7	CT10166432-CT10166438
CN DAK LAK	TRAN NHAT TU	*****408	10	TD10004316-TD10004325
PGD TAY HO	TRAN NHAT VU	*****023	13	CT10163335-CT10163347
CN VINH PHUC	TRAN NHO DIEN	*****309	70	CT10148470-CT10148478; DN10064870-DN10064919; EB10001474-EB10001474; TD10001031-TD10001040
CN HUE	TRAN NHU HUNG TAN	*****652	1	CT10046969-CT10046969
CN PHU MY HUNG	TRAN NHU NGOC	*****380	36	DN10021614-DN10021648; EB10000449-EB10000449
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN NHUT SON	*****491	12	CT10064100-CT10064111
PGD TRAN HUNG DAO	TRAN NU DIEU LINH	*****723	8	CT10007462-CT10007469
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NU HOANG	*****421	6	CT10079075-CT10079080
CN TP. HO CHI MINH	TRAN NU TRANG THI	*****117	25	CT10131570-CT10131594
PGD QUAN 10	TRAN NU TU TRINH	*****457	1	CT10028870-CT10028870
CN NHA TRANG	TRAN PHAM ANH VY	*****645	103	CT10016429-CT10016436; DN10027605-DN10027694; TD10008401-TD10008405
CN NHA TRANG	TRAN PHI DIEM	*****900	1	EB10001064-EB10001064
PGD HO GUOM	TRAN PHI HUNG	*****744	25	CT10071979-CT10072003
PGD BA RIA	TRAN PHI HUNG	*****729	2	CT10075884-CT10075885
CN CAN THO	TRAN PHI LONG	*****950	2	CT10089701-CT10089702
PGD LIM	TRAN PHI LONG	*****556	30	DN10088572-DN10088601
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN PHONG	*****860	1	EB10000138-EB10000138
CN DA NANG	TRAN PHU HOAN	*****809	15	CT10022619-CT10022633

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN PHU QUI	*****889	14	DN10029845-DN10029858
CN SAI GON	TRAN PHUC LONG	*****643	1	CT10133682-CT10133682
CN NHA TRANG	TRAN PHUC SANG	*****202	1	EB10002978-EB10002978
CN SAI GON	TRAN PHUNG TIEN	*****068	1	CT10063816-CT10063816
PGD HOANG DIEU	TRAN PHUOC BINH	*****416	4	CT10000383-CT10000386
CN DA NANG	TRAN PHUOC DAI	*****025	10	CT10125906-CT10125910; TD10004846-TD10004850
PGD BOTANIC	TRAN PHUOC HOANG	*****273	10	CT10101846-CT10101855
PGD HOANG DIEU	TRAN PHUOC KHUONG	*****310	12	CT10132798-CT10132809
CN DAI AN	TRAN PHUOC THANH	*****001	15	CT10092293-CT10092307
CN HA NOI	TRAN PHUONG	*****163	9	CT10066345-CT10066353
CN SAI GON	TRAN PHUONG	*****646	4	CT10100386-CT10100389
CN THANH XUAN	TRAN PHUONG ANH	*****015	1	EB10001684-EB10001684
PGD QUAN THANH	TRAN PHUONG ANH	*****384	20	CT10061285-CT10061304
CN CA MAU	TRAN PHUONG DUY	*****651	2	CT10086917-CT10086918
CN VINH PHUC	TRAN PHUONG LAN	*****292	1	EB10002506-EB10002506
PGD NGOC HOI	TRAN PHUONG LOAN	*****390	10	CT10018898-CT10018907
PGD BA TRIEU	TRAN PHUONG MAI	*****010	5	TD10003161-TD10003165
CN SO GIAO DICH	TRAN PHUONG MAI	*****781	1	EB10000776-EB10000776
CN CAU GIAY	TRAN PHUONG NHI	*****766	3	CT10163330-CT10163332
PGD THAI THINH	TRAN PHUONG THAO	*****646	2	CT10047272-CT10047273
CN VUNG TAU	TRAN PHUONG THAO	*****988	17	CT10093236-CT10093252
CN LONG BIEN	TRAN PHUONG THUY	*****185	19	CT10051854-CT10051872
CN NHA TRANG	TRAN PHUONG TRANG	*****480	1	EB10000896-EB10000896
CN NHA TRANG	TRAN QUANG A LY KHAN	*****122	6	CT10046268-CT10046273
SEABANK LE DUAN	TRAN QUANG CANH	*****067	6	CT10123187-CT10123192
CN HAI AN	TRAN QUANG CHUNG	*****352	16	CT10095734-CT10095744; TD10010766-TD10010770
CN DA NANG	TRAN QUANG DAT	*****677	2	CT10121404-CT10121405
CN LONG BIEN	TRAN QUANG DIEP	*****930	50	CT10128739-CT10128788
CN KIEN GIANG	TRAN QUANG DU	*****767	5	CT10081232-CT10081236
PGD HAN THUYEN	TRAN QUANG DUNG	*****199	3	CT10025971-CT10025973
CN HA NOI	TRAN QUANG HAI	*****811	9	CT10066220-CT10066228
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN QUANG HIEN	*****082	15	CT10030675-CT10030689
CN DAI AN	TRAN QUANG HIEP	*****582	3	CT10124896-CT10124898

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TON THAT TUNG	TRAN QUANG HIEU	*****890	12	CT10068992-CT10069003
CN DAI AN	TRAN QUANG HUNG	*****056	1	CT10158557-CT10158557
CN LANG HA	TRAN QUANG HUNG	*****621	11	CT10120619-CT10120629
HUB PAYROLL MB	TRAN QUANG HUY	*****037	25	CT10038215-CT10038239
CN HAI PHONG	TRAN QUANG HUY	*****292	1	CT10026994-CT10026994
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUANG HUY	*****894	2	CT10123284-CT10123285
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN QUANG HUY	*****894	1	EB10002852-EB10002852
CN LANG HA	TRAN QUANG HUY	*****664	24	CT10113928-CT10113951
PGD BA TRIEU	TRAN QUANG KHOA	*****591	7	CT10117959-CT10117965
PGD VAN XUAN	TRAN QUANG LAM	*****969	9	CT10061357-CT10061365
CN TAN BINH	TRAN QUANG NGO	*****293	5	TD10006171-TD10006175
CN DAI AN	TRAN QUANG NGUYEN	*****980	15	CT10010026-CT10010040
PGD CAM PHA	TRAN QUANG PHAT	*****283	15	CT10096229-CT10096243
CN HA DONG	TRAN QUANG PHONG	*****456	57	CT10138028-CT10138084
CN SAI GON	TRAN QUANG PHU	*****496	33	CT10140099-CT10140103; DN10034209-DN10034236
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN QUANG THANG	*****794	11	CT10034041-CT10034051
CN BINH DUONG	TRAN QUANG THAO	*****427	1	CT10016514-CT10016514
CN DA NANG	TRAN QUANG THONG	*****727	9	CT10107304-CT10107312
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUANG THUAN	*****402	31	CT10069670-CT10069700
CN BINH DINH	TRAN QUANG THUAN	*****354	14	CT10094919-CT10094932
CN QUANG NGAI	TRAN QUANG THUY	*****565	8	CT10095761-CT10095763; TD10010666-TD10010670
CN PHU MY HUNG	TRAN QUANG TIEN	*****534	4	CT10166676-CT10166679
CN QUANG NGAI	TRAN QUANG TIEN	*****894	1	EB10002378-EB10002378
CN THANH HOA	TRAN QUANG TRUNG	*****310	8	CT10019479-CT10019486
CN HA DONG	TRAN QUANG TRUONG	*****100	14	CT10049752-CT10049765
PGD KIM VAN	TRAN QUANG TU	*****914	4	CT10113218-CT10113221
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUANG TUAN	*****810	4	CT10144476-CT10144479
PGD XUAN LA	TRAN QUANG TUNG	*****764	22	CT10067728-CT10067749
CN DAI AN	TRAN QUANG TUYEN	*****405	56	CT10010427-CT10010482
CN HA DONG	TRAN QUANG TUYEN	*****578	300	DN10096864-DN10097163
CN HAI PHONG	TRAN QUANG VINH	*****558	5	CT10058147-CT10058151

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN CONG TRU	TRAN QUANG VU	*****675	2	CT10040915-CT10040916
CN BINH DINH	TRAN QUI	*****674	5	CT10075167-CT10075171
PGD AU CO	TRAN QUI HIEP	*****170	1	CT10009419-CT10009419
PGD SO SAO	TRAN QUOC BAO	*****042	35	DN10074767-DN10074801
PGD NGOC LAM	TRAN QUOC BAO	*****790	3	CT10162961-CT10162963
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN QUOC BAO	*****903	5	CT10143229-CT10143233
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN QUOC BINH	*****299	25	CT10000223-CT10000247
CN BAC NINH	TRAN QUOC CHIEN	*****161	1	EB10000297-EB10000297
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN QUOC CHINH	*****058	10	TD10006211-TD10006220
PGD TRUONG QUANG TRONG	TRAN QUOC CHUONG	*****413	4	CT10051125-CT10051128
PGD TAN PHAT	TRAN QUOC CUONG	*****074	1	CT10006273-CT10006273
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN QUOC CUONG	*****789	1	CT10160948-CT10160948
CN SAI GON	TRAN QUOC DAT	*****297	3	CT10000859-CT10000861
SEABANK LE DUAN	TRAN QUOC DAT	*****719	4	CT10114539-CT10114542
CN DONG DA	TRAN QUOC DUNG	*****010	3	CT10081746-CT10081748
CN CA MAU	TRAN QUOC DUNG	*****314	61	CT10040888-CT10040894; DN10066809-DN10066857; TD10001396-TD10001400
PGD TUYEN SON	TRAN QUOC HAI	*****582	3	CT10148632-CT10148634
CN NHA TRANG	TRAN QUOC HOAN	*****094	1	EB10001536-EB10001536
CN NGHE AN	TRAN QUOC HOAN	*****361	6	CT10023900-CT10023905
PGD PHO YEN	TRAN QUOC HOI	*****875	40	DN10034988-DN10035027
CN LANG HA	TRAN QUOC HUNG	*****722	14	CT10132246-CT10132259
PGD BA TRIEU	TRAN QUOC HUNG	*****540	9	CT10024119-CT10024127
PGD DAO TAN	TRAN QUOC HUNG	*****547	4	CT10057441-CT10057444
PGD XUAN LA	TRAN QUOC HUNG	*****789	3	CT10157122-CT10157124
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN QUOC HUNG	*****932	10	CT10001089-CT10001098
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN QUOC HUY	*****048	12	CT10022078-CT10022089
CN LANG HA	TRAN QUOC HUY	*****074	10	CT10120982-CT10120991
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN QUOC HUY	*****379	24	CT10084418-CT10084441

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	TRAN QUOC HUY	*****171	1	CT10029021-CT10029021
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUOC KHAI	*****863	1	CT10155607-CT10155607
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN QUOC KHANH	*****530	6	CT10055297-CT10055302
CN PHU MY HUNG	TRAN QUOC KHANH	*****813	4	CT10039070-CT10039073
CN HAI PHONG	TRAN QUOC KHANH	*****969	1	CT10103149-CT10103149
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUOC KHOI	*****706	1	CT10140856-CT10140856
CN TP. HO CHI MINH	TRAN QUOC LAM	*****214	2	CT10016402-CT10016403
PGD DAI KIM	TRAN QUOC LONG	*****132	15	CT10009124-CT10009138
CN LANG HA	TRAN QUOC NAM	*****212	1	CT10162041-CT10162041
PGD HOANG DIEU	TRAN QUOC NAM	*****493	9	CT10056370-CT10056378
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN QUOC NAM	*****917	25	CT10138123-CT10138147
PGD HO TUNG MAU	TRAN QUOC OAI	*****615	10	CT10066627-CT10066636
CN TIEN GIANG	TRAN QUOC PHIEN	*****912	2	CT10033646-CT10033647
PGD DIEN BIEN PHU	TRAN QUOC TAI	*****886	1	EB10001466-EB10001466
CN NHA TRANG	TRAN QUOC THANH	*****257	44	CT10012863-CT10012867; DN10026723-DN10026755; EB10002776-EB10002776; TD10008281-TD10008285
PGD SAO MAI	TRAN QUOC TOAN	*****219	5	TD10006121-TD10006125
CN HAI PHONG	TRAN QUOC TOAN	*****166	10	CT10033163-CT10033172
CN HA DONG	TRAN QUOC TRONG	*****020	1	EB10000308-EB10000308
CN HAI AN	TRAN QUOC TRUNG	*****026	49	CT10118808-CT10118856
CN NHA TRANG	TRAN QUOC TRUNG	*****923	1	EB10001209-EB10001209
CN TAN PHU	TRAN QUOC TRUONG	*****012	52	CT10069954-CT10069956; DN10021032-DN10021080
CN TP. HO CHI MINH	TRAN QUOC TU	*****184	1	EB10001703-EB10001703
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN QUOC TUAN	*****600	2	CT10018896-CT10018897
PGD LE LOI	TRAN QUOC VIET	*****939	1	EB10003031-EB10003031
CN HA TINH	TRAN QUOC VIET	*****911	1	CT10139463-CT10139463
CN CAU GIAY	TRAN QUY PHUOC	*****917	4	CT10008697-CT10008700

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 10	TRAN QUYEN HUY	*****999	1	EB10002351-EB10002351
CN THANH XUAN	TRAN QUYNH ANH	*****003	7	CT10135082-CT10135088
HUB PAYROLL MB	TRAN QUYNH ANH	*****870	9	CT10083795-CT10083803
PGD SOC SON	TRAN QUYNH NGA	*****547	1	CT10010052-CT10010052
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN SON ANH	*****898	16	CT10043269-CT10043284
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN SON BANG	*****859	38	CT10084234-CT10084271
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN SON THACH	*****140	18	CT10040366-CT10040383
PGD HO DAC DI	TRAN SONG HOA	*****118	95	CT10094022-CT10094116
PGD HA LONG	TRAN SONG TOAN	*****753	10	TD10000091-TD10000100
PGD XUAN LA	TRAN SY DONG	*****222	7	CT10016622-CT10016628
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN SY PHUOC	*****158	8	CT10141159-CT10141166
PGD CAM RANH	TRAN TAN LAM PHUONG	*****559	36	DN10065246-DN10065281
PGD QUAN 1	TRAN TAN LUAN	*****447	2	CT10128596-CT10128597
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN TAN LUC	*****234	1	EB10001601-EB10001601
PGD XUAN LA	TRAN TAT THANH	*****471	1	EB10002105-EB10002105
PGD DONG SON	TRAN TAT TIEN	*****665	1	EB10002537-EB10002537
PGD VAN XUAN	TRAN THACH LINH	*****231	11	CT10110339-CT10110349
PGD KIM VAN	TRAN THAI AN	*****016	1	EB10002005-EB10002005
CN THANH XUAN	TRAN THAI BAO	*****071	22	CT10053108-CT10053129
CN NHA TRANG	TRAN THAI BINH	*****108	49	CT10088753-CT10088761; DN10040421-DN10040455; TD10009711-TD10009715
PGD QUAN 10	TRAN THAI BINH	*****269	140	CT10076691-CT10076700; DN10107186-DN10107310; TD10007861-TD10007865
CN DAI AN	TRAN THAI DUC	*****039	2	CT10039250-CT10039251
CN HAI PHONG	TRAN THAI HUNG	*****765	6	CT10082432-CT10082437
PGD TRAN PHU	TRAN THAI LY	*****942	45	CT10086475-CT10086519
CN CAN THO	TRAN THAI NHA LIEN	*****309	2	CT10096123-CT10096124
CN TAN THANH	TRAN THAI THONG	*****188	20	CT10065765-CT10065784
CN LANG HA	TRAN THAI TRUNG	*****083	8	CT10072631-CT10072638
PGD TRAN PHU	TRAN THANG	*****797	12	CT10092616-CT10092627
CN HAI PHONG	TRAN THANG LOI	*****001	8	CT10064672-CT10064679
PGD DOI CAN	TRAN THANH	*****113	5	CT10059954-CT10059958

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DOI CAN	TRAN THANH BINH	*****139	1	EB10000481-EB10000481
PGD NGUYEN CONG TRU	TRAN THANH CUONG	*****783	5	CT10099946-CT10099950
CN TIEN GIANG	TRAN THANH DIEU	*****611	1	EB10000486-EB10000486
PGD DAI KIM	TRAN THANH HA	*****826	2	CT10162683-CT10162684
PGD HO GUOM	TRAN THANH HA	*****894	7	CT10107330-CT10107336
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THANH HAI	*****009	14	CT10097189-CT10097202
PGD VAN QUAN	TRAN THANH HAI	*****188	1	CT10079863-CT10079863
CN HAI PHONG	TRAN THANH HOA	*****235	1	EB10002125-EB10002125
PGD TUYEN SON	TRAN THANH HOA	*****007	1	EB10001390-EB10001390
CN TIEN GIANG	TRAN THANH HOAN	*****904	8	DN10040122-DN10040129
CN DA NANG	TRAN THANH HOANG	*****388	13	CT10075195-CT10075207
PGD TAY HO	TRAN THANH HUNG	*****030	5	CT10145503-CT10145507
CN PHU MY HUNG	TRAN THANH HUNG	*****983	2	CT10054702-CT10054703
CN THANH XUAN	TRAN THANH HUYEN	*****318	7	CT10145844-CT10145850
PGD HAO NAM	TRAN THANH HUYEN	*****440	3	CT10028040-CT10028042
CN CA MAU	TRAN THANH KHANH	*****749	82	CT10140331-CT10140340; DN10033790-DN10033855; EB10003016-EB10003016; TD10009116-TD10009120
CN DAI AN	TRAN THANH LIEM	*****968	1	CT10014490-CT10014490
CN HAI PHONG	TRAN THANH LONG	*****070	1	CT10159972-CT10159972
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THANH LUONG	*****079	25	CT10058041-CT10058065
PGD XUAN LA	TRAN THANH NEN	*****277	14	CT10136756-CT10136769
PGD QUAN THANH	TRAN THANH NGA	*****093	12	CT10154650-CT10154661
CN HA NOI	TRAN THANH NGA	*****793	5	CT10087743-CT10087747
CN TIEN GIANG	TRAN THANH NHAN	*****096	1	CT10011539-CT10011539
CN DONG NAI	TRAN THANH NHAN	*****739	1	CT10160288-CT10160288
CN TIEN GIANG	TRAN THANH PHONG	*****056	7	CT10021142-CT10021148
CN BINH DINH	TRAN THANH PHU	*****625	2	CT10127330-CT10127331
HUB PAYROLL MB	TRAN THANH PHUONG	*****098	25	CT10110506-CT10110530
SEABANK LE DUAN	TRAN THANH PHUONG	*****476	3	CT10039994-CT10039996
PGD QUAN 11	TRAN THANH QUANG	*****188	3	CT10124744-CT10124746
CN DA NANG	TRAN THANH SANG	*****471	4	CT10107550-CT10107553
HUB PAYROLL MB	TRAN THANH SON	*****015	25	CT10144695-CT10144719
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THANH SON	*****474	19	DN10109150-DN10109167; EB10002672-EB10002672

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	TRAN THANH SON	*****604	4	CT10003123-CT10003126
CN NHA TRANG	TRAN THANH TAM	*****827	1	EB10000234-EB10000234
PGD QUAN 1	TRAN THANH TAN	*****653	10	CT10079638-CT10079647
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THANH THANH	*****699	1	EB10002409-EB10002409
CN LANG HA	TRAN THANH THU	*****117	11	CT10108974-CT10108978; EB10001685-EB10001685; TD10001791-TD10001795
CN HA DONG	TRAN THANH THUY	*****894	22	CT10066081-CT10066102
PGD NGUYEN AN NINH	TRAN THANH THUY	*****047	1	EB10001040-EB10001040
CN NHA TRANG	TRAN THANH THUY	*****369	1	CT10046779-CT10046779
CN DAI AN	TRAN THANH THUY	*****886	17	CT10032851-CT10032867
CN HAI PHONG	TRAN THANH THUY	*****890	12	CT10096053-CT10096064
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THANH TINH	*****719	2	CT10007620-CT10007621
CN TAN BINH	TRAN THANH TINH	*****790	5	TD10001156-TD10001160
CN BINH DUONG	TRAN THANH TU	*****997	5	CT10031205-CT10031209
CN KIEN GIANG	TRAN THANH TUAN	*****283	1	CT10111122-CT10111122
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THANH TUNG	*****102	5	CT10019309-CT10019313
CN DONG DA	TRAN THANH TUNG	*****572	32	CT10056531-CT10056562
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THANH TUNG	*****670	3	CT10152299-CT10152301
CN HA NOI	TRAN THANH TUNG	*****997	1	EB10001126-EB10001126
CN DA NANG	TRAN THANH TUNG	*****147	35	CT10064843-CT10064877
SEABANK LE DUAN	TRAN THANH TUNG	*****297	14	CT10104622-CT10104635
CN LONG BIEN	TRAN THANH TUNG	*****328	10	TD10010461-TD10010470
CN LANG HA	TRAN THANH TUNG	*****613	49	CT10102176-CT10102224
PGD HAN THUYEN	TRAN THANH VAN	*****729	2	CT10150955-CT10150956
CN DA NANG	TRAN THANH VAN	*****314	2	CT10071154-CT10071155
CN BINH DINH	TRAN THANH VIEN	*****451	1	CT10073644-CT10073644
CN DA NANG	TRAN THANH VIET	*****558	1	CT10077971-CT10077971
CN SAI GON	TRAN THANH VINH	*****424	18	CT10050138-CT10050155
CN DAI AN	TRAN THAO LY	*****353	1	EB10000298-EB10000298
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN THAO NGUYEN	*****695	1	EB10001847-EB10001847

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN THAO PHUONG	*****332	2	CT10132976-CT10132977
CN BAC NINH	TRAN THE ANH	*****250	5	TD10005876-TD10005880
PGD TAY HO	TRAN THE ANH	*****743	1	EB10001679-EB10001679
PGD THU DUC	TRAN THE CONG	*****404	1	EB10000191-EB10000191
PGD TIEN AN	TRAN THE HIEU	*****738	9	CT10021455-CT10021463
CN DAI AN	TRAN THE HUNG	*****022	50	CT10144981-CT10145030
CN THANH XUAN	TRAN THE HUNG	*****904	30	CT10040781-CT10040810
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN THE LUC	*****958	6	CT10145103-CT10145108
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THE SANG	*****649	7	DN10061462-DN10061468
HUB THE CHAP MB 1	TRAN THE THU	*****644	50	DN10070806-DN10070855
CN BAC NINH	TRAN THE VAN	*****654	5	CT10131126-CT10131130
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THE VIET	*****133	10	CT10165546-CT10165555
PGD AU CO	TRAN THI AI PHUONG	*****669	7	CT10104826-CT10104832
PGD QUAN 10	TRAN THI AI VI	*****848	2	CT10040755-CT10040756
PGD YEN PHU	TRAN THI ANH	*****664	99	CT10034948-CT10035046
CN HA NOI	TRAN THI ANH MY	*****149	9	CT10114444-CT10114452
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI ANH THU	*****276	6	CT10131149-CT10131154
CN DA NANG	TRAN THI ANH TRAM	*****552	14	CT10035798-CT10035811
CN DAK LAK	TRAN THI BACH NHUNG	*****316	5	DN10023810-DN10023814
CN LANG HA	TRAN THI BACH TRA	*****115	45	CT10019597-CT10019641
CN HAI AN	TRAN THI BACH YEN	*****537	10	CT10110258-CT10110267
HUB PAYROLL MB	TRAN THI BAO NGOC	*****669	5	CT10065474-CT10065478
HUB PAYROLL MB	TRAN THI BAO VAN	*****007	24	CT10112330-CT10112353
CN DA NANG	TRAN THI BAO VY	*****043	21	CT10015389-CT10015409
PGD TON DAN	TRAN THI BICH	*****333	1	CT10048820-CT10048820
PGD XUAN LA	TRAN THI BICH	*****512	14	CT10108219-CT10108232
PGD LE VAN SY	TRAN THI BICH HANG	*****315	49	CT10163581-CT10163629
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI BICH HONG	*****144	1	CT10006540-CT10006540
PGD LACH TRAY 2	TRAN THI BICH HUONG	*****066	4	DN10071009-DN10071011; EB10001690-EB10001690
CN SAI GON	TRAN THI BICH LIEN	*****023	2	CT10145508-CT10145509
CN BINH DINH	TRAN THI BICH LIEN	*****312	3	DN10077542-DN10077544

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	TRAN THI BICH LOAN	*****329	4	CT10150315-CT10150318
CN BINH DINH	TRAN THI BICH LOAN	*****494	22	CT10064312-CT10064333
CN SAI GON	TRAN THI BICH MAN	*****199	15	CT10141209-CT10141223
CN VINH PHUC	TRAN THI BICH NGUYET	*****431	1	EB10002393-EB10002393
PGD DIEN KHANH	TRAN THI BICH PHUONG	*****562	4	CT10125215-CT10125218
CN KIEN GIANG	TRAN THI BICH PHUONG	*****855	7	CT10018504-CT10018510
CN BINH DINH	TRAN THI BICH THAO	*****116	2	CT10097734-CT10097735
CN TAN BINH	TRAN THI BICH THAO	*****450	1	CT10092177-CT10092177
PGD THANG LONG	TRAN THI BICH THUY	*****275	25	CT10158439-CT10158463
CN THANH XUAN	TRAN THI BICH THUY	*****390	25	CT10133043-CT10133067
CN NHA TRANG	TRAN THI BICH TRAM	*****350	1	EB10003307-EB10003307
CN CAU GIAY	TRAN THI BICH VAN	*****385	7	CT10038918-CT10038924
CN CAU GIAY	TRAN THI BINH	*****032	35	CT10045516-CT10045550
CN DONG DA	TRAN THI BINH	*****913	1	EB10000069-EB10000069
PGD QUANG PHU	TRAN THI BINH	*****555	3	DN10023815-DN10023817
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI CAM GIANG	*****527	1	CT10044704-CT10044704
PGD KIM VAN	TRAN THI CAM THANH	*****078	1	EB10001650-EB10001650
CN CAN THO	TRAN THI CAM THU	*****053	1	EB10000844-EB10000844
CN SAI GON	TRAN THI CAM THU	*****833	2	CT10133420-CT10133421
CN NHA TRANG	TRAN THI CAM TIEN	*****812	1	EB10001442-EB10001442
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI CAM TU	*****047	1	EB10000996-EB10000996
CN DAI AN	TRAN THI CHAU	*****080	1	CT10151771-CT10151771
CN SAI GON	TRAN THI CHAU GIANG	*****657	4	CT10155664-CT10155667
CN SAI GON	TRAN THI CHI	*****296	3	CT10058836-CT10058838
CN HAI AN	TRAN THI CHI	*****007	5	CT10033143-CT10033147
CN CAU GIAY	TRAN THI CHI	*****379	7	CT10032947-CT10032953
PGD QUANG PHU	TRAN THI CHINH	*****536	3	DN10081001-DN10081003
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI CHUC LY	*****411	12	CT10106923-CT10106934
CN NHA TRANG	TRAN THI DAI	*****859	14	CT10030446-CT10030459
PGD DAI TU	TRAN THI DAO	*****658	1	EB10001816-EB10001816
HUB THE CHAP MN	TRAN THI DEP	*****963	52	DN10086826-DN10086877
CN NHA TRANG	TRAN THI DIEM	*****929	1	EB10000257-EB10000257

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	TRAN THI DIEM CHAU	*****964	1	CT10112458-CT10112458
CN TIEN GIANG	TRAN THI DIEM HUONG	*****901	2	CT10127967-CT10127968
CN CAN THO	TRAN THI DIEM MY	*****158	4	CT10130441-CT10130444
CN BINH DINH	TRAN THI DIEP	*****655	2	DN10019480-DN10019481
CN HUE	TRAN THI DIEU	*****092	1	EB10001045-EB10001045
CN DA NANG	TRAN THI DIEU TRANG	*****496	1	EB10001178-EB10001178
CN SAI GON	TRAN THI DINH	*****120	2	CT10147404-CT10147405
CN AN GIANG	TRAN THI DU	*****019	4	DN10076882-DN10076885
CN LANG HA	TRAN THI DUC HANH	*****593	10	TD10006231-TD10006240
CN HA DONG	TRAN THI DUNG	*****266	5	TD10011266-TD10011270
PGD HO TUNG MAU	TRAN THI DUNG	*****530	1	CT10007351-CT10007351
PGD BUON DON	TRAN THI DUNG	*****571	3	DN10002175-DN10002177
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI DUY LINH	*****687	3	CT10135452-CT10135454
PGD THANH CONG	TRAN THI GAI	*****398	45	CT10151924-CT10151968
CN HUE	TRAN THI GIA PHUC	*****712	1	CT10106870-CT10106870
PGD SOC SON	TRAN THI GIANG	*****567	1	EB10001132-EB10001132
CN HAI PHONG	TRAN THI GIANG HUONG	*****993	4	CT10011798-CT10011801
CN HAI AN	TRAN THI HA	*****588	4	CT10154445-CT10154448
CN HAI DUONG	TRAN THI HA	*****670	3	CT10039911-CT10039913
PGD THANG LONG	TRAN THI HA	*****876	1	EB10002762-EB10002762
CN HAI AN	TRAN THI HA	*****359	1	CT10127394-CT10127394
PGD NGUYEN LUONG BANG	TRAN THI HA	*****434	1	CT10125329-CT10125329
PGD VAN QUAN	TRAN THI HA	*****502	14	CT10099992-CT10100005
PGD LY THUONG KIET-DN	TRAN THI HA	*****882	8	DN10083207-DN10083214
PGD LE THANH TONG	TRAN THI HA QUYEN	*****725	25	CT10132876-CT10132900
PGD LENIN	TRAN THI HA TRANG	*****670	15	CT10072834-CT10072848
CN HAI DUONG	TRAN THI HAI	*****010	5	TD10000721-TD10000725
PGD NGUYEN NGOC NAI	TRAN THI HAI	*****040	8	CT10114069-CT10114076
PGD MY DINH	TRAN THI HAI	*****052	1	EB10001395-EB10001395
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI HAI	*****071	5	DN10008113-DN10008117
PGD THANH SEN	TRAN THI HAI	*****631	19	CT10132810-CT10132828

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	TRAN THI HAI LY	*****794	3	DN10040562-DN10040564
PGD HOA BINH	TRAN THI HAI MINH	*****291	1	CT10008000-CT10008000
PGD HOANG DIEU	TRAN THI HAI VAN	*****238	2	CT10021729-CT10021730
CN LONG BIEN	TRAN THI HAI YEN	*****085	2	CT10008573-CT10008574
CN CAU GIAY	TRAN THI HAI YEN	*****125	9	CT10120524-CT10120532
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI HAI YEN	*****786	24	CT10084467-CT10084490
CN SAI GON	TRAN THI HAI YEN	*****982	7	CT10129734-CT10129740
PGD NUI THANH	TRAN THI HAN	*****822	1	EB10002624-EB10002624
CN SO GIAO DICH	TRAN THI HANG	*****141	1	CT10009972-CT10009972
PGD TU SON	TRAN THI HANG	*****006	1	CT10084075-CT10084075
PGD XUAN LA	TRAN THI HANG	*****142	57	CT10036305-CT10036361
CN HA TINH	TRAN THI HANG	*****356	29	CT10162867-CT10162890; TD10006176-TD10006180
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI HANG	*****663	1	EB10001973-EB10001973
PGD HAM NGHI	TRAN THI HANG	*****714	1	EB10000670-EB10000670
CN DA NANG	TRAN THI HANG	*****753	1	CT10030031-CT10030031
CN NGHE AN	TRAN THI HANG	*****786	12	CT10024400-CT10024406; TD10009426-TD10009430
PGD LIM	TRAN THI HANG	*****814	3	CT10163635-CT10163637
CN TAN BINH	TRAN THI HANG	*****895	10	CT10145284-CT10145293
CN LANG HA	TRAN THI HANH	*****087	19	CT10069702-CT10069720
CN HAI AN	TRAN THI HANH	*****093	1	EB10000927-EB10000927
PGD TIEN AN	TRAN THI HANH	*****407	5	DN10086334-DN10086338
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI HANH	*****408	1	EB10002022-EB10002022
CN QUANG NGAI	TRAN THI HANH	*****455	2	CT10120630-CT10120631
PGD VAN XUAN	TRAN THI HAO	*****079	1	EB10003240-EB10003240
CN QUANG NINH	TRAN THI HAU	*****102	7	CT10146471-CT10146477
PGD DAO TAN	TRAN THI HAU	*****437	1	EB10003272-EB10003272
CN HA NOI	TRAN THI HIEN	*****888	6	CT10138426-CT10138431
PGD DAO TAN	TRAN THI HIEN	*****302	16	CT10050660-CT10050675
CN NGHE AN	TRAN THI HIEN	*****350	3	DN10087644-DN10087646
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI HIEN	*****962	5	DN10106495-DN10106499
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI HIEU	*****033	5	DN10034502-DN10034506
PGD LAC LONG QUAN	TRAN THI HIEU THAO	*****816	1	CT10026858-CT10026858

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KIM VAN	TRAN THI HOA	*****022	1	EB10000519-EB10000519
HUB PAYROLL MN	TRAN THI HOA	*****093	1	EB10002602-EB10002602
PGD THANG LONG	TRAN THI HOA	*****302	1	EB10002915-EB10002915
PGD QUAN 1	TRAN THI HOA	*****674	2	CT10004552-CT10004553
PGD Krong Nang	TRAN THI HOA	*****920	12	DN10092500-DN10092511
PGD LE VAN SY	TRAN THI HOA	*****920	50	DN10077492-DN10077541
CN DAK LAK	TRAN THI HOA	*****990	5	DN10047147-DN10047151
CN HAI AN	TRAN THI HOAI	*****452	5	CT10035525-CT10035529
CN CAU GIAY	TRAN THI HOAI	*****877	6	CT10031624-CT10031629
PGD BOTANIC	TRAN THI HOAI THAO	*****033	3	CT10110719-CT10110721
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI HOAI THUONG	*****412	43	CT10028926-CT10028968
CN NHA TRANG	TRAN THI HOAI VAN	*****027	1	EB10002454-EB10002454
CN DONG DA	TRAN THI HOAN	*****415	15	CT10035150-CT10035164
CN HA NOI	TRAN THI HOAN	*****228	12	CT10128112-CT10128123
CN HAI PHONG	TRAN THI HOAN	*****542	1	EB10000767-EB10000767
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN THI HOANG ANH	*****900	2	CT10061160-CT10061161
CN DA NANG	TRAN THI HOANG LY	*****521	20	CT10054002-CT10054021
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THI HOANG PHUONG	*****012	2	CT10127227-CT10127228
CN DA NANG	TRAN THI HOANG YEN	*****208	15	CT10105300-CT10105314
CN CAU GIAY	TRAN THI HOI	*****697	1	CT10141339-CT10141339
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI HOI	*****963	5	DN10089100-DN10089104
PGD LIM	TRAN THI HONG	*****328	2	DN10024678-DN10024679
PGD KHANH HOI	TRAN THI HONG CUC	*****949	3	CT10113580-CT10113582
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI HONG DAO	*****786	1	CT10068861-CT10068861
PGD TRUONG QUANG TRONG	TRAN THI HONG DIEM	*****517	1	EB10001540-EB10001540
CN HA NOI	TRAN THI HONG HANH	*****096	20	CT10099577-CT10099596
CN SAI GON	TRAN THI HONG HANH	*****002	1	EB10002349-EB10002349
CN THANH XUAN	TRAN THI HONG HANH	*****471	1	CT10029128-CT10029128
CN THANH HOA	TRAN THI HONG HANH	*****509	22	DN10041590-DN10041611
CN SO GIAO DICH	TRAN THI HONG HANH	*****826	4	CT10097665-CT10097668
CN DONG DA	TRAN THI HONG HUE	*****523	45	CT10093037-CT10093081
CN VUNG TAU	TRAN THI HONG LIEN	*****268	1	EB10003134-EB10003134
CN DAK LAK	TRAN THI HONG LOAN	*****408	16	DN10061173-DN10061188
CN BINH DINH	TRAN THI HONG MEN	*****216	5	DN10041749-DN10041753

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAI DANG	TRAN THI HONG NGA	*****553	1	CT10030029-CT10030029
PGD KHAM THIEN	TRAN THI HONG NHUNG	*****043	13	DN10040290-DN10040302
PGD TU SON	TRAN THI HONG THAI	*****325	4	CT10103891-CT10103894
CN HA TINH	TRAN THI HONG THOM	*****194	5	CT10075383-CT10075387
SEABANK LE DUAN	TRAN THI HONG THUY	*****701	1	CT10070844-CT10070844
CN SAI GON	TRAN THI HONG VAN	*****485	1	CT10085264-CT10085264
CN DAI AN	TRAN THI HUONG	*****033	47	CT10078381-CT10078427
CN HA NOI	TRAN THI HUONG	*****273	35	DN10066606-DN10066640
CN THANH XUAN	TRAN THI HUONG	*****406	15	CT10068819-CT10068833
CN LONG BIEN	TRAN THI HUONG	*****504	5	CT10073813-CT10073817
CN HA TINH	TRAN THI HUONG	*****076	5	DN10005558-DN10005562
CN HAI PHONG	TRAN THI HUONG	*****320	5	DN10045876-DN10045880
PGD YEN PHU	TRAN THI HUONG	*****335	79	CT10112499-CT10112577
PGD TIEN AN	TRAN THI HUONG	*****416	5	DN10082979-DN10082983
CN CAU GIAY	TRAN THI HUONG	*****537	50	CT10143308-CT10143357
PGD QUANG PHU	TRAN THI HUONG	*****654	3	DN10046074-DN10046076
CN PHU MY HUNG	TRAN THI HUONG	*****711	3	CT10057083-CT10057085
CN TAN BINH	TRAN THI HUONG	*****740	301	DN10054741-DN10055040; EB10000882-EB10000882
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI HUONG	*****782	5	DN10003286-DN10003290
CN CAU GIAY	TRAN THI HUONG	*****888	20	CT10118503-CT10118522
HUB PAYROLL MB	TRAN THI HUONG GIANG	*****813	25	CT10165333-CT10165357
CN HA TINH	TRAN THI HUONG GIANG	*****253	20	TD10000251-TD10000270
CN THANH HOA	TRAN THI HUONG LY	*****348	5	TD10009766-TD10009770
PGD BACH DANG	TRAN THI HUONG MAI	*****498	2	CT10021121-CT10021122
PGD KIM VAN	TRAN THI HUONG NGAN	*****111	137	CT10086007-CT10086143
PGD KIM VAN	TRAN THI HUONG NHU	*****385	1	EB10001356-EB10001356
CN DAI AN	TRAN THI HUONG THUY	*****243	1	EB10002445-EB10002445
CN DAI AN	TRAN THI HUYEN	*****034	2	CT10113794-CT10113795
CN HA NOI	TRAN THI HUYEN	*****040	14	CT10008984-CT10008997
PGD HA LONG	TRAN THI HUYEN	*****832	1	CT10054107-CT10054107
CN DAK LAK	TRAN THI HUYEN	*****261	5	DN10095475-DN10095479

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI HUYEN MINH	*****511	2	CT10105297-CT10105298
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI HUYEN TRANG	*****342	25	CT10054705-CT10054729
CN DAI AN	TRAN THI HUYEN TRANG	*****346	45	CT10144916-CT10144960
CN HAI PHONG	TRAN THI HUYEN TRANG	*****888	3	CT10156807-CT10156809
SEABANK LE DUAN	TRAN THI HUYEN TRANG	*****222	3	CT10088979-CT10088981
PGD VINH HAI	TRAN THI HUYEN TRANG	*****482	4	CT10089940-CT10089943
CN DA NANG	TRAN THI K TRIN	*****952	3	CT10057695-CT10057697
CN HAI PHONG	TRAN THI KHANH HUYEN	*****367	8	CT10031720-CT10031727
CN CA MAU	TRAN THI KIEU	*****155	10	DN10092812-DN10092820; EB10002340-EB10002340
CN SO GIAO DICH	TRAN THI KIEU HUONG	*****395	1	CT10087580-CT10087580
CN NHA TRANG	TRAN THI KIEU LOAN	*****099	1	EB10002076-EB10002076
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI KIEU MAI	*****807	3	CT10057909-CT10057911
CN TIEN GIANG	TRAN THI KIEU TIEN	*****374	3	DN10051445-DN10051446; EB10000786-EB10000786
CN HA TINH	TRAN THI KIEU TRINH	*****494	5	CT10129819-CT10129823
CN HA TINH	TRAN THI KIEU VAN	*****193	1	EB10003106-EB10003106
PGD CAM PHA	TRAN THI KIM ANH	*****416	2	CT10129301-CT10129302
PGD HO GUOM	TRAN THI KIM ANH	*****630	5	CT10009798-CT10009802
PGD TUYEN SON	TRAN THI KIM BICH	*****490	100	DN10083418-DN10083517
CN BINH DINH	TRAN THI KIM BINH	*****104	2	DN10024506-DN10024507
CN TAN BINH	TRAN THI KIM CHI	*****456	9	CT10042029-CT10042037
CN BINH DINH	TRAN THI KIM CUC	*****049	3	DN10007026-DN10007028
CN AN GIANG	TRAN THI KIM CUONG	*****449	3	DN10069452-DN10069454
CN AN GIANG	TRAN THI KIM DIEM	*****513	3	DN10083215-DN10083217
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI KIM DIEP	*****468	24	CT10089215-CT10089238
CN CAU GIAY	TRAN THI KIM DUNG	*****003	15	CT10019687-CT10019701
PGD LE THANH TONG	TRAN THI KIM DUNG	*****842	67	CT10057382-CT10057390; DN10086592-DN10086639; TD10004076-TD10004085

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI AN	TRAN THI KIM HA	*****708	2	CT10057730-CT10057731
PGD HUNG VUONG	TRAN THI KIM HANG	*****824	1	EB10002934-EB10002934
SEABANK LE DUAN	TRAN THI KIM HANG	*****196	1	CT10043880-CT10043880
PGD CAM RANH	TRAN THI KIM HONG	*****705	5	CT10048222-CT10048226
CN DA NANG	TRAN THI KIM HUE	*****044	1	CT10060219-CT10060219
PGD Krong Nang	TRAN THI KIM LAN	*****701	3	DN10082943-DN10082945
CN TAN BINH	TRAN THI KIM LOAN	*****508	405	DN10103049-DN10103448; TD10007366-TD10007370
CN NHA TRANG	TRAN THI KIM LOAN	*****447	5	DN10051045-DN10051049
CN SAI GON	TRAN THI KIM NHUNG	*****296	5	CT10017489-CT10017493
PGD TAY HO	TRAN THI KIM OANH	*****376	1	EB10001955-EB10001955
CN DAI AN	TRAN THI KIM OANH	*****469	19	CT10009198-CT10009216
PGD AU CO	TRAN THI KIM PHUNG	*****454	19	CT10124978-CT10124996
CN BAC NINH	TRAN THI KIM PHUONG	*****739	1	CT10153337-CT10153337
CN DONG NAI	TRAN THI KIM PHUONG	*****855	5	DN10071356-DN10071360
CN NHA TRANG	TRAN THI KIM PHUONG	*****881	2	CT10076200-CT10076200; EB10002620-EB10002620
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI KIM THI	*****322	5	DN10076807-DN10076811
PGD HOANG DIEU	TRAN THI KIM THOA	*****613	1	EB10002211-EB10002211
CN QUANG NGAI	TRAN THI KIM THOA	*****879	1	EB10002101-EB10002101
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI KIM TOAN	*****072	17	CT10051950-CT10051966
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI KIM TUYEN	*****878	2	CT10006073-CT10006074
CN DAK LAK	TRAN THI KIM YEN	*****142	5	TD10001151-TD10001155
SEABANK LE DUAN	TRAN THI KIM YEN	*****456	3	CT10133040-CT10133042
PGD XUAN KHANH	TRAN THI KIM YEN	*****823	7	CT10034080-CT10034086
PGD HO GUOM	TRAN THI KY	*****836	5	TD10002291-TD10002295
CN NHA TRANG	TRAN THI LAI	*****296	5	DN10094847-DN10094851
CN TAN BINH	TRAN THI LAM	*****465	1	CT10052507-CT10052507
HUB PAYROLL MB	TRAN THI LAN	*****009	24	CT10102602-CT10102625
CN NGHE AN	TRAN THI LAN	*****152	36	CT10143507-CT10143542
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI LAN	*****315	6	CT10091497-CT10091502
CN CAN THO	TRAN THI LAN	*****320	1	CT10042876-CT10042876

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	TRAN THI LAN	*****446	1	CT10047233-CT10047233
CN DONG NAI	TRAN THI LAN	*****990	1	CT10059335-CT10059335
PGD VINH HAI	TRAN THI LAN ANH	*****199	226	DN10108756-DN10108975; EB10002648-EB10002648; TD10008011-TD10008015
CN DAI AN	TRAN THI LAN ANH	*****871	1	CT10092040-CT10092040
CN DONG DA	TRAN THI LAN ANH	*****885	15	CT10148150-CT10148164
CN DA NANG	TRAN THI LAN DAI	*****695	7	CT10060373-CT10060379
PGD DAI KIM	TRAN THI LAN HUONG	*****050	15	CT10028101-CT10028115
CN HAI AN	TRAN THI LAN HUONG	*****939	1	CT10039666-CT10039666
CN DAI AN	TRAN THI LAN PHUONG	*****018	3	CT10081832-CT10081834
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI LAN PHUONG	*****255	3	CT10084678-CT10084680
CN HAI PHONG	TRAN THI LAN PHUONG	*****415	6	CT10127913-CT10127918
HUB PAYROLL MB	TRAN THI LAN PHUONG	*****440	9	CT10101089-CT10101097
PGD THU DUC	TRAN THI LE	*****873	23	CT10029137-CT10029159
CN SAI GON	TRAN THI LE HONG	*****808	6	CT10011230-CT10011235
CN DONG NAI	TRAN THI LEN	*****800	3	DN10106896-DN10106898
PGD QUANG PHU	TRAN THI LIEN	*****855	3	DN10038517-DN10038519
PGD KIM LIEN	TRAN THI LIEN	*****996	1	EB10001796-EB10001796
CN THANH HOA	TRAN THI LINH	*****166	64	CT10130754-CT10130758; DN10003420-DN10003472; EB10000171-EB10000171; TD10005786-TD10005790
CN HA DONG	TRAN THI LINH	*****607	4	CT10106051-CT10106054
PGD NGOC HOI	TRAN THI LINH	*****607	5	TD10009651-TD10009655
CN THAI NGUYEN	TRAN THI LINH	*****904	9	DN10065930-DN10065938
PGD DOI CAN	TRAN THI LINH CHI	*****003	50	CT10034101-CT10034150
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI LOAN	*****477	5	DN10027438-DN10027442
SEABANK LE DUAN	TRAN THI LOAN THY	*****765	1	EB10002974-EB10002974
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN THI LOC TUYEN	*****966	1	EB10000494-EB10000494
PGD QUANG PHU	TRAN THI LUONG	*****551	3	DN10028736-DN10028738
PGD NGUYEN NGOC NAI	TRAN THI LY	*****682	58	CT10139686-CT10139743

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BACH DANG	TRAN THI LY	*****289	3	CT10054176-CT10054178
CN HUE	TRAN THI LY	*****670	3	DN10105389-DN10105391
PGD HO DAC DI	TRAN THI MAI	*****441	9	CT10110543-CT10110551
SEABANK LE DUAN	TRAN THI MAI	*****704	2	CT10055985-CT10055985; EB10002136-EB10002136
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI MAI	*****871	6	CT10088431-CT10088436
CN HA TINH	TRAN THI MAI ANH	*****905	5	DN10105705-DN10105709
CN DAK LAK	TRAN THI MAI DUNG	*****132	12	CT10048089-CT10048100
PGD TON DAN	TRAN THI MAI HUONG	*****512	1	CT10074190-CT10074190
CN DONG DA	TRAN THI MAI HUONG	*****022	1	CT10090650-CT10090650
CN LANG HA	TRAN THI MAI LAN	*****240	2	CT10109458-CT10109459
CN TAN BINH	TRAN THI MAI LY	*****006	1	EB10000060-EB10000060
CN NHA TRANG	TRAN THI MAI LY	*****699	6	CT10164981-CT10164986
CN KIEN GIANG	TRAN THI MAI LY	*****741	1	CT10139123-CT10139123
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TRAN THI MAI MAI	*****339	5	CT10006075-CT10006079
PGD LACH TRAY 1	TRAN THI MAI NINH	*****441	17	CT10150635-CT10150651
CN LONG BIEN	TRAN THI MAI PHUONG	*****162	1	EB10000358-EB10000358
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI MAI THUONG	*****043	1	CT10134931-CT10134931
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI MAI THY	*****626	6	CT10123540-CT10123545
PGD VAN XUAN	TRAN THI MANH ANH	*****227	1	EB10000784-EB10000784
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN THI MINH	*****506	1	EB10002353-EB10002353
CN DA NANG	TRAN THI MINH ANH	*****919	6	CT10002172-CT10002177
PGD TUYEN SON	TRAN THI MINH ANH	*****919	5	DN10044071-DN10044075
PGD DAI TU	TRAN THI MINH HA	*****431	1	EB10003344-EB10003344
CN THAI NGUYEN	TRAN THI MINH HANG	*****850	2	CT10022153-CT10022154
CN SO GIAO DICH	TRAN THI MINH HAO	*****822	1	CT10081730-CT10081730
PGD CAM RANH	TRAN THI MINH HIEN	*****669	19	CT10130589-CT10130607
PGD NGOC HOI	TRAN THI MINH HUE	*****038	20	CT10038155-CT10038174
PGD THAI THINH	TRAN THI MINH HUE	*****643	4	CT10099988-CT10099991
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI MINH HUE	*****237	1	CT10033173-CT10033173
PGD NGUYEN NGOC NAI	TRAN THI MINH HUE	*****964	1	EB10000399-EB10000399

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI MINH HUONG	*****862	17	CT10031607-CT10031623
CN BAC NINH	TRAN THI MINH LOAN	*****779	1	EB10002458-EB10002458
PGD BOTANIC	TRAN THI MINH LOC	*****625	10	CT10014125-CT10014134
CN DONG DA	TRAN THI MINH LUONG	*****050	46	CT10015289-CT10015334
CN LANG HA	TRAN THI MINH NGUYET	*****587	5	TD10009201-TD10009205
PGD VINH YEN	TRAN THI MINH PHUONG	*****021	1	CT10068696-CT10068696
CN CAN THO	TRAN THI MINH TRANG	*****948	1	CT10000846-CT10000846
CN SAI GON	TRAN THI MONG THUONG	*****980	43	CT10089993-CT10090035
PGD LENIN	TRAN THI MY	*****240	6	CT10148321-CT10148326
PGD NGUYEN VAN CU	TRAN THI MY	*****516	5	DN10027219-DN10027223
CN SO GIAO DICH	TRAN THI MY DUNG	*****978	40	CT10097805-CT10097844
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI MY HANG	*****460	39	CT10103907-CT10103945
CN DONG DA	TRAN THI MY HANH	*****033	8	CT10025165-CT10025172
CN VUNG TAU	TRAN THI MY HANH	*****043	64	DN10087557-DN10087620
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN THI MY HANH	*****269	23	CT10115384-CT10115406
CN TAN BINH	TRAN THI MY HANH	*****464	70	DN10076812-DN10076881
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN THI MY HANH	*****341	18	CT10155001-CT10155018
PGD TRUONG QUANG TRONG	TRAN THI MY HAU	*****963	1	EB10001344-EB10001344
PGD NUI THANH	TRAN THI MY HUYEN	*****535	1	CT10120618-CT10120618
PGD XUAN KHANH	TRAN THI MY LE	*****972	1	CT10012564-CT10012564
SEABANK LE DUAN	TRAN THI MY LIEN	*****100	1	CT10028100-CT10028100
CN LONG BIEN	TRAN THI MY LINH	*****425	1	EB10003260-EB10003260
PGD HO TUNG MAU	TRAN THI MY LINH	*****620	22	CT10024828-CT10024849
SEABANK LE DUAN	TRAN THI MY LINH	*****176	8	CT10019487-CT10019494
CN TAN BINH	TRAN THI MY LINH	*****749	10	CT10027485-CT10027494
PGD QUAN THANH	TRAN THI MY LINH	*****962	1	CT10069830-CT10069830

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN AN GIANG	TRAN THI MY NHIEU	*****250	3	DN10060391-DN10060393
CN BINH DINH	TRAN THI MY PHUOC	*****237	2	DN10060384-DN10060385
PGD AU CO	TRAN THI MY TRINH	*****730	10	CT10132694-CT10132703
CN QUANG NGAI	TRAN THI MY YEN	*****329	1	EB10001747-EB10001747
HUB PAYROLL MB	TRAN THI NAM HAI	*****142	25	CT10077977-CT10078001
CN THAI NGUYEN	TRAN THI NAM PHUONG	*****539	1	EB10003162-EB10003162
CN HAI PHONG	TRAN THI NGA	*****114	9	CT10010797-CT10010805
CN SO GIAO DICH	TRAN THI NGA	*****808	1	CT10140213-CT10140213
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI NGA	*****343	1	EB10001905-EB10001905
PGD QUANG PHU	TRAN THI NGA	*****560	3	DN10078870-DN10078872
CN BAC NINH	TRAN THI NGA	*****721	5	DN10055256-DN10055260
CN NGHE AN	TRAN THI NGA	*****834	3	DN10107705-DN10107707
PGD THU DAU 1	TRAN THI NGAN	*****987	100	DN10055725-DN10055824
CN HAI AN	TRAN THI NGOAN	*****491	1	CT10148247-CT10148247
CN SAI GON	TRAN THI NGOC	*****093	10	CT10049164-CT10049173
CN DAI AN	TRAN THI NGOC	*****993	12	CT10130404-CT10130415
PGD XUAN KHANH	TRAN THI NGOC ANH	*****389	4	CT10167038-CT10167041
CN HA TINH	TRAN THI NGOC HA	*****648	4	CT10013388-CT10013391
PGD THANH SEN	TRAN THI NGOC HA	*****648	16	DN10027562-DN10027577
PGD CONG HOA	TRAN THI NGOC HUONG	*****107	3	CT10046934-CT10046936
CN TAN BINH	TRAN THI NGOC HUONG	*****882	2	CT10086173-CT10086174
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI NGOC HUYEN	*****220	1	CT10005663-CT10005663
CN TIEN GIANG	TRAN THI NGOC HUYEN	*****494	1	EB10002551-EB10002551
CN HA DONG	TRAN THI NGOC LAN	*****049	49	CT10087853-CT10087901
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC LAN	*****237	5	DN10094406-DN10094410
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC LE	*****459	4	DN10019858-DN10019860; EB10000362-EB10000362
CN CAU GIAY	TRAN THI NGOC LINH	*****342	10	TD10009121-TD10009130
CN SAI GON	TRAN THI NGOC LINH	*****868	2	CT10151463-CT10151464
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC LUA	*****277	5	DN10022478-DN10022482
CN THAI NGUYEN	TRAN THI NGOC MAI	*****418	10	CT10107196-CT10107205
CN HUE	TRAN THI NGOC MINH	*****133	2	CT10109664-CT10109665
PGD QUAN 1	TRAN THI NGOC NGA	*****241	20	CT10017647-CT10017661; TD10008551-TD10008555

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAN THO	TRAN THI NGOC NO	*****070	5	TD10010546-TD10010550
HUB PAYROLL MN	TRAN THI NGOC OANH	*****392	1	EB10001909-EB10001909
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC OANH	*****844	4	DN10081031-DN10081033; EB10001983-EB10001983
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC PHUC	*****460	1	EB10000809-EB10000809
PGD BA RIA	TRAN THI NGOC THACH	*****258	4	CT10072639-CT10072642
CN NHA TRANG	TRAN THI NGOC THUY	*****290	2	CT10135649-CT10135650
CN SAI GON	TRAN THI NGOC TRAM	*****639	1	CT10134497-CT10134497
PGD SAO DO	TRAN THI NGOC TU	*****579	1	EB10001541-EB10001541
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THI NGOC YEN	*****130	5	CT10102685-CT10102689
CN TIEN GIANG	TRAN THI NGOC YEN	*****149	1	EB10001235-EB10001235
PGD HAM NGHI	TRAN THI NGUYET	*****068	1	CT10054108-CT10054108
CN HAI PHONG	TRAN THI NGUYET	*****890	5	DN10094178-DN10094182
CN HA NOI	TRAN THI NGUYET ANH	*****259	1	CT10147295-CT10147295
PGD KHANH HOI	TRAN THI NGUYET THU	*****965	9	CT10065205-CT10065213
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THI NHAN	*****084	1	EB10001702-EB10001702
CN HAI AN	TRAN THI NHAN	*****442	1	EB10001585-EB10001585
PGD QUANG PHU	TRAN THI NHAT LINH	*****456	3	DN10004838-DN10004840
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI NHAT THANH	*****609	1	CT10121671-CT10121671
CN THANH XUAN	TRAN THI NHI	*****490	1	CT10162357-CT10162357
PGD TON DAN	TRAN THI NHU HOA	*****887	2	CT10113355-CT10113356
PGD KIM VAN	TRAN THI NHU PHUONG	*****373	1	EB10000679-EB10000679
CN NHA TRANG	TRAN THI NHU Y	*****259	1	CT10024161-CT10024161
CN HUE	TRAN THI NHU Y	*****886	3	DN10058657-DN10058659
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN THI NHUNG	*****149	5	CT10126873-CT10126876; EB10002320-EB10002320
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI NHUNG	*****718	25	CT10042509-CT10042533
CN CA MAU	TRAN THI NHUNG	*****311	5	CT10049341-CT10049345
CN VINH PHUC	TRAN THI NHUNG	*****551	6	CT10048101-CT10048106
CN BAC NINH	TRAN THI NU	*****455	1	EB10000949-EB10000949
CN DA NANG	TRAN THI NU	*****753	1	CT10075173-CT10075173
PGD SAO MAI	TRAN THI OANH	*****139	1	EB10002360-EB10002360

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	TRAN THI PHONG	*****963	3	DN10090275-DN10090277
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI PHUNG	*****787	5	DN10088458-DN10088462
CN HAI PHONG	TRAN THI PHUONG	*****046	3	CT10163316-CT10163318
CN BAC NINH	TRAN THI PHUONG	*****069	1	CT10121816-CT10121816
CN DAK LAK	TRAN THI PHUONG	*****072	5	DN10040034-DN10040038
CN LANG HA	TRAN THI PHUONG	*****093	1	CT10155465-CT10155465
CN DA NANG	TRAN THI PHUONG	*****109	1	EB10002261-EB10002261
PGD TRUNG HOA	TRAN THI PHUONG	*****220	1	CT10083885-CT10083885
PGD VAN QUAN	TRAN THI PHUONG	*****375	1	EB10001920-EB10001920
CN DAK LAK	TRAN THI PHUONG	*****692	5	DN10097563-DN10097567
CN HA TINH	TRAN THI PHUONG	*****719	22	CT10088806-CT10088827
CN LANG HA	TRAN THI PHUONG DUNG	*****329	3	CT10069185-CT10069187
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI PHUONG HAO	*****148	5	CT10000331-CT10000335
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THI PHUONG HOA	*****803	9	CT10002163-CT10002171
PGD DIEN BIEN PHU	TRAN THI PHUONG LINH	*****885	1	CT10099099-CT10099099
PGD XUAN LA	TRAN THI PHUONG NGAN	*****427	15	CT10128418-CT10128432
CN HAI PHONG	TRAN THI PHUONG THANH	*****179	10	CT10092727-CT10092731; TD10010501-TD10010505
HUB THE CHAP MB 1	TRAN THI PHUONG THAO	*****198	1	CT10155464-CT10155464
PGD TAY HO	TRAN THI PHUONG THAO	*****042	10	CT10000307-CT10000316
PGD CAM RANH	TRAN THI PHUONG THAO	*****113	1	CT10043707-CT10043707
CN CA MAU	TRAN THI PHUONG THAO	*****846	1	CT10012958-CT10012958
CN QUANG NGAI	TRAN THI PHUONG THU	*****768	5	DN10021870-DN10021874
CN HUE	TRAN THI PHUONG THY	*****564	5	CT10087250-CT10087254
CN TAN BINH	TRAN THI QUE	*****684	2	CT10083196-CT10083197
CN TAN BINH	TRAN THI QUY	*****095	1	CT10006231-CT10006231
PGD Krong Nang	TRAN THI QUY LINH	*****976	3	DN10060040-DN10060042
PGD LENIN	TRAN THI QUYEN	*****588	10	CT10151688-CT10151697

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KHAM THIEN	TRAN THI QUYEN	*****686	7	CT10050006-CT10050012
CN DONG NAI	TRAN THI QUYNH CHAU	*****658	2	CT10161578-CT10161579
PGD LANG THUONG	TRAN THI QUYNH CHI	*****927	1	EB10001774-EB10001774
CN THAI NGUYEN	TRAN THI QUYNH NGA	*****876	3	CT10001119-CT10001121
CN DA NANG	TRAN THI QUYNH NHU	*****886	1	CT10053597-CT10053597
CN BINH DINH	TRAN THI RO	*****976	2	DN10089711-DN10089712
PGD SAO DO	TRAN THI SAM	*****542	46	CT10012878-CT10012883; DN10026687-DN10026716; TD10008266-TD10008275
CN TAN BINH	TRAN THI SANG	*****062	4	DN10050568-DN10050571
PGD HOA BINH	TRAN THI SANG	*****062	11	CT10057462-CT10057472
PGD KIM VAN	TRAN THI SEN	*****649	14	CT10028409-CT10028422
PGD LE LOI	TRAN THI SINH	*****398	100	DN10045416-DN10045515
CN QUANG NGAI	TRAN THI SU	*****129	1	EB10003227-EB10003227
HUB PAYROLL MB	TRAN THI TAM	*****344	6	CT10029911-CT10029916
PGD TO HIEU	TRAN THI TAM	*****505	19	CT10106713-CT10106731
PGD PHU LAM	TRAN THI TAM	*****879	56	DN10065002-DN10065051; EB10001478-EB10001478; TD10001086-TD10001090
CN BINH DINH	TRAN THI TAM	*****924	3	DN10083937-DN10083939
PGD VAN QUAN	TRAN THI THAI BAO	*****068	1	EB10000745-EB10000745
CN SAI GON	TRAN THI THAI VAN	*****144	137	CT10164520-CT10164523; DN10109168-DN10109294; EB10002680-EB10002680; TD10008116-TD10008120
PGD LAN ONG	TRAN THI THAM	*****166	15	CT10048257-CT10048271
PGD VINH YEN	TRAN THI THAM	*****173	1	EB10002172-EB10002172
CN BAC NINH	TRAN THI THAM	*****542	7	CT10142433-CT10142439
PGD DAO TAN	TRAN THI THANH	*****258	9	CT10129810-CT10129818
PGD KHAM THIEN	TRAN THI THANH	*****321	23	CT10146329-CT10146351
CN BINH DINH	TRAN THI THANH	*****450	5	DN10045516-DN10045520
CN LANG HA	TRAN THI THANH	*****555	10	CT10060050-CT10060059
CN DONG DA	TRAN THI THANH BINH	*****212	14	CT10021160-CT10021173
CN NHA TRANG	TRAN THI THANH HANG	*****135	1	EB10000899-EB10000899

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HOANG DIEU	TRAN THI THANH HIEU	*****647	3	CT10080431-CT10080433
PGD NUI THANH	TRAN THI THANH HOA	*****416	1	EB10003115-EB10003115
PGD CAM PHA	TRAN THI THANH HOA	*****521	25	CT10025979-CT10026003
CN HAI AN	TRAN THI THANH HUONG	*****317	8	CT10090965-CT10090972
CN HA NOI	TRAN THI THANH HUONG	*****621	3	CT10114460-CT10114462
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THANH HUONG	*****808	1	CT10072252-CT10072252
PGD CONG HOA	TRAN THI THANH HUONG	*****995	11	DN10007572-DN10007581; EB10000288-EB10000288
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI THANH HUYEN	*****046	25	CT10091392-CT10091416
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI THANH HUYEN	*****182	3	CT10000619-CT10000621
CN TAN THANH	TRAN THI THANH HUYEN	*****386	27	CT10041494-CT10041520
SEABANK LE DUAN	TRAN THI THANH LE	*****497	7	CT10152306-CT10152312
PGD KIM VAN	TRAN THI THANH LOAN	*****807	99	CT10012959-CT10013057
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN THI THANH MAI	*****491	12	CT10165031-CT10165042
CN NGHE AN	TRAN THI THANH NGA	*****327	4	CT10033848-CT10033851
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI THANH NGA	*****554	2	CT10157214-CT10157215
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI THANH NGA	*****741	22	CT10040123-CT10040144
CN DA NANG	TRAN THI THANH NHAN	*****495	2	CT10020075-CT10020076
CN SAI GON	TRAN THI THANH NHAN	*****526	25	CT10109032-CT10109056
CN SAI GON	TRAN THI THANH PHUONG	*****160	75	CT10068200-CT10068204; DN10020641-DN10020705; TD10006736-TD10006740
CN LONG BIEN	TRAN THI THANH QUY	*****165	2	CT10036522-CT10036523
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN THI THANH TAM	*****062	8	CT10038599-CT10038601; TD10001181-TD10001185
PGD TRUNG HOA	TRAN THI THANH TAM	*****610	2	CT10069408-CT10069409

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	TRAN THI THANH TAM	*****650	57	CT10067512-CT10067512; DN10001798-DN10001842; EB10000084-EB10000084; TD10005536-TD10005545
CN CAU GIAY	TRAN THI THANH THAO	*****002	49	CT10139338-CT10139386
PGD QUAN 10	TRAN THI THANH THAO	*****514	15	CT10105349-CT10105363
PGD DA KAO	TRAN THI THANH THUY	*****074	3	CT10034182-CT10034184
CN AN GIANG	TRAN THI THANH THUY	*****085	1	CT10073775-CT10073775
CN SAI GON	TRAN THI THANH THUY	*****113	1	CT10111271-CT10111271
CN HUE	TRAN THI THANH THUY	*****424	11	CT10010677-CT10010687
CN CA MAU	TRAN THI THANH THUY	*****525	34	CT10071275-CT10071277; DN10021952-DN10021976; EB10000522-EB10000522; TD10007046-TD10007050
CN AN GIANG	TRAN THI THANH THUY	*****531	3	CT10140047-CT10140049
PGD QUAN 10	TRAN THI THANH THUY	*****561	1	EB10001589-EB10001589
PGD NGUYEN CONG TRU	TRAN THI THANH THUY	*****811	20	CT10166936-CT10166955
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THANH THUY	*****907	3	CT10074763-CT10074765
CN LANG HA	TRAN THI THANH THUY	*****762	9	CT10124610-CT10124618
PGD QUANG PHU	TRAN THI THANH TRUC	*****339	5	DN10111850-DN10111854
PGD HONG BANG	TRAN THI THANH VAN	*****533	20	CT10145421-CT10145440
PGD HAI DANG	TRAN THI THANH VAN	*****786	1	CT10020376-CT10020376
CN HA DONG	TRAN THI THANH XUAN	*****054	1	EB10002500-EB10002500
PGD HAO NAM	TRAN THI THANH XUAN	*****211	5	TD10008216-TD10008220
CN LONG BIEN	TRAN THI THANH XUAN	*****281	16	CT10105617-CT10105632

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VINH HOANG	TRAN THI THANH XUAN	*****468	111	CT10024223-CT10024333
CN BINH DINH	TRAN THI THANH XUAN	*****987	3	DN10067494-DN10067496
CN THANH HOA	TRAN THI THAO	*****384	17	DN10081348-DN10081364
PGD BACH MAI	TRAN THI THAO	*****510	8	CT10155599-CT10155606
CN HAI DUONG	TRAN THI THAO	*****923	9	CT10054437-CT10054445
CN DAI AN	TRAN THI THAO	*****980	314	DN10086020-DN10086333
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THAO	*****980	5	CT10013293-CT10013297
CN TAN BINH	TRAN THI THAO NGUYEN	*****239	9	CT10028243-CT10028251
CN SAI GON	TRAN THI THAO NGUYEN	*****913	1	EB10003329-EB10003329
CN DAK LAK	TRAN THI THAO VI	*****264	3	CT10113688-CT10113690
CN HAI PHONG	TRAN THI THE	*****601	5	DN10073894-DN10073898
CN VINH PHUC	TRAN THI THOM	*****648	5	CT10089073-CT10089077
CN NGHE AN	TRAN THI THOM	*****948	1	CT10099345-CT10099345
PGD LE CHAN	TRAN THI THU	*****712	1	EB10003300-EB10003300
CN SO GIAO DICH	TRAN THI THU	*****040	57	CT10140113-CT10140169
CN DAK LAK	TRAN THI THU	*****451	2	CT10020230-CT10020231
CN SO GIAO DICH	TRAN THI THU	*****588	10	CT10036864-CT10036873
PGD HA LONG	TRAN THI THU ANH	*****580	4	CT10015448-CT10015451
CN VUNG TAU	TRAN THI THU BINH	*****179	1	CT10132901-CT10132901
CN THAI NGUYEN	TRAN THI THU BINH	*****741	7	CT10031160-CT10031166
CN HAI AN	TRAN THI THU GIANG	*****439	10	DN10081258-DN10081267
CN HAI DUONG	TRAN THI THU GIANG	*****905	2	CT10135206-CT10135207
CN DONG DA	TRAN THI THU HA	*****352	19	CT10149286-CT10149304
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THU HA	*****332	14	CT10143601-CT10143614
PGD AU CO	TRAN THI THU HA	*****403	12	CT10119213-CT10119224
CN SAI GON	TRAN THI THU HA	*****493	3	CT10059853-CT10059855
PGD SAI DONG	TRAN THI THU HA	*****988	1	CT10091496-CT10091496
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI THU HANG	*****015	1	CT10003620-CT10003620
PGD VINH YEN	TRAN THI THU HANG	*****439	1	EB10003147-EB10003147
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI THU HANG	*****540	1	EB10002824-EB10002824
CN LANG HA	TRAN THI THU HIEN	*****461	98	CT10012094-CT10012191
PGD NGOC HOI	TRAN THI THU HIEN	*****992	1	EB10002941-EB10002941

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 2	TRAN THI THU HIEN	*****670	4	CT10021324-CT10021327
CN THANH XUAN	TRAN THI THU HIEN	*****673	5	CT10034633-CT10034637
CN VINH PHUC	TRAN THI THU HIEN	*****747	1	CT10114843-CT10114843
CN NGHE AN	TRAN THI THU HIEN	*****908	20	CT10045651-CT10045670
CN DA NANG	TRAN THI THU HOA	*****799	1	CT10096097-CT10096097
CN PHU MY HUNG	TRAN THI THU HUE	*****229	81	DN10097801-DN10097880; EB10001070-EB10001070
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN THI THU HUONG	*****232	24	CT10015626-CT10015649
PGD HO TUNG MAU	TRAN THI THU HUONG	*****556	25	CT10013449-CT10013473
CN DAI AN	TRAN THI THU HUONG	*****086	7	CT10115048-CT10115054
PGD VINH YEN	TRAN THI THU HUONG	*****113	30	CT10060442-CT10060471
PGD DOI CAN	TRAN THI THU HUONG	*****155	1	EB10002389-EB10002389
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THU HUONG	*****374	4	CT10155542-CT10155545
CN LONG BIEN	TRAN THI THU HUONG	*****493	7	CT10128673-CT10128679
PGD TRAN KHAT CHAN	TRAN THI THU HUONG	*****495	1	CT10072366-CT10072366
PGD NUI THANH	TRAN THI THU HUONG	*****802	1	EB10003233-EB10003233
CN THANH HOA	TRAN THI THU HUYEN	*****342	64	CT10096750-CT10096757; DN10051170-DN10051219; EB10000805-EB10000805; TD10010871-TD10010875
CN BAC NINH	TRAN THI THU PHUONG	*****883	19	CT10044535-CT10044553
HUB PAYROLL MN	TRAN THI THU SUONG	*****488	1	EB10001023-EB10001023
CN TAN THANH	TRAN THI THU THAO	*****738	22	CT10140798-CT10140819
PGD HO TUNG MAU	TRAN THI THU THEU	*****666	14	CT10135967-CT10135980
CN DAI AN	TRAN THI THU THUY	*****009	50	CT10044259-CT10044308
CN BINH DINH	TRAN THI THU THUY	*****478	3	DN10022742-DN10022744
PGD HA LONG	TRAN THI THU THUY	*****576	2	CT10090088-CT10090089
PGD PHU LAM	TRAN THI THU THUY	*****676	10	CT10044688-CT10044697
PGD TRUNG NHI	TRAN THI THU THUY	*****721	13	CT10006259-CT10006271
CN DONG DA	TRAN THI THU TRANG	*****309	5	TD10002846-TD10002850
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THU TRANG	*****756	15	CT10161517-CT10161531
PGD THANH CONG	TRAN THI THU TRANG	*****140	5	CT10138016-CT10138020

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI THU TRANG	*****822	1	CT10089554-CT10089554
CN DONG NAI	TRAN THI THU TRINH	*****332	65	CT10054545-CT10054551; DN10078223-DN10078275; TD10003376-TD10003380
CN NHA TRANG	TRAN THI THU UYEN	*****059	1	EB10000897-EB10000897
PGD BACH MAI	TRAN THI THU UYEN	*****671	1	EB10002605-EB10002605
SEABANK LE DUAN	TRAN THI THU VAN	*****884	12	CT10082550-CT10082561
PGD LAN ONG	TRAN THI THU XUAN	*****047	21	CT10104782-CT10104802
CN NHA TRANG	TRAN THI THUC TRANG	*****935	5	DN10024887-DN10024891
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI THUONG	*****930	1	EB10002597-EB10002597
PGD LE THAI TO	TRAN THI THUY	*****305	1	CT10027279-CT10027279
CN HAI PHONG	TRAN THI THUY	*****965	1	CT10010951-CT10010951
CN HUE	TRAN THI THUY	*****158	27	CT10039697-CT10039723
SEABANK LE DUAN	TRAN THI THUY	*****486	1	EB10000302-EB10000302
CN HA NOI	TRAN THI THUY	*****653	5	CT10095061-CT10095065
CN HAI AN	TRAN THI THUY	*****908	10	CT10136887-CT10136896
PGD VINH HAI	TRAN THI THUY	*****350	7	CT10013160-CT10013166
CN HA DONG	TRAN THI THUY AN	*****038	19	CT10069919-CT10069937
CN BINH DINH	TRAN THI THUY BICH	*****099	2	DN10032231-DN10032232
CN HAI AN	TRAN THI THUY CHINH	*****040	1	CT10141350-CT10141350
CN NHA TRANG	TRAN THI THUY DUNG	*****413	1	EB10002104-EB10002104
CN HA NOI	TRAN THI THUY DUONG	*****733	32	CT10103857-CT10103888
PGD TIEN AN	TRAN THI THUY DUONG	*****219	76	DN10066472-DN10066536; EB10001564-EB10001564; TD10001301-TD10001310
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI THUY DUONG	*****878	24	CT10107674-CT10107697
PGD LAN ONG	TRAN THI THUY HANG	*****395	1	CT10147759-CT10147759
PGD LAN ONG	TRAN THI THUY HOA	*****140	15	CT10028495-CT10028508; EB10000668-EB10000668
PGD DIEN BIEN PHU	TRAN THI THUY KIEU	*****912	15	CT10130321-CT10130335
CN DAI AN	TRAN THI THUY LINH	*****015	12	CT10058009-CT10058020

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KIM VAN	TRAN THI THUY MINH	*****188	75	CT10082200-CT10082274
CN CA MAU	TRAN THI THUY NHAN	*****109	3	CT10033107-CT10033109
CN HUE	TRAN THI THUY NHI	*****594	16	CT10164849-CT10164864
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI THUY TIEN	*****395	7	CT10016165-CT10016171
CN QUANG NGAI	TRAN THI THUY TRAM	*****457	3	DN10050565-DN10050567
PGD QUAN 10	TRAN THI THUY TRANG	*****027	1	CT10137434-CT10137434
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI THUY TRANG	*****734	1	CT10161330-CT10161330
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI THUY TRANG	*****226	1	EB10003030-EB10003030
CN SO GIAO DICH	TRAN THI THUY TRANG	*****260	5	CT10063736-CT10063740
CN BINH DINH	TRAN THI THUY TRANG	*****533	3	DN10040303-DN10040305
CN BINH DINH	TRAN THI TIEU MY	*****716	1	DN10018974-DN10018974
CN BAC NINH	TRAN THI TINH	*****025	10	CT10033148-CT10033157
CN QUANG NGAI	TRAN THI TINH	*****181	3	DN10023452-DN10023454
CN HUE	TRAN THI TO TRINH	*****330	2	CT10065104-CT10065105
PGD DUC PHO	TRAN THI TOAN	*****075	5	CT10087554-CT10087558
PGD VAN XUAN	TRAN THI TRA MY	*****265	15	CT10094493-CT10094507
CN DAI AN	TRAN THI TRA MY	*****381	34	CT10153111-CT10153144
CN BINH DINH	TRAN THI TRAM	*****547	5	DN10021920-DN10021924
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI TRAM	*****910	1	CT10123016-CT10123016
CN HA NOI	TRAN THI TRANG NHUNG	*****021	14	CT10081005-CT10081018
CN SAI GON	TRAN THI TRIEU BINH	*****194	9	CT10088665-CT10088673
PGD LAN ONG	TRAN THI TRINH	*****234	4	CT10068759-CT10068762
PGD TRUNG NHI	TRAN THI TRINH	*****235	1	EB10003215-EB10003215
CN BINH DINH	TRAN THI TRUC LINH	*****621	1	CT10130038-CT10130038
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN THI TRUC LY	*****446	10	CT10000287-CT10000296
CN BINH DUONG	TRAN THI TRUC NI	*****964	1	EB10000128-EB10000128
CN DONG NAI	TRAN THI TU	*****066	2	CT10060619-CT10060620
CN TAN BINH	TRAN THI TU QUY	*****317	1	CT10022578-CT10022578
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI TUYEN	*****167	1	EB10002895-EB10002895
CN HA NOI	TRAN THI TUYET	*****346	25	CT10048026-CT10048050

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD PHU MY - BINH DINH	TRAN THI TUYET	*****636	5	DN10048253-DN10048257
CN HAI AN	TRAN THI TUYET	*****989	1	EB10002976-EB10002976
CN TAN BINH	TRAN THI TUYET ANH	*****075	1	CT10057897-CT10057897
CN SO GIAO DICH	TRAN THI TUYET LAN	*****017	1	CT10145549-CT10145549
PGD MY CA	TRAN THI TUYET MAI	*****607	1	EB10002826-EB10002826
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THI TUYET NHUNG	*****311	41	CT10150668-CT10150708
CN VUNG TAU	TRAN THI TUYET NHUNG	*****487	32	CT10121338-CT10121369
CN AN GIANG	TRAN THI TUYET NHUNG	*****878	3	DN10031294-DN10031296
SEABANK LE DUAN	TRAN THI UYEN GIANG	*****157	9	CT10000297-CT10000305
CN NHA TRANG	TRAN THI UYEN UYEN	*****761	7	CT10014046-CT10014052
CN DONG DA	TRAN THI VAN	*****138	15	CT10041171-CT10041185
CN DAK LAK	TRAN THI VAN	*****560	5	DN10109468-DN10109472
CN HA TINH	TRAN THI VAN	*****754	3	CT10044309-CT10044311
CN CAN THO	TRAN THI VAN ANH	*****174	3	CT10102460-CT10102462
PGD TRAN PHU	TRAN THI VAN ANH	*****436	7	CT10122205-CT10122211
CN QUANG NINH	TRAN THI VAN ANH	*****650	3	CT10090675-CT10090677
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THI VAN ANH	*****387	3	CT10124290-CT10124292
PGD THAI THINH	TRAN THI VAN ANH	*****401	1	EB10002167-EB10002167
PGD NUI THANH	TRAN THI VAN ANH	*****413	7	CT10117006-CT10117012
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THI VAN HA	*****559	1	CT10106838-CT10106838
CN HA TINH	TRAN THI VAN HIEN	*****900	6	CT10132299-CT10132304
CN CAU GIAY	TRAN THI VANG	*****902	28	CT10035491-CT10035518
CN THANH XUAN	TRAN THI VIET BINH	*****004	2	CT10102090-CT10102091
CN HA TINH	TRAN THI VIET DUNG	*****707	2	CT10116916-CT10116917
CN BINH DINH	TRAN THI VIET HANH	*****393	3	DN10045392-DN10045394
PGD HO TUNG MAU	TRAN THI VINH	*****408	2	CT10006978-CT10006979
CN BAC NINH	TRAN THI XA MI	*****252	5	TD10003996-TD10004000
CN NHA TRANG	TRAN THI XINH	*****497	5	DN10105272-DN10105276
CN HA TINH	TRAN THI XOAN	*****798	5	DN10101346-DN10101350
CN BINH DINH	TRAN THI XUAN	*****774	5	DN10076410-DN10076414
CN NHA TRANG	TRAN THI XUAN AN	*****749	2	CT10021608-CT10021609

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	TRAN THI XUAN HUONG	*****453	31	CT10033934-CT10033964
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THI XUAN QUYNH	*****168	5	CT10107629-CT10107633
CN BINH DUONG	TRAN THI XUAN THUY	*****782	10	DN10039838-DN10039841; EB10003200-EB10003200; TD10009626-TD10009630
CN CAN THO	TRAN THI XUAN YEN	*****629	3	CT10083159-CT10083161
CN NHA TRANG	TRAN THI Y NHI	*****208	1	CT10118300-CT10118300
PGD YEN PHU	TRAN THI YEN HA	*****192	5	CT10061065-CT10061069
PGD CAM RANH	TRAN THI YEN NHI	*****435	10	TD10007541-TD10007550
CN SAI GON	TRAN THIEN THANH	*****985	19	CT10142472-CT10142490
CN BINH DUONG	TRAN THIEN THO	*****605	3	CT10123067-CT10123069
PGD TUYEN SON	TRAN THIEN THONG	*****058	1	EB10000748-EB10000748
CN DAI AN	TRAN THINH PHONG	*****027	1	CT10139834-CT10139834
CN KIEN GIANG	TRAN THO	*****810	2	CT10123399-CT10123400
PGD TIEN AN	TRAN THO DANG	*****783	7	CT10034531-CT10034537
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THO KHANG	*****046	24	CT10120021-CT10120044
PGD TRAN PHU	TRAN THO TOAN	*****739	35	CT10130984-CT10131018
HUB PAYROLL MB	TRAN THU HA	*****032	25	CT10024079-CT10024103
CN HA DONG	TRAN THU HA	*****389	2	CT10137844-CT10137845
CN BAC NINH	TRAN THU HA	*****644	16	CT10158004-CT10158009; TD10003936-TD10003945
CN CAU GIAY	TRAN THU HA	*****845	1	CT10161702-CT10161702
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TRAN THU HANG	*****697	12	CT10111884-CT10111895
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THU HANG	*****327	6	CT10147753-CT10147758
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THU HANG	*****349	4	CT10057744-CT10057747
PGD HO TUNG MAU	TRAN THU HANG	*****712	1	CT10011270-CT10011270
PGD KIM LIEN	TRAN THU HIEN	*****243	5	TD10000236-TD10000240
CN DONG DA	TRAN THU HIEN	*****931	5	TD10002026-TD10002030
PGD HAO NAM	TRAN THU HUONG	*****807	9	CT10079510-CT10079518
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN THU HUONG	*****309	24	CT10041255-CT10041278
CN SO GIAO DICH	TRAN THU HUONG	*****970	5	TD10002826-TD10002830
PGD BACH MAI	TRAN THU HUYEN	*****844	15	CT10066672-CT10066686

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA NOI	TRAN THU LAN	*****227	57	CT10014870-CT10014926
CN HA NOI	TRAN THU PHUONG	*****063	1	CT10024357-CT10024357
CN HAI DUONG	TRAN THU PHUONG	*****653	4	CT10144156-CT10144159
CN DAI AN	TRAN THU THUY	*****664	49	DN10004564-DN10004606; EB10000212-EB10000212; TD10006041-TD10006045
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THU THUY	*****453	1	EB10001076-EB10001076
PGD TON THAT TUNG	TRAN THU THUY	*****962	10	CT10156978-CT10156987
CN THANH XUAN	TRAN THU TRANG	*****812	9	CT10149602-CT10149610
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN THU TRANG	*****510	16	CT10157263-CT10157278
CN TP. HO CHI MINH	TRAN THUC NGAN	*****531	1	EB10002733-EB10002733
PGD DI AN	TRAN THUC THANH	*****459	7	CT10043337-CT10043343
CN CA MAU	TRAN THUY AN	*****786	1	CT10008891-CT10008891
CN CA MAU	TRAN THUY DAN	*****884	1	CT10161667-CT10161667
CN VUNG TAU	TRAN THUY DUNG	*****598	1	CT10037782-CT10037782
PGD LACH TRAY 1	TRAN THUY DUONG	*****348	1	EB10002691-EB10002691
CN HAI DUONG	TRAN THUY HUONG	*****083	1	CT10091285-CT10091285
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN THUY LINH	*****547	14	CT10097521-CT10097534
CN HA NOI	TRAN THUY LINH	*****179	2	CT10026474-CT10026475
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN THUY LINH	*****305	7	CT10161005-CT10161011
CN AN GIANG	TRAN THUY MY	*****945	11	CT10009001-CT10009011
CN KIEN GIANG	TRAN THUY NGA	*****570	1	EB10001357-EB10001357
CN DONG DA	TRAN THUY NGOC	*****159	25	CT10001727-CT10001751
CN TAN BINH	TRAN THUY THUY TRAM	*****120	36	DN10087944-DN10087973; EB10002194-EB10002194; TD10004406-TD10004410
PGD DAO TAN	TRAN THUY TRANG	*****338	13	CT10026996-CT10027003; TD10010196-TD10010200
CN THANH XUAN	TRAN THUY TRANG	*****230	1	CT10041715-CT10041715
CN HA NOI	TRAN THUY TRANG	*****526	18	CT10082767-CT10082784
CN HAI PHONG	TRAN THUY VAN	*****543	1	CT10154021-CT10154021
CN LANG HA	TRAN THUY VY	*****114	3	CT10140831-CT10140833
PGD DIEN KHANH	TRAN TIEN	*****016	2	CT10061552-CT10061553
PGD BA TRIEU	TRAN TIEN DAT	*****475	4	CT10051162-CT10051165

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN TIEN DAT	*****752	2	CT10108831-CT10108832
PGD VAN QUAN	TRAN TIEN DUNG	*****031	46	CT10106556-CT10106601
CN HA DONG	TRAN TIEN DUNG	*****880	57	CT10005939-CT10005995
CN DONG DA	TRAN TIEN DUNG	*****892	1	EB10001156-EB10001156
PGD TIEN AN	TRAN TIEN HIEN	*****512	1	EB10002644-EB10002644
CN CA MAU	TRAN TIEN MANH	*****356	1	EB10001332-EB10001332
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN TIEN MANH	*****628	1	CT10159648-CT10159648
CN PHU MY HUNG	TRAN TIEN SI	*****734	1	CT10154467-CT10154467
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN TIEN SONG	*****186	49	CT10076899-CT10076902; DN10107377-DN10107416; TD10007886-TD10007890
CN QUANG NINH	TRAN TIEN THANH	*****099	5	CT10139025-CT10139029
CN NHA TRANG	TRAN TIEN TOI	*****808	1	EB10000848-EB10000848
CN SO GIAO DICH	TRAN TIEN TRUNG	*****504	8	CT10009170-CT10009177
CN HUE	TRAN TIEU HAI	*****984	15	CT10080282-CT10080296
PGD KIM VAN	TRAN TO HIEU	*****574	1	EB10000121-EB10000121
CN NHA TRANG	TRAN TO TRINH	*****500	3	DN10090901-DN10090903
CN LONG BIEN	TRAN TRA GIANG	*****434	5	CT10157558-CT10157562
PGD THANH CONG	TRAN TRAM ANH	*****409	52	CT10140473-CT10140524
CN LANG HA	TRAN TRI THANH	*****077	82	CT10120664-CT10120745
CN TAN BINH	TRAN TRI THUC	*****073	14	CT10030866-CT10030879
CN THAI NGUYEN	TRAN TRI TRUNG	*****819	2	CT10081918-CT10081919
CN DAI AN	TRAN TRI TUAN	*****200	3	CT10035307-CT10035309
CN CA MAU	TRAN TRIEU TIEN	*****111	14	CT10032086-CT10032086; DN10049010-DN10049016; EB10000715-EB10000715; TD10010576-TD10010580
CN TP. HO CHI MINH	TRAN TRONG BINH	*****919	4	CT10065428-CT10065431
PGD SAI DONG	TRAN TRONG DAT	*****014	1	EB10001870-EB10001870
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN TRONG HOANG	*****367	2	CT10110068-CT10110069
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN TRONG HUU	*****033	2	CT10110117-CT10110118
PGD THANH CONG	TRAN TRONG QUAN	*****390	50	CT10135551-CT10135600
CN VINH PHUC	TRAN TRONG QUYNH	*****524	12	CT10080908-CT10080919
CN HA DONG	TRAN TRONG SON	*****834	3	CT10139330-CT10139332
CN DONG NAI	TRAN TRONG TAN	*****091	1	EB10002347-EB10002347

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	TRAN TRONG TAN	*****186	12	CT10136671-CT10136682
PGD HONG BANG	TRAN TRONG TAN	*****416	1	CT10044144-CT10044144
CN HA DONG	TRAN TRONG THANH	*****602	1	EB10002215-EB10002215
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN TRONG TUAN	*****851	2	CT10073818-CT10073819
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN TRONG TUE	*****329	18	CT10150373-CT10150390
CN CAU GIAY	TRAN TRUNG DUNG	*****035	9	CT10075259-CT10075267
PGD CAM RANH	TRAN TRUNG DUNG	*****277	110	DN10021649-DN10021758
CN HA NOI	TRAN TRUNG HA	*****176	3	CT10096474-CT10096476
CN VINH PHUC	TRAN TRUNG HAI	*****073	4	CT10066621-CT10066624
CN DA NANG	TRAN TRUNG HAU	*****201	15	CT10066330-CT10066344
PGD PHU HUNG	TRAN TRUNG HIEU	*****474	14	CT10057448-CT10057461
CN LONG BIEN	TRAN TRUNG HIEU	*****112	1	CT10022493-CT10022493
PGD LANG THUONG	TRAN TRUNG KIEN	*****101	3	CT10043704-CT10043706
HUB PAYROLL MB	TRAN TRUNG KIEN	*****135	16	CT10014249-CT10014264
CN VINH PHUC	TRAN TRUNG KIEN	*****723	2	CT10060657-CT10060658
CN HAI PHONG	TRAN TRUNG KIEN	*****242	5	CT10160249-CT10160253
PGD GIA LAM	TRAN TRUNG KIEN	*****403	12	CT10113628-CT10113639
PGD LE QUANG DINH	TRAN TRUNG KIEN	*****664	40	CT10109389-CT10109428
CN THAI NGUYEN	TRAN TRUNG KIEN	*****669	6	CT10006534-CT10006539
CN LANG HA	TRAN TRUNG LAI	*****318	10	CT10163162-CT10163171
PGD LACH TRAY 2	TRAN TRUNG NHAN	*****636	1	EB10000317-EB10000317
CN AN GIANG	TRAN TRUNG THANH	*****555	9	CT10076114-CT10076122
CN NGHE AN	TRAN TRUNG THONG	*****181	1	CT10075487-CT10075487
PGD TRAN NGUYEN HAN	TRAN TRUNG TIEN	*****352	2	CT10126403-CT10126404
CN HAI PHONG	TRAN TRUNG TIEN	*****446	8	CT10106732-CT10106739
CN HA DONG	TRAN TRUNG TIEN	*****553	1	EB10001882-EB10001882
PGD VINH HAI	TRAN TRUNG TRI	*****841	1	CT10161672-CT10161672
PGD HOANG DIEU	TRAN TRUONG QUOC THANG	*****676	7	CT10109676-CT10109682
CN SO GIAO DICH	TRAN TRUONG SON	*****632	1	EB10001087-EB10001087
CN CAN THO	TRAN TRUONG THANH	*****907	2	CT10144588-CT10144589
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN TU CUONG	*****102	9	CT10034883-CT10034891
CN HA TINH	TRAN TU DUC	*****127	1	CT10102506-CT10102506

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	TRAN TU NGOC	*****507	6	CT10166230-CT10166235
CN HA DONG	TRAN TUAN ANH	*****133	75	CT10007107-CT10007181
CN DONG DA	TRAN TUAN ANH	*****179	4	CT10164945-CT10164948
PGD THANH CONG	TRAN TUAN ANH	*****547	2	CT10022295-CT10022296
PGD TUYEN SON	TRAN TUAN ANH	*****167	9	CT10010248-CT10010256
CN HAI PHONG	TRAN TUAN ANH	*****310	1	CT10129303-CT10129303
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN TUAN ANH	*****374	17	CT10011696-CT10011712
PGD BA TRIEU	TRAN TUAN ANH	*****478	1	CT10043347-CT10043347
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN TUAN ANH	*****577	24	CT10020530-CT10020553
PGD LANG THUONG	TRAN TUAN ANH	*****957	1	EB10000797-EB10000797
CN DAI AN	TRAN TUAN ANH	*****991	42	CT10138227-CT10138268
CN SAI GON	TRAN TUAN ANH	*****995	1	EB10000529-EB10000529
PGD SOC SON	TRAN TUAN DAT	*****120	3	CT10154883-CT10154885
CN CAU GIAY	TRAN TUAN DUC	*****473	30	CT10158500-CT10158529
PGD HOA BINH	TRAN TUAN DUNG	*****186	10	CT10070266-CT10070275
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN TUAN DUNG	*****820	3	CT10059634-CT10059636
PGD LE QUANG DINH	TRAN TUAN HAI	*****229	22	CT10008709-CT10008730
CN THAI NGUYEN	TRAN TUAN LINH	*****224	14	CT10097736-CT10097749
PGD XUAN LA	TRAN TUAN SINH	*****256	30	CT10015904-CT10015933
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN TUAN VIET	*****116	5	DN10045872-DN10045875; EB10003340-EB10003340
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRAN TUNG	*****349	1	CT10000916-CT10000916
PGD SOC SON	TRAN TUNG ANH	*****325	82	CT10021831-CT10021836; DN10036902-DN10036971; EB10003072-EB10003072; TD10009326-TD10009330
PGD XUAN LA	TRAN TUNG LAM	*****810	50	DN10094411-DN10094460
PGD KIM VAN	TRAN TUYEN	*****129	1	EB10000045-EB10000045
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN TUYET ANH	*****082	62	CT10091317-CT10091378
CN AN GIANG	TRAN TUYET LAN	*****826	3	DN10032233-DN10032235
PGD BA TRIEU	TRAN TUYET MAI	*****744	8	CT10072295-CT10072302
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN TUYET NGA	*****468	25	CT10027866-CT10027890

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN ANH	*****318	24	CT10137588-CT10137611
PGD LAC LONG QUAN	TRAN VAN ANH	*****508	5	CT10021178-CT10021182
PGD VINH YEN	TRAN VAN ANH	*****979	5	CT10062082-CT10062086
PGD HO DAC DI	TRAN VAN BA	*****943	1	CT10087328-CT10087328
CN THAI NGUYEN	TRAN VAN BAO	*****028	10	CT10143003-CT10143007; TD10011031-TD10011035
PGD LACH TRAY 2	TRAN VAN BAO	*****125	2	CT10036256-CT10036257
CN KIEN GIANG	TRAN VAN BAO	*****299	2	CT10082403-CT10082404
PGD VINH YEN	TRAN VAN BIEN	*****086	1	CT10111270-CT10111270
CN HAI PHONG	TRAN VAN BINH	*****573	8	CT10007530-CT10007532; TD10007446-TD10007450
CN DA NANG	TRAN VAN BINH	*****335	2	CT10063455-CT10063455; EB10000011-EB10000011
CN CA MAU	TRAN VAN BINH	*****752	3	CT10099230-CT10099232
CN SAI GON	TRAN VAN BON	*****253	2	CT10132125-CT10132126
CN CAN THO	TRAN VAN CHANH	*****554	4	CT10115184-CT10115187
PGD TRUONG THI	TRAN VAN CHINH	*****522	7	CT10059046-CT10059052
CN SAI GON	TRAN VAN CHINH	*****905	7	CT10028187-CT10028193
PGD VAN QUAN	TRAN VAN CONG	*****258	1	EB10000304-EB10000304
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN VAN CONG	*****538	8	CT10120345-CT10120352
PGD HO TUNG MAU	TRAN VAN CU	*****460	20	CT10096103-CT10096122
PGD THU DUC	TRAN VAN CUONG	*****100	316	DN10022165-DN10022474; EB10000495-EB10000495; TD10007001-TD10007005
PGD VINH YEN	TRAN VAN CUONG	*****141	151	CT10051493-CT10051502; DN10075854-DN10075983; EB10001818-EB10001818; TD10003081-TD10003090
PGD THANH DONG	TRAN VAN CUONG	*****219	2	CT10065494-CT10065495
CN NHA TRANG	TRAN VAN DAI	*****338	16	CT10018762-CT10018777
PGD THAI THINH	TRAN VAN DAN	*****491	8	CT10085971-CT10085978
CN HAI PHONG	TRAN VAN DANG	*****018	1	CT10155524-CT10155524
CN BAC NINH	TRAN VAN DAO	*****760	7	CT10027817-CT10027823
HUB PAYROLL MB	TRAN VAN DAT	*****166	24	CT10144606-CT10144629
CN HA TINH	TRAN VAN DAT	*****118	14	CT10049627-CT10049640
PGD QUAN 1	TRAN VAN DAT	*****930	2	CT10042254-CT10042255

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN KIEN GIANG	TRAN VAN DIEN	*****952	4	CT10120604-CT10120607
CN HAI AN	TRAN VAN DINH	*****399	1	CT10144316-CT10144316
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN DO	*****337	24	CT10115409-CT10115432
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN VAN DOAN	*****838	7	CT10118041-CT10118047
PGD VINH YEN	TRAN VAN DOAN	*****439	4	CT10009119-CT10009122
CN KIEN GIANG	TRAN VAN DONG	*****330	46	CT10073154-CT10073156; DN10023702-DN10023739; TD10007111-TD10007115
CN AN GIANG	TRAN VAN DUA	*****121	11	DN10061063-DN10061067; EB10001311-EB10001311; TD10000521-TD10000525
PGD YEN PHU	TRAN VAN DUC	*****357	1	CT10084760-CT10084760
CN TIEN GIANG	TRAN VAN DUC	*****027	27	CT10040216-CT10040220; DN10065478-DN10065489; TD10001191-TD10001200
PGD THANH SEN	TRAN VAN DUC	*****706	30	DN10065448-DN10065477
CN HA DONG	TRAN VAN DUC	*****810	1	EB10002106-EB10002106
PGD KHANH HOI	TRAN VAN DUC	*****934	1	EB10002241-EB10002241
PGD KIM VAN	TRAN VAN DUNG	*****133	10	DN10002165-DN10002174
CN DONG NAI	TRAN VAN DUNG	*****147	4	CT10137832-CT10137835
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN VAN DUNG	*****438	2	CT10019477-CT10019478
CN TAN BINH	TRAN VAN DUNG	*****700	3	CT10143256-CT10143258
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN VAN DUNG	*****791	35	DN10089427-DN10089461
CN HAI AN	TRAN VAN DUONG	*****770	1	CT10136145-CT10136145
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRAN VAN DUY	*****635	105	DN10022796-DN10022895; TD10007151-TD10007155
PGD YEN PHU	TRAN VAN HA	*****172	27	CT10010745-CT10010771
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN VAN HAI	*****337	22	CT10123425-CT10123446
CN KIEN GIANG	TRAN VAN HAI	*****530	2	CT10156527-CT10156528
PGD TRUNG NHI	TRAN VAN HAU	*****077	108	CT10036928-CT10036934; DN10060266-DN10060360; EB10001293-EB10001293; TD10000316-TD10000320
CN TAN THANH	TRAN VAN HIEN	*****200	2	CT10029981-CT10029982
CN NHA TRANG	TRAN VAN HIEN	*****340	1	EB10000423-EB10000423

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TIEN GIANG	TRAN VAN HIEN	*****780	56	CT10144502-CT10144509; DN10054661-DN10054697; EB10000876-EB10000876; TD10011236-TD10011245
CN HAI PHONG	TRAN VAN HIEN	*****818	65	CT10042186-CT10042250
CN VINH PHUC	TRAN VAN HIEP	*****211	5	TD10002441-TD10002445
PGD TRAN NGUYEN HAN	TRAN VAN HIEP	*****977	1	EB10002019-EB10002019
CN HA NOI	TRAN VAN HIEU	*****381	15	CT10018917-CT10018931
PGD TUYEN SON	TRAN VAN HIEU	*****387	1	EB10000110-EB10000110
CN THAI NGUYEN	TRAN VAN HIEU	*****401	20	DN10075201-DN10075220
CN DA NANG	TRAN VAN HIEU	*****991	7	CT10019521-CT10019527
PGD HAM NGHI	TRAN VAN HOA	*****180	1	EB10001048-EB10001048
CN TAN THANH	TRAN VAN HOA	*****627	25	DN10077756-DN10077779; EB10001890-EB10001890
CN SO GIAO DICH	TRAN VAN HOAI	*****648	6	CT10075377-CT10075382
PGD SO SAO	TRAN VAN HOANG	*****622	1	EB10001765-EB10001765
CN HAI PHONG	TRAN VAN HOI	*****554	1	CT10010233-CT10010233
PGD XUAN KHANH	TRAN VAN HONG	*****841	40	DN10086472-DN10086501; TD10004096-TD10004105
PGD TUYEN SON	TRAN VAN HONG	*****282	5	CT10165026-CT10165030
PGD QUAN 10	TRAN VAN HUNG	*****440	145	CT10158829-CT10158838; DN10083959-DN10084088; TD10004006-TD10004010
PGD YEN PHU	TRAN VAN HUNG	*****501	1	EB10002486-EB10002486
CN DONG DA	TRAN VAN HUNG	*****520	1	EB10002128-EB10002128
PGD HAM NGHI	TRAN VAN HUNG	*****647	1	EB10001872-EB10001872
CN BAC NINH	TRAN VAN HUNG	*****056	1	EB10002810-EB10002810
CN HA TINH	TRAN VAN HUNG	*****083	1	CT10115123-CT10115123
PGD MY DINH	TRAN VAN HUNG	*****226	25	CT10079369-CT10079393
CN SAI GON	TRAN VAN HUNG	*****507	3	CT10095699-CT10095701
PGD XUAN LA	TRAN VAN HUNG	*****711	14	CT10065549-CT10065562
CN HA TINH	TRAN VAN HUONG	*****457	7	CT10064119-CT10064125
CN BINH DUONG	TRAN VAN HUY	*****401	4	CT10057698-CT10057701
PGD THU DAU 1	TRAN VAN KHAI	*****741	4	CT10092663-CT10092666
PGD NGUYEN THAI SON	TRAN VAN KHANH	*****489	5	CT10141941-CT10141945
CN DAI AN	TRAN VAN KHOA	*****033	6	CT10136519-CT10136524
CN DA NANG	TRAN VAN KHOA	*****287	8	CT10021130-CT10021137
CN HAI PHONG	TRAN VAN KHOI	*****877	2	CT10156539-CT10156540

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE CHAN	TRAN VAN KIET	*****935	5	CT10023919-CT10023923
CN BINH DUONG	TRAN VAN KY	*****526	1	CT10000276-CT10000276
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN VAN LEN	*****549	18	DN10089205-DN10089221; EB10002223-EB10002223
CN DA NANG	TRAN VAN LOC	*****016	2	CT10092721-CT10092722
HUB THE CHAP MB 1	TRAN VAN LONG	*****009	49	DN10071012-DN10071060
PGD HANG KENH	TRAN VAN LONG	*****853	2	CT10123514-CT10123515
PGD GIA LOC	TRAN VAN LONG	*****111	6	CT10095020-CT10095025
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN VAN LONG	*****258	5	CT10104145-CT10104149
PGD NGO GIA TU	TRAN VAN LONG	*****719	14	CT10144005-CT10144018
PGD HO NAI	TRAN VAN LUAN	*****556	6	CT10047395-CT10047400
CN BAC NINH	TRAN VAN LUC	*****285	19	CT10061682-CT10061695; TD10005316-TD10005320
CN TP. HO CHI MINH	TRAN VAN MAN	*****579	14	CT10049127-CT10049140
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN MANH	*****637	24	CT10127782-CT10127805
CN THANH XUAN	TRAN VAN MANH	*****791	7	CT10099394-CT10099400
CN HAI AN	TRAN VAN MANH	*****318	4	CT10154891-CT10154894
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN MANH	*****557	24	CT10129318-CT10129341
CN TAN BINH	TRAN VAN MANH	*****589	5	TD10000351-TD10000355
PGD TRAN PHU	TRAN VAN MINH	*****185	5	CT10082010-CT10082014
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN MINH	*****623	14	CT10100390-CT10100403
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN MINH	*****736	20	CT10084378-CT10084397
PGD DONG SON	TRAN VAN MINH	*****888	60	DN10085935-DN10085994
PGD DIEN BIEN PHU	TRAN VAN MUOI	*****003	9	CT10088301-CT10088304; TD10009716-TD10009720
CN HAI AN	TRAN VAN NAM	*****403	3	CT10026336-CT10026338
CN HAI AN	TRAN VAN NAM	*****799	67	CT10160646-CT10160652; DN10093155-DN10093208; EB10002406-EB10002406; TD10005196-TD10005200

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TON DAN	TRAN VAN NGAI	*****927	91	CT10073853-CT10073862; DN10023818-DN10023877; EB10000542-EB10000542; TD10007076-TD10007095
PGD TAY HO	TRAN VAN NGHIA	*****379	1	EB10001491-EB10001491
CN QUANG NGAI	TRAN VAN NGHIA	*****143	1	CT10159560-CT10159560
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN VAN NGHIA	*****527	4	CT10152608-CT10152611
HUB PAYROLL MB	TRAN VAN NGHIEP	*****596	24	CT10047411-CT10047434
PGD TO HIEU	TRAN VAN NGOC	*****461	11	CT10140884-CT10140894
PGD LE CHAN	TRAN VAN NHANH	*****420	51	DN10064624-DN10064673; EB10001454-EB10001454
CN SAI GON	TRAN VAN NHAT	*****407	30	CT10045439-CT10045468
PGD SAO DO	TRAN VAN NINH	*****696	1	EB10000428-EB10000428
CN VINH PHUC	TRAN VAN NONG	*****667	1	EB10002955-EB10002955
PGD HO TUNG MAU	TRAN VAN OAI	*****686	9	CT10015121-CT10015129
CN DA NANG	TRAN VAN PHO	*****127	3	CT10093105-CT10093107
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN VAN PHONG	*****182	35	CT10126656-CT10126690
CN SAI GON	TRAN VAN PHONG	*****496	3	CT10081384-CT10081386
CN BINH DINH	TRAN VAN PHUC	*****177	61	DN10000658-DN10000717; EB10000047-EB10000047
CN HAI PHONG	TRAN VAN PHUC	*****392	11	CT10016991-CT10017001
PGD AU CO	TRAN VAN PHUC	*****434	10	TD10011101-TD10011110
CN KIEN GIANG	TRAN VAN PHUOC	*****974	2	CT10067843-CT10067844
CN TAN THANH	TRAN VAN QUANG	*****146	2	CT10029160-CT10029161
CN THAI NGUYEN	TRAN VAN QUANG	*****840	150	DN10101514-DN10101663
CN TAN THANH	TRAN VAN QUOC	*****566	6	CT10053598-CT10053603
CN HAI AN	TRAN VAN QUY	*****456	45	DN10093330-DN10093363; EB10002407-EB10002407; TD10005096-TD10005105
CN SAI GON	TRAN VAN QUY	*****198	1	CT10052454-CT10052454
CN TAN BINH	TRAN VAN QUYEN	*****523	1	CT10165721-CT10165721
PGD NGUYEN TRAI	TRAN VAN QUYEN	*****556	2	CT10027832-CT10027833
HUB THE CHAP MB 1	TRAN VAN QUYEN	*****629	7	CT10044226-CT10044232
CN BINH DUONG	TRAN VAN SI	*****588	4	CT10056321-CT10056324
PGD QUANG PHU	TRAN VAN SINH	*****400	1	EB10000046-EB10000046
CN NGHE AN	TRAN VAN SON	*****755	1	EB10003006-EB10003006

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	TRAN VAN SON	*****799	19	CT10077135-CT10077153
PGD HA LONG	TRAN VAN SU	*****100	8	DN10004336-DN10004343
CN NGHE AN	TRAN VAN TA	*****760	31	DN10019989-DN10020018; EB10000427-EB10000427
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN VAN TAI	*****297	25	CT10018478-CT10018502
PGD TAN PHAT	TRAN VAN TAN	*****736	2	CT10129141-CT10129142
PGD XUAN LA	TRAN VAN THANG	*****403	27	CT10077900-CT10077926
PGD HAI TAN	TRAN VAN THANG	*****360	20	DN10077545-DN10077564
CN DA NANG	TRAN VAN THANH	*****001	2	CT10037504-CT10037505
PGD NGUYEN SY SACH	TRAN VAN THANH	*****024	1	CT10003401-CT10003401
PGD Krong Nang	TRAN VAN THANH	*****034	1	EB10001799-EB10001799
CN SO GIAO DICH	TRAN VAN THANH	*****084	4	CT10014054-CT10014057
CN TIEN GIANG	TRAN VAN THANH	*****168	45	DN10004938-DN10004981; EB10000185-EB10000185
CN DONG DA	TRAN VAN THANH	*****323	1	EB10001380-EB10001380
CN DAI AN	TRAN VAN THAO	*****815	1	CT10056018-CT10056018
PGD TIEN AN	TRAN VAN THAO	*****604	17	CT10002281-CT10002292; TD10006456-TD10006460
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN THI	*****932	1	CT10003038-CT10003038
PGD VAN QUAN	TRAN VAN THIET	*****383	1	EB10001642-EB10001642
PGD LENIN	TRAN VAN THIET	*****838	2	CT10159604-CT10159605
PGD BA RIA	TRAN VAN THONG	*****510	1	CT10167154-CT10167154
PGD HA LONG	TRAN VAN THONG	*****696	20	DN10060361-DN10060380
PGD THU DUC	TRAN VAN THUAN	*****983	321	DN10076886-DN10077195; EB10001850-EB10001850; TD10003241-TD10003250
CN NHA TRANG	TRAN VAN THUC	*****823	40	DN10075809-DN10075848
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN THUONG	*****199	15	CT10019672-CT10019686
CN HAI AN	TRAN VAN THUY	*****013	1	CT10058488-CT10058488
CN CAU GIAY	TRAN VAN THUYEN	*****270	9	CT10139835-CT10139843
PGD SOC SON	TRAN VAN TIEN	*****000	1	EB10002145-EB10002145
PGD VAN QUAN	TRAN VAN TIEN	*****225	1	EB10001957-EB10001957
PGD BA RIA	TRAN VAN TIEN	*****781	1	CT10109378-CT10109378
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN VAN TIEN	*****927	50	CT10117311-CT10117360
CN HA DONG	TRAN VAN TIEP	*****616	8	CT10155632-CT10155639

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH HOA	TRAN VAN TOAN	*****048	30	DN10069502-DN10069531
CN HAI PHONG	TRAN VAN TOAN	*****913	11	CT10009464-CT10009474
PGD TRUONG THI	TRAN VAN TOAN	*****631	15	CT10054494-CT10054503; TD10003351-TD10003355
CN HAI AN	TRAN VAN TRI	*****344	5	TD10003706-TD10003710
CN BINH DUONG	TRAN VAN TRIEU	*****073	1	CT10055894-CT10055894
CN BAC NINH	TRAN VAN TRUNG	*****581	5	TD10008706-TD10008710
PGD TU SON	TRAN VAN TRUNG	*****581	5	TD10010876-TD10010880
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN TRUONG	*****926	23	CT10124309-CT10124331
PGD QUANG PHU	TRAN VAN TRUONG	*****061	22	DN10069669-DN10069690
PGD KIM THANH	TRAN VAN TRUONG	*****524	1	EB10002176-EB10002176
PGD LAN ONG	TRAN VAN TU	*****789	25	CT10099961-CT10099985
CN SO GIAO DICH	TRAN VAN TUAN	*****462	9	CT10141258-CT10141266
PGD SOC SON	TRAN VAN TUAN	*****861	7	CT10121750-CT10121756
CN HAI AN	TRAN VAN TUNG	*****308	13	CT10162964-CT10162971; TD10006206-TD10006210
PGD TAY HO	TRAN VAN TUNG	*****031	10	CT10055461-CT10055470
CN HAI PHONG	TRAN VAN TUNG	*****151	10	CT10035642-CT10035651
PGD BACH DANG	TRAN VAN TUYEN	*****740	1	CT10105110-CT10105110
PGD HAM NGHI	TRAN VAN VIEN	*****357	10	DN10065939-DN10065948
PGD THANH CONG	TRAN VAN VIEN	*****357	1	EB10001403-EB10001403
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN VAN VIEN	*****357	29	CT10003360-CT10003388
PGD SO SAO	TRAN VAN VIET	*****793	20	CT10049174-CT10049193
CN PHU MY HUNG	TRAN VAN VU	*****164	10	CT10045999-CT10046008
TT KH CC MIEN BAC 2	TRAN VAN VUONG	*****550	1	EB10003172-EB10003172
PGD HUNG VUONG	TRAN VAN XON	*****115	105	DN10081145-DN10081244; TD10003626-TD10003630
PGD THANH CONG	TRAN VAN XUAN	*****569	14	CT10160975-CT10160988
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN VI THUY TIEN	*****125	3	CT10146043-CT10146045
SEABANK LE DUAN	TRAN VIEN NOI	*****732	50	DN10098229-DN10098278
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN VIET CUONG	*****454	32	CT10154662-CT10154693
PGD HONG BANG	TRAN VIET HOANG	*****472	1	CT10162948-CT10162948
CN LANG HA	TRAN VIET HUNG	*****286	2	CT10142599-CT10142600
CN TAN BINH	TRAN VIET HUNG	*****054	250	DN10054408-DN10054657

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VAN XUAN	TRAN VIET HUONG	*****007	1	CT10030344-CT10030344
PGD LACH TRAY 2	TRAN VIET LINH	*****898	1	EB10003078-EB10003078
SEABANK LE DUAN	TRAN VIET LINH	*****649	13	CT10153320-CT10153332
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN VIET PHUONG	*****313	57	CT10073929-CT10073985
CN BINH DINH	TRAN VIET QUANG	*****427	53	CT10102503-CT10102505; DN10063367-DN10063416
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN VIET SU	*****057	1	CT10080181-CT10080181
CN LANG HA	TRAN VIET THANG	*****578	3	CT10031389-CT10031391
CN NHA TRANG	TRAN VIET TRINH	*****499	1	EB10001106-EB10001106
PGD LY THUONG KIET-DN	TRAN VIET TRONG	*****888	5	CT10144151-CT10144155
PGD THANH CONG	TRAN VIET TUNG	*****374	69	CT10148501-CT10148569
PGD LAN ONG	TRAN VIET VUONG	*****916	16	CT10042257-CT10042272
PGD HO TUNG MAU	TRAN VINH LINH	*****317	1	EB10000642-EB10000642
CN HAI PHONG	TRAN VINH LONG	*****953	25	CT10054848-CT10054872
CN DAI AN	TRAN VINH QUANG	*****341	10	CT10048539-CT10048548
PGD BINH TAN	TRAN VINH THAI	*****613	3	CT10040168-CT10040170
CN DAI AN	TRAN VU AI	*****176	4	CT10088501-CT10088504
CN QUANG NINH	TRAN VU DAI	*****583	32	CT10036215-CT10036246
CN TAN THANH	TRAN VU HOANG NAM	*****059	1	EB10000523-EB10000523
PGD CONG HOA	TRAN VU LINH	*****569	4	CT10052994-CT10052997
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN VU MINH HUY	*****452	9	CT10067944-CT10067952
CN QUANG NINH	TRAN VU NINH	*****725	1	CT10075543-CT10075543
CN DONG DA	TRAN VU QUANG	*****345	9	CT10036397-CT10036405
CN DONG DA	TRAN VU THANG	*****283	9	CT10096428-CT10096436
CN KIEN GIANG	TRAN VU THANH	*****491	2	CT10046207-CT10046208
CN HA NOI	TRAN VU TUAN	*****737	1	CT10019292-CT10019292
PGD HOA BINH	TRAN VUONG TRUNG	*****843	216	CT10152713-CT10152726; DN10100663-DN10100859; TD10002976-TD10002980
PGD QUAN THANH	TRAN VUONG VIET	*****126	2	CT10030547-CT10030548
PGD LE VAN SY	TRAN XEN	*****674	2	CT10081039-CT10081040
PGD KIM LIEN	TRAN XUAN CUONG	*****505	15	CT10073048-CT10073062
CN DA NANG	TRAN XUAN DONG	*****575	1	CT10011124-CT10011124

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN XUAN DUC	*****935	4	CT10155519-CT10155522
PGD HOA BINH	TRAN XUAN DUONG	*****115	15	CT10101353-CT10101367
PGD NGUYEN CONG TRU	TRAN XUAN HIEU	*****612	1	EB10002775-EB10002775
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN XUAN HOA	*****695	3	CT10106205-CT10106207
CN TAN THANH	TRAN XUAN HONG	*****749	1	CT10102147-CT10102147
PGD TRAN DUY HUNG	TRAN XUAN HUE	*****921	3	CT10086557-CT10086559
CN QUANG NINH	TRAN XUAN HUONG	*****142	6	CT10145195-CT10145200
CN LANG HA	TRAN XUAN KHANH	*****302	13	CT10090144-CT10090156
PGD TAY HO	TRAN XUAN KHOA	*****928	30	CT10163713-CT10163742
TT KHCC MIEN BAC 1	TRAN XUAN LAN	*****259	1	CT10061511-CT10061511
CN SAI GON	TRAN XUAN LONG	*****583	7	CT10071840-CT10071846
CN NGHE AN	TRAN XUAN NHAT	*****738	9	CT10022937-CT10022945
CN KIEN GIANG	TRAN XUAN ON	*****281	3	DN10088463-DN10088465
CN BINH DUONG	TRAN XUAN PHAT	*****487	160	DN10053633-DN10053792
CN HAI PHONG	TRAN XUAN QUANG	*****142	2	CT10141095-CT10141096
PGD PHO YEN	TRAN XUAN SACH	*****277	44	CT10141113-CT10141121; DN10043833-DN10043857; TD10009921-TD10009930
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN XUAN SON	*****001	10	CT10050899-CT10050908
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRAN XUAN THANH	*****792	7	DN10039363-DN10039369
CN BAC NINH	TRAN XUAN THANH	*****188	4	CT10013146-CT10013149
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN XUAN THANH	*****329	24	CT10123289-CT10123312
PGD VINH YEN	TRAN XUAN THUY	*****920	1	EB10001677-EB10001677
CN HAI AN	TRAN XUAN TRUNG	*****566	14	CT10151863-CT10151876
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRANCONGTRINH	*****440	24	CT10037964-CT10037987
HUB THE CHAP MB 2	TRANG CONG TU	*****206	10	CT10103392-CT10103401
CN TP. HO CHI MINH	TRANG HUE THI	*****953	1	EB10003296-EB10003296
CN LANG HA	TRANG MY LINH	*****302	2	CT10122610-CT10122611
PGD HOA BINH	TRANG QUOC VIET	*****278	170	DN10085005-DN10085174

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN KIEN GIANG	TRANG THUY TIEN	*****902	2	CT10111396-CT10111397
CN CA MAU	TRANG YEN OANH	*****666	1	CT10141776-CT10141776
CN BINH DUONG	TRAT THANH TUYEN	*****975	3	CT10050467-CT10050469
CN DAI AN	TRIEU ANH MINH	*****440	10	CT10126143-CT10126152
CN LONG BIEN	TRIEU ANH NGOC	*****905	2	CT10096998-CT10096999
PGD DI AN	TRIEU ANH TU	*****626	1	EB10002010-EB10002010
PGD NGOC HOI	TRIEU ANH TUAN	*****044	40	DN10089936-DN10089975
CN HAI PHONG	TRIEU BAO NGOC	*****200	6	EB10000240-EB10000240; TD10006116-TD10006120
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRIEU CAM OAI	*****613	1	CT10043609-CT10043609
CN HA NOI	TRIEU HOAI NAM	*****891	1	CT10001293-CT10001293
PGD BACH DANG	TRIEU HOAI NHAN	*****062	1	EB10000407-EB10000407
PGD LAN ONG	TRIEU HONG DAT	*****229	12	CT10091040-CT10091051
CN TP. HO CHI MINH	TRIEU HONG SON	*****927	7	CT10031011-CT10031017
TT KH CC MIEN BAC 2	TRIEU KIEU VU	*****962	7	CT10056719-CT10056725
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRIEU MINH TRANG	*****112	22	CT10064391-CT10064412
PGD BUON DON	TRIEU MUI CHUONG	*****300	12	DN10063512-DN10063523
CN DONG NAI	TRIEU QUANG HUY	*****121	2	CT10162036-CT10162037
CN HAI PHONG	TRIEU QUANG HUY	*****648	1	CT10049790-CT10049790
CN HUE	TRIEU QUOC HIEN	*****778	1	CT10140883-CT10140883
PGD GIA LAM	TRIEU QUOC HUNG	*****657	5	CT10122328-CT10122332
CN CA MAU	TRIEU TAN LOC	*****509	1	CT10154035-CT10154035
PGD SOC SON	TRIEU THANH NAM	*****183	1	EB10002844-EB10002844
PGD THANH CONG	TRIEU THANH TUNG	*****645	57	CT10038810-CT10038866
PGD LY THUONG KIET-DN	TRIEU THI ANH HUONG	*****259	1	EB10002711-EB10002711
CN BAC NINH	TRIEU THI BICH PHUONG	*****428	1	EB10001191-EB10001191
PGD PHO YEN	TRIEU THI HIEN	*****423	1	EB10002704-EB10002704
CN CAU GIAY	TRIEU THI HONG HANH	*****136	10	CT10149463-CT10149472
CN TIEN GIANG	TRIEU THI HONG NHUNG	*****770	2	CT10094210-CT10094211
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRIEU THI HUONG HUE	*****068	17	CT10086895-CT10086911
PGD Krong Nang	TRIEU THI KIM HUE	*****554	20	DN10106209-DN10106228

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	TRIEU THI LAN	*****987	3	DN10093563-DN10093565
PGD Krong Nang	TRIEU THI MAI	*****024	3	DN10068773-DN10068775
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRIEU THI NGA	*****097	24	CT10056095-CT10056118
CN DAI AN	TRIEU THI THANH XUAN	*****199	33	CT10129514-CT10129541; TD10005626-TD10005630
PGD NGUYEN TRAI	TRIEU THI TO	*****585	13	DN10109455-DN10109467
PGD HAN THUYEN	TRIEU THI VAN	*****687	1	EB10000920-EB10000920
HUB PAYROLL MB	TRIEU THU HONG	*****470	24	CT10079417-CT10079440
CN SO GIAO DICH	TRIEU TIEN DAT	*****726	1	EB10002375-EB10002375
HUB PAYROLL MB	TRIEU TIEN DAT	*****726	24	CT10021340-CT10021363
TT KHCC MIEN BAC 1	TRIEU TRIEU DUONG	*****071	1	CT10118986-CT10118986
CN THAI NGUYEN	TRIEU VAN ANH	*****073	2	CT10018430-CT10018431
CN DA NANG	TRIEU VIET THANH	*****023	2	CT10063336-CT10063337
PGD VINH YEN	TRIEU XUAN TRUONG	*****985	1	EB10000907-EB10000907
CN CAU GIAY	TRINH ANH DUC	*****845	3	CT10127026-CT10127028
PGD VINH HAI	TRINH ANH NGOC	*****285	1	EB10003060-EB10003060
CN KIEN GIANG	TRINH ANH THANH	*****187	20	CT10092509-CT10092528
TT KHCC MIEN BAC 1	TRINH ANH TUAN	*****816	1	CT10093206-CT10093206
PGD TRUNG HOA	TRINH ANH TUNG	*****334	10	CT10144403-CT10144412
CN LANG HA	TRINH BINH NAM	*****473	4	CT10030425-CT10030428
PGD DIEN BIEN PHU	TRINH CAM NHUNG	*****951	2	CT10075011-CT10075012
CN CAU GIAY	TRINH CAO HUY	*****479	1	CT10092597-CT10092597
PGD THAI THINH	TRINH CAO THANH	*****596	53	CT10160050-CT10160102
PGD NGUYEN THAI SON	TRINH CONG CHUNG	*****337	1	EB10002152-EB10002152
CN HA NOI	TRINH CONG KY	*****811	45	CT10068877-CT10068921
PGD TUYEN SON	TRINH CONG SON	*****049	1	EB10003356-EB10003356
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH CONG THANH	*****510	1	CT10019761-CT10019761
PGD VAN XUAN	TRINH DAC QUAN	*****638	10	CT10134749-CT10134758
PGD BACH MAI	TRINH DIEU NGA	*****115	17	CT10029001-CT10029017
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH DINH DINH	*****088	23	CT10096451-CT10096473
CN THANH HOA	TRINH DINH GIAP	*****816	36	CT10139503-CT10139503; DN10033945-DN10033979

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD PHU MY - BINH DINH	TRINH DINH THO	*****212	1	CT10081027-CT10081027
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH DINH THUAN	*****399	6	CT10140823-CT10140828
CN LANG HA	TRINH DINH THUAN	*****963	1	EB10001615-EB10001615
TT KHCC MIEN BAC 1	TRINH DINH TRONG	*****576	1	CT10079035-CT10079035
PGD THANH CONG	TRINH DO HONG NGA	*****183	1	CT10116777-CT10116777
CN CA MAU	TRINH DOAN TUAN	*****247	1	EB10001945-EB10001945
CN HAI PHONG	TRINH DUC HIEU	*****993	30	CT10090702-CT10090731
PGD THAI THINH	TRINH DUC HUNG	*****702	1	EB10000976-EB10000976
CN TP. HO CHI MINH	TRINH DUC SANG	*****131	2	CT10034576-CT10034577
PGD TRAN DUY HUNG	TRINH DUC THIEN	*****021	10	CT10163695-CT10163704
PGD HO TUNG MAU	TRINH DUC TOAN	*****436	5	CT10131717-CT10131721
CN TP. HO CHI MINH	TRINH DUY BINH	*****782	1	CT10027004-CT10027004
CN HA DONG	TRINH DUY PHONG	*****219	3	CT10017063-CT10017065
CN NHA TRANG	TRINH DUY THANH	*****071	1	EB10002401-EB10002401
PGD TRUONG THI	TRINH DUY THANH	*****887	4	CT10044455-CT10044458
CN THAI NGUYEN	TRINH GIA TAM	*****019	5	CT10065264-CT10065268
TT KHCC MIEN BAC 1	TRINH HOAI NAM	*****929	10	TD10008106-TD10008115
CN SAI GON	TRINH HOANG LINH	*****557	136	DN10049897-DN10050032
CN THANH XUAN	TRINH HOANG NGOC BICH	*****696	43	CT10149528-CT10149570
CN NHA TRANG	TRINH HOANG QUY	*****869	1	EB10000800-EB10000800
PGD CONG HOA	TRINH HONG GIANG	*****294	25	CT10006365-CT10006389
CN TP. HO CHI MINH	TRINH HONG KHANH	*****003	1	EB10003054-EB10003054
PGD THU DUC	TRINH HONG TRI	*****259	13	CT10006080-CT10006092
CN CA MAU	TRINH HONG UT	*****203	1	CT10040341-CT10040341
CN DA NANG	TRINH HUU CHUNG	*****467	16	CT10029336-CT10029351
CN SAI GON	TRINH HUU KHANH	*****728	28	CT10119286-CT10119313
CN TAN BINH	TRINH HUYNH GIANG SON	*****919	12	CT10020352-CT10020363
CN TAN THANH	TRINH HUYNH THAI AN	*****390	1	CT10115982-CT10115982

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	TRINH KHAC HIEU	*****230	24	CT10115928-CT10115951
PGD THU DAU 1	TRINH KHAC HUNG	*****203	100	DN10068678-DN10068767; TD10001626-TD10001635
HUB PAYROLL MB	TRINH KIEN TRUNG	*****801	25	CT10008464-CT10008488
CN CAN THO	TRINH KIEU DIEM	*****508	1	CT10112477-CT10112477
CN HAI PHONG	TRINH KIM ANH	*****622	4	CT10091526-CT10091529
HUB PAYROLL MB	TRINH KIM HOA	*****339	25	CT10038240-CT10038264
PGD HO DAC DI	TRINH LAN PHUONG	*****353	3	CT10035250-CT10035252
CN TP. HO CHI MINH	TRINH LE MINH TRI	*****159	6	CT10088114-CT10088119
CN THAI NGUYEN	TRINH LINH HUE	*****756	1	EB10002763-EB10002763
PGD TRAN HUNG DAO	TRINH MAI NGOC HA	*****563	2	CT10141895-CT10141896
PGD QUAN 10	TRINH MAN	*****222	1	EB10001200-EB10001200
PGD QUAN THANH	TRINH MANH CUONG	*****652	15	CT10141925-CT10141939
PGD LAC LONG QUAN	TRINH MANH HUNG	*****587	1	CT10101209-CT10101209
PGD TRAN DUY HUNG	TRINH MANH QUAN	*****716	1	CT10011695-CT10011695
CN SO GIAO DICH	TRINH MINH DUC	*****666	6	CT10094487-CT10094492
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH MINH DUC	*****208	1	CT10043064-CT10043064
PGD NGUYEN AN NINH	TRINH MINH GIANG	*****415	7	CT10006749-CT10006755
CN DAI AN	TRINH MINH HA	*****339	1	CT10001088-CT10001088
PGD DOI CAN	TRINH MINH KHANH	*****247	1	EB10001927-EB10001927
CN DA NANG	TRINH MINH PHIEU	*****230	3	CT10110568-CT10110570
CN HA DONG	TRINH MINH PHUC	*****072	6	CT10009882-CT10009887
PGD TAY HO	TRINH MINH TAI QUY	*****043	5	CT10047274-CT10047278
CN TAN BINH	TRINH MINH THONG	*****105	6	CT10084977-CT10084982
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRINH MINH TUAN	*****489	2	CT10140352-CT10140353
PGD LANG THUONG	TRINH MINH TUAN	*****514	84	CT10143869-CT10143882; DN10053182-DN10053246; TD10011196-TD10011200
CN TP. HO CHI MINH	TRINH MY HIEN	*****071	11	CT10117777-CT10117787
CN DAI AN	TRINH NAM NINH	*****912	1	CT10037225-CT10037225
PGD GIA LOC	TRINH NGAN HA	*****998	11	CT10074211-CT10074221

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD NGUYEN AN NINH	TRINH NGOC ANH	*****915	1	CT10132367-CT10132367
PGD NGUYEN THAI SON	TRINH NGOC CHAU	*****169	9	CT10043157-CT10043165
CN DAI AN	TRINH NGOC DANG MINH	*****300	3	CT10123756-CT10123758
CN LANG HA	TRINH NGOC DUNG	*****796	3	CT10034880-CT10034882
PGD HOA BINH	TRINH NGOC HUAN	*****734	41	CT10034856-CT10034856; DN10059003-DN10059042
CN BINH DUONG	TRINH NGOC HUONG	*****507	16	CT10122295-CT10122300; TD10004541-TD10004550
CN TIEN GIANG	TRINH NGOC MY DUYEN	*****660	1	EB10000825-EB10000825
CN DAK LAK	TRINH NGOC PHONG	*****416	12	DN10071340-DN10071351
CN DA NANG	TRINH NGOC TUAN	*****596	2	CT10118060-CT10118061
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH NGOC TUAN HUNG	*****498	28	CT10025529-CT10025556
PGD LE THANH TONG	TRINH NGOC TUYEN	*****781	1	CT10055381-CT10055381
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH NGUYET KHANG	*****920	14	CT10002827-CT10002840
CN HAI DUONG	TRINH NHU THIET	*****503	1	EB10001801-EB10001801
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH PHAN THIEN	*****434	1	CT10104206-CT10104206
PGD VAN XUAN	TRINH PHI HUNG	*****474	11	CT10041957-CT10041967
CN TAN BINH	TRINH PHUNG HANH TIEN	*****881	1	CT10147499-CT10147499
CN HA DONG	TRINH PHUONG DUNG	*****427	4	CT10090084-CT10090087
HUB PAYROLL MB	TRINH PHUONG PHUC	*****491	1	CT10143429-CT10143429
CN SO GIAO DICH	TRINH PHUONG THAO	*****424	3	CT10102050-CT10102052
CN SO GIAO DICH	TRINH QUANG CHINH	*****356	3	CT10095554-CT10095556
PGD SOC SON	TRINH QUANG DUNG	*****381	2	CT10064482-CT10064483
PGD TRAN KHAT CHAN	TRINH QUANG DUY ANH	*****221	9	CT10156871-CT10156879
HUB THE CHAP MN	TRINH QUANG HIEP	*****135	60	DN10019160-DN10019219
TT KHCC MIEN BAC 1	TRINH QUANG TINH	*****583	18	CT10131131-CT10131148
CN HAI PHONG	TRINH QUANG TRUONG	*****276	2	CT10112591-CT10112592

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD MY CA	TRINH QUANG TUYEN	*****602	1	EB10000770-EB10000770
PGD THAI THINH	TRINH QUE NGA	*****082	12	CT10073868-CT10073879
PGD THANH CONG	TRINH QUOC	*****742	57	CT10102335-CT10102391
PGD XUAN LA	TRINH QUOC CHIEN	*****901	19	CT10095664-CT10095682
PGD DONG SON	TRINH QUOC HUY	*****969	5	CT10087738-CT10087742
CN LANG HA	TRINH QUOC LONG	*****152	23	CT10138571-CT10138593
CN VUNG TAU	TRINH QUOC TUAN	*****719	4	CT10024352-CT10024355
CN NHA TRANG	TRINH QUOC VIEN	*****637	1	EB10001779-EB10001779
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH SON HAI	*****039	23	CT10074405-CT10074427
CN KIEN GIANG	TRINH TAN NGHI	*****502	49	DN10027233-DN10027281
CN HAI PHONG	TRINH THACH ANH	*****188	5	CT10096745-CT10096749
CN BINH DINH	TRINH THAN	*****143	120	DN10075524-DN10075643
PGD VAN XUAN	TRINH THANH THUYET	*****996	12	CT10078757-CT10078768
CN CA MAU	TRINH THANH TRI	*****659	45	DN10111806-DN10111849; EB10002724-EB10002724
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH THANH TUNG	*****482	1	CT10043461-CT10043461
CN NHA TRANG	TRINH THANH VAN	*****336	1	EB10000856-EB10000856
CN BINH DUONG	TRINH THE DUNG	*****426	2	CT10030027-CT10030028
PGD VINH HOANG	TRINH THE LINH	*****050	1	EB10002586-EB10002586
CN BINH DINH	TRINH THI BAO TRAN	*****473	3	CT10094881-CT10094883
CN TP. HO CHI MINH	TRINH THI DIEM MY	*****067	1	EB10001179-EB10001179
CN DAK LAK	TRINH THI DIEN	*****496	7	CT10006757-CT10006763
PGD SOC SON	TRINH THI DUONG	*****423	1	EB10001885-EB10001885
CN THANH HOA	TRINH THI GIANG	*****211	10	TD10004881-TD10004890
PGD TRAN PHU	TRINH THI HAI	*****203	16	DN10100054-DN10100063; EB10001128-EB10001128; TD10002921-TD10002925
SEABANK LE DUAN	TRINH THI HAI VAN	*****786	5	CT10037019-CT10037023
PGD DOI CAN	TRINH THI HANG	*****753	49	CT10019017-CT10019065
PGD LE CHAN	TRINH THI HIEN	*****301	3	CT10097935-CT10097937
CN NGHE AN	TRINH THI HIEN	*****421	8	DN10066891-DN10066898
PGD TIEN AN	TRINH THI HOAI THU	*****476	10	CT10156757-CT10156766

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	TRINH THI HOANG ANH	*****237	17	CT10075412-CT10075416; DN10107818-DN10107823; EB10002587-EB10002587; TD10007831-TD10007835
PGD YEN PHU	TRINH THI HOANG LAN	*****909	1	EB10000467-EB10000467
PGD HUNG VUONG	TRINH THI HONG	*****558	5	CT10137227-CT10137231
CN BINH DINH	TRINH THI HONG DAO	*****960	3	CT10030242-CT10030244
PGD BA TRIEU	TRINH THI HONG DUNG	*****706	1	CT10005716-CT10005716
PGD PHU LAM	TRINH THI HONG HIEU	*****890	205	DN10002641-DN10002839; EB10000125-EB10000125; TD10005731-TD10005735
PGD NGUYEN HUU HUAN	TRINH THI HONG NHUNG	*****929	1	CT10154471-CT10154471
PGD DAI KIM	TRINH THI HOP	*****576	1	CT10100437-CT10100437
PGD DA KAO	TRINH THI HUE	*****850	3	CT10112461-CT10112463
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH THI HUONG	*****396	6	CT10160353-CT10160358
PGD SAO MAI	TRINH THI HUONG	*****637	5	TD10000531-TD10000535
CN HAI AN	TRINH THI HUONG	*****968	1	EB10002786-EB10002786
CN HAI PHONG	TRINH THI KHANH LY	*****445	9	CT10060864-CT10060872
CN HAI PHONG	TRINH THI KIM LAN	*****542	2	CT10024681-CT10024682
CN LANG HA	TRINH THI LAN	*****115	2	CT10006363-CT10006364
PGD THAI THINH	TRINH THI LAN	*****699	50	CT10009063-CT10009112
CN THANH HOA	TRINH THI LAN	*****063	59	DN10109638-DN10109691; TD10008041-TD10008045
CN DAK LAK	TRINH THI LAN	*****468	1	EB10001812-EB10001812
PGD LANG THUONG	TRINH THI LAN ANH	*****000	1	EB10002745-EB10002745
PGD VAN QUAN	TRINH THI LINH	*****113	1	EB10002139-EB10002139
PGD NGUYEN VAN CU	TRINH THI LUU	*****821	1	EB10001249-EB10001249
PGD TRAN KHAT CHAN	TRINH THI LY	*****772	5	CT10118172-CT10118176
PGD HONG BANG	TRINH THI LY	*****066	1	CT10102048-CT10102048
PGD BA RIA	TRINH THI MAI	*****602	5	CT10075028-CT10075032
HUB PAYROLL MB	TRINH THI MAI	*****754	4	CT10028312-CT10028315
CN THAI NGUYEN	TRINH THI MAI HUONG	*****778	13	CT10106210-CT10106222

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN NGUYEN HAN	TRINH THI MIEN	*****545	1	CT10163013-CT10163013
CN THANH XUAN	TRINH THI MINH LIEU	*****033	2	CT10052221-CT10052222
PGD PHO YEN	TRINH THI NGOC	*****697	7	CT10129850-CT10129856
CN DA NANG	TRINH THI NGOC DUNG	*****428	1	CT10132170-CT10132170
CN NHA TRANG	TRINH THI NGOC HANH	*****732	2	CT10065965-CT10065966
PGD PHU LAM	TRINH THI NGOC LAN	*****771	1	CT10057319-CT10057319
PGD QUAN 10	TRINH THI NGOC THAO	*****821	134	CT10061125-CT10061133; DN10088875-DN10088994; TD10004571-TD10004575
CN LANG HA	TRINH THI PHUONG	*****332	95	CT10053314-CT10053408
CN HAI PHONG	TRINH THI PHUONG	*****746	4	CT10016313-CT10016316
CN BINH DUONG	TRINH THI PHUONG	*****304	4	CT10149581-CT10149584
CN CAU GIAY	TRINH THI PHUONG	*****867	37	CT10069298-CT10069334
PGD THANH CONG	TRINH THI PHUONG GIANG	*****699	1	EB10001932-EB10001932
PGD LE LOI	TRINH THI PHUONG HUYEN	*****401	2	CT10065929-CT10065930
CN TAN PHU	TRINH THI PHUONG THUY	*****222	3	CT10072466-CT10072468
CN HAI AN	TRINH THI THANH BINH	*****293	5	DN10061977-DN10061981
PGD TO HIEU	TRINH THI THANH NHA	*****771	7	CT10115084-CT10115090
PGD KIM VAN	TRINH THI THIN	*****359	1	EB10001134-EB10001134
CN AN GIANG	TRINH THI THOA	*****761	55	CT10037094-CT10037096; DN10060664-DN10060710; TD10000406-TD10000410
CN CAN THO	TRINH THI THOM	*****471	1	EB10002569-EB10002569
PGD LE CHAN	TRINH THI THU	*****775	1	EB10001208-EB10001208
CN SO GIAO DICH	TRINH THI THU HA	*****881	1	EB10001822-EB10001822
CN DAK LAK	TRINH THI THU HA	*****419	5	DN10107467-DN10107471
CN THANH XUAN	TRINH THI THU HANG	*****222	15	CT10164272-CT10164286
PGD TRUONG THI	TRINH THI THU HUONG	*****771	1	EB10000593-EB10000593
CN THANH XUAN	TRINH THI THU PHUONG	*****538	1	CT10029248-CT10029248
CN BINH DINH	TRINH THI THU THUY	*****496	5	DN10000146-DN10000150

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB PAYROLL MB	TRINH THI THU THUY	*****710	1	CT10027816-CT10027816
CN THANH HOA	TRINH THI THUAN	*****987	23	CT10042460-CT10042482
PGD NGUYEN TRAI	TRINH THI THUONG	*****894	1	CT10135019-CT10135019
CN LONG BIEN	TRINH THI THUY	*****218	2	CT10046932-CT10046933
TT KH CC MIEN BAC 2	TRINH THI THUY ANH	*****570	1	CT10127379-CT10127379
CN LANG HA	TRINH THI THUY HIEN	*****783	1	EB10000114-EB10000114
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH THI THUY LOAN	*****337	24	CT10049014-CT10049037
CN SAI GON	TRINH THI THUY TRINH	*****784	10	DN10009345-DN10009354
PGD HO TUNG MAU	TRINH THI TOAN	*****214	12	CT10098343-CT10098354
PGD TAN PHAT	TRINH THI TOAN	*****532	10	CT10026072-CT10026081
PGD THAI THINH	TRINH THI TRA MY	*****010	1	CT10100659-CT10100659
PGD TRAN PHU	TRINH THI TUOI	*****794	24	CT10003582-CT10003605
CN THANH HOA	TRINH THI TUYET MAI	*****709	2	CT10003277-CT10003278
CN THANH XUAN	TRINH THI XUAN	*****092	1	CT10156087-CT10156087
CN HAI AN	TRINH THI YEN NGOC	*****628	16	CT10118555-CT10118570
CN HA NOI	TRINH THU HIEN	*****675	1	CT10043368-CT10043368
PGD HO GUOM	TRINH THU HUONG	*****999	28	CT10069214-CT10069241
HUB PAYROLL MB	TRINH THU TRANG	*****645	25	CT10157031-CT10157055
CN DAI AN	TRINH THU VAN	*****332	1	CT10025445-CT10025445
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH THUC CUONG	*****073	8	CT10110268-CT10110275
CN DA NANG	TRINH THUY CHUNG	*****932	10	CT10031800-CT10031809
PGD BA TRIEU	TRINH THUY VAN	*****588	3	CT10057320-CT10057322
CN SO GIAO DICH	TRINH TIEN DAT	*****350	7	CT10051672-CT10051678
PGD VAN XUAN	TRINH TIEN KE	*****053	18	CT10081240-CT10081257
PGD PHO YEN	TRINH TIEN TUNG	*****512	1	CT10090840-CT10090840
CN TAN PHU	TRINH TRANG CUONG	*****718	10	CT10001184-CT10001193
PGD TU SON	TRINH TRONG QUANG	*****401	1	EB10003133-EB10003133
CN BAC NINH	TRINH TRONG TUYEN	*****010	1	CT10009682-CT10009682
PGD THAI THINH	TRINH TRUNG HIEU	*****414	1	CT10031934-CT10031934
PGD THANG LONG	TRINH TRUNG KIEN	*****137	9	CT10115722-CT10115730
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRINH TRUNG TRUC	*****901	13	CT10083460-CT10083472
PGD TRAN PHU	TRINH TRUONG AN	*****235	51	DN10075759-DN10075808; EB10001826-EB10001826
CN SAI GON	TRINH TU CHAU	*****048	2	CT10153314-CT10153315

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	TRINH TUNG LAM	*****710	14	CT10035624-CT10035637
PGD SOC SON	TRINH TY TIEN	*****702	1	EB10003278-EB10003278
PGD DOI CAN	TRINH VAN CUONG	*****607	1	EB10003118-EB10003118
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRINH VAN DAT	*****624	25	CT10072153-CT10072177
				CT10159322-CT10159322; DN10091803-DN10091872; EB10002352-EB10002352; TD10004946-TD10004950
CN BINH DUONG	TRINH VAN HAI	*****023	77	
HUB PAYROLL MB	TRINH VAN HAI	*****040	24	CT10038019-CT10038042
CN HAI PHONG	TRINH VAN HIEP	*****589	2	CT10154889-CT10154890
PGD TAY HO	TRINH VAN HOA	*****724	1	EB10002903-EB10002903
PGD NGOC HOI	TRINH VAN HUNG	*****410	12	CT10061147-CT10061158
PGD HAO NAM	TRINH VAN HUNG	*****574	1	EB10000733-EB10000733
CN BINH DUONG	TRINH VAN MANH	*****131	4	CT10038664-CT10038667
PGD TRAN HUNG DAO	TRINH VAN NGUYEN	*****445	11	CT10092674-CT10092684
PGD LE CHAN	TRINH VAN SANG	*****528	1	EB10002650-EB10002650
CN CAN THO	TRINH VAN SON	*****783	1	CT10021595-CT10021595
PGD LE QUANG DINH	TRINH VAN THAN	*****579	5	CT10140584-CT10140588
CN CAN THO	TRINH VAN THANG	*****662	6	CT10153503-CT10153508
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRINH VAN THANH	*****273	11	CT10027231-CT10027241
PGD XUAN LA	TRINH VAN THANH	*****398	1	CT10096978-CT10096978
CN BAC NINH	TRINH VAN THE	*****460	4	CT10141897-CT10141900
PGD THANH CONG	TRINH VAN THIEM	*****842	1	CT10072782-CT10072782
CN HA TINH	TRINH VAN THIN	*****572	5	TD10011201-TD10011205
CN KIEN GIANG	TRINH VAN THY	*****766	4	CT10131739-CT10131742
CN BAC NINH	TRINH VAN TINH	*****534	5	TD10006011-TD10006015
PGD THANH CONG	TRINH VAN TON	*****234	75	CT10085833-CT10085907
PGD TAY HO	TRINH VAN TRANG	*****710	2	CT10028044-CT10028045
				DN10079402-DN10079426; EB10001926-EB10001926
CN NGHE AN	TRINH VAN TRONG	*****115	26	
PGD SAI DONG	TRINH VIET	*****967	1	EB10000552-EB10000552
CN THAI NGUYEN	TRINH VIET HUNG	*****043	9	CT10065931-CT10065939
CN HA DONG	TRINH VIET QUAN	*****345	1	CT10050318-CT10050318
CN HAI AN	TRINH XUAN DUONG	*****407	3	CT10093141-CT10093143
PGD QUAN THANH	TRINH XUAN HUNG	*****829	7	CT10165727-CT10165733
PGD TAY HO	TRINH XUAN NGHIA	*****881	1	EB10002248-EB10002248

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	TRINH XUAN THANH	*****263	52	CT10027983-CT10028034
PGD HAN THUYEN	TRU VAN CUONG	*****905	5	TD10006061-TD10006065
PGD TRUONG THI	TRUONG AN PHONG	*****803	2	CT10121325-CT10121326
CN NGHE AN	TRUONG ANH TUAN	*****907	1	CT10166667-CT10166667
HUB THE CHAP MN	TRUONG BA NHON	*****669	61	DN10061238-DN10061293; TD10000436-TD10000440
CN VINH PHUC	TRUONG BA TUNG	*****113	2	CT10025682-CT10025683
CN TAN THANH	TRUONG BAO CHAU	*****165	4	DN10058780-DN10058783
CN CA MAU	TRUONG BAO QUOC	*****624	1	EB10000266-EB10000266
PGD PHU LAM	TRUONG CAM PHUONG	*****626	1	EB10000603-EB10000603
CN NHA TRANG	TRUONG CHI THANG	*****138	1	EB10000864-EB10000864
CN DA NANG	TRUONG CONG DOI	*****560	6	CT10135297-CT10135302
CN DA NANG	TRUONG CONG TOAN	*****374	1	CT10064630-CT10064630
CN HA NOI	TRUONG DAC DUNG	*****482	2	CT10135011-CT10135012
PGD THAI THINH	TRUONG DAC TAN	*****528	4	CT10110889-CT10110892
CN DAI AN	TRUONG DAI HAI	*****713	10	CT10095684-CT10095693
CN LONG BIEN	TRUONG DANG VINH	*****085	7	CT10166669-CT10166675
PGD NGUYEN AN NINH	TRUONG DIEN KHANH TRANG	*****690	39	CT10074917-CT10074955
PGD VAN QUAN	TRUONG DINH HOANG	*****373	113	CT10101775-CT10101784; DN10062812-DN10062909; TD10000626-TD10000630
PGD DAI KIM	TRUONG DINH THUAN	*****148	58	CT10071762-CT10071809; TD10007056-TD10007065
PGD AU CO	TRUONG DINH TUNG	*****168	70	DN10082984-DN10083053
CN TAN PHU	TRUONG DONG HON	*****743	1	CT10028535-CT10028535
CN DAI AN	TRUONG DUC LONG	*****384	6	CT10070162-CT10070167
CN HAI AN	TRUONG DUC LONG	*****739	1	CT10144587-CT10144587
CN THANH XUAN	TRUONG DUC MANH	*****333	5	CT10068736-CT10068740
CN VINH PHUC	TRUONG DUC NGOC	*****332	41	DN10076150-DN10076179; EB10001798-EB10001798; TD10003091-TD10003100
CN HAI DUONG	TRUONG DUC PHUC	*****767	1	EB10002189-EB10002189
PGD TRAN NGUYEN HAN	TRUONG DUC THANG	*****787	2	CT10109429-CT10109430
PGD KHAM THIEN	TRUONG DUC THANH	*****664	9	CT10020377-CT10020385
CN KIEN GIANG	TRUONG GIA THUY NGOC GIAO	*****259	7	CT10045361-CT10045367
PGD TRAN PHU	TRUONG HAI NAM	*****477	2	CT10051332-CT10051333

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD BINH TAN	TRUONG HAN THONG	*****707	2	CT10061680-CT10061681
PGD YEN PHU	TRUONG HOAI ANH	*****569	6	CT10038689-CT10038694
PGD NGUYEN THAI SON	TRUONG HOAI DUY	*****799	1	CT10004060-CT10004060
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRUONG HOAI PHONG	*****753	11	DN10044129-DN10044139
PGD LY THUONG KIET-DN	TRUONG HOAI THU	*****900	1	CT10128802-CT10128802
PGD BA TRIEU	TRUONG HOANG ANH	*****758	1	CT10096148-CT10096148
PGD HOA BINH	TRUONG HOANG ANH	*****933	10	CT10025395-CT10025404
CN NHA TRANG	TRUONG HOANG DAI LOI	*****061	58	CT10056573-CT10056577; DN10086712-DN10086758; EB10002117-EB10002117; TD10004196-TD10004200
CN SO GIAO DICH	TRUONG HOANG HOA	*****936	44	CT10126058-CT10126101
CN CA MAU	TRUONG HOANG KHA	*****383	3	CT10039862-CT10039864
CN DONG DA	TRUONG HOANG LONG	*****467	24	CT10122374-CT10122397
PGD DAO TAN	TRUONG HOANG MY	*****368	5	CT10057198-CT10057202
CN LONG BIEN	TRUONG HONG NHUNG	*****244	2	CT10091595-CT10091596
PGD NGUYEN NGOC NAI	TRUONG HONG THAM	*****772	15	CT10166174-CT10166188
PGD NGUYEN LUONG BANG	TRUONG HUU DONG	*****164	9	DN10101354-DN10101356; EB10001176-EB10001176; TD10003016-TD10003020
CN AN GIANG	TRUONG HUU PHUOC	*****270	10	CT10133627-CT10133636
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	TRUONG HUY DUC	*****222	1	EB10001248-EB10001248
PGD LE VAN SY	TRUONG HUY THANH	*****155	3	CT10001596-CT10001598
PGD LAC LONG QUAN	TRUONG HUYEN TRANG	*****420	4	CT10000001-CT10000004
CN HA NOI	TRUONG KHANH BICH	*****671	2	CT10073845-CT10073846
CN BAC NINH	TRUONG KHANH DUY	*****990	1	CT10055032-CT10055032
PGD LE QUANG DINH	TRUONG KIM	*****614	1	EB10000277-EB10000277
CN KIEN GIANG	TRUONG KIM DONG	*****109	1	EB10000264-EB10000264
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG LE HOANG ANH	*****455	1	CT10087345-CT10087345
CN KIEN GIANG	TRUONG LE HONG PHUC	*****081	4	CT10123916-CT10123919

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TAY HO	TRUONG LUU VUONG	*****529	9	CT10009696-CT10009704
CN CAU GIAY	TRUONG MAI DIEU	*****881	24	CT10098059-CT10098082
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRUONG MAU PHAT	*****691	15	CT10080567-CT10080581
CN DONG NAI	TRUONG MINH CUONG	*****972	2	CT10008695-CT10008696
CN THANH XUAN	TRUONG MINH DANH	*****681	50	CT10146242-CT10146291
PGD LY THUONG KIET-DN	TRUONG MINH HANH	*****967	1	CT10037454-CT10037454
CN HUE	TRUONG MINH NHAT	*****750	1	CT10050025-CT10050025
TT KH CC MIEN BAC 2	TRUONG MINH QUANG	*****343	3	CT10048227-CT10048229
CN TAN BINH	TRUONG MINH QUYEN	*****069	3	CT10067311-CT10067313
TT KHCC MIEN BAC 1	TRUONG MINH THANH	*****792	5	CT10114621-CT10114625
CN SAI GON	TRUONG MINH VUONG	*****989	4	CT10138822-CT10138825
PGD BACH MAI	TRUONG MY LINH	*****521	16	CT10010606-CT10010616; TD10007591-TD10007595
CN DAK LAK	TRUONG NAM DUONG	*****060	2	CT10025970-CT10025970; EB10000613-EB10000613
CN AN GIANG	TRUONG NGOC BICH	*****639	7	CT10068138-CT10068144
CN DAI AN	TRUONG NGOC BINH	*****021	45	CT10120992-CT10121036
CN CA MAU	TRUONG NGOC DIEP	*****596	25	DN10032027-DN10032051
CN DONG NAI	TRUONG NGOC DIEP	*****874	2	CT10162030-CT10162031
PGD TON THAT TUNG	TRUONG NGOC LINH	*****598	5	TD10008941-TD10008945
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRUONG NGOC MINH	*****548	3	CT10103946-CT10103948
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG NGOC PHUONG	*****124	1	CT10019712-CT10019712
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG NGOC TRAC	*****911	7	CT10054255-CT10054261
CN LANG HA	TRUONG NGUYEN HOANG	*****533	18	CT10026526-CT10026543
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRUONG NGUYEN NHU TRANG	*****244	2	CT10124039-CT10124040
SEABANK LE DUAN	TRUONG NHAT TRUONG	*****548	14	CT10102054-CT10102067
PGD TAN PHAT	TRUONG PHI LONG	*****525	1	CT10026995-CT10026995
CN DONG NAI	TRUONG PHUC HUNG	*****449	25	CT10153423-CT10153447
CN DAI AN	TRUONG PHUC LONG	*****774	1	CT10118539-CT10118539

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUANG PHU	TRUONG PHUOC	*****196	5	DN10074132-DN10074136
CN SAI GON	TRUONG PHUOC LOC	*****655	1	CT10025217-CT10025217
CN DA NANG	TRUONG QUANG DUY NHAN	*****619	8	CT10081655-CT10081662
CN VINH PHUC	TRUONG QUANG HAI	*****819	10	DN10061068-DN10061077
CN HA TINH	TRUONG QUANG HAU	*****621	1	CT10092144-CT10092144
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRUONG QUANG KHAI	*****615	6	CT10077927-CT10077932
CN NHA TRANG	TRUONG QUANG KHANH THI	*****334	3	CT10018646-CT10018648
PGD KIM VAN	TRUONG QUANG LAM	*****214	1	EB10001135-EB10001135
CN DONG DA	TRUONG QUANG LUONG	*****091	9	CT10000387-CT10000395
CN TAN BINH	TRUONG QUANG THANG	*****438	6	CT10147649-CT10147649; TD10001026-TD10001030
CN BAC NINH	TRUONG QUANG THIEM	*****622	1	EB10000353-EB10000353
PGD HOA BINH	TRUONG QUANG TRUNG	*****989	21	CT10163378-CT10163398
CN HUE	TRUONG QUANG VINH NGHI	*****570	2	CT10023979-CT10023980
CN NHA TRANG	TRUONG QUOC BAO	*****629	1	EB10001788-EB10001788
PGD BOTANIC	TRUONG QUOC BINH	*****930	1	CT10127972-CT10127972
PGD NGUYEN KHANH TOAN	TRUONG QUOC CAN	*****243	3	CT10057997-CT10057999
CN TAN PHU	TRUONG QUOC DUNG	*****216	1	CT10060218-CT10060218
SEABANK LE DUAN	TRUONG QUOC HAI	*****777	9	CT10075665-CT10075673
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRUONG QUOC HUY	*****394	25	CT10120318-CT10120342
CN BAC NINH	TRUONG QUOC KHANH	*****435	5	CT10004714-CT10004718
CN DAI AN	TRUONG QUOC LAM	*****508	37	CT10088329-CT10088365
CN NHA TRANG	TRUONG QUOC THAI	*****615	1	EB10002164-EB10002164
PGD NGUYEN THAI SON	TRUONG QUOC THANH	*****537	1	CT10117067-CT10117067
CN HAI PHONG	TRUONG QUY HAO	*****078	3	CT10156489-CT10156491
CN HAI DUONG	TRUONG QUYNH NGA	*****496	1	CT10092167-CT10092167
CN AN GIANG	TRUONG TAN KIET	*****527	9	CT10103095-CT10103103
PGD NUI THANH	TRUONG TAN LUONG	*****544	5	CT10023266-CT10023270

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD QUAN 1	TRUONG THAI CHAU	*****395	1	CT10113979-CT10113979
PGD NGUYEN TRAI	TRUONG THAI KHANH	*****056	10	CT10052324-CT10052333
CN CAN THO	TRUONG THAI NGUYEN	*****128	10	CT10103213-CT10103222
CN DA NANG	TRUONG THANH BINH	*****625	6	CT10014780-CT10014785
CN HA TINH	TRUONG THANH CHUONG	*****386	11	CT10060070-CT10060080
CN THAI NGUYEN	TRUONG THANH CONG	*****661	1	EB10001686-EB10001686
CN TAN BINH	TRUONG THANH DAT	*****637	38	CT10144833-CT10144870
PGD BA TRIEU	TRUONG THANH HOAI	*****139	89	CT10085593-CT10085681
CN TIEN GIANG	TRUONG THANH HONG	*****239	4	CT10084456-CT10084459
CN CA MAU	TRUONG THANH PHUONG	*****237	103	DN10031056-DN10031153; TD10008761-TD10008765
CN AN GIANG	TRUONG THANH TAN	*****287	3	CT10095592-CT10095594
SEABANK LE DUAN	TRUONG THANH THUY	*****778	5	CT10083261-CT10083265
CN VUNG TAU	TRUONG THANH TRUNG	*****332	1	CT10095613-CT10095613
PGD HAM NGHI	TRUONG THE CHUNG	*****722	40	DN10061078-DN10061117
CN TIEN GIANG	TRUONG THE NGOC	*****606	3	CT10103777-CT10103779
PGD VAN XUAN	TRUONG THI AN	*****721	24	CT10119100-CT10119123
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG THI ANH DAO	*****985	5	CT10103186-CT10103190
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG THI BAO TRAN	*****337	14	CT10073432-CT10073445
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRUONG THI BICH HUONG	*****609	15	CT10081767-CT10081781
CN HAI AN	TRUONG THI BICH NGAN	*****146	2	CT10098278-CT10098279
CN PHU MY HUNG	TRUONG THI CAM MI	*****133	1	CT10156880-CT10156880
CN KIEN GIANG	TRUONG THI CAM TU	*****782	10	CT10115560-CT10115569
PGD HA LONG	TRUONG THI DAU	*****291	7	CT10023505-CT10023511
PGD NUI THANH	TRUONG THI DIEP	*****303	7	DN10083774-DN10083780
PGD LE VAN SY	TRUONG THI DIEP DAN	*****697	1	EB10000339-EB10000339
CN HUE	TRUONG THI DIEU LINH	*****403	2	CT10097155-CT10097156
PGD TRAN PHU	TRUONG THI DUNG	*****715	2	CT10007668-CT10007669
CN BAC NINH	TRUONG THI DUNG	*****478	1	CT10072289-CT10072289

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN CAU GIAY	TRUONG THI DUNG	*****817	75	DN10090036-DN10090099; EB10002253-EB10002253; TD10004591-TD10004600
PGD Krong Nang	TRUONG THI DUYEN	*****729	3	DN10069115-DN10069117
PGD HONG BANG	TRUONG THI DUYEN	*****841	1	CT10082719-CT10082719
CN THANH HOA	TRUONG THI GIANG	*****127	4	CT10064269-CT10064272
CN HA TINH	TRUONG THI HA GIANG	*****351	5	CT10038684-CT10038688
CN HA TINH	TRUONG THI HAI HUONG	*****919	5	DN10064347-DN10064351
CN CAU GIAY	TRUONG THI HANG	*****436	10	CT10121575-CT10121584
CN THANH XUAN	TRUONG THI HANG	*****877	29	CT10103052-CT10103080
CN THAI NGUYEN	TRUONG THI HANG NGA	*****798	15	CT10108542-CT10108556
CN HA DONG	TRUONG THI HANH	*****509	1	EB10000001-EB10000001
CN DAK LAK	TRUONG THI HIEN	*****462	16	CT10158175-CT10158190
PGD LE THANH TONG	TRUONG THI HIEN	*****773	2	CT10005029-CT10005030
CN HA NOI	TRUONG THI HOAI	*****171	1	CT10125081-CT10125081
CN SO GIAO DICH	TRUONG THI HOAI ANH	*****841	4	CT10059766-CT10059769
CN PHU MY HUNG	TRUONG THI HOAI VI	*****751	14	CT10080582-CT10080595
CN HAI DUONG	TRUONG THI HOANG PHUONG	*****108	5	TD10005506-TD10005510
CN SAI GON	TRUONG THI HOANG YEN	*****216	1	CT10036104-CT10036104
CN TAN PHU	TRUONG THI HONG NGA	*****367	9	CT10073799-CT10073807
CN HAI AN	TRUONG THI HONG VAN	*****188	1	EB10000971-EB10000971
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG THI HUE	*****001	5	DN10075176-DN10075180
CN TAN PHU	TRUONG THI HUONG GIANG	*****869	2	CT10016619-CT10016620
CN DONG NAI	TRUONG THI KIM ANH	*****083	5	DN10024847-DN10024851
CN HAI AN	TRUONG THI KIM ANH	*****270	4	CT10018778-CT10018781
CN VINH PHUC	TRUONG THI KIM DUNG	*****098	1	EB10001516-EB10001516
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG THI KIM HUE	*****982	5	DN10088531-DN10088535

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	TRUONG THI KIM LUA	*****262	10	CT10054516-CT10054525
CN CAN THO	TRUONG THI KIM NGOC	*****991	1	EB10002410-EB10002410
CN DA NANG	TRUONG THI KIM YEN	*****218	17	CT10057331-CT10057347
CN SAI GON	TRUONG THI LAN HUONG	*****033	2	CT10156585-CT10156586
CN NGHE AN	TRUONG THI LY	*****620	11	CT10107453-CT10107463
CN HA TINH	TRUONG THI MINH	*****744	3	CT10147466-CT10147468
PGD HOANG DIEU	TRUONG THI MINH HANH	*****905	10	CT10003516-CT10003520; TD10006691-TD10006695
PGD AU CO	TRUONG THI MY	*****485	4	CT10046149-CT10046152
CN NHA TRANG	TRUONG THI MY CHI	*****423	1	CT10050137-CT10050137
PGD DA KAO	TRUONG THI MY DUNG	*****266	150	DN10037388-DN10037537
HUB PAYROLL MN	TRUONG THI MY PHUONG	*****859	1	EB10003094-EB10003094
CN HA TINH	TRUONG THI NAM	*****187	5	DN10093686-DN10093690
PGD TU SON	TRUONG THI NAM	*****388	2	CT10013367-CT10013368
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG THI NGA	*****166	5	DN10040407-DN10040411
SEABANK LE DUAN	TRUONG THI NGA	*****254	7	CT10140206-CT10140212
CN AN GIANG	TRUONG THI NGHE	*****765	3	DN10098074-DN10098076
CN DONG DA	TRUONG THI NGOC ANH	*****148	6	CT10101119-CT10101124
CN DA NANG	TRUONG THI NGOC HIEN	*****899	1	CT10006795-CT10006795
HUB PAYROLL MB	TRUONG THI NGOC HUYEN	*****815	1	EB10000299-EB10000299
CN NGHE AN	TRUONG THI NGOC HUYEN	*****574	1	EB10000516-EB10000516
PGD KIM VAN	TRUONG THI NGOC LINH	*****229	60	CT10073669-CT10073728
CN CA MAU	TRUONG THI NGOC TRAN	*****218	12	CT10059080-CT10059091
CN DA NANG	TRUONG THI NHAN	*****625	12	DN10105972-DN10105978; TD10007566-TD10007570
CN DA NANG	TRUONG THI NHAT THU	*****205	54	CT10030549-CT10030597; TD10010396-TD10010400

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN BINH DUONG	TRUONG THI NHU Y	*****706	1	CT10160228-CT10160228
CN HUE	TRUONG THI NHUNG	*****069	2	CT10043166-CT10043167
PGD DONG SON	TRUONG THI NOI	*****473	1	EB10000738-EB10000738
PGD HAO NAM	TRUONG THI NUONG	*****013	8	CT10156643-CT10156650
CN TAN BINH	TRUONG THI PHAN	*****013	24	CT10042719-CT10042742
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG THI PHUONG	*****620	5	DN10105384-DN10105388
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG THI PHUONG	*****635	5	DN10082362-DN10082366
CN HUE	TRUONG THI PHUONG THAO	*****297	5	DN10036305-DN10036309
CN LONG BIEN	TRUONG THI PHUONG THAO	*****928	1	CT10044073-CT10044073
CN HA DONG	TRUONG THI TAM	*****651	76	DN10083523-DN10083598
PGD LE HONG PHONG	TRUONG THI THAM	*****072	100	DN10019524-DN10019623
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG THI THANH TAM	*****070	1	CT10126653-CT10126653
CN DONG DA	TRUONG THI THANH THUY	*****571	6	CT10141919-CT10141924
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG THI THANH THUY	*****616	1	EB10002596-EB10002596
CN BINH DINH	TRUONG THI THANH TU	*****262	10	CT10149800-CT10149805; DN10074078-DN10074081
CN BAC NINH	TRUONG THI THAO	*****154	1	EB10003120-EB10003120
CN HA DONG	TRUONG THI THAO	*****300	4	CT10072304-CT10072307
PGD BACH DANG	TRUONG THI THIEN TRIEU	*****420	1	CT10006072-CT10006072
CN SAI GON	TRUONG THI THU	*****153	20	CT10002867-CT10002886
CN SAI GON	TRUONG THI THU CAM	*****390	16	CT10056379-CT10056394
PGD TRAN DUY HUNG	TRUONG THI THU HA	*****453	5	CT10163325-CT10163329
CN SO GIAO DICH	TRUONG THI THU HIEN	*****227	12	CT10115497-CT10115508
CN DONG NAI	TRUONG THI THU HUONG	*****397	3	CT10090596-CT10090598
PGD VAN QUAN	TRUONG THI THU PHUONG	*****172	1	CT10112464-CT10112464
CN NHA TRANG	TRUONG THI THU THUY	*****494	1	EB10000576-EB10000576

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THAI NGUYEN	TRUONG THI THU TRANG	*****487	1	EB10001721-EB10001721
CN HA TINH	TRUONG THI THUAN	*****725	20	TD10005641-TD10005660
CN HA TINH	TRUONG THI THUY	*****256	1	CT10046905-CT10046905
CN THANH HOA	TRUONG THI THUY	*****275	11	CT10061624-CT10061634
CN DONG DA	TRUONG THI THUY DUONG	*****033	7	CT10055043-CT10055049
PGD VINH HOANG	TRUONG THI THUY HIEN	*****002	1	EB10000122-EB10000122
CN AN GIANG	TRUONG THI THUY KIEU	*****598	3	DN10036302-DN10036304
CN VUNG TAU	TRUONG THI THUY NGA	*****783	8	DN10040815-DN10040822
PGD NGUYEN CONG TRU	TRUONG THI TRA GIANG	*****423	19	CT10128266-CT10128278; EB10002354-EB10002354; TD10005011-TD10005015
PGD THANH CONG	TRUONG THI TRA MY	*****331	77	CT10114214-CT10114290
PGD DAO TAN	TRUONG THI TRANG	*****800	1	CT10022710-CT10022710
CN AN GIANG	TRUONG THI TRANG	*****833	2	CT10095785-CT10095786
PGD LE QUANG DINH	TRUONG THI TUYET	*****346	50	CT10038305-CT10038354
CN CAU GIAY	TRUONG THI TUYET	*****642	3	CT10072982-CT10072984
PGD TRUONG QUANG TRONG	TRUONG THI TUYET CAM	*****612	1	EB10002026-EB10002026
PGD KHAM THIEN	TRUONG THI UYEN	*****023	24	CT10037070-CT10037093
PGD DAO TAN	TRUONG THI VAN ANH	*****436	2	CT10124288-CT10124289
PGD QUAN 11	TRUONG THI VAN ANH	*****829	11	CT10024565-CT10024575
CN DAK LAK	TRUONG THI XUAN	*****576	14	CT10115034-CT10115047
CN DA NANG	TRUONG THIEU LINH	*****226	7	CT10006507-CT10006513
PGD NUI THANH	TRUONG THUC KHA	*****456	3	CT10143252-CT10143254
CN THAI NGUYEN	TRUONG THUY HA	*****515	10	CT10123529-CT10123538
PGD BOTANIC	TRUONG THUY LOAN	*****007	1	CT10000627-CT10000627
CN DONG DA	TRUONG TIEN DUNG	*****654	5	TD10003001-TD10003005
TT KHCC MIEN BAC 1	TRUONG TIEN DUNG	*****654	4	CT10034869-CT10034872
PGD THU DUC	TRUONG TIEN DUNG	*****913	1	EB10002157-EB10002157
PGD TRAN HUNG DAO	TRUONG TIEN DUNG	*****913	130	DN10033241-DN10033370

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD YEN PHU	TRUONG TIEN QUANG	*****688	25	CT10064631-CT10064635; DN10000990-DN10001004; TD10005481-TD10005485
CN CAU GIAY	TRUONG TO NGA	*****610	9	CT10128212-CT10128220
PGD SAO DO	TRUONG TRI THAI	*****696	90	CT10160554-CT10160567; DN10093566-DN10093630; EB10002423-EB10002423; TD10005146-TD10005155
CN SAI GON	TRUONG TRONG NGHIA	*****708	6	CT10011141-CT10011146
PGD THU DUC	TRUONG TRUC LAN	*****420	1	EB10001693-EB10001693
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG TRUC THAO	*****533	3	CT10041704-CT10041706
HUB PAYROLL MB	TRUONG TRUNG HIEU	*****926	24	CT10061082-CT10061105
CN PHU MY HUNG	TRUONG TRUONG THO	*****343	1	CT10085561-CT10085561
CN BINH DINH	TRUONG TU NGA	*****746	1	EB10002041-EB10002041
PGD TAY HO	TRUONG TUAN ANH	*****177	1	CT10140909-CT10140909
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRUONG TUAN HOANG	*****693	8	CT10102081-CT10102088
CN DONG DA	TRUONG TUAN THANH	*****117	20	CT10053293-CT10053312
CN THANH HOA	TRUONG TUAN THANH	*****073	1	CT10162521-CT10162521
CN CAN THO	TRUONG TUAN TU	*****390	17	CT10005558-CT10005574
CN DAK LAK	TRUONG VAN CHANH	*****744	1	CT10054556-CT10054556
CN BAC NINH	TRUONG VAN CUONG	*****582	1	EB10000080-EB10000080
PGD PHU MY - BINH DINH	TRUONG VAN HAI	*****201	1	EB10001723-EB10001723
CN DA NANG	TRUONG VAN HAO	*****051	7	CT10104455-CT10104461
PGD HANG KENH	TRUONG VAN HIEN	*****716	2	CT10052672-CT10052673
PGD PHO YEN	TRUONG VAN HUYNH	*****522	61	CT10087206-CT10087206; DN10039303-DN10039362
CN LANG HA	TRUONG VAN NAM	*****520	4	CT10095233-CT10095236
CN DONG NAI	TRUONG VAN NHUONG	*****017	1	CT10134466-CT10134466
CN CA MAU	TRUONG VAN NIL	*****714	1	CT10074672-CT10074672
CN CAN THO	TRUONG VAN PHI	*****717	1	CT10098255-CT10098255
CN HAI PHONG	TRUONG VAN PHUC	*****601	10	CT10054458-CT10054467
PGD LE THAI TO	TRUONG VAN PHUNG	*****024	20	CT10101278-CT10101297
TT KHCC MIEN BAC 1	TRUONG VAN PHUOC	*****262	1	CT10036539-CT10036539
CN HUE	TRUONG VAN PHUOC	*****534	5	CT10151482-CT10151486

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LANG HA	TRUONG VAN SANG	*****314	1	EB10002392-EB10002392
PGD LE HONG PHONG	TRUONG VAN SANG	*****538	9	CT10001569-CT10001577
CN DA NANG	TRUONG VAN TANH	*****422	127	CT10124783-CT10124794; DN10089806-DN10089915; TD10004681-TD10004685
CN LANG HA	TRUONG VAN TAO	*****060	16	CT10069124-CT10069139
TT KH CC MIEN BAC 2	TRUONG VAN THINH	*****935	13	CT10160742-CT10160754
PGD QUAN 10	TRUONG VAN TIEP	*****958	25	CT10014845-CT10014869
HUB THE VA TIN CHAP MN	TRUONG VAN TINH	*****387	13	CT10158464-CT10158476
CN TP. HO CHI MINH	TRUONG VAN TINH	*****856	1	EB10003211-EB10003211
PGD TAY HO	TRUONG VAN TRUONG	*****637	10	CT10144577-CT10144586
TT KH CC MIEN BAC 2	TRUONG VAN TUNG	*****518	25	CT10132731-CT10132755
PGD PHU LAM	TRUONG VI MINH	*****465	3	CT10056914-CT10056916
PGD TRAN DUY HUNG	TRUONG VIET MY	*****713	1	EB10001150-EB10001150
CN KIEN GIANG	TRUONG VINH THANG	*****454	1	EB10001100-EB10001100
CN CA MAU	TRUONG VINH Y	*****769	6	CT10110155-CT10110155; TD10002481-TD10002485
PGD NGOC LAM	TRUONG VY PHUONG	*****476	2	CT10052303-CT10052304
PGD TAY HO	TRUONG XUAN MINH	*****649	25	CT10111875-CT10111880; DN10097881-DN10097894; TD10002691-TD10002695
CN CAU GIAY	TRUONG XUAN THUC	*****429	43	DN10080439-DN10080481
CN HA DONG	TRUONG XUAN THUC	*****934	22	CT10045551-CT10045572
CN NHA TRANG	TU BAO CUONG	*****739	3	CT10088622-CT10088624
CN LANG HA	TU GIA LAM	*****839	1	CT10108466-CT10108466
HUB THE VA TIN CHAP MN	TU GIAM	*****263	3	CT10147850-CT10147852
CN DAI AN	TU HAI LAM	*****816	3	CT10038128-CT10038130
CN NHA TRANG	TU HUU QUANG	*****214	51	CT10147093-CT10147097; DN10065150-DN10065189; EB10001490-EB10001490; TD10001006-TD10001010
CN DA NANG	TU NAM DAT	*****679	4	DN10095263-DN10095266
PGD DAO TAN	TU PHONG HAI	*****239	5	CT10056043-CT10056047

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD CAM RANH	TU PHUONG NAM	*****052	1	CT10021879-CT10021879
PGD DI AN	TU PHUONG THANH	*****504	5	CT10128689-CT10128693
HUB PAYROLL MB	TU QUYNH NGA	*****590	11	CT10084443-CT10084453
PGD QUAN 1	TU THANH CUA	*****266	9	CT10138763-CT10138771
CN CA MAU	TU THI DIEP MAI	*****782	39	CT10135337-CT10135338; DN10022486-DN10022521; EB10000569-EB10000569
PGD CAM PHA	TU THI GAI	*****363	22	CT10134826-CT10134847
CN SO GIAO DICH	TU THI MINH HA	*****531	12	CT10130446-CT10130457
PGD TRAN DUY HUNG	TU TIEN DAT	*****858	1	EB10002364-EB10002364
CN HA TINH	TU TIEN HOP	*****954	5	TD10002391-TD10002395
PGD HAM NGHI	TU TRANG THANH	*****468	1	CT10126487-CT10126487
CN TAN PHU	TU VAN DEN	*****080	3	CT10001623-CT10001625
PGD KIM VAN	TUONG THI MINH	*****515	24	CT10008614-CT10008637
HUB PAYROLL MN	TUONG THI TRUC MAI	*****318	1	EB10000788-EB10000788
PGD HAN THUYEN	To Anh Chien	*****558	6	CT10030360-CT10030365
CN TP. HO CHI MINH	UC HOAI NHI	*****107	1	EB10000577-EB10000577
HUB THE VA TIN CHAP MB	UNG BICH THUAN	*****454	24	CT10048280-CT10048303
CN HAI PHONG	UNG DINH TUNG	*****950	2	CT10042124-CT10042125
PGD TRAN KHAT CHAN	UNG THI LAN HUONG	*****471	1	EB10000921-EB10000921
PGD THU DUC	UNG THI XUAN	*****028	68	DN10054328-DN10054395
CN HA NOI	UONG MINH NAM	*****644	1	CT10137371-CT10137371
TT KH CC MIEN BAC 2	UONG NHAT HA	*****975	20	CT10018835-CT10018854
CN DAI AN	UONG QUANG HUNG	*****705	15	CT10143847-CT10143861
CN SO GIAO DICH	UONG TUAN PHONG	*****683	2	CT10010657-CT10010658
PGD TUYEN SON	VAN BA DUNG	*****203	75	CT10031210-CT10031214; DN10048100-DN10048169
PGD TRAN HUNG DAO	VAN CONG TAN	*****117	3	CT10137374-CT10137376
CN VINH PHUC	VAN DANG MINH	*****612	1	CT10087267-CT10087267
CN DAK LAK	VAN DINH MY TRINH	*****992	2	DN10046408-DN10046409
CN DA NANG	VAN HUNG TRONG	*****803	9	CT10072643-CT10072651
CN NHA TRANG	VAN HUU QUOC HUNG	*****958	1	EB10001131-EB10001131
CN HA NOI	VAN KHAC PHUC	*****999	16	CT10108085-CT10108100

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	VAN MINH HUY	*****465	1	CT10124597-CT10124597
PGD DIEN BIEN PHU	VAN QUY DUC	*****808	4	CT10145764-CT10145767
CN HUE	VAN THI DIEM TRANG	*****798	3	DN10085280-DN10085282
CN DAK LAK	VAN THI HOANG LIEN	*****413	4	DN10105280-DN10105283
CN DAK LAK	VAN THI HOANG OANH	*****414	5	DN10069330-DN10069334
PGD CAM PHA	VAN THI KIM DUNG	*****239	31	CT10105125-CT10105130; DN10069877-DN10069896; TD10001696-TD10001700
PGD NGUYEN HUU HUAN	VAN THI MINH ANH	*****481	1	EB10002611-EB10002611
CN SAI GON	VAN THI MINH HANG	*****082	3	CT10127969-CT10127971
PGD XUAN KHANH	VAN THI MONG TUYEN	*****154	1	CT10146017-CT10146017
SEABANK LE DUAN	VAN THI MY HANH	*****126	1	CT10092187-CT10092187
CN TP. HO CHI MINH	VAN THI MY HONG	*****280	1	CT10104879-CT10104879
PGD HAN THUYEN	VAN THI THANH MY	*****114	3	CT10053768-CT10053770
CN DAI AN	VAN THI THANH VAN	*****179	2	CT10165471-CT10165472
HUB THE VA TIN CHAP MB	VAN THI THU HIEN	*****022	23	CT10133136-CT10133158
CN DAI AN	VAN THI THU HUYEN	*****652	14	CT10124926-CT10124939
CN BINH DUONG	VAN THI THUY VIEN	*****691	4	CT10034010-CT10034013
PGD VINH HAI	VAN THIEN QUOC	*****561	2	CT10018965-CT10018966
PGD NUI THANH	VAN TIEN LOC	*****532	5	CT10022099-CT10022103
CN DAI AN	VAN TIEN QUAN	*****332	9	CT10092804-CT10092812
PGD TUYEN SON	VAN TIEN TAM	*****467	2	CT10140829-CT10140830
HUB THE VA TIN CHAP MN	VANG HOANG QUI	*****650	10	DN10082783-DN10082792
CN DAK LAK	VANG THI CUONG	*****994	3	DN10065784-DN10065786
CN DAK LAK	VANG THI TUC	*****036	5	DN10087411-DN10087415
CN LONG BIEN	VI CUONG DUY	*****680	2	CT10085211-CT10085212
CN VINH PHUC	VI DIEP ANH	*****923	2	CT10122823-CT10122824
CN THAI NGUYEN	VI HIEU GIANG	*****471	1	EB10002662-EB10002662
CN THAI NGUYEN	VI KHANH TRUC	*****133	7	CT10064502-CT10064508
HUB PAYROLL MB	VI KHUONG THUONG	*****409	25	CT10000336-CT10000360
CN QUANG NGAI	VI NHAT TRUONG	*****961	8	CT10127395-CT10127402

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	VI QUOC TUAN	*****824	4	CT10163037-CT10163040
CN LANG HA	VI THI BICH NGOC	*****287	17	CT10087312-CT10087318; TD10009601-TD10009610
CN THANH XUAN	VI THI HAU	*****284	113	CT10156411-CT10156423; DN10083632-DN10083731
PGD NGUYEN AN NINH	VI THI HOA	*****582	22	CT10106307-CT10106328
PGD LAN ONG	VI THI KIM	*****683	4	CT10118747-CT10118750
HUB THE VA TIN CHAP MB	VI THI MUON	*****667	24	CT10025173-CT10025196
PGD MY DINH	VI THI THANH	*****587	2	CT10130300-CT10130301
HUB THE VA TIN CHAP MB	VI THI TUYET	*****103	10	CT10059909-CT10059918
TT KHCC MIEN BAC 1	VI TUAN TUNG	*****037	8	CT10063615-CT10063622
PGD CAM PHA	VI VAN MINH	*****035	1	EB10002967-EB10002967
CN THAI NGUYEN	VI VAN PHUNG	*****376	1	EB10002000-EB10002000
PGD TU SON	VI VAN THIEN	*****680	1	EB10002480-EB10002480
CN QUANG NINH	VI XUAN TUNG	*****678	2	CT10065101-CT10065102
PGD HOANG DIEU	VIEN QUANG MUI	*****924	1	CT10117601-CT10117601
CN SAI GON	VIET LE HIEP HUNG	*****145	1	EB10002637-EB10002637
CN NHA TRANG	VO AN THU	*****633	2	CT10117569-CT10117570
CN BINH DUONG	VO ANH HONG	*****396	2	CT10076826-CT10076827
SEABANK LE DUAN	VO ANH HUY	*****865	2	CT10020289-CT10020290
HUB THE VA TIN CHAP MB	VO ANH NGOC	*****686	20	CT10097459-CT10097478
CN DAK LAK	VO ANH TAI	*****334	20	CT10146296-CT10146315
CN TP. HO CHI MINH	VO BAO NGAN	*****478	3	CT10018269-CT10018271
CN DAK LAK	VO BAO NHI	*****494	1	EB10000065-EB10000065
CN BINH DUONG	VO BINH NGUYEN	*****600	1	CT10125635-CT10125635
CN DAK LAK	VO CAO MY HANH	*****200	1	EB10002898-EB10002898
CN TAN PHU	VO CHI HAI	*****018	9	CT10102919-CT10102927
PGD TUYEN SON	VO CHI THAO	*****429	3	CT10002017-CT10002019
CN HUE	VO DAI HUNG	*****990	5	DN10080181-DN10080185
CN DONG NAI	VO DAI LY	*****977	2	CT10156778-CT10156779
CN DA NANG	VO DAI SONG THANH	*****648	46	DN10030611-DN10030655; EB10002924-EB10002924
CN DA NANG	VO DAN SANH	*****195	2	CT10106839-CT10106840

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DONG DA	VO DINH HIEU	*****849	5	TD10009431-TD10009435
PGD NGUYEN CONG TRU	VO DINH MINH	*****960	9	CT10133538-CT10133546
CN TP. HO CHI MINH	VO DINH QUOC BAO	*****162	1	CT10060062-CT10060062
CN HUE	VO DO	*****487	7	CT10102298-CT10102304
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO DUC HAI	*****455	24	CT10141123-CT10141146
CN DA NANG	VO DUC MI TOAN	*****855	1	CT10076888-CT10076888
CN CAN THO	VO DUC TAI	*****627	3	DN10002992-DN10002994
PGD QUAN 10	VO DUC TUAN	*****400	1	CT10147588-CT10147588
CN SAI GON	VO DUY LINH	*****323	3	CT10157446-CT10157448
CN NHA TRANG	VO DUY PHUOC	*****714	1	EB10001758-EB10001758
CN SAI GON	VO HIEU HUY	*****631	16	CT10036171-CT10036186
PGD NGUYEN VAN CU	VO HOANG ANH	*****054	52	CT10070757-CT10070762; DN10021574-DN10021613; EB10000447-EB10000447; TD10006911-TD10006915
TT KHCC MIEN BAC 1	VO HOANG CHIEN	*****002	7	CT10049004-CT10049010
PGD TUYEN SON	VO HOANG GIA BAO	*****671	31	CT10146478-CT10146478; DN10063966-DN10063995
CN PHU MY HUNG	VO HOANG LONG	*****725	20	CT10046690-CT10046709
PGD XUAN KHANH	VO HOANG QUI	*****127	2	CT10104822-CT10104823
CN PHU MY HUNG	VO HOANG THANH TRUC	*****062	1	EB10000450-EB10000450
CN TIEN GIANG	VO HOANG VINH AN	*****422	4	CT10104037-CT10104040
CN QUANG NGAI	VO HOANG VUONG QUOC	*****198	1	EB10001576-EB10001576
HUB THE CHAP MN	VO HONG MINH MAN	*****124	54	DN10055531-DN10055579; TD10000051-TD10000055
PGD THANG LONG	VO HONG NAM	*****672	35	CT10121136-CT10121170
CN NGHE AN	VO HUNG CUONG	*****962	46	DN10058784-DN10058823; EB10001227-EB10001227; TD10000221-TD10000225
PGD LAC LONG QUAN	VO HUNG GIANG	*****582	14	CT10103248-CT10103261
PGD AU CO	VO HUU TAI	*****318	100	DN10081738-DN10081837
CN PHU MY HUNG	VO HUY AN	*****047	1	CT10015990-CT10015990
PGD DIEN KHANH	VO HUY CHUNG	*****003	1	CT10001527-CT10001527

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO HUYNH PHUOC LOC	*****191	2	CT10014488-CT10014489
CN NHA TRANG	VO HUYNH THI LE NGUYEN	*****999	1	EB10002175-EB10002175
PGD HOANG DIEU	VO KIEN QUOC	*****600	1	EB10003308-EB10003308
CN DAK LAK	VO KIEU NHU	*****773	1	CT10032094-CT10032094
CN HA TINH	VO KIEU OANH	*****584	10	TD10004801-TD10004810
PGD NGUYEN TRAI	VO KIM ANH	*****708	30	DN10077386-DN10077415
PGD XUAN KHANH	VO KIM HUNG	*****193	4	CT10104917-CT10104920
CN CAN THO	VO KIM THU	*****947	10	CT10117723-CT10117732
PGD BOTANIC	VO LAM HONG NGOC	*****351	4	CT10037572-CT10037575
CN TIEN GIANG	VO LAP DUC	*****267	5	CT10122721-CT10122725
CN DAI AN	VO LE NAM	*****135	25	CT10016634-CT10016658
CN NHA TRANG	VO LE THI MY PHUONG	*****949	1	CT10003570-CT10003570
CN SAI GON	VO LONG NHI	*****740	50	DN10038452-DN10038501
CN TP. HO CHI MINH	VO LONG NHI	*****740	13	CT10116346-CT10116358
PGD DI AN	VO LY CHAU	*****630	2	CT10098644-CT10098645
CN SO GIAO DICH	VO MANH LINH	*****251	1	CT10098643-CT10098643
PGD LY THUONG KIET-DN	VO MINH DUC	*****539	1	EB10000706-EB10000706
CN SAI GON	VO MINH HOANG	*****208	6	CT10159771-CT10159776
CN TIEN GIANG	VO MINH NGUYET	*****725	8	CT10072652-CT10072659
CN TAN BINH	VO MINH NHAN	*****360	5	CT10123193-CT10123197
CN SAI GON	VO MINH THE ANH	*****034	5	CT10048142-CT10048146
PGD MY CA	VO MINH THI	*****775	21	CT10092530-CT10092545; TD10009986-TD10009990
CN TAN PHU	VO MINH TRIET	*****132	1	CT10147285-CT10147285
CN AN GIANG	VO MINH TRIET	*****651	3	CT10087735-CT10087737
CN DA NANG	VO MINH TUAN	*****325	4	CT10159975-CT10159978
CN TP. HO CHI MINH	VO MINH TUYEN	*****387	1	CT10141122-CT10141122
PGD MY CA	VO MINH VUONG	*****675	6	CT10009792-CT10009797
CN VUNG TAU	VO NGOC ANH	*****304	1	EB10000726-EB10000726
CN TP. HO CHI MINH	VO NGOC CHAU NGUYEN	*****270	1	EB10002563-EB10002563
PGD THU DAU 1	VO NGOC DIEM	*****310	1	EB10001492-EB10001492
PGD BA RIA	VO NGOC HA QUYEN	*****463	2	CT10120369-CT10120370

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	VO NGOC LA GIANG	*****702	23	CT10115900-CT10115922
CN DA NANG	VO NGOC MINH PHUONG	*****353	3	CT10039923-CT10039925
CN NHA TRANG	VO NGOC NHU QUYEN	*****724	1	EB10001937-EB10001937
TT KH CC MIEN BAC 2	VO NGOC QUANG	*****671	25	CT10158919-CT10158943
CN NGHE AN	VO NGOC THANH	*****285	5	DN10025117-DN10025121
CN CAN THO	VO NGOC THUY	*****206	3	CT10095205-CT10095207
PGD AU CO	VO NGOC THUY LOAN	*****457	40	CT10071847-CT10071886
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO NGOC TUYEN	*****725	10	DN10110168-DN10110177
CN NHA TRANG	VO NGOC VY	*****267	2	CT10062636-CT10062637
CN DAK LAK	VO NGUYEN HOANG NAM	*****182	2	CT10151969-CT10151970
CN BINH DUONG	VO NGUYEN HONG LUAN	*****187	1	CT10106537-CT10106537
CN NHA TRANG	VO NGUYEN HUNG	*****762	1	EB10001129-EB10001129
SEABANK LE DUAN	VO NGUYEN LE HAN	*****423	14	CT10127692-CT10127705
SEABANK LE DUAN	VO NGUYEN MINH TRIET	*****237	10	CT10092028-CT10092037
CN TAN BINH	VO NGUYEN NHAT TRUONG	*****296	55	CT10130345-CT10130399
CN TAN BINH	VO NGUYEN PHAN NGUYEN	*****724	6	CT10101393-CT10101398
CN TIEN GIANG	VO NGUYEN THU HUONG	*****020	5	CT10086704-CT10086708
CN NHA TRANG	VO NGUYEN TIEN DAT	*****006	1	EB10001270-EB10001270
CN TP. HO CHI MINH	VO NGUYEN TIEN TOAN	*****923	1	EB10002158-EB10002158
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO NGUYEN TIEN TOAN	*****923	19	DN10092476-DN10092494
CN TP. HO CHI MINH	VO NGUYEN VU	*****498	1	CT10016832-CT10016832
PGD AU CO	VO NHU BAO	*****285	2	CT10071361-CT10071362
PGD QUAN 1	VO NHU NGOC	*****105	5	TD10001686-TD10001690
TT KHCC MIEN BAC 1	VO PHI LONG	*****902	7	CT10076589-CT10076595
PGD QUAN 10	VO PHONG KHANH	*****177	1	CT10053621-CT10053621

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DIEN KHANH	VO PHUNG HOANG HAI	*****871	1	CT10020765-CT10020765
CN QUANG NGAI	VO PHUONG LOAN	*****569	1	EB10003069-EB10003069
CN TAN BINH	VO QUANG LAM	*****012	5	CT10025219-CT10025223
CN DONG DA	VO QUANG THANH	*****396	73	DN10051382-DN10051444; TD10010896-TD10010905
CN TP. HO CHI MINH	VO QUANG THANH	*****426	330	CT10098294-CT10098342; DN10052296-DN10052570; EB10000834-EB10000834; TD10011036-TD10011040
CN TAN BINH	VO QUOC ANH	*****665	2	CT10002279-CT10002280
CN NHA TRANG	VO QUOC BINH	*****907	8	CT10084752-CT10084759
CN CA MAU	VO QUOC HOI	*****506	2	CT10054532-CT10054533
CN TIEN GIANG	VO QUOC HUNG	*****016	1	CT10042716-CT10042716
TT KH CC MIEN BAC 2	VO QUOC HUNG	*****230	6	CT10145487-CT10145492
PGD BACH DANG	VO QUOC TRUNG	*****436	10	CT10073764-CT10073773
CN TP. HO CHI MINH	VO QUYEN NGOC TO	*****481	2	CT10157507-CT10157508
PGD DUC PHO	VO SANG	*****290	4	CT10065649-CT10065652
PGD CONG HOA	VO SI NHIEU	*****945	1	EB10002736-EB10002736
CN THANH XUAN	VO SY QUYEN	*****062	4	CT10113758-CT10113761
CN TAN PHU	VO TAN CONG	*****797	4	CT10048963-CT10048966
CN AN GIANG	VO TAN DAT	*****769	1	CT10074398-CT10074398
CN KIEN GIANG	VO THANH HIEU	*****717	7	CT10124619-CT10124625
PGD KHANH HOI	VO THANH HOANG	*****068	1	EB10003301-EB10003301
CN NHA TRANG	VO THANH LOC	*****396	3	CT10161544-CT10161546
CN NHA TRANG	VO THANH LONG	*****015	5	CT10056902-CT10056906
CN HUE	VO THANH LONG	*****990	5	TD10005716-TD10005720
CN CA MAU	VO THANH MIEN	*****566	51	CT10017746-CT10017753; DN10028699-DN10028735; EB10002859-EB10002859; TD10008526-TD10008530
CN SAI GON	VO THANH NHU	*****719	2	CT10090775-CT10090776
CN TIEN GIANG	VO THANH PHUONG TRANG	*****899	1	CT10120407-CT10120407
CN DA NANG	VO THANH SANG	*****674	10	CT10129985-CT10129994
CN BINH DINH	VO THANH SON	*****209	2	CT10025686-CT10025687
CN AN GIANG	VO THANH TAM	*****412	28	CT10003127-CT10003154
CN NHA TRANG	VO THANH THAO	*****844	1	EB10001465-EB10001465

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD XUAN KHANH	VO THANH THUAN	*****921	100	DN10058680-DN10058779
CN AN GIANG	VO THANH THUY	*****209	3	DN10088642-DN10088644
CN TAN BINH	VO THANH TOAN	*****787	13	CT10015063-CT10015075
PGD DIEN KHANH	VO THANH VUONG	*****800	97	CT10112917-CT10112922; DN10098324-DN10098409; TD10002721-TD10002725
CN BINH DINH	VO THE LAM	*****308	2	CT10037197-CT10037198
CN DA NANG	VO THI AI THANH	*****855	5	CT10166680-CT10166684
PGD XUAN KHANH	VO THI BICH HAN	*****863	2	CT10027066-CT10027067
CN NHA TRANG	VO THI BICH LOAN	*****287	18	CT10101624-CT10101641
PGD NGUYEN THAI SON	VO THI BICH NGOC	*****219	1	EB10000830-EB10000830
CN HUE	VO THI BICH NGOC	*****614	4	CT10034783-CT10034783; DN10059387-DN10059389
SEABANK LE DUAN	VO THI BICH PHUNG	*****780	4	CT10059535-CT10059538
CN BINH DINH	VO THI BICH PHUONG	*****420	1	CT10139615-CT10139615
PGD DA KAO	VO THI BICH PHUONG	*****562	3	CT10057445-CT10057447
CN QUANG NGAI	VO THI CAM NHUNG	*****298	19	CT10061512-CT10061530
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO THI DAM	*****802	15	DN10089105-DN10089119
CN DAK LAK	VO THI DAO LE	*****095	3	DN10050079-DN10050081
CN DAK LAK	VO THI DAT	*****900	3	DN10066791-DN10066793
PGD TRAN HUNG DAO	VO THI DIEM	*****363	1	CT10056528-CT10056528
PGD DUC PHO	VO THI DIEM PHUC	*****494	1	EB10000426-EB10000426
CN BINH DINH	VO THI GIA THU	*****907	4	CT10159799-CT10159802
PGD XUAN KHANH	VO THI HA	*****482	4	CT10053964-CT10053967
PGD DIEN BIEN PHU	VO THI HA QUYEN	*****909	4	CT10095622-CT10095625
SEABANK LE DUAN	VO THI HA VY	*****771	1	CT10114323-CT10114323
CN TP. HO CHI MINH	VO THI HAI ANH	*****474	1	EB10000880-EB10000880
CN CA MAU	VO THI HAI YEN	*****747	46	CT10090687-CT10090689; DN10041780-DN10041816; EB10003244-EB10003244; TD10009791-TD10009795
CN BINH DINH	VO THI HANG	*****655	3	DN10092751-DN10092753

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	VO THI HANH	*****150	11	CT10115542-CT10115552
PGD THANH CONG	VO THI HIEN	*****129	2	CT10092725-CT10092726
PGD CAM RANH	VO THI HIEN	*****890	21	CT10111777-CT10111792; TD10002511-TD10002515
CN DA NANG	VO THI HIEN VAN	*****313	2	CT10142558-CT10142559
CN HA TINH	VO THI HOA	*****479	2	CT10113030-CT10113031
CN HUE	VO THI HOA	*****621	7	DN10008328-DN10008334
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO THI HOAI THUONG	*****822	12	DN10066954-DN10066965
PGD PHU HUNG	VO THI HOAI THUONG	*****822	1	EB10001067-EB10001067
CN NHA TRANG	VO THI HOAN	*****057	3	DN10077489-DN10077491
PGD LE QUANG DINH	VO THI HOANG OANH	*****684	2	CT10053146-CT10053147
CN VUNG TAU	VO THI HONG DUC	*****379	1	CT10136180-CT10136180
CN BINH DINH	VO THI HONG HANH	*****873	3	DN10006338-DN10006340
CN TAN BINH	VO THI HONG LIEN	*****644	1	CT10000429-CT10000429
SEABANK LE DUAN	VO THI HONG NGA	*****896	1	EB10000560-EB10000560
CN LANG HA	VO THI HONG VAN	*****251	25	TD10005171-TD10005195
CN DA NANG	VO THI HUE	*****452	1	EB10002262-EB10002262
CN BINH DINH	VO THI HUONG	*****267	9	CT10019451-CT10019459
PGD CAM RANH	VO THI HUONG	*****861	90	DN10075291-DN10075380
CN SAI GON	VO THI HUYEN	*****796	8	CT10056513-CT10056515; TD10004181-TD10004185
PGD TRAN HUNG DAO	VO THI HUYEN	*****796	5	TD10005221-TD10005225
CN TIEN GIANG	VO THI HUYEN TRAN	*****929	10	TD10000056-TD10000065
CN PHU MY HUNG	VO THI HUYEN TRANG	*****722	27	CT10041976-CT10042002
CN KIEN GIANG	VO THI HUYNH MAI	*****971	1	CT10012261-CT10012261
CN TAN THANH	VO THI KIEU CHINH	*****987	6	CT10143033-CT10143038
CN HUE	VO THI KIEU NGA	*****008	15	CT10057668-CT10057682
PGD HOA BINH	VO THI KIM CHI	*****841	2	CT10101582-CT10101583
CN BINH DUONG	VO THI KIM HOA	*****191	10	DN10007740-DN10007743; EB10000285-EB10000285; TD10006356-TD10006360
CN DA NANG	VO THI KIM LIEN	*****374	24	CT10107021-CT10107044
CN NHA TRANG	VO THI KIM LOAN	*****890	1	CT10098608-CT10098608
CN BINH DINH	VO THI KIM SUONG	*****366	2	DN10095261-DN10095262
CN DA NANG	VO THI KIM THANH	*****072	11	CT10017829-CT10017839

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	VO THI KIM TUYEN	*****116	1	EB10001041-EB10001041
PGD AU CO	VO THI KIM Y	*****972	1	CT10102765-CT10102765
CN BINH DINH	VO THI LAN	*****520	3	DN10045749-DN10045751
CN NGHE AN	VO THI LAN HUONG	*****183	1	CT10044899-CT10044899
PGD HOANG DIEU	VO THI LAN PHUONG	*****413	4	CT10102760-CT10102763
CN DAK LAK	VO THI LE HANG	*****556	3	DN10063283-DN10063285
CN NGHE AN	VO THI LE THUY	*****417	4	CT10016298-CT10016301
CN DAK LAK	VO THI LIEN	*****832	3	DN10106893-DN10106895
CN TP. HO CHI MINH	VO THI LIEU	*****053	3	CT10128262-CT10128264
CN TP. HO CHI MINH	VO THI LOAN	*****759	4	CT10076225-CT10076228
PGD MY DINH	VO THI MANH TOAN	*****136	1	EB10000608-EB10000608
PGD LY THUONG KIET-DN	VO THI MINH DUOC	*****421	2	CT10120980-CT10120981
CN BINH DINH	VO THI MINH LOAN	*****672	3	DN10041746-DN10041748
PGD DAO TAN	VO THI MINH NGUYET	*****484	1	EB10001831-EB10001831
CN DA NANG	VO THI MINH PHUONG	*****428	5	DN10082863-DN10082867
PGD THAI THINH	VO THI MINH TAM	*****131	12	CT10007754-CT10007765
PGD MY DINH	VO THI MO	*****056	3	CT10164978-CT10164980
CN AN GIANG	VO THI MY HAO	*****003	1	CT10077162-CT10077162
CN DONG DA	VO THI MY TIEN	*****470	5	CT10017898-CT10017902
PGD NGUYEN SY SACH	VO THI NAM	*****720	9	CT10024954-CT10024962
CN HAI AN	VO THI NAM PHUONG	*****011	4	CT10009292-CT10009295
PGD MY DINH	VO THI NGOC	*****917	1	EB10001717-EB10001717
CN BAC NINH	VO THI NGOC ANH	*****771	5	DN10061058-DN10061062
CN NHA TRANG	VO THI NGOC HIEP	*****546	1	EB10001302-EB10001302
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO THI NGOC LAN	*****127	11	CT10051410-CT10051420
CN KIEN GIANG	VO THI NGOC TRINH	*****393	1	CT10048118-CT10048118
CN AN GIANG	VO THI NGOC YEN	*****686	1	CT10087255-CT10087255
PGD TRUNG NHI	VO THI NGUYET	*****125	206	DN10083218-DN10083417; EB10002054-EB10002054; TD10003851-TD10003855
CN CAN THO	VO THI NGUYET THU	*****134	1	CT10034789-CT10034789
CN TAN PHU	VO THI NHU HOA	*****674	4	CT10142838-CT10142841
PGD THU DUC	VO THI NHU NGOC	*****367	1	EB10001563-EB10001563
CN QUANG NGAI	VO THI PHUC	*****512	1	EB10000383-EB10000383

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD KIM THANH	VO THI PHUONG	*****616	14	CT10142501-CT10142509; TD10010071-TD10010075
PGD NGUYEN SY SACH	VO THI PHUONG	*****095	1	EB10001523-EB10001523
CN BINH DUONG	VO THI PHUONG ANH	*****366	1	CT10145929-CT10145929
CN BAC NINH	VO THI PHUONG CHI	*****611	77	DN10047048-DN10047119; TD10010276-TD10010280
CN DA NANG	VO THI PHUONG LAN	*****517	5	CT10052744-CT10052748
CN HAI PHONG	VO THI PHUONG LINH	*****330	5	TD10004036-TD10004040
CN QUANG NGAI	VO THI QUY	*****588	11	CT10088095-CT10088105
CN BINH DINH	VO THI ROI	*****244	4	DN10027144-DN10027147
CN TP. HO CHI MINH	VO THI TANH	*****389	1	EB10001143-EB10001143
CN HA TINH	VO THI THANH	*****826	1	EB10001606-EB10001606
PGD VINH HAI	VO THI THANH BINH	*****056	21	CT10017974-CT10017994
PGD NGUYEN VAN CU	VO THI THANH NGA	*****381	1	EB10000094-EB10000094
HUB THE VA TIN CHAP MB	VO THI THANH THAO	*****465	24	CT10017398-CT10017421
CN DA NANG	VO THI THANH THUY	*****165	1	CT10006805-CT10006805
CN TP. HO CHI MINH	VO THI THANH THUY	*****979	3	CT10039694-CT10039696
CN TAN PHU	VO THI THANH XUAN	*****164	1	CT10117603-CT10117603
PGD PHU MY - BINH DINH	VO THI THIA	*****146	5	DN10047134-DN10047138
PGD PHU MY - BINH DINH	VO THI THO	*****553	5	DN10038534-DN10038538
CN DAK LAK	VO THI THU	*****031	1	EB10001253-EB10001253
CN NHA TRANG	VO THI THU HA	*****398	1	EB10002958-EB10002958
CN HUE	VO THI THU HIEN	*****345	1	CT10086732-CT10086732
PGD BUON DON	VO THI THU HIEN	*****933	3	DN10021867-DN10021869
CN HA TINH	VO THI THU HUYEN	*****415	8	CT10056565-CT10056572
CN SAI GON	VO THI THU NGUYET	*****548	14	CT10117459-CT10117472
CN SO GIAO DICH	VO THI THU TRANG	*****855	2	CT10099346-CT10099347
PGD BINH TAN	VO THI THUY CHAU	*****900	6	CT10088640-CT10088645
CN SO GIAO DICH	VO THI THUY DUYEN	*****003	2	CT10099005-CT10099006
CN HUE	VO THI THUY HANG	*****270	1	CT10071810-CT10071810
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO THI THUY HANG	*****566	5	CT10038911-CT10038915
CN BINH DINH	VO THI THUY TRANG	*****004	1	CT10124600-CT10124600

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TAN PHU	VO THI THUY TRANG	*****873	5	CT10043881-CT10043885
PGD PHU MY - BINH DINH	VO THI TRANG	*****156	5	DN10043448-DN10043452
CN BINH DUONG	VO THI TRANG	*****388	8	CT10083233-CT10083235; TD10008716-TD10008720
CN QUANG NGAI	VO THI TRANG	*****710	3	DN10060965-DN10060967
PGD THU DUC	VO THI TRUC THU	*****082	1	EB10001940-EB10001940
PGD HOA BINH	VO THI TUOI	*****753	1	CT10134781-CT10134781
CN DAK LAK	VO THI TUYEN	*****911	3	DN10064993-DN10064995
PGD NGUYEN THAI SON	VO THI TUYET HOA	*****234	5	CT10115091-CT10115095
CN NHA TRANG	VO THI TUYET HUONG	*****656	5	DN10098864-DN10098868
CN DAK LAK	VO THI TUYET NHI	*****527	3	DN10058264-DN10058266
CN BINH DINH	VO THI TUYET THI	*****681	2	DN10004374-DN10004375
CN TP. HO CHI MINH	VO THI TUYET VAN	*****713	12	CT10139109-CT10139120
CN CAN THO	VO THI UT	*****598	2	CT10147651-CT10147652
CN BINH DINH	VO THI VAN	*****334	5	DN10027486-DN10027490
CN AN GIANG	VO THI VAN	*****828	3	DN10065781-DN10065783
CN DAK LAK	VO THI VAN TRANG	*****130	3	DN10092386-DN10092388
CN TAN BINH	VO THI XUAN DANH	*****411	1	CT10118093-CT10118093
CN DAK LAK	VO THI XUAN DIEM	*****178	3	DN10096264-DN10096266
CN DA NANG	VO THI YEN XUAN	*****885	2	CT10136146-CT10136147
CN SAI GON	VO THIEN TRANG	*****945	7	CT10080937-CT10080943
CN SAI GON	VO THIEN TRUNG	*****066	4	CT10111409-CT10111412
PGD BA TRIEU	VO THUY LINH	*****447	1	CT10031631-CT10031631
CN DA NANG	VO THUY NGUYET MY	*****002	4	CT10111272-CT10111275
CN BINH DINH	VO THUY THAO VI	*****012	3	DN10034952-DN10034954
CN TP. HO CHI MINH	VO THUY THUY TRUC	*****740	2	CT10151099-CT10151100
CN CAN THO	VO THUY TRANG	*****480	1	CT10043137-CT10043137
CN DAK LAK	VO THUY TRUC GIANG	*****253	5	DN10046525-DN10046529
PGD LENIN	VO TIEN DAT	*****748	1	CT10159210-CT10159210
CN QUANG NGAI	VO TIEN LUAT	*****721	1	CT10037455-CT10037455
CN DA NANG	VO TIEN TRUNG	*****460	1	CT10073263-CT10073263
PGD DAI TU	VO TIEN TUNG	*****552	5	DN10036390-DN10036394
PGD AU CO	VO TRAN BICH THUY	*****712	1	CT10157213-CT10157213
PGD DIEN KHANH	VO TRAN THANH CHUONG	*****288	3	CT10009576-CT10009578
PGD MY CA	VO TRI KHOA	*****103	1	EB10000337-EB10000337

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD VINH HAI	VO TRONG HAI	*****557	20	DN10087526-DN10087545
PGD NGUYEN VAN CU	VO TRONG LONG	*****336	44	CT10061231-CT10061274
CN HA TINH	VO TRONG THANG	*****078	2	CT10114331-CT10114332
PGD NGUYEN HUU HUAN	VO TRONG TOAN	*****357	1	EB10001457-EB10001457
PGD NGUYEN SY SACH	VO TRUNG THANH	*****749	6	EB10000405-EB10000405; TD10006791-TD10006795
CN DONG NAI	VO TRUONG GIANG	*****794	1	CT10098094-CT10098094
HUB PAYROLL MB	VO TUAN KIEN	*****633	5	CT10133647-CT10133651
PGD HOA BINH	VO VAN AN	*****220	25	CT10050395-CT10050419
CN AN GIANG	VO VAN GIAU	*****115	19	DN10000069-DN10000087
CN TP. HO CHI MINH	VO VAN HOA	*****218	3	CT10082635-CT10082637
CN TAN BINH	VO VAN MOI	*****324	1	EB10001592-EB10001592
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO VAN NGHI	*****108	15	DN10018626-DN10018640
PGD THU DUC	VO VAN NGUYEN	*****841	7	CT10140285-CT10140291
CN TIEN GIANG	VO VAN PHU	*****150	64	DN10084858-DN10084921
CN HA TINH	VO VAN SY	*****181	5	CT10041457-CT10041461
SEABANK LE DUAN	VO VAN THIEN	*****568	11	CT10118528-CT10118538
CN KIEN GIANG	VO VAN THUAN	*****500	9	CT10087792-CT10087800
PGD AU CO	VO VAN TRAI	*****774	1	EB10001864-EB10001864
CN TAN BINH	VO VAN TU	*****291	1	CT10093209-CT10093209
CN BINH DUONG	VO VAN TUAN	*****336	1	EB10001635-EB10001635
PGD MY CA	VO VAN TUNG	*****473	1	EB10003336-EB10003336
PGD THU DUC	VO VAN UT	*****385	50	DN10101400-DN10101449
CN TAN BINH	VO VAN VUONG	*****367	13	CT10088082-CT10088094
PGD CAM RANH	VO VIET LOI	*****949	4	CT10100596-CT10100599
TT KHCC MIEN BAC 1	VO VIET PHUONG	*****128	2	CT10099575-CT10099576
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO VIET QUANG	*****709	17	CT10140408-CT10140424
CN DA NANG	VO VIET THONG	*****245	2	CT10058152-CT10058153
HUB THE VA TIN CHAP MN	VO VINH TUONG	*****234	15	CT10017872-CT10017886
CN TAN BINH	VO XUAN PHUC	*****015	2	CT10068280-CT10068281
PGD NGUYEN VAN CU	VO XUYEN VIET	*****566	5	CT10056516-CT10056520

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	VOANG CAM NGOC	*****820	2	CT10004435-CT10004436
PGD HO NAI	VONG DUC DUNG	*****395	4	CT10105421-CT10105424
PGD LE VAN SY	VU ANH CHIEN	*****282	82	CT10052120-CT10052201
PGD TAY HO	VU ANH DUNG	*****322	1	EB10002866-EB10002866
PGD CAM PHA	VU ANH MINH	*****866	1	CT10114392-CT10114392
TT KHCC MIEN BAC 1	VU ANH MINH	*****379	9	CT10103081-CT10103089
TT KHCC MIEN BAC 1	VU ANH PHONG	*****528	10	TD10002036-TD10002045
PGD TRAN PHU	VU ANH QUAN	*****617	35	CT10108533-CT10108541; DN10070912-DN10070927; TD10001796-TD10001805
CN DAK LAK	VU ANH QUANG	*****642	1	CT10056022-CT10056022
PGD HO GUOM	VU ANH SON	*****496	1	CT10133742-CT10133742
PGD QUAN 1	VU ANH THAO	*****961	1	EB10000097-EB10000097
CN HAI PHONG	VU ANH TU	*****190	1	CT10002373-CT10002373
CN THAI NGUYEN	VU ANH TU	*****006	1	EB10000782-EB10000782
CN DONG DA	VU ANH TU	*****417	10	TD10006191-TD10006200
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU ANH TUAN	*****004	8	CT10037024-CT10037031
TT KHCC MIEN BAC 1	VU ANH TUAN	*****020	10	CT10105527-CT10105536
CN HAI PHONG	VU ANH TUAN	*****077	10	TD10009731-TD10009740
PGD GIA LOC	VU ANH TUAN	*****110	1	EB10000526-EB10000526
CN THANH XUAN	VU ANH TUAN	*****203	1	CT10114409-CT10114409
CN SO GIAO DICH	VU ANH TUAN	*****514	145	CT10094513-CT10094657
CN LANG HA	VU ANH TUAN	*****820	1	EB10003160-EB10003160
PGD DAO TAN	VU ANH TUYET	*****372	2	CT10151301-CT10151302
CN DONG DA	VU ANH TUYET	*****113	7	CT10121851-CT10121857
PGD BOTANIC	VU BA HIEN	*****201	2	CT10030165-CT10030166
CN HAI PHONG	VU BA THANG	*****972	28	CT10144413-CT10144440
PGD HA LONG	VU BA THANH	*****341	9	DN10038525-DN10038533
CN BAC NINH	VU BANG GIANG	*****048	5	CT10133677-CT10133681
CN LONG BIEN	VU CAO CUONG	*****116	63	CT10021328-CT10021333; DN10036780-DN10036830; EB10003083-EB10003083; TD10009321-TD10009325
CN CAU GIAY	VU CAO THANG	*****648	4	CT10065306-CT10065309

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU CAO TUNG	*****130	75	CT10014555-CT10014629
PGD LY THUONG KIET-DN	VU CHI DU	*****568	5	TD10010046-TD10010050
CN THANH XUAN	VU CHI TRUNG	*****429	100	CT10119783-CT10119882
CN HAI PHONG	VU CHINH TRUONG	*****401	9	CT10052111-CT10052119
TT KHCC MIEN BAC 1	VU CONG BINH	*****031	1	CT10059685-CT10059685
HUB PAYROLL MB	VU CONG HA	*****047	14	CT10048868-CT10048871; TD10002361-TD10002370
PGD TON THAT TUNG	VU CONG HONG	*****028	2	CT10142376-CT10142377
CN DONG DA	VU CONG LUONG	*****277	4	DN10002236-DN10002239
CN THAI NGUYEN	VU CONG NGUYEN	*****762	12	CT10116242-CT10116253
PGD NGUYEN KHANH TOAN	VU CONG TIEN	*****580	1	CT10153365-CT10153365
PGD VAN XUAN	VU DAI DUNG	*****207	15	CT10096130-CT10096144
PGD LE HONG PHONG	VU DANG DUY PHUOC	*****904	2	CT10003054-CT10003055
CN DONG DA	VU DIEU LINH	*****485	1	CT10010257-CT10010257
CN NHA TRANG	VU DIEU LINH	*****872	7	CT10016029-CT10016035
CN HAI PHONG	VU DINH CHIEN	*****508	1	EB10001629-EB10001629
CN QUANG NINH	VU DINH CHU	*****769	1	EB10002092-EB10002092
CN SO GIAO DICH	VU DINH DUNG	*****237	3	CT10097082-CT10097084
CN HAI PHONG	VU DINH HIEN	*****058	2	CT10141207-CT10141208
PGD XUAN LA	VU DINH HIEU	*****323	5	CT10085213-CT10085217
PGD BA RIA	VU DINH HIEU	*****856	13	CT10105294-CT10105296; TD10001716-TD10001725
CN DONG DA	VU DINH HOC	*****481	25	CT10040498-CT10040522
PGD QUAN 1	VU DINH HUY	*****752	7	CT10109999-CT10110005
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU DINH KHOA	*****807	25	CT10141314-CT10141338
CN HAI AN	VU DINH NHAT	*****253	3	CT10153621-CT10153623
CN HAI DUONG	VU DINH PHI	*****151	2	CT10112752-CT10112753
TT KHCC MIEN BAC 1	VU DINH PHUC	*****999	6	CT10120312-CT10120317
PGD GIA LOC	VU DINH THAI	*****208	1	CT10030177-CT10030177
CN HAI DUONG	VU DINH THANH	*****788	1	CT10112589-CT10112589
PGD KIM THANH	VU DINH THUY	*****409	1	EB10000078-EB10000078

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	VU DINH TRONG	*****045	251	DN10053376-DN10053625; EB10000839-EB10000839
CN BAC NINH	VU DINH TRUNG	*****575	2	CT10154865-CT10154866
PGD SAO DO	VU DINH TUAN	*****913	2	CT10102558-CT10102559
CN DAI AN	VU DINH VINH	*****622	24	CT10011578-CT10011601
PGD XUAN LA	VU DUC CHANH	*****134	19	CT10126795-CT10126813
CN HAI AN	VU DUC CUONG	*****074	16	CT10085250-CT10085260; TD10008846-TD10008850
CN LANG HA	VU DUC DONG	*****251	25	CT10011611-CT10011635
PGD TRAN DUY HUNG	VU DUC DUAN	*****671	20	CT10091145-CT10091164
HUB PAYROLL MB	VU DUC DUNG	*****584	7	CT10081935-CT10081941
PGD HAI TAN	VU DUC DUONG	*****745	2	CT10137273-CT10137274
CN HAI PHONG	VU DUC DUY	*****686	1	CT10160248-CT10160248
CN HAI PHONG	VU DUC HAU	*****392	10	TD10002946-TD10002955
CN DAI AN	VU DUC HOAN	*****637	1	EB10002283-EB10002283
CN HAI PHONG	VU DUC HUONG	*****209	1	CT10004992-CT10004992
PGD LE VAN SY	VU DUC KHIEM	*****921	5	TD10005471-TD10005475
CN HAI DUONG	VU DUC KHOA	*****413	24	DN10023429-DN10023451; EB10000571-EB10000571
PGD TO HIEU	VU DUC MANH	*****191	1	CT10044632-CT10044632
CN THAI NGUYEN	VU DUC MANH	*****805	1	CT10015989-CT10015989
PGD LANG THUONG	VU DUC MUOI	*****900	4	CT10162063-CT10162066
CN SO GIAO DICH	VU DUC NAM	*****571	1	CT10046652-CT10046652
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU DUC NHA	*****110	1	CT10087982-CT10087982
CN BAC NINH	VU DUC QUY	*****920	20	CT10144757-CT10144776
PGD NGUYEN AN NINH	VU DUC QUYNH	*****636	12	CT10123454-CT10123465
PGD SOC SON	VU DUC SU	*****259	5	CT10147679-CT10147683
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU DUC THANG	*****160	14	CT10008542-CT10008555
PGD CONG HOA	VU DUC THANG	*****160	1	EB10002306-EB10002306
PGD NGOC LAM	VU DUC THANH LONG	*****349	12	CT10110615-CT10110626
PGD NGUYEN NGOC NAI	VU DUC THO	*****189	2	CT10080437-CT10080438
PGD DONG SON	VU DUC THUAN	*****871	1	CT10152414-CT10152414
CN THANH XUAN	VU DUC TIEN	*****503	1	CT10153612-CT10153612
PGD BACH MAI	VU DUC TOAN	*****479	1	CT10070495-CT10070495

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THANH XUAN	VU DUC TRONG	*****422	53	CT10054271-CT10054323
PGD NGOC HOI	VU DUC VIET	*****841	1	EB10002972-EB10002972
CN HAI PHONG	VU DUC VINH	*****370	15	CT10105675-CT10105689
PGD QUAN 11	VU DUY HA NHIE	*****883	1	CT10143687-CT10143687
PGD TRUONG THI	VU DUY HUNG	*****262	46	DN10004137-DN10004181; EB10000172-EB10000172
CN DONG DA	VU DUY HUNG	*****751	1	EB10002129-EB10002129
PGD LE LOI	VU DUY KHUONG	*****962	1	CT10115630-CT10115630
CN DAI AN	VU DUY LINH	*****209	13	CT10030310-CT10030322
PGD YEN PHU	VU DUY MINH	*****975	15	CT10075689-CT10075703
CN DONG DA	VU DUY THUONG	*****270	12	CT10108101-CT10108112
CN DONG DA	VU DUY TRU	*****989	45	CT10099796-CT10099840
PGD LAN ONG	VU DUY TUNG	*****555	1	EB10001676-EB10001676
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU GIA HAU	*****114	62	CT10150565-CT10150626
CN SO GIAO DICH	VU GIANG LAM	*****935	1	CT10063741-CT10063741
PGD XUAN LA	VU HA DUC	*****588	45	CT10131629-CT10131673
CN DAI AN	VU HA QUAN	*****233	25	CT10028559-CT10028583
PGD HO DAC DI	VU HAI	*****616	12	CT10022771-CT10022782
CN TP. HO CHI MINH	VU HAI ANH	*****781	5	CT10063800-CT10063804
CN THAI NGUYEN	VU HAI BINH	*****946	5	CT10120067-CT10120071
PGD LE CHAN	VU HAI BUONG	*****703	25	DN10070879-DN10070898; TD10001856-TD10001860
CN HA NOI	VU HAI HANG	*****144	5	CT10102142-CT10102146
PGD HAN THUYEN	VU HAI LONG	*****090	9	CT10076518-CT10076526
CN LANG HA	VU HAI PHONG	*****074	9	CT10014678-CT10014686
CN HA DONG	VU HAI QUAN	*****122	19	CT10149686-CT10149704
CN LANG HA	VU HAI THANH	*****013	13	CT10048051-CT10048063
HUB PAYROLL MB	VU HAI VIET	*****272	24	CT10150978-CT10151001
PGD HO GUOM	VU HANH LE	*****486	1	CT10033095-CT10033095
CN HAI AN	VU HIEN ANH	*****109	1	EB10002684-EB10002684
PGD BACH MAI	VU HOAI ANH	*****714	3	CT10141201-CT10141203
PGD TIEN AN	VU HOAI NAM	*****030	1	EB10000723-EB10000723
CN DAI AN	VU HOAI NAM	*****783	2	CT10007470-CT10007471
CN THAI NGUYEN	VU HOAI PHUONG	*****865	1	EB10000872-EB10000872
CN THAI NGUYEN	VU HOANG	*****247	7	CT10018711-CT10018717
CN HAI PHONG	VU HOANG CHUONG	*****915	15	CT10040316-CT10040330
CN TAN BINH	VU HOANG DUNG	*****342	10	CT10121042-CT10121051
CN HAI PHONG	VU HOANG DUONG	*****512	6	CT10144137-CT10144142

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	VU HOANG GIANG	*****410	8	CT10102690-CT10102697
CN HAI PHONG	VU HOANG HIEP	*****841	48	CT10094306-CT10094353
TT KHCC MIEN BAC 1	VU HOANG HUNG	*****491	18	CT10087801-CT10087818
CN HA DONG	VU HOANG LAM	*****478	50	CT10042937-CT10042986
PGD DAO TAN	VU HOANG LAN	*****248	10	CT10022995-CT10023004
CN DAI AN	VU HOANG NAM	*****144	10	CT10044747-CT10044756
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU HOANG QUYNH	*****675	7	CT10156557-CT10156558; TD10003836-TD10003840
PGD KIM VAN	VU HOANG QUYNH	*****675	1	EB10003313-EB10003313
CN DA NANG	VU HOANG THU	*****946	21	CT10156003-CT10156023
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU HOANG TUNG	*****269	25	CT10129393-CT10129417
CN HAI PHONG	VU HONG DIEP	*****617	7	CT10058564-CT10058570
CN SO GIAO DICH	VU HONG DUNG	*****294	1	CT10166880-CT10166880
PGD SOC SON	VU HONG GIANG	*****438	1	EB10001614-EB10001614
PGD BACH DANG	VU HONG HA	*****062	1	CT10160229-CT10160229
CN LANG HA	VU HONG HA	*****570	3	CT10063452-CT10063454
PGD NGUYEN KHANH TOAN	VU HONG HAI	*****836	7	CT10076989-CT10076995
CN SO GIAO DICH	VU HONG HUNG	*****412	14	CT10108371-CT10108384
CN VINH PHUC	VU HONG KHANH	*****439	2	CT10118065-CT10118066
CN DA NANG	VU HONG NAM	*****682	5	CT10133800-CT10133804
CN DONG DA	VU HONG NGOC	*****026	1	CT10162811-CT10162811
CN DAI AN	VU HONG NHUNG	*****019	1	CT10040331-CT10040331
CN SAI GON	VU HONG QUYNH	*****776	9	CT10108950-CT10108958
CN DONG DA	VU HONG SU	*****531	5	CT10054912-CT10054916
CN DA NANG	VU HONG TAM	*****541	11	CT10105844-CT10105854
PGD HAM NGHI	VU HONG VIET	*****335	1	CT10045624-CT10045624
CN DONG DA	VU HONGTUAN	*****274	12	CT10059054-CT10059054; EB10002165-EB10002165; TD10004286-TD10004295
TT KHCC MIEN BAC 1	VU HUNG MANH	*****085	108	CT10004554-CT10004651; TD10006591-TD10006600
CN HAI PHONG	VU HUU AN	*****518	17	CT10136263-CT10136279
CN DONG DA	VU HUU AN	*****421	5	CT10092466-CT10092470
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU HUU CHIEN	*****022	1	EB10001296-EB10001296
CN HAI PHONG	VU HUU CHIEN	*****987	1	CT10047237-CT10047237
CN HAI DUONG	VU HUU HAI	*****357	24	CT10157847-CT10157870

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	VU HUU NAM	*****320	20	CT10057552-CT10057571
HUB PAYROLL MB	VU HUY HOAN	*****989	5	CT10105635-CT10105639
PGD HAO NAM	VU HUY HOANG	*****712	1	EB10002131-EB10002131
CN DAI AN	VU HUY QUANG	*****753	3	CT10026453-CT10026455
PGD PHU HUNG	VU HUY SANG	*****772	1	CT10081038-CT10081038
PGD BACH MAI	VU HUY TRONG	*****004	25	CT10018686-CT10018710
CN HAI DUONG	VU HUY VIEN	*****261	70	DN10038984-DN10039043; TD10009581-TD10009590
PGD NGOC LAM	VU KHAC HAI	*****377	9	CT10029591-CT10029599
CN BAC NINH	VU KHANH DUONG	*****110	6	CT10092495-CT10092500
PGD LE THANH TONG	VU KHANH LINH	*****957	5	TD10007141-TD10007145
PGD LAC LONG QUAN	VU KIEU OANH	*****606	31	CT10022964-CT10022994
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU KIEU OANH	*****873	7	CT10134586-CT10134592
CN TP. HO CHI MINH	VU KIM KHA	*****650	9	CT10028917-CT10028925
CN HAI AN	VU KIM LOAN	*****290	1	EB10001755-EB10001755
SEABANK LE DUAN	VU KIM LONG	*****416	1	CT10112916-CT10112916
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU LAM BACH	*****322	12	CT10017369-CT10017380
CN SAI GON	VU LAN ANH	*****485	19	CT10051921-CT10051939
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU LAN HUONG	*****953	1	EB10001452-EB10001452
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU LE ANH	*****791	2	CT10049141-CT10049142
PGD BACH DANG	VU LE ANH PHUONG	*****711	9	CT10093356-CT10093364
CN CAU GIAY	VU LE MAI PHUONG	*****319	7	CT10089753-CT10089759
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU LE THANH VINH	*****349	1	EB10001425-EB10001425
CN DONG DA	VU LINH GIANG	*****363	2	CT10106331-CT10106332
TT KHCC MIEN BAC 1	VU LINH LAN	*****483	1	CT10044221-CT10044221
CN DAI AN	VU LONG	*****041	1	CT10118735-CT10118735
PGD THANH CONG	VU MAI ANH	*****013	57	CT10146931-CT10146987
CN TP. HO CHI MINH	VU MAI DUY LINH	*****774	66	CT10069604-CT10069669

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN THAI NGUYEN	VU MANH CUONG	*****138	5	TD10010976-TD10010980
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU MANH CUONG	*****139	24	CT10149111-CT10149134
CN THAI NGUYEN	VU MANH CUONG	*****387	1	CT10074404-CT10074404
PGD SOC SON	VU MANH CUONG	*****571	30	CT10052786-CT10052815
CN DONG DA	VU MANH DUONG	*****146	1	EB10001948-EB10001948
PGD HAO NAM	VU MANH DUY	*****121	5	CT10141192-CT10141196
PGD LAN ONG	VU MANH HA	*****958	2	CT10080779-CT10080780
PGD YEN PHU	VU MANH HAI	*****745	3	CT10146359-CT10146361
PGD LAC LONG QUAN	VU MANH HIEU	*****596	112	CT10041707-CT10041713; DN10066372-DN10066471; TD10001391-TD10001395
CN SAI GON	VU MANH HOANG	*****627	1	CT10026037-CT10026037
PGD TO HIEU	VU MANH HUNG	*****096	3	CT10005664-CT10005666
CN HAI PHONG	VU MANH LINH	*****994	19	CT10132260-CT10132278
PGD NGUYEN TRAI	VU MANH LINH	*****288	10	CT10085533-CT10085542
CN HAI AN	VU MANH TIEN	*****723	60	CT10078459-CT10078464; DN10108255-DN10108298; TD10007996-TD10008005
SEABANK LE DUAN	VU MANH TOAN	*****631	18	CT10081577-CT10081594
PGD XUAN LA	VU MANH TUNG	*****999	53	CT10080203-CT10080255
PGD THANG LONG	VU MINH DUC	*****918	14	CT10113332-CT10113345
CN HA DONG	VU MINH DUC	*****408	27	CT10139136-CT10139147; TD10009081-TD10009095
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU MINH DUC	*****998	5	CT10066453-CT10066457
HUB PAYROLL MB	VU MINH GIANG	*****276	9	CT10139854-CT10139862
CN DONG DA	VU MINH HAI	*****153	10	CT10039869-CT10039878
TT KHCC MIEN BAC 1	VU MINH HUNG	*****001	3	CT10024417-CT10024419
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU MINH HUNG	*****842	3	CT10011852-CT10011854
CN THANH XUAN	VU MINH HUY	*****887	12	CT10028059-CT10028070
CN NHA TRANG	VU MINH LUAN	*****557	1	EB10001777-EB10001777
CN CAU GIAY	VU MINH PHUONG	*****375	1	CT10096262-CT10096262
PGD HONG BANG	VU MINH PHUONG	*****726	1	EB10001673-EB10001673
HUB PAYROLL MB	VU MINH SAM	*****980	24	CT10104049-CT10104072
CN BINH DUONG	VU MINH TAM	*****762	10	TD10003811-TD10003820
PGD SOC SON	VU MINH TAM	*****843	2	CT10040057-CT10040058

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRUNG HOA	VU MINH THANG	*****887	15	CT10116821-CT10116835
CN LANG HA	VU MINH THANH	*****614	12	CT10017494-CT10017505
PGD TON THAT TUNG	VU MINH THANH	*****027	9	CT10036364-CT10036366; EB10001277-EB10001277; TD10000381-TD10000385
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU MINH TIEN	*****356	24	CT10105131-CT10105154
CN BINH DINH	VU MINH TRI	*****920	1	CT10001374-CT10001374
PGD THANH CONG	VU MINH TUNG	*****485	14	CT10126387-CT10126400
PGD DONG SON	VU MY HANH	*****436	9	CT10009454-CT10009462
CN THAI NGUYEN	VU NAM HUY	*****978	9	DN10045521-DN10045529
CN DA NANG	VU NAM THANG	*****827	7	CT10128134-CT10128140
HUB PAYROLL MB	VU NAM TIEP	*****017	1	CT10108503-CT10108503
CN HAI AN	VU NAM TRANG	*****864	5	CT10051391-CT10051395
CN DAI AN	VU NGOC ANH	*****336	1	EB10002753-EB10002753
CN DAK LAK	VU NGOC BICH	*****938	1	EB10000539-EB10000539
PGD THAI THINH	VU NGOC BINH	*****439	57	CT10162539-CT10162595
CN THAI NGUYEN	VU NGOC CAM	*****440	5	CT10056011-CT10056015
CN HA DONG	VU NGOC CHAM	*****314	23	CT10046906-CT10046928
CN THAI NGUYEN	VU NGOC CHAM	*****997	10	CT10049207-CT10049216
CN TAN PHU	VU NGOC DUNG	*****722	39	CT10130977-CT10130982; DN10003093-DN10003119; EB10000161-EB10000161; TD10005836-TD10005840
TT KH CC MIEN BAC 2	VU NGOC HAI	*****103	4	CT10091258-CT10091261
CN CAN THO	VU NGOC HAI	*****114	2	CT10031116-CT10031117
CN HAI PHONG	VU NGOC HAI	*****670	36	CT10055311-CT10055346
CN DAI AN	VU NGOC HUNG	*****006	5	CT10003577-CT10003581
CN HAI AN	VU NGOC HUYEN	*****526	1	CT10135130-CT10135130
PGD SAI DONG	VU NGOC KHANH	*****448	5	TD10007596-TD10007600
CN HAI PHONG	VU NGOC KHAU	*****509	4	CT10016926-CT10016929
CN HAI AN	VU NGOC LAN NHI	*****901	14	CT10076639-CT10076652
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU NGOC LINH	*****776	24	CT10106464-CT10106487
PGD TRAN PHU	VU NGOC LINH	*****776	1	EB10000149-EB10000149
PGD TRAN KHAT CHAN	VU NGOC MINH	*****516	6	CT10137824-CT10137829
PGD LACH TRAY 2	VU NGOC QUYNH	*****025	5	CT10135725-CT10135729
PGD BA RIA	VU NGOC SON	*****220	1	CT10050122-CT10050122

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN LONG BIEN	VU NGOC SON	*****505	1	CT10034528-CT10034528
CN HAI AN	VU NGOC THINH	*****735	1	CT10132653-CT10132653
CN CAU GIAY	VU NGOC THUC	*****470	47	CT10135602-CT10135648
PGD DAO TAN	VU NGOC TOAN	*****757	5	TD10008431-TD10008435
CN DONG DA	VU NGOC TRUNG	*****547	2	CT10065723-CT10065724
PGD HAN THUYEN	VU NGOC TRUONG	*****006	1	EB10001138-EB10001138
PGD NGUYEN LUONG BANG	VU NGOC VAN ANH	*****970	1	CT10048613-CT10048613
CN DAI AN	VU NGOC VINH	*****045	21	CT10030323-CT10030343
CN HAI AN	VU NGUYEN HOANG	*****672	1	CT10075194-CT10075194
CN NHA TRANG	VU NHAT THANH	*****097	1	EB10002116-EB10002116
PGD BOTANIC	VU NHU BACH	*****882	2	CT10064542-CT10064543
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU PHAM THU VAN	*****445	25	DN10087650-DN10087673; EB10002201-EB10002201
CN LANG HA	VU PHI LONG	*****083	3	CT10039920-CT10039922
PGD TRAN DUY HUNG	VU PHONG LAM	*****817	1	EB10002929-EB10002929
TT KH CC MIEN BAC 2	VU PHONG THU	*****270	1	CT10058764-CT10058764
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU PHUONG ANH	*****289	24	CT10123071-CT10123094
CN THANH XUAN	VU PHUONG LIEN	*****100	32	CT10151698-CT10151729
CN HA NOI	VU PHUONG LINH	*****654	1	CT10103889-CT10103889
PGD LAN ONG	VU PHUONG LINH	*****227	6	CT10002859-CT10002859; TD10006431-TD10006435
PGD THANH CONG	VU PHUONG THAO	*****178	1	CT10140660-CT10140660
PGD KHAM THIEN	VU PHUONG THAO	*****593	9	CT10134431-CT10134439
PGD KIM LIEN	VU QUANG ANH	*****610	30	CT10116669-CT10116698
PGD LANG THUONG	VU QUANG BANG	*****383	1	EB10001772-EB10001772
PGD HAM NGHI	VU QUANG DUONG	*****360	1	EB10003348-EB10003348
TT KHCC MIEN BAC 1	VU QUANG HAI	*****312	1	CT10152488-CT10152488
PGD NGOC HOI	VU QUANG HUNG	*****618	23	CT10079467-CT10079489
PGD TRAN PHU	VU QUANG HUY	*****748	31	CT10003737-CT10003750; DN10018978-DN10018989; TD10006601-TD10006605
CN BINH DUONG	VU QUANG HUY	*****395	30	TD10004241-TD10004270
CN HAI PHONG	VU QUANG KHANH	*****416	2	CT10080016-CT10080017

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
TT KHCC MIEN BAC 1	VU QUANG LAM	*****490	5	CT10140769-CT10140773
CN HAI AN	VU QUANG MINH	*****274	9	CT10163191-CT10163199
CN THANH XUAN	VU QUANG NGOC	*****530	6	CT10156124-CT10156129
CN HAI DUONG	VU QUANG TANG	*****639	100	DN10060781-DN10060880
PGD TAY HO	VU QUANG TRUNG	*****901	16	CT10053814-CT10053829
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU QUANG VINH	*****619	3	CT10119392-CT10119394
TT KHCC MIEN BAC 1	VU QUOC BINH	*****603	28	CT10087658-CT10087685
CN HA DONG	VU QUOC DAT	*****497	154	DN10058824-DN10058967; TD10000226-TD10000235
CN DAI AN	VU QUOC HUNG	*****091	17	CT10138837-CT10138853
CN DONG NAI	VU QUOC KHANG	*****369	1	CT10077052-CT10077052
CN TP. HO CHI MINH	VU QUOC THANG	*****842	1	EB10002403-EB10002403
CN SO GIAO DICH	VU QUOC TUAN	*****503	18	CT10102410-CT10102427
PGD TRAN KHAT CHAN	VU QUYNH ANH	*****019	2	CT10158077-CT10158078
PGD LAN ONG	VU QUYNH ANH	*****649	1	CT10037522-CT10037522
CN HA NOI	VU QUYNH ANH	*****756	5	TD10003526-TD10003530
PGD BACH MAI	VU QUYNH LE	*****234	25	CT10145259-CT10145283
PGD QUAN 1	VU QUYNH NGA	*****417	2	CT10164367-CT10164368
PGD TRAN DUY HUNG	VU QUYNH TRANG	*****136	25	CT10140553-CT10140577
PGD LAC LONG QUAN	VU SI ANH DUC	*****549	9	CT10078602-CT10078610
CN HAI AN	VU SONG BIEN	*****582	1	CT10148320-CT10148320
CN DAK LAK	VU TAN NHI	*****439	36	DN10053347-DN10053371; EB10000823-EB10000823; TD10011071-TD10011080
CN LONG BIEN	VU TAT VUONG	*****069	13	CT10009229-CT10009241
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THACH MINH NGOC	*****951	25	CT10153509-CT10153533
CN HAI AN	VU THAI CONG	*****770	14	CT10166726-CT10166739
PGD TO HIEU	VU THAI DINH	*****470	1	EB10001292-EB10001292
CN HA DONG	VU THANH CHUNG	*****028	20	CT10001375-CT10001394
CN LANG HA	VU THANH DAT	*****435	13	CT10091437-CT10091439; TD10009771-TD10009780
PGD HAM NGHI	VU THANH DO	*****198	10	CT10136460-CT10136469

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THANH DUONG	*****542	1	CT10075088-CT10075088
PGD VAN XUAN	VU THANH HA	*****098	12	CT10108138-CT10108149
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THANH HA	*****706	1	CT10075421-CT10075421
TT KH CC MIEN BAC 2	VU THANH HA	*****979	1	CT10008857-CT10008857
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THANH HAI	*****603	1	CT10022223-CT10022223
PGD GIA LAM	VU THANH HAI	*****940	1	CT10013882-CT10013882
CN BAC NINH	VU THANH HIEU	*****410	5	TD10006246-TD10006250
PGD TO HIEU	VU THANH HOAN	*****859	2	CT10128416-CT10128417
CN HA NOI	VU THANH HUONG	*****309	4	CT10079676-CT10079679
CN HAI AN	VU THANH LINH	*****345	9	CT10002793-CT10002801
PGD LE CHAN	VU THANH LUAN	*****963	4	CT10052876-CT10052879
PGD HO DAC DI	VU THANH MAI	*****577	7	CT10031118-CT10031124
PGD DONG SON	VU THANH NAM	*****173	1	EB10002703-EB10002703
CN BAC NINH	VU THANH NGA	*****985	2	CT10116037-CT10116038
PGD HA LONG	VU THANH PHUONG	*****036	7	DN10038510-DN10038516
TT KH CC MIEN BAC 2	VU THANH PHUONG	*****580	4	CT10104303-CT10104306
PGD VAN XUAN	VU THANH SON	*****457	27	CT10087912-CT10087938
PGD LE THANH TONG	VU THANH THUONG	*****408	15	CT10118098-CT10118100; DN10081248-DN10081254; TD10003551-TD10003555
CN HAI PHONG	VU THANH THUY	*****949	5	CT10160843-CT10160847
PGD HAO NAM	VU THANH TRA	*****465	12	CT10062266-CT10062277
CN LANG HA	VU THANH TRUNG	*****657	3	CT10080967-CT10080969
CN HA DONG	VU THANH TRUNG	*****675	22	CT10060257-CT10060278
CN BAC NINH	VU THANH TUAN	*****839	1	EB10002387-EB10002387
CN DAI AN	VU THANH TUNG	*****717	2	CT10051801-CT10051802
PGD MY DINH	VU THANH TUNG	*****817	6	CT10109294-CT10109299
PGD SAI DONG	VU THANH TUNG	*****884	15	CT10022883-CT10022897
PGD TRUONG THI	VU THANH TUYEN	*****927	1	EB10001259-EB10001259
PGD MY DINH	VU THANH XUAN	*****358	1	CT10092145-CT10092145
CN DAI AN	VU THE ANH	*****108	2	CT10113127-CT10113128
CN HA NOI	VU THE DUC	*****636	1	CT10132127-CT10132127
CN DAI AN	VU THE DUONG	*****077	25	CT10090858-CT10090882
PGD TRAN PHU	VU THE HA	*****173	1	EB10000148-EB10000148

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	VU THE HIEN	*****923	3	CT10010928-CT10010930
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THE NGHE	*****380	24	CT10148184-CT10148207
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THE QUAN	*****898	83	CT10099104-CT10099186
CN HAI DUONG	VU THE THIEN	*****767	7	CT10020079-CT10020085
CN LONG BIEN	VU THE TRONG	*****564	1	EB10000087-EB10000087
PGD PHO YEN	VU THE TRUONG	*****358	3	CT10013517-CT10013519
CN VINH PHUC	VU THE TUAN	*****153	2	CT10046635-CT10046636
CN BAC NINH	VU THI BAO YEN	*****112	19	CT10047016-CT10047034
PGD SAI DONG	VU THI BICH NGOC	*****216	12	CT10106055-CT10106061; TD10001666-TD10001670
CN DONG DA	VU THI BINH	*****428	1	CT10156426-CT10156426
CN THAI NGUYEN	VU THI BINH	*****857	4	CT10113589-CT10113592
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THI CAM HA	*****086	1	CT10083794-CT10083794
PGD LE THAI TO	VU THI CHINH	*****369	15	CT10133547-CT10133561
PGD NGUYEN NGOC NAI	VU THI CHINH	*****643	12	CT10046809-CT10046820
PGD THAI THINH	VU THI COI	*****842	55	CT10143374-CT10143428
HUB THE CHAP MN	VU THI DIEM LINH	*****073	110	CT10111475-CT10111479; DN10097164-DN10097263; TD10002466-TD10002470
PGD KHAM THIEN	VU THI DIEM THUY	*****076	1	EB10002034-EB10002034
CN HA NOI	VU THI DUNG	*****255	55	CT10061899-CT10061953
CN QUANG NINH	VU THI DUNG THU	*****234	14	CT10128433-CT10128446
PGD THAI THINH	VU THI DUYEN	*****204	52	CT10043827-CT10043878
CN DAK LAK	VU THI GIANG	*****766	4	CT10149593-CT10149596
CN DAI AN	VU THI GIANG NAM	*****856	2	CT10019361-CT10019362
PGD HANG KENH	VU THI GUI	*****420	2	CT10089498-CT10089499
PGD HA LONG	VU THI HA	*****023	8	CT10048147-CT10048149; TD10002351-TD10002355
PGD VINH HOANG	VU THI HA	*****310	1	EB10000713-EB10000713
CN DAI AN	VU THI HA	*****348	8	CT10096758-CT10096765
PGD KHAM THIEN	VU THI HAI YEN	*****039	1	EB10000644-EB10000644
CN HAI AN	VU THI HAI YEN	*****650	18	CT10141525-CT10141537; TD10010106-TD10010110
PGD THANH CONG	VU THI HAI YEN	*****968	2	CT10094020-CT10094021
PGD YEN PHU	VU THI HAI YEN	*****121	1	EB10000904-EB10000904

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	VU THI HANG	*****075	125	DN10001906-DN10002025; TD10005571-TD10005575
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THI HANG	*****798	1	EB10000803-EB10000803
PGD THU DUC	VU THI HANG DUNG	*****449	1	EB10002007-EB10002007
PGD HAN THUYEN	VU THI HANG NGA	*****711	12	CT10125911-CT10125922
PGD LE HONG PHONG	VU THI HANG PHUONG	*****516	5	TD10007456-TD10007460
CN HAI AN	VU THI HANH	*****713	13	CT10166886-CT10166898
PGD DAI KIM	VU THI HAO	*****013	11	CT10050249-CT10050259
HUB PAYROLL MB	VU THI HAU	*****335	7	CT10139124-CT10139130
PGD DAO TAN	VU THI HIEN	*****033	1	CT10080936-CT10080936
PGD TRAN DUY HUNG	VU THI HIEN	*****376	7	CT10019843-CT10019849
PGD TAN PHAT	VU THI HIEN	*****079	1	EB10000835-EB10000835
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU THI HIEN CHANG	*****356	1	EB10003262-EB10003262
CN DAI AN	VU THI HIEU	*****436	2	CT10046825-CT10046826
CN LANG HA	VU THI HIEU	*****606	9	CT10081645-CT10081653
CN CAU GIAY	VU THI HOA	*****010	39	CT10059397-CT10059435
CN HAI AN	VU THI HOA	*****390	10	CT10157497-CT10157506
PGD HONG BANG	VU THI HOA	*****933	4	CT10161662-CT10161665
CN LONG BIEN	VU THI HOAI THU	*****388	9	CT10140525-CT10140533
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI HOAI THU	*****817	21	CT10119737-CT10119757
CN SO GIAO DICH	VU THI HOAI THUONG	*****020	4	CT10066955-CT10066958
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU THI HOAI THUONG	*****020	100	DN10049638-DN10049737
CN HAI AN	VU THI HOAI VI	*****482	4	CT10135149-CT10135152
PGD THANG LONG	VU THI HONG	*****281	1	EB10001309-EB10001309
CN QUANG NINH	VU THI HONG LE	*****862	4	CT10102560-CT10102563
CN HAI AN	VU THI HONG MEN	*****651	7	CT10033355-CT10033361
CN HAI AN	VU THI HONG NGUYEN	*****760	2	CT10038916-CT10038917
PGD THANH CONG	VU THI HONG NHUNG	*****423	4	CT10146927-CT10146930
CN BAC NINH	VU THI HONG NHUNG	*****184	2	CT10044686-CT10044687
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU THI HONG NHUNG	*****883	50	CT10119324-CT10119373
CN HAI PHONG	VU THI HONG QUYEN	*****690	5	CT10126888-CT10126892
CN LANG HA	VU THI HONG SAM	*****617	2	CT10107019-CT10107020

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU THI HONG UOC	*****175	17	CT10159351-CT10159367
PGD THAI THINH	VU THI HONG VAN	*****890	16	CT10072429-CT10072444
PGD VAN QUAN	VU THI HONG VAN	*****532	27	CT10121686-CT10121707; TD10003766-TD10003770
CN HAI AN	VU THI HUE	*****463	68	DN10085538-DN10085599; EB10002070-EB10002070; TD10004021-TD10004025
CN HA NOI	VU THI HUE	*****360	15	CT10012524-CT10012538
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU THI HUONG	*****007	3	CT10100060-CT10100062
PGD DAI KIM	VU THI HUONG	*****248	14	CT10019143-CT10019156
CN DONG DA	VU THI HUONG	*****281	1	EB10002651-EB10002651
CN HAI AN	VU THI HUONG	*****440	10	CT10101268-CT10101277
PGD DAO TAN	VU THI HUONG	*****608	5	TD10006741-TD10006745
PGD DONG SON	VU THI HUONG	*****649	4	CT10105111-CT10105114
CN DA NANG	VU THI HUONG	*****965	7	CT10093733-CT10093739
PGD TRAN PHU	VU THI HUONG LAN	*****371	454	CT10077404-CT10077857
PGD HO TUNG MAU	VU THI HUONG THAO	*****294	14	CT10053927-CT10053940
PGD TIEN AN	VU THI HUY	*****095	5	DN10101396-DN10101399; EB10001182-EB10001182
CN HA NOI	VU THI HUYEN	*****054	160	DN10055326-DN10055485
CN HAI AN	VU THI HUYEN	*****656	1	CT10118760-CT10118760
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI HUYEN	*****685	24	CT10165749-CT10165772
CN HA DONG	VU THI HUYEN	*****718	5	TD10001591-TD10001595
PGD VAN QUAN	VU THI HUYEN	*****718	14	CT10084618-CT10084631
CN HAI PHONG	VU THI HUYEN ANH	*****527	3	CT10019101-CT10019103
PGD HAI TAN	VU THI HUYEN TAM	*****352	5	TD10009881-TD10009885
PGD TON DAN	VU THI HUYEN TRANG	*****459	25	CT10162364-CT10162388
CN HAI AN	VU THI HUYEN TRANG	*****776	7	CT10083180-CT10083186
CN LANG HA	VU THI HUYEN TRANG	*****218	3	CT10080354-CT10080356
PGD KIM LIEN	VU THI HUYEN TRANG	*****660	2	CT10156767-CT10156768
CN HAI DUONG	VU THI KHUONG	*****977	1	CT10096800-CT10096800
CN VINH PHUC	VU THI KIEU OANH	*****320	15	CT10143543-CT10143557
PGD LE THANH TONG	VU THI KIM DUNG	*****109	1	EB10001711-EB10001711
CN SO GIAO DICH	VU THI KIM HOA	*****005	4	CT10151458-CT10151461
PGD TON DAN	VU THI KIM LIEN	*****260	15	CT10034501-CT10034515

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD LE LOI	VU THI KIM LOAN	*****076	4	CT10073227-CT10073230
CN HAI AN	VU THI KIM THU	*****561	93	CT10114178-CT10114185; DN10098779-DN10098858; TD10002791-TD10002795
CN HAI DUONG	VU THI LAN	*****288	10	CT10124041-CT10124050
PGD NGUYEN AN NINH	VU THI LAN HUONG	*****098	9	CT10076552-CT10076560
PGD TAY HO	VU THI LAN HUONG	*****804	15	CT10073305-CT10073319
CN SO GIAO DICH	VU THI LAN PHUONG	*****354	1	CT10162423-CT10162423
CN HA NOI	VU THI LANH	*****593	1	CT10091914-CT10091914
CN HA NOI	VU THI LE HUYEN	*****587	2	CT10161793-CT10161794
PGD BUON DON	VU THI LE THANH	*****237	1	EB10000567-EB10000567
TT KH CC MIEN BAC 2	VU THI LIEN	*****667	20	CT10165098-CT10165117
CN HAI AN	VU THI LINH	*****035	3	CT10148739-CT10148741
CN DA NANG	VU THI LOAN	*****038	1	EB10002726-EB10002726
PGD HA LONG	VU THI LOAN	*****752	9	DN10089462-DN10089470
PGD DOI CAN	VU THI LOAN	*****786	50	CT10049236-CT10049285
CN HA DONG	VU THI LUU QUYNH	*****366	25	CT10035349-CT10035373
CN HAI PHONG	VU THI LY	*****485	17	CT10121777-CT10121793
PGD TRUNG HOA	VU THI LY	*****859	1	CT10105599-CT10105599
CN HAI AN	VU THI MAI	*****271	1	EB10000601-EB10000601
CN DONG DA	VU THI MAI	*****236	9	CT10128680-CT10128688
PGD LACH TRAY 2	VU THI MAI	*****802	2	CT10021547-CT10021548
PGD LANG THUONG	VU THI MAI HUONG	*****148	3	CT10009420-CT10009422
HUB THE CHAP MB 1	VU THI MAI LAN	*****517	6	CT10123783-CT10123788
CN HAI AN	VU THI MAI LOAN	*****596	24	CT10146895-CT10146918
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU THI MAI PHUONG	*****983	8	CT10110879-CT10110886
CN HAI PHONG	VU THI MINH PHUONG	*****929	1	EB10000412-EB10000412
CN BAC NINH	VU THI MUI	*****335	1	EB10002386-EB10002386
PGD BA TRIEU	VU THI MY HANG	*****982	9	CT10135388-CT10135396
PGD DI AN	VU THI NA	*****954	1	EB10002438-EB10002438
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU THI NAM	*****371	40	CT10110839-CT10110878
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THI NGA	*****076	1	CT10083883-CT10083883
PGD TRUNG HOA	VU THI NGAN	*****171	1	CT10086251-CT10086251

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD DAI KIM	VU THI NGHIA HAI	*****781	33	CT10033545-CT10033577
PGD HAI DANG	VU THI NGOAN	*****204	85	DN10055580-DN10055664
CN BAC NINH	VU THI NGOC	*****040	9	CT10001543-CT10001551
CN HAI DUONG	VU THI NGOC ANH	*****731	9	CT10160903-CT10160911
PGD HO TUNG MAU	VU THI NGOC CHAU	*****523	1	CT10139577-CT10139577
CN TAN BINH	VU THI NGOC HAI	*****185	5	TD10007881-TD10007885
PGD HANG KENH	VU THI NGOC HOA	*****851	1	CT10157164-CT10157164
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI NGOC HOA	*****990	19	CT10109005-CT10109023
CN HAI PHONG	VU THI NGOC HUYEN	*****373	2	CT10162351-CT10162352
CN HAI PHONG	VU THI NGOC MAI	*****005	6	CT10115696-CT10115701
HUB PAYROLL MB	VU THI NGOC MAI	*****292	2	CT10100067-CT10100068
PGD CAM RANH	VU THI NGOC QUYNH	*****444	1	CT10137554-CT10137554
PGD NGOC LAM	VU THI NGUYEN	*****273	10	CT10049791-CT10049795; TD10002446-TD10002450
PGD GIA LOC	VU THI NGUYET	*****711	5	DN10045530-DN10045533; EB10003320-EB10003320
CN HAI DUONG	VU THI NHAI	*****730	48	CT10046096-CT10046143
CN THANH XUAN	VU THI NHAN	*****212	3	CT10114426-CT10114428
CN NHA TRANG	VU THI NHAT HA	*****490	106	DN10078467-DN10078566; EB10001917-EB10001917; TD10003326-TD10003330
PGD DAI KIM	VU THI NHI	*****573	23	CT10109636-CT10109658
PGD NGUYEN KHANH TOAN	VU THI NHU HOA	*****022	41	CT10124429-CT10124469
PGD NGOC HOI	VU THI NHU HUYEN	*****873	3	CT10116106-CT10116108
CN LONG BIEN	VU THI NHU LUYEN	*****797	316	CT10098208-CT10098232; DN10052669-DN10052953; EB10000828-EB10000828; TD10011126-TD10011130
PGD HA LONG	VU THI NHU QUYNH	*****253	1	EB10000246-EB10000246
CN HA NOI	VU THI NINH	*****801	5	TD10005981-TD10005985
PGD VAN XUAN	VU THI OANH	*****994	7	CT10137041-CT10137047
CN DONG DA	VU THI PHUONG	*****070	13	CT10079356-CT10079368
PGD SOC SON	VU THI PHUONG	*****468	47	CT10050420-CT10050466
PGD TRAN NGUYEN HAN	VU THI PHUONG	*****695	1	EB10003176-EB10003176
PGD NGOC LAM	VU THI PHUONG ANH	*****463	6	CT10117610-CT10117615
CN DONG NAI	VU THI PHUONG ANH	*****942	12	CT10119176-CT10119187

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HAI DANG	VU THI PHUONG DUNG	*****441	16	CT10076098-CT10076113
PGD TO HIEU	VU THI PHUONG THAO	*****058	30	CT10016799-CT10016828
PGD DAO TAN	VU THI PHUONG THAO	*****144	4	CT10167068-CT10167071
PGD TRUNG HOA	VU THI QUE	*****084	1	EB10001056-EB10001056
PGD VAN QUAN	VU THI QUE	*****711	85	CT10026248-CT10026332
PGD VAN XUAN	VU THI QUYEN	*****010	2	CT10084461-CT10084462
CN TP. HO CHI MINH	VU THI QUYEN	*****215	1	EB10002083-EB10002083
CN HA NOI	VU THI QUYEN	*****607	8	CT10130000-CT10130007
CN HAI AN	VU THI QUYNH CHI	*****820	1	EB10001701-EB10001701
PGD DAI TU	VU THI QUYNH TRANG	*****008	1	EB10000469-EB10000469
PGD DAI KIM	VU THI SEN	*****497	14	CT10161316-CT10161329
PGD MY DINH	VU THI SINH	*****164	2	CT10095620-CT10095621
PGD HA LONG	VU THI SU	*****094	6	DN10037173-DN10037178
CN HAI AN	VU THI TAM	*****328	5	TD10000276-TD10000280
PGD VAN XUAN	VU THI TAM	*****841	20	CT10014932-CT10014945; EB10002815-EB10002815; TD10008421-TD10008425
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU THI THAN	*****080	12	CT10123313-CT10123324
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THANG	*****362	24	CT10015452-CT10015475
PGD HA LONG	VU THI THANG	*****810	4	DN10021930-DN10021933
CN HAI PHONG	VU THI THANH	*****022	2	CT10122800-CT10122801
CN TAN BINH	VU THI THANH	*****608	21	CT10012285-CT10012304; EB10002564-EB10002564
PGD HA LONG	VU THI THANH	*****845	3	DN10046193-DN10046195
CN HAI AN	VU THI THANH DUNG	*****335	15	CT10056881-CT10056895
PGD VINH YEN	VU THI THANH HA	*****004	1	EB10000637-EB10000637
CN HAI AN	VU THI THANH HUYEN	*****331	31	DN10007662-DN10007692
CN THAI NGUYEN	VU THI THANH HUYEN	*****214	1	CT10064961-CT10064961
CN BAC NINH	VU THI THANH HUYEN	*****785	2	CT10112608-CT10112609
CN HA NOI	VU THI THANH LOAN	*****585	1	CT10085979-CT10085979
CN QUANG NINH	VU THI THANH MAI	*****172	10	CT10110822-CT10110831
CN SAI GON	VU THI THANH MY	*****240	1	CT10073196-CT10073196
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU THI THANH NGA	*****106	25	CT10001631-CT10001655
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THANH NGHIA	*****996	21	CT10095860-CT10095880

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THANH THUY	*****757	2	CT10157882-CT10157883
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU THI THANH TRANG	*****576	8	CT10002374-CT10002381
CN HA NOI	VU THI THANH VAN	*****982	2	CT10127902-CT10127903
CN BAC NINH	VU THI THAO	*****328	1	EB10001716-EB10001716
CN HUE	VU THI THAO	*****338	1	CT10046450-CT10046450
PGD TU SON	VU THI THAO	*****706	1	EB10002687-EB10002687
CN QUANG NINH	VU THI THEM	*****858	7	CT10092667-CT10092673
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THINH	*****317	9	CT10011974-CT10011977; TD10007661-TD10007665
PGD LAN ONG	VU THI THINH	*****702	2	CT10023502-CT10023503
PGD MY DINH	VU THI THINH	*****702	46	DN10085769-DN10085814
CN SAI GON	VU THI THOI	*****020	12	CT10024545-CT10024556
PGD TAN PHAT	VU THI THOM	*****995	1	EB10002011-EB10002011
PGD VINH YEN	VU THI THOM	*****261	1	EB10000213-EB10000213
CN HAI AN	VU THI THU	*****805	1	EB10001033-EB10001033
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THU HA	*****643	13	DN10020314-DN10020326
CN THANH XUAN	VU THI THU HA	*****133	15	CT10001898-CT10001912
CN DAI AN	VU THI THU HA	*****740	1	CT10141198-CT10141198
CN DONG DA	VU THI THU HA	*****818	1	CT10049682-CT10049682
CN HAI PHONG	VU THI THU HAI	*****530	1	CT10102578-CT10102578
PGD TRUNG HOA	VU THI THU HANG	*****418	12	CT10092644-CT10092655
CN SO GIAO DICH	VU THI THU HIEN	*****194	23	CT10061162-CT10061184
CN SO GIAO DICH	VU THI THU HIEN	*****850	2	CT10054554-CT10054555
CN SO GIAO DICH	VU THI THU HONG	*****024	5	CT10066458-CT10066462
PGD LE CHAN	VU THI THU HUONG	*****757	1	EB10000371-EB10000371
CN HAI PHONG	VU THI THU HUONG	*****444	1	CT10127204-CT10127204
CN HAI AN	VU THI THU HUONG	*****655	10	TD10002586-TD10002595
CN LONG BIEN	VU THI THU HUYEN	*****979	20	CT10027211-CT10027230
CN TAN BINH	VU THI THU LAN	*****922	57	CT10097456-CT10097458; DN10051238-DN10051286; TD10010861-TD10010865
PGD TO HIEU	VU THI THU LIEU	*****852	2	CT10033445-CT10033446
PGD NGUYEN CONG TRU	VU THI THU LY	*****051	2	CT10159790-CT10159791
PGD LE QUANG DINH	VU THI THU PHUONG	*****650	33	CT10129931-CT10129963
PGD DAO TAN	VU THI THU QUYNH	*****066	2	CT10052027-CT10052028

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	VU THI THU THAO	*****731	1	CT10047928-CT10047928
CN THANH XUAN	VU THI THU THUY	*****763	3	CT10020428-CT10020430
CN DAK LAK	VU THI THU THUY	*****232	90	DN10035693-DN10035782
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THI THU TRANG	*****908	25	CT10165228-CT10165252
CN DONG DA	VU THI THU TRANG	*****153	1	EB10002791-EB10002791
CN HA DONG	VU THI THUOC	*****728	1	CT10120419-CT10120419
CN HAI DUONG	VU THI THUY	*****201	1	EB10001025-EB10001025
CN LONG BIEN	VU THI THUY	*****599	45	CT10094658-CT10094702
PGD THANH DONG	VU THI THUY	*****254	1	EB10002398-EB10002398
PGD HAM NGHI	VU THI THUY	*****292	2	CT10142729-CT10142730
PGD THANH CONG	VU THI THUY	*****380	11	CT10140742-CT10140752
CN DAK LAK	VU THI THUY	*****493	9	DN10061294-DN10061302
PGD KIM LIEN	VU THI THUY	*****953	1	EB10002146-EB10002146
PGD LE THAI TO	VU THI THUY DUNG	*****203	7	CT10001122-CT10001128
CN HA NOI	VU THI THUY DUNG	*****972	5	CT10112268-CT10112272
HUB PAYROLL MB	VU THI THUY DUONG	*****047	25	CT10145819-CT10145843
CN HAI AN	VU THI THUY DUONG	*****473	1	CT10049229-CT10049229
CN HA NOI	VU THI THUY GIANG	*****056	1	CT10019572-CT10019572
PGD TRAN DUY HUNG	VU THI THUY HA	*****461	26	CT10011237-CT10011262
CN HAI PHONG	VU THI THUY HA	*****137	52	CT10081160-CT10081165; DN10028776-DN10028810; EB10002894-EB10002894; TD10008656-TD10008665
PGD SOC SON	VU THI THUY HANG	*****645	1	EB10002335-EB10002335
CN HAI AN	VU THI TINH	*****503	1	EB10001319-EB10001319
PGD LE THANH TONG	VU THI TO	*****101	2	CT10003820-CT10003821
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU THI TRANG	*****810	25	DN10023785-DN10023809
CN DONG DA	VU THI TRANG	*****014	1	EB10000142-EB10000142
PGD LACH TRAY 1	VU THI TRANG	*****096	1	EB10001409-EB10001409
PGD HAI TAN	VU THI TRANG	*****811	10	CT10123939-CT10123948
CN BAC NINH	VU THI TRANG DUNG	*****287	99	CT10045206-CT10045304
PGD LACH TRAY 2	VU THI TUYET	*****124	5	TD10000696-TD10000700
CN NHA TRANG	VU THI TUYET	*****839	1	EB10001537-EB10001537
PGD TO HIEU	VU THI TUYET	*****942	20	CT10059015-CT10059034
CN DONG DA	VU THI TUYET HUONG	*****388	100	CT10016061-CT10016160

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HAI PHONG	VU THI UT	*****114	5	CT10019368-CT10019372
PGD LACH TRAY 2	VU THI VAN	*****599	7	CT10164422-CT10164428
PGD VAN XUAN	VU THI VAN	*****572	1	CT10159998-CT10159998
PGD THAI THINH	VU THI VAN ANH	*****036	17	CT10054630-CT10054646
PGD NGOC HOI	VU THI VAN ANH	*****130	1	CT10118032-CT10118032
CN LANG HA	VU THI VAN ANH	*****168	29	CT10070594-CT10070612; TD10006916-TD10006925
CN BAC NINH	VU THI VAN ANH	*****297	50	CT10047494-CT10047543
CN SO GIAO DICH	VU THI VAN ANH	*****446	1	CT10097352-CT10097352
PGD LACH TRAY 1	VU THI VOI	*****084	5	TD10003721-TD10003725
CN CAU GIAY	VU THI YEN	*****133	22	CT10021469-CT10021490
CN HAI DUONG	VU THI YEN	*****836	6	DN10079427-DN10079432
CN THAI NGUYEN	VU THI YEN	*****252	2	CT10091952-CT10091953
CN TAN PHU	VU THI YEN	*****523	5	CT10050286-CT10050290
CN DAK LAK	VU THI YEN	*****572	1	EB10002917-EB10002917
PGD HO DAC DI	VU THOAI	*****540	78	CT10104307-CT10104384
CN NHA TRANG	VU THU HANH	*****697	1	CT10147658-CT10147658
CN DAI AN	VU THU HONG	*****633	27	CT10165261-CT10165287
TT KHCC MIEN BAC 1	VU THU HUYEN	*****268	13	CT10053093-CT10053105
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU THU PHUONG	*****055	13	CT10027389-CT10027401
PGD VINH HOANG	VU THU PHUONG	*****055	1	EB10000005-EB10000005
PGD HO TUNG MAU	VU THU PHUONG	*****210	27	CT10136694-CT10136720
CN SO GIAO DICH	VU THU THUY	*****030	1	CT10073304-CT10073304
PGD TRUNG HOA	VU THU TRANG	*****304	19	CT10057038-CT10057056
CN DAI AN	VU THU TRANG	*****313	1	CT10123140-CT10123140
CN THANH XUAN	VU THUONG HUYEN	*****218	11	CT10050156-CT10050166
PGD LACH TRAY 2	VU THUY DINH	*****963	1	EB10002858-EB10002858
PGD TRAN PHU	VU THUY DUNG	*****558	1	EB10001223-EB10001223
CN LANG HA	VU THUY HONG	*****681	2	CT10128837-CT10128838
CN BINH DINH	VU THUY HUONG KHUE	*****289	2	CT10102226-CT10102227
CN DAI AN	VU THUY LINH	*****793	3	CT10100854-CT10100856
PGD KHAM THIEN	VU THUY NGA	*****908	3	CT10034945-CT10034947
PGD THANH CONG	VU THUY PHUONG	*****394	6	CT10114453-CT10114458
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU TIEN DAT	*****362	50	CT10036701-CT10036750
CN LANG HA	VU TIEN DAT	*****351	7	CT10092855-CT10092861

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
HUB THE CHAP MB 1	VU TIEN DOAN	*****166	83	DN10007430-DN10007512
HUB PAYROLL MB	VU TIEN DUNG	*****486	19	CT10060910-CT10060928
CN THAI NGUYEN	VU TIEN DUNG	*****585	10	CT10151116-CT10151125
CN HA DONG	VU TIEN DUNG	*****795	16	CT10114190-CT10114205
CN SO GIAO DICH	VU TIEN DUNG	*****761	5	CT10039915-CT10039919
CN THAI NGUYEN	VU TIEN DUY	*****453	1	CT10000115-CT10000115
PGD TRAN DUY HUNG	VU TIEN DUY	*****690	7	CT10121331-CT10121337
PGD BA TRIEU	VU TIEN HUNG	*****254	12	CT10127454-CT10127465
PGD KIM THANH	VU TIEN HUY	*****430	1	EB10001876-EB10001876
PGD DAO TAN	VU TIEN KHUE	*****388	5	TD10004526-TD10004530
CN HA NOI	VU TIEN MANH	*****137	1	EB10002758-EB10002758
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU TIEN MANH	*****835	26	CT10129543-CT10129568
CN SO GIAO DICH	VU TIEN VAN	*****062	35	CT10166439-CT10166473
CN DAI AN	VU TIEU NGOC	*****028	1	CT10144324-CT10144324
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU TRA MY	*****276	25	CT10068539-CT10068563
CN THAI NGUYEN	VU TRAN HOANG TUNG	*****416	5	TD10000336-TD10000340
CN NHA TRANG	VU TRAN NGOC HUYEN	*****548	1	EB10001154-EB10001154
CN NHA TRANG	VU TRONG CUONG	*****334	1	EB10002154-EB10002154
TT KH CC MIEN BAC 2	VU TRONG DAO	*****369	4	CT10084761-CT10084764
PGD BA RIA	VU TRONG HAI	*****566	12	CT10048429-CT10048440
CN HAI PHONG	VU TRONG HIEU	*****463	3	CT10031007-CT10031009
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU TRONG HIEU	*****960	25	CT10016321-CT10016345
PGD LE HONG PHONG	VU TRONG HUNG	*****376	30	DN10105882-DN10105911
CN CAU GIAY	VU TRONG NGHIA	*****822	24	CT10105804-CT10105827
PGD LE THANH TONG	VU TRONG NGHIEM	*****774	1	EB10001218-EB10001218
CN DAI AN	VU TRONG TAN	*****996	7	CT10065617-CT10065623
PGD TO HIEU	VU TRONG THANG	*****372	92	CT10040998-CT10041009; DN10067424-DN10067493; TD10001251-TD10001260
PGD DAI TU	VU TRUNG ANH	*****419	1	EB10001006-EB10001006

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
SEABANK LE DUAN	VU TRUNG HIEU	*****506	22	CT10119596-CT10119617
HUB THE VA TIN CHAP MN	VU TRUNG HIEU	*****682	3	CT10034625-CT10034627
CN HA NOI	VU TRUNG KIEN	*****087	1	EB10000350-EB10000350
PGD HAM NGHI	VU TRUNG KIEN	*****271	12	CT10070827-CT10070838
HUB PAYROLL MB	VU TRUNG KIEN	*****520	1	CT10086175-CT10086175
PGD LE CHAN	VU TRUNG THIEN	*****559	1	CT10086252-CT10086252
PGD SAI DONG	VU TRUNG TOAN	*****011	28	CT10018142-CT10018169
PGD SAI DONG	VU TRUONG	*****210	5	CT10060213-CT10060217
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU TRUONG DINH	*****038	20	CT10068840-CT10068859
CN THANH XUAN	VU TRUONG GIANG	*****940	56	CT10130140-CT10130195
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU TRUONG GIANG	*****616	20	CT10072256-CT10072275
CN SO GIAO DICH	VU TRUONG QUOC ANH	*****224	15	CT10131047-CT10131061
SEABANK LE DUAN	VU TRUONG SON	*****500	90	DN10027698-DN10027787
PGD TAY HO	VU TRUONG XUAN	*****451	9	CT10139454-CT10139462
CN HAI AN	VU TUAN ANH	*****349	16	CT10141610-CT10141620; TD10010091-TD10010095
CN SO GIAO DICH	VU TUAN ANH	*****094	1	CT10051852-CT10051852
PGD TAY HO	VU TUAN ANH	*****369	5	CT10013417-CT10013421
PGD LAN ONG	VU TUAN ANH	*****760	57	CT10006876-CT10006932
PGD LE CHAN	VU TUAN ANH	*****902	15	CT10077383-CT10077397
PGD TRAN DUY HUNG	VU TUAN ANH	*****827	20	CT10157165-CT10157184
PGD NGOC LAM	VU TUAN DAO	*****511	45	DN10061307-DN10061351
TT KHCC MIEN BAC 1	VU TUAN HAI	*****031	5	TD10010051-TD10010055
TT KHCC MIEN BAC 1	VU TUAN KHANH	*****032	13	CT10005063-CT10005075
CN HA DONG	VU TUAN PHONG	*****963	24	CT10088046-CT10088069
TT KHCC MIEN BAC 1	VU TUAN TRUNG	*****109	14	CT10129715-CT10129728
CN HAI AN	VU TUAN TRUNG	*****671	4	CT10104026-CT10104029
PGD SAO MAI	VU TUAN XO	*****092	2	CT10003358-CT10003359
PGD TAY HO	VU TUNG LAM	*****241	75	CT10058213-CT10058287
CN HAI PHONG	VU TUYET MAI	*****804	1	CT10149456-CT10149456

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN NHA TRANG	VU VAN ANH	*****154	1	EB10001960-EB10001960
PGD SAI DONG	VU VAN BA	*****101	2	CT10110257-CT10110257; EB10001007-EB10001007
PGD HA LONG	VU VAN BINH	*****448	11	DN10081034-DN10081044
PGD TU SON	VU VAN CAM	*****130	2	CT10157899-CT10157900
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN CHAU	*****972	24	CT10163082-CT10163105
PGD LACH TRAY 2	VU VAN CHEP	*****157	1	EB10002673-EB10002673
CN THANH HOA	VU VAN CHIEN	*****353	11	DN10063286-DN10063295; EB10001426-EB10001426
HUB THE CHAP MB 1	VU VAN CHIEN	*****519	43	DN10002249-DN10002291
CN HAI PHONG	VU VAN CHIEN	*****461	1	CT10062371-CT10062371
PGD VAN QUAN	VU VAN CHUONG	*****060	1	EB10000217-EB10000217
PGD BACH MAI	VU VAN CHUONG	*****304	14	CT10086256-CT10086264; TD10009021-TD10009025
CN BAC NINH	VU VAN CU	*****399	1	EB10001275-EB10001275
CN LONG BIEN	VU VAN CUONG	*****186	2	CT10112496-CT10112497
HUB PAYROLL MB	VU VAN CUONG	*****184	24	CT10034343-CT10034366
PGD XUAN LA	VU VAN DAI	*****607	15	DN10078873-DN10078887
PGD TON DAN	VU VAN DAT	*****151	1	CT10071291-CT10071291
CN LONG BIEN	VU VAN DAU	*****924	15	CT10149960-CT10149974
PGD HOA BINH	VU VAN DONG	*****329	123	CT10155136-CT10155142; DN10101159-DN10101268; EB10001158-EB10001158; TD10003076-TD10003080
CN THANH HOA	VU VAN DUC	*****306	31	DN10099037-DN10099067
CN DAK LAK	VU VAN DUC	*****644	5	TD10005901-TD10005905
CN CAU GIAY	VU VAN DUC	*****923	50	CT10137377-CT10137426
TT KH CC MIEN BAC 2	VU VAN DUNG	*****108	3	CT10089239-CT10089241
PGD LE LOI	VU VAN DUNG	*****095	3	CT10130667-CT10130669
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN DUONG	*****313	25	CT10054562-CT10054586
PGD TON DAN	VU VAN DUONG	*****784	160	DN10109885-DN10110044
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN DUY	*****330	24	CT10057794-CT10057817
CN DAI AN	VU VAN DUY	*****487	9	CT10020263-CT10020271
CN HAI AN	VU VAN HAI	*****935	10	TD10005076-TD10005085
CN LANG HA	VU VAN HAN	*****495	21	CT10067198-CT10067218

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD TRAN KHAT CHAN	VU VAN HAO	*****741	9	CT10033038-CT10033046
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN HAU	*****124	24	CT10022463-CT10022486
CN HAI DUONG	VU VAN HIEN	*****338	85	DN10036310-DN10036389; TD10009241-TD10009245
CN HAI AN	VU VAN HIEP	*****593	2	CT10091165-CT10091166
PGD GIA LAM	VU VAN HOA	*****202	3	CT10048536-CT10048538
TT KH CC MIEN BAC 2	VU VAN HOAN	*****752	15	CT10155923-CT10155937
TT KHCC MIEN BAC 1	VU VAN HOANG	*****593	1	CT10118663-CT10118663
CN HAI PHONG	VU VAN HOANG	*****435	1	CT10106845-CT10106845
CN DA NANG	VU VAN HOANG	*****757	10	CT10020567-CT10020576
CN HAI AN	VU VAN HOP	*****111	14	CT10045779-CT10045787; TD10002206-TD10002210
PGD NGOC HOI	VU VAN HUAN	*****676	68	CT10114692-CT10114697; DN10099638-DN10099689; TD10002901-TD10002910
CN HAI PHONG	VU VAN HUNG	*****443	8	DN10051037-DN10051044
CN THANH HOA	VU VAN HUNG	*****822	15	DN10061982-DN10061996
PGD NGUYEN NGOC NAI	VU VAN KHANH	*****983	19	CT10023271-CT10023289
TT KHCC MIEN BAC 1	VU VAN KHIEM	*****889	47	CT10000930-CT10000976
PGD VAN XUAN	VU VAN KHUONG	*****039	25	CT10051877-CT10051901
PGD DI AN	VU VAN KHUONG	*****279	1	EB10003330-EB10003330
CN HAI PHONG	VU VAN KIEU	*****756	1	EB10000164-EB10000164
CN HAI PHONG	VU VAN LIEU	*****826	7	CT10027824-CT10027830
CN QUANG NGAI	VU VAN LUAN	*****374	1	CT10118312-CT10118312
PGD GIA LOC	VU VAN LUYEN	*****108	1	EB10002818-EB10002818
PGD NGUYEN HUU HUAN	VU VAN NGHIA	*****148	3	CT10068930-CT10068932
CN HAI PHONG	VU VAN NGOC	*****957	10	CT10031632-CT10031641
CN BINH DINH	VU VAN NHAN	*****983	1	EB10003315-EB10003315
PGD KIM VAN	VU VAN PHE	*****306	1	EB10001194-EB10001194
PGD TAY HO	VU VAN QUAN	*****179	1	EB10000208-EB10000208
CN THANH XUAN	VU VAN QUANG	*****762	5	TD10004461-TD10004465
CN QUANG NINH	VU VAN QUANG	*****821	7	CT10124626-CT10124632
CN HAI PHONG	VU VAN QUE	*****995	8	CT10092587-CT10092594

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN TP. HO CHI MINH	VU VAN QUYET	*****772	1	EB10003252-EB10003252
CN HAI PHONG	VU VAN QUYNH	*****019	8	CT10124058-CT10124065
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN SAU	*****716	14	DN10096025-DN10096038
CN DAI AN	VU VAN SON	*****047	2	CT10058066-CT10058067
HUB PAYROLL MB	VU VAN TAN	*****417	24	CT10031965-CT10031988
PGD TON DAN	VU VAN TAN	*****080	172	CT10142733-CT10142744; DN10044473-DN10044622; TD10010036-TD10010045
PGD NGUYEN AN NINH	VU VAN TAN	*****942	20	CT10056924-CT10056943
CN HAI PHONG	VU VAN THANG	*****142	58	CT10041795-CT10041852
CN DAI AN	VU VAN THANG	*****049	2	CT10066464-CT10066465
CN HAI AN	VU VAN THANH	*****180	1	CT10085311-CT10085311
CN HAI AN	VU VAN THANH	*****593	1	EB10003209-EB10003209
PGD NGUYEN T.MINH KHAI	VU VAN THAO	*****964	12	CT10120968-CT10120979
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN THINH	*****983	10	CT10008773-CT10008782
CN HA DONG	VU VAN THUAT	*****385	9	CT10042446-CT10042454
PGD MY CA	VU VAN TIEN	*****130	1	EB10001295-EB10001295
CN HAI PHONG	VU VAN TRONG	*****657	25	CT10033406-CT10033430
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN TRONG	*****323	25	CT10055986-CT10056010
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN TRONG	*****729	24	CT10029453-CT10029476
CN HAI AN	VU VAN TRUNG	*****042	1	CT10148818-CT10148818
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN TRUNG	*****619	25	CT10144371-CT10144395
PGD TRAN PHU	VU VAN TRUOC	*****209	9	CT10049935-CT10049943
CN DAI AN	VU VAN TU	*****725	3	CT10056726-CT10056728
PGD NGOC HOI	VU VAN TUONG	*****411	35	DN10109558-DN10109582; TD10008081-TD10008090
CN HAI PHONG	VU VAN TUYEN	*****086	20	CT10067041-CT10067060
CN HAI AN	VU VAN VAN	*****877	17	CT10106488-CT10106504
PGD KIM THANH	VU VAN VANG	*****851	30	DN10103449-DN10103478
PGD VAN QUAN	VU VAN VIET	*****577	32	CT10161124-CT10161155
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VAN VINH	*****529	24	CT10072807-CT10072830

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN HA DONG	VU VAN VUI	*****109	20	CT10151612-CT10151631
CN HAI PHONG	VU VAN VUONG	*****031	32	CT10089448-CT10089469; TD10009661-TD10009670
PGD KIM VAN	VU VAN VUONG	*****820	30	CT10017662-CT10017691
PGD SAO DO	VU VIET ANH	*****081	10	TD10003426-TD10003435
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU VIET BAC	*****757	1	CT10076638-CT10076638
CN THANH XUAN	VU VIET DOC	*****354	5	CT10078354-CT10078358
CN VINH PHUC	VU VIET DUNG	*****546	2	CT10117764-CT10117765
PGD BA TRIEU	VU VIET HA	*****466	10	CT10154242-CT10154251
CN HA NOI	VU VIET HAI	*****844	1	CT10148570-CT10148570
TT KHCC MIEN BAC 1	VU VIET HIEN	*****684	29	CT10159180-CT10159203; TD10004901-TD10004905
CN HA NOI	VU VIET LONG	*****814	10	CT10120353-CT10120362
PGD THANH CONG	VU VIET PHUONG	*****159	24	CT10000497-CT10000520
CN LONG BIEN	VU VIET PHUONG	*****089	3	CT10089256-CT10089258
CN LANG HA	VU VIET SINH	*****835	4	CT10117050-CT10117053
CN VUNG TAU	VU VIET THANH	*****970	9	CT10080350-CT10080353; TD10008056-TD10008060
HUB THE CHAP MB 1	VU VIET TIEN	*****483	1	CT10076458-CT10076458
CN HAI AN	VU XUAN HAU	*****070	7	CT10101839-CT10101845
CN VINH PHUC	VU XUAN NGOI	*****629	1	EB10000003-EB10000003
PGD LE CHAN	VU XUAN NHAN	*****065	56	CT10082734-CT10082738; DN10030917-DN10030967
PGD NGOC LAM	VU XUAN PHONG	*****286	36	CT10156944-CT10156947; DN10084334-DN10084360; TD10003976-TD10003980
CN HA NOI	VU XUAN PHUC	*****986	3	CT10135385-CT10135387
PGD THANH CONG	VU XUAN PHUONG	*****124	35	CT10082859-CT10082893
PGD VAN QUAN	VU XUAN TAN	*****878	1	CT10140223-CT10140223
PGD NGUYEN CONG TRU	VU XUAN TRACH	*****096	1	CT10059633-CT10059633
PGD KIM VAN	VU XUAN TRUNG	*****120	7	CT10096165-CT10096171
HUB THE VA TIN CHAP MB	VU XUAN TRUONG	*****203	5	CT10153573-CT10153577
PGD DAO TAN	VU YEN CHI	*****587	2	CT10117577-CT10117578
SEABANK LE DUAN	VUONG ANH KHOA	*****609	31	CT10067663-CT10067668; DN10001675-DN10001699
HUB PAYROLL MB	VUONG ANH TUAN	*****921	15	CT10072445-CT10072459

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD SAO DO	VUONG CONG BINH	*****256	2	CT10084343-CT10084344
PGD GIA LOC	VUONG DINH KHOAN	*****517	2	CT10156918-CT10156919
PGD YEN PHU	VUONG HOAI LAN PHUONG	*****155	2	CT10128109-CT10128110
CN THANH XUAN	VUONG HOANG THUY OANH	*****002	7	CT10164200-CT10164206
CN HAI AN	VUONG HONG SON	*****890	4	CT10102228-CT10102231
CN BINH DUONG	VUONG HONG VAN	*****111	1	CT10123117-CT10123117
TT KHCC MIEN BAC 1	VUONG KHA QUYNH	*****014	4	CT10018362-CT10018365
CN CAN THO	VUONG LE MINH	*****386	8	CT10016305-CT10016312
CN LONG BIEN	VUONG MANH HUNG	*****914	24	DN10070271-DN10070288; EB10001656-EB10001656; TD10001706-TD10001710
CN SO GIAO DICH	VUONG MY ANH	*****638	5	TD10011296-TD10011300
CN HA DONG	VUONG NGOC DAT	*****916	6	CT10084747-CT10084751; EB10002953-EB10002953
PGD VAN XUAN	VUONG NGOC NAM	*****077	10	CT10011964-CT10011973
PGD HANG KENH	VUONG NGOC SON	*****371	1	CT10014346-CT10014346
PGD LENIN	VUONG NU QUYNH ANH	*****453	1	CT10086461-CT10086461
CN CA MAU	VUONG PHUOC HUNG	*****085	8	DN10079940-DN10079947
PGD HAM NGHI	VUONG PHUONG HA	*****237	7	CT10038592-CT10038598
CN BINH DUONG	VUONG PHUONG LOC	*****109	42	DN10032253-DN10032283; EB10002990-EB10002990; TD10009041-TD10009050
CN HA DONG	VUONG QUANG THI	*****111	10	TD10006261-TD10006270
CN PHU MY HUNG	VUONG QUOC DUNG	*****098	3	CT10051749-CT10051751
CN THAI NGUYEN	VUONG QUOC VIET	*****906	1	EB10000550-EB10000550
PGD DAO TAN	VUONG THANH HA	*****054	3	CT10000073-CT10000075
HUB THE VA TIN CHAP MN	VUONG THE VINH	*****285	4	CT10016346-CT10016349
CN LANG HA	VUONG THI HAI DUONG	*****179	7	CT10110812-CT10110818
CN HUE	VUONG THI HOANG VI	*****495	9	CT10010708-CT10010716
PGD NGUYEN SY SACH	VUONG THI HOI	*****544	1	EB10001661-EB10001661
HUB THE VA TIN CHAP MB	VUONG THI HONG NHUNG	*****806	24	CT10014786-CT10014809
CN LANG HA	VUONG THI HUONG	*****243	1	CT10163672-CT10163672

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD HANG KENH	VUONG THI HUYEN	*****376	5	CT10140094-CT10140098
CN HUE	VUONG THI KIM PHUONG	*****013	2	CT10118645-CT10118646
PGD LE VAN SY	VUONG THI LAN	*****806	164	CT10060086-CT10060159; DN10088034-DN10088113; TD10004421-TD10004430
PGD GIA LOC	VUONG THI MY	*****391	1	CT10029975-CT10029975
PGD SOC SON	VUONG THI NGUYEN	*****093	1	EB10002875-EB10002875
TT KH CC MIEN BAC 2	VUONG THI QUYNH ANH	*****949	7	CT10053248-CT10053254
PGD HAI TAN	VUONG THI QUYNH HUONG	*****268	1	CT10157871-CT10157871
CN HAI DUONG	VUONG THI THOAN	*****625	15	CT10004150-CT10004164
PGD VINH HOANG	VUONG THI THUY HANG	*****121	1	CT10010048-CT10010048
PGD NGOC LAM	VUONG THI VAN ANH	*****130	14	CT10120197-CT10120205; TD10003651-TD10003655
TT KHCC MIEN BAC 1	VUONG THUA PHONG	*****232	2	CT10028404-CT10028405
CN DONG DA	VUONG THUY LINH	*****839	24	CT10139252-CT10139275
CN SO GIAO DICH	VUONG TOAN DUNG	*****364	10	CT10028971-CT10028975; TD10010281-TD10010285
CN DONG DA	VUONG TRAN VU	*****486	40	CT10102626-CT10102665
HUB THE VA TIN CHAP MB	VUONG TRI DUNG	*****349	3	CT10037050-CT10037052
CN CA MAU	VUONG TRINH PHU QUI	*****460	1	CT10033469-CT10033469
CN HA DONG	VUONG TRUNG HIEU	*****669	1	EB10001579-EB10001579
PGD NGUYEN THAI SON	VUONG TUAN KIET	*****706	5	CT10003643-CT10003647
PGD SOC SON	VUONG VAN BUT	*****551	5	CT10074798-CT10074802
TT KHCC MIEN BAC 1	VUONG VAN DIEM	*****598	8	CT10065627-CT10065634
PGD LANG THUONG	VUONG XUAN NAM	*****175	1	EB10000204-EB10000204
PGD PHU LAM	VY GIA LE	*****769	1	CT10121965-CT10121965
CN DAI AN	VY THI HUONG	*****419	1	EB10003180-EB10003180
HUB THE VA TIN CHAP MB	VY TRONG QUANG	*****731	24	CT10139180-CT10139203

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DA NANG	WARWICK STEPHEN THOMAS	*****571	3	CT10121668-CT10121670
CN SAI GON	WONG LENH SENH	*****572	1	EB10000530-EB10000530
PGD TRAN PHU	XA THI MINH HOA	*****096	2	CT10046807-CT10046808
PGD TU SON	XA VAN TOAN	*****831	1	EB10000886-EB10000886
PGD QUANG PHU	Y BHIO AYUN	*****618	8	DN10051891-DN10051898
PGD BUON DON	Y BLIM BKRONG	*****561	26	DN10004982-DN10005007
CN DAK LAK	Y BLUT AYUN	*****234	25	DN10077429-DN10077453
PGD QUANG PHU	Y BOM NIE	*****541	22	DN10039704-DN10039725
PGD BUON DON	Y BRIAO EBAN	*****346	7	DN10083732-DN10083738
PGD Krong Nang	Y BUAN NIE	*****967	10	DN10031284-DN10031293
PGD QUANG PHU	Y BUK HDOK	*****914	16	DN10001636-DN10001651
PGD QUANG PHU	Y DAC NIE	*****229	11	DN10006597-DN10006607
PGD QUANG PHU	Y DANG NIE	*****164	42	DN10067382-DN10067423
PGD BUON DON	Y DHIEM NIE	*****239	37	DN10069465-DN10069501
PGD Krong Nang	Y GRAK KBUOR	*****757	35	DN10073963-DN10073997
PGD QUANG PHU	Y GUEN BYA	*****587	20	DN10109052-DN10109071
CN DAK LAK	Y HA	*****381	25	DN10033856-DN10033880
CN DAK LAK	Y HIEN BYA	*****999	13	DN10108976-DN10108988
PGD QUANG PHU	Y HOAL RCAM	*****817	15	DN10039154-DN10039168
CN DAK LAK	Y JU KSIU	*****286	16	DN10091952-DN10091967
CN DAK LAK	Y KEK BYA	*****243	10	DN10023571-DN10023580
PGD QUANG PHU	Y KEM NIE	*****271	80	DN10110220-DN10110299
PGD BUON DON	Y KHAI HMOK	*****671	25	DN10105663-DN10105687
CN DAK LAK	Y MUM	*****144	10	DN10061352-DN10061361
CN DAK LAK	Y NAO MLO	*****147	40	DN10001402-DN10001441
CN DAK LAK	Y NEN BYA	*****169	16	DN10073815-DN10073830
PGD QUANG PHU	Y NGIM AYUN	*****216	27	DN10039985-DN10040011
CN DAK LAK	Y NOEL MLO	*****386	20	DN10082033-DN10082052
CN DAK LAK	Y PHONG	*****506	12	DN10078359-DN10078370
CN DAK LAK	Y PHONG EUNG	*****682	21	DN10002620-DN10002640
PGD QUANG PHU	Y POL EBAN	*****307	13	DN10106149-DN10106161
CN DAK LAK	Y RENH MLO	*****453	20	DN10033980-DN10033999
PGD QUANG PHU	Y RO BIN NIE	*****719	27	DN10081004-DN10081030
CN DAK LAK	Y ROM NIE	*****878	25	DN10066858-DN10066882
PGD QUANG PHU	Y SANG RCAM	*****462	9	DN10101455-DN10101463
PGD QUANG PHU	Y SE NIE	*****398	1	EB10001928-EB10001928
CN DAK LAK	Y SREM	*****703	19	DN10084836-DN10084854
PGD QUANG PHU	Y SUAI MLO	*****806	5	DN10009033-DN10009037
PGD QUANG PHU	Y SUAN EBAN	*****241	36	DN10036420-DN10036455

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
CN DAK LAK	Y SUYEN NIE	*****004	11	DN10049177-DN10049187
CN DAK LAK	Y TAM BYA	*****041	15	DN10099304-DN10099318
PGD BUON DON	Y THAO AYUN	*****147	48	DN10079050-DN10079097
PGD QUANG PHU	Y THEM MLO	*****448	15	DN10026879-DN10026893
PGD QUANG PHU	Y THEN AYUN	*****394	6	DN10060711-DN10060716
PGD QUANG PHU	Y THIC EBAN	*****412	42	DN10050631-DN10050672
PGD Krong Nang	Y THIM MLO	*****894	10	DN10047218-DN10047227
CN DAK LAK	Y THOEN	*****169	10	DN10069455-DN10069464
CN DAK LAK	Y THOI KCAM	*****675	14	DN10040373-DN10040386
PGD Krong Nang	Y THUK BYA	*****346	16	DN10083943-DN10083958
CN DAK LAK	Y THUON NIE	*****702	15	DN10101144-DN10101158
CN DAK LAK	Y TOAN KMAN	*****917	10	DN10044463-DN10044472
PGD QUANG PHU	Y TRI EBAN	*****493	11	DN10092740-DN10092750
CN DAK LAK	Y TU BUON Krong	*****115	12	DN10051879-DN10051890
PGD QUANG PHU	Y UONG EBAN	*****586	25	DN10064270-DN10064294
PGD QUANG PHU	Y WIEN NIE	*****086	40	DN10062324-DN10062363
PGD BUON DON	Y WIN HWING	*****034	35	DN10092757-DN10092791
PGD QUANG PHU	Y YAI AYUN	*****387	10	DN10042066-DN10042075
CN DA NANG	YASUHIRO KOZAI	*****447	11	CT10003298-CT10003298; TD10006461-TD10006470
CN DONG NAI	YEN HSIU PING	*****315	1	EB10000491-EB10000491
CN LANG HA	YEN QUOC CUONG	*****061	10	CT10161627-CT10161636
CN TP. HO CHI MINH	ZHENG SHIXIN	*****210	8	CT10094235-CT10094242
PGD THAI THINH	BUI QUANG THAI	*****134	23	CT10108480-CT10108502
HUB THE VA TIN CHAP MB	DO HUNG HUNG	*****523	7	CT10087091-CT10087097
PGD THAI THINH	LAI NGOC LINH	*****788	1	CT10043527-CT10043527
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HA TRANG	*****373	13	CT10148307-CT10148319
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN HUU THANH	*****240	1	CT10105668-CT10105668
PGD THAI THINH	NGUYEN THI BICH NGOC	*****559	2	CT10114865-CT10114866
HUB THE VA TIN CHAP MB	NGUYEN THI MINH HIEN	*****101	4	CT10079031-CT10079034
PGD THAI THINH	PHAM DUC THANH	*****061	27	CT10121984-CT10122010
PGD PHU LAM	PHAM TRUNG DUNG	*****958	4	CT10094706-CT10094709
PGD THAI THINH	PHAM VAN TU	*****552	22	CT10127053-CT10127074
PGD THAI THINH	TO THI HONG THAI	*****064	2	CT10075009-CT10075010

Điểm giao dịch	Họ tên khách hàng	Số giấy tờ tùy thân	Số lượng MSSM	MSMM_LIST
PGD THAI THINH	TRAN NGOC TUAN	*****082	14	CT10140724-CT10140737
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN QUANG LONG	*****829	1	CT10124038-CT10124038
HUB THE VA TIN CHAP MB	TRAN VAN TIEN	*****000	3	CT10025446-CT10025448